

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 32/2

PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO
TUỆ QUANG

TẬP 32/2 - No. 1644 - 1648

SỐ 1644

LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

(*Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới*)

QUYỂN 7

*Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 21: THỤ SINH

Người tạo 10 nghiệp ác cực trọng sẽ sinh vào địa ngục lớn A-tì. Nếu tạo tội ác nhẹ hơn thì sinh vào các địa ngục nhẹ hơn. Nếu lại tạo tội nhẹ hơn nữa thì sinh vào 8 địa ngục nhẹ Diêm-la. Nếu nhẹ nữa thì sinh vào đường cầm thú. Nhẹ hơn nữa thì sinh vào đường ngựa quý. Nếu tạo nghiệp nhẹ nhất trong 10 nghiệp thiện thì sinh vào nhà bần cùng ở cõi Diêm-phù-đề. Hoặc sinh nơi gia đình làm nghề dọn phân, hoặc sinh nơi gia đình làm nghề giết mổ, hoặc sinh vào gia đình âm nhạc, hoặc sinh vào gia đình làm công kỹ nghệ, hoặc sinh gia đình quân nhân.

Nếu tạo nghiệp tốt hơn nữa thì sinh vào gia đình trưởng giả. Lại nếu tốt hơn nữa thì sinh vào gia đình Bà-la-môn. Tốt hơn nữa thì sinh vào nhà Sát-đế-lợi. Tốt hơn nữa thì sinh vào xứ Tây Cù-da-ni. Tốt hơn nữa thì sinh ở Đông Phát-bà-đề. Tốt hơn nữa thì sinh ở Bắc Uất-đan-việt. Tốt hơn nữa thì sinh về cõi Tứ Thiên Vương.

Tốt hơn nữa thì sinh về Đạo-lợi Thiên. Tốt hơn nữa thì sinh Dạ-ma Thiên. Tốt hơn nữa thì sinh Đâu-suất-đà Thiên. Tốt hơn nữa thì sinh Hóa Lạc Thiên. Nếu tạo tốt nhất 10 nghiệp thiện thì sinh Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Nếu người phàm phu tu tập 4 thứ thiên định, mỗi thứ có 3 phẩm là hạ, trung và thượng, khi người này có nhân là hạ phẩm của Sơ thiên thì tương ứng với nghiệp sinh Phạm Thiên Hành Thiên. Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của trời, được ở cõi trời, đồng loại với chư thiên. Khi đã sinh về nơi kia, thụ nghiệp quả báo có 2 loại niềm vui. Một là không có cái vui cưỡng ép. Hai là thụ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Nhân là trung phẩm của Sơ thiên tương ứng với nghiệp vào Phạm Chúng Thiên. Nghiệp nhân là thượng phẩm cũng sinh cõi trời này. Do nghiệp này được vào thiên đạo, được thọ mạng, được ở, được đồng loại với chư thiên. Khi đã sinh nơi kia thì thụ nghiệp quả báo có 2 loại niềm vui. Một là không có cái vui cưỡng ép. Hai là thụ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Nhân là hạ phẩm của Nhị thiên tương ứng với nghiệp sinh về Thiểu Quang Thiên.

Nhân là trung phẩm của Nhị thiên tương ứng với nghiệp sinh về Vô Lượng Quang Thiên.

Nhân là thượng phẩm của Nhị thiên tương ứng với nghiệp sinh về Thắng Biến Quang Thiên. Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp có 2 niềm vui: Một là không có cái vui cưỡng ép. Hai là thụ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Nhân là hạ phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Thiểu Tịnh Thiên.

Nhân là trung phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Vô Lượng Tịnh Thiên.

Nhân là thượng phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Biến Tịnh Thiên. Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp có 2 niềm vui: Một là không có cái vui cưỡng ép. Hai là thụ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Nhân là hạ phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Vô Vân Thiên.

Nhân là trung phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Thụ Phúc Thiên.

Nhân là thượng phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp sinh vào Quảng Quả Thiên.

Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp có 2 niềm vui: Một là không có cái vui cưỡng ép. Hai là thụ nhận niềm vui. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Phàm phu tùy theo các nghiệp khác mà thụ sinh các xứ khác.

Phàm phu tu tập 4 Vô Lượng tâm, mỗi tâm đều có 3 phẩm là hạ, trung, thượng.

Từ vô lượng là như vậy mà tu tập, như vậy thường hành 4 thứ thiên định.

Hỷ vô lượng là như vậy mà tu tập, như vậy thường hành như ở Sơ thiên và Nhị thiên.

Bi vô lượng là như vậy mà tu tập, như vậy thường hành như đệ Tứ thiên.

Xả vô lượng là như mà vậy tu tập, như vậy thường hành như đệ Tam thiên và đệ Tứ thiên.

Phàm phu tu tập bất tịnh quán, mỗi thứ đều có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Không ghét trái với quán bất tịnh, như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 loại thiên định. Có ghét trái với quán bất tịnh, như vậy tu tập, như vậy thường hành như ở 4 thiên định.

Phàm phu tu tập nhớ nghĩ đến A-na-ba-na, mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Như vậy tu tập, như vậy thường hành 3 loại thiên định ở trước.

Phàm phu tu tập 5 Hữu tướng, mỗi loại có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Những gì là 5?

1. Tướng bất tịnh. 2. Tướng tội lỗi. 3. Tướng khi chết bị đọa. 4. Tướng việc chán ăn. 5. Tướng tất cả thế gian không an ổn.

Tướng đến không ghét trái bất tịnh là như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 loại thiên định.

Tướng có ghét trái bất tịnh và sau 4 tướng, như vậy tu tập, như vậy thường hành như ở đệ Tứ thiên.

Phàm phu tu tập 8 loại biến nhập, mỗi loại có 3 phẩm là hạ, trung và thượng.

Những gì là 8?

1. Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc ít. Cái ít này hoặc diêu hoặc thô. Ta khắp các tướng này được biết, được thấy mà có tướng như vậy.

2. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc vô lượng, hoặc diêu hoặc thô. Ta khắp các tướng này có thể biết, có thể thấy mà tướng như vậy.

3. Nội vô sắc tướng, quán ngoại sắc ít như trước.

4. Nội vô sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng như trước.

5, 6, 7, 8 cũng đều nội vô sắc tướng quán 4 sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng. Ta khắp các tướng này có thể biết, có thể thấy mà tướng như vậy.

Trong 8 loại tướng này thì thứ nhất và thứ hai như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 Thiên định. Sáu tướng sau, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Phàm phu tu tập tất cả 10 Nhất thiết nhập, mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ, trung, thượng. Tám Nhất thiết nhập thì như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên. Hai Nhất thiết nhập sau thì như vậy tu tập, như vậy thường hành như ở tự địa.

Không Nhất thiết nhập là như Không vô biên nhập.

Thức Nhất thiết nhập là như Thức vô biên nhập.

Phàm phu tu tập 4 Vô sắc Tam-ma-bạt-đề, mỗi thứ có 3 phẩm là hạ, trung, thượng.

Người do hạ phẩm Không xứ, tương ưng nghiệp sinh vào Không Vô Biên Nhập Thiên. Do trung phẩm Không vô biên nhập, tương ưng nghiệp cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Không vô biên nhập, tương ưng nghiệp nên cũng sinh vào trời này.

Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp có cái vui không cưỡng ép, không có thụ lạc. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Do hạ phẩm của Thức Vô biên nhập, tương ưng với nghiệp sinh vào cõi trời Thức Vô Biên Nhập Thiên. Do trung phẩm Thức vô biên nhập, tương ưng nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng

phẩm của Thức Vô Biên Nhập, tương ứng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp. Chỉ không có cái vui cưỡng ép, không có thụ lạc. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Do hạ phẩm của Vô Sở Hữu Nhập, tương ứng với nghiệp sinh vào Vô Sở Hữu Thiên. Do trung phẩm của Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp cũng sinh ở cõi trời này. Do thượng phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp cũng sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp. Chỉ không có cái vui cưỡng ép, không có thụ lạc. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Do hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, tương ứng với nghiệp sinh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên. Do trung phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, tương ứng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập, tương ứng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này được sinh vào cõi trời, được thọ mạng của chư thiên, được ở với chư thiên và đồng loại với chư thiên. Khi sinh vào đó rồi thụ quả báo của nghiệp. Chỉ không có cái vui cưỡng ép, không có thụ lạc. Khi nghiệp đã thuần thực rồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Phàm phu do nghiệp hậu báo nên thụ sinh các xứ khác.

Phàm phu tu tập Sơ thiên định, đã sinh, đã được. Từ đó tất cả lại thoái mất. Người trụ trong hạ phẩm của Sơ thiên, người do hạ phẩm của Sơ thiên tương ứng với nghiệp sinh vào cõi Phạm Thiên Hành

Thiên. Khi sinh vào nơi đó rồi, thụ nghiệp báo của hạ phẩm Sơ thiên được cái vui không cưỡng ép và được thụ nhận niềm vui.

Thụ nghiệp quả báo của trung phẩm, thượng phẩm của Sơ thiên và của Nhị thiên, ở nơi sinh này được cái vui không cưỡng ép và được thụ nhận niềm vui.

Đệ Tam thiên và Đệ Tứ thiên cũng trong nơi sinh này mà thụ nghiệp quả báo. Chỉ không có cái vui cưỡng ép và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Tùy theo hậu báo nghiệp mà sinh vào các xứ khác. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Sơ thiên cũng như vậy.

Phàm phu tu tập Tứ thiên đã sinh và đã được. Từ đó tất cả đều lại thoái mất. Người trụ ở tại hạ phẩm của Nhị thiên, người do hạ phẩm của Nhị thiên tương ứng nghiệp sinh vào cõi Thiểu Quang Thiên. Sinh ở nơi đó rồi, thụ nghiệp báo hạ phẩm của Nhị thiên được cái vui không bức bách và thụ lạc.

Thụ nghiệp báo trung phẩm; thượng phẩm của Đệ Nhị thiên và Sơ thiên thì được cái vui không bức bách và thụ lạc.

Đệ Tam thiên và Đệ Tứ thiên sinh ở trong này thụ quả báo chỉ không cái vui bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Tùy theo nghiệp hậu báo mà thụ sinh vào các xứ khác. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Nhị thiên cũng như vậy.

Phàm phu tu tập Tứ thiên đã sinh đã được. Từ đó tất cả lại thoái thất. Người trụ trong hạ phẩm Tam thiên do hạ phẩm Tam thiên tương ứng với nghiệp sinh về cõi Thiểu Tịnh Thiên. Sinh nơi kia rồi thụ nghiệp báo của hạ phẩm Tam thiên được cái vui không bức bách và thụ lạc. Thụ nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Đệ Tam thiên sinh ở đây được cái vui không bức bách và thụ lạc. Sơ thiên,

Nhị thiên và Đệ Tứ thiên nghiệp báo, thụ cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Tùy theo nghiệp hậu báo mà thụ sinh vào các xứ khác. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Tam thiên cũng như vậy.

Phàm phu tu tập Tứ thiên, đã sinh đã được. Từ đó tất cả đều lại thoái thất. Người trụ trong hạ phẩm Tứ thiên, do hạ phẩm Tứ thiên tương ưng nghiệp sinh vào cõi Vô Vân Thiên. Sinh nơi kia rồi, thụ nghiệp báo hạ phẩm Tứ thiên được cái vui không bức bách và không có thụ lạc.

Thụ trung phẩm, thượng phẩm Đệ Tứ thiên và các nghiệp báo của Tam thiên. Sinh vào đây rồi được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì.

Phàm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sinh vào các xứ khác. Ngoài ra Tứ thiên trung phẩm, thượng phẩm cũng như vậy.

Phàm phu tu tập Tứ thiên và Tứ Vô Sắc Định, đã sinh đã được. Từ đó tất cả lại thoái thất. Người này trụ trong hạ phẩm Không Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp sinh vào cõi Không Vô Biên Nhập Thiên. Sinh ở đó rồi, thụ quả báo hạ phẩm Không Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc.

Thụ quả báo trung phẩm, thượng phẩm, Không Vô Biên Nhập cho đến quả báo ba Vô Sắc Định trên, sinh vào nơi đây rồi được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Phàm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sinh vào các xứ khác. Ngoài trung phẩm, thượng phẩm Không Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Phàm phu tu tập Tứ thiên và Tứ Vô sắc định, đã sinh đã được. Từ đó tất cả lại thoái thất. Người này trụ trong hạ phẩm Thức Vô

Biên Nhập. Do hạ phẩm, Thức Vô Biên Nhập tương ứng với nghiệp, sinh vào cõi Thức Vô Biên Nhập Thiên. Sinh ở nơi đó rồi, thụ nghiệp báo hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách vui và không có thụ lạc.

Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập, đầu và sau Tam vô sắc, sinh nơi ở đây được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Phạm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sinh vào các xứ khác. Ngoài ra Thức vô biên nhập trung phẩm thượng phẩm cũng như vậy.

Phạm phu tu tập Tứ thiên và Tứ Không Định, đã sinh đã được. Từ đó tất cả lại thôi thất. Người này trụ ở hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập tương ứng với nghiệp sinh vào Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập Thiên. Sinh ở đó rồi thụ quả báo hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc.

Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập và trước sau Tam Vô Sắc, sinh ở nơi đó rồi, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Phạm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sinh vào các xứ khác. Ngoài ra trung phẩm thượng phẩm cũng như vậy.

Kẻ phạm phu tu tập Tứ thiên và Tứ Vô Sắc Định đã sinh đã được. Từ đó tất cả liền thoái thất. Người này trụ ở hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập tương ứng nghiệp, sinh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập Thiên. Sinh ở nơi kia rồi, thụ quả nghiệp hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc.

Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và Tam Vô Sắc trước, nên sinh vào đó và được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không thiếu sót thứ gì. Phạm phu tùy theo nghiệp hậu báo mà sinh vào các xứ khác. Ngoài ra trung phẩm thượng phẩm cũng như vậy.

Các Thánh Đệ tử của Phật Thế Tôn tu tập Tứ thiên, mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ trung và thượng. Người này do hạ phẩm của Sơ thiên tương ứng nghiệp nên sinh vào cõi trời Phạm Tiên Hành. Nguyên nhân là nghiệp được sinh về cõi trời kia, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo và có 2 thứ vui: một là vui không bức bách, hai là hưởng thụ vui. Khi nghiệp đã chín muồi thì được thụ dụng không còn thứ gì.

Do trung phẩm Sơ thiên tương ứng với nghiệp mà sinh vào cõi trời Phạm Chúng. Do nghiệp của thượng phẩm nên cũng sinh vào cõi trời này. Do nghiệp này được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo và có 2 thứ vui: một là vui không bức bách, hai là hưởng thụ vui. Khi nghiệp đã chín muồi thì được thụ dụng không còn thứ gì.

Do hạ phẩm của Nhị thiên tương ứng với nghiệp, do nghiệp này nên sinh vào cõi trời Thiểu Quang. Do trung phẩm của Nhị thiên tương ứng nghiệp mà sinh vào cõi trời Vô Lượng Quang. Do thượng phẩm của Nhị thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Do nghiệp này được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo và có 2 thứ vui: một là vui không bức bách, hai là hưởng thụ vui. Khi nghiệp đã chín muồi thì được thụ dụng không còn thứ gì.

Do hạ phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Thiểu Tịnh. Do trung phẩm Tam thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Vô Lượng Tịnh. Do thượng phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Biến Tịnh. Do nghiệp được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo và có 2 thứ vui: một là vui không bức bách, hai là hưởng thụ vui. Khi nghiệp đã chín muồi thì được thụ dụng không còn thứ gì.

Do hạ phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Vô Vân. Do Trung phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Thụ Phúc. Do thượng phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Quảng Quả. Do nghiệp này nên được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Sinh ở đó rồi, do tối thượng phẩm của Tứ thiên tương ứng với nghiệp, cung kính siêng tu, không trái nghịch, thường tu hành và được huân tu các tạp giác phần. Do nghiệp này nên sinh vào cõi trời Thiện Hiện. Gấp 10 lần nghiệp này sinh vào cõi trời Thiện Kiến. Tiếp đến gấp 10 lần nữa sinh vào cõi trời Bất Phiền. Lại gấp 10 lần nữa sinh vào cõi trời Bất Thiêu. Lại gấp 10 lần nữa sinh vào cõi trời A-ca-ni-tra. Do nghiệp này được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được thụ dụng không còn thứ gì, và khi nghiệp ở thượng giới thụ dụng hết liền chứng được Bát-niết-bàn.

Đệ tử Phật Thế Tôn tu tập Tứ Vô Lượng định, mỗi thứ có 3 phẩm là hạ, trung, thượng.

Từ vô lượng, là như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiên định.

Hỷ vô lượng, là như vậy tu tập, như vậy thường hành như Sơ thiên, như Nhị thiên.

Bi vô lượng, là như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Xả vô lượng, là như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tam thiên và Đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập quán bất tịnh, mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ, trung, thượng. Không ghét làm trái quán bất tịnh. Như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiên định. Có ghét làm sai quán bất tịnh, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập niệm A-na-ba-na, mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ, trung, thượng. Như vậy tu tập, như vậy thường hành như 3 thiên định trước.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 10 Tướng, mỗi mỗi đều có 3 phẩm là hạ, trung, thượng.

Những gì là 10?

1. Tướng vô thường. 2. Tướng vô ngã. 3. Tướng diệt trừ. 4. Tướng dục. 5. Tướng tịnh diệt. 6. Tướng bất tịnh. 7. Tướng lỗi lầm. 8. Tướng chết rồi sa đọa. 9. Tướng chán ăn. 10. Tướng tất cả thế gian không an ổn.

Năm tướng trước và tướng không ghét làm trái bất tịnh, như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiên định. Bốn tướng sau và tướng có ghét làm trái bất tịnh, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu 8 Biến Nhập, mỗi mỗi có 3 phẩm hạ, trung, thượng.

Những gì là 8?

1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc ít. Cái ít này hoặc diệu hoặc thô. Ngã biến khắp tướng này được biết, được thấy có tướng như vậy.

2. Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc vô lượng; hoặc diệu hoặc thô. Ngã biến khắp tướng này, có thể biết có thể thấy, quán tướng như vậy..

3. Nội vô sắc tướng ngoại sắc ít; thô diệu như trước.

4. Nội vô sắc tướng ngoại sắc vô lượng. Đại loại giống như trước.

5, 6, 7, 8 đều bên trong vô sắc tướng, quán bên ngoài 4 sắc. Đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, ngã biến khắp tướng này có thể biết, có thể thấy và tướng như vậy.

Trong 8 Biến nhập này thì thứ nhất và thứ hai cứ như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiền định. Sáu thứ tướng sau, như vậy tu tập như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 8 Giải Thoát, mỗi mỗi có 3 phẩm hạ, trung, thượng:

1. Nội hữu sắc tướng, quán ngoại sắc giải thoát.

2. Nội vô sắc tướng, quán ngoại sắc giải thoát.

3. Tịnh giải thoát.

4. Không Vô Biên Nhập giải thoát.

5. Thức Vô Biên Nhập giải thoát.

6. Vô Sở Hữu, Vô Biên Nhập giải thoát.

7. Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập giải thoát

8. Tướng Thụ Diệt giải thoát.

Giải thoát thứ nhất, như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiền định.

Giải thoát thứ hai, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Giải thoát thứ ba, như tướng bên trong có sắc quán sắc bên ngoài, như vậy tu tập, như vậy thường hành như 4 thứ thiên. Nếu như tướng bên trong không có sắc, quán sắc bên ngoài, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên.

Bốn Vô sắc giới giải thoát sau, mỗi thứ như tự địa của mình.

Thứ tám Diệt Thụ Tướng giải thoát, chỉ do trụ, cho nên quá Phi Tướng Phi Phi Tướng. Không do lìa dục, cho nên quá hơn, vì vậy địa này ngang với Phi Phi Tướng.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 10 Nhất Thiết Nhập, mỗi mỗi như vậy có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Tám Nhất Thiết Nhập trước, như vậy tu tập, như vậy thường hành như Đệ Tứ thiên. Hai Nhất Thiết Nhập sau mỗi mỗi đều như tự địa của mình.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 Vô sắc Tam-ma-bạt-đề mỗi mỗi có 3 phẩm là hạ, trung và thượng. Người này do hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Không Vô Biên Nhập. Do trung phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Không Vô Biên Nhập nên cũng sinh vào cõi trời này. Do nghiệp nên được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, chỉ có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì.

Do hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Do trung phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp cũng lại sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này nên được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên.

Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, chỉ có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì.

Do hạ phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp; nên sinh vào cõi trời Vô Sở Hữu Nhập. Do trung phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Vô Sở Hữu Nhập tương ứng với nghiệp nên lại cũng sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này nên được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, chỉ có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì.

Do hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Nhập tương ứng với nghiệp; nên sinh vào cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Do trung phẩm Phi Phi Tướng Nhập, tương ứng với nghiệp; nên cũng sinh vào cõi trời này. Do thượng phẩm Phi Phi Tướng tương ứng với nghiệp; nên lại cũng sinh vào cõi trời này.

Do nghiệp này nên được sinh vào thiên đạo, được thọ mạng của chư thiên, được ở cùng với chư thiên, đồng loại với chư thiên. Sinh ở nơi đó thụ nghiệp quả báo, chỉ có cái vui không bức bách và không còn thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì, trong đó Bát-niết-bàn.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 Thiên Định, đã sinh đã được, rồi từ đây tất cả lại thoái mất. Người này trụ trong hạ phẩm Sơ thiên và do hạ phẩm Sơ thiên tương ứng với nghiệp nên người này sinh ở cõi trời Phạm Thiên Hành. Sinh ở đó rồi, thụ quả báo của hạ phẩm Sơ thiên, được cái vui không bức bách và thụ lạc. Thụ nghiệp quả báo của trung phẩm, thượng phẩm Sơ thiên và Nhị thiên và khi sinh vào

nơi đây được cái vui không bức bách và thụ lạc. Còn Đệ Tam thiên và Đệ Tứ thiên lại cũng sinh vào đây và được thụ quả báo. Thụ cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài trung phẩm và thượng phẩm của Sơ thiên cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 Thiên, đã sinh đã được. Rồi từ đây tất cả lại thoái mất. Người này trụ ở hạ phẩm Nhị thiên; vì người này do ở hạ phẩm Nhị thiên tương ứng với nghiệp cho nên sinh vào trời Thiểu Quang. Sinh ở kia rồi thụ quả báo hạ phẩm Nhị thiên, được cái vui không bức bách và thụ lạc. Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm của Nhị thiên và Sơ thiên sinh vào ở đây rồi, được cái vui không bức bách và thụ lạc. Đệ Tam thiên và Đệ Tứ thiên cũng sinh vào nơi này thụ quả báo, thụ cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Nhị thiên cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 thiên, đã sinh đã được, từ đó tất cả lại thoái mất. Người này trụ ở hạ phẩm nơi Tam thiên. Do hạ phẩm của Tam thiên tương ứng với nghiệp; nên sinh vào cõi trời Thiểu Tịnh. Sinh ở kia rồi thụ quả báo của hạ phẩm Tam thiên, thụ cái vui không bức bách và thụ lạc. Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm của Tam thiên sinh ở nơi ấy rồi thụ cái vui không bức bách và thụ lạc. Thụ nghiệp báo Sơ thiên, Nhị thiên và Đệ Tứ thiên được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Tam thiên cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 thiên, đã sinh đã được, rồi và từ đây tất cả lại thoái mất. Người này ở hạ phẩm Tứ thiên, do hạ phẩm

Tứ thiên tương ưng với nghiệp nên sinh ở cõi trời Vô Vân. Sinh ở nơi kia rồi thụ nghiệp báo của hạ phẩm Tứ thiên, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Thụ trung phẩm, thượng phẩm của Đệ Tứ thiên và các nghiệp báo của Tam thiên, sinh vào đây được thụ cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra Tứ thiên trung phẩm, thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 thiên và 4 Vô Sắc định, đã sinh đã được, rồi và từ đó tất cả lại thoái mất. Người này ở hạ phẩm Không Vô Biên Nhập, do hạ phẩm Không Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Không Vô Biên Nhập. Sinh ở kia rồi, thụ quả báo của hạ phẩm Không Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Thụ quả báo trung phẩm, thượng phẩm Không Vô Biên Nhập và 3 Vô Sắc định trên sinh ở nơi ấy rồi, thụ cái vui và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm Không Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 Thiên và 4 Vô sắc, đã sinh đã được, rồi và từ đó tất cả lại thoái mất. Người này trụ ở hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Thức Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Thức Vô Biên Nhập. Sinh ở kia rồi, thụ nghiệp báo của hạ phẩm Thức Vô Biên, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm Thức Vô Biên Nhập và sơ hậu 3 Vô sắc sinh vào ở đây thụ cái vui không bức bách, không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra Thức Vô Biên Nhập thì trung phẩm, thượng phẩm cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 thiên và 4 Vô sắc, sinh rồi được rồi và từ đây tất cả lại thoái mất. Người này trụ ở hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Do hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập. Sinh ở kia rồi, thụ quả báo của hạ phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Thụ nghiệp báo trung phẩm, thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập và trước sau 3 Vô sắc sinh vào đây rồi được thụ cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Thánh đệ tử của Phật tu tập 4 thiên và 4 Vô sắc, đã sinh đã được, rồi từ đó tất cả lại thoái mất. Người này trụ ở hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và do ở hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập tương ưng với nghiệp nên sinh vào cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập. Sinh ở nơi ấy rồi, thụ nghiệp báo của hạ phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Thụ nghiệp báo của trung phẩm, thượng phẩm Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập và 3 Vô Sắc trước, sinh ở đây rồi, được cái vui không bức bách và không có thụ lạc. Khi nghiệp đã chín muồi thì được sử dụng không còn sót thứ gì. Các Thánh đệ tử của Phật ở trong đó Bát-niết-bàn. Ngoài ra trung phẩm, thượng phẩm của Phi Tướng Phi Phi Tướng Vô Biên Nhập cũng như vậy.

Thượng lưu sinh A-na-hàm có 3 loại:

1. Đầu tiên sinh trời Phạm Thiên Hành. Như vậy lần lượt vãng sinh cho đến trời Quảng Quả. Khi sinh vào đây rồi thì được Bát-niết-bàn.

2. Đầu tiên sinh trời Quảng Quả. Như vậy lần lượt vãng sinh cho đến trời A-ca-ni-tra. Sinh ở đây rồi được Bát-niết-bàn.

3. Đầu tiên sinh trời Không Vô Biên Nhập. Như vậy lần lượt vãng sinh cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Khi sinh vào đây rồi thì được Bát-niết-bàn.

Lại nữa thượng lưu sinh A-na-hàm có 2 loại:

Một là tại Sắc giới và hai là tại Vô Sắc giới. Nếu tại Sắc giới Bát-niết-bàn thì từ cõi trời Phạm Thiên Hành. Như vậy lần lượt sinh cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Sinh ở nơi kia rồi được Bát-niết-bàn. Tại Vô sắc giới thì đầu tiên sinh vào trời Không Vô Biên Nhập. Như vậy lần lượt vãng sinh cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Sinh ở nơi kia rồi liền được Bát-niết-bàn.

Lại nữa có một loại bên trên sinh vào A-na-hàm là từ cõi Trời Phạm Thiên Hạnh sinh. Như vậy lần lượt vãng sinh cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng. Sinh ở nơi kia rồi được Bát-niết-bàn.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói, tôi nghe như vậy.

Phẩm 22: THỌ LƯỢNG

Phật nói trong cõi người 2 vạn năm bằng 1 ngày 1 đêm ở địa ngục A-tì. Do 30 ngày và đêm này là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Do số năm này nhiều tạo thành nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm. Khi ở ngục này thụ nghiệp quả báo thành thực cũng bằng một kiếp thọ mạng dài nhất. Khi con người 6 ngàn năm thì bằng ở ngục Diêm-la 1 ngày 1 đêm. Do 30 ngày và đêm này là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm. Do số năm này nhiều tạo thành nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm. Khi ở ngục này thụ nghiệp quả báo thành thực, có chúng sinh trong đường súc sinh cứ 1 ngày 1 đêm là qua đến 6 hay 7 lần sống chết. Lại cũng có chúng sinh thọ mạng đến một kiếp.

Với con người là 1 tháng thì ở đường quỷ thần là 1 ngày 1 đêm. Lại nữa với con người 1 tháng thì quỷ thần 1 ngày 1 đêm, do 30 ngày

đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Do số năm này 500 năm là 1 thọ mạng. Trong 500 năm này đối với con người bằng 15 ngàn năm, người ở cõi Diêm-phù-đề hoặc 10 tuổi, hoặc A-tăng-kì tuổi. Trong khoảng giữa đó thì thọ mạng dài dần ngắn dần. Dài nhất là 8 vạn năm và ngắn nhất là 10 năm.

Người ở cõi Tây Cù-da-ni thọ mạng là 2 trăm 50 năm. Người ở Đông Phát-bà-đề thọ 5 trăm năm. Người Uất-đan-việt thọ 1 ngàn năm.

Ở cõi người 50 tuổi thì ở cõi Tứ Thiên Vương chỉ bằng 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm thành 1 tháng và mỗi năm 12 tháng, thì thọ mạng ở đây là 500 năm. Cũng có chư thiên sống đến 900 vạn tuổi.

Ở cõi người 100 năm thì ở cõi trời Đao-lợi bằng 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng và 1 năm có 12 tháng. Và ở đây thọ mạng là 1.000 năm. Trong đó cũng có chư thiên sống đến 3 ngàn 6 trăm vạn năm.

Ở cõi người 200 năm thì ở cõi trời Dạ-ma chỉ bằng 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm làm thành 1 tháng và 12 tháng thành 1 năm. Thọ mạng ở cõi này là 2 ngàn năm và có chư thiên sống đến 14 ngàn vạn năm. Lại cũng có vị sống đến 4 trăm vạn năm.

Ở cõi người 400 tuổi thì ở cõi trời Đâu-suất-đà là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm làm một tháng và 12 tháng tạo thành 1 năm và thọ mạng ở đây là 4 ngàn năm. Có người sống ở cõi này đến 5 ngàn 7 trăm 60 ức tuổi.

Ở cõi người sống 800 năm thì ở cõi trời Hóa Lạc là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm và thọ mạng ở đây là 8 ngàn năm. Cũng có người sống đến 2 vạn 3 ngàn 40 ức năm.

Ở cõi người sống 1 ngàn 6 trăm năm thì ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại là 1 ngày 1 đêm. Cứ 30 ngày đêm là 1 tháng và 12 tháng là 1 năm.

Thọ mạng ở đây là 1 vạn 6 ngàn năm. Cũng có người ở đây sống đến 9 vạn 2 ngàn 1 trăm 60 ức năm.

Thọ mạng của A-tu-la ở dưới núi Càn-đà như Tứ Thiên Vương. Thọ mạng của A-tu-la dưới núi Tu-di như ở cõi trời Đao-lợi. Cứ 1 tiểu kiếp gọi là 1 kiếp. Cứ 20 tiểu kiếp cũng gọi là 1 kiếp. Cứ 40 tiểu kiếp lại cũng có tên là 1 kiếp. Cứ 60 tiểu kiếp lại có tên là 1 kiếp. Cứ 80 tiểu kiếp lại có tên là 1 đại kiếp.

Vì sao 1 kiếp mà gọi là tiểu kiếp?

Là lúc ấy Tì-kheo Đề-bà-đạt-đa ở nơi địa ngục thụ hết nghiệp báo, Phật Thế Tôn nói trụ thọ 1 kiếp. Như vậy 1 tiểu kiếp gọi tên là 1 kiếp.

Vì sao 20 tiểu kiếp lại gọi là 1 kiếp?

Đó là thọ lượng của cõi trời Phạm Thiên Hành là 20 tiểu kiếp. Phật nói các Phạm Thiên trụ thọ 1 kiếp cho nên 20 kiếp lại gọi là 1 kiếp.

Vì sao 40 tiểu kiếp gọi là 1 kiếp?

Như thọ mạng của cõi trời Phạm Chúng là 40 tiểu kiếp. Phật nói trụ thọ 1 kiếp. Như vậy 40 kiếp lại có tên là 1 kiếp.

Vì sao 60 tiểu kiếp gọi là 1 kiếp?

Như chư thiên ở cõi trời Đại Phạm thọ lượng 60 kiếp. Phật nói trụ thọ 1 kiếp. Như vậy 60 kiếp lại có tên là 1 kiếp.

Vì sao 80 tiểu kiếp gọi là 1 đại kiếp?

Như thọ mạng ở cõi trời Thiểu Quang là 1 trăm 20 tiểu kiếp. Phật nói thọ mạng lượng 1 đại kiếp rưỡi. Như vậy 80 tiểu kiếp gọi là 1 đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Lượng Quang là 1 trăm 40 tiểu kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thắng Biên Quang là 1 trăm 60 tiểu kiếp.
Đó là 2 đại kiếp.

Thọ mạng ở trời Thiểu Tịnh là 2 đại kiếp rưỡi.

Thọ mạng của cõi trời Vô Lượng Tịnh là 3 đại kiếp rưỡi.

Thọ mạng của cõi trời Biến Tịnh là 4 đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Vân là 3 trăm đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thụ Phúc là 4 trăm đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Quảng Quả là 5 trăm đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Vô Tướng là 1 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Thiện Kiến là 1 ngàn 5 trăm đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Thiện Hiện là 2 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Bất Phiền là 4 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Bất Thiêu là 8 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Không Vô Biên Nhập, hạ phẩm là 1 vạn 7 ngàn 5 trăm đại kiếp.

Thọ mạng của cõi trời Không Vô Biên Nhập, trung phẩm là 1 vạn 8 ngàn 5 trăm đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Không Vô Biên Nhập, thượng phẩm là 2 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập, hạ phẩm là 3 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập, trung phẩm là 3 vạn 5 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Thức Vô Biên Nhập, thượng phẩm là 4 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, hạ phẩm là 5 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Hữu Vô Biên Nhập, trung phẩm là 5 vạn 5 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Vô Sở Hữu Vô Biên Nhập, thượng phẩm là 6 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở trời Phi Tướng, hạ phẩm là 7 vạn đại kiếp.

Thọ mạng ở trời Phi Tướng, trung phẩm 7 vạn 5 ngàn đại kiếp.

Thọ mạng ở cõi trời Phi Tướng, thượng phẩm là 8 vạn đại kiếp.

Nghĩa này Phật Thế Tôn đã nói, và tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN 7

LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

(*Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới*)

QUYỂN 8

Phẩm 23: ĐỊA NGỤC

1. Địa ngục Cánh sinh

Đòi quá hiện vị lai,
 Chúng sinh lại vãng sinh
 Thoái, khởi cùng luân chuyển.
 Phật Thế Tôn chứng kiến
 Các nghiệp không tiêu mất
 Có quả báo không sai.
 Tùy lúc, nơi thành thực
 Kẻ Thánh trí tự biết.
 Cù-đàm biết việc này
 Nói 8 thứ địa ngục.
 Thế Tôn chứng kiến hết
 Thành tất cả pháp nhãn.
 Cánh sinh và Hắc thắng,
 Sơn khái 2 Khiếu hoán,
 Lớn nhỏ 2 Thiêu nhiệt,
 Và đại ngục A-tì.
 Như vậy 8 địa ngục

Phật nói thật khó độ.
 Luôn đầy ắp kẻ ác
 Mỗi mỗi 16 ngăn.
 Bốn góc và 4 cửa
 Mỗi phần đều ngay ngắn.
 Trên cao trăm do-tuần
 Bốn phía trăm do-tuần
 Thành sắt vây chung quanh
 Lưới sắt che ở trên.
 Dưới đất toàn bằng sắt
 Đốt cháy đầy lửa dữ
 Thiêu kẻ ác đáng sợ
 Luôn luôn khó đến gần.
 Ai thấy cũng rờn lông,
 Cực khổ không kể xiết.
 Ta nay sẽ vì người
 Như pháp lần lượt nói.
 Cung kính nhất tâm nghe
 Những gì ta sắp nói.

Có một địa ngục tên là Cánh sinh, nghĩa là sống lại. Tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt bằng những ngọn lửa nóng, dài rộng nhiều do-tuần. Ở trong ấy tội nhân bị ngục tốt nắm chân lên chức đầu xuống, dùng dây trói cột rồi dùng búa chặt từng mảnh. Lúc đã bị phanh thây rồi chỉ còn xương, gân cốt đứt lìa gần chết rất đau đớn khổ sở, rồi ngục tốt ném đi.

Lúc ấy gió lạnh thổi đến làm sống lại. Do gió này làm cho da thịt trở lại bình thường. Lúc ấy tội nhân móng tay tự nhiên sinh ra cứng và sắc bén như lưỡi kiếm. Cùng các tội nhân đồng loại khởi tâm oán hận nghĩ rằng người này xưa đã từng gây ác với ta. Cho nên ta phải hại nó trước. Kẻ kia cũng khởi tâm làm hại như vậy. Rồi cùng

đánh chém nhau tui bụi. Những người ở địa ngục này tàn hại nhau như vậy. Thật không biết bao nhiêu khổ khó có thể nhẫn chịu được. Thật đau đớn đến cùng cực. Cho đến ác nghiệp chưa hết muốn chết cũng không được.

Do tạo nghiệp gì mà chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào nơi kia?

Ngày xưa khi làm người có nhiều người nữ cùng chung một chồng nên đổ kỵ nhau. Nếu nhiều người nam cùng tranh một người nữ khởi oán gia tâm. Hoặc tà dâm với vợ người, hoặc tranh giành đất đai, vườn tược cho đến xe cộ v.v... Hoặc hai vua tranh giành lãnh thổ. Hoặc trộm cướp tài sản bị chủ trị tội. Hoặc kết oan gia như người giao chiến giữa trận, tàn sát lẫn nhau, đã kết oan gia, chưa được giải tỏa, ôm mối oán thù này mà chết, do nghiệp báo này mà thụ sinh vào đây.

Lại nữa do có nhiều loại nghiệp báo ác, bất thiện mà bị sinh vào nơi này. Lại cũng có những nghiệp tăng thượng, cảm báo mà sinh vào nơi đây. Khi sinh vào đây rồi chịu đủ các quả báo ác nghiệp.

Những nghiệp nhân gì khiến các tội nhân lại tàn hại giết nhau như vậy?

Vì xưa khi còn làm người hay cầm búa rìu và dao gậy v.v... chém giết mạng sống chúng sinh. Cho nên ở trong ngục này chịu các báo giết nhau như vậy.

Lại nữa vì nghiệp gì mà gió lạnh thổi lên làm cho sống trở lại?

Do xưa khi làm người nuôi dưỡng các loại súc vật như bò, nai, heo, dê, gà, vịt, cho ăn cho mau lớn, khi có nhiều thịt thì giết làm thịt. Do nghiệp này mà cảm báo gió lạnh kia mà tạm sống lại.

Do nghiệp báo gì mà sinh ra móng bén nhọn như dao kiếm?

Do xưa khi làm người cấp cho người dao gậy bảo rằng các người đến chỗ kia, châu kia, quận, huyện, làng xóm kia v.v... giết người hoặc súc vật. Do nghiệp này mà cảm quả báo sinh ra móng tay bén nhọn như kiếm.

Vì sao ngục này gọi là Cánh sinh?

Là ở trong đó tội nhân nghĩ như vậy này: Ta nay sống trở lại, thân thể như cũ. Cho nên gọi là Cánh sinh, tức là sống lại. Lại nữa ngục này vốn có tên là Cánh sinh. Bây giờ Thế Tôn muốn làm rõ nghĩa này một lần nữa nên nói kệ rằng:

*Trong địa ngục Cánh sinh,
Chân trên, đầu chúc xuống,
Ngục tốt cầm búa dao
Trói tội nhân chặt chém.
Khi bị chém chặt rồi,
Chỉ còn lại đồng xương
Máu thịt da cùng gân
Rời sống lại như cũ.
Móng tay nhọn như kiếm,
Do nghiệp tự nhiên sinh
Do xưa tâm sân oán
Nên đâm chém lẫn nhau.
Chịu khổ hại nhau rồi
Gió lạnh lại thổi đến
Thân thể sống trở lại,
Gió là do nghiệp cảm.
Như Lai: thầy trời người
Thấy như thật vậy rồi
Cho nên nói Cánh sinh:
Nơi của người tạo ác..*

2. Địa Ngục Hắc thẳng

Lại có địa ngục tên là Hắc thẳng, tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt, lửa cháy ngất trời, lan rộng nhiều do-tuần. Trong đó tội nhân bị ngục tốt bắt nằm trên đất như khúc cây trói bằng dây đen, rồi dùng búa chặt. Hoặc chia làm 8, hoặc 6, hoặc 4 từ chân tội nhân cho đến đầu, dùng rìu búa chặt ra từng đoạn dài như khúc mía. Lại có tội nhân từ cổ đến chân búa rìu chặt nhỏ như từng lóng mía. Người ở địa ngục này chịu khổ cùng cực, khó có thể nhẫn được. Vô cùng khổ não. Cho đến khi thụ quả báo ác nghiệp chưa hết thì cầu cho chết cũng không chết được.

Đây do tạo nghiệp gì mà khởi quả báo này khiến chúng sinh phải sinh vào đó?

Là xưa khi làm người đã làm như: Theo luật thế gian chế ra các hình phạt, tùy theo trường hợp quyết định tự thi hành hoặc sai người thi hành các tội nặng như vậy. Như có trường hợp chặt tay, chặt chân, cắt tai mũi cũng vậy. Hoặc cắt thịt lưng, hoặc cắt thịt 2 bắp đùi, hoặc 5 lượng hoặc 10 lượng. Do nghiệp báo như vậy nên chúng sinh phải sinh vào đó.

Lại cũng có nhiều loại tội ác bất thiện nghiệp báo mà sinh vào trong đó. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào nơi đây. Sinh vào nơi đó chịu nhiều nghiệp báo ác và các quả báo của bất thiện nghiệp. Trong đó có khi ngục tốt la mắng, khủng bố, tội nhân và kẻ ác không cử động nổi. Lúc ấy vô số tội nhân tâm quá sợ hãi đứng im như cây rừng. Bấy giờ những tấm áo sắt cháy sáng hàng ngàn vạn vô số tấm áo sắt cháy đỏ và các tấm áo sắt cháy đỏ từ không trung đáp xuống trên tội nhân và tội nhân kêu la lên: Áo tới! Áo tới! Khi áo tới rồi mỗi người đều bị quần vào, da, thịt, gân, cốt tất cả đều bị đốt cháy đen. Đốt cháy xong, áo sắt tự biến mất.

Người ở địa ngục này bị thiêu đốt ấy khổ đau cùng cực khó thể nhẫn chịu được. Vô cùng khổ não. Cho đến khi thụ quả báo ác nghiệp chưa hết thì cầu cho chết cũng không chết được.

Do tạo nghiệp gì phải chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào trong đó?

Là xưa khi làm người dùng roi gậy đánh đập chúng sinh. Hoặc dùng roi da, hoặc dùng roi mây, hoặc roi đuôi cá đánh đập chúng sinh.

Lại có người xuất gia phá giới, thụ dụng của đất nước nào y phục thất lung. Do nghiệp báo này mà sinh vào đó. Lại cũng có nhiều loại tội ác bất thiện nghiệp báo mà sinh vào trong đó. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào nơi đây. Sinh vào nơi đó chịu nhiều nghiệp báo bất thiện.

Có những tội nhân bị ngục lột da từ chân lên đến cổ mới thôi không cho ngừng tay. Lại có ngục lột da từ cổ đến chân không ngừng tay. Lại cũng có tội nhân bị lột da từ cổ cho đến bụng mới thôi, hoặc từ bụng lột cho đến gót chân mới thôi, làm cho da trên thân tội nhân đổ lê trên đất bị dày xéo giẫm đạp đau đớn khó chịu nổi. Giống như người đòi mặc áo quần rộng chật, dài ngắn không thể sửa sang, thì nơi da thịt của thân này cũng như vậy. Người ở địa ngục này chịu hình phạt lột da cực kỳ đau đớn không thể chịu được. Vô cùng khổ não. Cho đến khi thụ quả báo ác nghiệp chưa hết thì cầu cho chết cũng không chết được.

Do tạo nghiệp gì phải chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào trong đó?

Vì xưa khi làm người đã lột da chúng sinh giống như cởi áo để làm vui. Lại nữa xưa khi làm người đã đánh đập chúng sinh. Hoặc tự mình làm hoặc sai người làm. Lại nữa, cũng có người xuất gia phá giới, thụ dụng của đất nước y phục, ngọa cụ v.v... Do nghiệp báo

này mà thụ sinh nơi đó. Lại nữa, cũng có nhiều loại nghiệp báo ác, nghiệp báo bất thiện nên sinh vào đó. Lại nữa, cũng có nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đó. Khi sinh vào đó rồi chịu các nghiệp báo bất thiện. Trong địa ngục này thật là tối tăm, khói mù mịt và khí khô nóng làm nứt nẻ da thịt đến xương tủy. Khói độc này chạm khắp trong ngoài thân thể. Sau đó ngục tốt xua đuổi tội nhân cho vào trong khói ấy. Tội nhân sợ hãi nên chạy trốn khắp nơi. Chạy nhiều do-tuần dày xéo lẫn nhau vô cùng khôn khổ. Ở địa ngục này tội nhân chịu thứ khói độc này thật là cực kỳ khổ nạn, không thể nhẫn chịu được. Vô cùng thống khổ cho đến khi thụ quả báo ác nghiệp chưa hết thì cầu chết cũng không chết được.

Do tạo nghiệp gì phải chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào trong đó?

Vì xưa khi làm người làm nhà kín để nhốt người rồi dùng khói giết hại, hoặc làm nhà lao cho người chịu khổ vì khói, hoặc heo, hoặc cá, hoặc chồn, hoặc rái, hoặc cáo, hoặc chuột, hoặc nhím hay loài ong mật, tất cả đều ở ổ hay hang mà đem xông khói vào, cho đến muỗi mòng cũng dùng khói xông đuổi. Do nghiệp báo này mà thụ sinh vào đó. Lại nữa, cũng có nhiều loại nghiệp ác bất thiện mà sinh vào nơi đó. Lại nữa, cũng có nghiệp cảm tăng thượng mà sinh vào nơi đó. Khi sinh vào đây rồi chịu nhiều quả báo bất thiện.

Vì sao ngục này có tên là Hắc thằng?

Vì tội nhân ở trong đó bị trói vào dây đen rồi bị đánh đập, chặt chém nên tên là Hắc thằng. Lại do tự tính vốn có tên là Hắc thằng. Muốn làm rõ lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

*Ngục tốt trong Hắc thằng
Đè tội nhân như cây
Tùy theo cảnh Hắc thằng
Cầm dao búa chẻ chặt.*

Lại có áo sắt đỏ
 Ngày đêm hằng thiêu đốt
 Quán chặt các tội nhân
 Máu thịt chảy lai láng
 Lột da chân tới cổ
 Từ cổ, bụng cũng vậy.
 Tội nhân nơi Hắc thằng
 Thịt đỏ không có da,
 Trong tối tăm đáng sợ
 Đây khói độc mịt mù.
 Bi ngục tốt xua vào
 Vào rồi bỏ ở đó.
 Trốn chạy nhiều do-tuần
 Khói đen chẳng thấy được
 Lại che khuất thân da
 Nên mình người đều khổ.
 Trong đây nhân và quả.
 Như thật Phật tự biết
 Như vậy nói Hắc thằng
 Là nơi ở người ác.

3. Địa Ngục Đại hạng

Nằm giữa 2 địa ngục Cánh sinh và địa ngục Hắc thằng có một địa ngục tên là Đại hạng, như một cái chợ lớn. Ở đây tội nhân người thì nằm sấp, có nằm ngửa, hoặc cho vào cối sắt và chày sắt giã bằng chày sắt, hoặc có tội nhân bị chặt khúc từ chân đến cổ, hoặc có tội nhân bị căng da trên mặt đất và cắt thịt bỏ lên trên. Lại có tội nhân hạ kiếm xuống thì tay đứt, gỡ kiếm lên tay mọc ra trở lại. Do đó ở đây tay chứa nhiều như núi cao. Chân, tai, mũi, đầu, cũng vậy, hạ kiếm xuống thì đứt, gỡ kiếm lên thì hoàn lại như cũ. Đầu, mũi v.v... chất

thành đồng như núi cao. Cho đến khi chịu các nghiệp ác này chưa hết, muốn chết cũng không thể chết được.

Do tạo nghiệp gì mà chịu quả báo như vậy, chúng sinh phải sinh vào trong đó?

Do xưa khi làm người, làm nghề giết heo, bò, dê, nai để sinh sống; hoặc rập chim, bắt cá, hoặc hành nghề lao ngục, hoặc làm nghề trộm cướp, hoặc hành hình tội nhân. Do nghiệp báo này mà sinh vào nơi đó. Lại còn nhiều loại nghiệp ác khác cũng sinh vào đó. Lại nữa, cũng còn các nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đó. Khi sinh ở trong này chịu đủ loại nghiệp báo bất thiện. Người ở địa ngục này đầu giống đầu voi và thân giống thân người. Lại có tội nhân đầu như đầu ngựa và thân như thân người. Lại cũng có tội nhân đầu như đầu bò thân như thân người. Như vậy có nhiều loại không giống nhau. Ở trong ấy ngục tốt bắt các tội nhân kéo xe bằng sắt. Ngày đêm lửa đốt sáng rực. Sắt đỏ làm ách, sắt đỏ làm dây. Đường đi ở đây tất cả cũng bằng sắt, dài rộng nhiều do-tuần. Trong đó ngục tốt cầm cây chùy bằng sắt đỏ xua đi. Bị khổ hại như vậy, cùng cực khó chịu nổi được. Khổ đau vô cùng cho đến những nghiệp ác này chưa chịu hết thì muốn chết cũng không thể được.

Vì tạo nghiệp gì mà chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào nơi đó?

Vì xưa khi làm người, hoặc là làm nai voi, làm hoặc người giữ ngựa, hoặc chăn bò, hoặc cỡi các loại thú, do nghiệp báo ấy mà thụ sinh vào đó. Lại có nhiều loại nghiệp báo ác khác cũng sinh vào đây. Cũng có các nghiệp cảm tăng thượng mà sinh vào đó. Khi đã sinh vào đó rồi, chịu các quả báo bất thiện, trong đó có chúng sinh đầu bò mình người, có đầu nai mình người, đầu heo mình người. Những loại như vậy nhiều vô số. Ngục tốt thường hay tụ tập vây quanh, cầm đao cung các loại khí trượng đâm chặt tội nhân phải

chịu cực kỳ khổ thống khó có thể nhẫn chịu. Nỗi đau khô cùng cực này cho đến khi các nghiệp ác chưa chịu hết muôn chết cũng không chết được.

Do tạo nghiệp gì phải thụ quả báo ấy khiến chúng sinh sinh vào đó?

Vì xưa khi làm người, cầm dao gậy săn bắn, đặt lưới đánh bắt hại mạng chúng sinh, nhiều người vây bắt, hoặc chém hoặc đâm, hoặc giết, hoặc hại. Do các nghiệp này mà sinh vào đó. Lại nữa, cũng có nhiều loại ác nghiệp báo khác nên sinh vào đó. Cũng có vì các nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đó. Khi sinh trong đó rồi, chịu nhiều loại nghiệp báo bất thiện. Trong đó có một loại cây tên là Thiểm-phù-lê đâm ngược. Tất cả đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt sáng rực. Cây cao 1 do-tuần và cành nhọn dài 16 tấc. Ngực tốt nắm cánh tay tội nhân đưa lên rồi hạ xuống. Khi đưa lên thì cây nhọn trên đâm xuống. Khi đưa xuống thì cây nhọn dưới đâm lên. Khi đưa lên đưa xuống như vậy trúng bụng thì da thịt tan nát. Nếu trúng lưng, da thịt cũng tan nát như vậy. Rồi da thịt ở bụng ở lưng trở lại như cũ. Do việc này mà tùy theo trúng bụng, hông, lưng do đưa lên hạ xuống, tội nhân bị tàn hại thật khốn khổ, khó thể nhẫn chịu được. Nỗi khổ đau đớn cùng cực này cho đến khi nghiệp ác trả chưa xong dầu muôn chết cũng không thể được.

Xưa vì tạo nghiệp gì phải thụ quả báo này và khiến chúng sinh phải sinh vào đó?

Ngày xưa khi làm người, làm việc tà dâm với vợ người, hoặc có những người vợ dối gạt chồng mình. Do các nghiệp này mà sinh vào đó. Lại nữa, còn nhiều loại ác nghiệp báo phải sinh vào đó. Cũng có những nghiệp báo tăng thượng mà sinh vào đó. Khi sinh vào đó rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện. Ở nơi ngục kia lại có nhiều chúng sinh bị ở trong hầm núi than sắt nóng đỏ ngày đêm thiêu đốt sáng

rực. Trong đó ngực tốt nắm cánh tay tội nhân đưa lên đưa xuống trùng bụng thì da thịt tan tành. Lưng đung phải núi da thịt cũng tan tành như vậy. Rồi bụng trở lại như cũ và da thịt ở lưng, hông cũng vậy. Do việc làm này mà bụng, hông, lưng đưa lên đưa xuống, tội nhân thụ các khổ hại như vậy khổ não khó chịu đựng cho được. Nỗi khổ đau này thật vô cùng, cho đến khi nghiệp ác trả chưa hết đầu muốn chết cũng không thể được.

Xưa do tạo nghiệp gì phải thụ quả báo như vậy khiến chúng sinh phải sinh vào nơi đó?

Vì xưa khi làm người hay lấy sinh mạng của chúng sinh đặt lên trên lửa, hoặc bỏ vào cát nóng, hoặc bỏ vào tro nóng, hoặc ném vào chỗ bất tịnh, hoặc dùng trâu, bò, ngựa kéo xe đi trong cát nóng. Do nghiệp này phải sinh vào đó. Lại cũng có nhiều loại ác nghiệp báo khác cũng sinh vào đó. Lại còn có nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đó. Khi sinh vào đó rồi, chịu nhiều loại nghiệp báo bất thiện.

3. Địa Ngục Tụ khải

Lại có địa ngục tên là Tụ khải. Tướng của địa ngục này giống như nằm giữa 2 núi. Trong này ngực tốt cầm nhiều loại khí giới khủng bố tội nhân. Do vậy khi ấy tội nhân đều sợ hãi vào giữa 2 núi này nhiều vô số người. Khi vào giữa núi rồi có ngọn lửa lớn tụ lại cắt đứt con đường phía trước. Lúc ấy tội nhân thấy ngọn lửa mạnh, liền muốn thoái lui, lại thấy phía sau có ngọn lửa lớn tụ lại. Rồi bốn bề chuyển động, 2 núi liền hợp lại. Khi 2 núi di chuyển đến, tội nhân la ó lên rằng: Núi giáp lại rồi! Núi giáp lại rồi! Núi liền hợp lại như ép đầu mè. Núi này ép tội nhân cũng như vậy. Sau khi đã ép xong, núi mở bên trên và các tội nhân thấy núi cao lên, liền tranh nhau chui vào dưới núi, tức thời núi liền rơi xuống trở lại ép thân giống như đi săn bầy dòn ép bầy thú, máu chảy thành sông; chỉ còn gân cốt không có và thịt. Thụ nghiệp tàn hại này cực kỳ khổ thống khó thể nhẫn chịu.

Đau đớn cùng cực như vậy cho đến khi các nghiệp ác thụ chưa hết đầu muốn chết cũng khó thể được.

Do xưa tạo nghiệp gì phải thụ quả báo này khiến chúng sinh sinh vào nơi đó?

Là xưa khi làm người đã lấy phen tre bó người rồi cho voi dầy, hoặc lúc chiến đấu cho xe dè người. Lại dùng bẫy treo đá cho rơi xuống giết người. Lại ở những đường hiểm làm bẫy hầm sập để giết chúng sinh. Hoặc dùng răng, móng tay cắn giết rận rệp. Do các nghiệp như vậy phải thụ quả báo sinh vào đó. Lại nữa, có nhiều nghiệp bất thiện cũng sinh vào đó. Lại nữa, cũng có nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đó. Khi sinh vào đó rồi, chịu các quả báo của nghiệp bất thiện. Trong đó tội nhân chỉ trừ gân cốt, không còn máu thịt. Lúc ấy ngục tốt nói với bạn chúng rằng:

Ta nay cùng ngươi trong khoảnh khắc sẽ giã tội nhân.

Rồi bắt tội nhân cho vào cái thuyền sắt dùng chày sắt nóng đập nát thân tội nhân. Chỉ trong chốc lát tội nhân phải vào thụ báo 500 năm. Thụ báo tàn hại này đau đớn cùng cực như trước đã nói.

Xưa đã tạo nghiệp gì mà cảm quả báo như vậy khiến chúng sinh phải sinh vào nơi đó?

Vì xưa khi làm người hoặc cầm xà mâu, chìa ba, giáo v.v...đâm giết hại chúng sinh giã đâm côn trùng trong gạo lúa, mè, lúa mạch v.v... Do các nghiệp như vậy nên thụ sinh vào đó. Lại có những loại nghiệp báo bất thiện khác cũng sinh vào đó. Cũng có các nghiệp cảm tăng thượng cũng sinh vào đó. Khi sinh vào đó rồi thụ các loại nghiệp báo bất thiện.

Vì sao ngục này tên là Tụ khái?

Vì trong đó tội nhân tụ tập lại một nơi, rồi 2 núi giáp lại nên gọi là Tụ khái. Lại nữa ngục này vốn tên Tụ khái, nên gọi như vậy. Lặp lại kệ rằng:

Trong địa ngục Tụ khái
 Chính giữa hai núi lớn
 Có vô số tội nhân
 Vào trong như bầy nai.
 Do nghiệp báo xưa kia,
 Làm hai núi hợp lại
 Ép chết nhiều chúng sinh.
 Lửa bao vây trước sau
 Từ trên thân tội nhân
 Máu chảy ra thành sông
 Như vậy thụ nạn khổ
 Chưa hết không chết được
 Đặt lên thuyền sắt nóng
 Dùng chày mà đập giã.
 Thụ nghiệp xưa đã gây
 Khoảnh khắc: năm trăm năm
 Như Lai: thầy trời người
 Như thật thấy vậy rồi
 Cho nên nói Tụ khái
 Chỗ ở người tạo ác.

4. Địa Ngục Khiếu hoán

Lại có địa ngục tên là Khiếu hoán hình tướng nó giống như trong một cái phòng hẹp mà có nhiều ngàn người. Trong đây tội nhân mỗi người một phòng, thân hình to lớn nhưng phòng lại nhỏ. Bực bội khốn khổ, hết cả 4 oai nghi, bị hại thiêu đốt. Bên dưới tội nhân bị lửa bốc lên. Sức lửa càng mạnh tiếng kêu càng mãnh liệt. Sức lửa yếu thì tiếng kêu hạ thấp mà chịu đốt nóng này. Đau khổ cùng cực khó thể nhẫn chịu được. Nỗi khổ vô cùng này cho đến khi chưa thụ hết nghiệp ác đâu muốn chết cũng không thể chết được.

Xưa vì tạo nghiệp gì mà phải thụ quả báo này khiến chúng sinh bị sinh vào đây?

Vì xưa khi làm người không cứu giúp chúng sinh không nơi nương tựa. Tự mình làm hoặc sai bảo người khác gây hình phạt nặng. Tự mình làm hay sai bảo người thiêu đốt rừng rẫy, hoặc làm phòng kín dùng lửa giết người. Hoặc làm lao ngục dùng lửa hại người. Hoặc săn bắt heo, cá, rái, chồn, cáo, chuột v.v... những loài ở hang dùng lửa đốt nơi miệng hang, cho đến dùng lửa xông đuổi các loài muỗi mòng. Do nghiệp báo như vậy nên thụ sinh vào đây. Lại cũng có các loại ác nghiệp khác sinh vào đây. Khi ở trong đây rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện.

5. Địa Ngục Đại khiếu hoán

Lại có địa ngục tên là Đại Khiếu hoán, giống như một cái hầm lớn, dài rộng hằng nhiều do-tuần. Tất cả đều bằng sắt như trước đã nói. Ở trong ấy ngục tốt tay cầm binh khí bằng sắt khủng bố tội nhân. Tội nhân trông thấy rất sợ hãi. Hoặc chạy trốn chạy hoặc không chạy trốn, hoặc sợ chạy tán loạn, hoặc úp mặt vào vách tường; hoặc nhìn thẳng, hoặc nghinh tiếp tán thán, hoặc xin ra ơn. Lúc ấy ngục tốt hỏi kẻ nghinh tiếp rằng:

Các người sao dám đến nghinh tiếp ta?

Tức thời dùng binh khí sắt ấy đập vào đầu như chém bùn, đầu nào bị nát như cũng như vậy. Rồi hỏi người không nghinh tiếp rằng:

Sao người không dám đến ta? Rồi cũng đập nát đầu như người trước. Rồi lại hỏi những người chạy loạn, người không chạy, người úp mặt vào tường, người nhìn thẳng, người chống lại, người không chống lại, tất cả đều đánh đập như vậy. Vì vậy tất cả đều bị vỡ đầu, không ai khỏi cực hình này, khôn nào không thể nhẫn được. Nỗi khổ đau này cho đến khi chưa trả xong các nghiệp thì dầu muốn chết cũng không chết được.

Xưa vì tạo nghiệp gì mà chịu quả báo này khiến chúng sinh sinh vào đây?

Vì xưa khi làm người đã đào hầm hố làm ngục bắt người phạm tội nhốt vào trong, không cho thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Do nghiệp báo này mà sinh vào đây. Lại còn các loại nghiệp báo khác cũng sinh vào đây. Lại có các nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào trong này rồi thụ đủ các báo bất thiện.

Lại nữa, do tạo nghiệp gì mà bị đập đầu?

Vì xưa khi làm người đã giết mạng chúng sinh bằng cách đập đầu như cá, rắn, rết v.v... Do những nghiệp ấy mà bị quả báo bỗ đầu. Địa ngục này thiêu đốt khốn khổ cũng kịch liệt như trước. Nhiều ngày tháng chịu khổ đập đầu như vậy.

Vì sao ngục này tên là Đại Khiếu hoán?

Trong đó tội nhân bị đánh đập, bị lửa đốt chỉ biết lớn tiếng kêu la gào thét không làm gì được cho đến không thể kêu mẹ, kêu cha. Cho nên địa ngục này tên là Đại Khiếu hoán. Lại nữa, do tự tính nên có tên là Đại Khiếu hoán.

Lặp lại nói kệ rằng:

*Trong địa ngục Khiếu hoán
Nhiều người đánh đập,
Dưới lửa mạnh thiêu đốt
Tiếng kêu la kinh hoàng.
Nếu sức lửa yếu bớt
Tiếng kêu cũng giảm xuống.
Khổ không có oai nghi
Đau đớn vì thiêu đốt
Thứ hai kêu la lớn
Tối đen lông dựng ngược
Tường chắn khó vượt qua*

*Rộng lớn vô số lượng.
 Ngục tốt ở trong đó
 Lây sắt đỏ đánh đập
 Nát đầu như oan gia
 Vô lượng trăm ngàn năm.
 Như Lai: thầy trời người
 Như thật đã thấy vậy
 Nên nói hai Khiếu hoán:
 Chỗ ở người tạo ác.*

6. Địa Ngục Thiêu chích

Lại có địa ngục tên là Thiêu chích, hình tướng giống như lò hầm đồ gốm, tất cả đều bằng sắt. Ngày đêm thiêu đốt phát ra ánh lửa. Chiều dài vô số do-tuần. Trong đó tội nhân nhiều cả ngàn vạn. Nhốt lại rồi thiêu nướng trong ngoài cháy khô trông giống như thịt khô. Bấy giờ cửa ngục tự nhiên mở. Ngoài cửa ngục này có vô số chó; hoặc quạ hoặc một loại thú dữ thân cao lớn, chờ chực cửa mở tranh nhau vào ngục tấp kéo tội nhân ra ăn thịt ngẫu nhiên. Khi bị ăn rồi da thịt đều hết. Chỉ còn đông xương, đau đớn ngất lịm. Gió lạnh thổi đến thì da thịt hoàn lại như cũ. Lúc ấy ngục tốt lại xua vào, rồi bị khổ lửa thiêu nướng như trước thật là khổ nạn như trước đã nói.

Xưa do tạo nghiệp gì mà thụ quả báo này khiến chúng sinh phải sinh vào đây?

Vì xưa khi làm người xây dựng lao ngục không có cửa, dùng phân voi trộn bùn mà tô tường và trét đất có muối hòa với dầu của cây Cù-đàm-bà lên thân tội nhân rồi cho vào trong ngục ấy. Ánh nắng mặt trời chiếu nóng nướng lên và qua một đêm thì hôi thối chướng sinh. Hoặc cho vào nồi hấp, nấu, sát hại tội nhân. Hoặc đặt lên lửa thiêu nướng giết người.

Các tội nhân này là do khi làm người đã hoặc nấu kén ươm tơ, hoặc nấu nướng sinh mạng chúng sinh. Do nghiệp báo như vậy nên sinh vào đây. Lại cũng có các loại nghiệp báo ác cùng với nghiệp báo tăng thượng cảm ứng nên sinh vào đây như trên đã nói.

Lại nữa, do nghiệp gì mà bị chó ăn thịt?

Vì xưa khi làm người nuôi các loài thú như sư tử, cọp, beo, gấu, chó sói v.v... cho chúng ăn những chúng sinh có mạng sống. Do các nghiệp này nên phải thụ sinh vào đây như trên đã nói.

Xưa làm nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi?

Vì xưa khi làm người phải dùng nhiều thịt để nuôi chúng sinh. Do nghiệp này nên bị gió lạnh thổi.

Vì sao ngục này tên là Thiêu chích?

Vì trong đó tội nhân thân tâm bị đốt nướng; nên gọi là Thiêu chích. Lại nữa, do tự tính là gọi Thiêu chích. Lặp lại nói kệ rằng:

*Trong địa ngục Thiêu chích
Nhà sắt đốt lửa lớn
Khí nóng cực mãnh liệt
Giống như một đồng lửa.
Trong ấy kẻ tạo tội
Nhốt kín chịu đốt nướng.
Như xưa đã tạo nghiệp
Ở đây thụ khổ báo
Khi ấy thân đã như
Bầy chó chực ăn thịt
Da thịt đều tiêu hết
Chỉ còn lại đồng xương
Khi gió lạnh thổi đến,
Da thịt hoàn như cũ.*

*Ngục tốt lại xua vào
Chịu khổ lại như trước.
Như Lai: thầy trời người
Như thật đã thấy rồi
Nên nói ngục Thiêu chích:
Chỗ ở kẻ tạo tội.*

7. Địa Ngục Đại Thiêu chích

Lại nữa có địa ngục tên là Đại Thiêu chích. Địa ngục này cao rộng như núi, tất cả đều là sắt đỏ, ngày đêm đốt cháy phát ra lửa sáng. Có những cái xiên sắt nhọn đốt nóng kịch liệt, luôn phát ra ngọn lửa sáng vòng tròn chung quanh và trên dưới. Hoặc có tội nhân bị xâu lại 1 xâu cho vào núi lửa thiêu. Hoặc 2 hay 3 xâu, cho đến 10 hay 20 xâu, cho đến trăm ngàn xâu, xiên ngang xiên dọc, rồi cho vào trong núi lửa nướng. Nếu một bên đã chín rồi thì cái xiên chuyển qua bên kia để nướng tiếp. Lại có những tội nhân cây xiên sắt tự rút ra xiên vào chỗ chưa bị thương rồi nướng lại. Cũng có những tội nhân do nghiệp báo quá ác cho nên có vô số cái xiên đến đâm vào thân. Trong đây các tội nhân chịu cực hình xiên nướng này, vô cùng khổ khó kham chịu được. Chịu khổ thống này cho đến khi thụ báo ác nghiệp chưa hết, dầu muốn chết cũng không thể chết được.

Do xưa đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả báo này?

Là xưa khi làm người làm việc xiên nướng sinh mạng chúng sinh. Do nghiệp này mà cảm quả phải thụ sinh nơi này. Lại cũng có nhiều loại nghiệp báo ác khác sinh vào đây. Lại cũng có những nghiệp cảm tăng thượng mà sinh vào đây. Khi sinh vào đó rồi, thụ không biết bao nhiêu là nghiệp báo bất thiện.

Vì sao địa ngục này có tên là Đại Thiêu chích?

Vì các tội nhân nơi đây bị cây xiên xuyên lại rồi cho vào lửa thiêu đốt trong ngoài, sâu, ru, khổ não, cho nên gọi là Đại Thiêu chích. Lặp lại nói kệ rằng:

*Địa ngục Đại Thiêu chích
 Xiên nhọn đều bằng sắt
 Giáp vòng núi lửa sất
 Cảm nghiệp ác đời trước.
 Trong ngục người làm ác
 Bị vô số xiên đâm
 Rồi nướng như nướng cá,
 Theo nghiệp nên như vậy.
 Như Lai: thấy trời người
 Như thật thấy vậy rồi
 Nên nói Đại Thiêu chích:
 Nơi ở người tạo ác.*

8. Địa Ngục A-tì-chỉ

Lại có địa ngục tên là A-tì-chỉ, hình tướng giống như một thành lớn, tất cả đều là sắt đỏ. Ngày đêm thiêu đốt, luôn phát ra lửa sáng. Vách tường phía Đông của ngục toàn bằng sắt đỏ, ngày đêm thiêu đốt và hay phát ra ánh lửa. Vách tường phía Tây, Nam, Bắc trên dưới lại đều cháy, ngọn lửa phía Đông leo qua thấu vách phía Tây. Lửa bên bức tường phía Tây cháy leo qua phía Đông. Lửa bên phía Nam lan qua phía Bắc. Lửa phía Bắc cháy qua phía Nam. Lửa trên cháy xuống, lửa dưới cháy lên. Tứ bề đều có lửa bao quanh đầy cả ngục. Tội nhân ở trong đó vô số ngàn người đập giẫm lên nhau và bị thiêu đốt như củi cháy. Trong đó là những tội nhân do nghiệp ác quá lớn này mà thân thể to lớn, mềm nhũn gập người, không thể đi đứng cử động. Lại có những tội nhân do nghiệp đời trước ở bậc nhẹ nên thường cầu ra khỏi nơi này tìm cách chạy. Hoặc cũng tùy theo thời tiết có khi cửa địa ngục phía Đông tự mở.

Các tội nhân cùng kêu cửa mở và tranh nhau chạy ra; nhưng chưa đến cửa thì cửa liền đóng lại. Lúc ấy thì cửa Tây mở ra. Cửa phía Nam và phía Bắc cũng tự mở và các tội nhân liền hô lên rằng cửa đã mở; liền vội vã hướng về phía cửa mà chạy, khi chưa đến thì tất cả cửa đều tự động đóng lại. Trong đó tội nhân thụ cái khổ lớn của địa ngục vô gián khó có thể kham chịu nổi. Nỗi thống khổ cùng cực này cho đến khi thụ nghiệp báo chưa hết dầu muốn chết cũng không thể chết được.

Xưa do tạo nghiệp gì phải thụ quả báo này?

Vì xưa khi làm người hoặc giết mẹ, giết cha, giết A-la-hán, khởi tâm sát hại làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, hoặc chính mẹ mình là thánh nhân mà mình sinh tâm dâm loạn, giết kẻ có chính định, hoặc sát hại Bồ Tát chúng sinh, hoặc phá hoại 4 loại Chi-đề của Như Lai, hoặc cướp đoạt vật của tứ phương tăng, hoặc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến là những tội cực nặng. Tùy theo đó một hai cho đến đầy đủ, do làm các việc ác mà thụ sinh vào đây. Lại cũng có nhiều nghiệp báo ác phải sinh vào đây. Lại cũng có những nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào đây rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện.

Vì sao địa ngục này tên là A-tì-chỉ?

Vì tội nhân ở trong đó thường thụ khổ liên tục không gián đoạn. Địa ngục bậc cao nhất, các địa ngục khác không đâu khổ bằng. Vì sao vậy? Trong các địa ngục khác, ngục tốt có lúc đến hoặc có lúc không đến, hoặc do gió lạnh đại khổ tạm dừng. Nhưng ở địa ngục này thì không như vậy. Từ đầu đến cuối chịu khôn khổ tội cùng, khó kham chịu nổi. Nỗi thống khổ cùng cực này, tội nhân ở trong này thọ mạng một kiếp, cho đến nửa kiếp, cho đến không định được thời gian. Ví như cái lò đúc trọn ngày nấu sắt sục sôi như sao sáng. Thiêu đốt tội nhân cũng như vậy, cho nên gọi tên là A-tì-chỉ. Lại cũng do tự tính nên gọi là A-tì-chỉ. Lặp lại nói kệ rằng:

Địa ngục A-tì-chỉ
 Là khổ kịch liệt nhất.
 Ngày đêm lửa đốt cháy,
 Ánh lửa sáng khắp nơi,
 Giống như một ngày đốt
 Vạc sắt chiếu lửa sáng
 Như vậy ngục A-tì
 Tất cả đều toàn lửa
 Trong đó thân tội nhân
 Giống như một đồng lửa.
 Các người xem nghiệp lực
 Do đây không tro than
 Có khi thấy cửa mở
 Tranh nhau vội chạy ra,
 Khi đến cửa liền đóng.
 Túc nghiệp chưa trả xong
 Như người trời thụ vui
 Cầu sống không cầu chết.
 Trong đây người thụ khổ
 Cầu chết không cầu sống.
 Như Lai: thấy trời người
 Như thật đã thấy rồi
 Cho nên nói A-tì:
 Chỗ ở kẻ tạo ác.

9. Địa Ngục Vườn ngoài ngăn cách

Chung quanh bên ngoài 8 địa ngục, mỗi cái đều có 4 lớp địa ngục vườn ngăn cách. Những gì là bốn? 1. Địa ngục Nhiệt hôi. 2. Địa ngục Phần sỉ. 3. Địa ngục Kiếm diệp. 4. Địa ngục Liệt hôi trấp. Như vậy bốn lớp bao vây, mỗi một địa ngục đều như vậy.

Nếu nói lần lượt thì thứ nhất là địa ngục Nhiệt hôi. Các tội nhân từ đại địa ngục ra, thấy bên ngoài thấy tro nóng bên ngoài giống như chỗ đất trống bằng phẳng. Thấy vậy liền nghĩ: Ta nay nên qua đó. Rồi tội nhân đến đó chân dẫm lên tro nóng da thịt liền cháy tan giống như bỏ cục sáp nến vào lửa mạnh. Khi nhấc chân lên thì da thịt trở lại như cũ. Hoặc có lúc đến đầu gối, có lúc đến rốn, hoặc đến cổ, hoặc chìm mất không hiện. Trong đây vô số do-tuần tháo chạy tán loạn, khổ sở cùng cực khó nhẫn chịu nổi. Nỗi khổ vô cùng này cho đến khi chưa thụ hết nghiệp báo ác thì dẫu muốn được chết cũng không thể chết được.

Do xưa đã tạo nghiệp gì phải thụ quả báo này?

Vì xưa trong khi làm người đã lấy mạng sống của chúng sinh bỏ vào trong lửa, hoặc trong tro nóng, hoặc trong cát nóng, hoặc làm việc tà dâm với vợ người rồi đi xứ khác, hoặc xuất gia phá giới khi đi, đứng, nằm, ngồi ở trong Già-lam, hoặc khởi ác tâm giẫm đạp cảnh giới 4 Chi-đề, hoặc đi giày guốc giẫm bóng chùa tháp. Do những nghiệp báo như vậy mà sinh vào đây. Lại cũng có những loại nghiệp báo ác khác thụ sinh vào đây. Lại thêm những nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi đã sinh vào rồi thụ nhiều nghiệp báo bất thiện

Thứ hai là địa ngục Phần sĩ. Tội nhân khi ra khỏi ngục Nhiệt hôi rồi, thấy Phần sĩ như ao mát có hoa liền nghĩ rằng: Ta nay phải qua đó. Xong tội nhân đến vào trong đó rồi thì có vô số trùng. Có những con trùng miệng sắc bén như mũi kiếm nhọn đâm vào da thịt cho đến gân cốt và ăn cho đến tủy. Lại có những con trùng từ lỗ mũi chui vào ăn ngũ tạng. Hoặc từ lỗ tai; hoặc từ mắt vào; hoặc từ miệng vào; hoặc từ đường đại tiểu tiện vào để ăn ngũ tạng. Lại có những con trùng lớn có thể ngâm được tội nhân; ăn hết máu thịt rồi nhổ ra xương cốt giống như gai góc. Thụ đủ các khổ cùng cực như vậy khó

nhấn chịu được. Chịu nổi khổ thống như vậy cho đến khi thụ báo ác nghiệp chưa hết dấu muốn cầu được chết cũng không thể chết được.

Do xưa đã tạo nghiệp gì mà phải bị quả báo này?

Vì xưa khi làm người đã lấy mạng chúng sinh bỏ vào hầm phân hoặc nơi bất tịnh cho đến nơi cống rãnh. Do nghiệp báo ấy mà thụ sinh vào đây. Lại cũng có những nghiệp báo khác cũng sinh vào đây. Lại còn do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào đây rồi thụ đủ nghiệp báo bất thiện.

Do xưa đã làm nghiệp gì mà bị trùng ăn thịt khốn khổ như vậy?

Vì xưa khi làm người hoặc cho rắn, chó, rết, cá sấu v.v... ăn thịt mạng chúng sinh, hoặc khởi ác tâm thụ dụng 5 trần. Do nghiệp báo này mà sinh vào đây bị ăn thịt thật khổ thống như vậy. Rồi nói kệ rằng:

*Đã qua ngục Phẫn sĩ
Thấy rừng cây đáng yêu
Sum sê cành lá tốt
Muốn qua đó tìm vui.*

Như vậy ở trong rừng này những con quạ già cổ trắng, điều hâu, ó biển, kên kên v.v... Ở đó còn sài lang, hổ báo, sư tử v.v... thân thật to lớn và loài cầm thú ấy ăn thịt tội nhân cho đến khi thịt, da, máu mủ hết, chỉ còn xương cốt mới thôi. Lúc ấy tội nhân thụ những khổ hình cắn xé như vậy đau đớn không chịu nổi. Trong khi chịu đau đớn cùng cực chết ngất thì gió lạnh lại thổi đến và da thịt sinh trở lại, rồi lại bị ăn thịt. Cứ như vậy cho đến khi thụ báo chưa hết dấu muốn chết cũng không thể nào chết được.

Do xưa tạo nghiệp gì mà bây giờ chịu quả báo như vậy?

Vì xưa khi làm người đã cho hổ báo, sư tử ăn thịt sinh mạng chúng sinh, hoặc thả chim ưng, chó, săn bắn cầm thú. Do nguyên nhân này mà thụ sinh vào đây.

Do xưa tạo nghiệp gì mà bị gió lạnh thổi?

Vì xưa khi làm người nuôi dưỡng chúng sinh, làm cho mập béo để được nhiều thịt. Do nghiệp báo này mà bị gió lạnh thổi.

Thứ ba là địa ngục Kiếm diệp. Sau khi các tội nhân ra khỏi địa ngục Phần tử rồi, thấy địa ngục Kiếm diệp, khởi tâm yêu thích tưởng như rừng cây Am-la. Con đường dẫn vào rừng kiếm có nào thương, giáo, mác, đao, kiếm, la liệt khắp cả mặt đất. Khi các tội nhân đi vào đường này thì bị đâm chém. Khi vào được rừng lớn rồi thì vô số trăm ngàn chúng sinh đã vào rừng vì nhân duyên ác nghiệp bị gió lớn vụt nổi lên rồi mưa xuống toàn binh khí như là mưa kiếm, mưa tên, mưa dao búa v.v... Trúng chỗ nào trên thân là bị cắt đứt. Đầu cổ chia lìa như khúc gỗ, ngổn ngang khắp nơi. Hoặc mưa cây kích bằng sắt từ trên cao bổ xuống không thể cử động được. Chịu sự tàn hại này cực đau đớn, cho đến khi ác nghiệp thụ báo chưa hết, dẫu muốn chết cũng không thể chết được.

Do xưa tạo nghiệp gì mà thụ quả báo này?

Vì xưa khi làm người đã gây chiến tranh, cung cấp binh khí bắt đi chiến đấu bảo rằng: Các người sử dụng vũ khí này đánh lấy nước kia. Rồi bao vây tứ phía tập hợp nhiều người tha hồ giết hại. Do nghiệp báo này mà sinh vào nơi kia. Lại có nhiều loại nghiệp báo khác cũng sinh vào đây. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào đây rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện.

Thứ tư là địa ngục Liệt hôi trấp. Các tội nhân từ rừng cây Kiếm diệp vừa ra khỏi thấy chỗ nước đồng sôi tưởng là con sông nước trong treo mát lạnh nên khởi tâm thích thú đến lội vào sông này. Các tội nhân trước ở tại rừng kiếm thân thể rách nát khi lội vào sông này thì thân thể máu thịt đều tiêu tan chỉ còn gân cốt nổi lên trên nước vô cùng đau đớn. Nỗi thống khổ cùng cực này cho đến khi nghiệp báo ác chưa thụ hết dẫu muốn chết cũng không thể chết được.

Do xưa tạo nghiệp gì mà thụ quả báo này?

Vì xưa ở trong cõi người đem sinh mạng chúng sinh dội dầu nóng, hoặc đường, hoặc sáp, hoặc đốt tử thi lấy nước tẩy rửa, hoặc thân không sạch vào ao hoặc giếng nơi vườn nhà người khác để tắm. Do nghiệp ấy mà phải thụ quả báo sinh ở nơi đây. Lại cũng có nhiều loại ác nghiệp sinh vào đây. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện. Hai bên bờ sông tro có các ngục tốt nhiều vô số ngàn, thân hình cao lớn cầm ích, chia ba v.v... canh giữ tội nhân. Có khi tội nhân nói với ngục tốt rằng:

Bầm quan tôi nay đói lắm!

Ngục tốt liền dùng chĩa ba xóc bỏ lên bờ. Hoặc dùng kèm, móc nạy mở miệng ra rồi cho hòn sắt nóng sáng rực vào miệng làm cho miệng môi bị đốt cháy. Cổ họng, ngực, tim, bụng, ngũ tạng, tì vị tất cả hòn sắt xuống đến đâu là cháy tan đến đó. Các tội nhân này thụ những khổ hại như vậy cùng cực khó thể kham chịu nổi. Bị nỗi khổ thống này cho đến các nghiệp ác báo chưa hết dầu muốn chết cũng không thể chết được.

Do xưa tạo nghiệp gì mà thụ quả báo này?

Vì xưa khi làm người đã dùng chất độc cho người ăn; hoặc dùng thuốc độc giết người. Hoặc xuất gia phá giới, ăn của quốc gia cúng dường; hoặc nói dối, ác khẩu, những nghiệp như vậy v.v... phải thụ quả báo này và sinh vào đây. Lại còn nhiều ác nghiệp khác nên sinh vào đây. Lại còn do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi đã sinh vào đó rồi chịu các nghiệp báo bất thiện. Có lúc tội nhân nói với ngục tốt rằng:

Bầm quan bây giờ tôi khát nước lắm!

Ngục tốt liền dùng chĩa ba xóc tội nhân để lên bờ rồi dùng kèm, móc nạy miệng ra rót nước sắt đang sôi vào miệng làm cho môi

miệng nóng cháy, cổ họng, ngực, tim, bụng, ngũ tạng, tì vị v.v... nước sắt chảy xuống tới đầu làm cháy tiêu tới đó. Lúc ấy tội nhân chịu sự khốc hại này khó nhẫn chịu được. Sự khổ thống cùng cực này cho đến khi thụ nghiệp quả báo chưa hết đầu muốn chết cũng không thể chết được.

Do xưa tạo nghiệp gì mà chịu tội khổ này?

Vì xưa khi làm người lấy nước tiểu của voi, ngựa cho vào miệng, mũi người, hoặc lấy 5 thứ nước cay cho vào mũi, miệng, hoặc dùng chất độc bắt ép người uống, hoặc khuyên người uống các thứ rượu, hoặc vì lợi nhuận mà nấu rượu, hoặc nấu để uống, hoặc xuất gia phá giới thụ dụng sự cúng dường của quốc gia như sữa, dầu, đường, mật các thứ đồ uống v.v..., hoặc bắt người uống thứ không thể uống được. Do các nghiệp báo như vậy mà sinh vào đây. Lại còn nhiều loại nghiệp báo ác khác phải sinh vào đây. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên sinh vào đây. Khi sinh vào đây rồi chịu nhiều nghiệp báo bất thiện.

Lặp lại nói bài kệ rằng:

*Tội nhân ra ngục lớn,
Thấy trong tro nóng này,
Giống như đất bằng rộng
Liên muốn đi qua đó.
Đến đó rồi tháo chạy
Vô số nhiều do-tuần.
Bỏ chân xuống bóng lửa
Đau đớn đến cùng cực.
Ra khỏi ngục tro nóng
Liên thấy có hầm phẩn
Rộng dài sâu trăm trượng
Nghĩ muốn đến hồ hoa
Trong đó vô số trùng*

Miệng cứng nhọn như kiếm
Đâm da hút máu thịt
Phá gân cốt ăn tủy.
Ra khỏi ngục hầm phân
Thấy rừng gươm liền thích
Cho là cành lá non
Muốn qua đó tìm vui.
Gặp đu chim trong rừng,
Mỏ bén nhọn như sắt.
Đè người như cây sống
Ăn thịt và hút máu.
Khi đã ăn thịt rồi
Chỉ còn lại gân cốt.
Khi gió lạnh thổi đến,
Da thịt lại như cũ.
Sợ hãi đạp nhau chạy.
Chỗ khổ tưởng là yên
Trên đường gặp tàn hại
Vào rừng kiếm đáng sợ
Lúc ấy thân rách nát
Đau quá máu tuôn chảy.
Ra khỏi rừng này rồi
Lại vào sông nước tro.
Sôi sục như nấu đậu,
Hoặc trôi lên chìm xuống
Trong nước tro nóng bỏng.
Tội nhân cũng như vậy.
Hai bờ các ngục tốt
Cầm chìa ba đâm người
Đưa lên đặt trên đất
Bắt nuốt hòn sắt nóng.

Hoặc nước sắt nấu sôi
 Muốn ăn: rót vào miệng.
 Đốt cháy khắp trong thân
 Rồi sau chảy xuống dưới.
 Như vậy người làm ác
 Thụ khổ địa ngục này
 Xưa không tu thiện nghiệp
 Tu hành theo đường tà.
 Do khởi suy nghĩ đúng
 Là được các nghiệp ác.
 Một mực làm việc lành
 Người này khỏi đường ác.
 Biết thiện ác hai nghiệp
 Quả báo sai biệt khác.
 Người trí nên là ác,
 Phải trồng các căn lành.
 Lại có kẻ tu hành
 Đi thẳng 8 đường chính.
 Vì diệt tất cả khổ
 Quán 4 pháp vô dư.
 Như Lai: thầy trời người.
 Như thật đã thấy rồi
 Nên nói ngục vờn ngoài:
 Chỗ ở người tạo ác.

10. Địa ngục Diêm-la

Như Phật Bà-già-bà và các A-la-hán nói, tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ Phật Thế Tôn nói: Này các Tì-kheo! Ta có thiên nhãn thanh tịnh quá hơn nhục nhãn, thấy các chúng sinh sống nổi chết chìm, thiện có, ác có, tốt đẹp có, thô sơ có. Hoặc ở đường lành, hoặc ở đường dữ, tùy nghiệp thụ sinh, ta biết như thật. Rồi nói kệ rằng:

*Khởi tạo tâm tà ác
 Và nói lời tà vạy,
 Hoặc thân tạo nghiệp tà
 Do vì xưa phóng dật.
 Ít nghe, không phúc đức
 Trong đời làm việc ác,
 Người ấy xả mạng rồi,
 Liền đọa ngục Diêm-la*

Phật bảo: Này các Ti-kheo! Nếu có người đời trước không cung kính cha mẹ, hoặc Bà-la-môn Sa-môn, không tôn kính bạn lành, các bậc tôn trưởng; không tu chính thiện và làm những việc phúc đức. Đối với việc ác hiện tại và những tội ở vị lai không sinh sợ hãi, không làm việc bố thí, không tu phúc đức; không thụ Bát quan trai, không giữ 5 giới, sau khi xả bỏ thọ mạng sẽ sinh vào địa ngục. Ngục tốt thu thu thập ghi chép gửi đến Diêm-la thưa rằng:

Người này đời trước không cung kính cha mẹ, Bà-la-môn Sa-môn, không cung kính thân hữu tôn trưởng; không tu chính thiện và làm việc phúc đức. Đối với đời hiện tại các việc ác và tội mai sau không sinh sợ hãi, không bố thí, không tu phúc đức, không thụ Bát quan trai, không giữ 5 giới. Xin vua chỉ dạy người này khiến biết nhân quả thiện ác.

Lúc ấy vua Diêm-la y theo lời tâu của 5 Thiên sứ mà dạy bảo các chúng sinh rằng:

Các người trước đây không thấy Thiên sứ thứ nhất đã đến trong cõi người chăng?

Đại Vương! Trước tôi không thấy.

Vua bảo: Trước đây nhà ngươi khi còn làm người đã không thấy các thiếu niên đồng tử, trẻ sơ sinh nằm ngựa không biết tránh chỗ ướt đến chỗ khô chăng?

Chúng sinh nói: Pháp vương! Xưa tôi đã thấy.

Vua hỏi: Người thấy biết sao không suy nghĩ? Ta nay phải sinh mà chưa độ được pháp sinh. Ta phải tùy theo thân khẩu ý tu hành thiện pháp để trong thời gian dài lâu được lợi ích hoan hỷ an lạc trong chính đạo.

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Tôi xưa phóng túng, không biết làm việc thiện.

Vua nói: Người đã làm các nghiệp tà ác, tự làm và trưởng dưỡng nó, không phải do cha mẹ, không phải do quốc vương; không phải do chư thiên, không không phải do các tiên vong Sa-môn Bà-la-môn v.v... Tự làm tự chịu. Dù không cầu, quả báo cũng tự đến.

Lúc ấy vua Diêm-la nhân Thiên sứ này tâu, dạy dỗ trách mắng rồi, lại nhân Thiên sứ thứ hai, mà dạy dỗ chúng sinh rằng:

Các người không thấy Thiên sứ thứ hai đã đến trong cõi người chăng?

Đại Vương! Tôi trước đây không thấy.

Vua nói: Người trước đây khi còn làm người không thấy nam nữ, người già cả v.v... hoặc lưng còng như cái cung, chống gậy bước đi thân hình run rẩy chăng?

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Tôi có thấy rồi.

Vua bảo: Người đã biết sao không suy nghĩ? Ta nay sẽ già mà chưa độ được pháp già. Ta nay phải tùy theo thân, khẩu, ý mà tu hành pháp lành để thời gian dài được lợi ích hoan lạc trong chính đạo.

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Xưa tôi phóng túng không làm được việc lành.

Vua bảo: Người tạo nghiệp tà ác, tự làm, tự trưởng dưỡng, không phải do cha mẹ, không phải do quốc vương, không phải do

chư thiên; không phải do tiên vong Sa-môn Bà-la-môn v.v... tự làm tự chịu, đâu không cầu, quả báo cũng nhất định đến.

Lúc ấy vua Diêm-la nhân việc Thiên sứ mà trách mắng dạy bảo rồi, lại nhân có Thiên sứ thứ ba mà dạy bảo chúng sinh rằng:

Các người trước đây không thấy Thiên sứ thứ ba đến trong cõi người chăng?

Đại Vương! Tôi trước đây đã không thấy.

Vua bảo: Người xưa khi còn làm người không thấy hoặc nam hoặc nữ tật bệnh cực kỳ khốn khổ, hoặc nằm liệt giường, hoặc dựa Thiên-đề, hoặc nằm trên đất. Thân này chịu khổ kiên cường khó nhẫn chịu được, các khổ bức bách xâm tổn thọ mạng đó sao?

Đại Vương! Xưa tôi đã thấy.

Vua bảo: Người đã biết sao không suy nghĩ lo toan? Ta nay sẽ phải bệnh mà chưa có pháp độ được bệnh tật. Ta phải tùy theo thân, khẩu, ý tu hành thiện pháp để thời gian dài được lợi ích hoan lạc nơi chính đạo.

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Xưa tôi đã phóng túng không làm được điều thiện.

Vua nói: Người tạo nghiệp tà ác, tự làm tự trưởng dưỡng, không phải do cha mẹ, không phải do quốc vương, không phải do chư thiên, không phải do tiên vong Sa-môn Bà-la-môn v.v... tự làm tự chịu, đâu không cầu, nghiệp báo cũng nhất định đến.

Lúc ấy vua Diêm-la nhân Thiên sứ này mà quả trách dạy bảo xong thì nhân Thiên sứ thứ tư dạy mà bảo chúng sinh rằng:

Các người trước đây không thấy Thiên sứ thứ tư đến trong cõi người chăng?

Đại Vương! Tôi trước đây không thấy.

Vua bảo: Người ngày trước khi còn làm người không thấy hoặc nam hoặc nữ hoặc chết một ngày; hoặc hai hay ba ngày cho đến 7 ngày; hoặc sinh chương lên, hoặc đen nám, hoặc hôi thối, hoặc bị cầm thú ăn thịt chằng?

Chúng sinh nói: Đại Vương! Tôi đã thấy rồi.

Vua bảo: Người hiểu biết như vậy sao không suy nghĩ lo toan? Ta nay sẽ phải chết mà chưa có pháp nào độ được sự chết. Ta phải tùy theo thân, khẩu, ý tu hành thiện pháp để trong thời gian dài được lợi ích hoan lạc trong chính đạo.

Chúng sinh nói: Đại Vương! Tôi xưa phóng túng không biết làm việc thiện.

Vua bảo: Người tự tạo nghiệp tà ác tự tăng trưởng không phải do cha mẹ, không phải do quốc vương, không không phải do chư thiên, không không phải do các tiên vong Sa-môn Bà-la-môn v.v... tự làm tự chịu đau không cầu, quả báo nhất định đến.

Lúc ấy vua Diêm-la nhân Thiên sứ này mà quả trách dạy bảo, rồi lại nhân Thiên sứ thứ năm mà dạy bảo chúng sinh rằng:

Các người trước đây không thấy Thiên sứ thứ năm đến trong cõi người chằng?

Đại vương! Tôi trước không thấy.

Vua bảo: Người xưa làm người không thấy các tội của người đòi như hoặc giết, hoặc trộm cắp, hoặc tà dâm cho đến vọng ngữ ác khẩu bị vua khép tội, cột đầu đánh trống ra lệnh nơi bốn bên đường ra khỏi cửa thành phía Nam, đến chỗ hình phạt đất dưới cây nêu tùy theo tội nặng nhẹ mà trị phạt hoặc dùng gậy, roi đánh vào tay chân, hoặc cắt mũi, cắt tai cho đến xử tử hình.

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Tôi xưa đã thấy.

Vua bảo: Người thầy biết sao không suy nghĩ lo toan? Tất cả nghiệp ác hiện báo có thể thấy. Ta nay tùy theo nghiệp lực đã làm hoặc thiện hoặc ác, vào đời vị lai theo nhân ấy mà thụ sinh.

Chúng sinh thưa: Đại Vương! Xưa tôi phóng túng, không làm được việc thiện.

Vua nói: Nghiệp tà ác của người là tự làm và tự tăng trưởng, không phải do cha mẹ, quốc vương, chư thiên và không phải do tiên vong Sa-môn Bà-la-môn v.v... Tự làm tự chịu, dầu không cầu, quả báo cũng chắc chắn đến.

Nói xong, xả tâm mà trụ. Rồi ngục tốt bắt tội nhân này treo ngược xuống cho vào địa ngục Cánh sinh.

Ngục này có 4 góc 4 cửa sắt, thành sắt bao bọc, trên dưới đều bằng sắt. Ngày đêm thiêu đốt phát ra sức nóng. Trong đó tội nhân tùy theo chỗ dây thừng đen cột mà bị búa chặt, máu thịt mất hết chỉ trừ có gân cốt, khổ thống khó chịu nổi tạm thời chết ngất. Rồi gió lạnh thổi, máu thịt trở lại như cũ. Chịu sự tàn hại Cùng cực này cho đến ác nghiệp thụ báo chưa hết, dầu muốn chết cũng không chết được.

Do xưa tạo gì mà nay phải chịu quả báo này khiến chúng sinh phải sinh vào nơi ấy?

Vì xưa khi làm người khinh thường cha mẹ, Sa-môn và Bà-la-môn, không cung kính thân hữu, tôn trọng; không tu chính thiện và những việc phúc đức. Đối với ác hiện tại và tội của vị lai không sinh sợ hãi; không hành bố thí, không tu phúc đức; không thụ Bát quan trai, không giữ 5 giới. Do các nghiệp hạ phẩm này nên sinh vào đây, chịu nhiều tàn hại khổ thống. Tội nặng hơn thì sinh vào địa ngục thứ 2 Hắc thăng. Tội nặng hơn nữa thì sinh vào địa ngục thứ 3 Tụ Khái. Tội nặng hơn nữa thì sinh vào địa ngục thứ 4 Khiếu hoán. Nếu nặng hơn nữa thì sinh vào địa ngục thứ 5 Đại Khiếu hoán. Tiếp theo sinh

vào địa ngục thứ 6 Thiêu Nhiệt và sau đó sinh vào địa ngục thứ 7 Đại Thiêu Nhiệt và hơn nữa sinh vào thứ 8 ngục A-tì-chỉ.

Ngục A-tì-chỉ này 4 góc có 4 cửa, thành sắt bao bọc chung quanh; trên dưới đều bằng sắt, ngày đêm thiêu đốt toàn là lửa dữ. Ở trong đó tội nhân bị thiêu đốt khổ sở trăm ngàn lần, giống như đốt củi, giống như luyện sắt. Trong vòng một ngày đêm thân thể bị thiêu đốt cũng như vậy.

Phật bảo: Các Tì-kheo! Ở ngục A-tì-chỉ này khi cửa Đông tạm mở thì tội nhân thấy rồi liền hướng theo cửa mà chạy, tìm chỗ nương tựa, chỗ cứu nạn để ra khỏi. Chạy chưa đến cửa thì cửa đã đóng lại. Cửa Tây, Nam, Bắc cũng như vậy. Thấy vậy mọi hy vọng mất hết thân tâm khổ não, đau xót kêu gào, vô lượng ngàn năm như vậy chịu khổ cực kỳ khó nhẫn chịu được. Nỗi đau đớn vô cùng này cho đến khi nghiệp ác quả báo trả chưa hết đâu muốn chết cũng không thể chết được.

Xưa đã tạo nghiệp gì phải thụ quả báo này?

Vì xưa khi làm người phỉ báng điều thiện, thanh tiền tiên nhân, hoặc cô phụ ân nghĩa; hoặc phản nghịch sát hại ái niệm thân hữu. Ngục Đại A-tì này là chỗ nghiệp chính, là nhân phương tiện nên thụ sinh vào đây. Lại cũng có nhiều ác nghiệp báo cũng thụ sinh vào đây. Lại cũng có do nghiệp cảm tăng thượng nên bị sinh vào đây thụ quả báo bất thiện nghiệp. Khi thụ chính báo xong ra khỏi Đại địa ngục. Do nghiệp còn dư lại nên phải vào bốn vườn ngăn cách bên ngoài nữa. Trước là vào địa ngục Nhiệt hôi, tro nóng sâu đến đầu gối và dưới đầu gối thì đốt cháy tội nhân như sấp bả vào lửa. Nếu giở chân lên thì da thịt trở lại như cũ. Trong đó tội nhân tìm chỗ nương tựa, tìm kiếm cứu vớt ra khỏi, chạy loạn vô số do-tuần thì thấy hàm Phần sĩ. Đất ở đó toàn là phân và tử thi đầy dẫy. Trong đó có loài trùng tên là Như-ong-cưu-trá nhiều vô số giống như con rắn dài, thân trắng đầu đen; miệng nhọn như kiếm, cắn đầu há miệng chờ tội nhân đến.

Khi tội nhân vào rồi thì trùng kia đâm thủng da vào đến thịt ăn tủy đến tận xương. Thụ khổ thông này trong vô số trăm ngàn năm hằng la hét kêu gào cho đến khi nghiệp ác chưa hết dầu muốn chết cũng không chết được.

Ra khỏi ngục này rồi thấy ngục rừng kiếm. Tìm cầu nơi nương tựa cứu tế ra khỏi nên chạy nhanh vào rừng. Trên đường đi, đủ loại giảo, thương đâm chém thân thể. Khi đã vào rừng rồi thì có gió nóng thổi làm động các cây có kiếm, gió nóng như lửa đốt cháy thân thể và rừng kiếm mưa xuống các binh khí rồi chém đâm thân thể. Chỗ nào trúng phải, da thịt chẳng còn. Chịu sự tàn hại này trong trăm ngàn năm kêu la gào thét cho đến khi các nghiệp ác chưa hết dầu muốn cầu chết cũng không chết được. Lại có nhiều loại cầm thú ăn thịt thân thể tội nhân như trước đã nói.

Khi ra khỏi ngục này rồi thấy sông nước tro nóng, nước sôi sùng sục, muốn tìm chỗ nương tựa cứu vớt ra khỏi liền chạy vào trong sông và bị quay cuồng đảo lộn như nấu đậu. Bên cạnh đó có ngục tốt cầm lưới sắt vung bắt tội nhân kéo lên bờ. Ngục tốt hỏi:

Tội nhân, nhà ngươi muốn gì?

Tội nhân đáp: Tôi bây giờ đói lắm không thể chịu được.

Ngục tốt liền lấy kim sắt cạy miệng cho hòn sắt nóng vào. Khi hòn sắt tới đầu thì môi, lưỡi, tim, ngục, ruột, gan, tì vị, ngũ tạng đều bị đốt cháy và hòn sắt ấy rơi xuống. Kẻ khát nước, thì bắt uống nước sắt nóng cũng như vậy. Ở trong địa ngục kêu la gào thét nhiều ngàn năm chịu khổ hình phạt này cho đến khi ác nghiệp báo chưa hết dầu muốn chết cũng không thể chết được.

Khi ra khỏi ngục này rồi thì thấy ở giữa là ngục Hạng, nghĩa là giống như một cái chợ lớn, trong đó có cây tên là Thiểm-phù-lê. Trong đó có ngục tốt nắm cánh tay tội nhân kéo lên hạ xuống như trước đã nói. Lại có những cái vạc lớn nấu nước sắt sôi sùng sục, rồi

ngực tốt ném tội nhân vào trong vạc. Người ở trong đó mãi 500 năm mới được tạm ra lúc đó mới la lên được. Sao không la lâu được? Vì mỗi khi bị chìm xuống trong đó. Lại có tội nhân hoặc ngựa hoặc sấp dùng đinh sắt đỏ đâm vào thân thể ngã xuống đất nóng. Hoặc kéo lưỡi tội nhân như miếng da bò lớn và thân trải trên đất dùng vô số đinh đỏ đóng xuống. Lại có tội nhân toàn thân bị chặt khúc như khúc mía. Lại có tội nhân bị ngực tốt bằm nát, hạ kiếm xuống là đứt đầu, nhắc kiếm lên là đầu liền lại như cũ. Do việc giết này mà đầu chất như núi và tay chân cũng vậy. Lại cũng có tội nhân bị căng da trên đất rồi lấy kiếm xẻo thịt và chất lên trên da. Lại có tội nhân đầy cả trong thuyền sắt, ngực tốt lấy chày giã nát. Lại có tội nhân đầu thú mình người, hoặc kéo xe như trước đã nói. Hoặc có vô số tội nhân bị các ngực tốt cầm gậy vây quanh như săn bắt. Như vậy các tội nhân này thụ các thảm hại cực kỳ khổ sở, khó nhẫn được. Phải chịu đựng nỗi thống khổ cùng cực này cho đến khi nghiệp ác chưa trả hết dấu muốn chết cũng không thể chết được.

Xưa tạo nghiệp gì mà nay thụ tội báo này?

Vì xưa khi làm người, tạo tác 10 điều ác và khinh thường không có địa ngục nên bị sinh vào đây; hoặc do thụ nghiệp quả của nghiệp còn sót lại; cho nên thụ sinh vào đây. Khi sinh vào đây rồi chịu đủ các nghiệp báo còn lại.

Lúc ấy Phật bảo các Tì-kheo rằng: Vua Diêm-la hằng nguyện rằng: Cho đến bao giờ mới rời khỏi đây, sinh vào làm người cùng với đồng loại sinh vào nhà giàu có. Nhiều của quý báu, thân người đẹp đẽ và đầy đủ tướng an lạc. Xe cộ và chân dạo chơi không đạp lên đất. Do năm tháng lớn lên, 6 căn thành thực, làm việc bố thí và các công đức khác, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y. Do trí chính tín mà lia bỏ nhà thế tục, thụ pháp xuất gia. Ta nguyện chứng được cứu cánh phạm hạnh, giống như các thiện nam tử xưa kia xuất gia được đạo phạm hạnh cứu cánh.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

Vì sao tạo nghiệp này
 Hiện đời sinh ưu não
 Vị lai khóc gào thét
 Chịu các thứ quả khổ.
 Ác nghiệp chưa thuần thực
 Kẻ si tưởng ngon ngọt.
 Khi nghiệp đã chín muồi,
 Mới biết là khổ nạn.
 Lúc mới tạo nghiệp ác
 Không như lửa cháy liền.
 Như tro lấp trên lửa,
 Theo thiêu đốt tội nhân.
 Tội nhân nhiều thống khổ
 Tất cả bị tổn hại.
 Dàn hao tổn thiện căn,
 Như cây chuối ra trái.
 Ác trí tự làm hại,
 Giống như trị oan gia.
 Khởi tạo các nghiệp ác
 Sẽ cảm khổ mai sau.
 Khổ hạnh, thiện nghiệp tốt
 Hiện tại tâm không hối.
 Vị lai thụ quả báo
 Hoan hỷ hằng an lạc.
 Như Lai: thấy trời người,
 Như thật thấy thế rồi
 Nên nói ngục Diêm-la:
 Chỗ ở người tạo ác.

HẾT QUYỂN 8

LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

(*Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới*)

QUYỂN 9

Phẩm 24: TIỂU TAM TAI

1. Tật dịch

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp. 20 tiểu kiếp lại cũng có tên là một kiếp. 40 tiểu kiếp cũng có tên là một kiếp. 60 tiểu kiếp lại cũng gọi là một kiếp. 80 tiểu kiếp là một đại kiếp.

Vì sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp?

Khi ấy Tì-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong địa ngục thụ xong nghiệp báo, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy một tiểu kiếp được gọi là một kiếp.

Vì sao 20 tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp?

Như thọ mạng của chư thiên Phạm Thiên Hành là 20 tiểu kiếp. Các Phạm Thiên, Phật nói trụ thọ một kiếp. Như vậy 20 tiểu kiếp còn gọi là một kiếp.

Vì sao 40 tiểu kiếp gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ của Phạm Chúng Thiên là 40 tiểu kiếp. Phật nói trụ thọ của họ là một kiếp. Như vậy 40 tiểu kiếp lại gọi là một kiếp.

Vì sao 60 tiểu kiếp lại gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ của Đại Phạm Thiên là 60 tiểu kiếp. Phật nói trụ thọ của họ là một kiếp. Như vậy 60 tiểu kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 80 tiểu kiếp gọi là một đại kiếp?

Phật nói: Trong kiếp thế giới tan hoại, trong kiếp thế giới tan hoại rồi trụ trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ.

Thế giới tan hoại v.v... kiếp số như thế nào ?

Phật nói: Nay các Tì-kheo! Trải qua 20 tiểu kiếp thế giới tan hoại. Tiếp đến trải qua 20 tiểu kiếp thế giới tan hoại rồi trụ. Tiếp đến trải qua 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành. Tiếp đến trải qua 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ.

20 tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ lại, có bao nhiêu đã qua có bao nhiêu chưa qua ?

8 tiểu kiếp đã qua và 12 tiểu kiếp vị lai.

Kiếp thứ 9, một kiếp hiện tại chưa hết, thì kiếp thứ 9 này một kiếp có bao nhiêu đã qua, có bao nhiêu ở vị lai ?

Vị lai còn 6 trăm 90 năm. Trong khoảng 20 tiểu kiếp có 3 lần tam tai lần lượt luân chuyển: Một là thời kỳ tật bệnh; hai là thời kỳ đại đao binh và 3 là thời kỳ đói khát lớn. Bây giờ đang ở kiếp thứ 9 tức là gặp 3 tam tai. Kiếp này do đói khát cho nên sẽ tận.

Phật bảo:

Nay các Tì-kheo! 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi được trụ lại và lần kiếp thứ nhất lúc Tiểu tai khởi lên lại có rất nhiều dịch bệnh. Tất cả đều xảy ra ở cõi Diêm-phù-đề. Tất cả các đất nước cùng nhân dân mắc phải dịch bệnh. Tất cả quỷ thần khởi tâm sân ác làm tổn hại người đời. Lúc bấy giờ thọ mạng của con người ngắn lại chỉ còn 10 tuổi; thân hình nhỏ bé cỡ 2 hoặc 3 gang tay. Tự lượng là 8 gang tay. Chủ yếu nuôi sống bằng loại cỏ gạo. Đầu tóc, y phục

là quan trọng nhất. Chỉ dùng dao gậy để trang nghiêm. Lúc ấy con người không thực hành chính pháp và hay tham trước nhiệm ô những việc phi pháp và bị sai khiến bởi những tham ái phi lý. Những pháp tà lừa dối khởi các tội lỗi, rất khó giáo huấn, không thể làm điều thiện, không biết tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ưng với tà pháp. Hoặc thân, miệng, ý khởi lên 3 tà hạnh, không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ỷ ngữ, tham ái, sân si, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu tôn trưởng. Buông thả tâm khởi nhiều ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm làm ngắn tuổi thọ, có thể cảm làm sinh nhiều bệnh tật, có thể cảm làm sắc hình xấu xí, có thể cảm làm thân không có uy đức, có thể cảm làm sinh vào nhà hạ tiện, có thể cảm làm bản cùng khổ, có thể cảm làm sinh ngu si tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng. Người này tương ưng với các loại nghiệp ác phiền não. Do làm những hành nghiệp tà quá nặng nên sinh gió loạn thổi làm phương sở thời tiết thất thường. Do gió này không bình thường nên trời mưa cũng không đúng thời vụ. Lúc ấy Tứ Thiên vương đại thần giận những việc làm của người ác nên không vui chơi với nước nên không làm mưa. A-tu-la vương là La-hầu muốn làm khổ người ở cõi Diêm-phù-đề nên hoặc dùng ngón tay; hoặc dùng lưng đỡ mưa và cho vào biển. Lại có những quỷ thần muốn làm khổ người ở cõi Diêm-phù-đề nên dùng thần lực thừa lúc mưa xuống nổi lửa làm cho nước khô kiệt. Hoặc khi mưa thì nổi gió lớn thổi ra biển. Do nguyên nhân như vậy nên trời mưa không đều. Tất cả mọi hạt mầm của cây cỏ dược thảo đều khô héo không thể nảy nở kết trái. Lại nữa nếu có kết trái cũng giảm thiểu màu sắc hương vị. Không được lâu dài và không có sức mạnh. Nếu con người không dùng đến 5 nghiệp thì sắc lực, an lạc, thọ mạng, thông biện. Do vì tà ác nên trong tự thân khởi lên các bệnh nặng, hoặc bệnh hủi, hoặc bệnh đau đầu, hoặc điên, hoặc bệnh bấu cổ, hoặc trùng, hoặc máu độc, hoặc thổ huyết, hoặc bệnh lậu, hoặc phù thũng, hoặc bệnh trái

thời tiết, hoặc trúng gió bại liệt, hoặc hư lao sốt rét; hoặc ung nhọt, hoặc sưng tay chân, ăn uống không tiêu. Như vậy những bệnh nặng và bệnh nhẹ đều xảy ra. Lúc ấy người ta mắc bệnh khổ nặng. Lại có những ác quỷ hay xúc não. Muốn cầu cho thân mạng được bình an, nên cúng tế thiên thần, đọc tụng chú thuật. Hoặc cậy nhờ tà kiến mà khởi các việc làm ác, giết hại các chúng sinh, mong cầu chú thuật của quỷ thần. Muốn cầu cho không bệnh mà làm như thế tất cả lợi dưỡng không đạt được không bệnh. Một ngày một đêm vô lượng chúng sinh tật bệnh nổi lên rồi chết chóc. Chúng sinh đời mạng pháp tự nhiên sinh các tội lỗi như vậy.

Vì sao như vậy?

Vì con người làm pháp bất thiện, pháp bất bình đẳng. Do nhân ấy nên bị quả báo. Trong lúc ấy mà thực hành bình đẳng, thiện pháp, mà không được thì tất cả chúng sinh trong thời kiếp trước này tự nhiên khởi. Lúc ấy con người dựa vào chỗ thấy thô thiện và các nghiệp thô ác, tạo ra các ác nên sau khi xả mạng thụ sinh vào chỗ ác, vào con đường khổ, thoái đọa hạnh không an lạc. Lúc ấy đa phần chúng sinh bị sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Lúc ấy tất cả các đại quốc vương đều chết mất, đất đai lần lần bị hoang phế; chỉ còn những quận huyện nhỏ xa cách mỗi nơi. Lúc ấy con người không thực hành chính pháp. Bị nhiễm ô bởi những việc tham trước phi pháp. Bị tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi các tội ác, khó giáo huấn không thể dạy làm thiện, không biết tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ưng với những pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi lên 3 tà hạnh. Không lìa bỏ việc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn, Bà-la-môn và thân hữu, tôn trưởng. Buông thả tự tâm khởi các ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm báo làm thọ mạng ngắn lại. Có thể cảm báo nhiều bệnh, hoặc cảm báo sắc hình xấu xí, hay cảm báo thân không có uy đức, hay cảm

báo sinh vào nhà bần tiện; hoặc cảm báo bần cùng khốn khổ, hoặc cảm báo ngu si tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng và như vậy con người bị tật bệnh khốn khổ, không có ai bố thí, cho ăn uống thuốc thang. Do nhân duyên như vậy, thọ mạng chưa hết mà bị hoạnh tử vô số. Một ngày một đêm có vô lượng chúng sinh bị bệnh tật mà chết. Chúng sinh thời mạng pháp tự nhiên sinh các tội nghiệp như vậy.

Vì sao như vậy?

Vì con người làm pháp bất thiện, pháp bất bình đẳng. Do nhân ấy nên bị quả báo. Trong lúc ấy thực hành bình đẳng, thiện pháp, mà không được thì tất cả chúng sinh trong thời kiếp trước này tội lỗi tự nhiên khởi. Lúc ấy con người dựa vào chỗ thấy thô thiển và các nghiệp thô ác, tạo ra các ác nên sau khi xả mạng thụ sinh vào Tu-la, ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục. Những quận huyện nhỏ lần lượt hoang vu, chỉ còn những nhà nhỏ xa cách mỗi nơi. Lúc ấy con người không hành chính pháp, khởi các thứ nghiệp ác có thể cảm làm cho thọ mạng ngắn lại, cho đến ngu si tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm tăng trưởng. Bấy giờ con người bị tật bệnh rồi chết, không có người chôn cất và thiêu đốt. Lúc ấy đất toàn bao phủ xương trắng. Một ngày một đêm vô số chúng sinh tật bệnh rồi chết, cho đến nhà cửa lần lượt trống vắng. Lúc ấy kiếp mạng còn có 7 ngày. Trong trong 7 ngày ấy có vô lượng chúng sinh bị bệnh rồi chết hết. Giả sử có người còn thì cũng di tản đi chỗ khác. Lúc ấy có một người tập hợp các nam nữ trong Diêm-phù-đề lại. Chỉ còn 1 vạn người là nhân chủng của tương lai. Còn lại thì họ chỉ làm những việc phi pháp. Chỉ 1 vạn người này có thể làm việc thiện. Do vậy mà các thiện quỷ thần muốn làm cho loài người không tuyệt chủng; nên ủng hộ người này dùng các thứ nuôi dưỡng khiến vào lỗ chân lông. Do nghiệp lực cho nên trong kiếp trung gian lưu lại chủng tử con người tự nhiên không đoạn tuyệt. Qua 7 ngày sau thì đại dịch bệnh nhất thời dứt tuyệt. Tất cả ác quỷ đều bỏ

đi. Tùy theo các chúng sinh mong muốn mà đồ ăn, thức uống, y phục v.v... trời liền mưa và âm dương điều hòa. Mỹ vị xuất sinh, thân hình khả ái, tướng đẹp trở lại. Tất cả các thiện pháp tự nhiên sinh khởi, thanh lương, tịch tĩnh, an lạc không bệnh. Đại bi nhập tâm vì do lòng đại bi. Đại từ nhập tâm vì do đại từ. Không có ý nào hại vì do ý không hại. Được trông thấy nhau sinh tâm hỷ lạc, sinh tâm nhẫn chịu, sinh tâm không chán. Cùng nhau phò trì không xa lìa nhau, giống như người thân yêu nhau đã lâu không gặp, không được hội họp sinh tâm vui mừng, sinh tâm nhẫn thụ, sinh tâm không chán. Cùng nhau phò trì không xa lìa nhau. Lúc ấy con người gặp nhau cũng như vậy. Do yêu thích nhau nam nữ cùng sống chung. Đây là tiền kiếp, con người thọ mạng đến 10 tuổi. Nhân dân ở hậu kiếp từ đó mà sinh. Thọ mạng sống lâu, hình tướng đẹp đẽ; uy đức tối thắng; thần lực tự tại. Đời sống đầy đủ, thọ mạng 20 ngàn tuổi. Lúc ấy chúng sinh công đức như vậy tự nhiên được thành tựu.

Vì sao như vậy?

Do pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành là quả báo đó. Khi ấy người và các thiện pháp tương ưng nhau. Thân làm việc lành, miệng làm việc lành, ý làm việc lành. Khi xả thọ mạng rồi thì sinh vào đường lành và chư thiên. Khi xả thọ mạng rồi lại sinh vào loài người. Khi sinh vào loài người tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm. Thường làm việc lành, xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế. Xả pháp tà kiến, tu hành chính kiến. Cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, tôn trọng cùng với các thiện pháp tương ưng. Do nghiệp này có thể cảm được sự sống lâu, không có tật bệnh, hay tạo ra sắc hình đoan chính, cảm thân có uy đức, cảm sinh vào nhà giàu có, cảm được trí tuệ lớn. Các thiện pháp này ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy con người y vào phúc đức hành, sinh vô lượng công đức. Khi

xả bỏ thọ mạng, sau đó lại sinh vào cõi trời và sinh vào cõi thiện, trụ trong cõi thiện. Thời tiết dài lâu như vậy.

Thời gian của kiếp đầu do đại dịch bệnh cuối cùng chấm dứt. Tiếp kiếp thứ 2 tiếp tục 20 ngàn năm. Thọ mạng trong kiếp thứ nhất thì người này từ trước sinh ra 20 ngàn tuổi. Thọ mạng của người này dài nhất, sắc hình đẹp lạ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, của cải đầy đủ. Thọ mạng đến 40 ngàn tuổi lúc ấy chúng sinh công đức như vậy tự nhiên thành.

Vì sao như vậy?

Vì đó là quả báo của pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành. Lúc ấy con người tương ứng với các thiện pháp. Thân làm việc thiện, miệng làm việc thiện, ý làm việc thiện. Khi xả thọ mạng rồi sinh vào nẻo thiện và cõi chư thiên. Khi xả thọ mạng rồi, lại sinh làm người. Khi sinh làm người rồi, tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm việc tối thiện. Xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, bỏ pháp tà kiến, tu hành chính kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng cùng các thiện pháp tương ứng. Nghiệp này có thể cảm được sự sống lâu, cảm được không sinh bệnh tật, cảm được hình sắc đoan chính, cảm được thân có uy đức, cảm được sinh vào nhà giàu có, cảm được có trí tuệ lớn. Như vậy các thiện nghiệp ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy loài người y vào phúc đức hạnh, sinh vô lượng công đức. Khi xả thọ mạng rồi, sau đó lại sinh vào cõi chư thiên và sinh vào nẻo thiện trụ lâu trong nẻo thiện.

Như vậy gọi là ở trong kiếp thứ hai. Thọ mạng của kiếp thứ hai là 40 ngàn tuổi. Khi người sinh vào thời có tuổi thọ 40 ngàn tuổi thì đời sống thật dài lâu và hình tướng đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, của cải đầy đủ.

Thọ mạng 60 ngàn tuổi thì con người tương ứng với các pháp lành, thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành. Khi xả thọ mạng sinh vào nẻo thiện và cõi trời. Khi xả thọ mạng ở cõi trời rồi lại sinh làm người. Khi sinh làm người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm việc thiện, xa lìa việc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả pháp tà kiến, tu hạnh chính kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, tương ứng với các loại thiện pháp. Nghiệp này có thể cảm được việc sống lâu không bệnh, sắc hình đoan chính, thân có uy đức, sinh vào nhà giàu có, trí tuệ lớn. Các thiện nghiệp như vậy sinh trưởng mỗi ngày. Lúc ấy loài người nương vào việc làm phúc đức mà sinh vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng thì sinh vào cõi trời và trong nẻo thiện, ở dài lâu trong nẻo thiện. Như vậy gọi là kiếp thứ ba.

Thọ mạng của kiếp thứ ba là 60 ngàn tuổi. Đây là những người được thụ 60 ngàn tuổi sinh vào kiếp này. Người này tuổi thọ dài nhất, sắc hình đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, tư sinh đầy đủ.

Thọ mạng 80 ngàn tuổi, như vậy chúng sinh sinh trong kiếp này ở cõi Diêm-phù-đề, thọ mạng dài lâu cho đến 80 ngàn năm. Lúc ấy người nữ 500 tuổi mới lấy chồng. Bảy giờ con người chỉ có 7 bệnh như đại tiểu tiện, hàn, nhiệt, tâm dâm dục, đói, già. Trong lúc như vậy tất cả quốc gia giàu có an vui, không có giặc giã và trộm cắp, châu, quận, huyện, ấp, nhân dân, thôn lạc v.v... cùng nghe tiếng gà gáy. Canh tác tuy ít mà gặt hái lại nhiều. Con người lúc ấy thụ nghiệp ít tổn công là do đời trước đã trồng nhiều nhân lành. Nhà cửa, xe cộ, y phục, tài sản đời đời đầy đủ như ý. Tuy có thụ dục nhưng trọn đời không hư hỏng. Lúc ấy con người được an ổn hưởng lạc không rong ruổi tìm cầu.

Thọ mạng 80 ngàn tuổi trụ A-tăng-kì năm cho đến khi chúng sinh chưa tạo 10 điều ác. Từ khi khởi lên 10 điều ác thì thọ mạng

nhân đây mà giảm xuống. Cứ 1 trăm năm thì giảm 10 tuổi, rồi lần lượt 1 trăm năm giảm xuống 10 tuổi. Cho đến giảm xuống chỉ còn 10 tuổi. Cuối cùng của 10 tuổi thì không giảm nữa. Dài nhất là 8 vạn tuổi và ngắn nhất là 10 tuổi. Nếu Phật không lần lượt ra đời như thế. Nếu Phật ra đời, trụ như chính pháp thì thọ mạng của chúng sinh lại không giảm. Tùy theo chính pháp giảm dần mà thọ mạng giảm theo. Phật Thế tôn đã nói, và tôi nghe như vậy.

2. Đạo binh

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp có tên là một kiếp như trước đã nói. Cho đến 80 tiểu kiếp có tên là một đại kiếp.

Vì sao 80 tiểu kiếp có tên là một đại kiếp?

Phật bảo rằng trong kiếp khi thế giới tan hoại và trong kiếp thế giới tan hoại rồi trụ lại; trong kiếp thế giới khởi hành, trong kiếp thế giới khởi hành rồi trụ lại.

Thế giới tan hoại và kiếp số ấy thế nào?

Phật bảo: Các Tì-kheo! Trải qua 20 tiểu kiếp thế giới tan hoại. Tiếp đến trải qua 20 tiểu kiếp thế giới tan hoại rồi trụ. Tiếp đến trải qua 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành. Tiếp đến 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành rồi trụ. 20 tiểu kiếp này thế giới khởi thành rồi trụ. Đến kiếp thứ 2 khi Tiểu Tam Tai khởi lên, lúc ấy do đao binh lớn xảy ra kết thúc kiếp này. Bây giờ cõi Diêm-phù-đề tất cả mọi quốc gia, cho đến nhân dân đều gặp nạn đao binh lớn cùng tàn sát lẫn nhau. Lại xảy ra những tật dịch và tất cả quỷ thần khởi tâm giận dữ làm tổn hại người đời. Lúc ấy tất cả thọ mạng của con người ngắn lại, chỉ còn sống 10 tuổi, thân hình nhỏ bé, hoặc như 2 hay 3 gang tay, lương thực chủ yếu là loại cỏ gạo, tóc người làm y phục, chỉ dùng dao để tự trang nghiêm. Lúc đó con người không thực hành chính pháp và hay tham đắm những việc phi pháp, hay bị tham ái nhiễm ô và phi lý sai sử, tà pháp bành trướng khởi các tội ác không làm điều thiện, không biết

làm phúc, không cứu giúp khổ nạn, ngày đêm tương ưng với những pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi 3 tà hạnh, không thể lìa bỏ việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến, không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, các bậc tôn trưởng. Phóng tâm khởi các ác nghiệp. Do nghiệp này có thể cảm báo làm cho mạng sống ngắn ngủi, có thể cảm sinh tật bệnh, có thể cảm đến hình sắc xấu xí, có thể cảm thân không uy đức, có thể cảm báo sinh vào nhà ti tiện, có thể cảm báo bần cùng khốn khổ, có thể cảm báo ngu si, tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng. Con người như vậy tương ưng với nhiều phiền não ác nghiệp. Do làm những tà nghiệp cực nặng nên cha mẹ con cái tranh giành nhau, anh em chị em, bà con bạn bè tranh giành nhau, hướng chi là người khác. Lúc ấy con người khởi đấu tranh với nhau rồi, nào dùng đến tay chân, gạch đá, hoặc cây gậy làm tổn hại nhau, cho đến gươm đao gậy khủng bố cho đến sát hại lẫn nhau. Lúc ấy con người khởi nhiều giận dữ lấy việc giết hại nhau làm vui. Vua nước phương Đông đến chinh phạt nước phương Tây. Vua nước phương Tây sang chinh phạt nước phương Đông. Các vua Nam Bắc cũng như vậy. Lúc ấy các vua đều dùng mọi cách mạ lỵ nhau, nói dối nhau, tìm kiếm sơ hở của nhau để có chính nghĩa. Sau khi đấu tranh khởi oán thù, rồi liền cầm dao gậy giết chóc lẫn nhau. Chỉ trong một ngày một đêm thôi, số người bị hại chết vô lượng vô số. Chúng sinh thời kiếp mạt tự nhiên sinh tội lỗi như vậy.

Vì sao như thế?

Vì lẽ con người làm chuyện bất thiện; không bình đẳng mà bị quả báo như vậy. Trong khi ấy ấy pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành đều không làm được nên tất cả chúng sinh, sinh ra trong kiếp này ô trọc, tự nhiên sinh khởi. Lúc ấy con người dựa vào thô kiến, thô nghiệp tạo tác các ác. Sau khi xả thân mạng rồi thụ sinh vào chỗ ác, sinh vào đường khổ sở thoái đọa không được an ổn. Đa số chúng

sinh lúc ấy sinh vào địa ngục, súc sinh, ngựa quỷ, A-tu-la. Khi đó dòng giống Đại quốc vương đều chết mất. Các nước lần lượt trở thành hoang phế. Chỉ còn những quận huyện nhỏ không đáng nói ở xa cách mỗi nơi. Lúc ấy con người không thực hành chính pháp, tham đắm phi pháp, hằng bị tâm nhiễm ô, tham ái phi lý sai sử, tà pháp lớn mạnh khởi các ác nghiệp, không thể làm việc thiện, không biết tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ưng với tà pháp, ác pháp. Hoặc do thân, khẩu, ý khởi làm 3 điều tà hạnh, không thể lìa bỏ sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, ý ngữ, tham ái, sân si, tà kiến, không thể cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn và thân hữu cùng các bậc tôn trưởng. Phóng tâm khởi nhiều ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm báo làm thọ mạng ngắn lại, cảm sinh nhiều bệnh, cảm làm cho hình sắc xấu xí, cảm làm cho thân thể không có uy đức, cảm báo sinh vào nhà hạ tiện, cảm báo sinh nơi bần cùng khôn khổ, cảm báo ngu si, tà kiến. Những nghiệp như vậy ngày đêm tăng trưởng. Người nước phương Đông sang chinh phạt người phương Tây. Người hai phương Nam Bắc cũng như vậy. Lúc ấy con người mạ lỵ nhau, đổ lỗi cho nhau là chính, tìm cầu chỗ sơ hở là chính, tiến hành đấu tranh rồi khởi oán thù, rồi cầm dao gậy tàn sát nhau. Chỉ trong một ngày một đêm hại chết vô lượng vô số. Chúng sinh thời kiếp mạt như vậy tự nhiên sinh.

Vì sao như vậy?

Nếu con người không làm thiện hạnh, pháp hạnh, bình đẳng hạnh sẽ bị quả báo ấy. Trong khi ấy, pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành không làm được thì tất cả chúng sinh ở trong kiếp ô trược này tự nhiên khởi lên. Khi ấy con người dựa vào những nghiệp thô, tạo tác các điều ác. Sau khi xả bỏ thân mạng liền sinh vào chỗ ác, nơi khổ sở thoái đọa không yên ổn. Lúc ấy chúng sinh phần nhiều sinh vào địa ngục, súc sinh, ngựa quỷ, A-tu-la. Các quận, huyện lần lượt bỏ trống. Chỉ còn có một ít nhà, chuyển đến một nơi xa. Lúc ấy nhà

phía Đông đến giết hại nhà phía Tây và nhà phía Tây lại qua giết hại nhà phía Đông. Các nhà ở phía Nam Bắc cũng vậy. Lúc ấy con người chỉ còn mạ ly nhau là chính và đổ lỗi cho người khác, tìm chỗ sơ hở là chính, rồi tiến hành tranh đấu, khởi tương oán thù. Rồi cầm dao gậy giết nhau. Chỉ trong một ngày một đêm mà những người bị hại chết vô lượng vô số. Vào thời kiếp mạt chúng sinh tự nhiên sinh tội lỗi như vậy.

Vì sao như vậy?

Vì nếu con người không làm việc lành, không theo chính pháp, không hành bình đẳng thì bị quả báo nghiệp ác như vậy. Trong khi ấy chính pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành không làm được, nên tất cả chúng sinh sinh trong đó, kiếp trước tự nhiên khởi. Lúc ấy con người chỉ dựa vào chỗ thô kiến, thô nghiệp, tạo các ác; nên khi xả bỏ thân mạng lại sinh nơi ác, nơi đường khổ đọa lạc không an lạc. Lúc ấy chúng sinh đa phần sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Lúc đó người và nhà cửa bị mất hết, chỉ trừ một số người còn lại phân tán rải rác. Số người phân tán này không hành chính pháp, khởi các ác nghiệp có thể cảm báo đời sống ngắn lại, cho đến ngu si tà kiến. Lúc ấy ở kiếp mạt này chỉ còn 7 ngày và trong 7 ngày ấy cầm lấy cây cỏ tức thì thành đao trượng khí giới rồi tàn hại lẫn nhau, uy hiếp khủng bố cho chết. Rồi một số người sợ nên mang dao gậy chạy trốn vào rừng; hoặc lội qua sông tìm trốn nơi khác, hoặc vào hang động để lánh tai nạn, hoặc lúc ấy gặp những người sợ hãi chạy cũng sợ hết hồn, hoặc lúc ấy ngã té xuống đất giống như con nai gặp phải thợ săn. Lúc ấy con người gặp nhau sợ hãi như vậy. Trong 7 ngày ấy thì đao binh, hoành tử chết vô lượng vô số. Giả sử có người còn cũng tản đi nơi khác. Bây giờ có một người tập hợp lại các nam nữ ở Diêm-phù-đề và chỉ còn 1 vạn người sót lại làm nhân chủng về sau. Trong thời đó đều hành phi pháp. Chỉ có 1 vạn người này có thể làm việc thiện. Các quỷ thần thiện muốn làm cho con người không tuyệt diệt cho

nên đã ủng hộ những người này bằng cách cho vị dinh dưỡng ngon vào lỗ chân lông. Do nghiệp lực nên trong kiếp này giống người tự nhiên không đứt mất. Qua khỏi 7 ngày sau thì Đại đao binh nhất thời chấm dứt. Tất cả ác quỷ đã bỏ đi. Tùy theo ước muốn của chúng sinh mà có được y phục, ẩm thực và các thứ khác. Mưa hòa gió thuận, âm dương điều hòa, mỹ vị xuất sinh, thân hình khả ái tương hảo trở lại như cũ. Tất cả thiện pháp tự nhiên sinh khởi, thanh lương tịch tĩnh, an lạc không bệnh, đại bi nhập tâm. Do đại bi nên đại từ nhập tâm. Do đại từ nên không có ý não hại. Do ý vô hại nên gặp nhau sinh tâm vui mừng, sinh tâm kham nhẫn, sinh tâm không chán, cùng nhau giúp đỡ không lìa bỏ nhau; giống như bạn bè tương ái tương thân lâu chưa được gặp. Vừa được tụ tập là sinh tâm vui mừng, sinh tâm nhẫn thụ, sinh tâm không chán. Cùng nhau giúp đỡ không lìa bỏ nhau. Lúc ấy con người gặp nhau cũng như vậy. Do cùng thích nhau nên nam nữ ở chung. Đó là tiền kiếp thọ mạng con người là 10 tuổi. Người kiếp sau từ đó sinh. Thọ mạng dài nhất, sắc hình đẹp để uy đức vượt trội, thần lực tự tại, của cải đầy đủ, thọ mạng 20 ngàn tuổi. Lúc bấy giờ chúng sinh tự nhiên thành tựu được công đức này.

Vì sao như vậy?

Vì do thực hành pháp, thực hành bình đẳng, và làm việc thiện là quả báo đó. Lúc ấy con người tương ưng với thiện pháp, thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện. Sau khi xả bỏ thọ mạng liền sinh vào cõi thiện và cõi trời. Sau khi xả bỏ thọ mạng trở lại sinh làm người. Sinh vào cõi người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức. Tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm những việc tối thiện, xa lìa việc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ pháp tà kiến và tu hành chính kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng. Tương ưng với các thiện pháp. Do nghiệp ấy mà cảm được việc sống lâu, không

bệnh hoạn và sắc hình đoan chính, thân thể có uy đức, cảm báo sinh vào gia đình giàu có, cảm được trí tuệ lớn. Các thiện nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy con người nương vào phúc đức mà được sinh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sinh vào cõi trời và ở nơi nẻo thiện. Trụ các nẻo thiện ấy dài lâu. Như vậy ở trong kiếp đầu do Đại đao binh rất ráo chấm dứt rồi, tiếp đến kiếp thứ 3, tiếp tục 20 ngàn năm. Thọ mạng trong kiếp thứ nhất là con người từ 20 ngàn năm trước mà sinh ra. Đời người này thọ được lâu dài nhất, sắc hình đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ.

Thọ mạng 40 ngàn tuổi. Lúc ấy chúng sinh công đức tự nhiên thành tựu.

Vì sao như vậy?

Vì thực hành pháp, thực hành bình đẳng, thực hành thiện pháp được quả báo này. Lúc ấy con người tương ưng nhiều pháp lành. Thân làm việc lành, miệng nói điều lành và ý nghĩ điều lành. Sau khi xả bỏ thọ mạng liền sinh vào nẻo thiện và cõi trời. Sau khi xả bỏ thọ mạng cõi trời rồi lại sinh làm người. Khi sinh vào làm người tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phàm, thường làm việc lành, xa lìa việc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ tà kiến, tu hành chính kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, tương ưng các pháp lành. Nghiệp này có thể cảm báo được sống lâu, có thể cảm báo không bệnh tật, có thể cảm được hình tướng đoan chính, có thể cảm được thân thể có uy đức, có thể cảm báo được sinh vào nhà giàu có phú quý, có trí tuệ lớn. Các thiện nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy con người nương vào nơi phúc đức làm tăng trưởng vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng liền sinh vào cõi trời và nơi nẻo thiện, trụ nẻo thiện ấy dài lâu.

Đây gọi là trong kiếp thứ 3 của thọ mạng 40 ngàn tuổi. Lại nữa con người từ 40 ngàn tuổi sinh, thọ mạng người này là dài nhất, thân hình đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, của cải đầy đủ.

Thọ mạng 60 ngàn tuổi lúc ấy con người tương ưng với nhiều thiện pháp. Thân việc lành, miệng nói điều lành, ý nghĩ điều lành. Sau khi xả thọ mạng rồi sinh vào nẻo thiện và cõi trời. Sau khi xả thọ mạng cõi trời rồi lại sinh làm người. Khi sinh vào cõi người tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phàm, thường làm việc thiện, lia bỏ sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ phép tà kiến và tu hành chính pháp, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, bạn lành và các bậc tôn trưởng, tương ưng nhiều thiện pháp. Nghiệp này có thể cảm báo được sống lâu, có thể cảm báo được không bệnh, cảm báo được hình tướng đoan chính, có thể cảm báo được thân có uy đức, có thể cảm báo được sinh vào nhà giàu có trí tuệ rộng lớn. Như vậy các thiện nghiệp ngày đêm tăng trưởng. Lúc ấy con người nương vào làm phúc đức nên sinh vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mạng rồi liền sinh vào cõi trời và trong nẻo thiện, trụ trong nẻo thiện này dài lâu. Như vậy gọi là trong kiếp thứ 3 của thọ mạng thứ 2 là 60 ngàn tuổi.

Kế đến con người từ 60 ngàn tuổi sinh. Người này thọ mạng dài lâu nhất, hình tướng đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ.

Thọ mạng 80 ngàn tuổi, như vậy sinh trong kiếp của Diêm-phù-đề này chúng sinh thọ mạng dài lâu nhất, cuối cùng là 80 ngàn năm. Lúc ấy người nữ 500 tuổi mới đi lấy chồng. Khi ấy con người có 7 thứ bệnh. Đó là đại, tiểu tiện, hàn, nhiệt, dục tâm, đói khát và già. Trong lúc đó tất cả các nước đều giàu có sung túc an vui, không có giặc giã trộm cướp. Các châu huyện, thành ấp, nhân dân, thôn xóm nghe được tiếng gà gáy của nhau. Canh tác tuy ít mà thu hoạch được nhiều. Lúc

đó loài người thụ quả do dụng công thì ít mà thụ quả do thiện nghiệp đời trước thì nhiều. Nhà cửa, xe cộ, ruộng vườn, y phục, tài sản đời đời đầy đủ như ý. Tuy thụ dụng, cả đời không hư hỏng. Lúc đó con người ở yên hưởng thụ không phải rong ruổi tìm cầu. Thọ mạng 80 ngàn tuổi trừ 1 A-tăng-kì là 1 năm cho đến khi chúng sinh chưa tạo 10 điều ác. Từ khi khởi 10 nghiệp ác thì thọ mạng nhân đây mà giảm xuống 10 tuổi. Cứ 1 trăm năm như vậy giảm 10 tuổi và lần lượt 1 trăm năm giảm 10 tuổi và cứ thế lần lượt giảm cho đến còn 10 tuổi và cuối cùng 10 tuổi thì không còn giảm nữa. Dài nhất là 8 vạn và ngắn nhất là 10 tuổi. Nếu Phật không ra đời thì cứ lần lượt như vậy. Nếu Phật xuất thế như chính pháp trụ ở đời thì thọ mạng của chúng sinh tạm trụ không giảm. Tùy theo chính pháp giảm mà thọ mạng giảm theo.

Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

3. Tiểu Tam Tai về Nạn đói

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp, ngoài ra như trước đã nói. Cho đến 80 tiểu kiếp thì gọi là một đại kiếp.

Sao 80 tiểu kiếp gọi là 1 đại kiếp ?

Phật nói trong kiếp thế giới tan hoại, trong kiếp thế giới tan hoại rồi trụ, trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ.

Thế Tôn! Số các kiếp tan hoại như thế nào?

Phật nói: Nay các Tì-kheo! Trải qua 20 tiểu kiếp thế giới này tan hoại. Kế tiếp là 20 tiểu kiếp thế giới tan hoại rồi lại trụ. Tiếp theo đó trải qua 20 tiểu kiếp thế giới khởi thành. Tiếp theo trải qua 20 tiểu kiếp khởi thành rồi trụ lại. Đây là 20 tiểu kiếp của thế giới khởi, rồi được trụ lại.

Khi kiếp thứ 3, Tiểu Tam Tai khởi, do nạn đói dữ dội là kiếp chấm dứt. Trong thời gian đó, tai nạn đầu sắp khởi, do đói khát, do

khôn khổ, do trời hạn hán. Lúc ấy ở cõi Diêm-phù-đề này tất cả các nước nhân dân đang gặp bệnh dịch lớn. Tất cả quỷ thần đều khởi tâm sân ác muốn làm tổn hại người thế gian. Lúc ấy tất cả nhân gian thọ mạng thật ngắn ngủi chỉ sống đến 10 tuổi, thân hình xấu xí, nhỏ bé hoặc bằng 2 hay 3 gang tay, tất cả đều sống bằng loại cỏ gạo, lầy tóc người làm áo để che thân. Chỉ trang bị bằng dao gậy. Lúc ấy loài người không hành chính pháp, tham đắm phi pháp, hằng bị nhiễm ô, tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi các tội ác khó giáo huấn, không biết làm thiện, không biết tạo phúc, không cứu khổ nạn. Ngày đêm tương ứng các pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi 3 tà hạnh, không thể xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng. Phóng tâm khởi các nghiệp ác. Nghiệp này có thể cảm báo đến thọ mạng ngắn ngủi, có thể cảm báo bệnh tật, có thể cảm báo hình sắc xấu xí, có thể cảm báo thân không có uy đức, có thể cảm báo sinh vào nhà ti tiện, có thể cảm báo bần cùng khôn khổ, có thể cảm báo ngu si tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm sinh trưởng. Như vậy con người tương ứng với các phiền não ác nghiệp. Do làm những tà hạnh quá nặng nên trong 2, 3 năm trời không mưa. Do đại hạn nên ngũ cốc thiếu hụt, nạn đói xảy ra. Lúc ấy có một số người có thể lực thấy ở kia có một ít lương thực liền đến đoạt lấy mà ăn. Tất cả đều do sự đói khát bức bách. Tất cả các bệnh tật đói khát là trên hết. Do nguyên nhân này mà chỉ trong một ngày một đêm người chết đói nhiều vô số. Thời mạt kiếp chúng sinh như vậy tội lỗi tự nhiên sinh.

Vì sao như vậy?

Nếu con người làm điều bất thiện, làm điều phi pháp, làm điều bất bình đẳng thì bị quả báo này. Trong lúc ấy pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành không thực hành được nên tất cả chúng sinh sinh vào nơi đây, kiếp ô trược tự nhiên khởi. Lúc đó con người chỉ dựa

vào chỗ thấy biết thô sơ, nghiệp thô ác, tạo tác các ác. Sau khi xả bỏ thân mạng liền sinh vào chỗ ác, đọa lạc vào đường khổ, không an lạc. Lúc ấy đa phần chúng sinh bị sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Bảy giờ những nước lớn lần lượt bị hoang phế, chỉ còn những quận huyện nhỏ xa cách nhau mỗi nơi. Lúc ấy con người không thực hành chính pháp, hằng bị phi pháp tham đắm nhiễm ô, bị tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi tội ác, khó giáo huấn được. Không thể hành thiện, không thể tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ứng với pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi 3 tà hạnh, không thể xa lìa sự sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng. Phóng tâm khởi các ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm báo thọ mạng ngắn ngủi, có thể cảm báo nhiều bệnh, có thể cảm báo hình sắc xấu xí, có thể cảm báo thân không có uy đức, có thể cảm báo sinh vào gia đình thấp hèn, bần cùng khốn khổ, có thể cảm báo ngu si tà kiến. Những nghiệp như vậy ngày đêm tương ứng. Trong 4, 5 năm trời không mưa. Do đại hạn nên đất ở Diêm-phù-đề rau cỏ còn không mọc được hưởng chi là lúa gạo. Để nuôi sống chúng sinh xưa nay con người rất ghét không ăn những thứ như quạ, kên kên, chó, đã can giờ đây đều bắt ăn thịt vì đói khát bức bách. Tất cả các bệnh, đói là trên hết. Do nguyên nhân này chỉ trong một ngày một đêm số người chết đói nhiều vô số kể. Lúc ấy các quận huyện nhỏ lần lượt trống vắng. Chỉ còn một số nhà nhỏ ở cách nhau mỗi nơi. Lúc ấy con người không hành chính pháp, phi pháp tham trước, hằng bị nhiễm ô, bị tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi các tội ác không thể giáo hóa được, không thể hành thiện, không thể tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ứng với các pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi 3 tà hạnh, không thể lìa bỏ sự sát sinh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, vọng ngôn, tham ái, sân nhuế, tà kiến, không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn,

thân hữu, tôn trọng. Phóng tâm khởi các nghiệp ác. Nghiệp này có thể cảm báo thọ mạng ngắn ngủi, có thể cảm báo nhiều bệnh, có thể cảm báo hình tướng xấu xí, có thể cảm báo thân không có uy đức, có thể cảm báo sinh vào gia đình ti tiện, có thể cảm báo khổ cùng khổ sở, có thể cảm báo ngu si tà kiến. Các nghiệp như vậy ngày đêm tương ưng. Lúc ấy trong 6, 7 năm trường trời không có mưa. Do đại hạn hán nên người ở cõi Diêm-phù-đề muốn thấy nước còn không thể được, huống là uống nước. Duy chỉ còn nước 4 con sông lớn còn sâu thông thương với biển dùng thuyền qua đó có thể lấy nước được. Ngoài những con sông này thì không còn đâu có nước. Những người còn lại nương tựa vào nước này để sống và bắt những con cá, rùa v.v... để sống vì đói khát bức bách. Tất cả các bệnh đói là trên hết. Do nguyên nhân này mà chỉ trong một ngày một đêm số người chết đói không thể kể xiết. Chúng sinh thời mạng kiếp tội lỗi tự nhiên khởi sinh như vậy.

Vì sao như vậy?

Nếu con người làm điều bất thiện, làm điều phi pháp, làm điều bất bình đẳng thì bị quả báo này. Trong lúc ấy pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành không thực hành được nên tất cả chúng sinh sinh vào nơi đây, kiếp ô trược tự nhiên khởi. Lúc đó con người chỉ dựa vào chỗ thấy biết thô sơ, nghiệp thô ác, tạo tác các ác. Sau khi xả bỏ thân mạng liền sinh vào chỗ ác, đọa lạc vào đường khổ, không an lạc. Lúc ấy đa phần chúng sinh bị sinh vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la. Những nhà còn sót lại cũng lần lượt bỏ trống. Những người còn lại đó họ tự ly tán.

Lúc ấy con người không thực hành chính pháp, hằng bị phi pháp tham đắm nhiễm ô, bị tham ái phi lý sai sử. Tà pháp bành trướng khởi tội ác, khó giáo huấn được. Không thể hành thiện, không thể tạo phúc, không cứu khổ nạn, ngày đêm tương ưng với pháp tà ác. Hoặc thân khẩu ý khởi 3 tà hạnh, không thể xa lìa sự sát sinh, trộm

cấp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ái, sân nhuế, tà kiến. Không biết cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng. Phóng tâm khởi các ác nghiệp. Nghiệp này có thể cảm báo thọ mạng ngắn ngủi, có thể cảm báo nhiều bệnh, có thể cảm báo hình sắc xấu xí, có thể cảm báo thân không có uy đức, có thể cảm báo sinh vào gia đình thấp hèn, bần cùng khốn khổ, có thể cảm báo ngu si tà kiến. Những nghiệp như vậy ngày đêm tương ưng.

Trong kiếp này chỉ còn 7 ngày. Trong 7 ngày đó một ngày một đêm số người chết đói vô số. Dẫu có người còn sống cũng đều phân tán đi biệt xứ. Lúc ấy có một người tập hợp các nam nữ trong cõi Diêm-phù-đề lại được 1 vạn người làm nhân chủng của vị lai. Lúc ấy đa phần làm việc phi pháp, chỉ trong 1 vạn người này có thể làm việc thiện. Các thiện thần muốn làm cho dòng giống loài người không đoạn tuyệt nên đã ủng hộ con người bằng cách cho những thức ăn ngon vào lỗ chân lông. Do nghiệp lực nên trong kiếp này con người còn lưu giữ lại những chủng tử ấy, tự nhiên không gián đoạn. Qua 7 ngày sau thì nạn đói lớn ấy nhất thời chấm dứt. Tất cả ác quỷ đều bỏ đi. Lúc ấy tất cả chúng sinh muốn có y phục, ăn uống v.v... liền nghĩ đến là có đầy đủ. Trời liền mưa xuống, âm dương điều hòa, mỹ vị sinh ra, thân hình khả ái, tướng tốt trở lại. Tất cả thiện pháp tự nhiên sinh khởi. Thanh lương tịch tĩnh, an lạc không bệnh, đại bi nhập tâm. Do đại bi nên đại từ nhập tâm. Do đại từ nên không có ý não hại. Do ý không bị não hại nên được gặp nhau là sinh tâm hoan hỷ; sinh tâm nhẫn thụ, sinh tâm không chán, cùng nhau phò trì, không rời bỏ nhau. Ví như bạn bè thân ái lâu không gặp, chợt được hội họp sinh tâm vui mừng, sinh tâm nhẫn thụ, sinh tâm không chán nản, cùng nhau giúp đỡ, không xa lìa nhau. Lúc ấy con người gặp nhau cũng như vậy. Do tương thân tương ái nên nam nữ cùng ở với nhau. Đây là tiền kiếp những người có thọ mạng 10 tuổi. Hậu kiếp là nhân dân từ đó mà sinh. Thọ mạng dài nhất, hình sắc đẹp đẽ, uy đức

vượt trội, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ. Thọ mạng đến 20 ngàn tuổi. Lúc ấy chúng sinh công đức như thế này tự nhiên thành tựu.

Vì sao như vậy?

Vì hay thực hành pháp bình đẳng, làm việc thiện là kết quả vậy. Lúc ấy con người tương ứng với các thiện pháp. Thân, khẩu, ý đều làm việc lành. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi sinh vào cõi thiện và cõi trời. Khi xả bỏ thân mạng ở cõi trời lại sinh làm người. Khi sinh vào loài người rồi tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm việc thiện, xa lìa sự sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ pháp tà kiến, tu hành chính kiến, cung kính cha mẹ, sư tăng, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, tương ứng với nhiều thiện pháp. Nghiệp này có thể cảm báo sống lâu, không bệnh, hình sắc đoan chính, thân có uy đức, có thể cảm báo sinh vào gia đình giàu có, trí tuệ lớn. Các nghiệp lành như vậy ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy con người dựa vào phúc đức sinh vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thọ mạng, lại sinh vào cõi trời và đường thiện, cho đến trụ dài lâu nơi đường thiện này. Như vậy ở kiếp đầu, do nạn đói đã chấm dứt và các kiếp tiếp theo là 20 ngàn tuổi. Trong kiếp này tuổi thọ thứ nhất là con người do từ con người 20 ngàn tuổi trước sinh ra. Người này thọ mạng dài nhất, hình sắc đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ, thọ mạng đến 40 ngàn tuổi. Lúc ấy chúng sinh tự nhiên được thành tựu công đức như vậy.

Vì sao như vậy?

Vì pháp hành, bình đẳng hành, thiện hành là kết quả đó. Lúc ấy loài người tương ứng với các thiện pháp, thân khẩu ý đều làm những việc thiện. Sau khi xả bỏ thọ mạng này rồi liền sinh vào đường lành và cõi trời. Khi xả bỏ thọ mạng ở cõi trời rồi lại sinh vào cõi người.

Khi sinh trong cõi người thì tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm việc thiện, xa lìa việc sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ tâm tà kiến, tu hành chính kiến, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng và cùng tương ưng với các pháp lành. Do nghiệp này chiêu cảm không bệnh tật, được hình tướng đoan chính, thân có uy đức, sinh vào nhà giàu có, được trí tuệ lớn. Các pháp lành như vậy mỗi ngày sinh trưởng. Lúc ấy con người dựa vào phúc đức làm tăng trưởng vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mạng liền sinh vào cõi trời và đường thiện. Ở trong đường thiện như vậy dài lâu. Như vậy gọi là trong kiếp thứ 3.

Thọ mạng của kiếp thứ 3 là 60 ngàn tuổi. Lại nữa, là từ những con người 60 ngàn tuổi mà sinh ra. Thọ mạng của con người lúc ấy dài nhất, hình sắc đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, đời sống đầy đủ và thọ mạng lúc ấy là 60 ngàn tuổi. Lúc ấy con người tương ưng với các pháp lành. Thân, khẩu, ý đều làm những việc thiện. Khi xả bỏ thân mạng rồi, lại sinh vào đường lành, và cõi trời. Khi xả bỏ thân mạng ở cõi trời liền sinh vào cõi người. Khi sinh vào cõi người tự nhiên hiền thiện, tự tính thanh tịnh, tự tính đạo đức, tâm tính hòa nhã, đầy đủ giới phẩm, thường làm việc thiện, xa lìa sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, không có tâm tham dục, không có tâm sân nhuế, xả bỏ những pháp tà kiến, tu hành chính pháp, cung kính cha mẹ, Sa-môn Bà-la-môn, thân hữu, tôn trưởng, cùng các thiện pháp tương ưng. Nghiệp này có thể cảm báo sống lâu, không bệnh, hình sắc đoan chính, thân có uy đức, sinh vào trong nhà giàu có, có trí tuệ lớn. Các nghiệp thiện như vậy ngày đêm sinh trưởng. Lúc ấy con người dựa vào phúc đức làm sinh ra vô lượng công đức. Sau khi xả bỏ thân mạng liền sinh vào cõi trời và đường thiện, trụ trong cõi thiện ấy dài lâu. Như vậy gọi là trong kiếp thứ 3.

Tuổi thọ lần thứ 3 này là 60 ngàn tuổi. Lại nữa, người từ mức 60 ngàn tuổi này mà sinh ra, là người có thọ mạng dài nhất, hình sắc đẹp đẽ, uy đức vượt trội, thần lực tự tại, cuộc sống đầy đủ.

Thọ mạng 80 ngàn tuổi. Như vậy trong kiếp này người ở cõi Diêm-phù-đề này sinh ra những chúng sinh có tuổi thọ dài lâu. Lâu nhất là 80 ngàn năm. Lúc đó người nữ 500 tuổi mới lấy chồng. Thời bấy giờ con người có 7 thứ bệnh là đại, tiểu tiện, hàn, nhiệt, dục tâm, đói, già. Trong thời kỳ đó tất cả các quốc gia đều giàu có sung túc, không có oán tặc và giặc cướp. Các châu, quận, huyện, ấp, người, thôn xóm nghe tiếng gà gáy của nhau. Canh tác tuy ít mà thu hoạch nhiều. Lúc ấy con người ít thụ dụng cái quả do công lao, mà đa phần thụ dụng quả do thiện nghiệp đời trước. Nhà cửa, xe cộ, y phục, tài bảo, cuộc sống đầy đủ sung túc. Tuy thụ dụng suốt đời cũng không hư hoại. Lúc ấy con người yên ổn hưởng thụ, không phải rong ruổi tìm cầu. Thọ mạng 80 ngàn tuổi trừ 1 năm 1 A-tăng-kì cho đến khi chúng sinh tạo thập ác. Từ khi khởi 10 đường ác thì thời tiết, thọ mạng con người nhân đó giảm 10 tuổi. Cứ 1 trăm năm lại giảm xuống 10 tuổi. Ở tuổi cuối cùng 10 tuổi thì không còn giảm nữa. Lâu nhất là 80 ngàn tuổi và ít nhất là 10 tuổi. Nếu Phật không ra đời thì lần lượt như vậy. Nếu Phật ra đời và chính pháp trụ thì thọ mạng của chúng sinh không bị giảm. Tùy theo chính pháp giảm mà thọ mạng giảm dần theo.

Phật Thế Tôn đã nói và tôi nghe như vậy.

HẾT QUYỂN 9

LUẬN LẬP THẾ A TÌ ĐÀM

(*Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới*)

QUYỂN 10

Phẩm 1: ĐỊA ĐỘNG

Phẩm 25: ĐẠI TAM TAI

1. Hỏa tai

Phật Thế Tôn nói: Một tiểu kiếp gọi là một kiếp. 20 tiểu kiếp cũng gọi là một kiếp. 40 tiểu kiếp lại cũng có tên là một kiếp. 60 tiểu kiếp cũng có tên là một kiếp. 80 tiểu kiếp có tên là một đại kiếp.

Sao một tiểu kiếp gọi là một kiếp?

Lúc ấy Tì-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong địa ngục thụ quả báo đã xong, Phật Thế Tôn nói là trụ thọ 1 kiếp. Như vậy một tiểu kiếp có tên là một kiếp.

Sao 20 tiểu kiếp cũng có tên là một kiếp?

Như ở cõi trời Phạm Thiên Hành có thọ mạng là 20 tiểu kiếp. Đối với các Phạm thiên này Phật nói trụ thọ là một kiếp. Như vậy 20 tiểu kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 40 tiểu kiếp lại gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ của cõi trời Phạm Chúng là 40 tiểu kiếp thì Phật nói trụ thọ ở đó là một kiếp. Như vậy 40 tiểu kiếp lại có tên là một kiếp.

Vì sao 60 tiểu kiếp gọi là một kiếp?

Như tuổi thọ ở cõi trời Đại Phạm là 60 tiểu kiếp, Phật bảo trụ thọ ở đó là một kiếp. Như vậy 60 tiểu kiếp lại gọi là một kiếp.

Vì sao 80 tiểu kiếp gọi là một đại kiếp?

Phật nói trong kiếp thế giới tan hoại, trong kiếp thế giới tan hoại rồi trụ, trong kiếp thế giới khởi thành, trong kiếp thế giới khởi thành rồi trụ trong A-tăng-kì thì gọi là kiếp. Lúc thế giới tan hoại A-tăng-kì gọi là kiếp. Thế giới tan hoại rồi trụ A-tăng-kì gọi là kiếp. Thế giới khởi thành A-tăng-kì gọi là kiếp.

Thế giới khởi thành rồi trụ, tan hoại có ba nguyên nhân. Một là do lửa mà tan hoại; hai là do nước mà tan hoại và thứ ba là do gió mà tan hoại. Như vậy Phật Thế Tôn nói:

Này các Tì-kheo! Nguyên nhân của sự tan hoại ấy có 3 loại. Một là do lửa tan hoại; hai là do nước tan hoại; ba là do gió tan hoại.

Này các Tì-kheo! Tan hoại trên đỉnh có 3 loại. Một là trời Thắng Biển Quang, hai là trời Biên Tịnh, ba là trời Quảng Quả. Phật Thế Tôn lại nói:

Này các Tì-kheo! Tan hoại trên đỉnh có 3 loại. Một là trời Thắng Biển Quang, hai là trời Biên Tịnh, ba là trời Quảng Quả.

Vì sao trời Thắng Biển Quang cho đến Biên Tịnh và trời Quảng Quả là 3 đỉnh tan hoại?

Này các Tì-kheo! Khi lửa đốt tan hoại thì tất cả chúng sinh nơi hạ giới tu Đệ nhị thiên sinh lên trời Thắng Biển Quang. Khi thủy tai làm tan hoại thì tất cả chúng sinh bậc dưới tu Đệ tam thiên, sinh lên trời Biên Tịnh. Khi phong tai làm tan hoại thì tất cả chúng sinh ở bậc dưới tu Đệ tứ thiên sinh lên trời Quảng Quả.

Phật nói hỏa tai làm tan hoại là do sự tan hoại của trời Thăng Biền Quang. Thủy tai tan hoại là do sự tan hoại của trời Biền Tịnh. Phong tai tan hoại là do sự tan hoại của trời Quảng Quả.

Lại nữa các Tì-kheo! Có 2 sự tan hoại. Một là chúng sinh nơi thế giới ấy tan hoại. Hai là chính thế giới tan hoại. Trong 10 tiểu kiếp chúng sinh trong thế giới tan hoại. Kế đến 10 tiểu kiếp là chính thế giới tan hoại.

Phật bảo các Tì-kheo! Sự tan hoại ấy đầu tiên là bắt đầu từ sự tan hoại ở cõi trời Thăng Biền Quang, nguyên nhân ở Đệ nhị thiên. Lúc đó người ở cõi Diêm-phù-đề thọ mạng 80 ngàn tuổi và người nữ đến 500 tuổi mới lấy chồng. Lúc ấy loài người có 7 thứ bệnh như: Đại, tiểu tiện, hàn, nhiệt, tâm dâm dục, đói, già. Lúc ấy tất cả các nước đều giàu có an lạc, không có oán tặc và cũng không có trộm cắp. Các châu, quận, huyện, ấp, nhân dân, thôn xóm lại cùng nghe được tiếng gà gáy của nhau. Canh tác tuy ít mà thu hoạch được nhiều. Lúc ấy loài người thụ dụng quả do công lao thì ít, mà thụ dụng quả do thiện nghiệp đời trước thì nhiều. Nhà cửa, xe cộ, y phục, tài bảo đời đời như ý đầy đủ. Lúc đó có 2 cảnh giới giảm mất. Một là sân nhuế, hai là ý bách não. Cả 2 cảnh giới này lớn mạnh. Một là không sân nhuế; hai là ý không bức bách. Lúc ấy con người giảm lia 10 ác, tu hành 10 thiện, yên ổn hưởng thụ không cần tìm cầu. Hoặc tụ tập nơi đình quán, hoặc ở nơi nhà nghỉ, hoặc nơi tụ tập đông người, hoặc dạo chơi dưới gốc cây. Người ta truyền tụng như thế này:

Xưa con người sinh ra ở thời kiếp trước vì do tham dục 5 trần tăng mạnh nên hoặc cha mẹ con cái cùng nhau tranh giành. Anh em chị em bà con bạn bè đánh đá nhau, huống là người khác. Lúc ấy con người khởi lên tranh giành rồi sau đó cho đến dùng tay chân vũ lực, hoặc dùng gạch đá, hoặc dùng cây gậy rồi dao gậy uy hiếp cho đến sát hại. Do 5 trần này khởi lên các ác. Cho nên phải bỏ 5 trần. Như vậy chán ghét chê trách dục trần, nói rõ tội lỗi của 5 trần. Lúc ấy con

người tư duy về tội lỗi của 5 trần và phiền não của hạ giới, quán công đức vi diệu của Vô giác quán định. Tu tập Nhị thiên sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy Dục giới chur thiên biến thân. Giống như con tê giác ngày đêm 3 lần đi khắp thế giới ra lệnh và nói rằng:

Này Thiện nam tử! Thiện nữ nhân! Vô giác quán định rất vi diệu an lạc. Cho nên các người tu hành trụ ở trong đó, lúc ấy con người ở đầu hôm, cuối đêm nghe lời nói rồi vui mừng hoan hỷ, xả trừ mọi sự phiền tạp, nhiếp tâm tọa thiền, quán dục trần là tội lỗi, quán Vô giác quán định có đại công đức. Tức được Đệ nhị thiên, sau khi xả thọ mạng sinh lên trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy con người thường hay làm vui cho kẻ khác là công việc chính. Hoặc ca, hoặc múa, hoặc múa dao kiếm, hoặc đánh trống thổi kèn, hoặc xướng ca tán tụng, hoặc trang sức thân thể. Những người ấy sáng tác ca khúc, thơ, truyện.

Xưa khi con người sinh trong đời kiếp trước là do tham đắm 5 dục trần tăng thượng. Hoặc cha mẹ con cái tranh giành nhau; anh em, chị em, bà con bạn bè đánh đá nhau, hưởng là người khác. Lúc ấy con người khởi lên tranh giành rồi sau đó cho đến dùng tay chân vũ lực, hoặc dùng gạch đá, hoặc dùng cây gậy rồi dao gậy uy hiếp cho đến sát hại. Do 5 trần này khởi lên các ác. Cho nên phải bỏ 5 trần. Như vậy chán ghét chê trách dục trần, nói rõ tội lỗi của 5 trần. Lúc ấy con người tư duy về tội lỗi của 5 trần và phiền não của hạ giới, quán công đức vi diệu của Vô giác quán định. Tu tập Nhị thiên sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Các trời từ trời Thắng Biến Quang xuống đi khắp thế giới bằng cách ẩn giấu thân hình. Rồi ra lệnh cho các thiện nam tử, thiện nữ nhân rằng: Vô giác quán định là diệu lạc tịch tịnh. Cho nên các người tu hành phải trụ trong đó. Lúc ấy con người ở đầu hôm cuối đêm khi nghe tiếng chur thiên nói liền vui mừng hoan hỷ khởi tâm tin vui. Tất cả cư gia, thôn

áp, châu quận, cho đến người trong nước lớn đều khởi tâm tinh tiến, quán sát tội lỗi dục trần của hạ giới, quán công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng liền sinh lên trời Thắng Biên Quang. Lúc ấy có ngoại đạo xuất gia chỉ bày cho tất cả cư gia, thôn ấp, châu quận cho đến người trong nước lớn khiến xuất gia, có vô số quyến thuộc vây quanh rồi lần lượt du hành khắp nước và rao nói những lời như trên.

Xưa khi con người sinh trong đời kiếp trước là do tham đắm 5 dục trần tăng thượng. Hoặc cha mẹ con cái tranh giành nhau; anh em, chị em, bà con bạn bè đánh đá nhau, hưởng là người khác. Lúc ấy con người khởi lên tranh giành rồi sau đó cho đến dùng tay chân vũ lực, hoặc dùng gạch đá, hoặc dùng cây gậy rồi dao gậy uy hiếp cho đến sát hại. Do 5 trần này khởi lên các ác. Cho nên phải bỏ 5 trần. Như vậy chán ghét chê trách dục trần, nói rõ tội lỗi của 5 trần. Lúc ấy con người tư duy về tội lỗi của 5 trần và phiền não của hạ giới, quán công đức vi diệu của Vô giác quán định. Tu tập Nhị thiên sau khi xả bỏ thọ mạng rồi liền sinh lên cõi trời Thắng Biên Quang. Lúc ấy chúng sinh trong địa ngục liền suy nghĩ rằng: Xưa chúng ta đã tạo nhiều nghiệp ác, bất thiện, cho nên ta bây giờ phải đến đây thụ khổ. Do ý này mà đối với ngục tốt không sinh tâm oán hận. Lúc ấy chúng sinh nơi địa ngục không có cảnh giới của tâm sân nhuế; không có ý bức bách nào hại, tự nhiên sinh trưởng tăng đủ thiện tâm. Do hậu báo thiện nghiệp đời trước nên xả bỏ địa ngục thụ sinh làm người. Khi sinh vào làm người rồi tư duy về tội lỗi của dục trần, quán công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng sinh lên cõi trời Thắng Biên Quang. Khi ấy các chúng sinh ở trong địa ngục suy nghĩ như thế này: Chúng ta vì xưa tạo các nghiệp ác, bất thiện nên mới sinh vào chốn này chịu khổ. Do ý này nên đối với ngục tốt không sinh tâm giận oán. Bây giờ chúng sinh trong địa ngục không sân hận, cũng không bức bách, tự nhiên sinh trưởng đầy đủ thiện tâm. Do hậu báo thiện nghiệp đời trước, sau khi xả bỏ thọ mạng rồi sinh vào cõi người. Khi sinh

vào loài người rồi tư duy về tội lỗi dục trần, quán công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng lại sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang.

Lúc ấy có những chúng sinh trong địa ngục nhưng vì ngục tốt suy nghĩ như thế này: Chúng ta do ác nghiệp thụ sinh đến đây. Những tội nhân này cũng do ác nghiệp đến đây thụ khổ. Ta sao lại gây tàn hại đối với chúng ? Rồi liền sinh không giận dữ, không bách hại, tự nhiên sinh trưởng đầy đủ thiện tâm. Do hậu báo thiện nghiệp đời trước, xả thọ mạng rồi được sinh làm người. Khi sinh vào loài người rồi tư duy về tội lỗi dục trần, quán công đức của Nhị thiên, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng lại sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang.

Bấy giờ có các loài thuộc thủy sản như rùa, cá, ba ba v.v... đều sinh tâm từ không ăn nuốt nhau, chỉ ăn rong và rau cỏ dưới nước và những vật chết tự nhiên mới lấy ăn. Cho đến có thể tự đói khát mà chết, chứ không muốn sát hại vật khác để ăn thịt. Không có sân nhuế, không có bức não. Lúc ấy sinh trưởng các thiện tâm, tâm thương chúng sinh. Do hậu báo thiện nghiệp đời trước nên sau khi xả bỏ thọ mạng rồi sinh trong cõi người. Khi sinh vào loài người rồi tư duy về tội lỗi của 5 trần và phiền não của hạ giới, quán công đức vi diệu của Vô giác quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng lại sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang.

Lại có những chúng sinh trên đất liền như sư tử, hổ báo, mèo, chồn v.v... cũng đều sinh tâm từ bi không ăn thịt lẫn nhau, khi đói thì ăn cỏ, khát thì uống nước suối. Nếu có vật chết tự nhiên mới ăn thịt. Thà đói mà chết, chứ không sát hại vật khác để tự cứu mình. Không sân nhuế, không có ý bách hại. Lúc ấy sinh thiện tâm và tâm yêu thương. Do hậu báo thiện nghiệp đời trước nên sau khi xả bỏ thọ mạng rồi, sinh vào trong cõi người. Khi sinh vào cõi người rồi liền suy nghĩ tội lỗi của 5 trần và phiền não hạ giới, quán công đức vi diệu của Vô giác quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng sinh

lên cõi trời Thắng Biến Quang. Tất cả loài ngạ quỷ sinh tâm thương yêu nhau và tất cả có thể sinh thiên như trước đã nói. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi được sinh làm người. Khi đã được làm người rồi liền suy nghĩ tội lỗi của 5 trần, quán Vô giác quán định, tu tập Nhị thiên. Sau khi xả bỏ thọ mạng rồi, sinh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Các chúng sinh ở cõi A-tu-la cũng như vậy.

Lúc ấy người ở cõi Tây Cù-da-ni, ở nơi cõi đó cũng tu tập Nhị thiên. Sau khi đạt được Nhị thiên rồi, từ đó sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Nếu người thụ sinh ở cõi Diêm-phù-đề mà được Nhị thiên cũng sinh lên cõi trời Thắng Biến Quang. Người ở cõi Đông Tì-đề-ha, hoặc tại nơi đó tu tập Nhị thiên thì từ đó sinh vào cõi trời Nhị thiên. Nếu đến cõi Diêm-phù-đề để tu tập Nhị thiên thì cũng từ đó sinh lên cõi trời thứ 2. Người ở Bắc Uất-đan-việt sau khi xả bỏ thọ mạng rồi, liền sinh lên cõi trời Lục Dục. Hoặc tại cõi trời tu tập Nhị thiên rồi sinh lên Nhị thiên, hoặc từ cõi trời thứ 6 sinh vào Diêm-phù-đề tu tập Nhị thiên, cũng sinh vào cõi trời Thắng Biến Quang. Lúc ấy trời Tứ Đại Thiên Vương, trời thứ 33, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, trời Tiên Hành, trời Phạm Chúng, hoặc tại những cõi trời này tu tập Nhị thiên, sau khi xả bỏ thọ mạng rồi, lại sinh vào trời Thắng Biến Quang. Hoặc từ cõi trời sinh vào cõi Diêm-phù-đề, tu tập Nhị thiên, cũng sinh vào cõi trời Thắng Biến Quang.

Này các Tì-kheo! Lúc bấy giờ tất cả các địa ngục đều trống rỗng. Tất cả những con đường súc sinh cũng trống rỗng. Tất cả đường quỷ thần cũng trống rỗng. Tất cả đường A-tu-la cũng lại trống không. Tây Cù-da-ni, Nam Diêm-phù-đề, Đông Tì-đề-ha, Bắc Uất-đan-việt tất cả đều trống rỗng. Tứ Thiên Vương Thiên, cõi trời thứ 33, Dạ-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Phạm Tiên Hành, Phạm Chúng tất cả đều trống rỗng. Tất cả chúng sinh lúc ấy ở trong 1 ngàn thế giới đều trống rỗng. Chỉ còn có Đại Phạm Vương. Do nhân duyên

như vậy lần lượt tất cả chúng sinh trong thế giới đều tan biến hết. Trong lúc ấy 10 tiểu kiếp trôi qua.

Này các Tì-kheo! Lúc bấy giờ khí thế giới thứ 2 tan hoại, kế tiếp là 4 đại tan hoại, hỏa tai tan hoại. Lúc ấy cả thời gian dài trời không mưa một giọt, không rơi một hạt nào. Thế rồi ở cõi Diêm-phù-đề cây cỏ thuốc và tất cả những hạt mầm đều cháy khô, lần lượt cháy hết, không sinh trở lại.

Này các Tì-kheo! Tất cả những pháp hữu vi là vô thường như vậy, là không thường hằng như vậy, là nơi không an ổn, ngắn ngủi, đổi thay, phá hoại, không thể cứu vớt, thật không phải nơi bóng mát để nương tựa.

Này các Tì-kheo! Do nghĩa này mà các pháp hữu vi rất đáng nhàm chán. Cần phải ly dục phải xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Trải qua thời gian quá dài lâu như vậy ở nơi cõi này có mặt trời thứ hai xuất hiện. Trong thế gian mặt trời nóng chói gấp bội mặt trời cũ. Do mặt trời ấy mà cõi Diêm-phù-đề tất cả ao hồ và sông lạch nhỏ đều khô kiệt một giọt không còn.

Này các Tì-kheo! Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, như trước đã nói rõ, cho đến hãy nên xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Lại trải qua một thời gian dài lâu như vậy ở nơi đây lại có mặt trời thứ 3 xuất hiện; mặt trời này nóng gấp đôi mặt trời thứ 2. Do mặt trời này mà ở cõi Diêm-phù-đề những sông sâu hồ lớn đều cạn hết không còn một giọt nước.

Này các Tì-kheo! Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, như trên đã nói rõ, cho đến nên phải xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Trải qua một thời gian dài thì có mặt trời thứ 4 lại xuất hiện, mặt trời nóng chói gấp đôi mặt trời thứ 3. Do mặt trời này mà ở cõi Diêm-phù-đề nơi hồ A-na-bà-đạt và Mạn-đà-ki-ni, các

sông giữa 7 rừng và 4 con sông lớn, những nơi như vậy các con sông lớn nhất, sâu nhất chảy nhanh vào biển khô kiệt không còn một giọt.

Này các Tì-kheo! Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, như trước đã nói rõ, cho đến phải xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Trải qua một thời gian dài lâu như vậy mặt trời thứ 5 lại xuất hiện. Mặt trời nóng chói gấp đôi mặt trời thứ 4. Do mặt trời này mà nước biển trong ngoài đều giảm xuống 1 trăm do-tuần, rồi giảm xuống 2 trăm, 3 trăm, 4 trăm cho đến 1 ngàn do-tuần, tất cả nước biển đều giảm. Lần lượt nước giảm đến 2 ngàn, 3 ngàn, 4 ngàn cho đến 1 vạn rồi 2 vạn cho đến 6 vạn do-tuần.

Này các Tì-kheo! Lúc đó nước biển chỉ còn sâu độ 7 Đa-la; hoặc 6 Đa-la, hoặc 5, hoặc 4, hoặc 3, hoặc 2, hoặc 1 Đa-la.

Này các Tì-kheo! Như vậy nước biển bây giờ chỉ còn hoặc sâu 7 tâm, như vậy lần lượt giảm xuống cho đến 1 tâm.

Này các Tì-kheo! Như vậy nước biển chỉ còn cho đến trán, hoặc nách, hoặc ngực, eo, rốn, đầu gối, cẳng chân, mắt cá.

Này các Tì-kheo! Bây giờ nước biển chỉ còn không ngập một lóng ngón tay.

Này các Tì-kheo! Tất cả các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, như trước đã nói rõ, cho đến phải nên xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Trải qua một thời gian dài như vậy, mặt trời thứ 6 lại xuất hiện. Mặt trời nóng chói gấp đôi mặt trời thứ 5. Do mặt trời này mà thế giới đại địa, trong ngoài các biển lớn cho đến núi chúa Tu-di trước tiên bốc khói, khói tụ lại rồi che khắp, ví như lò hầm đồ gốm trước tiên ra khói, khói tụ tập lại rồi che cả đất và biển lớn cho đến núi Tu-di. Do mặt trời thứ 6 này, khói bao phủ cũng như vậy.

Này các Tì-kheo! Các pháp hữu vi đều vô thường như vậy, như trước đã nói rõ, cho đến phải nên xả bỏ.

Này các Tì-kheo! Trải qua một thời gian dài lâu như vậy thì mặt trời thứ 7 xuất hiện. Mặt trời nóng chói gấp đôi mặt trời thứ 6. Do mặt trời này mà thế giới đại địa, biển lớn trong ngoài cho đến núi chúa Tu-di tất cả đều phát hỏa thiêu tất cả thành một ngọn lửa xuyên suốt một thời gian dài không tắt.

Này các Tì-kheo! Núi chúa Tu-di kia bị ngọn lửa lớn đốt cháy suốt một thời gian dài, trên đỉnh hằng trăm do-tuần đều bị tiêu hủy, hoặc 2 trăm, 3 trăm cho đến 1 ngàn do-tuần sụp đổ tiêu tan như vậy. Lúc ấy ngoài tứ đại, tất cả lửa tự nhiên phát ra, thế giới, trời đất đều bị thiêu đốt, phát ra một ngọn lửa lớn. Rồi sức nóng ấy hút nước ở thủy luân giống như một cái mâm đồng đốt nóng rồi cho một ít nước lên là bị hút khô hết. Thế giới đại địa này biến thành một tính lửa hút nước dưới thủy luân cũng như vậy. Giống như bơ đem lửa đốt thì cháy hết không còn chút tro. Như vậy đại địa và trong ngoài biển lớn cho đến núi chúa Tu-di tất cả đều phát hỏa và ngọn lửa lúc ấy cũng giống như vậy. Tạo thành một ngọn lửa và thiêu đốt tất cả không còn một chút tro than.

Lúc ấy địa luân đều mất hết, thủy luân và phong luân đều cháy tiêu và ngọn lửa này từ thủy luân nổi lên cho đến chỗ vua Đại Phạm. Lúc ấy Đại Phạm xả bỏ thọ mạng và nơi ở sinh lên cõi trời Thắng Biển Quang. Lúc ấy đất đai ở Đại Phạm cung điện rộng lớn đều có ánh sáng tròn đầy khả ái, xem không chán mắt, màu sắc thuần trắng, vi diệu tịnh khiết, nhất thời bị thiêu rụi không còn gì. Chỗ Phạm vương ở vốn bản lai yên ổn như vậy là vì do lửa đã diệt trong một thời gian dài. Tất cả khí thế giới bên ngoài tan hoại hết trong một thời gian dài, đã qua 20 tiểu kiếp. Lại nữa, tiếp đến 20 tiểu kiếp, trong đó 1 ngàn thế giới trông trơn không có sở hữu, giống như một hang động đen ngòm bên trên không có gì che và kéo dài trong 20 Tiểu kiếp.

Phật bảo: Này các Tì-kheo! Lúc ấy thế giới lại sắp khởi thành. Khi pháp thế gian đầu tiên khởi lên thế giới, nếu có chúng sinh đã

sinh trường nghiệp có thể cảm quả báo Đại Phạm. Xả bỏ báo trước rồi đến nhập vào thân trung ấm. Nhân Sắc giới 4 đại hòa hợp, đất ở Đại Phạm cung điện tự nhiên khởi. Ánh sáng trắng quang minh chiếu sáng các nơi, sắc tướng viên mãn, xem không chán mắt, tâm thường yên vui, chưa có người ở. Các chúng sinh này do xưa đã tạo nghiệp; nên có thể cảm báo được nơi ở khả ái, đẹp đẽ. Do nghiệp xưa đó cảm báo Sắc giới tứ đại và tứ đại sở tạo sắc. Do nghiệp xưa và Sắc giới tứ đại cung điện tức thành Sắc giới tứ đại. Ở nơi cung điện này lại cũng do nhân duyên. Các nghiệp đã tạo ở đời trước chỉ là tăng thượng duyên.

Phật bảo: Các vị Ti-kheo! Như vậy ở chỗ của Đại Phạm vương có nhân, có duyên được khởi lên được tạo thành. Bản lai các pháp vốn do nhân duyên khởi. Trụ xứ của Phạm vương lớn bằng một tứ thiên hạ. Lúc ấy Phạm vương đang ở thân trung ấm, thấy được nơi này và khởi tâm dục ái muốn ngồi ở nơi đó, tức thời khởi lên niềm ưa thích nên thụ sinh và một mình trụ nơi đó 10 tiểu kiếp, lấy sự hỷ lạc làm thức ăn, y vào sự hỷ lạc mà trụ, ý sinh hóa thân, tự nhiên chiếu sáng. Tự tại mà trụ qua 10 kiếp rồi. Phạm vương này khởi tâm dục ái, khởi tâm không an nghĩ rằng: Mong các chúng sinh cùng đến ở với ta. Khi Phạm vương đã nguyện xong thì chúng sinh ở Nhị thiên nghiệp hết xả thọ mạng thoát lui thụ sinh cùng loại với Phạm vương. Các chúng sinh ấy thấy Đại Phạm này, xưa nay vốn ở đây một mình nên chấp như thế này: Ta xưa sinh ở cõi trên đã thấy Đại Phạm này ở riêng một mình, nay từ trên xuống đây cũng thấy ở một mình chẳng khác gì xưa. Rồi lại chấp như thế này: Người này là Phạm vương, là bậc tôn quý nhất đã tạo tác sinh thành. Là nguyên do đầu tiên tạo tác ra chúng sinh. Người này thành thân lực tự tại, là người cha thứ nhất đã sinh và sẽ sinh mọi vật. Chúng ta ngày nay đều từ người đó sinh ra. Vì sao như vậy? Ta từ xưa đến nay thấy người đó ở đây độc nhất tự sinh ra trước.

Lúc ấy Phạm vương suy nghĩ rằng: Ta là Đại Phạm là bậc sao quý nhất tạo tác sinh thành. Chúng sinh đầu tiên do ta tạo tác. Ta được thành thần lực tự tại, ta là cha tất cả chúng sinh đã sinh và sẽ sinh. Tất cả thế gian đều từ ta hóa sinh. Vì sao như vậy? Do xưa ta khởi tâm như vậy: Nguyện các chúng sinh kia cùng đến ở với ta. Ứng theo tâm nguyện của ta mà chúng liền đến. Ta trước ở đây thấy chúng sinh về đây. Đại Phạm vương này, đối với các chúng sinh thọ mạng dài nhất, hình sắc đẹp nhất, có tiếng tăm lớn, có thần thông lớn và uy đức lớn. Các Phạm chúng thọ mạng ngắn, hình sắc, tiếng tăm, thần lực, uy đức tất cả đều không bằng chỗ của Phạm vương. Tất cả Phạm chúng lần lượt đầy khắp. Bản tính tự nhiên của thế giới khi mới khởi là nhân Sắc giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Chỗ ở riêng của Phạm vương cung điện và đất đai tự nhiên hiện ra. Màu sắc thuần trắng, vi diệu tinh khiết; ánh sáng khả ái, xem không chán mắt, chỗ ở chưa có người là các chúng sinh. Nghiệp xưa đã tạo nên có thể cảm báo chỗ ở khả ái, chỗ ở đẹp đẽ và do nghiệp xưa nên cảm báo Sắc giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Do nghiệp xưa và Sắc giới tứ đại cung điện, tức thành Sắc giới tứ đại. Đối với cung điện này cũng nhân cũng duyên. Nghiệp tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật nói: Này các Tì-kheo! Như vậy riêng cung điện Phạm vương có nhân, có duyên được khởi, được thành. Bản lai như vậy đều do nhân duyên khởi và chỗ riêng một mình của Phạm vương này nhân đây mà lần lượt đầy khắp. Bản tính xưa nay của các Phạm thiên làm sinh khởi thế giới là do Sắc giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Cung điện của cõi trời Phạm Tiên Hành và đất tự nhiên sinh khởi hiện lên sắc thuần trắng, vi diệu, tinh khiết, chói sáng, khả ái, xem không chán mắt. Chỗ ở chưa có người là chúng sinh xưa đã tạo nghiệp có thể cảm báo sự khả ái thắng diệu của trụ xứ. Do nghiệp xưa nên cảm đến Sắc giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Do nghiệp trước và Sắc giới tứ đại cung điện, liền thành Sắc giới tứ đại. Ở nơi

cung điện này cũng nhân, cũng duyên, các nghiệp tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật nói: Này các Tì-kheo! Như vậy cõi Phạm Thiên Hành có nhân, có duyên mà được khởi được thành. Bản lai do nhân duyên như vậy mà khởi là trụ xứ của trời Phạm Thiên Hành. Tất cả trời Phạm Thiên Hành lần lượt đầy khắp. Bản tính xưa nay khi thế giới khởi là do Dục giới tứ đại và tứ đại sở tạo sắc. Trời Tha Hóa Tự Tại, các cung điện và chỗ ở do tự nhiên khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê, 4 báu hợp thành chói sáng khả ái, xem không chán mắt. Ở nơi chưa có người là các chúng sinh do xưa đã tạo các nghiệp có thể cảm báo được trụ xứ khả ái, thắng diệu. Do nghiệp xưa cho nên có thể chiêu cảm Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Lại do nghiệp xưa nên và Dục giới tứ đại cung điện, tức thành Dục giới tứ đại. Đối với cung điện này cũng nhân, cũng duyên, nghiệp tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Này các Tì-kheo! Như vậy các cung điện của cõi trời Tha Hóa Tự Tại và có nhân, có duyên nên được khởi được thành. Bản lai như vậy do nhân duyên khởi, Cõi trời Tha Hóa Tự Tại này tất cả chư thiên dần dần đầy khắp. Bản lai khi thế giới của chư thiên như vậy khởi là do Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc.

Hóa Lạc Thiên, cung điện và đất tự nhiên sinh khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly cùng với pha lê, gồm 4 báu tạo thành ánh sáng khả ái, xem không thấy chán. Chỗ ở chưa có người là các chúng sinh do xưa đã tạo các nghiệp nên có thể chiêu cảm chỗ trú xứ khả ái đẹp đẽ. Do nghiệp xưa nên có thể chiêu cảm Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Lại nữa do nghiệp xưa và Dục giới tứ đại cung điện liền thành Dục giới tứ đại. Ở cung điện này cũng nhân, cũng duyên, và nghiệp đã tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Này các Tì-kheo! Như vậy ở nơi trời Hóa Lạc có nhân, có duyên nên được khởi được thành. Bản lai đều do nhân duyên khởi

như vậy. Trụ xứ của cõi trời Hóa Lạc này tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp. Bản lai khi thế giới khởi là do Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Trời Đâu-suất-đà cung điện và xứ sở tự nhiên khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê, 4 báu tạo thành ánh sáng khả ái, xem không thấy chán. Chỗ chưa có người ở là chúng sinh xưa đã tạo các nghiệp rồi có thể chiêu cảm được trụ xứ khả ái đẹp đẽ. Do nghiệp cho nên có thể cảm đến Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Lại nữa do nghiệp xưa và Dục giới tứ đại cung điện, liền thành Dục giới tứ đại. Đối với cung điện này cũng nhân, cũng duyên, và nghiệp tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Nay các Tì-kheo! Như vậy ở cõi trời Đâu-suất-đà, cung điện và đất ở đó có nhân có duyên được khởi được thành. Bản lai như vậy do nhân duyên sinh khởi. Đây là trụ xứ của cõi trời Đâu-suất, tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp. Bản lai khi thế giới sinh khởi là do Dục giới tứ đại và tứ đại sở tạo sắc. Cung điện ở cõi trời Dạ-ma và cõi trời đều tự nhiên sinh khởi, hiện ra vàng, bạc, lưu ly và pha lê, gồm 4 báu hợp thành ánh sáng đẹp đẽ, xem không chán. Ở đó có người là những chúng sinh, ngày xưa đã tạo các nghiệp có thể cảm được trụ xứ khả ái đẹp đẽ. Do nghiệp xưa có thể cảm đến Dục giới tứ đại và Tứ đại sở tạo sắc. Lại nữa, do nghiệp xưa và Dục giới tứ đại cung điện liền thành. Dục giới tứ đại cung điện đối với cung điện này cũng nhân, cũng duyên, nghiệp đã tạo đời trước chỉ làm tăng thượng duyên.

Phật bảo: Nay các Tì-kheo! Như vậy cõi trời Dạ-ma có nhân, có duyên nên được khởi được thành. Bản lai như vậy là do nhân duyên khởi. Trụ xứ của cõi Dạ-ma này tất cả chư thiên lần lượt đầy khắp. Lúc ấy Dạ-ma Thiên nhớ lại xưa thế giới cũng như con người ngủ dậy nhớ chuyện trong mộng, như được thần thông nhớ chuyện đời trước. Trời Dạ-ma này nhớ thế giới cũng như vậy. Lúc ấy chư thiên liền suy nghĩ rằng: Ta bây giờ đến đây để xem lại hạ giới. Nghĩ rồi cùng bảo nhau rằng: Chúng ta cùng đến xem các trời khác nơi kia. Đáp rằng: Nào ta cùng đi!

Lúc ấy chư thiên đều kết bạn lại khắp cả và nói rằng: Xưa nơi đây có núi chúa Tu-di. Ở trong núi ấy có thành Thiện Kiến Thiên. Ở đây có ao báu Nan-đà, ở đây có vườn báu Nan-đà. Ở xứ này cũng có ao Chát-đa-la và vườn các loại xe Chát-đa-la. Ở đây là ao Ác Khẩu và vườn Ác Khẩu. Ở đây là ao Tạp Hoa và vườn Tạp Hoa. Ở đây là ao nước Ba-lợi-chát-đa ngang 4 ức 8 vạn do-tuần, rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. Thật là to lớn không gì sánh được. Bên trên thủy luân này có một địa giới là Đại Vị Kiếp. Đầu tiên cảm khởi ngày đêm dần dày thêm chuyển thành cứng. Giống như khi nấu sữa rồi đông lạnh, dày cao che bên trên và đại giới của Đại Vị lúc mới khởi cũng như vậy. Đại địa giới này nhiều lần khởi lớn lên đầy khắp tất cả. Lớn 2 ức 4 vạn do-tuần. Rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. To lớn không gì hơn. Ở dưới đất này sâu 1 ức 6 vạn toàn do vàng ròng hợp thành. Bên trên còn 8 vạn vàng, bạc, đồng, thiếc v.v... cùng 7 giới xen lẫn làm thành. Lúc đó địa giới mềm mại tùy thứ. Giống như chất sữa đông ván. Đất này cũng mềm mại như vậy. Ở chính giữa địa luân này, y theo nghiệp tăng thượng duyên của chúng sinh nên 4 phương gió thổi thành nội hải nổi lên núi Tu-di. Có gió mang đất, có gió tụ thành, có gió thổi tạo thành hình Tu-di. Có gió tạo ra 4 đỉnh núi Tu-di, mở thành Thiện Kiến đắp thành Thiện Kiến, tạo ra ao Nan-đà và vườn Nan-đà, tạo ra ao Chát-đa-la và vườn Chát-đa-la. Ao Chúng Xa và vườn ao Ác Khẩu. Ao Tạp Hoa và vườn cây Ba-lợi-chát-đa. Cho đến vườn Câu-tì-la-la và biển Do-càn-đà, núi Do-càn-đà, núi biển I-sa-đà, núi biển Khur-la-chi, núi biển Thiện Kiến, núi biển Mã Nhĩ, núi biển Tì-na-đa, núi biển Ni-dân-đà và ở trong tứ Thiên hạ các châu lục tạo thành và các biển cả khởi lên Thiết Vi Sơn. Như vậy các cây và vườn Câu-tì-la-la, ở đây ngày xưa có đá báu Bàn Trụ Kiếm-bà-ba và ở nơi đây ngày trước có Thiện Pháp Đường; nơi đây ngày xưa có biển lớn, nơi đây có núi Du-càn-đà và biển Du-càn-đà. Ở trong đây có núi I-sa-đà và biển I-sa-đà. Ở trong

đây có núi Khu-la-chi và biển Khu-la-chi. Nơi đây có núi Thiện Kiến và biển Thiện Kiến. Có núi Mã Nhĩ và biển Mã Nhĩ. Ở trong đây có núi Tì-na-đa và biển Tì-na-đa. Ở trong đây có núi Ni-dân-đa và biển Ni-dân-đa. Ở trong đây có tứ Thiên hạ và trong đây có châu lục đất đai và bên ngoài là biển lớn. Ở trong đây có núi Chước-kha-bà-la. Trời Dạ-ma thân hình to lớn bay đi rất nhanh. Do đi nhanh cho nên chạm vào phong luân. Bởi vì phong luân này là căn bản của phong luân Na-la-diên. Gió này thổi rất mạnh thổi đến đâu cũng đến đâu khắp tất cả. To 9 ức 6 vạn do-tuần, rộng 12 ức 3 ngàn 4 trăm 50 do-tuần. Chu vi 36 ức 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. So với chỗ này không có gì sánh nổi. Gió này cứng mạnh, vật không thể xâm vào. Nếu người có sức của Na-la-diên cầm gậy Cháp Kim Cương cũng không thể đẩy gió này, đao trượng tự gãy mà phong luân không bị tổn hại. Ở trên không trung của phong luân có nước mưa chảy lớn như lâu đài, hoặc như trục xe, hoặc như bánh xe ngày đêm không dừng nghỉ, như nước sông dâng cả ngàn năm. Thủy giới này tụ lại chung quanh gió, có tên là Nhiếp Trì. Ngày đêm thường khởi lên làm cho nước không thể tán loạn. Như vậy thủy giới tăng dần chưa nghỉ. Nước này càng ngày càng lớn đến đâu cũng được rồi đầy cả khắp nơi rồi khởi thành thể giới do nghiệp đời trước mà cảm đến sức mạnh của gió tạo thành và lại còn có gió bên ngoài bao vây mà khởi thành.

Tây Cù-da-ni và Đông Phát-bà-đề lại có gió bốn phương bốn góc tạo thành. Bắc Uất-đan-việt lại có gió như nửa Tỳ Bà mà thành. Ở Nam Diêm-phù-đề gió tạo thành núi, kể đến là tạo thành đỉnh núi. Khi gió thổi thì hoặc chính hoặc một bên mà làm thành tướng núi, hoặc bằng hoặc nhọn. Lại có gió khởi lên một bên rất nhanh và các bên khác thì chậm. Tướng núi một bên thì lõm, các bên kia thì bằng phẳng. Lúc gió thổi thì đánh sâu vào nhau và quay trở lại khi ra liền thành hang động. Có gió đập thật sâu phía dưới và không thoát ra. Phía sau núi bị hồng chính là do gió này. Cho nên thành đất 4 thiên hạ hoặc sâu, hoặc cao, hoặc có nơi hiển hiện cao 8 vạn do-tuần; hoặc có

nơi sâu xuống 4 vạn do-tuần. Lại cũng có nơi cao 4 vạn do-tuần, sâu 2 vạn do-tuần. Lại cũng có nơi cao 2 vạn do-tuần, sâu 1 vạn do-tuần. Lại cũng có nơi cao 1 vạn do-tuần, sâu 5 ngàn do-tuần. Lại cũng có nơi cao 5 ngàn do-tuần, sâu 2 ngàn 5 trăm do-tuần. Lại cũng có nơi cao 2 ngàn 5 trăm do-tuần, sâu 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần. Lại cũng có nơi cao 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần, sâu 6 trăm 25 do-tuần. Lại cũng có nơi cao 6 trăm 25 do-tuần, sâu 3 trăm 12 do-tuần rưỡi. Do nhân duyên này tất cả khí thể giới khởi tạo đã thành. Lúc ấy 2 loại giới khởi lớn lên là địa giới và hỏa giới. Hai giới này khi phong giới nổi lên thổi làm hỏa giới chung luyện địa giới. Phong giới thường xuyên khởi thổi tất cả mọi vật tạo thành ra cứng chắc. Sau khi đã cứng chắc rồi, tất cả các loại quý giá đều hiện ra, rồi trời mưa xuống như lều lớn dần dần như bánh xe cho đến trục xe hoặc như suối phun vô số ngàn năm, đầy cả hào thành Thiện Kiến và ao Na-đà, ao Chúng Xa, ao Ác Khâu, ao Tạp Hoa. Biển trong lớn, biển Do-càn-đà, biển I-sa-đà, biển Khư-la-chỉ, biển Thiện Kiến, biển Mã Nhĩ, biển Tì-na-đa, biển Ni-dân-đà, ở giữa tứ Thiên hạ có các châu lục đất đai, biển ngoài lớn của vùng đất chính giữa 4 thiên hạ do nhân duyên này mà nước đầy khắp tất cả thế giới. Đối với cõi trời Đao-lợi và trời Tứ Thiên Vương khi xả báo ở cõi trời thụ sinh vào đây. Lại có chư thiên thọ mạng hết, phúc hết, từ trên cõi trời đọa xuống thụ sinh vào cõi người trong 4 thiên hạ.

Lúc đó con người lấy sự hỷ lạc làm thức ăn, y vào sự hỷ lạc mà tồn tại, ý sinh hóa thân, tự nhiên sáng chiếu, sống an lạc, phi hành trong hư không. Lúc ấy mặt trời và mặt trăng chưa xuất hiện và trên trần thế cũng chưa có tinh tú. Ngày đêm không phân biệt, năm tháng, 4 mùa, 8 tiết không rõ, nam nữ không phân biệt, cũng không có cha mẹ, anh em, chị em, vợ chồng con cái, không có người ở không có chủ nhà. Một mực thụ dụng tự tại an lạc. Chưa có họ tên và loại chúng sinh. Lúc ấy thủy giới giảm dần chảy xuống chỗ thấp, biển

lớn lúc tăng lúc giảm khai mở nhiều sông nên nước giảm từ từ. Có đất đai phì nhiêu cung cấp nhiều vị ngon ngọt. Sinh trưởng trên đất nhiều sắc hương, xúc, vị, khả ái, đầy đủ như mật ong, không đắng, chát, cay. Đất đai phì nhiêu cho các vị cũng như vậy. Lúc đó các mùi vị ngon đầy cả. Bấy giờ có một người ngửi thử hương vị này khởi tâm đắm trước rồi ngón tay nhón lấy vị ấy nếm biết ngon ngọt như mật ong nên vốc lấy mà ăn. Những người khác thấy người này ăn ngon ấy không hề gì nên bắt chước lấy ăn. Khi con người ăn những vị ngon của đất rồi thân thể cứng cáp và nặng nề từ đó về sau không thể phi hành trên không như trước nữa.

Lúc ấy ánh sáng đẹp đẽ nơi thân nhân đầy cũng mất. Khi ánh sáng mất rồi thì sự tối tăm trở lại như xưa. Khi 4 thiên hạ bị che tối thì 2 vàng mặt trời mặt trăng mới xuất hiện. Trên thế gian mặt trời mặt trăng xuất hiện rồi tiếp đến tinh tú xuất hiện, tinh tú xuất hiện rồi từ đó phân chia ngày đêm. Ngày đêm phân chia rồi hiện rõ nửa tháng, một tháng. Nửa tháng, một tháng hiển hiện rồi thì đầy đủ 4 thời, 8 tiết và năm. Như vậy, qua nhiều thời gian thế gian được hình thành. Như vậy, trải qua nhiều thời gian 60 Tiểu kiếp đã kết thúc. Lúc ấy chúng sinh ăn mùi vị của đất này, nương vào đất này mà tồn tại qua thời tiết dài lâu. Trong đó chúng sinh ăn mùi vị nhiều thì hình dung xấu xí, thiếu uy đức và ít sức thần thông. Nếu trong đây chúng sinh ăn mùi vị ít thì thân thể khả ái, có uy đức, thần lực tự tại. Do nhân duyên ấy mà sắc hình của chúng sinh có hơn kém. Do sự hơn kém này mà sinh tâm hơn thua. Do tâm này mà nói: Ta hơn người, người không bằng ta. Lúc ấy các ác pháp bắt đầu hoành hành ở thế gian. Do chấp sự hơn thua này mà các vị, sắc, hương của đất từ đây không còn nữa.

Lúc ấy con người hòa hợp tụ tập lại ưu não, khôn khổ rồi khóc lóc, than rằng: Ôi! Pháp ác đã xuất hiện trên thế gian. Do từ hình sắc mà sinh kiêu mạng hủy báng người khác. Do ác pháp này làm mất

mùi vị thù thắng không thể nghĩ bàn như sắc, hương, xúc của ta. Lúc ấy con người ăn những đồ ngon và nói rằng: Ôi! Thật giống ngày xưa ta đã ăn mùi này rồi, rồi nhớ nghĩ sâu não. Những câu nói này đến bây giờ tất cả đều quên hết, không ai còn nhớ để nói lại. Khi vị này mất rồi lại có vị khác tên là Địa Bì, sắc, hương, vị, xúc tất cả đều ngon ngọt như mật ong. Lúc ấy con người đều đến ăn; nương vào đồ ăn này mà tồn tại dài lâu. Trong khi đó có nhiều người tham mùi vị nên đã ăn nhiều Địa Bì hình dung xấu xí, uy đức mỏng manh và ít sức thần thông. Trong đó có chúng sinh ăn mùi vị ít, nên hình dung khả ái, thân có uy đức, thần lực tự tại. Do nhân duyên này mà tất cả chúng sinh hình tướng có hơn kém. Do sự hơn kém này mà sinh ra tâm hơn thua. Do tâm này mà có nói: Ta hơn người, người không bằng ta. Do pháp ác này tiếp hoành hành ở đời tranh chấp hơn thua. Sắc hương của Địa Bì mất đi từ đó./.

HẾT QUYỂN 10, TRỌN BỘ

SỐ 1645
LUẬN CHƯƠNG SỞ TRI
QUYỀN THƯỢNG

*Phát Họa Tư Ba tạo luận
Sa La Ba dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

*Kính lễ Kim Cương Thượng sư,
Kính lễ Chư Phật Bồ-tát.
Khấp tri kiến sở tri,
Thương xót dạy quần sinh.
Kính lễ Tối thượng trí.
Sẽ giảng rõ sở tri,
Là khí, tình thế gian,
Đạo pháp và quả pháp,
Và các vô vi pháp,
Lược gồm có 5 thứ.*

Phẩm 1: KHÍ THỂ GIỚI

Cái thể tạo thành khí thể giới là 4 đại chủng. Vì đủ 4 thứ thì sinh. Đó là đất thì cứng, nước thì ướt, lửa thì nóng, gió thì động. Các đại chủng này, nhỏ nhất gọi là cực vi trần, cũng gọi là lân hư trần, không thể giải thích đủ, 7 lân hư là 1 cực vi, 7 cực vi là 1 vi trần, 7 vi trần là 1

thấu kim trần, nghĩa là một thứ bụi có thể xuyên qua vàng, 7 thấu kim trần là 1 thấu thủy trần, nghĩa là một thứ bụi có thể xuyên qua nước, 7 thấu thủy trần là 1 thố mao trần, nghĩa là một thứ bụi nhỏ như đầu lông con thỏ, 7 thố mao trần là 1 dương mao trần, nghĩa là một thứ bụi bằng đầu lông con dê, 7 dương mao trần bằng 1 ngư mao trần, nghĩa là một thứ bụi bằng đầu lông con bò, 7 ngư mao trần bằng 1 du kích trần, nghĩa là một thứ bụi có thể đi qua khe hở, 7 du kích trần bằng ấu trùng con rận, 7 ấu trùng con rận bằng 1 con rận, 7 con rận bằng 1 hạt lúa mì, 7 hạt lúa mì bằng 1 đốt ngón tay, 3 đốt ngón tay bằng 1 ngón tay, 24 ngón tay sắp nằm ngang bằng 1 khuỷu tay, 4 khuỷu tay là 1 cung, 5 trăm cung thành 1 Câu-lô-xá, 8 Câu-lô-xá thành 1 do-tuần. Đây là chuẩn đo lường thân tướng của thế giới. Làm thành nhân của thế giới là do cảm cộng nghiệp của tất cả hữu tình.

Thành như thế nào?

Từ trong không giới gió 10 phương nổi lên xung kích lẫn nhau, cứng chắc kín đáo bất động là diệu phong luân. Màu sắc của nó xanh sáng, cực đại kiên thật, sâu 16 lạc-xoa do-tuần, rộng vô số. Do hơi ẩm sinh ra mây gọi là kim tàng, mưa xuống những cơn mưa lớn. Nương gió mà trụ gọi là đáy. Biển sâu 11 lạc-xoa 2 vạn do-tuần. Nước đó đập tát lên kết thành vàng như sữa nóng đóng ván thành màng, tức địa luân bằng vàng, cho nên thủy luân giảm chỉ dày 8 lạc-xoa, còn 30 nhiều chuyển đổi thành vàng dày 3 lạc-xoa 2 vạn do-tuần. Kim luân rộng bằng thủy luân. Chu vi tức thành gấp 3, hợp với 36 lạc-xoa 1 vạn 3 trăm 50 do-tuần. Phong luân trước là đáy của cõi Ta-bà. Địa luân và thủy luân là đáy của 4 châu. Trên địa luân lại có mưa lớn, liền thành biển lớn, bị gió đập, những thứ tinh diệu tụ thành núi Diệu Cao Sơn, những thứ hạng trung tụ thành Thất Kim Sơn, những thứ hạng dưới tụ thành Luân Vi Sơn, những thứ tạp nhạp tụ thành 4 châu v.v... Thể của Diệu Cao Sơn phía Đông là bạc, Nam là lưu ly, Tây là pha-lê-kha, Bắc là vàng làm thành. Ngoài ra 7 núi chỉ có vàng. Đất

của 4 châu do tạp phẩm tạo thành. Luân Vi Sơn chỉ làm bằng sắt. Núi Diệu Cao Sơn chìm vào trong biển 8 vạn du-thiện-na. So với các núi khác đều cao và đẹp hơn nên có tên là Diệu Cao. Tiếp đến lần lượt 7 núi vàng là:

1. Núi Du-càn-đà-la cao 4 vạn do-tuần.
2. Núi I-sa-đà-la cao 2 vạn do-tuần.
3. Núi Khur-đắc-la-kha cao 1 vạn do-tuần.
4. Núi Tu-đăng-ta-la cao 5 ngàn do-tuần.
5. Núi A-du-cát-na cao 2 ngàn 5 trăm do-tuần.
6. Núi Tì-nê-đát-ca-na cao 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần.
7. Núi Cư-dân-đà-la cao 6 trăm 25 do-tuần. (Tạng Luận Sớ nói: 1. Núi Trì Song. 2. Núi Trì Trục. 3. Núi Diêm Mộc. 4. Núi Thiện Kiến. 5. Núi Mã Nhĩ. 6. Núi Tượng tỷ. 7. Núi Ngư Chủy.)

Ngoài 4 đại châu có núi Luân Vi cao 3 trăm 12 do-tuần rưỡi. Chúng đều rộng bằng lượng nước tháo ra. Giữa núi Thất Kim Sơn là nơi vui chơi của các Long vương, gọi là Hý Hải.

Bảy biển giữa 8 núi gần Diệu Cao Sơn là:

1. Biển Du-càn-đà-la rộng 8 vạn do-tuần.
2. Biển I-sa-đà-la rộng 4 vạn do-tuần.
3. Biển Khur-đắc-la-kha rộng 2 vạn do-tuần.
4. Biển Tu-đăng-ta-la 1 vạn do-tuần.
5. Biển A-du-cát-na rộng 5 ngàn do-tuần.
6. Biển Tì-ni-đát-ca-na rộng 2 ngàn 5 trăm do-tuần.
7. Biển Ni-dân-đà-la rộng 1 ngàn 2 trăm 50 do-tuần.

Đầy nước 8 công đức , 8 núi 7 biển đều vuông vức. Biển ngoài vị mặn. Ni-dân-đà-la đến Luân Vi Sơn, 2 núi cách nhau 3 lạc-xoa 2 vạn

2 ngàn do-tuần. Nước biển ngoài tuy không có phân chia, nhưng do sắc của Diệu Cao biển phía Đông sắc trắng, biển phía Nam sắc xanh, biển phía Tây sắc đỏ, biển phía Bắc màu vàng, hiện các sắc như vậy cho nên gọi là 4 biển. Chu biên của chúng là 36 lạc-xoa 7 trăm 50 do-tuần. Ngoài Luân Vi Sơn chu vi 36 lạc-xoa 2 ngàn 6 trăm 25 do-tuần. Biển ngoài, Nam Thiệm-bộ châu thì hình trạng như như cái thùng xe hẹp hướng về Thiết Vi 3 do-tuần rưỡi, còn 3 bên thì đều 2 ngàn do-tuần. Chu vi 6 ngàn 3 do-tuần rưỡi, có 2 trung châu: Đông Giá-ma-la (Đây gọi là Miêu ngư), Tây Bà-la-ma-la (Đây gọi là Thắng miêu ngư). Trung ương Thiệm bộ nước Ma-kiệt-đà là nơi sinh của 3 đời chư Phật. Tiếp đến hướng về phía Bắc qua Cửu Hắc Sơn có Đại Tuyết Sơn, gọi là Cụ Cát Tường. Phía Bắc núi này có Hương Túy Sơn. Giữa 2 núi này có Đại Long vương tên là Vô Nhiệt. Ao nó ở là A-nậu-đạt (Đây gọi là Vô Nhiệt) có hình trạng 4 mặt đều 50 do-tuần. Chu vi 2 trăm do-tuần. Trong ao đầy nước có 8 công đức . Từ trong ao này chảy ra 4 con sông lớn: Phía Đông là sông Khắc-già, từ miệng voi chảy ra cát bạc, cộng 5 trăm sông chảy về biển Đông. Phía nam sông Tân Độ từ miệng bò chảy ra cát lưu ly, cộng 5 trăm sông chảy về biển Nam. Phía Tây sông Phục-sô từ miệng ngựa chảy ra cát Pha-lê-kha, cộng 5 trăm sông chảy về biển Tây. Phía Bắc sông Tất-đát từ miệng sư tử chảy ra cát vàng, cộng 5 trăm sông chảy về biển Bắc. 4 con sông này từ ao Vô Nhiệt chảy vòng bên phải 7 vòng rồi chảy theo mỗi phương. Núi Hương Sơn về phía Bắc độ 20 do-tuần có một núi đá tên Nan-đà nham, mỗi mặt đều 50 do-tuần, chu vi 2 trăm do-tuần, cao 3 do-tuần rưỡi. Lại có 8 ngàn núi nhỏ. Núi phía Bắc độ 20 do-tuần, có cây Ta-la thụ vương, gọi là Thiện Trụ. Rễ nó đâm xuống đất 40 cung, cao 80 cung có 7 lớp hàng cây 3o quanh. Phía Đông độ 20 do-tuần có ao nước ấm hình tròn rộng 50 do-tuần, chu vi 1 trăm 50 do-tuần. Lại có 8 ngàn ao nhỏ chứa đầy nước có 8 công đức , có hoa sen lá như da bò, cộng như trục xe, hoa như bánh xe, vị ngon như mật. Nơi đó lại có voi chúa cho Đế Thích cưỡi khi lâm chiến, tên là Thiện Trụ, cùng

với 8 ngàn voi. 4 tháng mùa lạnh thì ở núi vàng, 4 tháng mùa nóng thì ở Thiện Trụ, 4 tháng mùa mưa thì ở ao nước ấm. Bên ao Vô Nhiệt có cây Thiệm-bộ quả có vị ngon, lớn bằng cái vò, khi 9 rơi xuống nước phát ra tiếng Thiệm-bộ. Rong hóa ra cá nuốt những trái cây này, con lại gặp nước chảy thành vàng Thiệm-bộ. Do tên của cây này nên gọi là Thiệm-bộ. Phía Tây châu Thiệm-bộ này có nước Ô-điền là nơi của Đại Kim Cương Cung Trì Chung, pháp Kim cương thừa từ đó truyền ra. Giữa biển Nam có núi tên là Trì Thuyền. Bồ-tát Quan Âm ở trên đỉnh núi này. Thánh mẫu Đa-la ở dưới núi. Phía Đông có 5 ngọn núi cao, Bồ-tát Văn-thù ở trên ngọn núi ấy. Có 16 nước lớn và hàng ngàn nước nhỏ. Lại có 3 trăm 60 giống người. Có 7 trăm 20 thứ tiếng. Châu ở phía Đông biển ngoài tên gọi là Thắng Thân, trạng như hình bán nguyệt, đối diện núi Diệu Cao 3 trăm 50 do-tuần, còn các bên là 60 do-tuần, chu vi 6 ngàn 3 trăm 50 do-tuần. 2 bên châu này có 2 trung châu là Bắc Đề-ha (Đây gọi là thân) và nam Tì-đề-ha (Đây gọi là Thắng thân). 3 châu ấy vượt hơn các châu khác 7 cây Đa-la. Hoặc nói người của châu này tướng mạo đoan nghiêm thân đẹp đẽ nên gọi là Thắng Thân. Châu ở phía Bắc biển ngoài tên gọi là Cru-lâu, dạng hình tứ giác vuông vức, mỗi bên 2 ngàn do-tuần, chu vi 8 ngàn do-tuần. 2 bên châu này có 2 trung châu, một tên là Cru-lâu (Đây gọi là Hữu thắng), 2 tên là Cao-ta-la (Đây gọi là Hữu thắng biên). Người của châu ấy cần thụ dụng thứ gì đều từ cây như ý mà ra. Trước khi chết 7 ngày, cây như ý phát ra tiếng không hay báo cho biết 7 ngày sau sẽ chết. Hoặc nói người châu này ti thiết tức cát thực nhục quý âm, cho nên gọi là Cru-lâu là bất mỹ âm. Châu ở phía Bắc biển ngoài tên gọi là Ngưu Hóa, hình giống mặt trăng tròn, đường kính 2 ngàn 5 trăm do-tuần, chu vi 7 ngàn 5 trăm do-tuần, có 2 trung châu là Nam Xá-sai (Đây gọi là Cự siêm) và Bắc Ót-đát-la-man-đát-lí-noa (Đây gọi là Nghi thượng). Người châu ấy có nhiều bò báu dùng làm hàng hóa trao đổi, nên gọi là châu Ngưu Hóa. Núi biển v.v... đều chìm xuống 8 vạn do-tuần. Gần kim địa nên gần châu Thiệm-bộ. Tinh Cát

Cức châu, Kim châu, Nguyệt châu v.v... đều thuộc châu Thiệm-bộ. Tiểu châu của các đại châu v.v... cũng vậy. Tiếp đến trên tầng không 4 vạn do-tuần đều thuần tịnh không có gì ngăn ngại. Thắng kiên phong luân xoay vòng bên phải, mặt trời mặt trăng và tinh tú trụ trên không.

Mặt trời do hỏa châu làm thành, đường kính 51 do-tuần, chu vi 1 trăm 53 do-tuần, dày 6 do-tuần linh 18 phân, trên có viền vàng, trên đó lại có vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha v.v... lộ thành 4 góc, là cung điện của Nhật thiên tử, do gió vận hành 1 ngày 1 đêm đi giáp vòng 4 đại châu. Khi mặt trời đi về hướng Bắc thì ngày dài, đi về Nam thì ngắn. Khi đi khoảng giữa Nam Bắc thì ngày đêm đều. Do đi đến nơi ánh sáng tức có lạnh nóng là mùa đông và mùa hạ. Đi về Bắc 6 tháng, đi về Nam 6 tháng. Đi đến giữa đường gọi là mặt trời mặt trăng đi vòng tinh luân. Trải qua một vòng gọi là 1 5.

Mặt trăng do thủy châu làm thành, đường kính 50 do-tuần, chu vi 1 trăm 50 do-tuần, dày 6 do-tuần linh 18 phân, trên đó lại có vàng, bạc, lưu ly, pha-lê-kha v.v... lộ thành 4 góc, là cung điện của Nguyệt thiên tử. Mặt trời mặt trăng cách nhau xa gần bóng của nó tăng giảm. Do tăng 1 phân tức sinh nửa tháng trên, 15 phân thì gọi là tròn đầy. Do giảm 1 phân tức sinh nửa tháng dưới, bóng của nó che kia, trọn 15 phân thì gọi là không tròn đầy. Do tăng giảm nên gọi là tú không. Do 1 ngày 1 đêm gọi là tú địa. Như vậy 30 gọi là 1 tháng.

Các tinh tú là các thiên cung trên không do các báu làm thành, đều hình dạng tròn, nhỏ thì bằng 1 tiếng bò rống, vừa thì bằng 3 tiếng bò rống, lớn thì bằng 6 tiếng bò rống, chu vi gấp 3 lần, thuộc tứ thiên vương chúng.

Núi Diệu Cao Sơn có 4 tầng. Bắt đầu từ mé nước trở lên cách nhau 10 ngàn do-tuần, tức tầng thứ nhất. Từ núi Diệu Cao Sơn ra chung quanh 16 do-tuần trở lên cách nhau 1 vạn do-tuần, tức tầng thứ 2, ra chung quanh 8 ngàn do-tuần trở lên cách nhau 1 vạn do-tuần, tức tầng thứ 3, ra chung quanh 4 ngàn do-tuần trở lên cách

nhau 1 vạn do-tuần tức tầng thứ tư, ra chung quanh 2 ngàn do-tuần đỉnh núi Diệu Cao Sơn 4 góc đều nhô ra 1 chóp cao 4 do-tuần rưỡi, rộng 1 trăm 25 do-tuần, chu vi 5 trăm do-tuần, có thần Dược-xoa trụ trong đó. Trên đỉnh núi này có thành trung ương của trời thứ 33 gọi là Thiện Kiến làm toàn bằng vàng, cao 1 do-tuần rưỡi, mỗi mặt đều 2 ngàn 5 trăm do-tuần, chu vi 1 vạn do-tuần. Thành làm bằng vàng được trang sức đủ 1 trăm lẻ 1 thứ báu, đất ở đó mềm như bông Đậu-la miên. 4 mặt thành có 1 vạn 6 ngàn cây cột báu, kèo báu, rui báu mái hiên báu. 4 mặt 4 cửa, lại có số ngàn vọng lâu 1 cửa nhỏ. 4 con đường lớn có các con đường nhỏ. Bên 4 cửa thành 5 trăm thiên tử đều mặc áo giáp bảo vệ cửa thành. Trong thành có điện Đế Thích gọi là Tối Thắng Xứ, cũng gọi là Vượt trội Điện, trạng hình vuông, cao 4 trăm do-tuần rưỡi, mỗi mặt 2 trăm 50 do-tuần, chu vi 1 ngàn do-tuần, 1 trăm lẻ 1 khước địch, mỗi khước địch có 7 lầu, mỗi lầu báu đều có 7 lầu nhỏ, mỗi lầu nhỏ đều có 7 ao hồ, mỗi ao hồ đều có 7 hoa sen, trên mỗi hoa sen đều có 7 đồng nam đồng nữ tấu nhạc ca múa làm vui. Phía Đông thành Thiện Kiến có một nơi để xe, gọi là Vườn Chúng Xa, cao 1 ngàn do-tuần. Phía Nam là nơi lâm chiến, gọi là Vườn Thô Ác. Phía Tây là nơi để làm việc gọi là Vườn Tạp. Phía Bắc là nơi vui chơi, gọi là Vườn Hoan Hỷ. Rộng lớn đều như trước. Bên ngoài các vườn độ 20 do-tuần có thiện địa gọi là Chúng xa, Thô Ác, Tương Tạp, Hoan Hỷ, to rộng bằng 4 vườn. Đông Bắc thành Thiện Kiến có cây như ý, tên là 3-lợi-xà-đa, cũng gọi là cây Viên Sinh, gốc rễ sâu 50 do-tuần, cao 1 trăm do-tuần, nhánh cây tỏa ra 50 do-tuần có khả năng cho các điều vui thích, dưới có đá bàn tên là A-lật-ma-li-ca, sắc trắng như lông chiên, mỗi mặt đều 50 do-tuần, chu vi 2 trăm do-tuần. Phía Tây Nam thành Thiện Kiến là nơi chụ thiên tập họp, gọi là Thiện Pháp Đường, chu vi 9 trăm do-tuần dạng hình tròn. chính giữa tòa nhà này có tòa ngòai của Đế Thích đều làm bằng vàng. Chung quanh tòa này có tòa ngòai của 36 phụ thần đều sắp xếp cho 33 trời trở lên độ 8 vạn do-tuần, nương gió mà trụ

trong không giới, do các báu làm thành. Ly Trách thiên cung rộng lớn bằng gấp đôi Diệu Cao Sơn đỉnh, trên độ 1 ức 6 vạn do-tuần nương gió mà trụ trong không giới, do các báu làm thành. Đâu-suất thiên cung rộng lớn gấp đôi Ly Trách, trên độ 3 lạc-xoa 2 vạn do-tuần, nương gió mà trụ trong không giới do các báu làm thành. Hóa Lạc thiên cung rộng lớn bằng gấp đôi Đâu-suất, trên độ 6 lạc-xoa 4 vạn do-tuần, nương gió mà trụ trong không giới do các báu làm thành. Tha Hóa Tự Tại thiên cung rộng lớn gấp đôi Hóa Lạc. Đây tức Dục giới. Trên có Sơ thiên. Như vậy 4 châu, 7 núi, Diệu Cao, Luân Vi, 6 trời Dục giới và Sơ thiên, gọi là cõi 4 châu. Một đến 1 ngàn là Tiểu thiên giới, có 1 Tiểu Thiết Vi Sơn vây quanh. Tiểu thiên giới này từ 1 đến 1 ngàn là Trung thiên giới, có 1 Trung Thiết Vi Sơn vây quanh. Trung thiên giới này từ 1 đến 1 ngàn là 3 ngàn Đại thiên thế giới, có 1 Đại Thiết Vi Sơn vây quanh. Như vậy có số trăm ức 4 châu giới đều có những dãy núi Thiết Vi. Khoảng cách núi giữa các châu là vùng tối tăm không có ngày đêm, đưa tay không nhìn thấy.

Sơ thiên thiên lượng bằng 4 châu giới.

Nhị thiên thiên lượng bằng Tiểu thiên giới.

Tam thiên thiên lượng bằng Trung thiên giới.

Tứ thiên thiên lượng bằng 3 ngàn Đại thiên thế giới.

Về khoảng cách nhau đều tăng gấp đôi. Nghĩa là Sắc giới, Vô sắc giới không có xứ sở riêng biệt. Nếu có sinh thì chết nơi nào liền sinh nơi ấy. Trụ ở Vô sắc định nên gọi là Vô sắc.

Phẩm 2: TÌNH THẾ GIỚI

Nói chung tình thế giới có 6 loại: 1. Địa ngục. 2. Ngạ quỷ. 3. Bàn sinh. 4. Người. 5. Phi thiên. 6. Trời.

Danh nghĩa 6 loại này như thế nào?

Nghĩa là chặt nát thân thể gọi là địa ngục. Đói khát bức bách gọi là nga quỷ. Đi nằm ngang nên gọi là bàng sinh. Ý nhiều phân biệt nên gọi là người, là nghĩa của Ma-nâu-sa về thân và thụ dụng, tuy đồng với trời nhưng có phần kém xấu hơn. Hoặc do không có rượu nên gọi là phi thiên, là nghĩa của A-tu-la, từ thân Phạm sinh ra, du hí vui chơi. Hoặc ứng sự cúng dường nên gọi là trời, là nghĩa của Đề-bà. Địa ngục là dưới châu Thiệm-bộ quá 2 vạn do-tuần, rộng 4 phương 2 vạn do-tuần, làm toàn bằng sắt lửa cháy rực rỡ. Có 8 địa ngục nóng là: 1. Cánh hoạt. 2. Hắc thẳng. 3. Chúng hợp. 4. Hào kiêu. 5. Đại hào kiêu. 6. Viêm nhiệt. 7. Đại viêm nhiệt. 8. Vô Giám.

Địa ngục Cánh hoạt là hữu tình sinh vào nơi kia do nghiệp trước chiêu cảm. Chúng cảm các loại khí tượng oán ghét giết hại lẫn nhau, đoạn đoạn đọa lạc muộn tuyệt tạm chết, không âm sống lại, chúng hữu tình kia liền sống trở lại rồi lại giết hại lẫn nhau. Thụ mạng của chúng là 1 đời của Tứ thiên vương thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra là chịu khổ sở 5 trăm năm.

Địa ngục Hắc thẳng là các ngục tốt dùng dây đen trói thân hình hữu tình từ đầu đến chân, dùng lưỡi cưa lửa cưa xẻ chi thể, do nghiệp lực trước mà bị như vậy. Thụ mạng của chúng là 1 đời của Đạo-lợi thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra phải chịu khổ này 1 ngàn năm.

Địa ngục Chúng hợp là hữu tình sinh vào nơi kia bị đánh bằng cây sắt, hoặc 2 núi sắt như 2 đầu dê húc nhau lại làm tan nát thân mạng. Khi 2 núi tách nhau ra thì tội nhân sống lại, rồi lại bị húc nát. Thụ mạng của chúng là 1 đời của Ly Trách thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra phải chịu khổ này 2 ngàn năm.

Địa ngục Hào kiêu là hữu tình sinh nơi đó sợ ao nước sôi nóng mà vào trong rừng rậm rồi bị lửa bốc cháy thiêu đốt, do nghiệp lực trước, lưỡi tội nhân to rộng 1 ngàn do-tuần, có 1 con bò lớn sừng sắt, da sắt kéo cây bằng sắt bốc lửa cháy dữ dội cây trên lưỡi tội nhân.

Thụ mạng của chúng là 1 đời của Đâu-suất thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra phải chịu khổ sở này 4 ngàn 5.

Địa ngục Đại hào kiêu là cũng giống như trước mà khổ tăng gấp đôi. Thụ mạng của chúng là 1 đời của Hóa Lạc thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra phải chịu khổ sở này 8 ngàn 5.

Địa ngục Viêm nhiệt là chịu khổ đốt cháy trong 3 lớp thành sắt. Thụ mạng của chúng là 1 đời của Tha Hóa Tự Tại thiên bằng 1 ngày đêm. Như vậy tính ra phải chịu khổ sở này 1 vạn 6 ngàn 5.

Địa ngục Cực viêm nhiệt là giống như trước nhưng khổ tăng gấp đôi. Thụ mạng của chúng phải chịu khổ bằng một nửa Trung kiếp.

Địa ngục Vô Gián là thân bị nhốt trong nhà sắt bị thiêu đốt khổ sở. Thụ mạng của chúng bằng 1 Trung kiếp.

10 sáu tầng ngục là mặt bên của 8 ngục nóng đều có 4 chỗ:

1. Tầng lò lửa than sâu ngập đầu gối. Hữu tình đi trong đó vừa bỏ chân xuống da thịt máu huyết đều cháy tiêu chỉ còn xương, nhấc chân lên thì hoàn lại như cũ.

2. Tầng phân thây chết, bất tịnh ứ đến eo lưng hữu tình, trong đó có nhiều trùng Nhưrong-củ-trá mỏ nhọn như kim mổ lủng da thấu xương hút tủy.

3. Tầng lưỡi dao nhọn. Có 3 loại: 1. Đường đi có lưỡi dao nhọn. Nghĩa là trên đường đi có nhiều dao nhọn ngửa lưỡi lên, hữu tình đi trên đường đó vừa bỏ chân xuống thì cắt rớt da thịt, nhấc chân lên thì hoàn lại như cũ. 2. Rừng lá cây như kiếm. Nghĩa là rừng này lá cây đều là kiếm nhọn. Hữu tình đi trong đó gió thổi lá rụng đâm rách thân thể, có quạ, chó dữ cắn xé ăn thịt. 3. Rừng cây đọc bằng sắt, tên là Tiêm-ma-lợi. Nghĩa là cây rừng này có những cây đọc bằng sắt nhọn dài 16 ngón tay. Hữu tình bị bắt trèo lên trèo xuống cây bị các cây đọc đâm lên đâm xuống, máu thịt hữu tình vương trên những cây

đọc. Có giống quạ mỏ sắt rình mổ mắt, não tủy giành nhau ăn. Con đường dao nhọn v.v... tuy có 3 chủng loại khác nhau nhưng đều gồm tầng thiết trượng như nhau.

4. Tầng sông nước nóng. Tên gọi là Vô độ. Sông đầy nước tro cực nóng, hữu tình vào trong đó hoặc nổi hoặc chìm, hoặc nghịch hoặc thuận, hoặc ngang hoặc đứng, bị chung bị nấu xương thịt như nát như trong vạc lớn đựng đầy nước tro nóng rồi cho lúa gạo vào đốt lửa mạnh, lúa gạo chuyển vờn trôi lên hạ xuống 9 như, hữu tình cũng vậy. Dầu muốn trốn thì trên 2 bên bờ ngực tốt tay cầm đao thương cản lại không làm sao thoát ra được. Sông này như hào thành, trước 3 giống như vườn, chúng được gọi là cận biên địa ngục.

Tám ngục lạnh là: 1. Thủy bào. 2. Bào liệt. 3. A-tra-tra. 4. A-3-3. 5. Âu-hầu-hầu. 6. Rách như hoa Uất-bát-la (Đây gọi là hoa sen xanh). 7. Rách như hoa sen. 8. Rách như hoa sen lớn.

Địa ngục thủy bào là sinh vào nơi nước lạnh, cực kỳ lạnh, toàn thân nổi mụn nước, gọi là ngục thủy bào. Thụ mạng ở đây là nước Ma-già-đà có học lớn 80 học mè, cứ 1 trăm 5 bỏ đi 1 hạt cho đến hết tất cả thì thụ mạng ở đây cũng vậy.

Địa ngục bào liệt là do cực kỳ lạnh làm các mụn nước vỡ ra chảy nước vàng. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục A-tra-tra là do quá lạnh phải nghiền răng nhẫn chịu. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục A-3-3 là âm thanh nhẫn chịu cái lạnh. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục Âu-hầu-hầu là do lạnh mà phát ra tiếng khô rên la khóc. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục rách như hoa Uất-bát-la là quá lạnh đến nỗi thân rách như là hoa Uất-bát-la. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục rách như hoa sen là quá lạnh đến nỗi thân rách như cái hoa sen nở. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục rách như hoa sen lớn là thân rách tả tơi như cái hoa sen lớn nở ra nhiều cánh. Thụ mạng ở đây gấp 20 lần thụ mạng trước.

Địa ngục cô độc là tại trong núi và đồng hoang ở Thiệm-bộ-đề 1 ngày 1 đêm thụ xen tạp khổ vui. Tám địa ngục nóng 8 địa ngục lạnh ở gần bên địa ngục cô độc. Như vậy gọi là 18 địa ngục.

Nga quỷ là dưới thành Vương-xá quá 5 trăm do-tuần có thành nga quỷ tên là Hoàng Bạch, cũng gọi là Thảm Đạm. Quỷ vương kia tên Diêm-la pháp vương, ở chung với 36 quyến thuộc. Có 4 loại: 1. Ngoại chướng. 2. Nội chướng. 3. Âm thực chướng. 4. Chướng âm thực.

1. Ngoại chướng là trở ngại bên ngoài cho đến âm thanh của sự ăn uống cũng không nghe được.

2. Nội chướng là chướng ngại từ bên trong, chỉ ăn uống được nhưng vật rất nhỏ vì miệng như lỗ kim không thể vào được, dầu vào miệng thì cổ họng như đuôi ngựa không thể thông qua được. Dầu qua được cổ họng thì bụng to như núi không thể no được. Tuy no nhưng cẳng chân như cọng cỏ không thể cử động được, phải chịu nỗi khổ lớn này.

3. Âm thực chướng là khi thấy có ăn uống thì vô số ngục tốt cầm binh khí cản trở không cho ăn.

4. Chướng âm thực là khi ăn uống thức ăn thì do nghiệp cảm như bị viên sắt nóng nước đồng sôi rót vào miệng chảy xuống dưới. 4 loại như vậy đều là nga quỷ. Thụ mạng của chúng là 1 tháng của cõi người là 1 ngày đêm của chúng. Như vậy tính ra thụ mạng 5 trăm năm, tức tương đương 1 vạn 5 ngàn năm của cõi người. Chúng hoặc ở trong các rừng lạnh của cõi người ăn máu thịt v.v... đều là loài nga quỷ.

3. Bàng sinh là đa phần ở sông biển. Cũng như loài ở lẫn lộn trong bã rượu, con lớn ăn con nhỏ con nhỏ ăn con lớn khùng bố sát hại nhau. Chỗ ở của chúng không nhất định trôi nổi như sóng biển, hoặc ở trong cõi người cõi trời. Thụ mạng của chúng dài lâu như Long vương thụ nửa Trung kiếp, ngắn ngủi như một loại muỗi sống 1 sát-na. Thân lớn không nhất định.

4. Con người, ở trong 4 đại châu, 8 trung châu, và các tiểu châu. Thụ mạng con người như người châu Thiệm-bộ. Khi kiếp mới thành con người không có tuổi thụ, về sau giảm dần, nay là 60 tuổi. Tiếp sau sẽ giảm đến khoảng 10 tuổi. Rồi lại tăng dần không có định lượng. Người Bắc Cưu-lô tuổi thụ 1 ngàn tuổi. Người Đông Thắng Thân thụ 5 trăm tuổi. Người Tây Ngu Hóa thụ 2 trăm 50 tuổi. Trừ Bắc Cưu-lô, các châu khác đều có chết yếu hoặc chết bất đắc kỳ tử. Về sự thụ dụng, người châu Bắc Cưu-lô ăn lúa gạo tự nhiên, y phục vật trang sức đều từ cây như ý mà ra. Còn 3 châu kia ăn gạo, thịt v.v... các thụ dụng khấp do tự lượng. Người châu Thiệm-bộ-đề cao 8 khuỷu tay. Người Tây Ngu Hóa cao 16 khuỷu tay. Người Bắc Cưu-lô cao 32 khuỷu tay. Tướng mặt của người cũng như châu trượng, người tiểu châu cũng như đại châu, thân đều giảm một nửa, cho nên nói như vậy.

5. Phi thiên là mé nước của Diệu Cao xuống quá 1 vạn 1 ngàn do-tuần. Núi non đồng hoang sáng sủa, A-tu-la vương ở trong thành nội tên La-hầu-la (Đây gọi là Nhiếp Nã) ở chung với quyền thuộc. Lại nữa, quá 1 vạn 1 ngàn do-tuần có A-tu-la vương nơi thành nội Tinh Man tên là Hạng Man ở cùng quyền thuộc. Lại nữa, quá 1 vạn 1 ngàn do-tuần có A-tu-la vương ở nơi thành nội Kiên Lao tên là Diệu Trấn , cũng có tên là Đại Lực ở cùng quyền thuộc. Lại nữa, quá 1 vạn 1 ngàn do-tuần có A-tu-la vương ở thành nội Thâm Thâm tên Tì-ma-chất-đa-la (Đây gọi là Ti Chung Chung, cũng gọi là Văn Thân) ở cùng quyền thuộc, thường cùng đấu với Đế Thích, thành tên là Cự

Kim, cung điện tên là Tấu Nhạc, như ý thụ vương tên Đát-bát-lật, nơi tụ tập gọi là Hiền Tài, đá tên Thiện Hiền, vườn tên Phổ Hỷ, Diêu Hỷ, Tỏi Hỷ, Thập Hỷ Thiện địa, cũng gọi là Phổ Hỷ, Diêu Hỷ, Tỏi Hỷ, Thập Hỷ, voi cưỡi khi lâm chiến tên là Vô Có thể Địch, voi cưỡi khi đi dạo chơi tên Lũy Tuyết, ngựa tên Tiểu Bột.

Các Phi thiên này chiến tranh với trời thứ 33 tranh giành Tu-đà vị và Tu-la nữ, từ trong núi ra mình mặc áo giáp kiên cố bằng vàng bạc lưu ly pha-lê-kha v.v..., tay cầm kiếm, dáo, tiêu, thương, cung tên, thống lãnh 4 bộ quân binh. Các A-tu-la vương kia như La-hầu-la, Hạng Man, Diêu Trấn, Ti-ma-chất-đa-la v.v..., hoặc trước 3 đến, hoặc 4 cùng đến. Bấy giờ 5 chúng bảo vệ của Đế Thích, một trụ ở Hý hải các chúng Long vương là Nguyệt Lạc và Bạch Pháp chiến đấu với Phi thiên. Nếu chúng Long vương không thắng thì đến Kiên Thủ hợp cùng với chúng bảo vệ thứ 2 chiến đấu với Tu-la. Nếu không thắng thì đi đến Trì Man hợp cùng với chúng bảo vệ thứ 3 mà chiến đấu. Nếu không thắng thì đến Đát-kiêu hợp cùng với chúng bảo vệ thứ tư mà chiến đấu nữa. Nếu không thắng thì đến nơi Tứ vương hợp cùng chúng bảo vệ thứ 5 mà chiến đấu nữa. Tứ Đại thiên vương suất 4 binh chúng mặc áo giáp báu cầm binh khí chiến đấu. Phần nhiều thì Tứ thiên vương thắng. Nhưng nếu không thể đẩy lui được thì đến trước trời Đao-lợi bạch Đế Thích rằng: Chúng tôi không thể đánh lui bọn chúng A-tu-la được, vua nên đẩy lui bọn địch. Nghe bạch như vậy xong, Thiên chủ Đế Thích cưới con voi Thiện Trụ bảo các chúng trời thứ 33 rằng:

Các ông phải biết nay quân Tu-la đã đến đỉnh Diêu Cao. Hãy mặc áo giáp kiên cố lên xe cùng Tu-la giao chiến. Nghe nói xong, các thiên tử kia đều mặc áo giáp báu cầm binh khí đến vườn Chúng Xa lên xe, vào vườn Thô Ác chuyển thân tâm ác rồi ra thành Thiện Kiến cùng chiến đấu với địch quân Tu-la. Nếu Tu-la thắng thì xâm nhập vào nội thành. Nếu chư thiên thắng thì đuổi quân Tu-la đến biển thứ

nhất. Trong khi giao chiến, trời và phi thiên nếu đứt cẳng chân, eo lưng chúng liền chết. Nếu tay chân đứt, thì sinh lại như cũ. Khi Bạc-già-phạm, Bích-chi-phật, Chuyển luân thành vương trụ ở thế gian thì các A-tu-la không khởi tâm tranh đấu. Và nếu có xảy ra chống nhau thì chư thiên chắc chắn thắng. Thế gian thiện tăng thì thiên chúng cũng thắng. Thế gian bất thiện tăng thì A-tu-la thắng. Vì vậy cho nên chư thiên hộ trì việc thiện.

Trời là 6 trời Dục giới, 17 trời Sắc giới, 4 trời Vô sắc giới.

Dục giới 6 trời là: Tầng thứ nhất núi Tô-lô-mê là nơi ở của chúng Kiên Thủ. Tầng thứ 2 là nơi ở của chúng Trì Man. Tầng thứ 3 là nơi ở của chúng Đát-kiêu. Phía Bắc trên núi Trì Song có thành tên A-na-ca-phược-đế là nơi ở của Đa Văn thiên vương và chúng Dược-xoa. Như vậy, phía Đông có thành tên Hiền Thượng có Đại thiên vương tên Trì Quốc, nơi ở của chúng Càn-thát. Phía Tây có thành tên Chúng Sắc, có Đại thiên vương tên Quảng Mục, nơi ở của chúng Long thần. Phía Nam có thành tên là Tăng Trưởng, có Đại thiên vương tên Tăng Trưởng, nơi ở của chúng Diêm-man. Ngoài ra 4 tầng cấp, 7 núi vàng v.v... mặt trời mặt trăng tinh tú Thiết Vi luân sơn, châu Thiệm-bộ, nơi cây Đa-la, chỗ ở của bộ chúng của Tứ vương đều thuộc của Tứ vương, đó gọi là 1 bộ. Thọ mạng của chúng là người 50 tuổi bằng 1 ngày đêm. Như vậy thọ mạng trái 5 trăm 5. Thân cao 1 Câu-lô-xá một phần tư. Trời 33 ở trên đỉnh Diệu Cao, là nơi ở tối thắng nhất của Thiên chủ Đế Thích cùng với phi thiên nữ tên là Diệu An và các thiên nữ thụ các dục lạc không chán.

Lại có voi chúa để cưới lâm chiến tên là Thiện Trụ. Và voi chúa để cưới trong vườn Du Hý tên là Ái-la-phiệt-noa (Đây gọi là Trì Địa tử). 2 voi chu vi đều 7 do-tuần, đều ở chung với 8 ngàn chúng voi nhỏ. Lại có ngựa chúa tên Tấn Tật Phong, ở chung với 8 ngàn ngựa. Thiên chủ có đến 33 số tử phụ đại thần, cho nên gọi là trời 33. Các thiên tử đam mê 5 dục lạc. Nếu khi phóng túng thì có trống trời

lớn phát ra âm thanh cảnh tỉnh chư thiên rằng: Các hành vô thường. Hữu lậu đều khổ. Các pháp vô ngã. Tịch diệt là vui. Khi chiến đấu cùng quân của Tu-la thì phát ra âm thanh trừ khổ rằng: Cầu chư thiên thắng. Cầu Tu-la bại. Cung điện thành trì cây đá như xưa. Thọ mạng của chư thiên là cõi người 1 trăm năm là 1 ngày đêm. Như vậy tính ra thọ 1 ngàn năm. Thân của các trời bằng nửa Du-xà-na.

Trời Diệm-ma là khi trời 33 đấu tranh với phi thiên thì trời này lia không tham dự sự đấu tranh đó cho nên gọi tên là Ly Tránh thiên. Thọ mạng của trời này là con người 2 trăm năm là 1 ngày đêm. Như vậy tính ra thọ 2 ngàn năm. Thân của trời này bằng 2 Du-xà-na.

Trời Đâu-suất-đà là nơi có Tử Thị là vị pháp vương nội đời xuất thế. Thọ pháp lạc lớn gọi là Đâu-suất. Là nghĩa của câu lạc. Cõi người 4 trăm năm là 1 ngày đêm của cõi trời đó. Thọ mạng cõi trời này là 4 ngàn năm. Thân cao 4 Du-xà-na.

Trời Hóa Lạc là tự hóa thọ dụng gọi là hóa lạc. Cõi người 8 trăm năm thì cõi trời kia là 1 ngày đêm. Thọ mạng 8 ngàn tuổi. Thân cao 8 Du-xà-na.

Trời Tha Hóa Tự Tại là thọ dụng tha hóa gọi là tha hóa tự tại. Trong đó Thiên vương uy tự tại, tức là Ma chủ. Cõi người 1 ngàn 6 trăm năm bằng 1 ngày đêm ở cõi trời đó. Thọ mạng 1 vạn 6 ngàn tuổi. Thân cao 16 Du-xà-na.

Dưới từ Vô Gián cho đến trời Tha Hóa Tự Tại gọi là Dục giới. Vì đam mê dục lạc và ăn bằng đoàn thực cho nên nói như vậy.

Sắc giới 17 trời là gồm 4 tinh lự.

Sơ thiên 3 trời là Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm. Thọ mạng là Phạm Chúng nửa kiếp, Phạm Phụ 1 kiếp, Đại Phạm 1 kiếp rưỡi. Thân cao tuần tự là nửa do-tuần, 1 do-tuần, 1 do-tuần rưỡi.

Nhi thiên 3 trời là Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Cực Quang. Thọ mạng là Thiểu Quang 2 kiếp (trở lên Tứ Thiên thì 40 Trung kiếp

là 1 Đại kiếp, trở xuống các trời thì 80 Trung kiếp là 1 Đại kiếp). Vô Lượng Quang 4 kiếp. Cực Quang 8 kiếp. Thân cao là Thiệu Quang 2 do-tuần, Vô Lượng Quang 4 do-tuần, Cực Quang 8 do-tuần.

Tam thiên 3 trời là Thiệu Thiện, Vô Lượng Thiện, Quảng Thiện. Thụ mạng là Thiệu Thiện 16 kiếp, Vô Lượng Thiện 32 kiếp, Quảng Thiện 64 kiếp. Thân cao là Thiệu Thiện 16 do-tuần, Vô Lượng Thiện 32 do-tuần, Quảng Thiện 64 do-tuần.

Tứ thiên 8 trời: Vô Vân, Phúc Sinh, Quảng Quả, 3 là phàm cư. Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh, 5 là Thánh Cư, gọi là 5 Tịnh Cư. Thụ mạng các trời ấy là Vô Vân 1 trăm 25 kiếp, Phúc Sinh 2 trăm 50 kiếp, Quảng Quả 5 trăm kiếp, Vô Phiền 1 ngàn kiếp, Vô Nhiệt 2 ngàn kiếp, Thiện Hiện 4 ngàn kiếp, Thiện Kiến 8 ngàn kiếp, Sắc Cứu Cánh 1 vạn 6 ngàn kiếp. Thân cao các trời ấy là Vô Vân 1 trăm 25 do-tuần, Phúc Sinh 2 trăm 50 do-tuần, Quảng Quả 5 trăm do-tuần, Vô Phiền 1 ngàn do-tuần, Vô Nhiệt 2 ngàn do-tuần, Thiện Hiện 4 ngàn do-tuần, Thiện Kiến 8 ngàn do-tuần, Sắc Cứu Cánh 1 vạn 6 ngàn do-tuần. Bắt đầu từ Phạm Chúng đến Sắc Cứu Cánh đều gọi là Sắc giới. Lìa bỏ dục lạc không lìa bỏ sắc nên gọi là Sắc giới.

Vô sắc giới 4 trời là cõi này không có hình sắc cũng không xứ sở, tùy theo định mà chia làm 4: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Thụ mạng các trời ấy là Không Vô Biên Xứ 2 vạn Đại kiếp, Thức Vô Biên Xứ 4 vạn Đại kiếp, Vô Sở Hữu Xứ 6 vạn Đại kiếp, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ 8 vạn Đại kiếp. 4 cõi của các trời ấy gọi là Vô Sắc giới. Không lìa bỏ định sắc, lìa bỏ thô sắc cho nên không có danh sắc. Thụ mạng các trời ấy gọi là thời của tuế kiếp.

Lượng đó như thế nào?

Thời gian ngắn nhất gọi là sát-na. 1 trăm 20 sát-na là 1 đát-sát-na, 60 đát-sát-na là 1 la-bà, 30 la-bà là 1 mâu-hưu-đa (Đây gọi là

phút chốc), 30 mâu-hu-đa là 1 ngày đêm, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là 1 năm.

Kiếp có 6 loại: 1. Trung kiếp (hoặc gọi là Biệt kiếp). 2. Thành kiếp. 3. Trụ kiếp. 4. Hoại kiếp. 5. Không kiếp. 6. Đại kiếp.

1. Trung kiếp là hoặc người Thiệm-bộ từ vô lượng tuổi dần dần giảm đến 8 vạn tuổi tức 1 kiếp. Từ 8 vạn tuổi giảm đến 10 tuổi gọi là Trung kiếp đầu. Rồi tăng đến 8 vạn tuổi giảm đến 10 tuổi là 1 Lộc lô. Cứ như vậy tăng giảm đến 18 lần là 18 Trung kiếp. Rồi sau đó 10 tuổi đến 8 vạn tuổi sau Trung kiếp, khoảng trung gian trước sau. 18 Lộc lô là 20 Trung tùng.

2. Thành kiếp là bắt đầu từ phong luân đến ngục Vô Gián sinh thành 1 hữu tình khí thể giới trải qua 1 Trung kiếp, như trước đã nói. Hữu tình thể giới là 3 ngàn cõi này thành lập sau khi hỏa tai hoại diệt. Người từ cõi trời Cực Quang thiên mạng chung sinh về cõi Đại Phạm mỗi một cô đơn than rằng: Nếu có đồng phần sinh về cõi đây không được sao? Phát tâm như vậy, tuy không phải niệm lực, người cõi trời Cực Quang mạng chung liền sinh nơi đó. Trước sinh tâm mà khởi ý niệm như vậy. Do ta tham sinh cho nên người đời đều gọi tổ loài người là Đại Phạm. Rồi như thứ tự Phạm Phụ, Phạm Chúng, Tha Hóa Tự Tại cho đến Tứ vương lần lượt mà sinh. Bắc Cưu-lô châu, Tây Ngu Hó châu, Đông Thắng Thân châu, Nam Thiệm-bộ châu lần lượt mà sinh.

Bấy giờ người châu Thiệm-bộ thụ vô lượng tuổi. Ăn uống vui chơi có sắc ý thành, thân có ánh sáng đi trên không tự tại như trời Sắc giới. Có loại như vậy. Dần dần đất phát sinh có mùi vị ngon ngọt, màu trắng như mật có hương thơm. Bấy giờ có người bảm tính đam mê mùi vị, nghe mùi thơm khởi tâm yêu thích liền lấy ăn, rồi bảo người khác bắt chước lấy ăn. Vì là đoàn thực nên thân mất ánh sáng. Do các nghiệp cảm mặt trời mặt trăng liền xuất hiện chiếu sáng 4

châu. Tiếp đến mùi ngon của đất ắn mất lại sinh một thứ như bánh, mùi vị ngon ngọt sắc hồng đẹp như mật liền tranh nhau ăn. Loại đất như bánh lại ắn mất mà sinh tiếp đến sinh rừng song mây. Lại tranh nhau ăn rừng song mây lại ắn mất. Rồi lại có loại lúa gạo tự nhiên không canh tác mà mọc. Lại tranh nhau lấy ăn. Thức ăn này thô cho nên liền có chất bã ô uế thải ra. Thế là các căn đều xuất hiện.

Người thời bấy giờ ăn sáng và chiều, ăn bằng hương lúa gạo. Về sau có người bầm tính lười biếng, lấy loại gạo thơm chứa cát để lâu làm thức ăn. Những người khác cũng bắt chước theo, gạo thơm liền ắn mất. Rồi sau đó cùng nhau phân chia ruộng đất lo phòng xa người khác. Rồi sinh tâm bảo vệ phần ruộng của mình. Đối với phần ruộng của người khác có ý xâm đoạt do đó sinh ra cạnh tranh.

Bấy giờ mọi người bàn với nhau đề nghị một người có đạo đức phong làm điền chủ. Mọi người bằng lòng, gọi là Đại Tam-mạt-đa vương (Đây gọi là Chúng sở hứa). Vị vương này có nhiều con nối nghiệp. Đích tử hiệu là Quang Diệu, con Quang Diệu là Thiện Đế, con Thiện Đế là Tối Thiện, con Tối Thiện là Tĩnh Trai. Đó là 5 vương thời Thành kiếp. Con của Tĩnh Trai vương là Đỉnh Sinh, con Đỉnh Sinh là Diệu Đế, con Diệu Đế là Cận Diệu, con Cận Diệu là Cụ Diệu, con Cụ Diệu là Nghiêm Diệu. Đó là 5 Chuyển luân vương. Con của Nghiêm Diệu vương là Xả Đế, con Xả Đế là Xả Song, con Xả Song là Xả-cổ-ni, con Xả-cổ-ni là Xả Thất, con Xả Thất là Thiện Kiến, con Thiện Kiến là Đại Thiện Kiến, con Đại Thiện Kiến là Trừ Ngại, con Trừ Ngại là Kim Sắc, con Kim Sắc là Cụ Phần, con Cụ Phần là Ly Ác, con Ly Ác là Diệu Cao, con Diệu Cao là Định Hành, con Định Hành là Thâm Hồng Âm, con Thâm Hồng Âm là Đại Thâm Hồng Âm, con Đại Thâm Hồng Âm là Có thể An, con Có thể An là Phương Chủ, con Phương Chủ là Hiền Trần, con Hiền Trần là Có thể Quảng, con Có thể Quảng là Đại Thiên. Chúng tộc của vương này có 5 ngàn nối nhau, gọi là Cựu-lâu vương. Người con sau cùng là Cụ

Đầu vương có 9 ngàn vương. Người con sau cùng là Long Âm có 1 vạn vương. Người con sau cùng là Đát-di-lưu-đát có 1 vạn 5 ngàn vương. Người con sau cùng là Cù-đàm thị. Đây tức hậu duệ của dòng Cam Giá. Người con ấy nối tiếp. Dòng vua Cam Giá có đến 1 ngàn 1 trăm, người con sau cùng dòng vua Cam Giá là Tăng Trưởng (tức Ý Sư Ma vương). Vương có 4 người con: 1. Tên Diện Quang. 2. Tên Tượng Thực. 3. Tên Điều Phục Tượng. 4. Tên Nghiêm Trạc, xưng là Thích-ca thị. Nghiêm Trạc có người con tên Nghiêm Trạc Túc. Con Nghiêm Trạc Túc là Trí Sở, con Trí Sở là Ngưu Cư, con Ngưu Cư là Sư Tử Giáp vương có 4 người con: 1. Tên Tịnh Phạn. 2. Tên Bạch Phạn. 3. Tên Học Phạn. 4. Tên Cam Lộ Phạn. Con của Tịnh Phạn vương tức Bà-già-phạm, thứ đến là Nan-đà. 2 người con của Bạch Phạn vương là: 1. Tên Đế-Sa-diều-đạt. 2. Tên Nan-đề-ca. 2 người con của Học Phạn vương là: 1. Tên A-ni-lâu-đà. 2. Tên Bạt-đề-lê-ca. 2 con của Cam Lộ Phạn vương là: 1. Tên A-nan. 2. Tên Đề-bà-đạt-đa. Con của Bà-già-phạm tên La-hầu-la. Chúng tộc Thích-ca đến đây chấm dứt.

Lại có một dòng vua khác y theo pháp mà chấn hưng giáo pháp. Sau khi Như Lai diệt độ 2 trăm năm, một nước ở Trung Ấn Độ có vị vua tên Vô Ưu là pháp vương ở Thiệm-bộ-đề. Vua làm thí chủ trong phần nhiều các kỳ kết tập làm hưng thịnh Phật giáo sau 3 trăm năm. Tây Bắc Thiệm-bộ có vua tên Cát-ni-thi-cát làm thí chủ kỳ kết tập lần thứ 3 rộng hưng thịnh Phật giáo ở các nước Thiên Trúc, nước Ca-thấp-di-la, Lạc Quốc, Qui Tư (âm là Khâu-từ), nước Niết-ba-lạt, nước Chấn Đán, nước Đại Lý, nước Tây Hạ v.v..., các chúng pháp vương đều hưng long Phật pháp ở nước mình. Sau khi Như Lai diệt độ hơn 1 ngàn năm, trong một phiên quốc ở phía Tây trước tiên có vua tên Nha-khất-tán-phổ, đời 26 có vua tên Hợp-đà-đóa-tư-nhan-tán, bấy giờ Phật giáo mới bắt đầu truyền đến. Sau đến đời thứ 5 có vua tên Song-tán-tư-cam-phổ, bấy giờ Ban-di-đạt tên là A-đạt-

đà, dịch chủ tên là Đuan Mỹ Tam-ba-la phiên dịch giáo pháp, xây dựng Cáp-tát, tinh xá lưu truyền giáo pháp các nơi. Sau đến đời thứ 5 có vua tên Khất-song-đề-tán, vua này triệu thỉnh Thiện Hải đại sư, Liên Hoa Sinh thượng sư, Ca-ma-la-thập, La-ban-di-đạt, Chúng Thành Trụ, cùng Ti-lô-giá-na-la-khur-đát và Khương Long Tôn Hộ 7 người phiên dịch giáo pháp. Ngoài ra Ban-di-đạt cùng các dịch chủ rộng phiên dịch giáo pháp 3 loại cấm giới chấn hưng lưu truyền trong nước. Sau đời thứ 3 có vua tên Khất-lai-ba-thiệm vua này có biên giới rộng. Bấy giờ có Tích-na-di-đa cùng Thập-liên-đát-la-Bồ-đề, Ban-di-đạt, cùng với Tư-cát-cán cát Tường, Tích-chước-la Long Tràng đã phiên dịch hiệu đính rất nhiều và phiên dịch những gì chưa dịch rộng chấn hưng Phật pháp. Dòng vua Tây phiên đến nay hãy còn Ban-di-đạt v.v... dịch chủ phiên dịch, còn có đông đảo chúng thiện tri thức nên giáo pháp con hưng thịnh.

Nước Mông Cổ phía Bắc có phúc quả trước thành thực sinh vương tên Thành Cát Tư. Ban đầu Thành Cát Tư, theo thí dụ, vua nước đa âm, như Thiết Luân vương. Con của vua này tên Cán Quả Đới, thời bấy giờ gọi là Khả Hãn, nối ngôi làm vua cương giới rộng hơn trước, có con tên Cổ Vĩ, nối ngôi vua là Thành Cát Tư hoàng đế. Con thứ tên Đóa La. Con trưởng của Đóa La tên là Mông Ca cũng nối ngôi vua. Em của vua là Hốt Tất Liệt nối ngôi vua, đánh các nước mở rộng cương giới quy y Phật pháp giáo hóa nhân dân. Phật giáo trở nên rục rĩ gấp bội trước kia. Vua có 3 người con. Con trưởng tên Chân Kim Phong Túc, như pháp bảo trang nghiêm của trời. Con thứ 2 tên Mang Các Thích. Con thứ 3 tên Nạp Ma Hạ, đều đầy đủ bản cũng như phả hệ. Đây là bắt đầu từ dòng vua Thích-ca cho đến dòng vua ngày nay.

QUYỀN THƯỢNG HẾT

LUẬN CHƯƠNG SỞ TRI

QUYÊN HẠ

Vương tổ làm vua đầu tiên là Tam-mạt-đa vương. Bảy giờ việc phân chia ruộng đất bị trộm xâm lấn lẫn nhau. Ban đầu phát sinh trộm đạo bị vua tra hỏi nói không hề trộm, bắt đầu khởi vọng ngữ. Phép vua xử tội chết, tức có sát hại, sinh pháp bất thiện. Bảy giờ chúng sinh tạo pháp bất thiện, sau khi mạng chung tức sinh bàng sinh. Tiếp sinh ngạ quỷ, dần dần sinh địa ngục. Tiếp đến khi Vô Giánsinh 1 hữu tình là Thành kiếp chấm dứt. Như vậy hữu tình làm các bất thiện, mạng sống dần giảm, thụ dụng ít và thiếu thốn. Người Diêm-phù-đề thụ 8 vạn tuổi. Địa ngục Vô Giánsinh 1 hữu tình là 2 đồng thời như vậy là tình thế giới thành, 19 Trung kiếp khí thế giới thành, tức 1 Trung kiếp. Như vậy Thành kiếp là 20 Trung kiếp. Khi người Diêm-phù-đề 8 vạn tuổi bắt đầu là Trụ kiếp. Trụ kiếp cũng trải qua 20 Trung kiếp. Đến khi 10 tuổi thì đao binh tai nổi lên chỉ 7 ngày đêm. Tật dịch tai nổi lên 7 tháng 7 ngày. Cơ căn tai khởi lên 7 5 7 tháng 7 ngày phần nhiều chết hết. Người nào còn sống, thấy nhau khởi tâm hiềm thấy, cùng nhau hòa thuận quyến luyến, xa lìa giết hại, dần dần sinh thiện. Cho nên thụ mạng, sự thụ dụng lại tăng nhiều đến 8 vạn tuổi. Khi tăng thượng thì Chuyển Luân vương ra đời theo pháp giáo hóa dân. Đến khi giảm xuống thì Bạc-già-phạm xuất thế tế độ chúng sinh. Trong thời gian tăng giảm thì Độc Giác xuất thế khiến các hữu tình tạo phúc điền. Trụ kiếp cũng trải qua 20 Trung

kiếp. Bắt đầu Hoại kiếp, tình thế giới đầu tiên hoại. Trong ngục Vô Gián không có hữu tình sinh. Hết các nghiệp đời trước liền nẻo thú khác. Nếu có chưa hết thì sinh trên địa ngục, hoặc sinh trong địa ngục thế giới khác. Ngục Vô Gián trống rỗng. Trong cõi người, trừ người Cru-lô, ngoài ra cùng với trời cõi Dục không có sự pháp nhưng được Sơ tính lự sinh trời Sơ thiên. Không có sự pháp nhưng được Nhị tính lự sinh trời Nhị thiên. Từ ngục Vô Gián đến Phạm Thế trống rỗng. Như vậy cũng trải qua 19 Trung kiếp, rồi sau đó 4 châu có 7 mặt trời xuất hiện. 3n đầu không có mưa xuống, được thảo cây cỏ rừng rú đều chết khô. Khi 2 mặt trời xuất hiện ao đầm sông ngòi khô cạn. Khi 3 mặt trời xuất hiện, sông Khắc-già v.v... đều khô cạn. Khi 4 mặt trời xuất hiện thì ao Vô Nhiệt cạn. Khi 5 mặt trời xuất hiện thì nước biển chỉ còn đến đầu gối. Khi 6 mặt trời xuất hiện thì biển lớn cũng khô. Khi 7 mặt trời xuất hiện thì khí thế giới kia thành một đồng lửa cao vút. Từ ngục Vô Gián thẳng lên đến Phạm Thế bị lửa thiêu đốt trải 1 Trung kiếp. Hoại kiếp tính chung trải 20 Trung kiếp. Không kiếp cũng vậy. Như vậy Thành, Trụ, Hoại, Không tức 80 kiếp. Tổng cộng 80 này gọi là 1 Đại kiếp. Đó là thụ mạng của Phạm Chúng.

Có 3 thứ làm hoại Khí thế giới: lửa, nước, gió. Hoại, là như trước đã nói. Như vậy 7 lần rồi sau thế giới lại thành. Lại nữa bị nước phá hoại đến trời Nhị thiên. Từ trời Cực Quang liền sinh đám mây lớn đổ xuống trận mưa lớn. Khí thế giới kia như nước hóa muối làm tiêu tan hết, nước ấy tự cạn. Một lần thủy tai lại có 7 hỏa tai. Qua 7 hỏa tai lại có 1 thủy tai. Như vậy đủ thủy tai đến 7 lần lại có 7 hỏa tai. Sau thế giới thành bị phong tai hủy hoại đến trời Tam thiên. Sức gió này thổi tan Diệu Cao huông chi là những thứ khác. Trời Đệ tứ thiên tuy không ngoài tai nạn, loại hữu tình này sinh thì định sinh, thụ mạng hết thì định tử. Như vậy khí thế giới tình thế giới và sự thành hoại đều đã nói xong.

Lại nữa pháp duyên sinh nhân quả nối nhau là nhân duyên dựa vào nhau nhờ nhau mà sinh, nên gọi là duyên sinh. Có 2 duyên sinh

là ngoại duyên sinh và nội duyên sinh. Ngoại duyên sinh là pháp thành thể giới, như hạt giống sinh mầm như trước đã nói. Nội duyên sinh là như có vô minh tức có hành v.v..., gọi là thuận duyên sinh, như vô minh diệt là hành diệt, gọi là nghịch duyên sinh.

Thuận duyên sinh có 7 là: ước vị, ước viễn tục, ước liên phược, ước sát-na, ước tam tế, ước nhị trùng nhân quả, ước tam hoặc.

Ước vị, là ở trong đời trước trong phần vị phiền não, 5 uẩn tức gọi là vô minh. Do vô minh thắng cho nên nói như vậy. Trở xuống đều từ nghĩa thắng làm tên. Hành v.v... các pháp đều đủ 5 uẩn. Hành, là các nghiệp vị thiện bất thiện đời trước đã tạo trong 5 uẩn. Thức, là chính khi kết sinh trong thai mẹ, trong 1 sát-na vị đã có 5 uẩn. Danh sắc, là phần vị ở trong thai: Yết-la-lam (đây gọi là hòa hợp, cũng gọi là đống ván), Át-bộ-đàm (đây gọi là 3o kết), Bế-thi (đây gọi là cục thịt), Kiện-nam (đây gọi là cứng chắc), Bát-la-xa-khu (đây gọi là chi thể, gân, sức v.v...sinh) v.v... 5 danh sắc. Sáu xứ là ở trong thai mẹ, từ nhãn v.v... sinh đến 3 hòa hợp, chưa có liễu biệt cảnh vị trong 5 uẩn. Xúc, là căn, cảnh, thức 3 hòa hợp, chưa có thể nhân vị liễu biệt khổ vui trong 5 uẩn. Thụ, là đã biết rõ tướng của 3 thụ nhân sai biệt, lúc còn trẻ con cho đến chưa khởi tâm vị, ở trong 5 uẩn. Ái, tức tuổi đã phát triển sung mãn biết tâm dục, chưa rộng truy cầu vị trong 5 uẩn. Thủ, là để được các thứ tư cụ tốt, khắp nơi tìm cầu vị trong 5 uẩn. Hữu, là do đeo đuổi tìm cầu nên tích chứa, có thể tạo nghiệp quả về sau trong 5 uẩn. Sinh, là do nghiệp lực này, từ đây xả mạng chính kết hữu vị trong 5 uẩn. Lão tử, là từ đương lai sinh danh sắc đến thụ vị trong 5 uẩn.

Nhất thiết hữu bộ nói ước vị duyên sinh tức viễn tục và liên phược cũng vậy. Kinh bộ tông thì không nói ước vị.

Ước viễn tục, là vô minh với minh mâu thuẫn nhau. Đó là tâm sở pháp, nhân của phát hành. Hành, là phát khởi nghiệp, như phúc

ngiệp, phi phúc nghiệp, bất động nghiệp v.v... Thức, là do nghiệp dẫn khiến thức sinh. Danh sắc, là 5 uẩn ở trong thai. Sáu xứ, là nhãn căn v.v... sinh. Xúc, là căn, cảnh, thức 3 hòa hợp. Liễu biệt, là tâm sở pháp. Thụ, là do kia sinh khổ, lạc, xả. Ái, là tham đắm cảnh vui. Thủ, là tìm cầu cảnh kia. Hữu, là do kia phát khởi thành nghiệp tương lai. Sinh, là do nghiệp nối nhau kết sinh. Lão tử, là khiến sinh kia, sinh rồi rồi cuộc chuyển chết. Liên phúc cũng vậy.

Ước sát-na, là do 1 sát-na đầy đủ 12 hữu chi duyên sinh. Do tham hành sát. Si gọi là vô minh. Đoạn mạng tức hành Đối với các cảnh sự, phân biệt rõ là thức. 5 uẩn đều gọi chung là danh sắc. Căn trụ nơi danh sắc gọi là 6 xứ. Căn cảnh thức 3 hòa hợp thì có xúc. Nhân xúc mà cảm thụ. Tham tức là ái. Cùng với ái này tương ưng các ràng buộc gọi là thủ. Khởi thân ngữ 2 nghiệp gọi là hữu. Như vậy các pháp nhóm hợp khởi lên gọi là sinh. Thành thực biến đổi gọi là lão. Hoại diệt là tử.

Ước tam tế, là vô minh với hành thuộc quá khứ, gọi là chi của nhân. Thức v.v...5 chi thuộc hiện tại, là chi của quả. Ái, thủ, hữu 3 thứ thuộc hiện tại, là chi của nhân vị lai. Sinh, lão tử 2 chi thuộc vị lai, là chi của quả. Quá khứ 2 chi, hiện tại 8 chi, vị lai 2 chi, cho nên có 12 chi.

Ước lưỡng trùng nhân quả là có 2: tiền tế và hậu tế. Tiền tế là vô minh là hoặc, hành là nghiệp. 2 đó là chi của nhân. Do đó sinh thức v.v... 5 chi, tức là chi của quả. Đó là 1 tầng nhân quả. Hiện tại ái, thủ 2 chi là hoặc, hữu tức là nghiệp, 3 thứ là nhân của vị lai. Do đó sẽ sinh ra sinh và lão tử, tức là chi của quả. Đó là 1 tầng nhân quả nữa. Như vậy 12 hữu chi có 2 tầng nhân quả.

Ước tam hoặc, là vô minh, ái, thủ 3 cái đó là hoặc, hành, hữu 2 cái đó tức là nghiệp, gọi đó là tập đế. Thức v.v... 7 chi tức là khổ, gọi đó là khổ đế. Đó là thuận duyên sinh. Nghịch duyên sinh là vô

minh diệt tức hành diệt. Vô minh diệt là rõ trí vô ngã, tức là đạo đế. Nếu vô minh diệt sinh nhân hành diệt, dẫn nghiệp diệt, cho nên thức v.v... 5 chi diệt. Do diệt này nên khởi phát nghiệp sau, ái thủ v.v... diệt. Do diệt này nên sinh, lão tử v.v... cũng đều diệt, tức là diệt đế. Nói 4 đế xong.

Khí, tình, duyên sinh và 4 đế đều gồm trong 5 pháp là: 1. Sắc pháp. 2. Tâm pháp. 3. Tâm sở pháp. 4. Bất tương ưng pháp. 5. Vô vi pháp.

1. Sắc pháp, tức là sắc uẩn, gồm 5 căn, 5 cảnh, vô biểu sắc là 11 pháp.

Nói 5 căn, là nhãn căn cực vi như hương thơm của hoa bàng bố khắp trên nhãn tinh, nhĩ căn cực vi như lớp da dày trong lỗ tai, tỷ căn cực vi như 2 cái thính ở trong sống mũi, thiệt căn cực vi như hình bán nguyệt ở khắp trên lưỡi, thân căn cực vi cũng như thân cao, từ đầu đến chân khắp trong thân căn. Căn là trần, cho nên không thể duyên cảnh.

Nói 5 cảnh, là sắc là cảnh của mắt duyên. Sắc này có 2 thứ: một là hiển sắc, hai là hình sắc. Hiển sắc có 4 thứ: xanh vàng đỏ trắng. Hình sắc có 16 thứ: dài ngắn vuông tròn cao thấp ngay không ngay ánh sáng bóng tối sáng tối mây khói bụi mù.

Thanh, là cảnh sở duyên của tai, có 2 thứ thanh: một là có chấp nhận, như tiếng nói v.v..., 2 là không chấp nhận, như tiếng trống v.v... Hữu ký vô ký mỗi thứ đều có 2 thành ra 4. Đây lại có vừa ý không vừa ý, sai biệt thành ra 6.

Hương, là cảnh sở duyên của mũi, có 4 thứ: mùi thơm, mùi hôi, đẳng và bất đẳng sai biệt thành 4.

Vị, là cảnh sở duyên của lưỡi, có 6 thứ: ngọt chua đắng cay mặn nhạt.

Xúc, là ảnh sở duyên của thân. Nhân xúc 4 đại quả xúc lảng nhám nặng nhẹ lạnh nóng đói khát.

Nói vô biểu sắc, là luật nghi, bất luật nghi có sắc tướng trái nhau. Đây là sắc uẩn.

2. Tâm pháp, có 6 thứ là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Sáu đây là thức uẩn.

3. Tâm sở hữu pháp, có 46 là:

1. Đại địa pháp có 10 thứ:

Thụ là lãnh nạp.

Tưởng là khiến tâm chấp cảnh.

Tư là khiến tâm vận động.

Tác ý là khiến tâm duyên cảnh.

Thắng giải là khiến tâm chấp nhận đối với cảnh, có nghĩa là khiến tâm không khiếm nhược đối với cảnh.

Dục là mong muốn.

Xúc là hòa hợp liễu cảnh.

Tuệ là lựa chọn.

Niệm là khiến tâm đối với cảnh ghi nhớ rõ ràng không quên.

Định là khiến tâm chuyên chú một cảnh.

Như vậy 10 thứ này phổ biến khắp tất cả tâm, nên gọi là Đại địa pháp.

2. Đại thiện địa pháp có 10 thứ:

Tín là khiến tâm trừng tịnh đối với cảnh.

Không phóng dật là thường tập thiện pháp giữ gìn tâm tính.

Khinh an là tâm có tính kham nhiệm.

Xả là khiến tâm bình đẳng.

Tàm là đối với các công đức và đối với người có thì trụ tâm cung kính.

Quý là đối với tội thì khiếp sợ.

Vô tham là không đắm trước hữu lậu.

Vô sân là không muốn làm tổn hại hữu tình.

Bất hại là thương xót hữu tình, khiến không tổn nã.

Cần là khiến tâm dừng cảm đối với việc thiện.

Như vậy 10 thứ này phổ biến khắp các tâm thiện, nên gọi là Đại thiện địa pháp.

3. Đại phiền não địa pháp có 6 thứ:

Si là ngu si, tức vô minh, không có trí không hiểu rõ.

Dật là phóng dật không tu các thiện.

Đãi là giải đãi, tâm không dừng mãinh.

Bất tín là tâm không trừng tịnh.

Hôn trầm là thân tâm liên tục có tính không kham nhiệm. Đó là nghĩa mê muội trầm trọng.

Trạo cử là tâm không vắng lặng.

Như vậy 6 thứ này phổ biến khắp trong các tâm phiền não, nên gọi là Đại phiền não địa pháp.

4. Đại bất thiện địa pháp có 2 thứ:

Vô tàm là đối với các công đức và người có tâm không kính trọng.

Vô quý là đối với tội lỗi không biết khiếp sợ.

Như vậy 2 thứ này phổ biến khắp các tâm bất thiện, nên gọi là Đại bất thiện địa pháp.

5. Tiểu phiền não địa pháp có 10 thứ:

Phẫn là khiến tâm phát phẫn uất.

Hận là đối với việc sở duyên của phẫn, thường tìm cách kết oán không bỏ.

Siểm là tâm không ngay thẳng.

Cuồng là làm mê hoặc.

Tật là thấy người có tốt không chịu được.

Não là chấp chặt cứng các tội, do không chịu nhận sự can gián hợp lý.

Phú là che giấu tội của mình.

Xan là có tâm lẩn tiếm đối với pháp tài của mình.

Kiêu là nhiễm trước chỗ sắc lực, chủng tộc của tự thân khiến tâm kiêu ngạo.

Hại là bức bách người khác.

Như vậy 10 thứ chỉ có tu mới dứt được, nó phổ biến khắp các ý thức, nên gọi là Tiểu phiền não địa pháp.

7. Bất định pháp có 8 thứ:

Tầm là khiến tâm đối với cảnh thô chuyển làm tướng.

Tứ là khiến tâm đối với tế cảnh làm tướng.

Ác tác là hồi hận các nghiệp ác đã làm.

Thùy miên là không thể nhiệm trì sự liên tục của thân tâm, khiến đầu óc tối tăm mơ màng.

Sân là khiến tâm đối với hữu tình ưa làm tổn hại.

Tham là ái trước hữu lậu.

Mạn là khiến tâm ý thị cao cử.

Nghi là khiến tam do dự.

Như vậy 8 thứ này đối với các địa trước không nhất định thuộc vào địa nào, cho nên gọi là Bất định.

Trong Đối Pháp Tập Luận và Ngũ Uẩn Luận nói 11 thiện như sau:

Trong hiểu rõ 4 đế gọi là vô si. Trong tùy phiền não chấp bất tịnh là tịnh. Nhiễm ô tác ý, thắng giải gọi là phi lý tác ý, tà thắng giải. Trong căn bản phiền não đối với các đế lý điên đảo suy đặc, nhiễm ô tuệ phần gọi là bất chính tri. Trong tùy phiền não đối với các sở duyên không thể ghi nhớ rõ ràng nhiễm ô niệm phần gọi là thất niệm, đối với các sở duyên khiến tâm lơ đãng nhiễm ô định phần gọi là tán loạn. Đối Pháp Tạng Luận thì không nói như vậy. Các tâm sở trên đây trừ thụ và tưởng 2 thứ đều ở trong hành uẩn. Xong tâm sở pháp.

Bất tương ưng hành có 14 thứ:

Hữu tình tương tục, luật nghi tương ưng, có vật khác gọi là Đắc.

Không tương ưng với luật nghi kia, có vật khác gọi là Bất đắc.

Cùng làm sự nghiệp với các loại hữu tình gọi là Chúng đồng phần.

Nếu hữu tình sinh trong Vô tướng thiên, có pháp có thể khiến tâm tâm sở diệt là vật thật hữu gọi là Vô tướng quả.

Lại có pháp khác có thể khiến tâm tâm sở diệt gọi là Vô tướng định. Vô tướng là tên của định. Hoặc định Vô tướng gọi là Vô tướng định, như nói dưới đây.

Thánh giả tương tục tướng thụ v.v... diệt là vật thật hữu gọi là Diệt tận định.

Hữu tình mới sinh trụ thời gian chưa chết gọi là Mạng căn.

Trước không nay có gọi là Sinh.

Khiến tạm thời tồn tại gọi là Trụ.

Chuyển biến gọi là Lão.

Biến hoại gọi là Vô thường.

Tức 4 tướng hữu vi.

Có thể thuyên tự thể gọi là Danh thân.

Thuyên nghĩa cứu cánh gọi là Cú thân.

Là sở y của 2 cái gọi là Văn thân... 14 pháp.

Lại nghĩa gồm trong phá hòa hợp chúng gọi là Bất hòa hợp. Quả của nghiệp tạo ra tự thành thực, giống như mắc nợ, hoàn toàn không bị mất. Vật v.v... cũng ràng buộc bất tương ưng hành. Nhất thiết hữu bộ thì sắc tâm sở tam hữu biệt vật. Các sư Kinh bộ nói 3 pháp kia giả nói phần vị thì trừ thụ tướng, có 46. Tâm sở hữu pháp và Bất tương ưng gọi là Hành uẩn.

Vô vi pháp xuống dưới sẽ rõ.

Như vậy sắc pháp tức gọi là 10 giới. Trừ vô biểu sắc là nhãn v.v... 10. Tâm pháp 7 giới là 6 thức và ý căn giới. Nếu khi nói xứ, tức là 7 pháp kia, gồm có 1 ý xứ. Tâm sở hữu pháp, bất tương ưng pháp, vô vi pháp, vô biểu sắc v.v... gọi chung là pháp giới, cũng gọi là pháp xứ.

Như vậy đã nói sở tri 5 pháp, 5 uẩn cùng 12 xứ và 18 giới.

Phẩm 3: ĐẠO PHÁP

Lại nữa, đạo là thiếu dục tri túc, đủ chủng tính thì thân tâm xa lìa các tạp loạn, trụ ở giới cận sự v.v... Cần phải siêng có thể nghe. Nếu đã nghe rộng rồi thì tư duy điều đã nghe. Tư duy rồi phải tu, nghĩa là phải tu chỉ quán. Nhiều tham thì tu bất tịnh quán. Nhiều sân

thì tu từ bi quán. Nhiều si thì tu phân biệt duyên sinh quán. Nhiều chấp ngã thì tu phân biệt giới quán. Nhiều tán loạn thì tu sở tức quán. Tu chỉ quán thành rồi, tu thắng giải, nên như pháp hiểu rõ trong ngoài thân, gọi là thân niệm trụ. Như pháp hiểu rõ khổ lạc xả gọi là thụ niệm trụ. Như pháp hiểu rõ tâm pháp của 6 thức, gọi là tâm niệm trụ. Như pháp hiểu rõ tướng hành vô vi, gọi là pháp niệm trụ. Tu 4 pháp này là trí tư lương.

Đạo tập tư lương rồi, tu gia hành đạo.

Ở trong noãn vị, ác đã sinh khiến đoạn, ác chưa sinh khiến không sinh. Thiện đã sinh khiến tăng trưởng, chưa sinh khiến sinh. Như vậy 4 pháp gọi là 4 chính cần (vẫn nói là chính đoạn).

Ở trong đỉnh vị, dục thiện pháp định, cần lạc thiện định, tác ý thiện định, giản trách thiện định, như vậy gọi là 4 thần túc.

Ở trong nhân vị, hành thể chính kiến, trừng tịnh gọi là tín, ưa tu thiện pháp gọi là tiến, nhớ rõ không quên gọi là niệm, chuyên chú vào một cảnh gọi là định, biết pháp thủ xả gọi là tuệ. Tu 5 pháp này có thể sinh thiện pháp, cho nên gọi là 5 căn.

Ở trong thế đệ nhất vị tu 5 thứ tín, tiến, niệm, định, tuệ có thể phá mâu thuẫn, cho nên gọi là 5 lực. Đây là gia hành đạo.

Ở trong kiến đạo vị hiểu rõ 4 đế, gọi là chính kiến. chính ngữ phát khởi, gọi là chính tư duy. Như pháp chính thuyết, gọi là chính ngữ. Xả bỏ nghiệp bất thiện, gọi là chính nghiệp. Xả bỏ tà mạng, gọi là chính mạng. Mong cầu thiện pháp, gọi là chính tinh tiến. Nhớ rõ không quên, gọi là chính niệm. Chuyên chú vào một cảnh, gọi là chính định. Như vậy 8 pháp gọi là 8 chi Thánh đạo. Đây là kiến đạo. Kiến đạo đoạn được phân biệt phiền não và tướng đặc v.v... là khổ đế của Dục giới như tham sân si mạn vô minh nghi, có thân kiến biên chấp kiến giới cấm thủ kiến, kiến thủ, tà kiến. Tập diệt 2 đế điều trừ 3 kiến. Bảy bảy 14 đạo đế đoạn, trừ 2 kiến trên. Dục giới 4 đế cộng 32.

Sắc giới 4 để đều trừ sân cộng 28. Vô sắc cũng vậy. Nhsu vậy tam giới kiến đạo đoạn 88.

Trong tu đạo vị ghi nhớ rõ thiện pháp gọi là niệm giác chi. Chọn lựa lấy bỏ gọi là tuệ giác chi. Mong cầu tinh tiến gọi là cần giác chi. Chứng niềm vui vô lậu gọi là hỷ giác chi. Thân tâm tự nhiên thích tính gọi là khinh an giác chi. Không bị thế pháp lôi kéo, không đả trước, không ngại gọi là xả giác chi. Khiến tâm trụ cảnh gọi là định giác chi. Tu 7 chi này gọi là tu đạo. Tu đạo đoạn phiền não câu sinh, được tướng vô ký hữu lậu thiện. Trong Dục giới, tham sân, si, vô minh 4 thứ đều đủ 9 phẩm cộng lại là 36. Trong Sắc giới, đệ nhất tính lự trừ sân, ngoài ra 3 đều mỗi mỗi có 9 phẩm thành ra 27. Như vậy nhị, tam, tứ tính lự cũng vậy. Sắc giới tổng cộng có 1 trăm lẻ 8 số. Vô sắc giới cũng vậy. Như vậy tam giới tu đạo đoạn, tổng cộng có 1 trăm 52 số.

Tiếp đến chứng 10 pháp vô học, là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tiến, chính niệm, chính định, chính giải thoát, chính giải thoát tri kiến. Đó là vô học đạo.

Phẩm 4: QUẢ PHÁP

Lại nữa, quả là như trên đã nói 37 phẩm Bồ-đề phần pháp là phát tâm tự giải thoát luân hồi. Lợi căn thì cực nhanh, 3 đời chứng A-la-hán. Một đời tu thuận giải thoát phần thiện, gọi là tư lương đạo. 2 đời tu thuận quyết trạch phần thiện, gọi là gia hành đạo. 3 đời cũng như Sa-môn chứng đệ tứ quả. Độn căn biếng nhác, tức không nhất định cho nên như Sa-môn là hướng dự lưu v.v... thứ tư gọi là quả. Hướng dự lưu là trước gia hành đạo ở trong tình khí đều khổ, tự tính tức là khổ đế. Lại nữa, nhân kia là nghiệp và phiền não, gọi là tập đế. Khiến kia giải thoát tức là diệt đế. Lại nữa, nhân kia tức là đạo đế. Tu tập thuần thực, do kia khi lần lượt chứng kiến đạo trước tiên quán khổ đế. 4 pháp tính là: Chuyển biến là vô thường. 3 khổ là

khô. Thật hữu với ngã không phải 1 uẩn nên gọi là không. Thật hữu với ngã khác nhau nên gọi là vô ngã. Hiện chứng 4 trí, tiếp quán tập đế. 4 pháp tính là: Như gieo trồng khô lý cho nên là nhân. Hiện khô lý cho nên là tập. Tiếp nối khô lý cho nên là sinh. Tùy thuận khô lý cho nên là duyên. Hiện chứng 4 trí, tiếp quán diệt đế. 4 pháp tính là: Diệt nhân khô nên là diệt. Dứt quả khô nên là tĩnh. Siêu vượt hữu lậu nên là diệu. Thoát luân hồi là ly. Hiện chứng 4 trí, tiếp quán đạo đế. 4 pháp tính là: Nghĩa của thông hành là đạo. Khế hợp chính lý là như. Tu trí vô niệm là hành. Hiện chứng 3 trí. 10 lăm này gọi là sơ quả hướng. Thứ 16 là do đạo đế kia vĩnh viễn siêu xuất các hữu nên hiện chứng nhất trí. 10 sáu pháp này là trụ sơ quả đã chứng 4 đế. Tu tập thuần thực 16 hành tướng thì đoạn được 5 phẩm phiền não trước trong số 9 phẩm do tu đạo đoạn của Dục giới, tức Nhất lai hướng. Đoạn phẩm thứ 6 tức Nhất lai quả. Người Nhất lai kia lại phải trở lại thụ sinh 1 đời ở Dục giới. Cho nên 3 phẩm dưới, trong Dục giới 1 đời là đoạn. Hiện chứng hành tướng tu tập thuần thực đoạn 7, 8 phẩm gọi là Bất hoàn hướng. Đoạn phẩm thứ 9 gọi là bất hoàn quả. Người Bất hoàn kia đoạn hết tất cả phiền não của Dục giới, chắc chắn không trở lại sinh Dục giới nữa. Hiện chứng hành tướng các địa ở thượng giới, tu tập thuần thực 4 tĩnh lự, 4 vô sắc đều đoạn 9 phiền não. Sơ tĩnh lự nhất phẩm làm đầu tiên đến đoạn bát phẩm của Hữu đỉnh là cuối cùng, gọi là A-la-hán hướng. Đoạn phẩm thứ 9 gọi là A-la-hán quả. Người A-la-hán kia đoạn hết phiền não của 3 cõi không còn sót, gọi là A-la-hán.

Kinh nói Càn tuệ địa 8 thứ là tư lương đạo của Thanh Văn. Tức Càn tuệ địa thì dục ái khô ráo căn cảnh không 2. Chỗ tu thiện đó gọi là Càn tuệ địa. Chung tính địa, là gia hành đạo. Chắc chắn không thành Phật, chắc chắn thành chủng tính Thanh Văn, Độc Giác, gọi là chủng tính địa. Bát nhân địa, là sơ quả hướng cho đến A-la-hán quả gọi là Bát nhân địa. Cụ kiến địa, là trụ sơ quả. Hiện chứng thấy hành tướng của 4 đế nên gọi là Cụ kiến địa. Bạc địa, là quả Nhất lai vì đã

đã đoạn phần nhiều phiền não của Dục giới, nên gọi là Bạc địa. Ly dục địa, là Bất hoàn quả. Vì lia các tham dục trong Dục giới nên gọi là Ly dục địa. Người đã xong các địa tức A-la-hán. Khổ đã biết, tập đã đoạn, diệt đã chứng, đạo đã tu gọi là xong các địa. Thanh Văn địa, tức Bất lai, Bất hoàn, A-la-hán, 3 thứ gọi là Thanh Văn địa. Bích-chi-phật địa, là như trên đã nói 37 phẩm Bồ-đề phần pháp chỉ tự 1 người muốn chứng Bồ-đề. Như vậy phát tâm tu trăm Đại kiếp, đến thân sau cùng sinh vào đời không có Phật, không nhờ thầy dạy, chứng thành Độc Giác. Đây có 2 loại: một là Lân giác, hai là Bộ hành. Lân giác dụ, là chỉ ở một mình đủ thánh hạnh. Bộ hành loại là ở chung với đám đông. Cứu cánh chính giác, là như trên đã nói 37 phẩm Bồ-đề phần pháp vì các hữu tình mà thành Phật nên phát khởi đại bi phát tâm Bồ-đề vượt trội, hầu hạ chư Phật đều được hoan hỷ. Vì lợi tha nên hành lục độ. Ba vô số kiếp cứu cánh thành Phật, là Thích-ca Như Lai xưa là người thợ đồ gốm tên Đại Quang Minh, sơ phát tâm nơi Đại Thích-ca Như Lai, đến vô số kiếp đầu phụng sự hầu hạ 7 vạn 5 ngàn Phật. Vị Phật sau cùng tên Bảo Kế. Vô số kiếp thứ 2 phụng sự hầu hạ 7 vạn 6 ngàn Phật. Vị Phật sau cùng tên Nhiên Đăng. Vô số kiếp thứ 3 phụng sự hầu hạ 7 vạn 7 ngàn Phật. Vị Phật sau cùng tên Thắng Quan.

Lục độ, là đem tâm từ bi đối với các hữu tình có những gì cần cho đời sống đều tuệ thí. Khi làm Thái tử Phổ Độ, thí Ba-la-mật cứu cánh viên mãn. Chưa lia tham dục bị chẻ thân thể tâm không sân giận. Khi làm tiên Nhẫn Nhục, nhẫn và giới 2 hạnh cứu cánh viên mãn. Khi làm con nhà Bà-la-môn trông thấy Phật Đê-sa trụ hỏa giới định quên bỏ xuống 1 chân trái 7 ngày đêm đi nhiều vòng quanh tán rằng:

*Trời đất cõi này nhà đa văn,
Phạm cung, thiên xứ 10 phương không.
Trượng phu, Nguru vương Đại Sa-môn,
Khấp đất núi rừng không ai sánh.*

Như vậy tán thán xong liền siêu 9 kiếp. Tiến Ba-la-mật cứu cánh viên mãn, ở nơi tòa kim cương viên mãn, đầu hôm hàng phục các ma quân. Nửa đêm về sáng thì kim cương dụ định, định tuệ 2 hành cứu cánh viên mãn. Như vậy trước khi ngồi tòa kim cương hàng ma, tu phúc trí đủ 3 vô số kiếp phụng sự hầu hạ chư Phật. Lục độ tuy viên mãn tức dị sinh thân, ngồi tòa kim cương, chứng kiến tu đạo, thành đẳng chính giác. Trong Thanh Văn thừa, khi trong nhân, không nói liễu tri các pháp vô ngã, không, bi, thí, hành, tam luân, thể không, hành tướng 10 địa, khi trong quả không nói báo thân và 4 trí.

Chính giác pháp, gồm 6 thứ, là: thân, trí, đoạn, lợi tha, đại bi, cụ túc.

Thân có 2: sắc thân và pháp thân. Sắc thân thì có đủ 32 tướng, 80 vẻ đẹp, tức tự tính thân vì vượt qua Càn-thát-bà và Bí-lăng-già. Thị hiện Càn-thát-bà vương và Chuyển luân thánh vương tức hóa thân. Nhưng chư Phật có chủng tính, thân lượng, thọ mạng, quốc độ, và căn cơ có nhiều khác nhau. Pháp thân thì có 10 pháp vô học, chư Phật đều giống nhau.

Trí có 2: biến trí và chính trí. Biến trí là hiểu rõ uẩn, giới, xứ, nhân quả, thể tính, nên gọi là biến trí. chính trí là biết các pháp vô thường v.v...trong 4 đế, nên gọi là chính trí.

Đoạn có 2: đoạn phiền não chướng và đoạn sở tri chướng. Đoạn phiền não chướng, là đối trị tham v.v... các căn bản phiền não và tùy phiền não khiến đoạn diệt. Đoạn sở tri chướng, là đối trị khi có thể chướng cảnh, pháp tự tính vô tri, khiến đoạn diệt.

Lợi tha có 2: một là đối với các hữu tình đặt vào nơi giải thoát, xả bỏ mâu thuẫn khiến trụ nơi đạo, hai là đối với các hữu tình đặt vào nẻo thiện, xả bỏ ác khiến trụ nơi thiện.

Đại bi và , tiếp sẽ nói dưới đây.

Các thánh giả nói công đức có 11 thứ. Đó là vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, 4 tĩnh lực, 4 vô sắc, 4 vô lượng, 8 giải thoát, 10 biến xứ, 8 thắng xứ, 3 đẳng trì.

Vô tránh, là dựa vào tâm đệ tứ tĩnh lực, nguyện các hữu tình chú duyên thân mình sinh các phiền não, tư duy đẳng trì nên gọi là vô tránh.

Nguyện trí, là dựa vào tâm đệ tứ tĩnh lực, lấy nguyện làm trước dẫn như trí khởi như nguyện liễu tri, nên gọi là nguyện trí.

4 vô ngại giải, là: 1. Pháp vô ngại giải, vì biết tên các pháp. 2. Nghĩa vô ngại giải, vì nghĩa chính tri. 3. Từ vô ngại giải, vì biết đúng ngôn từ. 4. Biện tài vô ngại giải, vì biết đúng chính lý. Đó là 4 vô ngại giải.

Sáu thông, là: 1. Thần cảnh thông, du hành đi qua vách đá v.v... không trở ngại. 2. Thiên nhĩ thông, hoặc gần hoặc xa, những âm thanh khác đều nghe được biết được. 3. Thiên nhãn thông, có thể tùy sở ứng dù bị chướng cách, rất nhỏ, rất xa, các phương các sắc. 4. Tha tâm thông, có thể biết tâm người khác có hay không muốn điều gì. 5. Túc trụ thông, biết việc đời trước của mình, của người khác. 6. Lộ tận thông, biết tất cả đạo thể gian xuất thế gian. Trước 5 là hữu lậu, dựa vào đệ tứ tĩnh lực. Thứ 6 là vô lậu dựa vào đệ cửu.

Bốn tĩnh lực, là:

Sơ tĩnh lực có đủ 5 chi: 1. Tầm. 2. Tứ. 3. Hỷ. 4. Lạc. 5. Đẳng trì.

Tĩnh lực thứ 2 có 4 chi: 1. Nội đẳng tịnh. 2. Hỷ. 3. Lạc. 4. Đẳng trì.

Tĩnh lực thứ 3 có 5 chi: 1. Hành xả. 2. chính niệm. 3. chính tuệ. 4. Thụ lạc. 5. Đẳng trì.

Tĩnh lực thứ tư có 4 chi: 1. Hành xả thanh tịnh. 2. Niệm thanh tịnh. 3. Phi khổ lạc thụ. 4. Đẳng trì.

Bốn vô sắc, là khi tu gia hành, từ vô biên không và vô biên thức vô sở hữu, nên khi dùng chính định trừ sắc, y vào 4 uẩn khác.

Thứ tư, danh là do tướng muội liệt, nghĩa là không sáng suốt nổi trội, được gọi là phi tướng. Có tướng muội liệt nên gọi là phi phi tướng. Như vậy, theo thứ tự là không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tướng phi phi tướng xứ, gọi là 4 vô sắc. Nếu thêm diệt tận định, cũng gọi là 9 định theo thứ tự.

Bốn vô lượng, là từ, bi, hỷ, xả. Trong 4 thứ, 2 thứ đầu thể của nó là không sân. Hỷ tức hỷ thụ. Xả tức không tham. Cảnh sở duyên, là hữu tình ở Dục giới có sân hại và có hân úy dục tham sân v.v... theo thứ tự đối trị.

Tám giải thoát, là căn cứ tĩnh lự đầu:

1. Nội hữu sắc tướng, quán các ngoại sắc giải thoát. Bất tịnh tướng chuyển thành tướng xanh bầm, dùng sắc quán sắc.

2. Nội vô sắc tướng, quán các ngoại sắc giải thoát, nội vô sắc quán.

3. Căn cứ tĩnh lự sau tịnh giải thoát, thân đã chứng cụ túc trụ, quán tất cả sắc thành thanh tịnh sáng sạch.

Như vậy 3 thứ và 4 Vô sắc định làm 4 giải thoát sau. Diệt thụ tướng định là giải thoát thứ 8. Căn cứ vào hữu đỉnh tâm, các thánh giả chán cái tướng thô thụ, dùng tịch tĩnh định diệt tâm tâm sở, gọi là diệt tận định.

Mười biến xứ, là quán sát phổ biến khắp địa, thủy, hỏa, phong, xanh, vàng, đỏ, trắng và không với thức 2 vô biên xứ. Căn cứ đệ tứ tĩnh lự, duyên sắc có thể thấy, đối với các xứ như địa v.v... quán sát khắp không sót một khe hở. Trong 10 biến xứ, 8 biến xứ trước thể của nó là không tham, 2 biến xứ sau là không và thức, tự tính của nó là không có sắc.

Tám thắng xứ, là:

1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc ít.
2. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc nhiều.
3. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc ít.
4. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc nhiều.

Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc xanh, vàng, đỏ, trắng là 4, với trước thành đủ 8. Trong 8, 2 cái đầu như sơ giải thoát, tiếp 2 như thứ giải thoát, 4 cái sau là đệ tam giải thoát.

Nếu vậy, 8 thắng xứ với 3 giải thoát nào có khác gì?

Đáp: Trước tu giải thoát chỉ có thể xả bỏ. Đây tu thắng xứ có thể chận đứng sở duyên, tùy theo lạc dục mà hoàn toàn không khởi. Tu giải thoát v.v... một là vì các hoặc đã đoạn lại xa, 2 là vì đối với định được thắng tự tại cho nên có thể dẫn khởi các không tranh v.v... và thần thông ưu việt. Do đó có thể chuyển biến các việc vì khởi các tác nhân lưu xả v.v...

3 Tam-ma-địa, là: không, vô tướng, vô nguyện.

Không Tam-ma-địa là 2 thứ hành tướng không và phi ngã, tương ưng với đẳng trì.

Vô tướng Tam-ma-địa là duyên 4 thứ hành tướng của diệt đế, tương ưng với đẳng trì. Vì Niết-bàn vô tướng, lia 10 tướng nên gọi là vô tướng, có thể duyên định kia, được gọi là vô tướng.

Vô nguyện Tam-ma-địa là duyên 10 thứ hành tướng của các đế khác, tương ưng đẳng trì, vì đáng chán bỏ phi thường khổ nhân. Đạo như thuyền bè, chắc chắn phải bỏ, có thể duyên định kia, được gọi là vô nguyện. Đều là vượt qua những đối đãi hiện tại nên các công đức này đều giải thoát. Vì A-la-hán, Bích-chi-phật, Như Lai đều cùng chung công đức nên gọi là cộng công đức. Tuệ giải thoát là vì không có 3 đẳng trì và 4 vô lượng.

Công đức không chung của Như Lai có 18 thứ. Đó là 10 lực, 4 không khiếp sợ, 3 niệm trụ và 1 đại bi,

Mười lực là: 1. Xứ phi xứ trí lực. 2. các nghiệp dị thực trí lực. 3. Tĩnh lực, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí trí lực. 4. Căn thượng hạ trí lực. 5. Các thứ thắng giải trí lực. 6. Các thứ giới trí lực. 7. Khấp các nẻo hành trí lực. 8. Túc trụ tùy niệm trí lực. 9. sinh tử trí lực. 10. Lưu tận trí lực.

Bốn không khiếp sợ là: 1. Chính đẳng giác, không khiếp sợ. 2. Hết các lậu, không khiếp sợ. 3. Nói chướng, không khiếp sợ. 4. Nói đạo, không khiếp sợ.

Do có trí lực, không khiếp sợ đối với người khác, nên gọi là không khiếp sợ.

Nói 3 niệm trụ nghĩa là Như Lai thuyết pháp, các đệ tử một mực cung kính có thể chính thụ thực hành, Như Lai duyên đó không sinh hoan hỷ, xả mà an trụ chính niệm chính tri, đó gọi là Như Lai đệ nhất niệm trụ. Các chúng đệ tử duy không cung kính không chính thụ hành, Như Lai duyên đó không sinh lo buồn, xả mà an trụ chính niệm chính tri, đó gọi là Như Lai đệ nhị niệm trụ. Các chúng đệ tử, một loại cung kính có thể chính thụ hành, một loại không kính, không chính thụ hành, Như Lai duyên đó không sinh vui buồn, xả mà an trụ chính niệm chính tri, đó gọi là Như Lai đệ tam niệm trụ. Cả 3 này đều lấy niệm tuệ làm thể, nên gọi là niệm trụ.

Đại bi, là trong thế gian ngày đêm 6 thời quán sát kỹ cái khổ, cái vui, cái phải điều phục của thế gian tùy ứng mà làm lợi lạc, cho nên gọi là đại bi. Đại thừa nói Như Lai có 18 pháp không chung, 3 không hộ. Vì Thanh Văn thừa chưa từng được nghe.

Phẩm 5: VÔ VI PHÁP

Lại nữa, vô vi pháp có 3 thứ: 1. Hư không. 2. Trạch diệt. 3. Phi trạch diệt.

Nói hư không vô vi, là hư không chỉ có tính không hoàn lại, do không chướng ngại, biến khắp mọi nơi, gọi là hư không vô vi. Sắc hành trong đó. Ngoài ra cửa, cửa sổ, lỗ khe hở có hư không tối sáng và sắc A-già v.v... đều không phải vô vi.

Nói trạch diệt vô vi, là trí vô lậu đoạn các chướng nhiễm, kiến đạo tu đạo hiển rõ chân lý, gọi là trạch diệt vô vi.

Nói phi trạch diệt vô vi, là có thể vĩnh viễn ngăn ngại pháp vị lai sinh, được diệt khác trước gọi là phi trạch diệt, được không do lựa chọn chỉ do thiếu duyên nên gọi là phi trạch diệt.

Ba vô vi đây, Nhất thiết hữu bộ chấp nhận có thật vật. Các sư Kinh bộ nói là không có tạo tác.

Hỏi: Lẽ nào chân như không phải là vô vi?

Đáp: Đó tức là vô ngã. Bởi Thanh Văn thừa không nói pháp vô ngã. Nhân vô ngã, tức vô thường v.v... 16 hành tướng. Hành tướng của 3 đế tức hữu vi. Duy chỉ hành tướng của diệt đế là trạch diệt pháp, không phải các pháp khác. Như vậy khí, tình, đạo, quả, vô vi, 5 thứ sở tri đều gồm tất cả trong pháp sở tri. Cho nên pháp tình, khí, tức là khổ đế. Làm thành nhân của nó là tập đế. Đạo, quả, 2 pháp tức là đạo đế. Trạch diệt vô vi, tức diệt đế. Hư không, phi trạch diệt 2 thứ vô vi. 3 thứ không phải gồm trong 4 đế. Vi khổ, tập 2 đế là pháp hữu lậu. Đạo, diệt, 2 đế là pháp vô lậu.

Như vậy là đã nói xong pháp sở tri hữu vi vô vi của thế gian và xuất thế gian.

*Duyệt Trí Hoàng thái tử,
 Phong phú đủ các tướng,
 Nhiều lần thỉnh cầu, nên
 Tuệ Trạng Cát Tường Hiền
 Niêm trụ Nhật tạng luận,
 Khởi thế và Đối pháp,
 Theo đó tạo luận này,
 Hữu tình sở tri luận.
 Cơ nghi hữu vô biên,
 Tóm lược chia làm 5.
 Là khí, tình, đạo, quả,
 Cùng với pháp vô vi.
 Cho nên nay khai thị,
 Người sáng suốt hiểu rõ.
 Nhờ đây rõ sở tri,
 Hiểu rồi dạy người khác.
 Luận này cùng câu vấn,
 Nếu có chỗ trái nghĩa,
 Xin cung thỉnh người trí,
 Mẫn nạp chỉ bảo cho.
 Như có cá thiện căn,
 Biến khắp cõi hư không.
 Nguyên tôi cùng chúng sinh,
 Đều chúng vô thượng quả.*

Luận làm rõ sở tri này là do Bồ-tát Chân Kim Hoàng thái tử cầu thỉnh nên Pháp vương thượng sư Tát-tư-ca Đại Ban-nhĩ-đạt, túc trần định thụ Tì-kheo Phát-tư-ba Tuệ Trạng Cát Tường Hiền, nhằm ngày 3 Quý tú, hạ tuần tháng giữa mùa thu năm Nhâm Dần nơi pháp tịch của Đại Cát Tường Tát-tư-ca giảng tập xong, trì kinh luật luận là Diệu Âm và Trí Sư Tử được giao ghi chép./

TRỌN BỘ 2 QUYỂN HẾT

SỐ 1646
THÀNH THẬT LUẬN
QUYỂN 1

*Ha-lê-bạt-ma tạo luận
Cưu-ma-la-thập dịch
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

**Phẩm 1: NHÓM MỞ ĐẦU LUẬN PHẬT BẢO,
TRƯỚC TIÊN LÀ ĐỨC TÍNH ĐẦY ĐỦ**

*Trước lễ đáng đáng lễ,
Bậc chính trí tự nhiên,
Nhất thiết trí, Ứng cúng,
Đại Sư lợi thế gian.
Cũng lễ pháp chân tịnh,
Và các Thánh đệ tử.
Nay muốn giải lời Phật,
Lợi ích cho người đời.
Luận theo Tu-đa-la,
Không trái tướng thật pháp.
Cũng vào trong thiện tịch,
Đó là luận chính trí.
Như mặt trời mặt trăng,
Tính chúng vốn sáng sạch,
Bị khỏi mây bụi mù,*

Năm thứ che không hiện,
Tà luận che chính kinh,
Nghĩa kinh không chiếu sáng,
Vì nghĩa kinh không sáng,
Cửa tà trí mở ra,
Bị tội tiếng ác đồn,
Lòng ăn năn mệt mỏi ...
Suy não loạn tâm này,
Đều do tà trí khởi.
Nếu ai muốn trừ bỏ,
Tội ác và suy não,
Phải tìm học chính luận
Phải gần người trí sâu.
Gần người có trí sâu,
Là căn bản chính luận.
Vì nhờ chính luận này,
Có thể sinh phúc tốt.
Dù người trí lanh lợi,
Tụng trăm ngàn tà luận,
Vớ chúng không được gì.
Chỉ được tài miệng lưỡi.
Biết pháp Phật đệ nhất,
Nói ra được quả vui.
Muốn pháp tồn tại lâu,
Thì không vì tiếng khen.
Rộng học các dị luận,
Biết khắp ý người trí
Muốn tạo thật luận này,
Chỉ biết Nhất thiết trí.
Các Tì-kheo dị luận,
Nhiều thứ, Phật đều cho.

*Nên tôi muốn luận đúng
Thật nghĩa trong 3 tạng.*

Bắt đầu vào phần luận:

Hỏi: Tôi biết nay ông sẽ giảng thuyết Luận Thành Thật. Ông nói: Trước lễ đáng đáng lễ. Đó có phải là Phật không? Vì sao gọi là Phật? Thành tựu công đức gì mà đáng lễ?

Đáp: Phật là người tự nhiên, dùng Nhất thiết chủng trí biết tất cả tự tướng sai khác của các pháp, lìa tất cả bất thiện, tập hợp tất cả thiện, thường cầu lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Phật. Những điều nói ra để giáo hoá, gọi là Pháp. Người thực hành pháp ấy, gọi là Tăng. Như vậy Tam Bảo là nhân duyên đáng lễ.

Tôi nay sẽ nói Phật có đầy đủ 5 phẩm chất, nên được người và trời trên thế gian kính trọng.

Hỏi: Có các Thánh nhân khác cũng có 5 phẩm công đức thì với Phật có chi khác?

Đáp: Năm phẩm pháp của Phật đầy đủ thanh tịnh. Sở dĩ vì sao? Vì các nghiệp của thân v.v... không sai lầm.

Giới phẩm đầy đủ, là Phật còn không sai lầm phạm cấm giới, huống là cố phạm.

Lại nữa Phật đã lâu đời tích chứa từ bi nên không phát ác tâm. Như trong kinh có nói: Phật bảo A-nan: Nếu có người từ khi sinh ra tu tập lòng từ thì lòng ác có thể sinh khởi được không? Thưa không, Thế Tôn! Không thể khởi được. Phật đã lâu đời tích chứa tính thiện, không vì e sợ tiếng đồn mà phải tự giữ gìn cấm giới.

Lại nữa, Phật ở trong vô lượng nơi các Phật tu giới hạnh đã lâu, đã nhỏ gốc 3 độc, vĩnh viễn không còn tập gì khác. Bởi các duyên ấy nên giới phẩm đầy đủ.

Định phẩm đầy đủ, là Phật y theo định này chứng được Nhất thiết trí. Vì thế nên biết định phẩm đầy đủ. Như bơ dầu nhiều, tim đèn lớn thì ánh sáng cũng lớn.

Lại nữa, định của Phật bền chắc như dấu sơn, sơn vào cây. Thiền định của người khác như hoa nổi trên nước không dừng được lâu.

Lại nữa, thiền định của Phật trong vô lượng kiếp tuần tự dần thành nên được đầy đủ.

Lại nữa, định của Như Lai không đợi các duyên như người hoặc xứ, hoặc nói pháp v.v... Các người khác thì không như vậy.

Lại nữa, định của Như Lai thường tu tập sâu, như người tự giữ hằng nhớ không quên. Phật khi vào thiền định không gắng tâm lực. Cũng như người ở tại bản xứ tự nói tiếng mẹ đẻ dễ dàng không khó, Phật ở trong định cũng vậy. Cho nên nói Như Lai thường ở trong Tam-muội.

Lại các pháp như cả mừng hay phá hoại thiền định, Phật đều khéo dứt hết.

Lại nữa, quả báo của định được tự tại đã lâu thần thông vượt trội bậc nhất. Dùng Như ý thông, trong một niệm có thể vượt qua 10 phương vô lượng thế giới, tất cả việc phải làm tùy ý liền xong, với các biến hóa tự tại vô ngại. Tâm có thể phổ biến khắp tất cả các pháp. Còn các chúng sinh khác không sao kịp được.

Lại nữa, Phật thành tựu pháp Thánh tự tại, nên với cái đáng vui có thể sinh tưởng không vui, với cái không vui có thể sinh tưởng vui, với cái vui và không vui có thể sinh tưởng bình thường.

Hỏi: Với cái không vui, có thể sinh tưởng bình thường, chứ làm sao có thể sinh tưởng vui?

Đáp: Vì khéo tu tâm nên với pháp không vui như ác khẩu chẳng hạn, không bị chướng ngại. Với các thần thông như thiên nhãn, thiên

nhĩ, tha tâm thông, túc mạng thông cũng không bị ngại. Do định lực nên thân thông vô ngại. Với các thiền định thông đạt rõ ràng, các chúng sinh khác không nghe được tên, chỉ có Như Lai là ra vào thiền định không bị ngăn ngại.

Lại nữa, thiền định của Phật gọi là lực, như trong Phẩm Thập lực có nói, những người khác không có. Cho nên Như Lai định phẩm đầy đủ.

Tuệ phẩm đầy đủ, là có 2 thứ vô minh: một chướng thiền định, hai khởi phiền não, Như Lai đều dứt. Vì dứt pháp trái nhau nên tuệ phẩm đầy đủ.

Lại được pháp tự nhiên, không theo học với người khác mà khéo lời lẽ, khéo biết nghĩa lý, không cạn biện tài, không hết trí tuệ. Còn chúng sinh đối với các tài khéo ấy không thể đầy đủ, chỉ có Phật biết hết không thiếu chút nào. Cho nên Như Lai tuệ phẩm đầy đủ.

Lại nữa, Phật thuyết pháp làm rõ nghĩa thú. Những người tiểu trí nói ra lời gì, không thể không lỗi, chỉ có Như Lai nói ra không làm lỗi. Cho nên biết Như Lai tuệ phẩm đầy đủ.

Lại còn vô lượng công đức thành tựu trí tuệ này nên được đầy đủ.

Lại nói pháp vi diệu, không sai lầm, như pháp quán bất tịnh để phá trừ dâm dục chẳng hạn.

Lại nữa trí tuệ vượt trội nên oai nghi cũng vượt trội. Bởi các duyên ấy nên tuệ phẩm đầy đủ.

Giải thoát phẩm đầy đủ, là với 2 thứ vô minh, tâm đều giải thoát không còn tập khí, vĩnh viễn không thoái lui. Như vậy gọi là giải thoát đầy đủ.

Giải thoát tri kiến đầy đủ, là có thể đối với việc đoạn tất cả phiền não, mỗi niệm đều biết. Như người chặt cây, tay cầm búa, bên

cạnh có người trí thấy biết cán búa mòn hết. Phật cũng vậy với trí đoạn phiền não, từng niệm đều phân biệt biết.

Lại biết trong tâm tâm chúng sinh nghĩ gì, theo đó thuyết pháp giáo hóa khiến được giải thoát. Cho nên có thể đối chúng sinh trong các đạo giải thoát, thấy biết đầy đủ.

Lại nữa, Phật Thế Tôn biết thời cơ nói pháp, như đối với các Phạm Chí Nhũng-cù-lô vậy.

Lại Như Lai biết rõ các pháp sai khác, nên vì người này nói pháp như vậy. Như Phật bảo A-nan nên vì Xa-nặc nói Kinh Ly Hữu Vô. Cho nên Như Lai khéo biết giải thoát, lại khéo đem phương tiện đoạn cấu uế cho chúng sinh, như vì Nan-đà dùng dục đoạn dục.

Lại Phật biết trước chúng sinh đã thuận thực các căn như tín v.v... rồi sau mới nói pháp, như trường hợp La-hầu-la.

Lại có chúng sinh bị nghiệp báo chướng không được giải thoát, Phật có thể khiến dứt hết, sau mới nói pháp.

Lại có chúng sinh đợi khi hết các lậu, như trong Kinh Phụ Phụ nói.

Lại có chúng sinh đợi người hết các lậu, như Xá-lợi-phất đợi A-thuyết-kì.

Lại có chúng sinh đợi nơi hết các lậu, như Phất-ca-sa Vương.

Lại có chúng sinh đợi hết một nửa các lậu như Phóng Ngưu Nan-đà đợi người làng là A-do-đà.

Lại có chúng sinh đợi gặp chân thân của Phật.

Lại có chúng sinh đợi chân thân Phật, hoặc đợi hóa thân Phật mới được hết các lậu, Phật đều phân biệt hết rồi vì họ nói pháp, khiến được giải thoát.

Phật nói nhiều các pháp vi diệu có thể phá tất cả nghiệp chướng. Vì là pháp giải thoát nên gọi là giải thoát tri kiến đầy đủ.

Lại nữa, Phật nói pháp nghĩa thú hay và lợi ích, không nói điều phi nghĩa và việc không quả báo.

Lại nữa, Phật tuần tự nói đạo giải thoát, giống như bài học toán pháp, nên dễ hiểu.

Lại nữa, Phật biết chúng sinh đời trước đã trồng thiện căn nên tuần tự nói pháp.

Lại nữa, Phật hiện chứng đắc giải thoát mà vì người nói pháp chứ không phải theo người học hỏi.

Lại nữa, Phật pháp đầy đủ nhiều các kỹ năng, như người dùng nhiều thứ thuốc đầy đủ chữa lành các bệnh, Phật pháp cũng vậy, dùng các pháp môn chữa trị trừ tất cả phiền não. Như 9 pháp quán tưởng thì các phiền não lớn nhỏ không thể làm hại lại được, cho nên có khả năng đầy đủ phá trừ các phiền não.

Lại nữa, Phật dùng phương tiện cao tột tế độ chúng sinh, hoặc dùng lời nói dịu dàng, hoặc lời khắc khổ, hoặc có khi dùng cả lời vừa êm dịu vừa khắc khổ. Đó là Như Lai giải thoát tri kiến đầy đủ.

Phẩm 2: MƯỜI NĂNG LỰC

Lại nữa, Phật thành tựu 10 lực nên trí tuệ đầy đủ. Vì nhân duyên đi về nên nói có 10 lực.

Trước tiên, thị xứ phi xứ lực, là trí quyết định trong nhân quả. Biết từ nhân như vậy thì sinh quả như vậy, không sinh quả như kia. Như làm điều không lành, ắt bị báo khổ, không sinh báo vui.

Thị xứ, là có việc như vậy. Phi xứ là không có việc như vậy. Lực đầu tiên là gốc của các lực khác.

Hỏi: Người đời cũng biết nhân quả của thị xứ phi xứ như lúa mì sinh lúa mì, không sinh lúa gạo?

Đáp: Thị xứ phi xứ lực này là biết các pháp về nghiệp nên nói lực này là sâu thẳm thứ nhất. Cái biết của trời, của người đời không sao kịp được.

Lại biết rõ nhân của sinh pháp tuần tự duyên tăng thượng. Cho nên nói lực này là vi diệu. Nghĩa là biết các nghiệp nhân và các quả báo của 3 đời, biết xứ, biết sự, biết nhân, biết báo. Cho nên gọi trí biết này là lực. Vì biết xứ, biết sự, biết nhân, biết báo cả 3 đời nên nói là rất sâu. Sở dĩ vì sao? Hoặc có người bảo không có pháp quá khứ và vị lai, nên Phật có năng lực nói lên điều này.

Lại nữa, các pháp trong quá khứ vị lai tuy không hiện tướng, Phật cũng hiện biết.

Lại nữa, nghiệp có 2 thứ: thiện và bất thiện. Hoặc có nghiệp thiện mà hiện bị khổ, như vì trì giới mà bị các bức não. Hoặc có nghiệp tội mà hiện nay được hưởng vui, như phá giới mà được tự tại. Hoặc có người sinh nghi cho rằng đời vị lai cũng như hiện tại. Cho nên Như Lai tiếp theo nghiệp là nói về thụ. Thụ pháp có 4 thứ: Có hiện khổ sau vui, hiện vui sau khổ. Có hiện vui sau khổ, hiện khổ sau vui. Phật đều biết rõ biết xứ, sự, nhân, báo.

Xứ tức là người lãnh thụ, sự tức là vật bố thí, nhân tức là tâm bố thí. Như trong kinh nói: Trước tâm hoan hỷ, lúc thí tâm thanh tịnh, thí xong không hối hận. Nghiệp này được quả, gọi đó là báo. Duy Phật có thể biết nghiệp này nhiều ít hoặc quyết định, không quyết định, quả báo đời hiện tại, quả báo đời sau, quả báo sau đời sau v.v... các việc đều biết hết không sót nên gọi là lực. Phật đối với các pháp thiên định, giải thoát, Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề biết cấu, biết trụ, biết tăng, và biết tịnh. Trong các nghĩa này, thiên là 4 thiên, 4 vô sắc định. Tức các hành nghiệp của cõi Sắc và cõi Vô sắc. Còn giải thoát là 8 giải thoát. Có thể làm sạch hết các nghiệp này là thiên định cõi Vô sắc và 8 giải thoát. Đó là Tam-muội. Được cái dụng của Tam-

muội này hiện tiền ra trước gọi là Tam-ma-bạt-đề. Tam-ma-bạt-đề phân biệt có 4 thứ là tùy câu, tùy trụ, tùy tăng và tùy tịnh.

Biết câu là tùy câu định, biết trụ là tùy trụ định, biết tăng là tùy tăng định, biết tịnh là tùy đạt định. Tùy đạt định là noãn, đảnh, nhãn v.v... 4 pháp. Phật đối với các pháp này đều hiểu biết không sót, nên gọi là lục. Phật rõ biết các căn lợi hoặc độn của chúng sinh. Tín v.v... các căn vượt trội nên gọi là lợi, như chư Phật v.v... Độn là bất cập, như xà nô chẳng hạn, không có trung căn, vì không nhất định. Lợi căn có biên giới như chư Phật. Độn căn cũng có biên giới như xà nô. Còn trung thì không biên giới nên không nói trung căn.

Lại nữa, có 2 thứ đạo là tín hành và pháp hành.

Lại có 2 thứ đạo nữa là nan đạo và dị đạo. Khác với 2 đạo này gọi là trung. Quán người lợi độn tức là bậc trung.

Lại nữa, tùy chỗ sở thích nên căn cơ có sai khác. Thích tín căn nên gọi là tín. Phần nhiều người có trí tuệ, các căn đều vượt trội. Bởi chỗ sở thích nên gọi Hòa-già-lợi là tín căn vượt trội. Các căn như vậy, Phật đều biết hết, nên gọi là lục. Phật biết chúng sinh đều có chỗ sở thích, sở thích đó là lạc tức là dục. Như người có sở thích nhậu nhẹt thì muốn vui cùng bạn bè chè chén. Phật tùy theo chỗ sở thích mà đều biết từng sở thích. Nghĩa là chúng sinh muốn vui thích nơi 5 thứ dục, hoặc vui thích tu đạo. Biết như vậy rồi tùy cơ nghi mà nói pháp, có thể rộng độ tất cả chúng sinh. Phật biết người đời có vô lượng chủng tính vì chúng sinh hằng lâu tập theo sở thích mà thành tính quen. Như Điều-đạt chẳng hạn, đời đời hủy báng Phật, ác tâm càng sâu, nên gọi là tính. Tính thiện cũng vậy. Hoặc có chúng sinh, từ tính sinh khởi dục, hoặc duyên hiện tại mà sinh khởi, Như Lai đều biết rõ chỗ sở thích và tính quen của chúng sinh ấy, nên gọi là lục.

Phật biết tất cả đạo, tức con đường đưa đến nơi. Biết nếu đi đường này sẽ sinh vào địa ngục, cho đến sinh lên trời. Biết nếu đi

đường này được đến Niết-bàn. Những hành nghiệp này đều từ gốc đục tính phát sinh. Nghiệp nhân hữu lậu thì sinh trong 5 đường. Nghiệp nhân vô lậu thì được đến Niết-bàn.

Trước chỉ nói đạo, giờ đây nói đến quả của đạo. Lại nữa, trước nói tướng chung, giờ đây nói đến tướng riêng. Có nghiệp như vậy thì đến địa ngục. Có nghiệp như vậy thì được đến Niết-bàn. Đến địa ngục cũng có sai khác. Nghiệp này thì đọa vào Hoại địa ngục, nghiệp này thì đọa vào Hắc tăng địa ngục. Cho nên Phật trong lục thứ 7 biết nghiệp vi tế, còn các người khác thì dù biết cũng không thể phân biệt được, cho nên gọi đó là lục. Phật biết nghiệp quả đời quá khứ như vậy gọi là túc mạng trí lục.

Lại nữa, Phật biết chỗ tu đạo chúng sinh đời trước, rồi mới nói pháp, cho nên túc mạng thông cũng gọi là trí lục.

Lại nữa, Phật không những nhớ biết tất cả chỗ sinh xứ của mình trong đời quá khứ, hoặc tại cõi Sắc hoặc tại cõi Vô sắc mà còn biết cả của chúng sinh nữa, nên gọi là lục. Trí thiên nhãn của Phật xem thấy 3 cõi nối nhau trong đời vị lai, biết 3 thứ nghiệp nhân, 4 thứ thụ pháp, rồi cũng ghi nhận mà nói, rõ biết không ngăn ngại, nên gọi là lục. Và Phật dùng trí lục lậu tận, biết không liên tục. Chúng sinh mạng chết, hoặc có liên tục, hoặc không liên tục. Lục này đều làm cho tất cả chúng sinh đến chỗ đạo lục, nói chung là Niết-bàn.

Nay trong lục này rộng phân biệt nói rõ, Phật biết nhân cấu uế, thanh tịnh nên có 10 lục. Chúng được 9 thứ trước thì thành tựu trí. Chúng được lục thứ 10 thì thành tựu đoạn. Đầy đủ trí đoạn nên gọi là Thế Tôn, được trời người cung kính.

Phẩm 3: BỐN VÔ ÚY

Lại nữa, Phật thành tựu 4 vô úy, tức 4 thứ không khiếp sợ, cho nên đáng kính lễ.

Bốn thứ không khiếp sợ, là Như Lai được nhất thiết trí, nhất thiết lậu tận, có thể nói chướng đạo và đạo hết khổ. Trong 4 pháp này, nếu có người đến nạn vấn đúng như pháp thì ta không chỗ e sợ gì cả. Cái không khiếp sợ đầu tiên là nhất thiết trí, mà cũng là 9 thứ lực trước. Cái không khiếp sợ thứ 2 là đoạn, tức là lực thứ 10, là đầy đủ trí đoạn. Như Lai tự mình đầy đủ công đức đức. Còn 2 thứ vô úy sau là khiến người đầy đủ. Phật nói chướng ngại là pháp thật chướng. Như là bất thiện hoặc thiện hữu lậu, vì bởi ngăn ngại sự giải thoát nên gọi là pháp chướng ngại. Vì muốn lìa chướng ngại nên nói pháp xuất đạo.

Hỏi: Như ông vừa nói các thứ lực tức là vô úy. Nay lực và vô úy có sai khác chi không?

Đáp: Trí gọi là lực. Vì nhờ lực này nên mới có sức kham chịu, nên gọi là vô úy. Có những người ngu si không biết hổ thẹn nên cũng có nhiều kham chịu. Sự kham chịu của Như Lai là từ trí tuệ mà sinh. Và cũng bởi trí tuệ mà không sợ người khác, nên gọi là vô úy. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc có người tuy có trí mà còn khiếp sợ.

Lại nữa, trí gọi là lực vì có thể nói trí này gọi là vô sở úy. Sở dĩ vì sao? Vì có người tuy biết mà không nói tốt. Cho nên có thể hơn người gọi là vô úy. Sở dĩ vì sao? Vì có người tuy biết không hơn người, cho nên trí này vô tận, nên gọi là lực. Biện tài vô tận, nên gọi là vô úy.

Lại nữa, nói ra có nghĩa thú, nên gọi là lực. Nói ra tự tại, nên gọi là vô úy.

Lại nữa, nhân gọi là lực, quả gọi là vô úy vì từ trong trí sinh ra vô úy.

Lại như có người xưa nay khiếp nhược, về sau được chút trí tuệ liền có thể không sợ, huống chi Thế Tôn, từ kiếp lâu xa đến nay tâm trí rộng lớn, và chúng được Nhất thiết trí mà còn sợ ai?

Lại nữa, có người không thể hơn người khác được, nên phải e sợ. Phật không có một người nào hơn, cho nên không e sợ.

Lại có luận giả lời lẽ khéo hay, lại giỏi nghĩa thú, thì không e sợ, người ấy tức là Phật. Vì được Nhất thiết trí nên giỏi nghĩa thú, được vô ngại biện nên khéo lời lẽ.

Lại có người gặp việc, vì bất lực mà sinh khiếp sợ. Như Lai đạt được Nhất thiết trí nên đối với tất cả mọi việc không bất lực. Tất cả kinh sách, tất cả luận nghị v.v... đều thông suốt vấn đáp rõ ràng, nên không e sợ.

Lại nữa có người bị khuyết điểm về gia tộc, về tính tình, về hình sắc, về giới, về trí đa văn v.v.... nên bị đời chê bai. Như Lai với các điều kể trên đều không chút khiếm khuyết, cho nên không e sợ.

Lại như có luận giả luận đúng như pháp thì không ai phá hoại được, người ấy tức là Phật. Như Bà-la-môn A-thúc-la thừa Thế Tôn rằng: Luận đúng như pháp thì khó thắng, khó phá. Luận thuận đạo lý, luận có suy lường, luận có nhân cũng như vậy.

Lại nữa nếu có người thành tựu 4 thứ luận pháp, cũng khó thắng, khó phá: 1. Trụ chính chấp. 2. Trụ nhân và phi nhân. 3. Có thể thụ thí dụ. 4. Trụ trong luận pháp. Phật đủ 4 thứ này, chư thiên và người không ai hơn được, cho nên không e sợ.

Lại nữa, người không học hỏi thầy giỏi mà luận nghị thì dễ bị phá hoại. Như Lai xưa từng ở chỗ Phật Định Quang và vô lượng chư Phật khác tu tập luận pháp, nên không thể phá hoại được.

Lại nữa, Phật nói có 2 đế: Thế đế và đệ nhất nghĩa đế, cho nên người trí cũng không thể phá hoại được. Phạm phu vô trí Phật không tranh với chúng.

Lại Phật không tranh cãi với người đời. Người đời bảo có, Phật cũng nói có. Người đời nói không, Phật cũng nói không, nên không tranh cãi. Vì không tranh cãi, nên không phá hoại được.

Lại nữa, luận nghị có 2 thứ: một là chân thật luận, hai là siểm khúc luận. Các ngoại đạo phần nhiều là siểm khúc luận. Phật là chân thật luận, nên không thể phá hoại.

Lại nữa, trong Phật pháp chính hành thanh tịnh nên luận nghị cũng thanh tịnh. Chính hành thanh tịnh là nhân hết khổ. Luận của các ngoại đạo có nhân tương tự, không có chính nhân nên không được đắc thắng.

Lại Phật kinh thanh tịnh, nói ra nghĩa thú không trái thật tướng, không giống như ngoại đạo. Hơn nữa, đạo Phật nói không chỉ tùy theo lời nói, mà đều biết rõ ngay trong tự tâm. Như trong kinh nói Phật bảo Ti-kheo: Các ông chớ nên chỉ tin lời ta nói mà phải tự thấy biết, tự thân tu chứng nữa.

Lại nói: Các ông đến những người không siểm khúc, như ta sớm mai vì các ông nói pháp khiến chiêu được đạo, chiêu vì nói pháp khiến sáng sớm được đạo.

Lại nữa, nếu người đối với pháp có chỗ không thông suốt thì ngưng không nói nữa, vì dù có nói ra chắc sẽ bị phá hoại. Phật không chỗ nào không thông suốt nên được vô úy.

Lại nữa, Như Lai được các trí vô ngại, với tất cả pháp, không pháp nào không thông đạt, nên không phải sợ. Còn những người tiểu trí không biết chỗ biết của đại nhân. Đại nhân có thể biết tiểu trí. Phật là bậc đại trí nhất của chúng sinh, có thể biết tiểu luận nên không phải sợ. Lại luận của các ngoại đạo chỉ nhân chỗ thấy mà khởi; Phật biết cái thấy ấy là từ các duyên sinh, và biết tập, biết diệt, biết vị, biết lỗi và biết thoát ra. Các ngoại đạo không thể biết hết được, nên mới sinh tranh luận. Phật dùng Nhất thiết chủng trí biết tất cả các pháp, có thể phá tất cả luận, mà không bị tất cả các luận phá lại, nên không phải sợ. Bởi các duyên do như vậy cho nên lực và vô úy nghĩa có sai khác.

Hỏi: Phật đối với các pháp đều không e sợ, mà sao chỉ nói 4 thứ vô úy?

Đáp: Nói 4 thứ là đã gồm nói tất cả vô úy. Bởi vì sao? Vì 2 thứ vô úy trước là tự nói trí và đoạn về phần mình, 2 thứ vô úy sau là vì người khác nói pháp chướng đạo. Nói đạo hết khổ, cũng gọi là trí đoạn. Thầy và trò trí đoạn đầy đủ, nên nói chung là nhất thiết vô úy.

Hỏi: Vì sao chúng sinh nghi Phật không phải người nhất thiết trí?

Đáp: Lời Phật nói ra, có khi có những lời tựa hồ không phải người có nhất thiết trí. Như Phật hỏi: Người từ đâu đến đây có những việc như vậy?

Lại như trong kinh có nói: Có người đi vào trong thành đô, làng xóm rồi họ hỏi tên các nơi ấy. Ta không cho người ấy là Nhất thiết trí. Có người nghe kinh này nói thế, mới nghi Phật không phải bậc Nhất thiết trí.

Lại nữa, có khi Phật nói ra tuồng như còn tham trước, như trong kinh nói: Phật nói: Hay thay! Tì-kheo đến đây, ông với thân này là được đại lợi. Tùy thuận pháp ta là ta vui mừng.

Còn có những lời tuồng như giận dữ, như Phật bảo Điều-đạt: Người là thứ người chết... là người ăn đồ khạc nhổ của người khác...

Lại còn có những lời in tuồng kiêu ngạo, như tự nói: Ta là sư tử trong loài người, vì ta thành tựu 10 lực, 4 vô sở úy, nên trong đại chúng có thể rống lên tiếng rống sư tử.

Lại có lời nói như kiến chấp, như nói: Khéo tu trì pháp ta như người bung bát dầu. Và bảo Điều-đạt: Ta không đem chúng tăng giao cho Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hưởng chi giao cho ông. Có người tiểu trí nghe các lời nói ấy vội bảo Như Lai chưa hết các lậu.

Lại nữa, Phật nói các thứ dục là thứ chướng đạo, mà có người thụ dục cũng vẫn đắc đạo.

Lại nữa, trong Luật chế ra pháp ngăn chặn, mà có người hủy hoại pháp ấy cũng vẫn được đạo. Cũng vì vậy mà có người tiểu trí nghi Phật không biết pháp chướng đạo.

Lại có người tu đạo mà vẫn có kết sử, nên người tiểu trí nghi cho rằng tu Thánh đạo không thể hết các kết sử, kết sử không hết làm sao hết khổ? Vì vậy Như Lai với 4 pháp này nói không e sợ.

Hỏi: Đã bị các nghi như trên, làm sao dứt được?

Đáp: Đó là những lời Phật tùy theo lời nói thế tục, vì người đời có những việc đã biết mà vẫn hỏi và không cho thế là có lỗi. Phật cũng vậy, vì ở trong thế gian nên tùy theo thế tục mà hỏi.

Lại nữa, người đời cũng có người tâm không tham mà nói ra lời nói in tuồng có tham, có những trường hợp như vậy. Phật cũng vậy, vì muốn lợi cho chúng sinh nên hiện ra có những lời nói như thế. Hoặc nói: Dục không phải chướng pháp. Như Lai nói dục thật là chướng pháp, nếu dục còn ở nơi tâm thì không tu đạo được, phải trừ dục, nhiên hậu mới đắc đạo. Hoặc người nói tuy phạm pháp ngăn cũng vẫn đắc đạo, mà phá pháp thật ngăn, thì chắc chắn không đắc đạo. Nếu không phải thật tội mà vì trọng duyên nên Phật tự cho phép, chứ không phải phá hoại pháp ngăn. Hoặc nói người tu đạo cũng còn kết sử. Thánh đạo có thể phá trừ tất cả kết sử, vì chưa đầy đủ nên không thể phá trừ hết ví như tính của bơ có thể chữa được bệnh nóng, mà vì uống ít nên không lành bệnh. Tu đạo cũng vậy cho nên không có lỗi.

Như Lai thành tựu 4 thứ không khiếp sợ, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 4: MƯỜI DANH HIỆU

Lại nữa, trong kinh nói: Như Lai có 10 thứ công đức: Đó là Như Lai, Ứng cúng, Chính biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, và Phật

Thế Tôn. Như Lai là nương đạo như thật đến thành chính giác, nên gọi là Như Lai. Có nói ra điều gì đều đúng sự thật không hư dối. Như Phật hỏi A-nan: Như Lai có nói 2 lời chằng? Thừa không, Thế Tôn. Cho nên gọi là như thuyết.

Lại nữa, Như Lai từ đêm đắc đạo cho đến đêm Niết-bàn, trong thời gian ấy, có nói ra lời gì đều chân thật không phá hoại được, nên gọi là như thuyết.

Lại dùng nhất thiết chủng trí biết biên tế trước sau, rồi sau mới nói, nên nói ra đều chân thật.

Lại nữa, chư Phật Thế Tôn ký ức bền chắc không quên mất. Có người hoặc đem trí so sánh hay theo trong kinh sách mới nói có thể được, hoặc có sự việc hiện tại không khéo thấy mà nói có thể. Người này nói ra là khi được khi mất. Như trong kinh nói: Người có trí so sánh nói ra khi được khi mất. Phật đối với các pháp hiện biết rồi mới nói cho nên lời nói đều không phá được, nên gọi là thật thuyết.

Lại nữa, Phật nói ra đều nói thật nghĩa, không phải như các người nói ra có thật có không thật, nên không phá được.

Lại nữa, lời nói hợp thời, như trong kinh nói: Phật biết chúng sinh tâm vui thích điều gì rồi nói đạo pháp, nên gọi là như thuyết.

Lại nữa, với người đáng nói, liền nói ngay, như trong Kinh Khẩn-thúc-già có nói.

Lại nữa, chỗ nên nói pháp liền vì nói ngay, như chỗ nói sơ lược, hoặc chỗ nói rộng các môn ám, nhập. Cho nên nói ra đều là chân thật.

Lại nữa, có 2 thứ pháp ngữ: một là dựa vào thế đế, hai là dựa vào đệ nhất nghĩa đế. Như Lai dựa vào 2 đế này mà thuyết pháp, nên nói ra đều thật.

Lại nữa, Phật không nói thế đế là đệ nhất nghĩa đế, cũng không nói đệ nhất nghĩa đế là thế đế, cho nên lời nói của đôi bên đều không trái nhau.

Lại nữa, Như Lai nói pháp hoặc ngăn, hoặc mở cũng không trái nhau. Tùy theo việc ngăn thì điều này không mở, tùy theo việc mà mở thì điều này không ngăn, cho nên lời nói đều không trái nhau.

Lại có 3 thứ pháp ngữ: một từ kiến sinh, hai từ mạn sinh, ba từ giả danh sinh. Phật không có 2 loại trước, còn đối với loại thứ 3 thì thanh tịnh không nhiễm.

Lại có 4 thứ pháp ngữ: là kiến, văn, giác, tri. Phật với 4 lối nói này đều thanh tịnh tâm không tham đắm.

Lại có 5 thứ pháp ngữ: là quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết. Năm thứ này, Phật đều thông suốt rõ ràng, biết rồi nhiên hậu mới nói, nên gọi như thuyết. Có thể như thuyết cho nên gọi là Như Lai. Bởi vì hết phiền não mới được pháp này, các thứ tham, sân si là cội gốc của vọng ngữ, diệt hết các kết sử này, cho nên gọi là Ứng cúng.

Lại nữa Như Lai nói pháp ứng cúng là pháp diệt kết sử, do chính trí sinh, đem trí tuệ của chính quán các pháp vô thường, khổ, không ... nên mới diệt hết các phiền não. Nhờ chính trí mới sinh pháp ứng cúng. Pháp chính trí này từ minh, hành mà sinh biên tế trước sau và không liên tục, khéo thông suốt nên được gọi là chính trí. Tận hành các pháp bố thí Ba-la-mật v.v... nên gọi là Minh hành túc. Các người khác cũng ở trong vô thủy sinh tử tu các pháp bố thí, v.v... mà không có chính hành nên không gọi là Thiện thế. Phật có chính đạo tu bố thí v.v... các hạnh nên gọi là Thiện thế. Được 5 pháp này công đức của Như Lai về phần mình đầy đủ. Được chính trí nên có thể biết tất cả tâm niệm của thế gian, biết tâm niệm rồi mới vì đó nói pháp, nên gọi Vô thượng sĩ. Những người đáng điều phục chế ngự không một người nào không được điều phục. Đã được điều phục thì vĩnh viễn không còn bại hoại nữa. Người được điều phục là người, trời, nên gọi là Thiên nhân sư. Hoặc có người sinh nghi: Như Lai sinh trong loài người mà làm sao

có thể giáo hóa trên cõi trời được? Cho nên Phật đã nói: Ta là bậc thầy của trời và người. Phật khi ngồi nơi đạo tràng, trừ giấc ngủ vô minh, chứng được nhất thiết trí, sáng tỏ đại ngộ tất cả các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp hữu vi vô vi, hữu tận vô tận hoặc thô hoặc tế v.v... đều giác ngộ, nên gọi là Giác giả.

Như vậy 9 thứ công đức đầy đủ là đáng cao cả trong 3 đời 10 phương thế giới nên gọi là Thế Tôn.

Phật đầy đủ 10 hiệu nên tự thân đầy đủ, khiến người khác cũng đầy đủ, lợi mình lợi người, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 5: BA KHÔNG HỘ

Ba không hộ là 3 thứ không phải bảo hộ giữ gìn. Đó là 3 nghiệp thân khẩu ý của Phật không cần giữ gìn. Sở dĩ vì sao? Vì 3 nghiệp ấy của Phật không có bất tịnh, muốn khiến người khác không thấy không biết.

Lại các người khác hoặc có khi vô ký, tựa như 3 nghiệp thân khẩu ý có bất tịnh nên bị người trí chê trách. Phật không có như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì tất cả 3 nghiệp ấy của Như Lai đều do trí tuệ và sự nghĩ nhớ chân chính mà sinh khởi. Còn những người tiểu trí bị vọng niệm không được nghiệp như vậy.

Lại người đời hoặc vì vội vã mà nói lầm lỗi. Phật thì không có các việc như vậy.

Lại nữa, Phật khéo tu thân giới tâm tuệ, các pháp như vậy đều khéo tu nên tất cả nghiệp nhân bất thiện và tương tự bất thiện v.v... đều trừ diệt.

Lại nữa, Thế Tôn từ kiếp lâu xa đến nay đã từng tu hành các thiện pháp không phải mới đời này, cho nên các nghiệp tính thanh tịnh không phải giữ gìn.

Lại Phật thường ưa tu giới hạnh, không phải vì lo sợ đọa ác đạo mà tu.

Lại tất cả 3 nghiệp thân khẩu ý của Phật đều vì lợi người nên không bất thiện, vì không bất thiện nên không phải gìn giữ. Vì 3 nghiệp thanh tịnh không cần gìn giữ nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Phật thành tựu 3 niệm xứ, nên đáng kính lễ. Mỗi khi thuyết pháp, thính giả nhất tâm nghe, không lấy làm mừng, hay không chăm lòng nghe, cũng không lấy làm buồn, vì thường tu tâm xả. Sở dĩ vì sao? Vì Phật không còn chút mảy may tham sân tập khí.

Lại Phật biết các pháp rốt ráo là không, nên không mừng không buồn.

Lại Phật khéo nhóm họp tâm đại bi, nên đối với thiện hay bất thiện, tâm không vui buồn, mà chỉ sinh khởi tâm đại bi bình đẳng.

Lại Phật am hiểu tâm tính của mỗi chúng sinh, nên chăm nghe, không lấy làm mừng, không chăm nghe cũng không lấy làm buồn, vì bản tính là vậy, nên thường tu tâm xả.

Lại tâm Phật kiên cố như đại địa, cát bót vật nặng không lên cao, hay đặt thêm vật nặng cũng không thấp xuống. Còn tâm phàm phu như cái cân, thêm chút là thấp xuống, bớt chút thì cao lên.

Lại Phật Thế Tôn gọi là đấng đại bi, cho nên người, trời đều nên kính lễ.

Lại Phật bỏ cái vui trong cảnh sâu thiền định mà vì người nói pháp. Bi tâm của người khác không thành xong. Đại bi của Thế Tôn có thể cứu chúng sinh, nên gọi là hữu quả. Và cũng nhờ đại bi mà thành tựu đạo vô thượng chứ không phải dựa vào duyên nào khác.

Lại nữa, Phật không có ngã tâm, hành thiếu đức tri túc rất là bậc nhất. Cũng do đại bi nên tự khen thân mình.

Lại nữa, tính Phật nhu hòa, mà vì đại bi nên mới có những lời khổ thiết, khởi đại phương tiện, chịu các điều cần khổ vì độ chúng sinh. Và Phật vì đại bi độ chúng sinh nên trụ trong thế gian mà thụ thân 5 ấm như hoàn sắt nóng, trong giây lát cũng không kham chịu nổi.

Lại Phật Thế Tôn khéo tu tâm xả, rồi bỏ tâm xả thường hành đại bi, nên được tôn kính.

Lại Phật là người thiện trong những người thiện. Sở dĩ vì sao? Vì mình được đại lợi cũng làm cho người khác được đại lợi, lợi mình lợi người, nên gọi người thiện.

Lại Phật là chân thiện tri thức của chúng sinh. Như trong kinh nói: Ta là chân thiện tri thức của chúng sinh, là người thương xót, người làm lợi ích...

Lại nữa, Phật Thế Tôn là nơi hội tụ các công đức như tinh tiến v.v... như Hòa Lợi dùng một trăm câu kệ khen Phật. Do các công đức này. Cho nên đáng kính lễ.

Lại nữa, Phật tự nói công đức của mình, như trong Kinh Tăng Nhất A-hàm, Phạm Như Lai, Phật tự nói: Ta là sư tử trong loài người, là người đẹp như hoa, là người hùng như voi là đệ nhất Sa-môn mà cũng là đệ nhất trong Bà-la-môn, và là vua trong các Thánh, vì hành vi không còn sai lầm, là không tùy theo khổ vui, đó chính là thân ta.

Hỏi: Vì lý do gì Phật tự khen thân mình? Tự khen thân mình là tướng của người ngu.

Đáp: Thế Tôn không cầu danh lợi mà chỉ vì người khác nên tự khen thân mình.

Lại Phật tâm vô ngã, vì muốn lợi cho người khác nên tự khen không lỗi.

Lại cũng bởi nhân duyên mà tự khen ít nhiều vậy thôi, chứ với công đức của Phật không thể nói hết được, cho nên không đọa vào tướng người ngu, vì không có tự cao.

Lại như trong Kinh Thanh Tịnh, Xá-lợi-phất đứng trước Phật mà ngợi khen công đức của Phật. Cho nên đáng kính lễ.

Lại các hạnh thiếu dục tri túc và vô lượng công đức đều hội tụ nơi thân Phật. Sở dĩ vì sao? Vì Phật hội tụ đầy đủ tất cả các công đức. Bởi các duyên do đó nên kính lễ Phật.

Phẩm 6: LUẬN PHÁP BẢO, TRƯỚC TIÊN LÀ 3 THIỆN

Hỏi: Trước ông có nói nên lễ Pháp Bảo. Mà Pháp Bảo có công đức gì đáng kính lễ?

Đáp: Phật tự khen ngợi nói: Pháp ta nói ra trước, giữa, sau đều thiện, nghĩa thiện, ngữ thiện, độc pháp, cụ túc, thanh tịnh điều nhu, tùy thuận Phạm hạnh. Trước giữa sau đều thiện là Phật pháp không thời nào không thiện. Với thiếu thời, vắng thời, lão thời, 3 thời đều thiện. Nhập thời, hành thời, và xuất thời cũng đều thiện. Và trước là ngăn ác, giữa là xả phúc báo và sau là xả tất cả, cho nên gọi là ba thiện.

Lại 3 thời Phật thường thuận thuyết chính pháp không xen phi pháp như các ngoại đạo.

Lại 3 thời trước giữa sau Phật thường vì chỗ ưa thích của người trí mà thuyết pháp.

Lại trong 3 thời tất cả pháp đều rất sâu, không như kinh khác trước to, giữa nhỏ, sau nát vụn. Bởi các lẽ ấy nên gọi là 3 thiện.

Nghĩa thiện, là nghĩa Phật pháp có lợi ích sâu xa: được lợi đời này và đời sau, lợi xuất thế đạo, không phải như ngoại điển nguyện cầu tăng thêm thiên nhân.

Ngữ thiện, là tùy theo phương ngôn tục ngữ có thể hiển thị chính nghĩa, nên gọi là ngữ thiện. Sở dĩ vì sao? Vì kết quả lời nói chính là nghĩa. Cho nên những lời nói ra có thể biện luận nghĩa lý, nên gọi là ngữ thiện.

Lại nữa, cái quý của Phật pháp là làm đúng như nói, chứ không quý ở nói suông, cho nên tùy theo phương ngôn tục ngữ, có thể khiến được đạo, đó gọi là ngữ thiện. Không như ngoại điển, chỉ quý lời nói, nếu sai lời nói hoặc lỗi âm thanh thì luận chủ bị tội.

Lại nữa khéo nói chân để gọi là nghĩa thiện, khéo nói thế để gọi là ngữ thiện.

Độc pháp, là Phật chỉ nói chính pháp chứ không vì hý luận mà nói chuyện đời xưa, và cũng không nói xen tạp pháp với phi pháp.

Lại độc pháp là Phật chỉ nói vì vô dư Niết-bàn, và chỉ độc nhất Phật có thể thuyết, cho nên gọi là độc pháp.

Hỏi: Có kinh Thanh Văn bộ, chỉ có Thanh Văn nói.

Lại có các kinh khác do các thiên thần nói, sao bảo chỉ độc nhất Phật nói?

Đáp: Là căn bản của pháp đều từ Phật mà ra, nghĩa là các Thanh Văn và thiên thần đều là những người truyền đạt lời Phật. Như trong Tì-ni có nói: Phật pháp là những gì Phật nói. Những lời đệ tử Phật nói, các vị biến hóa và chư thiên nói, tóm lại tất cả thiện ngữ trong thế gian đều là lời Phật nói nên gọi là độc pháp.

Cụ túc, là pháp Phật nói ra không có giảm thiểu, như trong Kinh Uất-đà-la-già nói về tướng đầy đủ.

Lại Phật pháp không đợi các kinh mới được thành tựu, như Kinh Hòa-già-la-na đợi 5 kinh nhiên hậu mới được thành tựu. Phật pháp không phải như vậy, trong một bài kệ vẫn đầy đủ ý nghĩa, như

nói: Chớ làm các ác, vâng làm các lành, tự tịnh tâm ý, là chư Phật dạy. Cho nên gọi là đầy đủ.

Thanh tịnh điều nhu, là có 2 thứ thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh điều nhu. Đó là lời thanh tịnh gọi là thanh tịnh, nghĩa thanh tịnh gọi là điều nhu.

Lại Phật cho phép trong nghĩa chính đặt lời tùy nghĩa. Trong chính ngữ đặt nghĩa tùy ngữ, không phải như ngoại đạo tùy theo kinh mà lấy.

Lại trong Phật pháp, căn cứ vào pháp không căn cứ vào người. Mà trong pháp cũng còn phân biệt, là căn cứ vào kinh liễu nghĩa, mà không căn cứ vào kinh không liễu nghĩa, đó là tịnh pháp, không chỉ theo kinh.

Lại trong Phật pháp có 3 pháp ấn: Tất cả vô ngã. Các pháp hữu vi, niệm niệm vô thường. Niết-bàn tịch diệt. Với 3 pháp ấn này, các luận giả không thể phá hoại được, vì là chân thật nên gọi là thanh tịnh điều nhu.

Tùy thuận phạm hạnh, là 8 chính đạo gọi là phạm hạnh. Phạm là đạo Niết-bàn, vì có thể đến Niết-bàn nên gọi là phạm hạnh.

Pháp Bảo thành tựu công đức như vậy, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 7: CÁC GIÁO PHÁP

Lại nữa, Phật tự khen ngợi rằng: Pháp ta có thể diệt, có thể đến Niết-bàn, có thể sinh chính trí có thể khéo dẫn đường.

Có thể diệt, là diệt tất các lửa phiền não tham, sân si nên gọi là có thể diệt, như tu quán bất tịnh diệt được lửa dâm dục, như tu từ tâm diệt được giận dữ, không phải như ngoại đạo tu pháp đoạn thực, cho nên gọi là có thể diệt. Có thể đến Niết-bàn, là rốt ráo Phật pháp chắc chắn đến Niết-bàn, không phải như ngoại đạo an trụ trong hữu phần, hay say đắm các thiền định.

Lại trong Phật pháp, nói tất cả pháp hữu vi đều có tội lỗi nên không đáng khen ngợi, không phải như Bà-la-môn khen ngợi trời Phạm Thế, cho nên nói Phật pháp có thể đến Niết-bàn.

Có thể sinh chính trí, là có bao nhiêu Phật pháp đều vì Niết-bàn, cho nên có thể sinh chính trí. Và trong Phật pháp có quả chân trí, như từ văn tuệ sinh tư tuệ, từ tư tuệ sinh tu tuệ, nên nói Phật pháp có thể sinh chính trí.

Có thể khéo dẫn đường, là Phật pháp mình trước khéo thành tựu, sau làm cho người khác an trú trong chính pháp, nên gọi khéo dẫn.

Lại nữa, Phật pháp có 6 pháp: 1. Thiện thuyết. 2. Hiện báo. 3. Vô thời. 4. Có thể đem. 5. Đến nắm biết. 6. Người trí tự biết.

Thiện thuyết, là các pháp Phật nói đúng như thật tướng của các pháp, như pháp bất thiện là nói tướng bất thiện, thiện là nói tướng thiện, gọi là thiện thuyết.

Hiện báo, là Phật pháp có thể được quả báo hiện tại, như trong kinh nói: Sớm mai thụ giáo, khiến chiều đắc đạo, chiều vì nói pháp khiến sáng ngày đắc đạo.

Lại hiện báo là như hiện tại trong Kinh Sa-môn Quả nói: Hiện được cung kính, danh tiếng, thiên định, thần thông, các việc lợi ích.

Lại nữa, Phật pháp đều có nghĩa lý, nên khiến được cung kính hiện đời, quả báo đời sau và quả báo Niết-bàn. Các pháp ngoại đạo không có nghĩa lý nên không được quả báo hiện tại và đời sau hưởng chi Niết-bàn, cho nên gọi là hiện báo.

Vô thời, là Phật pháp không đợi ngày tháng năm nào hay tinh tú cát hung mới được tu đạo, hay ngày tháng năm nào đó không được tu đạo. Không phải như pháp của Bà-la-môn là đầu xuân Bà-la-môn thụ pháp lửa, cuối xuân Sát-lợi thụ pháp lửa. Hoặc đợi mặt trời mọc, hoặc chưa mọc mới cúng dường lửa. Như thấy ngũ cốc đợi thời vụ

mới gieo trồng, rồi bảo Phật pháp cũng phải như vậy. Cho nên nói là Vô thời. Như trong kinh nói: Phật pháp dễ tu, đi đứng ngồi nằm không lúc nào không tu được.

Có thể đem, là vì nhờ chính hành nên có thể đem chúng sinh đến chỗ giải thoát, nên gọi là có thể đem.

Đến nếm biết, là Phật pháp cần phải tự thân tác chứng, không phải chỉ theo người khác, như Phật bảo các Tì-kheo: Các ông đừng chỉ tin lời ta, mà phải tự suy nghĩ pháp ấy nên tu hay không nên tu. Không phải như ngoại đạo bảo các đệ tử rằng: Hãy bỏ lối vấn đáp này, như người rửa sạch không thích bụi đất, phải chỉ theo lời ta như đũa điếc câm. Cho nên gọi là nếm biết.

Người trí tự biết, là lợi ích của Phật pháp, người trí tuệ mới có thể tin hiểu, còn pháp đoạn thực những người thô ngu tin ưa, chứ người trí không chấp nhận. Bởi chính trí tuệ có thể phá trừ phiền não. Những pháp như thế người trí mới hiểu. Tuy dùng vật thực đầy đủ nuôi thân mà nhất tâm tinh tiến tu trì, không nhiễm tham sân. Các việc như thế người trí hiện biết, như người lành bệnh tự nhiên biết được khỏi bệnh, như tương nước lạnh chỉ người uống mới biết.

Lại nữa, hoặc có quá ngữ pháp, như nói tướng cứng của đất. Cứng lấy gì làm tương? Không thể lấy lời nói đáp được, mà phải chạm đến mới biết. Cũng như có người mù bẩm sinh không thể nói cho người đó biết màu xanh vàng đỏ trắng được. Nếu người chưa thấm được khí vị Phật pháp thì không thể đem thật nghĩa Phật pháp mà bảo với người đó được, vì Phật pháp là pháp tịch diệt.

Lại nữa, Phật pháp có thể tự chứng biết chứ không thể đem chỗ chứng của mình trao cho người khác như đồ vật hay của cải. Như trong Kinh Bà-la-diên, Phật nói: Ta không thể tự dứt nghi cho ông để ông có thể chứng pháp của ta. Nghi của ông tự dứt lấy.

Lại nữa pháp ấy khi đến thân người khác thì không thể thấy được, như lửa đã truyền đi nơi khác.

Lại người phàm phu ngu nhân bị núi vô minh che ngăn nên không tin pháp này, như Phật nhân Sa-di A-di-la-việt nói thí dụ núi lớn. Cho nên nói người trí tự biết.

Lại nữa, Phật pháp rất sâu, khai thị thì cạn để dứt trừ hư vọng, lưu bố khắp người trời. Nói rất sâu, là Phật pháp rất sâu. Vì không biết nguyên nhân nên người đời phần nhiều chỉ thấy hiện quả, không thể biết nguyên nhân nên nói do trời Tự Tại v.v... do các thứ tà nhân. Mười hai pháp nhân duyên sâu xa khó hiểu. Người đời trí cạn đối với Phật pháp không có tướng sâu xa được nên không thể thông suốt các pháp nhân duyên, cho đến cộng cỏ nhỏ cũng do các nhân duyên. Suy nghĩ quan sát thì tướng nó càng trở nên sâu. Như Phật có nói: Các pháp nhân duyên, điều này rất sâu, ai hết lia diệt, và chỗ Niết-bàn, cũng là khó thấy.

Hỏi: Nếu nhân duyên rất sâu sao A-nan sinh nghĩ tưởng nông cạn?

Đáp: Có luận sư đã bảo rằng: Lời nói ấy không đúng. A-nan là bậc đại đệ tử thông đạt pháp tướng làm sao lại nói pháp nhân duyên là nông cạn?

Lại nếu đem tướng chung mà quán sát pháp nhân duyên nên sinh tưởng nông cạn. Bởi vì sao? Vì người ấy không khéo phân biệt mà quán nghiệp phiền não.

Lại nữa, như người đối với sở học đã được rôt ráo liền sinh lòng nghĩ cạn dễ, như khi được đại trí trở lại xem bài học ban đầu. Trái lại có người trí tuệ chưa thành tựu, đối với pháp rất sâu, sinh tưởng dễ dàng nông cạn.

Lại nữa, vì Phật khéo thuyết pháp nên hoặc có chúng sinh nghe liền sinh ý nghĩ cho là cạn dễ.

Lại Phật pháp đều không, vì lý không này rất sâu nên Phật dùng nhiều thứ nhân duyên thí dụ nói rõ nghĩa làm cho dễ hiểu, trẻ con cũng hiểu được, như Sa-di Tu-đa-da chẳng hạn.

Lại nữa, Phật pháp kiên cố, nên trong các lời nói rất là chân thật, không phải như những kinh Bà-la-đà-la-ma-diên chỉ có lời nói mà không có thật nghĩa. Như Phạm Chí Lô-đề thừa Thế Tôn rằng: Các Tì-kheo đối với pháp chân thật lợi ích tinh cần tu học thì được hết lậu.

Lại nữa, Phật pháp vì làm lợi ích cho tất cả người đời nên mới nói, chứ không phải như Bà-la-môn nói pháp Bà-la-môn chỉ có tự mình được đạo, người khác không được. Phật pháp là pháp tôn trọng, các vị Thiên vương là những người buông thả hưởng ngũ dục mà vẫn đến tín thụ. Vì các nhân duyên này, cho nên đáng kính lễ Pháp bảo.

Phẩm 8: MƯỜI HAI BỘ KINH

Lại nữa, Phật pháp phân biệt có 12 loại: 1. Tu-đa-la. 2. Kì-dạ. 3. Hòa-già-la-na. 4. Già-đà. 5. Ưu-đà-na. 6. Ni-đà-na. 7. A-ba-đà-na. 8. I-đê-viết-đa-già. 9. Xà-đà-già. 10. Tì-phật-lược. 11. A-phù-đa-đạt-ma. 12. Ưu-ba-đề-xá.

Tu-đa-la, là những lời nói thẳng.

Kì-dạ, là dùng kệ tụng lại Tu-đa-la, hoặc Phật tự nói, hoặc các đệ tử nói.

Hỏi: Vì sao phải dùng kệ tụng lại Tu-đa-la?

Đáp: Muốn cho nghĩa lý vững chắc, như dùng dây khâu hoa, thứ lớp chặt chẽ, lại muốn trau giồi lời lẽ, khiến người ưa thích, như rải hoa, hoặc cắm hoa khâu để trang sức.

Lại nữa, đưa nghĩa lý vào trong kệ thì tóm tắt dễ hiểu. Hoặc có chúng sinh ưa nói thẳng, hoặc thích kệ tụng.

Lại trước nói thẳng pháp, sau dùng kệ tụng thì nghĩa lý rõ ràng khiến lòng tin kiên cố.

Lại nghĩa được đưa vào trong kệ thì thứ lớp làm rõ cho nhau, dễ xung tán. Cho nên phải cần nói kệ.

Hoặc có người bảo: Phật pháp không nên tạo kệ vì giống lối ca vịnh. Lời nói ấy không đúng, vì Phật pháp cần nên tạo kệ. Sở dĩ vì sao? Vì Phật tự dùng kệ nói các nghĩa.

Lại như kinh nói: Tất cả các lời đẹp đẽ trong thế gian đều phát xuất từ pháp ta. Cho nên kệ tụng mới có lời đẹp đẽ.

Hòa-già-la-na, là các kinh có giải nghĩa thì gọi là Kinh Hòa-già-la-na. Nếu có kinh không đáp không giải như Tứ Vô Ngại chẳng hạn thì gọi là Tu-đa-la, kinh có vấn đáp gọi là Hòa-già-la-na, như nói có 4 hạng người: từ tối vào tối, từ tối vào sáng, từ sáng vào tối, từ sáng vào sáng. Hạng từ tối vào tối, là như những người bản tiện mà còn gây 3 ác nghiệp sẽ đọa vào ác đạo. Những kinh như thế gọi là Hòa-già-la-na.

Hỏi: Vì sao Phật nói kinh không đáp không giải?

Đáp: Có kinh nghĩa lý thâm sâu, nghĩa của kinh này sẽ nói riêng trong phần A-tì-đàm, cho nên không giải.

Hoặc có người nói: Phật nói kinh đều có giải nghĩa. Nhưng vì người kết tập Pháp bảo lựa kinh nào nghĩa thâm sâu đặt vào trong A-tì-đàm, như bởi 2 nhóm người kết tập trong hàng và ngoài hàng, trọn đem giải nghĩa. Nghĩa này nên ở trong nhóm kết sử.

Già-đà, là đệ nhị bộ thuyết Kì-dạ. Kì-dạ là kệ. Kệ có 2 thứ: một gọi là Già-đà, hai gọi là Lộ-già. Lộ-già lại có 2 thứ: một thuận phiên nào, hai không thuận phiên nào. Không thuận phiên nào là trong Kì-dạ gọi là Già-đà.

Trừ 2 thứ kệ này, ngoài ra các kinh không phải kệ, gọi là Ưu-đà-na.

Ni-đà-na, là các kinh nhân duyên. Sở dĩ vì sao? Vì chư Phật hay các bậc hiền thánh nói kinh pháp cần có nhân duyên. Nhân duyên của các kinh này hoặc ở trong Tu-đa-la, hoặc ở nơi khác, thì gọi là Ni-đà-na.

A-ba-đà-na, là nói có đầu đuôi thứ lớp, như trong kinh nói: Người trí nói thì có gốc ngọn, có thứ lớp, có nghĩa có giải không cho tán loạn. Đó gọi là A-ba-đà-na.

I-đế-việt-đa-già, là kinh nhân duyên và kinh thứ lớp. Nếu 2 kinh này ở quá khứ thì gọi là I-đế-việt-đa-già, tiếng Trung Quốc dịch là: Điều này đời quá khứ như vậy.

Xa-đà-già, là nhân việc hiện tại mà nói việc quá khứ. Như Lai tuy nói việc đời vị lai, nhưng điều này đều nhân quá khứ và hiện tại nên không nói riêng.

Tì-phật-lược, là kinh Phật nói rộng thì gọi Tì-phật-lược. Có người không tin bảo: Các bậc Đại Thánh, vì thích vắng lặng không ưa ồn ào, chán tạp ngữ thể gian, vì muốn nhỏ các gốc ưa vui, nên không ưa nói rộng. Như trong kinh nói: Có người chứng được đạo, hơn 2 tháng mới nói một lời. Vì muốn dứt nghi này nên nói có kinh nói rộng rất nhiều ích cho người khác. Như nói Như Lai có 2 lối thuyết pháp: một rộng hai sơ lược. Cố nhiên là rộng hơn sơ lược.

A-phù-đà-đạt-ma, là các kinh nói việc chưa từng có. Như nói các việc lạ khi kiếp hết như có đại biến, thân lượng các chư thiên, đại địa chấn động. Có người không tin các việc như vậy, cho nên nói có kinh nói việc chưa từng có. Hiện nghiệp quả báo, thể lực các pháp, không thể nghĩ bàn.

Ưu-ba-đề-xá, là như Đại Ca-chiên-diên v.v... là các bậc đại trí rộng giải lời Phật. Có người không tin cho là không phải Phật nói. Phật vì những người ấy cho nên nói có luận kinh. Kinh mà có luận thì nghĩa dễ hiểu.

Mười hai bộ kinh này là Phật pháp. Pháp Bảo đầy đủ công đức như thế, cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 9: LUẬN TĂNG BẢO, TRƯỚC TIÊN LÀ THANH TỊNH

Hỏi: Trước ông có nói nên kính lễ Tăng Bảo. Sao phải kính lễ?

Đáp: Ở nhiều nơi Phật tự khen ngợi Tăng. Tăng Bảo là giới phẩm thanh tịnh, định phẩm, tuệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm đều thanh tịnh, nên thỉnh nên lễ, chấp tay cung kính cúng dường thì thí chủ có thể được lợi ích, vì đó là ruộng phúc cao tốt.

Giới phẩm thanh tịnh, là các đệ tử Phật giữ giới không bị tí vết, cho đến bị lỗi nhỏ cũng rất ô mòng lo sợ.

Lại đệ tử Phật, không phải vì cầu phúc báo sinh về cõi người, cõi trời, cũng không phải vì lo sợ địa ngục, ngạ quỷ mà siêng có thể giữ giới, mà chỉ vì ưa thiện pháp nên gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, giữ tịnh giới chẳng hạn cuộc theo thời tiết, không như Bà-la-môn giữ giới 6 tháng, hay 1 đêm, cho đến rất ráo. Nên gọi là thanh tịnh.

Lại nữa, giữ tịnh giới lìa 2 bên, là xa lìa vui ngũ dục và lìa khổ nơi thân, cho nên gọi giới này được Thánh ưa mến, mà giới này cũng được người trí yêu chuộng.

Lại nữa, bởi tâm tịnh nên giới cũng thanh tịnh.

Lại bởi thâm tâm ngăn ác, chứ không phải giữ giới chỉ vì lo sợ đời sau, cho nên gọi Tăng Bảo là giới phẩm thanh tịnh.

Định phẩm thanh tịnh, là nhờ thiền định có thể sinh chân trí nên gọi thanh tịnh.

Tuệ phẩm thanh tịnh, là nhờ tuệ mới được hết phiền não, nên gọi thanh tịnh.

Giải thoát thanh tịnh, là như được hết các phiền não, không phải chỉ có thể ngăn chặn phiền não, nên gọi giải thoát thanh tịnh.

Giải thoát tri kiến thanh tịnh, là đối với các phiền não hết mà được trí tuệ là hết ngã sinh, chứ không phải chưa hết phiền não mà nói hết ngã sinh. Đó là giải thoát tri kiến thanh tịnh.

Nên thỉnh nên lễ nên cúng dường, là vì có thể đầy đủ các công đức như thế, cho nên cần cầu thỉnh kính lễ và cúng dường các bậc phúc điền ấy. Trong đó mà trồng phúc thì được quả báo vô lượng, cho đến khi các vị vào Niết-bàn cũng không thể hết được.

Có thể làm lợi ích thí chủ, là có thể khiến công đức của thí chủ tăng thêm lợi ích, như ruộng 8 công đức, làm tươi tốt ngũ cốc không cho hư hoại. Ruộng Tăng Bảo cũng vậy, vì thành tựu 8 công đức, nên có thể khiến thí chủ được tăng trưởng công đức. Cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 10: Phân biệt hiền thánh

Hỏi: Do pháp gì nên gọi là Tăng?

Đáp: Do 4 hành, 4 đức, và giới, định, tuệ các công đức thanh tịnh, nên gọi là Tăng.

Bốn hành, là hành Tu-đà-hoàn, hành Tu-đà-hàm, hành A-na-hàm, hành A-la-hán.

Bốn đức, là Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Hành Tu-đà-hoàn có 3 hạng người: 1. Tùy tín hành 2. Tùy pháp hành. 3. Tùy vô tướng hành.

Tín hành, là nếu người chưa được trí không vô ngã, vì tin Phật pháp thực hành theo lời Phật dạy gọi tín hành. Như trong kinh nói: Ta đối điều này vì tin nên làm. Nếu được chân trí thì không chỉ theo lòng tin mà làm. Như trong kinh nói: Biết người không làm, người không

tin, đó là Thượng nhân. Cho nên phải biết chưa được chân trí là Tùy tín hành. Như trong kinh nói: Nếu người đối với Pháp đem chút trí tuệ quan sát nhãn, lạc, gọi là Tín hành. Vượt khỏi bậc phạm phu, nhưng chưa chứng được quả Tu-đà-hoàn, trong thời gian ấy không bị mạng chết, gọi là Tín hành. Người này trong văn tư tuệ chính quán các pháp, tâm nhãn dục lạc, tuy chưa được trí không vô ngã mà có thể sinh tâm thế gian tương tự nhãn pháp, từ đây trở đi gọi là vượt khỏi bậc phạm phu. Sở dĩ vì sao? Sau sẽ nói rộng. Nếu không có tín v.v... 5 căn, thì người này còn ở ngoại phạm phu. Cũng người này lần hồi tu tập được noãn v.v... các pháp tu tuệ mà bản danh vẫn còn nên cũng gọi là Tín hành, vì hoàn toàn không kịp người Pháp hành. Kinh này nên nói cần phải chứng được quả Tu-đà-hoàn, chứ không nên nói không bị mạng chết. Sở dĩ vì sao? Vì người Tín hành hãy còn xa. Như trưởng giả Úc-già cúng dường chúng Tăng, có Thiên thần cáo thị cho biết vị này là A-la-hán, vị này là hành A-la-hán, cho đến vị này là Tu-đà-hoàn, vị này hành Tu-đà-hoàn. Nếu còn ở 15 tâm thì không có thể được cáo thị như vậy. Phải biết người hành Tu-đà-hoàn có gần có xa, gọi là Tín hành.

Người pháp hành, là người này được trí không vô ngã, mà còn ở trong pháp noãn, đánh, nhãn, thế đệ nhất, tùy thuận pháp hành, tu các pháp không vô ngã thì gọi là pháp hành. Hai hành nhân này nhập vào kiến đế đạo, thấy diệt đế, nên gọi là vô tướng hành. Ba hạng người này là hành quả Tu-đà-hoàn. Trong đạo thế tục vì không đoạn kết, nên không được gọi là hành. Còn 3 quả kia, sau sẽ nói.

Tu-đà-hoàn, như trong kinh Phật nói: Nếu người đoạn được 3 kết là thân kiến, nghi, giới thủ thì gọi là Tu-đà-hoàn, không đọa ác đạo, chắc chắn được chính trí, cùng cực đến 7 hữu.

Hỏi: Nếu Tu-đà-hoàn kiến đế, các phiền não đều đoạn hết, diệt được vô lượng khổ, như Kinh Địa Dụ nói, sao đây chỉ nói đoạn 3 kết ư?

Đáp: Vấn đề này sau sẽ nói rộng. Nghĩa là thân kiến hết, các thứ khác cũng hết theo. Còn không đọa ác đạo thì ra sau, trong phần nhóm nghiệp cũng sẽ nói rộng. Nói chắc chắn được chính trí, là người này được vào trong dòng pháp chắc đến Niết-bàn, như cây trôi giữa sông Hằng, lia 8 nhân duyên chắc chắn đến biển cả. Nói cùng cực 7 hữu, là người này trong 7 đời trí vô lậu sẽ thành thực, như Ca-la-la v.v... trong bào thai, cứ bảy ngày biến thành trạng thái khác.

Lại như uống các thứ tô lạc đến 7 ngày thì lành bệnh khó.

Lại như dòng họ giới hạn đến 7 đời.

Lại như thân người bị một thứ rắn độc cắn, vì sức của tứ đại chỉ đi được 7 bước và vì sức độc của nọc rắn nên không đi được bước thứ 8.

Lại pháp đối gạt cũng đến 7 đời.

Lại như đến khi 7 mặt trời xuất hiện là kiếp thiêu hết. Như vậy 7 đời chứa nhóm tuệ vô lậu đốt cháy hết phiền não.

Lại pháp ấy ứng với 7 hữu. Có Tu-đà-hoàn đời nay vào Niết-bàn, có đời thứ 2 thứ 3 cùng cực là đến đời thứ 7. Đó gọi là Tu-đà-hoàn.

Hành Tư-đà-hàm, là tư duy đoạn kết có 9 phẩm. Nếu đoạn 1, 2, cho đến 3, 4, 5, đó là người hành Tu-Đà-Hàm. Có người nói chỉ dùng 1 vô ngại đạo mà đoạn. Điều này không phải như vậy, vì trong kinh Phật nói phải đem vô lượng tâm mà đoạn trừ, như trong Kinh Phủ Kha Dự đã nói.

Lại hành giả Tư-đà-hàm còn có tên là Gia gia, là người này hoặc 2 hoặc 3 phen qua lại hoặc hiện thân này được vào Niết-bàn. Đó là hành giả Tư-đà-hàm.

Tư-đà-hàm, là chỉ còn đến nhân gian một phen rồi nhập Niết-bàn. Người này do tư duy đoạn được kết bạc, trụ trong bạc địa này gọi là Tư-đà-hàm. Tư-đà-hàm này, hoặc hiện đời này vào Niết-bàn.

Hành A-na-hàm, là nếu đoạn được kết phẩm thứ 7, thứ 8, người này đều gọi là hành A-na-hàm. Đoạn phẩm thứ 8 gọi là Nhất chủng. Người hành A-na-hàm, hoặc có người hiện đời này được vào Niết-bàn. Là hết 9 phẩm kết của cõi Dục nên được gọi là A-na-hàm. A-na-hàm này có 8 thứ sai khác. Như là có người do thân trung ấm nhập diệt, có người do sinh hữu nhập diệt, có người không hành nhập diệt, có người có hành nhập diệt, có người lên đến A-ca-ni-trá hành nhập diệt, có người đến Vô sắc xứ, có người chuyển thể nhập diệt, có kẻ do hiện đời nhập diệt. Tùy theo căn cơ thượng, trung, hạ nên có sai khác.

Trung ấm nhập diệt cũng có 3 thứ thượng căn, trung căn, hạ căn. Có A-na-hàm rất chán thế gian mà có chút chướng ngại nên hiện đời không được nhập diệt, người này khi ở trong thân trung ấm mới nhập diệt.

Sinh hữu cũng có 3 hạng là sinh diệt, hành diệt và không hành diệt. Sinh diệt, là khi sinh rất chán là sinh hữu liền vào Niết-bàn, gọi là sinh diệt, vì căn cơ lanh lợi. Hoặc có khi sinh xong, các pháp vô lậu đạo tự nhiên hiện tiền không cần gia hành siêng tu mà vào Niết-bàn, gọi là không hành diệt, vì căn cơ bậc trung. Hoặc có người sinh xong rất sợ việc thụ thân, siêng tu hành đạo mới vào Niết-bàn, gọi là hành diệt vì căn cơ chậm lụt.

Thượng hành diệt cũng có 3 hạng: Hoặc từ một nơi mạng chung, đến một nơi khác sinh, rồi bèn vào Niết-bàn, gọi là lợi căn. Hoặc từ 2, 3 nơi sinh gọi là trung căn. Tất cả nơi mạng chung, tất cả nơi sinh, gọi là độn căn. Từ Sơ thiên đến cõi trời Quảng Quả, gọi là quyết định. Đến cõi trời Quảng Quả rồi nếu sinh về cõi trời Tịnh Cư, người này không còn đến cõi Vô sắc xứ, vì ưa thích tuệ. Nếu vào Vô sắc xứ thì người này quyết không sinh về cõi trời Tịnh Cư, vì ưa thích định.

Chuyển thể, là hoặc đời trước chứng được quả Tu-đà-hoàn, hay quả Tư-đà-hàm; về sau chuyển thân lại chứng được quả A-na-hàm. Người này không vào cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hiện diệt, là người lợi căn số một, tức hiện thân này được vào Niết-bàn.

Lại có 2 hạng người: một là tín giải thoát, hai là kiến đắc. Hai hạng này vì căn cơ có sai khác, như người học nhân độn căn trong tư duy đạo gọi là tín giải thoát. Lợi căn là kiến đắc. Nếu A-na-hàm đủ 8 pháp giải thoát gọi là thân chứng, các hạng này đều là người hành A-la-hán vì đồng đoạn kết. Nếu đoạn diệt tất cả phiền não gọi là A-la-hán. A-la-hán có 9 hạng: 1. Thoái tướng. 2. Thủ tướng. 3. Tử tướng. 4. Khả tiến tướng. 5. Trụ tướng. 6. Bất hoại tướng. 7. Tuệ giải thoát tướng. 8. Cầu giải thoát tướng. 9. Bất thoái tướng. Các bậc A-la-hán này vì chứng được Tín v.v... các căn nên có sai khác nhau.

Người rất độn căn gọi là thoái tướng, là thoái lui mất Tam-muội. Vì thoái lui Tam-muội nên trí tuệ vô lậu không thể hiện tiền. Thủ tướng, là người có chút căn cơ khá hơn, nếu gìn giữ Tam-muội thì không thoái mất, mà không giữ thì mất. Tiền thoái tướng, là trước kia dầu có cố giữ cũng thoái lui mất. Tử tướng, là người này căn cơ lại khá hơn chút nữa; rất chán các hữu, người này vì không thể được Tam-muội nên trí tuệ vô lậu khó được hiện tiền, giả sử được nhưng vui mừng rồi cũng mất, nên tự tìm lấy cái chết. Trụ tướng, là nếu được Tam-muội, nhưng không tiến không lui gọi là Trụ tướng. Ba hạng trước là ở trong thoái phần Tam-muội, còn trụ tướng này ở trong trụ phần Tam-muội. Khả tiến tướng, là nếu được Tam-muội thì tăng thêm bền chắc, người này trụ ở trong tăng phần Tam-muội. Bất hoại tướng, là được Tam-muội rồi các thứ nhân duyên không thể làm hư hoại. Người này trụ ở đạt phần Tam-muội, vì trí tuệ rất sắc bén nên khéo lấy Tam-muội nhập vào tướng trụ khởi nên không thể hoại. Do diệt tận định nên có 2 hạng người không được định này gọi là Tuệ giải thoát. Được định này gọi là cầu giải thoát. Bất thoái tướng, là những công đức được đều không thoái mất, như trong kinh nói: Phật bảo các Tì-kheo: Nếu đệ tử ta đem giường chõ ta, ta trước đã được, đều không lui mất.

Chín hạng như vậy gọi là vô học nhân. Trước có 18 học nhân và 9 vô học là 27 hạng người, tất cả gọi là ruộng phúc của thế gian. Trong Tăng Bảo có đầy đủ công đức cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 11: Ruộng phúc

Hỏi: Do những gì mà các hiền thánh này được gọi là ruộng phúc?

Đáp: Dứt hết tham, sân si và các phiền não nên gọi ruộng phúc. Như nói không trừ bỏ thứ cỏ giống như lúa, thì hại cây lúa. Cho nên cúng thí người vô dục được quả báo lợi lớn.

Lại người này tâm không, nên gọi ruộng phúc. Sở dĩ vì sao? Vì không tướng nên các phiền não tham, sân si không khởi, không sinh ác nghiệp.

Lại các hiền thánh chứng được pháp bất tác nên gọi là ruộng phúc.

Lại các người này thiền định đã được v.v... đều thanh tịnh, vì đã vĩnh viễn lìa các phiền não lớn nhỏ.

Lại xả bỏ hết sự buồn vui nên gọi ruộng phúc.

Lại có thể dứt trừ 5 thứ trói buộc tâm, nên tâm được thanh tịnh gọi là ruộng phúc.

Lại nữa, thành tựu 8 thứ ruộng công đức.

Lại dùng 7 thứ định cụ khéo giữ nơi tâm.

Lại có thể tận diệt 7 thứ lậu nên không còn các lầm lỗi.

Lại đầy đủ các giới hạnh, 7 pháp thanh tịnh.

Lại được thành tựu 8 công đức của hạnh thiếu dục và tri túc.

Lại có thể vượt qua bờ bên kia, và đang siêng năng có thể cầu độ, nên gọi là ruộng phúc. Như trong kinh nói: Chỉ có thể phát tâm muốn tu thiện pháp còn được nhiều lợi ích, hưởng chi là tu hành. Các

hiền thánh này thường hành thiện pháp nên gọi ruộng phúc. Như trong kinh nói: Có người thí chủ nào cúng dường Tì-kheo có tri giới, vị ấy nhận cúng dường rồi nhập vô lượng định, người thí chủ được phúc vô lượng. Trong chúng có người nhập vô lượng Tam-muội, vô tướng Tam-muội, vô động Tam-muội có thể khiến thí chủ được quả báo vô lượng, nên gọi ruộng phúc.

Lại như trong kinh nói: Ba việc hòa hợp nên được phúc lớn. Một là có lòng tin, hai là vật thí, ba là ruộng phúc. Với trong chúng Tăng, người có nhiều công đức, đối với người có công đức ấy dễ sinh lòng tin.

Lại nữa, cúng chúng Tăng đủ 9 nhân duyên nên được quả báo lớn, và cúng chúng Tăng là vì người thụ thanh tịnh nên người thí chắc chắn được thanh tịnh.

Lại cúng thí có 8 thứ: Có tâm thanh tịnh ít, vật thí cũng ít, thí cho người phá giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí nhiều, thí cho người phá giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí cũng ít, thí cho người giữ giới. Có tâm thanh tịnh ít, vật thí nhiều, thí cho người trì giới. Có tâm thanh tịnh nhiều, thí 4 thứ vật cũng như vậy. Ở trong chúng Tăng cúng thí chắc chắn được thành tựu hoặc 2 hoặc 3. Tất cả người thiện đều nhờ chúng Tăng mà tăng thêm công đức, nhiên hậu mới tùy ý nguyện hồi hướng Bồ-đề. Và nhờ đem vật thí Tăng này đều sẽ được quả giải thoát ở trong sinh tử quyết không thể hết.

Lại đem thí chúng Tăng đều vì trang nghiêm tâm.

Lại nữa, nếu đối với một vị Tăng sinh lòng tin thanh tịnh hoặc có khi có thể hoại, nhưng đối với chúng Tăng lòng tin thanh tịnh quyết không hư hoại.

Lại đối với một người sinh lòng ái kính hoặc không được rộng, mà đối với chúng Tăng sinh lòng tin kính thì tâm được rộng lớn vì cảnh duyên nhiều vô lượng.

Lại nữa, cúng thí vì muốn tất cả người vào Tăng số, vì tâm rộng lớn nên được quả báo cũng lớn.

Do các duyên như trên nên các hiền thánh này gọi là ruộng phúc. Cho nên đáng kính lễ.

Phẩm 12: CÁT TƯỜNG

Bởi Tam Bảo này có công đức đầy đủ nên kinh nói đến trước.

Lại nữa, ngôi Tam Bảo này với tất cả thế gian là điều tốt lành thứ nhất. Như trong kệ Cát tường nói Phật, Pháp và chúng Tăng gọi là rất tốt lành.

Lại có các kinh lấy tốt lành làm tăng tuổi thọ muôn năm cho người mới học đạo được tiếng tăm đồn khắp, đó là ý kiến của người tác kinh, như dùng các chữ A Đà trước đầu kinh, đây không phải là tướng tốt lành, sau sẽ nói rộng. Nếu người nào muốn cầu điều rất tốt lành thứ nhất chính là Tam Bảo. Cho nên phải qui y. Như bài kệ Cát tường nói:

*Phật là bậc Đại giác,
Đấng Đạo sư cao tột,
Trong các cõi trời, người,
Đó là rất tốt lành.
Nếu ai đối với Phật,
Vững lòng tin không động,
Vâng giữ giới thanh tịnh,
Đó là rất tốt lành.
Xa lìa người ngu si
Gần gũi người có trí,
Người đáng kính thì kính,
Đó là rất tốt lành.*

Cho nên phải kính lễ Tam Bảo vì rất tốt lành. Tôi trước phải nói rõ.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 2

Phẩm 13: LẬP LUẬN

Nay muốn luận giải Phật pháp lợi ích thế gian, vì Phật đem tâm đại bi làm lợi ích cho tất cả thế gian nên nói pháp này rộng không biên giới. Như hoặc có người chỉ vì dòng họ Bà-la-môn mà nói kinh giải thoát. Phật nói kinh đều vì độ thoát 4 phẩm loại chúng sinh cho đến loài súc sinh cũng không giới hạn.

Hỏi: Không nên tạo luận để luận giải lời Phật. Sở dĩ vì sao? Nếu Phật tự luận thì nên gọi là luận, nếu Phật không luận thì người khác không nên luận. Sở dĩ vì sao? Vì khó hiểu thấu ý thú của bậc Nhất thiết trí, không biết nói việc ấy để làm gì. Nếu không hiểu được ý Phật, mà nói ra tức là tự hại. Như trong kinh nói: Có 2 hạng người hủy báng Phật, một là vì không tin, ganh ghét nên hủy báng, hai là tuy có tin lời Phật nói, nhưng không thể lãnh thụ chắc chắn cũng là hủy báng Phật. Dù có chân trí mà không hiểu ý Phật, còn không nên luận giải lời Phật nói, huống là chưa được chân trí mà muốn tạo luận luận giải ý Phật ư? Sở dĩ vì sao? Như trong Kinh Dị Luận, Phật vì xúc nên nói việc như vậy. Các Tì-kheo có nhiều luận nghị khác nhau đều không đúng ý Phật.

Lại như trưởng lão Đại Ca-chiên-diên bảo các Tì-kheo rằng: Như người đốn cây đại thụ, bỏ hẳn thân gốc, mà chỉ lấy cành lá. Các

người cũng vậy, bỏ rời Như Lai mà hỏi ta ư? Như Đại Ca-chiên-diên trong luận nghị mà thí dụ mình như cành lá hưởng chi người khác làm sao hiểu được lời Phật.

Lại Phật hỏi Xá-lợi-phất: Thế nào là học nhân? Thế nào là số pháp nhân? Ba phen hỏi mà không đáp được.

Lại nữa, Phật là cội gốc của tất cả các pháp, duy Phật mới hiểu, các người khác không thể hiểu được.

Lại khi A-nan bạch Phật rằng: Trong đường đắc đạo gặp thiện tri thức là được nửa phần lợi ích. Cũng có lý. Sở dĩ vì sao? Vì phải nhờ 2 nhân duyên chính kiến mới được sinh, một nghe từ người khác, hai tự mình chính niệm. Phật bảo A-nan: Chỉ gặp được thiện tri thức, thế là đầy đủ lợi ích đắc đạo cho mình rồi.

Lại như Phật nói: Nếu ta vì ông nói pháp, mà người ấy không hiểu ý ta nên sinh việc tranh luận. Nay các luận sư, mỗi người đều chấp theo ý mình. Hoặc cho quá khứ vị lai có pháp, hoặc có người cho là không. Phải biết các luận sư ấy chấp như vậy là vì không hiểu Như Lai tùy cơ thuyết pháp nên sinh tranh luận.

Lại như A-nan vì Tam-ma-đề mà nói các thụ đều là khổ. Bấy giờ, Phật bảo các Tì-kheo rằng: Các ông xem A-nan hãy còn lờ mờ nghĩa ấy.

Lại có các luận sư bảo: A-la-hán nên thụ cúng dường trước. Có Tì-kheo không hiểu liền đến hỏi Phật. Phật bảo: Ở trong pháp ta, người xuất gia trước nên thụ cúng dường. Việc ăn uống là thường mà còn không biết hưởng chi ý Như Lai nói pháp vi diệu. Vì các lẽ nói trên, cho nên không nên tạo luận.

Đáp: Không phải vậy. Sở dĩ vì sao? Vì có nhân duyên nên có thể biết ý người khác, như trong kệ nói: Có thể biết ý người thuyết giả hướng về nơi nào, cũng biết thuyết giả muốn nói việc gì. Có 2 thứ

đạo: Thánh đạo và Thế gian đạo. Vấn đề này sau sẽ nói rộng. Nhờ 2 đạo này nên được biết ý thuyết giả.

Lại nữa, trong Kinh Dị Luận Phật cũng vẫn cho tạo luận.

Lại như Ca-chiên-diên và các vị đại luận nghị, đã lĩnh hội được ý Phật, nên Phật đều khen ngợi.

Lại các Tì-kheo như Ưu-đà-di, Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na đều muốn xin tạo luận Phật pháp. Phật nghe liền cho ngay. Bởi Phật pháp thâm diệu, ai hiểu thì tạo mà không hiểu thì thôi. Như vậy ngoài ra các câu hỏi, Phật là cội gốc các pháp đều lấy đây làm câu trả lời chung.

Lại nữa, cần nên tạo luận. Sở dĩ vì sao? Vì, nếu kinh mà có tạo luận thì ý nghĩa dễ hiểu, Pháp Bảo được tồn tại ở đời bền lâu.

Lại Phật đã cho tạo luận, như trong kinh nói: Phật bảo Tì-kheo tùy ý tạo luận nhưng nên khéo thụ trì. Cho nên trong Tu-đa-la lấy nghĩa mà lập luận, riêng gọi là Dị Bộ, cho nên phải tạo luận.

Lại như Phật vì các chúng sinh đáng độ nên nói các môn luận nghị thế gian, như bọn Sa-đề không hiểu nổi nên tâm họ mê loạn. Nghĩa là bọn Sa-đề Tì-kheo chủ trương sinh tử vãng lai thường là một thức. Phật mới nói các pháp như vậy. Nếu không luận nghị làm sao giải thích được? Bởi các duyên nói trên, nên phải tạo luận.

Phẩm 14: CÁC MÔN LUẬN

Luận có 2 môn: 1. Thế giới môn. 2. Đệ nhất nghĩa môn. Do thế giới môn nên nói có ngã. Như trong kinh nói: Ta thường tự đề phòng, làm thiện tự được thiện, làm ác tự được ác.

Lại trong kinh nói: Tâm thức là thường.

Lại nói: Trọn đêm tu tâm, chết được sinh lên cõi trên.

Lại nói: Tác giả khởi nghiệp, tác giả tự chịu.

Lại nói: Chúng sinh nào đó sinh về nơi nào đó v.v... Như vậy đều do thế giới môn mà nói.

Đệ nhất nghĩa môn, là đều nói Không, nói Vô. Như trong kinh nói: Trong 5 ám này không có ta và vật sở hữu của ta. Tâm như gió như ngọn lửa, sinh diệt từng mỗi niệm, tuy có các nghiệp và quả báo của nghiệp, nhưng tác giả và thụ giả đều bất khả đắc. Như Phật do nhân duyên 5 ám liên tục tiếp nối nên nói có sinh tử.

Lại có 2 thứ luận môn: 1. Thế tục môn. 2. Hiền thánh môn. Thế tục môn, là do thế tục nên nói thán hết. Kỳ thật thán không hết. Như bà mẹ Ma-già-la xưng với con dâu là mẹ nhưng kỳ thật không phải mẹ. Như trong kinh nói: Lười có khả năng biết vị, nhưng đó là do thiết thức biết vị chứ không phải cái lười biết vị. Như nói người giáo dân là người bị khổ. Thực ra đây cũng là thức biết khổ, chứ không phải người thụ khổ. Như người bản tiện mà đặt tên là Phú Quý. Phật cũng tùy người mà gọi Phú Quý.

Lại Phật gọi ngoại đạo Bà-la-môn cũng gọi Sa-môn.

Lại như các dòng Sát-lợi, Bà-la-môn, Phật cũng tùy tục gọi họ là tôn quý.

Lại như một đồ vật, tùy theo mỗi nước mà có tên gọi khác. Phật cũng tùy theo mà gọi.

Lại như Phật nói: Đây là lần chót ta thấy thành Tỳ-da-ly. Những lời nói như vậy đều tùy theo thế tục mà nói gọi là Thế tục môn.

Hiền thánh môn, là như trong kinh nói: Do nhân duyên sinh thức, mắt v.v... các căn giống như biển cả.

Lại như kinh nói: Chỉ có âm, giới và nhập các duyên hòa hợp, chứ không có tác giả và thụ giả.

Lại nói tất cả khổ. Như trong kinh nói: Người đời nói vui, thánh nhân nói khổ. Trái lại thánh nhân nói khổ, người đời nói vui.

Lại có thuyết, nói không, vô tướng gọi là Hiền thánh môn. Và còn có Ba thời luận môn là nếu trong điều này nói là sắc, nếu sắc đã từng có, sẽ có, nay có, đều gọi là sắc. Thức cũng như vậy, nếu thức đã từng biết, sẽ biết, nay biết, đều gọi là thức. Các điều như trên, đều gọi là Ba thời luận môn.

Lại nữa, hoặc có luận môn, là nếu có xúc chắc chắn do 6 nhập, chứ không phải tất cả 6 nhập đều làm nhân cho xúc. Nếu có ái chắc chắn do nơi thụ, không phải tất cả thụ đều làm nhân cho ái. Hoặc nói nhân đầy đủ, như xúc là nhân duyên cho thụ. Hoặc nói nhân không đầy đủ, như thụ làm nhân duyên cho ái mà không vô minh. Hoặc có dị thuyết, như trong kinh nói: Tâm hoan hỷ thì thân khoan khoái. Tam thiên không hỷ, thân cũng có khoan khoái.

Lại nói khoan khoái là thụ lạc. Tứ thiên có khoan khoái mà không có thụ lạc. Đó gọi là dị thuyết.

Lại có thông suốt và bế tắc 2 thứ luận môn. Như trong kinh nói: Nếu có người khởi hành đi đến tháp để cúng dường, giữa đường bị chết, liền được sinh lên trời. Đó gọi là thông suốt.

Lại kinh khác nói: Người gây nghịch tội không được sinh lên trời. Đó gọi là bế tắc.

Lại trong kinh nói: Người thụ các thứ dục không điều ác nào không gây. Đó gọi là thông suốt. Bạc Tu-đà-hoàn tuy còn thụ các thứ dục, mà không hay gây nghiệp nhân đọa ác đạo. Đó gọi là bế tắc.

Lại trong kinh nói: Do mắt duyên sắc mới sinh nhãn thức. Đó gọi là thông. Nếu vậy thì nên duyên tất cả sắc đều sinh nhãn thức, nhưng không phải vậy.

Lại trong kinh nói: Do tai duyên tiếng sinh nhĩ thức, mà không sinh nhãn thức. Đó gọi là tắc.

Lại nữa, đã nói thông, tắc đều có đạo lý không hoại pháp tướng.

Lại có 2 thứ luận môn: Một quyết định, hai không quyết định. Quyết định là như nói Phật bậc Nhất thiết trí. Lời Phật nói ra gọi là chân diệu pháp. Chúng đệ tử của Phật gọi là người chính hạnh.

Lại nói tất cả pháp hữu vi v.v... đều vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt, Niết-bàn. Các pháp môn như thế thì gọi là quyết định. Không quyết định, là như nói ai chết cũng đều sinh. Thế là bất định; vì có ái thì sinh, hết ái thì diệt.

Lại trong kinh nói: Nếu được tâm định đều sinh thật trí. Đây cũng bất định, vì thánh nhân được định có thể sinh thật trí mà ngoại đạo được định thì không thể sinh trí.

Lại như kinh nói cầu gì đều được. Đây cũng bất định. Hoặc được hoặc không được. Như nói 6 nhập chắc chắn có thể sinh xúc, cũng là bất định. Hoặc khi có sinh hoặc khi không sinh. Các điều như thế gọi là Bất định môn.

Lại như hữu vi không phải luận môn. Như nói hoa thơm cỏ lạ không xông nghịch gió.

Lại nói hoa Câu-tì-la có thể nghịch gió nghe mùi, vì là hoa người nên nói nghịch gió không nghe, vì là hoa trời nên nói xông nghịch gió.

Lại nói có 3 sự cảm thụ là cảm thụ khổ, cảm thụ vui và cảm thụ không khổ không vui.

Lại các kinh khác nói có bao nhiêu cảm thụ đều là khổ. Có 3 thứ khổ là Khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Vì nghĩa này nên mới nói có bao nhiêu thụ tất cả đều khổ.

Lại nói khổ này có 3 thứ là mới, cũ, vừa. Thụ mới thì vui, lâu chán thì khổ, vừa thì không khổ không vui.

Lại nói vì người đã đắc đạo nên gọi là đạo nhân, người chưa đắc đạo cũng gọi là đạo nhân. Có những nhân nương nhau như vậy mà được tên gọi.

Lại còn có Cận luận môn, như Phật bảo Ti-kheo: Ông dứt hý luận thì được Nê-hoàn. Tuy chưa được liền, nhưng vì gần được nên cũng gọi là được.

Lại có Đồng tướng luận môn, như nói một việc mà các việc khác đồng nhau, đều gọi là đã nói.

Lại như Phật nói tâm là nhẹ nhàng tức là đã nói các tâm số pháp khác.

Lại có Tùng đa luận môn, như Phật nói: Nếu người không biết tướng sinh diệt của 2 thứ kiến chấp, người ấy còn gọi đều có tham dục, nếu ai biết được thì gọi được ly dục. Người Tu-đà-hoàn cũng biết tướng sinh diệt của 2 kiến mà còn tham dục, nhưng bởi là người biết được phần nhiều là người ly dục.

Lại nữa, có thứ luận môn trong nhân nói quả, như nói thí thực là cho 5 việc: Mạng sống, sắc đẹp, sức mạnh, niềm vui và biện tài. Kỳ thật không cho mạng sống v.v... 5 việc kia chỉ cho cái nhân.

Lại như nói ăn tiền. Tiền không thể ăn được, chỉ nhờ tiền mà được cái ăn, nên gọi là ăn tiền đó thôi.

Lại như kinh nói: Nữ nhân cầu ướ. Kỳ thật không phải cầu ướ, bởi tham đắm các cầu ướ phiền não, do đó mà gọi cầu ướ.

Lại nói 5 trần là dục, mà thật không phải dục; vì nó hay sinh dục, mới gọi nó là dục.

Lại nhân duyên vui, gọi là vui. Như nói lấy pháp tập hợp người, người này là vui.

Lại nhân duyên khổ, gọi đó là khổ, như nói ở chung với người ngu, gọi đó là khổ. Như nói quá khổ quá vui.

Lại nói mạng sống là nhờ vật mạng, như trong kệ nói: Cửa tư sinh đều là ngoại vật của mạng sống, như cướp vật của người, gọi là cướp mạng.

Lại nói lậu nhân gọi là lậu, như Kinh Thất Lậu nói: Trong đây 2 thứ là thật lậu, ngoài ra 5 thứ kia là nhân duyên cho lậu mà thôi.

Lại trong quả nói nhân, là như Phật nói: Ta phải chịu nghiệp đời trước. Nghĩa là lãnh lấy nghiệp quả. Như thế có rất nhiều luận môn đều cần phải biết hết.

Phẩm 15: KHEN NGỢI

Nên học luận này. Sở dĩ vì sao? Vì học tập luận này được pháp của người trí. Như trong kinh nói: Đời có 2 hạng người, một là người trí, hai là người ngu. Nếu không khéo phân biệt các pháp ám, giới, các thứ nhập, 12 nhân duyên và nhân quả gọi là người ngu. Nếu khéo phân biệt được các pháp ám, giới nhập thì gọi là người trí. Nay trong luận này chính là phân biệt giải rõ các pháp ám, giới, nhập, cho nên nhờ luận này nên không gọi là phàm phu.

Lại có 2 hạng người: một là phàm phu, hai là không phải phàm phu. Như nói tuy cạo râu tóc, mặc pháp phục, thụ oai nghi Phật, mà còn cách xa Phật pháp là vì không thành tựu các căn như tín v.v... Nếu người có thể thành tựu các căn như tín v.v... tuy là cư sĩ tại gia mà không gọi là phàm phu. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người. Có người vào Tăng oai nghi mà không vào Tăng số, có người ở trong Tăng số mà không có Tăng oai nghi, có người vào Tăng oai nghi và vào Tăng số, có người không có Tăng oai nghi, cũng không phải Tăng số. Hạng đầu gọi là xuất gia phàm phu, hạng tiếp theo gọi là tại gia thánh nhân, hạng thứ 3 gọi là xuất gia thánh nhân, hạng thứ tư gọi là tại gia phàm phu. Do đó mới biết lìa các căn tín v.v... thì không vào Tăng số. Cho nên phải vì các căn tín v.v... siêng tu tinh tiến. Muốn được tín v.v... các căn cần phải đối với Phật pháp nghe học lãnh thụ đọc tụng như thuyết tu hành. Cho nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Lại nữa, từ luận này được 2 thứ lợi là tự lợi, lợi tha. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người là có người tự lợi không lợi tha, có người lợi tha không hay tự lợi, có người lợi cả hai, có người không lợi cả hai. Nếu có thể tự đầy đủ các công đức giới mà không thể làm cho người trụ trong giới, đều gọi là tự lợi. Như vậy 4 hạng, nếu người tuy có khả năng tự lợi lại làm cho người khác tu bố thí v.v... được quả báo lớn, cũng gọi là lợi tha. Trong đây ý Phật không nói lợi này. Nếu người chỉ vì người khác nói pháp thì gọi là lợi tha. Người ấy tuy không tự tùy pháp hành, nhưng vì người nói pháp nên mình cũng được lợi. Như trong kinh nói: Vì người nói pháp được 5 thứ lợi. Trong đây ý Phật cũng không nói lợi này. Trong này chỉ nói lợi đệ nhất cao tốt, nghĩa là như thuyết tu hành sẽ được hết các thứ lậu. Cho nên nói pháp có thể làm lợi cho người khác. Vì là gồm lợi, nên gọi là hơn cả trong mọi người, như vị đề hồ so với các vị khác.

Lại nữa, người này đang ở chỗ sáng, sau cũng vào chỗ sáng. Chúng sinh trong thế gian, phần nhiều từ chỗ tối, vào chỗ tối. Nếu tu chút ít Phật pháp, người này cũng có thể từ tối vào sáng. Sở dĩ vì sao? Vì tu bố thí được lợi không bằng lợi nghe Phật pháp. Nếu được nghe chút ít lời Phật nói có thể được đạt tuệ, phá các suy não, được lợi ích vô lượng. Như trong kinh nói: Có 4 hạng người, có người từ tối vào tối; có người từ tối vào sáng; có người từ sáng vào sáng; có người từ sáng vào tối.

Lại có 4 hạng người, có người thuận dòng; có người nghịch dòng; có người trụ giữa dòng; và có người được qua khỏi dòng. Nếu người nhất tâm nghe Phật pháp, người ấy liền trừ được 5 thứ ngăn che, tu 7 thứ giác ý. Cho nên người này ngăn được dòng sinh tử, gọi là nghịch dòng, cũng gọi là trụ, cũng được gọi là qua khỏi dòng.

Lại có 4 hạng người, có người chìm luôn, có người tạm ngoi đầu lên rồi chìm lại, có người được ngoi lên xem, và có người được vượt qua. Nếu không thể sinh các công đức đức tùy thuận Nê-hoàn

như tín v.v... thì gọi là chìm luôn. Hoặc sinh các công đức thế gian như tín v.v... mà không thể bền chắc, vừa sinh liền lại lui mất, gọi là tạm ngoi lên liền chìm, sinh khởi các công đức tùy thuận Nê-hoàn như tín v.v... và phân biệt thiện ác, gọi là ngoi đầu lên xem, và đầy đủ tu tập các công đức tùy thuận Nê-hoàn như tín v.v... thì gọi là người được vượt qua. Nếu người có thể hiểu chính nghĩa Phật pháp, hoàn toàn không chìm mất, giả sử có tạm thời thoái lui cũng không mất vĩnh viễn, là vì người này gọi là người tu công đức. Nếu người không tu thân giới tâm tuệ dù làm ác nghiệp ít cũng bị đọa ác đạo. Nếu người có tu tập thân giới tâm tuệ, dẫu gây nhiều ác, vẫn không vào ác đạo. Người tu thân, nhờ văn tuệ mà tu thân thụ tâm pháp. Vì tu thân nên dần dần có thể sinh các phẩm giới, định, tuệ, có thể diệt các nghiệp. Vì các nghiệp diệt nên sinh tử cũng diệt theo.

Lại như trong kinh nói có 4 hạng người: Có hạng kết sử nhay bén mà không sâu. Có hạng sâu mà không nhay bén. Có hạng cũng sâu cũng nhay bén và có hạng không sâu không nhay bén. Hạng đầu tiên gọi là có tầng thượng kết, vì thường thường đến. Hạng kế gọi là nhuyển trung kết, thường đến ở tại tâm. Hạng 3 gọi là như tầng thượng kết, thường đến ở tại tâm. Hạng 4 gọi là như nhuyển trung kết thảnh thoảng mới đến.

Nếu người được nghe chính luận Phật pháp, thì dứt được 2 thứ kết sâu mà nhay bén và hiểu rõ chính nghĩa Phật pháp thì không những không nã hại mình mà cũng không nã hại người khác nữa. Ngoại đạo giữ giới tức là tự nã hại thân, nếu lạc vào tà kiến tức hại người khác nữa, vì cho rằng không có tội phúc nghiệp nhân quả báo gì cả. Nếu tu bố thí thì cũng hại mình hại người, như trong các miếu thờ trời, sát hại biết bao nhiêu bò dê. Nếu hiểu được nghĩa Phật pháp thì được lợi ích là không hại mình và không hại người khác, như người được thiên định tu hạnh từ bi. Cho nên cần phải học tập luận Phật pháp này.

Lại như người học luận này, là có thể cùng trao đổi, vì đã hiểu đúng nghĩa. Như trong kinh nói: Nếu khi luận nghị, cần phân biệt là nên cùng nghị luận hay không nên cùng nghị luận. Nếu người không trụ trong pháp của người trí, không trụ trong xứ phi xứ, hoặc không trụ trong phân biệt và không trụ trong đạo thì những người ấy đều gọi không nên cùng nghị luận. Nếu trái lại các thứ trên gọi là có thể cùng nghị luận. Không trụ trong pháp của người trí, là luận giả lấy chính trí tuệ khéo giải nghĩa thú, nhiên hậu mới chấp dụng. Người ấy không biết thì không chấp. Như các phái Ni-kiền tử tự nói: Thầy ta là người đáng tin. Nhưng đó chỉ theo lời nói suông mà thôi. Không trụ xứ phi xứ, là không trụ trong dụng nhân. Các ngoại đạo đối với 2 thứ nhân là nhân chung và nhân khác. Nếu có người hỏi nhân chung, thì họ lấy nhân khác đáp. Hoặc có người hỏi nhân khác, thì lại lấy nhân chung đáp. Thế là không trụ trong 2 thứ nhân như vậy. Không trụ trong phân biệt, là không trụ trong thí dụ. Không trụ trong đạo là không trụ đạo luận nghị. Như nói luận giả đừng thốt ra lời thô ác, đừng bỏ nghĩa tông, chỉ nên nói lời phương tiện thiệt lợi khuyến dụ khiến người tỏ ngộ tự tâm vui mừng gọi là Thánh ngữ pháp. Trong đây nếu luận giả là người hiểu biết chính nghĩa Phật pháp mới nên cùng luận, ngoài ra đều không phải.

Lại có người không nên cùng nghị luận. Có lỗi nên dùng quyết định để đáp câu hỏi thì lấy bất định đáp, nên dùng phân biệt đáp câu hỏi thì lấy bất phân biệt đáp, nên chất vấn lại để đáp câu hỏi thì không chất vấn lại mà đáp, nên bỏ không đáp câu hỏi mà đáp chứ không bỏ. Trái lại với các thứ trên thì gọi là nên cùng nghị luận.

Nên định đáp câu hỏi, là duy có một nhân. Như Phật Thế Tôn người đời không sánh bằng. Cứ như đây mà suy rộng ra.

Nên phân biệt đáp câu hỏi, là lại có các nhân duyên như chét rồi lại nối tiếp nhau.

Nên chất vấn lại đáp câu hỏi, là như có người hỏi mình, mình hỏi lại bắt người ấy đáp.

Nên bỏ không đáp câu hỏi, là như pháp không có thật thể, chỉ có giả danh. Nếu hỏi pháp này là một hay là khác, là thường hay là vô thường v.v..., đó là nghĩa không đáp, vì duy có người nào hiểu Phật pháp mới có thể biết được. Cho nên phải cần học tập luận Phật pháp này.

Lại có 3 hạng người: chính định, tà định và bất định. Người chính định quyết vào Nê-hoàn, người tà định quyết không vào Nê-hoàn, ngoài ra gọi là bất định. Nếu người có thể hiểu nghĩa Phật pháp, thì quyết vào chính định.

Lại có 4 hạng người: thuần tội, nhiều tội, ít tội và không tội. Thuần tội là như người chỉ có bất thiện mà không có một pháp thiện, nhiều tội là nhiều ác ít thiện, ít tội là nhiều thiện ít ác, và không tội là chỉ có thiện pháp mà không có bất thiện. Nếu người nào có thể hiểu chính nghĩa Phật pháp quyết được vào 2 hạng ít tội và không tội.

Lại nữa, nếu người hiểu nghĩa Phật pháp thì chịu khổ có hạn, vì quyết sẽ được đến Niết-bàn.

Phẩm 16: BỐN PHÁP

Lại nữa, nếu học tập luận này được thượng nhiếp pháp. Như trong kinh nói: Có 4 nhiếp pháp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng lợi. Bố thí là áo cơm các vật, đem các vật này bố thí để nuôi nhiếp chúng sinh, nhưng vẫn bại hoại. Ái ngữ là tùy theo ý mà nói, mà cũng có lỗi vì thủ lấy ý người kia. Lợi hành là mình cầu lợi vì người khác, như có cơ hội giúp người thành sự, cũng bị hư hoại. Đồng lợi là như đi chung một thuyền, buồn vui cùng nhau, cũng hoặc có khi hoại. Nếu người đem pháp mà bố thí, mà ái ngữ, mà lợi hành và đồng lợi để nhiếp hóa chúng sinh thì không thể hư hoại, vì đem pháp mà nhiếp hóa là học tập luận này.

Lại nữa, học tập luận này sẽ được chỗ y chỉ cao. Như trong kinh nói: Y theo pháp không y theo người. Có người tuy nói: Tôi theo Phật nghe pháp, hoặc theo Tì-kheo nhiều tri thức mà nghe, hoặc theo nghe hai ba Tì-kheo, hoặc nghe trong đại chúng, hoặc ở bên các Đại đức tôn túc mà được nghe. Không nên tin những người này mà liền lãnh thụ những lời nói của họ. Nếu lời nói của họ ăn nhập trong Tu-đa-la, không trái pháp tướng, tùy thuận Tì-ni nhiên hậu mới nên lãnh thụ. Nói ăn nhập trong Tu-đa-la là đúng vào trong liễu nghĩa khế kinh. Liễu nghĩa khế kinh là nghĩa lý không trái với pháp tướng. Pháp tướng là tùy thuận Tì-ni. Tì-ni gọi là Diệt. Như quán pháp hữu vi là Thường, là Lạc, là Ngã, là Tịnh thì không diệt được tham sân si v.v... Nếu quán pháp hữu vi là vô thường, khổ, không vô ngã thì diệt được tham v.v... Biết được vô thường v.v... gọi là biết pháp tướng. Cho nên y pháp không nên y người. Như nói y pháp thì đã gồm hết tất cả pháp. Cho nên tiếp theo nói y kinh liễu nghĩa chứ không y kinh không liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa tức là đệ tam y nghĩa là y nơi nghĩa, không y nơi lời nói. Nếu lời nghĩa này ăn nhập trong Tu-đa-la, không trái với pháp tướng, tùy thuận Tì-ni, ấy là y chỉ. Y trí bất y thức, nói thức là biết sắc v.v... các pháp. Như trong kinh nói: Có thể biết nên thức trí là thông đạt thật pháp. Như trong kinh nói: Như thật tức là biết sắc, thụ, tưởng, hành và thức cho nên nói là trí. Như thật tức là không. Cho nên thức có chỗ sở đắc, vì thế không nên y. Nếu y nơi trí, tức là y nơi không. Muốn thông đạt pháp thượng y chỉ đây, nên cần phải học tập luận này.

Lại như trong kinh nói: Trời, người có 4 điều có thể tăng trưởng thiện pháp: 1. Ở chỗ thiện. 2. Y người thiện. 3. Tự phát chính nguyện. 4. Đòi trước đã trồng thiện căn. Ở chỗ thiện là ở giữa nước, được xa lìa 5 nạn. Y người thiện là sinh được gặp Phật ra đời. Đòi trước đã trồng thiện căn là không bị điếc, câm và các tật khác. Tự phát chính nguyện là chính kiến. Nhờ theo học nghe Phật pháp mà sinh chính kiến. Cho nên cần phải học tập chính luận Phật pháp này.

Lại nữa, người nào tụng tập luận này, trong tuổi thọ được lợi ích lớn và kiên cố. Như trong kinh nói: Có 4 kiên pháp: Thuyết kiên, định kiên, kiến kiên, giải thoát kiên. Thuyết kiên là như nói tất cả pháp hữu vi đều là vô thường, khổ, tất cả vô ngã, tịch diệt Nê-hoàn thì gọi là thuyết kiên, đây là văn tuệ đầy đủ. Nhờ đây mà được định, đây là tư tuệ đầy đủ.

Lại nhờ định này mới quán pháp hữu vi là vô thường, khổ v.v... mới được chính kiến, gọi là tu tuệ đầy đủ. Được quả của 3 tuệ thì gọi là giải thoát kiên.

Lại như được học nghe chính luận Phật pháp thì được lợi lớn. Như trong kinh nói 4 pháp lợi ích lớn là gần gũi người thiện, lắng nghe chính pháp, tự chính nghĩ nhớ, tùy thuận pháp hành. Nếu gần người thiện thì được nghe chính pháp, vì chính pháp ấy ở nơi người thiện. Nghe chính pháp rồi thì sinh chính niệm. Đem vô thường v.v... chính quán các pháp. Nhờ chính quán này, có thể tùy pháp hành, tức được kiến giải vô lậu.

Lại được nghe luận này thì đủ 4 thứ đức xứ là tuệ đức xứ, thật đức xứ, xả đức xứ, tịch diệt đức xứ. Nghe pháp sinh tuệ là tuệ đức xứ. Nhờ trí tuệ này thấy được chân đế không, là thật đức xứ. Vì thấy chân không, nên được lìa phiền não là xả đức xứ. Vì hết phiền não tâm được tịch diệt là tịch diệt đức xứ.

Lại nữa người được nghe chính luận Phật pháp thì trông được 4 thứ thiện căn tùy thuận Nê-hoàn đó là noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, và thế gian đệ nhất pháp. Vì khi đem vô thường v.v... các hạnh quán 5 ấm sinh tùy thuận Nê-hoàn là hạ noãn thiện căn, có thể khiến tâm nóng nên gọi là noãn pháp. Noãn pháp tăng trưởng thành trung thiện căn gọi là đánh pháp. Đánh pháp tăng trưởng thành thượng thiện căn gọi là nhẫn pháp. Nhẫn pháp tăng trưởng thành thượng thiện căn gọi là thế gian đệ nhất pháp.

Lại có 4 thứ thiện căn là thoái phần, trụ phần, tăng phần và đạt phần. Lìa các thiện định mà lễ kính đọc tụng, các thiện căn này gọi là

thoái phần. Được các thiện căn thiên định, gọi là trụ phần. Từ nghe nghĩ v.v... sinh các thiện căn gọi là tăng phần. Vô-lậu thiện căn, gọi là đạt phần. Nếu được nghe Phật pháp thì hẳn lia thoát phần được 3 phần thiện căn sau.

Phẩm 17: BỐN ĐẾ

Nếu người được nghe nghĩa Phật pháp thì có thể biết phân biệt rõ 4 đế là khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Khổ đế là 3 cõi. Cõi Dục là từ địa ngục A-tì đến cõi Tha Hóa Tự Tại. Cõi Sắc là từ cõi Phạm Thế đến cõi trời A-ca-ni-tra. Cõi Vô sắc là 4 Vô sắc.

Lại có 4 sắc xứ là sắc, thụ, tưởng, hành. Các ngoại đạo hoặc cho thức nương nơi Thần mà tồn tại. Do đó nên Phật nói thức nương 4 chỗ này.

Lại có 4 loài sinh là loài sinh trứng, sinh thai, sinh do âm ướt, sinh do biến hóa. Tất cả trời và địa ngục là hóa sinh. Ngạ quỷ thuộc 2 thứ là thai sinh và hóa sinh. Ngoài ra gồm đủ 4.

Lại có 4 cách ăn gọi là sủy thực, xúc thực, ý tư thực, thức thực. Sủy thực là hoặc thô hoặc tế, như cơm v.v... là thô, dầu mỡ hương khí và các thứ uống là tế. Xúc thực là lạnh, nóng, gió v.v... Ý tư thực là hoặc có người nhờ nghĩ muốn mà mạng được sống. Thức thực là thân trung ấm và địa ngục, vì các chúng sinh này không có thân sắc chất; những người vào diệt tận định, tuy không hiện thức, mà thức vẫn tồn tại nên cũng gọi là thức thực.

Lại có 6 đạo. Thượng tội là địa-ngục. Trung tội là súc sinh. Hạ tội là ngạ quỷ. Thượng thiện là thiên đạo; trung thiện là nhân đạo, hạ thiện là A-tu-la đạo.

Lại có 6 thứ, là địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Bốn đại bao vây nhau trống không, có thức nương ở trong đó, thường gọi là người.

Lại có 6 xúc nhập, là mắt v.v... 6 căn cùng với thức hòa hợp, gọi là xúc nhập.

Lại có 7 chỗ của thức. Trong đó vì sức điên đảo nên thức ham thích trụ ở đó.

Lại thể gian có 8 pháp là lợi, suy, xung, cơ, hủy, dự, khổ và lạc. Người thể gian chắc chắn phải chịu các điều này nên gọi là thể pháp. Còn có 9 chỗ chúng sinh ở. Chúng sinh đều bởi sức điên đảo cho nên có thể ở nơi đây.

Lại có 5 thứ để phân biệt các pháp, là 5 âm, 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên và 22 căn. Năm âm là nhãn sắc là sắc âm. Nương đây sinh thức có thể thủ tiền sắc gọi là thức âm. Ngay khi tâm sinh nghĩ tưởng nam, nữ người oán người thân đều gọi là tưởng âm. Nếu phân biệt biết oán thân hay người không phải oán thân, rồi sinh 3 thứ thụ gọi là thụ âm. Trong 3 thứ thụ này sinh 3 thứ phiền não gọi là hành âm. Bởi điều này mà sinh 3 thứ phiền não gọi là hành âm. Bởi điều này mà sinh khởi nhân duyên thụ thân gọi là 5 thụ âm. Do 4 duyên thức mới được sinh, là nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên. Lấy nghiệp làm nhân duyên, thức là thứ đệ duyên. Do thức thứ lớp sinh thức nên sắc là duyên duyên, nhãn là tăng thượng duyên. Trong đây thức do 2 nhân duyên sinh, như nhãn sắc cho đến ý pháp gọi là 12 nhập. Trong đây thêm thức gọi là 18 giới, nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới v.v...

Âm này và các pháp làm sao sinh được?

Ở trong 12 nên gọi là 12 nhân duyên. Trong đây vô minh là phiền não, hành là nghiệp. Nhân 2 điều này thứ lớp sinh thức, danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ, ái, thủ, 2 pháp gọi là phiền não. Còn hữu gọi là nghiệp. Lúc ban đầu lãnh thụ thân thức trong đời vị lai, gọi đó là sinh, ngoài ra gọi là lão tử. Mười hai nhân duyên này hiển thị có quá khứ vị lai và hiện tại. Nhưng vì các duyên nương nhau sinh khởi nên không có ngã.

Lại vì sinh tử vãng lai hoàn diệt nên nói có 22 căn. Tất cả chúng sinh, khi ban đầu thụ thân lấy thức làm gốc. Thức này có 6 thứ. Từ nhãn v.v... sinh nên gọi là 6 căn, như nhãn căn cho đến ý căn. Có thể sinh 6 thức nên gọi là 6 căn. Có thể phân biệt tướng nam nữ nên gọi là nam căn nữ căn. Có người cho đó là phần ít của thân căn. Sáu căn này hoặc gọi là 6 nhập. Do 6 thứ này sinh 6 thứ thức nên gọi là thọ mạng. Sở dĩ vì sao? Là 6 nhập, 6 thức này được liên tục sinh nên gọi là thọ mạng. Dứt sự liên tục này gọi là chết. Cho nên Điều này gọi đó là thọ mạng.

Trong đây những gì làm căn? Đó gọi là nghiệp. Vì do nghiệp nên 6 nhập 6 thức mới được liên tục sinh. Ở trong thọ mạng này nghiệp gọi là mạng căn. Nghiệp này từ các thứ lãnh thụ sinh. Các thứ thụ tức là lạc v.v... 5 căn. Do 5 căn này sinh tham ái v.v... tất cả phiền não và thân, khẩu nghiệp. Nghiệp nhân duyên này lại chịu lấy sinh tử, ấy là pháp cấu uế, có thể khiến nhân duyên sinh tử nối nhau.

Vậy lấy nhân duyên gì có thể sinh tịnh pháp?

Chắc chắn phải do tín v.v.... Tín v.v... 4 pháp nhân duyên thành tuệ. Tuệ có 3 là chưa biết, muốn biết, đã biết. Như khi tu tập hay ra làm việc gì, căn này đều là sai biệt của trí tuệ. Phật lấy sinh tử, vãng lai, hoàn diệt, cấu tịnh nên nói có 22 căn. Các pháp như vậy đều thuộc về khổ đế. Người nào có thể biết đây thì gọi khéo biết khổ đế.

Tập đế là nghiệp và phiền não. Về nghiệp, sẽ nói trong Phẩm nghiệp. Phiền não cũng sẽ nói trong Phẩm phiền não. Các nghiệp phiền não là nhân duyên của thân sau, nên gọi là tập đế.

Diệt đế là cũng sẽ nói rộng hơn trong nhóm diệt đế, là giả danh tâm, pháp tâm, không tâm. Diệt 3 thứ tâm này nên gọi là diệt đế.

Đạo đế là 37 phẩm trợ Bồ-đề pháp, là 4 niệm xứ, 4 chính căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 Bồ-đề phần, và 8 Thánh đạo phần.

Bốn niệm xứ, là thân, thụ, tâm, pháp. Trong chính an niệm và từ niệm sinh tuệ, quán thân vô thường v.v... rồi an trụ trong cảnh duyên, gọi là thân niệm xứ. Do niệm và tuệ này lần lượt tăng thêm có thể phân biệt để lãnh thụ, gọi là thụ niệm xứ. Và càng tăng thêm tâm thanh tịnh có thể phân biệt, gọi là tâm niệm xứ. Có thể đem chính hành phân biệt các pháp, gọi là pháp niệm xứ.

Bốn chính cần, là nếu ác pháp bất thiện đã sinh, thấy có tội lỗi, vì để dứt trừ nên mới sinh muốn siêng có thể tinh tiến. Đoạn phương tiện gọi là tri kiến. Do ác pháp bất thiện chưa sinh. Vì để không sinh nên mới sinh muốn siêng năng tinh tiến. Để không sinh phương tiện tức là tri kiến. Do thiện pháp chưa sinh, vì muốn sinh mới sinh siêng năng tinh tiến. Sinh phương tiện tức là tri kiến. Do thiện pháp đã sinh, vì để tăng trưởng nên muốn siêng năng tinh tiến. Vì 3 lực thượng, trung, hạ phương tiện thứ lớp và bất thoái chuyển.

Bốn như ý túc, là muốn thành tựu diệu hạnh Tam-muội, nên tu như ý phần. Vì muốn sinh Tam-muội, gọi là dục Tam-muội. Muốn tinh tiến, tín, hỷ, ức niệm, an tuệ, tư, xả, hết v.v... các diệu pháp này cộng thành, gọi là diệu hạnh thành tựu. Công đức tăng trưởng nên gọi là như ý túc. Vì muốn tăng trưởng nên gọi là tinh tiến. Đó gọi là thứ 2. Có hành giả muốn có tinh tiến nên mới tu tập định tuệ. Được tâm Tam-muội, tức là định. Tư duy Tam-muội tức gọi là tuệ.

Năm căn, là nghe pháp sinh lòng tin, gọi là tín căn. Tin rồi vì muốn dứt cấu pháp để chứng tịnh pháp nên mới siêng năng phát khởi tinh tiến, gọi là tinh tiến căn. Tu 4 niệm xứ, gọi là niệm căn. Nhờ niệm căn thành Tam-muội, gọi là định căn. Nhờ định sinh tuệ, gọi là tuệ căn. Năm căn này tăng trưởng có sức mạnh, gọi là 5 lực.

Tám thánh đạo phần, là từ nghe sinh tuệ có thể tin 5 ấm là vô thường, khổ v.v... gọi là chính kiến. Tuệ này hoặc từ suy nghĩ mà sinh, gọi là chính tư duy. Do chính tư duy dứt các pháp bất thiện, tu

tập các thiện pháp, phát sinh hạnh tinh tiến, gọi là chính tinh tiến. Từ đây mới lần lượt đi xuất gia, thụ giới được 3 thứ đạo phần là chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng. Nhờ chính giới này làm thành niệ̣m xự́ và các thứ thiền định. Nhân nhờ niệ̣m định này được trí như thật gọi là 8 Thánh đạo phần. Theo thứ lớp là như vậy. Và trong 8 Thánh đạo phần, giới phải đứng đầu. Sở dĩ vì sao? Vì nghĩa trong phẩm giới định tuệ là thứ lớp như vậy. Chính niệ̣m, chính định, gọi là định phẩm. Tinh tiến thường đi khắp tất cả chỗ. Tuệ phẩm là cận đạo nên sẽ nói sau. Tuệ này có 2 thứ, hoặc thô hoặc diệu. Thô là văn tuệ tư tuệ, gọi là chính tư duy. Diệu là tu tuệ tức là vào trong các pháp noãn đảnh. Có thể phá giả danh và pháp 5 âm, gọi là chính kiến. Do chính kiến này mà thấy 5 âm diệt, gọi là sơ nhập đạo. Từ đây tiếp được 7 pháp Bồ-đề phần. Niệ̣m Bồ-đề phần là người học nếu mất niệ̣m thì khởi phiền não nên phải buộc niệ̣m ở chỗ thiện. Mà buộc được niệ̣m thì trước tiên là được chính kiến, đó gọi là trạch pháp. Không bỏ trạch pháp gọi là tinh tiến. Lúc tu tinh tiến, phiền não giảm thiểu, tâm sinh vui mừng, nên gọi là hỷ. Vì tâm vui nên thân được khoan khoái, nên gọi là sảng khoái. Thân sảng khoái được vui, vui thì tâm định. Định này khó được nên gọi là kim cương định. Được quả không chấp đắm, dứt buồn vui v.v..., thì gọi là xả. Đây gọi là thượng hành, không chìm đắm, không bộc phát, tâm được bình đẳng nên gọi là xả. Bồ-đề gọi là vô học trí. Tu 7 pháp này có thể được Bồ-đề, gọi là Bồ-đề phần.

Tu 37 phẩm này được 4 quả Sa-môn. Quả Tu-đà-hoàn là thông đạt được pháp không. Do không trí này có thể dứt 3 kết sử. Quả Tu-đà-hàm là cũng tu đạo này được làm mỏng phần phiền não trong cõi Dục, chỉ còn 2 lần sinh tử nữa là xong. Quả A-na-hàm là có thể dứt tất cả phiền não của cõi Dục. Quả A-la-hán là dứt tất cả phiền não. Nếu ai tu tập được chính luận Phật pháp này thì có thể thông đạt 4 đế, được 4 quả Sa-môn. Cho nên cần phải tu tập chính luận Phật pháp này.

Phẩm 18: CÁC NHÓM PHÁP

Lại nữa người học tập luận này thì thông đạt được các nhóm các pháp khả tri. Vì thông đạt nên tà luận của ngoại đạo không thể tấn công được, và cũng có thể mau diệt được phiền não, tự mình lìa khổ và cũng cứu độ được người khác. Các nhóm các pháp khả tri là pháp tri, pháp khả thức, gồm: Pháp sắc, pháp vô sắc. Pháp thấy được, pháp không thấy được. Pháp có đối, pháp không đối. Pháp hữu lậu, pháp vô lậu. Pháp hữu vi, pháp vô vi. Pháp tâm, pháp phi tâm. Pháp tâm số, pháp phi tâm số. Pháp tâm tương ưng, pháp tâm không tương ưng. Pháp tâm cộng hữu, pháp tâm không cộng hữu. Pháp tùy tâm hành, pháp không tùy tâm hành. Pháp bên trong, pháp bên ngoài. Pháp thô, pháp tế. Pháp trên, pháp dưới. Pháp gần, pháp xa. Pháp thụ, pháp phi thụ. Pháp xuất, pháp phi xuất. Pháp chung với phàm phu, pháp không chung với phàm phu. Pháp theo thứ tự, pháp không theo thứ tự. Pháp có thứ tự, pháp không có thứ tự. Các pháp như vậy là đi từng đôi 2 pháp.

Lại có pháp đi theo bộ 3 như: Pháp sắc, pháp tâm, pháp tâm không tương ưng. Pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại. Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký. Pháp học, pháp vô học, pháp phi vô học. Pháp kiến đế đoạn, pháp tư duy đoạn, pháp vô đoạn. Các pháp như vậy là đi theo bộ 3.

Lại có các pháp đi theo bộ 4 như: Pháp buộc cõi Dục, pháp buộc cõi sắc, pháp buộc cõi vô sắc, pháp không buộc.

Lại có 4 đạo là khổ khó tu đạo, khổ dễ tu đạo, vui khó tu đạo, vui dễ tu đạo.

Lại có 4 ý vị là xuất vị, ly vị, tịch diệt vị, chính trí vị.

Lại có 4 chứng pháp là tâm chứng pháp, niệm chứng pháp, nhãn chứng pháp, tuệ chứng pháp và 4 thụ thân, 4 nhập thai, 4 duyên, 4 tin. 4 thánh chủng. 4 ác hành. Như vậy v.v... là loại 4 pháp. 5 ám. 6

chúng. 6 nội nhập. 6 ngoại nhập, 6 sinh tính. 6 hỷ hành. 6 ưu hành. 6 xả hành. 6 diệu hành. 7 tịnh. 8 phúc sinh. 9 thứ tự diệt. 10 thánh xứ. 12 nhân duyên.

Các nhóm các pháp khả tri như vậy nhiều vô lượng vô biên không thể nói hết. Nên tôi nay chỉ lược nêu cương yếu mà thôi. Pháp khả tri là đệ nhất nghĩa đế. Pháp khả thức là thế đế. Pháp sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Pháp vô sắc là tâm và vô tác pháp. Pháp có thể thấy là sắc nhập. Pháp có đối là sắc pháp. Pháp hữu lậu là nếu pháp ấy có thể sinh các thứ lậu, như phi A-la-hán tâm trong pháp giả danh. Pháp hữu vi là do các duyên sinh khởi, tức là 5 ấm. Pháp vô vi là diệt sạch 5 ấm. Pháp tâm là có thể duyên. Pháp tâm số là nếu thức được cảnh duyên tức thì thứ tự sinh tướng v.v... Pháp tâm tương ưng là thức được cảnh duyên thứ tự ắt sinh khởi, như tướng v.v... Pháp tâm cộng hữu là pháp và tâm đôi bên có chung, như sắc và tâm không tương ưng hành. Pháp tùy tâm hành là nếu pháp có tâm thì sinh, không tâm thì không sinh, như thân, khẩu vô tác nghiệp. Pháp bên trong là 6 thứ nhập bên trong của thân thể. Pháp thô tế là đối đãi với nhau mà có, như quán 5 dục sắc định là tế, quán vô sắc định thì sắc định là thô. Pháp trên dưới cũng như vậy. Pháp gần xa là hoặc phương khác cho nên xa, hoặc không tương tự nên xa. Pháp thụ là từ thân sinh ra pháp. Pháp xuất là pháp thiện. Pháp chung với phạm phu là pháp hữu lậu. Pháp thứ tự là từ cái khác mà thứ tự sinh ra. Pháp có thứ tự là có thể sinh thứ tự. Pháp sắc là sắc v.v... 5 pháp. Pháp tâm là như trước đã nói. Pháp tâm không tương ưng hành là vô tác nghiệp. Pháp quá khứ là pháp đã diệt rồi. Pháp vị lai là pháp sẽ sinh. Pháp thiện là pháp làm lợi ích các chúng sinh và chân thật trí. Trái với pháp trên đây là pháp bất thiện. Trái với cả 2 điều trên là pháp vô ký. Pháp học là pháp người học tâm vô lậu. Pháp vô học là pháp đệ nhất nghĩa tâm của người vô học. Ngoài ra gọi là phi học phi vô học. Pháp kiến đế đoạn, là pháp Tu-đà-hoàn đoạn được hiện tướng ngã mạn và từ đây sinh ra. Pháp tu

duy đoạn, là pháp Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm đoạn được ngã mạn không hiện tướng và từ đây sinh ra. Pháp không đoạn là vô lậu. Pháp hệ thuộc cõi Dục là nếu pháp đem lại quả báo địa ngục A-tì cho đến trời Tha Hóa Tự Tại. Pháp hệ thuộc cõi Sắc là từ cõi Phạm Thế cho đến cõi trời A-ca-ni-tra. Pháp hệ thuộc cõi Vô sắc là 4 cõi Vô sắc. Pháp không hệ thuộc là pháp vô lậu. Khổ khó tu đạo là người độn căn được định để tu đạo. Khổ dễ tu đạo là người lợi căn được định để tu đạo. Vui khó tu đạo là người độn căn được tuệ để tu đạo. Vui dễ tu đạo là người lợi căn được tuệ tu đạo. Xuất vị là xuất gia cầu đạo. Ly vị là thân tâm xa lìa. Tịch diệt vị là được thiền định. Chính trí vị là thông đạt 4 đế. Pháp niệm chứng là 4 niệm xứ. Nhờ niệm xứ này nên có thể sinh 4 thứ thiền, gọi là thân chứng. Thông đạt 4 đế, gọi là tuệ chứng.

Bốn thân chịu là có người tự hại mình mà người khác không hại được, có người bị người khác hại mà mình không tự hại, có người tự hại, người khác cũng hại mình được, có người không hại, người khác cũng không hại được.

Bốn nhập thai, là người không tự niệm vào thai, cũng không tự niệm trụ thai, xuất thai. Có người tự niệm vào thai trụ thai mà không tự niệm xuất. Có người tự niệm vào thai, trụ thai, xuất thai. Vì tâm điên đảo tán loạn nên không tự niệm nhớ. Tâm minh chính không loạn nên có thể tự niệm nhớ.

Bốn duyên, là nhân duyên, sinh duyên, tập nhân, và y nhân. Sinh nhân là nếu pháp khi sinh có thể cùng làm nhân cho cái khác, như nghiệp làm nhân cho quả báo. Tập nhân là như tập luyện tham dục thì tham dục ngày càng tăng trưởng. Y nhân là như tâm và tâm số pháp nương sắc hương v.v... gọi là nhân duyên.

Thứ đệ duyên là như tiền tâm pháp diệt nên hậu tâm mới được thứ lớp sinh.

Duyên duyên là như từ duyên sinh pháp, như sắc có thể sinh nhãn thức.

Tăng thượng duyên là các pháp duyên khác giúp cho pháp ấy khi sinh.

Bốn tín, là tin Phật là bậc chân trí. Đối với Phật quyết định sinh tâm thanh tịnh, vì trí Phật đối với chúng sinh là cao cả. Tin chân trí này tức là tin Pháp. Người được trí này đối với tất cả chúng sinh rất là đệ nhất, gọi là tín Tăng. Được giới thánh sở ái, tức là đem tâm tâm không gây các ác nghiệp, tự biết mình nhờ giới này có thể tín Tam Bảo, vì tin sức mạnh của giới nên gọi là tín giới.

Bốn Thánh chủng, là nhờ 4 thứ Thánh chủng này nên không bị ưa muốn áo mặc làm ô nhiễm, không bị những ưa muốn uống ăn, chỗ nằm cho thân làm ô nhiễm nên gọi là 4 Thánh chủng.

Bốn ác hành là vì tham nên sân, nên khiếp sợ nên si, nên bị đọa trong ác đạo.

Năm âm, gồm sắc âm là sắc v.v... 5 pháp. Thụ âm là pháp có thể duyên. Tướng âm là pháp có thể phân biệt giả danh. Hành âm là pháp có thể sinh thân sau. Thức âm là duy chỉ có thể biết trần pháp.

Sáu chủng gồm địa chủng, là sắc, hương, vị và xúc hòa hợp. Tướng cứng nhiều gọi là địa chủng. Tướng ẩm ướt nhiều gọi là thủy chủng. Tướng nóng nhiều gọi là hỏa chủng. Tướng nhẹ nhiều gọi là phong chủng. Không có sắc tướng gọi là không chủng. Có thể duyên pháp, nên gọi là thức chủng.

Sáu nội nhập, gồm nhãn nhập là 4 đại hòa hợp làm chỗ nương cho nhãn thức gọi là nhãn nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân nhập cũng như vậy. Ý nhập là tâm.

Sáu ngoại nhập, gồm sắc nhập là cảnh bị duyên của nhãn thức vậy. Thanh, hương, vị, xúc và pháp nhập cũng như vậy.

Sáu sinh tính, là người hắc tính có thể tập luyện hắc pháp nhưng cũng tập luyện bạch pháp và hắc pháp nữa. Người bạch tính cũng như vậy.

Sáu hỷ hành, là y nơi lòng tham.

Sáu ưu hành, là y nơi lòng sân.

Sáu xả hành, là y nơi lòng si.

Sáu diệu hành, là thật trí tuệ.

Bảy tịnh, gồm: Giới tịnh là giới luật nghi. Tâm tịnh là được thiên định. Kiến tịnh là đoạn được thân kiến. Độ nghi tịnh là đoạn được nghi kết. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là đoạn được giới thủ. Hành tri kiến tịnh là tư duy đạo. Hành đoạn tri kiến tịnh là vô học đạo.

Tám phúc sinh, là người giàu sang trong loài người cho đến sinh ở cõi Phạm Thế. Trong đây được các vui phúc báo nhiều hơn hết, nên nói 8 phúc sinh.

Chín thứ tự diệt, là vào được sơ thiên diệt ngôn ngữ; vào nhị thiên diệt giác quán, vào tam thiên diệt hỷ, vào tứ thiên diệt hơi thở ra vào, hư không xứ diệt sắc tướng, thức xứ diệt vô biên hư không tướng, vô sở hữu xứ diệt vô biên thức tướng, phi tướng phi tướng diệt vô sở hữu tướng, và vào diệt tận định diệt được thụ và tưởng.

Mười Thánh xứ, là Thánh nhân đoạn 5 pháp, thành tựu 6 pháp, giữ 1 pháp, y 4 pháp, diệt nguy đế, bỏ các cầu mong, không suy nghĩ vẫn đục, lìa các thân hành, khéo được tâm giải thoát, khéo được tuệ giải thoát, việc làm đã xong, và cô đơn không bạn bè. Đoạn 5 pháp là đoạn 5 phần thượng kết, được quả A-la-hán, vì tất cả kết đều dứt hết, tu 6 pháp diệu hành, nhẫn v.v... các tình thức đối với sắc v.v... các trần cảnh không buồn không vui, cũng không ngu si. Giữ một pháp là buộc quán niệm nơi thân. Y 4 pháp là khát thực v.v... pháp 4 y.

Lại có người nói y 4 pháp là Thánh nhân có pháp viễn ly, có pháp thân cận, có pháp trừ diệt, có pháp nhẫn thụ. Thanh tịnh trì giới, nên có thể đạt thật tướng, gọi là lìa nguy đế. Dứt tất cả kiến hoặc gọi

là được sơ quả. Bỏ các cầu mong là dục cầu, hữu cầu và Phạm hạnh cầu. Được sơ quả nên mới biết các pháp hữu vi đều là hư dối. Muốn bỏ 3 thứ cầu, được Kim cương Tam-muội rồi, mới bỏ việc học đạo. Bây giờ mới gọi là bỏ được hết các thứ cầu mong, không suy nghĩ vẫn đục là diệt được 6 thứ giác, tâm được thanh tịnh, có thể làm mỏng 3 độc, chứng quả thứ 2, diệt trừ được tham ái, chứng quả thứ 3, gọi là không suy nghĩ vẫn đục. Lìa các thân hành là trừ được mấy thứ kết ở cõi Dục, được 4 thiên, gọi là lìa thân hành. Được tận trí, nên gọi là khéo được tâm giải thoát. Được vô sinh trí, nên gọi là khéo được tuệ giải thoát. Các bậc Thánh nhân tâm an trụ 10 chỗ này, nên gọi là 10 Thánh xứ. Việc làm Phật pháp chắc chắn phải hết khổ, nên gọi là việc làm đã xong. Xa lìa phàm phu và các bậc học nhân, gọi là không bạn bè. Tâm lìa các pháp, an trụ tất cánh không, nên gọi là cô đơn.

Mười hai nhân duyên, tức vô minh nghĩa là theo giả danh, do tâm điên đảo này mới có thể nhóm các nghiệp, cho nên gọi là vô minh duyên hành. Vì thức theo nghiệp, nên có thể thụ thân, gọi là hành duyên thức. Sau khi thụ thân gọi là danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ. Các chi phần này tùy thời tăng trưởng. Khi lãnh thụ các thụ, nương dựa giả danh nên có thể sinh ái. Bởi ái sinh bao nhiêu phiền não, nên gọi là thủ. Ái thủ làm nhân duyên cho hữu, đây gọi là 3 chi phần. Do các nghiệp nhân duyên phiền não này, trong đời sau mới sinh. Từ nhân duyên sinh mới có già chết v.v.... Trong đây như nói vô minh và các hành nghiệp là nói rõ có đời quá khứ để khiến dứt chấp thường kiến, biết từ vô thủy sinh tử qua lại, do nghiệp phiền não nhân duyên mà thụ thân. Như nói sinh tử là nói rõ có đời vị lai để khiến dứt chấp đoạn kiến. Nếu không được chân trí thì sinh tử không có giới hạn, chỉ có quả báo đau khổ. Như nói 8 chi phần trung gian là rõ pháp hiện tại, chỉ do các duyên nối nhau mà sinh chứ không có pháp chân thật. Trong đây vô minh và các hành nghiệp là nhân duyên đời trước. Kết quả của nhân duyên này là thức, danh sắc, 6 nhập, xúc và thụ. Do 5

thứ nhân duyên này mới sinh khởi ái, thủ và hữu, là cái nhân đời vị lai. Kết quả của nhân duyên này là sinh, lão và tử. Nếu như lãnh thụ các thứ thụ, trở lại sinh ái và thủ. Vì vậy cho nên 12 chi phần này luân chuyển vô cùng tận.

Có thể được chân trí thì không tụ tập các nghiệp. Các nghiệp không tụ tập thì không có sinh. Sinh gọi là bắt đầu khởi thành. Nếu người nào học tập chính luận này thì biết các pháp tự tướng đều trống không, không tụ tập các nghiệp. Các nghiệp không tụ tập thì không có sinh, nên lão, tử, ưu bi, khổ não đều dứt hết. Cho nên muốn tự lợi lợi tha, chúng sinh dần thành Phật đạo.

Nếu người muốn đốt cháy tự pháp và diệt tha pháp phải học tập luận này.

Phẩm 19: MƯỜI LUẬN: TRƯỚC TIÊN LÀ TƯỚNG CÓ

Hỏi: Kinh của ông trước nói rộng học tập các dị luận, vì muốn luận nghĩa Phật pháp. Vậy những gì là các dị luận?

Đáp: Trong 3 tạng có nhiều các dị luận. Có điều là những người ưa khởi tranh luận như có 2 đời, không có 2 đời. Tất cả là có, tất cả là không. Có trung âm, không có trung âm. Tứ đế thứ tự được, nhất thời được, có thoái, không thoái. Kết sử cùng tâm tương ưng, không tương ưng. Tâm tính vốn tịnh, tính vốn bất tịnh. Đã thụ báo nghiệp hoặc có, hoặc không. Phật ở trong Tăng số, không ở trong Tăng số. Có người, không người. Có người nói pháp 2 đời là có, có người nói không.

Hỏi: Vì nhân duyên gì nói có? Vì nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là nếu có pháp, trong ấy sinh tâm, vì pháp trong 2 đời có thể sinh tâm, thì phải biết là có.

Hỏi: Chính ông trước thường nói có tướng?

Đáp: Tính biết đi được chỗ nào, gọi chỗ đó là có tướng. Người ấy hỏi vặn rằng: Tính biết cũng đi đến chỗ không có chỗ. Sở dĩ vì sao? Vì như tin hiểu rồi quán, không phải màu xanh mà thấy xanh.

Lại như làm ra trò ảo hóa cũng không mà thấy có.

Lại như đem cái biết vào chỗ không có, nên gọi là vào định Vô sở hữu xứ.

Lại như đem ngón tay giụi vào mắt thấy có 2 mặt trăng.

Lại như trong kinh nói: Ta biết bên trong không tham dục.

Lại kinh nói: Biết trong sắc đoạn dứt tham gọi là sắc đoạn.

Lại như trong chiêm bao không mà vọng thấy. Do các duyên cơ này nên biết cái biết cũng đi đến chỗ không có chỗ. Không nên có tính biết đi đến chỗ nào nên gọi chỗ đó là có.

Đáp: Không có tính biết đi đến chỗ không có chỗ. Sở dĩ vì sao? Vì cần nhờ 2 pháp nhân duyên, nên thức mới được sinh. Một nương 2 duyên. Như không có cảnh duyên mà thức vẫn sinh thì cũng nên không có chỗ nương, thức cũng được sinh. Vậy thì 2 pháp kia vô dụng? Như vậy cũng không có giải thoát, vì thức thường sinh. Cho nên biết thức không đến nơi không.

Lại như vì có sở thức nên gọi là thức. Nếu không sở thức thì thức cũng không.

Lại như nói thức có thể biết trần, nghĩa là nhãn thức biết sắc, cho đến ý thức biết pháp. Nếu nói có thức không duyên cảnh, vậy thức này sở thức gì ư?

Lại nếu, nói có thức mà không duyên cảnh là sai lầm. Như có người nói: Tôi cuồng nên tâm loạn, thế gian không có gì hết, mà tôi đều thấy có.

Lại nếu biết không có gì hết, thì không nên sinh nghi, vì có chỗ biết nên mới sinh nghi.

Lại như trong kinh nói: Thế gian không có gì hết mà ta biết ta thấy, đó là vô lý.

Lại nữa, lời ông nói tự mâu thuẫn nhau, nếu không có gì thì biết cái gì ư?

Lại như trong kinh nói: Ba sự hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu không có pháp, thì hòa hợp cái gì?

Lại biết không cảnh bị duyên thì làm sao thành được? Nếu biết thì không không, nếu không thì không biết. Cho nên không có cái biết mà không có cảnh duyên.

Lại như ông có nói câu: Tính biết đi đến chỗ không có chỗ, như tin hiểu quán màu không phải xanh mà thấy xanh, đó là vô lý. Sở dĩ vì sao? Vì trong màu không phải xanh này thiết có tính xanh. Như trong kinh nói: Trong cây này có tính tịnh.

Lại như lấy tướng xanh, do sức của tâm chuyển rộng ra, thì tất cả đều xanh, không một tướng nào không xanh.

Lại như Kinh Huyền Võng nói: Có người huyền thuật và vật để làm trò huyền thuật, thì trong không chúng sinh, mà thấy giống chúng sinh, nên gọi là huyền.

Lại như ông nói câu: Vì biết không có nơi chỗ, nên gọi là vào định Vô sở hữu xứ là vì sức Tam-muội, nên sinh vô tướng này chứ không phải là không có. Như thật có sắc hư hoại là không tướng.

Lại vào trong Tam-muội này vì pháp bị thấy ít, nên coi là không có, như muối ít nên nói là không muối, tuệ ít nên nói là không tuệ.

Lại như nói: Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Trong đây tuy thật có tướng, mà cũng nói phi hữu phi vô.

Lại ông nói: Đem ngón tay giụi vào mắt, thấy có 2 trăng. Thấy mà không nghĩ xét, nên cho một là hai. Nếu nhắm một mắt thì không thấy hai.

Lại như ông nói: Ta biết bên trong không tham dục. Vì người này thấy pháp ngũ cái trái nhau với pháp thất giác, nên liền sinh ý niệm rằng: Ta biết không tham dục, chứ không phải biết không có.

Lại như ông nói: Biết trong sắc đoạn tham, gọi là đoạn sắc. Đó là vì thấy chân thật tuệ cùng với vọng giải trái nhau, nên gọi là tham đoạn. Lại như ông nói: Trong chiêm bao không mà thấy có. Đó là vì trước đã từng thấy nghe nhớ nghĩ phân biệt và đã tu tập nên mới thấy trong chiêm bao, và do khí lạnh nóng thịnh nên tùy theo chiêm bao mà thấy, hoặc do nghiệp duyên nên thấy chiêm bao, như Bồ-tát có những đại mộng, hoặc các thiên thần đến hiện trong chiêm bao. Cho nên trong chiêm bao thấy có, chứ không phải biết không.

Ông lại hỏi vặn rằng: Ông nói cần phải có 2 pháp nhân duyên, thức mới được sinh. Điều này không phải, vì Phật muốn phá thuyết Thần ngã nên mới nói 2 pháp nhân duyên sinh thức, chứ không phải đều như vậy.

Lại như ông nói: Vì có sở thức, nên gọi là thức. Thức pháp có thì biết có, không có thì biết không có. Nếu việc ấy không, vì không việc ấy, nên gọi là thấy không.

Lại như 3 tâm diệt, nên gọi là diệt đế. Nếu không có không tâm thì diệt cái gì ư?

Lại như ông nói: Nhãn thức biết sắc cho đến ý thức biết pháp. Đó là thức này chỉ có thể biết pháp trần mà không biện biệt là có hay không.

Lại như ông nói: Nếu có thức biết, mà không cảnh duyên, vậy là sai lầm. Thì có cái biết, biết cái không có, như người bị bệnh cuồng thấy không có gì hết.

Lại như ông nói: Nếu biết không có gì hết, thì không nên sinh nghi. Nếu nghi là có hay là không có, thì có cái biết không cảnh duyên.

Lại như ông nói: Như trong kinh nói thế gian không có gì hết mà ta biết thấy, đó là vô lý. Kinh này không luận pháp tướng, hình như không phải lời Phật nói. Hoặc Tam-muội như vậy, là vào Tam-muội chỗ thấy đều có, đó là Tam-muội, nên nói như vậy.

Lại như ông nói: Lời nói ông tự trái nhau Tôi nói: Duyên nơi không có, không phải trái nhau.

Lại như ông nói: Tâm, tâm số pháp có thể duyên tất cả pháp. Duyên này là có tâm, tâm số pháp mà không có cảnh bị duyên. Cũng có tâm, tâm số pháp không thể thật duyên, nên không gọi là duyên.

Lại nữa, vì thật tướng của các pháp, lia các tướng, nên không gọi là duyên.

Lại như ông nói: Các trần là nhân sinh thức, nếu không có gì lấy gì làm nhân? Tức là lấy cái không có, làm nhân.

Lại như ông nói: Ba sự hòa hợp, gọi là xúc. Nếu 3 sự có thể có được, thì có hòa hợp, chứ không phải tất cả chỗ đều có 3 sự.

Lại như ông nói: Nếu biết không không, nếu không không biết, nếu có cảnh duyên mà biết, cũng đồng lỗi này.

Lại như ông nói: Như trong cây có tịnh tính. Điều này không phải, vì có lỗi là trong nhân có quả.

Lại như ông nói: Lấy tướng tâm chuyển rộng ra. Điều này không phải. Vốn tướng xanh ít, mà thấy cả đại địa tất cả đều là màu xanh, tức là vọng kiến. Như vậy, vì quán chút màu xanh mà có thể thấy cõi Diêm-phù-đề v.v... đều màu xanh là không phải vọng kiến sao?

Lại như ông dẫn câu: Kinh Huyền Võng nói: Có nhà huyền thuật làm trò huyền thuật, trong chỗ không có chúng sinh mà thấy giống như có chúng sinh làm các việc chúng sinh. Điều này thật không có mà thấy, tức là cái biết không có cảnh duyên.

Lại như ông nói: Vì sức Tam-muội nên sinh vô tướng này. Như thật có sắc hư hoại là không. Vậy nếu sắc thật có mà hoại là không thì điên đảo.

Lại như ông nói: Thấy không nghĩ xét. Điều này không phải. Như người bị bệnh mắt, thấy giữa không trung có những sợi như lông. Kỳ thật là không có.

Lại như ông nói: Thấy ngũ cái trái nhau với pháp thất giác liền sinh ý nghĩ: Ta biết không. Pháp thất giác khác, không tham cũng khác, làm sao là một?

Lại như ông nói: Thấy chân thật tuệ cùng với vọng giải trái nhau, gọi là tham đoạn. Vọng giải gọi là quán hư vọng. Cho nên biết tham dục đoạn, nên sắc đoạn. Chân thật tuệ là quán vô thường.

Lại như ông nói: Trong chiêm bao thấy thật. Điều này không phải. Như chiêm bao thấy nhà sập, mà thật nhà không sập. Cho nên có cái biết, biết cái không có. Không nên cho cái tính biết đi đến đâu là đó có tướng.

Phẩm 20: TƯỚNG KHÔNG

Hỏi: Nếu đó không phải tướng có, thì nay nói âm, giới, nhập là pháp nhiếp thuộc, lẽ ra phải là có?

Đáp: Đó cũng không phải. Sở dĩ vì sao? Vì người này nói pháp phạm phu nhiếp thuộc âm giới nhập, không thuận với pháp tướng. Nếu vậy có người nói như các pháp vô vi lẽ ra cũng phải có, mà thật ra pháp đó không có. Cho nên biết âm giới nhập các pháp nhiếp thuộc không phải tướng có.

Hỏi: Như có người cho pháp hiện biết, tin là có sở đắc, gọi là tướng có.

Đáp: Đó cũng không phải tướng có, vì pháp khả tín này, quyết định phân biệt không thể nói được. Cho nên có kinh nói nên dựa vào trí, chứ không nên dựa vào thức, vì tính là đặc, sắc v.v... các trần là bất khả đắc. Sau sẽ nói rộng. Tướng không này không hoại, thì tướng có sở đắc làm sao thành lập được?

Hỏi: Có, là cùng với pháp hợp lại nên gọi là có?

Đáp: Sau sẽ phá chấp cái gọi là có này.

Lại nữa, trong có, không có cái có, thì làm sao cùng với pháp hợp lại mà gọi là có? Do nhân duyên này, nên cái tướng có, quyết định phân biệt không thể nói được. Nhưng vì thế đế nên mới nói có, chứ không phải đệ nhất nghĩa đế.

Hỏi: Nếu vì thế đế nên có, nay lại lấy thế đế nên nói quá khứ vị lai là có hay không?

Đáp: Không. Sở dĩ vì sao? Nếu sắc v.v... các âm ở đời hiện tại có thể có sở tác, có thể được thấy biết. Như trong kinh nói: Nã hoại là sắc tướng. Nếu ở hiện tại thì có thể nã hoại, chứ không phải quá khứ vị lai. Thụ v.v... cũng vậy, cho nên biết chỉ có 5 âm hiện tại, chứ 2 đời kia không có.

Lại nữa, nếu pháp vô tác thì không có tự tướng, như lửa quá khứ không thể đốt được, không gọi là lửa. Thức cũng như vậy, nếu ở quá khứ không thể biết được gì thì không gọi là thức.

Lại nữa, nếu không nhân mà có, việc ấy không đúng. Pháp quá khứ không nhân có thể có. Cho nên không phải. Lại nữa, phạm có các pháp, là đều do các nhân duyên sinh. Như có đất, có giống, nước v.v... nhân duyên thì nảy mầm. Có giấy bút nhân công thì chữ được thành. Hai pháp v.v... hợp lại thì có thức sinh. Trong đời vị lai mầm hạt, chữ viết, thức nhận biết v.v... nhân duyên chưa hội hợp làm sao được có? Cho nên 2 đời kia không thể có được.

Lại nữa, nếu pháp vị lai mà có, thì là thường, vì từ vị lai đến hiện tại vậy. Như từ một nhà đi đến một nhà thì không có vô thường. Cho nên điều này không thể được.

Lại như trong kinh nói: Mắt sinh không từ đâu đến, diệt đi không đến đâu. Cho nên không nên phân biệt quá khứ vị lai.

Lại nữa, nếu vị lai có nhãn, sắc, thức tức phải có người làm, quá khứ cũng vậy, nhưng thật không phải vậy. Cho nên biết không có pháp quá khứ vị lai.

Lại như sắc quá khứ vị lai có, thì phải có đối có ngại, nhưng thật không phải vậy. Cho nên là không có.

Lại như cái bình v.v... các vật vị lai mà có, thì thợ gốm sứ v.v... không nên làm, mà hiện là có làm, chứ không phải vị lai sẽ có.

Lại Phật nói pháp hữu vi có được 3 tướng sinh, diệt, trụ dị. Sinh là nếu pháp trước không có mà nay hiện có làm. Diệt là làm rồi lại trở lại không. Trụ dị là nối nhau nên trụ, biến khác nên gọi là dị. Ba tướng hữu vi này đều có ở hiện tại, chứ không phải quá khứ vị lai.

Phẩm 21: CÓ 2 ĐỜI

Hỏi: Thật có quá khứ vị lai. Sở dĩ vì sao? Nếu pháp này có, trong ấy sinh tâm như pháp hiện tại và pháp vô vi.

Lại như Phật nói Sắc tướng, cũng nói sắc quá khứ và vị lai và nói có bao nhiêu sắc, như hoặc nội hoặc ngoại, hoặc thô hoặc tế, hoặc quá khứ vị lai và hiện tại, gọi chung là sắc ấm.

Lại nói sắc quá khứ vị lai hãy còn vô thường, huống chi hiện tại. Vô thường là tướng hữu vi. Cho nên phải nói có.

Lại như hiện thấy từ trí sinh trí vì tu tập. Như từ nhỏ lúa sinh hạt lúa. Cho nên phải có quá khứ. Nếu không quá khứ, thì quả không có nhân.

Lại như trong kinh nói: Nếu sự thật quá khứ mà có ích thì Phật cũng vẫn nói.

Lại như nói quán quá khứ vị lai tất cả vô ngã.

Lại ý thức duyên vị lai là nương ý quá khứ, nếu không có quá khứ thì thức nương chỗ nào?

Lại như biết nghiệp nhân quá khứ mới có quả báo vị lai, đó là chính kiến.

Lại như Phật có 10 lực biết các nghiệp nhân quá khứ vị lai.

Lại như Phật tự nói: Nếu không có gây tội nghiệp quá khứ, người này không đọa các ác đạo.

Lại như người học nhân, nếu còn trong tâm hữu lậu, thì không phải có tín v.v... các căn vô lậu.

Lại như các bậc Thánh nhân không nên quyết định ghi trước việc vị lai.

Lại nếu không quá khứ vị lai thì người đời không nên ghi nhớ 5 thứ trần. Sở dĩ vì sao? Vì ý thức không biết 5 thứ trần hiện tại.

Lại như nói 18 ý hành đều duyên quá khứ.

Lại nếu không quá khứ, vị lai, thì A-la-hán không nên tự xưng rằng ta được thiên định. Vì ở trong định không thể nói như vậy.

Lại như trong 4 niệm xứ, không nên quán nội tâm nội thụ được. Sở dĩ vì sao? Vì hiện tại không được quán quá khứ.

Lại cũng không nên tu 4 chính căn. Sở dĩ vì sao? Vì trong đời vị lai không có ác pháp, còn 3 thứ kia cũng vậy.

Lại nếu không có quá khứ vị lai, thì cũng không có Phật.

Lại cũng không nên có người tu giới đã lâu và người mới tu. Cho nên không phải vậy.

Phẩm 22: KHÔNG CÓ 2 ĐỜI

Đáp: Không có quá khứ vị lai. Tuy ông nói trong pháp có thì tâm sinh, điều đó trước tôi đã đáp rằng không pháp, tâm cũng thể sinh được.

Lại như ông nói sắc tướng, sắc số, sắc khả tướng, Điều này không đúng. Quá khứ vị lai không phải sắc, vì không có não hoại. Cũng không nên nói đó là tướng vô thường, mà Phật chỉ tùy theo vọng tưởng phân biệt của chúng sinh nên mới nói cái tên đó thôi.

Lại như ông nói trí sinh trí, là nhân cùng quả làm nhân duyên lẫn nhau rồi diệt, như hạt giống và mộng làm nhân cho nhau rồi diệt. Phật cũng nói: Điều này sinh nên việc kia sinh.

Lại như ông nói thật mà có ích thì Phật cũng nói. Đó là Phật nói điều này gốc ở khi hiện tại, không phải Phật nói cũng có. Như nói quá khứ diệt hết thì biết không có.

Lại như ông nói quán vô ngã. Đó là vì chúng sinh đối với pháp quá khứ vị lai chấp có ngã, nên Phật mới nói như vậy.

Lại như ông nói đó là chính kiến. Là vì thân này khởi nghiệp, nghiệp này cùng quả làm nhân rồi diệt. Về sau lại tự chịu báo nên mới nói quả.

Tóm lại, trong Phật pháp mà nói hoặc có, hoặc không đều là phương tiện, vì muốn chỉ rõ nghiệp tội phúc nhân duyên, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Như vì nhân duyên nên nói có chúng sinh, thì quá khứ vị lai cũng vậy. Như nói nương ý thức quá khứ đó là nương phương tiện, chứ không phải như người nương dựa nơi vách tường, và

cũng nói rõ là tâm sinh, chứ không phải nương nơi thân mà sinh. Vì nhân tâm trước nên tâm sau mới được sinh. Nghiệp lực cũng vậy. Phật biết nghiệp này tùy diệt mà có thể cùng với quả làm nhân, chứ không nói quyết định biết như biết chữ trên giấy. Tội nghiệp cũng vậy, do thân này gây nghiệp, nghiệp này tuy diệt hết mà quả báo không mất.

Lại như ông nói không nên có các căn vô lậu. Nếu người học nhân đã được căn vô lậu, được lúc hiện tại, tuy quá khứ diệt, vị lai chưa đến, vì đã thành tựu rồi nên không được nói là không.

Lại như ông nói Thánh nhân không nên ghi nhận trước việc vị lai. Với trí lực Thánh nhân, tuy pháp chưa có mà có thể huyền ký trước, như pháp quá khứ tuy đã diệt hết mà vì niệm lực nên có thể biết được.

Lại như ông nói không nên nhớ 5 thứ trần. Vì là người phạm phu si mê vọng niệm nên trước lấy tướng quyết định, về sau tuy đã diệt hết, mà còn sinh lòng nghĩ nhớ, vì pháp nghĩ nhớ là như vậy, chứ không phải như nhớ lông rùa sừng thỏ... 18 thứ ý hành cũng như vậy, hiện tại thủ sắc, quá khứ tuy diệt, vẫn tùy theo mà nghĩ nhớ.

Lại như ông nói không nên tự xưng ta được thiên định. Là định được ở hiện tại, vì sức nghĩ nhớ nên tự nói ta được.

Lại như ông nói không nên được quán nội tâm nội thụ. Có 2 thứ tâm: một là niệm niệm sinh diệt, hai là thứ lớp nối nhau. Dùng tâm hiện tại, quán tâm nối nhau, chứ không phải niệm hiện còn.

Lại như ông nói không nên tu tập 4 chính cần. Đó là đề phòng nhân duyên ác pháp đời vị lai, đồng thời cũng phát khởi nhân duyên thiện pháp đời vị lai.

Lại như ông nói thì không có Phật. Phật là tướng tịch diệt, tuy còn hiện ở đời mà không thuộc vào có hay không, huống là khi đã diệt độ? Chúng sinh qui mạng nơi Phật cũng như người đời thờ phụng cha mẹ vậy.

Lại như ông nói cũng không nên có người tu giới lâu hay mới. Không vì thời gian mà giới có sai khác. Sở dĩ vì sao? Vì thời gian không thật, chỉ do các pháp hòa hợp sinh diệt nên mới có thời gian. Cho nên ông đã nói bao nhiêu nhân đều không đúng.

Phẩm 23: TẤT CẢ CÓ KHÔNG

Luận giả nói: Có người nói tất cả các pháp có. Có người nói tất cả pháp không có.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói có. Do nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là căn cứ Phật nói 12 nhập gọi là tất cả. Đó là tất cả có địa, hỏa, phong, không, thời, phương, thần và ý v.v... các Đà-la-phiêu, tức chỉ tất cả vật. Số v.v... các Cầu-na, tức nương dựa. Nêu cử các nghiệp dưới đây. Các pháp tổng tướng biệt tướng hòa hợp và bản tính Ba-cư-đế v.v..., cùng những việc trong thế gian như sừng thỏ, lông rùa, chân rắn, mùi thơm của muối, và màu sắc của gió v.v..., đó gọi là không.

Lại như trong kinh nói: Hư không không dấu vết, ngoại đạo không Sa-môn, phạm phu ưa hý luận. Như Lai thì không có.

Lại như tùy theo chỗ thụ pháp, cũng được gọi là có. Như Đà-la-phiêu v.v... 6 sự, phái Ưu-lâu-khư cho là có, 25 đế phái Tăng-khư cho là có, 16 nghĩa phái Na-da-tu-ma cho là có.

Lại nếu như có đạo lý có thể thành xong sự việc, cũng được gọi là có, như 12 nhập.

Lại nữa, trong Phật pháp dùng phương tiện nên mới nói tất cả có, tất cả không, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Sở dĩ vì sao? Vì nếu quyết định có, tức rơi vào bên thường, nếu quyết định không, thì rơi vào bên đoạn. Lại được 2 bên mới là con đường trung đạo của Phật.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 3

Phẩm 24: CÓ TRUNG ẤM

Luận giả nói: Có người nói có thân trung âm, hoặc có người nói không có.

Hỏi: Do nguyên nhân gì nói có, do nhân duyên gì nói không?

Đáp: Người nói có là căn cứ Phật nói trong kinh A-du-la-na rằng: Nếu khi cha mẹ giao hội, chúng trụ ở nơi nào đó liền đến nương vào trong ấy. Cho nên biết có trung âm.

Lại như kinh Hòa-ta nói: Nếu chúng sinh sau khi bỏ thân này rồi, mà chưa thụ tâm sinh thân sau, trong khoảng trung gian, ta nói ái là nhân duyên. Đó gọi là trung âm.

Lại như trong 7 thứ người thiện, có thân trung hữu diệt.

Lại như trong kinh nói: Tạp khởi nghiệp, tạp thụ thân, và tạp sinh thế gian. Cho nên biết có trung âm.

Lại như trong kinh nói 4 hữu là bản hữu, tử hữu, trung hữu và sinh hữu.

Lại nói 7 hữu là ngũ đạo hữu, nghiệp hữu, và trung hữu.

Lại nói vua Diêm-la quả trách tội nhân trung âm mà biết túc mạng chúng sinh, nghĩa là chúng sinh này sinh chỗ này, chúng sinh kia sinh chỗ kia.

Lại như trong kinh nói: Dùng thiên nhãn xem thấy các chúng sinh khi chết khi sinh.

Lại nói chúng sinh bị ám trói buộc nên từ thế gian này đến thế gian kia.

Lại như người đời cũng tin có trung âm, người ta nói: Nếu người khi chết có thân tứ đại vi tế, ở từ âm này mà đi.

Lại nếu như có trung âm thì mới có đời sau. Nếu không có trung âm, khi bỏ thân này rồi mà chưa thụ sinh thân sau, thì khoảng thời gian ấy phải gián đoạn.

Vì các lý do trên nên biết có trung âm.

Phẩm 25: KHÔNG CÓ TRUNG ÂM

Có người nói không có trung âm. Tuy ông dẫn trong kinh A-du-la-đa-na nói có trung âm, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu là Thánh nhân mà không biết đó là gì và từ đâu đi đến, tức là không có trung âm, nếu có tại sao lại không biết?

Lại như ông dẫn câu trong kinh Hòa-ta nói, điều này là không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh này hỏi khác đáp khác. Phạm Chí Hòa-ta này chấp thân khác thần khác, nên mới đáp như vậy, là trung âm trung hữu, 5 âm.

Lại như ông nói có trung hữu diệt, là người này ở trung gian cõi Dục và cõi Sắc thụ thân, ở trong đó diệt cho nên gọi là trung hữu diệt. Sở dĩ vì sao? Vì như trong kinh nói: Nếu người chết, đi đến chỗ nào, sinh về chỗ nào, ở tại chỗ nào. Nghĩa này không khác.

Lại như ông nói tạp thụ thân, tạp sinh thế gian. Nếu nói thụ thân, nói sinh thế gian, nghĩa này không khác.

Lại như ông nói 4 hữu, 7 hữu. Kinh ấy không phải như vậy, vì không thuận với pháp tướng.

Lại như ông nói vua Diêm-la quả trách. Đây là thân sinh hữu chứ không phải trung hữu.

Lại như ông nói Phật nhân trung âm mà biết đời trước. Điều này không đúng, sức Thánh trí là như vậy, tuy không liên tục mà cũng có thể nghĩ biết.

Lại như ông nói dùng thiên nhãn xem thấy khi chết khi sinh. Sắp sinh gọi là khi sinh, sắp chết gọi là khi chết, chứ không phải trung âm.

Lại như ông nói chúng sinh bị âm buộc, từ đây đến kia. Đó là muốn chỉ cho biết có đời sau nên mới nói như vậy, chứ không phải nói rõ có trung âm.

Lại như ông nói khi chết có 4 đại vi tế. Đó là chỗ thấy biết của người đời, không thể tin được, vì đây không phải dùng làm nhân.

Lại như ông nói nếu không có trung âm thì thời gian giữa phải gián đoạn. Đó là vì nghiệp lực, người này sinh đây, người kia sinh kia, như quá khứ vị lai tuy không nối nhau mà có thể nghĩ nhớ được. Cho nên không có trung âm.

Lại nữa, trong Kinh Túc Mạng Trí nói: Biết người này chết ở đây sinh nơi kia, chứ không nói trụ trong trung âm.

Lại nữa, Phật nói 3 thứ nghiệp là nghiệp hiện báo nghiệp sinh báo và nghiệp hậu báo, chứ không nói có nghiệp trung âm báo.

Lại nữa, nếu trung âm có xúc tức gọi sinh hữu. Nếu không thể xúc, thì không có, nên thụ tướng v.v... cũng không. Như vậy thì có chỗ nào?

Lại nếu như chúng sinh thụ hình trung âm, tức gọi thụ sinh, như trong kinh nói: Nếu người bỏ thân này thụ các thân khác, ta nói là sinh, nếu không thụ thân thì không có trung âm.

Lại nữa, nếu trung âm có thoái, tức gọi là sinh. Sở dĩ vì sao? Vì cần trước sinh sau thoái vậy. Nếu không thoái, tức là thường. Lại do nghiệp lực mới sinh, thì còn dùng trung âm làm chi?

Lại nếu như trung âm do nghiệp mà thành, tức là sinh hữu, như nói nghiệp nhân duyên, nếu không do nghiệp thành, thì do đâu mà có? Cần phải trả lời ngay.

Đáp: Tôi cho sinh hữu có sai khác, nên gọi là trung âm. Cho nên không có các lỗi như trên. Người này tuy trung âm sinh, mà cùng với sinh có khác. Có thể khiến thức đi đến trong Ca-la-la, đó gọi là trung âm.

Hỏi vặn lại rằng: Vì nghiệp lực có thể khiến đến, chứ cần chi phải dùng phân biệt nói trung âm?

Lại tâm không chỗ đến, vì nghiệp nhân duyên nên mới từ nơi đây diệt mà sinh nơi kia vậy thôi.

Lại như hiện thấy tâm không liên tục sinh, như người chân đạp phải gai mà trong đầu biết đau. Thức nơi chân không có nhân duyên gì đến trong đầu, chỉ vì các duyên xa gần hòa hợp sinh tâm. Cho nên không cần phân biệt chấp có trung âm.

Phẩm 26: THỨ TỰ

Luận giả nói: Có người nói 4 để thấy theo thứ tự; lại có người nói thấy cùng một lúc.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói thấy theo thứ tự? Lại do nhân duyên gì nói thấy cùng một lúc?

Đáp: Người nói thấy theo thứ tự, như trong kinh nói: Nếu người thấy thể gian tập, tức diệt được chấp không. Thấy thể gian diệt, tức diệt được chấp có. Phải biết tập diệt 2 tướng khác nhau.

Lại nêu như người nào có thể biết được bao nhiêu tướng tập đều là tướng diệt, gọi là lia cầu ướ được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại nói, người trí tuệ lanh lợi dần loại bỏ các điều ác, như thợ vàng có thể dũa bỏ chất rét của vàng.

Lại như trong Kinh Lậu Tận nói: Người nào có tri kiến thì được hết các lậu. Hành giả không tự hay biết chứ hằng ngày thường tu tập nên được hết các lậu.

Lại nữa, Phật nói: Trong các đế, có thể sinh nhãn trí minh tuệ. Trong khổ đế cõi Dục có 2, 2 cõi Sắc và Vô sắc cũng có 2. Tập v.v... cũng vậy.

Lại trong kinh miệng Phật tự nói ra lần lượt thấy đế, như người leo thang tuân tự mà lên. Vì các kinh này nên biết 4 đế không phải thấy cùng một lúc được.

Lại như các phiền não, trong 4 đế, có 4 thứ tà hành là không khổ, không tập, không diệt và không đạo. Cho nên trí vô lậu cũng phải thứ tự tu 4 thứ chính hành.

Lại nữa, hành giả cần định tâm phân biệt; đây là khổ, đây là nhân của khổ, đây là khổ diệt, và đây là đạo diệt khổ. Nếu như trong một tâm, làm sao quyết định phân biệt được như vậy? Cho nên biết là thứ tự chứ không phải thấy được cùng một lúc.

Phẩm 27: CÙNG MỘT LÚC

Có người nói 4 đế thấy cùng một lúc chứ không phải theo thứ tự. Ông nói: Thấy thể gian tập, tức diệt chấp không. Thấy thể gian diệt tức diệt chấp có ấy. Nếu nói vậy tức hoại tự pháp, vì nếu như vậy cũng không cần 16 thứ tâm, 12 hành để đắc đạo.

Lại như ông nói: Biết bao nhiêu tướng tập đều là tướng diệt thì được pháp nhãn. Nếu vậy phải dùng 2 tâm mới đắc đạo: một là tâm tập, hai là tâm diệt. Nhưng không phải vậy.

Lại nữa, như ông nói trí lanh lợi dần dần loại bỏ các ác, nếu vậy cũng không nên chỉ 16 thứ tâm.

Lại như ông dẫn Kinh Lậu Tận nói: Người nào có thể biết sắc v.v... thì được hết các lậu. Nếu vậy phải có vô lượng tâm, chứ không phải chỉ 16 tâm.

Lại như ông nói nhãn trí minh tuệ là Phật tự nói trong 4 để được nhãn trí minh tuệ, mà không nói thứ tự có 16 tâm.

Lại như ông nói miệng Phật tự nói ra rằng tuần tự thấy đế, như người leo thang. Tôi không học kinh này, dù có cũng nên bỏ, vì không thuận với pháp tướng.

Lại như ông nói 4 thứ tà hành thì đối với 5 ấm v.v... cũng phải tà hành, tùy theo chỗ tà hành, đều nên sinh trí. Nếu vậy không cần chỉ 16 thứ tâm mà đắc đạo.

Lại như ông nói nên định phân biệt, thì đối với sắc v.v... cũng cần phân biệt. Cho nên không chỉ cần có 16 thứ tâm.

Lại nữa hành giả không được các đế, chỉ có một đế. Nghĩa là thấy khổ diệt gọi là sơ đắc đạo. Vì thấy pháp v.v... các nhân duyên nên hành giả từ pháp noãn v.v... lần lượt thấy đế diệt đế, sau cùng thấy diệt đế nên gọi là đắc đạo.

Phẩm 28: THOÁI LUI

Luận giả nói: Có người nói A-la-hán thoái lui, hoặc có người nói không thoái lui.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói có thoái lui, do nhân duyên gì lại nói không thoái lui?

Đáp: Nói thoái lui là như trong kinh nói: Khi giải thoát, A-la-hán do 5 nhân duyên bị thoái lui là ưa làm việc, ưa đọc tụng, ưa xử đoán, ưa đi xa, và luôn bệnh tật. Như trong kinh nói có 2 hạng A-la-hán là thoái tướng và không thoái tướng.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo nào thoái lui môn giải thoát thì có điều đó.

Lại như trong kinh nói: Quán thân như chiếc bình, ý tưởng phòng vệ như thành trì, đem tuệ chiến đấu với ma, giữ phần thắng không thua bại. Nếu không thoái thì không cần thủ thắng.

Lại có 2 thứ trí là tận trí và vô sinh trí. Nếu tận trí không sinh trở lại thì dùng vô sinh trí làm chi?

Lại như Ưu-đà-da khó được diệt tận định, tức là nhân thoái lui. Người này tuy thoái lui mà cũng được sinh về cõi Sắc. Vì các duyên cơ này, nên biết có thoái lui.

Phẩm 29: KHÔNG THOÁI LUI

Có người nói Thánh đạo không có thoái lui, chỉ có thiên định thoái lui.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có 2 hạng A-la-hán, mà chỉ có thoái tướng, vì tất cả A-la-hán trong thiên định đều có thoái lui?

Đáp: Thoái sức tự tại trong thiên định, vì không phải tất cả A-la-hán đều được sức tự tại.

Hỏi: Không phải như Tì-kheo Cù-đề sáu phen thoái lui bèn lấy dao tự sát. Nếu như thoái thiên định cần gì tự sát? Vì trong Phật pháp qui hồ giải thoát, chứ không qui thiên định.

Đáp: Người ấy nương thiên định này, sẽ được A-la-hán đạo. Mà mất thiên định này là mất vô lậu, chứ không phải vô lậu có thoái. Sở dĩ vì sao? Như kệ nói hoàn toàn không tạo mới, ở trong các hữu, đều được chán lìa. Diệt sạch các kết sử không trở lại sinh tướng. Đó là các người mạnh, như ngọn đèn tắt.

Lại nói: Ví như núi đá, gió không thể động, người mạnh như vậy, chê khen không chao đảo.

Lại trong kinh nói: Ái sinh ái v.v..., A-la-hán này, vĩnh viễn nhờ gốc ái, thì do đâu sinh kết?

Lại nói: Gọi là Thánh nhân thì rốt ráo tận cùng biên giới, việc làm đã xong.

Lại nói: Thánh nhân diệt tan không nhóm, phá rách không dệt.

Lại trong kinh nói: Vô minh là nhân duyên khởi tham sân si. A-la-hán này, vĩnh viễn hết vô minh, làm sao sinh kết?

Lại trong kinh nói: Nếu các học nhân cầu đạo Nê-hoàn, ta bảo người này quyết không phóng dật. Nếu được hết lậu không tái sinh nữa, cho nên không thoái.

Lại nói: Người trí khéo suy nghĩ, khéo khẩu thân nghiệp, làm việc không lầm lỗi.

Lại nói: Tì-kheo vui hạnh không phóng túng, vì thấy lỗi của phóng túng, vậy là không thoái, gần gũi Nê-hoàn.

Lại trong kinh nói: Hươu nai nương đồng nội, chim chóc nương hư không, pháp quy về phân biệt, chân nhân quy về diệt.

Lại nữa, 3 nhân duyên sinh khởi các kết sử là tham dục không dứt, cảnh tham dục hiện tiền, trong lòng sinh tà niệm. A-la-hán này tham dục đã dứt, tuy đối dục cảnh mà không sinh tà niệm, nên không khởi kết.

Lại nói Tì-kheo tà quán các pháp, nên khởi 3 lậu. A-la-hán này không có tà quán, nên không khởi các lậu.

Lại trong kinh nói: Nếu dùng Thánh tuệ biết rồi thì không có thoái. Như quả Tu-đà-hoàn không có thoái.

Lại A-la-hán khéo biết tướng 3 thụ là sinh tướng, diệt tướng, vì quá xuất tướng, cho nên không khởi kết.

Lại nói: Tì-kheo nếu giới, định, tuệ 3 việc thành tựu thì không thoái chuyển.

Lại A-la-hán dứt kết đã sinh, chưa sinh khiến không sinh.

Lại trong kinh nói: Thánh nhân thật hành, quyết không có thoái. A-la-hán đã chứng 4 đế, các lậu diệt hết rồi nên gọi là người thật hành.

Lại nói 7 giác là pháp không thoái lui. A-la-hán đầy đủ 7 giác, cho nên không thoái. A-la-hán chứng được giải thoát không hư hoại, cho nên không thoái.

Lại A-la-hán trong Phật pháp, được lợi kiên cố, nên gọi là giải thoát không hư hoại.

Lại như người cụt tay, nghĩ hay không nghĩ, vẫn gọi là người cụt tay, A-la-hán cũng vậy, đã đoạn kết sử thì nghĩ hay không nghĩ, vẫn gọi là đoạn.

Lại trong kinh nói: Tín v.v... các căn lợi, gọi là A-la-hán. Người lợi căn quyết không có thoái.

Lại A-la-hán có thể ở trong pháp vô thượng đoạn ái, nên tâm khéo được giải thoát, rốt ráo diệt hết.

Lại ví như lửa cháy chỗ chưa cháy, cháy rồi không trở lại cháy chỗ cũ. Ti-kheo cũng vậy, vì được thành tựu 11 pháp nên quyết không có thoái.

Hỏi: Có 2 hạng A-la-hán, ông đã dẫn kinh nói người không thoái?

Đáp: Đây là nói tướng chung, các người học nhân phải không phóng túng. A-la-hán thì không cần, không phải nói tướng riêng, tướng không thoái.

Lại như Phật nói kệ: Thắng mà nếu sinh lại, thì không gọi là thắng. Thắng mà không sinh, mới là chân thật thắng.

Lại A-la-hán sinh đã hết nên không còn thụ thân lại. Kinh của ông tuy nói A-la-hán thoái pháp phải được lại. Nếu như vậy thì pháp

cũng phải không thoái. Nếu như Tì-kheo có thể khiến các tướng không sinh, gọi là A-la-hán, cho nên không có thoái.

Phẩm 30: TÂM TÍNH

Luận giả nói: Có người nói tâm tính vốn trong sạch, vì khách trần, nên không trong sạch. Có người cho là không phải vậy.

Hỏi: Do nhân duyên gì nói vốn trong sạch, vì khách trần, nên không trong sạch? Lại do nhân duyên gì mà nói không phải vậy?

Đáp: Người cho rằng tâm tính không phải vốn trong sạch, vì khách trần nên không trong sạch. Sở dĩ vì sao? Vì phiền não cùng tâm thường tương ưng nhau sinh, chứ không phải tướng khách trần.

Lại có 3 thứ tâm là thiện, bất thiện, và vô ký. Tâm thiện và vô ký là không phải như bản, như tâm bất thiện vốn tự không trong sạch, không do khách trần.

Lại nữa, tâm này niệm niệm sinh diệt không đợi phiền não, nếu phiền não cùng sinh thì không gọi là khách.

Hỏi: Tâm là chỉ biết sắc v.v..., rồi sau thủ lấy tướng, từ tướng sinh các phiền não, rồi cùng với tâm làm bản, nên nói vốn trong sạch.

Đáp: Không phải vậy. Khi tâm và tâm này diệt chưa có tướng bản, thì khi tâm diệt rồi bản thấm vào đâu?

Hỏi: Tôi không vì tâm mỗi niệm mỗi niệm diệt nên nói như vậy, mà bởi tâm liên tục nối nhau nên mới nói nhiễm bản?

Đáp: Cái gọi là tâm liên tục nối nhau này, thế để mới có, chứ không phải nghĩa chân thật. Điều đó không nên nói.

Lại nữa trong thế để cũng nhiều lỗi. Tâm sinh đã diệt, chưa sinh thì chưa khởi, vậy liên tục nối nhau như thế nào? Cho nên tâm tính không phải vốn trong sạch vì khách trần nên không trong sạch. Chỉ

Phật vì chúng sinh bảo rằng tâm thường tồn tại, cho nên nói bị khách trần làm ô nhiễm làm cho tâm không trong sạch.

Lại Phật vì chúng sinh biếng nhác, nếu nghe tâm vốn không trong sạch, liền cho rằng tính không thể biến đổi, nên không phát tâm thanh tịnh. Cho nên mới nói là bản tịnh.

Phẩm 31: TƯƠNG ƯNG VÀ KHÔNG TƯƠNG ƯNG

Luận giả nói: Có người nói tâm tương ưng với các sử; lại có người nói tâm không tương ưng.

Hỏi: Do nhân duyên gì nên nói tâm tương ưng; lại do nhân duyên gì nói không tương ưng?

Đáp: Người nói tâm tương ưng, trong Phẩm Sử sau sẽ đề cập.

Lại tham dục v.v... các nghiệp phiền não, nghiệp này các sử tương ưng. Trong pháp của ông tuy nói tâm không tương ưng với sử, với tâm tương ưng làm nhân cho kết triền. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói do vô minh, tà niệm, tà tư duy v.v... khởi tham v.v... các kết, chứ không có kinh nào nói do sử sinh. Trong pháp của ông tuy nói tập luyện kết triền lâu thì gọi là sử sinh. Điều này không như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì các nghiệp thân khẩu cũng có tương tập luyện lâu, đây chỉ nên có tương tự sử tâm bất tương ưng hành, mà thật không có. Vì nếu như vậy thì các pháp đều từ nhân hiện tại sinh, không có nhân quá khứ. Vậy thì cũng không cần từ nghiệp sinh báo, cũng không cần từ ý sinh ý thức nữa.

Lại các sử này vì niệm niệm diệt thì do nhân nào sinh?

Hỏi:: Cùng chung làm nhân sinh?

Đáp: Như vậy cũng không đúng, vì nhân quả không được cùng một thời hợp lại. Điều này ra sau trong thí dụ ngọn đèn sẽ nói. Cho nên không nên nói các sử là không phải tâm tương ưng.

Phẩm 32: NGHIỆP QUÁ KHỨ

Luận giả nói: Đạo nhân Ca-diếp-bệ nói báo nghiệp đời quá khứ chưa chịu thì có, các đời quá khứ khác thì không có.

Đáp: Nghiệp này nếu mất là quá khứ. Quá khứ nếu không mất tức là thường. Mất là tên khác của quá khứ. Mà mất rồi bị mất nữa, thì nghiệp này làm nhân cho quả báo đã diệt, vì quả báo sinh sau. Như trong kinh nói: Vì điều này nên việc kia được sinh. Như khi sữa diệt làm nhân cho bơ. Thế thì cần gì phân biệt nghiệp quá khứ ư? Mà nếu nói như vậy thì trong các nhân có lỗi, là vì sao không nhân mà thức được sinh? Như thế thì không sữa làm sao có bơ? Nếu không có 4 đại, thì thân khẩu các nghiệp nương đâu mà có? Nhưng lẽ như vậy, tôi trước nói quá khứ có lỗi, người kia nên đáp lại đi.

Phẩm 33: NÓI VỀ 2 NGÔI BÀU

Luận giả nói: Đạo nhân Ma-hê-xá-bà nói Phật ở trong số của Tăng.

Đáp: Nếu nói Phật ở trong 4 chúng là hữu chúng, sinh chúng, nhân chúng và Thánh nhân chúng thì không lỗi. Nếu nói Phật ở trong Thanh Văn chúng, thế là có lỗi. Vì do nghe pháp mà được giác ngộ gọi là Thanh Văn, và vì tướng Phật khác nên không ở trong chúng này.

Hỏi: Phật đứng đầu trong Tăng, vì có người cúng thí gọi là thí Tăng.

Đáp: Thí này thuộc về bậc Tăng nào? Kinh này có chút lỗi. Vậy thì nên nói thí ấy thuộc về Phật Tăng.

Hỏi: Phật bảo Cù-đàm-di rằng: Đem áo này thí Tăng, tức cúng dường ta, mà cũng là cúng dường Tăng.

Đáp: Ý Phật nói đem lời nói vì cúng dường ta, vật này cúng dường Tăng. Như trong kinh nói: Nếu ai đi thăm người bệnh, tức là thăm ta.

Hỏi: Có các người đã thành tựu Thánh công đức như Xá-lợi-phất v.v... đều ở trong Tăng số, Phật cũng như thế, vì đồng tướng.

Đáp: Nếu đem đồng tướng mà nói thì những người phạm phu và phi chúng sinh cũng phải nhập vào Tăng số, mà đâu có được như vậy. Cho nên biết Phật không thuộc trong Tăng số.

Lại nữa, Phật không vào Tăng Yết-ma, tức xử đoán và cũng không đồng các việc thuộc Tăng sự.

Lại nữa, vì Tam Bảo riêng biệt, cho nên Phật không ở trong Tăng.

Phẩm 34: VÔ NGÃ

Luận giả nói: Đạo nhân Độc tử nói có ngã. Những người khác nói không có.

Hỏi: Đàng nào là thật?

Đáp: Pháp vô ngã thật. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh, Phật bảo Tì-kheo rằng: Chỉ vì danh tự, chỉ vì giả thi thiết, và chỉ vì hữu dụng, nên mới gọi là ngã mà thôi. Bởi chỉ vì danh tự v.v..., cho nên biết không có chân thật ngã.

Lại như trong kinh nói: Nếu người nào không thấy khổ, thì người này thấy có ngã. Nếu như thật thấy khổ thì không còn thấy ngã. Nếu thật có ngã thì người thấy khổ cũng phải thấy ngã.

Lại nói: Thánh nhân chỉ vì tùy tục nên mới nói là có ngã.

Lại trong kinh Phật nói: Ngã tức là động xứ. Nếu thật có thì không gọi động xứ. Như mắt có nên không gọi động xứ.

Lại như trong các kinh đều ngăn chấp ngã. Như Thánh Tì-kheo-ni bảo ma vương rằng: Người gọi là chúng sinh tức là tà kiến. Vì các nhóm pháp hữu vi đều là trống không, không có chúng sinh.

Lại nói: Các hành hòa hợp nối nhau nên có, tức là huyền hóa đối gạt phàm phu, đều là oán tặc, như mũi tên đâm vào tim, không có chắc thật.

Lại nói: Không ngã, không ngã sở, không chúng sinh, không người, chỉ là trống không. Tướng 5 ấm sinh diệt bại hoại mới có nghiệp, có quả báo mà thôi, chứ người làm ra là không thể có được. Các duyên hòa hợp nên mới có các pháp nối nhau. Vì các duyên do này nên trong các kinh Phật đều ngăn chấp ngã. Nên không có ngã.

Lại như trong kinh giải nghĩa thức như sau: Sao gọi là thức? Nghĩa là có thể biết sắc cho đến biết pháp chứ không nói biết ngã. Cho nên không có ngã. Tì-kheo Quần-na hỏi Phật rằng: Ai ăn thức thực? Phật đáp: Ta không nói có người ăn thức thực. Nếu có ngã nên nói ngã ăn thức thực. Vì không nói cho nên biết không có ngã.

Lại như trong Kinh Bình-sa Vương Nghinh Phật, có nói: Phật bảo các Tì-kheo rằng: Các ông xem những người phàm phu đuổi theo giả danh cho là có ngã. Trong 5 ấm này thật không có ngã và ngã sở.

Lại nói vì 5 ấm nên có các thứ tên như là ngã, chúng sinh, nhân, thiên v.v..., như vậy vô lượng danh từ đều do 5 ấm mà có. Nếu có ngã thì phải nói nguyên nhân ngã.

Lại như Trưởng lão Phát-ni-ca bảo ngoại đạo rằng: Nếu người tà kiến thì không mà cho là có. Phật muốn dứt tà mạn này chứ không dứt chúng sinh. Cho nên nói không ngã.

Lại như trong Kinh Viêm-ma-già, Xá-lợi-phất bảo Viêm-ma-già rằng: Ông thấy sắc ấm là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy thụ, tưởng, hành, thức là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy 5 âm hòa hợp là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Thấy lia 5 âm là A-la-hán chăng?

Đáp: Không phải.

Xá-lợi-phất nói: Nếu như vậy xét tìm không thể được, thì có nên nói A-la-hán sau khi chết là không có chăng?

Đáp: Thưa xá-lợi-phất! Tôi trước đã có tà kiến ác nay được nghe nghĩa này, tà kiến kia liền diệt. Nếu như có ngã không gọi là ác sao?

Lại trong 4 thủ có nói ngã ngữ thủ. Nếu thật có ngã, nên nói ngã thủ, như dục thủ v.v..., không nên nói ngã ngữ thủ.

Lại như trong Kinh Tiên-ni nói: Trong tam sư, nếu có sư nào bất đắc hiện ngã hậu ngã, ta nói sư đó là Phật đấy. Vì Phật là bất đắc, nên biết không có ngã.

Lại trong vô ngã, ngã tướng là điên đảo. Nếu trong ý ông cho rằng ngã tướng trong ngã không phải điên đảo thì điều đó không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì Phật nói: Chúng sinh thấy có ngã, đều là thấy 5 âm đấy. Cho nên không có ngã.

Lại nói chúng sinh nghĩ nhớ bao nhiêu túc mạng cũng đều là nghĩ đến 5 âm đó thôi. Nếu như có ngã cũng nên nghĩ đến ngã, vì không nghĩ nên biết không ngã. Nếu trong ý ông bảo cũng có kinh nói nghĩ nhớ chúng sinh, như với chúng sinh nào đó, ta gọi tên chúng sinh đó. Điều này cũng không đúng. Vì đây là thế để phân biệt, nên nói là thật nghĩ 5 âm, chứ không phải nghĩ chúng sinh. Sở dĩ vì sao? Vì ý thức nghĩ, ý thức chỉ duyên nơi pháp. Cho nên không có nghĩ nghĩ nhớ chúng sinh.

Lại như có người nói quyết định có ngã, thì trong 6 thứ tà kiến quyết sa vào một thứ. Nếu ý ông bảo vô ngã cũng là một thứ tà kiến,

thế là không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì là 2 đế. Nếu đem thế đế nói không ngã, đem đệ nhất nghĩa đế nói có ngã, là có lỗi. Tôi nay nói đệ nhất nghĩa đế nên không lỗi, nếu thế đế thì có. Cho nên không lỗi.

Lại Phật nói nhỏ gốc ngã kiến, như trong lời hỏi của vua Si Vương. Phật đáp: Nay Si Vương! Nếu có người dùng nhất tâm quán các thế gian là trống không, thì nhỏ được gốc ngã kiến, không còn thấy vua chết nữa.

Lại như vì các thuyết nói nhân duyên có ngã buồn vui các việc đều do 5 âm mà ra, và để phá các ngã kiến nhân duyên của ngoại đạo, cho nên nói không có ngã.

Phẩm 35: CÓ NGÃ, KHÔNG CÓ NGÃ

Hỏi: Ông nói không có ngã, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong 4 cách trả lời là cách trả lời thứ tư.

Nghĩa là người sau khi chết, hoặc có hoặc không, cũng có cũng không, không phải có không phải không. Nếu thật không có ngã thì không nên có những lời trả lời ấy.

Lại như người nào nói không có chúng sinh thụ thân sau, đó tức là tà kiến.

Lại trong 12 bộ kinh, có Kinh Bản Sinh, Phật tự nói: Khi ấy vua Đại Hỷ Kiến kia tức là thân ta. Có các truyện bản sinh như vậy. Năm âm nay không phải 5 âm xưa. Cho nên có ngã từ xưa đến nay.

Lại Phật nói nay vui mừng sau vui mừng, làm lành được 2 đời vui mừng. Nếu chỉ có 5 âm, thì không nên nói 2 đời vui mừng.

Lại trong kinh nói: Tâm cấu uế nên chúng sinh cấu uế. Tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.

Lại như một người sinh thế gian, thì nhiều người bị tổn hại.

Lại một người sinh thế gian, thì nhiều người được lợi ích.

Lại như gây nghiệp nhân lành hay không lành đều căn cứ nơi chúng sinh chứ không căn cứ nơi số phi chúng sinh.

Lại nhiều chỗ trong kinh, Phật tự nói: Ta nói có chúng sinh có thể thụ thân sau, và có thể tự lợi mà không lợi tha-v.v.... Vì các lẽ ấy nên biết có ngã. Ông trước tuy nói chỉ vì danh tự v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Là Phật chỉ vì ngoại đạo nói lia 5 âm riêng chấp có tướng ngã thường không hoại. Muốn dứt tà kiến này nên mới nói không có ngã. Nay chúng tôi nói 5 âm hòa hợp, gọi đó là ngã nên không bị lỗi.

Lại tuy nói: Ngã chỉ vì danh tự v.v..., nên suy nghĩ kỹ lời nói này: Nếu chúng sinh chỉ là danh tự, thì nếu giết con bò bằng đất không bị tội sát sinh, thì giết con bò thật cũng không nên có tội.

Lại như trẻ con lấy tên một vật gì cúng thí, đều có quả báo, thì người lớn chỉ nói thí bằng cái tên cũng nên được báo. Nhưng thật không có được.

Lại chỉ cái tên, nên không mà nói có thì Thánh nhân cũng có vọng ngữ sao? Vì nói thật ngữ mới gọi là Thánh nhân chứ! Cho nên biết có ngã.

Lại như Thánh nhân thấy thật không có ngã mà tùy theo thế tục nên nói có ngã, thế là thấy điên đảo, vì nói khác.

Lại như vì tùy theo thế tục không mà nói có, thì không nên lại nói thật nghĩa trong kinh là 12 nhân duyên, 3 thứ giải thoát, và các pháp vô ngã v.v.... Nếu có người bảo có đời sau nên tùy theo mà nói có, trái lại có người bảo không, cũng tùy theo mà nói không.

Lại bảo muôn vật trong thế gian đều do trời Tự Tại sinh ra. Các thứ kinh sách tà kiến như vậy, cũng đều nên tùy thuận mà nói theo. Đó là điều không thể được. Cho nên ông đã dẫn kinh, nói chung đều bị đả phá hết. Cho nên không phải không có ngã.

Đáp: Ông trước nói vì bỏ không đáp nên biết có ngã. Đó là điều không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì đây là pháp bất khả thuyết. Sau trong nhóm diệt đế sẽ phân biệt nói rộng. Cho nên không có thật ngã, và bất khả thuyết là chỉ vì giả danh mà nói, chứ không phải thật có.

Lại ngã trong pháp của ông lấy 6 thức mà biết, như trong kinh của ông nói: Do mắt thấy sắc cho nên ngã hoại. Vậy cái bị biết của nhãn thức thì không nên nói phi sắc phi phi sắc, thanh v.v... cũng vậy.

Lại nữa, nếu ngã là cảnh được biết của 6 thức thì cũng trái với kinh. Vì trong kinh nói: Năm tình thức không thể thay đổi nhau mà thủ 5 trần, vì chủ vào việc khác nhau. Nếu lấy 6 thức mà biết được ngã, thì 6 căn dùng được cho nhau sao?

Lại nữa, lời ông nói trước sau mâu thuẫn nhau, như cái được biết của nhãn thức không gọi là sắc?

Lại ông nói: Vô ngã là tà kiến. Trong kinh, Phật tự bảo các Tì-kheo rằng: Tuy không có ngã, nhưng vì các hành nối nhau, mới nói có sinh tử. Ta dùng thiên nhãn thấy các chúng sinh khi sinh khi chết, cũng không nói là ngã.

Lại nữa, trong pháp của ông có lỗi, như ông nói ngã không sinh. Nếu không sinh thì không cha mẹ. Không cha mẹ thì không có nghịch tội, cũng không có các tội nghiệp khác nữa. Cho nên pháp ông là tà kiến.

Lại nữa, ông nói có bản sinh là do 5 ấm nên gọi là Hỷ Kiến vương, tức 5 ấm kia nối nhau, nên gọi là Phật. Cho nên nói ta là vua kia. Trong pháp ông, ngã là một, vậy không nên phân biệt.

Lại nữa, ông nói làm lành 2 đời mừng vui. Trong kinh, Phật tự ngăn điều này, nói ngã không nói có người bỏ 5 ấm này thụ ấm kia, chỉ vì 5 ấm nối nhau không khác, nên mới nói 2 đời mừng vui.

Lại nữa, ông nói tâm cấu bản nên chúng sinh cấu bản. Do đó nên biết không có thật ngã. Nếu có thật ngã nên cùng với tâm khác, không nên nói tâm cấu bản nên chúng sinh cấu bản. Sở dĩ vì sao? Vì không thể kia cấu bản mà đây nhận chịu. Chỉ vì giả danh nhân duyên mới có như bản nên nói giả danh như bản. Cho nên giả danh là ngã, không phải chân thật.

Lại như pháp ông nói ngã không phải 5 âm. Vậy thì không sinh không diệt, không có tội phúc v.v..., có những lỗi như vậy. Tôi nói 5 âm hòa hợp giả danh là ngã. Do ngã này cho nên có sinh có diệt, và có tội phúc v.v..., không phải không có giả danh, chỉ là không phải thật.

Lại như trước ông nói vì muốn phá ngoại đạo nên Phật nói không ngã. Đó là ông tự vọng tưởng phân biệt như thế, chú ý Phật không phải vậy.

Lại các thuyết nói có ngã đều là lầm lỗi, như ông nói ngoại đạo rời 5 âm rời riêng chấp có ngã, ông cũng như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì 5 âm vô thường mà ngã không thể nói hoặc thường hay vô thường, tức là rời âm.

Lại nữa âm có 3 phần là giới định tuệ, thiện bất thiện vô ký, Dục giới hệ, Sắc giới hệ, Vô sắc giới hệ. Phân biệt như thế, thì ngã là không thể được, nên khác với 5 âm.

Lại ngã là người, 5 âm không phải người, tức là khác.

Lại âm là 5, ngã là 1, cho nên ngã không phải âm. Nếu vì các duyên do này mà có ngã, thì khác với 5 âm.

Lại thế gian không có một pháp nào không thể nói một không thể nói khác, cho nên không có pháp gọi là bất khả thuyết.

Hỏi: Như đốt cháy và cháy được, không được nói là một, không được nói là khác. Ngã cũng như vậy?

Đáp: Đó cũng là đồng nghi. Cái nào là đốt cháy, cái nào là cháy được? Nếu thứ lửa là đốt cháy, thứ khác là cháy được, thì đốt cháy khác với cháy được. Nếu thứ lửa tức là cháy được, làm sao nói không một? Nếu thứ cháy được tức là thứ lửa, nếu rời thứ lửa, cũng đều không được, nên mới gọi là đồng nghi. Nếu trong đốt cháy, có cái có thể cháy được, như trong ngã có sắc, tức sa vào thân kiến.

Lại phải nhiều ngã, như lửa củi khác, lửa phân bò khác. Ngã cũng như vậy, ngã nhân âm khác, ngã thiên âm khác, tức là nhiều ngã.

Lại như đốt cháy và cháy được ở trong 3 đời, ngã và 5 âm cũng phải ở trong 3 đời như vậy, như đốt cháy và cháy được. Vì là hữu vi nên ngã và 5 âm cũng phải là hữu vi.

Lại tuy ông nói đốt cháy và cháy được không một không khác. Nhưng mắt thấy tướng khác ngã và 5 âm cũng phải có khác.

Lại 5 âm mất, mà ngã không mất, vì chết nơi đây, sinh đến nơi kia, có 2 đời mừng vui. Nếu tùy theo 5 âm có mất có sinh, thì đồng như 5 âm không được gọi 2 đời mừng vui. Ông dùng vọng tưởng phân biệt có ngã, được những lợi gì?

Lại trong các thứ trần, không có một trần nào được biết của cả 6 thức. Ngã mà ông đã nói có thể 6 thức đều biết được, thế thì không phải là 6 trần.

Lại không gồm trong 12 nhập, tức không phải các nhập. Không gồm trong 4 đế, cho nên nếu nói có ngã tức vọng ngữ.

Lại trong pháp ông nói, pháp khả tri là 5 pháp tạng: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết. Ngã ở trong pháp thứ 5, tức khác với 4 pháp kia. Ông muốn cho khác với 4 pháp trước mà không phải thứ 5 là không thể được. Như nói ngã là bị các lỗi này thì cần gì vọng tưởng phân biệt ngã làm chi? Cho nên trước ông nói có câu:

Ngoại đạo rời 5 âm rời riêng chấp có ngã, chúng tôi không phải vậy. Điều này không đúng.

Lại trước ông nói ngã chỉ giả danh nên nghĩ kỹ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong Phật pháp nói việc thế đế không cần nghĩ kỹ.

Lại ông nói vọng ngữ thấy điên đảo, cũng như vậy.

Lại như ông nói: Không nên nói thật nghĩa trong kinh. Điều này nên nói, vì khiến cho biết đệ nhất nghĩa.

Lại ông nói, những chỗ thế gian nói đều nên tùy thuận theo. Nhưng nếu nói trời Tự Tại sinh ra muôn vật v.v... thì không nên chấp nhận. Nếu có lợi ích và không trái với thật nghĩa thì chấp nhận, nên không lỗi. Nếu trong thế đế có thể sinh công đức, có thể có lợi ích, như vậy nên chấp nhận. Điều này sau sẽ nói rộng.

Lại ông nói giết con bò bằng đất v.v..., không tội sát sinh. Nay xin trả lời: Nếu đối với các loài có tình thức, các âm nói nhau thì có nghiệp và nghiệp báo. Với con bò bằng đất v.v... không có việc như thế. Cho nên phải biết 5 âm hòa hợp giả danh là ngã, chứ không phải thật có.

Phẩm 36: SẮC TƯỞNG TRONG LUẬN VỀ SẮC CỦA NHÓM KHỔ ĐẾ

Hỏi: Trước ông nói sẽ luận về thành thật. Nay nói những gì là thật đây?

Đáp: Thật, là 4 đế. Đó là khổ, nhân của khổ, khổ diệt, đạo diệt khổ. Năm thụ ấm là khổ. Các nghiệp và phiền não là nhân của khổ. Hết khổ là khổ diệt. Tám Thánh đạo là đạo diệt khổ. Vì muốn thành lập pháp ấy nên mới tạo luận này. Phật tự thành lập pháp này, để độ chúng sinh nên đã nói tận mác ở nhiều nơi.

Lại Phật lược nói pháp tạng có 8 vạn 4 ngàn, trong đó có 4 y, 8 nhân. Nghĩa này hoặc bỏ mà không nói, hoặc có nói lược qua. Tôi nay muốn soạn tập có thứ lớp cho nghĩa được rõ ràng nên nói.

Hỏi: Ông nói 5 thụ âm là khổ đế. Những gì là 5?

Đáp: Sắc âm, thức âm, tưởng âm, thụ âm và hành âm.

Sắc âm là 4 đại, và những pháp gì do 4 đại mà thành. Và những pháp gì do 4 đại tạo thành gọi chung là sắc. Bốn đại là địa, thủy, hỏa, phong. Do sắc, hương, vị và xúc nên thành 4 đại. Do 4 đại này thành nhãn v.v... 5 căn. Các thứ này chạm nhau nên mới có tiếng. Địa là sắc v.v... nhóm họp cứng nhiều, nên gọi là địa. Như vậy ẩm ướt nhiều gọi thủy, nóng nhiều gọi là hỏa, nhẹ động nhiều gọi phong. Nhãn căn chỉ duyên sắc và làm chỗ nương cho nhãn thức, và khi đồng tính không nương, đều gọi nhãn căn. Bốn căn kia cũng như vậy. Sắc là chỉ làm chỗ bị duyên cho nhãn thức, và khi đồng tính không duyên, gọi là sắc. Hương, vị, xúc cũng vậy. Các thứ này chạm nhau nên có tiếng.

Phẩm 37: SẮC DANH

Hỏi: Trong kinh nói các sắc có, đều là 4 đại, và do 4 đại làm nhân mà thành.

Vì sao nói có, là đều là?

Đáp: Nói có, là đều là, là quyết định nói sắc tướng, chứ không nói gì khác. Vì người ngoại đạo nói có 5 đại. Vì muốn bỏ thuyết này, nên nói 4 đại và do 4 đại làm nhân mà thành. Bốn đại giả danh nên mới có. Phổ biến đến nên gọi là đại. Pháp không sắc không hình. Vì không hình, nên không phương. Vì không phương nên không gọi là đại. Lại vì thô hiện lên nên gọi là đại. Tâm số pháp không hiện, nên không gọi là đại.

Hỏi: Vì sao gọi các pháp như địa v.v... là sắc, mà không gọi thanh v.v...?

Đáp: Pháp có đối gọi là sắc, thanh v.v... đều có đối nên cũng gọi là sắc, chứ không phải như tâm pháp v.v.... Có hình nên gọi là sắc. Thanh v.v... đều có hình nên cũng gọi là sắc. Xứ sở ngăn ngại nên gọi là hình.

Hỏi: Sắc v.v... không phải đều có hình, thanh v.v... mới không có hình.

Đáp: Thanh v.v... tất cả có hình. vì có hình, vì có đối, nên có ngăn ngại, như bị vách ngăn thì không nghe.

Hỏi: Nếu thanh v.v... có ngăn ngại, thì phải không thu nhận các vật, như vách ngăn nên không dung nạp được gì.

Đáp: Vì thanh vi tế nên có thể thu nhận được, như hương vị v.v... vi tế nên chung nung một hình, mà không trở ngại nhau. Cho nên thanh v.v..., vì có ngại có đối, nên đều gọi là sắc.

Lại vì tướng nó có thể tổn hoại, nên gọi là sắc. Có những sự cắt đứt tàn hại v.v..., đều nung nơi sắc. Vì trái với sắc này, nên gọi là vô sắc định.

Lại hiển thị nghiệp lành dữ đời trước, nên gọi là sắc.

Lại cũng hiển thị tâm và tâm số pháp, nên gọi là sắc.

Lại vì xung danh, nên gọi là sắc.

Phẩm 38: BỐN ĐẠI GIẢ DANH

Hỏi: Bốn đại là giả danh, nghĩa này chưa thành lập được vì có người nói 4 đại là thật có?

Đáp: Bốn đại giả danh nên mới có. Sở dĩ vì sao? Phật vì ngoại đạo nên nói 4 đại. Có các ngoại đạo nói sắc v.v... tức là đại, như phái

Tăng-khur v.v.... Hoặc nói rời sắc v.v... là đại, như Vệ-thế sư v.v.... Cho nên kinh này quyết định nói do sắc v.v... mới thành địa v.v... các đại. Cho nên biết các đại là giả danh có.

Lại như kinh nói địa chủng là cứng và nương cứng. Cho nên không chỉ có cứng cho là địa.

Lại người đời cũng đều tin các đại là giả danh có. Sở dĩ vì sao? Vì người đời nói trông thấy đất, ngửi thấy đất, chạm vào đất và mùi vị đất.

Lại trong kinh nói: Đất có thể trông thấy và đụng chạm.

Lại vào đất v.v..., vào trong tất cả, người ấy thấy sắc đất mà không thấy cứng v.v....

Lại người chỉ ra sắc đất, hương đất, vị đất, xúc đất; trong pháp thật có, không thể chỉ ra gì khác.

Lại nghĩa của tên đại là phổ biến cùng khắp, tướng này là nói trong giả danh, chứ không chỉ nói trong tướng cứng.

Lại nói địa trụ trên thủy là giả danh địa trụ, không phải chỉ có tính cứng trụ.

Lại nói cõi đại địa bị đốt cháy tận diệt mà không còn khói than là đốt cái địa giả danh, không phải chỉ đốt cái tính cứng.

Lại vì sắc v.v... nên tin có địa v.v..., không phải chỉ có tính cứng v.v....

Lại trong thí dụ cái giếng nói, nước cũng thấy cũng xúc. Nếu tính ướt là nước thì không có 2 thứ được. Sở dĩ vì sao? Vì Phật nói 5 tình thức không thể thay nhau thủ trần cảnh. Cho nên Phật nói nước có 8 công đức là nhẹ nhàng, mát mẻ, mềm mại, ngon ngọt, trong sạch không hôi, mỗi khi uống vào điều hòa khoan khoái, và uống rồi không bệnh hoạn. Trong đây như nhẹ mát mềm đều thuộc xúc nhập, ngọt thuộc vị nhập, trong sạch thuộc sắc nhập, không hôi là hương nhập,

điều hòa khoan khoái và không bệnh là thể lực của nước. Tám thứ hòa hợp này gọi chung là nước. Cho nên biết các đại là giả danh có.

Lại pháp do làm thành đều là giả danh không thật có. Như trong kệ nói: Bánh xe v.v... hòa hợp, nên gọi là cái xe, 5 âm hòa hợp, nên gọi là người.

Lại như A-nan nói: Các pháp do nhiều duyên thành, ta không quyết định chỗ nào cả.

Lại như có người nói tính cứng v.v... là đại. Người ấy cho rằng tính cứng v.v... làm chỗ nương cho sắc v.v.... Vậy thì có nương, có chủ không phải là Phật pháp. Cho nên biết 4 đại đều là giả danh.

Lại trong các pháp có mềm mịn trơn láng v.v..., đều thuộc xúc nhập. Tính cứng v.v... 4 pháp có nghĩa gì đâu mà riêng được gọi là đại? Lại nữa, một thứ mà có 4 chấp, đều có sai lầm. Cho nên biết 4 đại chỉ là giả danh.

Lại nữa, thật pháp hữu tướng, giả danh hữu tướng, và giả danh sở năng sau sẽ nói rộng. Cho nên 4 đại không phải thật có.

Phẩm 39: BỐN ĐẠI THẬT CÓ

Hỏi: Bốn đại là thật có. Sở dĩ vì sao? Vì trong A-tì-đàm nói: Tướng cứng là địa chủng, tướng ướt là thủy chủng, tướng nóng là hỏa chủng, tướng động là phong chủng. Cho nên 4 đại là thật có.

Lại sắc v.v... tạo sắc, do 4 đại sinh, giả danh có thì không thể sinh pháp được.

Lại lấy tính cứng v.v... chỉ cho 4 đại, như nói tính cứng, nương tính cứng là địa. Cho nên tính cứng v.v... là thật đại.

Lại như trong kinh, Phật nói 2 thứ: Cứng nương cứng, ướt nương ướt v.v.... Cho nên biết cứng là thật pháp, nương cứng là giả danh. Các đại khác cũng vậy. Cho nên cứng v.v... là thật đại. Pháp

nương cứng vì tùy tục nên gọi là đại thôi. Cho nên mới có 2 thứ đại, vừa thật vừa cũng là giả danh.

Lại như trong A-tì-đàm nói: Hình xứ là địa, tướng cứng là địa chủng. Các đại khác cũng như vậy.

Lại trong kinh Phật nói: Trong con mắt có tính cứng và nương cứng là địa, tính ướt và nương ướt là thủy, tính nóng và nương nóng là hỏa. Thịt là địa. Trong thịt này Phật nói có 4 đại, thì phải biết cứng v.v... là thật đại, mà hình là giả danh đại.

Lại Phật không nói trong phong có nương, nên mới biết phong là thật đại.

Lại nếu ai nói 4 đại là giả danh, thì lia tướng đại, nếu nương cứng gọi là địa chủng thì thủy nương vật cứng, thủy tức là địa ư? Cục đất bùn nương ướt, đất bùn tức là thủy ư? Như người bị sốt, cả thân đều nóng, thân tức là hỏa ư? Điều này không đúng. Cho nên không được nói nương cứng là địa chủng, mà chỉ có tính cứng mới là địa chủng. Các đại khác cũng như vậy.

Lại nữa, 4 đại cùng sinh, cho nên không rời nhau. Như trong kinh nói: Có bao nhiêu sắc đều do 4 đại tạo thành. Nếu ai nói 4 đại là thật, thì không rời nhau. Mà nếu 4 đại giả danh thì phải rời nhau. Sở dĩ vì sao? Vì các thứ sắc v.v... nương cứng, rời các thứ ướt v.v..., như vậy thì trong con mắt không có 4 đại, tức trái với kinh. Ông muốn không trái với kinh thì phải công nhận 4 đại là thật.

Trước ông nói: Vì ngoại đạo nên nói 4 đại. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì các ngoại đạo nói 4 đại cùng với sắc v.v... hoặc một hoặc khác. Chúng tôi nói một phần ít xúc nhập là 4 đại. Cho nên không bị lỗi.

Lại chúng tôi nói hiện thấy cứng v.v... là 4 đại, chứ không phải như người phái Vệ-thế sư nói 4 đại cũng có mà không phải hiện thấy.

Lại ông nói cứng và nương cứng. Có 2 nghĩa của nương, như trong kinh nói sắc nương sắc.

Lại nói tâm nương đại pháp. Trong nghĩa này nói cứng tức là nương cứng, mà không nói pháp nào khác. Nếu vậy thì đâu có lỗi gì?

Lại ông nói người đời đều tin, cho đến nước có 8 thứ công đức. Đó chỉ là tùy tục mà nói vậy thôi, chứ không phải là thật đại.

Lại ông nói pháp nhân đó mà thành, đều là giả danh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Nếu 6 xúc nhập, hoặc pháp do 6 xúc nhập mà thành.

Lại có Tì-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: Do 4 đại tạo thành sắc thanh tịnh, đó gọi là mắt. Như vậy thành 12 thứ nhập.

Lại ông nói có chủ có nương. Chúng tôi không cho là như vậy, mà chỉ nói: Pháp trụ ở trong pháp.

Lại ông nói: Cứng v.v... có nghĩa gì mà được riêng gọi là đại? Cứng v.v... có nghĩa là như tướng cứng có thể gìn giữ, tướng nước có thể thấm ướt, tướng lửa có thể làm nóng, còn gió có thể thành tụ. Cho nên 4 đại là thật.

Phẩm 40: KHÔNG PHẢI KIA CỨNG

Đáp: Không đúng. Bốn đại là giả danh. Ông tuy dẫn trong A-tì-đàm nói tướng cứng là địa chủng v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì Phật tự nói cứng và nương cứng là địa, chứ không phải chỉ nói tướng cứng. Cho nên đây không phải nguyên nhân chính.

Lại ông nói sắc v.v... do 4 đại sinh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì sắc v.v... do nghiệp phiền não, ăn uống, dâm dục v.v... mà sinh. Như trong kinh nói: Mắt do đâu sinh? Do nghiệp sinh.

Lại nói tham vui nhóm nên sắc nhóm.

Lại như A-nan dạy Tì-kheo-ni rằng: Thân chi là từ ăn uống mà sinh, từ ái mạn mà sinh, và từ dâm dục mà sinh. Cho nên biết sắc v.v..., không chỉ từ 4 đại mà sinh.

Hỏi: Sắc v.v... tuy do nghiệp v.v... sinh, mà 4 đại cũng cần có dự một chút nhân chứ? Như nhân nghiệp nên mới có lúa, lúa này cũng nhờ hạt giống v.v... mà sinh. Như vậy mắt v.v... tuy do nghiệp sinh, mà 4 đại cũng làm một chút nhân.

Đáp: Hoặc có vật không nhân duyên mà sinh, như khi kiếp tận rồi, kiếp sơ có trận mưa lớn, thì nước mưa này do từ đâu sinh?

Lại như sở dục của các chư thiên, nghĩ là được. Như người ngồi thiền và những người đại công đức, sở dục tùy ý. Các điều này đâu có duyên do gì, đâu phải chỉ là nghiệp?

Lại như sắc tướng dứt nói rồi lại sinh nữa. Như người sinh về cõi Vô sắc, rồi sinh trở lại cõi Sắc. Sắc này lấy gì làm gốc?

Hỏi: Tại sao có vật chỉ do nghiệp sinh, tại sao lại có vật đợi trợ duyên bên ngoài mới sinh?

Đáp: Nếu có chúng sinh nghiệp lực yếu nên phải nhờ hạt giống của các duyên trợ giúp mới thành. Nếu nghiệp lực mạnh thì không cần ngoại duyên.

Lại nữa, pháp là phải như vậy, hoặc có nghiệp, hoặc có pháp, hoặc có sinh xứ, nhưng chỉ do nghiệp lực mà được, chứ không cần ngoại duyên.

Lại nếu cần nhân duyên, thì nên nói hạt giống làm nhân cho mầm v.v.... Vì sao phải nói do cứng v.v... sinh?

Lại vì nghĩa gì mà do cứng v.v... sinh sắc v.v... mà không do sắc v.v... sinh cứng v.v... ư?

Lại nữa cứng v.v... có sắc v.v... cùng chung lại sinh, tại sao nói do cứng v.v... có sắc v.v..., mà không do sắc v.v... có cứng v.v...?

Lại pháp đồng thời sinh, thì không thể làm nhân cho nhau được, như 2 cái sừng đồng sinh, không được nói tả hữu làm nhân cho nhau.

Hỏi: Như đèn với sáng tuy đồng thời sinh, cũng nói sáng nhờ đèn, đèn không nhờ sáng. Điều này cũng vậy?

Đáp: Đèn với sáng không khác. Đèn do 2 pháp hợp thành: 1. Sắc. 2. Xúc. Sắc tức là sáng, cho nên không được nói khác với đèn. Ví dụ này, ông không suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Sáng này từ đèn đi tản đến các nơi. Cho nên phải khác?

Đáp: Không đi tản đến chỗ khác. Sắc sáng này hiện thấy ở trong đèn. Nếu đi chỗ khác, thì khi đèn tắt cũng vẫn còn thấy sáng, mà thật không thấy. Nên phải biết sáng này không khác đèn.

Hỏi: Lại có pháp đồng thời sinh cũng làm nhân quả cho nhau, như cái thức trong hữu đối, lấy nhãn sắc làm nhân duyên, chứ không phải nhãn sắc, lấy thức làm nhân duyên?

Đáp: Không đúng. Nhãn thức lấy tâm trước làm nhân, lấy nhãn sắc làm duyên. Bởi tâm trước diệt rồi làm sao đồng sinh?

Lại nếu pháp tùy sở nhân mà sinh tức là nhân thành, nếu tâm nhân nhờ tình trần mà có, tức là pháp do nhân thành.

Lại nữa, 4 đại tức là tạo sắc, vì là nhân sở sinh.

Lại hiện thấy vật ở thế gian do từ nhân giống nhau mà sinh, như do lúa sinh lúa, do bắp sinh bắp. Như vậy do đất sinh đất, không sinh nước v.v.... Cũng như do sắc sinh sắc. Cứ như vậy v.v....

Hỏi: Cũng thấy có vật do từ nhân khác sinh, như trồng ngược lông bò thì có cây xương bồ sinh, trồng sừng thì có cây lau sinh?

Đáp: Tôi không nói không do từ nhân khác sinh, chỉ nói trong nhân giống nhau cũng sinh được. Cho nên nói từ sắc v.v... sinh sắc v.v..., không chỉ từ 4 đại sinh. Cho nên không được nhất định nói sắc v.v... từ 4 đại sinh.

Lại như ông nói do cứng v.v... hiển thị 4 đại. Cho nên cứng v.v... là thật đại. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì tướng cứng v.v... quyết định có thể dùng phân biệt 4 thứ mềm v.v... không nhất định. Hoặc ở trong nhiều thứ cứng, hoặc ở trong nhiều thứ ướt. Cho nên không thể dùng phân biệt các thứ ấy được. Các thứ khác cũng vậy.

Lại với xúc các cứng v.v... phân biệt thứ nào gọi là mềm v.v.... Tại sao? Nếu cho ướt cũng sinh được tính dẻo, mềm, trơn, láng. Vì tướng cứng nhiều cho nên cứng rắn, thô rít như thế v.v.... Cho nên chỉ dùng tính cứng phân biệt 4 thứ.

Lại như trong kinh nói: Vì nương cứng nên hiển thị 4 đại sai khác. Cho nên biết pháp nương cứng gọi là địa chủng, chứ không phải chỉ là tướng cứng. Cho nên nói tướng cứng là nhân thành địa.

Lại với trong sự tạo thành địa, tướng cứng là nhân vượt trội, cho nên đặc biệt nói đến nó, các tướng khác cũng vậy.

Lại do đặt danh tự có bao nhiêu cứng nương cứng đều gọi địa chủng.

Hoặc lại có người chỉ nói tướng cứng là địa chủng. Vì muốn phá nghĩa này nên Phật mới nói cứng nương cứng là địa chủng. Các đại khác cũng như vậy.

Lại trong nhiều tướng cứng, vì cứng nhiều nên có 2 thứ nói. Trong tất cả thứ nhiều đều có cứng v.v... các xúc. Nếu cứng nương cứng, gọi là địa chủng; hoặc ướt nương ướt, gọi là thủy chủng; hoặc nóng nương nóng, gọi là hỏa chủng.

Lại cứng là nhân vượt trội thành địa, cho nên đối với trong ấy gọi là địa thành. Trong giả danh nhân duyên, có giả danh danh tự, như nói ta thấy người chặt rừng.

Lại như người nói có 2 thứ nói. Điều này không đúng. Nếu tùy theo thứ nói là thật, thì 12 nhập v.v... không phải thật. Cho nên nhân

nhãn duyên sắc mới có nhãn thức sinh, vậy là không phải thật, vì không nói thứ nào. Đó là tà luận.

Lại như Phật nhập Hỏa chủng định, từ thân Phật phóng ra nhiều thứ sắc lửa; trong ấy thứ nào là hỏa chủng? Do sắc v.v... thành hỏa, không phải chỉ có tướng nóng.

Lại như Phật nói thân này là cái hòm nhỏ, trong chỉ đựng những tóc lông móng tay v.v.... Như trong kinh nói: Trong thân này có tóc lông móng tay v.v.... Do đó tóc lông móng v.v... là địa chủng chứ không phải lấy có 2 thứ lời nói mà gọi là thật pháp.

Lại trong Kinh Chủng Tử nói: Nếu có địa chủng mà không có thủy chủng thì các hạt giống không thể sinh trưởng được. Trong đây thứ nào là địa chủng? Nghĩa là giả danh ruộng, không không phải chỉ là tướng cứng. Thủy cũng giả danh, không phải chỉ là tướng ướt.

Lại một pháp mà 2 thứ vừa thật vừa giả danh là không thể được. Cho nên sắc v.v... là thật.

Lại nhãn v.v... vì giả danh nên có các đại cũng thật cũng giả danh, đó cũng là tà luận.

Lại trong Kinh Lục Chủng, Phật nói tóc lông móng v.v... gọi là địa chủng.

Lại trong Kinh Tượng Bộ Dụ cũng nói tóc lông móng v.v... là địa chủng.

Lại nữa, lấy nghĩa gì nói chủng là thật, mà không nói chủng là giả danh? Và nghĩa này không phải chép trong kinh.

Lại như ông nói Phật nói trong con mắt có bao nhiêu cứng nương cứng là địa v.v..., Phật dùng lời này để chỉ rõ 5 căn do 4 đại mà thành. Hoặc có người nói do từ ngã sinh căn, hoặc bảo lìa đại riêng có căn, hoặc nói các căn do các thứ tính sinh, nghĩa là từ địa đại sinh

tĩ căn v.v... Vì Phật muốn dứt các chấp này nên mới nói nhãn v.v... các căn do 4 đại hợp thành, không có thật pháp.

Lại do phân biệt mà thành giả danh nhân duyên, thì giả danh cũng không có.

Lại trong thịt này có 4 phần cứng nương cứng v.v..., Phật dùng lời này để chỉ trong các vật có là do từ 4 đại sinh.

Lại ông nói Phật không nói trong phong có nương, nên gọi là thật đại, Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì tính nhẹ trong phong là tướng vượt trội, không phải nương pháp nhẹ. Trong địa v.v... nương pháp cứng v.v... là vượt trội, phong thì không phải vậy. Lại nương pháp nhẹ ít, nên không nói.

Lại như ông nói: Nếu nói 4 đại là giả danh thì rời tướng đại, điều này không đúng. Như cứng nương cứng do 4 đại sinh, gọi là địa chung, chứ không gọi vật khác đến nương. Nếu pháp khác tướng, thì không gọi là nương nhau, mà là rời nhau.

Hỏi: Sinh, thì không gọi là nương, mà nương là vật khác đến nương?

Đáp: Danh tự là nương, chứ không phải vật khác đến nương, vì sinh pháp sai khác. Như nói hư không phổ biến đến khắp cả, mà sự thật là không đến đâu cả.

Lại ông nói 4 đại chung sinh, điều này không đúng. Như trong ánh sáng mặt trời, chỉ có sắc và có thể tiếp xúc cái nóng được, chứ không có pháp gì khác. Trong ánh sáng mặt trăng, chỉ có sắc và có thể cảm xúc cái mát lạnh, mà không có pháp gì khác. Cho nên không phải trong tất cả vật đều có 4 đại. Như có vật không có mùi vị như kim cương v.v..., có vật không hương như vàng bạc v.v..., có vật không sắc như hơi ẩm trong nhà v.v..., có vật không nóng như mặt trăng v.v..., có vật không lạnh như lửa v.v..., có vật động nhau như gió v.v..., có vật không động như tảng đá v.v... Như vậy hoặc có vật

không cứng, hoặc có vật không ướt, hoặc có vật không nóng, hoặc có vật không động. Cho nên 4 đại không phải không rời nhau.

Hỏi: Vì nhờ nhân duyên bên ngoài, nên tính các đại phát ra. Như vàng trong đá v.v... có tướng chảy, chờ khi có lửa thì phát ra. Trong nước có tướng cứng, nhờ lạnh thành băng giá. Trong gió có tướng lạnh nóng, nhân khi nước lửa thì phát ra. Trong cỏ cây có tướng động, khi có gió phát ra. Cho nên trước sẵn có tự tính, rồi nương nhờ duyên ngoài mà phát sinh ra. Cho nên biết 4 đại không thể lìa nhau được. Nếu không sẵn có bản tính thì làm sao phát ra được?

Đáp: Nếu như vậy thì trong gió hoặc có hương, hương phải có ở trong gió, như hương ướp trong dầu, hương phải có ở trong dầu. Điều này không đúng. Lại không do các đại sinh tạo sắc, như do ướt sinh ướt. Như vậy do sắc sinh sắc.

Lại nếu không rời nhau, thì trong nhân có quả, như đồng nữ có con; trong đồ ăn có bất tịnh v.v.... Chúng tôi không nói trong nhân có quả. Tuy trong sữa không bơ, mà bơ từ sữa sinh. Như vậy cần gì nhớ tướng phân biệt bảo 4 đại cùng sinh không rời nhau ư?

Phẩm 41: LÀM SÁNG TỔ BẢN TÔNG

Trước ông nói: Chúng tôi không nói 4 đại với sắc hoặc một hoặc khác, cho nên không có lỗi. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì các ngoại đạo muốn thành lập thuyết thần ngã, nên lấy 4 đại là một là khác làm thí dụ. Cho nên Phật đối với trong giả danh lấy 4 đại làm thí dụ, mới nói nghĩa 4 đại. Nếu không phải như vậy thì không nên nói. Người thế gian đều tự nhiên biết địa v.v... 4 đại mà không thấu rõ thật tính, cho nên mới vì nói, mà không nói cái tay v.v.... Nếu cho cứng v.v... là 4 đại, thì có lợi ích gì?

Lại như ông nói nghĩa nương có 2 thứ là các đại là thật. Điều này chưa rõ. Phải biết nghĩa nương này khác, đó tức là giả danh.

Lại ông nói tùy tục mà nói không phải là thật đại. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc trong kinh sách, hoặc người đời đều không cho rằng không nhân duyên nên trong sắc v.v... đặt ra tên 4 đại. Như người đời nói: Tôi thấy người. Trong sắc v.v... nói tên người, chứ không phải không nhân duyên. Nếu không có nhân duyên mà miễn cưỡng đặt tên, vậy thì thấy ngựa nên nói là người, mà thật đâu phải vậy được.

Lại vì có chi mà không đối với tiếng nói gọi là đất? Người đời thường nói tiếng đất mà không bao giờ nói tiếng là đất. Nếu không nhân duyên mà miễn cưỡng đặt tên, thì cũng có thể nói tiếng là đất được. Mà thật không phải nói vậy được. Cho nên sắc v.v... 4 pháp là địa. Trong địa phần, gọi tên địa. Như sắc là nhân thành giả danh, trong đó gọi tên người, trong cây gọi tên rừng, trong Tì-kheo gọi tên Tăng. Như vậy trong pháp sắc v.v... gọi tên tứ đại.

Lại ông nói 6 xúc nhập, hoặc nhân 6 xúc nhập tạo thành. Kinh này không phải như vậy. Như trong pháp ông, tạo sắc không có chỗ có thể sinh. Trong pháp tôi cũng vậy, trong giả danh lại không có cái được sinh. Cho nên kinh này không nên có, nếu có nên đổi nghĩa này đi.

Lại ông nói nhân 4 đại tạo sắc thanh tịnh nên gọi là nhãn. Điều này không phải như vậy. Bốn đại hòa hợp giả danh là nhãn. Phật gọi 4 đại là sắc, sắc thanh tịnh nên gọi là nhãn.

Lại tuy ông nói pháp trụ trong pháp, không nương không chủ, tức là có nương chủ, vì nghĩa trụ là nương, pháp bị nương là chủ.

Lại ông nói tướng cứng có thể duy trì v.v..., Điều này không phải vậy. Không phải chỉ có tính cứng có thể duy trì mà nhờ nhiều nhân duyên khác nữa. Các thứ khác cũng như vậy. Cho nên 4 đại là giả danh có.

Phẩm 42: KHÔNG CÓ TƯỚNG CỨNG

Hỏi: Ông nói nhiều sắc cứng thành địa đại. Cho nên địa v.v... là giả danh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì pháp cứng còn không có, huống là giả danh địa. Nếu cục đất bùn là cứng, cục đất bùn cũng tức là mềm. Cho nên biết tướng cứng không nhất định.

Lại vì ít nhân duyên nên sinh tâm biết cứng, nếu vi trần hợp thừa thớt, gọi là mềm, hợp dày đặc gọi là cứng. Cho nên không nhất định.

Lại trong một pháp không có 2 chạm xúc, khiến tâm này sinh biết thân cứng mềm không nhất định. Vì đối đãi nhau mà có, như thấy tấm Khâm-bạt-la thì gọi là mềm vì nó mềm, mà gọi là nệm vì nó cứng. Xúc pháp không nên đối đãi nhau mà có.

Lại tự thấy vàng đá, thì biết là xúc cứng, không phải mắt có thể biết được cho nên không có cứng. Vì các nhân duyên này nên các xúc như mềm v.v... cũng đều không có.

Phẩm 43: CÓ TƯỚNG CỨNG

Đáp: Thật có tướng cứng. Tuy ông nói cục bùn là cứng, cục bùn tức là mềm. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì chúng tôi không cho có pháp thật cục đất bùn, chỉ các pháp hòa hợp giả danh cục bùn, nên không bị lỗi.

Lại ông nói vì nhân duyên ít nên sinh tâm biết cứng. Điều này không đúng. Tôi thì trong vi trần hợp dày đặc, được thành tướng cứng, nên gọi là cứng, không dày, được thành tướng mềm. Cho nên không lỗi. Nếu pháp thành được thì gọi là có. Ông lại nói trong một pháp không có 2 xúc. Điều này không đúng. Tôi thì trong một pháp có thể được nhiều xúc cũng cứng cũng mềm. Ông lại nói cứng mềm

đổi đãi nhau nên không nhất định. Điều này không đúng. Vì như dài ngắn v.v... do đổi đãi nhau mà có.

Lại như nếm vị đường phèn trắng, liền cho đường phèn đen là đắng. Nếm vị Ha-lê-lặc, lại cho đường phèn đen là ngọt. Nếu vì đổi đãi nhau nên không có, thì vị cũng không.

Hỏi: Trong đường phèn đen có 2 thứ vị vừa ngọt vừa đắng chăng?

Đáp: Trong tám vị cũng có 2 xúc, vừa cứng vừa mềm.

Lại như nói thấy đá biết cứng, do trước kia đã có chạm xúc nên nay so sánh biết. Như thấy lửa biết nóng, nóng không thấy được.

Lại như người thấy vải Khâm-bạt-la sinh nghi là cứng hay mềm? Cho nên xúc không phải mắt thấy được. Do đó nên có cứng v.v... các xúc.

Lại thật có cứng v.v.... Sở dĩ vì sao? Vì có thể khởi tâm phân biệt. Nếu không cứng làm sao phân biệt được? Lại cứng có thể cùng tâm làm duyên và cũng làm ra nghiệp khác nghĩa là đập, ném đi v.v...,

Lại với mềm ướt trái nhau nên gọi là cứng.

Lại do có thể duy trì nhân duyên nên gọi là cứng.

Lại có thể trở ngại cái tay v.v... nên gọi là cứng. Lại chúng tôi hiện biết là cứng. Trong sự hiện biết không cần nhân duyên.

Lại do bởi việc thế gian được gọi là cứng. Các thứ khác cũng như thế, cho nên biết có cứng.

Phẩm 44: TƯỞNG CỦA 4 ĐẠI

Hỏi: Tôi đã biết có pháp cứng này, nhưng nay thấy vàng nóng thì chảy, nước lạnh thành băng. Vàng này do cứng nên thuộc đất, chảy nên thuộc nước?

Đáp: Mỗi pháp có tự tướng riêng. Như pháp cứng nương cứng là địa chủng; như ướt nương ướt là thủy chủng v.v....

Hỏi: Vàng cứng thì bị tiêu chảy, nước ướt thì đóng băng. Tại sao các đại không bỏ tự tướng? Như trong kinh nói: Tướng 4 đại hoặc có thể biến đổi. Người được 4 tín không thể được khác?

Đáp: Tôi không lấy cứng làm chảy, lấy ướt làm cứng. Có điều là cứng và chảy là nhân, ướt và cứng là nhân. Cho nên không bỏ tự tướng.

Hỏi: Trong A-tì-đàm nói: Ướt là tướng nước. Hoặc có người nói: Chảy là tướng nước. Trong kinh nói: Thấm là tướng nước. Rốt cuộc cho đàng nào là thật?

Đáp: Chảy, ướt, thấm đều là biệt danh của nước.

Hỏi: Chảy là hành nghiệp của nước, vì là pháp mắt thấy được. Cho nên chảy không phải ướt thấm?

Đáp: Vì ướt thấm nên chảy, ướt nên chảy rút xuống. Cho nên chảy tức là thấm, mà ướt thấm cũng là tướng của nước, chảy là nghiệp của nước.

Hỏi: Trong gió nói tướng nhẹ động. Nhẹ khác, động khác. Nhẹ là thuộc về xúc nhập, động thuộc về sắc nhập. Nay có thể cho cả 2 là pháp là gió được sao?

Đáp: Nhẹ là tướng của gió; động là nghiệp của gió. Tướng với nghiệp hợp lại nói.

Hỏi: Không có tướng động, vì các pháp niệm niệm diệt, nên không đến chỗ khác. Vì có đến chỗ khác mới gọi là động. Đến, đi, động là đồng một nghĩa vậy?

Đáp: Tôi chỉ dùng thế để nên mới gọi là nghiệp, chứ không phải đệ nhất nghĩa. Nhờ pháp nhẹ này, chỗ khác pháp sinh được gọi là nghiệp. Lúc bấy giờ gọi là đi.

Hỏi: Tướng nhẹ không nhất định. Sở dĩ vì sao? Vì đối đãi mới có. Như vật 10 cân, đối với 20 cân là nhẹ, với 5 cân là nặng?

Đáp: Pháp nặng, pháp lờng, nhờ tâm v.v... các pháp đối đãi nhau mà có. Như hoặc có pháp đối đãi nên dài, hoặc có pháp đối đãi nên ngắn. Tướng chung là nhờ tâm nên mới có tướng riêng. Nếu pháp nhẹ vì đối đãi nhau nên không có, thì các pháp này cũng phải đều không, mà đâu phải vậy. Cho nên đối đãi nhau không phải là nguyên nhân chính.

Lại nhẹ không phải đối đãi nhau mà có, vì không thể cân được nên có. Vật không thể cân được như gió trong đây. Cho nên không phải đối đãi nhau mới có. Chỉ pháp nặng đối đãi nhau, vì không có vật nặng nào mà không cân được.

Hỏi: Nếu không cân được gọi là nhẹ. Vậy thì trừ nặng, còn các pháp sắc thấy, không cân được, đều phải là nhẹ, mà đâu phải vậy. Cho nên ông đã nói không phải là tướng nhẹ?

Đáp: Ý chúng tôi nói lìa sắc v.v..., lại không pháp gì khác gọi là nặng. Pháp sắc v.v..., hoặc có sinh tính cân được. Như cứng không cứng, sức không sức, mới, cũ, mục không mục, tiêu không tiêu, thô nhuyễn v.v..., đều không lìa sắc v.v... mà có tướng nặng. Cũng như vậy, các sắc này hoặc thuộc địa thủy thì cân được; hoặc thuộc phong hỏa thì cân không được.

Hỏi: Nếu pháp nặng không lìa sắc thì pháp nhẹ cũng phải không lìa sắc mà có chứ?

Đáp: Nhưng lìa sắc v.v..., không riêng có pháp nhẹ. Chỉ có sắc v.v... hòa hợp là nhẹ.

Hỏi: Không phải vậy. Muốn phân biệt nặng nhẹ, ắt phải dùng thân căn. Cho nên nặng nhẹ không phải sắc v.v...?

Đáp: Như phân biệt cứng v.v..., hoặc dùng mắt, hoặc dùng tai v.v.... Những vật cứng này không lìa sắc. Nhẹ nặng cũng như vậy. Tuy dùng thân căn, trong ấy lại không có tướng gì khác.

Lại thân căn không xúc không sinh thân thức. Tướng nặng này tuy thân chưa chạm xúc, mà cũng có thể sinh thức. Như vật nặng tuy dùng vật gói cầm mà cũng biết là nặng.

Hỏi: Không phải lúc bấy giờ biết là tướng nặng?

Đáp: Như người mặc áo tuy không chạm xúc nhau, nhưng cũng được biết họ có hay không có sức mạnh. Nhẹ nặng cũng như vậy. Sở dĩ vì sao? Vì do các thứ xúc sinh các thứ biết về thân. Như hoặc bởi đê bầm sinh biết cứng mềm, hoặc bởi cử động sinh biết nhẹ nặng, hoặc bởi nắm bắt sinh biết mạnh yếu, hoặc bởi tiếp xúc sinh biết lạnh nóng, hoặc bởi xoa vuốt sinh biết rít trơn hoặc bởi bóp nắn sinh biết cứng yếu, hoặc bởi cắt đâm, hoặc bởi roi gậy sinh biết khác thứ. Hoặc có thứ xúc thường ở trong thân, không phải như lạnh nóng v.v... từ bên ngoài đến. Nào là khoan khoái, mệt mỏi, không mệt mỏi, hoặc bị bệnh, hoặc lành bệnh, thân lợi thân độn, biếng nhác, mê muội, tỏ mờ, đau đớn tê liệt, rên rỉ, đói khát, no nê, thèm muốn, không thèm muốn, mờ ám v.v... các thứ xúc, đều sinh biết khác nhau.

Hỏi: Nếu tướng nhẹ nặng tức trong các sắc v.v... thì làm sao với trong sắc v.v... đem thân thức duyên biết được?

Đáp: Không phải trong các sắc v.v... dùng thân thức duyên biết, chỉ trong xúc này có phần ít do thân thức duyên, như cứng không cứng v.v... tuy ở trong các sắc v.v..., hoặc dùng mắt thấy được biết.

Lại như khoan khoái v.v... là do các sắc v.v..., nhưng cũng dùng thân thức phân biệt. Điều này cũng như vậy.

Hỏi: Nếu nhẹ nặng chỉ là xúc thì có lỗi gì, cần gì phải dùng phân biệt các sắc v.v...?

Đáp: Như người đời nói lúa mới lúa cũ. Tướng mới cũ là phải khác sắc v.v..., mà thật không phải vậy. Chỉ có sắc v.v... mới sinh gọi

là mới. Nếu tướng mới này là tướng nặng của các sắc v.v... thì sao không phải?

Hỏi: Nếu các sắc v.v... tức là nhẹ nặng v.v... thì tướng nhẹ ở trong lửa gió, thì các sắc nhẹ nhiều phải gọi là gió chứ?

Đáp: Tùy tướng nào nhiều tức gọi là đại. Trong lửa cũng có tướng nóng nhẹ. Vì nóng nhiều nên gọi là lửa, chứ không lấy nhẹ nhiều mà gọi là lửa được. Trong gió chỉ có nhẹ không nóng. Cho nên chỉ lấy nhẹ mà gọi.

Lại chúng tôi không những lấy nhẹ gọi là gió, mà nếu nhẹ nặng làm nhân cho động, thì cũng gọi là gió. Như trong kinh nói: Tướng nhẹ động gọi là gió. Với trong đây tướng nhẹ là gió, động là nghiệp của gió.

Hỏi: Gió có thể làm sập núi. Nếu là vật nhẹ làm sao sập núi được?

Đáp: Gió bạo mà có sức mạnh, thế lực nó có thể như vậy. Nếu như có gió có thể động cộng cỏ nhỏ, hoặc có thể xô núi sập, phải biết đó là nghiệp dụng của gió như vậy.

Hỏi: Nay địa v.v... các đại đều là các sắc hương vị xúc, không sai khác ư?

Đáp: Không nhất định. Như nói trong đất có sắc hương vị xúc. Hoặc chỉ có sắc xúc, như vàng bạc v.v.... Hoặc trong nước có sắc hương vị xúc, hoặc có 3 là sắc, vị và xúc. Hoặc trong lửa có sắc hương vị xúc, hoặc có 3 thứ là sắc hương xúc, hoặc chỉ sắc xúc. Trong gió hoặc có xúc không hương, hoặc có cả hương xúc. Cho nên không nhất định.

Hỏi: Phong xúc như thế nào?

Đáp: Lạnh nóng cứng mềm yếu v.v... các xúc. Nếu tùy các đại nổi nhau không rời để có thể biết, thì đó là đại xúc.

Hỏi: Có thầy thuốc bảo sắc gió là đen. Sự thật như thế nào?

Đáp: Gió với sắc đen là nhân. Như người bị cảm gió trong miệng có vị đắng, nhưng người thầy thuốc không nói trong gió có vị. Đó tức gió và vị là nhân.

Hỏi: Có người nói gió lạnh mà không nói gió nhẹ. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không có chuyện gọi lạnh là gió. Như băng tuyết lạnh mà không gọi là gió.

Lại gió và lạnh tên khác nhau. Sở dĩ vì sao? Vì như gió nóng và gió không lạnh không nóng, cũng gọi là gió. Cho nên cần y theo các nhẹ gọi là gió.

Lại không sinh pháp sắc xúc v.v... gọi là gió, chứ không phải lạnh là gió.

Hỏi: Nếu gió có sắc vị thì có lỗi gì?

Đáp: Sắc vị không thể có trong gió được. Nếu nói tuy có mà vì quá vi tế nên không thể biết được, nhưng trong tâm cũng nên nhớ tướng phân biệt cho là có sắc vị, thì điều này cũng không đúng.

Lại nữa, chúng tôi không nói trong nhân có quả. Cho nên nếu việc trong quả có, thì bắt tất trong nhân có trước. Đây gọi là thành lập 4 đại là thật.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 4

Phẩm 45: CĂN GIẢ DANH

Hỏi: Mắt v.v... các căn với 4 đại là một hay khác?

Đáp: Do nghiệp nhân duyên 4 đại thành mắt v.v... các căn. Cho nên không khác 4 đại.

Lại Phật phân biệt mắt nói như thế này: Trong con mắt thịt có cứng nương cứng gọi là địa chủng. Cho nên biết có căn tức là 4 đại. Sở dĩ vì sao? Vì chỉ phân biệt cứng v.v... thì lại không có mắt. Vì Phật muốn cho người đời biết con mắt là không, nên mới nói như vậy. Nếu không phải vậy thì trong con mắt phải riêng có cứng v.v..., hoặc trong cứng v.v... riêng có mắt? Tùy có phân chia cứng v.v..., cũng không ích gì. Cho nên các căn không khác 4 đại.

Lại như trong Kinh Lục Chủng nói 6 thứ là người. Nếu các căn khác 4 đại, thì mắt v.v... không gọi nhân duyên tạo thành người. Nhân sắc v.v... thành 4 đại. Thanh cũng là nhân duyên tạo thành người. Chỉ trong 6 thứ giả danh là người, cho nên biết các căn không khác 4 đại.

Lại có Ti-kheo hỏi Phật: Những gì là mắt? Phật đáp: Bởi 4 đại thành sắc, không thể thấy mà có đối, đó là mắt. Cho nên biết không khác 4 đại. Ti-kheo này có lợi căn trí tuệ, nên đối với mắt v.v... các

căn rất sinh nghi rằng người đời đều biết mắt thấy sắc, cho đến cũng biết thân chạm xúc. Tì-kheo này với trong mắt v.v... sinh nghi ngờ là có hay không có. Sở dĩ vì sao? Vì có các sư hoặc nói 5 tính là 5 căn, hoặc nói 1 tính. Tì-kheo này muốn thử xem Phật pháp nói ra sao, nên mới hỏi Phật. Phật muốn chỉ rõ 5 căn đều thuộc 4 đại, nên đáp bảo Tì-kheo rằng mắt này nhân 4 đại tạo thành sắc, không thể thấy mà có đối. Nếu pháp có thật thì không phải do nhân thành. Do pháp giả danh, lại thành giả danh, như do cây thành rừng.

Hỏi: Hoặc có người nói sắc thành tựu gọi là mắt. Sự thật là thế nào?

Đáp: Hoặc thành tựu hay không thành tựu, 4 đại do nghiệp nhân mà sinh gọi là mắt v.v... các căn. Nếu không phải vậy thì nghi Tì-kheo này trong mắt v.v... các căn, rốt cuộc không thể dứt nghi được. Tại vì sao? Là Phật vì nói mắt v.v... các căn do 4 đại tạo ra. Cho nên Tì-kheo này biết mắt không có thật pháp. Cho nên biết mắt v.v... không khác 4 đại.

Lại nhiều chỗ Phật phân biệt 4 đại chỉ rõ mắt là không. Như nói dùng tuệ không hí luận, nghĩa là quán thân này phân biệt 6 thứ: Cứng và nương cứng gọi là địa v.v.... Như vậy chán lìa 5 thứ, chỉ có một thức. Cũng như trong kinh nói thí dụ mổ bò, thí dụ voi bước đi để phân biệt 4 đại.

Lại không có mắt, nếu riêng có mắt, lẽ ra nên phân biệt nữa.

Lại như các luận sư Hòa-ta v.v... cũng đều nói như thế đó cho là không có lỗi. Nên phải tin chịu.

Hỏi: Năm căn khác với 4 đại. Sở dĩ vì sao? Vì mắt v.v... thuộc về nhãn nhập v.v..., 4 đại thuộc về xúc nhập.

Lại mắt v.v... là nội nhập, 4 đại là ngoại nhập. Mắt v.v... là căn, 4 đại không phải căn.

Lại mắt v.v... là do tạo sắc thành tựu, 4 đại không phải vậy. Cho nên biết các căn không phải là 4 đại?

Đáp: Tùy theo nhân duyên, tức nơi sự việc nên nói khác. Như tín v.v... 5 căn cũng gọi là hành ẩm. Nếu 4 đại do nghiệp sinh nhiếp thuộc về mắt v.v... cũng gọi là nội nhập, cũng gọi là căn.

Lại 4 đại tức là thành tựu, như bánh xe v.v... làm thành xe, bánh tức là xe. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Không phải vậy. Như tâm thanh tịnh gọi là tín. Tín khác với tâm, điều này cũng vậy?

Đáp: Không phải vậy. Như nhờ ngọc làm cho nước trong, mà nước được trong. Trong sạch tức là nước. Cũng như vậy, nếu được ngọc tín thì ao tâm trong sạch. Tâm trong sạch này tức là tâm.

Lại nữa, trong luận này chúng tôi không nói do tâm có lòng tin khác. Cho nên thí dụ này không đúng.

Lại căn là giả danh, với nhân thành giả danh không được nói khác.

Hỏi: Cũng không được nói một?

Đáp: Trong 4 đại thành tựu giả danh là căn cũng không chỉ gọi 4 đại là căn. Cho nên biết các căn không khác 4 đại.

Phẩm 46: PHÂN BIỆT CĂN

Hỏi: Trong các căn này đại nào nhiều hơn?

Đáp: Không có đại nào nhiều hơn.

Hỏi: Nếu các đại đồng nhau, cơ sao có người có thể thấy sắc, có người không thấy?

Đáp: Đều do nghiệp sinh. Do nghiệp sinh thuộc về mắt, sức 4 đại có thể thấy sắc, các căn kia cũng vậy.

Hỏi: Nếu do nghiệp sinh, có sao không lấy một căn biết khắp hết các trần?

Đáp: Nghiệp này có 5 thứ sai khác. Có nghiệp có thể làm nhân của thấy, như bố thí đèn đuốc, được quả báo nhãn căn. Thanh v.v... cũng vậy. Vì nghiệp sai khác, nên sức căn cũng khác.

Hỏi: Nếu là sức nghiệp, cần gì nhờ các căn; chỉ cần do sức nghiệp, thức cũng có thể thủ các trần?

Đáp: Không phải vậy. Hiện thấy không căn thì thức không sinh. Sở dĩ vì sao? Vì như người mù không thấy, người điếc không nghe. Trong việc hiện thấy nhân duyên vô dụng. Đó không phải nạn vấn.

Lại pháp là phải như vậy. Nếu không các căn, thì thức không sinh. Ngoại trừ 4 đại v.v..., không căn mà sinh. Pháp phải nhờ đó.

Lại các căn còn là trang nghiêm thân chúng sinh nữa, cho nên do nghiệp mà sinh. Như vì nghiệp nhân duyên được lúa, nên lúa sinh, mà cũng nhờ hạt giống rồi mộng, cọng, nhánh, lá thứ lớp mà sinh. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Vì sao tâm không phải vậy? Như nhãn thức lấy nhãn làm căn, cũng do diệt tâm thứ lớp, tâm chỉ lấy thứ lớp diệt tâm làm căn, lại không chỗ ở như nhãn v.v... các căn, cần phải nói nhân duyên?

Đáp: Nhất định có 5 trần, nhất định có 5 thức, tâm không phải như vậy.

Lại tâm pháp phải như vậy. Có điều là do thứ lớp diệt tâm làm căn, lại không cần thứ gì khác. Như pháp quá khứ vị lai tuy không mà ý có thể duyên, tâm pháp cũng như vậy. Điều này cũng vậy.

Lại điều này cũng đồng với pháp ông. Trong pháp ông sắc v.v... các trần, thức đợi căn mới sinh, đợi thứ lớp diệt tâm, ý thức mới sinh được.

Hỏi: Nếu ý thức mà không căn thì nương vào đâu?

Đáp: Nương thân tứ đại.

Hỏi: Nếu ở cõi vô sắc thì nương vào đâu?

Đáp: Thức ở cõi vô sắc không chỗ nương. Pháp là như vậy, không nương mà trụ. Sở dĩ vì sao? Vì tướng sai khác, nên ý thức có thể biết có không. Nếu có sắc thì nương, không sắc cũng vẫn có thể trụ. Lại các duyên hòa hợp nên thức mới sinh. Như trong kinh nói do ý duyên pháp thì ý thức sinh. Đó nương vào đâu? Đâu phải như người dựa vào vách v.v.... Tất cả các pháp đều trụ nơi tự tính.

Phẩm 47: CĂN VÀ ĐẠI ĐỒNG NHAU

Hỏi: Các ngoại đạo nói 5 căn do 5 đại sinh. Sự thật như thế nào?

Đáp: Không. Sở dĩ vì sao? Vì hư không là không có, điều này đã nói rõ. Cho nên không do 5 đại sinh được.

Hỏi: Các ngoại đạo nói trong mắt nhiều hỏa đại. Sở dĩ vì sao? Vì giống nghiệp nhân. Nhân bố thí ánh sáng nên được quả báo mắt. Như trong kinh nói: Thí áo được sắc, thí ăn được sức, thí xe được vui và thí đèn được mắt. Cho nên trong mắt hỏa đại nhiều.

Lại mắt nhờ sáng mới thấy, rời sáng thì không thấy. Cho nên biết hỏa đại nhiều.

Lại lửa có thể soi xa, vì trong mắt có ánh sáng nên có thể xa đối sắc.

Lại nói người chết mắt về lại mặt trời. Cho nên mặt trời là bản tính.

Lại mắt nhất định có thể thấy sắc, vì sắc thuộc hỏa nên thấy lại tự tính. Như vậy hư không, địa, thủy và phong v.v..., tùy theo căn mà lệch nhiều. Người chết nhĩ cản trở về với hư không; tai nhất định có thể nghe tiếng, tiếng thuộc hư không. Các căn khác cũng như vậy. Cho nên các đại trong căn, phải có nhiều ít?

Đáp: Ông nói giống nghiệp nhân. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc thấy có quả không giống nghiệp nhân. Như nói bố thí ăn được 5 việc quả báo.

Lại nếu như trong mắt sáng nhiều, thì lẽ ra không nhờ sáng bên ngoài như đèn đuốc v.v....

Lại như vì mắt nhờ sáng bên ngoài nên gọi hỏa nhiều thì trong tai v.v... các căn, hư không v.v... cũng phải nhiều, không cần nhờ hư không bên ngoài v.v...., mà thật thì phải nhờ ngoài. Cho nên không phải nhân.

Lại nước có thể làm tốt cho mắt, như người rửa mắt, mắt liền sáng tỏ, thì phải nước nhiều?

Lại lửa có thể làm hại mắt, như ánh sáng mặt trời chẳng hạn. Nếu là tự tính, không nên tự hại. Cho nên biết không phải trong mắt hỏa nhiều vậy.

Lại thiên nhãn lia sáng cũng có thể thấy sắc. Cho nên mắt không phải thuộc hỏa.

Lại trong ánh sáng mặt trăng cũng được thấy sắc. Mặt trăng không phải hỏa tính.

Lại nhãn pháp có thể như vậy. Hoặc có mắt đọi sáng mới có thể thấy, có mắt không đọi sáng vẫn thấy. Như mắt được nhân duyên hư không v.v... tuy không đến sắc mà có thể thấy từ xa. Nhãn pháp là như vậy. Không nên nhớ tưởng phân biệt gọi hỏa đại nhiều.

Lại ông nói lia sáng thì không thấy, thì nếu lia hư không, nhớ nghĩ và sắc thì cũng không thấy được. Vậy thì hư không v.v... cũng đều phải nhiều?

Lại không phải tất cả mắt đều nhờ sáng bên ngoài, như loại chim cú vọ, cú mèo v.v... loại thú mèo chồn v.v... không nhờ ánh sáng bên ngoài cũng vẫn thấy được. Nên không phải hỏa nhiều.

Lại hỏa là soi sáng thường có tướng nóng, mắt đâu phải như vậy? Nếu ông nói mắt có ánh sáng có thể xa đôi với sắc. Điều này đã bị phá, vì mắt không có ánh sáng. Nếu nói trở về mặt trời thì mắt là thường?

Lại mặt trời v.v... không phải là căn, mắt làm sao trở về được.

Lại như mặt trời chết thì căn của mặt trời và mặt trời lại trở về đâu? Cho nên không đúng.

Lại nữa, khi ở trên trời chết, mắt về chỗ nào? Vì trên ấy không có mặt trời.

Lại hư không là vô tác, thì chỗ đâu mà về?

Lại các căn không đi, vì pháp hữu vi diệt trong từng mỗi niệm.

Lại như ông nói mắt nhất định có thể thấy sắc, vì sắc thuộc hỏa trở lại thấy tự tính. Điều này không đúng, vì là nhân vô dụng. Tiếng thuộc hư không v.v... cũng như vậy. Vậy ông nói trong 5 căn các đại lệch nhiều. Điều này đã bị phá.

Hỏi: Có luận sư nói mỗi căn mỗi tính, vì trong địa nhiều Câu-na. Có hương có thể phát ra biết hương. Trong thủy, hỏa, phong, vì có vị, sắc và xúc nên có thể phát ra biết vị sắc xúc. Sự thật như thế nào?

Đáp: Tôi trước đã nói không nhất định. Trong địa có hương các vật khác cũng có. Cho nên không phải nhân.

Lại các đại hợp lại sinh, không thấy có địa lìa thủy v.v.... Nếu vì địa có hương nên có thể phát ra biết hương, thì lẽ ra cũng phát ra biết sắc v.v..., vì trong địa có đủ 4 Câu-na.

Hỏi:: Hương chỉ là địa vì có mũi thuộc địa nên xúc là có thể biết hương?

Đáp: Câu-na trong địa chỉ là địa. Có mũi lẽ ra phải biết hết các thứ.

Lại nước chỉ có xúc lạnh, lửa chỉ có xúc nóng, lẽ ra lấy lưỡi mắt có thể biết, mà thật không đwoej như vậy.

Lại vì không có Đà-la-phiêu, tức không có căn.

Lại lực dụng các căn là cùng hợp lại với trần mới sinh biết. Hòa hợp đã bị phá thì không căn dụng. Cho nên không có một tính là một căn.

Phẩm 48: CĂN VÔ TRI

Hỏi: Các căn là đến với trần nên biết, hay không đến mà biết được?

Đáp: Không phải căn có thể biết được. Sở dĩ vì sao? Vì nếu căn có thể biết trần thì có thể cùng một lúc biết hết các trần, mà thật không thể được. Cho nên do thức mới có thể biết. Trong ý ông hoặc bảo căn đợi thức cùng biết, vì căn không rời thức mà biết thì điều này không đúng. Vì không có một pháp nào đợi các pháp khác mới có sở tác. Nếu mắt có thể biết cần gì đợi thức?

Lại như căn có thể biết, thì cần phải phân biệt đây là nghiệp của căn, đây là nghiệp của thức.

Hỏi: Chiếu soi là nghiệp của căn, biết là nghiệp của thức?

Đáp: Đó không phải phân biệt thế nào là chiếu soi. Trong pháp ông, tai v.v... các căn không phải hỏa tính, nên không thể chiếu soi được. Nếu các căn đối với thức như đèn thì các căn lại chiếu soi được, như đèn thì chiếu soi lại có chiếu soi, như vậy vô cùng. Nếu lại không chiếu soi thì chỉ căn có thể chiếu soi thì cũng không cần căn, chỉ thức có thể biết. Cho nên chiếu soi không phải nghiệp của căn.

Lại căn không phải có thể biết, như đèn có thể chiếu soi mà không có thể biết, chắc chắn có thể làm chõ nương cho thức, mới gọi là nghiệp của căn. Cho nên chỉ thức mới có thể biết chứ không phải

các căn. Nếu có thức thì biết, không thức thì không biết, như có lửa thì nóng, không lửa không nóng. Phải biết do lửa có nóng.

Hỏi: Trong kinh nói: Dùng mắt thấy sắc, không nên thủ tướng. Tai v.v... cũng vậy. Cho nên biết mắt có thể thủ sắc.

Lại mắt v.v... gọi là căn, nếu nó không thể biết sao gọi là căn?

Lại trong kinh nói: Các đệ tử ta, với việc vi tế có thể biết như mắt xem thấy. Nếu mắt không có thể thấy, thì các đệ tử Phật không thấy gì cả. Điều này không thể được. Cho nên các căn nhất định có thể thủ trần.

Lại vì căn thủ trần do thức phân biệt, vậy căn thức có khác nhau?

Đáp: Trong kinh Phật tự nói: Mắt là cửa vì làm cho thấy sắc. Cho nên mắt không thấy sắc được, vì mắt là cửa, thức ở trong đó thấy, cho nên nói mắt thấy.

Hỏi: Cũng nói ý là cửa, vì biết pháp. Có thể lấy ý làm cửa, mà nó không phải biết sao?

Đáp: Ý cũng do thứ tự diệt tâm làm cửa. Cho nên ý không thể biết. Ý thức mới có thể biết.

Lại trong kinh Phật nói: Mắt muốn sắc đẹp. Mắt là sắc pháp, vì không phân biệt, nên thật không muốn, mà là thức muốn.

Lại như Phật nói: Sắc là cái bị biết của mắt. Thức mới có thể biết sắc, thật sự mắt không biết.

Lại người thế gian, vì thế tục nên mới nói mắt có thể thấy, tai có thể nghe, Phật cũng tùy theo mà nói.

Tại sao chỉ sắc có thể thấy, ngoài ra không thể thấy? Phật cũng nói thấy lỗi tham dục v.v....

Lại người đời nói hết thảy, Phật cũng tùy theo đó mà nói. Như người nghèo mà đặt tên là Phú Quý, Phật cũng theo tên đó mà gọi. Ý Phật không muốn tranh cãi với người đời, như mẹ của Ma-già-la

v.v... Cho nên phải biết đó là tùy theo thể tục mà nói, cho nên Phật mới nói mắt thấy.

Hỏi: Vì sao người đời nói những lời như vậy?

Đáp: Tùy chỗ nhân mắt biết, trong nhân này gọi là thấy. Như nói người kia thấy, người này thấy. Như nói người làm tội phúc v.v..., có chư Phật và trời thần thấy. Như nói mắt phải thấy, mắt trái thấy.

Lại nói do mặt trời sáng thấy, mặt trăng sáng thấy, hoặc hư không thấy hoặc hướng vào trong thấy, hoặc trong cửa trông ra thấy. Như trong việc nấu đồ vật nói người này nấu, người kia nấu, hoặc nói dùng củi cây nấu, phân bò nấu, dầu nấu, bơ nấu, lửa nấu, mặt trời nấu. Sự thật là lửa nấu, các vật kia gọi tên mà thôi. Như vậy chỉ có thức có thể thấy, mà mắt được tên.

Lại đây là lời bất tận, lẽ ra phải nói do cửa mắt thấy sắc.

Lại mắt là dụng cụ của người, người là giả danh tác giả cần có dụng cụ.

Lại nhờ nhãn thức mà thấy, gọi là mắt thấy. Như người ngồi trên giường cười gọi là giường cười.

Lại vì mắt liên hệ nghiệp của thức nên trong đó nói thức nghiệp. Như tay chân v.v... liên hệ nơi người, nghiệp ở nơi người gọi là nghiệp tay.

Lại nhãn thức làm nhân cho mắt, trong nhân nói quả. Như nói người nào đó đốt xóm làng nào đó. Như nói ăn vàng, gọi ăn là mạng. Cỏ là bò dê. Đều là trong nhân nói quả. Như vậy do mắt sinh thức, vì có thể thấy sắc nên gọi là mắt thấy.

Lại thức gần mắt thấy sắc bèn gọi mắt thấy. Như lừa bò đến gần nước bèn gọi bò ở nước.

Lại vì mắt nên mới phân biệt nhãn thức. Cho nên trong mắt giảm bớt nhãn thức nghiệp, như gậy Bà-la-môn.

Lại mắt có thể thành nhãn thức, cho nên trong đó nói nhãn thức nghiệp, cũng như tổn hao của vật mà gọi người tổn hao, của vật tăng trưởng, mà gọi người tăng trưởng.

Lại nhãn thức cùng với mắt hòa hợp, cho nên có thể thấy gọi là mắt thấy. Như cây hợp cùng người mà có thể đánh, gọi là cây đánh người. Như màu đen hợp nhuộm áo, nên gọi là áo đen.

Lại các pháp thay đổi nhau mà nói, như nói tuệ nghiệp trong thụ v.v....

Lại phải nói do nhãn thức thấy sắc vì trong lời nói bớt cho nên chỉ nói mắt thấy.

Lại như vị dược thạch tùy nhận một tên.

Ông nói nếu không có thể thấy sao gọi là căn. Nay sẽ đáp: Mắt v.v... 5 pháp này hơn các sắc v.v... nên gọi là căn.

Hỏi: Mắt v.v... 5 pháp cùng các sắc v.v... là 10 pháp này đều không biết trần, như lia mắt v.v... thì thức không sinh. Nếu lia sắc v.v..., thức cũng không sinh, thì lấy gì gọi là hơn?

Đáp: Vì các căn nên thức có sai khác, gọi nhãn thức nhĩ thức v.v.... Như trống với dùi hợp đánh mà có tiếng, vì trống hơn dùi nên gọi tiếng trống, như đất cùng lúa v.v... hợp mà sinh mộng, vì lúa hơn nên gọi mộng lúa. Các thức cũng vậy. Tùy nơi chỗ nương, được tên khác nhau, không vì cảnh duyên mà hoặc gọi sắc thức thì dễ sinh nghi cho đó là nhãn thức, hay là ý thức, hay là ý thức duyên sắc.

Lại trong căn có thức, trong trần không thức.

Lại đối với trong mắt v.v... sinh tâm ngã si.

Lại chỗ sở y của thức là căn chứ không phải trần.

Lại trong danh số của tự thân là gọi căn chứ không phải gọi trần.

Lại cái mà con người sử dụng là căn chứ không phải trần. Lại căn là chúng sinh số chứ không phải trần.

Lại căn không thông lợi thì thức không sáng tỏ. Nếu căn thanh tịnh thì thức sáng suốt.

Lại vì các căn có thượng, trung, hạ, nên thức cũng tùy theo mà có sai khác. Vì các lý do này nên gọi là thắng hơn.

Lại căn là không chung, chứ một trần có thể được nhiều người chung sở hữu.

Lại căn và thức là một nghiệp quả báo, chứ trần không phải như vậy.

Lại căn là nhân, trần là duyên. Sở dĩ vì sao? Vì căn khác nên thức mới có sai biệt, chứ không phải do trần. Như giống là nhân, đất v.v... là duyên, tùy giống khác nên mới có sai khác. Vì nhân thắng hơn duyên, nên được gọi là căn.

Ông nói: Đệ tử ta đối với việc vi tế, như mắt xem thấy. Đó là lời nói tùy tục. Vì người đời nói trong mắt thấy, nên mới nói như mắt xem thấy. Như Phật nói kệ:

*Sáng suốt gần tri,
Như lưỡi biết vị.
Lưỡi tuy không biết,
Không đồng giáo bầu.*

Ý nói nương nơi lưỡi sinh thiệt thức nên mới nói lưỡi biết vị, nương nơi mắt sinh nhãn thức gọi là mắt thấy. Cho nên nói đệ tử Phật như mắt xem thấy.

Ông nói do căn thủ trần, nhờ thức phân biệt. Điều này đã đáp, vì căn là vô tri.

Lại các ông cũng không nói căn suy nghĩ biết ngã có tướng sai khác. Cho nên các căn không thể thủ trần.

Lại cái biết của các ông không đợi căn sinh. Sở dĩ vì sao? Vì đại và ngã v.v..., trước có căn mà sau sinh.

Lại các đại v.v... các đế của các ông, vì không bản tính nên lẽ ra đều không có. Bản tính của pháp ông biến làm đại v.v.... Bản tính pháp là không. Điều này đã nói. Vậy thì không căn.

Phẩm 49: CĂN TRẦN HỢP NHAU LÀ NHAU

Hỏi: Ông nói thức có thể biết chứ không phải căn biết. Điều này đã thành. Nay vì là căn trần hợp nhau nên thức sinh, hay là lia nhau mà sinh ư?

Đáp: Nhãn thức không đợi đến mới biết trần. Sở dĩ vì sao? Vì mặt trăng v.v... vật xa, cũng có thể thấy được; sắc của mặt trăng không phải rời mặt trăng mà đi đến.

Lại nhờ hư không và ánh sáng nên thấy được sắc. Nếu mắt đến sắc thì không có khoảng giữa trống không và ánh sáng, như mắt bị đắp miếng thuốc dán, thì mắt không thấy được. Phải biết nhãn thức không đến mà biết. Nhĩ thức 2 thứ hoặc đến nên biết hoặc không đến mà cũng biết. Tai, tiếng kêu do đến nên biết, tiếng sấm không đến mà cũng biết. Còn 3 thức kia đều đến căn mới biết. Sở dĩ vì sao? Vì hiện thấy 3 thức này căn với trần hòa hợp mới có thể biết được. Ý căn vì không sắc nên không chỗ nào không đến.

Hỏi: Ông nói nhãn thức không đến mà biết. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong mắt có ánh sáng; ánh sáng này có thể đi thấy sắc. Ánh sáng là vật lửa. Mắt do hỏa sinh. Vì hỏa có ánh sáng.

Lại nếu không đến có thể thấy, thì sao không thấy tất cả sắc? Vì nhãn quang đi có bị ngăn ngại không đến khắp nên không thấy tất cả.

Lại trong kinh nói: Ba việc hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu không đến làm sao hòa hợp?

Lại vì 5 căn đều là hữu đối. Bởi trần ngăn ngại nên gọi là hữu đối. Mũi trong hương, lưỡi trong vị, thân trong xúc, mắt trong sắc và tai trong tiếng nếu không đến thì không ngăn ngại.

Lại hiện tại biết sinh trong 5 trần. Cho nên 5 thức đến mới có thể biết. Nếu không đến mà có thể biết, thì cũng phải biết sắc quá khứ vị lai, mà thật không biết.

Lại do nhiều duyên hợp lại nên biết mới sinh. Cho nên nhãn quang đi hợp với trần, vì nhãn quang đến sắc nên gọi là hòa hợp. Tiếng cũng vì đến tai nên mới nghe. Sở dĩ vì sao? Vì người ở chỗ xa, nói nhỏ thì không nghe. Nếu tiếng giống như sắc không đến mà biết, thì nói nhỏ tiếng, đáng lẽ cũng nghe được, mà thật không nghe. Cho nên biết vì đến mới nghe.

Lại tiếng có thể nghe xa. Nếu không đến mà nghe thì không có xa gần.

Lại tiếng vì bị vách ngăn, thì không nghe được. Nếu không đến cũng nghe thì dù bị ngăn cũng phải nghe được.

Lại tiếng nghe xa thì không rõ, nghe gần thì rõ. Nếu không đến mà nghe, thì không có sai khác. Vì đến tai nên có sai khác. Cho nên biết có âm thanh đến nên mới nghe được.

Lại tiếng thuận gió thì nghe rõ, nghịch gió không rõ. Cho nên biết có đến mới nghe được.

Lại tiếng có thể nghe hết, nếu không đến mà nghe, thì nghe không hết. Như sắc không đến mà thấy nên thấy không hết. Vậy mới biết tiếng không đồng như sắc. Nếu không đến vẫn nghe là đồng với sắc. Như sắc thấy được một phần, thứ khác cũng đợi có ánh sáng mới thấy. Tiếng lẽ ra cũng phải vậy, mà thật ra không phải vậy. Cho nên không đến tai thì không nghe.

Ông nói tai v.v... căn trần không đến mà biết. Điều này không đúng. Thanh, hương, vị và xúc, phải đi đến căn, nếu khiến căn đi, thì điều này không đúng. Vì tai v.v... các căn không có ánh sáng, chỉ một hỏa đại có ánh sáng cho nên không đi.

Lại tiếng nếu bị vật dày, đục và nước v.v... ngăn, tai cũng vẫn nghe được. Nếu căn có ánh sáng thì không thể như vậy được. Cho nên biết nhĩ căn không có ánh sáng.

Lại tai ở trong tối cũng biết trần được. Nếu căn có ánh sáng thì tôi không thể biết được.

Lại như căn có ánh sáng thì tôi không thể biết được.

Lại như căn có ánh sáng, đợi có phương hướng mới biết, thấy được một phương hướng, không thể đồng thời biết hết các phương. Như người hướng về Đông, thì thấy sắc phương Đông, không thấy các phương khác được.

Lại nói ý có thể đi, cho nên đến trần mới biết được. Như trong kinh nói: Tâm này một mình đi xa, ẩn tàng không hình dạng.

Lại tâm này tản đi như ánh sáng mặt trời chiếu.

Lại tâm này thường động, như cá mất nước.

Lại tâm này vốn tùy ý hành. Cho nên 6 trần đều đến mới biết?

Đáp: Ông nói ánh sáng đi đến, điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì như người xa thấy gốc cây trụ lá, nghi cho là người. Nếu ánh sáng đến thì đâu có sinh nghi?

Lại như quá gần mắt thì không thấy được, như mắt đắp miếng thuốc dán thì đâu thấy được. Cho nên dù cho ánh sáng đi tới, nhưng vì quá gần nên cũng không thấy gì được.

Lại mắt lia ánh sáng thì không thể thấy, quá gần thì ánh sáng mắt.

Lại nếu ánh sáng đến nơi kia, có sao thấy vật lớn mà không thấy vật nhỏ?

Lại trong v.v... sắc còn có phương hướng sai khác, nghĩa là sắc phương Đông, phương Tây, cũng có xa gần sai khác nữa. Nếu mắt đến nên biết, thì không sai khác. Sở dĩ vì sao? Vì trong hương, vị và xúc, không có sai khác đó. Cho nên ánh sáng mắt không đến mà biết.

Lại ánh sáng mắt nếu đã thấy trước thì cần gì phải đi? Nếu trước không thấy thì đi đến chỗ nào?

Lại sắc gần sắc xa đồng thời đều thấy đi, thì không thể như vậy được. Cho nên ánh sáng mắt không đi.

Lại như ánh sáng đi, giữa đường lẽ phải thấy các sắc, mà thật không thấy, cho nên biết là không đi.

Lại ánh sáng đi, ánh sáng ấy phải lia thân, thì không gọi là căn. Như ngón tay dút lia thân, thì không còn cảm giác của thân.

Lại không thấy có mắt nào có thể bỏ chỗ nương của mình, vì không có giống loại thì không phải chỗ nương.

Lại ánh sáng mắt này không thể thấy gì, thì tức là không có.

Hỏi: Mắt này có ánh sáng, nhưng vì bị ánh sáng mặt trời làm chói nên không thấy, như trong ánh sáng mặt trời các ngôi sao không thể hiện ra được.

Đáp: Nếu như vậy ban đêm phải thấy chứ?

Hỏi: Sắc pháp cần nhờ sáng bên ngoài mới có thể thấy được. Đêm không có ánh sáng ngoài, cho nên không thấy.

Đáp: Nếu ánh sáng này ngày đêm đều không thể có được, vậy thì hoàn toàn không thấy rồi.

Hỏi: Mèo, chồn, chuột v.v... và các loại trùng đi đêm, ánh sáng mắt nó có thể thấy mà?

Đáp: Sắc có thể thấy này trụ ở trong mắt mèo v.v..., như sắc sáng loài đom đóm là ở nơi thân, chứ không phải ánh sáng.

Lại như trùng đi đêm trong tối chúng có thể thấy mà người không thấy được. Vậy thì chỉ các loài ấy có ánh sáng, các vật khác không có. Pháp tự như vậy.

Lại ông nói: Nếu không đến có thể thấy, thì lẽ ra phải thấy tất cả sắc. Nếu sắc ở trong cảnh của biết, thì thấy được. Như trong kinh nói: Nếu mắt không hỏng, sắc ở trong cảnh của biết, như vậy thì thấy.

Hỏi: Thế nào gọi là cảnh của biết?

Đáp: Tùy theo lúc sắc và mắt hợp lại gọi là cảnh của biết.

Hỏi: Nếu mắt không đến, đâu có lúc nào hợp?

Đáp: Điều này cũng đồng như ông nói mắt đi đến sắc, hoặc có có thể thấy, hoặc không có thể thấy. Như mắt đi đến mặt trời có thể thấy vàng mặt trời mà không thấy nghiệp của mặt trời. Tôi cũng nói như vậy; mắt tuy không đi nếu sắc ở trong cảnh của biết vậy là có thể thấy, nếu không ở cảnh của biết thì không thấy được.

Hỏi: Ánh sáng mắt đi xa, vì thế lực cùng tột nên không thấy nghiệp của mặt trời?

Đáp: Nếu vì thế cùng tột, nên không thấy nghiệp nhỏ, chứ lượng của vàng mặt trời to, tại sao không thấy? Điều này không đúng.

Lại nếu ánh sáng đến kia có thể thấy thì có sao xa thấy vàng mặt trời mà không thấy các làng nước gần Ba-liên-phát u? Nếu trong ý ông cho rằng các làng ở Ba-liên-phát v.v... không ở cảnh của biết nên không thấy, thì tôi cũng cho rằng mắt không đến, cũng vì sắc không ở trong cảnh của biết cho nên không thấy được.

Hỏi: Đã biết các sắc ở trong cảnh của biết nên có thể thấy. Nay tại vì sao thấy được và tại sao không thấy được?

Đáp: Vì đời ngắn nên không thấy, như sắc quá khứ vị lai.

Vì ánh chói quá nên không thấy, như ánh sáng mặt trời che các ngôi sao và ánh sáng của ngọc của lửa v.v....

Vì không hiển rõ nên không thấy được, như trong đêm có thể thấy lửa, những thứ khác không thể thấy.

Vì thứ bậc hơn nên không thấy, như mắt Sơ thiên không thấy sắc của Nhị thiên.

Vì tối ngăn cản nên không thấy, như tối trong bình.

Vì thân lực nên không thấy, như thân các loài quỷ.

Vì dày đục ngăn cản nên không thấy như sắc bên kia núi.

Vì xa nên không thấy, như các thế giới.

Vì quá gần nên không thấy, như không tự thấy được lông mi.

Vì thứ lớp chưa đến nên không thấy, như bụi nhỏ trong ánh sáng thấy được, ngoài sáng thì không thấy.

Vì nhỏ nên không thấy, như gốc cây trơ trụi giống như người không phân biệt được.

Vì giống nhau nhiều nên không thấy, như cho một hạt gạo vào trong đồng gạo lớn. Và như một con quạ vào trong bầy quạ. Trái lại với những cảnh như trên thì gọi là ở trong cảnh của biết.

Hỏi: Sao là gọi mắt hồng?

Đáp: Gió, nóng, lạnh v.v... các bệnh làm hồng.

Như vì gió làm hồng mắt thì thấy các sắc xanh đen xoay tròn.

Nếu vì nóng làm hồng mắt thì thấy các sắc vàng đỏ lửa cháy.

Nếu vì lạnh làm hồng mắt thì thấy nước ao nhiều sắc trắng.

Nếu cực nhọc làm hồng mắt thì thấy cây cối lay động.

Mệt mỏi làm hồng mắt thì thấy sắc không rõ.

Giụi vào một mắt thì thấy 2 mặt trăng.

Bị qui quấy phá thì thấy việc quái lạ.

Vì sức của tội nghiệp thì thấy ác sắc. Vì sức của phúc nghiệp thì thấy sắc tinh diệu.

Vì khí nóng hư mắt thì thấy các sắc đỏ lửa cháy.

Lại vì chúng sinh được mắt không hoàn toàn nên thấy không đầy đủ.

Lại mắt bị kéo mây, cho nên không thấy. Hoặc nhãn căn hỏng nên không thấy. Đó gọi là mắt hỏng. Trái với trên, gọi là không hỏng. Tai v.v... các căn cũng căn theo nghĩa này mà phân biệt.

Hỏi:: Đã hiểu 5 trần ở trong cảnh bị biết mới biết được. Pháp trần thế nào gọi không ở cảnh biết?

Đáp: Vì bậc trên nên không biết, như tâm người Sơ thiền không biết pháp Nhị thiền trở lên.

Vì căn vượt trội nên không biết, như tâm người độn căn không biết pháp trong tâm người lợi căn.

Vì người vượt trội nên không biết, như Tu-đà-hoàn không biết pháp trong tâm Tu-đà-hàm.

Lực có sai khác nên không biết, như có ý thức mà vô lực đối với pháp ấy. Bởi vì ý thức chẳng biết pháp này, như nhiếp tâm thì ý thức biết đối với pháp ấy.

Bởi vì ý thức không biết pháp này, như nhiếp tâm thì ý thức biết được pháp.

Loạn tâm ý thức không thể biết được, như ý thức Bích-chi-phật biết được pháp, mà ý thức Thanh Văn không thể biết được. Ý lực Phật biết được pháp, mà ý lực Thanh Văn và Bích-chi-phật không thể biết được, như pháp thượng phẩm, ý thức hạ phẩm không thể biết được.

Lại vì pháp trần vi tế nên không thể biết được, như trong A-ti-đàm nói: Những tâm nào có thể nghĩ? Nghĩ là trước đã từng trải dùng qua rõ ràng có thể nghĩ. Không phải không dùng qua, như việc người chết sống. Pháp trước đã có dùng là có thể nghĩ, mà chưa từng dùng thì không nghĩ được. Thánh nhân nếu đã dùng qua, hoặc không từng dùng qua, v.v... đều có thể nghĩ biết, vì sức Thánh trí. Lại vì thắng trần nên biết, như dùng tâm cõi Sắc, biết pháp cõi Dục. Lại vì điên đảo chướng ngại nên không biết, như thân kiến duyên 5 ấm không thấy vô ngã. Vô thường, khổ cũng như vậy.

Lại vì sức mạnh chướng ngại nên không biết, như người độn căn bị người lợi căn làm chướng ngại, nên khiến tâm không biết. Trái với trên, gọi là ở trong cảnh của biết.

Hỏi: Thế nào gọi là ý hồng?

Đáp: Điên cuồng qui ám, kiêu mạn, phóng túng, thất tâm, hoặc say rượu, hoặc bị thuốc mê hôn muội loạn tâm. Hoặc có tham giận v.v... các thứ phiền não bùng lên, phóng túng hư hoại tâm, như thuật Bà-già, như người bắt cá vậy, hoặc bị bệnh Na-nhã-bà, có thể phá hoại tâm.

Lại như già bệnh chết cũng có thể phá hoại tâm. Nếu tâm ở trong thiện pháp, hoặc không ẩn chìm trong pháp vô ký, gọi là không hư hoại. Vì các nhân duyên như vậy, dù có trần cảnh, cũng không biết được. Cho nên ông nói nếu không đến có thể thấy, cứ sao không thấy tất cả sắc, điều này là không đúng.

Lại nữa ông nói 3 việc hòa hợp nên gọi là xúc, Đó là tùy theo khi căn biết trần, thì gọi là xúc, không cần phải đến nhau. Sở dĩ vì sao? Vì ý căn cũng nói 3 việc hòa hợp, trong đó không do đến nhau, mới gọi là xúc.

Lại ông nói vì đến nhau, nên gọi hữu đối, điều này không đúng. Vì đã nói không phải tương đối vậy.

Lại ông nói hiện tại sinh biết thì thức thứ 6 cũng có, nhưng chỉ biết hiện tại, như tha tâm trí.

Lại ông nói các duyên hợp nên biết sinh thì trong ý căn thứ 6 đã đáp. Nghĩa là tùy khi biết trần, gọi là hòa hợp, lại do ý duyên pháp, ý thức sinh. Lời nói ấy chỉ là trống không, vì không đi đến.

Lại vì quyết định nên gọi là hòa hợp. Nhãn thức chỉ nương mắt, không nương gì khác cũng không phải không nương, chỉ duyên sắc, không duyên gì khác, cũng không phải không duyên. Cho nên ý thức cũng như vậy.

Phẩm 50: THANH VĂN

Ông nói người ở chỗ xa, nói nhỏ thì không nghe, nên biết tiếng đến. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì như ông nói: Lời nói người ở chỗ xa là do tiếng, có tiếng nói nhau chuyển nhỏ dần, rồi không sinh nữa, cho nên không nghe. Tôi cũng nói như vậy. Mặc dầu tai không đến, nhưng tiếng nhỏ nên không nghe.

Lại như ông nói: Nhãn quang tuy đến mà chỉ thấy vàng mặt trời, không thấy nghiệp của mặt trời. Tôi cũng nói như vậy. Tuy tai không đến, vì tiếng lớn nên nghe được, nhỏ thì không nghe.

Lại như ông nói: Nhãn quang tuy đi xa, nhưng không thể đến trăm ngàn vạn do-tuần. Tuy có thể thấy suốt sự ngăn ngại của thủy tinh v.v..., mà sự ngăn ngại của vách v.v... thì không thấy được. Và có thể thấy mặt trời mà không thấy nghiệp của mặt trời. Tại tôi cũng như vậy, tiếng tuy không đến, vì to nên nghe được, mà không phân biệt kỹ.

Lại ông nói thuận gió thì rõ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không có ai nghịch gió mà nghe được. Giống như hương nghịch thì không nghe, tiếng cũng như vậy, nghịch gió lẽ ra không nghe

được chút nào, mà thật ra thì nghe được. Cho nên biết tiếng không đến mà nghe. Nếu tiếng nghe được chút ít nhưng vì bị gió ngăn.

Lại tiếng không phải như hương bị gió thổi, cần gì phải phân biệt gió thuận hay nghịch?

Lại như ông nói: Tiếng có thể nghe hết, cho nên biết đi đến không đồng sắc. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì lẽ thanh pháp nghe hết, sắc pháp thì không. Muôn vật đều có đồng tướng dị tướng; cho nên biết trần là đồng, biết hết không hết là dị, không vì đến không đến mà cho là dị.

Lại nữa, tiếng của chuông linh có thể nghe trong chuông linh. Làm sao biết? Như người muốn nghe tiếng chuông linh, thì đưa tai vào cái linh.

Lại tiếng là cầu-na cho nên không đi, vì các cầu-na là không tác nghiệp.

Hỏi: Do tiếng nói nhau sinh cầu-na của tiếng, như sóng trong nước, gọi là tiếng đi?

Đáp: Tiếng này cùng sóng dụ làm sao được? Vì tướng nước gió quạt động thì có sóng sinh, chứ ở trong tiếng lại có tiếng gì có thể sinh tiếng khác? Nếu ý ông bảo tiếng có thể sinh tiếng khác thì có sao không tức nơi bản xứ mà sinh cũng không ở xứ khác sinh? Vì nước với nước đập vào nhau mới có sóng sinh. Nếu nói rằng người là tạo tiếng, tai phải là nói, mà thật sự không phải. Cho nên biết tiếng không nói mà đi.

Lại như tiếng chuông linh chuyển dần nói nhau sinh, mà cái chuông linh không phải không tiếng. Nếu tiếng như sóng liên tục sinh, thì trước tiên nước không có sóng. Như vậy do cái chuông linh có tiếng, cái chuông linh phải không có tiếng, mà thật ra không phải vậy. Cho nên biết tiếng ở trong cái chuông linh.

Lại như nắm cái linh thì tiếng dứt mất, nên biết tiếng thường nương ở linh. Nếu tiếng nương nơi cái linh thì cũng lìa cái linh. Vậy khi nắm cái linh tiếng phải diệt mất, khi buông tay nắm ra tiếng phải còn.

Lại hiện trong lời nói không có như linh liên tục sinh, lại trong tiếng có phương sai khác, nghĩa là tiếng phương Đông, phương Tây, cũng có tiếng gần tiếng xa. Nếu tiếng đến tai, thì không có việc sai khác này.

Lại nếu tiếng đến, thì thiên nhĩ vô dụng. Sở dĩ vì sao? Vì tiếng nhiều trăm ngàn thế giới làm sao đến được.

Lại như tiếng bắn, có thể trúng chỗ tiếng; nếu tiếng đến tai, phải là tai tự bị bắn. Nếu không phải vậy, không gọi tiếng bắn.

Lại như tiếng xa gần có thể đều nghe được.

Lại vì tiếng niệm niệm diệt, nên không sinh tiếng khác, không có thấy pháp nào niệm niệm diệt có thể sinh pháp khác được! Cho nên tiếng không sinh tiếng khác. Như nghiệp niệm niệm diệt không sinh nghiệp khác được. Tiếng cũng như vậy, niệm niệm diệt nên chẳng sinh tiếng khác. Nếu tiếng sinh tiếng khác, nghiệp cũng phải sinh nghiệp khác. Vậy thì nghiệp không sinh nghiệp, lời nói này hòng.

Lại trong pháp của ông tiếng với tiếng khác trái nhau, trái nhau vì đôi bên không ở đồng chỗ. Nếu tiếng với tiếng khác ở đồng chỗ, thì không gọi trái nhau. Nếu không ở đồng chỗ, thì tiếng trước diệt rồi, tiếng sau mới tự sinh. Cho nên tiếng không sinh tiếng khác.

Lại tiếng là một pháp, làm sao có thể sinh tiếng khác; không thấy một vật mà có thể sinh.

Hỏi: Như hợp là một, có thể sinh thành vật, thì tiếng cũng như vậy, tuy là một pháp, mà có thể sinh tiếng khác.

Đáp: Ông thấy hợp pháp là một, có thể có sinh được. Tiếng cũng như vậy. Sắc cũng là một, lẽ ra phải sinh sắc khác. Hương vị

xúc cũng như vậy. Thế thì Đà-la-phiêu tức chủ vạn vật, hoặc có 5 tính 3 tính 2 tính.

Lại vì đồng nghiệp, nên tiếng với nghiệp đồng tướng. Như nói tuy tiếng Cầu-na diệt cùng với nghiệp đồng, như lấy ngón tay búng con dao, con dao động gọi là nghiệp, tức cũng có tiếng động không rời con dao. Tiếng cũng như vậy, lấy tay nắm con dao thì tiếng và động đều dứt. Cho nên biết nghiệp không sinh nghiệp khác. Tiếng cũng phải không sinh tiếng khác được. Nếu ông phân biệt do thế lực nghiệp ban đầu, lại sinh nghiệp sau. Như vậy cũng từ tiếng ban đầu sinh thế lực, do thế lực đó sinh các nghiệp sau. Trong đây không khác, do nghiệp có thể sinh thế lực, mà tiếng thì không thể.

Lại vì nghiệp diệt nên không gọi là nhân đà-la-phiêu. Sở dĩ vì sao? Vì nghiệp trước diệt rồi, đà-la-phiêu mới sinh. Tiếng cũng như vậy, tiếng trước diệt rồi tiếng sau mới tự sinh, tiếng sau không nên có nhân. Nếu ông hãy còn bảo tiếng trước sinh tiếng khác thì tiếng không gọi là niệm niệm diệt. Sở dĩ vì sao? Vì khi sinh tiếng này, là niệm thứ nhất, khi sinh tiếng khác là niệm thứ hai, tiếng khác sinh rồi là niệm thứ ba, khi tiếng trước diệt là niệm thứ tư. Cho nên không phải niệm niệm diệt.

Lại tiếng làm sao cùng tiếng khác trái nhau? Hay là như độc với thuốc độc trái nhau, thuốc với bệnh trái nhau ư? Nếu không như vậy, thì cái chuông linh không nên có 2 tiếng. Nếu trong một niệm, chuông linh có 2 tiếng, thì trong ngàn niệm, cũng phải chỉ có 2 tiếng.

Lại như không có cầu-na, đà-la-phiêu cùng lửa hợp lại mới sinh, cầu-na diệt, bản sắc đen lại sinh sắc đỏ. Tiếng cũng như vậy, tướng trước diệt rồi, tiếng khác lại sinh. Nếu không phải vậy, lẽ ra trong cái linh một niệm có 2 tiếng, mà thật không có 2 tiếng. Cho nên không đúng.

Lại nếu tiếng sinh tiếng khác, thì không theo nhân. Mà thật ra là do từ chuông linh sinh tiếng, vậy tức là theo nhân.

Lại tiếng khác này phải là tiếng chuông linh.

Lại tiếng khác này quyết không nên dứt, vì không có nhân dứt.

Hỏi: Do từ tiếng ban đầu này, chuyển sinh tiếng nhỏ dần, cho nên mới có dứt?

Đáp: Vì sao chuyển sinh tiếng nhỏ dần? Phải chăng tùy thể đánh trúng, tùy trúng mới có tiếng đầu tiên. Phần các tiếng thứ 2 thứ 3 v.v..., cũng tùy đánh trúng sai khác mà có. Vì không nhân đánh cho nên thể đánh giảm, vì thể đánh giảm nên tiếng chuyển nhỏ dần.

Lại nếu nhân tiếng sinh tiếng khác thì cũng phải nhân sắc sinh sắc trong bóng nước. Như vậy trăng dưới nước, tức gọi là sắc. Vậy thì kinh của Vệ-thế sư, tất cả đều bị hủy bỏ.

Lại các ông nói do lia sinh tiếng. Điều này cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không phải do tay lia sinh tiếng, mà hợp mới có tiếng. Dùng dao, tre v.v... các phần đụng vào nhau, khi lia sự chạm nhau thì có tiếng.

Lại chúng tôi không nói hợp sinh tiếng. Sở dĩ vì sao? Vì ngón tay hợp với hư không thì không sinh tiếng. Nếu ngón tay không chạm nhau cũng không sinh tiếng, cho nên không do hợp mà sinh tiếng. Chỉ do 4 đại hoặc hợp hoặc lia thì có tiếng sinh; như các nghiệp của các đại thường còn, các đại không bỏ mà đi.

Phẩm 51: NGHE MÙI

Hỏi: Ông nói hương đến mũi thì nghe. Đó cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu như tiếng có thể nghe xa, thì hương ở chỗ xa cũng có thể nghe được. Trong ý ông hoặc bảo do vật có hương này nổi nhau sinh nhân của hương. Trong tiếng nổi nhau, đã nói lỗi ấy mà?

Đáp: Hương làm sao nghe được?

Hỏi: Phần rất nhỏ trong hoa bay đi, hương cũng nương nhờ đó mà bay đi theo?

Đáp: Không phải. Nếu phần của hoa bay đi, thì phần của hoa là sắc, lẽ ra phải thấy được, mà thật sự không thấy, nên biết không đi.

Hỏi: Phần sắc của hoa này vì vi tế nên không thấy?

Đáp: Hương cũng vi tế nên không nghe được.

Hỏi: Thế lực hương lớn mạnh nên nghe được, như mùi hành trong bát canh, tuy không thấy sắc, nhưng nghe được hương?

Đáp: Nay hiện thấy sắc theo phần của hoa cũng nghe được hương, phần vi tế trong sắc, có sao không thấy?

Lại như đốt hoa, hương nó tăng thêm, sắc chỉ có diệt cho nên hương không phải phần của hoa.

Lại nếu hương là phần của hoa, lẽ ra cũng nghe chút ít, mà thật ra là không nghe.

Lại nếu là phần của hoa bay đi, thì hoa phải tổn giảm, mà thật ra không giảm. Tại sao biết? Vì như một cân uất kim, hương thường bay đi, mà vẫn thường đủ một cân.

Hỏi: Chỗ tổn giảm ít nên không biết được, như nước trong bình rơi đi một giọt, nào có biết giảm?

Đáp: Nếu thường giảm, thì hoa cũng không còn huống là không biết giảm.

Lại nếu hoa thường giảm thì không thấy nghe được, vì thường giảm nên niệm niệm sinh diệt. Niệm niệm diệt cho nên phải sinh ra đà-la-phiêu khác, huống lại không sinh cầu-na khác ư? Mà thật hoa này có thể thấy nghe được. Cho nên biết phần của hoa không đi.

Hỏi: Nếu chỉ hương bay đi, hương cũng phải hết, vì thường tồn.

Lại vì hương không phân nên lẽ ra phải hết cả.

Đáp: Chúng tôi cho phần của hoa đi theo gió, cũng không cho gió thổi hoa hương đi. Chỉ bởi hương trong hoa, lại sinh hương khác. Bởi gió hương này, lại sinh hương nữa, đi đến mũi nghe, cho nên không có lỗi đây. Vì sao biết? Như nghe hương trong mè vùng không phải hương của phần của hoa, vì đem hoa xông ướp. Nếu là phần của hoa, làm sao xông mè vùng được? Cho nên biết hương này không ở trong phần của hoa.

Lại hoa hương này hoặc xoa hoặc bóp, hoặc cho vào trong nóng, thì hương kia diệt mất. Nếu ở trong mè, thì không mất được.

Lại hoa hương này, chỉ ở trong dầu, không ở trong cặn, nên không phải phần của hoa.

Lại hương này còn lâu trong mè, mà trong hoa không còn lâu được. Nên không phải phần của hoa.

Hỏi: Nếu không phải phần của hoa thì hương của vật gì?

Đáp: Là gọi hương mè, nhân hoa mà sinh, lìa mè không được. Như vậy nhân gió hoa hương, lại sinh hương khác, Điều này đã rõ.

Lại nữa, hoặc có gió nóng gió lạnh cảm giác được, mà sắc lửa nước trong ấy không thể thấy được. Nên phải biết trong gió lại sinh xúc khác, mà không phải thổi phần nước lửa đi. Nếu cảm xúc nóng trong gió là thuộc lửa, xúc lạnh thuộc nước, xúc không nóng, không lạnh, thì phải biết thuộc đất. Như sắc nước lửa không thể được thì sắc đất vì vi tế nên cũng không thể được. Nếu như vậy thì gió không có xúc, tức là có lỗi. Người ta cũng có thể nói rằng vì như gió hợp với nước lửa nên mới có xúc lạnh nóng. Như vậy vì gió hợp với đất nên có xúc không lạnh không nóng. Trong đây không có nhân duyên quyết định phần nào nước, phần nào lửa được theo gió mà đi, mà phần đất không

đi. Như trong kinh ông nói có xúc, xúc thân mà không phải là đất nước lửa. Cho nên biết gió là tướng không thấy được. Vì lời nói này nên 3 thứ xúc đối với gió hoặc là khách tạm hoặc không phải khách. Sở dĩ vì sao? Vì 3 thứ xúc này, nếu tướng không thấy thì là gió.

Lại trong ý ông nếu cho rằng vì thấy có xúc lạnh nóng trong nước lửa là không phải phần của gió. Như vậy vì thấy có xúc không lạnh không nóng trong đất thì lẽ ra cũng không phải là phần của gió. Nếu trước riêng thấy có xúc gió không hợp với đất thì lẽ ra nên nói xúc này thuộc gió, mà thật bام đầu không thấy, làm sao được biết không lạnh không nóng chỉ là xúc gió mà không phải phần của đất ư?

Lại chúng tôi cũng nói sắc hương vị xúc chỉ là vật đất chứ không phải nước v.v... mà có được. Ý ông nếu cho rằng thấy trong nước v.v... có sắc v.v... , vì cùng hợp với đất, nên ở trong nước v.v... thấy không phải trong nước v.v... có được, như tướng nóng trong nước. Trong đó không có nhân quyết định. Vì nước hợp với lửa nên có tướng nóng, mà hợp với đất thì không có tướng sắc v.v.... Ban đầu không từng thấy riêng có nước v.v... không hợp với đất, nếu đã từng thấy thì nên nói sắc này thuộc nước, chứ không phải thuộc đất mà có, lẽ ra cũng phải phân biệt nước v.v... như vậy.

Hỏi: Tại sao trong gió sinh được hương khác, mà không sinh được xúc của sắc vị khác?

Đáp: Pháp của gió là phải vậy. Pháp có nhiều thứ không thể nghĩ bàn. Các vật khác sinh được xúc của sắc vị. Như hoa xông mề sinh vị cay đắng. Quả a-ma-lặc ngâm vào sữa, tức trở thành quả ngọt. Yên chi xông hạt ma-đầu-lâu-già thì sinh lá đỏ. Màu xanh pha với thư hoàng thì thành màu lục. Màu xanh đỏ hợp lại biến thành sắc tím v.v... như vậy với các vật khác, sinh mùi sắc khác.

Hỏi: Ông nói trong gió lại sinh hương khác. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Như trong nhà không có gió mà nghe được hương ở xa.

Lại hương ngược gió nghe được, như mùi cây thiên thụ ba-lê-chất-đa. Cho nên biết trong gió không sinh hương khác, chỉ là do hương lại sinh hương khác.

Đáp: Do có 2 thứ hương. Nếu trong gió lại sinh hương gió, nếu không gió thì nhân hương sinh hương. Đây nào có lỗi chi? Trước ông nói vì hương có thể nghe xa nên không phải đến. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì không đồng sắc vậy. Nếu không đến mà nghe thì cùng đồng với sắc không đến mà nghe.

Lại như xa thấy khói hương, thì không nghe được, khi đến mới nghe. Cho nên biết không đến thì không nghe.

Lại vì không có phép thiên tỷ, nên biết có đến mới nghe. Nếu không đến mà nghe, thì phải có thiên tỷ như thiên nhãn vậy.

Phẩm 52: BIẾT XÚC

Hỏi: Xúc cũng phải không đến mà biết được? Sở dĩ vì sao? Vì mặt trời xúc ở xa.

Đáp: Mặt trời xúc làm sao biết được?

Hỏi: Phần của hỏa từ mặt trời đi đến thân mới biết.

Đáp: Nếu từ mặt trời có phần của hỏa đi đến, khi trời lặn phần của hỏa phải còn, mà thật không còn. Nên biết không đến.

Hỏi: Mặt trời tuy lặn mà nóng hầy còn, vì xúc nên biết.

Đáp: Nếu như vậy, thì hỏa không sắc. Trong kinh ông không có hỏa không sắc, đó tức là lỗi.

Hỏi: Trong ấy có sắc vi tế.

Đáp: Hỏa sắc nhiều mà xúc ít, như thấy sắc đèn mà chưa cảm biết xúc được.

Hỏi: Xúc quyết định đến mới biết hay sao?

Đáp: Xúc quyết định đến mới biết. Sở dĩ vì sao? Vì như nhân hương trong gió, có hương khác sinh. Như vậy nhân mặt trời lại có hỏa sinh.

Hỏi: Mặt trời lặn sao không thấy hỏa sắc?

Đáp: Hoặc có hỏa chỉ xúc mà không sắc, như khí nóng khi mặt trời đã lặn, như người bị bệnh sốt hỏa nương nơi thân, như hơi ấm trong nhà khi hỏa đã diệt. Các nóng trong nước sôi lửa v.v..., đều có xúc mà không sắc. Cho nên hỏa hoặc có sắc không sắc, phải tin nhận điều này.

Phẩm 53: Ý

Ông nói ý đi. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì ý niệm niệm sinh diệt, như gió như nghiệp. Pháp mà niệm niệm diệt, thì không có tướng đi.

Lại như ý đi, thì nếu đã biết rồi đi, hay không biết rồi đi, cả hai đều không đúng. Nếu trước đã biết rồi thì cần gì phải đi, nếu không biết mà đi, thì đi đến nơi nào?

Lại nếu tâm ở nơi mắt, làm sao lại đến nơi tai được? Nếu tâm sinh ý niệm rằng ta sẽ đến tai, tức là ý nghĩ tai rồi. Nếu nói muốn nghe tiếng, như vậy tức là ý niệm về tiếng. Nếu tâm ở nơi mắt thì không sinh ý niệm được. Ở các căn khác cũng vậy. Cho nên biết ý không đi.

Lại như người trước đã từng thấy thành thị xóm làng v.v..., nay nghĩ theo việc đã thấy thuở trước, mà không biết hiện tại, nên biết ý không đi.

Lại nếu pháp mà đi, thì phải trước gần sau xa, nhưng nay xa gần đều nghĩ đến, cho nên biết là không đi.

Lại nếu pháp mà đi thì giữa đường phải biết các trần, như người đi trên đường biết sắc các vật, mà ý thì không phải vậy.

Lại như tâm có thể biết không, nghĩa là quá khứ, vị lai, sùng thờ, lông rùa, chân rắn, sắc màu của gió, mùi thơm của muối v.v..., cũng biết đều không đi đến. Cho nên biết không có đi.

Lại nếu tâm đến duyên, thì không nên có không biết, biết nghi, biết tà, mà thật ra là có. Cho nên biết không đi đến.

Lại tâm duyên Nê-hoàn, nếu tâm đi đến, thế là đem hữu vi đến trong vô vi, vậy là không đúng. Rồi lại từ vô vi ra nhập vào trong hữu vi, đó cũng không đúng.

Lại nếu sinh tâm nghĩ có đời sau, tâm liền đến đời sau, thì thân này phải chết, không còn sống lại được. Cho nên không đi.

Lại tâm nghĩ vị lai, tức đến vị lai, không thể đem phép hiện tại mà làm vị lai.

Lại tâm nghĩ quá khứ tức ở quá khứ, không thể đem pháp quá khứ và vị lai mà làm hiện tại. Nên biết không đi.

Lại do dục tâm mà sắc mặt biến khác, tâm giận giữ v.v... cũng vậy. Nếu tâm đến chỗ khác, thì sắc mặt phải không khác. Nên biết không đi.

Lại tâm đang ở trong cảnh duyên, gọi đó là thụ. Ba thứ thụ này, hoặc khổ hoặc vui hoặc không khổ không vui. Nếu tâm đến chỗ khác, thì không có mấy thứ thụ này. Cho nên biết không đi.

Lại tâm nương nơi thân, như trong kinh nói: Tâm nương danh sắc. Cho nên không rời thân đi đến chỗ khác.

Lại thân hợp với thức nên gọi là thân. Nếu tâm ở chỗ khác, thì thân không thức. Cảnh duyên hợp với thức mới gọi là có thức. Cho nên không đi.

Hỏi: Tâm trong chiêm bao đi đến các phương?

Đáp: Không phải. Như hành vi mộng tỉnh trong chiêm bao và các việc v.v... là đều do thân điên đảo nghĩa là ở nơi nào đó, mà thật ra không đi đâu.

Lại hành vi trong chiêm bao đều là hư vọng, như người nằm mơ thấy uống nước mà hoàn toàn không trừ được khát. Lại chiêm bao hành dục v.v... không gọi là đọa. Cho nên biết trong giấc mơ ý cũng không đi.

Lại tâm chỉ ở trong pháp đã từng thấy nghe hay biết, chứ không đi đến pháp nào khác. Nếu có đi đến, chắc cũng phải biết pháp khác.

Hỏi: Có vị thần nào sai khiến ý có thể đi đến các phương khác?

Đáp: Điều này ra sao trong Phẩm phá thần sẽ phân biệt rõ. Cho nên biết ý không đi.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 5

Phẩm 54: CĂN KHÔNG QUYẾT ĐỊNH

Hỏi: Các căn là quyết định, hay không quyết định?

Đáp: Thế nào là quyết định, thế nào là không quyết định?

Hỏi: Do cảnh sở tri, và nhân của mắt v.v... các căn, gọi là quyết định?

Đáp: Nếu như vậy căn không quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì các căn không phải cảnh sở tri và nhân của mắt v.v... .

Hỏi: Tròng mắt lưới và thân, dùng mắt thấy được; còn tai và mũi ở trong nên không thể thấy được?

Đáp: Người chết cũng có tròng mắt lưới thân mà thật không có căn.

Hỏi: Tròng mắt có 2 thứ: căn và phi căn. Người chết diệt mắt căn có tròng, phi căn còn lại?

Đáp: Căn có tròng không thể thấy nó được. Cho nên không phải sở đắc của mắt v.v.... Như trong kinh nói: Năm căn là sắc không thể thấy mà có đối. Nếu như có thể thấy thì có thể phân biệt được tròng mắt này là căn, tròng mắt này là phi căn.

Hỏi: Nếu trong kinh nói: Do 4 đại thành sắc thanh tịnh, gọi là 5 căn. Thế sao lại nói 5 căn là sắc không thể thấy mà có đối ư?

Đáp: Vì cho nên có thể nghi nghiệp lực là không thể nghĩ bàn. Vì nghiệp lực nên 4 đại biến thành căn. Phật sợ các đệ tử cho rằng 5 căn này do từ nghiệp sinh, nên mới nói đó là sắc.

Lại vì ngoại đạo nói 5 căn từ ngã mà sinh. Ngã tức không phải sắc.

Lại nói 5 căn biết lớn biết nhỏ, nên không quyết định. Người đó cũng cho vô sắc là căn, cho nên Phật nói các căn là sắc, do sắc v.v... làm thành. Hoặc bảo do sắc v.v... mà thành, thì phải thấy được, nên mới nói không thể thấy, cũng không phải sở đắc của tai v.v... các căn. Hoặc bảo nếu vậy thì lẽ ra không có đối, cho nên nói là có đối, là đối với các trần. Nếu sắc có hình có đối, thì đó là thô sắc, chỉ bị thấy của mắt.

Lại vì ngoại đạo nói: Các số lượng, một khác, hợp lia, tốt xấu, tướng chung tướng riêng các tác nghiệp, và đa-la-phiêu tuy không phải sắc pháp, nhưng cũng là thấy được. Cho nên Phật nói rằng: Trong những thứ ấy, chỉ có sắc thấy được mà thôi, ngoài ra không gì thấy được. Ngăn ngại nơi tay v.v..., gọi là có đối.

Hỏi: Nếu như vậy đều phải bị xúc?

Đáp: Tuy đều ngăn ngại, nhưng không phải tất cả chỗ đều sinh. Thân thức tùy theo mà sinh biết, nên phân biệt được các căn.

Lại nữa, các căn thật không quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì pháp nêu quyết định, như tay lấy vật, chỉ một tay lấy, còn mắt có thể thấy lớn nhỏ, cho nên không phải quyết định.

Lại nếu vật quyết định, thì tiếp xúc là có tác dụng, như chạm lửa thì cháy, chạm dao thì đứt, còn mắt ở xa có thể thấy, nên không phải quyết định.

Lại nêu pháp quyết định, thì ngãn pháp quyết định, như tay ngãn tay, mà mắt đối với trong thủy tinh, mây mù v.v..., cũng không ngãn ngại, nên không quyết định.

Lại căn nếu như quyết định, thì phải ở trong thân, vì ở trong thân nên tuy hợp với ý, cũng phải không thấy trần cảnh bên ngoài, mà thật ra thì có thể thấy, nên không quyết định.

Lại pháp nếu quyết định, thì có thể đếm là 5 căn, nhưng mắt tai mũi đều có 2, với lưỡi và thân thành có 8, nên không quyết định. Chỉ có xứ là nhất định, mà căn không nhất định.

Lại mắt trái thấy, mắt phải cũng biết, không phải thấy khác biết khác, vì căn không tương trái phải, nên không quyết định.

Lại vì pháp căn trần hợp, là không thể được, nên không quyết định.

Lại được quyết định thì sắc v.v... các pháp không có thể biết được căn, mà căn thì biết được pháp, nên không quyết định.

Hỏi: Nhãn quang có thể thấy lớn nhỏ và cũng có thể đi xa thấy sắc không bị ngãn ngại, giống như ánh sáng mặt trời lia thân có thể thấy. Ánh sáng do chỗ quyết định của 2 mắt nên hợp làm một, mới có thể thấy sắc.

Lại mắt là một, tai mũi ở tại trong, nên không thể phân biệt. Cho nên ông nói thấy khác biết khác, lời này bị hồng.

Lại thần biết chứ không phải căn, căn chỉ là chỗ dùng mà thôi.

Lại ông nói pháp hợp không thể được. Điều này đã đáp rồi, nghĩa là ánh sáng mặt trời v.v..., tai v.v... các căn, vì hòa hợp chặt chẽ, nên cũng không thể được. Như cây ghép sát kín, xem không biết được là ghép.

Lại vì do thần nên biết không phải các căn; và căn do 4 đại mà thành, vì 4 đại không biết nên các căn cũng không biết.

Lại như cái bình do vi trần mà thành, vì vi trần không tri giác nên bình cũng không tri giác.

Lại không biết khác với trần, cho nên biết không có tri giác.

Đáp: Ông nói vì ánh sáng đi, nên căn là quyết định. Ông cho ánh sáng là căn, nhưng ánh sáng không phải quyết định nên căn cũng không quyết định.

Lại ánh sáng này không có, đoạn trước đã phá rồi.

Lại ông nói một mắt. Điều này không đúng. Một mắt thấy khác 2 mắt thấy khác. Nếu hỏng một mắt thì thấy không rõ ràng. Mắt trái mắt phải này trước đã giải đáp rồi.

Hỏi: Nếu một mắt có thể sinh thức, thì 2 mắt chỉ nên cần một mắt, dùng mắt thứ 2 làm gì?

Đáp: Vì sống mũi ngăn cách nên không được là một, dù không ngăn cách cũng không được một, như các ngón tay v.v.... Ông nói là chỗ dùng của thần. Điều này trước bác bỏ rồi. Thần không dùng được. Ánh sáng mặt trời v.v..., trước cũng bác rồi. Người nói hòa hợp chặt chẽ nên không thấy. Điều này cũng không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì pháp nếu quyết định thì không hòa hợp, vì thể khác nhau, như ghép cây tuy kín mà cũng vẫn thấy đường ghép. Căn trần hòa hợp không thấy như vậy. Ông nói vì thần nên tri giác. Sẽ nói về vô thần. Ông nói các đại thành căn. Điều này không đúng. Nghiệp lực biến đại làm căn thì có sai khác.

Hỏi: Căn là quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì 4 đại làm thành mà 4 đại là quyết định nên căn cũng quyết định.

Lại vì mắt v.v... các căn là quyết định, nên đại v.v... có thể làm lợi ích.

Lại đại biến làm căn, vì đại quyết định nên pháp bị biến cũng phải là quyết định.

Lại tương đương căn có trần, tương đương trần có căn. Nếu không quyết định, thì không tương đương nhau được. Phải như ý pháp, nên biết quyết định.

Lại người đòi đối với trong mắt v.v... trong pháp quyết định gọi là các căn.

Lại căn biết 5 thứ pháp quyết định, không phải như ý v.v..., nên gọi là quyết định.

Lại căn biết hiện lượng, nên gọi quyết định.

Lại căn biết hiện tại, ngoài ra đều do so sánh mà biết, cho nên gọi là quyết định.

Lại căn biết có duyên, ý cũng không duyên, như biết quá khứ v.v...

Lại căn trần hòa hợp mới sinh căn biết pháp, nên phải dùng căn quyết định đôi trần quyết định. Cho nên biết là quyết định.

Đáp: Ông nói căn do đại làm thành gọi là quyết định. Tuy đều do các đại mà có căn và phi căn, như vậy là hoặc có quyết định hoặc không quyết định. Ông nói lợi ích. Lợi ích là đối với cái biết, chứ không phải giúp cho căn.

Lại nói đại biến thành căn. Biến cũng là biết, chứ không phải lợi ích cho căn.

Lại 4 đại thanh tịnh gọi là căn, nên không quyết định. Ông nói căn trần tương đương nhau cũng là ý. Chắc chắn căn không phải cái biết. Cho nên các thứ kia đều là sức của ý khác nhau.

Lại tuy nói 6 thức, nhưng chủ chốt do ý thức quyết định. Như khi thấy 4 đế hiện biết các pháp, mà chính quán pháp tính đều do ý thức.

Lại như vòng lửa xoay tròn, trò huyễn hóa lửa cháy thành Càn-thát-bà đều là không mà vọng thấy có. Thấy sắc cũng vậy. Cho

nên mắt v.v... đều là tà duyên. Ông nói: Căn trần hợp nên sinh ra cái biết. Hoặc đến nên biết, hay không đến mà biết, đều trước đã giải đáp rồi.

Phẩm 55: TƯỚNG CỦA SẮC NHẬP

Lại nói xanh vàng các sắc gọi là sắc nhập. Như trong kinh nói: Nhân nhập diệt sắc tướng lìa, chỗ này cần biết.

Hỏi: Có người nói nghiệp lượng cũng là sắc nhập. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh nói đen trắng dài ngắn, thô tế các sắc?

Đáp: Hình v.v... là sai biệt của sắc. Vì sao biết được? Vì nếu lìa sắc thì không sinh tâm biết hình lượng v.v.... Nếu hình v.v... khác màu, lìa sắc cũng phải sinh tâm, mà thật ra không sinh. Cho nên biết không khác.

Hỏi: Trước sinh tâm biết sắc, sau mới sinh tâm biết hình. Sở dĩ vì sao? Vì tâm biết đen trắng vuông tròn không sinh đồng thời?

Đáp: Vì các tướng dài ngắn đều duyên nơi sắc nên sinh trong ý thức, như trước thấy sắc nhiên hậu ý thức mới sinh nghiệp tướng nam nữ. Cũng vì các pháp hữu vi niệm niệm diệt nên không có diệt pháp nào không đi, vì đi nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Đi gọi là thân nghiệp, nếu không đi thì không thân nghiệp?

Đáp: Vì danh tự thể tục nên có thân nghiệp, chứ không phải đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu trong đệ nhất nghĩa không có thân nghiệp, thì trong đệ nhất nghĩa cũng không có tội phúc. Vì không tội phúc nên cũng không quả báo?

Đáp: Pháp khi khởi ở chỗ khác, hoặc lợi hoặc hại người khác nên thành có tội phúc, không nên nạn vẫn như vậy.

Phẩm 56: TƯỚNG CỦA TIẾNG

Hỏi: Vì sao không nói do tiếng thành đại?

Đáp: Tiếng rời sắc v.v..., sắc v.v... không rời nhau, cho nên không nói. Lại tiếng không như sắc v.v... thường nối nhau, lại cũng không cùng sắc v.v... đồng sinh.

Lại cùng sắc v.v... sinh khác. Sở dĩ vì sao? Vì sắc v.v... sinh lẫn nhau lần lượt rẽ mộng tuần tự mà có. Tiếng thì không như vậy.

Lại tiếng từ vật được tên, như nói tiếng cái bình, không nói tiếng trong bình.

Lại người hoặc nói thấy cái bình, hoặc nói thấy màu sắc cái bình. Ban đầu không nói nghe cái bình, mà chỉ nói nghe tiếng cái bình.

Lại nữa, vì đời trước chúng sinh trông nghiệp nhân yên lặng. Nếu muôn vật đều thường có tiếng động, thì không lúc nào tạm thời yên lặng. Cho nên tiếng không phải thành nhân các đại.

Hỏi: Vật đều có tiếng. Tại sao biết? Vì động thì tiếng phát, các đại thường động nhau, nên tất cả đều phải có tiếng?

Đáp: Không phải muôn vật động nhau đều là nhân của tiếng. Sở dĩ vì sao? Vì mắt thấy 2 ngón tay động nhau mà không sinh tiếng được.

Hỏi: Trong đó có sinh tiếng, vì nhỏ nên không biết?

Đáp: Không sinh, cho đến tiếng nhỏ cũng không nghe. Nếu nói có tiếng, thì không hiện tín. Người ta cũng có thể nói trong nước có tiếng, vì nhỏ nên không nghe. Trong lửa có vị, trong gió trong không, đều có sắc v.v... mà thật ra không có. Cho nên không phải tất cả động nhau đều có thể sinh tiếng.

Hỏi: Người đời thường nói tiếng là cầu-na của hư không. Nay do đâu mà biết từ 4 đại sinh?

Đáp: Nay hiện thấy tiếng sinh từ 4 đại, nên chúng tôi chỉ tin hiện thấy.

Lại nói tiếng chuông tiếng trống, cho nên biết là tiếng chuông trống.

Lại vì 4 đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống.

Lại vì 4 đại khác nên có tiếng sai khác, như tiếng chuông trống khác nhau.

Lại như đánh đồ bằng đồng thì đều có tiếng động, tay nắm thì đều dứt tiếng, nên phải biết tiếng đồ vật động cũng như vậy.

Lại sắp muốn có tiếng, tất chuẩn bị chất tượng 4 đại. Cho nên biết tiếng từ 4 đại sinh ra.

Lại vì nghiệp nhân duyên nên tiếng có sai khác, như tiếng chúng sinh hoặc hay hoặc dở, không nên vì nghiệp duyên mà sinh cầu-na hư không. Cho nên không phải.

Lại vì tướng của nhân. Tướng của nhân là tùy theo pháp nào đó nên mới có, tức gọi là nhân. Như vậy nhân nơi đại mà có tiếng, không thì không tiếng. Như có lửa thì nóng, không lửa không nóng; phải biết do lửa có nóng; do đại sinh tiếng cũng như vậy. Như hư không có nóng, hư không vẫn tồn tại, mà khi nóng hoặc khi không. Phải biết hư không không phải nhân của nóng, tiếng cũng như vậy. Như có hư không có tiếng, hư không vẫn tồn tại, mà tiếng hoặc có khi không có. Cho nên biết không phải nhân.

Lại tiếng là hư không cầu-na, đây không thể tin được, vì trong hiện sự, trước không thấy nhân của tiếng, với hư không cũng không lấy gì so sánh để biết, vì trong đó không so sánh được.

Lại trong các kinh sách phần nhiều cũng trái nhau, như vậy không một điều nào đáng tin, cho nên biết không đúng.

Phẩm 57: TƯỚNG CỦA HƯƠNG

Hỏi: Đa-ma-la-bạt v.v... là các hương hợp lại nên hương khác với hương gốc. Vậy nên các hương này lại sinh hương khác chăng?

Đáp: Bởi hòa hợp nên sinh hương khác, như màu xanh vàng pha vào nhau lại sinh màu lục.

Lại vì nhiều thứ nghiệp nhân duyên, nên sinh nhiều thứ hương.

Hỏi: Đệ tử phái Ưu-lâu-khư bảo hương chỉ là câu-na của địa. Điều này thế nào?

Đáp: Không có đà-la-phiêu, điều này đã nói rõ, nên biết là không đúng.

Lại như người phái Vệ-thế sư bảo hợp kim chì thiếc, chì, thiếc, vàng, bạc, đồng v.v..., đều là hỏa vật, mà trong đó có hương. Cho nên biết không phải chỉ địa mới có.

Hỏi: Hợp kim chì thiếc, các thứ hợp cùng với địa, nên có hương?

Đáp: Không phải khách hương. Sở dĩ vì sao? Vì trong các vật kia trước ngửi không nghe thấy hương. Nếu đã từng nghe nên nói là khách, như trước nghe hương hoa, sau nghe trong áo, nên gọi là khách, mà hương hợp kim chì thiếc v.v... không phải như vậy. Cho nên không phải nhân.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... lúc không hương không nên nói là khách.

Lại chúng tôi cũng có thể nói trong nước v.v... không có màu sắc v.v..., chỉ cùng đất hợp nên mới có màu sắc v.v.... Nếu ông nói trong nước v.v... tự có màu sắc. Chúng tôi cũng nói trong hợp kim chì thiếc tự có hương.

Lại như trong vật có pháp không rời nhau, tức vật ấy có. Cho nên hương tùy theo chỗ không rời nhau, tức hương của vật này.

Lại trong nước v.v..., nếu có hương, mà vì nhỏ nhiệm cho nên không biết có, thì có lỗi gì? Như nói trong mặt trăng có lửa, lửa quyết định nóng.

Lại ông nói hơi ẩm trong nhà là do lửa diệt, còn thừa khí nóng nên có chút sắc vi tế, cũng nói trong nước nóng có chút tướng lạnh vi tế, hương trong nước cũng vậy. Trong đó không có nhân quyết định nói nước không hương.

Lại các đà-la-phiêu của ông không có tướng quyết định. Sở dĩ vì sao? Vì ông tự nói trong đất có hương, mà kim cương, pha lê v.v... đốt thì biến đổi khác, nên đều là vật của đất, mà đều không có hương.

Lại ông nói tướng nước quyết định lạnh, tướng sữa v.v... cũng như vậy, mà bơ v.v... có hương, nên gọi là vật của đất.

Lại nói lửa quyết định là nóng, vì hợp kim chì thiếc là hỏa vật, mà trong đó không nhất định là nóng.

Lại mặt trăng v.v... thật lạnh mà ông nói là vật của lửa. Vì các cứ này, nên các đà-la-phiêu không có tướng quyết định. Cho nên hương chỉ đất có, điều này không đúng. Ông cho hợp kim chì thiếc v.v... là vật của lửa. Đó cũng không phải nữa. Sở dĩ vì sao? Vì không có nhất định nóng. Các đệ tử phái Ưu-lâu-khư nói lửa nhất định nóng, mà hợp kim chì thiếc v.v... không nóng.

Hỏi: Vật hợp kim chì thiếc v.v... nóng ở trong quả, không ở trong xúc?

Đáp: Bơ quả lạnh, cho nên phải là vật của nước, mà ông quyết định có hương, nên gọi là vật của đất, cho nên không gọi là nhân của dụng.

Lại như quả ha-lê-lặc, khi còn là quả nhất định nóng nên là vật của lửa, mà thật có hương, có 5 vị nên không gọi vật của lửa,

vì nói quả không phải là nhân. Hợp kim chì thiếc v.v... không phải vật của lửa.

Lại nữa tướng lửa nhẹ, hợp kim chì thiếc v.v... nặng. Sắc lửa trắng mà hợp kim chì thiếc v.v... sắc khác.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... không đồng tướng với lửa có thể biết được là vật của lửa.

Lại hợp kim chì thiếc v.v... với lửa trái nhau. Sở dĩ vì sao? Vì gặp nóng là tiêu. Nếu là vật của lửa, gặp được lửa phải tăng thêm, mà thật không tăng, nên không phải vật của lửa. Các ông không khéo suy nghĩ nên cho hương chỉ là vật của đất. Mà hương này là đều ở trong 4 thứ.

Phẩm 58: TƯỚNG CỦA VỊ

Vị là ngọt, chua, mặn, cay, đắng và nhạt. Sáu vị này đều tùy theo vật mà khác nhau, không bởi 4 đại lệch nhiều mà có. Như nói đất nước nhiều thì ngọt. Điều này không đúng. Vì vị ngọt có vô số sai khác. Phải biết vật sinh tự có sai khác nhau.

Hỏi: Thầy thuốc nói chỉ có 6 vị. Điều này thế nào?

Đáp: Chẳng hạn định trong 6 vị. Bởi vì sao? Hoặc 2 vị hợp lại, hoặc 3 hoặc 4, như vậy nhiều vô lượng. Không bởi ngọt chua hợp mà gọi vị chua ngọt. Ngọt chua hòa hợp lại sinh một vị khác. Như vậy nhiều vô lượng.

Lại vì tùy thể tục nên các vị sai khác, như người cho ngọt gọi là ngọt.

Lại khi các vị chín đều làm nhân cho nhau, như khi vị ngọt chín thì hoặc ngọt hoặc biến đổi khác. Các vị khác cũng vậy. Cho nên biết các pháp có sức như vậy.

Phẩm 59: TƯỚNG CỦA XÚC

Xúc là cứng, mềm, nặng, nhẹ, mạnh, yếu, lạnh, nóng, ráp, trơn, khô, ướt, khoái vui, mệt mỏi, không mệt mỏi, bệnh hoạn, lành mạnh, thân nhanh nhẹn, thân chậm lụt, biếng nhác, tối tăm, nhưc đầu, tê thấp, rên rỉ, đói khát, no nê, thềm thường, không thềm thường, mờ mịt v.v....

Hỏi: Có người nói xúc có 3 thứ là lạnh, nóng, không lạnh không nóng. Điều này thế nào?

Đáp: Trong cứng v.v... sinh biết, nếu lìa cứng v.v... thì không biết lạnh nóng.

Hỏi: Ưu-lâu-khư nói xúc vào đất là không lạnh không nóng, xúc gió cũng vậy, xúc nước lạnh, xúc lửa nóng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Trước đã nói không có quyết định, nghĩa là bơ v.v... định là lạnh, hợp kim chì thiếc v.v... không nóng.

Lại trước nói 3 xúc, nếu gió là khách, thì gió không có xúc riêng, nên không có tướng quyết định.

Lại trong nước nóng không thể được tướng lạnh, nên nước không phải quyết định tướng lạnh.

Hỏi: Trong nước nóng tướng lạnh có ít vì lửa thắng nên không biết. Vì sao biết được? Vì nếu khi thế lửa hết thì nước trở lại lạnh như thường?

Đáp: Hợp kim chì thiếc v.v..., bơ v.v... vật cứng hợp cùng lửa thì chảy. Nếu tướng cứng không mất, mà có tướng chảy, thì tướng cứng tức là tướng chảy. Nếu mất tướng cứng mà có tướng chảy, ấy là xúc lạnh diệt rồi lại sinh xúc lạnh, như xúc đất là không lạnh không nóng, khi hợp cùng lửa, xúc nếu không mất thì không gọi chín thì biến đổi. Nếu mất xúc này, lại sinh xúc khác. Như vậy thì xúc lạnh

mất rồi lại sinh xúc lạnh. Như vậy các cầu-na trong nước cũng phải chín thì biến đổi. Ông có lỗi nói tráo trở, lại sinh pháp mâu thuẫn, cho nên phải biết các tướng vô thường, như lửa hợp thì tướng cỏ v.v... diệt mất. Nếu bảo xúc nóng che xúc lạnh thì người ta cũng có thể nói tướng sữa không mất, chỉ bị tướng bơ che. Cho nên không thể được. Nếu ông bảo không thấy sữa thành lại sữa. Vậy thì không có chín thì biến đổi. Sở dĩ vì sao? Vì từ trong vô thủy sinh tử đến nay, vật gì mà không bị lửa đốt cháy!

Lại cũng tìm thấy được trong lòng đất có bùn đen. Phải biết đó cũng do chín thì biến đổi mà có lại. Như vậy thì xúc lạnh mất, lại sinh xúc lạnh. Hoặc có vật hợp cùng với lửa nên sắc đen diệt mất, sinh lại sắc đen, sắc đỏ mất, sinh lại sắc đỏ. Như vậy xúc lạnh diệt rồi, lửa sinh lại, điều đó nào có lỗi?

Lại như người phái Vệ-thế sư nói chỉ có đất có tướng chín thì biến đổi, nước v.v... thì không có. Mà các thầy thuốc nói, nếu uống thuốc lúc nóng thì được kết quả khác. Nếu trong nước nóng sắc v.v... không mất, thì đâu có kết quả khác. Cho nên biết nước v.v... cũng chín thì biến đổi. Như vì lửa đốt vật cháy mất bản tướng, nên mới có tướng khác. Cho nên biết vật có tướng khác, nước cũng như vậy.

Lại các tướng này mâu thuẫn nhau nên vô thường, như nước có thể diệt lửa, lửa có thể tiêu nước; sức lửa không vật gì không làm tiêu, huống là hợp với nước mà xúc lạnh không diệt? Cho nên kinh Vệ-thế sư nói nước quyết định lạnh. Điều này không đúng.

Phẩm 60: TRONG THỨC LUẬN CỦA NHÓM KHỔ ĐẾ, LẬP KHÔNG SỐ

Tâm, ý, và thức một thể mà khác tên. Nếu pháp có thể duyên thì gọi là tâm.

Hỏi: Nếu vậy thì thụ, tưởng, hành v.v... và các tâm số pháp, cũng gọi là tâm? Vì đều có thể duyên?

Đáp: Thụ tưởng hành v.v... đều là tên khác nhau của tâm. Như trong Phẩm đạo nói một niệm có 5 tên là niệm xứ, niệm căn, niệm lực, niệm giác chính và niệm tinh tiến v.v... cũng như vậy.

Lại một vô lậu tuệ mà có khổ tập trí v.v... nhiều tên sai khác.

Lại trong một định pháp mà cũng gọi là thiền, giải thoát, trừ nhập. Như vậy tâm một, chỉ vì tùy thời nên có tên sai khác. Cho nên biết chỉ là một tâm. Sở dĩ vì sao? Vì như trong kinh nói: Người này tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, vô minh lậu được giải thoát. Nếu riêng có tâm số, thì phải nói tâm số được giải thoát.

Lại trong kinh nói: Phật nếu biết chúng sinh tâm hoan hỷ, tâm nhu nhuyễn, tâm điều hòa, kham nổi được giải thoát, nhiên hậu mới vì nói 4 pháp chân đế. Trong đây không nói đến tâm số.

Lại trong kinh nói: Vì tâm cấu bần nên chúng sinh cấu bần, lại vì tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.

Lại nói: Nếu Tì-kheo vào trong 4 thiền được tâm thanh tịnh bất động, nhiên hậu như thật biết khổ Thánh đế, tập diệt đạo đế.

Lại trong 12 nhân duyên nói hành duyên thức.

Lại nói 6 thứ là người.

Lại nói nhẹ nhõm dễ chuyển không gì bằng tâm.

Lại trong kinh nói: Sứ giả đến chủ thành tâu bày sự thật, tâu rồi trở về. Chủ thành tức là tâm.

Lại nói trong có thức thân ngoài có danh sắc, danh đó là hai.

Lại chỉ nói có thức thân, không nói có tâm số.

Lại nói vì 3 thứ hòa hợp nên gọi là xúc. Nếu có tâm số thì không gọi là ba, mà thật có nói ba. Cho nên biết chỉ có tâm, không riêng có tâm số.

Phẩm 61: LẬP CÓ SỐ

Hỏi: Tâm khác, tâm số pháp khác. Sở dĩ vì sao? Vì tâm và tâm số pháp cùng tương ưng nhau. Nếu không có tâm số thì không có tương ưng, mà thật có tương ưng. Cho nên biết có tâm số pháp.

Trong ý ông, nếu bảo tâm cùng các tâm khác tương ưng. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Tâm đi riêng, đi xa, ẩn kín, không hình. Trong đây chỉ ngăn đồng tính, tuy với tâm số cùng đi, nhưng cũng gọi là đi riêng. Như nói Tì-kheo ở riêng, tuy có loài trùng thú, nhưng vì không đồng loại nên cũng gọi ở riêng một mình. Cho nên biết tâm không cùng tâm khác tương ưng, mà thật có tương ưng. Cho nên biết có tâm số.

Lại tâm nhiếp thuộc 7 giới 1 nhập 1 âm. Còn tâm số nhiếp thuộc 1 giới 1 nhập 3 âm.

Lại tâm làm chỗ nương ở cho tâm số. Như trong kinh nói: Tâm số pháp này đều nương tâm hành.

Lại nếu không tâm số thì không 5 âm, vậy là không thể được.

Lại 2 tâm này sinh khác nhau. Do từ 2 sinh tâm, từ 3 sinh số. Như trong kinh nói: Do nhãn duyên sắc sinh nhãn thức. Ba việc hòa hợp gọi là xúc. Xúc nhân duyên sinh thụ.

Lại nói: Danh sắc nhóm nên thức nhóm, xúc nhóm nên thụ nhóm.

Lại tâm số pháp tương ưng với chỗ bị nương, vì đồng chung một cảnh duyên, trong một đời. Tâm không phải như vậy vì sai khác. Cho nên biết tâm khác, tâm số pháp khác.

Lại trong 4 y nói: Y trí không y thức. Trí nếu là thức, làm sao nói y? Cho nên biết trí không phải thức.

Lại Phật tự nói tâm số pháp, nếu từ tâm sinh, nương nơi tâm thì gọi là tâm số.

Lại Phật không nói nghĩa này là chỉ độc có tâm, là không có tâm số. Người ta cũng có thể nói chỉ có tâm số mà không có tâm.

Nếu ông đem danh tự để phá tâm số, thì tôi cũng đem danh tự mà phá lại tâm.

Lại vì chỗ sở tác khác, nên tướng các pháp khác, như nước có thể thấm ướt, lửa có thể đốt cháy. Như vậy thụ v.v... vì sở tác khác nên biết có tướng khác.

Lại trong các kinh đều nói: Trong tâm sinh giác. Nên biết tâm số khác với tâm. Vì không lẽ trong tâm tự sinh tâm.

Lại như nói vì tâm cấu uế nên chúng sinh cấu uế. Tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh. Nếu chỉ là tâm, thì không nhân đâu mà có cấu uế hay thanh tịnh. Người này không vì vô minh nên cấu uế, tuệ minh nên thanh tịnh. Cái lý tự cấu uế tự thanh tịnh là không thể được. Cho nên có tâm số pháp.

Phẩm 62: CHĂNG PHẢI KHÔNG SỐ

Tuy ông nói cái có thể duyên pháp gọi là tâm. Tâm sai khác gọi là số, như trong Phẩm đạo nói. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì trong kinh nói: Tướng tâm khác, tướng tâm số khác. Có thể nhận thức là tướng của thức. Cảm giác khổ vui là tướng của thụ. Biết riêng là tướng của tưởng. Khởi tạo tác là tướng của hành. Cho nên biết tâm khác, tâm số cũng khác. Ông nói tâm được giải thoát. Điều này không đúng. Vì trong các kinh đều nói là vô minh, nên tuệ được giải thoát, cho nên không chỉ nói tâm được giải thoát.

Lại vì tâm thắng nên chỉ nói tâm.

Lại vì người đời phân nhiều đều biết tâm, mà không biết tâm số pháp, nên Phật nói tâm nhiều hơn.

Lại trong kinh Phật có những lời không nói hết, chính là lời này vậy.

Lại như trong kinh nói: Các Ti-kheo! Có thể dứt một pháp, ta bảo đảm các ông được đạo A-na-hàm. Nói tham dục, mà thật không phải chỉ riêng dứt tham dục. Điều này cũng vậy. Tâm hoan hỷ v.v... đều lấy đây đáp. Ông nói trong ngoài 2 pháp. Điều này cũng không đúng. Nói ngoài có danh sắc, tức nói tâm số, vì nhiếp từ ngoài vào nên gọi là ngoài.

Lại trong đây Phật nói 3 việc: Trong có thức thân, tức nói thức và căn, ngoài có danh sắc, tức là nói trần. Ông nói có thức thân. Điều này cũng không đúng. Trong kinh này nói: Tất cả tướng ngoài, tức là tâm số. Ông nói 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Điều này không đúng. Xúc với thụ v.v... làm nhân cho tâm số, cho nên nói riêng.

Phẩm 63: CHẴNG PHẢI CÓ SỐ

Đáp: Ông nói vì tương ưng nên có tâm số pháp. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì các pháp độc hành, sau sẽ nói rộng, cho nên không có tương ưng. Tâm này độc hành cũng lấy đây mà đáp. Không phải ngăn đồng tính mà ngăn tâm số pháp. Ông nói nhiếp thuộc khác, nên có tâm số. Người làm ra kinh này, tự lập danh tự, chứ trong kinh Phật không nói nhiếp thuộc nhau, cho nên không đúng. Ông nói chỗ y, như ý ông nói thức y nơi tâm, không phải vì y mà gọi là tâm số. Như vậy thì tâm y nơi tâm không được gọi tên khác. Ông nói không có 5 ấm. Điều này không đúng. Tôi cho rằng vì tâm sai khác nên có gọi là thụ, có gọi là tướng v.v.... Ông lấy tâm số phân biệt làm 3 ấm. Tôi cũng lấy tâm phân biệt làm 3 ấm. Ông nói sinh khác. Điều này không đúng. Vì nếu tâm với tâm số pháp cùng sinh, sao còn nói 2 sinh tâm, 3 sinh tâm số? Nếu chỉ nói tâm thì còn có lý. Sở dĩ vì sao?

Vì người này khi trước nói thức, sau mới nói tướng v.v.... Ông nói tương ưng duyên đời, nên biết có khác. Điều này trước đã phá rồi, vì không phù hợp. Ông nói y trí chứ không phải y thức. Tôi nói tâm có 2 thứ: một gọi là trí, hai gọi là thức. Cho nên tâm y trí, không y thức. Ông nói Phật nói y tâm sinh pháp gọi là tâm số. Tâm sinh ra pháp gọi là tâm số, vì tâm do tâm sinh nên gọi là tâm số.

Ông nói Phật cũng không nói không tâm số. Tôi cũng không nói không tâm số pháp, nhưng chỉ nói vì tâm sai biệt nên gọi là tâm số.

Lại nếu có cái đạo lý: không thể nói cũng gọi là nói, thì nếu không có cái đạo lý ấy dù có nói cũng như không nói. Cho nên không thể lấy cái nói làm nhân.

Lại chúng tôi sẽ nói nghĩa của danh tự tâm tâm số pháp. Vì tập khởi nên gọi là tâm. Thọ v.v... cũng có thể tập khởi thân đời sau. Vì tương đồng với tâm, nên cũng gọi là tâm.

Lại tâm với tâm số vì đều do tâm sinh, nên gọi là tâm số. Nếu người nói chỉ có tâm số pháp, thì người ấy cần phải thuyết minh danh nghĩa của tâm số pháp, mà thật ra không thể thuyết minh được, cho nên không phải nhân.

Ông nói tạo tác khác và tâm sinh giác, đều lấy đây mà giải đáp. Sở dĩ vì sao? Vì tôi cho rằng tâm sai biệt nên nghiệp tạo tác khác, rồi cũng trong tâm sinh tâm, gọi là tâm sinh giác. Ông nói cấu uế thanh tịnh không có nhân. Điều này không đúng. Tuy không có tâm số pháp, mà có cấu uế thanh tịnh.

Lại vì không tướng khác nên không có tâm số pháp. Sở dĩ vì sao? Vì ông lấy tâm tương ưng cho là tâm số, mà pháp tương ưng thì không có, sau sẽ nói rộng, cho nên không do tâm riêng có tâm số pháp.

Phẩm 64: THUYẾT MINH KHÔNG SỐ

Ông nói tướng khác nên có tâm số. Điều này không đúng Sở dĩ vì sao? Vì hoặc thức hoặc giác là các tướng đồng đẳng không có sai biệt. Như tâm nhận thức sắc, tức gọi là giác, cũng gọi là tướng v.v.... Như người đời nói ông rõ người này tức gọi là biết. Do cảm thụ khổ vui cũng tức là biết. Phải biết nhận thức tức là thụ tướng. Nếu các pháp này nhất định có tướng khác nhau, nay cần phải nói, mà thật không nói được, cho nên không có tướng khác.

Ông nói tuệ được giải thoát. Điều này không đúng, vì không nhân duyên. Tùy tâm có nhiễm cũng có vô minh, tâm này trong nhóm nhiễm và vô minh đều cùng tương ưng với nhau. Nếu nói vô minh làm như tuệ, nhiễm làm bản tâm thì không có nhân duyên. Như vậy vì lìa vô minh nên tuệ được giải thoát. Vì lìa nhiễm bản nên tâm được giải thoát, cũng đều không có nhân duyên.

Lại gọi kinh này là không liễu nghĩa. Như trong kinh nói: Vì lìa 3 thứ lậu nên tâm được giải thoát. Cho nên biết cũng từ vô minh tâm được giải thoát. Nếu như nói từ nhiễm tâm được giải thoát, lời này là ngăn đoạn. Nói từ vô minh tuệ được giải thoát, là rớt ráo đoạn. Nếu do từ nhiễm nên tâm được giải thoát, từ vô minh nên nên tuệ được giải thoát. Vậy nếu từ giận dữ v.v... thì vật gì được giải thoát? Điều này cần phải đáp. Phải biết lìa tâm không được giải thoát, cho nên chỉ có tâm.

Ông nói vì tâm vượt trội nên chỉ nói tâm. Tâm có nghĩa gì mà vượt trội còn tuệ v.v... các pháp lại không có?

Ông nói người đời phần nhiều biết tâm, nên chỉ nói tâm. Người đời cũng biết nhiều khổ vui, cần phải nói thụ v.v....

Ông nói có các kinh cơ sao không chỉ nói tâm số, mà chỉ nói tâm. Ông nói chỉ đoạn một pháp, lời này có duyên, vì Phật tùy chúng

sinh nào phiền não nhiều hơn, hoặc thường che nơi tâm, mới nói một pháp này, vì đoạn được pháp ấy, thì các pháp kia tự đoạn. Cho nên không phải nhân.

Ông nói vì nói danh tướng tức là nói tâm số. Ông tự nhớ tướng phân biệt, chứ kinh này không nói nghĩa ấy. Nếu ông tự sinh nhớ tướng phân biệt, sao không nói bởi danh tướng nên nói tâm duyên, thì có lý.

Ông nói xúc và thụ v.v... làm nhân cho tâm số. Lời nói này bị nhiều lỗi, vì đều là pháp tương ưng mà nói xúc làm nhân thụ v.v..., chứ không phải thụ v.v... làm nhân cho xúc. Có các lỗi như vậy cho nên biết chỉ có tâm, mà không riêng có tâm số.

Phẩm 65: KHÔNG TƯƠNG ƯNG

Không có pháp tương ưng. Sở dĩ vì sao? Vì không có tâm số pháp thì tâm tương ưng với cái gì?

Lại các tướng thụ v.v... không được đồng thời.

Lại nhân quả không cùng lúc. Thức là nhân của tướng v.v... các pháp. Pháp này không phải đồng có một lúc, nên không có tương ưng.

Lại Phật nói trong pháp nhân duyên rất sâu. Vì việc này sinh nên việc kia được sinh.

Lại như hạt giống, mộng, cây, nhánh, lá, hoa, quả v.v..., hiện thấy nhân quả lần lượt nhau. Cho nên thức v.v... cũng cần theo thứ tự sinh. Nếu ý ông bảo tham v.v... các phiền não cùng sắc cùng chung nhân nên đồng sinh, điều này không đúng. Vì sắc không có tính hiểu biết, nên không có thể duyên. Còn tâm và tâm số có duyên có hiểu biết, cho nên một lúc không được cùng có, vì không có nhiều hiểu biết.

Lại do một thân gọi là chúng sinh, vì một hiểu biết. Nếu trong một niệm có nhiều tâm số pháp, thì có nhiều hiểu biết, vì có nhiều hiểu biết nên phải là nhiều người, việc ấy không thể được. Cho nên trong một niệm không có các pháp thụ v.v....

Lại vì sao 6 thức không cùng sinh một lúc?

Hỏi: Các thức đều đợi tuần tự duyên sinh, nên không một lúc?

Đáp: Bởi các chướng ngại nên duyên một thứ lớp không được, mà thứ lớp sinh 6 thức ư? Phải biết vì nhân trước quả sau thứ lớp mà sinh.

Lại trong kinh nói: Mắt thấy sắc không lấy tướng. Lấy tướng tức là nghiệp của tướng. Nếu như Phật cho nghiệp thức mà ngăn nghiệp tướng, thì phải biết hoặc có thức mà không có tướng. Nếu ai lấy tướng, là thấy khi đã lấy, chứ không phải lúc thấy, cho nên biết thức v.v... sinh theo thứ lớp.

Lại trong kinh nói: Mắt thấy sắc rồi tùy theo vui vẻ suy nghĩ. Trong đó cũng trước nói nghiệp thức sau nói thụ v.v....

Lại trong kinh nói: Thấy cái thấy v.v.... Cho nên biết không phải tất cả tâm đều có thụ v.v....

Lại bởi tướng 5 thức. Điều này có thể rõ. Sở dĩ vì sao? Vì nếu người trong nhãn thức không thể lấy tướng người oan, người thân và tướng bình đẳng, tức là không có tướng, cũng không buồn vui, vì không phân biệt. Hoặc có người nói: Trong đó cũng không có tham v.v... các phiền não. Cho nên biết không suy nghĩ. Vì có thể tìm cầu thân đời sau, nên gọi là suy nghĩ. Điều này sẽ nói sau, cho nên biết 5 thức cũng không suy nghĩ.

Lại các ông nói 5 thức không thể phân biệt. Trong đó làm sao mà có giác quán? Vì suy nghĩ phân biệt trước thô sau tế, nên gọi là giác quán.

Lại nếu trong 5 thức có giác quán, như nói muốn ta biết ông, là vốn đều do nghĩ giác sinh ra. Vậy thì khi giác không muốn, khi biết làm sao có giác? Hoặc có người nói trong 5 thức có tướng không có giác, giác này do tướng sinh thì làm sao khi tướng có giác? Cho nên phải chấp nhận 5 thức không tướng, không giác, không quán. Sở dĩ vì sao? Vì trong 5 thức không có phân biệt là nam nữ, cũng không phân biệt thụ v.v..., thì trong đây phân biệt những gì?

Lại các ông nói 5 thức thứ lớp ắt sinh ý thức, vì 5 thức không phân biệt. Nếu trong 5 thức có phân biệt thì cần gì thứ lớp sinh ý thức ư?

Lại giác quán không phải sinh trong một tâm niệm, vì thô tế trái nhau. Ví như rung chuông linh, tiếng đầu là giác, các tiếng tiếp sau là quán. Dụ kia cũng vậy. Nếu trong 5 thức có giác quán, thì phải nói hành nghiệp của nó, mà thật không nói được. Phải biết tâm và tâm số pháp sinh theo thứ lớp.

Lại si và tuệ trái nhau phải không hiện hữu cùng một lúc. Vậy làm sao trong một niệm có cũng biết, cũng không biết.

Lại trong một tâm niệm không dung có nghĩ. Sở dĩ vì sao? Vì hoặc là cây trụi hoặc là người, không được cùng hiện hành trong một tâm niệm. Vì nghiệp của tâm không có có thể lực này.

Lại có người nói trong tâm số pháp ký ức đi duyên đời quá khứ, thì tâm hiện tại làm sao hiện hữu được?

Lại như nghĩ người này là bạn tri thức của ta, vì đã từng làm lợi ích cho ta, nghĩ rồi sinh vui. Việc ấy làm sao ở trong một tâm niệm?

Lại muốn, không muốn làm sao ở trong một tâm niệm? Như trong kinh nói: Nếu các Tì-kheo ưa thích pháp ta, thì pháp tăng trưởng, nếu không ưa thích thì pháp tổn giảm. Làm sao ở trong một tâm niệm?

Lại như trong một tâm niệm có tâm số pháp thì pháp sẽ thác loạn. Sở dĩ vì sao? Vì trong một tâm mà có biết không biết, nghi không nghi, tin không tin, tinh tiến, biếng nhác... các lỗi như vậy.

Lại tất cả tâm số nên đều ở trong một tâm, lấy cái gì ngăn, mà khổ vui tham giận v.v... không ở trong một tâm? Nếu ông bảo vì khổ vui v.v... trái nhau nên không ở trong một tâm, thì biết và không biết v.v... cũng trái nhau, lẽ ra cũng phải không ở trong một tâm? Cho nên không tương ưng.

Lại trong Kinh Thất Bồ-đề Phần, Phật thứ lớp nói tâm số pháp: Nếu Ti-kheo tu 4 niệm xứ; bấy giờ mới tu tập niệm Bồ-đề phần được. Tâm ở trong niệm, chọn lựa các pháp.

Do chọn lựa các pháp nên sinh tinh tiến.

Do sức tinh tiến nên có thể nhóm họp pháp lành. Tâm sinh hoan hỷ thanh tịnh.

Do tâm hoan hỷ nên được khoan khoái.

Do được khoan khoái nên giữ được tâm.

Do giữ được tâm nên được định.

Do được định nên có thể bỏ tham dục ưu phiền.

Do bỏ tham dục ưu phiền nên mới biết tâm số thứ lớp sinh.

Lại trong Kinh Bát Đạo Phần cũng thứ lớp nói: Nếu được chính kiến, thì từ chính kiến sinh chính tư duy cho đến chính định.

Lại trong kinh thứ lớp Phật bảo A-nan rằng: Người trì giới không nên cầu tâm không lo buồn, ăn năn. Vì tâm pháp người trì giới là không lo buồn ăn năn. Người không lo buồn ăn năn, không nên cầu tâm được vui tươi. Tâm không lo buồn ăn năn pháp tự vui tươi. Vui tươi thì tâm hoan hỷ. Tâm hoan hỷ thì thân được khoan khoái. Thân

khoan khoái thì cảm thụ vui. Thụ vui thì tâm nhiếp. Tâm nhiếp thì được thật trí. Được thật trí thì chán lìa. Chán lìa thì giải thoát. Cho nên mới biết tâm pháp theo thứ lớp sinh.

Lại trong Kinh Bát Đại Nhân Giác cũng thứ lớp nói: Nếu Tì-kheo tu thiếu dục thì tri túc. Tri túc thì xa lìa. Xa lìa thì tinh tiến. Tinh tiến thì nghĩ nhớ chân chính. Nghĩ nhớ chân chính thì tâm nhiếp. Tâm nhiếp thì được tuệ. Được tuệ thì dứt hí luận.

Lại trong Kinh Thất Tịnh cũng thứ lớp nói: Giới tịnh là tâm tịnh. Tâm-tịnh là kiến tịnh. Kiến tịnh là độ nghi tịnh. Độ nghi tịnh là đạo phi đạo tri kiến tịnh. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là hành tri kiến tịnh. Hành tri kiến tịnh là hành đoạn tri kiến tịnh.

Lại trong Kinh Nhân Duyên cũng thứ lớp nói: Do mắt duyên sắc mới sinh si nghi phần và nghĩ nhớ ô trược. Trong đây si phần là vô minh. Chỗ tìm cầu của người si là ái. Chỗ tạo tác của người ái là nghiệp. Tất cả là như vậy.

Lại trong Kinh Đại Nhân cũng thứ lớp nói: Ái đứng đầu trong 9 pháp. Do ái sinh tìm kiếm, do tìm cầu nên được, do được nên so sánh, do so sánh nên sinh nhiễm, do nhiễm nên tham đắm, do tham đắm nên thủ, do thủ sinh lòng tham đắm, do tham đắm nên giữ gìn, do giữ gìn nên mới có roi gây tranh kiện bao nhiêu khổ não.

Lại trong pháp Tu-đà-hoàn cũng thứ lớp nói: Nên gần gũi người lành được nghe chính pháp, vì nghe chính pháp nên có thể sinh chính niệm, nhờ nhân duyên chính niệm có thể tu hành đạo.

Lại trong kinh nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức. Ba thứ hòa hợp gọi là xúc. Nếu nói tâm và tâm số pháp sinh cùng một lúc, thì không có 3 thứ hòa hợp. Nếu nói mỗi mỗi sinh riêng thì có 3 thứ hòa hợp. Vì các lý do trên đây nên không có tương ưng.

Phẩm 66: CÓ TƯƠNG ƯNG

Hỏi: Có pháp tương ưng. Sở dĩ vì sao? Nếu như người thấy thụ là thân, thức tâm nương vào đó, vì có tương ưng. Tướng ấm v.v... cũng như vậy. Nếu không tương ưng, do đâu có như vậy?

Lại trong kinh ông nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức. Ba thứ hòa hợp sinh xúc, cùng sinh thụ, tướng, hành v.v.... Trong pháp này có nhiều thứ tên, như là chúng sinh, trời, người, trai, giá, lớn, nhỏ. Các tên ấy đều do các ấm. Nếu nói tâm và tâm số pháp thứ lớp sinh thì nhân 2 ấm. Có người cho rằng không nên nhân 5 ấm. Sở dĩ vì sao? Vì không thể nhân các ấm quá khứ vị lai mà gọi là người. Ông nói hiện tại không có 5 ấm, thì làm sao nói nhân 5 ấm gọi trời người v.v.... mà trong đó nói nhân các ấm, chứ không phải chỉ có hai. Cho nên nhân 5 ấm có tên chúng sinh.

Lại trong kinh nói có lời tương ưng, nghĩa là có căn trí tương ưng tín.

Lại trong kinh nói xúc tức cùng với thụ tướng tư cùng sinh.

Lại nói 5 chi Sơ thiền. Cũng nói thụ v.v... là chỗ trụ của thức. Nếu thức không tương ưng làm sao thức trụ trong pháp thụ v.v... được? Gọi trụ này là nương dựa mà trụ. Sở dĩ vì sao? Vì không nói thức là chỗ thức trụ.

Lại trong kinh nói: Tâm cùng pháp này đều từ tâm sinh, rồi nương đậu nơi tâm.

Lại nói tâm chúng sinh trong đêm dài bị tham giận v.v... làm ô nhiễm. Nếu không tương ưng làm sao nhiễm được!

Lại vì tâm và tâm số pháp tính yếu ớt, nên nương nhau mới duyên được, thí dụ như bó tre nương nhau mới đứng vững.

Lại trong kinh nói: Khi tâm chao động không nên tu 3 thứ giác là: trạch pháp, tinh tiến và hỷ, vì lại động thêm, mà nên tu 3 thứ giác là: thư thái, định và xả, vì ngăn sự phát động. Còn niệm thì có thể điều hòa khắp. Nếu tâm mỗi một lặn chìm thì không nên tu 3 thứ giác là: thư thái, định và xả, vì càng lặn chìm. Cho nên cần tu 3 giác là: trạch pháp, tinh tiến và hỷ, vì có thể làm tâm phần chấn. Niệm có thể điều hòa khắp.

Lại có luận sư nói: Nên đồng tu tập pháp trợ Bồ-đề, không được lia nhau. Cho nên biết có tương ưng.

Phẩm 67: CHẴNG PHẢI TƯƠNG ƯNG

Ông nói thấy thụ là thân, điều này không đúng. Người phàm phu si mê, vọng sinh thấy đó, không có thể phân biệt đó là thụ, đó là thức nương đậu. Người này, nếu có thể phân biệt được như vậy, cũng có thể vào được lý không. Người này thấy tâm tương tục không phân biệt được, chỉ chấp lấy lời nói, nên mới nói như vậy, đó là lời si mê lầm lạc không thể tin được.

Ông nói do các âm nên gọi là người. Là do 5 âm nối nhau gọi là người, nên nói là các âm. Như người đời nói: người vui, người khổ và người không vui khổ, không đồng thời có 3 thụ cùng một lúc. Các âm cũng vậy.

Ông nói có căn trí tương ưng với tín. Trong kinh cũng nói các việc tương ưng. Như nói 2 Ti-kheo tương ưng với nhau trong một việc làm.

Lại nói oán ghét tương ưng thì khổ, yêu thương chia lia thì khổ. Trong pháp của ông sắc không tương ưng, mà đây vì thế tục, nên cũng gọi tương ưng. Trí tín cũng vậy. Tín có thể tin vô thường v.v...; tuệ tùy theo hiểu biết, chung thành một việc, nên gọi tương ưng.

Ông nói do xúc liền có thụ v.v... cùng sinh. Điều này không đúng. Thế gian có việc tuy có chút trái nhau, cũng gọi là cùng chung, như bảo đệ tử cùng đi, cũng như nói vua Đánh Sinh, sinh tâm nghĩ, liền lên đến trời. Điều này cũng vậy. Phàm phu khi thức đến duyên cảnh, 4 pháp ắt thứ lớp sinh thức, tiếp đến sinh tưởng; kế tưởng sinh thụ, kế thụ sinh suy nghĩ, rồi suy nghĩ rồi lo buồn, mừng vui v.v... Từ đó sinh tham, giận, si. Cho nên nói liền sinh.

Ông nói 5 chi Sơ thiền. Tức là trong bậc thiền này có 5 chi, không phải nhất thời, như cõi Dục có 3 thứ thụ. Sở dĩ vì sao? Vì trước nói pháp, sau nói đến bậc.

Lại giác quán không tương ưng nhau được, trước đã đáp rồi.

Ông nói thức xứ. Trong kinh này nói thức duyên xứ, không nói y xứ. vì sao biết được? Tức trong kinh này nói thức duyên sắc vui nhuận nên mới trụ.

Ông tuy nói nếu thức duyên thức trụ, thì phải có 5 thức xứ. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Là vì khi thức biết sơ qua, thức biết việc rồi tâm mới sinh tưởng v.v... Rồi trong đó khởi ái, do nhân duyên khởi ái mới nói là thức xứ. Cho nên không nên nói thức là thức xứ.

Lại trong 7 thức xứ cũng nói thức là thức xứ.

Lại phải suy nghĩ kinh này, đừng chỉ theo lời nói, như nói tin có thể vượt qua sông, là lời nói bất tận, mà thật nhờ tuệ mới vượt qua được. Điều này cũng phải như vậy.

Ông nói tâm số nương nơi tâm. Điều này không đúng. Tâm trước biết việc sau sinh tưởng v.v....

Lại trong kinh nói: Thụ v.v... nương nơi tâm. Chứ không phải như bức vẽ nương nơi vách mà gọi là tâm số nương tâm.

Ông nói tâm số nương nhau như bó tre. Điều này trái với các kinh. Nếu cùng tương ưng, tại sao tâm số nương tâm, mà tâm không nương tâm số?

Nếu ông bảo vì tâm sinh trước lớn nên tâm số pháp phải nương vào, vậy là thành nghĩa của tôi rồi, vì khi tâm sinh không có tâm số pháp.

Ông nói vì phiền não nhiễm tâm nên biết có tương ưng. Điều này không có đạo lý. Nếu tâm trước sạch mà bị tham v.v... đến làm nhiễm bản, tức là tịnh pháp có thể bản, tức hại pháp tướng. Cũng như trước có nói tâm tính vốn sạch mà bị khách trần đến làm bản, vì tâm tịnh nên chúng sinh tịnh. Vậy thì chúng sinh cũng cần tương ưng? Nếu chúng sinh không tương ưng được, thì tham v.v... cũng không tương ưng được. Vì hiện hành trong tâm nối nhau sinh bản v.v... tâm bản nối nhau, nên mới nói nhiễm tâm. Như nói từ nhiễm tâm được giải thoát. Trong tâm nối nhau này, nếu tịnh tâm sinh được gọi giải thoát. Điều này cũng vậy. Như mây mù v.v... tuy không tương ưng với mặt trời mặt trăng, nhưng cũng có thể làm mờ. Tham v.v... cũng vậy, tuy không tương ưng với tâm, nhưng cũng có thể làm ô nhiễm.

Lại vì khói mây mù v.v... có thể che mặt trời mặt trăng nên gọi là mờ. Tham v.v... cũng vậy, có thể chướng tịnh tâm nên gọi là bản.

Hỏi: Mây mù mặt trời mặt trăng chỉ là nhất thời, còn phiền não với tâm thì không như vậy, cho nên dụ này không đúng?

Đáp: Vì cùng chướng ngại. Điều này đã thành, nên không có lỗi. Phiền não này có thể làm bản cái tâm tương tục, nên gọi là nhiễm.

Ông nói tâm số từ tâm sinh rồi nương tựa nơi tâm. Điều này trước đã giải đáp.

Ông nói tâm và tâm số pháp tính yếu ớt ấy. Vì niệm niệm diệt, nên gọi yếu ớt, chứ không phải giúp nhau mới có thể hiện hành nơi cảnh duyên. Nếu giúp nhau thì phải tạm trụ lại, mà thật không thấy có sức tương trợ cần gì phải tương ưng?

Ông nói giác ý hợp nhau. Lời nói này là tùy lúc nên tu 3 giác, không phải trong một niệm. Như Xá-lợi-phất nói: Trong 7 giác tôi có thể vào tự tại. Nếu tâm chao động, bấy giờ nên tu thư thái v.v... 3 giác.

Lại Phật cũng nói thứ lớp của giác pháp.

Ông nói đồng thời tu Bồ-đề phân. Điều này không đúng. Nếu đồng thời tu 37 phẩm thì nên đồng thời tu 2 thứ tín và 5 niệm v.v.... Nếu ý ông bảo tùy được chỗ tu tức là lìa tu.

Lại tùy theo người khác tu được như Nhị thiên v.v..., nên gọi là không lìa.

Lại đồng thời 37 phẩm thì không có đạo lý ấy. Sở dĩ vì sao? Vì trong một niệm không thể tu được nhiều pháp như vậy.

Phẩm 68: NHIỀU TÂM

Hỏi: Đã biết không có riêng tâm số, cũng không có tương ưng. Vậy tâm này là một hay là nhiều? Có người bảo tâm là một, mà tùy sinh nên nhiều?

Đáp: Nhiều tâm. Sở dĩ vì sao? Vì biết gọi là tâm, mà sắc thì biết khác, hương v.v... biết khác, cho nên có nhiều tâm.

Lại nhãn thức sinh khác, nghĩa là đọi có ánh sáng, hư không và các duyên. Nhĩ thức thì không phải vậy. Ba thức trần đến mới sinh. Ý thức thì do nhiều duyên sinh. Cho nên biết không phải một.

Lại thức biết tướng của trần thường như vậy, thì làm sao biết thứ trần khác? Nếu nhiều tâm sinh thì mới có thể biết được nhiều, như tà chính biết khác. Hoặc quyết định hoặc nghi ngờ, hoặc thiện, bất thiện, hoặc vô ký đều biết sai khác. Trong thiện lại có thiên định, giải thoát, 4 vô lượng, thần thông v.v... khác nhau. Trong bất thiện cũng có tham dục, giận dữ, ngu si v.v... khác nhau. Trong vô ký cũng có đi đến v.v... khác. Có thức có thể khởi thân nghiệp khẩu nghiệp, có khởi oai nghi, hoặc hợp hoặc ly, bởi thứ lớp duyên tăng thượng, mỗi mỗi sai khác, nên các tâm cũng khác.

Lại sạch không sạch các thụ sai khác, nên tâm cũng khác.

Lại sở tác sai khác nên tâm có khác.

Lại sạch không sạch tâm tính đều khác; nếu tâm tính sạch thì không bị bẩn, như ánh sáng mặt nhật vốn sạch quyết không bẩn được. Nếu tính không sạch không thể khiến sạch, như lông của những thú đen đều không thể khiến trắng. Mà trong bố thí v.v... thật có tịnh tâm. Trong pháp sát-sinh v.v... thật có bất tịnh tâm. Cho nên tâm không phải một.

Lại tùy các thụ khổ vui sai khác, nên tâm cũng không phải một. Như nói Ti-kheo dùng thức để biết việc gì đó, nghĩa là biết khổ vui và không khổ vui.

Lại nếu tâm là một, thì một thức nên có thể thủ lấy tất cả trần. Mà nói nhiều tâm, là tùy căn sinh thức, cho nên không thể thủ lấy tất cả trần. Nếu tâm là một, thì vì cái gì ngăn mà không thủ lấy tất cả trần được? Cho nên biết nhiều tâm.

Lại pháp có thể bị lấy khác, nên có thể lấy cũng khác. Như người nói hoặc tự biết tâm mình, làm sao tự biết tự thể được? Như mắt không tự thấy, dao không tự cắt, ngón tay không tự xúc, nên tâm không một.

Lại trong Kinh Viên Dụ nói: Ví như con khi con vượn bỏ một nhánh liền vịn một nhánh khác. Tâm cũng như vậy, sinh diệt mới luôn.

Lại nếu tâm là một, mà nói có cả 6 thức, thì lời này hổng.

Lại trong kinh nói: Thân hoặc trụ 10 năm, mà tâm thì niệm niệm sinh diệt.

Lại nói: Phải quán trụ tâm vô thường. Tâm này mà nói là trụ, vì nối nhau niệm niệm không dừng.

Lại như một nghiệp không thể lấy lần thứ 2, thức cũng như vậy, không trùng tại duyên cảnh.

Lại như lửa cỏ không dời được đến củi. Cũng như vậy nhân thức không đến trong tai. Cho nên biết có nhiều tâm.

Phẩm 69: MỘT TÂM

Hỏi: Tâm là một. Sở dĩ vì sao? Như trong kinh nói: Tâm này thời gian lâu tăm tối bị tham v.v... làm ô nhiễm. Nếu tâm khác ấy, không gọi là thường ô nhiễm.

Lại trong Kinh Anh Lạc nói: Nếu tâm thường tu tín, giới, thí, vãn và tuệ, thì chết sinh lên cõi trên.

Lại trong Kinh Thiên nói: Người được Sơ thiên, vì tâm điều hòa nhu nhuyễn, nên có thể từ Sơ thiên đến Đệ nhị thiên.

Lại trong Phẩm tâm nói: Tâm này thường động, như cá mất nước, cho nên các ông phải phá quân ma. Cho nên biết tâm một, động ở đây đến nơi kia.

Lại trong Tạp Tạng Ti-kheo, nói: Trong hang 5 cửa, khi đột nhậy múa, khi tạm đứng yên, đừng cho như xưa. Cho nên biết một tâm, ở trong hang thân, 5 căn cửa cửa động, nay tức là xưa, cho nên mới nói: Đừng cho như xưa.

Lại nói tâm này đi khắp như ánh sáng mặt trời soi. Người trí có thể chế ngự, như cái móc điều khiển con voi. Cho nên biết tâm là một, chạy rộng duyên trong các cảnh.

Lại vì vô ngã, nên tâm mới khởi nghiệp, vì tâm là một nên có thể khởi các nghiệp, rồi tự chịu quả báo; tâm chết tâm sống, tâm buộc mờ, vốn tự chịu lấy. Tâm có thể nghĩ nhớ, nên biết tâm một.

Lại vì tâm là một, nên có thể tu nhóm, nếu niệm niệm diệt, thì không sức nhóm họp.

Lại Phật pháp là vô ngã, vì tâm một nên gọi tướng chúng sinh. Nếu tâm nhiều thì không phải tướng chúng sinh.

Lại bên tả thấy bên hữu biết, không lẽ thấy khác biết khác? Cho nên biết tâm một, tự thấy tự biết.

Phẩm 70: CHẴNG PHẢI NHIỀU TÂM

Ông tuy nói sắc v.v... biết khác, nhưng điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nếu tâm là một, làm nhiều thứ nghiệp thủ lấy sắc hương v.v..., như một người ở trong nhà có 5 hướng, khắp chỗ thủ lấy trần, tức là tâm này trụ ở trong mắt, đợi các duyên sáng v.v... mới có thể thấy sắc. Như người này, ở chỗ khác đợi bạn, tức là tâm này chỗ biết sai khác. Như người này, trước là người biết, sau lại không biết. Như vậy biết tà lại là biết chính. Như người này, trước là người tịnh, sau lại bất tịnh. Như vậy biết nghi ngờ tức là biết quyết định. Như người này, trước là người nghi, sau lại người quyết định. Là tâm bất thiện tức lại là thiện, cũng là vô ký. Như người này, hoặc nghĩ thiện, hoặc nghĩ bất thiện, hoặc nghĩ vô ký. Tức là tâm này có thể làm oai nghi đến đi sai khác. Như người này, làm các hành nghiệp đi đến các oai nghi. Như vậy tịnh tâm tức là bất tịnh, bất tịnh tức là tịnh. Như người này trước là thanh tịnh, sau lại bất tịnh. Tức là tâm này tương ưng với vui, sau lại tương ưng với khổ. Như người này trước là người vui, sau lại là người khổ. Cho nên nói tâm là một dùng làm nhiều nghiệp.

Ông nói 1 thức không thủ lấy 6 trần, nên không phải 1 tâm. Điều này không đúng. Tôi cho vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Nếu thức trụ trong mắt, chỉ có thể lấy sắc mà không lấy trần khác, các thức khác cũng vậy.

Ông nói thủ và khả thủ khác. Điều này không đúng. Tâm pháp có thể biết tự thể; như đèn tự chiếu sáng và chiếu sáng các vật; như người tính toán cũng có thể tính toán mình, và tính toán cho người khác. Như vậy tâm một có thể biết tự thể, cũng biết người khác.

Ông nói ví dụ con khi. Điều này không đúng. Như một con khi bỏ một nhánh lại liền bắt lấy một nhánh khác. Tâm cũng vậy bỏ một cảnh duyên, lại lấy một duyên. Ngoài ra lời ông đã nói: Có thể tự khởi nghiệp, tự chịu quả báo đều đã đáp chung. Sở dĩ vì sao? Vì nếu tâm khác, thì phải làm khác, chịu khác, chết khác, và sống khác, có các lỗi như vậy, cho nên biết một tâm.

Phẩm 71: CHẴNG PHẢI MỘT TÂM

Đáp: Ông nói tâm một, bị tham v.v... làm bản dài lâu. Điều này không phải vậy. Trong cái tâm luôn nối nhau thấy là một tướng. Như nói gió chiều qua tức là gió sáng nay. Sông ngày nay tức sông ngày xưa. Đèn buổi sáng nay tức là đèn ngày hôm qua. Như cái răng mọc gọi là tái sinh, mà cái răng cũ thật không tái sinh. Vì giống nhau ấy nên gọi là tái sinh. Cũng như vậy, tâm khác nhưng vì nối nhau liên tục nên bảo là một tâm.

Ông nói nghĩ nhớ, là người hoặc tự nghĩ bản tâm, nếu bản tâm đến nay nghĩ việc gì?

Lại làm sao đem tâm này mà nghĩ tâm này? Không có một trí nào có thể biết tự thể, cho nên không phải một tâm.

Ông nói tu nhóm. Nếu tâm thường một, tu sao được ích? Nếu có nhiều tâm thì hạ, trung, thượng thứ lớp nối nhau sinh, nên mới có tu nhóm.

Ông nói tâm là một tướng. Nếu tâm là một tướng, tức đó là thường, thường tức chân ngã. Sở dĩ vì sao? Vì nay làm, sau làm, thường một không biến đổi nên mới cho là ngã.

Lại không thể biết tướng sai biệt của tâm nên cho là một. Như rót nước liên tục nối nhau luôn, trong tâm cho là một. Như người bệnh mắt thấy đùm tóc cho là một. Nếu trong việc này, người có thể phân biệt thì biết kia là khác.

Lại người có trí sâu sắc có thể biết tâm khác. Sở dĩ vì sao? Vì các Phạm Vương v.v... ở trong cơn mê muội thốt nói như vậy: Thân này vô thường, mà tâm thức này là thường. Nếu các Phạm Vương v.v... mà hãy còn mê muội, huống chi người khác mà không chấp trước là thường ư? Cho nên phải khéo suy nghĩ các pháp duyên sinh, thì ý nghĩ điên đảo cho là thường kia mới diệt.

Ông nói bên tả thấy bên hữu biết là sức của trí, cho nên thấy khác biết khác, như người này làm sách nhiều người khác có thể biết.

Lại như các người đã được là Thánh nhân có thể biết những việc vị lai chưa sinh, chưa có mà Thánh trí có thể biết.

Lại việc quá khứ không nghĩ nhớ, nên biết chưa đến chưa có mà trí lực có thể biết. Điều này ra sau sẽ nói rộng.

Phẩm 72: THUYẾT MINH NHIỀU TÂM

Ông nói tâm một dùng làm nhiều nghiệp. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì chính lấy nghĩa rõ biết là tâm. Mà rõ biết sắc khác, rõ biết thanh khác, tâm làm sao một được?

Lại như nghiệp tay cầm bình, thì chính tay này không cầm được vật khác nữa. Như vậy vì tùy tâm nào lấy sắc, thì chính tâm ấy không còn nghe tiếng được.

Lại nhãn thức này lấy nhãn căn làm chỗ nương, lấy sắc làm cảnh duyên, 2 thứ này là vô thường niệm niệm sinh diệt, thì nhãn thức làm sao tránh khỏi niệm niệm diệt được? Ví như không có cây, bóng cũng không có. Như vậy vì nhãn sắc niệm niệm diệt, nên chỗ bị nương để sinh thức cũng niệm niệm diệt; pháp niệm niệm diệt không có sức đi.

Lại trước đã có các lời đáp trong Phẩm ý, nên ý không đi. Tuy ông nói thức trụ trong mắt, đợi sáng có thể thấy, như người này có

thể thấy nghe v.v.... Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì nay trong luận này tìm thật nghĩa của pháp, còn người là giả danh không nên đem làm thí dụ.

Lại nếu cần tìm tướng người, thì tôi nói các âm là người, cũng nói nghi, biết v.v..., khác với các biết quyết định. Không đem các nghi, biết, mà cho là các biết quyết định. Như vậy tất cả.

Ông nói vì căn sai khác nên thức mới có sai khác. Điều này không đúng. Căn là nhân duyên sinh thức. Nếu thức là một, thì nhiều căn để làm gì?

Ông đem cái đèn, người tính toán làm thí dụ. Thí dụ này không đúng. Như vì không soi đốt đèn mà thể đèn không phải không soi, nên không tự soi, nhờ đèn mà thể đèn không phải không soi, cho nên không tự soi. Vì đèn phá tối, nhãn thức được sinh; nhãn thức sinh rồi cũng có thể thấy đèn và bình v.v... các vật.

Lại người tính toán, có thể biết sắc mình, cũng biết sắc người khác, nên gọi biết nhau.

Ông nói nghiệp v.v.... Trong vấn nạn về nghiệp v.v... đã giải đáp rồi, nên không lỗi này.

Lại nếu tâm thường một thì không nghiệp không báo. Sở dĩ vì sao? Chính vì tâm và chỗ sở y là nghiệp. Nếu tâm là một, đâu có nghiệp báo? Buộc hay mở v.v... đều như vậy.

Lại ông nói làm khác chịu khác. Đó cũng không đúng. Vì các âm nối nhau luôn, không phải một, không phải khác, vì sa vào nhị biên.

Lại thể tục danh tự nói các nghiệp v.v... không phải nghĩa chân thật nên trong âm tương tục nói các danh tự kia thì không lỗi. Cho nên biết có nhiều tâm.

Phẩm 73: THỨC TẠM TRỤ

Hỏi: Đã rõ biết nhiều tâm. Nay các tâm là niệm niệm diệt hay là có trụ một thời gian ngắn? Có người nói: Tâm trụ một thời gian ngắn. Sở dĩ vì sao? Vì rõ biết sắc v.v.... Nếu niệm niệm diệt, thì không thể rõ biết được. Cho nên không phải không trụ.

Lại nếu niệm niệm diệt thì quyết không biết được các sắc v.v... các pháp. Sở dĩ vì sao? Vì như điện sáng tạm trụ còn không nhận biết được, huống là niệm niệm diệt mà rõ được ư? Nay thật có rõ biết nên mới biết các thức không phải niệm niệm diệt.

Lại nhãn thức nương nhãn căn duyên sắc, 2 thứ này không khác, thức cũng không khác.

Lại tâm đủ có thể lục lấy xanh v.v... các màu sắc, nên biết không phải niệm niệm diệt. Nếu ý ông bảo vì nối nhau liên tục, nên có thể quyết rõ. Điều đó cũng không đúng. Vì nếu mỗi tâm không thể định rõ, thì dù cho nối nhau liên tục cũng không rõ biết được. Như một người mù không thể thấy sắc, thì nhiều người mù cũng không thấy gì. Nếu ông lại bảo: Như mỗi mỗi sợi chỉ không thể buộc voi, nhóm lại nhiều sợi thì được. Như vậy một tâm không thể quyết rõ, mà nối nhau thì được. Đó cũng không đúng. Vì trong mỗi mỗi sợi chỉ đều có chút sức mạnh, hòa hợp thì có thể. Tâm trong một niệm không có chút sức mạnh rõ biết. Cho nên nối nhau liên tục cũng phải không thể hiểu rõ, mà thật có hiểu rõ. Cho nên biết không phải niệm niệm diệt.

Lại nếu tâm niệm niệm diệt, thì các hành nghiệp quá khứ vị lai đều thành vô dụng, vì có chút thì gian ngắn tạm trụ, nên mới có thể khiến thành hữu dụng. Cho nên biết tâm không phải niệm niệm diệt. Tuy là vô thường phải có trụ một thời gian ngắn.

Phẩm 74: THỨC KHÔNG TRỤ

Đáp: Ông nói vì tâm có rõ biết, nên không phải niệm niệm diệt. Điều này không đúng. Vì sức các tướng tại tâm có khả năng quyết rõ, chứ không phải vì trụ lại. Nếu không phải vậy, thì trong âm thanh cũng không thể quyết rõ được. Sở dĩ vì sao? Vì hiện thấy điều này niệm niệm diệt, mà thật ra thì có quyết rõ. Cho nên biết không phải vì tạm trụ mà có thể hiểu rõ.

Lại chính vì biết rõ là tâm, như biết xanh tức không phải biết vàng; Cho nên dù tạm trụ đi nữa, biết xanh cũng không thể rõ biết vàng được.

Lại khi biết xanh khác, khi biết không phải xanh khác. Một pháp không nên 2 thời, là pháp với thời cùng lúc, thời với pháp cũng vậy.

Lại nhận lấy có 2 cách: một là quyết rõ, hai là không quyết rõ. Nếu thức không niệm niệm diệt, thì tất cả những gì nhận lấy đều phải quyết rõ. Tôi cho là tùy thức sinh nhiều nối nhau, thì sự nhận lấy mới rõ ràng. Nếu ít nối nhau thì không rõ.

Lại thức lấy trần, hoặc chậm hoặc nhanh tâm không nhất định.

Ông nói nương cảnh duyên không khác. Nghĩa này đã thành. Sắc niệm niệm diệt, nên nương duyên cũng khác.

Ông nói có thể lấy đầy đủ, là thức có thể lấy khắp thân phần, nên gọi là lấy đầy đủ. Cho nên không có một thức có thể lấy khắp. Sở dĩ vì sao? Vì chưa lấy đầy đủ tâm đã diệt theo, thì đâu được có tâm có thể lấy tất cả?

Ông nói tác nghiệp vô dụng. Điều này không đúng. Như đèn tuy niệm niệm diệt nhưng có tác dụng chiếu soi. Các nghiệp và gió tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lay động các vật. Thức này cũng vậy.

Lại như đèn v.v... tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lấy được. Thức cũng như vậy, tuy niệm niệm diệt, cũng có thể lấy được.

Lại nữa, các tâm ý thức đều niệm niệm diệt. Sở dĩ vì sao? Vì xanh v.v... các màu sắc nhóm hiện tại trước mặt mà có thể mau sinh diệt, nên biết không trụ.

Lại người hoặc khi sinh tâm tự bảo một lúc có thể lấy các cảnh, cho nên thức không trụ. Nếu thức tạm trụ, thì người kia không thể sinh tâm nghĩ lầm này. Sở dĩ vì sao? Vì như giống rễ nối nhau mới có tạm trụ, cho nên người kia trong đó không sinh ý nghĩ sai lầm cho là mầm, thân v.v... đồng thời mà có. Cho nên biết thức niệm niệm diệt.

Lại như người thấy cái bình liền sinh nhớ cái bình, vì thấy rồi mới sinh nhớ, cho nên niệm niệm diệt.

Lại nếu các thức không niệm niệm diệt, thì một trí cũng phải là tà cũng là chính. Như thấy người này, nhận là người, cũng nhận là không phải người. Như vậy lấy nghi ngờ tức cũng lấy quyết định là không được. Cho nên biết niệm niệm diệt.

Lại các phân biệt v.v... các nhân duyên, cho nên biết niệm niệm diệt.

Lại tướng âm thanh nối nhau niệm niệm diệt, trong đó sinh biết. Cho nên biết tâm niệm niệm diệt.

Phẩm 75: THỨC CÙNG SINH

Hỏi: Đã rõ tâm niệm niệm diệt. Nay các thức là đồng thời cùng sinh hay là thứ lớp sinh? Có luận sư nói thức đồng thời cùng sinh. Sở dĩ vì sao? Vì có người đồng thời có thể lấy các trần như người thấy bình cũng nghe tiếng nhạc, mũi ngửi hoa thơm miệng cũng ngậm vị thơm, gió thổi xúc thân, cũng suy nghĩ âm điệu khúc hát. Cho nên biết đồng thời có thể lấy các trần.

Lại nếu một thức ở trong thân có thể khắp biết khổ vui. Vậy thì đem một nhãn thức cũng có thể lấy các cây. Điều này là không thể.

Vì làm sao một thức đều biết rễ, cọng, nhánh, lá, hoa quả? Cho nên biết nhiều thức đồng thời cùng sinh khắp lấy các xúc.

Lại trong nhiều thứ màu sắc đồng thời sinh biết, mà biết xanh tức không phải biết vàng. Cho nên biết đồng thời nhiều thức cùng sinh.

Lại các phần trong thân có thể mau sinh biết, khi lấy một phần tức có thể khắp lấy.

Lại trong Phật pháp không có hữu phần, không thể một thức khắp lấy các phần. Cho nên biết đồng thời có thể sinh nhiều thức khắp lấy các phần.

Phẩm 76: THỨC KHÔNG ĐỒNG THỜI CÙNG SINH

Đáp: Ông nói các thức đồng thời cùng sinh. Điều này không đúng. Sở dĩ vì sao? Vì thức đợi nghĩ mới sinh. Như trong kinh nói: Nếu mắt nhập vào sắc không hoại, nhập trong cảnh biết mà nếu không nghĩ có thể sinh thức, thì nhãn thức không sinh. Cho nên biết các thức vì đợi nghĩ vậy, chứ không phải đồng thời sinh.

Lại tất cả pháp sinh đều thuộc nghiệp nhân, vì tâm mỗi mỗi sinh nên quả báo địa ngục v.v... không phải đồng thời thụ báo. Nếu nhiều tâm cùng sinh, thì phải đồng chịu quả báo một lúc, mà thật ra là không thể. Cho nên biết các thức không phải đồng một thời sinh.

Lại thức có thể mau lấy cảnh duyên, như vòng lửa quay tròn, vì quay nhanh nên không thấy ranh giới. Các thức cũng vậy, vì thời gian trụ ngắn nên không phân biệt được.

Lại các thức nếu đồng thời sinh thì tất cả pháp sinh đều có thể một niệm một thời cùng sinh, có gì ngăn ngại? Vậy thì tất cả pháp sinh không cần công đức, không cần tạo nghiệp công đức cũng vẫn được giải thoát? Điều này là không thể được. Cho nên biết các thức không phải một thời sinh.

Lại thân bị tâm sai khiến, nếu các tâm đồng sinh thì thân bị tan nát, vì các tâm đi lại một thời sinh, mà thật thân không hư hoại, cho nên biết các thức không phải một thời sinh.

Lại mắt thấy vật bên ngoài như giống, rỗng, mộng v.v... và trạng thái ca-la-la lúc mới đậu thai v.v... rồi đến hình hài thiếu, tráng, lão tuần tự mà có, tâm cũng phải như vậy.

Lại như trong kinh nói: Nếu khi thụ vui, thì 2 thụ diệt, đó là khổ thụ và bất khổ bất lạc thụ. Và như vậy v.v.... Nếu thức đồng thời sinh thì phải sinh 3 thứ thụ cùng một lúc, mà thật đâu phải vậy. Cho nên biết các thức không một thời sinh.

Lại vì trong một thân một tâm sinh, nên gọi là một người. Nếu thức đồng sinh thì một thân phải có nhiều người mà thật đâu phải. Cho nên trong một thân thức không cùng sinh một lúc.

Lại nếu thức cùng sinh, thì phải một lúc biết, biết tất cả pháp. Sở dĩ vì sao? Vì trong mắt có vô lượng trăm ngàn thức sinh. Cho đến trong ý cũng đều như vậy. Như vậy thì phải biết tất cả pháp, mà thật đâu phải. Cho nên biết các thức không sinh cùng một lúc.

Hỏi: Các thức vì sao phải thứ tự sinh?

Đáp: Vì một thứ lớp duyên, nên mỗi mỗi thức sinh.

Hỏi: Có sao chỉ có một thứ lớp duyên?

Đáp: Pháp phải như vậy. Như một thân một ý của ông, tôi cũng như vậy, một ý một thứ lớp duyên. Như mộng thuộc hạt giống, cần phải thứ lớp sinh mộng, mà không sinh cộng v.v.... Cũng như vậy pháp nào tùy thuộc tâm, cần phải kế tâm đó mà sinh, không sinh các pháp khác.

Lại tướng thức quyết định, mỗi mỗi khởi diệt thứ lớp thuộc nhau, như tướng lửa và nóng. Cho nên các thức phải thứ lớp sinh.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 6

Phẩm 77: TƯỚNG ẨM TRONG NHÓM KHỔ ĐỀ

Hỏi: Pháp gì là tướng?

Đáp: Vì lấy tướng giả pháp nên gọi là tướng. Bởi vì sao? Vì như trong kinh nói: Có người tướng ít, có người tướng nhiều, có người tướng vô lượng, hoặc không có tướng, mà thật không có các pháp nhiều ít v.v... này, cho nên biết tướng là lấy tướng giả pháp. Tướng này phần nhiều ở trong điên đảo mà nói. Như nói, trong vô thường, điên đảo tướng thường, trong khổ điên đảo tướng vui, trong vô ngã điên đảo tướng ngã, trong bất tịnh điên đảo tướng tịnh. Cũng nói trong tín giải quán tất cả nhập v.v.... Con người vì tướng 3 thứ sai khác lấy cảnh duyên nghĩa là trong oán thân con người trong cảnh duyên ấy tiếp sinh 3 thứ thụ. Thụ sinh 3 thứ độc, nên tướng có lỗi. Vì tướng có lỗi, nên Phật dạy cần phải đoạn dứt. Như nói mắt thấy sắc đừng lấy tướng. Cho nên biết lấy tướng giả pháp, gọi là tướng.

Hỏi: Lấy giả pháp là tướng?

Nghĩa này không phải. Bởi vì sao? Vì tướng này có thể dứt phiền não. Như trong kinh nói: Vì khéo tu vô thường tướng, nên có thể dứt được tất cả nhiễm cõi Dục, nhiễm cõi Sắc, và nhiễm cõi Vô sắc, tất cả hý động, ngã mạn và vô minh. Cho nên biết không phải

chỉ lấy giả pháp là tướng. Lấy giả pháp là tướng thì phải không dứt được các phiền não?

Đáp: Thật tuệ này lấy tướng gọi tên. Như nói người thụ giả, đối với tất cả được giải thoát. Cũng nói dùng ý dứt tất cả phiền não.

Lại như nói dùng nghiệp không đen không trắng có thể hết các nghiệp. Cũng nói tin có thể qua sông, nhất tâm qua biển, tinh tiến trừ khổ, tuệ có thể sinh thanh tịnh. Mà thật dùng tuệ mới được qua, chứ không phải dùng tín v.v.... Như vậy trí tuệ mà lấy tướng gọi tên.

Lại trong kinh nói: Lấy tuệ làm dao. Như nói Thánh đệ tử dùng grom trí tuệ có thể dứt phiền não. Cho nên biết trí tuệ có thể dứt kết, chứ không phải tướng.

Lại trong 37 phẩm Thánh đạo không nói tên của tướng nên không đoạn dứt kết.

Lại trong kinh nói: Người biết, người thấy có thể được hết lậu, chứ không phải người không thấy không biết.

Lại trong 3 căn vô lậu nói: căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết, đều lấy cái biết mà gọi tên.

Lại Phật nói: Tuệ là tuệ phẩm, giải thoát tri kiến phẩm.

Lại nói không thiên nào không trí, không trí nào không thiên.

Lại trong kinh thứ lớp nói người giữ gìn tịnh giới thì tâm không ăn năn, cho đến giữ tâm nơi cái biết, được như thật.

Lại pháp trí v.v... đều lấy tuệ làm tên.

Lại trong 3 môn học, tuệ học là vượt trội hơn hết. Cũng nói trí tuệ đầy đủ là tri kiến giải thoát đầy đủ.

Lại trong 7 tịnh nói tri kiến tịnh.

Lại Phật gọi là hiểu biết đúng đắn tất cả pháp nên gọi là trí tuệ vô thượng. Tướng, thì không nói như vậy. Lại lẽ ra phải dùng

tuệ dứt các phiền não, không phải dùng tướng. Bởi vì sao? Như Kinh Đại Nhân Duyên nói: Nếu nghĩa nào ăn nhập vào trong Tu-đa-la, và không trái với pháp tướng, tùy thuận Tì-ni, thì nghĩa ấy nên lấy.

Lại nói trong chính nghĩa để riêng lời tùy nghĩa, trong chính ngữ để riêng nghĩa tùy ngữ. Cho nên trong kinh tuy nói vô thường tướng v.v... có thể dứt trừ các kết mà lý đúng ra phải là tuệ.

Lại nói vô minh là gốc phiền não, vì lìa vô minh nên tuệ được giải thoát. Cho nên lấy tuệ dứt các phiền não.

Hỏi: Ông nói các tướng lấy tướng giả pháp. Vậy cái gì là tướng?

Đáp: Có người lấy giả pháp làm tướng. Giả pháp có 5 thứ: 1. Quá khứ. 2. Vị lai. 3. Danh tự. 4. Tướng. 5. Người. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người do 5 âm tạo thành, tướng không có nhân tạo thành. Cho nên không phải giả danh.

Hỏi: Vậy nghĩa của tướng là gì?

Đáp: Cảnh duyên tức là tướng. Vì sao biết được? Như nói sư tử chúa loài thú, đứng bên này bờ sông, lấy tướng bờ bên kia, rồi cắt ngang dòng mà qua. Nếu không như vậy thì vẫn ở bờ này, đến chết không rời bỏ. Trong kinh này lấy cây cối v.v... làm tướng.

Lại nói Tì-kheo nêu tướng, trong ấy cũng lấy áo v.v... làm tướng.

Lại nói Thế Tôn hiện tướng như vậy.

Lại quan trông coi bữa ăn của vua nhân khi vua ăn, nên mới lấy tướng thềm thường.

Lại nói sớm mai là tướng mặt trời mọc.

Lại nói 3 tướng là nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng. Trong ấy lấy nhiếp v.v... làm tướng. Tùy nghĩ pháp nào, buộc tâm nơi cảnh duyên, gọi là nhiếp tướng.

Lại chư thiên khi thoái đọa, có 5 tướng hiện ra, trong đó lấy 5 pháp làm tướng. Cho nên biết không lấy giả pháp làm tướng, cũng không phải nhiếp thuộc hành ấm.

Lại Xá-lợi-phất lấy diện mạo các tướng của Phú-lâu-na.

Lại trong kinh nói mắt thấy sắc không lấy tướng.

Lại trong Pháp ấn nói nếu Tì-kheo tự thấy đoạn sắc thanh các tướng, ta chưa nói người này được tri kiến thanh tịnh. Vì các lẽ đó nên biết duyên tức là tướng, không phải giả pháp.

Hỏi: Duyên không phải tướng. Bởi vì sao? Vì Vô tướng Tam-muội cũng có duyên. Lại nói thấy sắc rồi không lấy tướng. Nếu duyên là tướng, làm sao lấy sắc mà không lấy tướng?

Đáp: Tướng có 2 thứ: Có tướng có lỗi, có tướng không lỗi. Vì ngăn tướng lỗi, nên nói thấy sắc không lấy tướng. Vô tướng mà duyên cũng có lỗi, sau sẽ nói rộng ở phần diệt đế. Nghĩa là diệt 3 thứ tâm, nên gọi vô tướng. Hành giả mới nhập đạo thì không phải tất cả tướng đều là lỗi. Nếu lấy nhiếp tướng, phát tướng và xả tướng v.v... thì không lỗi.

Lại Niết-bàn gọi là vô pháp, cho nên không nên nạn vấn. Như nói nếu lấy pháp tướng, không thể là ô nhiễm, mà lấy giả danh tướng, thì sinh phiền não. Bởi vì sao? Vì lấy tướng sai khác oan, thân v.v... nên sinh buồn, vui v.v.... Do đó có thể sinh các lỗi tham, giận v.v.... Cho nên biết lấy tướng giả pháp, đó gọi là tướng.

Phẩm 78: TƯỚNG CỦA THỤ TRONG LUẬN VỀ THỤ CỦA NHÓM KHỔ ĐẾ

Hỏi: Vậy thế nào là thụ?

Đáp: Khô, vui, không khô vui.

Hỏi: Sao gọi là khô, sao gọi là vui, sao gọi là không khô vui?

Đáp: Nếu tăng ích thân tâm là vui, tổn giảm thân tâm là khổ, trái với 2 điều trên là không khổ không vui.

Hỏi: Ba thứ thụ này không có tướng quyết định. Bởi vì sao? Vì như một việc, hoặc tăng ích thân tâm, hoặc làm tổn giảm, hoặc đều trái cả hai?

Đáp: Đó là cảnh duyên bất định, chứ không phải thụ bất định. Bởi vì sao? Vì như cùng là một thứ lửa, mà khi thì sinh vui, khi sinh khổ, khi sinh không khổ không vui. Từ duyên sinh thụ là quyết định. Như một việc mà tùy lúc làm nhân cho vui, hoặc làm nhân cho khổ; hoặc làm nhân cho không vui không khổ.

Hỏi: Do lúc nào duyên này làm nhân cho khổ vui v.v...?

Đáp: Tùy lúc có thể ngăn chặn khổ, thì lúc đó sinh tướng vui. Như người đang bị lạnh, bấy giờ tiếp xúc hơi nóng là sinh tướng vui.

Hỏi: Tiếp xúc nóng này nếu quá nhiều lại có thể làm khổ, đâu phải vui, cho nên biết thụ vui cũng không có?

Đáp: Theo danh tướng thế tục nên mới có thụ vui, không phải nghĩa chân thật. Tùy theo người này khi thích tiếp xúc nóng thì tăng ích, lại ngăn được khổ trước, bấy giờ trong khi ấy thì sinh tướng vui. Nếu lìa khổ trước, thì tiếp xúc nóng này không có thể làm vui nên không phải thật có.

Hỏi: Ông nói chỉ vì danh tướng nên có vui. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì trong kinh, Phật tự nói 3 thụ, nếu thật không vui, làm sao nói 3 thụ?

Lại nói sắc nếu quyết định là khổ, thì chúng sinh trong đó không sinh tham đắm.

Lại nói những gì là ý vị trong sắc? Như nói vì do sắc có thể sinh vui mừng.

Lại nói khi lạc thụ sinh thì vui, khi trụ thì vui, mà khi hoại thì khổ. Khổ thụ khi sinh thì khổ, khi trụ thì khổ, mà khi hoại thì vui. Cái thụ không khổ không vui thì không biết khổ không biết vui.

Lại lạc thụ là phúc báo, khổ thụ là tội báo. Nếu thật không có lạc thụ, thì tội phúc chỉ có quả khổ, mà thật không phải vậy.

Lại trong cõi Dục cũng có lạc thụ, nếu thật không có lạc thụ thì cõi Sắc, cõi Vô sắc phải không có thụ, mà thật không phải vậy.

Lại nói trong lạc thụ là tham sai khiến, nếu không có lạc thụ thì tham sai khiến chỗ nào? Không nên nói trong khổ thụ là tham sai khiến. Cho nên biết thật có lạc thụ?

Đáp: Nếu thật có lạc thụ thì phải nói ra tướng thế nào là vui, mà thật không thể nói được. Phải biết chỉ vì trong khổ có sai khác mà gọi là tướng vui mà thôi. Tất cả vậy giới, từ dưới đại địa ngục lên đến cõi Hữu định, đều là tướng khổ, bị nhiều khổ bức bách. Trong khổ ít sinh tướng vui đó thôi. Như người bị khổ nóng bức, thì lấy cảm xúc lạnh làm vui. Cho nên trong các kinh đều nói như vậy, không có phương hại gì.

Hỏi: Cũng có thể nói tất cả thế gian đều là vui, vì do trong ít vui, mà sinh tướng khổ. Nếu không phải vậy, thì cũng không được nói do trong ít khổ, mà sinh tướng vui?

Đáp: Tướng của khổ thụ thô, cho nên không thể cho ít vui là khổ.

Lại vui dù ít, cũng không phải tướng bức bách. Bởi vì sao? Vì không thấy có người thụ chút vui mà đưa tay lên kêu gào.

Lại lạc thụ chuyển ít dần nên gọi là tướng tịch diệt, giống như bậc trên chuyển dần tịch diệt. Cho nên nói trong ít vui sinh tướng khổ là chỉ có lời này: Phạm phu ngu nhân, trong ít khổ, vọng sinh tướng vui thì có đạo lý.

Phẩm 79: HÀNH KHỔ

Các thụ đều khổ. Bởi vì sao? Các vật áo cơm v.v... đều là nhân khổ, không phải nhân vui. Vì sao biết được? Vì hiện thấy áo cơm tăng quá thì khổ cũng tăng, nên gọi là nhân khổ.

Lại đau tay các khổ có thể chỉ tướng được, mà tướng vui không chỉ được.

Lại áo cơm các vật đều vì để trị bệnh, như người không khát, uống không thấy vui.

Lại người bị khổ bức bách, đối với khổ khác mà sinh tưởng vui. Như người sợ chết, cho hình phạt là vui.

Lại roi gậy dao xà mâu, các nhân duyên khổ đều là quyết định, mà các nhân vui thì không phải vậy.

Lại vì tất cả đồ cần dùng rốt ráo là khổ, nên phải biết trước có, sau rồi mới hiểu, như guốc mòn dần.

Lại với nữ sắc v.v... trước sinh tưởng vui. Lìa nhớ tưởng tà vậy mới thấy tội lỗi của nó.

Lại nữ sắc v.v... đều là nhân khổ khô héo tiêu mòn sinh các bệnh hoạn. Cho nên không phải là vui.

Lại khi lìa dục đều xả duyên này. Nếu thật là vui thì sao lại xả?

Lại người ta tùy việc sinh vui, về sau cũng chính việc ấy lại sinh tâm khổ. Cho nên biết không phải vui.

Lại thân là ruộng khổ, không phải ruộng vui, như trong ruộng đồng, lúa mạ khó trồng, mà cỏ lác dễ sinh. Giống như vậy ruộng thân thì các khổ dễ tụ, mà vui hão khó sinh.

Lại người trong khổ trước, khởi sinh vui điên đảo, sau sinh tham đắm. Cái vui nếu có chút thật, thì không gọi là điên đảo. Như

Thường, Ngã, Tịnh, chút thật cũng không có. Cái vui cũng như vậy, vì đều là điên đảo.

Lại người trong khổ cực, mà sinh lòng vui, như gánh nặng đôi vai, nên biết không có vui.

Lại trong kinh Phật nói: Phải quán vui là khổ, quán khổ như mũi tên đâm vào tim, phải quán không khổ không vui, là vô thường niệm niệm sinh diệt. Nếu quyết định có vui, không nên quán khổ. Phải biết phàm phu nhận khổ làm vui, cho nên Phật nói người phàm phu tùy chỗ sinh tưởng vui. Ông nên quán khổ.

Lại 3 thứ thụ này đều gồm trong khổ đế. Nếu thật là vui, vì sao gồm trong khổ đế?

Lại khổ là chân thật, mà tướng vui là hư vọng. Vì sao biết được? Vì tâm quán khổ có thể dứt các kết, không phải tâm vui, nên biết đều là khổ.

Lại tất cả muôn vật đều là nhân khổ, giống như oán tặc. Có 2 thứ oán tặc: Hoặc có thể làm khổ tức thì, hoặc trước tuy có chút thiện, sau lại hại người. Muôn vật cũng vậy, hoặc ban đầu sinh thiện, sau trở lại làm hại, cho nên biết đều là khổ.

Lại chúng sinh được dục không chán, như uống nước mặn không đã khát nên khổ.

Lại không cầu dục vọng thứ gì, mới gọi là vui, tìm cầu nên gọi là khổ. Không thấy trong thế gian có người nào không cầu, cho nên biết không có vui.

Lại tất cả chúng sinh thường bị thân khổ tâm khổ đuổi theo cho nên biết thân là khổ.

Lại thân như lao ngục thường bị xiềng xích. Vì sao biết được? Bởi diệt thân này mới gọi là giải thoát khổ xiềng xích.

Lại tất cả vật dần dần tuần tự đều trở nên xấu ác. Như thân địa ngục v.v... mùa đông mùa hạ v.v..., căn trẻ nhỏ v.v... biết các tướng lạnh nóng, đợi về sau đều chán ghét, nên biết đều là khổ.

Lại thân có nhiều oán tặc, như cái rương nhốt rắn độc, như 5 tên giặc cầm dao rượt, như kẻ giặc giả làm thân thiện, và như giặc giả phá hoại xóm làng, như ở bên này bờ con sông lớn bị các khổ rượt đuổi, cho nên biết đều là khổ.

Lại biết thân chúng sinh bị các khổ rượt đuổi, như sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu chia lìa khổ, trái điều mong ước khổ v.v... thường đuổi theo, cho nên biết thân là nơi hội tụ các khổ.

Lại vì có thân cho nên có cái sở hữu của ta và tham đắm v.v... tụ tập các suy não, cho nên biết thân là nhân duyên các khổ.

Lại 5 đường chúng sinh hành 4 oai nghi đều không có vui. Bởi vì sao? Như trong kinh nói sắc là khổ, thụ tướng hành thức là khổ. Nếu khi sắc sinh, phải biết tức là già, bệnh, chết v.v... các suy não sinh. Thụ tướng hành thức cũng như vậy.

Lại thân thường gặp những việc đột xuất, bởi thân miệng ý tạo tác các việc. Tạo tác các việc đều gọi là khổ.

Lại các hiền thánh lấy thân làm vui, nếu thật có vui, sao mất vui mà sinh hoan hỷ? Cho nên biết đều là khổ.

Phẩm 80: HOẠI KHỔ

Hỏi: Ông tuy đem nhiều nhân duyên để thuyết minh khổ, mà người đời hãy còn tham vui, tùy được sở dục cho là vui?

Đáp: Điều này trước đã đáp. Vì phàm phu điên đảo nên lấy khổ làm vui. Lại bị ngu si làm hại thì làm sao tin được! Tuy được sở dục

cũng nên quán là khổ. Bởi vì sao? Vì những thứ đó đều vô thường, khi hư hoại sẽ sinh khổ. Như trong kinh Phật nói: Người, trời yêu sắc thích sắc tham sắc. Khi sắc đó hư hoại sinh sầu khổ lớn. Thụ tướng hành thức cũng như vậy. Vì đều bị hư hoại nên phải biết cũng đều là khổ.

Lại người thụ cái vui giả dối mà sinh lòng tham đắm. Do nhân duyên tham đắm sinh các lỗi giữ gìn v.v... Nên phải quán vui là rất khổ.

Lại vui là cửa ngõ cho khổ vào. Bởi tham vui, nên từ 3 độ khởi các nghiệp bất thiện, đọa địa ngục v.v... chịu các khổ não. Nên phải biết đều bởi vui là cội gốc của khổ.

Lại tất cả hội họp đều là tướng của biệt ly. Khi mất chỗ yêu thương, sẽ chịu các khổ rất sâu nặng nề, do yêu thương mà ra. Cho nên biết rằng hưởng thụ vui còn khổ hơn là chịu khổ.

Lại sinh ra những thứ để làm vui đều là lừa dối chúng sinh khiến đọa các khổ, như đã cầm ăn phải bả độc, như cá cắn mồi, đều bởi tự rước lấy tại hại. Vật vui cũng vậy, nên phải quán khổ.

Lại trong sự hưởng lạc, được chút mùi vị, mà bị tội lỗi nhiều vô lượng. Như chim cá được vị rất ít mà bị hoạn nạn rất nhiều, nên phải quán khổ.

Lại lạc thụ là chỗ sinh phiền não. Bởi vì sao? Vì tham thân nên muốn đồ cần dùng; vì nhân duyên dục vọng nên giận dữ v.v... các phiền não lần lượt phát sinh.

Lại lạc thụ là cội gốc sinh tử. Bởi vì sao? Vì nhân vui sinh ái. Như trong kinh nói ái là gốc khổ.

Lại tất cả chúng sinh có những tạo tác không gì không vì vui, nên gọi là gốc khổ.

Lại lạc thụ khó trừ bỏ còn hơn gông cùm.

Lại trong sinh tử bị tham vui trói buộc. Bởi vì sao? Vì tham vui nên không thoát sinh tử.

Lại lạc thụ này thường hay sinh khổ như khi tìm cầu thì dục vọng là khổ, khi mất thì nhớ tiếc là khổ, khi được cũng khổ vì không biết chán, như biển cả nuốt các dòng sông, đó cũng là khổ.

Lại lạc thụ là nguyên nhân không mỗi một. Bởi vì sao? Vì chúng sinh khi tìm nhân vui, dù trải qua gian nan nguy hiểm đến đâu cũng cho là vui, nên tâm không mỗi một. Cho nên người trí cần phải quán khổ.

Lại lạc thụ là nguyên nhân khởi các khởi các nghiệp. Bởi vì sao? Vì tham vui nên có thể khởi nghiệp thiện, vì tham vui hiện tại nên khởi nghiệp bất thiện, tất cả cũng là nhân để thụ thân. Bởi vì sao? Vì lấy vui để sinh ái; ái nên mới thụ thân.

Lại lạc thụ với Niết-bàn trái nhau. Bởi vì sao? Vì chúng sinh tham đắm cái vui sinh tử, nên không vui Niết-bàn.

Lại người chưa lìa dục ưa lạc thụ này; bởi ưa nên sinh khổ. Cho nên biết lạc thụ là gốc các khổ.

Lại trong kinh nói 2 cầu khó dứt: một là cầu được, hai là cầu sống. Cầu theo ý muốn các thứ là cầu được. Cầu được thọ mạng để hưởng thụ các dục này gọi là cầu sống. Hai thứ cầu này, đều lấy lạc thụ làm gốc. Cho nên người trí nên dứt những điều khó dứt, nghĩa là có thể như thật quán tướng lạc thụ.

Lại mùi vị của lạc thụ cũng có thể làm nhiễm ô người chưa được lìa dục. Tâm của người đại trí cho là khó dứt còn hơn khổ thụ.

Lại mùi vị của lạc thụ là nhân của tham v.v..., nếu không có lạc thụ, thì không có tham.

Lại mùi vị của lạc thụ, người có chân trí có thể cắt đứt. Bởi vì sao? Vì các trí thế gian là muốn lấy mùi vị của bậc trên, mới có thể xả bậc dưới. Cho nên biết lạc thụ còn quá hơn khổ thụ.

Lại tâm chúng sinh ràng buộc nơi sinh ra. Thậm chí như súc sinh cũng tham tiếc sắc thân, nên phải biết đều bởi mùi vị của lạc thụ. Cho nên phải quán lạc thụ là khổ.

Phẩm 81: LUẬN VỀ 3 THỤ

Hỏi: Đã biết tất cả đều khổ. Do sai khác nào nên có 3 thụ?

Đáp: Tức một khổ thụ, vì thời gian sai khác nên có 3 thứ. Có thể nào hại gọi là khổ. Nỗi hại rồi lại cầu khổ khác để ngăn khổ trước. Vì mong cầu nên khổ lớn kia được chút tạm ngừng, bấy giờ gọi là vui. Buồn vui không phân biệt, không mong không cầu, bấy giờ gọi là không khổ không vui.

Hỏi: Không khổ không vui không gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì khổ vui cảm giác được, mà không khổ vui, không thể cảm giác được?

Đáp: Người này vì cảm xúc 3 thứ xúc là xúc khổ, xúc vui và xúc không khổ không vui. Vì có nhân nên phải biết có quả. Như người đang rất nóng gặp được xúc lạnh thì cảm giác vui, mà bị xúc nóng thì cảm giác khổ, được xúc không lạnh không nóng, thì cảm giác không khổ không vui. Cho nên biết có thụ không khổ không vui này. Ý ông cho rằng trong xúc không khổ không vui, không thể sinh thụ. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người cảm giác xúc không nóng không lạnh này, cảm biết được cảnh sở duyên, tức gọi là thụ, sao nói không có?

Lại cảnh duyên có 3 trường hợp khác nhau. Trường hợp oán thân thì với người thân sinh vui, với người oan sinh buồn. Còn với người không oán không thân thì dừng dừng không vui buồn. Cho nên biết do tướng sai khác mới có 3 thứ thụ này. Vì duyên sai khác nên khởi 3 thứ tướng này.

Lại cảnh duyên có 3 thứ là làm tăng ích, làm tổn giảm, hoặc đều trái cả hai. Có vui, không vui, và có đều trái cả hai. Cũng có chỗ tham, chỗ sân chỗ si. Có mừng, không mừng, có đều trái cả hai. Có phúc quả, tội quả, có bất động quả. Trong các cảnh duyên này tùy trường hợp sinh 3 thụ. Cho nên biết có thụ không khổ không vui này.

Lại chỗ khá vừa lòng gọi là lạc thụ; chỗ trái nghịch lòng gọi là khổ thụ, không nghịch không thuận gọi là không khổ không lạc thụ.

Lại 8 pháp của thế gian là được, mất, chê, khen, tán dương, bài bác, khổ, vui, người phàm phu đối với mất v.v... 4 pháp là nghịch ý, đối với được v.v... 4 pháp cho là vừa ý. Chắc phải có Thánh nhân lià dục mới có thể bỏ cả hai, bỏ gọi là thụ không khổ không vui. Cho nên không phải là không có thụ ấy.

Hỏi: Nếu vì nhân duyên xúc v.v... nên có 3 thụ thì tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì có bao nhiêu tâm hành ở trong thân, đều là khổ, vui, không khổ không vui?

Đáp: Như vậy tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói 18 ý hành. Trong đó chỉ là một ý có 18 thứ sai khác. Đó là: 6 hỷ hành, 6 ưu hành, 6 xả hành. Vì tướng phân biệt nên có khổ phần, lạc phần, xả phần. Cho nên biết tất cả tâm hành không không phải là thụ.

Lại trong kinh nói: Các thụ đều khổ. Cho nên biết tâm hành ở trong thân đều là khổ.

Lại nói nếu sắc sinh tức là khổ sinh. Vì sao sắc gọi là khổ? Vì là nhân của khổ. Cho nên biết cảnh duyên và các căn đều có thể sinh khổ. Cho nên tất cả tâm hành đều gọi là thụ. Vì hành khổ nên tất cả các hành cần phải quán là khổ. Vì hoại khổ nên phải quán lạc thụ là khổ. Khổ khổ tức khổ. Ba thứ khổ này đều từ các duyên hòa hợp sinh ra, vì niệm niệm diệt nên Thánh nhân quán khổ. Cho nên tất cả tâm hành đều gọi là thụ.

Hỏi: Các thụ vô lậu cũng là khổ sao?

Đáp: Cũng khổ. Bởi vì sao? Vì các thụ vô lậu Thánh nhân cũng thứ tự xả. Từ Sơ thiền trở đi cho đến chứng tất cả diệt đều có khổ.

Lại vui hữu lậu thiên với vui vô lậu thiên đâu có khác gì? Tùy hữu lậu thiên vì nhân nào đó nên khổ. Các thiên vô lậu cũng bởi khổ này.

Lại như Thánh nhân trụ tâm vô lậu rất nhàm chán tất cả. Cho nên sinh tâm vô lậu thì sinh nhàm chán, như lông mi đâm vào mắt. Phàm phu không biết đều lấy khổ làm vui. Trí Thánh nhân biết sâu nên chán lia cõi Hữu Đỉnh, hơn cả những người khác chán ghét cõi Dục. Cho nên khổ vô lậu dụ với hữu lậu.

Lại các bậc Thánh nhân được tâm vô lậu, chỉ hướng về Niết-bàn. Bởi vì sao? Vì bấy giờ người này thấy rõ tất cả khổ của pháp hữu vi, nếu thụ vô lậu là vui, thì nên vui mừng, không nên lại sinh tâm hướng về Niết-bàn.

Hỏi: Nếu các tâm hành đều gọi là thụ, thì sao còn riêng có các tâm pháp v.v...?

Đáp: Tức là trong một thụ duyên này, hành khác nên có sai khác, các tâm pháp v.v... cũng hành duyên khác, chỉ khi thức duyên, hành này gọi là tâm. Các điều này như trước đã nói là tất cả pháp, khi ở trong thân, vì có lợi ích v.v... các sai khác, cho nên gọi là thụ.

Lại phần nhiều vì tâm có thể khởi phiền não, bấy giờ gọi là thụ. Như trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Trong khổ thụ sân sai khiến. Trong không khổ không lạc thụ là vô minh sai khiến. Cho nên trong cảnh duyên tướng phân biệt, mừng v.v... các pháp gọi là thụ. Bởi vì sao? Vì khi ấy có thể sinh các phiền não.

Hỏi: Nếu trong mỗi mỗi thụ đều bị 3 phiền não ấy sai khiến, Vì sao quyết định nói trong lạc thụ tham sai khiến?

Đáp: Trong khổ thụ không nên tham sai khiến. Si khiến tất cả chỗ vì sức mạnh của si. Trong khổ sinh tướng vui, vì không thấy biết việc nên bị khổ mới sinh sân. Vì thụ không khổ không vui vì tế nên không biết tham sân. Bởi vì sao? Vì người này trong đó không sinh tướng khổ vui, vì không thấy biết việc nên chỉ sinh si sai khiến mà thôi.

Lại trong cảnh duyên xả, không khổ vui, nếu tham sân không hiện hành, nên phàm phu trong đó bảo là cảnh duyên có thể thắng.

Cho nên Phật nói ông không thắng duyên này đâu, chỉ vì chưa hay biết nên tham sân không hiện hành đó thôi.

Như trong kinh nói: Phàm phu trong sắc sinh tâm xả là đều y chỉ nơi sắc. Nếu thắng duyên này với ngã làm tăng ích hay tổn giảm, thì trở lại sinh tham sân. Cho nên biết chưa thắng được cảnh duyên.

Lại thụ không khổ không vui, tướng đó tịch diệt, như định Vô sắc. Vì tịch diệt nên phiền não hiện hành rất vi tế, phàm phu trong đó sinh tướng là giải thoát. Cho nên Phật nói trong đó có vô minh sai khiến.

Lại vì chưa biết được cảnh duyên nên khổ vui chưa hiểu rõ. Nếu biết khổ vui trong cảnh duyên ấy thì hiểu rõ được, bấy giờ mới sinh tham sân.

Hỏi: Nếu biết được cảnh duyên này thì sinh tướng khổ vui. Cho nên chỉ phải có thụ khổ vui?

Đáp: Người này có khi trong cảnh duyên ấy tâm không sinh vui không sinh khổ. Cho nên không chỉ có khổ vui. Như trước đã nói đều là khổ mà có 3 thứ sai khác.

Hỏi: Ông nói biết cảnh duyên này lại sinh tướng vui. Vì sao cái biết không thể lấy vô minh biết?

Đáp: Người ấy trong cảnh duyên này, vì trước lấy tướng, nên trong cảnh duyên này, hoặc vô minh sai khiến, hoặc tham sân sai khiến.

Hỏi: Chỉ trong khổ vui sinh si. Như trong kinh nói: Người này đối với các thụ, không như thật biết mùi vị của tập, diệt quá xuất v.v..., vì không biết nên trong không khổ không vui nói là vô minh sử sai khiến. Cho nên chỉ trong khổ vui khởi vô minh sử, không phải trong không khổ không vui?

Đáp: Kinh này tự nói đối với các thụ không như thật biết mùi vị của tập, diệt v.v..., nên trong không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến.

Hỏi: Tuy có lời này, nhưng trong nghĩa ấy không đúng. Vì vì sao với khổ vui, mà không biết tập, diệt v.v..., nên trong thụ không khổ không vui vô minh sử sai khiến. Bởi vì sao? Vì ở trong các việc mà không biết các việc sử sai khiến. Cho nên kinh ấy phải nói như vậy. Người này ở trong thụ không khổ không vui, vì không biết tập v.v... nên bị vô minh sử trong thụ không khổ không vui sai khiến. Còn nếu trong thụ không khổ không vui, vô minh không khiến?

Đáp: Người này trong thụ không khổ không vui, sinh 3 thứ tâm. Vì tịch diệt tướng, bất khổ bất lạc tướng, nên sinh tâm không khổ không vui. Nếu đem tà trí lấy tướng, thì sinh tâm vui. Nếu lấy mùi vị vui bậc trên thì sinh tâm khổ. Cho nên trong kinh nói nhiều về các thứ thụ. Bởi vì sao? Vì tất cả các thụ đều do vô minh sai sử. Thứ thụ bất khổ bất lạc này vì tùy thời nên có 3 thứ sai khác.

Lại nếu chưa thông đạt được tập đế khổ v.v..., bây giờ trong khổ thụ sinh tướng vui, cũng sinh tướng không khổ không vui. Cho nên mới nói vì không biết các thụ tập v.v... nên bị vô minh sử sai khiến. Chỉ trong thụ không khổ không vui nhiều vô minh sử sai khiến hơn.

Phẩm 82: HỎI VỀ THỤ

Hỏi: Trong kinh nói: Người này khi thụ lạc thụ, như thật biết ta thụ lạc thụ này. Như thật biết thụ gì ư? Quá khứ vị lai không thể thụ được, thụ hiện tại không tự biết được?

Đáp: Kinh này ý nói người thụ, cho nên không lỗi.

Lại vui v.v... các thụ đến nơi thân, do ý có thể duyên, nên cũng không lỗi.

Lại trong các thứ làm vui mà nói ra tên vui v.v.... Thế gian cũng có trong nhân nói quả vậy.

Lại người này trước thụ lạc thụ, sau mới lấy tướng, cho nên nói khi thụ lạc thụ biết như thật.

Hỏi: Vì bởi người thụ nên gọi là thụ, hay có thể thụ nên gọi là thụ? Nếu cho người thụ gọi là thụ, thì thụ và vui v.v... khác nhau. Mà trong kinh nói lạc thụ khổ thụ và bất khổ bất lạc thụ. Nếu cho rằng có thể thụ gọi là thụ, vậy ai là người thụ? Bởi thụ nên gọi là thụ?

Đáp: Ở trong cảnh duyên nói vui, như nói nửa khổ nửa vui. Cho nên vì biết cảnh duyên, nên gọi là thụ vui.

Lại chúng sinh thụ thụ này, nên nói có thể thụ là thụ.

Hỏi: Chúng sinh không gọi là thụ, vì trong kinh nói thụ là thụ?

Đáp: Danh nghĩa là như vậy, có tướng thì có tác. Trong giả danh có tướng là khổ, vui, không khổ không vui, ở tại thân, thì tâm có thể biết, nên nói thụ là thụ.

Hỏi: Trong kinh nói trong các thụ, người quán thuận thụ bấy giờ làm sao sinh tướng khổ, vui, không khổ không vui? Người này bấy giờ không đều sinh khổ tướng ư?

Đáp: Người ấy chưa được tất cả đều khổ, chỉ nghĩ nhớ 3 thụ.

Hỏi: Nếu dùng ý thức tu 4 niệm xứ, thì sao nói là thân vui?

Đáp: Trong tất cả thụ, phải buộc niệm như vậy: Thân này vui, tâm này vui.

Lại khi tu niệm xứ, trong thân sinh tướng vui, buộc niệm trong đó, nên gọi là thân vui.

Hỏi: Nếu tất cả thụ đều là tâm pháp, vì sao nói thân thụ?

Đáp: Vì ngoại đạo nên nói như vậy. Ngoại đạo bảo các thụ nương nơi thân, nên Phật nói các thụ y chỉ thân tâm.

Hỏi: Những gì là thân thụ?

Đáp: Do 5 căn sinh ra thụ, đó gọi là thân thụ. Do căn thứ 6 sinh ra thụ, gọi là tâm thụ.

Hỏi: Thụ này sao gọi là bản, sao gọi là sạch?

Đáp: Các phiền não là bản. Các phiền não này sai khiến thụ, nên gọi là bản. Phiền não không sai khiến thụ thì gọi là sạch.

Hỏi: Vì sao khổ thụ gọi là sạch?

Đáp: Khổ thụ để dứt trừ phiền não, đó gọi là sạch.

Lại khổ thụ cùng phiền não trái nhau, gọi là sạch.

Hỏi: Đã nói bản sạch, sao lại nói nương tham, nương xuất, tham tức phiền não, xuất tức là sạch?

Đáp: Trước đã nói chung là bản, nay lại nói riêng tham là nhân của bản. Như trong kinh nói: Có cái mừng bản, có cái mừng sạch, có cái mừng sạch ở trong sạch. Mừng bản là mừng do 5 dục sinh. Mừng sạch là mừng của Sơ thiền. Mừng sạch ở trong sạch là mừng của Nhị thiền. Nếu thụ chỉ vì Nê-hoàn, đó là nương xuất. Cho nên lại nói.

Hỏi: Trong 5 căn, vì sao khổ thụ lạc thụ đều phân chia làm 2, mà xả thụ thì không?

Đáp: Buồn mừng cần tướng phân biệt mới sinh, khổ vui không cần do tướng phân biệt. Còn xả thụ thì tướng phân biệt vi tế nên không phân chia làm 2.

Hỏi: Trong Đệ tam thiền, những gì ý thức thụ được vì sao gọi là vui, mà không gọi là mừng?

Đáp: Thứ vui này sâu dày đủ khắp thân tâm nên gọi là vui. Còn mừng chỉ có thể khắp tâm, mà không khắp thân. Nên trong Tam thiền Phật y vào cái mừng sai khác mà nói thân thụ vui.

Hỏi: Trong 3 thụ này cái nào có thể sinh phiền não sâu dày?

Đáp: Có luận sư nói lạc thụ có thể sinh. Bởi vì sao? Vì như trước đã nói các nhân duyên bại hoại nên thụ khổ lớn.

Lại có luận sư khác nói khổ thụ có thể sinh. Bởi vì sao? Vì chúng sinh bị khổ bức bách, nên mới cầu vui mà khởi sâu phiền não.

Lại nhiều thứ vui mà chút khổ có thể thắng, như người khi hưởng đầy đủ 5 dục mà bị ruồi muỗi chích thì liền sinh cảm giác khổ. Biết sắc v.v... 5 dục không phải như vậy.

Lại như cái vui còn sống trăm đứa con, không bằng cái khổ chết mất một đứa.

Lại trong sinh tử, tướng khổ thụ nhiều, mà lạc thụ thì không như vậy. Bởi vì sao? Vì có nhiều chúng sinh ở 3 ác thú, mà ít sinh về trời người.

Lại không phải gia công, tự nhiên bị khổ, mà gia công cầu vui thì khi được khi không. Như trong ruộng cỏ dại tự mọc mà lúa thì không.

Lại do khổ thụ khởi tội nghiệp nặng. Bởi vì sao? Vì trong khổ thụ có sân sai khiến. Như trong kinh nói: Sân là tội nặng.

Lại có luận sư khác nói có thụ không khổ không vui sinh. Bởi vì sao? Vì trong đó có si sai khiến. Si là cội gốc tất cả phiền não.

Lại thụ này vì tế vì phiền não trong đó khó biết được.

Lại thụ này là bản tính của chúng sinh, mà khổ vui là khách.

Lại thụ này phổ biến khắp 3 cõi, còn 2 thụ kia không như vậy.

Lại thụ này là nhân của sống lâu, vì tham thụ này nên được sống lâu 8 vạn đại kiếp, chịu tướng khổ các ám.

Lại thụ này với Nê-hoàn trái nhau. Bởi vì sao? Vì trong đó làm sinh tướng tịch diệt, tướng Nê-hoàn, nên không còn có thể được Nê-hoàn chân thật.

Lại thụ này nhờ Thánh đạo nên có thể được qua, như nói nhờ tính lìa mà được giải thoát. Khổ thụ lạc thụ nhờ thế gian đạo cũng có thể được qua.

Lại thụ này tận cùng biên giới sinh tử mới đoạn khi đoạn dứt sự tiếp nối. Cho nên có thể sinh phiền não sâu dày.

Phẩm 83: NĂM THỤ CĂN

Hỏi: Lạc căn ở tại đâu? Cho đến xả căn ở tại đâu?

Đáp: Khổ lạc tại thân, tùy chỗ được thân cho đến Tứ thiên. Còn 3 căn kia tại tâm, tùy chỗ được tâm, cho đến cõi Hữu đỉnh.

Hỏi: Như trong kinh nói: Trong Sơ thiên diệt ưu căn, trong Tam thiên diệt hỷ căn, trong Tứ thiên diệt lạc căn, trong Diệt tận đỉnh diệt xả căn. Cho nên lời ông nói không đúng?

Đáp: Nếu ông tin kinh này, thì khổ căn phải ở tại Sơ thiên. Mà trong pháp ông, Sơ thiên thật không có khổ căn. Cho nên kinh này không đáng tin.

Hỏi: Cõi Sắc và Vô sắc tu sâu thiện pháp, phải không có ưu khổ?

Đáp: Ba cõi đều khổ. Trong 2 cõi trên tuy không có khổ về mặt thô, cũng có khổ về mặt vi tế. Vì sao biết được? Trong Tứ thiên nói có 4 oai nghi. Đã có oai nghi, tức đều có khổ.

Lại cõi Sắc có mắt tai thân thức. Trong thức này có bao nhiêu thụ, đều là khổ vui. Từ một oai nghi cầu một oai nghi khác, nên biết có khổ.

Lại trong kinh hỏi: Trong sắc có mùi vị gì? Như là bởi sắc sinh vui sinh mừng. Trong sắc có những lỗi gì? Như là có sắc là tướng vô thường, khổ, bại hoại. Vì cõi Sắc có sắc nên có tâm đắm vị, có tâm tội lỗi, cho nên có khổ vui.

Lại có hành giả đối với các thiên định cũng tham, cũng bỏ, ắt phải vì nhân duyên lạc thụ nên tham, nhân duyên khổ thụ nên bỏ. Cho nên biết có khổ vui.

Lại Phật nói âm thanh v.v... là tác động kích thích đối với Sơ thiên. Giác quán là tác động kích thích đối với Nhị thiên, cho đến có tướng thụ là tác động kích thích đối với phi tướng phi vô tướng xứ. Tác động kích thích là nghĩa của khổ. Cho nên biết tất cả có khổ.

Lại tất cả 5 ấm đều là khổ. Chính vì não hại là khổ. Như cõi Dục vì chịu não hại nên khổ. Hai cõi trên cũng có chịu não hại, vì sao không khổ? Như cõi Dục nói có bệnh v.v... 8 hành nghiệp, cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng đồng nói 8 hành nghiệp, vì sao không khổ?

Lại cõi Sắc nói ánh sáng có hơn kém, nên biết nghiệp cõi Sắc cũng có sai khác. Vì nghiệp sai khác nên quyết phải có nghiệp báo khổ.

Lại trong kinh nói trong đó có các phiền não ganh ghét v.v.... Như có Phạm Thiên bảo các Phạm chúng rằng: Chính nơi đây là Thường, các người đừng đến Sa-môn Cù-đàm. Cũng có Phạm Thiên đến nạn hỏi Phật.

Lại trong kinh nói vào Đệ tứ thiên mới dứt pháp bất thiện.

Lại trong kinh cũng nói trong đó có phiền não tà kiến. Các phiền não đó tức bất thiện, phải bị khổ báo, vì sao không khổ?

Lại có luận sư nói tất cả phiền não đều là bất thiện. Trong đó làm sao không có khổ thụ.

Lại trong kinh nói: Các người trời yêu sắc, thích sắc, tham sắc và đắm sắc. Các người trời này vì yêu, thích, tham, đắm sắc, cho nên khi sắc ấy bại hoại thì sinh sầu khổ, cho đến thức cũng như vậy. Cho nên biết tất cả người chưa lìa dục đều có buồn mừng.

Lại ái duyên sinh mừng, lìa ái duyên này, quyết sinh buồn rầu. Phàm phu vô trí đâu có sức gì gặp được ái duyên mà không sinh mừng, mất không sinh buồn? Như trong kinh nói: Chỉ có người đắc đạo, khi sắp mạng chung không hiện sắc buồn mừng. Cho nên biết tất cả phàm phu, buồn mừng thường bám theo.

Lại Phật nói: Không buồn không mừng một lòng hành xả, đó là công đức La-hán.

Lại 6 xả hành duy chỉ Thánh hành, không phải phàm phu thực hành được. Phàm phu hoặc khi tu hành xả đều vì chưa có thể biết kiến duyên. Như trong kinh nói: Phàm phu trong sắc, có tâm xả đều nương dựa sắc, tham sắc không rời, cho nên biết phàm phu không có tâm xả .

Lại trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Nếu không có lạc thụ thì tham sai khiến chỗ nào? Ý ông hoặc cho rằng trong bất khổ bất lạc thụ tham sử sai khiến. Trong kinh không chỗ nào nói như vậy.

Lại trong bậc trên càng càng chuyên tăng vui tịch diệt, càng lợi lớn thân tâm. Như nói vị trời này một khi ngồi là một ngàn kiếp. Nếu khổ thì hành giả không thể trụ lâu trong các oai nghi được. Như trong kinh nói: Ngồi yên 7 ngày thụ vui giải thoát.

Lại trong đó khoan khoái vui đệ nhất. Như trong kinh nói: Người khoan khoái mới hưởng thụ vui. Cho nên biết trong tất cả bậc đều có cái vui. Ý ông hoặc bảo khoan khoái khác, thụ vui khác. Điều này không đúng. Vì có bao nhiêu lợi ích đến nơi thân thì gọi là vui. Cho nên khoan khoái vui không khác thụ vui.

Hỏi: Nếu cõi trên quyết định có khổ, vui, buồn, mừng, thì sao thuận với Kinh Thiên?

Đáp: Kinh ấy trái hại pháp tướng, nếu bỏ nào có lỗi gì?

Lại trong ấy lạc hành tịch diệt không hiển lộ, không thể phát khởi tham giận về mặt thô. Cho nên nói là không khổ không vui.

Lại trong đó khổ vui vi tế không rõ, không có các thứ khổ về đao, gậy; các thứ buồn rầu về mất người thân v.v... Cho nên gọi không buồn mừng. Như nói cõi Sắc không lạnh không nóng. Trong đó cũng có tứ đại, sao nói là không lạnh không nóng được? Như nói chúng sinh ở Tam thiên một thân một tướng. Trong ấy cũng có ánh

sáng sai khác. Như nói nếu người hành thiền không thể khéo trừ sự buồn ngủ, sự đùa giỡn thì ánh sáng không trong sạch.

Lại như người ít trí gọi là không có trí.

Lại như người đòi thức ăn ít mặn nói là không mặn. Như vậy trong đó buồn mừng không hiển hiện, nên gọi là không có.

Lại các ông nói trong đó không giác. Trong kinh Phật nói tưởng làm nhân duyên cho giác. Trong đó có tưởng mà Vì sao không giác? Cho nên phải biết giác pháp cho đến cõi Hữu Đỉnh vẫn còn là thô giác, nên mới nói vào Nhị thiền mới diệt được.

Cho nên trong 2 cõi trên cũng có khổ vui v.v....

Xong phần luận về thụ ấm.

Phẩm 84: LUẬN VỀ TƯ TRONG HÀNH ẤM CỦA NHÓM KHỔ ĐỀ

Trong kinh nói tư duy là hành ấm.

Hỏi: Những gì là tư duy?

Đáp: Nguyện cầu là tư duy. Như trong kinh nói: Tư duy thấp, cầu thấp, nguyện thấp.

Hỏi: Vì sao biết cầu là tư duy?

Đáp: Như trong kinh nói: Vì khởi làm nên gọi là hành. Thụ ấm khởi làm, gọi là cầu. Như trong kinh nói: Khởi làm đều nương nơi ái.

Lại trong kinh nói: Như một bó lúa mạch để giữa ngã tư đường, 6 người đến đập, có người thứ 7 lại đến đập nữa. Ý các Tì-kheo nghĩ sao? Là thành thực chưa? Thành thực rồi thưa Thế Tôn! Phật nói: Người si cũng vậy, thường bị 6 thứ xúc nhập đánh đập. Khi bị đập như vậy là nghĩ thân sau, tức là đến thành thực. Phải biết cầu tức là tư duy.

Lại nói ý nghĩ đến cái ăn nên quán như đồng lửa. Lửa dụ cho cái gì? Là người cầu thân sau; thân sau như lửa, vì thường sinh các khổ.

Lại trong kinh nói: Ngã tức là chỗ động, cũng là hý luận. Tác khởi nương nơi ái, tùy chỗ có ngã thì có động niệm hý luận. Tác khởi nương ái. Nếu pháp tác khởi, thì nói là nương nơi ái. Phải biết cầu tức là tư duy.

Lại nói nếu đưa trẻ từ khi sinh tập lòng từ, có thể khởi nghiệp ác, suy nghĩ nghiệp ác chẳng? Thừa không, Thế Tôn! Nghĩa này là cầu muốn tạo nghiệp ác.

Lại nói nghiệp là tư duy, tư duy rồi thì trong tư duy là ý nghiệp. Tư duy rồi là thân khẩu nghiệp. Tư duy rồi gọi là cầu rồi.

Lại trong Kinh Hòa Lợi nói: Ni-kiền tử dứt thụ nước lạnh, mà thụ nước nóng; khi sắp chết cầu nước lạnh cuối cùng không được mà chết, sinh ý mong lên trời. Vậy thì vì suy nghĩ cái lạnh nên sinh. Cho nên biết cầu tức là tư duy.

Hỏi: Ông nói cầu là tư duy. Đó là tướng của ái, chứ không phải tư duy. Bởi vì sao? Vì trong Kinh Hữu Nhân Hữu Duyên nói: Cái tìm cầu của người si tức là ái.

Lại trong Kinh Đại Nhân nói: Do ái nên mới cầu v.v...

Lại trong kinh nói: Người khổ cầu nhiều, người vui không cầu.

Lại nói nếu người muốn hành 5 dục, muốn tức là cầu...

Lại nói ái nhân duyên nên lấy. Trước cầu sau lấy. Cầu tức là ái. Cho nên ông cho cầu là tư duy, cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì trong Kinh Hòa Lợi nói: Không tư duy mà tạo nghiệp, thì nghiệp ấy không nặng. Không tư duy là không biết trước. Thế gian cũng cho biết là tư duy, như nói làm sao người trí có thể làm điều này. Ai có tư duy, sẽ làm điều này. Nghĩa của lời này là người trí cho nên biết, biết tức là tư duy?

Đáp: Nguyên gọi là nhóm. Muốn, một phần của nguyên gọi là tư duy. Như người nguyên nói: Đồi sau tôi sẽ được thân như vậy.

Hỏi: Nếu muốn là một phần của tư duy, thì không có tư duy vô lậu.

Lại tư duy là nhân của ái. Như trong kinh nói: Nếu biết, thấy, ý nghĩ ăn, tức là biết, thấy, dứt, 3 thứ ái. Cho nên biết tư duy là nhân của ái?

Đáp: Ông nói không có tư duy vô lậu. Tôi cũng không nói có tư duy vô lậu. Bởi vì sao? Vì hành tướng khởi làm, nên gọi là tư duy. Pháp vô lậu không có tướng khởi làm. Cho nên tư duy là khởi làm, không phải diệt pháp.

Lại ông nói tư duy là nhân của ái. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì tư duy là quả của ái, cũng là một phần của ái, không phải nhân của ái. Vì quả đoạn nên nói nhân đoạn, nghĩa là ý, tư, thực đoạn nên 3 ái đoạn. Hành v.v... các nhân duyên đều lấy đây giải đáp. Cho nên biết ái phần là tư duy. Ái có 2 thứ: có nhân có quả. Nhân gọi là ái, quả gọi là cầu. Cầu tức là tư duy.

Hỏi: Nếu lúc ở trong nhân gọi ái, lúc ở trong quả gọi tư duy, thì tư duy không phải ái phần. Bởi vì sao? Vì nói pháp ở trong nhân tướng khác, ở trong quả tướng khác. Cho nên biết tư duy không phải ái phần. Như trong Kinh Hữu Nhân Hữu Duyên nói: Chỗ tìm cầu của người si tức là ái, chỗ ra làm của người ái tức là nghiệp. Cho nên tư duy tùy theo nghiệp tướng mà khác với ái.

Lại nếu người vì tham việc này nên tìm cầu việc này, cho nên từ tham sinh cầu. Cầu tức là tư duy. Cho nên tham là nhân của tư duy?

Đáp: Tôi trước đã nói ái phần là tư duy, ái phần tức là ái, chỉ có ái mới khởi gọi là tham, tham rồi gọi là cầu.

Lại ông nói nguyên, điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nguyên là một phần của tư duy. Trước nguyên là nghiệp, sau nghiệp là hồi hướng.

Hỏi: tư duy với ý là một hay là khác?

Đáp: Ý tức là tư duy. Như trong Pháp Cú nói: Ác tâm làm ra, nói ra đều chịu quả khổ. Thiện tâm cũng như vậy. Cho nên biết ý tức là tư duy. Nếu ý không phải là tư duy, thì cái gì là nghiệp của ý? Ý nghiệp là ý hành trong cảnh duyên. Cho nên tư duy tức là ý. Tuy tướng chung nói ý hành là tư duy, mà tư duy ấy phần nhiều nói trong thiện và bất thiện. Tư duy này có nhiều phần. Nếu người vì chúng sinh cầu thiện cầu ác, bấy giờ gọi là tư duy. Nếu việc cầu chưa được, bấy giờ gọi là cầu. Nếu cầu thân sau, bấy giờ gọi là nguyện. Cho nên biết một thứ tư duy mà gọi bằng nhiều tên.

Phẩm 85: XÚC

Thức ở trong cảnh duyên gọi là xúc. Vì 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Đó không phải tướng của xúc. Bởi vì sao? Vì căn không đến duyên. Cho nên căn, duyên không phải hòa hợp. Vì 3 thứ này có thể lấy duyên nên gọi là hòa hợp.

Hỏi: Riêng có tâm số pháp gọi là xúc. Bởi vì sao? Vì trong 12 nhân duyên nói Xúc nhân duyên thụ.

Lại nói xúc làm nhân cho thụ, tưởng, hành v.v.... Nếu không có pháp, làm sao làm nhân? Cho nên biết có tâm số pháp này gọi là xúc.

Lại trong Kinh Lục Lục nói có nhiều lục xúc.

Lại trong kinh nói: Nên quán vô minh các xúc. Nếu nói các nhân của thành giả pháp, không nên lại nói riêng giả pháp.

Lại trong kinh có 2 thứ xúc: Một là 3 việc hòa hợp là xúc. Hai là 3 việc hòa hợp nên xúc. Cho nên biết xúc có 2 thứ. Một là có tự thể. Hai là giả danh. Như mặt trời và phân trâu, 3 thứ khác với lửa, mặt trăng khác với nước, đất v.v... khác với mầm. Như vậy xúc khác với mắt v.v... có lỗi gì sao?

Lại như các Tì-kheo hòa hợp không khác các Tì-kheo. Các âm hòa hợp không khác các âm. Hai cây hòa hợp không khác 2 cây. Hai tay hòa hợp không khác 2 tay. Các bệnh hòa hợp không khác các bệnh. Xúc cũng như vậy, không khác mắt v.v... lại có lỗi gì?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm có thể lấy duyên, bây giờ gọi là xúc. Cho nên, khi tâm làm nhân sinh thức, rồi sau thụ v.v... các pháp mới sinh. Trong Kinh Lục Lục cũng nói bây giờ gọi là xúc. Đó là có đạo lý.

Lại chúng tôi không công nhận 2 thứ xúc đó. Thường nói 3 thứ hòa hợp gọi là xúc. Dù cho có 2 thứ xúc đó, cũng nên bỏ hẳn kinh ấy đi, vì trái với pháp tướng. Cho nên dẫn kinh không phải là nhân.

Lại nếu xúc này khác nhau như nước với lửa, thì làm cũng phải khác mà thật không thấy có khác với làm. Cho nên biết xúc này không khác với 3 thứ kia.

Lại nếu xúc là tâm số thì khác nhau với các tâm số khác. Bởi vì sao? Vì xúc là các tâm số duyên mà xúc, chứ không phải xúc duyên để sinh khác, nên không phải tâm số pháp.

Hỏi: Vì xúc thắng nên xúc duyên, tâm số không phải xúc duyên. Xúc như thụ duyên ái, không phải ái duyên thụ?

Đáp: Xúc có thắng tướng gì mà các tâm số không có, cần nói tướng nó ra, mà thật nói không được. Cho nên không phải là nhân. Thụ là thời gian đầu, ái là thời gian sau, cho nên thụ duyên ái, không phải ái duyên thụ.

Lại nếu xúc là tâm số pháp đặc biệt cần nói tướng nó, nhưng thật không thể nói được, nên phải biết là không khác.

Lại Phật với trong pháp khác, cũng có nói tên xúc. Như nói nêu có khổ não đến xúc thân người.

Lại nói: Thụ lạc, xúc, không buông lung, thụ khổ xúc không giận dữ. Trong các thụ này là nói tên của xúc.

Lại Phật nói con quỷ mình có lông nhọn như mũi tên người chạm xúc thì nhám rít không thể lại gần thân. Như người đời nói xúc lửa thì vui, cũng nói xúc là ăn, cũng nói tay chạm xúc. Các việc trên đây đều do thân thức biết mà nói tên là xúc.

Lại các chỗ khác nói người mù không xúc sắc màu. Cũng đối với duyên sắc v.v... mà nói tên là xúc. Xúc này vì lời nói không nhất định, nên không phải riêng có tâm số pháp này. Nếu nói xúc là tâm số thì với xúc tương trái nhau. Bởi vì sao? Vì Phật nói 3 thứ hòa hợp nên gọi là xúc. Cho nên biết thật không riêng có tâm số pháp. Nếu pháp đến nơi thân đều gọi là xúc.

Lại tùy có thể cùng với thụ v.v... làm nhân cho tâm số, bấy giờ mới gọi là xúc.

Phẩm 86: NIỆM

Tâm tác phát gọi là niệm. Niệm này là tướng của tác phát nên niệm niệm mới có thể sinh lại tâm khác.

Lại nói niệm tướng có thể thành xong công việc. Như trong kinh nói: Nếu nhãn nội nhập sắc không hư hoại, ngoại nhập tại trước mắt, mà trong đó không thể có niệm hay sinh tâm khác, thì nhãn thức không sinh.

Hỏi: Biết của các thức đều do niệm lực sinh khởi phải không?

Đáp: Không phải. Bởi vì sao? Vì các thức sinh biết không hẳn quyết định. Hoặc do sức tác phát sinh, như cưỡng trừ dục v.v... Hoặc do sức của căn sinh, như người tỏ mắt có thể quan sát từng đầu sợi lông. Hoặc do sức của duyên sinh, như xa thấy ánh sáng đèn, thấy ánh sáng không xao động. Hoặc do khéo tập nên sinh, như nghề nghiệp tinh xảo v.v... Hoặc do để lấy tướng nên sinh, như đắm say nơi sắc. Hoặc do pháp tự phải sinh, như thiền định trong thời kiếp tận. Hoặc do thời tiết nên sinh, như chúng sinh ác tâm bị đoản mạng. Hoặc do chỗ sinh nên sinh như tâm bò dê v.v... Hoặc tùy thân lực nên

sinh, như tâm nam nữ v.v... Hoặc tùy theo năm nên sinh như tâm trẻ nhỏ v.v... Hoặc do mỗi một nên sinh, hoặc do nghiệp lực nên sinh, như thụ các thứ dục. Hoặc do định lực nên sinh, như buộc tâm một chỗ là tăng tăng trưởng htri thức. Hoặc do quyết định nên sinh, như kế tiếp vô ngại đạo ắt sinh giải thoát. Hoặc do lâu chán nên sinh, như chán mùi cay đắng thì nghĩ đến vị ngon ngọt. Hoặc theo sở thích nên sinh, như đối với sắc v.v... hoặc thích xem sắc, mà không ưa nghe tiếng, như màu xanh đỏ v.v... cũng vậy. Hoặc do mềm mại nên sinh, như lông đâm vào mắt thì sinh khổ tâm mà đâm vào nơi khác thì không vậy. Hoặc do hết khổ nên sinh, như chữa thiện bệnh mắt thì ăn mới biết ngon. Hoặc do diệt chướng nên sinh như diệt trừ dục v.v..., thì mới biết nó là tội lỗi. Hoặc lần lượt nên sinh, như do dưới mà sinh giữa, do giữa mà sinh trên. Hoặc tùy chỗ thiên vị mà sinh.

Hỏi: Nếu tất cả tri thức đều do thứ lớp tùy thuộc nhau, có sao nói không có thể sinh tâm niệm khác ư?

Đáp: Là vì ngoại đạo. Các ngoại đạo nói vì thần ý hợp nên biết của thức mới sinh. Vì muốn phá thuyết này, nên mới chỉ rõ các biết của thức đều thuộc thứ lớp duyên, cho nên nói lời như vậy. Nếu người không có thể sinh tâm niệm khác, thì biết của thức không sinh. Bởi vì sao? Vì thứ lớp duyên, tức biết của thức có nhân, mỗi mỗi mới sinh.

Lại tùy chỗ nghiêng về đó mà mỗi mỗi thức sinh, như đốn cây, cây thường ngã về phía nghiêng nặng.

Lại như trước đã nói các thức không phải sinh đồng thời. Vì nhân duyên ấy mà biết các thức mỗi mỗi theo thứ lớp sinh.

Lại các thức pháp phải theo thứ lớp sinh, chứ không đợi thần ý hòa hợp. Như ngoại vật mầm, cây, nhánh, lá, hoa quả theo thứ lớp sinh. Nội pháp cũng như vậy, biết của mỗi mỗi thức theo thứ lớp sinh. Niệm ấy có 2 thứ. Một là chính. Hai là tà. Chính là thuận lý, như nói chính vấn chính nạn. Đó là nên đáp, vì nạn vẫn có lý.

Lại như hỏi thật tướng các pháp, tính vô thường v.v..., đó gọi là chính.

Lại tùy chỗ có thể thành nên gọi là chính. Cho nên biết tùy thuận đạo niệm chân thật niệm v.v... gọi là chính niệm.

Lại tùy khi tùy người niệm gọi là chính niệm. Như người nhiều dục quán bất tịnh là chính niệm. Khi tâm chìm lặng mà phát khởi tướng lên là chính niệm. Trái lại trên đây gọi là tà niệm. Chính niệm có thể sinh tất cả công đức, tà niệm có thể khởi tất cả phiền não.

Phẩm 87: DỤC

Tâm có điều cần, gọi là dục. Bởi vì sao? Kinh nói dục dục. Vì cần các điều mình muốn nên gọi dục dục.

Lại trong kinh nói: Dục là gốc của pháp. Vì muốn tìm cầu nên được tất cả pháp, cho nên nói dục là gốc của pháp.

Lại nói: Nếu các Tì-kheo thâm dục pháp ta, thì pháp trụ lâu dài. Nếu nhất tâm cần đến gọi là thâm dục.

Lại trong như ý túc nói: Dục Tam-muội, tinh tiến Tam-muội, tâm Tam-muội, tư duy Tam-muội. Tùy tâm cần đến gọi là dục. Pháp dục này, lấy tinh tiến giúp tu tập định tuệ. Từ 4 việc này, chỗ cần đến đều được gọi là như ý phần.

Lại nói: Ông muốn bay đi.

Lại có một Tì-kheo thường ưa đọc tụng. Vị này tu thiền chứng được A-la-hán, nên không đọc tụng nữa. Có vị trời hỏi rằng: Ông thường ưa đọc tụng, nay sao không tụng nữa? Tì-kheo đáp: Trước kia tôi chưa lìa dục nên phải cần kinh sách. Nay đã lìa 3 cõi nên không cần đến nữa. Có bao nhiêu kinh sách, thiền định, trí tuệ, Thánh nhân đều nói là pháp có thể xả bỏ. Cho nên biết cái cần đến là nguyên nhân của dục. Vì cần đến nên tham các thứ mình muốn, đó gọi là tham dục.

Phẩm 88: HỖ

Nếu tâm ưa thích, gọi là hỷ. Như nói chúng sinh tính loại theo nhau. Thích ác theo ác, ưa thiện theo thiện, gọi là hỷ.

Hỏi: Tính không gọi là hỷ. Bởi vì sao? Phật biết chúng sinh có nhiều thứ tính, tính đó là trí lực. Biết nhiều thứ hỷ là dục trí lực. Cho nên biết tính của hỷ đều khác nhau.

Đáp: Tu lâu, nhóm họp tâm, thì gọi là tính, tùy tính sinh hỷ. Cho nên biết nhóm họp tâm lâu gọi là tính trí lực. Trí tùy theo tính sinh hỷ, gọi là dục trí lực. Cho nên nói chúng sinh tùy tính theo nhau, nhóm họp lâu ác tâm thì ưa thích điều ác, nhóm họp lâu thiện tâm thì ưa thích điều thiện. Như lúc lạnh ưa thích nóng. Đó là nhân duyên hiện tại không phải từ tính sinh. Đó sự khác nhau của tính hỷ.

Phẩm 89: TIN

Quyết định là tướng của tin..

Hỏi: Quyết định là tướng của tuệ. Quyết định là dứt nghi, là tướng của tuệ?

Đáp: Tự mình chưa thấy pháp, theo lời dạy của hiền thánh, tâm được thanh tịnh. Đó gọi là tin.

Hỏi: Nếu vậy thì tự thấy pháp rồi không cần tin nữa?

Đáp: Phải. A-la-hán gọi là người không tin. Như trong Pháp Cú nói: Người không tin, người không biết ơn, gọi là bậc Thượng nhân.

Lại trong kinh nói: Bạch Thế Tôn! Tôi đối với việc này là tin theo lời Phật. Nếu tự thấy pháp tâm được thanh tịnh, thì đó gọi là tin. Trước nghe pháp, sau dùng thân chứng, khởi ý niệm như vậy: Pháp này chân thật chắc chắn không hư dối, tâm được thanh tịnh, đó gọi là tin trong 4 thứ tin. Ví như người bệnh, trước tin lời thầy, uống thuốc thiện bệnh,

sau đối với thầy sinh tâm thanh tịnh, đó gọi là tin. Tin này có 2 thứ: một sinh từ si, một sinh từ trí. Sinh từ si là không nghĩ thiện ác, như đối với các ác sư Phú-lan-na v.v... sinh tịnh-tâm. Sinh từ trí là như trong 4 thứ tin, đối với Phật v.v... sinh tịnh tâm. Tin này 3 thứ: thiện, bất thiện, vô ký.

Hỏi: Tin bất thiện này tức là phiền não. Pháp bất tín trong đại địa không phải là tin vậy?

Đáp: Không phải pháp bất tín. Tín này là tịnh tướng, bất thiện tín đó cũng là tịnh tướng. Nếu không phải vậy thì bất thiện thụ không nên gọi là thụ, mà thật không phải vậy. Cho nên mới có 3 thứ sai khác. Nếu như tin ở căn số tùy thuận giải thoát, ở 37 phẩm trợ đạo thì quyết định là thiện.

Phẩm 90: CĂN

Tâm phát hành động gọi là căn. Thường nương các pháp hoặc nghĩ nhớ hoặc định, trong đó phát động nhất tâm thường hành gọi là căn. Căn có 3 thứ là thiện, bất thiện và vô ký. Nếu ở trong 4 chính căn thì gọi là thiện, ngoài ra không gọi là thiện. Nếu hành giả tin bất thiện là tội lỗi, thiện pháp là lợi ích, sau đó sinh siêng năng là dứt bất thiện, và tụ tập pháp thiện. Cho nên kế tiếp tín căn mới nói tinh tiến căn. Căn này khi vào trong thiện pháp gọi là tinh tiến, vì có thể làm căn bản cho tất cả việc lợi ích. Nhờ tinh tiến này trợ giúp các pháp ức niệm v.v... mới có thể được quả lớn, như lửa gặp được gió đốt cháy càng nhiều.

Phẩm 91: HỒI ỨC

Biết cảnh từng trải qua từ trước gọi là nhớ lại. Như trong kinh nói: Đã trải qua lâu xa có thể nhớ không quên. Đó gọi là nhớ.

Hỏi: Nhớ này ở trong 3 đời. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói nhớ tất cả đều là đúng.

Lại nhớ này ở trong 4 ký ức. Bốn chỗ ký ức này cũng duyên 3 đời, vì sao chỉ nói quá khứ ư?

Đáp: Đó nói đều đúng, là không phải 3 đời. Nếu tâm dao động, lặn chìm thì nhớ theo 2 chỗ, đó gọi khắp đi. Ông nói 4 chỗ ký ức duyên 3 đời, trong đó tuệ có thể duyên hiện tại, mà không phải là nhớ. Cho nên Như Lai trước nói tên nhớ, hiểu thì nói là tuệ.

Hỏi: Vì sao một thức khác trải qua biết, lại một thức khác có thể nhớ?

Đáp: Pháp về nhớ là như vậy. Trong pháp tự nối nhau sinh diệt, liền sinh thức khác rồi trở lại có thể tự duyên.

Lại pháp tri thức là như vậy. Một thức khác trải qua, một thức khác có thể biết. Như nhãn thức nhận thức sắc, ý thức có thể biết.

Lại một người khác đã dùng qua, một người khác có thể biết. Như các Thánh nhân cho đến các thân đời trước đã từng trải qua, nhờ sức ký ức nên biết.

Hỏi: Nếu biết cảnh đã trải qua từ trước gọi là nhớ, thì nay thức v.v... các pháp đều nên gọi là nhớ. Bởi vì sao? Vì pháp ấy cũng đi qua cảnh đã từng trải từ trước?

Đáp: Các thức pháp cũng gọi là nhớ. Như Phật bảo Tát-già-ni-diên tử rằng: Người nhớ lại việc trước thì hãy đáp.

Lại nói: Nếu nhớ việc hý lạc từ trước thì phiền não phát sinh. Cho nên các thức v.v... các pháp nhớ việc trước, nên cũng gọi là hồi ức. Hồi ức này do lấy tướng mà sinh, tùy pháp nào đó rồi lấy tướng thì hồi ức phát sinh, khác thì không sinh. Về định tuệ, sẽ nói trong Phẩm định tuệ.

Phẩm 92: GIÁC QUÁN

Nếu tâm thường khởi sinh tán hành, gọi là giác.

Lại trong tán tâm, cũng có thô, tế. Thô gọi là giác, vì không giữ sâu nên gọi thô tâm. Như trong kinh nói: Phật nói hạnh của ta có hạnh giác quán. Cho nên Sơ thiên chưa giữ sâu được, nên gọi là hữu giác quán. Tán tâm vi tế thì gọi là quán. Hai pháp này phổ biến khắp 3 cõi, vi tướng thô, tế của tâm này.

Lại tâm tán loạn gọi là giác quán, vì tướng này ứng tất cả chỗ.

Lại việc chưa hiện biết việc, phải dùng trí so sánh mới biết. Suy nghĩ so lường nên vậy hay không nên vậy, gọi là giác. Cho nên suy nghĩ so lường việc hiện chưa biết nên có tên chính giác và tà giác. Là phân biệt suy nghĩ so lường thì gọi là chính kiến. Ba thứ biết này là: Tà giác là suy nghĩ điên đảo cho rằng trong vô thường là thường v.v... Chính giác là chưa được chân trí, dùng tướng so sánh mà biết. Hành giả này trong đạt phần thiện căn gọi là nhẫn. Như vậy các điều thuận đạo so sánh biết, gọi là chính giác. Trong đó nếu xa lìa tướng nghĩ nhớ phân biệt, gọi là biết trong hiện tại. Trong giác này suy nghĩ tính toán, cho rằng do nhân duyên này nên như vậy, nhân duyên kia nên không như vậy, đó gọi là quán.

Hỏi: Có thuyết cho rằng giác quán ở trong một tâm. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì các ông tự nói dụ như đánh chuông linh, tiếng đầu là giác, các tiếng sau là quán.

Lại như dụ sóng nước, thô là giác, tế là quán. Là vì thời gian và phương hướng khác, nên không phải một tâm.

Lại 5 thức không phân biệt nên không có giác quán.

Phẩm 93: CÁC TÂM SỐ

Nếu không làm điều thiện, hoặc làm điều thiện mà không chính đáng, gọi là phóng dật. Không riêng có một pháp gọi là phóng dật.

Khi tâm hành, gọi là phóng dật. Trái với đây gọi là không phóng dật. Nên tâm hành thiện gọi là không phóng dật, cũng không có pháp riêng khác.

Lại tâm chạy theo bất thiện gọi là phóng dật. Thuận theo thiện pháp gọi là không phóng dật. Người có thiện căn thì không tham, sân, si. Lấy suy nghĩ so lường làm đầu, có thể không tham đắm gọi là không tham. Lấy từ bi làm đầu, không sinh giận dữ gọi là không sân. Lấy chính kiến làm đầu, không sai lầm gọi là không si. Không riêng có một pháp gọi là không tham. Có người nói không tham gọi là không tham. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì không tham gọi là không pháp. Không pháp làm sao làm nhân cho pháp? Không sân không si cũng như vậy.

Lại cùng với 3 bất thiện căn trái nhau nên chỉ nói 3. Kiêu mạn v.v... cũng phải là bất thiện căn. Vì lược bớt nên chỉ nói là 3 bất thiện căn. Sẽ nói đến trong Phẩm bất thiện. Vô ký căn, có người nói có 4 là: vô ký, ái kiến, mạn và vô minh.

Lại có người nói có 3 là: ái, vô minh và tuệ. Đó không phải Phật nói. Tùy tâm vô ký mà nhân duyên nào sinh, thì gọi nhân duyên đó là vô ký căn.

Lại vì nghiệp thân khẩu phân nhiều từ tâm vô ký sinh khởi, cho nên vô ký tâm gọi là vô ký căn. Khi tâm hành có thể khiến thân tâm yên tĩnh, diệt trừ được thô trọng, bấy giờ gọi là khoan khoái. Khi có nhiều tâm hành gọi là xả. Nếu trong các thụ, tâm hành không rõ gọi là xả. Trong các Thiền lìa khổ vui mặc cho tâm hành gọi là xả. Trong 7 giác không chìm lặng, không động, tâm hành bình đẳng gọi là xả. Lìa lo buồn mừng vui, được tâm bình đẳng gọi là xả. Trong 4 vô lượng, lìa tâm yêu ghét gọi là xả. Như vậy tùy nhiều thứ pháp trái nhau thì có vô lượng tâm số sai khác.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 7

Phẩm 94: BẤT TƯƠNG ƯNG HÀNH

Tâm bất tương ưng hành là: đắc, bất đắc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng xứ, mạng căn, sinh, diệt, trụ, dị, lão, tử, danh chúng, cú chúng, tự chúng và phạm phu pháp v.v....

Đắc là các pháp thành tựu, vì chúng sinh nên mới có đắc. Chúng sinh thành tựu 5 ấm thân, đời hiện tại gọi là đắc.

Lại trong đời quá khứ nghiệp thiện bất thiện, quả báo chưa chịu, chúng sinh đã thành tựu pháp này. Như trong kinh nói: Người này thành tựu thiện pháp và cũng thành tựu bất thiện pháp.

Hỏi: Có người nói thành tựu nghiệp thân khẩu thiện bất thiện đời quá khứ, như người xuất gia thành tựu giới luật nghi đời quá khứ. Việc này thế nào?

Đáp: Đều đã thành tựu. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Nếu người làm tội phúc tức là đã có 2 việc thường bám theo thân, như bóng theo hình.

Lại trong kinh nói: Họa phúc không hư hoại, nghĩa là có thể được quả. Nếu không thành tựu nghiệp tội phúc thì không nên đắc quả, tức mất các hành nghiệp.

Hỏi: Luật nghi quá khứ không nên thành tựu. Bởi vì sao? Vì ông đã nói pháp quá khứ diệt, vị lai chưa có, hiện tại không có thể thường có thiện tâm, thì làm sao thành tựu giới luật nghi được ư?

Đáp: Người này thành tựu luật nghi hiện tại, không phải quá khứ. Như bởi hiện ô nhiễm nên nhiễm. Như vậy lấy giới hiện tại nên gọi là trì giới, chứ không lấy quá khứ. Nhưng vì trước đã thụ mà không xả, nên gọi thành tựu quá khứ.

Hỏi: Có luận sư nói chúng sinh thành tựu tâm thiện bất thiện trong đời vị lai. Việc ấy thế nào?

Đáp: Không thành tựu. Bởi vì sao? Vì chưa tác nghiệp mà đã được. Cho nên vị lai không thành tựu. Đó gọi là đắc, là không riêng có tâm bất tương ưng pháp gọi là đắc. Trái với đó gọi là bất đắc. Và cũng không riêng có pháp bất đắc.

Vô tướng định là không có pháp nhất định. Bởi vì sao? Vì phạm phu không có thể diệt tâm và tâm số pháp. Điều này sẽ nói sau. Tâm và tâm số pháp này vi tế khó giác sát biết được, nên gọi là vô tướng. Vô tướng xứ cũng như vậy.

Diệt tận định là tâm diệt không còn hành nữa nên gọi là diệt tận, không có pháp riêng, giống như Nê-hoàn.

Mạng căn là vì nghiệp nhân duyên nên 5 ấm nối nhau gọi là mạng. Mạng này lấy nghiệp làm căn bản nên gọi là mạng căn.

Sinh là 5 ấm ở đời hiện tại gọi là sinh.

Xả bỏ đời hiện tại gọi là diệt.

Nối nhau nên trụ.

Trụ này biến đổi khác nên gọi là dị. Không phải riêng có pháp gọi là sinh trụ diệt.

Lại trong nghĩa sâu xa của Phật pháp, thì các duyên hòa hợp là có pháp sinh. Cho nên không có pháp nào có thể sinh pháp khác.

Lại nói nhân, sắc v.v... làm nhân duyên cho nhãn thức. Trong đó không nói có sinh, cho nên không sinh không có lỗi gì.

Lại nói sinh pháp v.v... đồng thời sinh. Nếu pháp đồng thời sinh tức diệt. Trong đó sinh v.v... để làm gì? Điều này cần suy nghĩ.

Lại trong 12 nhân duyên Phật tự nói nghĩa sinh: Các chúng sinh nơi nơi sinh, thụ các âm là sinh. Cho nên trong đời hiện tại trước tiên được các âm gọi là sinh. Cũng nói 5 âm lui mất gọi là chết. Cũng nói các âm suy hoại gọi là già, mà không riêng có pháp già chết.

Danh chúng là do từ chữ sinh danh, tức tên gọi, như nói người nào đó. Từ chữ thành nghĩa gọi là cú, tức là câu. Các chữ gọi là chữ. Có người nói có các danh, cú, tự, là tâm bất tương ưng hành. Điều này không đúng. Vì pháp này gồm trong pháp thuộc về thanh.

Hỏi: Pháp phạm phu là tâm bất tương ưng hành. Việc này thế nào?

Đáp: Pháp phạm phu không khác phạm phu. Nếu riêng có pháp phạm phu, cũng phải chấp nhận riêng có pháp cái bình v.v....

Lại nữa số lượng, một khác, hợp ly, tốt xấu, v.v... pháp đều phải có riêng. Trong kinh sách ngoại đạo nói cái bình khác, pháp cái bình khác. Do pháp cái bình mới biết là sắc cái bình khác, sắc của pháp khác. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì pháp là tự thể. Nếu ông bảo pháp phạm phu khác, thì sắc không có tự thể, phải đợi sắc pháp mới có. Điều này không đúng. Cho nên bởi ông không nghĩ kỹ nên mới nói riêng có pháp phạm phu. Có các luận sư học ngoại điển nên tạo luận A-tì-đàm nói riêng có pháp phạm phu v.v.... Cũng có các luận sư khác nói riêng có pháp tính, chân tế, nhân duyên v.v... các pháp vô vi. Cho nên phải suy nghĩ kỹ lý này, đừng chỉ theo văn tự.

Xong nhóm khổ đế.

Phẩm 95: TƯỚNG CỦA NGHIỆP TRONG LUẬN VỀ NGHIỆP CỦA NHÓM TẬP ĐẾ

Luận giả nói: Đã nói xong về khổ đế, nay sẽ nói về tập đế.

Tập đế là các nghiệp và phiền não. Nghiệp này có 3 thứ: thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Thân nghiệp là thân ra làm gọi là thân nghiệp. Nghiệp này có 3 thứ: đoạt lấy sinh mạng v.v... là bất thiện, đứng lên nghênh tiếp lễ bái v.v... là thiện, nhổ cỏ v.v... là vô ký.

Hỏi: Nếu thân ra làm gọi là thân nghiệp, thì cái bình v.v... các vật cũng phải có thân nghiệp, vì thân nó cũng có tác dụng vậy?

Đáp: Cái bình v.v... là quả của thân nghiệp, chứ không phải thân nghiệp, vì nhân quả khác.

Hỏi: Không nên có thân nghiệp. Bởi vì sao? Vì thân khởi động tác gọi thân nghiệp, mà pháp hữu vi diệt trong từng mỗi niệm nên không phải có động tác.

Đáp: Điều này trong Phẩm niệm niệm diệt đã giải đáp, nghĩa là pháp khi sinh ở các chỗ khác, làm tổn hại hoặc lợi ích cho người khác, đó gọi là thân nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thì thân tức là thân nghiệp, vì sinh các chỗ khác, nên không phải thân ra làm gọi là thân nghiệp?

Đáp: Thân là công cụ tác nghiệp. Thân khi sinh ở các chỗ khác nhóm họp tội phúc gọi là nghiệp. Cho nên thân không phải nghiệp.

Hỏi: Nhóm tội phúc là không làm, còn thân làm là thế nào?

Đáp: Khi sinh thân ở các chỗ khác có các tạo tác gọi là thân làm.

Hỏi: Thân này ra làm hoặc thiện hoặc bất thiện, mà thân không vậy. Cho nên không phải thân làm?

Đáp: Tùy tâm lực nên khi sinh thân ở chỗ khác có thể nhóm nghiệp. Cho nên hoặc nhóm thiện, bất thiện, không những là thân,

mà khẩu nghiệp cũng vậy, chẳng những âm thanh ngôn ngữ cũng lấy tâm lực, tùy âm thanh ngôn ngữ mà nhóm thiện ác gọi là khẩu nghiệp. Ý nghiệp cũng vậy, nếu tâm quyết định: Ta giết chúng sinh này. Bây giờ nhóm tội phúc cũng như vậy.

Hỏi: Như từ thân khẩu riêng có nghiệp, ý với ý nghiệp là tức chính nó hay là khác?

Đáp: Hai thứ: Hoặc ý tức là ý nghiệp. Hoặc do từ ý sinh nghiệp. Như ý quyết định giết chúng sinh, đó là ý bất thiện, mà cũng là ý nghiệp. Nghiệp này có thể nhóm tội nặng hơn nghiệp thân khẩu. Nếu tâm chưa quyết định, thì ý này khác với nghiệp.

Hỏi: Đã biết tướng tạo tác là do từ tạo tác mà sinh. Nhóm nghiệp khác, cái nào là tướng?

Đáp: Đó tức là không tạo tác.

Hỏi: Chỉ thân khẩu là không tạo tác, ý không có không tạo tác sao?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì trong đó không có nhân duyên, nên chỉ nghiệp thân khẩu có không tạo tác, mà ý không có không tạo tác.

Lại trong kinh nói có 2 thứ nghiệp là tư nghiệp và tư dĩ nghiệp. Tư nghiệp, nghĩa là nghĩ tức là ý nghiệp. Tư dĩ nghiệp, nghĩa là nghiệp do đã nghĩ rồi. Có 2 thứ là do nghĩ nhóm họp nghiệp và nghiệp thân khẩu. Ý nghiệp là quan trọng nhất, sau sẽ đề cập. Do trọng nghiệp nhóm họp gọi là không tạo tác, vì thường nối nhau sinh, nên biết ý nghiệp cũng có trạng thái không tạo tác.

Phẩm 96: KHÔNG TẠO TÁC

Hỏi: Pháp nào gọi là không tạo tác?

Đáp: Do tâm sinh tội phúc. Ngủ mê, ngất xỉu v.v..., những khi ấy thường sinh đó gọi là không tạo tác. Như trong kinh nói: Nếu

trồng cây gây vườn rừng, đào giếng, bắt cầu v.v.... Người này tạo phúc ngày đêm thường tăng trưởng.

Hỏi: Có người bảo tác nghiệp hiện có thể thấy. Như bỏ thí, lễ bái, sát sinh hại mạng v.v... là phải có. Còn không tác nghiệp, vì không thể thấy nên không có. Xin làm rõ nghĩa này.

Đáp: Nếu không có sự không tạo tác, thì không có pháp lìa sát sinh v.v....

Hỏi: Lìa là không làm, không làm thì không có pháp. Như người khi không nói, thì không có pháp không nói sinh. Như khi không thấy sắc cũng không có pháp không thấy

Đáp: Nhân lìa sát sinh v.v... được sinh lên trời. Nếu không có pháp làm sao làm nhân?

Hỏi: Không vì lìa nên sinh trời, mà vì thiện tâm vậy?

Đáp: Không phải. Trong kinh nói: Người tinh tiến tùy theo sống lâu được phúc nhiều. Vì tùy theo phúc nhiều nên được hưởng vui cõi trời lâu dài. Nếu chỉ có thiện tâm làm sao có thể có nhiều phúc? Vì người ấy không thể thường có thiện tâm.

Lại nói trồng cây v.v..., phúc ngày đêm tăng trưởng.

Lại nói trì giới kiên cố. Nếu không có không tạo tác, làm sao nói phúc thường tăng trưởng và trì giới kiên cố?

Lại chẳng phải làm tức là sát sinh, làm tuân tự pháp sát sinh mới sinh, rồi sau bị tội sát sinh. Như người sai bảo giết, tùy lúc sai bảo, người sai bảo bị tội sát sinh. Cho nên biết có cái gọi là không tạo tác.

Lại ý không có giới luật nghi. Bởi vì sao? Vì người tâm ở trong tâm bất thiện, vô ký, hoặc vô tâm, cũng gọi là trì giới. Cho nên biết, lúc bấy giờ có cái không tạo tác. Bất thiện luật nghi cũng như vậy.

Hỏi: Đã biết có pháp không tạo tác không phải tâm. Vậy nó là sắc, hay là tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Đó là thuộc về hành ấm. Bởi vì sao? Vì tướng tác khởi là hành, không tạo tác là tướng tác khởi. Sắc là tướng não hoại, không phải tướng tác khởi.

Hỏi: Trong kinh nói 6 thứ tư duy là hành ấm, mà không nói tâm bất tương ưng hành?

Đáp: Điều này trước đã nói rõ, nghĩa là có tâm không tương ưng với tội phúc.

Hỏi: Nếu cái không tạo tác là sắc tướng thì có lỗi gì?

Đáp: Năm pháp sắc thanh hương vị xúc, vì không phải tính tội phúc, nên không lấy sắc tính cho là không tạo tác.

Lại Phật nói sắc là tướng não hoại. Trong cái không tạo tác này không thể tìm được tướng não hoại, cho nên không phải sắc tính.

Hỏi: Không tạo tác là tính của thân khẩu nghiệp; thân khẩu nghiệp tức là sắc?

Đáp: Không tạo tác chỉ gọi là thân khẩu nghiệp, mà thật không phải thân khẩu làm ra, vì bởi thân khẩu mà ý nghiệp mới sinh, cho nên mới nói thân khẩu ý nghiệp tính.

Lại hoặc chỉ do ý sinh cái không tạo tác, thì cái không tạo tác này làm sao gọi sắc tính được?

Lại trong cõi Vô sắc cũng có cái không tạo tác. Trong Vô sắc thì làm sao có sắc?

Hỏi: Làm những gì có thể sinh cái không tạo tác?

Đáp: Do thiện bất thiện tác nghiệp có thể sinh cái không tạo tác, chứ không phải vô ký, vì sức nó yếu.

Hỏi: Từ khi làm thời gian bao lâu sinh cái không tạo tác?

Đáp: Từ đệ nhị tâm sinh. Tùy tâm thiện ác mạnh thì có thể trụ lâu. Nếu tâm yếu thì trụ không lâu. Như thụ giới một ngày thì trụ một ngày, thụ giới trọn đời trụ trọn đời.

Phẩm 97: CỐ Ý VÀ KHÔNG CỐ Ý

Hỏi: Trong kinh nói: Cố tác nghiệp không cố tác nghiệp. Thế nào là cố ý và không cố ý?

Đáp: Trước đã biết mà cứ làm gọi là cố làm, trái lại gọi là không cố làm.

Hỏi: Nếu không cố ý làm, không gọi là nghiệp?

Đáp: Có nghiệp, nhưng chỉ có tâm cố ý làm thì nghiệp có quả báo.

Lại tâm quyết định làm nghiệp gọi là cố ý. Tâm không quyết định làm gọi là không cố ý. Như nói lỡ lời gọi là không cố ý, không lỡ lời là cố ý. Như trong kinh nói: Ông có tội lỗi, ta sẽ kể tội, nếu nói lỡ lời thì ta không kể. Hỏi như vậy 3 lần. Nếu trước không cố ý làm mà làm như người khi đi dẫm phải làm chết trùng, đây là không cố ý. Nghiệp không cố ý này, vì không nhóm, nên không có thể sinh quả báo.

Nghiệp có 4 thứ: có làm không nhóm, có nhóm không làm, có cũng làm cũng nhóm, có không làm không nhóm.

Làm mà không nhóm như làm nghiệp sát sinh v.v..., sau liền sinh ăn năn làm nghiệp bố thí v.v... , về sau lòng cũng ăn năn và làm nghiệp rồi sau tâm không nhớ. Đó gọi là làm mà không nhóm.

Nhóm không làm là như người khác làm sát sinh v.v... mà lòng mình sinh vui mừng, người khác làm bố thí v.v... lòng cũng vui mừng.

Cũng làm cũng nhóm là như tự làm tội sát sinh v.v..., làm phúc bố thí v.v..., tự sinh lòng vui mừng.

Không làm không nhóm là cũng không làm cũng không sinh mừng. Trong đây, cũng làm cũng nhóm, nghiệp ấy quyết định chịu quả báo. Như trong kinh nói nếu nghiệp cũng làm cũng nhóm là nghiệp chắc chắn thụ quả báo. Cho nên nghiệp làm nhóm, hoặc hiện đời chịu báo, hoặc đời sau chịu báo, hoặc sau đời sau nữa chịu báo.

Hỏi: Nếu nghiệp có làm có nhóm quyết định chịu báo thì không giải thoát?

Đáp: Nghiệp tuy cố làm, nhưng vì được chân trí nên không còn nhóm nữa, ví như rang hạt giống thì hạt giống không có thể sinh lại.

Hỏi: Trong Kinh Giám Lượng Phật nói: Có người tạo nghiệp báo địa ngục mà hiện đời chịu nhẹ?

Đáp: Nếu ác nghiệp nặng mà có thể hiện chịu nhẹ, cứ sao không thể khiến hết sạch ư? Nếu người không thể tu đầy đủ chân trí, thì ác nghiệp được cơ hội trả báo, nên đời hiện tại ít chịu quả báo.

Hỏi: A-la-hán tuy tu đủ chân trí mà cũng chịu ác báo?

Đáp: Thâm nghiêm tu hành thiện pháp thì ngăn được bất thiện. Cho nên, nếu người ở trong trăm ngàn đời tu nhóm giới v.v... các nghiệp thiện, thì nghiệp bất thiện không thể sinh khởi được, giống như chư Phật, bậc Nhất thiết trí. Còn những người khác không thể như vậy, cho nên nghiệp bất thiện được cơ hội phát sinh. Cho nên A-la-hán tuy tu đủ chân trí, nhưng vì nghiệp đời trước nên cũng phải chịu ác báo.

Hỏi: Trong kinh cũng nói Phật cũng bị hủy báng v.v... các nghiệp báo bất thiện?

Đáp: Phật là bậc Nhất thiết trí, không còn ác nghiệp báo vì đã dứt tất cả cội gốc các pháp bất thiện. Nhưng dùng vô lượng thần thông, phương tiện thị hiện làm Phật sự không thể nghĩ bàn. Như trong Kinh Tăng Nhất A-hàm nói có 5 việc không thể nghĩ bàn.

Nghiệp có 2 thứ: Định báo và Bất định báo. Nghiệp định báo là hoặc nhiều hoặc ít quyết sẽ chịu quả báo. Nghiệp bất định là có thể khiến tiêu hết.

Hỏi: Thế nào gọi nghiệp định báo và những gì là nghiệp bất định báo?

Đáp: Trong kinh nói tội ngũ nghịch là nghiệp định báo.

Hỏi: Chỉ tội ngũ nghịch là nghiệp định báo, còn có tội gì khác không?

Đáp: Trong các nghiệp khác cũng có phần định báo, nhưng không thể chỉ ra được. Hoặc vì sự trọng nên quyết định báo, như đối với Phật và đệ tử Phật, hoặc cúng dường, hoặc khinh chê. Hoặc vì tâm trọng nên có định báo, như người vì cố tâm giết hại trùng kiến, nặng đến việc giết người. Những nghiệp như vậy v.v... quyết chắc có định báo.

Hỏi: Nếu tội ngũ nghịch có thể khiến nhẹ bớt, Vì sao không thể khiến tiêu hết?

Đáp: Tội pháp này là như vậy, không thể làm tiêu hết được. Như Tu-đà-hoàn dù giải đãi mấy cũng không đến 8 lần sinh.

Lại tội ngũ nghịch vì bền chắc nặng nề nên không thể làm tiêu hết được. Như trong phép vua người bị trọng tội, có thể được giảm khinh, chứ không tha bổng.

Phẩm 98: TỘI NHẸ NẶNG

Hỏi: Trong kinh nói có tội nghiệp nhẹ nặng. Thế nào là nhẹ nặng?

Đáp: Nếu nghiệp có thể bị quả báo địa ngục A-tì, gọi là tội nặng.

Hỏi: Những nghiệp gì có thể bị quả báo ấy?

Đáp: Như nghiệp phá Tăng ắt chịu báo này. Bởi vì sao? Vì chia lìa ngôi Tam Bảo, khiến Tăng bảo lìa Phật bảo cũng phá Pháp bảo nữa.

Lại vì sinh tà kiến hạng nặng nên có thể khởi nghiệp này. Cũng do rất ghét, giận Phật, nên khởi nghiệp này. Cũng từ lâu tụ tập ác tính, rất tham lợi dưỡng, nên khởi nghiệp này.

Lại người này nói phi pháp là pháp phải thời, ngăn nhiều chúng sinh tu các thiện pháp, nên gọi là tội nặng.

Hỏi: Chỉ có tội phá Tăng bị báo địa ngục A-tì, còn các tội khác?

Đáp: Các nghiệp khác cũng có. Như nói không có tội phúc, cúng dường cha mẹ và các người thiện không có quả báo. Các tà kiến này cũng bị quả báo đó.

Lại làm cho người khác sa vào tà kiến này, khiến nhiều chúng sinh tạo các ác nghiệp nên cũng bị báo đó.

Lại có thể trước tác các kinh sách tà kiến như vậy, như bọn Phú-lan-na v.v... và các sư tà kiến, làm hại chính kiến, nên mở đường nhân duyên cho nhiều chúng sinh làm ác.

Lại tội hủy báng hiền thánh cũng bị quả báo ấy, như nói một bên hông chịu khổ 8 vạn 4 ngàn năm.

Lại như trong Kinh Pháp Cú nói:

*Thánh sống lâu vì pháp,
Dem pháp ấy giáo hóa.
Độn căn nương ác kiến
Trái nghịch lời dạy đây,
Như tre gai sinh trái,
Thì tự hại thân hình,
Người này đọa địa ngục,
Đầu xuống chân ngược lên,
Người ác tâm ác khẩu,
Vì bài báng hiền thánh.
Người này đọa 10 vạn*

*Địa ngục Ni-la-phù,
Ba sáu vạn địa ngục,
Và 5 A-phù-đà.*

Lại sát sinh v.v..., nếu sự trọng, tâm trọng, tội này cũng đọa địa ngục A-tì. Trái lại với nặng là nhẹ, như là ở trong địa ngục nhỏ bị nướng trên lửa nướng v.v... súc sinh, ngạ quỷ và trong người trời chịu quả báo bất thiện, đó là tội nhẹ.

Phẩm 99: NGHIỆP LỢI LỚN NHỎ

Hỏi: Trong kinh nói có nghiệp lợi lớn nhỏ. Những gì là nghiệp lợi lớn?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào có thể đưa đến A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đó là nghiệp báo lợi lớn nhất. Nghiệp kế tiếp là có thể được quả Bích-chi-phật đạo. Nghiệp kế tiếp là được quả Thanh Văn đạo. Nghiệp kế tiếp là được quả báo cõi Hữu Đảnh, có thọ mạng đến 8 vạn đại kiếp. Đây là nghiệp báo lớn nhất trong sinh tử. Nghiệp kế tiếp là được quả báo cõi Vô sở hữu xứ, thọ mạng 6 vạn kiếp. Cứ như vậy lần lượt cho đến cõi Phạm Thế, thọ mạng nửa kiếp. Tiếp đến trời Tha Hóa Tự Tại trong cõi Dục hưởng số trời 1 vạn 6 ngàn tuổi. Cho đến trời Tứ Thiên Vương hưởng số trời 5 trăm tuổi. Như vậy trong loài người 4 thiên hạ đều tùy theo nghiệp mà thụ quả báo. Như vậy súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục cũng có nghiệp lợi nhỏ.

Hỏi: Những nghiệp nào có thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Đáp: Bồ thí v.v... đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, thì có thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Rồi từ thiện nghiệp này thứ lớp càng mỏng dần được Bích-chi-phật Bồ-đề, càng mỏng dần nữa được Thanh Văn Bồ-đề. Nếu tu tăng thượng 4 vô lượng tâm thì được sinh về cõi Hữu Đảnh. Tu 4 vô lượng thứ lớp mỏng dần, kể là sinh về

bạc dưới. Tu 4 vô lượng càng nhỏ mỏng nữa và tùy nhân duyên giới định nên sinh cõi Sắc. Do nhân duyên tu bố thí trì giới tu thiện nên sinh cõi Dục. Nghiệp bố thí v.v... này tùy theo phúc điền dày mỏng nên có sai khác. Nếu tu trong phúc điền chư Phật thì vượt trội hơn hết. Kế đến là trong phúc điền Bích-chi-phật, v.v... mà tu, thứ lớp càng ít dần.

Hỏi: Trí phúc điền hơn, hay đoạn phúc điền hơn?

Đáp: Nếu trí có thể đạt tới pháp tướng nghĩa là rất ráo không, thì trí ấy hơn. Bởi vì sao? Vì như Phật do trí nên trong hàng đệ tử Phật là hơn, chứ không do đoạn. Như trong Tạp Bảo Tạng nói: Nếu quét đất phòng Tăng rộng bằng một cõi Diêm-phù-đề, không bằng quét tháp Phật một chỗ bằng chừng một bàn tay. Lại tất cả trí tuệ đều vì để đoạn. Như các Bồ-tát ở lâu trong sinh tử đều là khéo đoạn. Khéo đoạn nghĩa là tự mình đoạn kết và cũng đoạn kết cho chúng sinh. Các kết này đều dùng trí đoạn dần. Cho nên biết trí tuệ phúc điền đối với đoạn là hơn.

Hỏi: Như Tu-đà-hoàn lợi căn, Tu-đà-hoàn độn căn, thì 2 phúc điền này đàng nào là hơn?

Đáp: Lợi căn hơn, không phải độn căn.

Hỏi: Nói vậy không đúng. Như trong kinh nói: Cúng dường trăm Tu-đà-hoàn, không bằng cúng dường một Tư-đà-hàm.

Lại nói: Cỗ đại hại lúa, tham dục vấy bản tâm. Cho nên bố thí người vô dục, phải được phúc nhiều. Tư-đà-hàm có thể làm mỏng 3 độc, Tu-đà-hoàn thì chưa, làm sao nói hơn được?

Đáp: Kinh đó là không liễu nghĩa. Vì sao biết được? Trong kinh này nói: Thí cho súc sinh được lợi gấp trăm. Mà thật thí cho chim chóc v.v... được quả báo hơn thí cho người ngoại đạo có 5 thân thông. Cho nên kinh này cần phải biện biệt rõ nghĩa lại. Kinh này theo số nhiều nên mới nói như vậy, trừ lợi trí tuệ.

Lại Tu-đà-hoàn vì trí lực nên tuy thụ các dục mà cũng gọi phúc điền, không phải phạm phu đoạn dục, cho đến người có thể được định cõi Hữu đánh.

Lại trí đa văn ở trong đạt phần còn hơn, chứ không phải định Hữu đánh phần không thông đạt.

Lại Bồ-tát Di-lặc tuy chưa được Phật quả, nhưng cũng được các A-la-hán lễ kính.

Lại như người chỉ có thể phát tâm Bồ-đề suông liền được La-Hán cung kính. Như có một Sa-di mang áo bát đi theo A-la-hán, Sa-di này bỗng phát tâm vô thượng Bồ-đề, vị A-la-hán liền lấy áo bát lại tự mang lấy và đi theo sau Sa-di. Như trong thí dụ có nói rộng. Cho nên biết trí tuệ phúc điền là hơn hết.

Phẩm 100: BA NGHIỆP

Hỏi: Trong kinh nói 3 nghiệp: thiện, bất thiện, và vô ký. Những gì là nghiệp thiện?

Đáp: Tùy theo nghiệp nào đó có thể cho người khác việc tốt, nghiệp đó là thiện. Nghiệp thiện này do pháp bố thí, trì giới, lòng từ v.v... mà sinh, chứ không phải do tắm rửa v.v....

Hỏi: Sao gọi là tốt?

Đáp: Làm cho người khác được vui, gọi là tốt. Cũng gọi là thiện, cũng gọi là phúc.

Hỏi: Nếu làm cho người khác được vui gọi là phúc thì làm cho người khác bị khổ phải có tội? Vậy như thầy thuốc châm cứu làm bệnh nhân đau đớn cũng phải đắc tội?

Đáp: Thầy thuốc châm cứu là vì làm cho được vui nên không đắc tội.

Hỏi: Nếu vì cho vui là được phúc, thì như dâm vợ người ta, khiến họ sinh vui sướng cũng phải được phúc?

Đáp: Dâm dục quyết định là bất thiện. Nếu ai khiến người khác làm pháp bất thiện, thì đấy là khổ không phải vui. Nói vui, là nay vui, sau cũng vui, chứ không phải chút vui hiện tại, mà vì đó bị khổ lớn về sau.

Hỏi: Có người dùng nhân duyên ăn uống khiến người khác sinh vui, hoặc ăn uống không tiêu khiến người kia đến chết, thì người cho ăn này bị tội hay được phúc?

Đáp: Người này tâm tốt cho ăn, không có tâm xấu, nên chỉ được phúc mà không bị tội.

Hỏi: Dâm vợ người khác ấy cũng như vậy. Chỉ vì khoái lạc nên cũng bị tội, và được phúc?

Đáp: Điều này trước đã giải đáp. Nghĩa là dâm dục, quyết định là bất thiện, vì sinh khổ lớn.

Lại trong bố thí ăn uống có phần phúc đức. Bởi vì sao? Vì người được ăn uống không phải ai cũng chết. Chúng sinh đều bởi lòng tham nhiễm mà hành dâm dục, hoàn toàn không phải nhân phúc, làm sao được phúc?

Hỏi: Có người vì sát sinh mà lợi ích nhiều người, như người phá giặc thì đất nước khỏi tại họa. Như giết thú dữ thì lợi nhân dân. Các trường hợp này có thể dùng sát sinh mà được phúc chăng? Hoặc có người dùng nhân duyên trộm cướp mà cúng dường cha mẹ, nhân duyên dâm dục sinh con cái tốt, nhân duyên vọng ngữ hoặc cho mạng sống lâu, hoặc do ác khẩu v.v... khiến người ta được lợi. Đó đều là thuộc về 10 ác, làm sao do đấy mà được phúc?

Đáp: Người này được phúc mà cũng bị tội. Vì lợi người khác nên được phúc, vì hại người khác nên bị tội.

Hỏi: Thầy thuốc này trước làm cho người khổ vì đau đớn, sau khiến được vui vì thiện bệnh, sao không bị tội và được phúc, mà chỉ được phúc?

Đáp: Thầy thuốc ấy vì thiện tâm mà châm cứu, không có ác ý. Nếu hành nghiệp vì thiện ác nên khởi, thì có tội phúc cả hai.

Hỏi: Sát v.v... đều là được phúc. Bởi vì sao? Vì nhân duyên sát được việc sở dục. Như làm vua giết giặc được giàu sang. Do nhân duyên phúc nên được tùy ý sở dục, sao sát sinh mà không gọi là phúc?

Lại người có thể sát thì được tiếng khen. Mà tiếng khen là điều vui của người đời, mà điều vui của người đời là quả báo của phúc đức.

Lại vì sát, nên được mừng vui, mà mừng vui cũng là quả báo phúc đức.

Lại trong kinh sách nói: Nếu ra trận bị chết, được sinh lên trời. Như bài kệ nói: Nếu người ra chiến trận bị chết, thì thiên nữ tranh nhau làm chồng.

Lại nói: Tuy người thiện giàu sang, vì giặc mà xông ra trước có thể giết giặc không bị tội, không giết giặc là bị tội.

Lại Kinh Thế Pháp nói: Có 4 hạng người: Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá và Thủ-đà-la. Bốn hạng người này đều có pháp riêng. Bà-la-môn có 6 pháp, Sát-lợi 4 pháp; Tỳ-xá 3 pháp và Thủ-đà-la 1 pháp. Sáu pháp là: 1. Tự làm miếu thờ trời. 2. Làm thầy tế trời. 3. Tự đọc kinh Vi-đà. 4. Cũng dạy người khác. 5. Bố thí. 6. Nhận của thí. Bốn pháp là: 1. Tự làm miếu thờ trời mà không được làm thầy tế. 2. Theo người khác thụ học kinh Vi-đà mà không được dạy người. 3. Bố thí, không được nhận của thí. 4. Bảo vệ nhân dân. Ba pháp là: 1. Làm miếu thờ trời mà không làm thầy tế. 2. Tự học kinh Vi-đà mà không dạy người. 3. Tự bố thí mà không nhận của ai thí. Một pháp là: Lo cung cấp 3 hạng người trên mà thôi. Như hạng Sát-lợi vì bảo hộ nhân

dân nên có quyền đoạt mạng sống người khác mà chỉ có phúc không có tội.

Lại kinh Vi-đà nói sát sinh được phúc, như lấy thần chú trong Vi-đà đọc mà giết dê, dê chết sinh lên trời. Kinh Vi-đà được người đời tin.

Lại cũng kinh ấy nói nếu thật sự người đáng chết thì giết không tội. Như tiên ngữ thông hay dùng thần chú giết người, không thể nói là thần tiên có tội. Nhưng có tội làm sao có thể thành được điều này. Cho nên biết sát sinh được phúc.

Lại người hoặc có tâm lực có thể đoạt mạng sống thì được phúc, mà thí cho mạng sống là đắc tội. Như người đem thiện tâm mà sát sinh vì muốn khiến được an vui làm sao có tội? Như những người hàng thịt nuôi dưỡng bò dê, tuy thí mà vẫn phải tội. Như vậy trong việc trộm v.v... cũng có phúc đức?

Đáp: Ông nói sát sinh được sở dục nên gọi phúc đức. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì do phúc đức nên được tùy ý sở dục. Việc sở dục đó lại duyên sát sinh mà được. Bởi vì sao? Vì do đời trước tạo phúc bất tịnh. Như trong kinh nói: Cướp đoạt sát hại được của dùng làm bố thí, khiến cho người khác buồn khóc, và bất tịnh thí, thí như vậy v.v... gọi là bất tịnh. Phải do ác duyên mới thụ quả báo.

Lại người này do đời trước có phúc mà cũng có nghiệp duyên sát sinh, cho nên thân nay nhân sát mà thụ báo. Cũng có chúng sinh phải đền cửa, đền mạng nên do sát hại mà được toại sở dục.

Lại không phải tất cả chúng sinh đều do sát sinh mà được giàu sang, như người đời nói: Người ấy bạc phúc, làm nhiều công đức, mà không được quả. Tiếng khen, mừng vui cũng như vậy, đều nhờ phúc đức nhân duyên nên được tiếng khen, được thân mạnh mẽ và vui sướng. Chỉ vì phúc đó bất tịnh nên mới do sát mà được.

Hỏi: Sư tử, cọp sói v.v... được thân khỏe mạnh đều từ tội sinh, Dạ-xoa, La-sát v.v... được vui thân khỏe mạnh vui sướng cũng do tội sinh?

Đáp: Điều này như trước đã đáp. Cũng do phúc bất tịnh nên nhờ tội duyên mà được. Ông nói trong kinh sách có nói nếu ra trận bị chết, thì được sinh lên trời. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì kinh ấy là lấy lời tà ngữ dụ dỗ người ngu, làm cho họ có dũng khí. Vì sao biết được? Vì phải do phúc sinh phúc, do tội sinh tội. Trong đó hoàn toàn không có nhân của phúc thì do đâu mà được quả phúc? Ông nói 4 hạng chúng sinh đều tự có pháp riêng. Hạng Sát-lợi vì bảo hộ người nên giết không tội. Điều này cũng như gia pháp, như những người hàng thịt v.v... đời đời gia truyền thường phải sát sinh mà cũng không khỏi tội. Hạng Sát-lợi cũng vậy, tuy vương pháp, nhưng cũng phải đắc tội. Nếu Sát-lợi vì vương pháp nên sát sinh không tội, thì những người thợ thịt, thợ săn kia cũng phải không tội? Chỉ hạng Sát-lợi đem lòng thương xót vì dân trừ hoạn, do đó mà được phúc. Nếu trừ lý do trên, mà đoạt mạng sống của người khác, thì có tội. Như người cướp đoạt của cải người khác để nuôi cha mẹ mình, thì người này đều phải chịu cả tội lẫn phúc.

Hỏi: Người nào trộm cướp về nuôi cha mẹ người ấy không nên đắc tội. Như Kinh Thế Pháp nói: Nếu thiếu ăn 7 ngày, theo Thủ-đà-la mà cướp lấy thì không tội. Nếu mạng đói muốn chết, thì được quyền theo Bà-la-môn mà lấy. Người ấy tuy dùng ác nghiệp để nuôi mạng sống, nhưng không gọi là người phá giới, vì lý do nguy cấp, giống như không bụi đất không làm bẩn được. Người này cũng vậy, không nhiễm bẩn vì tội?

Đáp: Tức trong pháp Phạm Chí nói: Nếu khi cướp đoạt, tài chủ đến bảo hộ, bấy giờ Phạm Chí cần phải so sánh tính toán giả sử công đức của tài chủ không bằng thì nên giết đi. Bởi vì sao? Vì Phạm Chí

ta là người thắng nhân có thể dùng nhiều phương pháp sám hối mà trừ diệt tội này. Nếu công đức đôi bên ngang nhau, thì tự giết giết người tội đó cũng ngang nhau, vì đó là trọng tội khó trừ diệt. Nếu tài chủ đức thắng hơn, thì nên tự xả thân, vì đó là trung tội, không thể trừ. Phân biệt như vậy, trong việc giết người cướp đoạt cũng phải như vậy.

Lại nói dùng ác nghiệp nuôi sống, trong đó vì có ác nghiệp làm sao gọi là phúc? Ông nói người xông ra trước giết thì không tội, không giết là đắc tội. Lời này đã bị phá. Bởi vì sao? Vì nếu đối phương đức hơn mình, thì nên tự xả thân. Nếu là không tội, có sao phải như vậy? Ông nói kinh Vi-đà nói sát sinh được phúc. Lời nói này trước đã đáp, là giết thì không phúc... Ông nói người thật đáng chết, thì giết không tội. Vậy thì giết những người oán tặc cũng phải không tội?

Lại tất cả chúng sinh đều là tội nhân, vì khởi tác nghiệp thụ ấm thân. Vậy thì sát sinh không đắc tội. Điều này không thể được.

Hỏi: Nếu chúng sinh đời trước tự tạo sát duyên, nay giết lại sao đắc tội. Nghiệp cướp trộm v.v... cũng đều như vậy?

Đáp: Nếu như vậy thì không có tội phúc. Bởi vì sao? Vì người ấy đời trước tự tạo duyên giết hại, nên giết nó không tội, thì lìa sự sát sinh cũng không có phúc đức. Như vậy nếu bố thí người khác cũng phải không có phúc, vì người thụ thí đời trước đã tự tu nghiệp bố thí, nay tự được quả báo. Nhưng kỳ thật không thể không có tội phúc. Nên phải biết chúng sinh tuy tự tạo nghiệp sát, mà người sát sinh cũng vẫn đắc tội, vì khởi tham sân si các phiền não. Các phiền não này gọi là tà điên đảo; sinh tâm tà điên đảo còn đáng bị tội huống chi cố ý khởi nghiệp thân khẩu? Bởi đó mà khiến sinh tử vô cùng tận. Nếu không như vậy, thì khi các vị thần tiên khởi phiền não tham sân v.v..., phải không liền bị mất thần thông. Nếu đó không phải tội lỗi thì với pháp gì trái nhau mới gọi là phúc đức? Phải biết chúng sinh

tuy đời trước tự tạo duyên sát sinh, nhưng kẻ sát sinh vẫn phải có tội. Tuy ông nói tội nhân vô sở có thể thành. Điều này không đúng. Vì hạng Chiên-đà-la v.v... cũng có thể dùng chú thuật để giết người. Người tiên cũng vậy, vì ác tâm nên tùy theo lời chú nên vẫn có thể thành tội.

Lại người này vì phúc lực nên có thể thành, bởi cướp đoạt mạng sống nên bị tội. Ông nói hoặc có tâm lực do đoạt mạng sinh phúc, thì mạng đắc tội. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì phải do tâm lực và phúc nhân duyên nên mới được phúc, chứ không những chỉ do tâm. Nếu đem thiện tâm đâm vợ của thầy, giết Bà-la-môn có thể được phúc chăng? Những người ở vùng biên giới xa xôi như ở các xứ An-túc v.v... đem tâm phúc đức đâm mẹ, đâm chị liệu có phúc chăng? Cho nên biết do nhân duyên phúc, mới có phúc sinh, chứ không phải chỉ có tâm mà thôi. Cướp trộm v.v... cũng như vậy. Cho nên biết sát sinh v.v... đều là bất thiện.

Lại sát sinh này v.v... chẳng phải vì lợi cho người khác nên gọi là bất thiện, tuy với đời hiện này được chút vui chốc lát, nhưng đời sau chịu khổ lớn, vì hại tổn người khác nên gọi là tương bất thiện.

Lại hiện thấy có nhiều chúng sinh gây những nghiệp sát sinh v.v... cũng phần nhiều ở trong tam đồ và loài người chịu các khổ não. Nên phải biết khổ não là kết quả của sát sinh v.v..., vì quả giống nhân.

Lại trong 3 ác đạo tội khổ rất dữ dội. Cho nên biết vì nhân duyên sát sinh v.v... mà sinh vào trong đó.

Hỏi: Trong người, trời cũng như vậy. Các trời cũng thường cùng chiến tranh với A-tu-la, giết hại lẫn nhau. Trong loài người cũng dùng hầm hào, lưới, thuốc độc, giết hại chúng sinh?

Đáp: Trong cõi người, cõi trời có pháp lia sát sinh v.v..., mà trong 3 ác đạo không có. Phải biết trong đó, tội khổ rất lớn.

Lại trong loài người bởi nhân duyên sát sinh v.v... nên mất những lợi lạc sống lâu v.v... Con người thời thượng cổ có thọ mạng vô lượng, ánh sáng từ thân phóng ra, sáng như mặt trời mặt trăng, bay đi tự tại; đất đều tự nhiên sinh các vật tùy ý, gạo thóc tự nhiên sinh. Nhưng đều bởi phạm tội sát sinh v.v..., nên mất các việc như vậy. Về sau, đến khi con người thọ mạng chỉ còn 10 tuổi, lại mất các thứ như bơ, dầu, đường phèn, thóc lúa, bắp v.v..., tất cả đều không có. Cho nên biết sát sinh v.v... là nghiệp bất thiện.

Lại nếu như lia sát sinh v.v... được lợi lạc trở lại: Thọ mạng tăng thêm như tuổi thọ đến 8 vạn tuổi và các sở dục đều tùy ý. Cho nên biết sát sinh là bất thiện.

Lại như hiện nay, Châu Uất-đan-việt tự nhiên có gạo bắp, áo mặc do cây sinh ra, đều do lia sát sinh v.v... Nói tóm lại, chúng sinh có tất cả những vui sướng gì đều do lia sát sinh v.v... mà được. Cho nên biết sát sinh v.v... là nghiệp bất thiện.

Lại pháp sát sinh v.v... là pháp những người thiện đã xả bỏ. Như chư Phật, Bồ-tát, Duyên Giác, Thanh Văn và bao nhiêu những người có công đức, v.v... đều lia bỏ, cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Sát sinh v.v... này, người thiện cũng cho phép. Như trong Kinh Vi-đà nói: Vì cúng trời nên cho phép giết dê?

Đáp: Đó không phải là người thiện. Người thiện là thường cầu lợi tha, tu tâm từ bi, bình đẳng với kẻ oán, người thân. Những người như vậy, đâu có cho phép sát sinh? Người nói như vậy là do lòng tham sân đố vẫn nên tự tạo kinh này để cầu sinh lên trời. Chú nguyện chúng sinh kia, nhờ phúc lực nên có thể thành điều này.

Lại sát sinh v.v... này, người được giải thoát không bao giờ làm. Cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Những người được giải thoát cũng không làm các việc khác nữa, như ăn quá trưa v.v... Điều này cũng nên là bất thiện sao?

Đáp: Đó là nhân duyên sinh tội, nên người thiện cũng bỏ. Nếu pháp không lỗi không nên lìa bỏ. Ăn quá giờ trưa v.v... có thể hại hạnh tu hành, cho nên cũng bỏ. Có pháp vì thể tính bất thiện nên bỏ, như sát sinh, trộm cắp v.v... Có pháp vì nhân duyên bất thiện nên cũng bỏ, như uống rượu, ăn quá trưa v.v.... Cho nên biết sát sinh thể tính bất thiện.

Lại người sát sinh bị nhiều người ghét như sư tử, cọp, sói, các oán tặc và Chiên-đà-la v.v.... Nếu vì pháp nhân duyên này mà bị nhiều người ghét gớm lẽ đâu chẳng phải bất thiện?

Lại nếu người không sát sinh được nhiều người thương mến, như các vị hiền thánh tu hạnh từ bi. Cho nên biết sát sinh là bất thiện.

Hỏi: Có người sát sinh vì sức mạnh mẽ nên được người ưa, như người vi vua giết các oán giặc thì được vua yêu mến?

Đáp: Vì nhân duyên nên không phải yêu mến cho lắm. Như nói nếu người đem ác nghiệp làm cho chủ vui lòng, nếu khi chủ sinh chán, thì trở lại nghi người này. Nếu vì ác sự sinh nghi thì làm sao gọi gọi là thương mến?

Lại những người làm điều bất thiện là tự không thương mình huống chi người khác? Cho nên biết sát sinh là pháp bất thiện.

Lại pháp sát v.v... là đánh phá sự trời buộc v.v... các nhân khổ não. Cho nên biết là bất thiện.

Hỏi: Pháp bắt sát v.v... cũng có nhân khổ, như vua ra lệnh cho người phải giết giặc, nếu không giết chắc bị vua hại?

Đáp: Nếu vì không giết bèn bị hại. Vậy thì những người không giết đều bị hại chết? Người này vì tự trái lệnh vua. Nếu vua biết thâm tâm người này không giết, thì không gia hại mà lại cúng dường. Cho nên biết giết v.v... là nhân duyên khổ, chứ không phải không giết v.v....

Lại người làm sát sinh, khi sắp chết đều sinh tâm ăn năn. Cho nên biết là bất thiện.

Lại làm việc sát sinh v.v... nên bị người không tin, trong đồng bọn còn không tin nhau, huống chi người thiện.

Lại người làm việc sát sinh còn bị đồng bọn chê bai, huống chi những người khác.

Lại người làm việc sát sinh v.v... người thiện lánh xa, như những Chiên-đà-la, người hàng thịt, thợ săn v.v....

Lại những người làm việc sát sinh v.v... không gọi là người vui, như người hàng thịt, thợ săn v.v... trọn đời không nhờ nghề nghiệp đó mà được quý trọng.

Lại người thiện gắng công lia bỏ sát sinh v.v.... Nếu không phải bất thiện, có sao gắng công cầu lia bỏ làm gì?

Lại hiện thấy sát sinh v.v... có quả báo không ưa thích. Phải biết đời sau cũng bị quả báo khổ.

Lại nếu sát sinh v.v... không phải bất thiện, thì còn có pháp nào gọi bất thiện sao?

Hỏi: Nếu pháp sát sinh v.v... là bất thiện, thì không có thân người đẹp. Bởi vì sao? Vì không có lúc nào không sát sinh. Như những lúc đi đến, chân cát lên dẫm xuống, hằng thường giết hại những chúng sinh vi tế. Cũng thường vì ý tưởng của mình mà lấy vật của người khác. Cũng tùy ý tưởng của mình mà nói dối. Cho nên chắc không có thân đẹp?

Đáp: Cố ý làm thì bị tội, chứ không phải không cố ý. Như trong kinh nói: Thật có chúng sinh, trong đó sinh tâm tưởng chúng sinh, có tâm muốn giết, giết rồi bị tội giết. Trộm v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Như người ăn thứ độc, cố ý hay không cố ý đều có thể chết người.

Lại như sa hầm lửa, biết cùng không biết đều có thể cháy người. Dẫm gai v.v... cũng như vậy. Phải biết sát sinh cố ý hay không cố ý đều phải bị tội?

Đáp: Dụ này không đúng. Độc để giết hại thân nên chết, còn tội phúc do tâm, làm sao đem ví dụ được.

Lại lửa gai v.v..., nếu không cảm giác, không thể sinh khổ. Cho nên dụ này không đúng. Nếu không biết thì không cảm giác đau, có biết mới có cảm giác. Như vậy nếu không cố tâm, thì tác nghiệp không thành, cố tâm thì thành, dụ này mới đúng. Có cố thì có tội, không cố thì không. Các nghiệp đều do tâm sai khác, nên có thượng có hạ, nếu không cố tâm làm sao có thượng có hạ?

Như thầy thuốc với không phải thầy thuốc, đều làm cho bệnh nhân sinh khổ, nhưng vì tâm lực nên có tội phúc sai khác.

Lại như con sờ vú mẹ thì không bị tội, vì không nhiễm tâm. Nếu nhiễm tâm mà sờ thì có tội. Nên phải biết tội phúc đều do tâm sinh.

Lại nếu không cố tâm mà có tội, thì những người được giải thoát cũng có không cố mà não hại chúng sinh thì phải bị tội, và không có giải thoát, vì lẽ các tội nhân thì không giải thoát.

Lại nếu không cố mà có tội phúc, thì một hành nghiệp phải là thiện và bất thiện. Như người làm phúc nghiệp làm giết chúng sinh, thì nghiệp này cũng tội mà cũng phúc? Điều này không đúng. Phải biết không cố, thì không nên có tội có phúc gì cả.

Lại nếu vô tâm mà có nghiệp báo, thì làm sao phân biệt được đâu là thiện, đâu là bất thiện và đâu là vô ký ư? Nên đều do tâm mới có sai khác. Như có 3 người đồng đi nhiều quanh tháp. Một người nghĩ nhớ công đức Phật. Một người để lấy trộm đồ. Một người vì đạo mát. Tuy thân nghiệp đồng mà có thiện, bất thiện và vô ký khác nhau. Phải biết là do ở tâm.

Lại có nghiệp quyết định có quả báo; có nghiệp không quyết định có quả báo. Có nghiệp thượng, trung, hạ. Có nghiệp có quả báo hiện tại, có quả báo đời sau, có quả báo sau các đời sau nữa v.v.... Nếu không do tâm mà có tội phúc thì sao có sai khác như vậy?

Lại nếu lìa tâm có nghiệp, thì chẳng phải chúng sinh cũng phải có tội phúc. Như gió xô sập núi hại chết chúng sinh, gió cũng phải có tội. Nếu thổi hoa thơm đến chùa tháp, gió cũng phải được phúc. Điều đó không thể được. Cho nên biết lìa tâm không có tội phúc.

Lại có ngoại đạo nói: Tu pháp nhịn ăn, nằm trên tro, đất, chông gai v.v..., gieo mình xuống vực, nhảy vào lửa, tự lao mình xuống núi v.v..., dùng những nhân duyên khổ mà có phúc đức. Có người trí hỏi vặn lại rằng: Nếu vậy chúng sinh ở địa ngục thường bị đốt nướng, loài ngạ quỷ bị đói khát, loài trùng thiêu thân bay vào lửa, loài cá rùa ở nước, heo, dê, chó v.v... thường nằm trên phân đất, Chúng cũng phải được phúc? Ngoại đạo kia đáp: Phải đem cố tâm chịu khổ nào nầy mới có phúc đức, chứ không phải không cố tâm mà được. Địa ngục v.v... không phải dùng cố tâm chịu khổ đốt v.v... Nếu không do cố tâm nên không có phúc, thì do không cố tâm nên không tội. Nếu do không cố tâm mà có tội phúc, thì trong địa ngục v.v... cũng phải có phúc? Có những lỗi như vậy.

Lại nếu không cố tâm mà có tội phúc, thì đời không có người thiện. Bởi vì sao? Vì trong 4 oai nghi thường giết chúng sinh. Điều này là không thể được. Phải biết không cố tâm, thì không tội phúc.

Lại không được sinh nơi tốt đẹp là thường vì tội. Mà thật có các Phạm vương có các thân hình tốt đẹp, cho nên biết nghiệp không cố tâm là không tội phúc.

Lại trong pháp của các ông, ăn thức ăn bất tịnh, thì đều có tội. Nếu suy nghĩ cho kỹ, tất cả đồ uống ăn đều là bất tịnh, ăn thức ăn bất tịnh đều phải đắc tội. Như vậy đụng đến rượu v.v..., thì không phải

Bà-la-môn. Nếu không thấy nghe, đem tịnh tâm mà ăn, bèn không tội. Phải biết lia tâm, thì không tội phúc gì cả.

Lại trong việc cúng trời, đem phúc tâm nên giết dê, khiến dê sinh lên trời. Vì phúc tâm mà giết nên có phúc. Nếu không phải vậy, tất cả sát sinh đều được phúc mà cũng bị tội.

Lại như Bà-la-môn nói: Hoặc có khi trộm cướp mà không tội. Như thiếu ăn 7 ngày được theo Thủ-đà-la mà lấy. Nếu đói gần chết thì theo Bà-la-môn mà lấy. Cũng vì muốn sinh con đẹp nên dâm dục không tội. Nếu không vì cố tâm, thì sẽ không có các khác biệt này. Cho nên biết, nếu người không cố tâm ác ý mà cho người khác uống độc, thì do đâu đắc tội? Nếu cố tâm cho người chết độc, mà độc trở lại làm thiện bệnh, thì phải được phúc? Như bố thí cho người ăn, thức ăn ấy không tiêu, khiến người phải chết, vậy là đắc tội sao? Nếu không cố tâm mà có tội phúc thì pháp loạn.

Lại người đời, tất cả việc đều tin nơi tâm, như ngay một câu nói có thể sinh vui hoặc giận. Đánh đập v.v... cũng vậy. Cho nên biết các nghiệp đều do nơi tâm.

Lại ý nghiệp thắng hơn hết, phẩm sau sẽ nói, cho nên biết các nghiệp tại tâm.

Lại như người trí tuệ tuy ở nơi ngũ dục mà không đắc tội, đều nhờ sức của ý. Bởi vì sao? Vì người trí thấy sắc không khởi tâm tưởng tà vậy, nên không lỗi đắm sắc. Thanh v.v... cũng như vậy. Nếu không khởi vọng tưởng mà có lỗi ấy, thì tất cả mọi thấy nghe, phải đều có lỗi. Vậy thì ý nghiệp vô dụng. Người trí lấy trí tuệ làm đầu, tuy thụ 5 dục mà không tham đắm. Ngũ dục tuy có đây, nhưng tâm nhằm chán nên có thể không đắm nhiễm, đó không phải là sức của ý nghiệp ư? Cho nên không có việc không cố tâm mà đắc phúc hay đắc tội.

Hỏi: Ông nói tướng thiện và bất thiện là tổn hại hay lợi ích cho người khác. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu người tự

đem vật nuôi thân mà làm phúc nghiệp, người ấy tự ăn cũng vẫn có phúc đức.

Lại tháp chùa, chẳng phải chúng sinh, tưới quét cũng được phúc.

Lại lễ kính v.v... đối với người khác là vô ích. Chỉ tổn hại công đức người khác, không nên có phúc.

Lại không chỉ phát tâm nên có phúc đức mà tùy đem áo cơm lợi ích cho người khác bấy giờ mới được phúc. Như vậy thì người tu hạnh từ bi, không nên có phúc.

Lại như tháp chùa v.v... nếu chẳng phải thuộc loài chúng sinh, thì hoặc đoạt lấy của cải đồ vật, hoặc làm hư hại, phải không có tội.

Lại không ra trước mặt mà ác khẩu mắng sau lưng người ta, phải không có tội, vì người ta không nghe, đâu tổn giảm chi mà tội?

Lại đối với người khác, chỉ sinh ác tâm mà không động thân mở miệng, thì đâu có hại gì, đó đều không phải tội.

Lại hoặc tự mắng mình hoặc tự sát, hoặc tự làm hạnh tà cũng có khi đắc tội. Cho nên tương thiện và bất thiện, không phải chỉ có tổn hại hay lợi ích người khác.

Đáp: Ông nói tự đem đồ nuôi thân là có phúc đức. Điều này không đúng. Nếu tự cúng dường cho mình mà có phúc đức, thì không ai cúng dường người khác. Mà thật có người cúng dường người khác để cầu phúc đức.

Lại do mình vị kỷ mà phúc trở nên mỏng, cho nên biết tự vì mình thì không có phúc.

Lại ông nói tự ăn là làm phúc nghiệp. Nếu tự nuôi thân là lợi ích cho người khác, đó là do nơi tâm mới có thể sinh phúc đức, chứ không phải do tự nuôi mình mà được phúc.

Ông nói tháp chùa, là chẳng phải chúng sinh, tưới quét cũng được phúc. Đó là người này nghĩ công đức của Phật, đối với trong

chúng sinh Phật là bậc cao cả, cho nên tưới quét. Điều này cũng do chúng sinh nên được phúc.

Hỏi: Phật đã diệt độ, không gọi chúng sinh. Như trong kinh nói: Phật không phải có, không phải không, cũng không phải có không, cũng không phải không có không phải không không. Làm sao gọi là chúng sinh được?

Đáp: Nếu đã diệt độ không gọi chúng sinh. Người ấy nghĩ Phật khi chưa diệt độ mà cúng dường, cho nên được phúc. Như người thờ cúng cha mẹ là nghĩ tưởng lúc sinh thời. Nếu không như vậy, không gọi là cúng cha mẹ. Việc này cũng vậy.

Ông nói lễ kính v.v... với người khác vô ích. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì lễ kính v.v..., có nhiều lợi cho người khác, là khiến cho người kia được trọng vọng, được người khác cung kính, đó là lợi ích. Cũng khiến người khác bắt chước theo cung kính, cũng được phúc đức.

Lại khi lễ kính người khác, tự mình phá bỏ được sự ngạo mạn, vì phá được một phần bất thiện, nên được nhiều lợi ích. Cũng để hiển dương công đức của người khác, nên lễ kính v.v... có những lợi ích như vậy.

Lại ông nói lễ kính v.v... tổn công đức người khác. Điều này không đúng. Đem hảo tâm mà lễ kính, không phải như ngoại đạo muốn làm tổn người kia mà hành lễ kính.

Lại như bố thí, nếu người kia không tiêu, thì cũng tổn công đức. Vậy thì bố thí cũng phải không có phúc. Nên khi lễ kính v.v... cần phải suy nghĩ kỹ, có phúc thì làm. Như trong kinh nói: Có một Tì-kheo ở trong nhà tắm, đem tay thoa thân người khác. Phật bảo các Tì-kheo rằng: Người cúng dường này là A-la-hán, người thụ cúng dường là người phá giới. Các người nên học. Không nên đem sự tử cúng dường chồn mèo v.v...

Ông nói không chỉ phát tâm mà được phúc. Tâm là gốc tất cả công đức. Như người làm lợi mình và người, lợi đời này và đời sau, đều lấy thiện tâm làm gốc. Như người làm tổn mình và người, tổn hại đời này và đời sau, đều do tâm bất thiện làm gốc.

Lại người tu hạnh từ, lấy quả báo từ tâm làm lợi ích cho tất cả. Như là gió mưa phải thời, nhật nguyệt tinh tú không sai lệch, nước biển lớn không dâng cao, lửa dữ không thiêu đốt, gió mạnh không làm đổ sập. Đây đều là quả báo của sức từ. Như trong kinh nói: Nếu tất cả thế gian đều làm hạnh từ tâm thì điều mong muốn tự nhiên được.

Ông nói cướp lấy của tháp chùa không phải tội, người này đem tâm chúng sinh mà cướp đoạt tùy theo tháp gì mà cướp đoạt đây? Do nhân duyên đó nên nếu có thể làm tổn hay nếu không thể làm tổn đều là chủ nên đắc tội.

Nếu tâm ông bảo đối với Phật không thể sinh nào cho nên vô tội, thì dùng ác khẩu v.v... với A-la-hán không thể sinh khổ, cũng phải không có tội.

Ông nói không ở trước mặt mắng nhiếc thì phải không có tội, điều này không đúng. Người này dùng ác tâm với người. Bởi ác tâm cho nên tuy người kia không nghe, nếu nghe ắt phải sinh khổ, cho nên phải đắc tội.

Ông nói nếu sinh ác tâm mà không động thân mở miệng thì không có tội, điều này cũng không đúng. Cái tâm xấu ác ô trược này là vì não hại người mà sinh, nếu người kia biết ắt sinh khổ não. Như giặc đến cướp của người, tuy không hay biết cũng làm não hại người.

Ông nói tự sát, tự mắng nhiếc mình cũng bị tội, điều này không đúng. Nếu tự làm khổ thân mà bị tội, thì không có ai được sinh chỗ tốt. Bởi vì sao? Con người trong 4 oai nghi thường bị khổ thân. Vậy thì tất cả chúng sinh thường phải bị tội như não hại người khác, cho nên không có ai được sinh chỗ tốt. Điều này không đúng. Phải biết không

do tự thân có tội phúc, mà vì đạo nhân duyên, cho nên trong Tì-ni kết giới này. Nếu người ác tâm mà tự sát, do phiền não nên bị tội.

Nghiệp vô ký, là nghiệp không phải thiện không phải bất thiện. Đối với chúng sinh khác không làm tăng ích cũng không tổn giảm gọi là vô ký.

Hỏi: Vì sao gọi là vô ký?

Đáp: Đây là tên gọi của nghiệp này. Nếu nghiệp không phải thiện, không phải bất thiện thì gọi là vô ký.

Lại, nghiệp thiện bất thiện đều có thể được quả báo, nghiệp này không thể sinh quả báo nên gọi là vô ký. Bởi vì sao? Nghiệp thiện bất thiện là kiên cường, còn nghiệp này sức yếu. Ví như hạt giống hỏng không thể nảy mầm.

Lại báo có 2 thứ, thiện được báo yêu thích, bất thiện bị báo không không yêu thích, vô ký không có báo.

Hỏi: Trong đây có lấy chẳng phải yêu chẳng phải ghét là báo vô ký. Nói vậy có lỗi gì?

Đáp: Phật nói báo có 2 thứ. Tà thân mà làm, được báo không yêu thích. Chính thân mà làm được quả báo ưa thích. Không nói có báo thứ 3.

Lại quả báo phúc đức thì được yêu thích như ý muốn, mà quả báo tội lỗi thì trái lại với trên.

Lại khổ, vui là quả báo của tội, phúc. Không khổ không vui cũng là quả báo của thiện hành. Cho nên biết vô ký không có quả báo.

Phẩm 101: TÀ HÀNH

Phật nói 3 tà hành: Thân tà hành, miệng tà hành, ý tà hành. Thân tạo tác ác nghiệp gọi là thân tà hành. Tà hành này có 2 thứ. Một là thuộc

vào 10 bất thiện đạo, như giết, trộm, tà dâm. Hai là không nhiếp, như roi, gậy, trói buộc, trượng phạt v.v... và bất thiện đạo trước sau ác nghiệp.

Hỏi: Sát sinh v.v... này là 3 nghiệp bất thiện, chỉ là tính của thân nghiệp ư?

Đáp: Tội sát gọi sát bất thiện nghiệp. Tội này thân cũng có thể tạo, tùy đem thân mình sát hại chúng sinh. Miệng cũng có thể tạo, tùy đem lời sai bảo khiến người sát chúng sinh, hoặc đem tâm rửa nộ mà sát cũng có thể tạo được. Có người phát tâm có thể khiến người khác chết. Tội trộm, dâm cũng như vậy. Có điều tự làm thì bị tội đầy đủ.

Lại thân nghiệp bất thiện, hoặc lấy thân làm tướng, hoặc miệng làm tướng, hoặc phát tâm thì người khác biết, lấy nhân duyên này cũng tạo được tội sát v.v.... Nhưng phần nhiều là do thân tạo tác, nên thông thường gọi là thân nghiệp. Tà hành của miệng cũng như vậy. Miệng gây ra ác nghiệp gọi là tà hành của miệng. Trong đây cũng có 2 thứ. Như khi có người quyết định hỏi, mà hiện trước mặt đối người ta, đó thuộc về bất thiện đạo. Ngoài ra là không nhiếp thuộc. Tham sân tà kiến v.v... là tà hành của ý.

Hỏi: Vì sao trong 10 bất thiện đạo nói là tà kiến? Trong 3 bất thiện căn nói là si?

Đáp: Tà kiến là tên khác của si. Si này tăng trưởng bền chắc gọi là tà kiến. Si lại không có tướng riêng, chỉ lấy điên đảo tham đắm, nên gọi là si.

Hỏi: Trong kinh nói: Các tà hành được quả báo bất ái, chính hành được quả báo ái. Tướng ái và bất ái này không quyết định. Như có một sắc, mà có ái và bất ái. Cho nên cần nói rõ tướng đó?

Đáp: Vui là tướng ái. Như trong kinh nói: Phúc báo gọi là vui. Khổ là tướng bất ái. Như trong kinh nói: Các ông đối với tội, phải sinh lòng khiếp sợ, vì đó là nhân duyên khổ.

Hỏi: Nếu vui là tướng ái thì heo chó v.v..., ăn phân như lấy làm vui, đó là quả phúc đức sao?

Đáp: Là phúc quả bất tịnh. Như Kinh Nghiệp nói: Nếu phi thời thí, bất tịnh thí, tâm khinh khi, tâm đục vẩn mà bố thí nơi phi phúc điền. Thí như vậy v.v... thì được quả báo ấy.

Hỏi: Như trong kinh nói chính hành được ái báo. Vì sao lại nói do nhân duyên chính hành được sinh lên trời?

Đáp: Có những người tà hành cũng được sinh lên trời, hoặc báo sinh trời là quả báo tà hành. Nên trong kinh lại nói nhân duyên chính hành mới sinh về nơi ấy.

Lại tà hành chính hành có thể được thân 2 đường thiện ác khác nhau. Khi thụ thân rồi trong đó chịu những khổ vui. Như nhân duyên tà hành trong ác đạo chịu khổ; nhân duyên chính hành thì được hưởng vui cõi trời cõi người.

Phẩm 102: CHÍNH HÀNH

Thân làm điều thiện gọi là thân chính hành. Miệng, ý cũng như vậy. Lìa sát sinh v.v... 3 nghiệp bất thiện gọi là thân chính hành. Miệng lìa 4 lỗi gọi là miệng chính hành. Ý lìa 3 bất thiện gọi là ý chính hành. Ba thứ này nhiếp thuộc về luật nghi. Như là giới, định vô lậu luật nghi.

Lại có những lễ kính, bố thí v.v... là thiện nghiệp của thân, đều gọi là thân chính hành. Như nói lời chân thật dịu dàng v.v... đều gọi miệng chính hành. Ý nghiệp không tham v.v... đều gọi ý chính hành. Gọi chung là 3 chính hành.

Hỏi: Ngoại đạo, thần tiên không có quả báo được giải thoát giới, những người này có thể được giới luật nghi chăng?

Đáp: Các ngoại đạo ấy từ nơi tâm sinh giới luật nghi, hoặc cũng gọi giới khẩu thụ.

Lại các người đó v.v... cũng có thể được nhiếp thuộc về chính hành giới luật nghi. Như khi loài người thọ mạng chỉ còn 10 tuổi mà nhờ thụ pháp bắt sát thì để con thọ mạng được 20 tuổi.

Hỏi: Trong kinh nói chính hành, tịnh hành và tịch diệt hành. Có gì sai khác?

Đáp: Có luận sư nói: Người phạm phu tu thiện nơi nghiệp thân, miệng, ý gọi là chính hành. Học nhân đã đoạn kết thì ngay nơi chính hành này gọi là tịnh hành. Vô học nhân đoạn kết, vì từ không kết sinh lời nói, nên gọi là tịch diệt hành.

Lại vô học nhân rất ráo không khởi nghiệp bất thiện nên gọi là tịch diệt hành. Như nói thân tịch diệt, miệng tịch diệt, ý tịch diệt.

Lại có người nói 3 thứ hành này nghĩa đồng mà tên khác. Chỉ đẹp nơi chất trực nên gọi là chính. Lìa các phiền não nên gọi là tịch. Lìa các bất thiện nên gọi là tịch diệt. Nên tuy có 3 tên mà nghĩa không khác.

Hỏi: Có luận sư nói chỉ có tâm là tịch diệt hành chứ không phải tư duy. Nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Ba thứ hành này đều do tâm. Bởi vì sao? Vì lìa tâm không có tư duy, cũng không có nghiệp thân miệng.

Hỏi: Trong kinh nói: Người thấy chính hành thành tựu, tức là thấy trời. Nếu thấy số trời không phải tất cả người chính hành đều sinh lên trời, sao nói quyết định như vậy?

Đáp: Vì nói số trời nên điều này đã rõ. Những người chính hành tuy không nhất thiết sinh lên trời, nhưng nếu sinh về nơi tôn quý, thì cũng tương tự như trời, nên mới nói thấy số trời. Những người chính hành đáng lẽ đều sinh lên trời mà hoặc bị các duyên thừa phá hoại, cho nên không sinh, như là tà chính tạp hành. Vì tà hành mạnh hơn nên không được sinh lên trời. Như trong kinh Phật bảo A-nan rằng:

Ta thấy có người tu 3 chính hành mà sinh vào ác đạo. Đó là người quả báo tà hành đời trước đã chín muồi, nay tuy tu chính hành nhưng chưa đầy đủ.

Lại có người khi sắp lâm chung khởi tâm tà kiến, nên bị đọa ác đạo. Còn những người tà hành sinh về nơi thiện cũng như vậy. Cho nên pháp phàm phu là không nên tin. Phải biết tùy theo nghiệp lực mạnh nên thụ sinh có sai khác.

Phẩm 103: NGHIỆP BUỘC

Hỏi: Kinh nói có 3 thứ nghiệp: Nghiệp buộc cõi Dục, nghiệp buộc cõi Sắc, nghiệp buộc cõi Vô sắc. Sao như vậy?

Đáp: Nếu nghiệp từ địa ngục đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Dục. Từ cõi Phạm Thế đến cõi trời A-ca-ni-tra, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Sắc. Từ Hư Không Xứ đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ, trong đó chịu báo gọi là nghiệp buộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nghiệp vô ký và nghiệp bất định báo, không ở trong 3 thứ này sao?

Đáp: Nghiệp này và quả báo đều gọi là buộc ở cõi Dục. Bởi vì sao? Vì pháp này là nghiệp quả báo cõi Dục.

Hỏi: Pháp cõi Dục, không phải tất cả đều là nghiệp báo, cho nên không phải?

Đáp: Tất cả pháp ở cõi Dục đều là nghiệp báo buộc ở cõi Dục.

Hỏi: Nếu vậy thì ngoại đạo tà luận cho rằng tất cả những sự thụ khổ vui đều là nghiệp nhân duyên đời trước? Lại nghiệp quả báo đời trước là thiện, bất thiện có báo không có báo? Lại công phu tinh tiến là không có chỗ dừng? Nếu đều là nghiệp báo lại cần gì nhọc công?

Và nếu các phiền não và nghiệp đều là nghiệp báo, thì không giải thoát được, vì nghiệp báo không thể hết?

Đáp: Ông nói là ngoại đạo tà luận. Điều này không đúng. Ngoại đạo nói : Khổ vui tốt xấu chỉ là nghiệp quả báo đời trước. Vậy thì không cần nhờ nhân duyên hiện tại. Mà thật thấy muôn vật từ hiện tại duyên sinh, như hạt giống chẳng hạn. Cho nên không được nói tất cả đều từ nghiệp nhân duyên đời trước.

Lại do nhân do duyên muôn vật mới được sinh, như lấy hạt giống làm nhân, đất, nước, thời gian, không gian v.v... làm duyên. Nhân thức lấy nghiệp làm nhân, nhân sắc v.v... làm duyên.. Cho nên không đồng với tà luận ngoại đạo. Ông nói nghiệp quả báo đời trước. Điều này không đúng. Vì hiện thấy do quả mới có quả khác nối nhau sinh, như do lúa sinh lúa. Như vậy do báo sinh báo, đâu có lỗi gì?

Lại như người ái nam, và sự dâm dục của loại chim sẻ, chim uyên ương v.v..., sự giận dữ của loại rắn độc v.v..., phải biết đều là nghiệp quả báo đời trước.

Hỏi: Nếu từ báo sinh báo, vậy là vô cùng?

Đáp: Tôi nói 3 thứ nghiệp báo: Thiện, bất thiện và vô ký. Từ thiện và bất thiện sinh báo vô ký không sinh, nên không phải vô cùng. Như từ lúa sinh lúa, trong đó từ hạt giống sinh mộng, không từ bắp v.v... sinh. Như vậy từ quả báo thiện và bất thiện mới có quả báo khác sinh không từ vô ký báo mà sinh. Ông nói không cần nhọc công lao. Nhưng tuy từ nghiệp sinh báo cũng cần phải gia công sau mới thành. Như nhờ được nghiệp lúa mới có lúa sinh, nhưng cần phải gieo trồng v.v... mới được thành. Ông nói không có giải thoát. Điều này không đúng. Được chân trí là ác nghiệp diệt hết, cũng như hạt giống đã rang cháy không còn sinh được, nên không bị lỗi không giải thoát.

Lại các pháp có sinh ra đều lấy nghiệp làm gốc. Nếu không có nghiệp làm gốc làm sao có thể sinh.

Lại vạn pháp sinh ra đều có định phần, như pháp này quyết từ thân người này sinh, mà không ở thân các người khác. Nếu không có nghiệp làm gốc, thì làm sao quyết định sự sai khác.

Hỏi: Nếu pháp chỉ từ nhân mà sinh, như từ đậu sinh đậu có lỗi gì?

Đáp: Điều này cũng lấy nghiệp làm gốc, vì nghiệp nhân duyên được đậu, nên mới có từ đậu sinh đậu. Làm sao biết được? Là thời kỳ thượng cổ người ta tu hạnh thiện, nên lúa thóc tự sinh, cho nên biết nghiệp là gốc mới có đậu sinh đậu.

Hỏi: Vậy thì chúng sinh số, vật, từ nghiệp đời trước mà sinh?

Đáp: Không phải, chẳng phải chúng sinh số, vật cũng lấy nghiệp làm gốc. Tất cả chúng sinh có quả báo cộng nghiệp, nghĩa là được chỗ ở, nhờ nghiệp nhân duyên nên có đất v.v..., nhờ nghiệp nhân duyên sáng nên có mặt trời mặt trăng v.v.... Nên phải biết vật sinh ra đều lấy nghiệp làm gốc.

Hỏi: Nếu pháp sinh ra đều do nghiệp làm gốc thì hữu vi và vô lậu là thế nào?

Đáp: Cũng lấy nghiệp làm gốc. Bởi vì sao? Vì là đời trước đều có nguyên do của sức bố thí, trì giới v.v..., cho nên cũng từ nghiệp v.v... sinh.

Hỏi: Nếu pháp vô lậu cũng từ nghiệp sinh, thì đó cũng là pháp bị ràng buộc. Vậy thì không được, vì lẽ trong kinh nói có thụ pháp không bị buộc kia mà?

Đáp: Pháp vô lậu lấy chân trí làm nhân, lấy nghiệp làm duyên, vì sức lớn mạnh nên gọi là không buộc.

Hỏi: Nghiệp nào thụ quả báo cõi Dục? Nghiệp nào thụ quả báo cõi Sắc, và cõi Vô sắc?

Đáp: Nếu ở trong 3 cõi Dục, Sắc, Vô sắc khởi 10 nghiệp bất thiện, thì thụ quả báo cõi Dục.

Hỏi: Nếu ở trong cõi Sắc, Vô sắc cũng có thể khởi nghiệp bất thiện chăng?

Đáp: Trong đó có thể khởi nghiệp bất thiện. Như trong kinh nói trong kia có tà kiến. Tà kiến không phải bất thiện sao?

Hỏi: Trong đó tà kiến là vô ký không phải bất thiện?

Đáp: Không phải vô ký. Làm sao biết được? Vì trong kinh Phật nói: Tà kiến là nhân khổ não. Người tà kiến khởi các nghiệp thân, khẩu, ý. Mọi tạo tác đều là quả báo khổ. Như trái mướp đắng, toàn tứ đại đều một vị đắng. Như cõi Dục tà kiến bất thiện; cõi Sắc và Vô sắc cũng lấy tướng này nên cũng gọi là bất thiện, vì tướng đồng nhau. Như Phạm Chí Bà-già bảo các Phạm kia rằng: Các ông đừng đến Sa-môn Cù-đàm, ta ở đây có thể độ thoát cho các ông. Đó là khởi tâm khẩu bất thiện ở cõi Sắc.

Lại có các Phạm thiên ở cõi kia nạn hỏi Phật các việc như vậy.

Lại người ở cõi Sắc, Vô sắc bảo đó là Nê-hoàn. Đến khi mạng chung thấy ám thân ở trong cõi Dục, cõi Sắc liền sinh tà kiến cho rằng không có Nê-hoàn, nên bài báng Pháp vô thượng. Làm sao không phải bất thiện ư? Vì những điều này nên biết trong đó có nghiệp bất thiện.

Hỏi: Nếu ở trong đó khởi nghiệp bất thiện, nghiệp này bị buộc nơi nào?

Đáp: Nghiệp bất thiện này thụ quả báo cõi Dục, nên buộc ở cõi Dục. Nghiệp thiện có 3 bậc: thượng, trung, hạ. Nghiệp hạ chịu quả báo cõi Dục; trung, chịu quả báo cõi Sắc; thượng chịu quả báo cõi Vô sắc.

Lại có người nói nghiệp thiện chịu báo ở cõi Sắc là nhiếp thuộc về Tứ thiên, chịu báo cõi Vô sắc là nhiếp thuộc về 4 Vô sắc định. Ngoài ra tâm tán loạn khởi nghiệp thì chịu quả báo ở cõi Dục.

Hỏi: Vì sao trong đó khởi nghiệp thiện mà chịu quả báo cõi Dục?

Đáp: Như trong đây nhiếp tâm khởi nghiệp thiện, thì trong kia chịu báo. Như vậy trong kia tâm tán loạn khởi nghiệp thiện, thì trong đây chịu báo.

Lại như cõi Sắc, Vô sắc khởi nghiệp bất thiện thì ở trong cõi Dục chịu báo. Nghiệp thiện trong kia cũng như vậy.

Hỏi: Nếu ở cõi Sắc, Vô sắc không thể khởi nghiệp thiện buộc về cõi Dục?

Đáp: Trong đó không có nhân duyên này. Nếu ở cõi Dục có thể khởi nghiệp thiện cõi Sắc, Vô sắc, mà ở cõi Sắc, Vô sắc lại không có thể khởi nghiệp thiện cõi Dục sao?

Lại các ông nói ở trong cõi Sắc có thể sinh tâm vô ký cõi Dục. Nếu có thể sinh tâm vô ký, Vì sao không thể sinh tâm thiện ư?

Lại trong kinh, Phật bảo Thủ Thiên tử rằng: Phải niệm trụ tâm thụ thô tướng. Thô tướng tức là tâm buộc cõi Dục. Người này tùy đem thiện tâm nghe pháp lễ Phật, đều là buộc tâm ở cõi Dục. Nếu không như vậy không gọi thô tướng.

Lại trong đó nghĩ cầu tài phúc. Như nói: Thế Tôn! Tôi đối với 3 việc không chán đủ nên trong đây mạng chung sinh về cõi trời Vô Nhiệt. Nghĩa là chiêm bái Phật, nghe Pháp, và cúng dường Tăng mà nghĩ cầu tài phúc là buộc tâm về cõi Dục.

Lại trong đây có người niệm Phật v.v... mà không cầu tài phúc nên phải biết có thiện buộc về cõi Dục.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỀN 8

Phẩm 104: BA NGHIỆP BÁO

Hỏi: Trong kinh Phật nói 3 thứ nghiệp báo: Nghiệp hiện báo, nghiệp sinh báo, nghiệp hậu báo. Vậy là thế nào?

Đáp: Nếu thân này gây nghiệp tức ngay thân này chịu, gọi là hiện báo. Đời này gây nghiệp đời sau chịu báo, gọi là sinh báo. Đời này gây nghiệp, qua các đời sau nữa mới chịu báo, gọi là hậu báo, vì qua sau đời sau nên gọi là hậu.

Hỏi: Báo nghiệp thân trung ấm chịu ở chỗ nào?

Đáp: Chịu ở 2 chỗ. Nghiệp trung ấm thứ tự chịu ở chỗ sinh báo, vì sinh có sai khác gọi trung ấm; nên nghiệp các trung ấm khác chịu ở chỗ hậu báo.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này là báo quyết định hay đời quyết định?

Đáp: Có người nói báo quyết định. Nghiệp hiện báo ắt hiện chịu báo. Hai thứ kia cũng vậy.

Tuy có thuyết này, nhưng nghĩa ấy không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu như vậy không chỉ ngũ nghịch gọi là định báo mà trong Lục Túc A-tì-đàm cũng nói ngũ nghịch là định báo.

Lại trong Kinh Giám Lượng cũng nói bất định. Có nghiệp phải chịu quả báo địa ngục mà người này vì tu thân giới tâm tuệ nên có

thể chịu quả báo đời hiện này. Cho nên 3 thứ nghiệp phải là đời quyết định, vì báo nghiệp hiện đời không nhất thiết hiện đời này chịu. Nếu chịu thì nên hiện chịu chứ không phải các chỗ khác. Hai thứ nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Những nghiệp gì có thể thụ hiện báo?

Đáp: Có người nói nghiệp nhanh nhạy chịu hiện báo. Như đối với Phật các vị Thánh nhân và cha mẹ v.v... mà khởi nghiệp thiện, ác là hiện chịu ngay quả báo. Nếu nghiệp không nhạy mà nặng thì đời sau chịu báo. Như ngũ nghịch v.v.... vừa nhạy vừa nặng, thì sau đời sau mới chịu. Như nghiệp Vua Chuyển luân, hoặc nghiệp Bồ-tát.

Lại có người nói 3 thứ nghiệp này tùy thuận được quả báo. Nếu nghiệp nguyện đời nay thụ tức là hiện thụ. Như bà Mạt Ly phu nhân đem phần ăn của mình cúng dường Phật, nguyện hiện đời được làm phu nhân của vua. Hai nghiệp kia cũng như vậy.

Lại tùy nghiệp nào chín muồi thì thụ trước.

Hỏi: Nghiệp quá khứ sao gọi là chín muồi?

Đáp: Đầy đủ tướng nặng, thì gọi là chín muồi.

Hỏi: Liệu có một niệm khởi nghiệp, một niệm kế thụ báo không?

Đáp: Không có. Lần lượt rồi mới thụ, như hạt giống lần lượt sinh mầm. Nghiệp pháp cũng như vậy.

Hỏi: Như những người còn ở trong thai, khi ngủ mê, hoặc điên cuồng v.v..., có thể tụ tập nghiệp không?

Đáp: Những trường hợp như vậy, hễ có suy nghĩ tư duy thì có thể tụ tập nghiệp, nhưng không đầy đủ.

Hỏi: Nếu lià địa vị cõi Dục này có thể khởi nghiệp địa vị này không?

Đáp: Người có ngã tâm đều tụ tập nghiệp này, nếu lia ngã tâm thì không tụ tập lại.

Hỏi: A-la-hán cũng kính lễ tu phúc v.v..., nghiệp này Vì sao không tụ tập?

Đáp: Vì tâm chúng sinh nên các nghiệp mới nhóm. A-la-hán không ngã tâm nên các nghiệp không nhóm.

Lại A-la-hán tâm vô lậu, mà người vô lậu tâm không nhóm các nghiệp.

Lại trong kinh nói dứt nghiệp tội phúc gọi là A-la-hán. Người này không tụ tập nghiệp tội phúc và nghiệp bất động, thụ nghiệp cũ đã xong, nghiệp mới không tạo.

Hỏi: Học nhân có nhóm các nghiệp không?

Đáp: Cũng không còn tụ tập. Bởi vì sao? Kinh nói: Người này phá tan các nghiệp, không nhóm, không chứa, diệt hết v.v....

Có luận sư nói: Học nhân này có ngã mạn, nên cũng nhóm các nghiệp, nhưng nhờ sức của trí vô ngã, nên bất tất chịu báo.

Hỏi: Ba thứ nghiệp này ở cõi nào có thể tạo?

Đáp: Tất cả chỗ trong 3 cõi đều tạo được.

Hỏi: Có hay không có nghiệp bất định?

Đáp: Có. Nếu nghiệp hoặc hiện báo, hoặc sinh báo, hoặc hậu báo, đó gọi là bất định. Nghiệp như vậy nhiều.

Hỏi: Nếu biết 3 thứ nghiệp này được lợi gì?

Đáp: Nếu có thể phân biệt 3 thứ nghiệp này thì sinh chính kiến. Bởi vì sao? Vì hiện thấy có người làm ác mà hưởng giàu có sung sướng. Người hiền thiện lại chịu khổ. Đối với việc như vậy hoặc sinh tà kiến cho rằng thiện ác không có quả báo. Nếu biết 3 nghiệp này sai khác như vậy, thì sinh chính kiến. Như kệ nói:

*Làm ác thấy vui,
 Vì ác chưa chín.
 Đến lúc ác chín,
 Tự thấy chịu khổ.
 Làm thiện thấy khổ,
 Vì thiện chưa chín.
 Đến khi thiện chín,
 Tự thấy hưởng vui.*

Lại Kinh Phân Biệt Đại Nghiệp nói: Người không đoạn sát được sinh lên trời, là vì nếu người này đời trước có phúc, nên khi mạng chung phát thiện tâm mạnh mẽ, có thể biết như vậy tức sinh chính kiến. Cho nên phải biết tướng 3 thứ nghiệp này.

Phẩm 105: BA THỨ NGHIỆP THỤ BÁO

Hỏi: Trong kinh Phật nói 3 thứ báo nghiệp: Báo vui, báo khổ và báo nghiệp không khổ không vui. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp thiện được báo vui. Nghiệp bất thiện bị báo khổ. Nghiệp bất động được báo không khổ không vui. nghiệp này không nhất thiết quyết định chịu, nếu chịu thì chịu báo vui, không phải khổ v.v.... Hai nghiệp kia cũng như vậy.

Hỏi: Các nghiệp này cũng được báo sắc, Vì sao chỉ nói thụ thôi?

Đáp: Trong các quả báo, thụ là vượt trội hơn hết. Thụ là thật báo, sắc v.v... là như đồ dụng cụ.

Lại trong cảnh duyên nói thụ, như nói lửa khổ lửa vui; hoặc trong nhân có quả, như người thí thực gọi là thí 5 thứ lợi. Cũng như nói ăn tiền v.v....

Hỏi: Từ cõi Dục đến trong Tam thiên có được thụ quả báo không khổ không vui ư?

Đáp: Được thụ.

Hỏi: Do nghiệp báo nào?

Đáp: Là nghiệp báo hạ thiện. Nghiệp thượng thiện thì thụ báo vui.

Hỏi: Nếu như vậy, Vì sao nói trong đệ Tứ thiên và Vô sắc định ư?

Đáp: Kia là tự địa. Bởi vì sao? Vì trong đó chỉ có một thứ quả báo này mà không có thụ nào khác, vì là tịch diệt vậy.

Hỏi: Có người nói buồn không phải nghiệp báo. Việc ấy thế nào?

Đáp: Vì sao không phải?

Hỏi: Buồn chỉ do tướng phân biệt sinh, nghiệp báo không phải là tướng phân biệt.

Lại nếu buồn là nghiệp báo thì nghiệp báo nhẹ, nên không phải báo.

Lại buồn này khi lia dục là dứt, mà nghiệp báo khi lia dục không dứt. Cho nên biết buồn không phải nghiệp báo?

Đáp: Ông nói buồn do tướng phân biệt sinh nên không phải báo, thì vui cũng là nghiệp báo. Vui này có 2 thứ: một là vui, hai là mừng. Mà vui mừng cũng do tướng phân biệt sinh, lẽ ra không nên gọi là báo sao?

Ông nói nghiệp báo thì nhẹ. Buồn này nặng hơn khổ. Bởi vì sao? Vì buồn là người ngu, những người có trí không buồn, cho nên khó trừ, cũng có thể sinh phiền não sâu đậm.

Lại trong Tứ Bách Quán nói: Tiểu nhân thân khổ, quân tử tâm ưu.

Lại buồn lo này cần phải đem trí mới dứt được, thân khổ vui cũng có thể trừ được.

Lại buồn có thể sinh khổ não trong 3 đời, như nói ta trước khổ, nay khổ mai sau sẽ khổ.

Lại buồn là chỗ trú của các phiền não. Như trong kinh nói là chỗ ở của phiền não. Nên nói 18 thứ ý hành, bởi trong 5 thức không sinh phiền não.

Lại trong kinh nói buồn là 2 mũi tên, vì chịu khổ 2 lần, như người bị 2 mũi tên đâm vào một chỗ thì chịu khổ gấp đôi. Như vậy người ngu bị khổ bức bách lại càng thêm buồn lo, nên thân tâm khổ não lắm hơn khổ thông thường.

Lại người ngu thường buồn lo. Bởi vì sao? Vì người ấy trái lìa ân ái, gặp gỡ oán ghét, tìm cầu không được v.v..., nên thường lo buồn khổ não.

Lại buồn này do 2 nhân sinh: một là do hỷ sinh, hai là do ưu sinh. Như mất vật mình yêu là do hỷ sinh, như trong kinh nói: Phật hỏi vua Ba-tư-nặc rằng: Ông yêu nước Ca-thi-kiều-tát-la không?

Lại nói: Chư Thiên vui sắc, tham sắc, sắc này nếu hoại, thì sinh buồn khổ. Đó là hỷ sinh.

Do ưu sinh là do việc ghét mà sinh, cũng do ganh ghét v.v... sinh. Người chưa lìa dục ganh ghét v.v... các thứ kết thường não hại nơi tâm. Như nói thiên nhân nhiều kết xan tham tật đố.

Lại nhiều chúng sinh bởi chộc tức người khác nên bị quả báo buồn khổ, như nói tùy trồng giống sinh quả, cho nên biết buồn là nghiệp báo. Ông nói khi lìa dục thì dứt nên không phải báo. Điều này không đúng. Tu-đà-hoàn chưa ly dục cũng dứt được báo địa ngục v.v... Có thể cho các báo địa ngục là không phải quả báo sao? Cho nên không thể cho ly dục dứt, mà liền gọi là không phải quả báo.

Hỏi: Báo nghiệp không khổ không vui, gọi là bất động. Nghiệp này là thiện, lẽ ra phải thụ báo vui, sao lại thụ báo không khổ không vui?

Đáp: Thụ này bất động nên thật vui. Vì tịch diệt nên gọi không khổ không vui.

Lại trong kinh nói: Trong lạc thụ tham sai khiến. Trong đó lòng tham ở trong thụ kia sai khiến nên biết là vui.

Phẩm 106: BA CHƯỚNG

Hỏi: Trong kinh nói 3 chướng: Nghiệp chướng, phiền não chướng, báo chướng. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nếu các nghiệp phiền não và báo, có thể chướng ngại đạo giải thoát, thì gọi là chướng.

Hỏi: Có thể chướng pháp gì?

Đáp: Tu thiện thí, giới hồi hướng 3 cõi, đây thường hay chướng đạo.

Lại cũng là chướng báo nghiệp quyết định chịu. Như trong kinh nói: Nếu người này quyết định nhóm chịu báo nghiệp, thì không vào chính vị. Đó gọi là nghiệp chướng.

Lại nếu người phiền não sâu dày thường ở nơi tâm tăng thượng một cách nhanh chóng, đó là phiền não chướng.

Lại như người phiền não không trừ khiến được, như dục tâm của những người ái nam v.v..., cũng gọi là phiền não chướng.

Lại ở chỗ do tội ác sinh như địa ngục v.v..., và tùy những chỗ sinh không thể tu đạo, đều gọi là báo chướng.

Hỏi: Có người trước không hiểu rõ đối tượng, không biết người ấy là người thiện, nên không bố thí, vì nghĩ rằng người kia nếu ta thí sẽ được điều kiện gây các việc ác, thì ta có phần trách nhiệm, như Phạm Chí v.v... các người xuất gia. Cho nên các người xuất gia, không nên bố thí, vì nghiệp mới trói buộc chướng ngại giải thoát?

Đáp: Không phải vậy. Vì người khác tạo tội phúc với ta không can hệ. Bởi vì sao? Vì trong nhân duyên tội phúc có nhiều tội lỗi. Bởi vì sao? Như chúng sinh là nhân duyên sát, nếu không chúng sinh làm sao có sát? Vậy thì người chết lẽ ra phải có tội.

Lại như người giàu là nhân duyên của trộm cắp. Sắc đẹp là nhân duyên của tà dâm. Người khác là nhân duyên của nói dối v.v.... Ngụy xưng v.v... là nhân duyên của lường gạt. Người mua lẽ ra cũng có tội?

Lại người nhận làm nhân duyên của người thí, lẽ ra cũng được phúc. Như người đào giếng đào ao v.v..., người dùng nước lẽ ra đều được phúc? Như vậy thì tự mình không cần làm phúc đức. Mà thật không phải vậy. Cho nên trong nhân duyên không nên có tội phúc.

Lại phúc phần của người nhận lẽ ra phải tiêu hết, thì người ấy không nên theo người khác mà thụ thí. Bởi vì sao? Vì đem phần phúc đức của mình mà đổi lấy đồ uống ăn.

Lại người thí phải nhiều tội mà ít phúc. Bởi vì sao? Vì đâu có bao nhiêu người Bà-la-môn hay làm thiện. Phần nhiều đem tâm 3 độc vẫn đục, chìm đắm trong 5 dục, không siêng tu hành. Cho nên người thí lẽ ra phải tội nhiều mà phúc ít.

Lại các Phạm Chí v.v... tự xưng là người thiện tu hành pháp thiện. Mà sự thật những người ấy không thể nhiếp tâm chính quán các pháp thiền định. Nếu lìa thiền định, thì khó điều phục tâm. Cho nên người thí cho người chưa lìa dục lẽ ra phải bị tội nhiều?

Lại như người cúng dường cha mẹ, cung cấp cho vợ con, thân bằng quyến thuộc bè bạn đều phải bị tội, thì không có người được phúc phần. Mà thật không phải vậy. Cho nên tội phúc không ở trong nhân duyên.

Lại pháp trì giới v.v... cũng lợi cho người khác, vì người này không sát sinh nên thí mạng sống cho tất cả, thì người trì giới bị phần

đại tội? Vì không sát nên đối tượng được sống lâu làm các điều ác, vậy lẽ ra người trì giới phải chịu một phần, như vậy thì người cầu phúc nên sát sinh, chứ không nên trì giới?

Lại như người thuyết pháp khiến cho người khác tu phúc, nhờ nhân duyên tu phúc về sau được giàu sang; giàu sang thì kiêu ngạo, phóng dật, kiêu ngạo phóng dật thì gây các việc ác; các ác này người thuyết pháp đều phải có phần trách nhiệm?

Lại nhân duyên thí khiến người khác giàu, vì nhân duyên giàu gây làm các tội, vậy người thí cũng phải chịu một phần. Vậy thì Phạm Chí không nên nhận thí, cũng không nên thí cho ai. Mà nay Phạm Chí chỉ nhận thí mà không thí nên biết đó là tà đạo.

Lại như các vị vua đúng như pháp trị dân cũng phải có tội?

Lại như con làm tội, cha mẹ phải có phần trách nhiệm, vậy thì lẽ ra không nên sinh con?

Lại như thầy thuốc giỏi chữa lành bệnh lẽ ra cũng phải tội, vì người được sống sẽ làm nhiều tội lỗi.

Lại trời mưa đúng thời vụ, nuôi lớn ngũ cốc lẽ ra trời cũng đắc tội, vì cứu sống và nuôi nhiều chúng sinh ác.

Lại người thí cho ăn lẽ ra cũng bị tội, vì người ăn nếu không tiêu thức ăn khiến đến chết, và những người chưa lìa dục vì đắm say thực vị, nên người thí lẽ ra cũng bị tội. Vậy thì người thí thường phải buộc người nhận lập lời thề rằng: Nay ăn thức ăn của ông, quyết sẽ không làm ác, rồi sau mới thí cho. Nếu không làm vậy thì người thí mất hết cả hai.

Hỏi: Trong kinh cũng nói: Nếu Ti-kheo ăn cơm của thí chủ, mặc áo của thí chủ, nhập vô lượng thiện định, nhờ nhân duyên này nên thí chủ ấy được phúc vô lượng. Nếu nhờ nhân duyên này mà được phúc ấy, thì sao lại không bị tội?

Đáp: Nếu Tì-kheo ăn cơm của thí chủ, mặc áo của thí chủ, nhập vô lượng thiên định, là phúc bố thí của thí chủ tự được tăng trưởng, chứ không được phúc thiên định. Như ruộng tốt nên thu hoạch nhiều, ruộng xấu thì thu hoạch ít. Như vậy ruộng phúc tốt thì quả báo thí phúc nhiều, mà phúc điền xấu thì phúc ít, chứ không phải do người nhận làm phúc làm tội mà người thí chịu ảnh hưởng. Cho nên không bởi nhân duyên tội phúc mà bị tội hay được phúc. Người kia tuy là nhân duyên, mà tội phúc phải do tự mình khởi 3 nghiệp.

Hỏi: Người chưa lìa dục tâm không tự tại, ắt có tham đắm, nên người xuất gia không nên tu thí?

Đáp: Nếu như vậy thì người xuất gia trì giới v.v... đều có phúc đức, điều đó cũng nên bỏ, mà thật ra là không thể. Cho nên bố thí cũng không nên bỏ, nhưng đừng hồi hướng 3 cõi mà phải vì Nê-hoàn.

Lại chỉ nên xa lìa phiền não các nghiệp bất thiện. Bởi vì sao? Vì các nghiệp này, trong nhân còn có thể đề phòng, mà đến khi thành quả thì không thể làm gì hơn được! Cho nên chư Phật thường trong khi nhân nói pháp giáo hóa, không phải như Vua Diêm Vương khi quả đến mới giáo hóa bằng quở trách.

Hỏi: Trong 3 nghiệp chương này thứ nào nặng hơn?

Đáp: Có người nói báo chương nặng hơn, vì không giáo hóa được. Có người nói bởi tùy người nên tất cả đều nặng.

Hỏi: Thứ nào có thể chuyển được?

Đáp: Đều có thể khiến diệt được. Nếu có chuyển, thì đã không gọi là chương.

Phẩm 107: BỐN NGHIỆP

Hỏi: Trong kinh Phật nói 4 thứ nghiệp: Báo nghiệp đen đen, báo nghiệp trắng trắng, báo nghiệp đen trắng đen trắng, và không

báo nghiệp không đen không trắng vì đã diệt hết nghiệp. Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp báo đen đen là tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi khổ não như địa ngục A-tì và các chỗ khổ não khác không báo thiện, như súc sinh ngạ quỷ một phần ít. Trái nhau với đây, tức nghiệp thứ hai. Tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi không khổ não, như 2 cõi Sắc, Vô sắc và cõi Dục, người trời một phần ít, đen trắng lẫn lộn, tức nghiệp thứ ba. Tùy theo nghiệp nào đó sinh về nơi khổ não không khổ não, như địa ngục súc sinh ngạ quỷ người trời một phần ít. Nghiệp thứ tư là vô lậu vì có khả năng diệt hết 3 nghiệp. Nếu nghiệp 2 đời bị quở trách là đời nay quở trách, đời sau quở trách, là người bị tội đọa ở nơi tối đen, không có tiếng tăm, nên gọi là đen.

Lại 2 đời khổ não là đời nay khổ, đời sau khổ nên gọi là đen.

Hỏi: Nghiệp này thứ nào có thể sinh về nơi hoàn toàn khổ não?

Đáp: Tâm nối nhau làm ác, không chút ăn năn, không có điều thiện có thể tiêu diệt nghiệp ác, đó là có thể sinh nơi hoàn toàn khổ não.

Lại đem tâm tà kiến gây các ác.

Lại đối với người quan trọng mà gây ác, như cha mẹ và các người thiện.

Lại đối với chúng sinh làm ác không chút xót thương, như giết chúng sinh, hoặc cướp hết của cải, hoặc nhốt nơi lao ngục mà lại không cho ăn, hoặc đánh khảo nặng nề khiến không còn chút vui. Các nghiệp như vậy sinh về nơi hoàn toàn khổ.

Nghiệp báo trắng trắng là như người thuần tụ tập các thiện, không có gì bất thiện. Thế lực 2 nghiệp này to lớn nhất, các nghiệp khác không hơn được. Như khi chịu nghiệp báo đen thì không dung nghiệp báo trắng, khi chịu nghiệp báo trắng thì không dung nghiệp báo đen. Bởi vì sao? Vì tất cả chúng sinh đều tụ tập thiện, bất thiện,

nghiệp lực chướng ngại nhau, nên không được đồng chịu cùng lúc. Như 2 người cùng kéo giành một vật ai mạnh lôi đi trước. Nghiệp thứ 3 báo yếu ớt, vì thiện, bất thiện lẫn lộn cho nên chịu báo cùng thay nhau thắng hơn.

Hỏi: Có người nói nếu nghiệp bất thiện chịu báo ác đạo, đó là nghiệp đầu tiên. Thiện buộc ở cõi Sắc, là nghiệp thứ hai. Trong cõi Dục buộc người trời chịu nghiệp báo lẫn lộn, đó là nghiệp thứ ba. Trong vô ngại đạo, 17 bậc học tư, là nghiệp thứ tư. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Phật tự nói tướng các nghiệp này. Nghĩa là nếu người khởi gây tội nơi thân khẩu ý, thì sinh về nơi khổ não, thân chịu khổ não, và chịu lấy các thứ phải chịu đều không như ý muốn. Cho nên tùy khiến chúng sinh về nơi hoàn toàn khổ, đó là nghiệp đầu tiên. Cõi Sắc và Vô sắc thì hoàn toàn hưởng lạc. Trời người cõi Dục cũng có người hoàn toàn hưởng lạc, như trong kinh nói: Có người vui cũng có 6 thứ xúc, người trời cảm giác các thứ trần, không gì không được tùy ý. Đó là nghiệp thứ hai. Gây nghiệp đen trắng lẫn lộn, là nghiệp thứ ba. Tất cả nghiệp vô lậu là hết các nghiệp, vì trái nhau, chứ không phải chỉ 17 bậc học tư gọi là nghiệp thứ tư.

Hỏi: Vô lậu thật trắng, sao gọi là không trắng?

Đáp: Tướng trắng này khác không giống trắng của nghiệp thứ hai. Trắng này vượt trội hơn cả, vì không đối đãi nhau. Như nói vị Chuyển Luân Thánh Vương thành tựu thanh tịnh quá hơn mắt người trời. Thật mắt người này hơn các người khác nên gọi là hơn người. Nghiệp này cũng vậy, hơn các nghiệp trắng khác nên nói không trắng.

Lại có người nói: Lẽ ra phải nói là nghiệp báo không phải đen trắng, vậy thì không lỗi.

Lại Nê-hoàn không là không phải trắng. Cho nên nghiệp này phải gọi là không phải trắng.

Lại cũng phải nói không phải trắng không phải đen. Bởi vì sao? Vì Nê-hoàn là vô pháp. Nghiệp này là Nê-hoàn nên gọi không đen không trắng.

Lại người đời quý trọng nghiệp thiện hữu lậu, nên gọi là trắng. Và nghiệp thứ tư có thể bỏ nghiệp này, nên gọi không trắng.

Lại nghiệp này không có tướng đen nên cũng không thể có tướng trắng được.

Lại báo trắng nên nghiệp gọi cũng trắng. Nghiệp này không báo nên không gọi trắng.

Phẩm 108: NGŨ NGHỊCH

Thân kế sau chịu quả báo nên gọi không gián đoạn. Nếu đời hiện này chịu thì khổ não nhẹ, báo ít; vì nghiệp ấy nặng, nên theo thứ lớp mau đọa vào địa ngục A-tì.

Ngũ nghịch là bởi phúc điền đức trọng, nên gọi là nghịch. Đó là ác tâm phá Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, giết cha mẹ. Vì không biết ơn dưỡng dục, nên gọi là nghịch. Nghịch tội này chỉ trong đạo làm người có thể sinh khởi, không phải trong các đạo khác, vì người có phân biệt hiểu biết.

Hỏi: Giết Thánh nhân khác có bị tội nghịch không?

Đáp: Người giết Thánh nhân phần nhiều đọa địa ngục, nếu giết A-la-hán chắc chắn phải đọa địa ngục. Nếu người đánh Phật mà không chảy máu cũng bị trọng tội, vì cố tâm muốn hại Thế Tôn.

Hỏi: Nếu người gây một nghịch tội thì đọa địa ngục, hoặc gây 2, 3, cũng nơi một thân đều chịu báo chăng?

Đáp: Vì tội này nhiều nên chịu khổ nặng lâu. Ở trong đó chết rồi lại sống lại trong đó.

Hỏi: Trong tội phá Tăng vì sao nặng?

Đáp: Nếu phi pháp biết là phi pháp, pháp biết là pháp, với tâm như vậy mà làm thì gọi là nặng. Nếu phi pháp bảo là pháp, pháp bảo là phi pháp, là không như trước.

Lại như người ở chỗ Phật mà phá Tăng, tự xưng Đại sư đáng cao cả trong trời người, đó cũng là nặng.

Hỏi: Nếu không phải Thánh nhân, phạm phu có thể phá sao gọi trọng tội?

Đáp: Vì chướng ngại chính pháp nên gọi trọng tội.

Hỏi: Pháp phá Tăng là bao lâu?

Đáp: Pháp không trụ lâu, không trải qua một đêm. Trong đó, các Phạm Vương, chư thiên, các đại đệ tử như Xá-lợi-phất v.v..., liền hòa hợp trở lại. Có người nói 5 trăm vị Tì-kheo này, đời trước vì nhân duyên ngăn thiện căn đắc đạo của người khác nên nay bị quả báo này.

Lại nhân tâm phạm phu vội vã nên dễ có thể phá hoại, như chỉ chứng được tâm không, vô ngã thế gian còn không thể phá được, huống chi bậc vô lậu! Vì ác dục ở trong tâm, nên mới gây nhân duyên phá Tăng. Cho nên người cầu phúc cần phải bỏ ác dục.

Phẩm 109: NĂM GIỚI

Phật nói Ưu-bà-tắc có 5 giới.

Hỏi: Có người nói thụ đầy đủ thì được giới luật nghi. Việc ấy thế nào?

Đáp: Tùy thụ nhiều ít đều được luật nghi. Nhưng chỉ cần lấy có 5.

Hỏi: Là trói buộc v.v... vì sao không gọi là giới, mà chỉ nói bắt sát v.v...?

Đáp: Vì là bà con quyến thuộc.

Hỏi: Vì sao không nói đoạn dâm, mà chỉ nói không tà dâm?

Đáp: Vì người còn ở thế tục khó thường lia bỏ.

Lại như tự dâm vợ mình không nhất thiết đọa các ác thú. Như Tu-đà-hoàn v.v... cũng còn hành pháp này. Cho nên không nói hoàn toàn dứt dâm dục.

Hỏi: Lìa 2 lữĩ v.v..., vì sao không gọi là giới?

Đáp: Việc này vi tế, khó giữ gìn được.

Lại 2 lữĩ v.v... là một phần của nói dối, nếu nói nói dối là đã nói chung tất cả.

Hỏi: Uống rượu là thật tội sao?

Đáp: Không phải. Bởi vì sao? Vì uống rượu không làm nào hại chúng sinh, chỉ làm nhân sinh tội. Nếu người uống rượu thì mở cửa bất thiện. Cho nên, nếu dạy uống rượu thì đắc tội một phần, vì có thể chướng ngại thiên định và các thiện pháp. Như trồng cây ăn trái, ắt phải làm rào ngăn. Như vậy 4 pháp kia là thật tội, lìa là thật phúc. Vì để bảo vệ nên mới kết giới rượu này.

Phẩm 110: SÁU NGHIỆP

Nghiệp có 6 thứ. Nghiệp báo địa ngục, nghiệp báo súc sinh, nghiệp báo ngạ quỷ, nghiệp báo làm người, nghiệp báo sinh về cõi trời và nghiệp báo bất định.

Hỏi: Thứ nào như thế nào?

Đáp: Nghiệp báo địa ngục là như trong phần Lâu thán của bộ Lục Túc A-tì-đàm có nói rộng.

Lại tội sát sinh v.v... đều là địa ngục. Như trong kinh nói người ưa sát sinh, sinh trong địa ngục; nếu được làm người thì chịu quả báo chết yểu. Cho đến tà kiến cũng như vậy.

Hỏi: Đã biết 10 bất thiện đạo chịu báo địa ngục và cũng sinh trong súc sinh, ngạ quỷ và loài người, mà ông chỉ nói sinh trong địa ngục và loài người. Nay phải nói riêng nghiệp nào chỉ chịu báo địa ngục?

Đáp: Tức tội nghiệp này, rất nặng là chịu báo địa ngục, nhỏ nhẹ chịu báo súc sinh v.v....

Lại nếu đầy đủ 3 thứ tà hành tức là địa ngục, còn các nghiệp khác không đầy đủ thì làm súc sinh v.v....

Lại cố ý gây trọng tội là địa ngục.

Lại người phá giới phá kiến, gây các ác nghiệp tức là địa ngục.

Lại thâm tâm làm ác, tâm hoại, hành hoại, người này gây ác nghiệp tức là địa ngục.

Lại gây nghiệp bất thiện vì giúp bất thiện là địa ngục.

Lại như đối với hiền thánh tạo nghiệp bất thiện là địa ngục.

Lại khởi nghiệp bất thiện, rồi tu nhóm bất thiện, về sau ngợi khen khoái lạc không muốn bỏ lìa, là địa ngục.

Lại đem tâm ghét giận để gây tội nghiệp, thì là địa ngục. Nếu vì của cải thì còn chịu dư báo nữa.

Lại đem tâm tà kiến khởi nghiệp bất thiện, là địa ngục.

Lại người phá giới gây ra tội nghiệp, là địa ngục.

Lại người không hổ thẹn gây ra tội nghiệp, là địa ngục.

Lại người ác tính gây ra tội nghiệp, là địa ngục, ví như đất ướt mưa ít cũng thành bùn.

Lại người thường làm bất thiện gây ra ác nghiệp, là địa ngục.

Lại nếu không duyên có cấp nạn mà gây ác nghiệp là địa ngục.

Lại nếu người không được chút ít không vô ngã, vì nhiễm đắm sâu đậm gây tội nghiệp là địa ngục.

Lại nếu người không tu thân giới tâm tuệ, gây ra ác nghiệp, là địa ngục.

Lại nếu người phạm phũ gây ra tội nghiệp là địa ngục. Bởi vì sao? Vì người này không biết các pháp; ám, giới, các nhập và 12 nhân duyên v.v..., vì không biết nên làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, nói lời không nên nói, không nói lời nên nói, nghĩ điều không nên nghĩ, không nghĩ điều nên nghĩ. Người này gây ra tội nghiệp tuy ít nhưng cũng là địa ngục.

Lại nếu không thấy lỗi trong bất thiện, thì người này có thể khởi tội nghiệp nặng, chịu quả báo địa ngục.

Lại nếu người làm tội mà không nương nơi thiện, tức là địa ngục, như người mắc nợ không nương cậy vua, thì chủ nợ dễ đòi.

Lại nếu người nghiệp thiện yếu ớt gây ra tội ít cũng là địa ngục, như trong thân người nhiệt lực kém ít, ăn phải thứ ăn khó tiêu, thì không tiêu được.

Lại nếu người chỉ làm bất thiện, không xen chút thiện nghiệp, tức là địa ngục. Như người làm giặc, nặng nhẹ đều bị trói.

Lại nếu lìa bỏ tất cả thiện căn, như khi voi chiến ra trận không giữ tiếc cái đầu, người ấy gây tội tức là địa ngục.

Lại nếu hành tiểu pháp, thụ học tiểu sư, người ấy tạo tội tức là địa ngục. Như người nghèo hèn mắc nợ, bị người giàu lôi kéo.

Lại nếu người thường trưởng dưỡng bất thiện, như mắc nợ ngày một sinh lãi. Như hành nghiệp của những người hàng thịt, thợ săn v.v..., là địa ngục.

Lại nếu che giấu tội lỗi, tức là địa ngục, như mụn nhọt chảy mủ.

Lại nếu người bất thiện ở lâu trong tâm, không thể mau dứt, tức là địa ngục. Như bị trị độc liền có thể giết người.

Lại như người tự làm bất thiện, cũng đem dạy người khác, vì mở nhiều cửa đau khổ cho chúng sinh, tức là địa ngục. Như các quốc vương và nhiều người tri thức làm ác tà hạnh khiến nhiều người học theo, như bọn Phú-lan-na v.v....

Lại nếu gây ra nghiệp hại nhiều chúng sinh, như đốt rừng v.v..., lại dạy nhiều người khác, khiến sa vào phi pháp, như làm thợ săn v.v...

Lại nếu người dùng ác nghiệp làm nghề sinh sống, như làm đầu sỏ đảng giặc cướp, thợ thịt, thợ săn v.v...

Lại người rớt ráo phá giới gây tạo tội nghiệp, tức là địa ngục. Đến chết không bỏ nên gọi là rớt ráo. Như kệ nói:

*Người rớt ráo phá giới
Như dây mây quán cây.
Người ấy thân tạo ác,
Tự khiến oán toại nguyện,*

Lại vô cớ mà nổi giận dữ, vì tâm giận dữ này mà gây tội nghiệp tức là địa ngục. Nếu có cớ sự mà giận thì tội không đến như vậy.

Lại vì giận khởi nghiệp là kết nặng, tức là địa ngục. Như trong kinh nói: Giận là tội nặng mà dễ trừ diệt.

Lại nếu ác tâm thành tính, tức là địa ngục. Nếu vì nhân duyên mà khởi tội nghiệp thì yếu nhẹ.

Lại như người phóng túng tạo các ác nghiệp, tức là địa ngục. Nếu được bạn tri thức ủng hộ thì được sinh lên trời. Như chủ hàng thịt tên Tá-bà khi sắp lâm chung được Xá-lợi-phất đến tại chỗ, người ấy liền đưa mắt dữ tợn nhìn Xá-lợi-phất, mà không thể làm gì được, liền hô lên: Lại đây một chút. Rồi thở dài và thấy sắc hào quang của Xá-lợi-phất rực rỡ, bèn nảy ý nghĩ rằng: Người này hơn ta, không thể giết. Liền đem tịnh tâm nhìn lên nhìn xuống Xá-lợi-phất 7 lần như vậy. Nhờ nhân duyên ấy mà được 7 phen sinh lên

trời, 7 phen sinh trong loài người. Về sau tu chứng được quả Bích-chi-phật.

Lại như Ương-quật-ma-la đã gây nhiều tội nghiệp còn muốn toan giết mẹ, vì nhờ Phật là vị thiện tri thức, nên liền được giải thoát.

Lại như người thí việc dùng hầm lửa, cơm độc, muốn Phật trúng độc và hại Phật. Phật là vị thiện tri thức, nên cũng được giải thoát. Những người như vậy tuy có ác nghiệp mà không đọa địa ngục, cho nên mới nói: Nếu người phóng túng tạo các ác nghiệp, tức là địa ngục.

Lại nếu dứt mất thiện căn không còn chữa được, như Điều-đạt v.v..., giống như bệnh nhân tướng chết đã hiện, người ấy tạo tội, tức là địa ngục.

Lại nếu người không thường làm thiện, đến khi mạng sắp chết thiện tâm khó sinh, người này tâm ăn năn nên đọa địa ngục.

Lại nếu đến khi chết khởi tâm tà kiến, người này bởi trước lấy bất thiện làm nhân, tà kiến làm duyên, nên đọa địa ngục. Như vậy có nhiều các nghiệp quả báo địa ngục.

Lại có luận sư nói: Tất cả bất thiện đều là nhân duyên địa ngục. Ngoài ra dư báo bất thiện sinh trong các loài súc sinh v.v... Như trong kinh nói: Phật bảo Tì-kheo rằng: Các ông đã thấy chúng sinh thân tà hành, khẩu tà hành, ý tà hành. Phải biết đó là thấy người trong địa ngục.

Hỏi: Đã biết báo nghiệp địa ngục. Còn báo nghiệp súc sinh là thế nào?

Đáp: Nếu người thiện không thuần, khởi nghiệp bất thiện, nên đọa súc sinh.

Lại kết sử bùng phát mạnh nên đọa súc sinh. Như dâm dục thịnh nên sinh trong loại chim sẻ, chim cù dục, uyên ương v.v..., giận dữ thịnh nên sinh trong loại rắn, rết, bò cạp loài có nọc độc v.v..., ngu si

thịnh nên sinh trong loài heo dê v.v..., kiêu ngạo thịnh nên sinh trong loài sư tử, cọp, sói v.v..., hiếu động thịnh nên sinh trong loài vượn khỉ v.v..., ganh ghét v.v... thịnh nên sinh trong loài chó v.v.... Như vậy, các loại phiền não khác thịnh, nên sinh trong nhiều loài súc sinh khác. Nếu người có chút phần bố thí, tuy sinh trong súc sinh cũng được hưởng vui, như loài chim cánh vàng, rồng, voi ngựa v.v....

Lại khẩu nghiệp báo, phần nhiều đọa súc sinh, như người không biết, không tin nghiệp quả báo, nên khởi các thứ khẩu nghiệp. Như nói: Người ấy hiếu động như vượn khỉ thì sinh trong loài vượn khỉ, như nói tham ăn như quạ, nói như chó sủa, hăi như heo dê, tiếng như lừa kêu, đi như lạc đà, tự cao như voi, hung dữ như trâu hoang, dâm như chim sẻ, sợ như chồn mèo, nịnh hót như dã can, hung tợn như dê đen, nhiều như lông bò. Sinh khởi ác khẩu nghiệp như vậy v.v..., nên phải theo nghiệp mà chịu quả báo.

Lại chúng sinh vì ham muốn nên phát nhiều thứ nguyện ước, như ham muốn dâm dục thì sinh trong loài chim sẻ v.v.... Nếu nghe các loài rồng, chim cánh vàng v.v... có thể lực, nên muốn sinh trong các loài ấy.

Lại như trong kinh nói: Nếu chết ở chỗ chật hẹp, nguyện được ở chỗ rộng rãi, thì sinh trong loài chim. Nếu chết vì khát, cầu nước nên sinh trong loài ở nước, chết vì đói, tham ăn nên sinh trong nhà xí v.v....

Lại từ ngu si khởi nghiệp nhẹ yếu, vì thiện lẫn lộn, nên sinh trong các loài bọ chết, rận, rệp, trùng, kiến v.v....

Lại nếu dạy người khác khiến đọa trong tà pháp thì sinh chỗ không trí, mù bầm sinh, mù suốt đời, sinh làm côn trùng trong cây chết.

Lại gây nghiệp lẫn lộn, nên sinh trong súc sinh. Như trong kinh nói: Các súc sinh tùy nhiều thứ tâm, được nhiều thứ hình.

Lại nếu khởi nghiệp phải ăn cỏ, như người vọng ngữ, tự trừ ẻo thê rằng: Nếu ăn thứ ăn này khiến ta ăn cỏ, hoặc nói ta ăn đất v.v....

Lại nếu người ác khẩu mắng rằng: Sao người không ăn cỏ, ăn đất cho rồi! Người ấy tùy theo lời nói mà thụ sinh ăn cỏ ăn đất v.v....

Lại người tu bất tịnh thí, thì bị quả báo ăn cỏ v.v....

Lại nếu người mắc nợ không trả đọa trong các loài bò, dê, cheo, nai, lừa, ngựa v.v... để đền nợ xưa. Các nghiệp như vậy v.v... đọa trong súc sinh.

Hỏi: Đã biết báo nghiệp trong súc sinh, còn nghiệp nào đọa trong loài ngựa quý?

Đáp: Đối với ăn uống sinh tâm tham lam, nên đọa ngựa quý.

Hỏi: Nếu người có vật của mình không cho ai, sao lại bị tội?

Đáp: Vì người tham lam keo kiệt này, nếu có ai theo xin, thì tham tiếc mà sinh giận dữ. Do tội này nên sinh trong ngựa quý.

Lại người tham lam keo kiệt này nếu có ai theo xin có mà nói không, vì vọng ngữ nên đọa trong ngựa quý.

Lại người này lâu nay tự tập lòng keo kiệt, thấy người khác được lợi thì sinh lòng ganh ghét, nên đọa ngựa quý.

Lại người tham lam keo kiệt này, thấy người khác tu thí thì ghét giận thí chủ, rồi nói: Người xin này vì quen xin được, nên chắc sẽ lại theo xin ta.

Lại đã từ lâu tự tập lòng keo kiệt, nên đã tự không thí lại còn ngăn người khác thí.

Lại nếu là của chung như vật của chúng Tăng trong chùa và vật của Bà-la-môn trong các miếu thờ trời, có người độc quyền chiếm lấy, lẫn tiếc không muốn thí cho người khác nên đọa vào ngựa quý.

Lại nếu người vì cướp đoạt phá hoại đồ uống ăn của người khác, nên sinh về chỗ không có vật uống ăn.

Lại nếu người không có phúc bố thí, nên không được báo sinh theo chỗ mong muốn, mà còn bị trách mắng là nghiệp ăn xin, nên chịu khổ trong đó.

Lại người keo kiệt này thấy người đói khát, không lòng thương tưởng, nên sinh về nơi thường bị đói khát. Nếu nhờ lòng từ bi được sinh lên trời. Như vậy bởi lòng giận hờn, nên sinh trong đường ác.

Lại tham đắm thân thuộc, yêu thích nơi ở nên đọa vào loài chim Ca-lăng-già v.v... Sinh trong ngạ quỷ, vì tham ái làm nhân duyên sinh. Như vậy v.v..., như trong Kinh Nghiệp Báo có nói rộng.

Hỏi: Đã biết 3 ác báo nghiệp, còn do nghiệp gì sinh trong loài người và trời?

Đáp: Nếu tu nghiệp thiện như bố thí, trì giới v.v..., bậc thượng sinh trời, trung, hạ sinh trong loài người.

Lại người lợi căn thì sinh trong loài người, vì có thể tu hành pháp làm người nên gọi là người.

Lại nghiệp thiện lẫn lộn nên sinh trong người. Nghiệp này có thượng trung hạ, nhất tâm bất nhất tâm, tịnh bất tịnh v.v... Vì sao biết được? Vì người có nhiều phẩm cách sai khác bất đồng. Như trong kinh nói: Sát sinh thì đoản mạng, trộm cướp thì bần cùng, tà dâm thì gia đình không trinh lương, nói dối thì thường bị bài báng, đâm thọc thì dòng họ bất hòa, ác khẩu thì thường nghe tiếng dữ, lời thêu dệt thì người không tin, tham lam tật đố thì nhiều dâm dục, giận dữ thì nhiều tính ác, tà kiến thì nhiều ngu si, kiêu mạn thì sinh làm người hạ tiện, tự cao thì sinh lùn thấp, ganh ghét thì không uy đức, keo kiệt thì bần hàn, giận dữ thì thân xấu xí, nã hại người thì nhiều tật bệnh, tạp tâm bố thí thì thềm những thứ không mỹ vị, bố thí phi thời thì không được quả vừa ý, nghi hối thì sinh ở biên địa, hành bất tịnh thí thì từ việc khổ mới được quả báo, phi

đạo hành dâm thì sinh thân bất nam. Trong loài người có nghiệp bất thiện pha tạp như vậy v.v.... Nghiệp thiện thì trái lại với trên, như không sát sinh thì mạng được sống lâu v.v.... Trong loài người có nhiều thứ bất đồng như vậy v.v..., cho nên biết là nghiệp báo xen tạp.

Lại vì nguyện nên sinh trong loài người.

Lại người không ưa phóng túng, cũng không nhiều dục, mà ưa thích trí tuệ, phát nguyện muốn được thân người, thì sinh trong loài người.

Lại nếu người ưa thích cúng dường cha mẹ và các bậc tôn trưởng, cũng biết cúng dường Sa-môn Bà-la-môn v.v... ưa vui làm sự nghiệp, cũng ưa thích tu phúc, thì sinh loài người, ở trong loài người hoặc tu nhân duyên tịnh nghiệp, thì sinh về Uất-đan-việt.

Lại nếu người chán ghét ruộng vườn nhà cửa và các ngã sở sai khác, thì cũng sinh Uất-đan-việt.

Lại nếu, người tu chính hành bạch nghiệp, không nào hại người khác, dùng của để bố thí, cũng không tham đắm, tự trị giới hạnh lại không phá các giới quyến thuộc trước sau, thì sinh Uất-đan-việt. Làm điều thiện nhỏ yếu, thì sinh về Câu-da-ni.

Lại nhỏ mà không bằng điều trên, thì sinh về Phát-vu-đãi. Nghiệp báo cõi trời là giới, thí thiện, thanh tịnh bậc thượng nên sinh về cõi trời.

Lại nếu người được một phần trí tuệ, uốn dẹp được các kết, nên sinh lên cõi trời.

Lại cũng tùy tạp nghiệp nên có sai khác, như đã nói trong phần về loài người.

Lại vì nguyện, như nghe nói nhân duyên hưởng vui trên trời, rồi ra làm nghiệp thiện, nguyện vãng sinh, như đã nói trong 8 nơi có phúc được sinh về. Nếu tu từ bi hỷ xả thì sinh cõi Phạm Thế cho đến cõi Hữu

Đánh. Trong đó phẩm loại thiện định có sai khác, nên quả báo cũng sai khác. Như không khéo dứt trừ sự ngủ nghỉ vui chơi v.v..., thì ánh sáng nơi thân người này đục, nếu khéo thì dứt thì ánh sáng trong sáng.

Lại thượng thiện nghiệp báo thì sinh lên trời, được các thứ sở dục, nghĩ là liền được. Nếu lià sắc tướng thì được Vô sắc định, sinh Vô sắc xứ. Như vậy v.v... gọi là nghiệp báo thiện. Nghiệp báo bất định là nghiệp thiện bậc thấp và nghiệp bất thiện. Nghiệp này chịu quả báo hoặc trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời.

Hỏi: Trong 4 đạo kia khá được thiện nghiệp báo, còn địa ngục thì sao?

Đáp: Nếu trong địa ngục nhỏ có tạm nghỉ ngơi, như từ địa ngục lửa tự thoát ra, xa thấy rừng cây lòng mừng chạy đến vào trong rừng ấy, gió mát cây động, dao gươm chưa rơi xuống, bấy giờ tạm vui. Hoặc thấy sông nước mặn tưởng là nước ngọt, vội chạy thẳng đến cũng được chút vui. Như vậy v.v... là phần nghiệp báo thiện trong địa ngục. Đó gọi là nghiệp báo bất định.

Phẩm 111: BẢY BẤT THIỆN LUẬT NGHI

Bảy bất thiện luật nghi là: giết, trộm, tà dâm, dâm thục, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt. Nếu người với 7 điều này, hoặc đầy đủ, hoặc không đầy đủ, đều gọi là người bất thiện luật nghi.

Hỏi: Những gì thành tựu bất thiện luật nghi?

Đáp: Thành tựu giết bất thiện luật nghi, là những người hàng thịt, thợ săn v.v.... Thành tựu trộm, là trộm cướp v.v.... Thành tựu tà dâm, là hành dâm không phải đạo và dâm nữ v.v.... Thành tựu nói dối là những con hát, ca vũ kỹ v.v.... Thành tựu dâm thục là ưa sàm báng và độc tụng những kinh sách nhằm nhí, mưu phản bán nước v.v.... Thành tựu ác khẩu là ngục tốt v.v..., cũng dùng ác khẩu tự sinh sống

v.v.... Thành tựu lời nói thù dật là hợp tập những ngôn từ khiến người cười chơi v.v.... Có người nói các vương hầu tể tướng trị việc nước, thường thành tựu bất thiện luật nghi này. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu người gây tội nói nhau không dứt, đó mới gọi thành tựu bất thiện luật nghi, chứ vương hầu v.v... không phải vậy.

Hỏi: Làm sao được bất thiện luật nghi này?

Đáp: Tùy khi làm ác nghiệp mà được.

Hỏi: Là do giết một chúng sinh được luật nghi này, hay do tất cả chúng sinh mà được?

Đáp: Do tất cả chúng sinh mà được. Như người trì giới đối với tất cả chúng sinh mà được thiện luật nghi. Bất thiện luật nghi cũng như vậy. Như tùy giết chúng sinh được 2 thứ vô tác: một là thuộc về tội giết, hai là thuộc về bất thiện luật nghi.

Hỏi: Bất thiện luật nghi này thành tựu thời gian bao lâu?

Đáp: Cho đến khi chưa được xả tâm thì thường thành tựu.

Hỏi: Nếu người do tâm hạ nhuyển, được bất thiện luật nghi, nếu tâm tham v.v... được, người ấy thường thành tựu như vậy, hay là lại được nữa ư?

Đáp: Tùy tâm tùy phiền não nhân duyên, lại được bất thiện luật nghi này nữa, vì trong niệm niệm thường được. Đối với tất cả chúng sinh được khởi 7 thứ. Bảy thứ này có thượng trung hạ nên lại thành 21 thứ. Như vậy trong mỗi niệm thường đối bên tất cả chúng sinh mà được.

Hỏi: Làm sao xả bỏ được bất thiện luật nghi này?

Đáp: Tùy khi thụ thiện luật nghi là bỏ được, khi chết cũng bỏ.

Lại phát thâm tâm từ nay không còn tái phạm, bấy giờ cũng bỏ.

Có luận sư nói khi nào chuyển căn là bỏ. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì những người ái nam cũng được thành tựu.

Trong Luật Tì-ni cũng nói: Nếu Tì-kheo chuyển căn không mất luật nghi. Nên phải biết không vì chuyển căn mà bỏ được.

Hỏi: Trong ngũ đạo, chúng sinh trong đạo nào thành tựu bất thiện luật nghi?

Đáp: Chỉ đạo làm người thành tựu, không phải các đạo khác. Có người nói sư tử cạp sói v.v... thường sinh sống bằng nghiệp ác cũng phải thành tựu.

Phẩm 112: BẢY THIỆN LUẬT NGHI

Bảy thiện luật nghi là không giết cho đến không nói lời thù dật.

Hỏi: Đối với phi chúng sinh số, có được thiện luật nghi này không?

Đáp: Nhưng cần phải nhân nơi chúng sinh, thiện luật nghi này có 3 thứ là giới luật nghi, thiện luật nghi, và định luật nghi.

Hỏi: Vì sao không gọi vô lậu luật nghi?

Đáp: Vô lậu luật nghi gồm trong 2 thứ sau, nên không nói riêng.

Có luận sư nói: Lại có đoạn luật nghi. Nghĩa là khi lìa cõi Dục được thiện luật nghi. Vì đoạn dứt phá giới v.v... các điều ác nên gọi là đoạn. Mà thật ra tất cả luật nghi đều gồm trong 3 thứ.

Hỏi: Các ngoại đạo được giới luật nghi này không?

Đáp: Được, vì người này cũng nhờ thâm tâm lìa các ác, nên giới sư dạy rằng: Người từ ngày nay không nên khởi giết v.v... các tội.

Hỏi: Các đạo chúng sinh khác có được giới luật nghi này không.

Đáp: Trong kinh nói các loại rồng v.v... cũng có thể thụ giới tu một ngày. Nên biết là có.

Hỏi: Có người nói có những người không đủ nam căn không được giới luật nghi này. Việc ấy thế nào?

Đáp: Giới luật nghi này do tâm mà được sinh. Người ái nam cũng có thiện tâm vì sao không được!

Hỏi: Vậy sao không cho làm Tì-kheo?

Đáp: Vì người này kết sử sâu dày khó mà đắc đạo.

Lại người này không ở trong hàng ngũ Tì-kheo, cũng không thuộc hàng ngũ Tì-kheo-ni, cho nên không cho.

Lại trong đó cũng có ngăn không cho các người khác nữa, như lé mắt v.v.... Người ấy cũng được thiện luật nghi này.

Hỏi: Trong Luật Tì-ni ngăn cấm người nghịch tội, người tặc trú và người làm ô uế Tì-kheo-ni v.v... không cho làm Tì-kheo. Nhưng các người ấy cũng có thiện luật nghi chứ?

Đáp: Những người ấy nếu là người thế gian có thể được thiện luật nghi, như không ngăn những người ấy tu bố thí từ bi các pháp thiện. Như vậy nếu có thế gian giới luật nghi, đâu có lỗi gì. Nhưng vì người ấy bị ác nghiệp làm bản cũng chướng ngại Thánh đạo nữa, cho nên không cho xuất gia.

Hỏi: Là do chúng sinh có thể giết v.v... mà được thiện luật nghi hay là với tất cả chúng sinh mà được?

Đáp: Đều đối với tất cả chúng sinh mà được. Nếu không phải vậy, thì luật nghi có giới hạn, mà có giới hạn là không đầy đủ.

Lại luật nghi ấy có thể tăng giảm. Vậy là cũng đồng với pháp của Ni-kiền tử, nghĩa là trong phạm vi một trăm do-tuần không sát sinh v.v.... Có các lỗi ấy, cho nên luật nghi không có phân biệt. Nếu có người nói: Ta đối với người ấy lia giết, mà người ấy không lia, người ấy không được luật nghi này.

Có luận sư nói: Nếu phân biệt bố thí tu từ tâm v.v... cũng có phúc đức. Giới cũng như vậy, như giữ một giới cũng được phúc một giới. Như vậy đối với một chúng sinh cũng được luật nghi.

Hỏi: Giới luật nghi này có 2 thứ: một là trọn đời, hai là một ngày đêm. Trọn đời như giới Trì-kheo, Ưu-bà-tắc. Một ngày đêm như thụ 8 giới một ngày đêm, việc ấy thế nào?

Đáp: Việc ấy vô định. Hoặc một ngày một đêm, hoặc chỉ một ngày, hoặc chỉ một đêm; hoặc nửa ngày, hoặc nửa đêm. Tùy lúc có thể lãnh thụ được. Xuất gia thì chỉ nên trọn đời. Nếu nói tôi chỉ thụ 1 tháng hay 2 tháng, hoặc chỉ 1 năm thì không gọi là được pháp xuất gia. Năm giới cũng như vậy.

Hỏi: Nếu được thiện luật nghi trở lại phá, có mất luật nghi chăng?

Đáp: Không mất. Chỉ do bất thiện pháp làm bản luật nghi này.

Hỏi: Chỉ đối với chúng sinh hiện tại được giới luật nghi hay là chúng sinh 3 đời được chăng?

Đáp: Đều phải đối với chúng sinh 3 đời được. Như người cúng dường Chư Tôn quá khứ cũng có phúc đức.. Luật nghi cũng như vậy. Cho nên tất cả Chư Phật đồng một giới phẩm. Luật nghi này nhiều vô lượng, như đối với một chúng sinh được khởi 7 thứ, như do thiện căn không tham v.v... mà khởi, cũng do tâm thượng trung hạ mà khởi, nên có nhiều thứ. Như một người, hay tất cả chúng sinh cũng như vậy, trong mỗi niệm thường được, nên có vô lượng.

Hỏi: Giới luật nghi, thời gian bao lâu mới được?

Đáp: Có người thụ giới một ngày, là sơ luật nghi. Ngay ngày thụ giới Ưu-bà-tắc, là luật nghi thứ hai. Ngay ngày xuất gia làm Sa-di, là luật nghi thứ ba. Ngay ngày thụ giới Cụ túc là luật nghi thứ tư. Ngay ngày thiền định, là luật nghi thứ năm. Ngay ngày được Vô sắc định, là luật nghi thứ sáu. Ngay ngày được vô lậu, là luật nghi thứ bảy. Tùy

chỗ được đạo quả lại được luật nghi nữa, mà những luật nghi đã được từ trước không mất. Chỉ thứ nào thắng hơn thì được tên gọi. Như vậy là phúc đức càng tăng thêm, vì giới luật nghi này đối với tất cả chúng sinh trong mỗi niệm thường được. Cho nên nói giới luật nghi một ngày này, 4 kho báu lớn không bằng 1 trong 16 phần. Thiên luật nghi, vô lậu luật nghi tùy tâm hành, mà giới luật nghi không tùy tâm hành.

Hỏi: Có người nói khi nhập định có thiên luật nghi, mà xuất định thì không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Xuất nhập đều thường có. Vì người này thật được pháp không tạo ác, và trái với phá giới, thường không làm ác, thiện tâm càng vượt trội, nên phải thường có.

Hỏi: Như thiên trong cõi Vô sắc, không có pháp phá giới thì lấy gì trái nhau mà gọi là thiện luật nghi?

Đáp: Pháp phải như vậy. Các tiên, thánh đều được thiện luật nghi. Nếu phải lấy trái nhau với phá giới mới có luật nghi, thì chỉ do nên nã hại chúng sinh mới được thiện luật nghi. Có những lỗi như vậy, cho nên không đúng.

Phẩm 113: TÁM GIỚI TRAI

Tám giới trai gọi là Ưu-bà-ta, nhà Tần dịch là thiện túc, là người ấy thiện tâm lìa được phá giới một đêm nên gọi là thiện túc.

Hỏi: Vì sao chỉ nói lìa 8 việc ấy ư?

Đáp: Đây là 8 cửa. Do 8 pháp này lìa tất cả ác. Trong đó có 4 pháp thật ác là uống rượu là cửa của ác; 3 pháp kia là nhân duyên phóng dật. Người này lìa 5 thứ ác là nhân duyên của phúc, lìa 3 thứ kia là nhân duyên của đạo. Người thế gian phần nhiều thiện pháp yếu ớt, chỉ có thể khởi nhân duyên của đạo nhờ 8 pháp này mà thành tựu pháp ngũ thừa.

Hỏi: Tám phần trai giới chỉ nên thụ đầy đủ, hay thụ một phần nào cũng được?

Đáp: Tùy sức có thể giữ. Có người nói pháp này chỉ trai giới một ngày đêm. Điều này không đúng. Tùy thụ giới nhiều ít, hoặc có thể nửa ngày cho đến một tháng, đâu có lỗi chi? Có người nói cần phải theo người khác mà thụ. Đó cũng không nhất định. Nếu khi không người truyền thì chỉ tâm niệm miệng nói: Tôi giữ 8 giới. Giới này có 5 thứ thanh tịnh:

1. Tu 10 thiện đạo
2. Dứt các khổ trước sau
3. Không bị ác tâm nào hại
4. Cần nghĩ nhớ giữ gìn
5. Hồi hướng về Niết-bàn.

Có thể được trai giới như vậy, thì 4 kho báu lớn không bị kíp một phần, phúc báo Thiên Vương cũng không bị kíp. Đế Thích nói kệ, Phật quả rằng nếu người hết lậu tâm mới nên nói kệ này. Kệ rằng:

*Lục trai tháng thần túc,
Vâng tu 8 giới pháp.
Người này được phúc đức,
Thì cùng tôi ngang nhau.*

Nếu ngày trai người nào thụ trai giới thì phúc như Đế Thích. Vì thụ trai pháp này ứng với quả Nê-hoàn, nên những người hết lậu tâm mới nên nói kệ này. Trong phép thụ trai pháp, có bị trôi buộc, gông cùm đều được tháo xả, cũng cắt đứt được tất cả nhân duyên bất thiện, nên gọi là thanh tịnh.

Hỏi: Chuyển Luân Thánh Vương muốn thụ trai pháp này, thì nhờ ai truyền dạy?

Đáp: Đại Đức Thiên Thần từng yết kiến Phật sẽ dạy cho thụ.

Phẩm 114: TÁM THỨ LỜI NÓI

Tám thứ lời nói có 4 thứ bất tịnh 4 thứ tịnh. Bốn thứ bất tịnh là: Nếu người thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, không thấy tự bảo thấy, nhưng hỏi thì nói không thấy, thấy tự bảo không thấy, nhưng hỏi thì nói thấy. Như vậy là sự trái ngược, tâm cũng trái ngược, nên gọi là bất tịnh. Bốn thứ tịnh là: Nếu thấy nói thấy, không thấy nói không thấy, thấy tự bảo không thấy, hỏi thì nói không thấy, không thấy tự bảo thấy, hỏi thì nói thấy. Sự thật, tâm cũng thật, nên gọi là tịnh. Nghe, hiểu, biết, cũng như vậy.

Hỏi: Thấy, nghe, hiểu, biết có sai khác gì không?

Đáp: Có 3 thứ tin: Thấy là tin hiện tại, nghe là tin lời hiền thánh, biết là so sánh biết, hiểu là phân biệt. Là 3 thứ tin tuệ. Ba thứ tuệ này, hoặc đều là thật, hoặc đều là trái ngược. Bậc thượng nhân không khởi bất tịnh, chỉ nói lời tịnh ngữ. Cho nên lời nói của kẻ hạ nhân dùng là bất tịnh. Lời nói của thượng nhân mới gọi là tịnh. Có người nói trong nghĩa này, các người chính trí đều gọi là thượng vì không những chỉ có người đắc đạo mà người phạm phu cũng có tịnh ngữ.

Phẩm 115: Nghiệp

Có 9 thứ nghiệp. Nghiệp buộc cõi Dục có 3 thứ là tạo tác, không tạo tác, không phải tạo tác, không phải không tạo tác. Nghiệp buộc cõi Sắc cũng vậy. Cõi Vô sắc 2 thứ và nghiệp vô lậu.

Nghiệp do thân khẩu gây ra gọi là tạo tác. Bởi tạo tác nên nhóm các tội phúc thường bám theo, đó là pháp tâm bất tương ưng, gọi là không tạo tác. Cũng có không tạo tác chỉ do tâm sinh. Không phải tạo tác không phải không tạo tác; tức là ý. Ý tức là ý nghĩ, ý nghĩ là nghiệp. Cho nên nếu ý tìm cầu thân sau, thì đó gọi là ý nghiệp, cũng gọi là ý nghĩ. Tư duy nghĩ về thân sau nên gọi là nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy thì không có tư duy vô lậu?

Đáp: Nếu cho đó là tư duy, tức là tư duy vô lậu.

Hỏi: Không tạo tác này tuy từ thân sinh, nhưng phải có nhiều ít sai khác chăng?

Đáp: Tất cả thân phần đều khởi tác nghiệp, nhân đó nhóm họp nhiều không tạo tác, được quả báo lớn.

Hỏi: Không tạo tác này ở chỗ nào?

Đáp: Thể của nghiệp đạo quyết định nhóm không tạo tác. Tạo tác hoặc có hoặc không, các thứ khác thì phải đợi tâm. Nếu tâm mạnh thì có, tâm yếu thì không.

Lại không tạo tác này cũng từ nguyện sinh, nếu người phát nguyện: Tôi cần phải bố thí hoặc xây tháp cất chùa. Người ấy quyết định được không tạo tác.

Hỏi: Không tạo tác này thời gian bao lâu mới được, thời gian bao lâu thì mất?

Đáp: Tùy việc làm ra tồn tại, như tạo lập vườn tược tháp chùa v.v... thí tùy vật thí không hư, bấy giờ thường còn.

Lại tùy tâm không dứt, như người phát tâm: Ta phải thường làm điều này. Hoặc hội đồng hoặc cúng áo, những việc như vậy ở nơi tâm không dứt, bấy giờ thường được.

Lại tùy mạng sống chưa qua đời, như người thụ giới xuất gia, bấy giờ thường được.

Hỏi: Có người nói chỉ trong cõi Dục do tạo tác sinh không tạo tác mà trong cõi Sắc thì không có. Việc ấy thế nào?

Đáp: Hai cõi đều có cả. Bởi vì sao? Vì chư thiên ở cõi Sắc cũng có thể thuyết pháp, kính lễ Phật và Tăng. Những người như vậy v.v..., Vì sao không do tác nghiệp sinh vô tác ư?

Lại có người nói ần mắt, vô ký, nên không có không tạo tác. Điều này không đúng. ần mắt, vô ký là phiền não nặng. Phiền não này nhóm họp, gọi là sử, nhưng không ần mắt, vô ký thì không có không tạo tác. Bởi vì sao? Vì tâm ấy mềm yếu, không thể khởi nhóm, như hoa có thể ướp mè chứ không phải cỏ cây v.v.... Có người nói: Vượt lên trên cõi Phạm Thế không có tâm có thể khởi tác nghiệp. Bởi vì sao? Vì có giác quán mới có thể khởi khẩu nghiệp, kia không có giác quán, chỉ dùng tâm Phạm Thế có thể khởi khẩu nghiệp. Điều này không đúng. Chúng sinh tùy nghiệp thụ thân, nếu được sinh lên bậc trên, thì không được dùng báo trong cõi Phạm Thế. Cho nên biết dùng tâm từ cõi mình có thể khởi khẩu nghiệp.

Lại ông nói kia không giác quán, ra sau sẽ nói có.

Hỏi: Thánh nhân đoạn các kết chưa hết có thể khởi tác nghiệp không?

Đáp: Thánh nhân không thể khởi nghiệp thật tội.

Hỏi: Âm thanh chúng sinh như tiếng chó sủa v.v... có phải khẩu nghiệp chăng?

Đáp: Tùy không có ngôn từ sai biệt, nhưng vì do tâm khởi nên cũng gọi là nghiệp.

Lại như hiện tướng hoặc hiệu lệnh, hoặc tiếng đàn sáo v.v..., đều gọi khẩu nghiệp. Nghiệp thân khẩu này cần có ý thức mới có thể khởi, chứ không phải các thức khác. Cho nên người có tự thấy thân nghiệp, tự nghe khẩu nghiệp, dùng ý thức sinh khởi nghiệp, nối nhau không dứt nên tự thấy nghe.

Phẩm 116: MƯỜI CON ĐƯỜNG BÁT THIỆN

Trong kinh Phật nói 10 con đường bất thiện là sát sinh v.v.... Năm ấm hòa hợp gọi là chúng sinh. Dứt mạng sống này là sát sinh.

Hỏi: Nếu 5 âm ấy thường diệt trong từng mỗi niệm thì lấy gì mà sát?

Đáp: Năm âm tuy mỗi niệm diệt mà lại nối nhau sinh. Cắt đứt sự nối nhau gọi là sát sinh.

Lại vì người ấy có cố tâm sát, nên bị tội sát.

Hỏi: Vì dứt 5 âm hiện tại mà gọi là sát hay sao?

Đáp: Trong 5 âm nối nhau có tên chúng sinh. Vì hoại sự nối nhau này nên gọi sát sinh, chứ không bởi trong mỗi niệm diệt có tên chúng sinh.

Hỏi: Có người dựa theo cựu pháp của quan mà sát hại chúng sinh, hoặc vì sức mạnh ép bức sát chúng sinh, tự bảo không có tội. Việc ấy thế nào?

Đáp: Lẽ ra cũng bị tội. Bởi vì sao? Vì người ấy đầy đủ nhân duyên sát tội. Do 4 duyên bị tội sát sinh: 1. Có chúng sinh. 2. Biết là chúng sinh. 3. Có tâm muốn sát. 4. Dứt mạng sống của nó. Người ấy đủ 4 nhân này làm sao mà không tội?

Gọi là trộm, là nếu vật ấy thật thuộc của người ấy mà cướp trộm đấy gọi là trộm. Trong đó cũng có 4 thứ nhân duyên: 1. Là vật thật thuộc người khác. 2. Biết là thuộc người khác. 3. Có tâm cướp trộm. 4. Cướp trộm lấy xong.

Hỏi: Có người nói của vật ẩn tàng là thuộc của vua, nếu lấy vật ấy thì đắc tội với vua. Việc ấy thế nào?

Đáp: Bất luận vật gì trong đất, chỉ vật trên mặt đất thuộc của vua. Bởi vì sao? Vì như Cấp-cô-độc chẳng hạn, là Thánh nhân mà cũng lấy vật ấy, nên biết không tội.

Lại như tự nhiên được của không gọi trộm cướp.

Hỏi: Nếu tất cả muôn vật đều là cộng nghiệp sinh, thì trộm cướp vì sao bị tội?

Đáp: Tuy do nhân cọng nghiệp sinh, nhưng nhân có mạnh yếu, nếu người có sức nghiệp nhân mạnh, lại siêng có thể gia công thì vật ấy mới thuộc quyền sở hữu.

Hỏi: Nếu người cướp lấy ruộng đất nhà cửa đồ vật v.v... của tháp, chùa, chúng Tăng thì đắc tội với ai?

Đáp: Tuy Phật và Tăng đối với vật không có tâm cho là của mình, nhưng cũng đắc tội, vì vật này nhất định thuộc Phật Tăng. Trong đó sinh ác tâm hoặc cướp hoặc trộm, cho nên đắc tội.

Gọi tà dâm, là nếu hành dâm với người không phải vợ mình thì gọi là tà dâm.

Lại tuy là vợ mà hành dâm chỗ phi đạo cũng gọi là tà dâm.

Lại tất cả nữ nhân đều có người giám hộ, như cha mẹ, anh em, chồng, con cái v.v....Nữ nhân xuất gia được vua v.v... làm giám hộ.

Hỏi: Hành dâm với gái giang hồ là người không phải vợ, có phải tà dâm không?

Đáp: Là vợ thời gian ngắn. Như trong Luật Tì-ni có nói: Đó là vợ một thời gian ngắn, cho đến lấy một sợi tóc ngắn.

Hỏi: Nếu gái không chồng, tự đến cầu xin làm vợ, việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu thật không chồng mà đối trước công chúng đúng như pháp đến cầu, thì không gọi tà dâm.

Hỏi: Nếu người xuất gia lấy vợ miễn tà dâm chăng?

Đáp: Không miễn được. Bởi vì sao? Vì không có pháp này. Pháp người xuất gia là thường lia dâm dục. Nhưng tội nhẹ hơn phạm vợ người khác.

Vọng ngữ là, nếu thân khẩu ý dối gạt chúng sinh khác, khiến hiểu sai lạc, gọi là vọng ngữ. Phật vì trọng tội nên nói trong chúng

định hỏi là vọng ngữ. Cho đến khi một người hỏi cũng gọi vọng ngữ, đâu cần phải nhiều người.

Lại tùy chỗ muốn dối gạt người thì đắc tội với người đó. Nếu ai bảo với người khác rằng tôi đã nói với người nào đó việc như vậy. Việc tuy không thật mà không gọi là vọng ngữ.

Lại vọng ngữ tùy theo ý tưởng. Nếu thấy tướng không thấy, hỏi thì nói không thấy, là không bị tội vọng ngữ. Như trong Luật Tì-ni đã nói.

Hỏi: Nếu người, việc điên đảo không thấy nói thấy, Vì sao không phải vọng ngữ?

Đáp: Tất cả tội phúc đều do tâm sinh. Người ấy với việc không thấy mà sinh tưởng thấy, cho nên không tội. Như với thật chúng sinh tưởng không chúng sinh, trong phi chúng sinh tưởng chúng sinh, thì không bị tội sát.

Hỏi: Như thật có chúng sinh, sinh tưởng chúng sinh mới bị tội sát. Như vậy nếu thấy sinh thấy tướng, thì phải không tội, không phải không thấy thấy tướng mà được không tội?

Đáp: Sinh tội là do tâm, do chúng sinh. Cho nên tuy có chúng sinh mà tưởng không chúng sinh thì không bị tội, vì vô tâm. Nếu không chúng sinh mà tưởng có chúng sinh, vì chúng sinh không nên cũng không bị tội. Nếu có chúng sinh tưởng có chúng sinh, vì đã đủ nhân duyên nên mới bị tội sát sinh. Nếu trong việc thấy sinh tưởng không thấy, hỏi thì nói không thấy; người ấy nghĩ tưởng không điên đảo, nên không dối chúng sinh, tuy là việc điên đảo, nhưng cũng gọi là thật. Nếu trong việc không thấy mà sinh tưởng thấy, hỏi thì nói không thấy, người ấy tưởng điên đảo dối gạt chúng sinh; việc tuy không điên đảo, nhưng cũng gọi vọng ngữ.

Đâm thọc, là nếu người muốn chia rẽ người khác nên khởi khẩu nghiệp, gọi là đâm thọc. Nếu không cố tâm chia rẽ, mà người kia

nghe tự hoại, thì không đắc tội. Nếu đem thiện tâm giáo hóa khiến lia người ác, tuy là chia lia, nhưng cũng không đắc tội. Nếu không bởi kết sử trực tâm tuy là miệng nói cũng không đắc tội.

Ác khẩu, là nếu người đem lời khó nghe mà không có lợi ích chỉ muốn não hại người khác, gọi là ác khẩu. Nếu vì lòng thương xót muốn làm lợi ích, nên phải dùng lời khó nghe, thì không có tội. Như vô sự mà gia hại thì có tội. Y theo phương pháp châm cứu chữa bệnh, tuy làm đau đớn mà không phải tội. Khổ ngôn cũng vậy, Chư Phật, hiền thánh cũng vì việc ấy, nên như nói: Ông là người ngu si! v.v....

Lại nếu không kết sử trực tâm, tuy là khổ ngôn mà không gọi là tội, như người ly dục v.v.... Nếu vì thiện tâm, trong khổ ngôn mà khởi phiền não là lập tức đắc tội.

Lời thù dật, là nếu không phải thật, ngữ nghĩa bất chính, gọi là lời thù dật.

Lại tuy là thật ngữ vì phi thời, nên cũng gọi là lời thù dật.

Lại tuy thật và phải thời, vì tùy thuận suy não không lợi ích, nên cũng gọi là lời thù dật.

Lại tuy lời thật và phải thời, cũng có lợi ích, nhưng vì nói nghĩa lý không đầu đuôi, không thứ tự, nên cũng gọi là lời thù dật.

Lại vì si v.v... các phiền não tán tâm mà nói, gọi là lời thù dật. Thân ý bất chính cũng gọi nghiệp nói thù dật. Chỉ đa phần do miệng nói, cũng tùy thế tục mà nói, nên gọi là lời thù dật. Còn 3 khẩu nghiệp kia lời thù dật đều xen lẫn không thể rời nhau. Nếu vọng ngữ mà không khổ ngôn, cũng không chia lia thì có 2 thứ là vọng ngữ và thù dật. Nếu là vọng ngữ cũng muốn chia rẽ, mà không khổ ngôn thì có 3 thứ là vọng ngữ, đâm thọc và thù dật. Nếu vọng ngữ, khổ ngôn, không muốn chia lia, thì đủ 4 thứ. Nếu không vọng ngữ, khổ ngôn, cũng không chia lia, nhưng là lời phi thời, lời vô ích, lời vô nghĩa,

thì chỉ là lời thêu dệt. Lời thêu dệt này vì tế khó lia bỏ, chỉ Chư Phật mới có thể dứt tận gốc. Cho nên chỉ có Chư Phật độc xưng Thế Tôn, vì nói là tin thụ, kỳ dư không ai sánh kịp được.

Hỏi: Đã nói 7 thứ nghiệp đạo, cần gì lại nói 3 ý nghiệp?

Đáp: Có người bảo tội phúc chỉ cần do thân khẩu, chứ không phải do tâm. Cho nên mới nói tâm cũng là nghiệp đạo.

Lại 3 thứ này ý nghiệp có sức mạnh, nên thân khẩu mới khởi ác nghiệp. Ba thứ này tuy đều quan trọng, nhưng vì ý nghiệp vì tế nên phải nói ở sau. Mặc dù tất cả phiền não có thể khởi ác nghiệp, mà chỉ 3 thứ này làm não hại chúng sinh nhiều hơn, nên mới gọi là nghiệp đạo bất thiện. Nếu lòng tham ở mức trung, hạ không gọi là nghiệp đạo. Lòng tham này tăng thượng sâu đắm của người khác khi có phương tiện muốn não hại là có thể khởi nghiệp thân khẩu, cho nên lấy tham lam tật đố làm nghiệp đạo. Giận si cũng vậy.

Lại nếu nói si tức đã nói tất cả phiền não. Trong đây chỉ vì có thể khởi nghiệp thân khẩu xâm hại chúng sinh nên nói 3 thứ.

Hỏi: Vì sao gọi si là tà kiến?

Đáp: Si có nhiều thứ sai khác. Bởi vì sao? Vì không phải tất cả si đều là bất thiện. Nếu si tăng thượng trở thành tà kiến, thì gọi nghiệp đạo bất thiện. Tất cả bất thiện đều do 3 cửa này: Như người vì tài lợi nên khởi nghiệp bất thiện. Như vì tiền bạc tàn sát chúng sinh. Hoặc vì sân nên sát như giết oán tặc. Hoặc không vì tài lợi, cũng không giận dữ, chỉ vì sức si không biết tốt xấu nên giết chúng sinh.

Hỏi: Trong kinh nói nhân duyên ác đạo có 4 thứ hành: Do tham, do giận, do sợ sệt và do si nên đọa các ác đạo. Nay trong đây Vì sao không nói do sợ sệt khởi ác nghiệp?

Đáp: Sợ là gồm trong si. Nếu nói do sợ tức là do si. Bởi vì sao? Vì người trí cho đến gặp phải nhân duyên mất mạng vẫn không khởi

ác nghiệp. Lại điều này trước đã đáp. Nghĩa là phiền não tăng trưởng có thể khởi nghiệp thân khẩu, bây giờ gọi bất thiện đạo. Vì 3 thứ này phần nhiều khởi bất thiện.

Hỏi: Vì sao gọi là nghiệp đạo?

Đáp: Ý tức là nghiệp; đi ở trong đó nên gọi là nghiệp đạo. Trước đi trong 3 thứ sau, sau đi trong 7 thứ trước. Trong 3 nghiệp là đạo, chứ không phải nghiệp, 7 nghiệp vừa là nghiệp vừa là đạo.

Hỏi: Cũng có roi, gậy và uống rượu v.v... các nghiệp bất thiện, Vì sao chỉ nói 10 thứ ấy?

Đáp: Mười tội này nặng nên nói.

Lại roi, gậy v.v... đều là quyền thuộc trước sau. Uống rượu không phải thật tội cũng không làm hại người khác, dù cho có hại người khác đi nữa cũng không phải chỉ rượu.

Hỏi: Bất thiện đạo này là ở chỗ nào?

Đáp: Đều ở trong 5 đạo. Chỉ Uất-đan-việt không tà dâm do 3 việc khởi bởi tham dục mà thành, ngoài ra 3 việc khởi cũng bởi 3 việc thành.

Hỏi: Thánh nhân có thể khởi bất thiện nghiệp chăng?

Đáp: Cũng khởi ý bất thiện nghiệp, chứ không khởi thân khẩu.

Lại trong ý nghiệp cũng chỉ khởi tâm sân chứ không khởi tâm sát.

Hỏi: Trong kinh nói học nhân cũng rửa người nói diệt khiến người đoạn chủng. Việc ấy thế nào?

Đáp: Cũng có kinh nói A-la-hán rửa. Là người lậu tận, dứt gốc phiền não còn không khởi tâm, huống nữa là rửa. Nói học nhân rửa cũng như vậy.

Lại Thánh nhân đối với nghiệp bất thiện được bất tác luật nghi, thì làm sao còn tác bất thiện?

Lại Thánh nhân này không đọa ác đạo, nếu có thể khởi bất thiện, thì cũng phải đọa.

Hỏi: Nếu các Thánh nhân đời nay không gây nghiệp bất thiện, nên không đọa ác đạo, chứ trong đời quá khứ có nghiệp bất thiện Vì sao không đọa?

Đáp: Tâm Thánh nhân này khi trí trung thật sinh, các ác đạo nghiệp đều bị yếu ớt, như hạt giống hư, không còn mọc được.

Lại 3 độc có 2 thứ: Thứ có thể gây ác đạo, thứ không có thể gây, Thánh nhân đã dứt hết. Vì nghiệp phiền não, nên được thụ thân, Thánh nhân tuy có các nghiệp phiền não mà không đầy đủ, cho nên không đọa.

Lại người này nương đại thể lực, như Tam Bảo có thể tiêu trừ đại ác, như người nương vua, chủ nợ không dám quấy rầy.

Lại người này trí tuệ sáng suốt linh lợi có thể tiêu ác nghiệp, như nhiệt lực trong người thịnh nên có thể tiêu thứ ăn khó tiêu.

Lại người này có nhiều phương tiện: hoặc niệm chư Phật, hoặc niệm từ bi các nghiệp thiện, nên được thoát khỏi các ác, như gian tặc nhiều phương kế, nương các chỗ hiểm nạn thì không thể làm gì được.

Lại Thánh nhân này đã biết được đạo giải thoát, như con bò chúa đi, như chim nương hư không.

Lại vì thời gian dài lâu tu tập các pháp thiện, nên không đọa ác đạo. Như trong kinh nói: Nếu người thường tu thân giới tâm tuệ, thì quả báo địa ngục có thể hiện chịu nhẹ.

Lại như kệ nói:

*Tu tâm từ bi,
Vô lượng vô ngại.
Có các nghiệp nặng,
Sẽ không đến thân.*

Lại Thánh nhân này tâm bất thiện nghiệp không thể bền chắc, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng.

Lại Thánh nhân này nghiệp thiện sâu xa, như rễ cây hoàn-thù-la.

Lại Thánh nhân này nhiều thiện ít ác. Ác ít mà ở trong thiện nhiều thì không có sức mạnh, như bỏ xuống sông Hằng một lượng muối, không thể làm hoại vị nước được.

Lại Thánh nhân này giàu của tìn v.v... Như người nghèo cùng vì một đồng tiền mà bị tội, người giàu có tuy là trăm ngàn cũng không đắc tội.

Lại vì vào Thánh đạo nên được cao quý, như người tôn quý tuy bị tội mà không vào lao ngục.

Lại như cọp sói chó dê, lớn nhỏ giành nhau, con lớn đắc thắng.

Lại Thánh nhân này tâm ngụ nơi Thánh đạo, các tội ác đạo không thể hại được, như vua ngủ nhà trống, những người khác không thể vào được.

Lại Thánh nhân này đi chỗ tự đi, tội nghiệp ác đạo không làm gì được, như thí dụ chim ưng.

Lại Thánh nhân tâm buộc 4 niệm xứ, nên nghiệp các ác đạo không làm gì được, như bình tròn đã đặt vào cái đế.

Lại đủ 2 thứ kết mới vào ác đạo theo nghiệp chịu báo, Thánh nhân dứt được một thứ, nên không đọa ác đạo.

Lại người này thường hưởng quả báo nghiệp thiện, nên các nghiệp ác đạo không làm gì được.

Lại như trong Phẩm 6 nghiệp trước đã nói nghiệp tướng địa ngục. Thánh nhân không nhân duyên không đọa ác đạo.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 9

Phẩm 117: MƯỜI THIÊN ĐẠO

Mười thiện nghiệp đạo, là lia sát cho đến chính kiến là 10 điều nghiệp thuộc vào trong giới luật nghi. Một thời được nghiệp thuộc về thiên Vô sắc luật nghi, và một thời được lia gọi là thiện nghiệp đạo, tức là vô tác.

Hỏi: Các phúc như lễ kính, bố thí v.v... là thiện nghiệp đạo, sao chỉ nói lia là nghiệp đạo?

Đáp: Vì lia là hơn, nên 10 thứ nghiệp này đối với thí v.v... là hơn. Bởi vì sao? Vì bố thí v.v... được phúc báo không bằng trì giới. Như đến khi con người chỉ còn 10 tuổi, nhờ nhân duyên lia giết mà thọ mạng được tăng lên.

Lại 10 nghiệp bất thiện là thật tội, nên lia được gọi là thật phúc.

Lại 3 thứ thiện nghiệp sau là gốc các thiện, cho nên các thiện bố thí v.v... đều gồm trong nghiệp đạo.

Lại nghiệp đạo này có lia roi gậy v.v..., vì trước sau hợp nói, nên tất cả các thiện đều thuộc vào trong ấy.

Phẩm 118: TỘI LỖI

Hỏi: Nghiệp bất thiện có những tội lỗi gì?

Đáp: Do nghiệp bất thiện nên chịu các khổ địa ngục. Như trong kinh nói: Vì nhân duyên sát sinh nên đọa địa ngục. Nếu được sinh trong loài người, thì chịu quả báo chết yểu. Như vậy cho đến tà kiến.

Lại vì nhân duyên nghiệp bất thiện, nên chịu khổ não lâu, như địa ngục A-tì trải vô lượng tuổi mà thọ mạng không hết.

Lại chúng sinh có tất cả các điều ác bại hoại suy não, đều bởi nghiệp bất thiện.

Lại chưa từng thấy bất thiện mà có lợi ích lớn, như những người hàng thịt, thợ săn v.v..., không bao giờ nhờ nghiệp ấy mà được tôn quý. Hoặc ý ông bảo: Nhờ nhân duyên phá giặc mà được giàu sang. Điều này trong phẩm Ba nghiệp ở trước đã giải đáp.

Lại người làm việc bất thiện, bị quả trách và các phân khổ não.

Lại khiến người khác phải ra làm việc ác, gọi là hung bạo. Cho nên cần phải lìa nghiệp bất thiện này.

Lại trong kinh nói giết có 5 lỗi: Người không tin dùng, bị mang tiếng ác, xa thiện gần ác, khi chết sinh hồi, sau đọa ác đạo.

Lại nhân duyên sát sinh, vui ít khổ nhiều.

Lại làm nghiệp bất thiện, nhiễm ô tâm con người, chất chứa lâu đời khó mà chữa được.

Lại người làm điều bất thiện, từ chỗ tối vào chỗ tối lưu chuyển trong tam đồ vĩnh viễn không ngày ra khỏi.

Lại người làm bất thiện, uống một đời người, như vào núi Tuyết tìm thuốc mà hái phải cỏ độc, thật là rất ngu.

Như vậy nhờ 10 thiện đạo này mới được làm thân người, có điều là không làm thiện đã là một lỗi lớn, hưởng chi còn khởi ác nghiệp!

Lại người làm bất thiện tuy tự yêu thân mà thật không tự yêu được; tuy tự hộ thân mà thật không phải tự hộ. Vì nhân duyên khởi nghiệp mà tự nào hại.

Lại người này thụ thân giống như người oán tặc tự làm khổ vậy.

Lại nếu làm bất thiện là mình gây giặc cho bản thân, hưởng chi người khác ư?

Lại làm nghiệp bất thiện, nay tuy không hiện quả báo mà đã mắc phải. Cho nên tuy ít cũng không thể không tin. Như chất độc tuy ít có thể hại người; như nợ tuy ít dần dần sinh lợi tức.

Lại làm ác với người, người thường không quên. Cho nên gây nghiệp tuy lâu xa mà không thể không tin.

Lại người làm bất thiện gọi là mất vui, nghĩa là vì làm bất thiện nên mất quả vui người trời. Không vui điều đáng vui là người ngu lắm vậy.

Lại người làm bất thiện là bị khổ dữ dội đáng thương. Hiện tâm bị ăn năn các khổ, sau chịu khổ nơi ác đạo.

Lại quả báo của nghiệp bất thiện dù bay lên hư không, hay lặn dưới biển cũng không chỗ trốn thoát được, như cây giáo vàng truy đuổi theo Phật.

Lại tất cả nghiệp bất thiện đều do si khởi, cho nên người có trí không nên tùy theo.

Lại trong kinh nói: Phóng túng như người oán, có thể hại các pháp thiện, nên không đáng theo.

Lại nghiệp bất thiện, Chư Phật, Bồ-tát các Thánh hiền ứng chân, thần tiên có 5 thần thông và những người rõ thấu tội phúc không ai không quả trách, cho nên không nên tạo.

Lại hiện thấy người ác tâm mạnh mẽ thì ý chí mờ tối rối loạn buồn bực khổ đau, nên sắc mặt biến khác, người không muốn thấy, hướng là khởi nghiệp thân khẩu. Vì các duyên do này, nên biết nghiệp bất thiện có tội lỗi nhiều vô lượng.

Phẩm 119: BA NGHIỆP NẶNG

Trong 3 nghiệp, nghiệp nào nặng hơn: thân nghiệp, khẩu nghiệp, hay ý nghiệp?

Hỏi: Có người nói 2 nghiệp thân khẩu nặng, chứ không phải ý nghiệp. Bởi vì sao? Vì nghiệp thân khẩu định thật. Như tội ngũ nghịch đều bởi thân khẩu gây nên.

Lại thân khẩu có thể thành xong việc, như người sinh lòng muốn giết chúng sinh này, cần đem thân khẩu có thể hoàn thành việc ấy, không phải chỉ ý nghiệp gây được tội sát sinh. Cũng không phải chỉ phát tâm xây chùa tháp mà được phúc đức.

Lại nếu không có thân khẩu, chỉ ý nghiệp thì không quả báo, như người phát tâm rằng ta phải bố thí, mà thật không bố thí, thì không có thí phúc.

Lại không chỉ tùy nghiệp mà việc được thành xong, như người phát nghiệp mở hội Đại thí, mà thật không thí, thì không hội phúc. Nếu tâm nghiệp lớn thì phải được thí phúc, vậy thì nghiệp báo lộn xộn.

Lại trong Luật Tì-ni, ý không phạm tội. Nếu ý nghiệp là trọng đại vì sao không phạm?

Lại nếu phát tâm liền được phúc, thì phúc dễ được, vì sao hành giả bỏ nghiệp dễ này mà tu thí v.v... là những hạnh nghiệp khó tu ư?

Lại nếu như vậy, thì phúc vô tận, như người chỉ phát tâm sông hoàn toàn không đâu thì chỗ dùng làm sao cho hết được? Vì tài vật có hạn nên phúc mới có thể hết.

Lại không chỉ phát tâm mà có thể làm tổn hại hay lợi ích cho người khác. Như chúng sinh đói khát cần phải cơm nước, chứ đâu phải tâm nghiệp có thể trừ được đói khát.

Lại người đời rất quan trọng việc suy tổn hay lợi ích, vì tâm nhẹ nhàng mau lẹ khó chế phục, nên không điều ác nào không khởi, thì mình chịu việc suy tổn nặng nề. Nếu phát thiện tâm muốn gây phúc nghiệp, thì mình được lợi lớn, vậy là quá lắm.

Lại nếu ý nghiệp lớn phát tâm muốn sát sinh thì đọa địa ngục. Như vậy tuy lâu tụ tập giới v.v... đâu có ích gì!

Lại tu trì giới v.v... các công đức thiện không có an ổn. Bởi vì sao? Vì chỉ một khi phát tâm liền bị tội.

Lại trong kinh nói: Nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước. Vì dứt phiền não thô nên tâm được định.

Lại nếu phát tâm làm tâm rồi, liền phải phạm giới. Nếu phát tâm mà không gọi là tâm, thì lìa tâm này lại có pháp gì gọi là tâm ư?

Lại có bao nhiêu sinh khởi tác nghiệp đều do thân khẩu, không phải do ý nghiệp, như đối gạt người khác ắt do khẩu nghiệp mới bị tội vọng ngữ.

Lại như trước đã nói đủ 4 thứ nhân duyên mới bị tội sát sinh là: có chúng sinh, có tâm tưởng chúng sinh, có tâm muốn sát, dứt mạng sống nó. Do 4 việc thành tội, nên phải biết không do ý nghiệp là trọng.

Lại như Phật nói: Như đứa trẻ nhỏ tập lòng từ từ nhỏ, có thể khởi ác nghiệp, nghĩ ác nghiệp ư? Cho nên biết chỉ là thân khẩu nghiệp ác, chứ không phải ý nghiệp?

Đáp: Ông nói nghiệp thân khẩu nặng, không phải nghiệp ý, điều này không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Tâm là gốc các pháp. Tâm cao tốt, tâm dẫn đường, tâm nghĩ thiện ác. Tức nói tức làm. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng.

Lại ý có sai biệt nên nghiệp thân khẩu mới có sai biệt, như thượng, trung, hạ v.v... Là tâm không có thân khẩu nghiệp.

Lại trong kinh nói: Cho nên khởi tác nghiệp ắt phải chịu báo.

Lại nói 7 thứ tịnh phúc, có 3 thứ chỉ dùng ý nghiệp. Bảy tịnh phúc này, với tài phúc của là hơn.

Lại lòng từ là ý nghiệp, nên kinh nói từ tâm được quả báo lớn. Như kinh nói: Xưa, ta lên 7 tuổi, nhờ tu tập tâm từ nên ở trong 7 đại kiếp, không trở lại thế gian này. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng. Vì quan trọng mới có thể che khắp tất cả vậy giới.

Lại ý nghiệp là trọng, như quả báo ý nghiệp nên sống lâu được 8 vạn đại kiếp.

Lại thế lực của ý nghiệp thắng hơn thân khẩu nghiệp, như người tu thiện khi mạng sắp chết sinh lòng tà kiến, thì đọa địa ngục. Người làm bất thiện khi sắp chết khởi tâm chính kiến, thì sinh lên trời. Nên phải biết ý nghiệp là quan trọng.

Lại trong kinh nói: Trong các tội, tà kiến là nặng nhất.

Lại nói: Nếu người được thế gian thượng chính kiến, tuy qua lại trong sinh tử cho đến trăm ngàn năm hoàn toàn không đọa ác đạo.

Lại sức của ý nghiệp vượt trội hơn thân khẩu nghiệp. Như trong Kinh Hòa Lợi nói: Ngoại đạo thần tiên một khi nổi giận, liền diệt nước Na-la-vu-đà. Như Đản-đặc v.v... các chỗ hiểm nạn đều do người tiên nổi giận gây nên.

Lại ý nghiệp có thể mau được quả báo, như trong kinh nói: Nếu người này nay chết lập tức vào địa ngục, lập tức sinh lên trời, như cây giáo mau lẹ là khỏi tay.

Lại ý nghiệp này chứa nhóm pháp như bản cho đến đọa vào địa ngục A-tì, chứa nhóm pháp thiện cho đến được Nê-hoàn.

Lại tâm có quả báo nên thân khẩu mới có quả báo, vì nghiệp không cố ý không có quả báo.

Lại không lia ý nghiệp mà có báo nghiệp thân khẩu, nếu ý nương nơi thân khẩu làm thiện hay bất thiện, gọi là thân khẩu nghiệp. Lia thân khẩu nghiệp, thì ý nghiệp có quả báo; mà lia ý nghiệp thân khẩu không quả báo. Cho nên biết ý nghiệp là quan trọng, chứ không phải thân khẩu nghiệp.

Tuy ông nói thân khẩu nghiệp là định thật, như tội ngũ nghịch đều do thân khẩu gây nên, cho nên gọi là nặng. Điều này không đúng. Vì nghĩ nặng, sự nặng nên nghiệp mới nặng, không phải thân khẩu nặng nên nặng.

Lại vì tâm quyết định nên nghiệp mới định thật, như chỉ dùng tâm lực vào ngôi vị chính pháp, cũng vì tâm lực có thể đủ nghịch tội. Nếu người vô tâm dù giết phải cha mẹ cũng không bị nghịch tội. Nên biết thân khẩu là không có sức.

Ông nói thân khẩu có thể làm xong việc. Điều đó cũng không đúng. Vì việc rồi gọi là xong. Như cướp mạng sống người khác rồi, mới bị tội sát sinh, không phải khi khởi nghiệp thân khẩu. Khi xong việc còn phải cần dùng đến tâm lực nữa, cho nên không phải thân khẩu.

Ông nói chỉ phát tâm suông không quả báo. Điều này không đúng. Như trong kinh nói: Phát tâm mạnh nên lập tức sinh lên trời, lập tức vào địa ngục. Sao nói ý nghiệp không quả báo ư?

Ông nói không chỉ nhờ nguyện có thể thành sự. Điều đó cũng không đúng. Vì có người phát thiện tâm sâu, được phúc thắng hơn đại thí hội.

Ông nói ý không phạm tội, Điều đó cũng không đúng. Nếu phát ác tâm tức thì bị tội. Như Phật nói có 3 thứ tội là thân, khẩu, ý. Nên biết chỉ phát ác tâm không được vô tội. Có điều là không kết giới vì

khó hành trì. Thô tội trì giới có thể ngăn được. Tê tội thì thiên định v.v... mới trừ được.

Ông nói tội phúc dễ. Điều này không đúng. Bởi người tâm lực yếu nên bỏ việc dễ, làm việc khó. Như từ tâm v.v... được phúc rất nhiều, không phải bố thí được như vậy. Chỉ vì chúng sinh trí lực yếu ớt không thể tu ý nghiệp từ bi v.v.. , nên mới tu bố thí v.v..., đem các thứ hương hoa và dụng cụ cúng dường, vì tịnh tâm khó được.

Ông nói phúc vô tận. Cũng lấy đây mà đáp. Người này nếu có trí lực thì có thể được pháp thiện vô tận.

Ông nói ý nghiệp không làm tổn ích. Điều này không đúng. Vì thân khẩu nghiệp đều do ý nghiệp dẫn đường nên không gọi là thắng. Vì tùy theo sức tự khởi được mới gọi là thắng.

Lại các điều lợi ích đều do tu từ tâm. Sở dĩ vì sao? Vì sức tu hành từ bi nên được mưa thuận gió hòa trăm thứ lúa được thành thực. Như thời đại kiếp sơ, gạo thóc tự sinh. Đến khi con người thọ chỉ còn 10 tuổi thì những điều ấy đều mất hết, làm sao nói từ tâm không lợi ích ư?

Lại người tu tâm từ, có thể trừ hết tất cả gốc nghiệp bất thiện. Vì nghiệp bất thiện có các điều suy não, làm sao nói tu tâm từ không có lợi ích lớn? Nếu tất cả chúng sinh tu tâm từ thì đều sinh chỗ thiện, tất cả thụ dụng tự nhiên mà có, không cần gia công. Cho nên biết phúc của từ là sâu dày hơn hết.

Lại, hoặc có khi vì từ tâm bố thí lợi ích chúng sinh, hoặc chỉ do từ tâm mà lợi ích.

Lại người tu từ tâm, nếu chúng sinh chạm đến thân phần, hoặc vào trong bóng của thân đều được an vui. Nên phải biết phúc của từ tâm thắng hơn phúc đức của bố thí.

Ông nói suy lợi rất lắm. Trước đã đáp việc ấy rồi nghĩa là dùng sức của ý làm tổn hại hoặc lợi ích chúng sinh, cho nên biết ý nghiệp là quan trọng.

Ông nói thời gian lâu tụ tập giới v.v... không có ích gì. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì ý tịnh nên trì giới mới tịnh. Nếu ý bất tịnh, giới cũng bất tịnh như trong Kinh Thất Chung Dâm nói.

Lại giới thanh tịnh được quả báo lớn, như trong kinh nói người trì giới được sở nguyện tùy ý, là vì giới tịnh vậy.

Lại nếu thanh tịnh trì giới, thì tâm được yên ổn, chứ không phải pháp nào khác.

Ông nói nghiệp thân khẩu thô nên dứt trước. Điều này không đúng. Vì thiện vi tế mới được quả báo lớn, như ý nghĩ trong thiên định.

Ông nói nếu phát dâm tâm liền bị phá giới. Điều này không đúng. Nếu người ý nghiệp không tịnh thì giới cũng không tịnh.

Lại được tội phúc khác, phép kết giới khác.

Ông nói khởi ra tác nghiệp là do thân khẩu. Điều này đã giải đáp chung rồi. Nghĩa là thân khẩu nghiệp pháp khác, ý nghiệp pháp khác. Nghiệp thân khẩu cần do tác thành, như do 4 nhân duyên thành tội sát sinh, không lìa tâm nghiệp.

Lại thế gian chúng sinh cho nghiệp thân khẩu là ác, mà ý nghiệp không như vậy.

Lại ý nghiệp không gia hại với người, cũng không thể được là có.

Lại trước đã nói tướng tội phúc vì bởi tướng này nên chỉ ý nghiệp là quan trọng chứ không phải thân khẩu.

Phẩm 120: NÓI RÕ NGHIỆP NHÂN

Luận giả nói: Đã lược nói các nghiệp. Nghiệp là nhân duyên thụ thân. Thân là bản tính khổ nên phải diệt trừ. Muốn diệt thân này phải dứt nghiệp nhân, vì nhân diệt nên quả cũng diệt, như nhân hình có bóng, hình diệt thì bóng diệt. Cho nên, nếu muốn diệt khổ phải siêng năng tinh tiến dứt nghiệp nhân này.

Hỏi: Do nghiệp thụ thân, điều này cần hiểu rõ. Bởi vì sao? Hoặc có người nói: Thân do Bà-la-già-đề sinh, có người nói do trời Tự Tại sinh, hoặc nói do Đại nhân sinh, hoặc nói do tự nhiên sinh. Cho nên phải nói lý do vì sao biết do nghiệp sinh?

Đáp: Điều này đã dùng nhiều thứ nhân duyên phá rồi. Phải biết do nghiệp thụ thân.

Lại muôn vật có nhiều thứ tạp loại, nên biết nhân cũng sai khác, như thấy lúa bắp v.v... khác, biết giống không đồng, thì trời Tự Tại vì không sai khác, nên phải biết không phải nhân. Nghiệp vì có vô lượng sai khác, nên mới thụ nhiều thứ thân khác nhau.

Lại các người thiện đều tin bởi nghiệp nên thụ thân. Bởi vì sao? Vì những người này thường tu các pháp thiện như thí, giới, nhẫn v.v..., lìa các pháp bất thiện như sát sinh v.v... Nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại nếu bởi nghiệp thụ thân thì là có thể trở lại được chân trí, dứt tà trí. Vì tà trí dứt, nên tham sân v.v... các phiền não đều dứt. Vì các phiền não dứt, nên nghiệp nặng khởi thân sau cũng dứt. Đó gọi là có thể trở lại. Trong nhân Tự Tại v.v... thì không trở lại được, vì Tự Tại v.v... không dứt được, nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại hiện thấy quả cùng nhân giống nhau, như do bắp sinh bắp, do lúa sinh lúa. Như vậy do nghiệp bất thiện được báo không ưa thích, do nghiệp thiện được quả báo ưa thích. Trong nhân Tự Tại v.v... không có giống nhau này. Cho nên nghiệp là gốc của thân, chứ không phải trời Tự Tại v.v....

Lại nay hiện thấy muôn vật đều do nghiệp sinh, vì nhân ác nghiệp nên bị chịu đánh, bắt, trói, nhốt, roi, gậy chết v.v... các khổ, nhân thiện nghiệp được tiếng khen, lợi dưỡng v.v... vui sướng. Người tùy ý nói lời ái ngữ, thì được hưởng quả báo tùy ý, nên biết do nghiệp thụ thân, không phải Tự Tại v.v....

Lại người đời tự biết muôn vật do nghiệp nhân sinh nên khởi làm các sự nghiệp cấy lúa mạ, và cũng tu thí, giới, nhẫn v.v... các nghiệp phúc, không ai ngồi yên mà trông ông trời Tự Tại ban cho điều mình muốn, nên biết do nghiệp được quả báo.

Lại như những người tuy nói do Tự Tại mà họ cũng phải nương nhờ các nghiệp, nghĩa là tự khổ thân và thụ trai pháp v.v... nên biết lấy nghiệp làm nhân.

Lại nếu việc không hiện có, phải theo người khác mà thụ giáo, nghĩa là chỗ sở hành của Thánh nhân, tất cả Thánh Hiền nhờ giới v.v... các pháp thiện, nên biết vì do nghiệp nhân mới có thể gian pháp. Nếu lìa giới v.v... cũng không có Thánh nhân, nếu không Thánh giáo thì hành nghiệp trái lỗi, cho nên biết do nghiệp thụ thân.

Lại tu giới v.v... các nghiệp thiện, nên có thể thành các việc thần thông biến hóa, nên biết lấy nghiệp làm nhân.

Lại địa ngục v.v... trong các ác thú, sân não v.v... nhiều, cho nên biết do sân não v.v... mà có các ác thú, như thấy quả trên cây biết cây là nhân, cho nên biết nghiệp là gốc của thân.

Lại trong ác đạo do sức mạnh của si v.v..., nên phải biết phiền não là nhân ác đạo, vì tất cả bất thiện đều do si.

Lại sinh các ác đạo thì nhiều, mà sinh về chỗ thiện thì ít. Mắt thấy người giết v.v... người làm ác nhiều, người làm thiện ít. Nên biết việc giết v.v... là nhân ác đạo.

Lại việc giết v.v... bị người thiện quở bỏ không làm, vì người thiện biết giết v.v... chắc chắn có quả báo, nên mới quở bỏ không làm. Nếu biết không quả báo ác thì vì sao bỏ?

Lại tâm của các người thiện nếu khởi ác tức liền siêng năng ngăn chặn, vì sợ ác báo. Nên phải biết giết v.v... chắc chắn có ác báo. Nếu không phải vậy, thì tùy ý tung hoành là vui sướng thì chúng sinh

ăn được cứ giết ăn, của cải người cứ cướp, vợ người cứ dâm, cũng đều cho là vui sướng cả. Vì sợ khổ báo đời sau nên mới xa lìa các việc ấy, nên biết do nghiệp có thân.

Lại tu tập chính trí nên dứt hết nghiệp hữu lậu thì không thụ thân, nên biết nghiệp là cội gốc.

Lại A-la-hán tuy có các nghiệp hữu lậu, vì tu chính trí nên nghiệp không nhóm, nên biết nghiệp là nhân thụ thân. Vì nhân của thân diệt nên thân cũng diệt theo.

Lại vì nhờ biết 4 đế nên nhờ 4 đế mà phiền não vĩnh viễn không sinh khởi lại nữa. Vì không khởi nên không có thân. Người trí suy nghĩ như vậy, nên muốn biết 4 đế. Cho nên biết nghiệp là nhân của thân.

Lại nếu nhân duyên không đủ thì không thụ thân, như đất khô giống hư thì tất cả mầm không mọc được. Như vậy nơi đất thức mà không có nước ái thấm nhuần hạt giống nghiệp bị chân trí làm hư, thì thân sau là mầm không nảy sinh được. Người trí vì biết điều này nên muốn làm khô đất thức, làm hư hạt giống nghiệp, nên mới siêng năng gia công tinh tiến. Cho nên biết nghiệp là nhân duyên thụ thân.

Xong phần luận về nghiệp.

Phẩm 121: TƯỞNG CỦA PHIÊN NÃO, TRONG LUẬN VỀ PHIÊN NÃO CỦA NHÓM TẬP ĐẾ

Luận giả nói: Đã nói các nghiệp, các phiền não, nay sẽ nói làm bản tâm gọi là phiền não.

Hỏi: Sao gọi là bản?

Đáp: Nếu tâm có thể khiến sinh tử nối nhau luôn, đó gọi là bản. Sự sai khác của tâm bản là: tham, sân, si v.v..., tâm bản này gọi là phiền não, cũng gọi pháp tội, cũng gọi pháp thoái lui, cũng gọi là

pháp ăn chìm, cũng gọi là pháp nóng và cũng gọi là pháp ăn năn. Có các tên như vậy. Tâm bản này tu nhóm gọi là sử, không phải chỉ khi tâm bản sinh gọi là sử.

Phiền não là tham, sân, si, nghi, kiêu mạn và 5 thứ kiến. Do 10 thứ sai khác này nên mới có 98 thứ sử. Tham là mừng vui 3 cõi, cũng mừng vui vô hữu gọi là tham. Như trong kinh nói: Dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Vô hữu gọi là đoạn diệt. Chúng sinh bị khổ ép ngặt, nên muốn diệt ám thân cho cái không đó là vui.

Hỏi: Mừng vui là tướng thụ, chứ không phải tướng tham. Như trong kinh nói nghĩa nay mừng, sau mừng là nói đời nay thụ vui, sau cũng thụ vui.

Lại nói nghĩa nay buồn sau buồn là nói đời này chịu khổ, đời sau cũng chịu khổ.

Lại như trong lời trời hỏi rằng có con thì mừng. Phật đáp: Có con thì lo. Các việc như vậy?

Đáp: Tham là một phần của mừng. Như trong kinh nói: Thụ làm nhân duyên cho ưa vui, trong thụ tham sai khiến, trong đoàn thực có mừng có tham, mừng hết nên tham cũng hết. Cho nên biết tham là một phần của mừng. Vậy là không lỗi. Vì sao biết được? Như trong kinh nói: Tập đế: Nghĩa là khao khát. Khao khát là thế nào? Là muốn được thân sau. Hành tướng thế nào? Là nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ.

Hỏi: Nếu nói muốn được thân sau là tướng khao khát, vì sao nói nương dựa lòng tham muốn được đủ thứ?

Đáp: Lại còn có tướng khao khát, như nói muốn được đủ thứ là nói tướng chung; muốn được thân sau là nói tướng riêng. Người lìa dục cũng có muốn được các thứ như khi khát muốn được nước v.v..., đó không phải nhiếp vào tập đế. Nếu nương dựa lòng tham muốn được thân sau, khao khát này mới gọi là nhiếp vào tập đế.

Hỏi: Nếu như khao khát cũng là mừng, tham cũng là mừng vì sao nói nường dựa lòng tham?

Đáp: Mới sinh gọi khát, tăng trưởng gọi là tham, nên nói nường dựa. Như trong kinh nói: Ưa thích trói buộc trong thế gian. Cho nên mừng tức là tham.

Lại trong kinh nói: Diệt trừ tham buồn các pháp bất thiện. Trong đó tham tức là mừng, buồn tức là giận. Như nói giận là buồn thì biết cũng nói mừng là tham. Cho nên trong 18 ý hành, không nói phiền não, mà chỉ nói các thứ thụ, nên biết phần mừng là tham.

Lại phạm phu lìa tham không thể thụ vui, lìa giận không thể thụ khổ, lìa si không thể thụ không khổ không vui. Làm sao biết được? Trong thụ thứ 3 nói: Người phạm phu trong thụ này, không biết tập nhân, không biết diệt trừ, không biết ý vị, không biết tội lỗi, không biết xuất ly, nên với trong thụ không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến. Người phạm phu ấy thường không biết 5 pháp này, nên thường đối với trong thụ không khổ không vui bị vô minh sử sai khiến. Vô minh sử tức là tính không biết của thụ hành. Như vậy phạm phu tâm hành khổ vui cũng tức là tham giận.

Lại như bắt đầu đến tại tâm gọi là thụ, tăng trưởng minh liễu gọi là phiền não.

Lại tâm mềm xuống gọi là thụ, cũng tức tâm ấy tăng lên gọi là phiền não.

Phẩm 122: TƯỞNG CỦA THAM

Luận giả nói: Tham này trong 9 thứ kết buộc cả 3 cõi gọi là ái. Trong 7 sử chia làm 2 thứ là dục tham và hữu tham. Bởi vì sao? Vì có người đối với 2 cõi trên sinh tưởng giải thoát. Cho nên Phật mới nói nơi đó gọi là hữu. Hữu gọi là sinh. Nếu không tham thì không sinh. Cho nên đặc biệt nói hữu tham. Không phải chỉ có dục tham. Hoặc

nói chỉ dục tham là phiền não, hết dục tham gọi là được giải thoát. Cho nên Phật nói: Thiên trong Vô sắc cũng có hữu tham. Phật chỉ rõ trong đó có trói buộc vi tế. Cho nên đặc biệt nói tham này, ở trong 10 đường bất thiện và trong 4 trói buộc gọi là tham dục. Tham dục mà gọi là dục, vì muốn được vật của người khác. Ở trong 5 thứ ngăn che và trong hạ phần kết gọi là dục dục. Dục dục mà gọi là dục, vì ở trong 5 dục. Trong 3 bất thiện căn gọi là tham bất thiện căn. Tham bất thiện căn là có thể sinh trưởng các pháp bất thiện. Tham này, nếu tham phi pháp gọi là ác tham, như trộm cướp vật của người khác, cho đến lấy vật của tháp, chùa, Tăng chúng; hoặc chúng sinh chưa chết mà muốn ăn thịt, hoặc muốn dâm mẹ, chị, em gái, vợ của thầy, người xuất gia và vợ của mình mà dâm chỗ phi đạo, đều gọi là ác tham.

Nếu vật của mình không muốn xả cho, gọi là xan, xan tức là tham.

Nếu thật không công đức, mà muốn khiến người ta bảo là có, gọi là ác dục.

Nếu thật có công đức, mà muốn cho người ta biết gọi là phát dục.

Nếu muốn được thí nhiều, được nhiều vật, gọi là đa dục.

Nếu được thí ít, ít vật, mà cầu thứ tốt không biết chán gọi là bất tri túc.

Nếu chấp đắm sâu về chủng tính, dòng họ, danh sắc, của cải, tuổi trẻ, tuổi thọ v.v..., gọi là kiêu dật.

Nếu tham 4 vật cúng dường, gọi là tứ ái.

Lại tham này có 2 thứ một là dục tham, hai là cụ tham.

Lại có 2 thứ một là ngã tham, hai là ngã sở tham. Một duyên nội, hai duyên ngoại. Tham 2 cõi trên một bề duyên nội.

Lại có 5 thứ: 1. Tham sắc. 2. Tham hình. 3. Tham xúc. 4. Tham oai nghi ngôn ngữ. 5. Tham tất cả.

Lại tham sắc, thanh, hương, vị, xúc gọi là tham 5 dục.

Lại với 6 thứ xúc sinh ái gọi là tham 6 trần.

Lại tham ở trong 3 thứ thụ: Trong lạc thụ có tham muốn được, có tham giữ gìn. Trong khổ thụ có tham không muốn được, có tham muốn mất. Trong bất khổ bất lạc thụ có tham si.

Lại tham này có 9 phần, như trong Kinh Đại Nhân nói: Do ái nên tìm cầu chỗ mong muốn. Như người bị điều này làm khổ thì tìm việc khác, như nói người vui không cầu, người khổ nhiều cầu. Tham này tăng trưởng gọi là cầu. Khi cầu, nếu được gọi là đắc. Ưa thích nhân được thì trừ tính là nên lấy hay không nên lấy. Nếu tâm quyết định gọi là nhân trừ tính nên ưa muốn, nhân ưa muốn nên tham đắm, tham đắm gọi là ái sâu. Nhân tham đắm duyên thủ, thủ gọi là thụ, nhân thụ sinh keo kiệt, nhân keo kiệt nên giữ gìn, nhân giữ gìn nên mới sắm đủ thứ roi, gậy, dao, xà mâu v.v.... Đó gọi là 9 phần.

Lại có 9 phần nữa là tham tùy thời, nên có thượng, trung, hạ là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng, thượng hạ, thượng trung, thượng thượng.

Lại thế gian chia tham này làm 10 thứ: 1. Như khi thấy sắc đẹp trước tiên tâm cho là được. 2. Tiếp đó sinh muốn. 3. Phát nguyện. 4. Nghĩ nhớ. 5. Theo bắt chước làm. 6. Quên xấu hổ. 7. Thường ám ảnh trước mắt. 8. Phóng dật. 9. Cuồng si. 10. Chết ngất. Đó là tướng tham.

Phẩm 123: NHÂN CỦA THAM

Hỏi: Tham đó sinh như thế nào?

Đáp: Như trong cảnh duyên nữ sắc v.v... sinh nghĩ nhớ tà vạy như hoặc sắc, hoặc hình, hoặc xúc, hoặc điệu bộ nói năng là sinh tham dục.

Lại nếu không giữ gìn các cửa mắt tai thì sinh tham dục.

Lại như với việc ăn uống không biết độ lượng là sinh tham dục.

Lại gần gũi nữ sắc thì sinh tham dục.

Lại hưởng các thú vui thì sinh tham dục.

Lại vì ngu si nên sinh tham dục như với bất tịnh tưởng là tịnh.

Lại bởi ác tri thức nên sinh tham dục, như đem khăn nhơ nhớp mà gói áo sạch.

Lại vì cộng sự với người đa dục, nên sinh tham dục.

Lại đối với thân thụ v.v... 4 pháp sinh nghĩ nhớ vọng tưởng là bị tham dục lôi kéo, như bình tròn không có đế, như hoa không xỏ râu.

Lại như biếng nhác không siêng tu thiện thì tham dục dễ sinh.

Lại đi chỗ không nên đi, thì bị tham xâm nhập, như là nơi dâm nữ, quán rượu, hàng thịt v.v..., ví như loài chim ưng, đại bàng.

Lại quán bất tịnh v.v... chưa có thể phá hoại được cảnh duyên thì tham dục đắc vậy.

Lại từ lâu xa đến giờ, thường quen tham dục, thành tham sử nên dễ sinh.

Lại với cảnh duyên nữ sắc v.v... ưa thủ tướng, thủ liễu. Thủ tướng là lấy các tướng tay, chân, mặt, mắt, lời nói, giỡn cười, nhìn ngắm, khóc lóc v.v.... Thủ liễu là phân biệt trai gái hình trạng sai khác. Như vậy thủ lấy, thủ lấy rồi nghĩ nhớ phân biệt thì sinh tham dục.

Lại tâm nghĩ lường yếu ớt nên cứ chạy theo cảnh duyên không thể ngăn chặn được, thì sinh tham dục.

Lại nếu sinh tham dục nhẫn chịu không bỏ, thì ngày càng tăng thêm từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng.

Lại trong tham dục chỉ thấy say đắm mùi lợi lạc mà không biết tội lỗi, thì sinh tham dục.

Lại vì thời tiết nên sinh tham dục, như mùa xuân v.v....

Lại vì nơi chốn nên sinh tham dục, như có địa phương từ xưa nay nhiều thói dâm dục.

Lại tùy theo thể lực, nên sinh tham dục, như tuổi trẻ, không bệnh hoạn và đồ nuôi sống đầy đủ.

Lại vì lực có thể nên sinh tham dục, như uống thuốc tăng lực v.v....

Lại được tịnh diệu tùy ý ngũ dục thì sinh tham dục. Nghĩa là thấy sắc đẹp hoa ao, vườn rừng, sum sê xanh tốt, nước suối chảy mát mẽ, mây đẹp, điện chớp sáng, gió đưa hương đến, hoặc nghe tiếng kêu áo nã của chim chóc hòa nhau, và nữ nhân trang điểm dáng điệu dịu dàng, nói năng cử chỉ v.v....

Lại vì nghiệp nhân duyên nên sinh tham dục, như người thanh tịnh thí thì hay ưa thích tịnh diệu ngũ dục, mà người tội lỗi thì ưa bất tịnh.

Lại vì từng loại nên sinh tham dục, như người thì tham dục người.

Lại đắm sâu giả danh thì sinh tham dục. Người này đối bên trong sinh tướng sĩ phu, bên ngoài sinh tướng nữ lưu và áo mặc, người oan, người thân các tướng.

Lại vì chưa được không tâm, nên trong thấy chúng sinh, ngoài thấy sắc v.v... thì sinh tham dục.

Lại nếu tham sử chưa diệt hết, ái duyên hiện tiền, trong đó sinh nghĩ nhớ tà vạy. Những nhân duyên như vậy v.v... tức sinh tham dục.

Phẩm 124: LỖI CỦA THAM

Hỏi: Tham dục có những lỗi gì nên muốn dứt ư?

Đáp: Tham dục thật khổ, phàm phu điên đảo vọng sinh tưởng vui, người trí thấy khổ, thấy khổ thì phải dứt.

Lại thụ dục thì không bao giờ biết chán, như uống nước mặn, càng uống càng khát. Vì càng khát thì làm sao được vui?

Lại vì thụ dục nên các ác đều tụ tập và có dao gậy v.v... xảy ra đều bởi tham dục.

Lại trong kinh nói: Tham tội nhẹ mà khổ bỏ. Vì đối với giận dữ nên gọi là tội nhẹ, kỳ thật là nặng.

Lại tham làm nhân duyên cho thân sau, như nói ái làm nhân duyên cho thù, cho đến tụ tập thành khổ lớn.

Lại nói nhân khổ là ái.

Lại nói Tì-kheo phải suy nghĩ kỹ xem có bao nhiêu các khổ và do đâu mà có? Phải biết đều lấy thân làm nhân duyên, thân là nhân nơi ái.

Lại nói trong đoàn thực có hỷ có tham, cho nên thức sinh trong đó. Phải biết ái làm nhân duyên của sự thụ thân.

Lại tham này thường hành động trong bất tịnh, như nữ nhân v.v.... Thân tâm nữ nhân là bất tịnh, như cục phân được bọc lại, có thể làm ô uế, như rắn độc có thể cắn hại.

Lại tham dục này thường hành động trong si, như trong kinh nói: Ví như chó gặm xương khô dính máu, vì nước dãi thấm vào, nên tưởng cho là ngon. Người tham cũng vậy, trong cái dục vô vị, mà vì sức tà điên đảo cho là có hương vị.

Lại như miếng thịt v.v... có 7 thứ ví dụ.

Hoặc có người bảo với việc trong quá khứ vị lai mà sinh tham dục cho nên biết thường hành động trong si.

Lại chúng sinh vì nhân duyên tham dục nên vui ít khổ nhiều. Bởi vì sao? Vì như hưởng giàu sang thì ít, mà lúc tán hoại thì nhiều.

Lại người ái dục là vì nhân vui nên chịu đủ các thứ khổ. Nghĩa là khi tìm cầu khổ, khi giữ gìn khổ, khi thụ dụng cũng khổ luôn. Như trồng lúa, buôn bán, chinh chiến, làm quan v.v.... Khi tìm cầu là khổ. Khi giữ gìn lo sợ mất mát nên khổ, hiện tại không chán nên khổ.

Lại đoàn tụ vui yêu ít, ly biệt khổ nhiều. Cho nên biết tham dục có nhiều tội lỗi.

Lại như Phật nói ái dục có 5 thứ tội lỗi: 1. Ý vị ít mà lỗi nhiều. 2. Các kết bùng phát. 3. Đến chết không chán. 4. Bị Thánh trách bỏ. 5. Không ác nào không tạo.

Lại tham dục này thường khiến chúng sinh thuận theo dòng sinh tử, xa lìa Nê-hoàn. Có các tội lỗi như vậy nhiều vô lượng. Nên phải biết tham dục là nhiều tội lỗi.

Lại sinh các phiền não đều bởi tham dục, như tham thân nên khởi các phiền não về thân.

Lại không nhờ gốc ái sử thì thường xuyên bị khổ, như không chặt cây độc thì thường hại người.

Lại tham có thể khiến chúng sinh gánh gánh nặng.

Lại trong kinh nói: Tham ái là trói buộc, như bò đen bò trắng tự không buộc nhau, chỉ bởi dây buộc. Như vậy mắt không buộc sắc, sắc không buộc mắt, mà tham dục ở trong đó buộc. Nếu duyên là buộc, thì không được giải thoát.

Lại trong kinh nói: Chúng sinh bị vô minh che khuất bị ái kết trói buộc, qua lại trong sinh tử không cùng tận.

Lại trong kinh nói: Tham dứt nên sắc dứt, cho đến thức cũng dứt. Tham này nhờ quán vô thường v.v... mới dứt được. Dứt được tham dục này thì tâm được giải thoát. Sắc tham dứt thì không sắc. Không sắc thì khổ diệt, cho đến thức cũng như vậy. Cho nên biết tham dục là trói buộc bền chắc.

Lại tham dục như giấc mà chúng sinh không thấy cái ác của nó.

Lại tham dục thường hành động trong sự mềm dịu đẹp đẽ nên gọi là thâm ác.

Lại tâm chúng sinh ưa khởi tham dục, cho đến loài muỗi, kiến cũng đều ở trong uống ăn, dâm dục mà khởi.

Lại tham dục này có nhiều thứ nhân duyên có thể buộc lòng người, như là cha mẹ, anh em, chị em vợ con và của cải v.v....

Lại chúng sinh vì tham dục ăn uống, dâm dục v.v...che tâm nên mới có thể thụ sinh. Nếu tham thiền định thì sinh cõi trên.

Lại tham dục này có thể làm hòa hợp tất cả sở thích khác nhau của thế gian. Tham dục làm hòa hợp lại, giống như cát trộn với nước là dính nhau lại.

Lại trong sinh tử lấy tham ái làm khí vị, như nói trong sắc đắm vị. Nghĩa là do sắc sinh hoặc mừng hoặc vui. Nếu không tham thì không có khí vị, không khí vị thì có thể mau dứt sinh tử.

Lại tham dục này trái nhau với giải thoát. Bởi vì sao? Vì chúng sinh vì tham đắm vui dục lạc, vui thiền định nên không vui muốn giải thoát.

Lại tùy dứt được một phần tham, tức được biến thành một phần vui, như nói tùy chỗ lìa dục chuyển thành vui sâu sắc.

Lại nói: Nếu muốn được các vui, phải bỏ tất cả dục. Bỏ tất cả dục nên được rốt ráo thường vui. Nếu muốn được cái vui lớn, phải lìa bỏ cái vui nhỏ. Bỏ cái vui nhỏ nên có thể được cái vui vô lượng.

Lại nói: Người trí không có cái lợi nào khác bằng lìa lìa bỏ tâm tham ái. Tùy tâm lìa tham ái thì diệt các khổ não.

Lại tham dục này làm hại thiện pháp. Bởi vì sao? Vì người nặng tham đắm thì bất chấp giới luật, chủng tính, giáo pháp, oai nghi, danh

dự, không lĩnh thụ giáo hóa, không thấy sự suy bại, không coi tội phúc ra gì, như cuồng như say không biết tốt xấu; cũng như người mù không thấy phúc lợi. Như nói: Tham dự không thấy lợi; tham dự không biết phân biệt phải trái, giống như mù lòa không biết, vì không diệt trừ tham dự.

Lại nói: Tham dự là biển cả, không bờ cũng không đáy, sóng mòi xoáy sâu, ác trùng và quỷ La-sát, các hiểm nạn như vậy, không ai quá khỏi được, chỉ có ở trong thuyền tịnh giới, nhờ sức gió chính kiến, Phật là vị thuyền trưởng có thể chỉ dẫn đường chính, đúng như nói mà tu hành, thì mới qua được.

Lại trong các phiền não không có tướng nhớ phân biệt khí vị nào bằng tham dự.

Lại tham dự này là khó dứt, như trong kinh nói có 2 thứ ước muốn khó dứt: một là muốn được, hai là muốn sống lâu.

Hỏi: Tham dự có những lỗi như vậy, làm sao biết được tướng của người tham dự?

Đáp: Người nhiều tham dự thì ưa vui nữ sắc và hoa hương, đồ trang sức, ca nhạc, múa hát; thường đến nhà dâm nữ nhóm họp, ăn uống; ưa tụ họp đông đảo và các đồ dụng cụ vui chơi, ưa đem lời ái ngữ, tâm thường vui mừng, sắc diện tươi hòa, gợi ý hỏi han, cười cười nói nói, khó giận dễ vui, để tâm chiếu cố, thân thể mau lẹ, tính tình tháo vát, tự chấp chặt bản ngã. Những tướng như vậy gọi là tướng nhiều tham dự. Tướng này cùng với tính trói buộc đều thuận nhau, cho nên khó dứt.

Lại tất cả tham dự rất ráo đều khổ. Bởi vì sao? Vì những việc tham ái, được thì chắc chắn phải có lìa tan, lìa tan ắt có buồn khổ. Như nói người, trời đều thích sắc, tham sắc, ưa sắc, đắm sắc. Khi sắc này hoại thì tâm hối tiếc buồn rầu. Thụ, tướng, hành, thức cũng đều như vậy.

Lại trong các kinh Phật nói nhiều ví dụ để quở trách tham dục này. Nghĩa là có thể hại tuệ mạng, nên nói là độc. Ở trong tâm thì đau nên gọi là gai, có thể dứt thiện căn nên gọi là dao, có thể đốt thân tâm nên gọi là lửa, có thể sinh các khổ nên gọi là oán, từ trong tâm sinh ra nên gọi là giặc bên trong, vì khó nhỏ nên gọi là rễ sâu, có thể làm bản danh dự nên gọi là đất bùn, ngăn trở đường thiện nên gọi là chướng ngại, đau bên trong nên gọi là mũi tên đâm trong tim, khởi các ác nên gọi là bất thiện căn, chảy vào biển sinh tử nên gọi là sông, trộm cướp của thiện nên gọi là giặc. Tham dục có vô lượng tội lỗi như vậy cho nên cần phải dứt.

Phẩm 125: DỨT TRỪ THAM

Hỏi: Tham dục có những lỗi như vậy, làm sao dứt?

Đáp: Lấy bất tịnh quán v.v... mà ngăn, vô thường quán v.v... mà dứt.

Hỏi: Có người biết vô thường nên càng tăng tham dục, việc ấy thế nào?

Đáp: Nếu người có thể biết tất cả vô thường thì không tham dục. Như trong kinh nói: Khéo tu tướng vô thường nên có thể phá hoại được tất cả tham dục, tham sắc, tham vô sắc, tất cả hí lộng, kiêu mạn và vô minh.

Lại nếu người có thể thấy thế gian đều khổ, khổ bởi nhân duyên tham, thì tham này dứt.

Lại nếu người thường nghĩ rằng mình chắc phải chịu khổ sinh lão bệnh tử, thì tham này dứt.

Lại như được cái lạc thanh tịnh thì bỏ cái lạc bất tịnh. Như được Sơ thiền thì bỏ dục ái.

Lại thấy lỗi của tham dục là có thể dứt được. Lỗi như trước đã nói.

Lại vì đa văn v.v... trí tuệ tăng trưởng nên có thể dứt tham dục vì tính trí tuệ phá phiền não.

Lại nhờ nhân duyên thiện đầy đủ, thì tham dục dứt, nghĩa là tịnh trì giới v.v..., và 11 thứ định cụ. Điều này sẽ nói trong đạo đế.

Lại sắc trí v.v..., pháp trí v.v... các phương tiện, Phật là vị thầy thuốc lớn, các đồng học là những người sai khiến, chính pháp là thuốc, tự như nói mà làm đúng, thì bệnh tham dục dứt. Như có người biết bệnh và đầy đủ 3 việc ấy thì bệnh khỏi tức thì.

Hỏi: Như trong kinh nói dùng bất tịnh quán để trừ tham dục. Vì sao nói bất tịnh v.v... và vô thường v.v...?

Đáp: Tất cả Phật pháp đều vì phá các phiền não. Nhưng đều có sức thắng riêng. Trước tiên dùng bất tịnh quán để ngăn tham dục, sau mới lấy trí vô thường mà dứt.

Lại dùng bất tịnh để trừ tham dục thô, điều đó được nhiều người biết, còn tham sử thì vi tế nên phải dùng vô thường mới dứt được.

Lại chỉ trong một kinh đó nói như vậy, chứ trong các kinh khác cũng nói các pháp khác cũng có thể dứt. Nhân duyên như vậy thì tham dục dứt.

Phẩm 126: SÂN NHUẾ

Luận giả nói tướng giận dữ là như giận người này muốn khiến người này diệt mất, nhờ người khác trói đánh giết hại, nhất quyết trừ bỏ không muốn thấy. Giận này gọi là Ba-la-đề-già, nghĩa là giận hạng nặng. Có thứ giận chỉ muốn mắng nhiếc đánh đập người khác gọi là Vi-hân-bà, là giận hạng trung. Có thứ giận không muốn bỏ rời như bởi ghét, yêu vợ con mà sinh, gọi là Câu-lô-đà; là giận hạng nhẹ. Có thứ giận thường nhiễm ô tâm, gọi là Ma-xoa, là không trả thù. Có thứ giận ở mãi nơi tâm không bỏ, cần muốn trả thù, gọi là Ưu-bà-na-ha, là

trả thù. Có thứ giận vội chấp một việc, dù nhiều lời khuyên nhủ quyết không muốn bỏ, như sư tử muốn qua sông, cứ nhắm đến bờ bên kia, chết cũng không nao núng, gọi là Ba-la-đà-xá, nghĩa là chấp chặt. Có thứ giận thấy người ta được lợi, tâm sinh ganh ghét, gọi là I-sa. Có thứ giận thường ưa tranh tụng, tâm khẩu cương cường, gọi là Tam-lam-ba, nghĩa là giận tranh giành. Có thứ giận, hoặc sư trưởng dạy dỗ mà nghịch chống lại, gọi là Đầu-hòa-già, nghĩa là phản kháng. Có thứ giận như được việc chút ít không vừa lòng thì tâm sinh bối rối gọi là A-sần-đề, nghĩa là không nhẫn nhịn. Có thứ giận nói lời không nhỏ nhẹ thường hay nhăn nhó không có sắc mặt hòa dịu. Nói năng cướp lời trước, gọi là A-bà-cật-lược, nghĩa là không vui lòng. Có thứ giận đối với người ở chung thường hay mắng nhiếc, gọi là A-tảo-la-cô, nghĩa là không thuận hòa. Có thứ giận dùng thân khẩu ý xúc não người đồng học, gọi là thắng kỳ, nghĩa là xúc hại. Có thứ giận thường hay càu nhàu và chê bai đủ thứ, gọi là Đãng-đan-na-tha, nghĩa là khó tính.

Hai thứ giận này, hoặc nhân chúng sinh hoặc không nhân chúng sinh. Nhân chúng sinh gọi là tội nặng.

Lại có thượng, trung, hạ phân biệt làm 9 phẩm.

Lại nhân 9 thứ phiền não phân biệt làm 9, và vô sự nổi giận ngang ấy là thứ 10.

Hỏi: Giận này làm sao sinh?

Đáp: Từ việc không vừa ý khổ não mà sinh.

Lại vì không biết đúng cái tính của khổ thụ, nên sinh giận dữ.

Hoặc từ quả mắng roi vọt v.v... mà sinh.

Hoặc cùng làm việc với người ác mà sinh giận dữ, như hàng thịt, thợ săn v.v....

Hoặc vì do trí lực yếu ớt nên sinh giận dữ như cành nhánh cây bị gió làm lay.

Hoặc tích chứa giận dữ lâu ngày đến nỗi thành tính nên sinh giận dữ.

Hoặc gốc từ dòng hàng thịt, thợ săn và loài rắn độc lai sinh làm người thì sinh giận dữ.

Hoặc ưa nhớ lỗi của người khác nên sinh giận dữ, như trong 9 thứ phiền não đã nói.

Hoặc tùy thời tiết nên sinh giận dữ, như đến khi người chỉ còn 10 tuổi v.v....

Hoặc bởi loài giống nên sinh giận dữ, như loài rắn độc v.v....

Hoặc bởi địa phương nên sinh giận dữ, như người nước Khương Cù v.v....

Lại như trước đã nói nhân duyên sinh tham, cùng mâu thuẫn với tham thì sinh giận dữ.

Lại tâm chấp ngã, kiêu mạn bùng phát mạnh và say đắm tài vật một cách sâu đậm, các nhân duyên như vậy v.v..., thì sinh giận dữ.

Hỏi: Giận này có những tội lỗi gì?

Đáp: Trong kinh nói giận là tội nặng đối với tham dục. Cho nên nói là dễ cởi bỏ, mà kỳ thật là khó gỡ. Có điều là không bằng tham đeo bám lâu nơi tâm.

Lại giận tạo ra 2 cái phiền não. Trước đốt hại nơi mình, sau đốt hại nơi người.

Lại giận chắc chắn là địa ngục, vì do giận đa phần khởi nghiệp đọa địa ngục.

Lại giận có thể phá hoại phúc thiện, nghĩa là thí, giới, nhẫn 3 pháp này đều do tâm từ v.v... sinh ra, giận thì mâu thuẫn với tâm từ nên nói là có thể phá hoại.

Lại do giận khởi nghiệp đều bị tiếng xấu.

Lại do giận khởi nghiệp về sau tâm phải ăn năn.

Lại người hay giận hờn, là người không có lòng thương yêu, nên gọi là người hung bạo, vì chúng sinh đã thường khổ mà lại vì giận làm hại thêm, như ung nhọt, như lửa.

Lại trong kinh tự nói lỗi của giận là người nhiều giận thì hình sắc xấu xí, ngũ thức không yên vì tâm thường lo sợ bị người khác không tin v.v....

Hỏi: Người nhiều giận dữ có những tướng ra sao?

Đáp: Tâm khẩu cương cường thường không vui vẻ, mặt mày nhăn nhó, sắc diện không khoan hòa khó gần gũi, dễ nổi xung khó bỏ, thường hay giận hờn, ưa cãi cọ, hay sấm sủa binh khí, kết bè đảng với bạn ác, lại ganh ghét người thiện, là người thô kệch không suy nghĩ kỹ, ít khi biết hổ thẹn. Có những điều như vậy gọi là tướng giận dữ. Các tướng này đều vì ganh ghét người khác mà sinh, cho nên cần phải dứt.

Hỏi: Phải dứt như thế nào?

Đáp: Thường tu từ bi hỷ xả thì giận dữ dứt.

Lại phải thấy tội lỗi của giận dữ thì mới dứt được.

Lại được chân trí thì giận dữ dứt.

Lại phải nhờ sức nhẫn nhục, giận dữ mới dứt được.

Hỏi: Sao gọi là sức nhẫn?

Đáp: Nếu có thể nhẫn các khổ do người khác mắng nhiếc là người này được phúc của pháp thiện. Cũng không nên do không nhẫn mà sinh hung ác. Đó gọi là sức nhẫn nhục.

Lại người tu nhẫn gọi là Sa-môn, vì nhẫn nhục là cửa ngõ đầu tiên vào đạo. Pháp Sa-môn là giận dữ không đáp trả bằng giận dữ, bị mắng không mắng trả, bị đánh không đánh trả.

Lại nếu Tì-kheo nhẫn được là đúng với pháp xuất gia.

Lại người giận dữ là không phải phép của người xuất gia. Phép người xuất gia là nhẫn nhục.

Lại nếu Tì-kheo thân mặc áo khác tục mà tâm còn giận dữ đồng với người là không hợp.

Lại như người tu nhẫn nhục tức là đã đủ công đức từ bi.

Lại người tu nhẫn nhục có thể thành tựu tự lợi. Bởi vì sao? Vì những người giận dữ muốn não hại người, mà trở thành tự hại. Đem hết thân khẩu để thêm ác cho người, mà tự mình bị ác quá hơn trăm ngàn lần. Cho nên biết giận là tự tổn hại nặng nhất. Vì vậy người trí muốn mình và người đều được khỏi khổ lớn và tội lớn, cần phải tu nhẫn nhục.

Hỏi: Làm sao có thể chịu nổi cái khổ bị mắng nhiếc?

Đáp: Nếu người khéo tu vô thường, rõ thấu các pháp niệm niệm sinh diệt, thì biết rằng người mắng, người bị mắng đều diệt từng mỗi niệm, trong đó có chỗ nào đáng sinh giận dữ?

Lại khéo tu không tâm, mới có thể nhẫn nhục được. Nên nghĩ như vậy: Các pháp là thật không, có ai là người mắng, có ai là người bị mắng.

Lại sự việc nếu thật, thì nên nhẫn nhục, vì ta thật có lỗi, người kia nói thật lời, sao lại giận? Nếu sự không thật, thì người kia tự phải bị quả báo vọng ngữ, ta giận làm gì?

Lại nếu nghe lời mắng ác, phải nghĩ như vậy: Tất cả thế gian đều theo nghiệp chịu báo, ta xưa chắc đã gây nghiệp ác này, nay nên đền trả chứ sao lại giận?

Lại nếu nghe mắng ác, tự phải xét lỗi mình. Bởi ta thụ thân, mà thân là đồ đựng các nỗi khổ, nên phải chịu mắng.

Lại người tu nhẫn nhục nên suy nghĩ như vậy: Vạn vật đều do nhiều nhân duyên sinh. Cái khổ mắng ác này, là do nhĩ thức, ý thức

và âm thanh v.v... sinh ra. Trong đó tự ta có 2 phần, người kia chỉ có âm thanh, vậy là tội ta nhiều hơn, sao lại giận? Và vì ta chấp lấy tướng phân biệt của âm thanh kia, nên sinh phiền não tức là ta lỗi.

Lại người nhẫn nhục không nên bắt lỗi người khác. Bởi vì sao? Vì tội tham sân si này không phải lỗi của chúng sinh mà do tâm bệnh của chúng sinh phát sinh ra nên không được tự tại. Như thầy trị quỷ, chữa người bị quỷ ám, thì chỉ nên giận quỷ mà không nên giận bệnh nhân.

Lại người này vì siêng tu tinh tiến thích tập pháp thiện nên không chấp lời người khác.

Lại nghĩ nhớ chư Phật, các Hiền thánh còn không khỏi bị mắng. Như người Bà-la-môn xảo quyết v.v... mắng Phật nhiều điều. Như Xá-lợi-phất v.v... bị Bà-la-môn gia hại các thứ nhục mạ, hưởng chi chúng ta là hạng người bạc phúc ư?

Lại nghĩ như thế này: Thế gian nhiều ác mà không đoạt mạng ta đã là rất may mắn lắm rồi hưởng chi đánh mắng nào có nhằm gì?

Lại nghĩ thế này: Các thứ mắng ác này với ta không khổ, có thể dễ nhẫn chịu. Như Phật dạy Ti-kheo dẫu cho cưa sắt xẻ mình, cũng nên nhẫn chịu, hưởng chi mắng nhiếc.

Lại người tu hạnh này thường chán sinh tử nếu bị mạ nhục thì chứng nghiệm rõ ràng lại càng thêm chán lìa, bỏ ác tu thiện.

Lại người này biết không nhẫn nhục sau chịu khổ báo, mới nghĩ như vậy: Thà bị khinh mắng, chớ đọa địa ngục.

Lại người này ôm sâu lòng hổ thẹn. Ta là đệ tử Thế Tôn, bậc Đại nhân, là người tu đạo, làm sao lại khởi thân khẩu là nghiệp không đáng khởi ư?

Lại được nghe Bồ-tát tu nhẫn nhục và Đệ Thích v.v... mà được sức nhẫn. Cho nên phải tu nhẫn.

Phẩm 127: VÔ MINH

Luận giả nói chạy theo giả danh gọi là vô minh. Như nói phàm phu theo tiếng ngã. Trong đó thật không có ngã và ngã sở. Chỉ có các pháp hòa hợp giả gọi tên là người. Phàm phu không thể phân biệt nên sinh ngã tâm. Ngã tâm sinh tức là vô minh.

Hỏi: Trong kinh Phật nói không biết đời quá khứ v.v... gọi là vô minh. Vì sao chỉ nói ngã tâm?

Đáp: Vì trong quá khứ nhiều người sai lầm, nên nói trong đó không biết gọi là vô minh.

Lại trong kinh giải thích nghĩa chữ minh là có chỗ hiểu biết mới gọi là minh. Biết những pháp gì? Là sắc ấm vô thường, như thật biết vô thường. Thụ, tưởng, hành thức các ấm vô thường, như thật biết vô thường. Trái lại với minh gọi là vô minh. Vậy thì không rõ như thật nên gọi là vô minh.

Hỏi: Nếu không rõ như thật gọi là vô minh thì gỗ đá v.v... các pháp lẽ ra cũng phải gọi là vô minh? Vì chúng không rõ như thật?

Đáp: Không phải vậy. Gỗ đá vô tâm không phân biệt được đời quá khứ v.v..., vô minh phân biệt được nên không đồng gỗ đá.

Hỏi: Vô minh gọi là vô pháp, như người mắt không thấy sắc không có pháp không thấy. Cho nên chỉ minh là không có, nên gọi là vô minh, chứ không có pháp khác?

Đáp: Không phải vậy. Nếu không có vô minh thì trong 5 ấm vọng chấp có người, và trong gạch đá sinh tướng vàng bạc, gọi là thứ gì? Cho nên phải biết tính tà phân biệt gọi là vô minh, chứ không phải vì không có minh mà gọi là vô minh.

Lại từ vô minh nhân duyên mới có các hành v.v... nối nhau sinh; nếu là vô pháp thì làm sao sinh được?

Hỏi: Nếu không phải mình gọi là vô minh thì nay chỉ trừ mình, tất cả các pháp còn lại đều là vô minh. Cho nên không lấy một pháp gọi là vô minh?

Đáp: Vô minh này là nói trong tự tướng, chứ không nói các pháp. Như nói bất thiện tức là nói cái thể bất thiện, chứ không nói vô ký. Vô minh cũng vậy. Tuy mang thân hình người, mà không có hành động như con người, nên mới gọi là không phải người. Như vậy cái mình này tuy có phân biệt mà không biết như thật, nên mới gọi vô minh. Còn gỗ đá không phải vậy.

Hỏi: Nếu nói vô sắc, vô đối, vô lậu, vô vi đều là các thuyết, vì sao vô minh không phải như vậy?

Đáp: Hoặc giả có lý này, nhưng trong bất thiện v.v... thì không như vậy.

Hỏi: Có người nói chỉ vì không có minh nên gọi vô minh, như trong nhà không ánh sáng nên gọi là tối?

Đáp: Thế gian có 2 lối nói: Hoặc không có sáng nên nói là không sáng, hoặc sáng không đúng cũng nói là không sáng. Không có sáng nên nói là không sáng, là như thế gian nói mù không thấy sắc, điếc không nghe tiếng. Sáng không đúng cũng nói là không sáng như đêm thấy cây trụi sinh tưởng là người, thấy người tưởng là cây trụi.

Lại người không thể thật biết việc đó nên gọi là không biết.

Lại tà tâm gọi là phiền não. Các hành nghiệp nhân duyên này, A-la-hán đã dứt nên không có vô minh làm nhân duyên cho các hành. Nếu không phải mình gọi là vô minh thì nay A-la-hán không minh trong Phật pháp, lẽ ra phải gọi vô minh? Mà nếu có vô minh thì không phải A-la-hán. Cho nên phải biết rằng nói có thể tính vô minh riêng tức là tà tâm. Tà tâm này là vô minh phân ra tất cả phiền não. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều là tà hành.

Lại tất cả phiền não che tâm người, đều là đui mù. Như nói tham dục không thấy pháp, tham dục không thấy phúc. Người hay thụ tham này đều gọi là đui mù. Sân si cũng như vậy.

Lại từ tất cả phiền não sinh các hành nghiệp, nên trong kinh nói từ vô minh sinh hành. Cho nên biết tất cả phiền não đều là vô minh.

Lại người không thấy không, thường có vô minh. Có điều là cái bản vô minh là nhân duyên các hành.

Lại vì tà minh nên nói là vô minh. Người chưa thấy không, thường là tà minh. Cho nên biết vô minh phân ra tất cả phiền não.

Hỏi: Vô minh sinh như thế nào?

Đáp: Nếu nghe, nghĩ tà nhân thì sinh vô minh. Như cho có đà-la-phiêu, có hữu phần, có tinh thần, các pháp niệm niệm không diệt, không có thân sau, âm thanh và Thần là thường còn, cỏ cây v.v... có tâm, rồi muốn thành lập các tà chấp như vậy, thì sinh vô minh.

Hoặc do tà nhân nên sinh vô minh là gần gũi bạn tà ác, nghe tà pháp, rồi nghĩ tà và làm việc tà. Vì 4 tà nhân đó nên sinh vô minh.

Lại nhân duyên sinh các phiền não khác, đều là nhân sinh vô minh.

Lại do nhân vô minh nên sinh vô minh, như từ bắp sinh bắp, từ lúa sinh lúa. Như vậy từ chấp của chúng sinh, thì sinh vô minh.

Lại trong kinh nói: Từ nhân duyên tà niệm mà sinh vô minh. Tà niệm là một biệt danh của vô minh, như thấy có người, trước tâm sinh ý niệm về người, sau nghĩ rõ ràng, nên gọi là vô minh. Hai hiện tượng trước sau này tương trợ tương sinh, như từ cây sinh trái, từ trái lại sinh cây.

Hỏi: Vô minh có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả tổn hại đều bởi vô minh. Bởi vì sao? Vì từ vô minh sinh tham v.v... các phiền não; từ phiền não khởi nghiệp bất thiện, từ

nghiệp thụ thân. Nhân duyên thụ thân, mới bị các thứ tổn hại. Như trong kinh nói: Vô minh che khuất ái kết trói buộc, thụ thân các hữu.

Lại trong Kinh Sư Tử Hồng nói: Các thú, đều do vô minh làm gốc. Lại kệ nói:

*Có các chỗ tội ác
 Đời nay hoặc đời sau,
 Đều vô minh làm gốc,
 Nên từ tham dục khởi
 Tất cả lỗi phiền não
 Đều bởi vô minh có,
 Vì từ vô minh sinh
 Tất cả phiền não đó.*

Lại phạm phu vì vô minh nên chịu thân 5 ấm này là bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, làm gì có người trí chịu các khổ này!

Lại vì nhờ chính tư duy nên có thể xả 5 ấm. Như trong kinh nói: Nếu biết tâm ta là tà điên đảo, thì không sinh trở lại. Cho nên biết do vô minh nhân duyên nên bị trói buộc, minh nhân duyên nên giải thoát.

Lại thế gian chúng sinh vì vô minh nên tham cầu một chút khí vị mà không thấy nhiều tội lỗi, như con thiêu thân tự gieo mình vào lửa, như cá nuốt môi câu. Chúng sinh cũng vậy, hiện tham chút khí vị mà bắt cố nhiều tội lỗi.

Lại kinh điển ngoại đạo sinh tà kiến nói không có tội phúc v.v..., đều là vô minh.

Lại các ác đạo đều do bất thiện. Bất thiện đều là vô minh.

Lại các tà kiến khởi nghiệp phần nhiều đọa địa ngục. Tà kiến đều do vô minh sinh.

Lại Phật là đấng Thế Tôn, là bậc Nhất thiết trí, là Đại sư của 3 cõi, là người chân tịnh tu hành và Thánh đệ tử v.v.... mà các ngoại

đạo không phân biệt biết được, như người mù vất bỏ viên ngọc châu báu. Đó đều là lỗi vô minh.

Lại tất cả chúng sinh có bao nhiêu việc tổn não bại hoại v.v..., đều do vô minh, tất cả lợi ích thành tựu tăng trưởng đều nhờ minh mẫn. Nếu tăng trưởng vô minh rất ráo quyết đọa địa ngục A-tì. Như kiếp sơ con người không biết khí vị là hư vọng, mới sinh tham đắm, nên mất sắc lực thọ mạng các việc v.v.... Phải biết đều bởi vô minh làm mất các điều lợi.

Lại vô minh này chỉ có chân trí mới dứt được, còn tham v.v... thì không vậy.

Lại trong tâm tham không có giận, trong tâm giận không có tham, còn vô minh thì có mặt trong tất cả tâm; và người không tu tuệ thì vô minh thường trực ở trong tâm.

Lại trong các phiền não vô minh là rất mạnh, như trong kinh nói vô minh tội nặng cũng khó giải trừ.

Lại vô minh là cội rễ của 12 nhân duyên, nếu không có vô minh thì các nghiệp không nhóm không thành. Vì sao biết được? Các A-la-hán không có tướng chúng sinh, vì không vô minh nên các nghiệp không thể nhóm thành. Nghiệp không nhóm nên thức v.v... các chi phần không sinh lại được. Cho nên biết vô minh là gốc của các khổ.

Lại hiện thấy tham đắm thân bất tịnh này cũng đối với vô thường sinh tưởng là thường, giống như nắm tay không để gạt trẻ nít, cũng nhà ảo thuật có thể diễn trò ảo thuật khiến người xem thấy đất là vàng.

Lại tục nói người ngu hiện có thể gia thêm tội mà cũng có thể dùng lời nói gạt. Thế gian cũng vậy, mắt thấy bất tịnh mà vẫn để bị gạt.

Lại các tâm pháp niệm niệm diệt hết, vì chấp lấy tướng nên sinh. Sắc diệt hết rồi, vì si nên chấp lấy tướng. Với âm thanh v.v... cũng như vậy. Cho nên khó giải trừ. Đó là lỗi của vô minh.

Hỏi: Người nhiều vô minh có những tướng gì?

Đáp: Người này với chỗ đáng sợ không sợ, chỗ nên vui không vui, ganh ghét người thiện, ưa thích người ác, lấy ngược ý người, thường ưa trái chống, chấp cứng việc tà, thiếu lòng hổ thẹn, bất cố hiềm nghi, không hay làm cho người vui, tự mình cũng khó được vui, không hay gần ai, ai cũng khó gần; ngu hã không hiểu, ưa mặc áo bản, ưa ở chỗ tối, và chỗ bất tịnh, tự cao tự đại, hay khinh dễ người không cần đạo lý, tự khoe công đức, lỗi không biết lỗi, lợi không biết lợi, không thích sạch sẽ, cũng không oai nghi, nói năng vụng về, thường hay hờn giận, lấy trộm pháp người, mà sâu tham đắm, học tụng khó được, được rồi dễ mất, dẫu có sở đắc, không thể hiểu nghĩa, dẫu có hiểu nghĩa, thì cũng hiểu sai. Tất cả tướng đó đều do vô minh. Cho nên biết vô minh có vô lượng tội lỗi cần phải dứt trừ.

Hỏi: Làm sao dứt được?

Đáp: Khéo tu chân trí thì dứt được.

Hỏi: Biết âm giới v.v... cũng gọi là chân trí. Vì sao trong kinh nói thuốc chữa vô minh là hoặc nhân duyên, hoặc quán nhân duyên?

Đáp: Các ngoại đạo phần nhiều hiểu lầm nhân trong sự vật, vì hiểu lầm nhân, nên nói trời Tự Tại v.v... tạo ra thế gian. Vì lầm nhân trong sự vật, nên nói có đà-la-phiêu, có hữu phần v.v.... Quán pháp nhân duyên, thì dứt 2 sai lầm này.

Hỏi: Nhân duyên gọi là thuốc chữa vô minh. Vì sao nói 2 thứ?

Đáp: Vì muốn thu gom hết các trí. Nếu quán âm, giới, nhập v.v... cũng phá được vô minh. Nhưng vô minh nặng là tà kiến. Tà kiến nhờ nhân duyên dứt, nên nói 2 thứ. Tham giận cũng như vậy.

Lại thế gian phần nhiều sai lầm đối với tên gọi cái bình v.v... Như nghe tên cái bình thì sinh nghi sắc v.v... là cái bình hay rời sắc v.v... lại riêng có cái bình? Như vậy 5 ám là người hay rời 5 ám lại

riêng có người? Nếu tâm quyết định thì sa vào nhị biên là đoạn và thường. Thân tức là Thân, hay thân khác Thân khác cũng như vậy. Nếu người biết cái bình từ các duyên sinh, do sắc, hương, vị, xúc mà thành, vậy sắc v.v... các âm có thể hiểu là người. Biết được như vậy thì có thể lìa bỏ sự sinh nghi từ tên gọi. Cái tên gọi này có thể che khuất thật nghĩa các pháp. Như trong Kinh Thiên Vấn nói: Tên gọi hơn tất cả pháp, mà không có gì có thể hơn được. Tên gọi này tất cả các pháp đều theo.

Lại nói: Thấy thể gian tập thì dứt được chấp không thấy thể gian diệt thì dứt được chấp có.

Lại nói: Vì các hành nối nhau luôn nên nói 5 âm sinh tử. Đó đều là tội lỗi của vô minh, quán nhân duyên thì dứt.

Lại trong kinh nói: Nếu ai thấy nhân duyên là người đó thấy pháp. Nếu thấy pháp tức thấy Phật. Như vậy nếu ai có thể dứt sự sinh nghi do tên gọi thì người đó mới thật thấy Phật, mà không phải theo ai học. Cho nên nhờ chính trí thì hết vô minh. Vì nhờ biết đúng pháp nhân duyên nên mới có được chính trí.

Lại lược nói trong 8 vạn 4 ngàn pháp tạng có bao nhiêu trí tuệ đều để diệt trừ vô minh, vì vô minh làm cội rễ tất cả phiền não và giúp phát triển tất cả phiền não. Nhân duyên như vậy thì dứt được vô minh.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 10

Phẩm 128: KIÊU MẠN

Hỏi: Đã nói 3 phiền não là cội rễ sinh tử. Lại còn có gì nữa không?

Đáp: Có. Là khinh mạn.

Hỏi: Khinh mạn là thế nào?

Đáp: Do tà tâm tự cao gọi là mạn. Mạn này có nhiều thứ: Như mình ở bậc thấp mà tự cao thì gọi là mạn. Ở bậc như nhau mà chấp như nhau cũng gọi là mạn, vì trong ấy chấp tướng tà tâm là ta hơn. Ở bậc ngang hàng mà tự cho cao hơn gọi là đại mạn. Ở bậc hơn mà tự cao gọi là mạn mạn. Trong 5 âm chấp lấy tướng ngã, gọi là ngã mạn. Ngã mạn có 2 thứ: hiện tướng và không hiện tướng. Hiện tướng là ngã mạn của phàm phu. Nghĩa là chấp sắc là ngã, hay chấp hữu sắc là ngã, chấp sắc trong ngã; chấp ngã trong sắc, cho đến thức cũng như vậy. Vì hiện ra 20 phần này nên gọi là hiện tướng. Không hiện tướng là học nhân ngã mạn, như Trưởng lão Sai-ma-già nói: Không nói sắc là ngã, không nói thụ, tưởng, hành, thức là ngã, chỉ trong 5 âm có ngã mạn, ngã dục, ngã sử. Chưa dứt, chưa hết gọi là ngã mạn. Nếu chưa được các quả công đức Tu-đà-hoàn v.v..., mà tự cho là đã được, gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Nếu chưa được vì sao sinh tâm đã được?

Đáp: Vì trong khi tập thiền được chút ít khí vị có thể ngăn chặn kết sử không cho hiện hành trong tâm nên sinh mạn này. Lại sức văn tuệ, tư tuệ thường gần thầy giỏi, thích hạnh viễn ly, biết chút ít tướng 5 âm, cho nên sinh tưởng được quả Tu-đà-hoàn v.v... gọi là tăng thượng mạn.

Hỏi: Tăng thượng mạn có những lỗi gì?

Đáp: Về sau sẽ lo buồn. Như trong kinh nói: Nếu Tì-kheo nói ta dứt nghi được đạo, tức phải hiện tiền nói nhân duyên rất sâu pháp xuất thế gian. Nếu Tì-kheo này thật không được đạo, khi nghe pháp ấy thì sinh sầu não hối hận. Cho nên phải siêng dứt tăng thượng mạn.

Lại người tăng thượng mạn, chư Phật Thế Tôn có tâm đại từ bi hãy còn bỏ xa không vì nói pháp. Cho nên phải dứt.

Lại người tăng thượng mạn, vì trụ ở trong pháp tà kiến, nên không có thật công đức, giống như người đi buôn vào sâu trong biển cả, mà tham thú ngọc giả. Người này cũng vậy, vào trong biển cả Phật pháp, được chút niềm vui thiên vị, bảo là chân đạo mà sinh tham đắm.

Lại người tăng thượng mạn, khi tuổi già sắp chết không kham nổi thụ đạo pháp, nên phải siêng cầu chân thật trí tuệ.

Lại người tăng thượng mạn tự mất lợi ích mà tăng thêm ngu si, vì thật chưa được mà tưởng đã được. Vì vậy không nên tự dối mình, phải mau xa lánh lia bỏ.

Nếu người đại thắng mà cho là không bằng chút nào, gọi là bất như mạn. Người này tự cao và cũng tự hạ mình xuống.

Nếu người không có đức mà tự cao gọi là tà mạn. Lại lấy ác pháp tự cao cũng gọi là tà mạn.

Nếu đối với người thiện và bậc đáng trọng, mà không chịu lễ kính gọi là ngạo mạn.

Tất cả những tên gọi như vậy là tướng kiêu mạn.

Hỏi: Mạn phát sinh như thế nào?

Đáp: Không biết thật tướng các âm thì sinh kiêu mạn. Như trong kinh nói: Nếu người lấy sắc vô thường, tự nghĩ là thượng, là trung, là hạ, người này chính là vì không biết tướng như thật. Cho đến thức cũng như vậy. Nếu biết tướng của âm thì không kiêu mạn.

Lại khéo suy nghĩ tu thân thì không kiêu mạn. Như con bò cạp cặp sừng nên sinh bạo mạn. Nếu bỏ cặp sừng thì không còn năng lực nữa. Thân là bất tịnh, 9 lỗ chảy ra đồ bất tịnh, làm gì có người trí ý vào đó mà tự cao. Nhờ những nhân duyên nghĩ về thân như vậy, tức không kiêu mạn.

Lại người trí biết tất cả chúng sinh hoặc nghèo hoặc giàu, hoặc sang hoặc hèn, cũng đều lấy xương thịt gân mạch, 5 tạng, phân nhơ hợp lại mà thành thân, đều có sinh lão bệnh tử buồn rầu khổ não, cũng có tham sân v.v... các phiền não, các nghiệp tội phúc, và địa ngục v.v... các phần ác đạo, làm sao mà khởi kiêu mạn?

Lại thấy nội ngoại tâm do nhân nguyên sinh, đều biết niệm niệm diệt, thì không kiêu mạn.

Lại khéo tu tập không tâm thì không kiêu mạn. Bởi vì sao? Vì chạy theo tướng nên sinh kiêu mạn, nếu không có tướng khởi mạn chỗ nào?

Lại người trí tuệ, như thật có giới v.v... các công đức, thì không sinh mạn. Bởi vì sao? Vì giới v.v... các công đức đều vì để làm hết các phiền não này. Nếu không công đức, làm gì có người trí, đối với việc không có, mà khởi kiêu mạn?

Lại quán tướng vô thường v.v... thì diệt kiêu mạn. Làm gì có người trí, đem vật vô thường khổ, bất tịnh ra mà sinh kiêu mạn?

Hỏi: Kiêu mạn có các lỗi gì?

Đáp: Từ kiêu mạn có thân, từ thân sinh tất cả khổ. Như trong kinh Phật nói: Nếu đệ tử ta ai không thể như thật biết tướng kiêu mạn, thì ta thụ ký cho sẽ sinh về nơi nào đó, vì còn thừa kiêu mạn chưa dứt.

Lại tất cả phiền não đều tùy theo chấp lấy tướng, mà ngã là tướng lớn nhất trong các tướng. Cho nên biết là từ mạn có thân.

Lại kiêu mạn tức là phần của si. Bởi vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo là ta có thể thấy.

Lại kiêu mạn này sinh không cần đạo lý. Bởi vì sao? Vì tất cả thế gian đều vô thường, khổ, vô ngã làm sao bởi đó mà sinh kiêu mạn. Cho nên đối với tham sân si rất không có đạo lý.

Lại từ mạn khởi nghiệp vừa nhạy bén vừa nặng nề, vì tham đắm sâu sắc, cho nên từ tham khởi nghiệp không được như vậy.

Lại vì sức mạnh kiêu mạn nên tham v.v... bùng phát, tức tham này được chủng tính v.v... thì kiêu mạn thêm lớn bùng phát.

Lại nhân duyên ngã mạn bị sinh vào nhà thấp hèn, cũng sinh trong loài sư tử cạp sói. Do nhân duyên này mà đọa địa ngục. Kiêu mạn có những tội lỗi như vậy nhiều vô lượng..

Hỏi: Thế nào là nhiều kiêu mạn?

Đáp: Người này cố chấp khó cùng nói chuyện. Người này không có lòng cung kính, ít biết sợ, thích tự do tự tại, tự đại khó dạy, có được chút ít tự cho là nhiều, hay khinh người. Những lỗi này rất khó trừ. Cho nên người có trí rất không nên phạm kiêu mạn, vì nó phá tất cả công đức nên sinh.

Phẩm 129: NGHI

Luận giả nói nghi là đối với trong thật pháp tâm không quyết định. Như có giải thoát hay không giải thoát ư? Có thiện bất thiện hay không ư? Có Tam Bảo hay không ư? Đó gọi là nghi.

Hỏi: Như thấy cây trụi sinh nghi là cây hay người? Thấy cục đất sinh nghi là cục đất hay con bò câu? Thấy con ong sinh nghi là con ong hay quả Diêm-phù? Thấy con rắn sinh nghi là con rắn hay sợi dây? Thấy sóng nắng sinh nghi là ánh sáng hay nước? Những nghi như vậy do nhãn thức sinh. Nghe tiếng sinh nghi là tiếng chim công hay người giả tiếng? Ngửi nghe mùi sinh nghi là mùi thơm hoa Ưu-bát hay mùi thơm hòa hợp? Nếm vị sinh nghi là vị của thịt hay vị giống như thịt? Chạm xúc sinh nghi là tơ lụa sống hay tơ lụa uơm? Ý thức thì nhiều thứ sinh nghi: Như nghi pháp này có đà-la-phiêu hay chỉ cầu-na? Có thần hay không có thần. Những điều như vậy có phải là nghi chăng?

Đáp: Nếu cây trụi, người v.v... mà sinh nghi thì không phải phiền não, vì đó không thể làm nhân duyên cho thân sau, lại vì người lậu tận cũng khởi như vậy.

Hỏi: Nghi ấy sinh như thế nào?

Đáp: Như thấy nghe biết 2 thứ pháp, nên sinh nghi. Bởi vì sao? Vì trước thấy 2 vật đứng một là cây hai là người, sau mới xa thấy người với vật như nhau thì sinh nghi là cây hay là người? Đất v.v... cũng như vậy. Hai thứ nghe là như nghe nói có tội phúc đời sau, cũng nghe nói không có, cho nên sinh nghi. Hai thứ biết là như trời mưa lớn nên kênh mương tràn nước hoặc khi đắp đập, nước kênh mương cũng tràn. Như trời sắp mưa thấy kiến tha trứng di cư, hoặc người đào đất cũng thấy mang trứng tránh đi. Như chim công kêu, người có thể bắt chước tiếng kêu được. Thật sự có thể thấy như cái bình. Không phải thật sự nhưng cũng có thể thấy như vòng lửa quay tròn. Thật sự không thể thấy như rễ cây dưới đất, trong nước. Không phải thật sự cũng không thể thấy như cái đầu thứ 2, cái tay thứ 3. Như vậy v.v... 2 thứ pháp thấy, nghe, biết nên mới sinh nghi.

Lại không xét kỹ khi thấy nên sinh nghi, như thấy ở xa v.v... hay 8 nhân duyên.

Lại vì 2 tin nên sinh nghi. Như có người nói có đời sau, lại có người nói không có. Tin cả 2 người nên mới sinh nghi.

Lại trong việc khả nghi đó, cho đến không thấy tướng gì khác, cho nên sinh nghi. Nếu thấy tướng khác thì không nghi này.

Hỏi: Thấy tướng khác là thế nào?

Đáp: Thấy nghe biết quyết định thì không có nghi. Trong Phật pháp, tùy khi đích thân chứng pháp thật tướng mới rất ráo không nghi. Như Bồ-tát khi ngồi ở đạo tràng nói pháp tinh tiến, Bà-la-môn chứng được pháp sâu xa hiện tiền các duyên thấy biết tiêu tan hết, tức thì xé rách lưới nghi.

Lại nếu được trí tuệ có đạo lý thì nghi này dứt, như người trí nghe nói hành làm nhân duyên cho thức, liền quyết định biết rõ vô thủy sinh tử là như vậy v.v...

Hỏi: Nghi có lỗi gì?

Đáp: Nếu người đa nghi, thì tất cả sự nghiệp thế gian xuất thế gian đều không thành tựu. Bởi vì sao? Vì người nghi không thể khởi phát sự nghiệp gì cả, nếu phát khởi cũng yếu ớt, nên không thể thành tựu.

Lại trong kinh nói: Nghi là những nẩy mầm nơi tâm, giống như ruộng hoang nẩy sinh mầm cây dại cho nên cỏ lạ còn không mọc được, huống là lúa má. Tâm cũng như vậy, vì gốc nghi phá hoại, nên đối với việc tà còn không quyết định được, huống chi có thể quyết định việc chính.

Lại Phật gọi nghi là nhóm tối. Nhóm tối có 3 thứ là nhóm tối quá khứ, nhóm tối vị lai, nhóm tối hiện tại. Nhóm tối này là nơi sinh các ngã kiến.

Lại người này dù được định tâm cũng là tà định. Nếu lìa Phật pháp thì không thể nói là người chính định được.

Lại nhiều chúng sinh hoài nghi cho đến chết, như nói A-tra-già v.v... người tiên được 5 thân thông mà cũng ôm nghi ngờ đến chết.

Lại người nghi này, nếu tu phúc đức bố thí v.v..., thì hoặc không quả báo, hoặc ít được báo. Bởi vì sao? Vì các phúc nghiệp này đều từ tâm khởi. Mà tâm người này thường bị nghi làm đục vẩn, nên không có phúc thiện.

Lại trong kinh nói: Tâm nghi mà bố thí thì chịu quả báo sinh ở chốn biên địa. Bởi vì sao? Vì người đa nghi này không thể nhất tâm, theo thời mà tay đưa cho, nhưng không thể sinh tâm cung kính, nên được thụ chút quả báo sinh ở chốn biên địa, như tiểu vương Ba-da-tuy chẳng hạn.

Hỏi: Không có nghi này đâu. Bởi vì sao? Vì nghi là tâm số pháp, mà các tâm số pháp thì niệm niệm sinh diệt. Nếu đúng thì chẳng phải là nghi. Nếu sai cũng chẳng phải là nghi. Vì trong một tâm không được vừa có đúng vừa có sai. Cho nên biết là không có?

Đáp: Tôi không nói trong niệm niệm có nghi. Tâm không quyết định luôn nối nhau gọi là nghi. Bấy giờ tâm không quyết định rõ ràng là cái cây trụi hay là con người. Cái tâm này nối nhau luôn này vì không tin nên vẫn đục. Cũng bởi tà kiến nên không tin, khi nghi hoặc có hoặc không. Không tin này có 2 thứ: Một từ nghi sinh, hai từ tà kiến sinh. Từ nghi sinh thì nhẹ. Từ tà kiến sinh thì nặng. Tin cũng có 2 thứ: Một từ chính kiến sinh, hai từ nghe sinh. Từ chính kiến sinh thì tin bền chắc. Từ nghe mà sinh thì sinh không được như vậy.

Phẩm 130: THÂN KIẾN

Trong 5 âm, ngã tâm gọi là thân kiến. Vì thật không có ngã nên nói duyên lấy 5 âm. Năm âm gọi là thân, trong đó sinh kiến chấp gọi là thân kiến. Trong không có ngã mà chấp lấy tướng ngã, nên gọi là kiến.

Hỏi: Trong 5 âm tạo tên gọi là ngã thì có lỗi gì? Như cái bình chẳng hạn, các vật đều có tự tướng, trong đó không lỗi, thì ngã cũng vậy. Lại nếu nói lia âm riêng có ngã, đó mới là có lỗi?

Đáp: Tuy không lia âm nói ngã, đó cũng có lỗi. Bởi vì sao? Vì ngoại đạo nói ngã là thường, vì đời nay khởi nghiệp, đời sau chịu quả báo. Nếu nói như vậy 5 âm phải là thường.

Lại nói là ngã vì ngã là một. Vậy thì 5 âm tức phải là một? Đó là có lỗi.

Lại ngã tức là lỗi. Bởi vì sao? Vì ngã tâm nên mới có ngã sở. Bởi có ngã sở nên khởi ra tham giận v.v... tất cả phiền não. Cho nên biết ngã tâm là nơi sinh phiền não.

Lại người này tuy không lia âm nói ngã, vì chấp lấy tướng âm nên không tu lý không. Vì không tu lý không nên sinh phiền não. Từ phiền não sinh nghiệp, từ nghiệp sinh khổ. Như vậy sinh tử nối nhau luôn không dứt.

Lại người này vì chấp ngã nên không thể phân biệt được tướng thô như thân đầu mắt tay chân, huống chi có thể phân biệt được các âm, vì đã thụ ngã làm một, ngã là thường cho nên nếu không phân biệt được thì làm sao có ngộ nhập lý không?

Lại nếu chấp ngã thì sợ Nê-hoàn, vì cho ngã là không có. Như trong kinh nói: Phạm phu nghe đạo lý không vô ngã sinh khiếp sợ rất lớn, vì ngã là không có nên đều không được gì hết. Phạm phu mà như vậy thì cho đến tham cầu thân con đã can bị bệnh hủi, cũng không dùng Nê-hoàn. Nếu được không trí thì không còn sợ nữa. Như Kinh Ưu-ba-tư-na nói: Người thanh tịnh trì giới, khéo tu 8 Thánh đạo, đến khi mạng chung tâm vui mừng như đập vỡ đồ đựng chất độc.

Lại nếu nói có ngã tức sa vào tà kiến. Nếu ngã là thường thì khổ vui không biến đổi. Nếu không biến đổi thì không tội phúc. Nếu ngã

là vô thường, thì không có đời sau, tự nhiên giải thoát cũng không tội phúc. Cho nên biết thân kiến là tội nặng.

Lại người thân kiến gọi là rất si. Tất cả phàm phu đều bởi thân kiến loạn tâm chấp sâu hữu ngã, nên bị qua lại sinh tử. Nếu thấy vô ngã thì dứt qua lại.

Hỏi: Nếu 5 ấm là vô ngã, Vì sao chúng sinh trong đó sinh ngã tâm?

Đáp: Hoặc nghe các danh tướng như người trời trai gái, vì tướng phân biệt nên sinh ngã tâm. Và cũng bởi chẳng phải nhân, tương tự nhân nên sinh ngã tâm. Nghĩa là nếu không có ngã thì ai chịu khổ vui, cử chỉ ngôn ngữ, khởi nghiệp tội phúc và chịu quả báo v.v... ư?

Lại từ vô thủy sinh tử tụ tập tướng ngã đã lâu thành thói quen rồi bị nó sai khiến, như tướng cái bình v.v... nên sinh ngã tâm.

Lại trong các thụ ấm sinh ngã tâm, chứ không phải trong không thụ. Cho nên nói là chỗ sinh ngã tâm, vì trong đó có ngã. Bởi vì sao? Vì không phải tất cả chỗ đều sinh được ngã tâm.

Lại vì ngu si nên sinh ngã tâm, giống như người mù nhặt được gạch đá v.v... sinh tưởng là vàng ngọc.

Lại người này chưa được không trí phân biệt, vì si nên thấy có ngã, như trong ảo hóa, chiêm bao, thành Càn-thát-bà, vòng lửa quay tròn v.v... thấy mà sinh tưởng có thật.

Hỏi: Hiện thấy sắc thân tóc lông móng v.v... các phần đều khác. Làm sao người trí cho đó là ngã?

Đáp: Có người thấy thân như hạt bắp, hạt cải v.v... trụ ở trong tâm. Thần Bà-la-môn trắng. Thần Sát-lợi vàng. Thần Tì-xá đỏ. Thần của Thủ-đà-la đen.

Lại trong sách Vĩ-đà nói: Thuở minh sơ, thần của các Đại trượng phu sắc như ánh sáng mặt trời. Nếu ai biết thần này thì có thể

vượt qua sinh tử, mà không đường nào khác. Tiểu nhân thì thân nhỏ, đại nhân thì thân lớn, trụ ở trong hang thân.

Lại người ngồi thiền được tướng quang minh, thấy thần ở trong thân như sợi chỉ trong lòng hạt tịnh châu. Những người như vậy chấp sắc v.v... làm ngã. Người suy nghĩ nông cạn nói thụ là ngã, vì trong cây đá v.v... không có thụ, cho nên biết thụ tức là ngã. Người suy nghĩ bậc trung nói tướng là ngã, vì khổ vui tuy có lỗi, nhưng còn có tướng ngã tâm. Người suy nghĩ kỹ nói hành là ngã, vì tướng cái bình v.v... tuy có lỗi, nhưng còn có nghĩ ngã tâm.

Người suy nghĩ sâu sắc nói thức là ngã, vì cái biết và suy nghĩ còn thô, suy nghĩ này tuy có lỗi, nhưng còn có liễu biệt được ngã tâm.

Lại với trong 5 ấm sinh ngã tâm, người này không thể phân biệt được thụ v.v... các ấm. Trong sắc, tâm hòa hợp sinh ngã tướng, như trong sắc v.v... 4 pháp tổng hợp sinh tướng cái bình, vì sắc v.v... sai biệt nên có 20 phần thấy sắc là ngã. Bởi vì sao? Vì sắc là pháp bị ngã rõ biết và là chỗ nương của thụ v.v.... Các thụ v.v... này buộc ở nơi sắc, cho nên gọi là sắc là ngã.

Có người thấy sắc trụ ở trong thụ v.v..., vì thụ v.v... là pháp không liễu biệt, cho nên bị sắc nương dựa, như hư không không liễu biệt nên bị đất v.v... nương dựa. Như vậy 20 phần đều do si sinh.

Hỏi: Vì sao trong mắt v.v... không nói ngã phần?

Đáp: Cũng có. Như trong kinh nói: Nếu ai nói mắt là ngã, thì không đúng. Bởi vì sao? Vì mắt là sinh diệt mắt là ngã, thì ngã cũng sinh diệt.

Lại mắt v.v... đều có tướng riêng; nếu nói mắt là ngã, tai v.v... không phải ngã, thế là không được. Nếu tai v.v... là ngã thì một người có nhiều ngã. Vì trong sắc v.v... có sai biệt nên có thể nói sắc là ngã mà không phải thụ v.v....

Hỏi: Nếu nói vô ngã cũng là tà kiến. Việc ấy thế nào?

Đáp: Có 2 đề lý. Nếu nói đệ nhất nghĩa đế mà có ngã, đó là thân kiến. Nếu nói thế đế vô ngã, đó là tà kiến. Nếu nói thế đế nên có ngã, đệ nhất nghĩa đế nên vô ngã, đó là chính kiến.

Lại đệ nhất nghĩa đế nên nói không; thế đế nên nói có, thì không sa vào kiến trung. Như vậy có, không 2 cách nói đều thông. Như cọp tha con, nếu ngoạm chặt con bị thương, ngoạm lỏng con rơi mất. Như vậy nếu nói cả quyết là có ngã, thì sa vào thân kiến, cả quyết nói không có ngã, thì sa vào tà kiến.

Lại thái quá và bất cập cả 2 đều có lỗi. Nếu cả quyết nói không có ngã là thái quá. Nếu cả quyết nói có ngã là bất cập. Cho nên trong kinh nói: Phải bỏ 2 bên. Nếu đệ nhất nghĩa đế nên nói không, thế đế nên nói có, đó là bỏ 2 bên đi con đường chính giữa.

Lại Phật pháp là không thể tranh hơn. Nếu nói đệ nhất nghĩa đế nên không, thì người trí không hơn; nếu nói thế đế nên có, thì phàm phu không tranh.

Lại Phật pháp là thanh tịnh trung đạo phi thường phi đoạn. Đệ nhất nghĩa đế là không, nên phi thường, Thế đế là có nên phi đoạn.

Hỏi: Nếu pháp đệ nhất nghĩa đế cho nên không, thì lẽ ra phải là không hẳn, sao lại nói thế đế cho nên có?

Đáp: Tất cả thế gian có bao nhiêu ngôn thuyết nói nghiệp và nghiệp báo, hoặc trói buộc hoặc cởi mở v.v... đều do si sinh ra. Bởi vì sao? Vì 5 ấm là trống không, như trò ảo hóa, như ánh lửa nối nhau sinh. Vì muốn độ người phàm phu, nên mới tùy thuận nói có, nếu không nói thì phàm phu mê muội hoặc sa vào đoạn diệt. Nếu không nói các ấm thì không giáo hóa được, vì tội phúc v.v... các nghiệp hoặc trói hoặc mở, đều không thành lập được. Nếu phá được những lời si này thì tự có thể vào được lý không. Bấy giờ không còn các tà kiến.

Cho nên sau nói đến đệ nhất nghĩa đế. Như ban đầu dạy quán thân để phá tướng nam nữ, kể đó lấy tóc lông móng v.v... phân chia thân tướng chỉ có 5 âm. Sau mới lấy tướng không để diệt tướng 5 âm. Diệt tướng 5 âm gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nếu nói thế đế cho nên có, thì không cần phải nói đệ nhất nghĩa là không.

Lại trong kinh nói nếu biết các pháp không có tự thể tính, thì có thể vào lý không, cho nên biết 5 âm cũng không có.

Lại đệ nhất nghĩa không, trong kinh nói mất v.v..., bởi đệ nhất nghĩa đế nên không, thế đế nên có. Trong Kinh Đại Không nói: Nếu nói đây là già chết, hoặc nói người này già chết, hoặc ngoại đạo nói thân tức là thần, hoặc nói thân khác thần khác. Việc này nghĩa là một, mà tên gọi khác. Nếu nói thân tức là thần, thân khác thần khác, là không phải người Phạm hạnh. Nếu ngăn người này già chết tức nói vô ngã. Nếu ngăn đây là già chết tức phá lão tử, cho đến vô minh. Cho nên biết trong đệ nhất nghĩa không có lão tử v.v.... Nói sinh làm duyên cho lão tử, đều vì thế đế mà nói, đó là trung đạo.

Lại trong Kinh La-đà nói: Phật bảo La-đà rằng: Sắc tán hoại phá vỡ khiến diệt không còn hiện, cho đến thức cũng như vậy. Như vách đá v.v..., vì không thật nên có thể phá hủy khiến không còn hiện. Các âm không hiện cũng vì đệ nhất nghĩa nên không có. Tùy các âm tướng tồn tại thì ngã tâm rốt ráo không đoạn, vì nhân duyên không diệt. Như cây tuy đã bị đốn chặt, đốt cháy, cho đến thành tro than, nhưng cái tướng về cây hãy còn theo ám ảnh. Nếu tro than này bị gió thổi, nước trôi, cái tướng về cây mới diệt. Như vậy, nếu phá vỡ tán hoại, diệt tướng 5 âm, bấy giờ mới gọi là đầy đủ tướng không.

Lại trong kinh nói: La-đà ông phá vỡ tán hoại, chia tách chúng sinh, khiến không hiện tại. Đó là trong kinh này nói 5 âm vô thường, là chúng sinh không. Trong kinh trước nói 5 âm tán diệt, đó là pháp không.

Phẩm 131: KIẾN CHẤP MỘT BÊN

Nếu các pháp hoặc đoạn hoặc thường, gọi là biên kiến, nghĩa là chấp thiên lệch một bên.

Có luận sư nói: Nếu ai nói ngã hoặc đoạn hoặc thường, gọi là biên kiến chứ không phải tất cả pháp. Bởi vì sao? Vì hiện thấy các vật bên ngoài có đoạn diệt. Nên trong kinh nói: Thấy có, là thường, thấy không, là đoạn.

Lại thân tức là thân gọi là đoạn kiến, thân khác thân khác gọi là thường kiến.

Lại sau khi chết rồi không làm gọi là đoạn kiến, chết rồi lại làm gọi là thường kiến, chết rồi cũng làm cũng không làm, trong đó chỗ có tác giả gọi là thường, chỗ không có tác giả gọi là đoạn, chẳng phải làm chẳng phải không làm cũng như vậy.

Hỏi: Điều thứ tư này không nên gọi là kiến chấp?

Đáp: Vì người này trong thế đế cũng không có người không có pháp nên gọi là kiến chấp. Thường, vô thường, hữu biên, vô biên, 4 câu cũng như vậy.

Lại trong kinh nói: Sáu xúc nhập diệt hết, mà còn có cái khác tức là thường, không còn cái khác tức là đoạn.

Lại nếu chấp ngã trước làm, sau sẽ làm nữa gọi là thường kiến. Chấp ngã trước không làm, sau cũng không làm, gọi là đoạn kiến.

Lại Kinh Tà Kiến nói: Thân người có bảy phần là đất, nước, lửa, gió, khổ, vui, và thọ mạng. Nếu khi thân chết, 4 đại quy về góc, căn quy về hư không.

Lại nói: Lấy dao búa giết chúng sinh chứa thịt thành đồng, không tội sát sinh, đó gọi là đoạn kiến. Và Kinh Phạm Võng nói đó là tướng đoạn kiến. Nếu nói có người là tác giả đời sau, tức người ấy là thụ giả, gọi là thường kiến.

Hỏi: Đoạn kiến và thường kiến sinh như thế nào?

Đáp: Tùy theo bởi nhân duyên nào đó mà nói chết rồi trở lại làm nhân duyên đó nữa, nên sinh bên thường kiến. Tùy bởi nhân duyên nào đó mà nói chết rồi không làm nhân duyên ấy nữa, nên sinh đoạn diệt kiến.

Hỏi: Làm sao dứt được kiến chấp này?

Đáp: Chính nhờ tu tập không quán thì không có ngã kiến. Vì không ngã kiến nên không có chấp 2 bên. Như trong Kinh Diệm-ma-già nói: Nếu mỗi mỗi ấm không phải là người, thì hòa hợp lại cũng không phải người, mà lia ấm ra cũng không phải người. Hiện tại như vậy không thể được, làm sao nói A-la-hán chết rồi không làm? Cho nên biết người là không thể được. Vì người không thể được nên ngã kiến và đoạn thường kiến cũng không.

Lại thấy các pháp do từ nhiều duyên sinh, thì không chấp 2 bên.

Lại như nói thấy thế gian có tụ tập, thì dứt chấp không, thấy thế gian diệt, thì dứt chấp có.

Lại vì thực hành trung đạo, nên diệt cả 2 bên. Bởi vì sao? Vì thấy các pháp liên tục sinh thì dứt đoạn kiến, thấy niệm niệm diệt thì dứt thường kiến.

Lại nói 5 ấm, không phải ngay ấm đó là người, cũng không phải lia ấm là người. Cho nên biết không phải thường không phải đoạn. Vì có thể được thân khác nên không được nói là một. Vì đều là chúng sinh nên không được nói là khác.

Lại 5 ấm nối nhau mới có chúng sinh chết sống. Trong đó không được nói ngay ở đó, vì nối nhau luôn đổi khác. Cũng không được nói khác, vì trong nối nhau kia có thể nói là một.

Lại từ ấm này đến ấm kia khác nhau, nên không được nói thường; do sức nhân duyên nối nhau sinh nên không được nói đoạn.

Phẩm 132: TÀ KIẾN

Nếu thật có pháp mà sinh tâm cho là không, đó là tà kiến. Như nói không có Tứ đế, Tam Bảo v.v.... Trong kinh nói: Tà kiến là: không bố thí, không thờ kính, không thiêu đốt, không thiện, không ác, không có nghiệp báo thiện ác, không đời nay, không đời sau, không cha mẹ, không chúng sinh thụ sinh thế gian, không A-la-hán chính hành chính chí, và tự cho rằng mình rõ thấu chứng đời này đời sau, biết ta sinh tử đã hết, Phạm hạnh đã thành, chỗ làm đã xong. Từ thân này trở đi không còn thân khác.

Bổ thí là vì lợi tha nên thí cho. Thờ kính là những lời lẽ trong sách Vĩ-đà do trời mà có nên phải thờ kính. Thiêu đốt là ở trong miếu thờ trời đốt các hương tô hợp v.v... Thiện là có thể được 3 thứ quả được ưa thích của nghiệp thiện. Ác là bị 3 thứ quả không được ưa thích của nghiệp ác. Nghiệp báo thiện ác là tên thiện ác đời nay, quả báo thân trời đời sau v.v.... Đời nay là hiện tại. Đời sau là vị lai. Cha mẹ là người sinh ra. Chúng sinh thụ sinh là từ đời nay đến đời sau. A-la-hán là người hết phiền não. Nghĩa là không có những việc trên gọi là tà kiến.

Lại chúng sinh bản sạch, có thấy biết, không thấy biết đều không nhân duyên. Lại không sức, không mạnh và quả báo này v.v..., gọi là tà kiến.

Nói tóm lại có tâm điên đảo đều là tà kiến. Như vô thường tưởng thường; khổ tưởng vui, bất tịnh tưởng tịnh, vô ngã tưởng ngã, không hơn tưởng hơn, đạo thanh tịnh tưởng chẳng phải đạo thanh tịnh, đạo chẳng phải thanh tịnh tưởng đạo thanh tịnh, trong không tưởng có, trong có tưởng không. Những tâm điên đảo như vậy v.v..., như 5 kiến chấp trong Luận A-tì-đàm, 62 kiến chấp trong Kinh Phạm Võng đều gọi là tà kiến.

Hỏi: Tà kiến này sinh như thế nào?

Đáp: Bởi si nên sinh. Nhiễm đấm cái chẳng phải nhân và cái tương tự nhân, nên sinh tà kiến.

Lại vì nhiễm đấm nhân vui nên nói không Khổ.

Lại mất đạo lý không, nên nói không khổ, vì cho rằng không có người chịu khổ.

Như nói muôn vật trong thế gian không nhân không duyên. Hoặc nói nhân nơi trời Tụ Tại v.v... chứ không phải nhân nơi ái. Đó gọi là không Tập.

Tùy theo nhân duyên nào đó nói không có Nê-hoàn; hoặc nói Nê-hoàn bằng một cách khác. Đó gọi là không Diệt.

Nếu không đạo Nê-hoàn thì đến chỗ nào? Hoặc nói lại có đạo giải thoát khác là nhịn ăn v.v.... Đó gọi là không Đạo.

Không Phật, là người này nói: Các pháp nhiều vô lượng làm sao một người có thể biết hết được? Hoặc sinh ý nghĩ như vậy: Phật là bậc cao quý trong loài người, vì không người nào bằng, nên biết không có Phật.

Không có phiền não hết, nên gọi là không có Pháp.

Không có người chính hành được Pháp này, nên gọi không có Tăng.

Bởi bố thí không được hiện quả nên gọi không bố thí.

Lại có kinh sách nói không bố thí. So sánh mà biết cũng không nhất định. Như thế gian có người ưa bố thí mà lại nghèo cùng; người tham lam lại được giàu sang. Do các nguyên nhân này nên nói không bố thí.

Không thờ cúng, không đốt hương cũng như vậy.

Nếu lửa đốt vật thành tro, thì trong đó có quả gì?

Không có thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, là nếu thân là thường thì không thiện ác, nếu thân vô thường thì không có đời sau. Vì không đời sau nên không thiện ác, không nghiệp báo thiện ác.

Không đời nay là phân tích các pháp, chung qui đều không có gì cả.

Không đời sau là bởi sau khi chết rồi không làm nhân duyên nên nói là không có đời sau.

Không cha mẹ nghĩa là cũng đem từng phần phân tích cho đến hết.

Lại nói như do phân sinh trùng, phân không phải cha mẹ của trùng.

Lại thân phần đầu v.v..., không phải tức thân phần của cha mẹ.

Lại các pháp diệt trong tích tắc, thì lấy gì làm cha mẹ?

Không chúng sinh thụ sinh là vì pháp chúng sinh không có, nên đời nay còn không, huống là có thể thụ thân đời sau.

Lại suy nghĩ mà nói thì chúng sinh này là thân này hay không phải thân này? Nếu là thân này, thì mắt thấy thân này chôn thì thành đất; đốt thành tro; trùng ăn thành phân nên không thụ sinh. Nếu là không phải thân này thì có 2 thứ: hoặc tâm, hoặc lìa tâm. Nếu là tâm, thì tâm pháp sinh diệt trong tích tắc không dừng trụ, huống chi đến thân đời sau. Nếu lìa tâm, thì không chấp ngã. Với tâm người khác còn không chấp ngã, huống là chỗ vô tâm. Cho nên không có người thụ sinh.

Không A-la-hán nghĩa là người này thấy mọi người đói cầu ăn, lạnh cầu ấm, nóng cầu mát, phá hại thì giận, cung kính nuôi dưỡng thì mừng, cho nên không ai hết phiền não được.

Lại kinh sách hoặc nói không A-la-hán, do đó vin lấy kinh này nên sinh tà kiến.

Bản sạch v.v... không nhân duyên là người này thấy pháp bản tự nhiên mà sinh. Và có thứ bản tự thể nó bản, nên mới nói không có nhân. Thấy biết, không thấy biết cũng như vậy.

Không sức không mạnh là thấy tất cả chúng sinh đều nhờ nhân duyên hoặc có người nói do trời Tự Tại tạo ra mới có.

Lại thấy chúng sinh thuộc nghiệp nhân duyên không phải do trời Tự Tại, nên nói không sức mạnh và quả báo này.

Vô thường tướng thường, là tùy đem nhân duyên nào đó để phá niệm niệm diệt, nhờ nhân duyên đó nên sinh thường kiến.

Lại nói các pháp khi diệt lại thành vi trần, hoặc nói trở về bản tính.

Lại các pháp tuy diệt, vì nhớ tướng, nên có thể chịu khổ vui, rồi sinh tướng là thường.

Lại nói thân là thường, âm thanh cũng thường. Vì các duyên có này nên sinh tướng thường.

Khổ nghĩa là người ưa vui tùy đem nhân duyên nào đó, bảo là có vui như trong Phẩm 3 thụ ở trước đã nói. Do nhân duyên này, nên sinh tướng vui.

Bất tịnh tướng tịnh, là vì nhiễm đắm thân, nên mắt thấy bất tịnh mà sinh tướng tịnh. Hoặc nghĩ như vậy: Ta được tướng người, thấy thân người này bất tịnh, mà có chúng sinh cho đó là tịnh. Do các nhân duyên như vậy nên sinh tướng tịnh.

Vô ngã tướng ngã, là thấy âm nối nhau sinh, mà nhận lấy một tướng cho đó là ngã.

Lại như trước đã nói nhân duyên sinh thân kiến. Vì những nhân duyên này, nên sinh tướng ngã.

Không hơn tướng hơn, là người này đối với các sự ngoại đạo Phú-lan-na v.v... sinh tướng thắng hơn.

Lại Phạm Vương tự nói: Ta là Đại Phạm Thiên Vương người tạo ra muôn vật. Như vậy v.v....

Có người nói: Nếu người hưởng vui 5 thứ dục đầy đủ, đó là pháp hơn hết.

Lại nói, nếu người lìa dục vào Sơ thiên cho đến Tứ thiên, đó là pháp vượt trội hơn hết.

Lại nói hiện thấy chúng sinh trong thế gian Bà-la-môn là cao cả, chứ không phải hiện thấy trời trong chúng sinh là cao tột. Đó là không hơn tưởng hơn.

Hơn tưởng không hơn, là trong tất cả chúng sinh Phật là vượt trội hơn cả, mà có người đối với Phật không sinh tưởng hơn lại nói như vậy: Phật là dòng Sát-đế-lợi, lại mới học đạo không mấy ngày. Lại còn bảo những lời trong Phật pháp không xảo diệu, văn từ phiền phức trùng điệp không bằng sách Vi-đà, đó không gọi là hơn. Trong chúng Tăng có 4 hạng người, cho nên không hơn. Như vậy v.v... là trong hơn sinh tưởng không hơn.

Trong chẳng phải đạo thanh tịnh tưởng là đạo thanh tịnh, nghĩa là như người nói lấy nước tro v.v... rửa người làm cho thanh tịnh.

Lại nói xong hết sinh tử gọi là đạo thanh tịnh.

Lại chỉ tham đắm trì giới, Phạm hạnh, cúng dường trời v.v.... Cũng nói do trời Tự Tại nên được thanh tịnh.

Hoặc nói tiêu hết bản nghiệp khổ hạnh, gọi là đạo thanh tịnh.

Lại nói dứt bỏ không dùng các thứ gia vị cay nồng và bơ sữa v.v... nên được thanh tịnh.

Lại mỗi khi tắm rửa sạch sẽ phải đọc câu chú trong sách Vi-đà, rồi sau mới ăn uống, gọi là đạo thanh tịnh.

Dùng các thứ tà đạo như vậy v.v... mà được giải thoát, chứ không dùng 8 chính đạo cho là đạo thanh tịnh.

Trong có sinh tướng không, là như trong pháp thể để có mà nói là không.

Trong không sinh tướng có, là như nói có đà-la-phiêu, có hữu phần, cũng nói có cầu-na, số lượng v.v... cũng nói tướng chung, tướng riêng và tập hợp, cũng nói thể tính v.v... không vật là có. Những nhân duyên như vậy v.v... sinh tâm điên đảo, đều gọi là tà kiến.

Trong tà kiến này đặc biệt có 4 thứ kiến, còn bao nhiêu các thứ nặng đều gọi tà kiến.

Hỏi: Làm sao dứt tà kiến này?

Đáp: Trong kinh Phật nói chính kiến có thể làm tiêu tà kiến.

Hỏi: Làm sao sinh chính kiến?

Đáp: Nếu thấy, nghe, so sánh biết, quyết định đúng đắn là sinh chính kiến.

Lại khéo tu chính định, thì sinh chính kiến. Như kinh nói nhiếp tâm có thể biết như thật, chứ không phải tán tâm.

Hỏi: Tà kiến như vậy có những lỗi gì?

Đáp: Tất cả tội lỗi và các tôn não đều bởi tà kiến. Vì người tà kiến bảo không tội phúc và nghiệp báo thiện ác. Cho nên hiện tại họ không có các việc tốt hướng chi là đời vị lai. Người phá thiện ác như vậy gọi là đoạn thiện căn, chắc chắn sẽ đọa địa ngục A-tì, như trong Luận A-tì-đàm, Lục Túc nói giết người này tội nhẹ hơn giết loại trùng kiến.

Lại người tà kiến này làm ô nhiễm thế gian, vì làm nhiều điều tôn giảm chúng sinh, cho nên họ sống như một loài cây có độc vì có hại.

Lại người này khởi ra nghiệp thân khẩu ý đều là ác báo. Như trong kinh nói: Người tà kiến khởi ra nghiệp thân khẩu ý, muốn nghĩ nhớ dục, sân đều là ác báo, như trồng giống bầu đắng, giống

Câu-xa độc, ắt hại giống cây Mạn-đà. Trong ấy có bao nhiêu địa chủng, thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng đều có vị đắng, là vì trồng giống đắng. Như vậy người tà kiến các tâm, tâm số pháp, vì tà kiến nên đều bị ác báo. Cho nên người này dù có làm bố thí v.v... quyết không có quả báo tốt, vì trước đã bị tâm tà kiến làm hủy hoại. Những bất thiện người này tạo ra đều tăng thượng, vì từ lâu chứa nhóm ác tâm.

Lại nhờ giới pháp nên có thể ngăn phi pháp, mà người này không có thiện ác nên không thể cấm kỵ họ được, do đó rất phóng túng làm những điều bất thiện, chắc chắn phá hủy 2 pháp trong trắng là hổ với thẹn, nên chẳng khác loài súc sinh.

Lại nếu ai nói không thiện ác, tức trong tâm người ấy thường ôm điều bất thiện.

Lại người này không có nhân duyên có thể thụ thiện pháp. Bởi vì sao? Vì người ấy không hay gần gũi người thiện, không nghe thiện pháp, ác tâm dễ khởi, thiện tâm khó sinh. Vì dễ khởi ác nên không có nhân duyên thiện. Như vậy dòn chứa thì dứt mất thiện căn.

Lại người tà kiến này gọi là ở chỗ bị nạn, như chúng sinh trong địa ngục không thể đắc đạo. Nếu người này, dù sinh ở trung tâm trong nước, đầy đủ 6 căn, có thể phân biệt tốt xấu, nhưng cũng không thể đắc đạo.

Lại người tà kiến này không ác nào không tạo, không kể nhẹ nặng.

Lại họ gây chút bất thiện cũng đọa địa ngục, vì tâm nặng tội mà khởi nghiệp này. Như trong Phạm nghiệp giải thích về nghiệp địa ngục. Vì những nhân duyên này mà người ấy gây ra nghiệp gì đều là địa ngục.

Lại người này không thể hết nghiệp tội ác, vì pháp bất thiện thường ở trong tâm.

Lại người này xoay vần trong địa ngục khó được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người đoạn thiện căn, trong khi thiện căn chưa nối nhau quyết không ra khỏi địa ngục.

Lại vì người này tà kiến ở luôn trong tâm, thì thiện căn làm sao tương tục lại được?

Lại người tà kiến gọi là không thể chữa được, giống như người bệnh nhân đã hiện tướng chết thì dù lương y cũng không chữa được. Người này cũng vậy, vì không còn một chút thiện. Cho đến chư Phật cũng không cứu được. Cho nên quyết phải đọa địa ngục A-tì.

Phẩm 133: HAI THỦ

Đối với không phải thật sự, sinh tâm quyết định chỉ là sự thật, ngoài ra đều là vọng ngữ. Đó gọi là kiến thủ. Và như trước đã nói trong pháp không hơn, mà quyết định sinh tưởng cho là hơn, cũng gọi kiến thủ.

Hỏi: Kiến thủ có những lỗi gì?

Đáp: Người này được ít công đức , tự cho là đủ.

Lại người này uổng nhọc công lao. Bởi vì sao? Vì người ấy với việc chẳng phải thiện mà sinh tưởng là diệu thiện, rồi siêng năng tinh tiến, do nhân duyên này về sau tâm sinh ăn năn.

Lại người này bị người trí chê cười, vì với không hơn mà sinh tưởng là hơn.

Lại nếu người không hơn mà cho là hơn, là tướng ngu si, giống như người mù đối với gạch ngói mà sinh tưởng là vàng bạc, bị người sáng mắt cười cho xấu hổ. Kiến thủ có những lỗi như vậy.

Nếu ai bỏ trí tuệ mà dùng giới v.v... tắm rửa mong được thanh tịnh, gọi là giới thủ.

Hỏi: Vậy không cần giới mà được thanh tịnh sao?

Đáp: Nhờ trí tuệ giới mới thanh tịnh vì trí tuệ là căn bản.

Hỏi: Giới thủ có những lỗi gì?

Đáp: Nói lỗi kiến thủ, là lấy việc thấp kém cho là đầy đủ v.v..., đều là lỗi này.

Lại nhân duyên giới thủ uổng chịu các khổ, nghĩa là như chịu lạnh chịu nóng, nằm trên tro đất, nằm trên chông gai, gieo mình xuống vực thẳm, nhảy vào lửa, gieo mình từ trên cao v.v..., thì đời sau cũng chịu quả báo khổ kịch liệt, như trong kinh nói: Trì giới trâu bò, nếu thành tựu thì lại làm trâu bò, mà nếu không thành thì đọa địa ngục.

Lại người này là hạng người từ tối vào trong tối, vì thụ pháp này hiện đời bị khổ, đời sau cũng khổ.

Lại người này bị tội rất nặng. Bởi vì sao? Vì lấy phi pháp cho là pháp, rồi hủy hoại chân pháp, và cũng bài bác những người tu chính pháp, khiến nhiều chúng sinh phản lại chân tịnh pháp, mà sa vào vòng tội lỗi. Vì chất chứa nhiều đại tội, nên bị quả báo địa ngục A-tì. Thà chằm dứt còn hơn, chứ không nên tu hành tà đạo. Bởi vì sao? Vì nếu từ trước chưa tu để khiến tu đạo, chứ tu tà hư tâm, nên khó vào chính đạo.

Lại tuy là oán tặc không thể khiến người suy não như sinh tà kiến. Bởi vì sao? Vì oán tặc không thể làm ô uế người, như chạy theo tà kiến, chịu tu các tà giới ngoại đạo như lửa hình không xấu hổ, bôi tro đất lên người, nhổ tóc v.v...

Lại người tà kiến đều mất tất cả lợi lạc thế gian. Hiện tại mất vui ngũ dục, vị lai mất vui sinh về cõi thiện và vui Nê-hoàn. Nếu ai cầu vui mà bị khổ, cầu giải thoát mà bị trôi buộc, thì không gọi là cuồng ư! Bởi vì sao? Vì nhân duyên thí một bữa ăn còn có thể được sinh lên trời. Mà người này tu tà hạnh dù cho thí cả thân mạng cũng không lợi ích gì!

Phẩm 134: TÙY PHIỀN NÃO

Tâm nặng nề muốn nhắm mắt gọi là buồn ngủ. Tâm không còn thức tỉnh gọi là ngủ. Tâm tản động duyên các trần gọi là trạo động. Tâm ôm buồn lo gọi là ăn năn. Như điều không nên làm mà làm, nên làm mà không làm. Tâm uốn khúc giả thiện gọi là siểm. Tâm siểm được thành sự gọi là lừa gạt. Tự tác ác không biết xấu gọi là không thẹn. Làm bậy giữa công chúng không biết ngượng ngại gọi là không xấu hổ. Tâm chạy theo bất thiện gọi là phóng dật. Thật không công đức mà hiện tướng khiến người ta cho là có, gọi là dối trá. Hiện tướng kỳ lạ vì cầu lợi dưỡng, dùng lợi khẩu làm cho đẹp lòng người gọi là La-ba-na. Vì muốn được vật của người, nên biểu lộ muốn được, như nói vật này tốt v.v..., gọi là hiện tướng. Nếu vì muốn chê bai người này, nên ngợi khen người kia, như nói: Thân phụ của ông tịnh tiến, ông không bằng, gọi là nói cạnh khoe. Nếu đem của thí đã được để cầu của thí nữa, như nói đây là vật thí do người nào đó mới cúng, những lời như vậy gọi là dùng lợi để cầu lợi. Nếu người có bệnh ưa ngủ, gọi bệnh Đon-trí-lợi. Nếu được chỗ tốt đầy đủ nhân duyên hành đạo, mà thường buồn rầu, gọi là bất hỷ. Nếu người hay uốn mình, thân không điều thích, vì nhân duyên ngủ nghỉ, gọi là uể oải. Nếu người không biết ít nhiều điều hòa sự ăn uống, gọi là ăn không điều độ. Nếu không tinh tiến nổi, gọi là thoái tâm. Nếu các tôn trưởng có lời dạy bảo, mà không kính sợ, gọi là không tôn kính. Ưa thích người ác, gọi là ưa bạn ác. Những điều như vậy gọi là tùy phiền não. Vì theo phiền não phát sinh.

Phẩm 135: BÁT THIỆN CĂN

Ba bất thiện căn là tham, sân và si.

Hỏi: Những kiêu mạn v.v... lẽ cũng là bất thiện căn, Vì sao chỉ nói 3 thứ ấy ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều do 3 phần phiền não này, còn mạn v.v... là si phần nên không nói rộng.

Lại 3 thứ phiền não này phần nhiều ở trong tâm chúng sinh, mạn v.v... không phải vậy.

Lại tất cả những ai chưa lìa dục, cho đến con trùng con kiến, 3 phiền não này đều có ở tại tâm, kiêu mạn v.v... không như vậy.

Lại tham là bất thiện căn của sân, vì trái hoặc mất cái mình tham thì liền sinh sân. Còn si làm gốc cho cả 2. Bởi vì sao? Vì nếu ai không si thì không tham sân.

Lại trong kinh nói 10 nghiệp bất thiện có 3 thứ do tham sân si sinh chứ không nói do mạn v.v... sinh.

Lại chỉ có 3 thứ thụ, chứ không có thụ thứ tư. Trong 3 thụ này bị 3 phần phiền não kia sai khiến, nếu riêng có mạn v.v... thì sai khiến ở trong thụ nào? Điều này thật không nói được. Phải biết 3 thứ này là gốc của các phiền não.

Hỏi: Vì sao trong lạc thụ do tham sai khiến?

Đáp: Vì hiện thấy sinh ở trong đó. Như trong kinh nói: Người được lạc xúc sinh mừng, bị khổ xúc không mừng. Người này đối với các thụ như tập, diệt, vị, quá và xuất, vì không biết như thật nên trong thụ không khổ không vui, bị vô minh sử sai khiến. Bởi vì sao? Vì người này bị buộc trong cõi Vô sắc, các âm nối nhau, không biết như thật nên trong đó sinh tưởng tịch diệt, hoặc tưởng giải thoát, hoặc tưởng không khổ không vui, hoặc tưởng ngã. Cho nên nói si sinh trong thụ không khổ không vui.

Hỏi: Các thứ sử này là ở trong pháp mà sai khiến, hay là ở trong chúng sinh mà sai khiến?

Đáp: Do pháp mà sinh tâm chúng sinh, tùy tâm chúng sinh mà nhận các thứ thụ, tùy các thứ thụ tham v.v... các phiền não sai khiến. Cho nên biết do pháp sinh sử rồi sai khiến chúng sinh.

Làm sao biết được? Nếu chúng sinh chưa dứt sử này thì bị nó sai khiến, trái lại là không còn khiến nữa. Nếu như trong pháp mà sai khiến, thì pháp là thường có, lẽ ra phải thường sai khiến, vì thường không nên dứt.

Lại phi chúng sinh số lẽ ra cũng có sai khiến. Nếu như vậy thì như vì người sai khiến thì cái vách tường v.v... cũng có sai khiến; vì người biết nên cái vách tường v.v... lẽ ra cũng có biết. Điều này thật không có. Như vậy thì không có A-la-hán, vì người khác có sử, nên mình cũng có sử.

Hỏi: Sử này chưa dứt thì sai khiến, mà dứt rồi không sai khiến?

Đáp: Có 2 thứ sử sai khiến là duyên sử, và tương ưng sử. Sử này hoặc dứt, hoặc không dứt, tức là duyên và tương ưng. Vì sao nói dứt thì không sai khiến? Nếu như vậy, phải nói tương sử thứ 3? Vì không thể nói được, nên phải biết là không có.

Lại sử có thể duyên cõi khác mà không sai khiến, cho nên biết chỉ sai khiến trong chúng sinh, chứ không phải trong pháp.

Hỏi: Hai thứ sử 1 duyên 2 tương ưng là các sử của chúng sinh, không phải duyên, không phải tương ưng, làm sao sai khiến?

Đáp: Điều này trước đã đáp: Các sử do pháp sinh mà sai khiến chúng sinh. Như trong A-tì-đàm thân trung nói: Chúng sinh cõi Dục có bao nhiêu thứ sử sai khiến v.v...?. Nếu không sai khiến chúng sinh làm sao có những câu hỏi như vậy?

Hỏi: Nếu sử sai khiến chúng sinh, mà trong kinh lại nói tham sử trong lạc thụ, thì mâu thuẫn nhau sao?

Đáp: Đó là lời nói chưa hết ý. Nên phải nói là trong lạc thụ sinh tham rồi sai khiến chúng sinh.

Hỏi: Tham này cũng do sắc v.v... sinh ra, vì sao trong đó chỉ nói do lạc thụ sinh?

Đáp: Bởi nghĩ nhớ phân biệt vui mừng v.v..., nên tham mới sinh, chứ không phải chỉ do sắc v.v... sinh.

Hỏi: Do khổ thụ cũng sinh tham, như nói người vui không cầu, người khổ cầu nhiều. Vì sao chỉ nói do lạc thụ sinh?

Đáp: Là không sinh tham khổ thụ. Người này bị khổ làm bức bách ngặt nghèo, nên sinh tham lạc thụ.

Hỏi: Trong bất khổ bất lạc thụ, cũng bị tham sử sai khiến, vì sao chỉ nói trong lạc thụ?

Đáp: Người này cho bất khổ bất lạc thụ là vui nên sinh tham, cho nên nói trong lạc thụ tham sai khiến. Vì trong 3 thứ thụ này, 3 phiền não sai khiến, nên chỉ nói ba.

Phẩm 136: TẠP PHIÊN NÃO

Hỏi: Trong kinh nói 3 lậu: dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Thế là thế nào?

Đáp: Trong cõi Dục, trừ vô minh, còn tất cả phiền não là dục lậu. Hữu lậu trong cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Vô minh trong 3 cõi gọi là vô minh lậu.

Hỏi: Các lậu tăng trưởng như thế nào?

Đáp: Vì pháp từ hạ, trung, thượng lần lượt tăng trưởng. Lại được sắc v.v... các thắng duyên, nên các lậu tăng trưởng.

Hỏi: Ba lậu này vì sao nói 7 lậu?

Đáp: Thật lậu có 2 thứ: Thấy đạo lý dứt được là các lậu căn bản. Suy nghĩ mà dứt được là quả của các lậu. Năm nhân duyên giúp cho lậu hợp lại thành bảy, tức là phiền não này. Phật tùy theo nghĩa nên nói 3 lậu, 4 lưu, 4 phược, 4 thủ, 4 kết v.v....

Hỏi: Bốn lưu là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu. Thứ nào ra làm sao?

Đáp: Trừ kiến và vô minh, còn tất cả phiền não cõi Dục, gọi là dục lưu. Hữu lưu cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Các thứ kiến gọi là kiến lưu, vô minh gọi là vô minh lưu.

Hỏi: Trong lưu, vì sao riêng nói kiến lưu, mà trong lậu không nói?

Đáp: Ngoại đạo phần nhiều bị kiến chấp làm trôi nổi, cho nên riêng nói trong lưu. Vì hay nổi chìm nên gọi là lưu, vì hay trôi buộc 3 cõi nên gọi là phược.

Hỏi: Bốn thủ gồm dục thủ, kiến thủ, giới thủ, và ngã ngữ thủ. Thứ nào ra làm sao?

Đáp: Vì vô ngã nên chỉ lấy lời nói gọi là ngã ngữ thủ. Nếu người có ngã kiến, tức sinh chấp 2 bên, là ngã hoặc thường hoặc vô thường. Nếu quyết định nói vô thường thì thủ lấy ngữ dục, vì cho rằng không có đời sau nên đắm nhiễm vui hiện tại. Nếu quyết định nói thường, nếu người độn căn thì lấy trì giới mong được vui đời sau, người có chút lợi căn thì nghĩ như vậy: Nếu thân là thường thì khổ vui không biến đổi, tức không tội phúc nên khởi tà kiến. Như vậy chỉ do ngã ngữ mà sinh 4 thứ thủ.

Hỏi: Bốn kết là thân kết tham lam ganh ghét, thân kết giận dữ, thân kết giới thủ, và thân kết tham trước thật thủ. Thứ nào là thế nào?

Đáp: Tham lam vật của người khác mà người không cho thì sinh tâm giận dữ, dùng đến roi gậy v.v... mà lấy, đó là cội rễ đấu tranh của người tại gia, cũng gọi là theo bên vui. Nếu người trì giới muốn nhờ giới này mà được thanh tịnh, liền bảo đây là thật, ngoài ra là vọng ngữ, kiến chấp này liền theo. Đó là cội rễ tranh cãi của người xuất gia, cũng gọi là theo bên khổ. Năm ấm gọi là thân, là 4 thứ kết này cần phải có thân khẩu mới thành, nên gọi là thân kết.

Lại có người nói 4 pháp này có thể trôi buộc sinh tử nên gọi là kết.

Hỏi: Năm thứ ngăn che là tham dục, giận dữ, ngủ nghỉ, trạo hối và nghi, việc ấy thế nào?

Đáp: Người tham đắm các thứ dục, nên giận dữ bám theo. Như trong kinh nói: Do ái sinh giận dữ và ganh ghét v.v... các phiền não; roi gậy v.v... các nghiệp ác đều bởi tham dục sinh. Người này thân và tâm bị sự tham giận làm hư hoại. Nhiều việc mệt nhọc thì muốn ngủ nghỉ. Người này mới ngủ nghỉ một chút thì tham giận lại đến nữa làm tâm tán loạn. Tâm không được thiền định, nên chạy rong theo cảnh ngoài, nên mới sinh trạo hí. Người có nghiệp bất tịnh thì tâm thường lo lắng ăn năn. Vì tán tâm và hối tâm nên tâm thường sinh nghi ngờ có giải thoát hay chăng? Như Vương Tử bảo A-di-la là Sa-di.

Hỏi: Sao gọi là ngăn che?

Đáp: Tham dục, giận dữ có thể che khuất giới phẩm. Trạo hối có thể che định phẩm. Ngủ nghỉ có thể che tuệ phẩm. Có người vì muốn trừ cái che này nên nói đây là thiện, đây là bất thiện. Người đó trong đó sinh nghi là có hay là không? Nghi này thành, có thể che 3 phẩm trên. Vì sức của 5 thứ che, 3 pháp này mạnh, nên được gọi độc nhất là che. Sức của 2 thứ che yếu, nên phải hợp 2 pháp mới thành. Lại 2 thứ che này nhân duyên cùng sinh, cho nên hợp lại mà nói.

Năm pháp nhân duyên của ngủ nghỉ là Đơn-trí-lợi, không vui, uể oải, ăn không điều độ, tâm lui chìm.

Bốn pháp nhân duyên của trạo hối là biết bà con xóm làng, biết đất nước, biết không chết, và nghĩ nhớ việc vui chơi nói cười trước đây, là sinh nhân. Vì thuốc trị bệnh cũng đồng, nên ngủ nghỉ lấy tuệ làm thuốc, trạo hối lấy định làm thuốc. Vì che khuất cũng đồng nên hợp 2 thứ lại làm che. Năm pháp này hoặc là che hoặc không phải che. Bất thiện trói buộc cõi Dục gọi là che, ngoài ra không gọi là che. Năm thứ kết hạ phần là tham dục, giận dữ, giới thủ. Vì đọa xuống nên gọi là hạ phần. Như giữ giới trâu bò thành tựu thì làm trâu bò,

bất thành thì vào địa ngục. Nghi, ngăn ngại, lia dục, thân kiến, là 4 thứ căn bản, đó gọi là 5.

Lại vì tham giận nên không ra khỏi cõi Dục. Thân kiến không ra khỏi tâm chấp ngã. Giới thủ không ra khỏi hạ pháp. Nghi không ra khỏi phạm phu.

Lại vì tham dục và giận dữ nên không vượt khỏi cõi Dục. Nếu vượt quá thì bị kéo lại. Còn 3 thứ kia không vượt khỏi phạm phu, nên gọi là hạ phần, 5 thứ thượng phần thì trạo hí phá hoại thiên định, nên tâm không tịch diệt. Trạo hí này tùy lấy tướng kiêu mạn nên sinh. Tâm lấy tướng này từ vô minh sinh, nên mới có nhiễm cõi Sắc, nhiễm cõi Vô sắc, 5 thứ kết này bậc học nhân gọi nó là đi lên, nên gọi thượng phần, 5 thứ kết này là đối với tâm người học nhân mà nói, chứ không là phạm phu.

Hỏi: Vì sao trạo hí trong cõi Sắc, Vô sắc gọi là kết, mà cõi Dục không nói?

Đáp: Trong đó không có thô phiền não, nên trạo hí rõ rệt.

Lại trạo hí này có sức phá định, nên gọi là kết. Dứt được thượng phần này thì được giải thoát. Có người trong cõi Sắc và Vô sắc sinh tướng giải thoát. Vì muốn ngăn lắm này, nên mới nói có thượng phần kết.

Năm thứ xan là trụ xan, gia xan, thí xan, xung tán xan, và pháp xan. Trụ xan là chỉ mình ta ở đây, không có cho người khác. Gia xan là chỉ mình ta ra vào nhà này, không cho ai cả, dẫu có ai ở đây ta là hơn họ. Thí xan là ở trong đây độc một mình ta được bố thí, không cho người khác, dẫu có ai nữa, chớ cho hơn ta. Xung tán xan là chỉ khen ngợi mình ta, đừng khen người khác, dẫu có khen ai cũng đừng hơn ta. Pháp xan là chỉ độc nhất mình ta biết nghĩa 12 bộ kinh, và biết sâu sắc nghĩa bí mật mà không nói cho ai hết.

Hỏi: Năm thứ xan tham này có những lỗi gì?

Đáp: Trụ-xứ ấy v.v... là cộng hữu của nhiều người. Người này đã từng bỏ nhà mình, đến ở chỗ cộng hữu lại sinh tâm keo kiệt bủn xỉn là tệ phiền não.

Lại người ấy đối với pháp giải thoát hoàn toàn không có phần. Bởi vì sao? Vì người ấy đối với pháp cộng hữu hãy còn không xả được, huống chi có thể xả được tự thân 5 âm ư?

Lại người này sinh đọa ngạ quỷ v.v... các chỗ ác.

Lại người này vì lợi dưỡng che tâm, thì kiêu mạn, khinh dễ các người thiện, nên đọa địa ngục.

Lại vì phá hoại người khác bố thí, nên dẫu được trở lại thân người thì bị nghèo cùng.

Lại vì tâm keo kiệt làm dứt mất công đức người thí, vật thí, người thụ, nên bị tội nặng. Nếu xan lẫn pháp thì bị tội báo đui mù v.v..., như mù bẩm sinh và sinh vào chỗ nhiều người ác, không được tự tại, thoái mất Thánh thai, là oán tặc 3 đời 10 phương chư Phật. Thường qua lại sinh tử làm người ngu si, người thiện xa lánh. Vì xa lìa người thiện nên không điều ác nào cũng gây.

Ác có 3 thứ: ác ác, đại ác, và ác trong ác. Ác ác là giết, trộm v.v... Đại ác là tự mình giết, cũng dạy bảo người giết. Tự keo kiệt cũng dạy người keo kiệt. Ác trong ác là tự lẫn tiếc pháp cũng dạy người lẫn tiếc pháp.

Người này lẫn tiếc Pháp khiến nhiều người đọa vào ác. Cũng là diệt Phật pháp. Như trong kinh nói trụ xứ xan có 5 lỗi. Vị thiện Tỳ-kheo chưa đến không muốn cho đến, đã đến thì nhăn nhó không vui, nghĩ muốn khiến đi, cất giấu thí vật của Tăng, các thí vật của chư Tăng sinh tâm của mình.

Gia xan có 5 lỗi. Vì tham đắm nhà cửa nên cùng chung buồn vui với người thế gian, dứt việc làm phúc của người thế gian, dứt người thụ giả được của thí. Vì dứt 2 điều này nên sinh làm con quỉ ở trong chuồng tiêu của nhà ấy.

Thí xan có 5 lỗi là thường thiếu thốn vật nuôi sống, phá hoại lợi hai người, mắng nhiếc người thiện, tâm thường ôm lo buồn.

Khen ngợi xan tham có 5 lỗi là nghe khen người khác tâm thường vẫn đục, trong trăm trăm ngàn đời thường không tịnh tâm, chê trách người thiện, tự cao bản thân hạ thấp người khác, khiến thường mang tiếng xấu.

Lại tất cả xan tham chung có những lỗi này: chứa nhóm nhiều vật, khiếp sợ đại chúng, bị nhiều người ghét, tâm thường vẫn đục, thân thường cô độc, sinh vào nhà nghèo hèn. Như vậy nhiều vô lượng là tội lỗi của 5 thứ xan tham.

Năm thứ tâm trồng là nghi Phật, nghi Pháp, nghi giới nghi giáo hóa, nếu có Tì-kheo được Phật và các bậc Đại nhân khen ngợi, người này liền đem ác khẩu sàm báng. Đó gọi là 5 thứ. Nghi Phật là khởi ý nghĩ như vậy: Phật là lớn hay Phú-lan-na v.v... là lớn? Nghi pháp là Phật Pháp là hơn hay Vi-đà v.v... của ngoại đạo là hơn? Nghi giới là giới Phật nói là hơn hay giới gà chó v.v... là hơn? Nghi giáo hóa là nghi pháp A-na-ba-na v.v... là có thể đến Nê-hoàn hay chăng? Sàm báng là đem tâm giận dữ không chút kính nể mà xâm hại người thiện. Người này bị 5 pháp ấy làm bại hoại tâm, không kham trồng các thiện căn, nên gọi là tâm trồng.

Hỏi: Người ấy vì sao đối với Phật v.v... sinh nghi?

Đáp: Người này không thể đa văn, cho nên sinh nghi. Nếu những người đa văn thì ít nghi ngờ. Và người này ngu si vô tri không biết phân biệt Phật pháp và các pháp khác, cho nên sinh nghi.

Lại người này đối với Phật pháp, không thể có được ý vị, cho nên sinh nghi.

Lại không học không đọc các kinh Vi-đà mà chỉ nghe người khen ngợi rồi sinh tâm quý trọng.

Lại người này đòi đòi tà nghi nặng nhiều, vì tâm thường vẫn đục nên đối với Phật v.v... sinh nghi, như người thị giả của Phật tên Tô-na-sát-đa-la.

Lại người này cùng với nhiều người tà kiến cộng đồng sự nghiệp, nên khiến sinh nghi.

Lại người này vì đọc tụng Vi-già-đà-hòa-la-na v.v... các kinh tà kiến, nên chính trí tuệ bị hỏng mà sinh nghi.

Lại người này với các pháp nghĩa ưa sinh tà niệm, không thể lãnh hội được ý của tác giả kinh điển, cho nên sinh nghi.

Lại người này thủy chung không thể được công đức tự lợi. Vì những duyên có này nên đối với Phật v.v... sinh nghi.

Năm thứ tâm trói là nếu ai vì không lìa thân dục nên sinh tham đắm. Thân không lìa 5 thứ dục nên tham đắm dục.

Lại cùng với những người tại gia xuất gia hòa hợp, đối với Thánh ngữ nghĩa tâm không ưa thích được chút lợi ích tự cho là đủ. Trong đó, 4 thứ trói là do tham dục mà khởi. Nếu người không lìa nội thân dục nên đối với ngoại cảnh, trong Sắc v.v... sinh đắm nhiễm, cho nên ưa cùng đồng người ồn ào hòa hợp. Vì ưa ồn ào náo nhiệt nên với Thánh ngữ nghĩa hiển thị pháp tịch diệt thì tâm không ưa thích. Cho nên đối với trì giới đa văn và thiền định v.v... được chút ít lợi ích tự cho là đủ. Vì tham đắm chút lợi ích này nên bỏ mất lợi lớn. Người trí không nên tham đắm lợi nhỏ mà tổn hại lớn. Người này nếu lìa 8 nạn, được thân người khó, cho nên cần phải nhất tâm siêng năng tinh tiến.

Lại pháp phạm phu không thể tin. Nếu lia nhân duyên đầy đủ này, hoặc có duyên nào khác thì hoàn toàn không còn có thể vào Thánh đạo.

Lại không tham tiểu lợi thì có thể được quả báo xuất gia, đến khi lâm chung cũng không ăn năn, cũng được lợi mình lợi người.

Lại người này trong công đức còn không tham đắm hưởng là ác pháp, nên mới gọi là chính hành.

Lại lầm lỗi phạm phu không thể thẩm nhiễm được.

Hỏi: Lỗi phạm phu là thế nào?

Đáp: Trong kinh nói: Người phạm phu cần lấy 20 pháp chiết phục tâm mình. Nên nghĩ vậy: 1. Ta chỉ có hình thức ăn mặc khác với người tục. 2. Hoàn toàn không được gì. 3. Ta sẽ vì bất thiện mà chết mất. 4. Sẽ rơi vào biển rất khiếp sợ. 5. Sẽ phải đến chỗ sợ sệt. 6. Không biết chỗ không sợ. 7. Cũng không biết Đạo pháp. 8. Không được thiên định. 9. Thường chịu khổ thân. 10. Khó lia tám nạn. 11. Oán tặc thường đuổi theo. 12. Các đường đều mở chưa thoát đường ác. 13. Thường bị vô lượng kiến chấp trói buộc. 14. Với tội ngũ nghịch chưa thể đề phòng. 15. Vô thủy sinh tử chưa có biên giới. 16. Không gây tạo thì không được tội phúc. 17. Thiện ác không thể thay thế nhau. 18. Không tu pháp thiện quyết không an ổn. 19. Đã tạo thiện ác quyết không tiêu mất. 20. Ta sẽ vì không điều phục mà đến chết. Đó là 20 pháp không thể ô nhiễm được.

Lại việc đáng làm người này đã làm xong, nên tâm không ăn năn. Nếu ai tham đắm thì không có thể thành pháp tại gia và xuất gia. Cho nên không nên tham đắm tiểu lợi 7 thứ sử.

Hỏi: Các phiên nào sao gọi là sử?

Đáp: Trong sinh tử nối nhau thường đeo bám theo chúng sinh, nên gọi là sử. Giống như người vú nuôi thường theo đứa bé, như

bệnh sốt rét chưa khỏi, như mắc nợ ngày càng sinh lãi, như chuột hại chưa trừ, như tướng đen tẩm sắt nóng, như mâm lúa, như tự ký giấy ở đợ, như người đoán việc mà làm chứng, như trí tuệ dần chừa, như nghề nghiệp thường tập, như lửa đèn thường nổi nhau. Cứ như vậy thứ lớp nối nhau liên tục tăng trưởng nên gọi là sử.

Hỏi: Sử này tương ứng với tâm hay không tương ứng?

Đáp: Tương ứng với tâm. Bởi vì sao? Vì đã nói tham v.v... là tướng của sử. Các tướng này của sử cùng với vui mừng tương ứng. Nếu không tương ứng với lòng vui mừng là không đúng. Sự vui mừng này hoặc ở trong cảm thụ vui gọi là tham sử.

Lại tham là đắm nhiễm, mà trong tâm không tương ứng thì không có nghĩa đắm nhiễm. Cho nên biết các sử cùng tương ứng với tâm.

Hỏi: Không phải vậy. Các sử không phải tương ứng với tâm. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Đứa trẻ con dâm tâm còn không có hướng chi có thể hành động dâm dục mà cũng bị dục sử sai khiến?

Lại nói không nghĩ, không phân biệt, cũng có duyên thức trụ.

Lại trong kinh nói: Khi dứt thân kiến các sử đều dứt hết.

Lại Thánh đạo và phiền não không được đồng thời. Cho nên Thánh đạo sinh, thì tâm bất tương ứng sử dứt. Nếu không phải vậy, thì Thánh đạo dứt những gì?

Lại nếu không có tâm không tương ứng, thì phàm phu, học nhân hoặc khi ở tâm thiện, tâm vô ký lẽ ra phải là A-la-hán?

Lại sử là nhân trói buộc, từ sử sinh trói buộc, bị trói thì sử bùng thịnh lên. Cho nên biết các sử không tương ứng với tâm.

Lại nếu người ở trong tâm thiện, vô ký cũng gọi có sử, nếu không có tâm không tương ứng với sử, thì sao gọi là có sử được? Cho nên biết các sử không tương ứng với tâm?

Đáp: Không phải vậy. Người nói đứa trẻ con không dục cũng có tham sử. Điều này không đúng. Đứa trẻ con chưa được thuốc trừ tham, tham dục chưa hết, nên bị tham sử sai khiến, như người bệnh vì quỷ ám, tuy khi chưa phát hiện, cũng gọi người bệnh quỷ ám. Bởi vì sao? Vì bệnh nhân chưa được chú thuật, thuốc men để trừ bệnh. Cũng như bệnh sốt cách 4 ngày, tuy 2 ngày không phát, cũng gọi là người bị bệnh sốt. Cũng như chuột hại chưa trừ, nên khi nghe tiếng sấm thì phát hiện. Như vậy không luận trong tâm nào, chưa được thuốc trừ sử đều gọi là không dứt. Các câu hỏi khác cũng như đã đáp chung rồi.

Ông nói không nghĩ, không phân biệt cũng có duyên thức trụ. Đó là cũng vì chưa dứt sử.

Ông nói thân kiến cùng sử đều dứt, ông cho rằng trói buộc là tương ưng với tâm khi chưa sinh cũng dứt, sử cũng như vậy, tuy khi Thánh đạo không có, cũng gọi là dứt, vì bị pháp trái nhau.

Ông nói đạo với phiền não không đồng thời, đó cũng bởi chưa dứt nên nói có thể có.

Ông nói phạm phu, học nhân nếu ở trong tâm thiện, vô ký lẽ ra phải là A-la-hán, A-la-hán đã dứt, người này chưa dứt nên như người không thụ pháp đoạn nhục, tuy không ăn thịt, nhưng không gọi là người đoạn nhục.

Lại có vô minh tà niệm, tà tư duy v.v... nên phiền não nào chưa dứt thì sinh. A-la-hán không nhân này, nên không đồng với những người khác.

Lại ông nói bị trói buộc thì sử bùng phát mạnh. Điều này không đúng. Các phiền não vì từ pháp hạ, trung, thượng nên bùng phát mạnh, chứ không phải bị trói buộc.

Ông nói người ở tâm thiện, vô ký gọi là có sử. Đó là cũng vì chưa dứt nên gọi có sử. Vì những duyên do này nên biết tham v.v...

các sử chẳng phải không tương ứng. Tầm tà đạo, tà kiến cho đến tà định, vì không biết như thật, hiểu biết điên đảo nên gọi là tà kiến cho đến tà định.

Hỏi: Chính mạng với tà mạng không lìa nghiệp thân khẩu. Vì sao nói riêng?

Đáp: Người xuất gia khó dứt tà mạng, cho nên phải nói riêng. Tà mạng là dùng dối gạt v.v... 5 pháp có thể được lợi dưỡng, nên gọi là tà mạng. Nói tóm lại các người xuất gia đều không nên làm các nghề nuôi sống như làm sứ giả cho vua, buôn bán, thầy thuốc v.v..., và không nên lấy tiền gạo v.v... của chúng sinh. Nếu lấy đều gọi là tà mạng.

Lại trong Luật cấm lấy đó làm kế nuôi sống, đó đều gọi là tà mạng. Như trong kinh nói Ưu-bà-tắc không nên buôn bán 5 thứ.

Hỏi: Lấy gì nuôi sống?

Đáp: Đúng như pháp cầu xin, lấy đó sinh sống không nên tà mạng. Bởi vì sao? Vì tâm bất tịnh thì hủy hoại thiện pháp, không thể tu đạo.

Lại người hành đạo nên nghĩ như vậy: Vào trong Phật pháp là vì mục đích tu đạo, không vì sinh sống. Cho nên người ưa thiện pháp nên tu tịnh mạng.

Lại Tì-kheo nên an trụ trong pháp Tì-kheo, nếu làm tà mạng là không phải pháp Tì-kheo.

Phẩm 137: CHÍNH THỨ KẾT

Ái v.v... 9 thứ kết.

Hỏi: Vì sao trong các thứ kiến, riêng nói 2 thứ thủ?

Đáp: Giới thủ khó lìa khỏi, như khúc gỗ nổi trôi vào dòng nước xoáy, khó thoát ra được. Người này cũng vậy, họ nghĩ như vậy: Ta

nhờ trì giới này sẽ sinh lên trời. Vì lẽ đó nên họ cam chịu lao xuống vực sâu, gieo mình vào lửa, tự nhào xuống từ trên cao v.v... nhiều thứ khổ hạnh.

Lại người thế gian, trong giới thủ không thấy làm lỗi, nên Phật nói là kết.

Lại y theo giới thủ này có thể bỏ 8 Thánh đạo.

Lại đó không phải chính đạo, không phải thanh tịnh đạo, nên gọi là tùy khổ biên.

Lại giới thủ là trói buộc người xuất gia. Các dục trói buộc người tại gia.

Lại người giới thủ tuy có tu các pháp xuất gia, mà luống không được gì cả.

Lại người giới thủ đời nay không được vui, đời sau chịu khổ lớn. Như giữ giới trâu bò, thành thì làm trâu bò, bại thì đọa địa ngục.

Lại bởi giới thủ này có thể hủy báng chính đạo và người tu chính đạo.

Lại giới thủ là chỗ các ngoại đạo sinh khởi kiêu mạn. Họ khởi nghĩ như vậy: Ta nhờ pháp này có thể thắng những người khác.

Lại vì giới thủ nên 96 phái đều có pháp sai khác nhau.

Lại giới thủ thô dễ thấy, nên nhiều chúng sinh tu hành theo. Đạo trí tuệ màu nhiệm khó thấy, nên người đời không biết tu được lợi ích.

Lại kiến chấp này có thể lôi kéo lòng người, nên những người ngu si phần nhiều tu pháp này.

Lại đó gọi là ác kiến nặng, vì nghịch với chính đạo mà làm theo phi đạo. Người kiến thủ tham đắm tà pháp không lìa bỏ được là vì sức mạnh của kiến thủ. Lại vì sức kiến thủ nên kết cang kiên cố.

Hỏi: Trong Kinh Đê Thích Vấn hỏi vì sao chỉ nói người trời có 2 kết xan và tật?

Đáp: Hai thứ phiền não này là bỉ ổi tệ lậu nhất. Bởi vì sao? Vì thấy các chúng sinh đói khát khổ não, mà lòng bủn xỉn nên không thương xót cứu giúp, thấy người nào được điều gì cũng sinh tâm ganh ghét, lòng ôm nóng nảy. Vì những lý do này nên đọa vào chỗ nghèo hèn, xấu xí không chút oai đức.

Lại Thích Đề Hoàn Nhân, 2 kết này nhiều thường xuyên đến làm não tâm, nên Phật vì đó mà nói.

Lại 2 kết này là nhân duyên tội nặng. Bởi vì sao? Vì bởi 2 kết này mà khởi ác nghiệp nặng.

Lại trong 3 thứ độc, tham giận có thể khởi tội nặng. Tham giận thịnh nên khởi 2 kết này.

Lại 2 kết này có thể não hại nam nữ.

Lại khó lìa bỏ. Bởi vì sao? Vì nếu tu sâu thiện tâm mới có thể dứt hẳn tính ganh ghét, tu sâu bố thí sau mới dứt hết lòng bủn xỉn. Vì không thấy nghiệp báo mà có thể xả trọng vật đó là việc rất khó. Như người thấy con đắc thắng việc hơn mình, lòng còn khó mừng vui, hống là kẻ địch. Vì 2 kết này dựa vào 2 tính ghét ưa, nên rất khó trừ dứt. Vì những lý do này mà Phật nói riêng.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 11

Phẩm 138: CÁC CÂU HỎI KHÁC

Luận giả nói: Tất cả phiền não phần nhiều gồm thâu trong 10 sử, cho nên phải do nơi 10 sử mà tạo luận. Mười sử là tham, giận, mạn, vô minh, nghi và 5 kiến chấp.

Hỏi: Mười phiền não đại địa pháp này là không tin, biếng nhác, nhớ sai, tán tâm, vô minh, tà phương tiện, tà niệm, hiểu sai, vui đùa, phóng dật. Pháp này thường chung cùng với tất cả tâm phiền não. Việc đó thế nào?

Đáp: Trước đã phá tương ưng, chỉ tâm pháp mỗi mỗi sinh cho nên không đúng.

Lại đó là không đúng đạo lý. Vì sao biết? Hoặc có tâm bất thiện cùng tín bất thiện chung. Hoặc có tâm bất thiện mà không tín. Tinh tiến v.v... cũng như vậy. Cho nên biết không phải tất cả trong tâm phiền não có 10 pháp này.

Lại ông nói ngủ nghỉ và vui đùa ở trong tất cả tâm phiền não, cũng không đúng. Nếu tâm mê chìm, bấy giờ mới có ngủ nghỉ, chứ không phải ở trong tâm vui đùa. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Trong cõi Dục có 10 phiền não. Cõi Sắc và Vô sắc trừ sân, còn lại tất cả. Điều này thế nào?

Đáp: Trong đó cũng có ganh ghét v.v.... Vì sao biết được? Trong kinh nói có Phạm Vương bảo các Phạm chúng rằng: Các người đừng đến Sa-môn Cù-đàm, các người chỉ ở đây với ta tự sẽ được hết sự già chết. Đó là ganh ghét. Vì có ganh ghét nên phải có giận dữ.

Lại kinh nói Phạm Vương nắm tay một Tì-kheo kéo ra khỏi chúng Tăng, bảo rằng: Tì-kheo! Ta cũng không biết 4 đại ở chỗ nào diệt hết không còn. Như vậy đem tâm gièm siểm gạt các Phạm chúng đó gọi là gièm siểm. Như nói ta là tôn quý tạo ra muôn vật. Đó là kiêu mạn phóng dật. Những điều như vậy, trong đó cũng có những ác phiền não, nên phải biết cũng có bất thiện.

Có luận sư nói: Nếu tham phụ mẫu và Hòa thượng, A-xà-lê v.v... gọi là tham thiện, tham vật của người khác v.v... gọi là tham bất thiện, không làm tổn hại, hay lợi ích người khác gọi là tham vô ký. Giận pháp bất thiện và ác tri thức v.v... gọi là giận thiện, nếu giận thiện pháp và chúng sinh gọi là giận bất thiện, nếu giận vật phi chúng sinh gọi là giận vô ký. Nếu dựa ngạo mạn để dứt ngạo mạn gọi là ngạo mạn thiện, khinh chúng sinh gọi là ngạo mạn bất thiện. Vô minh v.v... cũng như vậy.

Lại có luận sư khác nói: Nếu như thiện thì không gọi là phiền não.

Hỏi: Thân kiến ở cõi Dục phải gọi vô ký. Bởi vì sao? Vì nếu thân kiến là bất thiện thì tất cả phàm phu đều sinh ngã tâm, không thể khiến đều đọa địa ngục, nên gọi là vô ký. Việc đó thế nào?

Đáp: Thân kiến là căn bản của tất cả phiền não, làm sao gọi vô ký được! Lại người này đọa là vì người khác nói có thần ngã, bấy giờ làm sao được gọi vô ký? Biên kiến cũng như vậy.

Hỏi: Nếu chuyển người tà kiến sang đọa vào trong nghi, người này là bất thiện chăng?

Đáp: Người đó không phải là bất thiện. Bởi vì sao? Vì tà đạo trong nghi không vào tà kiến.

Hỏi: Có người nói tất cả phiền não trói buộc cõi Dục có thể khiến dục hữu nối nhau, buộc cõi Sắc và Vô sắc cũng như vậy. Việc đó thế nào?

Đáp: Chỉ ái có thể khiến các hữu nối nhau, vì trước vui mừng rồi sau mới sinh.

Lại nói ái là nhóm khổ, cũng nói ái ưa uống ăn tham dục v.v... nên tùy theo chỗ mà thụ sinh. Trong tà kiến v.v... không có nghĩa như vậy. Tuy trong kinh nói khinh mạn nhân duyên sinh. Cũng trước mạn sau ái nên mới sinh. Giận cũng như vậy. Cho nên biết đều bởi ái nên các hữu nối nhau.

Hỏi: Trong các phiền não có mấy thứ thấy đạo lý thì dứt, mấy thứ suy nghĩ mới dứt?

Đáp: Tham, sân, mạn và 2 thứ vô minh, thấy đạo lý và suy nghĩ dứt, ngoài ra 6 thứ chỉ thấy đạo lý là dứt.

Hỏi: Người học nhân cũng có ngã tâm. Cho nên biết không thị hiện tướng đó thôi, vì học nhân một phần thân kiến chưa dứt?

Đáp: Đó là mạn không phải kiến. Kiến là tướng thị-hiện.

Hỏi: Có người nói bủn xỉn, ganh ghét, hối tiếc, gièm siểm v.v... chỉ suy nghĩ dứt. Việc đó thế nào?

Đáp: Đó đều có 2 thứ, có kiến để dứt, có tư duy dứt. Vì sao biết được? Như Ni-kiền tử v.v... vì thấy đệ tử Phật được cúng dường nên sinh tâm ganh ghét. Tâm ganh ghét này thấy đạo thì diệt. Cho nên biết kiến để thì dứt liền.

Có người trước đối với đệ tử Phật, lẩn tiếc không thí, vì được thấy đạo nên có thể cúng thí. Lẩn tiếc này thấy đạo là dứt. Như Tô-na-sát-đa-la v.v..., hối tiếc cũng thấy đạo là dứt. Như Tu-đà-hoàn

nhân duyên đọa địa ngục v.v... và thụ thân đời thứ 8, gièm siểm v.v... cũng thấy đạo lý mới dứt.

Hỏi: Các phiền não có mấy thứ thấy khổ để dứt, mấy thứ thấy tập, diệt, đạo để dứt, và mấy thứ suy nghĩ dứt?

Đáp: Trước đã nói thấy đạo lý dứt 6 sử là 4 thứ, thấy khổ để dứt, thấy tập, diệt, đạo để dứt. Ngoài ra 4 sử là 5 thứ.

Hỏi: Thân kiến, biên kiến chỉ thấy khổ để dứt, giới lấy 2 thứ, thấy khổ thấy đạo dứt. Việc đó thế nào?

Đáp: Các phiền não khi thật thấy diệt để mới dứt. Cho nên thân kiến v.v... không phải chỉ thấy khổ để mà dứt được.

Lại thân kiến đối với 4 đế hiểu sai lầm. Năm ám vô thường do nhân duyên sinh. Ngã không phải vô thường, không do nhân sinh. Năm ám có diệt, ngã không diệt. Đạo đế cùng với ngã kiến là pháp trái nhau. Cho nên thân kiến 4 thứ dứt. Biên kiến cũng 4 thứ dứt. Bởi vì sao? Vì hành giả thấy khổ để do tập để sinh thì dứt dứt kiến. Kiến chấp do đạo đế được dứt, thì dứt thường kiến. Giới lấy cũng có 4 thứ. Có nhân có quả, cho nên khi thấy khổ để biết giới này là khổ, không, nhờ đó mà được thanh tịnh. Phải thấy khổ để mới dứt. Biết giới này là nhân khổ, không, nhờ đó mà được tịnh. Phải là thấy tập để mới dứt. Vì tà kiến bài bác Ngũ-hoàn, cho rằng nhờ kiến chấp này được tịnh. Phải là thấy diệt để mới dứt. Bởi đó mà bài bác đạo. Phải thấy đạo để mới dứt. Như kiến lấy dựa vào tà kiến nên có 4 thứ, giới lấy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì không gọi 98 thứ sử?

Đáp: Các sử tùy bậc mà dứt, không tùy cõi, nên không giới hạn ở số 98.

Hỏi: Tham, mạn và trừ tà kiến, còn 4 kiến kia đều tương ứng với 3 căn. Trừ khổ căn ưu căn, giận dữ cũng tương ứng với 3 căn.

Trừ lạc căn hỷ căn, vô minh tương ưng với 5 căn. Tà kiến, nghi tương ưng 4 căn. Trừ khổ căn, giận, che giấu tội, xan lẫn, ganh ghét không tương ưng với ưu căn. Việc đó như thế nào?

Đáp: Trước đã phá không có tương ưng rồi. Ra sau sẽ nói. Trong 5 thức không có phiền não.

Lại trong pháp của ông, tham tương ưng với hỷ căn, mà xan thì không phải như vậy. Đó là không lý do, vì xan là một phần của tham. Như vậy kiêu mạn không cùng tương ưng với ưu căn cũng không lý do. Cho nên biết chỗ lập luận của các ông đều tự nhớ tưởng phân biệt.

Hỏi: Có người nói thấy khổ đế, dứt được 5 thứ kiến. Nghi và tham, sân, mạn không tương ưng với vô minh. Và tập đế dứt được tà kiến, kiến thủ. Nghi và tham, sân, mạn không tương ưng vô minh. Đó gọi là sử biến khắp, ngoài ra không phải biến khắp. Việc đó thế nào?

Đáp: Tất cả biến khắp. Bởi vì sao? Vì tất cả đều cùng chung nhân duyên.

Lại đối với tà kiến của mình sinh tâm tham, như nói không khổ cho đến không đạo. Tham đắm kiến chấp này mà giữ lấy làm tự cao, nếu nghe nói khổ thì sinh ghét giận.

Lại tham này có thể duyên diệt đế, sân cũng có thể ghét giận. Nê-hoàn, cũng lấy Nê-hoàn sinh tâm tự cao. Đạo cũng như vậy. Phải biết các sử khác cũng có thể biến khắp.

Lại phiền não trói buộc cõi Dục có thể duyên cõi Sắc, như bởi tham nên mừng, bởi giận nên oán ghét, vì lấy pháp kia tự cao, cũng lấy đó cho là hơn, không phải chỉ có cõi Dục. Như phiền não cõi Dục có thể duyên cõi Sắc, phiền não kiến v.v... cõi Sắc cũng có thể duyên quả cõi Dục. Cõi Vô sắc cũng như vậy.

Lại phiền não này đều có thể có tướng chung tướng riêng. Bởi vì sao? Vì tham cũng có thể có tướng chung như nhiễm cả 4 thiên hạ.

Lại như Kinh Trường Trảo nói: Tất cả nhãn là tham, tất cả bất nhãn là sân. Tất cả bất nhãn là tham, tất cả nhãn là sân. Cũng lấy phiền não này tự cao. Phiền não này đều có thể khởi nghiệp thân khẩu. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Sinh tâm thấy biết như vậy, nói việc như vậy. Nghĩa là có thân v.v....

Lại tất cả phiền não này đều ở trong thức thứ 6, trong 5 thức kia không có. Bởi vì sao? Vì tướng hiện hành trong thức thứ 6, nên tất cả phiền não đều do tướng sinh. Nếu không phải như vậy, thì thân kiến v.v... cũng phải ở trong 5 thức. Bởi vì sao? Vì mắt thấy sắc bảo ta có thể thấy. Nghi nạn v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói 6 ái chúng. Vì sao nói trong 5 thức kia không phiền não?

Đáp: Như 6 ý hành đều hiện hành trong ý thức. Chỉ nhờ mắt v.v... mở cửa và dẫn đường, nên mới gọi 6 ý hành. Điều này cũng vậy.

Lại trong ý thức có những phân biệt nhân duyên, mà trong 5 thức kia không có. Cho nên biết trong 5 thức không có phiền não.

Phẩm 139: DỨT LỖI

Hỏi: Có người nói các phiền não có 9 bậc hạ, trung, thượng là hạ hạ, hạ trung, hạ thượng; trung hạ, trung trung, trung thượng; thượng hạ, thượng trung, thượng thượng. Trí cũng có 9 bậc là phiền não trước dứt thượng thượng, sau cùng dứt hạ hạ. Đem trí hạ hạ dứt phiền não thượng thượng, cho đến đem trí thượng thượng dứt phiền não hạ hạ. Việc đó thế nào?

Đáp: Dùng vô lượng tâm dứt các phiền não. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Vì như người thợ khéo, tay cầm cán rìu, mắt thấy chỗ ngón tay nắm, tuy hằng ngày không thể phân biệt mòn hết bao nhiêu, nhưng khi mòn hết mới hay là mòn hết. Tì-kheo cũng vậy, khi đang

tu đạo, tuy không phân biệt biết ngày nay diệt được hết bao nhiêu phiền não, hôm qua đã diệt hết bao nhiêu; nhưng đến khi diệt hết rồi mới biết là hết. Cho nên biết phải dùng vô lượng trí diệt mới hết các phiền não chứ không phải 8 không phải 9.

Hỏi: Dựa định nào, diệt những phiền não nào?

Đáp: Nhờ 7 chỗ dựa diệt được phiền não. Như trong kinh Phật nói: Nhờ Sơ thiên lậu hết, cho đến nhờ Vô sở hữu xứ lậu hết.

Lại lia 7 chỗ dựa này cũng có thể hết lậu, như trong kinh Tu-thi-ma nói lia 7 chỗ dựa cũng được hết lậu. Cho nên biết dựa vào định cõi Dục cũng được hết lậu.

Hỏi: Kiến đế thì phiền não dứt, không cần nương định Vô sắc mà dứt, vì lẽ hành giả này đã hoại sắc tướng?

Đáp: Điều này trước đã đáp rồi, nghĩa là Vô sắc định có thể duyên sắc.

Hỏi: Vì là trước từ Sơ thiên rồi tuần tự lia dục đến Nhị thiên v.v... là đồng thời hay sao?

Đáp: Phải tuần tự, vì lia Sơ thiên muốn sinh Nhị thiên.

Hỏi: Trong cõi Dục cũng có thứ tự sao?

Đáp: Các phiền não diệt từng mỗi niệm nên cũng phải thứ tự.

Lại như những người ở các cõi trời Diệm-ma, khi ôm nhau thì thành dâm dục. Trời Đâu-suất-đà nắm tay nhau thành dục. Trời Hóa Lạc miệng nói với nhau thành dục. Trời Tha Hóa Tự Tại nhìn nhau là thành dâm dục. Phải biết phiền não cõi Dục cũng tuần tự mới dứt hết.

Có người nói nhờ nhân duyên phúc đức mà sinh về trong đó, chứ không phải nhờ dứt phiền não, vì chỗ sở dục vi diệu nên mới có sai khác.

Lại do căn chậm lụt nên ôm nhau mới thành dục; căn linh lợi nên nhìn nhau là thành dục.

Hỏi: Có người nói phiền não do tư duy thì dứt là dứt dần dần. Trước dứt trói buộc cõi Dục, sau dứt trói buộc cõi Sắc và Vô sắc. Còn kiến đế thì dứt là đồng thời dứt.. Việc đó thế nào?

Đáp: Tùy theo kiến đế mà dứt, nhưng thật ra tất cả phiền não, thấy diệt đế mới dứt. Điều này trước đã nói. Như nói kiến đế dứt các phiền não như thân kiến v.v... đều là khi thấy diệt đế mới dứt. Từ noãn pháp, dùng vô thường v.v... tu quán tướng 5 ấm mới dứt phiền não, thấy diệt đế mới hết.

Hỏi: Quán khổ trói buộc cõi Dục, có thể dứt kết cõi Dục. Tập cũng như vậy. Như cõi Dục cho đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ cũng như vậy. Quán diệt cõi Dục có thể dứt kết cả 3 cõi. Đạo cũng như vậy. Việc đó thế nào?

Đáp: Diệt trí có thể dứt phiền não. Cho nên lời ông nói không đúng.

Hỏi: Trong kinh nói quán 5 ấm vô thường v.v..., nên được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Sao ông nói chỉ quán diệt đế là dứt phiền não?

Đáp: Trí quán 5 ấm này sinh diệt hợp lại mà quán nên có thể dứt kết sử. Như trong kinh nói: Tì-kheo quán sắc này là sắc tập, là sắc diệt.

Lại còn nói thấy pháp biết pháp thì dứt phiền não. Mới biết là thấy diệt đế nên dứt hết các phiền não.

Lại 5 ấm là ở trong khổ sinh các phiền não, nếu thấy 5 ấm diệt cho là tịch diệt an ổn. Như vậy là khổ tướng đầy đủ. Cho nên biết thấy các ấm diệt, thì phiền não hết. Như nói vì các pháp không thể tính, nương một xả tâm mà dứt, Không thể tính tức diệt. Nếu hành giả thấy sắc không thể tính, cho đến thức cũng không thể tính, thì được xa lìa sâu.

Lại 3 môn giải thoát đều duyên Nê-hoàn, vì môn giải thoát này có thể dứt phiền não, không còn phương tiện nào khác. Cho nên biết chỉ vô vi duyên đạo mới có thể dứt phiền não. Cho nên ông nói phương pháp dứt phiền não là việc đó không đúng.

Luận giả nói: Các phiền não có vô lượng môn phân biệt như vậy v.v..., người cầu giải thoát cần phải biết. Bởi vì sao? Vì biết đó là trói buộc là tội lỗi nên được giải thoát. Như người biết kẻ oán nên mới xa lìa được. Như biết đường hiểm nên mới tránh được. Phiền não cũng như vậy.

Lại phiền não trói buộc rất là chặt chẽ, quá hơn vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la, cho nên chúng sinh ở cõi Hữu Đảnh cũng vẫn thường bị phiền não trói buộc. Cho nên phải biết tội lỗi đó.

Lại chúng sinh, cho đến cõi Hữu Đảnh vẫn còn thoái đọa trở lại, là vì đều không thể thấy biết tội lỗi của phiền não.

Lại vì không dứt kết nên sinh tăng thượng mạn, tự cho mình đã dứt, sau thì nghi ngờ hối hận. Cho nên phải biết lỗi các phiền não, đừng để bị lừa gạt.

Lại nếu chúng sinh lìa bỏ cái vui tịnh diệu của Nê-hoàn, lại tham vui dục lạc tẻ lậu. Hễ có vui thì đều do lỗi các phiền não. Nếu dứt các phiền não thì được lợi ích lớn. Cho nên phải biết thấy lỗi các phiền não có chướng ngại pháp giải thoát tức là phiền não. Nếu không dứt phiền não quyết không có nhân duyên giải thoát. Bởi vì sao? Vì các phiền não là nhân duyên có thân; tùy phiền não có thân, tùy thân có khổ. Cho nên người cầu lìa khổ, cần phải siêng năng tinh tiến dứt các phiền não.

Phẩm 140: THUYẾT MINH VỀ NHÂN

Hỏi: Phiền não làm nhân duyên cho thân, điều này cần phải làm rõ. Bởi vì sao? Vì có các ngoại đạo không tin điều này. Hoặc nói thân

này không nhân không duyên, giống như cỏ cây tự nhiên sinh. Hoặc nói muôn vật là do Đại Tự Tại v.v... các Trời sinh ra. Hoặc nói muôn vật từ thể tính sinh ra. Hoặc vì trần hòa hợp sinh ra. Có những thuyết lập luận như vậy, cho nên phải nói rõ?

Đáp: Từ nghiệp có thân, việc này trước đã thành lập. Nghiệp đó do phiền não sinh nên lấy phiền não làm nhân duyên sinh thân.

Hỏi: Vì sao biết do phiền não mới có nghiệp?

Đáp: Tùy tâm giả danh gọi là vô minh. Tâm giả danh đó có thể nhóm các nghiệp, cho nên biết nhân duyên phiền não mới có nghiệp.

Lại A-la-hán các nghiệp không nhóm không thành, cho nên biết các nghiệp do phiền não mà thành. Như trong kinh Phật nói: Nếu người được minh, lìa vô minh, người đó có thể khởi tội nghiệp, phúc nghiệp và bất động nghiệp chăng? – Thưa không, Thế Tôn!

Lại không có nghiệp vô lậu, cho nên biết chỉ tùy giả danh có thể khởi các nghiệp. Tâm vô lậu không tùy giả danh nên không khởi nghiệp.

Lại người học nhân không hành, như kinh nói: Học nhân hoàn mà không hành, diệt mà không tác. Tướng tác là hành, hành là nghiệp.

Lại vì tâm vô lậu không phải tướng của hành, nên không có nghiệp vô lậu. Cho nên tất cả nghiệp thụ thân đều bởi phiền não sinh.

Lại người dứt phiền não không còn thụ sinh. Cho nên biết có thân đều bởi phiền não.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều là không phiền não, sau khi sinh mới khởi, như người khi sinh không răng, về sau mới mọc?

Đáp: Không phải vậy. Người có phiền não tùy có những tướng, nghĩa là khi mới sinh ra hiện có tiếng khóc v.v.... Cho nên biết đều cùng với phiền não cộng sinh.

Lại hiện thấy chúng sinh phần nhiều sinh trong chuồng xí v.v... chứ không sinh trên đá bàn thạch. Phải biết vì tham đắm hương vị v.v... nên mới sinh vào trong đó. Cho nên biết do phiền não mà sinh.

Hỏi: Trong địa ngục v.v... không nên sinh được. Bởi vì sao? Vì không ai tham vui gì trong địa ngục?

Đáp: Chúng sinh vì sức mạnh của ngu si, nên ở trong tâm điên đảo mà sinh, khi sắp chết xa thấy địa ngục lầm cho là ao hoa do đó tham đắm, nên sinh vào trong đó. Như trong kinh nói: Nếu người ở trong chỗ chật hẹp ồn ào mà chết thì muốn được chỗ rộng rãi là sinh trong loài chim. Nếu người chết vì khát có thể là sinh làm loài trùng trong nước. Nếu người chết vì lạnh thì sinh trong địa ngục nóng, chết nóng thì sinh trong địa ngục băng giá. Nếu tham đắm dâm dục thì sinh trong loài chim sẻ. Tham đắm ăn uống thì sinh làm loài trùng trong thân chết.

Lại bởi vì chỗ tham đắm nên gây các ác. Vì các nhân duyên ác bắt buộc phải thụ quả báo.

Lại vì tham đắm thân, nên các nghiệp có thể sinh quả báo. Bởi vì sao? Vì sức mạnh ngu si tham đắm thân mình, nên sinh các phiền não kiêu mạn v.v.... Do đó có thể tụ tập thành nghiệp, vì nghiệp nên vào trong các đạo.

Hỏi: Nếu vì nhân duyên phiền não mới có thân, Người dứt phiền não, lẽ ra 5 ấm không còn nối nhau được?

Đáp: Thân này gốc do phiền não mới sinh, phiền não tuy hết, nhưng vì thế lực nên thân vẫn còn không dứt. Như lấy gậy quay bánh xe, tuy tạm bỏ gậy, nhưng bánh xe vẫn còn chạy không ngừng.

Hỏi: Nếu vì thế lực phiền não nghiệp trước nên mới có thân thì những người dứt phiền não, cũng vì thế lực phiền não nghiệp trước nên cũng phải thụ thân?

Đáp: Cốt yếu là vì lấy lấy tướng nên thức mới trụ được. Người này hết thế lực nghiệp trước, nay khéo tu môn vô tướng giải thoát nên không thụ thân sau.

Lại như các hạt giống không sinh trên đá nóng. Như vậy lấy lửa trí tuệ làm nóng các thức xứ thì giống thức không sinh, là dứt không còn nối nhau đời sau.

Lại vì nhân duyên các hành không đầy đủ nên không còn nối nhau nữa. Như trong kinh Phật nói: Thức là hạt giống, nghiệp hành là ruộng, tham ái là nước, vô minh là che khuất. Vì nhân duyên này nên thụ thân sau. A-la-hán duyên này không đủ nên không có thân sau. Phải biết nhân duyên phiền não mà thụ sinh.

Lại người không phiền não, có tâm biết khổ v.v... Nay những người thụ sinh không thấy có những tâm này. Cho nên biết người không phiền não không thể thụ sinh.

Hỏi: Tu-đà-hoàn v.v... có tâm biết khổ v.v... mà khi sinh cũng không thấy có?

Đáp: Các A-la-hán sức trí tuệ mạnh, tất cả phiền não không thể thắng nổi, nên khi mạng sắp chết ngăn được thụ sinh. Tu-đà-hoàn v.v... trí lực không bằng, cho nên không nên đem so sánh.

Lại ông nói như rằng về sau dần dần mọc, phiền não cũng vậy. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì các A-la-hán dùng trí tuệ vô lậu đã đốt cháy phiền não, nên không còn thụ sinh nữa, như hạt giống bị rang cháy không còn mọc được.

Lại hiện thấy đời nay do phiền não sinh thân, như do tham dục mà thân sắc biến khác, giận dữ cũng vậy. Cho nên biết 5 ấm thân đời sau cũng do từ phiền não sinh.

Hỏi: Cũng thấy do nhân duyên uống ăn v.v... có 5 ấm sinh, mà sao không gọi uống ăn là nhân duyên thụ thân?

Đáp: Uống, ăn nương nhờ tâm mà có thể sinh sắc v.v.... Phiền não không phải như vậy.

Lại vì không chỗ nương để sinh sắc v.v.... Cho nên biết phiền não là nhân duyên thụ thân.

Lại hiện thấy chim sẻ v.v... nhiều đục, rắn độc v.v... nhiều giận, heo v.v... nhiều ngu si. Phải biết các chúng sinh đó chắc chắn đã nhóm họp dâm dục v.v... các phiền não, nên mới sinh vào trong các loại đó.

Hỏi: Pháp sinh xứ là vậy, nhưng không phải trước đã nhóm họp nhân duyên phiền não?

Đáp: Nếu như vậy thì dâm dục v.v... không có nhân, điều này không thể được. Phải biết do từ trước nhóm họp nhân duyên nên mới có.

Lại tham giận v.v... phiền não bùng phát mạnh thì gây các tội sát hại v.v.... Vì tội này nên hiện chịu các khổ roi gậy trời buộc. Phiền não, nếu mỏng thì được trì giới tu thiện, làm các điều lợi ích v.v.... Nhờ giới thiện này hiện được vui tiếng khen lợi dưỡng v.v.... Nếu hiện đời này suy bại lợi lạc, là đều bởi phiền não thì biết đời sau sẽ cũng như vậy.

Hỏi: Nếu do phiền não mà có thân, thì không có sinh tử qua lại. Bởi vì sao? Vì phiền não thịnh nên đọa trong ác đạo. Thân đã chịu tội, phiền não càng tăng, hẳn không nhân giải thoát. Như vậy không thể được sinh chỗ thiện. Nếu thụ thân phúc thì phúc lại tăng lên, tức không còn sinh lại chỗ ác. Như vậy thì không có sinh tử qua lại?

Đáp: Người đó tuy đọa chỗ ác, hoặc cũng có được thiện tâm, tuy sinh chỗ thiện hoặc cũng có khởi ác tâm, cho nên sinh tử qua lại không dứt.

Lại tùy tham v.v... phiền não giảm ít, theo đó mà được sinh chỗ tốt, tùy tham v.v... nhiều, theo đó mà sinh chỗ xấu, như heo chó v.v....

Người tùy theo phiền não giảm sinh chỗ tốt, như vì phiền não mỏng nên có thể tu bố thí, trì giới v.v... phúc sinh cõi trời Lục Dục, vì dứt tâm dâm dục nên được vui thắng thiên, vì dứt sắc nhiễm nên được vui thắng định, hết tất cả kết thì được vui Nê-hoàn không gì so sánh. Cho nên biết thân này bởi phiền não mà có.

Lại hiện thấy chúng sinh ưa cõi nước tột tệ, và ưa ở những chỗ tột tệ của người ác là đều do tham đắm. Cho nên biết chỗ ở của chúng sinh trong sinh tử cũng do tham đắm, như con bướm tham ánh sáng mà bị đèn đốt cháy. Sự tham đắm đó không do trí sinh. Bởi vì sao? Vì con bướm kia không biết lửa đèn là khổ xúc nên mới gieo mình vào. Cũng vậy, chúng sinh bị khổ thân sau, đều bởi nhân duyên vô minh tham ái nên mới sinh. Như cá nuốt mỗi câu; hưu nai chạy theo tiếng kêu giả của người thợ săn, đều do tham đắm nên đến nỗi phải chết chóc.

Lại như người vì tham đắm nên đi đến phương xa lạ mà không thể hồi hương. Phải biết đều bởi phiền não sinh ra.

Lại như cây không nhỏ rễ thì cây mọc lại. Cũng như vậy rễ tham không nhỏ thì cây khổ vẫn còn. Như Phật nói: Rễ cây không nhỏ, dù chặt gốc cây vẫn còn sinh. Tham sử không nhỏ, thường thường chịu khổ.

Lại thân này là bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tự không vô minh, thì làm gì có người trí mà tham thụ khổ này. Giống như người mù mới có thể đem áo bản mà gạt là đồ quý báu. Như vậy là bị vô minh làm mù quáng, thì có thể chịu tội lỗi 5 ám bất tịnh.

Lại bởi ngã tâm nên thụ thân, tuy khổ mà không thể rời bỏ. Nếu không có ngã tâm, thì có thể xa lìa, như Xá-lợi-phất nói: Người thanh tịnh trì giới đắc đạo, khi chết vui mừng, như phá vỡ bát thuốc độc. Cho nên biết nhân duyên phiền não mà có thân.

Lại có người vì vô trí nên tham đắm thân này, như lấy chiếc hộp sơn vẽ đựng đầy đồ bất tịnh, khi chưa mở nắp, thì thấy có thể yêu thích, nhưng khi mở ra thì toàn là hôi thối.

Lại như rắn độc đầy trong nhà tối, khi đèn chưa soi thì sinh lòng vui đắm, mà khi thấy thì bỏ chạy ngay. Chúng sinh cũng vậy, tùy có vô minh thì vui thế gian, nếu khi hết vô minh thì tâm chán lìa. Như vậy tham ái là căn bản của thụ thân. Bởi vì sao? Vì tham ái nên cầu. Cầu có 2 thứ là dục cầu và hữu cầu. Cầu các dục hiện tại gọi là dục cầu, lại cầu thân sau gọi là hữu cầu. Cho nên biết tham ái là gốc của sự thụ thân.

Lại nếu tham đắm 5 âm tức sinh thân kiến. Như nói: Ngã này là ngã ngữ thủ. Nhân thủ này sinh 3 thủ khác. Thủ làm nhân duyên hữu, hữu làm nhân duyên sinh. Phải biết phiền não là căn bản của thân.

Lại thân này đều khổ. Với khổ thân này sinh tưởng điên đảo là vui. Do vui điên đảo này sinh ái điên đảo, vì ái điên đảo này mà có thể thụ thân sau. Cho nên biết nhân duyên tham ái mới có thân.

Lại thân này nhờ nhân duyên ăn nên mới sống còn. Đắm trước đoàn thực nên không vượt khỏi cõi Dục. Như trong Phẩm nghiệp nói tham hương vị nên sinh trong chuồng xí v.v.... Vì tham đắm xúc nên sinh trong bào thai. Vì tham đắm xúc ấm mát, nên sinh trong trứng, chỗ ướt, đều không vượt khỏi cõi Dục. Nhân 3 thứ xúc này mà sinh 3 thứ thụ, nên mới nói xúc làm nhân duyên thụ. Ý tứ thực cũng như vậy. Phát nguyện muốn được thân đời sau rằng ta sẽ làm điều này. Không thấy biết thức là gốc tham ái, có thể khiến có thân sau. Cũng như vậy, 4 cách ăn đều do tham ái. Tất cả chúng sinh đều nhờ ăn mà sống còn, cho nên biết ái làm nhân duyên cho sinh.

Lại 4 loài sinh là sinh trứng, sinh thai, sinh bằng sự ẩm ướt, và sinh bằng biến hóa. Vì ái dâm dục nên sinh trứng sinh thai. Tham

hương vị v.v... nên sinh chỗ ẩm ướt. Tùy chỗ yêu thích nên khởi nghiệp nặng nề thì thụ hóa sinh. Cho nên biết 4 loài sinh sai khác đều do tham ái.

Lại 4 thứ thụ thân có thứ có thể tự giết mà người khác không thể giết, như vậy v.v... 4 thứ đều do tham ái sai khác mà có. Cho nên biết tham ái là nhân duyên có thân.

Lại 4 thức xứ là tùy sắc thức trụ, y sắc, duyên sắc, lấy hỷ làm nhuận thấm. Thụ, tương, hành cũng như vậy, mà không nói thức là thức xứ, vì khi thức tỉnh là không phiền não. Cho nên biết phiền não là nhân duyên có thân.

Lại 12 nhân duyên đều do vô minh. Bởi vì sao? Vì theo tâm giả danh gọi là vô minh. Nhân vô minh này mới khởi nghiệp phúc hành, tội hành và bất động hành. Muốn an lạc chúng sinh gọi là phúc hành, làm khổ não chúng sinh gọi là tội hành, nhiếp tâm từ bi v.v... gọi là bất động hành. Tùy theo các hành nghiệp này mà thức trụ thân đời sau. Dựa vào thức sinh danh sắc, 6 nhập, xúc, thụ. Bốn chi này là quả báo phiền não nghiệp đời trước.

Lại nhân ái này sinh ái, lấy và hữu là nghiệp phiền não có thể sinh sinh, lão và tử đời sau. Như vậy 12 hữu phần nối nhau đều lấy vô minh làm gốc. Cho nên biết phiền não là nhân duyên có thân.

Lại sinh tử vô thủy, vì sao biết được? Trong kinh nói: Từ nghiệp nhân duyên mới có mắt v.v... các căn. Do ái có nghiệp, do vô minh nên có ái. Vô minh do nhớ nghĩ tà vạy, nhớ nghĩ tà vạy trở lại do mắt duyên sắc, từ si sinh. Cho nên biết sinh tử luân chuyển không có khởi đầu.

Nếu nói do trời Tự Tại v.v... thì chẳng phải vô thủy, điều này không thể được. Cho nên biết phiền não nhân duyên có thân.

Lại diệt hết phiền não thì được giải thoát.

Lại thân chúng sinh có nhiều tạp loại. Nếu do Tự Tại v.v... thì lẽ ra không tạp. Vì nghiệp phiền não có nhiều thứ nên thân cũng không phải một.

Lại 22 căn, do 6 căn sinh 6 thức. Trong đó có nam nữ căn. Các pháp này nối nhau không dứt nên gọi là mạng. Mạng này lấy gì làm căn? Đó gọi là nghiệp. Nghiệp này do nơi phiền não. Phiền não nương thụ, nên lấy 5 thụ làm căn. Như vậy sinh tử lần lượt nối nhau. Nương tín v.v... các căn v.v... có thể dứt sự nối nhau. Như vậy 22 căn qua lại sinh tử. Cho nên biết đều bởi phiền não có thân.

Lại người cầu giải thoát mới sinh các phẩm giới định tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Những thứ này dùng để làm gì? Dùng để diệt các phiền não. Người trí thấy lợi ích đó nên mới dựa vào các phẩm này. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân.

Lại các phiền não thứ lớp diệt hết. Dứt 3 kết được quả Tu-đà-hoàn. Mông dần tham dục v.v... được quả Tu-đà-hàm. Hết kết cõi Dục được quả A-na-hàm. Trong các thiền định cũng như vậy. Thứ lớp tất cả đều hết thì chúng được quả A-la-hán. Như vậy tùy theo các phiền não thứ lớp diệt nên thân cũng dần diệt theo. Nếu thân do trời Tự Tại v.v... thì không phải dần diệt. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân.

Lại phiền não tham v.v... các người thiện đều cầu dứt diệt, vì chắc sẽ thấy nhân duyên tham v.v... đời này đời sau bị việc suy hại, cho nên cầu dứt. Nếu không như vậy thì không cầu dứt. Nếu ai nói thân là do trời Tự Tại v.v..., thì người đó cũng cầu dứt tham dục v.v... Cho nên biết tham dục v.v... là nhân duyên có thân.

Lại người trí biết dùng trí tuệ mà được giải thoát. Có thể biết vì do vô trí nên phải trói buộc. Cho nên biết là do nhân duyên phiền não có thân.

Lại Phật nói trong các kinh: Diệt hết tham, và vui mừng mới được chính giải thoát. Bởi vì sao? Vì mắt, sắc v.v... không gọi là trói

buộc, tham và vui mừng mới gọi là trói buộc. Vì phá tham và vui mừng, nên tâm được chính giải thoát. Chính giải thoát nên tâm mới có thể vào Nê-hoàn. Cho nên biết là do nhân duyên phiền não có thân.

Lại dùng không, vô tướng, vô tác mà được giải thoát. Cho nên biết là nhân duyên phiền não có thân. Bởi vì sao? Vì quán các pháp trống không, tức không có tướng có thể được. Vì diệt tướng nên không nguyện muốn thân sau. Cho nên dùng không, làm môn giải thoát. Trái lại kia là trói buộc. Vì các lẽ trên nên biết do phiền não mà có thân. Điều này thuyết minh đã rõ.

Hết nhóm Tập đế.

Phẩm 141: TRONG NHÓM DIỆT ĐẾ, TRƯỚC TIÊN LẬP GIẢ DANH

Luận giả nói: Diệt 3 thứ tâm gọi là diệt đế. Đó là giả danh tâm, pháp tâm, và không tâm.

Hỏi: Làm sao diệt 3 tâm này?

Đáp: Giả danh tâm thì hoặc dùng nhân duyên trí đa văn mà diệt, hoặc dùng nhân duyên trí tư duy mà diệt. Pháp tâm ở trong noãn pháp v.v... dùng không trí mà diệt. Không tâm thì vào Diệt tận định diệt, hoặc khi vào Nê-hoàn vô dư, khi dứt nối nhau là diệt.

Hỏi: Sao gọi giả danh?

Đáp: Bởi các âm có phân biệt, như bởi 5 âm nói có người, bởi sắc, hương, vị, xúc mới nói có cái bình v.v....

Hỏi: Vì sao lấy đó cho là giả danh?

Đáp: Trong kinh Phật nói: Như trục, bánh xe, hòa hạp nên gọi là cái xe. Các âm hòa hạp nên gọi là người.

Lại như Phật bảo các Tì-kheo: Các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã. Do nhiều nhân duyên sinh, không có tính nhất định. Chỉ có tên gọi, chỉ có nghĩ nhớ và chỉ có tác dụng. Do 5 âm này sinh nhiều thứ tên như là chúng sinh, người, trời, v.v.... Trong kinh đó ngăn pháp thật có, nên nói chỉ có tên gọi.

Lại Phật nói 2 đế là chân đế và tục đế. Chân đế là sắc v.v... pháp và Nê-hoàn. Tục đế là chỉ có giả danh không có tự thể. Như sắc v.v... nhân duyên thành cái bình, nhân duyên 5 âm thành người.

Hỏi: Nếu trong đệ nhất đế không có thể đế thì cần gì phải nói?

Đáp: Thế gian chúng sinh thụ dụng thế đế. Làm sao biết được? Như nói vẽ lửa người ta cũng tin nhận. Chư Phật, Hiền thánh muốn cho thế gian lìa bỏ giả danh, nên đem thế đế giảng nói. Như trong kinh Phật nói: Ta không tranh với thế gian, mà thế gian tranh với ta. Vì người trí không cần tranh cãi.

Lại người thời thượng cổ vì muốn dùng sự vật, nên khi vạn vật sinh thì đặt tên, như cái bình v.v.... Nếu trực tiếp pháp đó thì không thể dùng được, nên nói thế đế.

Lại nếu nói 2 đế thì Phật pháp thanh tịnh. Vì đệ nhất nghĩa đế nên người trí không hơn. Vì thế đế nên người ngu không tranh cãi.

Lại nói 2 đế thì không rơi vào đoạn, thường, không sa vào tà kiến và bên khổ bên vui, nghiệp quả báo v.v... đều có thể thành lập được.

Lại thế đế là căn bản giáo hóa của chư Phật, như bố thí trì giới được quả báo sinh chỗ thiện. Nếu lấy pháp này điều hòa tâm nhu thuận mới kham thụ đạo giáo, rồi sau vì nói đạo lý đệ nhất nghĩa. Như vậy Phật pháp ban đầu không sâu gấp mà giống như biển cả sâu dần dần, nên nói thế đế.

Lại nếu thành tựu được đạo trí tuệ, mới có thể vì nói thật pháp. Như Phật nghĩ rằng: Tì-kheo La-hầu-la nay đã có thể thành tựu đạo trí tuệ, sẽ vì nói thật pháp. Ví như cái ung nhọt đã chín muối thì dễ vỡ

mà chưa muối thì khó phá. Cũng như vậy, dùng trí thế đế khiến tâm điều hòa nhu thuận, rồi sau mới lấy trí đệ nhất mà phá chấp.

Lại trong kinh nói: Trước biết phân biệt các pháp, rồi sau mới biết Nê-hoàn. Hành giả trước biết các pháp là giả danh có, hay là chân thật có? Sau mới có thể chứng diệt đế.

Lại các phiền não trước thô sau tế, lần lượt diệt hết, như lấy các tướng tóc lông diệt tướng nam nữ, lấy tướng sắc v.v... diệt tướng tóc lông. Sau mới lấy không tướng mà diệt sắc tướng v.v..., như lấy cái nêm tháo cái nêm, cho nên nói thế đế.

Lại nhờ thế đế nên được thành lý trung đạo. Bởi vì sao? Vì 5 âm nối nhau sinh nên không dứt; niệm niệm diệt nên không thường. Lìa dứt thường này gọi là trung đạo. Như trong kinh nói: Thấy thế gian nhóm thì diệt chấp không; thấy thế gian diệt thì diệt chấp có. Vì có thế đế nên mới có thể thấy tập, thấy diệt, cho nên nói thế đế.

Lại vì thế đế nên Phật pháp đều thật. Nghĩa là có các môn có ngã không ngã. Nếu vì thế đế nên nói có ngã thì không lỗi, vì đệ nhất nghĩa nên nói không có ngã cũng là thật.

Lại vì thế đế nên có lời nạn vấn mà để đó không đáp. Nếu đứng về thật pháp thì đều có thể đáp.

Lại nếu chấp thật có chúng sinh là đại si ám. Nếu nói thật không, cũng đọa vào si ám. Bởi vì sao? Vì 2 chấp có, không, này là sa vào chấp đoạn thường, khiến hành giả thoát được bên có, lại rơi vào bên không. Nếu không có thế đế thì do đâu được ra khỏi?

Lại nếu người chưa được trí tuệ chân không, mà nói không có chúng sinh, vậy là tà kiến, vì không chúng sinh chịu sinh tử, nên gọi tà kiến. Nếu được không trí, nói không chúng sinh thì không lỗi. Như trong kinh nói: A-la-hán Tì-kheo-ni hỏi ác ma rằng: Người lấy gì cho là chúng sinh? Chỉ có nhóm 5 âm trống không, thật không có chúng sinh.

Lại nói thân này 5 ấm nối nhau, trống không, không có gì cả, như trò ảo hóa dối gạt phàm phu, gọi là oán là giặc, như mũi tên, như ung nhọt, khổ, không, vô ngã, chỉ là tướng sinh diệt bại hoại.

Hỏi: Điều là tâm không có gì cả, mà vì sao gọi là tà kiến, hoặc gọi đệ nhất nghĩa?

Đáp: Nếu người chưa sinh trí tuệ chân không, vì có ngã tâm nên nghe nói vô ngã liền sinh khiếp sợ. Như Phật nói: Nếu phàm phu nghe không, vô ngã, thì rất kinh sợ không còn làm gì nữa. Cho nên biết chưa được không trí, vì có ngã tâm nên khiếp sợ Nê-hoàn, vậy là tà kiến. Được trí chân không, biết bản lai không, thì không e sợ.

Lại người này chưa được chân không mà thấy không có gì thì đọa ác kiến, tức là đoạn kiến, tà kiến. Nếu người đó trước nhờ thế để nên biết có ngã, tin nghiệp quả báo, sau quán tướng các pháp vô thường sinh diệt, dần dần chứng được diệt. Không còn ngã tâm thì diệt tâm tham. Nếu nghe nói không có gì, thì không tội lỗi nên nói thế để.

Lại có ngoại đạo chê Phật là Sa-môn Cù-đàm phá chân thật Thần. Cho nên Phật nói: Ta dùng thế để nói có chúng sinh. Ta biết rõ trong chính kiến nói có chúng sinh qua lại sinh tử. Đó gọi là chính kiến. Chỉ vì phàm phu tà niệm nên trong cái thật không chúng sinh, mà nói là thật có, nên chỉ phá tà niệm này mà không phá chúng sinh. Như cái bình v.v... là lấy giả danh mà nói. Trong đó không phải sắc v.v... là cái bình, không phải rời sắc v.v... riêng có cái bình. Cũng như vậy, không phải sắc v.v... các ấm là chúng sinh, cũng không phải rời sắc v.v... các ấm riêng có chúng sinh. Như do sắc v.v... quá giả danh, cũng như vậy lấy tướng diệt quá sắc v.v..., lấy thí dụ khiến nghĩa dễ hiểu. Cũng như cái đèn vẽ, cũng gọi là cái đèn, mà thật không có công dụng của cái đèn. Như vậy tuy nói có cái bình, mà không phải thật có, tuy nói 5 ấm mà không phải đệ nhất nghĩa.

Phẩm 142: TƯỚNG CỦA GIẢ DANH

Hỏi: Làm sao biết các vật như cái bình v.v... là giả danh mà có, không phải chân thật?

Đáp: Trong giả danh, hiển thị cái tướng, trong chân thật, không hiển thị tướng. Như nói sắc này là sắc của cái bình, không nói được là sắc của sắc, cũng không nói được là thụ v.v... của sắc.

Lại đèn vì dụng cụ của sắc có thể soi, dụng cụ của xúc có thể đốt. Thật pháp không thấy như vậy. Bởi vì sao? Vì thức không vì khác dụng cụ thức, thụ cũng không vì khác dụng cụ thụ. Cho nên biết có dụng cụ là giả danh có.

Lại nhân pháp khác mà thành tên, giả danh là có, như nhân sắc v.v... thành cái bình. Thật pháp thì không nhân pháp khác mà thành. Bởi vì sao? Vì như thụ không nhân pháp khác mà thành.

Lại giả danh có nhiều sở năng, như đèn có thể soi có thể đốt. Thật pháp không thấy như vậy. Bởi vì sao? Vì như thụ không thể vừa thụ vừa thức.

Lại tên cái xe ở trong bánh xe, trục xe v.v.... mà tên gọi sắc v.v... không ở trong vật. Có sai khác như vậy.

Lại bánh xe, trục xe v.v... là nhân duyên thành cái xe, trong đó không có tên cái xe. Vậy thì trong nhân duyên cái xe không có pháp cái xe, mà chỉ nhờ đó thành xe. Cho nên biết cái xe là giả danh.

Lại như vì tên gọi sắc v.v... được nói là sắc v.v..., mà tên gọi cái bình v.v... không được nói cái bình v.v.... Cho nên biết cái bình v.v... là giả danh.

Lại có trong giả danh tâm động không định. Như người thấy con ngựa, hoặc nói thấy đuôi con ngựa, hoặc nói thấy thân con ngựa, hoặc nói thấy da, hoặc nói thấy lông. Hoặc nói nghe tiếng đàn tranh,

hoặc nói nghe tiếng đàn huyền. Hoặc nói ngửi hoa, hoặc nói ngửi mùi thơm của hoa. Hoặc nói ném bơ, hoặc nói ném vị bơ. Hoặc nói chạm phải người, hoặc nói chạm thân người, hoặc nói chạm cánh tay người, hoặc nói chạm tay người, hoặc nói chạm ngón tay người, hoặc nói chạm đốt ngón tay. Ý thức đối với trong chúng sinh v.v... động, bảo thân là chúng sinh, tâm là chúng sinh. Sắc v.v... là cái bình, ròi sắc v.v... có bình. Như vậy v.v... trong thật pháp tâm định không động. Không được nói tôi thấy sắc cũng thấy tiếng v.v....

Lại trong pháp khả tri v.v... bất khả thuyết cũng gọi là có, vì đó là giả danh như cái bình, cho nên biết cái bình v.v... là giả danh có. Bởi vì sao? Vì các pháp như sắc v.v... không gọi là bất khả thuyết trong các pháp khả tri v.v...

Lại như pháp sắc v.v... là tự tướng khả thuyết mà cái bình v.v... là tự tướng bất khả thuyết. Cho nên biết là giả danh có.

Hoặc có thuyết nói tướng giả danh là tướng ở những chỗ khác, không ở trong giả danh. Như trong kinh nói: Nghiệp là trí, tướng là chẳng có trí. Nếu thân khẩu ý có thể khởi nghiệp thiện gọi là trí, mà thân khẩu ý khởi nghiệp bất thiện gọi là chẳng phải trí. Thân nghiệp khẩu nghiệp nương 4 đại, ý nghiệp nương tâm. Ba việc này vì sao gọi là tướng của trí, tướng của chẳng phải trí? Cho nên biết giả danh không có tự tướng.

Lại tướng giả danh tuy ở các chỗ khác cũng không phải một. Như nói người chịu khổ não như mũi nhọn đâm vào tâm não hoại là sắc tướng.

Lại thụ là thụ tướng, cũng đối với người mà nói. Như Phật nói: Người trí người ngu đều thụ khổ vui mà người trí trong khổ vui không sinh tham giận, lấy nhiều ít v.v... Tướng là tướng tướng, cũng đối với người mà nói. Như nói tôi thấy ánh sáng, thấy sắc tác khởi, đó là tướng của hành. Cũng với người mà nói. Như nói người này khởi tác phúc

hành, cũng khởi tội hành và bất động hành. Thức là thức tướng, cũng với người mà nói, như nói người trí biết pháp như lười ném vị. Cho nên nếu ở các chỗ khác mà nói cũng có nhiều tướng là tướng giả danh. Tướng sắc v.v... không ở các chỗ khác, cũng không nhiều tướng.

Lại nếu pháp bị tất cả thứ sử sai khiến, là giả danh có. Thật pháp không bị sử sai khiến, vì các sử sai khiến người.

Lại trong giả danh không sinh biết, mà trong sắc v.v... trước sinh biết, sau do tà tướng phân biệt nói tôi thấy cái bình v.v....

Lại trong cái bình, cái biết cần đợi sắc v.v.... Bởi vì sao? Vì nhân sắc, hương, vị, xúc mới gọi là cái bình, mà cái biết trong thật pháp lại không cần đợi gì cả.

Lại trong giả danh sinh nghi, như nghi là thân cây trơ trụi, hay là con người? Mà trong sắc v.v... không sinh nghi là sắc hay là thanh.

Hỏi: Trong sắc v.v... cũng có nghi là có sắc hay không có sắc?

Đáp: Không phải vậy. Nếu thấy sắc quyết chắc thì không nghi là âm thanh.

Lại vì các nhân duyên khác nên mới nghi có sắc không sắc. Như nghe nói sắc không mà lại thấy sắc thì sinh nghi nói là có hay là không. Nếu thấy được diệt đế thì nghi này liền dứt.

Hỏi: Trong diệt đế cũng có nghi là có diệt hay là không diệt?

Đáp: Trong sở chấp sinh nghi chứ không phải trong diệt đế. Như nghe chấp có diệt, cũng chấp không diệt, trong đó sinh nghi là có hay là không. Người này bấy giờ không thấy diệt đế. Bởi vì sao? Vì người thấy diệt đế không còn nghi. Cho nên biết chỗ sinh nghi là giả danh có.

Lại trong một vật được sinh nhiều nhận thức. Đó là giả danh có, như bình v.v.... Trong thật pháp không có như vậy. Bởi vì sao? Vì trong sắc không sinh nhĩ thức v.v...

Lại nhiếp thuộc nhiều nhập là giả danh có, như cái bình v.v.... Cho nên có người nói giả danh gồm có 4 nhập. Thật pháp không được nhiếp thuộc nhiều nhập.

Lại nếu không tự thể mà có thể có tạo tác là giả danh có. Như nói người tạo tác mà thể của người và thể của nghiệp không thể được.

Lại có bao nhiêu phân biệt là người oán người thân v.v..., đều là giả danh chứ không phải thật pháp có. Bởi vì sao? Vì nếu chỉ thẳng ở trong pháp sắc v.v... thì không sinh tướng người oan người thân gì cả.

Lại đi lại v.v..., đoạn hoại v.v..., đốt nát v.v... có bao nhiêu việc ra làm, đều là giả danh không phải thật pháp mà có. Bởi vì sao? Vì thật pháp không đốt, không phá hoại.

Lại các nghiệp tội phúc đều giả danh có. Bởi vì sao? Vì sát sinh v.v... là tội, mà lia sát sinh v.v... là phúc, đều không phải thật có.

Lại giả danh có đổi đăi nhau mới thành, như đây kia, nhẹ nặng, dài ngắn, lớn nhỏ, thầy trò, cha con và sang hèn v.v.... Thật pháp không có đổi đăi mà thành. Bởi vì sao? Vì sắc không đoi các vật khác để thành âm thanh v.v....

Lại không nhờ không, mà phá là giả danh có, như dựa vào cây phá rừng, dựa vào gốc rễ phá cây, dựa vào sắc v.v... phá gốc rễ. Nếu lấy không mà phá là thật pháp có. Như sắc v.v... cần lấy không mà phá.

Lại tùy không hành xứ là giả danh có. Tùy vô ngã hành xứ là thật pháp có.

Lại có 4 lỗi lập luận: 1. Một. 2. Khác; 3. Bất khả thuyết. 4. Không. Bốn thứ lập luận này đều có lỗi. Cho nên biết cái bình v.v... là giả danh có. Một, là sắc, hương, vị, xúc tức là cái bình. Khác, là lia sắc v.v... riêng có cái bình. Bất khả thuyết, là không thể nói sắc

v.v... là cái bình, hay lia sắc v.v... riêng có cái bình. Không, là không có cái bình này. Bốn lối lập luận này đều không đúng. Cho nên biết cái bình là giả danh.

Phẩm 143: PHÁ CHẤP CHO LÀ MỘT

Hỏi: Chấp này trong 4 lối lập luận có lỗi gì?

Đáp: Lối lập luận cho là một, là sắc v.v... các pháp, tướng đều sai biệt.

Nếu là một, thì cái bình không có được.

Lại sắc v.v... mỗi mỗi không gọi là địa, thì hòa hợp lại làm sao thành địa được? Bởi vì sao? Vì như mỗi mỗi con ngựa không gọi là con bò, thì hợp lại làm sao thành bò được?

Hỏi: Như mỗi mỗi hạt mè không thể thành đồng mè, mà hòa hợp là có thể thành đồng mè. Như vậy sắc v.v... mỗi mỗi không thể thành địa, mà hòa hợp lại thì thành?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì đồng mè là giả danh có, còn lập luận cho là một v.v... là luận trong thật pháp, làm sao đem ví dụ được!

Lại sắc, hương, vị, xúc là 4 pháp, mà địa là 1 pháp, 4 không phải là 1. Nếu 4 là 1 thì 1 cũng phải là 4? Việc đó không thể được. Cho nên biết sắc v.v... không tức là địa.

Lại thế gian đều nói địa sắc, địa hương, địa vị, địa xúc, mà không thấy nói là sắc sắc, mà cần lấy pháp khác để chỉ cho nhau, như nói nhà người nào đó v.v....

Hỏi: Đó không lấy pháp khác chỉ cho nhau, mà tức lấy tự pháp tự chỉ, như tay chân người bằng đá. Bởi vì sao? Vì lia tay chân lại không có người đá. Như vậy tuy không lia sắc v.v... là địa, mà cũng lấy tự thể tự chỉ, đâu có lỗi gì?

Đáp: Nếu nói địa lấy sắc v.v... tự hiển thị là không có lý này. Ông tuy nói thí dụ người đá, nhưng thí dụ này không đúng. Bởi vì sao? Vì như khi chỉ tay người đá, phải lấy các thân phần khác mới thành người đá.

Lại giữa hư không cũng nói có, như khi nói thân người đá, bấy giờ người đá lại không còn có nữa, mà cũng nói được. Như Phật nói trong thân này có tóc lông máu thịt v.v..., lia tóc đây v.v... lại không có thân. Chỗ nương ở của tóc này v.v... tuy không có chỗ nương riêng mà cũng có thể nói. Cho nên biết nói người đá cũng là nói không đúng. Nếu ông cho người đá thành địa, cũng không thành địa được. Trong kinh của ông nói có sắc, hương, vị, xúc là địa. Địa này tức không phải như thân, cho nên biết sắc, hương, vị, xúc không phải là địa.

Lại trong các câu-na không thể hiển thị cho nhau được, vì không được nói sắc này có hương, mà chỉ nói địa có sắc, hương, vị, xúc. Cho nên biết không phải là một.

Lại sắc tâm v.v... với địa tâm đều khác. Cho nên biết sắc v.v... không phải địa.

Lại sắc v.v... tên khác, địa tên cũng khác.

Hỏi: Tâm khác, tên khác, đều ở trong hòa hợp mà có khác?

Đáp: Nếu tâm và tên chỉ là hòa hợp mới có, mà hòa hợp chỉ là tên gọi. Vậy thì địa chỉ có tên gọi, không thể luận là một.

Lại địa có thể lấy tất cả căn mà biết. Làm sao biết được? Vì có người nghĩ như vậy: Ta thấy địa, ngửi địa, nếm địa và chạm xúc địa. Nếu sắc, hương, vị, xúc là địa, thì không nên chỉ trong sắc sinh tướng về địa mà bảo là ta thấy địa. Hương v.v... cũng như vậy, mà thật chỉ trong sắc mới sinh tướng về địa. Cho nên biết không phải sắc v.v... là địa. Chỉ nhờ nhân duyên tên gọi, trong một phần cũng có thể nói tên gọi giả danh. Như người chặt cây, cũng nói chặt cây, cũng nói chặt rừng.

Lại bên các câu-na khác với đà-la-phiêu. Trong đó có bao nhiêu nhân duyên, vì nhân duyên đó mà không thành luận cho là một.

Lại người phái Tăng-khư nói 5 câu-na là địa. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì như trước đã nói tiếng lìa sắc v.v... niệm niệm diệt, rồi nối nhau sinh lại, mà không phải nhân để thành 4 đại. Cho nên biết không phải tất cả 4 đại đều có âm thanh.

Phẩm 144: PHÁ CHẤP CHO LÀ KHÁC

Hỏi: Trong lập luận chủ trương cho là khác có những lỗi gì?

Đáp: Lìa pháp sắc v.v... lại không còn địa. Làm sao biết được? Vì không lìa sắc, hương, vị, xúc sinh tâm biết địa, chỉ trong pháp sắc v.v... mà sinh tâm. Bởi vì sao? Vì như sắc khác, thanh v.v... khác, không đợi thanh v.v... mà sinh tâm biết sắc. Nếu lìa sắc v.v... riêng có địa thì cũng nên không đợi sắc v.v... sinh tâm biết địa. Mà thật không phải không đợi. Cho nên không riêng có địa.

Hỏi: Không phải không đợi các pháp khác, cần đợi sắc tướng mới sinh tâm biết sắc?

Đáp: Đến Phẩm phá tướng chung sẽ nói. Lìa sắc không riêng có sắc tướng, cho nên không phải vậy.

Lại khác với pháp địa v.v... không căn có thể biết. Cho nên biết không riêng có địa v.v....

Hỏi: Địa v.v... dùng 2 căn có thể lấy, là thân căn và nhãn căn. Vì sao biết được? Vì mắt thấy biết là cái bình, hoặc lấy thân căn chạm xúc cũng biết là cái bình. Cho nên ông nói không căn lấy địa. Điều này không đúng?

Đáp: Nếu như vậy thì cái bình là 4 căn lấy, nghĩa là cũng dùng tứ căn ngửi đất bùn, thiệt căn nếm đất bùn.

Hỏi: Tĩ căn thiệt căn không thể thủ lấy cái bình. Bởi vì sao? Vì trong tối không thể phân biệt là ngử cái bình hay ngử cái chậu, nếm cái bình, hay nếm cái chậu?

Đáp: Tuy không thể phân biệt là cái bình hay cái chậu, nhưng ở trong đất bùn sinh biết là ngử bùn nếm bùn.

Lại nếu chôn cái bình để lộ miệng, hoặc thấy, hoặc chạm không thể biết chắc là cái bình hay là cái vò hay là miếng sành. Cho nên biết nhãn căn thân căn cũng không thể thủ lấy được cái bình.

Lại trong tối tuy sinh tâm biết cái bình, mà không thể phân biệt là cái bình vàng hay bình bạc. Cho nên biết nhãn căn thân căn cũng không thể thủ lấy được cái bình.

Lại tĩ căn thiệt căn có thể lấy được các pháp như hoa quả bơ sữa v.v... , mà nhãn căn thân căn thì không thể lấy được. Như thấy hoa v.v... không thể phân biệt biết thơm, hôi, tốt, xấu và ngọt, chua v.v.... Cho nên nếu bảo nhãn căn thân căn biết đà-la-phiêu, mà tĩ căn thiệt căn không biết là không có chuyện đó. Như tĩ căn thiệt căn không thể khác với đà-la-phiêu mà vẫn riêng có phân biệt. Nhãn căn thân căn cũng như vậy, tuy không khác với đà-la-phiêu mà cũng phân biệt được.

Lại trong 5 căn không có lấy giả danh mà biết. Cho nên biết giả danh không phải sở đắc của các căn mắt, thân, mũi, lưỡi, mà trong căn thứ 6 có biết giả danh. Bởi vì sao? Vì ý thức có thể duyên tất cả pháp.

Lại nếu mắt có thể thấy sắc, mà cũng thấy phi sắc, thì lẽ ra cũng phải có thể thấy được âm thanh v.v...? Nếu vậy thì không còn cần tai v.v... các căn. Việc đó không thể được. Cho nên không đem nhãn căn thân căn lấy đà-la-phiêu.

Hỏi: Do sắc mới rõ đà-la-phiêu thì mắt có thể thấy, chứ không phải tất cả những gì khác với sắc pháp đều có thể thấy.

Đáp: Do sắc nên rõ cái bình, việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì cái gì làm ra sắc của cái bình chỉ là hòa hợp. Cho nên không phải sắc làm rõ cái bình.

Lại nếu vì pháp có thể thấy rõ các pháp khác, khiến có thể thấy là vì cái bình v.v... pháp không thể thấy rõ sắc, sắc cũng phải là không thể thấy.

Lại cái bình cần 2 thứ là vừa có thể thấy vừa không thể thấy. Vì là pháp có thể thấy, vừa không thể thấy rõ.

Lại nếu cần vì pháp sắc v.v... rõ, nên nhãn căn v.v... có thể biết, thì sắc tướng không nên là cái bị biết của nhãn căn. Bởi vì sao? Vì pháp của ông do sắc tướng nên sắc mới có thể thấy. Sắc tướng này lại không có tướng. Vậy thì sắc tướng lẽ ra không thể thấy. Cho nên không đúng.

Lại nếu vì sắc rõ nên có thể thấy, thì các căn đều phải biết Đà-la-phiêu; nhĩ căn cũng phải biết hư không, vì âm thanh rõ.

Lại người phải lấy thân căn biết gió, vì xúc rõ, mà pháp của ông không phải như vậy. Cho nên không có pháp rõ này.

Hỏi: Các pháp khác cũng không thể làm rõ, chỉ sắc có thể làm rõ?

Đáp: Không phải vậy. Trong đó không có nhân duyên chỉ nói sắc có thể làm rõ, mà các pháp khác lại không thể. Như ông nói đà-la-phiêu lớn nhiều, trong đó sắc có thể thấy. Như vậy thì nhân sắc nên được sắc, lẽ ra phải lấy sắc tướng để rõ sắc, rồi sau mới có thể được, không chỉ có sắc có thể làm rõ. Nếu nói như vậy cũng không tránh khỏi lỗi như trước.

Lại khi khác thời sinh tâm biết sắc thì khác thời sinh tâm biết cái bình. Cho nên dù cho sắc có thể rõ, đối với cái bình có ích gì?

Lại như người mù vì quen thuộc với cái bình, nên tuy mất nhãn căn, chỉ cần chạm xúc cũng biết cái bình. Cho nên không phải chỉ có sắc có thể làm nhân cho thấy.

Lại người mù thân căn cũng có thể biết gió, cho nên không phải chỉ sắc rõ, mới có thể sinh tâm biết.

Lại trong kinh của ông cũng nói cái xúc đến chạm xúc thân không phải là địa, thủy, hỏa. Phải biết cái tướng không thể thấy đó là gió. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì người mù khi biết gió này, cũng không biết cái xúc này là có thể thấy hay không thể thấy.

Lại người mắt thấy các pháp số lượng, trong đó không có cái biết về sắc, có nghe hương cũng biết được pháp không phải hương, nếm vị cũng có thể biết được pháp không phải vị. Cho nên phải do sắc rõ đà-la-phiêu, rồi sau mới biết được. Việc đó không đúng.

Hỏi: Nếu sắc rõ trong cái thấy không phải nhân, nếu số lượng các pháp, ở trong đà-la-phiêu không thể thấy và gió lẽ ra cũng thấy được?

Đáp: Pháp của tôi, lia sắc thì không còn có pháp nào có thể thấy được. Cho nên tùy trong pháp nào đó có sắc sinh thì mắt có thể thấy. Mắt đã thấy sắc rồi tức sinh tướng cái bình. Nếu trong pháp không sắc sinh, thì trong đó dù có mắt vẫn không sinh tướng có khác với cái bình. Cho nên, nếu lia sắc v.v... riêng có cái bình là không có lý lẽ này.

Phẩm 145: PHÁ CHẤP CHO LÀ BẤT KHẢ THUYẾT

Hỏi: Trong lập luận cho là bất khả thuyết có những lỗi gì?

Đáp: Thật pháp không có trong các lập luận cho là một, là khác, là bất khả thuyết. Bởi vì sao? Vì không có nhân duyên thí dụ cho rằng cái biết này là bất khả thuyết. Vì sắc v.v... pháp thật có, nên không phải bất khả thuyết.

Lại các pháp đều có tướng của chính nó, như não hoại là tướng của sắc mà không có tướng nào khác, sao gọi là bất khả thuyết?

Lại tùy nhận thức sai khác nên pháp mới có sai khác, như dùng nhãn thức biết màu sắc, không biết âm thanh v.v.... Cho nên trong đó không có cái gọi là bất khả thuyết.

Lại sắc là nhiếp thuộc về sắc nhập, không phải nhiếp thuộc về thanh v.v.... Nếu ông muốn cho có cái bất khả thuyết đó, thì sắc này là sắc khả thuyết, hay sắc này là phi sắc bất khả thuyết? Thanh v.v... cũng như vậy.

Lại các pháp có số thứ lớp, nếu là bất khả thuyết, thì các pháp không có số. Bởi vì sao? Vì thứ nhất thứ hai không có khác nhau. Cho nên biết thật sự không có pháp gọi là bất khả thuyết.

Chỉ ở trong giả danh gọi là một, là khác, nên mới nói là bất khả thuyết.

Phẩm 146: PHÁ CHẤP KHÔNG

Hỏi: Trong lập luận cho là không, thì có những lỗi gì?

Đáp: Nếu không thì không có quả báo tội phúc v.v..., không có tất cả các pháp trói buộc, giải thoát v.v...

Lại nếu chấp không, không có gì hết, thì cái chấp đó cũng không có nốt, bởi không có ai nói điều đó và không có ai nghe điều đó.

Lại lập luận có, không v.v... đều bởi tin mới nói. Hoặc tin do hiện thấy biết, hoặc tin do so sánh biết, hoặc theo kinh sách mà biết. Nếu nói không có gì hết, thì không ở trong 3 trường hợp này.

Ý ông hoặc bảo tôi theo kinh sách. Điều này cũng không đúng. Vì ý trong kinh sách cũng khó hiểu. Hoặc khi nói có, hoặc khi nói không, làm sao tin được? Nếu tin do so sánh biết, thì trước phải hiện thấy rồi sau mới so sánh biết.

Lại pháp cái bình v.v... nay hiện thấy có, vì có thể sinh tâm biết. Tùy có thể sinh tâm thì pháp này có, nên chẳng phải không.

Lại nay cái bình, cái chậu v.v... hiện có sai khác, nếu tất cả là không, thì đâu có sai khác? Ý ông hoặc bảo vì tà tướng nên có phân biệt đó. Vậy sao không ở giữa hư không mà phân biệt cái bình v.v....

Lại nếu ông bảo vì si nên sinh tâm biết vật đó. Nếu tất cả là không, thì cái si này cũng không, lấy đâu mà khởi?

Lại ý ông bảo tất cả pháp là không, thì biết do duyên nào mà sinh? Các cái biết không lẽ không có duyên mà sinh? Vì biết vật nên gọi là biết. Cho nên biết không nên nói không.

Lại nếu là đều không, thì nay tất cả người đời đều tùy ý ra làm. Những người thiện đều vui các pháp thiện như bố thí trì giới nhẫn nhục, xa lìa các pháp bất thiện. Cho nên biết chẳng phải không.

Lại pháp cái bình v.v... hiện nay có thể biết, mà ông nói hiện tại đều không có. Nếu không có pháp thì cũng không nên tin kinh sách. Vậy do nhân duyên gì mà nói tất cả không? Tất cả không, việc này cần phải thuyết minh. Nếu không thể dùng nhân duyên để thuyết minh, thì chỗ chấp của người ta tự nhiên phải được thành lập. Luận của người ta được thành lập, thì pháp của ông phải bị phá. Nếu có nhân duyên có thể thành, thì không gọi là không.

Phẩm 147: THÀNH LẬP KHÔNG

Người lập luận cho là không, nói: Tuy ông dùng ngôn thuyết phá không, nhưng thật sự các pháp không có, vì các căn trần đều không thể được. Bởi vì sao? Vì trong các pháp không có hữu phần có thể lấy. Cho nên tất cả pháp là không thể lấy, vì không thể lấy cho nên là không. Nếu ông bảo hữu phần tuy không thể lấy, nhưng các phần có thể lấy. Điều này không đúng. Trong các phần không sinh tâm. Bởi vì sao? Vì các vật thô như cái bình v.v... là có thể lấy.

Lại phần không làm hữu phần. Bởi vì sao? Vì nhân hữu phần nên mới nói phần, mà hữu phần là không, nên phần cũng không.

Lại đa-la-phiêu, cầu-na không phân, cho nên không phân.

Lại nếu thấy phần vi tế, thì phải thường sinh phần tâm, mà không sinh tâm biết cái bình. Bởi vì sao? Vì nếu thường nghĩ phân, thì phải hoàn toàn không sinh tâm biết cái bình.

Lại nếu trước nhớ phần, sau sinh tâm biết cái bình, thì tâm biết cái bình phải lâu mới sinh, mà thật không phải lâu mới sinh, cho nên không nghĩ nhớ phần.

Lại nếu thấy cái bình không sinh tâm phần phân biệt, tức sinh tâm biết bình.

Lại không có tất cả phần. Bởi vì sao? Vì tất cả phần đều có thể chia tách tan nát cho đến thành vi trần, rồi mới phá vi trần chung qui đều không có.

Lại tất cả các pháp rốt ráo ắt sinh không trí. Cho nên trong đệ nhất nghĩa các phần đều không.

Lại nếu nói phần, thì phá 2 đế lý. Bởi vì sao? Vì ai nói không có hữu phần mà chỉ có các phần, thì không có các nghiệp khứ, lai, kiến, đoạn v.v... . Như vậy là không có thể đế. Ông cho đệ nhất nghĩa là không. Trong đệ nhất nghĩa cũng không có các phần. Cho nên biết chỉ nói các phần thì không vào 2 đế. Mà vi không vào trong 2 đế nên không có.

Lại nếu pháp có thể vượt qua tức là không có, như nhân phần vượt qua hữu phần rồi cũng lại nhân các phần khác vượt qua phần trước. Vì có thể qua nên không có phần luận này.

Lại sắc v.v... cũng không. Bởi vì sao? Vì mắt không thể thấy sắc vi tế, ý không thể lấy sắc hiện tại. Cho nên sắc không thể lấy được.

Lại nhãn thức không thể phân biệt sắc này. Ý thức ở quá khứ, không ở trong sắc, nên không có khả năng phân biệt được sắc. Vì không phân biệt, nên sắc không thể lấy.

Lại thức đầu tiên không thể phân biệt sắc, thì thức thứ hai v.v... cũng như vậy. Cho nên không có khả năng phân biệt được sắc.

Hỏi: Nhãn thức lấy sắc, rồi sau mới đem ý thức nghĩ nhớ, cho nên chẳng phải không phân biệt?

Đáp: Nhãn thức thấy sắc xong liền diệt, kế đó mới sinh ý thức. Ý thức này không thấy sắc. Không thấy làm sao có thể nhớ? Nếu không thấy mà có thể nhớ, thì người mù cũng phải nhớ sắc, mà thật ra không nhớ? Cho nên ý thức không thể nhớ.

Hỏi: Từ nhãn thức sinh ý thức, cho nên có thể nghĩ nhớ?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả tâm sau, đều nhân nhãn thức sinh. Vậy thì lẽ ra đều có thể nhớ?

Lại quyết không được quên, vì từ nó sinh, mà thật không phải như vậy. Cho nên biết ý thức cũng không thể nhớ. Như nhớ hư vọng, lấy sắc cái bình v.v... vạn vật cũng đều hư dối, không mà vọng lấy. Cho nên không có tất cả vật.

Lại nếu nói mắt thấy là đến sắc thấy hay không đến mà có thể thấy? Nếu đến thì không thể thấy, vì mắt không có tướng đi. Điều này trước đã nói rõ. Nếu không đến mà thấy lẽ ra phải thấy sắc tất cả các nơi. Mà thật ra là không thấy. Cho nên biết chẳng phải không đến có thể thấy.

Hỏi: Sắc ở cảnh bị biết thì mắt có thể thấy?

Đáp: Cảnh bị biết là thế nào?

Hỏi: Tùy khi mắt có thể thấy gọi là cảnh biết?

Đáp: Nếu mắt không đến cũng gọi là cảnh biết, thì sắc tất cả chỗ phải đều là cảnh biết. Cho nên đến và không đến đều không thể thấy. Cho nên biết sắc là không thể thấy.

Lại nếu trước có mắt và sắc, sau nhãn thức mới sinh, thì nhãn thức này không chỗ nương và duyên. Nếu đồng thời thì không gọi mắt và sắc làm nhân duyên sinh thức, vì đồng thời không làm nhân cho nhau được.

Lại mắt là 4 đại, nếu mắt có thể thấy, thì tai v.v... lẽ ra cũng có thể thấy, vì đồng là 4 đại. Sắc cũng như vậy.

Lại nhãn thức này nên hoặc có chỗ, hoặc không chỗ cả hai đều có lỗi. Bởi vì sao? Vì nếu nhãn thức nương vào mắt thì có chỗ, nếu vật không chỗ thì không nương đâu được. Nếu ông bảo thức sinh một chỗ phần ít nơi mắt, hoặc khắp sinh, hoặc trong 2 mắt đồng thời sinh thức thì có chỗ. Mà có chỗ tức là hữu phần. Như vậy thì do nhiều thức, mà thành một thức. Có những lỗi như vậy, và cũng có lỗi nhiều thức đồng thời sinh.

Lại mỗi mỗi phần thức không thể biết được hữu phần đó, mà lẽ ra phải biết. Mà thật ra là không có hữu phần. Có những lỗi như vậy. Nếu không chỗ thì không nên nương mắt.

Phẩm 148: PHÁ CHẤP VỀ ÂM THANH

Người nói không, nói: Một lời cũng không có. Bởi vì sao? Vì tâm niệm niệm diệt, âm thanh cũng niệm niệm diệt. Như nói Phú-lâu-sa, lời này không thể nghe. Bởi vì sao? Vì vừa nghe Phú thì thức không nghe Lâu, nghe Lâu thì thức không nghe Sa. Không có một thức có thể lấy cả 3 lời. Cho nên không có thức có thể lấy một lời. Cho nên biết âm thanh không thể nghe.

Lại tản tâm nghe tiếng, định tâm không thể nghe, vì sở tri của định tâm là thật. Cho nên tiếng không thể nghe.

Lại tiếng này, hoặc đến hoặc không đến đều không thể nghe, vì không thể nghe nên không tiếng.

Lại có người nói: Tai là tính của hư không, vì nó không vật nên gọi hư không. Cho nên không tai. Không tai nên không tiếng.

Lại nhân duyên của tiếng là không. Cho nên không tiếng. Nhân duyên của tiếng là các đại hòa hợp, pháp hòa hợp này là không thể

được. Bởi vì sao? Vì nếu thể của các pháp có khác thì không hòa hợp. Nếu thể không khác làm sao tự hợp. Dù ở một chỗ cũng niệm niệm diệt. Cho nên hòa hợp không được.

Phẩm 149: PHÁ CHẤP VỀ HƯƠNG VỊ XÚC

Hương không thể lấy. Bởi vì sao? Vì tỉ thức không thể phân biệt là hương Chiêm-bặc hay các thứ hương khác. Ý thức không thể nghe hương, cho nên ý thức cũng không thể phân biệt là hương Chiêm-bặc.

Hỏi: Tuy không thể phân biệt là hương Chiêm-bặc, nhưng có thể lấy hương?

Đáp: Không phải vậy. Như người không được cây Chiêm-bặc, vì ngu si nên tâm sinh cây Chiêm-bặc. Như vậy không được cái thể của hương, vì ngu si nên sinh tâm hương.

Lại như trước đã nói hương hoặc đến, không đến mà lấy, hai lẽ đều có lỗi. Cho nên không hương. Vị cũng như vậy. Xúc cũng không. Bởi vì sao? Vì trong phần vi trần v.v... còn không sinh biết xúc, như trước đã nói. Cho nên không có xúc.

Phẩm 150: PHÁ CHẤP VỀ Ý THỨC

Ý thức cũng không thể lấy pháp. Bởi vì sao? Vì ý thức không thể lấy sắc hương vị xúc ở hiện tại, như trước đã nói quá khứ vị lai thì không có. Cho nên ý thức không lấy sắc v.v....

Hỏi: Nếu ý thức không biết pháp sắc v.v..., thì phải biết tự thể.

Đáp: Pháp không tự biết. Bởi vì sao? Vì hiện tại không thể tự biết, như cái dao không thể tự cắt mình. Còn quá khứ vị lai vì không pháp nên cũng không có tâm nào khác. Cho nên ý thức không thể tự biết.

Hỏi: Nếu ai khi biết tâm người khác, tức ý thức có thể biết tâm pháp?

Đáp: Như người tâm không tự biết, mà cũng khởi ý nghĩ như vậy: Ta có tâm ở trong tâm người khác, cũng lại như vậy.

Lại nếu pháp vị lai không, cũng có thể sinh biết tâm người khác. Nếu vậy có lỗi gì?

Lại ý thức có thể duyên pháp thì có nhiều lỗi. Như ý đến duyên, và ý thức không đến duyên, không nên nhớ sắc v.v..., vì các lỗi này nên ý thức không biết pháp.

Phẩm 151: PHÁ CHẤP VỀ NHÂN QUẢ

Người nói không, nói: Nếu có quả lẽ ra trong nhân trước phải có cầu-na mới sinh, hay trước không cầu-na mà sinh? Cả 2 đều có lỗi. Như trong 2 tay trước không tiếng mà có thể có tiếng. Trong nhân rượu, trước không rượu cũng có thể sinh rượu. Trong nhân xe, trước không xe mà có thể thành xe. Cho nên không phải trong nhân trước có cầu-na mà sinh quả. Nếu ông bảo trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả, thì như vi trần của gió không sắc, phải có thể sinh sắc? Nếu vậy thì gió có sắc. Trong kim cương v.v... cũng phải có mùi thơm.

Lại hiện thấy chỉ trắng thì thành vải trắng, chỉ đen thì thành vải đen. Nếu trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả đó thì vì sao chỉ trắng vẫn thành trắng mà không thành đen ư? Cho nên không phải trong nhân trước không cầu-na mà sinh quả. Xét cho cùng, 2 lý đều có lỗi, cho nên không có quả.

Lại nếu trong nhân có quả thì không cần sinh lại, vì đã có, còn sinh làm chi nữa! Nếu không cũng không sinh được, vì không làm sao sinh.

Hỏi: Hiện thấy làm cái bình, sao nói không quả?

Đáp: Cái bình này, nếu trước không làm, thì sao làm được? Vì nó không có. Nếu trước đã làm, còn làm chi nữa? Vì nó có rồi.

Hỏi: Chính khi làm gọi là làm?

Đáp: Không có khi nào là khi làm. Bởi vì sao? Vì chỗ phần có làm đã rơi vào trong làm, chỗ phần chưa làm rơi vào trong chưa làm, cho nên không có cái gọi là khi làm.

Lại nếu cái bình có làm, thì phải là quá khứ, vị lai hay hiện tại? Quá khứ không làm, vì đã diệt mất. Vị lai không làm vì chưa có. Hiện tại không làm vì là có.

Lại nhân có người làm mới có thành nghiệp. Mà trong đó người làm, thật không thể được. Bởi vì sao? Vì thân phần cái đầu v.v... đối với việc làm đó là vô sự, nên không có người làm. Vì không có người làm nên việc làm cũng không.

Lại nhân ở trong quả hoặc trước hoặc sau, hoặc đồng thời đều không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu nhân trước, quả sau thì nhân đã diệt hết, quả làm sao sinh, như không cha làm sao sinh con? Nếu nhân sau quả trước; nhân tự chưa sinh, làm sao sinh quả? Như chưa đẻ ra cha, ai sinh con? Nếu nhân quả đồng thời thì không có lý. Như 2 sừng đồng mọc không được nói tướng tả hữu làm nhân cho nhau. Xét cho cùng, 3 điều này đều không đúng, cho nên không có quả.

Lại nhân quả này hoặc một hoặc khác, cả hai đều có lỗi. Bởi vì sao? Vì nếu khác thì lẽ ra lia chỉ phải có vải. Nếu là một thì chỉ và vải không khác nhau.

Lại người đòi không thấy có pháp nhân quả nào không sai khác.

Lại nếu có quả lẽ phải tự mình làm, hoặc người khác làm, cùng chung làm hay không nhân mà làm, đều là không đúng. Bởi vì sao? Vì không có pháp nào có thể làm ra tự thể. Nếu sẵn có tự thể thì cần gì tự làm. Nếu không tự thể làm sao có thể tự làm được?

Lại không thấy có pháp nào có thể làm ra tự thể, nên không tự làm. Người khác làm cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì như mắt và sắc đối với việc sinh thức vô sự, nên người khác không làm được.

Lại vì không có nghĩ tưởng làm, nên tất cả pháp không có người làm. Như hạt giống không nghĩ là ta nên nảy mầm. Mắt và sắc cũng không nghĩ là chúng ta nên hợp lại mà sinh thức. Cho nên các pháp không có tưởng làm. Hợp lại làm cũng không đúng vì có lỗi tự mình và người khác. Không có nhân làm cũng không đúng, vì nếu không nhân, cũng không có tên quả. Nếu 4 thứ đều không, làm sao có quả, nếu phải nói?

Lại quả này phải hoặc trước có tâm làm, hay trước không có tâm làm. Nếu trước có tâm làm thì thân phần như mắt v.v... của thai nhi là ai có tâm làm? Trời Tự Tại v.v... cũng không làm nên được. Trước đã nói nghiệp cũng không tâm đối với việc làm. Nghiệp này ở trong quá khứ làm sao có tâm làm. Cho nên nghiệp cũng không tâm. Nếu trước không tâm mà làm, thì làm sao làm khổ, người khác bị khổ, làm vui, người khác được vui?

Lại hiện trong nghiệp làm cũng đem tâm phân biệt nên làm như vậy, không nên làm như vậy. Nếu không tâm mà làm, thì sao có sai biệt này? Cho nên nói trước có tâm không tâm đều không đúng. Như vậy tất cả căn, trần đều không thể được. Cho nên là không có pháp.

Phẩm 152: THẾ ĐẾ

Đáp: Tuy ông đem các thứ nhân duyên nói các pháp đều không, nhưng nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì trước tôi đã nói nếu tất cả không, luận này cũng không có, cũng không ở trong các pháp. Như vậy phá không, ông hoàn toàn không đáp. Hãy còn cố tâm thành lập không, cho nên không phải không có tất cả các pháp.

Lại ông đã nói không căn không duyên v.v... Điều này không phải chỗ minh luận của chúng tôi. Bởi vì sao? Vì trong kinh Phật tự giảng điều này. Đó là 5 việc không thể nghĩ bàn: việc thế gian, việc chúng sinh, việc nghiệp nhân duyên, việc của người tọa thiền, và việc Chư Phật. Điều này nếu không phải bậc nhất thiết trí thì không thể nghĩ lường quyết đoán, chỉ Chư Phật mới có thể phân biệt pháp trí. Thanh Văn, Bích-chi-phật, chỉ có trí tuệ thông đạt Nê-hoàn, còn đối với trí phân biệt các pháp chỉ được phần ít. Chư Phật đối với tất cả pháp, tất cả chủng loại, gốc ngọn, thể tính, tướng chung, tướng riêng đều có thể biết thông suốt, như người, nhà cửa các vật, dễ hoại khó thành. Cũng như vậy, không trí dễ được, mà trí tuệ phân biệt đúng các pháp thì khó sinh.

Hỏi: Như Phật ngồi đạo tràng, chứng được các pháp tướng. Cứ đúng như Phật đã nói, phải như vậy mà nói?

Đáp: Tuy Phật nói tất cả pháp, nhưng không nói tất cả chủng, vì không được giải thoát. Như Phật nói các pháp từ nhân duyên sinh, nhưng không nói mỗi mỗi từ nhân duyên nào, mà chỉ nói điều cần thiết có công dụng có thể dứt khổ mà thôi. Các màu sắc hội họa, các âm thanh kỹ nhạc, các thứ hương vị xúc vô lượng sai biệt không thể nói hết được. Nếu nói cũng không lợi ích gì lớn lao, nên Phật không nói những việc như vậy, không được nói là không có.

Lại như người không biết phân biệt các pháp hội họa mà nói đó là không. Ông cũng như vậy, việc không thể thành sự, mà nói là không có việc đó. Nhưng với người trí thì có, mà người không biết cho là không. Như người mù bẩm sinh nói không có đen trắng, vì tôi không thấy. Không nên vì không thấy mà nói không có các sắc như vậy. Như không thể vì tự duyên thành, mà nói không có tất cả pháp.

Lại chư Phật Thế Tôn là bậc nhất thiết trí, được chúng ta tin, Phật nói có 5 âm, cho nên biết sắc v.v... tất cả pháp là có, như cái bình v.v... do thể để cho nên có.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 12

Phẩm 153: DIỆT PHÁP TÂM

Hỏi: Ông trước nói diệt 3 tâm gọi là diệt đế. Đã biết nhân duyên diệt tâm giả danh. Nay pháp tâm là thế nào? Và vì sao phải diệt?

Đáp: Có tâm thật cho 5 ấm, gọi là pháp tâm. Khéo tu không trí, thấy 5 ấm trống không, thì pháp tâm diệt.

Hỏi: Hành giả quán 5 ấm trống không là trong 5 ấm vô thường pháp, định pháp, bất hoại pháp, bất biến pháp, ngã, ngã sở pháp, vì không có các pháp này nên nói là nó trống không, chứ không phải không thấy 5 ấm?

Đáp: Hành giả cũng không thấy 5 ấm. Bởi vì sao? Vì hành giả dứt tâm duyên hữu vi, được tâm duyên vô vi. Cho nên hành giả không thấy 5 ấm, mà chỉ thấy ấm diệt.

Lại nếu thấy 5 ấm thì không gọi là không. Vì ấm chẳng phải không, như vậy thì không đầy đủ không trí.

Hỏi: Hành giả thấy sắc, vì vô ngã nên không. Như trong kinh nói: Hành giả thấy sắc này trống không, cho đến thức cũng trống không. Phải biết các ấm chẳng phải không có sắc.

Đáp: Có nói như vậy, nhưng không phải thanh tịnh. Như trong Kinh Pháp Ấn nói: Hành giả thấy tướng các pháp như sắc v.v... là

vô thường, bại hoại, dối giả, chán lia. Đó cũng gọi là trống không. Nhưng chưa phải là thanh tịnh. Về sau người này thấy 5 âm diệt, là do tu quán mới được thanh tịnh. Cho nên biết thấy các âm diệt.

Hỏi: Vì trí duyên hữu vi, sao không được thanh tịnh?

Đáp: Hành giả hoặc khi khởi tưởng 5 âm, nên tâm giả danh sinh trở lại. Cho nên tâm duyên hữu vi không được thanh tịnh. Nếu chứng các âm diệt, thì 5 âm không hiện tiền nữa. Vì thành tựu diệt được nhân duyên giả danh nên tưởng giả danh không theo đuổi nữa. Ví như có cây, cửa chặt, đốt cháy, tro than đều tiêu hết, cái tưởng về cây mới diệt không còn theo đuổi nữa. Việc này cũng vậy.

Lại Phật bảo La-đà: Ông phá vỡ tan nát chúng sinh, khiến không tồn tại.

Lại một kinh khác nói: La-đà! Ông phá vỡ tan nát sắc, cho đến thức, khiến không tồn tại. Cho nên biết nếu hoại chúng sinh là giả danh trống không. Nếu phá hoại sắc gọi là pháp không.

Lại có 2 pháp quán là không quán và vô ngã quán. Không quán là không thấy giả danh chúng sinh, như người thấy cái bình, vì không có nước nên trống không. Cũng như vậy vì thấy trong 5 âm không có người cho nên trống không. Nếu không thấy pháp thì gọi là vô ngã.

Lại trong kinh nói: Được trí vô ngã thì chính giải thoát. Cho nên biết sắc tính diệt, thụ, tưởng, hành thức, tính diệt, gọi là vô ngã. Vô ngã tức là vô tính.

Hỏi: Nếu gọi vô tính là vô ngã thì 5 âm thật sự không có sao?

Đáp: Năm âm thật sự là không, vì thế đế nên có. Bởi vì sao? Vì Phật nói các hành v.v... đều như huyễn, như hóa, vì thế đế nên có. Vì thế đế nên có, là không phải thật có.

Lại trong kinh nói đệ nhất nghĩa không. Nghĩa này vì đệ nhất nghĩa đế nên trống không, chứ không phải vì thế đế mà không. Đệ

nhất nghĩa là như nói sắc trống không không có gì hết, cho đến thức trống không, không có gì hết. Cho nên nếu người quán các pháp như sắc v.v... trống không, gọi là thấy cái không của đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu vì thế để nên có 5 âm . Vì sao nói các pháp như sắc v.v... là chân đế?

Đáp: Vì chúng sinh nên mới nói có. Người đối với 5 âm sinh tưởng chân thật. Vì đó nên nói 5 âm, vì đệ nhất nghĩa nên trống không.

Hỏi: Trong kinh không nói có nghiệp có quả báo. Chỉ tác giả không thể được sao?

Đáp: Đó bởi các pháp mà nói tác giả là không thể được. Đó là nói giả danh trống không. Như trong kinh nói các pháp chỉ có cái tên gọi giả. Cái tên gọi giả đó, như vô minh, nhân duyên các hành, cho đến lão tử các khổ, tập, diệt. Do lời nói này nên biết 5 âm cũng vì đệ nhất nghĩa nên không.

Lại trong Kinh Đại Không, nói: Nếu ai nói lão tử này lão tử kia, hoặc ai nói thân tức là thân, hoặc nói thân khác thân khác, những lời nói đó khác mà nghĩa đồng. Nếu có kiên chấp này, không phải đệ tử ta, không phải người Phạm hạnh. Nếu ngăn lão tử kia, tức phá giả danh, ngăn lão tử này là phá 5 âm.

Lại nói sinh duyên lão tử gọi là trung đạo. Phải biết đệ nhất nghĩa để nên nói không lão tử; thế để nên nói sinh duyên lão tử.

Lại như tưởng quá hơn cái bình thì đệ nhất nghĩa nên không có cái bình. Cũng như vậy quá hơn pháp như sắc v.v... thì đệ nhất nghĩa nên không có sắc.

Lại trong kinh nói: Nếu pháp đó là lừa gạt, tức là hư vọng, nếu pháp không phải lừa gạt tức gọi là thật. Các pháp hữu vi đều biến đổi khác, nên đều gọi là lừa gạt. Lừa gạt nên hư vọng. Hư vọng nên không phải chân thật có.

Như kệ nói:

*Thế gian hư vọng trôi,
Trạng như tướng quyết định
Thật không, thấy như có,
Quán sát thấy đều không.*

Phải biết các âm cũng trống không.

Lại thấy diệt đế nên gọi là đặc đạo. Cho nên biết diệt là có của đệ nhất nghĩa, không phải là các âm. Nếu các âm thật có, hành giả cũng phải thấy mà được đạo, nhưng thật ra không phải vậy. Cho nên biết 5 âm không phải là có của đệ nhất nghĩa.

Lại vì âm diệt là thật, cho nên biết các âm không phải thật. Không nên nói các âm là thật, không âm cũng thật.

Lại có bao nhiêu pháp được thấy đều bởi si, như người mắt không thể gạt được, thì không thấy huyễn. Như vậy nếu không ngu si thì không thấy các âm. Cho nên các âm không phải là có của đệ nhất nghĩa.

Lại trong kinh nói: Tùy có ngã tức là động xứ. Mà trong âm có ngã, như A-nan nói: Nhân pháp thành ngã. Nghĩa là nhân sắc âm, cho đến thức âm.

Lại như chư Thượng tọa Tì-kheo hỏi Sai-ma-già: Ông lấy sự gì làm ngã?

Đáp: Tôi không nói sắc là ngã, không nói lia sắc là ngã, cho đến thức cũng vậy. Có điều là trong 5 âm ngã mạn chưa dứt.

Ý kinh này cho rằng học nhân hoặc khi tâm niệm bị tán loạn mới khởi ngã mạn. Nếu nhiếp tâm niệm diệt 5 âm thì ngã mạn diệt. Như hoa không phải chỉ rễ chồi nhánh lá là hoa, mà cũng không rời các thứ đó là hoa. Như vậy không phải sắc v.v... là ngã, mà cũng không rời sắc v.v... là ngã. Như vậy nhân duyên diệt ngã thì ngã mạn không khởi. Cho nên biết các âm cũng không.

Lại hành giả nên diệt tất cả tướng, chứng vô tướng. Nếu thật có tướng, sao không nghĩ nhớ? Không phải như ngoại đạo khi lia nơi sắc, biết thật có sắc, nhưng không nhớ nghĩ. Hành giả cần phải thấy sắc v.v... các ám diệt hết. Vì thấy diệt hết nên gọi là vào vô tướng. Cho nên biết sắc v.v... không phải đệ nhất nghĩa.

Lại tùy có 5 ám thì có ngã tâm. Phải biết không có 5 ám thì ngã tâm diệt. Cho nên các ám đều trống không.

Lại trong Kinh Thủy Mạt, Phật nói: Nếu ai thấy đám bọt nước, quan sát kỹ thì biết chúng không phải chân thật. Tì-kheo cũng vậy, nếu chính quán sắc ám, tức biết đối gạt không bền không chắc, là tướng bại hoại. Quán thụ như bong bóng nước. Tướng như sóng nắng. Hành như cây chuối. Thức như ảo hóa. Cũng như vậy, 5 dụ trên đây đều chỉ rõ nghĩa trống không. Bởi vì sao? Vì mắt thấy đám bọt nước, khi tiêu hết là hoàn lại không. Bong bóng nước cũng như vậy. Cho nên biết các ám không phải chân thật có.

Lại như đệ tử Phật rất chán sinh tử, đều bởi thấy các pháp xưa nay không sinh, không có sở hữu. Nếu thấy vô thường thì chỉ có thể sinh bại hoại khổ tướng, cũng như vậy thấy vô tính, không còn tướng gì khác thì mới có thể đầy đủ hành khổ. Đủ 3 khổ này gọi là được giải thoát. Phải biết tất cả các pháp đều trống không.

Lại không, là cửa giải thoát. Không này không phải chỉ chúng sinh không, mà hữu pháp cũng không. Như nói mắt khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi đến đâu, thì biết quá khứ, vị lai mắt là trống không. Mắt hiện tại cũng do 4 đại phân biệt nên không. Như Phật nói mắt trong hình thịt, có bao nhiêu cứng và nương cứng gọi là địa v.v.... Nếu được cái không này tức nói không có gì hết.

Lại nói tất cả các hành dứt gọi là đoạn tính, lia gọi là ly tính, diệt gọi diệt tính. Cho nên biết tất cả các hành đều diệt. Nếu thật có các hành thì không có chính, đoạn, ly, diệt. Diệt gọi là không. Phải

biết vì đệ nhất nghĩa nên các hành đều không có. Chỉ vì thế đế nên mới có các hành.

Phẩm 154: DIỆT TẬN

Như duyên Nê-hoàn gọi là không tâm.

Hỏi: Nê-hoàn không có pháp tâm thì duyên vào đâu?

Đáp: Tâm này duyên vô sở hữu. Điều này trước đã rõ vì biết Nê-hoàn.

Hỏi: Không tâm này diệt ở chỗ nào?

Đáp: Hai chỗ diệt: một là vào trong vô tâm định diệt, hai là khi vào Nê-hoàn vô dư, dứt tương tục mà diệt. Bởi vì sao? Vì diệt nhân duyên nên tâm này cũng diệt. Trong vô tâm định vì duyên diệt nên diệt, khi dứt tương tục vì nghiệp hết nên diệt.

Luận giả nói: Hành giả, nếu diệt được 3 tâm này, thì các nghiệp phiền não vĩnh viễn không còn khởi lại nữa.

Hỏi: Vì sao không khởi?

Đáp: Người này đầy đủ vô ngã, nên nghiệp phiền não diệt, như khói đèn đen có chỗ nương là trụ lại, mà không chỗ nương thì không trụ. Như vậy nếu có ngã tâm làm chỗ nương thì nghiệp phiền não tụ tập, không thì không tụ lại.

Lại vô lậu chính kiến đốt hết các tướng, khiến không còn sót, như kiếp hỏa đốt cháy hết đất v.v... không sót. Vì vô tướng nên các nghiệp phiền não không tụ tập lại nữa.

Lại người có ngã tâm thì nghiệp phiền não tụ lại. A-la-hán thông đạt không trí, vì không ngã tâm nên không còn tụ lại.

Hỏi: Người này tuy nghiệp mới không tụ, nhưng vì sao nghiệp cũ không sinh?

Đáp: Người đó đem chính trí tuệ phá hoại nghiệp này, nên không thể trả báo được, như hạt giống rang cháy không còn sinh được.

Lại nếu không có ái tâm thì tác nghiệp không thể trả báo được, như đất không ướt thì giống không mọc.

Lại hành giả này với các thức xứ diệt hết các tướng, thức không chỗ nương nên không có chỗ sinh, như giống không chỗ nương thì không mọc được.

Lại đủ nghiệp phiền não mới có thể thụ thân, mà không đủ thì diệt. Người này không phiền não nên nhân duyên không đủ, dù có các nghiệp cũng không thụ sinh được.

Lại chúng sinh vì phiền não nên thụ thân ở các nẻo. Vì thụ thân nên các nghiệp trong đó có thể cùng với quả báo. Nếu không phiền não thì không thụ thân. Không thụ thân, thì các nghiệp làm sao có thể cùng quả báo được? Như người mắc nợ nhờ cậy thế lực, thì chủ nợ không làm gì được. Hành giả cũng vậy, nếu không ở trong sinh tử thì dù có các nghiệp cũng không trả báo được.

Lại như người bị trói, những người không bị trói tha hồ mắng nhiếc. Cũng như vậy, chúng sinh bị phiền não trói buộc, tùy nghiệp nhiều ít đều có thể trả báo. Người được giải thoát, thì phiền não không làm gì được.

Lại tự nghiệp mình có thể trả quả báo. Người này tu hạnh không hành, nên đối với các pháp không có tự tướng, cho nên các nghiệp không trả báo được, như dùng con mình làm đũa giúp việc thì khỏi trả tiền thuê. Điều này cũng như vậy.

Lại sức mạnh phiền não có thể chuyển các nghiệp, mà phiền não hết thế lực, thì các nghiệp không chuyển được. Như bánh xe tuy còn, mà động lực đã hết, thì bánh xe không lăn.

Lại sức phiền não có thể biến đổi các nghiệp, như mẹ vì thương con nên máu biến thành sữa. Khi hết lòng thương, thì máu không biến. Như vậy do sức phiền não, nên nghiệp có thể báo, lia thì không thể.

Lại người này, nhờ các công đức tu thân như giới, định, tuệ v.v... thế lực lớn, nên các nghiệp không làm gì được. Cho nên tuy có các nghiệp cũ mà không trả báo được. Như vậy, người này nghiệp cũ hiện tại trả báo chút ít, mà không gây nghiệp mới, như lửa đốt củi, củi hết thì tắt. Người này cũng vậy, vì không thụ nên diệt, diệt 3 tâm nên đối với tất cả các khổ được vĩnh viễn giải thoát. Cho nên người trí cần phải diệt 3 tâm.

Xong nhóm diệt đế.

Phẩm 155: ĐỊNH NHÂN TRONG LUẬN VỀ ĐỊNH CỦA NHÓM ĐẠO ĐẾ

Luận giả nói: Nay luận về đạo đế. Đạo-đế là 8 con đường chính thẳng từ chính kiến cho đến chính định. Tám chính đạo này được nói có hai: một gọi là Tam-muội và dụng cụ, hai gọi là trí. Nay sẽ luận về Tam-muội.

Hỏi: Tướng Tam-muội ra sao?

Đáp: Tâm trụ một chỗ là tướng Tam-muội.

Hỏi: Tâm này làm sao trụ được một chỗ?

Đáp: Tùy chỗ tập luyện nhiều và trụ ở nơi đó. Nếu không tập nhiều, thì mau rời bỏ.

Hỏi: Tập bằng cách nào?

Đáp: Tập tùy sở thích.

Hỏi: Làm sao có thể thích?

Đáp: Thân tâm nặng nề gọi là khổ. Dùng phương pháp làm khoan khoái trừ tướng thô nặng nơi thân tâm, thì có thể sinh vui thích.

Hỏi: Làm sao sinh khoan khoái?

Đáp: Dùng nhân duyên hoan hỷ, nên thân tâm điều hòa vui thích.

Hỏi: Làm sao sinh hỷ?

Đáp: Do nghĩ Tam Bảo và nghe pháp v.v... tâm ưa thích nên sinh hỷ.

Hỏi: Làm sao sinh ưa thích?

Đáp: Do thanh tịnh trì giới, tâm không sinh ăn năn.

Hỏi: Đã nói nhân Tam-muội. Nay Tam-muội lại làm nhân cho cái gì?

Đáp: Làm nhân cho như thật trí. Như thật trí là không trí. Như nói hành giả như vậy nhiếp tâm, thanh tịnh tâm, trừ che tâm, trụ tâm, và không động tâm, thì có thể biết như thật khổ Thánh đế, tập, diệt, đạo Thánh đế. Cho nên ai muốn được như thật trí, phải siêng tinh tiến tu tập Tam-muội. Người tản tâm còn không thể được lợi ích kinh sách, nghề nghiệp công xảo v.v... của thế gian, huống chi có thể được lợi ích xuất thế gian. Cho nên biết tất cả lợi ích thế gian, và xuất thế gian, đều nhờ định tâm mới được.

Lại tất cả diệu thiện đều nhờ chính trí, tất cả tệ ác đều bởi tà trí. Như trong kinh nói: Vô minh làm đầu, không hổ thẹn làm tùy tùng khởi tất cả ác. Bởi minh làm đầu, hổ thẹn làm tùy tùng khởi tu tất cả thiện. Mà Tam-muội là nhân chính trí tuệ. Cho nên biết tất cả diệu thiện đều nhờ Tam-muội. Cho nên phải siêng năng tinh tiến tu tập.

Phẩm 156: TƯỚNG CỦA ĐỊNH

Hỏi: Ông nói tâm trụ một chỗ là tướng Tam-muội. Vậy Tam-muội với tâm là một hay là khác?

Đáp: Tam-muội với tâm không khác. Có người nói Tam-muội khác với tâm, vì tâm được Tam-muội thì mới an trụ một chỗ. Tuy có lời đó, nhưng nghĩa không đúng như vậy. Nếu tâm được Tam-muội có thể ở trong cảnh duyên đó, thì Tam-muội này cũng trụ ở trong cảnh duyên, và cũng phải làm nhân cho Tam-muội khác trụ. Như vậy là vô cùng, việc đó không thể được. Nếu Tam-muội này tự nhiên trụ thì tâm cũng như vậy, không phải nhân Tam-muội mà an-trụ. Cho nên nếu nói Tam-muội khác với tâm, nghĩa đó vô ích.

Lại thụ tướng v.v... các tâm số pháp cũng trụ ở trong cảnh duyên, đó lại là nhân pháp nào mà trụ? Việc đó nên nói. Nếu thụ tướng v.v... đều có Tam-muội, tức đồng lỗi như trước.

Lại trong kinh chỉ nói nhất tâm là tướng của Tam-muội, không nói tâm được Tam-muội nên trụ. Cho nên biết không đúng.

Lại nói nhất tâm thì không nói rõ các pháp khác. Như trước đã nói tùy chỗ tâm vui, duyên trụ ở đó. Phải biết với tâm không có Tam-muội riêng, tùy tâm trụ lâu gọi là Tam-muội.

Hỏi: Tam-muội đó là hữu lậu hay là vô lậu?

Đáp: Có hai thứ Tam-muội, hữu lậu và vô lậu. Các thiền định thế gian là hữu lậu. Các Tam-muội khi vào pháp vị gọi là vô lậu. Bởi vì sao? Vì bấy giờ gọi là thấy biết như thật. Bấy giờ 2 thứ cũng gọi là Tam-muội, cũng gọi là tuệ. Nhiếp tâm nên gọi Tam-muội. Biết như thật nên gọi là tuệ. Nhiếp tâm có 3 thứ là thiện, bất thiện, và vô ký. Trong đó lấy thiện nhiếp tâm là Tam-muội, chứ không phải bất thiện vô ký. Tam-muội này cũng có 2 thứ, một là giải thoát nhân, hai là phi giải thoát nhân. Giải thoát nhân, gọi là định căn.

Có luận sư nói: Chỉ định vô lậu gọi là định căn. Lời nói này không đúng. Nếu hữu lậu vô lậu có thể làm nhân giải thoát đều được gọi là định căn.

Tam-muội này tùy trụ duyên, nên mới phân biệt 3 thứ: tiêu, đại và vô lượng. Tâm khi trụ giây lát, nếu thấy chút cảnh duyên, đó gọi là tiêu. Còn 2 thứ kia cũng vậy.

Lại tùy thời nên có 3 tướng: chế tướng, phát tướng, và xả tướng. Khi tâm lui chìm, nên dùng phát tướng. Khi tâm lay động nên dùng chế tướng. Khi tâm hòa vui, nên dùng xả tướng. Như thợ vàng gia công vàng, khi thì cho vào lửa thét, khi thì ngâm vào nước, khi thì để tự nhiên. Nếu trui luôn thì chảy tiêu, ngâm mãi thì sũng, thường để tự nhiên thì không thích hợp. Tâm hành giả cũng vậy. Nếu động mà không chế ngự thì thường tán loạn. Chìm mà không phát thì sinh biếng lười. Nếu điều hòa thích hợp rồi mà không xả thì lại thành không điều hòa thích hợp.

Lại như tập ngựa, nếu chạy nhanh thì gò, chậm thì giục, vừa thì xả. Hành giả điều ngự tâm mình cũng như vậy.

Lại Tam-muội này có 3 phương tiện là phương tiện nhập định, phương tiện trụ định, phương tiện khởi định. Đúng như pháp mà nhập định là phương tiện nhập định. Ở trong định không động là phương tiện trụ định. Đúng như pháp mà xuất định là phương tiện khởi định.

Hỏi: Làm sao được 3 phương tiện đó?

Đáp: Hành giả lấy tướng tự tâm chế ngự như vậy, phát động như vậy, và xả như vậy thì có thể nhập định, trụ định, và xuất định cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ lấy thẳng định, cần gì phải dùng phương tiện?

Đáp: Nếu không sinh 3 thứ phương tiện này thì có lầm lỗi. Không được tùy ý muốn nhập thì khởi, muốn khởi lại nhập, có những lỗi này.

Lại lấy lợi làm tổn, lấy tổn làm lợi như thấy chút tịnh sắc và chút ánh sáng, bảo là đã được đại lợi. Hoặc niệm vô thường, khổ, không v.v..., tâm không được vui, lại cho là tổn.

Hỏi: Hành giả, vì sao có người được định, hoặc có người không được?

Đáp: Có 4 nhân duyên được định: 1. Đòi nay siêng tập. 2. Tiền thân có duyên. 3. Khéo lấy tướng định. 4. Y theo định pháp.

Lại có 4 thứ tu định: 1. Thường xuyên tập mà không nhất tâm hành. 2. Nhất tâm hành mà không thường tu tập. 3. Cũng thường tu tập, cũng nhất tâm hành. 4. Không thường tập, không nhất tâm hành.

Lại có 4 thứ: Có nhiều thiện ít tuệ, có ít thiện nhiều tuệ, có nhiều thiện nhiều tuệ, có ít thiện ít tuệ. Trong đó thứ 3 chắc hành giả có thể được định, thứ tư chắc chắn không thể được, thứ nhất và thứ 2 nếu điều hòa đồng đều thì được.

Phẩm 157: BA TAM-MUỘI

Hỏi: Trong kinh nói có 3 pháp Tam-muội là nhất phần tu Tam-muội, cộng phần tu Tam-muội, và Thánh chính Tam-muội. Mỗi pháp như thế nào?

Đáp: Nhất phần tu là như tu định không tu tuệ, hoặc tu tuệ không tu định. Cộng phần tu là vừa tu định cũng vừa tu tuệ. Đó là thế gian Tam-muội ở trong pháp noãn v.v.... Thánh chính Tam-muội là như vào pháp vị có thể chứng diệt đế, gọi là Thánh chính. Làm sao biết được? Như Trưởng lão Tì-kheo bảo hành giả lấy định tu tâm, nhờ tuệ có thể ngăn được phiền não, lấy tuệ tu tâm, nhờ định ngăn được phiền não, lấy cả định tuệ tu tâm, nhờ tính được giải thoát tính. Đó gọi là đoạn tính, ly tính và diệt tính.

Lại như định tuệ đồng thời đầy đủ, nên gọi Thánh chính, như nhờ cả định tuệ được giải thoát gọi là đều giải thoát .

Hỏi: Có người nói: Nhất phần tu là nếu nhân Tam-muội có thể thấy ánh sáng không thấy các sắc, nếu thấy các sắc không thấy ánh

sáng. Cọng phần tu là có thể thấy sắc cũng thấy ánh sáng. Thánh chính là Tam-muội mà các bậc học và vô học chứng được. Việc đó thế nào?

Đáp: Không có kinh nào nói chỉ thấy ánh sáng mà không thấy sắc. Trong kinh chỉ nói ta vốn đã từng thấy ánh sáng cũng thấy các sắc. Nay mắt ánh sáng cũng không thấy sắc.

Lại ông phải nói nhân duyên vì sao có thể thấy ánh sáng mà không thấy sắc? Vì những lẽ đó, lời ông nói là sai.

Hỏi: Lại trong kinh nói 3 Tam-muội là không, vô tướng, vô nguyện. Ba Tam-muội này sai khác nhau thế nào?

Đáp: Nếu hành giả không thấy chúng sinh cũng không thấy pháp, đó gọi là không. Trong không như vậy không có tướng có thể lấy; cái không đó tức là vô tướng. Trong không, không có nguyện cầu gì, cái không đó gọi là vô nguyện. Cho nên 3 mà nghĩa là một.

Hỏi: Nếu vậy nói 3 làm gì?

Đáp: Công năng của cái không này là cần phải tu không. Vì tu không mà được lợi ích là không thấy tướng. Vì không thấy tướng nên là vô tướng. Vì vô tướng nên không nguyện cầu. Vì không nguyện cầu nên không thụ thân. Vì không thụ thân nên mới giải thoát được tất cả khổ. Được những lợi ích như vậy đều nhờ tu không mà có. Cho nên phải nói có 3.

Hỏi: Có luận sư nói: Nếu Tam-muội lấy hành không vô ngã, đó gọi là không. Nếu hành vô thường, khổ, nhân tập mà sinh duyên đạo như hành xuất, đó gọi là vô nguyện. Nếu hành diệt chính diệu ly, đó gọi là vô tướng. Việc đó thế nào?

Đáp: Ông nói hành vô thường, khổ gọi là vô nguyện, điều đó không đúng. Bởi vì sao? Vì Phật thường nói nếu vô thường tức là khổ, nếu khổ tức là vô ngã. Biết vô ngã thì không nguyện nữa. Cho nên biết cũng bởi không, nên mới không nguyện. Nếu nói hành nhân

tập sinh duyên gọi là vô nguyện, đây hoặc có thể được. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Thấy tướng sinh đều là tướng diệt thì sinh chán lìa.

Lại trong đạo, không nên có hành vô nguyện. Bởi vì sao? Vì nguyện là một phần của ái, như kinh nói: Nguyện, thượng, trung, hạ trong đạo không sinh tham ái. Cho nên không có hành vô nguyện.

Lại trong kinh nói: Năm ấm diệt nên gọi là diệt. Phải biết tùy không có 5 ấm, đó gọi là không. Không tức là diệt. Trong đó vô nguyện vì ái thân nên mới nguyện. Cho nên biết đó 3 mà nghĩa là một, không nên cho là sai khác.

Hỏi: Lại trong kinh nói 3 Tam-muội là không không, vô nguyện vô nguyện, vô tướng vô tướng. Mỗi thứ là thế nào?

Đáp: Lấy không, để thấy 5 ấm là không, lại lấy một cái không nữa để có thể làm không cái không này, đó gọi là không không. Lấy vô nguyện để nhằm chán 5 ấm, lại lấy một vô nguyện nữa để nhằm chán cái vô nguyện này, đó gọi là vô nguyện vô nguyện. Lấy vô tướng để thấy 5 ấm tịch diệt, rồi lại dùng một vô tướng nữa để không lấy vô tướng này, đó gọi là vô tướng vô tướng.

Hỏi: Có luận sư nói: Ba Tam-muội này là hữu lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Đó không phải hữu lậu. Bởi vì sao? Vì bây giờ không có lậu có thể sai khiến.

Lại Tam-muội này đối với các không v.v... vượt trội hơn, làm sao nói là hữu lậu?

Hỏi: Nếu không v.v... 3 Tam-muội, là thật trí tuệ, vì sao gọi là Tam-muội?

Đáp: Vì các Tam-muội sai khác nhau.

Lại Tam-muội có thể sinh như thật tri kiến, cho nên gọi Tam-muội vì trong quả nói nhân.

Hỏi: Có luận sư nói: Các không không v.v... 3 Tam-muội này, chỉ bậc vô học được, không phải ai cũng được. Việc đó thế nào?

Đáp: Học nhân cũng được. Bởi vì sao? Vì hành giả phải chứng hữu lậu vô lậu tất cả pháp diệt. Cho nên học nhân cũng cần phải chứng vô lậu pháp diệt.

Phẩm 158: BỐN TU ĐỊNH

Có tu định vì vui hiện tại. Có tu định vì tri kiến. Có tu định vì tuệ phân biệt. Có tu định vì hết lậu. Như Tam-muội có thể được vui hiện tại là đệ nhị thiền v.v.... làm sao biết được? Vì Phật nói: Đệ nhị thiền là do Tam-muội sinh hỷ lạc nên vì đó đặt tên mà không vì các pháp khác, như vào thành Xá-vệ, là vì khát thực.

Hỏi: Sơ thiền cũng có hỷ lạc, vì sao không nói có hiện vui?

Đáp: Sơ thiền lẫn lộn các giác quán hay làm tản tâm, nên không nói hiện vui.

Hỏi: Đệ nhị thiền cũng có hỷ v.v... hay làm loạn tâm pháp, mà sao gọi vui?

Đáp: Trước diệt các giác, nhiếp tâm sâu, nên mới nói hỷ v.v... là vui. Nhưng vì hành khổ nên tất cả gọi khổ.

Lại trong sơ thiền khổ ở trạng thái thô, trong nhị thiền khổ ở trạng thái vi tế. Vì khổ vi tế, nên mới được gọi là vui.

Hỏi: Trong đệ nhị thiền v.v... cũng có hành vui đời sau, sao chỉ nói vì vui hiện tại?

Đáp: Như vì vua A-xà-thế nói quả Sa-môn hiện tại.

Lại vì gần nên nói.

Lại vì muốn phá vui 5 dục, nên nói vui hiện tại. Nếu ai tham đắm vui 5 dục, nên không được các thiền định, vì thế nên nói. Nếu các người có thể lìa vui 5 dục, sẽ được vui hơn vui hiện tại.

Lại chư Phật không ca ngợi việc thụ thân sau, nên không nói vui đời sau.

Lại người đời nói người tại gia vui, không phải người xuất gia vui.

Lại 4 pháp tu định đều vì hiện vui, vì đầu tiên nhận được tên, nên độc nhất nói hiện vui.

Hỏi: Nếu 4 pháp tu định này, có thể thành các thứ lợi, sao chỉ nói 4 lợi?

Đáp: Lợi có 2 thứ là lợi ích thế gian, và lợi ích xuất thế gian. Tu định thứ 2 là lợi thế gian, như các lợi tri kiến, biết 8 trừ nhập, 10 nhất thiết nhập v.v... , thấy 5 thần thông v.v... Bởi vì sao? Vì lợi mắt có thể thấy, nên gọi là thấy. Việc này nhờ lấy ánh sáng mà thành, nên gọi tri kiến tức nói tương ánh sáng. Hai là lợi ích xuất thế gian. Lấy tuệ phân biệt 5 âm, gọi là tuệ phân biệt. Nên trong kinh nói: Tuệ phân biệt là hành giả, hoặc sinh các thụ, các giác, các tướng, đều có thể phân biệt biết.

Phân biệt biết là cái biết chấp ngã. Làm sao khiến thành không?

Nghĩa là phân biệt tướng nam nữ v.v... là giả danh. Nếu phá được tướng này thì không có các giác. Như trong kinh nói: Các giác nhân đâu? Là tướng. Cho nên biết chỉ phá tướng thì không có giác. Vì các giác không, nên các thụ cũng không. Cho nên biết vì phá giả danh, nên gọi là tuệ phân biệt. Vì tuệ phân biệt nên được hết lậu. Như trong kinh nói: Hành giả quán tướng 5 âm sinh diệt, nên chứng được âm diệt. Cho nên mới biết tất cả lợi thế gian và xuất thế gian đều thâm nhiếp trong 4 pháp.

Hỏi: Có luận sư nói trong đệ tứ thiên, có thể chứng được quả A-la-hán vô ngại đạo, gọi là hết lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Trong đó không có nhân duyên gì sai khác mà chỉ trong đệ tứ thiên vô ngại đạo gọi là hết lậu mà không phải các pháp khác. Cho nên không đúng.

Lại tu định vì 3 lợi: một vì hiện vui, hai vì tri kiến, ba vì dứt kết. Hoặc nói vì hai, như nói vì rốt ráo hết, khéo thanh tịnh, sinh tử hết, phân biệt các thứ tính. Đó là người có mắt nói đạo. Trong đó, trước 3 nói dứt, sau 1 nói trí. Phật trong đó không nói hiện tại.

Phẩm 159: BỐN VÔ LƯỢNG ĐỊNH

Bốn vô lượng là từ bi hỷ xả. Từ là thiện tâm, trái nhau với giận dữ. Như các thiện tri thức, vì người thiện tri thức thường cầu cho sự an ổn lợi lạc. Hành giả cũng vậy, vì tất cả chúng sinh thường cầu an lạc. Cho nên người này là thiện tri thức của tất cả chúng sinh.

Hỏi: Tướng của thiện tri thức ra sao?

Đáp: Thường vì cầu lợi ích an vui đời này và đời sau cho nhau, quyết không trái nhau cầu việc vô ích. Hành giả cũng vậy, chỉ vì chúng sinh cầu việc an lạc, không cầu việc không an lạc.

Bi là từ tâm, trái nhau với não hại. Bởi vì sao? Cũng vì chúng sinh cầu an vui vậy.

Hỏi: Giận dữ và não hại có gì khác nhau?

Đáp: Sinh tâm niệm giận, muốn đánh đập hại chúng sinh này. Từ giận khởi nghiệp thân khẩu, gọi là não hại.

Lại giận làm nhân cho hại, vì người ôm lòng giận quyết làm hại cho kỳ được.

Hỷ là từ tâm, trái với ganh ghét. Ganh là thấy việc tốt người khác, tâm không chịu được tức sinh ghét giận. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được những điều tăng ích, sinh lòng rất vui mừng, như tự mình được lợi.

Hỏi: Ba pháp này đều là từ cả sao?

Đáp: Tức là tâm từ có 3 thứ sai khác. Bởi vì sao? Vì không giận là từ. Có người tuy không hay giận, nhưng thấy chúng sinh khổ

không có tâm bi. Nếu có thể đối với tất cả chúng sinh tu sâu tâm từ, như thấy con mình gặp khổ hại cấp bách, bấy giờ tâm từ chuyển gọi là tâm bi. Hoặc có người đối với việc khổ hại của người khác có thể sinh tâm bi, mà đối với việc tăng ích của người khác không hay sinh tâm hoan hỷ. Vì sao biết được? Vì có người thấy người oán tặc khổ, có thể còn sinh tâm bi, thế mà thấy con đắc thắng việc hơn mình vẫn không thể hoan hỷ. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được sự tăng ích sinh tâm hoan hỷ như mình được không khác. Đó gọi là tâm hỷ. Cho nên biết sai khác của tâm từ là bi và hỷ.

Hỏi: Bỏ thứ gì gọi là xả?

Đáp: Tùy thấy oán, thân thì tâm từ không bình đẳng. Nghĩa là đối với người thân thì trọng đãi không gì bằng, đối với người oán thì khinh bạc. Bi, hỷ cũng như vậy. Cho nên hành giả muốn tâm được bình đẳng thì đối người thân xả hết thân, đối với người oán bỏ hết oán, rồi sau tâm từ đối với tất cả chúng sinh mới bình đẳng. Bi, hỷ cũng vậy. Nên trong kinh nói: Vì muốn cắt đứt sự ghét, thương phải tu tập tâm xả.

Hỏi: Nếu như vậy thì không riêng có tâm xả? Chỉ lấy tâm bình đẳng gọi là xả?

Đáp: Tôi trước đã nói sai biệt của tâm từ là bi hỷ.

Lại tâm từ do pháp hạ, trung, thượng nên có 3 thứ. Có thể khiến 3 thứ này bình đẳng, nên gọi là xả. Như nói dùng tâm từ bậc thượng tu tập tam thiên.

Hỏi: Dùng phương tiện nào được tâm từ này?

Đáp: Sau sẽ nói tội lỗi của giận dữ. Biết tội lỗi này rồi, sẽ tu tâm từ. Như trong kinh nói: Người tu tâm từ, ngủ yên, thức yên, không thấy ác mộng, được trời hộ người mến, không trúng độc; không bị đao binh, không bị nước lửa làm hại. Như vậy tất cả nghiệp báo do giận dữ sinh, không bằng đó sao? Nghe lợi ích đó nên siêng tu tập.

Lại hành giả tự nghĩ: Ta khởi giận dữ, tự chịu quả báo, không phải ai chịu cho, vậy không nên giận mà nên tu tâm từ.

Lại hành giả suy nghĩ: Ta vì chút ác làm hại người, thì tự chịu nhiều ác gấp trăm lần không sánh kịp, nên phải lia bỏ ác.

Lại trong kinh nói 5 thứ nhân duyên trừ giận, thường phải nhớ.

Lại giận dữ không phải là điều đáng có của người tu hành.

Lại phải nghĩ việc thiện lợi ích của người kia mà trừ bỏ việc ác, thì tự dứt giận dữ.

Lại phải quán nhân duyên trước sau của người kia. Như người này đời trước, hoặc từng làm mẹ ta, ôm thai sinh để nuôi dưỡng ta, vì ta chịu khổ nhọc, hoặc từng làm cha, anh, em, vợ, con ta thì làm sao có thể giận?

Lại nghĩ: Đời sau, họ có thể sẽ làm cha mẹ anh em ta, hoặc sẽ làm La-hán, Duyên Giác, hay Chư Phật, thì làm sao dám giận?

Lại thấy người ác vì làm ác nên bị khổ cả 2 đời. Cho nên không giận.

Lại quán kỹ thể tính người kia là thiện hay ác. Nếu là ác họ làm ác với ta, có sao sinh giận? Như lửa đốt người, có ai giận lửa?

Lại thấy người kia bị phiền não bức bách, không được tự tại, giống như bị quý ám, thì sinh giận làm gì?

Lại tùy dùng nhân duyên nào đó mà tu tập nhẫn nhục, phải nghĩ nhớ pháp đó, thì dứt giận dữ, tâm từ thêm lớn.

Công đức nhẫn nhục là hành giả tâm nghĩ rằng: Nếu ta giận người, tức cũng thô bỉ như người không khác. Cho nên phải nhẫn. Như Phật nói kệ:

*Ví như tập voi,
Chịu đao, cung tên.*

*Ta cũng như vậy,
Nhẫn nhịn các ác.*

Lại kệ nói:

*Ác khẩu mắng nhiếc,
Nhục mạ giận dữ,
Tiểu nhân không kham:
Chim bị mưa đá.
Ác khẩu mắng nhiếc,
Nhục mạ giận dữ,
Đại nhân kham nổi:
Voi tắm mưa hoa.*

Cho nên phải nhẫn.

Lại đem việc ác này chuyển làm công đức, làm cho các việc ác đó chuyển thành công đức.

Lại hành giả biết chúng sinh này ngu si không hiểu biết, như trẻ con, không nên giận. Nhờ các phương tiện này có thể tu tâm từ.

Hỏi: Làm thế nào tu bi?

Đáp: Hành giả thấy chúng sinh vui ít khổ nhiều nên sinh tâm bi. Ta nữ nào đối với chúng sinh khổ kia lại gây thêm khổ?

Lại thấy chúng sinh quá tham đắm vui, sinh ý nghĩ rằng: Ta nay làm sao dứt lòng tham của chúng, nên sinh tâm bi.

Lại thấy chúng sinh khổ, vì hiện khổ cho nên khổ, thấy chúng sinh vui, vì vô thường nên khổ. Cho nên tất cả chúng sinh đều có phần khổ, hoặc sớm hoặc muộn, không ai thoát được. Vì nhân duyên này, nên sinh tâm bi.

Hỏi: Làm sao tu hỷ?

Đáp: Hành giả thấy người ganh lợi với người khác là tướng xấu xa, cho nên tu hỷ, khởi nghĩ như vậy: Ta phải cho chúng sinh vui, nhưng nay chúng tự được, vậy là đã giúp ta. Cho nên sinh hỷ.

Lại thấy ganh ghét đó lường uổng vô ích, không tổn ai được, mà lại chỉ hại mình.

Lại như kinh nói ganh ghét là tội lỗi. Muốn lìa lỗi đó, nên sinh hoan hỷ.

Hỏi: Làm sao tu xả?

Đáp: Thấy lỗi tâm không bình đẳng, muốn cho tâm bình đẳng, cho nên tu xả.

Lại hành giả thấy lỗi của tâm tham giận nên tu hành xả.

Hỏi: Vô lượng tâm này ở trong cõi nào?

Đáp: Đều ở 3 cõi.

Hỏi: Có luận sư nói từ tam thiên trở lên không có hỷ căn. Việc đó thế nào?

Đáp: Tôi không nói tâm hỷ là hỷ căn tính chỉ vì tâm lợi tha, hỷ không làm vẫn đục, nên gọi là hỷ. Bốn vô lượng tâm này đều là tuệ tính.

Hỏi: Trong cõi Vô sắc làm sao có 4 vô lượng tâm? Vì có sắc tướng mới phân biệt chúng sinh, trong cõi đó sắc tướng đã hoại, làm sao có được?

Đáp: Chúng sinh vô sắc cũng có thể phân biệt. Như trong kinh nói: Phải làm hữu sắc và vô sắc v.v...

Lại trong kinh nói: Tu từ rất xa, được báo Biến tịnh, tu bi rất xa, được báo Không xứ, tu hỷ rất xa được báo Thức xứ, tu xả rất xa được báo Vô sở hữu xứ. Cho nên biết trong Vô sắc cũng có vô lượng tâm.

Hỏi: Trong mỗi mỗi cõi có một vô lượng tâm. Phi tướng phi phi tướng xứ không có sao?

Đáp: Tất cả xứ có tất cả, chỉ tu từ ở bậc thượng nên sinh về Biến tịnh xứ. Vì các nghiệp sinh quả báo tương tự, nghĩa là chúng sinh cầu vui lại được báo vui. Bi cũng như vậy. Do có thân nên tụ tập các khổ. Vô sắc trong hư không, nên tâm ở Thức xứ trong cảnh duyên rất vui, nên bỏ hết. Vô sở hữu xứ thì hành giả vì bị tướng làm mỗi một, nên vào Vô sở hữu xứ. Phi tướng phi phi tướng cũng có vô lượng tâm. Nhưng vì vi tế không rõ nên không nói.

Lại tất cả xứ có tất cả, nhưng tùy nhiều mà nói, trong Biến tịnh, tâm từ cao tột nên như vậy v.v...

Lại trong các thiên định, 4 vô lượng tâm thụ quả báo vượt trội, vì duyên chúng sinh.

Hỏi: Có luận sư nói 4 vô lượng tâm này chỉ duyên chúng sinh cõi Dục. Việc này thế nào?

Đáp: Vì sao không duyên các chúng sinh khác ư? Là phải nói nhân duyên. Trong vô lượng kinh Phật nói tâm từ của hành giả bao trùm khắp chúng sinh 4 phương trên dưới. Chúng sinh trong cõi Sắc, Vô sắc cũng có vô thường bại hoại đọa các nẻo ác, tại sao lại không duyên.

Hỏi: Có luận sư nói chỉ sinh cõi Dục hành giả mới có thể hiện nhập vô lượng. Việc đó như thế nào?

Đáp: Tất cả sinh xứ đều có thể hiện vào.

Hỏi: Nếu sinh trong đó cũng có thể hiện vào thì phúc không thể hết, vì thường sống trong đó?

Đáp: Như trong đó cũng hiện nhập thiên v.v..., các thiện pháp khác, cũng vẫn có thoái lui. Từ v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Nếu có lẽ này, sao không mau thoái lui?

Đáp: Có nghiệp như vậy, tuy có nhân duyên thoái lui, mà không mau thoái lui, như các cõi trời trong cõi Dục v.v..., tuy có thiện nghiệp mà cũng sinh ác đạo. Việc này cũng vậy.

Hỏi: Người tu từ Tam-muội, vì sao đao binh, nước lửa không làm hại được?

Đáp: Đó là nhờ phúc thiện sâu dày, nên các ác không hại được, lại còn được chư thiên bảo hộ.

Hỏi: Kinh nói với từ cùng tu giác ý. Hữu lậu và vô lậu làm sao cùng tu?

Đáp: Từ này và giác ý thuận nhau như trong kinh nói: Nếu ai nhất tâm nghe pháp, thì có thể dứt 5 thứ ngăn che. Tu 7 pháp giác ý không cần nghe pháp, cũng tu giác ý được.

Lại trong kinh nói: Nay các Ti-kheo! Tu tập tâm từ, ta bảo đảm các ông được quả A-na-hàm. Tâm từ tuy không dứt kết, nhưng trước dùng tâm từ nhóm họp các lợi ích phúc đức trí tuệ, nên được Thánh đạo, vì Tuệ có thể dứt các kết, nên mới nói tu từ được A-na-hàm. Cùng với từ tu giác cũng như vậy.

Hỏi: A-la-hán dứt tướng chúng sinh, làm sao tu vô lượng tâm?

Đáp: A-la-hán tuy vào tâm từ, mà không thể nhóm họp thành nghiệp từ, là vì không thụ sinh.

Hỏi: Thế nào là đại bi của hư Phật Thế Tôn?

Đáp: Chư Phật Thế Tôn có trí không thể nghĩ bàn như vậy: Tuy biết các pháp rốt ráo không mà có thể hành đại bi sâu sắc hơn phạm phu, chỉ không được quyết định tướng chúng sinh.

Hỏi: Bi với đại bi có gì sai khác?

Đáp: Gọi bi chỉ có lòng thương xót, có thể thành xong sự nghiệp, mới được gọi đại bi. Bởi vì sao? Vì Bồ-tát thấy chúng sinh khổ, muốn hết khổ này mới siêng có thể tu tinh tiến.

Lại trong vô lượng kiếp tu tập được thành, nên gọi đại bi.

Lại đem con mắt trí tuệ thấy khổ chúng sinh, quyết định phát tâm phải trừ diệt, nên gọi đại bi.

Lại làm nhiều việc lợi ích, nên gọi đại bi. Cũng không bị gì ngăn ngại, nên gọi đại bi. Bởi vì sao? Vì tâm bi nếu nghĩ ác về người khác thì sinh ngăn ngại, chứ đại bi đối với các ác dữ dội thông suốt không ngại.

Lại tâm bi có dày, mỏng không đồng, còn tất cả bình đẳng nên gọi đại bi.

Lại tự bỏ lợi mình, mà cầu lợi cho người, nên gọi đại bi. Tâm bi không được như vậy. Đó là các tên sai khác. Như vậy từ, v.v... ở Phật đều gọi là đại. Nhưng vì bi có thể cứu khổ, cho nên được nêu riêng.

Phẩm 160: NĂM NHÁNH THÁNH TAM-MUỘI

Trong kinh nói 5 nhánh Thánh Tam-muội là hỷ, lạc, thanh tịnh tâm, minh tướng, và quán tướng. Hỷ là sơ thiên nhị thiên tướng hỷ như nhau, nên gọi chung làm một nhánh. Đệ tam thiên vì lia hỷ lạc nên riêng làm một nhánh. Trong đệ tứ thiên tâm thanh tịnh nên gọi nhánh thứ 3. Nương 3 nhánh này có thể sinh minh tướng, quán tướng. Minh tướng và quán tướng này làm nhân, có thể phá rách 5 ám. Quán 5 ám trống không, gọi là quán tướng. Có thể đến Nê-hoàn, nên gọi là Thánh.

Hỏi: Trong kinh nói 5 Thánh trí Tam-muội là thế nào?

Đáp: Phật tự nói: Hành giả khởi nghĩ như thế này: Ta với Tam-muội này là Thánh thanh tịnh, đó là sơ trí. Tam-muội này phi phạm phu mới đến gần được, là Tam-muội được người trí ngợi khen, đó là trí thứ hai. Tam-muội này phải tịch diệt diệu ly mới được, đó là trí thứ ba. Tam-muội này hiện tại vui, sau được quả báo vui, đó là trí thứ tư. Tam-muội này ta nhất tâm nhập, nhất tâm xuất, đó là trí thứ năm. Phật chỉ thị cho biết trong định cũng có trí tuệ. Không những chỉ buộc tâm,

mà hành giả khi tu tập định, nếu sinh phiền não thì trong đó sinh trí trừ phiền não ấy. Muốn làm cho Tam-muội là Thánh thanh tịnh gọi là sơ trí. Thánh thanh tịnh là hạng phi phàm phu mới đến gần được, là điều người trí ngợi khen. Nói phi phàm phu nghĩa là các Thánh nhân vì đã được trí nên không gọi phàm phu. Trí này có thể phá giả danh, đó là trí thứ hai. Mông dần các phiền não, tham v.v..., phiền não diệt, nên gọi tịch diệt. Vì tịch diệt nên diệu, lìa các phiền não nên gọi là ly. Được pháp này đều là đạo lìa dục, đó là trí thứ ba. Tùy chứng phiền não dứt, được an ổn tịch diệt, được cái vui lìa nóng nảy, nên nói hiện vui, sau vui. Hiện vui, là vui lìa phiền não. Sau vui là vui Nê-hoàn, đó là trí thứ tư. Hành giả thường hành tâm vô tướng, nên thường nhất tâm nhập Tam-muội xuất Tam-muội, đó là trí thứ năm. Cho nên nếu người nào chưa sinh 5 trí thì phải sinh, sinh rồi tức được quả Tam-muội.

Phẩm 161: SÁU TAM-MUỘI

Hỏi: Trong kinh nói 6 Tam-muội là: Có một tướng tu làm một tướng. Có một tướng tu làm nhiều các tướng. Có một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng. Nhiều các tướng tu cũng như vậy. Thế là thế nào?

Đáp: Một tướng đó phải là thiền định. Vì thiền định ở trong một cảnh, duyên nhất tâm hành. Cho nên nhiều các tướng phải là tri kiến, vì biết các pháp nhiều các tính, nên có phương tiện đối với các pháp trong 5 âm v.v...

Hỏi: Một tướng tu làm một tướng là thế nào?

Đáp: Là như người nhờ định lại được sinh định. Còn một tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ định được sinh tri kiến. Một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng là như người nhờ định được sinh thiền định và 5 âm phương tiện. Nhiều các tướng tu cũng như vậy.

Hỏi: Có luận sư nói: Một tướng tu làm một tướng, phải là như người nhờ đệ tử thiên chứng quả A-la-hán. Một tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ đệ tử thiên chứng 5 thần thông. Một tướng tu làm một tướng và nhiều các tướng là như nhờ đệ tử thiên chứng quả A-la-hán và 5 thần thông. Nhiều các tướng tu làm nhiều các tướng là như người nhờ 5 nhánh Tam-muội chứng quả A-la-hán và 5 thần thông.

Còn 2 pháp kia cũng như vậy. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Phải nói nhân duyên vì sao đệ tử thiên và quả A-la-hán là một tướng, 5 nhánh Tam-muội và 5 thần thông là nhiều các tướng?

Lại 5 nhánh không nên làm chổ nương, vì 5 nhánh Tam-muội là minh tướng quán tướng của 4 Thiên, thì làm sao nương đó được quả A-la-hán? Bởi vì sao? Vì cần phải nương một thiên mới được A-la-hán quả.

Lại cũng không nên nương minh tướng để được quả A-la-hán. Cho nên không đúng.

Hỏi: Có người nói có 6 thứ nhập định là thuận nhập, nghịch nhập, nghịch thuận nhập, thuận siêu, nghịch siêu, và nghịch thuận siêu. Việc đó thế nào?

Đáp: Có luận sư nói: Hành giả muốn được diệt tận định, nên thứ lớp nhập xuất các thiên. Cho nên không nên hoặc nghịch, hoặc thuận, hoặc nghịch thuận, và siêu việt v.v....

Năm thứ nhập xuất được lợi ích gì?

Hành giả muốn được diệt tận định, quyết phải nhập theo thứ lớp, cũng phải xuất theo thứ lớp.

Lại nếu được bậc thượng, vì sao lại nhập bậc hạ?

Vì bậc hạ gai góc, như người lớn không còn ưa cách chơi đùa của trẻ con.

Lại như người vì nghề nghiệp đã tinh xảo, thì không còn ưa sự vựng về nữa. Việc này cũng phải như vậy.

Lại nếu nói siêu việt thì việc này không đúng. Trong kinh chỉ nói thứ lớp vào các thiền định. Hành giả nếu có thể vượt đến thứ 3, sao không thể vượt đến 4, 5? Nếu nói vậy sức mạnh chỉ chừng đó, như người trèo lên thang lên một bậc không lên được bậc nữa, ví dụ này cũng không hẳn nhất định.

Lại người sức mạnh có thể bước lên bậc 4, lại cũng có thể vượt trên trăm bậc. Cho nên không đúng. Trong kinh tuy nói khi Phật nhập Nê-hoàn, nghịch thuận vượt lên vào các thiền định. Kinh này trái với chính nghĩa, không nên tin thụ. Tuy có câu đó, nhưng nghĩa không phải vậy. Bởi vì sao? Nếu nói hành giả đến diệt tận định, chỉ nên thuận nhập mà không cần 5 thứ. Hành giả nếu muốn đến thẳng diệt định, thì không cần. Nếu muốn tự thử tâm mình ở trong thiền định xem có thể tự tại không thoái lui, nên mới nghịch thuận nghịch, xuất nhập, siêu việt, như người cỡi ngựa, nếu tại trận đối địch thì không nên chạy quanh, còn như muốn tập luyện trong lúc nhàn rỗi thì nên. Nếu nói bậc dưới gai góc thì không nên vào đó, không vì bậc dưới thẳng hơn mà sau lại vào, mà vì là chỗ hành đạo của hành giả. Nếu nói như người không ưa trẻ nít đùa giỡn, mà vì nhân duyên phải làm trẻ nít đùa giỡn, như người dạy võ đạo phải múa nhảy trọn ngày, đâu phải lòng mình ưa vui mà vì dạy dỗ luyện tập. Như vậy Thánh nhân nghịch thuận ra vào vượt lên các thiền, là vì muốn thị hiện cho trời, người và các thần, tiên biết sức tự tại trong các thiền định.

Lại khi Phật vào Nê-hoàn, vì muốn đem thâm diệu thiền định để huân tu ngọc Xá-lợi, nên tự tại vào ra nghịch thuận vượt lên.

Lại người thấy Phật khi vào Nê-hoàn vô dư, chán hết tất cả pháp hữu vi, cho nên Phật hiện pháp báu quý đáng yêu mến này.

Ông nói kinh này trái với chính nghĩa, điều này không đúng.

Ông nói vì sao không thể vượt đến thứ 4, là vì trong Bồ-tát Tạng nói tướng vượt lên từ sơ thiên khởi vào diệt tận định, từ diệt tận định khởi cho đến vào trong tâm tâm, vì tâm lực vĩ đại nên mới có thể như vậy.

Phẩm 162: BẢY TAM-MUỘI

Luận giả nói có 7 chỗ nương: Nương sơ thiên được hết lậu, cho đến nương Vô sở hữu xứ được hết lậu. Nương là nhân nhờ 7 chỗ này được Thánh trí tuệ, như nhiếp tâm được sinh thật trí. Có người chỉ được thiên định cho đó là đủ. Cho nên Phật nói đó không phải đã đủ. Cần phải nương định này cầu thêm thắng pháp. Nghĩa là hết các lậu, cho nên nói là nương.

Hỏi: Làm sao nương thiên định này được hết các lậu?

Đáp: Phật nói hành giả tùy đem tướng nào, duyên nào vào sơ thiên là hành giả đó không còn nghĩ nhớ tướng đó, duyên đó nữa, mà chỉ quán trong sơ thiên, có các sắc, hoặc thụ, tưởng, hành, thức như bệnh, như ung nhọt, như tên bắn, đau nhức, vô thường, khổ, không, vô ngã. Khi quán như vậy, tâm sinh chán lìa, giải thoát các lậu. Cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Chỉ trừ 3 không xứ vì không có sắc có thể quán được. Hành giả thấy cõi Dục rối loạn, sơ thiên tịch diệt, rồi sau mới được. Cho nên Phật nói: Đừng nghĩ tướng vui tịch diệt ở sơ thiên, mà chỉ quán 5 ấm và 8 thứ tội lỗi của sơ thiên mà thôi. Các chỗ nương khác cũng vậy.

Hỏi: Cõi Dục vì sao không nói nương?

Đáp: Trong Kinh Tu-thi-ma nói: Trừ 7 chỗ nương lại có Thánh đạo xứ. Cho nên biết cõi Dục cũng có nương.

Hỏi: Có người nói nương một bên sơ thiên chưa đến chỗ được quả A-la-hán. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Nếu chưa đến nơi mà có chỗ nương, tức là có lỗi. Nếu chưa đến chỗ có thể được, vì sao vì không vào sơ thiên? Cho nên không phải.

Hỏi: Phi tướng phi phi tướng xứ, vì sao không nói nương ư?

Đáp: Trong đó không rõ định nhiều tuệ ít, nên không nói có nương. Bảy tướng định là 7 chỗ nương.

Hỏi: Vì sao Phật nói 7 chỗ nương là 7 tướng định?

Đáp: Ngoại đạo không có chân trí nên chỉ nương dựa nơi tướng. Tất cả chỗ nương dựa đều bị tướng làm nhiễm ô không giải thoát, nên gọi là tướng định. Thánh nhân có thể phá hoại tướng, chỉ nương định này thẳng lấy hết lậu, nên gọi là nương. Như nói hành giả quán các pháp này như tật bệnh, như ung nhọt. Phi tướng phi phi tướng xứ cũng vì tướng không rõ rệt, nên không nói tướng định.

Phẩm 163: TÁM GIẢI THOÁT

Luận giả nói: Trong kinh nói 8 giải thoát: Trước tiên tướng nội sắc, quán ngoại sắc. Hành giả nhờ giải thoát này xé rách các sắc. Làm sao biết được? Vì trong đệ nhị giải thoát nói: Nội không sắc tướng, quán sắc bên ngoài. Để phá sắc bên trong nên nói nội không sắc tướng. Cho nên biết hành giả trong sơ giải thoát, phá dần sắc thân, đến trong đệ nhị giải thoát, đã phá được sắc bên trong, chỉ còn sắc bên ngoài. Trong đệ tam giải thoát sắc bên ngoài cũng phá, nên không thấy sắc trong ngoài, đó gọi là sắc không. Như trong Kinh Ba-la-diên nói: Phá rách sắc tướng, dứt diệt các dục, trong ngoài không thấy, ta hỏi việc đó. Trong 4 giải thoát nói tâm thức trống không, như trong Kinh Lục Chung nói: Nếu Tì-kheo đối với 5 thứ rất sinh chán lìa, chỉ còn có thức. Phải biết trong 4 giải thoát này phá rách các sắc, đến giải thoát thứ 8 mới diệt hết tất cả. Bởi vì sao? Nếu diệt sắc diệt tâm thì hữu vi đều diệt, đó gọi là quả A-la-hán. Dùng thứ lớp như vậy mới được diệt hết. Đó gọi là 8 giải thoát. Có người nói giải thoát đầu tiên và thứ hai là bất tịnh, giải thoát thứ ba là tịnh. Việc này không đúng. Bởi vì sao? Vì là giải thoát không bởi quán bất tịnh mà được giải thoát, tịnh quán cũng không giải thoát, chỉ do không quán mới có thể giải thoát.

Lại ngoại đạo có thể được tịnh và bất tịnh quán, mà không gọi là được giải thoát.

Hỏi: Ngoại đạo cũng có thể phá rách sắc tướng, việc đó thế nào?

Đáp: Ngoại đạo lấy tín giải quán, phá hoại sắc tướng, mà không phải không quán. Bởi vì sao? Như dùng tín giải mà quán. Thấy thân đã chết đem bỏ trong gò mả cho trùng, thú ăn v.v....

Hỏi: Ngoại đạo lìa sắc được vô sắc định, lẽ ra phải có vô sắc giải thoát?

Đáp: Ngoại đạo tuy có Vô sắc định, mà vì tham đắm nên không gọi giải thoát. Thánh nhân nhờ Vô sắc định có thể quán 4 ấm bệnh v.v... 8 việc, nên gọi giải thoát.

Hỏi: Ông nói diệt định là quả A-la-hán. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì học nhân cũng gọi là được 8 giải thoát. Ông nói diệt định gọi là lậu tận, vậy thì học nhân phải được lậu tận?

Đáp: Trong kinh nói diệt tướng chung mà không phân biệt nói là tâm diệt hay là phiền não diệt. Như trong kinh nói 2 thứ diệt: một diệt, hai thứ lớp diệt, 2 thứ Nê-hoàn: một hiện tại Nê-hoàn, hai cứu cánh Nê-hoàn, cũng nói 2 thứ yên ổn: một an ổn, hai đệ nhất an ổn, người được an ổn cũng 2 dạng: một được an ổn, hai được đệ nhất an ổn. Cho nên sở đắc của học nhân không phải là chân thật diệt.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo có thể vào diệt định là xong tất cả việc. Nếu diệt định không phải quả A-la-hán thì không nên nói xong tất cả việc.

Hỏi: Học nhân thật không được 8 giải thoát sao?

Đáp: Trong kinh nói học nhân được 9 thứ lớp định, không nói được diệt tận. Hành giả nếu được diệt tận, mà không thể vào các thiên định, gọi là tuệ giải thoát, nếu có thể vào các thiên định mà không được diệt tận, gọi là thân chứng. Nếu cả 2 đều được, gọi là đều

giải thoát. Bởi vì sao? Vì các lậu là một phần chướng, mà pháp thiên định là một phần đắc. Giải thoát 2 phần trên gọi là đều giải thoát.

Hỏi: Trong các thứ lớp diệt và trong các giải thoát diệt, có gì khác nhau?

Đáp: Tên đồng mà nghĩa khác. Trong thứ lớp diệt, gọi là tâm, tâm số diệt. Trong giải thoát diệt, gọi là các phiền não diệt. Như trong kinh nói các hành thứ lớp diệt. Nghĩa là vào sơ thiên diệt ngôn ngữ, vào nhị thiên diệt giác quán, vào tam thiên diệt hỷ, vào tứ thiên diệt lạc, vào không xứ diệt sắc tướng, vào thức xứ diệt không tướng, vào vô sở hữu xứ diệt thức tướng, vào phi tướng phi phi tướng xứ diệt vô sở hữu tướng, vào diệt tận định diệt các tướng thụ. Các diệt trong đây lại có thắng diệt, như hành giả đối với tâm tham sân si nhằm chán nên được giải thoát.

Hỏi: Làm sao biết trong thứ lớp tâm, tâm số diệt, trong giải thoát các phiền não diệt?

Đáp: Tên diệt tuy đồng mà nghĩa phải có khác. Trong thứ lớp nói diệt tướng thụ. Trong giải thoát nói diệt vô minh xúc thụ. Bởi vì sao? Vì từ giả danh sinh thụ, phá giả danh thì diệt. Trong thứ lớp không phải như vậy. Trong các kinh có sai khác như vậy. Nếu nói thắng hành giả được diệt tận thì xong tất cả mọi việc. Phải biết vì khi chúng Nê-hoàn các phiền não diệt, không nói tâm, tâm số diệt.

Hỏi: Nếu 8 giải thoát là pháp diệt phiền não thì tất cả A-la-hán v.v... đều phải được?

Đáp: Đều được, nhưng không thể vào. Nếu chúng được các thiên định, thì có thể vào.

Hỏi: Hành giả nếu không thiên định, làm sao có thể được thân tâm trống không, và hết các phiền não?

Đáp: Người này có định mà không thể chúng.

Lại có như điện Tam-muội, nhờ Tam-muội này được hết phiền não. Như trong kinh nói: Ta thấy Tì-kheo khi muốn lấy áo có phiền não, lấy áo rồi tức không phiền não. Như vậy là bởi vì sao? Vì tâm như điện, Tam-muội như kim cương. Chân trí có thể phá phiền não.

Lại nghĩa này trong đệ tam lực của Phật có nói: Như các thiên, giải thoát, Tam-muội, nhập, cấu, tịnh, sai biệt, như thật biết, trong đó thiên là 4 thiên. Có người nói 4 thiên, 4 vô sắc định đều gọi là thiên. Giải thoát là 8 giải thoát. Tam-muội là trong một niệm Tam-muội như điện. Nhập là được sức tự tại trong thiên giải thoát Tam-muội. Như Xá-lợi-phất nói: Ta trong 7 Giác, có thể xuất nhập tự tại. Cho nên biết tuệ giải thoát, với A-la-hán có các thiên định không thể nhập, thâm tu tập mới có thể tự tại nhập.

Hỏi: Vì sao A-la-hán có vị không tu tập sâu các thiên định?

Đáp: Người đó được đạo, việc làm đã xong, vui tu tâm xả, nên không hay tập nữa. Nếu không tâm xả, thì vào định không khó. Như trong kinh nói: Hành giả khéo tu 4 pháp như ý túc, có thể thổi tan núi Tuyết thành bụi đất, huống chi thứ vô minh chết ư? Cho nên biết trong 8 giải thoát nói diệt hết lậu, không phải nhập định diệt.

Lại trong kinh nói: Có minh tính, có không tính, có vô biên hư không tính, có vô biên thức tính, có vô sở hữu tính, có phi tướng phi phi tướng tính, có diệt tính. Bởi tối nên có tính sáng. Bởi chẳng không, nên có tính không. Bởi sắc nên có tính vô biên hư không. Bởi tính vô biên hư không, nên có tính vô biên thức. Bởi vô biên thức nên có tính vô sở hữu. Bởi vô sở hữu nên có tính phi tướng phi phi tướng. Bởi 5 ấm nên có tính diệt. Nếu không thể phá tướng giả danh của 5 ấm đó gọi là tối. Nếu có thể phá giả danh của 5 ấm, thì gọi là tính sáng. Như Phật bảo một Tì-kheo: Ông đối với không, trong các hành phải quán các hành trong trống không, để tự điều phục tâm mình. Như người cầm đèn vào trong căn nhà trống không, tất cả chỗ thấy đều không. Hành giả lấy sắc chứng sắc này diệt, gọi là không tính.

Ngoại đạo nhờ vô biên hư không xứ được lia sắc, cho đến nhờ phi tướng phi phi tướng xứ mà lia vô sở hữu xứ. Bởi các âm có diệt tính đó, hành giả có những suy nghĩ, có các tác khởi đều diệt là vi diệu. Đó gọi là bởi các âm có diệt tính.

Hỏi: Các tính này nương định nào mà được?

Đáp: Trong kinh nói minh tính cho đến phi tướng phi phi tướng tính, đều do tự hành nhập định mà được. Nghĩa là hành duyên hữu vi đạo nên được. Bởi vì sao? Vì trí mới duyên sắc gọi là minh tính. Tính thứ hai cũng lấy sắc, lấy rồi phân biệt khiến không. Như vậy cho đến phi tướng phi phi tướng tính, diệt tính, vào diệt tính, tất cả pháp hữu vi đều không, cho nên mới được. Trong đây vì diệt tận các hữu vi cho nên biết trong đây nói diệt gọi là lậu tận Nê-hoàn.

Hỏi: Các giải thoát này ở trong bậc nào?

Đáp: Hành giả muốn phá hoại sắc, hoặc nương cõi Dục mà trụ định, hoặc nương cõi Sắc mà trụ định, thì có thể được sắc không. Tất cả trong các bậc có thể được tâm không.

Hỏi: Giải thoát này có mấy hữu lậu, mấy vô lậu?

Đáp: Là không tính cho nên tất cả là vô lậu.

Phẩm 164: TÁM THẮNG XỨ

Thắng xứ thứ nhất: Tưởng nội sắc thấy ngoại sắc ít hoặc tốt hoặc xấu. Đối với các sắc này thắng tri thắng kiến, nên gọi là thắng xứ.

Thứ hai tưởng nội sắc thấy ngoại sắc nhiều.

Thứ ba tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc ít.

Thứ tư tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc nhiều.

Thứ năm tưởng nội không có sắc, thấy ngoại sắc xanh, hình xanh, sáng xanh, như hoa Ưu-ma-già, như sắc chân thanh nhuộm áo Ba-la-nại.

Thứ sáu thấy vàng.

Thứ bảy thấy đỏ.

Thứ tám thấy trắng.

Hành giả thấy các sắc nhiều vô lượng như thế bởi vì sao? Vì không chỉ có 4 sắc xanh v.v... này, mà vì lược nói nên mới có 8 thắng xứ. Nếu hành giả có thể dùng không quán phá rách các sắc, bấy giờ gọi là thắng xứ.

Hỏi: Ai có thể được pháp này?

Đáp: Đệ tử của Phật chứ không phải ai khác.

Hỏi: Tám thắng xứ này ở trong bậc nào?

Đáp: Ở cõi Dục, và cõi Sắc.

Hỏi: Là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Trước là hữu lậu, mà dùng không quán phá sắc thành vô lậu.

Hỏi: Vì sao pháp này riêng gọi là thắng xứ?

Đáp: Đó là chỗ tham đắm nhất của hành giả. Cho nên Phật vì đệ tử nói tên thắng xứ, nghĩa là chỉ thị cho biết cần phải thắng cảnh duyên này.

Phẩm 165: SƠ THIỀN

Chín thứ lớp của định là 4 thiền, 4 vô sắc định và diệt tận định. Sơ thiền là như trong kinh nói: Hành giả lià các dục các pháp ác bất thiện, hữu giác, hữu quán, ly sinh hỷ lạc vào sơ thiền.

Hỏi: Chỉ nên nói tướng sơ thiền, sao lại nói lià các dục ư?

Đáp: Có người chê bai nói thế gian không ai có thể lià dục, vì người đời đều ở trong 5 dục, không ai mắt không thấy sắc, tai không nghe tiếng, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị và thân không chạm xúc. Cho nên nói lià dục, là dục tâm chứ không phải là sắc v.v... Như nói sắc v.v... các vật không gọi là dục.

Làm sao biết được?

Có người tinh tiến, sắc v.v... vẫn tồn tại, mà có thể dứt dục.

Lại trong kinh nói: Sắc v.v... là phần không gọi là dục. Trong đó tâm tham mới gọi là dục. Nếu sinh tâm tham thì tìm cầu các dục. Vì nhân duyên tìm cầu dục, nên mới có tham giận, roi gậy, giết hại, các ác pháp tiếp theo. Như trong Kinh Đại Nhân nói: Nhân nơi ái sinh cầu v.v.... Cho nên biết lìa tham dục gọi là lìa dục.

Có người nói lìa sắc v.v... 5 thứ dục gọi là lìa dục, lìa pháp ác bất thiện, gọi là lìa 5 thứ ngăn che. Sơ thiền gần với tâm tán loạn, nên gọi hữu giác.

Lại định lực của hành giả này chưa thành, tâm tán loạn phát khởi, nên gọi là hữu giác. Như trong kinh nói: Ta tu hạnh hữu giác hữu quán. Phải biết Phật nói tán tâm là giác. Giác này yếu dần nhiếp tâm chuyển thành sâu, thì gọi là quán. Tùy theo định lực thành tựu, không tán tâm nhiều, bấy giờ nói là quán. Quán này đi theo hành giả đến bậc thiền trung gian. Nếu lìa giác quán được hỷ gọi là ly sinh hỷ. Hỷ này mới được có thể lợi ích nơi thân, nên gọi là lạc. Lìa giác quán vui trụ trong một cảnh duyên, đó gọi là thiền. Thiền này bị giác quán làm loạn nên được quả báo thân có sai khác. Vì hạ, trung, thượng sai khác nên có trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm.

Hỏi: Nếu lìa giác quán hỷ, gọi là sơ thiền, thì không cần dùng 5 nhánh làm sơ thiền. Nếu lìa giác quán thì với đệ nhị thiền có gì khác nhau?

Lại trong kinh nói: Sơ thiền có giác có quán, khoái lạc khác, hỷ cũng khác. Nếu hỷ tức là lạc, thì trong 7 giác ý không nên riêng nói khoan khoái giác ý?

Đáp: Ông nói sơ thiền không có 5 nhánh. Điều này không đúng. Không nói 5 nhánh là tính của sơ thiền. Sơ thiền gần địa có giác quán này, nên gọi là nhánh.

Hỏi: Nếu gân địa có pháp số là nhánh, thì sơ thiên cũng gân 5 dục, thì phải nói là nhánh?

Đáp: Năm dục không gọi là gân, vì tâm hành giả này đã lìa.

Lại sơ thiên thứ lớp không khởi dục tâm.

Lại 5 dục không trụ làm nhánh sơ thiên. Nhánh gọi là nhân. Nhân tức là phần, như thánh đạo phần nhóm họp đủ v.v.... Giác quán cũng như vậy, là nhân của sơ thiên. Nếu định tâm của hành giả ở trong cảnh duyên bị thoái lui, thì trở lại lấy định tướng. Nhiếp tâm nơi cảnh, nhớ nghĩ bản tướng, đó gọi là giác quán. Cho nên biết giác quán là nhân của sơ thiên. Trong đệ nhị thiên, định tâm đã thành, cho nên không do giác quán làm nhân, nhị thiên cũng thứ lớp mà không sinh giác quán.

Nếu ông nói sơ thiên cùng chung với giác quán, đó cũng không đúng. Vì từ sơ thiên khởi, kế đó sinh giác quán. Vì gân giác quán nên gọi là cùng chung, như cùng đi chung với đệ tử, tuy chút xa nhau, nhưng cũng gọi là chung được.

Lại trong bậc này có sinh nhân duyên, nên gọi có giác quán, như người bệnh quỉ ám, tuy khi không phát cũng gọi là bệnh. Người này bị quỉ ám nếu có cơ hội là phát ra, nên gọi là bệnh.

Lại lạc thụ tức là hỷ, chỉ nói sai khác cũng từ khoái mà riêng nói là lạc. Như trong kinh nói: Được thân khoái thì thụ lạc.

Hỏi: Nếu như vậy, sao sơ thiên nói 5 nhánh ư?

Đáp: Tùy lúc nói 5, như 7 giác ý được thời tiết, thì gọi là 14 giác ý. Trong đây nói có khoái thân, khoái tâm mà thật ra thân không khoái, chỉ có tâm vui nên thân cũng thụ vui. Hỷ cũng như vậy, ban đầu đến nơi thân gọi là hỷ. Mới đầu được tướng hỷ lạc, nên gọi là lạc. Về sau chỉ gọi hỷ, vì khác thời gian.

Lại không riêng có pháp khoái, chỉ khi hỷ sinh thân tâm không còn thô nặng, mà được nhu nhuyễn điều hòa, nên gọi là khoái. Như

bệnh 4 đại diệt, bệnh 4 đại không sinh, người đó gọi là vui. Khoái cũng như vậy.

Lại trong pháp trừ diệt cũng gọi là khoái. Như trong kinh nói: Các hành thứ lớp diệt. Như nhập sơ thiền, ngôn ngữ diệt, cho đến nhập diệt tận định các tướng thụ diệt. Cho nên không riêng có pháp khoái. Nếu nói sơ thiền tương ưng với giác quán cũng không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Hành giả nếu vào sơ thiền thì diệt ngôn ngữ. Giác quán là nhân của ngôn ngữ, làm sao có nhân ngôn ngữ mà ngôn ngữ diệt? Nếu bảo rằng giác quán vẫn còn, chỉ ngôn ngữ diệt, thì như người ở cõi Dạc khi tâm không muốn nói, cũng gọi là diệt.

Hỏi: Nếu trong sơ thiền không giác quán, phải gọi là Thánh mặc nhiên. Mà Phật chỉ nói nhị thiền là Thánh mặc nhiên, không nói sơ thiền. Cho nên biết sơ thiền, phải có giác quán?

Đáp: Vì gần giác quán nên không nói mặc nhiên, chứ không phải giác quán tương ưng nên không nói.

Lại trong kinh nói sơ thiền còn có âm thanh kích thích, nên không nói là mặc nhiên.

Hỏi: Trong sơ thiền vì sao có âm thanh kích thích?

Đáp: Sơ thiền an trụ định tâm yếu ớt như hoa trên mặt nước, đệ nhị thiền v.v... an trụ định tâm mạnh như sơn sơn vào gỗ.

Lại xúc v.v... cũng gọi những kích thích đối với sơ thiền, vì xúc có thể khiến khởi sơ thiền vậy. Nhị thiền v.v... không như vậy. Bởi vì sao? Vì trong sơ thiền các thức không diệt, nhị thiền v.v... 5 thức diệt hết.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 13

Phẩm 166: NHỊ THIỀN

Diệt các giác quán, nội tịnh nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào đệ nhị thiền.

Hỏi: Nếu đệ nhị thiền nói diệt giác quán, thì phải biết sơ thiền chắc có giác quán, như trong nhị thiền có hỷ, và tam thiền nói diệt hỷ?

Đáp: Như trong sơ thiền không có khổ căn, cũng nói khổ căn, đệ nhị thiền diệt cái này cũng như vậy.

Hỏi: Trong sơ thiền tuy không khổ căn mà có các thức. Các thức là chỗ nương của khổ căn. Cho nên nói sơ thiền khổ căn không diệt?

Đáp: Trong sơ thiền tuy có các thức, nhưng không phải chỗ nương của khổ căn.

Hỏi: Tính 5 thức là chỗ nương của khổ căn, vì tính đồng cho nên nói sơ thiền có khổ?

Đáp: Nếu như vậy, ưu căn từ tính ý thức sinh, nên phải nói tất cả chỗ đều có?

Hỏi: Nay vì sao nói trong nhị thiền khổ căn diệt?

Đáp: Sơ thiên gần tâm bất định. Người tâm bất định hay sinh là các thức trôi buộc ở cõi Dục, trong đó sinh khổ căn, cho nên không nói sơ thiên khổ diệt.

Hỏi: Nếu vậy sơ thiên cũng gần ưu căn. Ưu căn này cũng phải nói như đệ nhị, đệ tam thiên diệt?

Đáp: Nương dục ưu căn, do nương dục hỷ sinh, được tịnh thì hỷ, bất tịnh thì hỷ diệt. Cho nên trong sơ thiên không có ưu căn. Nương bất định sinh khổ căn. Sơ thiên gần tâm, nên không gọi là diệt.

Lại như tam thiên không khổ, mà cũng nói dứt khổ lạc mới vào tứ thiên. Điều này cũng vậy.

Lại hành giả trong sơ thiên, định chưa đầy đủ, thường bị giác quán làm loạn, cho nên nói nhị thiên diệt các giác quán.

Nội tịnh là nhị thiên nhiếp tâm sâu, nên tán loạn không vào được. Vì trong không loạn tâm gọi là nội tịnh. Thể của nhị thiên nhất tâm này không giác không quán, tức nhất tâm là tâm hành nhất đạo, cũng gọi là thiên, tức là nội tịnh. Được định sâu này nên giác quán không sinh, không phải như sơ thiên tâm số ở giác quán, cho nên nói không giác không quán.

Định sinh hỷ lạc là sơ thiên vì lìa nên được hỷ. Trong đây định thành tựu nên được hỷ, cho nên gọi là định sinh.

Hỏi: Hỷ trong sơ thiên và hỷ trong nhị thiên có gì khác nhau?

Đáp: Sơ thiên do diệt ưu nên hỷ. Nhị thiên diệt khổ nên hỷ. Lại hỷ trong sơ thiên trái với hỷ bất tịnh mà được, hỷ trong nhị thiên trái với hỷ tịnh mà được. Tuy đều bởi ái nhân duyên nên được hỷ, mà hỷ sơ thiên yếu ớt.

Hỏi: Nghĩa như vậy là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Điều là hữu lậu, vì có ngã tâm là có hỷ.

Hỏi: Vô lậu không có hỷ, điều này không đúng. Trong 7 giác, Phật nói hỷ giác phần. Giác phần chỉ là vô lậu. Cho nên biết có hỷ vô lậu.

Lại trong kinh nói: Người có tâm hỷ, thân được khoan khoái. Thân khoái thì thụ lạc. Nếu không có hỷ vô lậu thì cũng không có khoái lạc vô lậu.

Lại Phật thấy chúng Tăng tu sâu pháp thiện thì sinh hoan hỷ. Cho nên biết có hỷ vô lậu?

Đáp: Ông lấy 7 giác chứng minh hỷ vô lậu. Điều này không đúng. Giác phần có 2 thứ: hữu lậu và vô lậu. Như trong kinh nói: Hành giả khi nghe pháp có thể dứt 5 thứ ngăn che. Tu 7 giác phần, giác gọi là trí vô học, nếu vì giác tu các pháp bất tịnh v.v... , đều gọi là giác phần thì ông nói cũng không nên có khoái vô lậu. Trước sinh hỷ, sau được vô lậu, nghĩa là như thật tri kiến.

Lại không phải tất cả khoái đều do hỷ sinh, như tam thiên trở lên không hỷ cũng không khoái.

Lại chúng tôi không nói lia trí riêng có thụ pháp. Trí vô lậu này mới đến tại tâm, nói là vui, cho nên có vui vô lậu, chỉ không do hỷ sinh.

Lại trong kinh nói: Trừ bỏ thân tâm thô nặng gọi là khoái. Khi được vô lậu thân tâm điều hòa cho nên có khoái vô lậu. Lại Phật thường hành tâm xả, cho nên nói Phật có hỷ. Điều này cần nói rõ.

Lại nếu người không ngã và ngã sở thì không hỷ. Nếu A-la-hán có hỷ, thì cũng có ưu, mà thật không có ưu, nên biết không có hỷ.

Hỏi: Như sơ thiên nhị thiên có hỷ không ưu, La-hán cũng vậy, có hỷ không ưu, có lỗi gì không?

Đáp: Trong các thiền định có ưu, như trong căn nghĩa nói: Ưu hỷ cho đến cõi Hữu Đảnh, khổ vui tùy thân cho đến tứ thiền.

Lại trong Thú tam thiền nói: Ly hỷ hành xả. Cho nên biết không có hỷ vô lậu. Nếu có, thì sao nói lia?

Lại tâm vô lậu không nên có hỷ. Vì hỷ đều dựa vào giả danh, tướng phân biệt.

Hỏi: Nếu vậy thì sơ thiền nhị thiền không có thụ vô lậu? Trong kinh nói: Sơ thiền nhị thiền chỉ có hỷ, chưa có tâm lạc. Hỷ này cũng không do đâu mà có?

Đáp: Hỷ này và lia hỷ này không nói là thiền vô lậu. Mà lại có kinh nói là thiền vô lậu. Như là hành giả do tướng nào, duyên nào, vào sơ thiền, không nghĩ tướng đó, duyên đó, chỉ quán trong sơ thiền có bao nhiêu sắc, thụ, tướng, hành và thức, đều như bệnh hoạn như ung nhọt, cho đến vô ngã.

Hỏi: Như bệnh hoạn, như ung nhọt, như tên bắn đau nhức, 4 điều này là thế gian hành, không phải vô lậu. Cho nên ông đem kinh đó để chứng minh, không thể thành lập được vô lậu?

Đáp: Bốn hành này đều là tên khác của khổ, nên gọi vô lậu.

Hỏi: Học nhân cũng không có hỷ vô lậu sao?

Đáp: Nếu tâm tại đạo, thì bấy giờ không có hỷ, mà tại tục thì có. Bậc vô học thường không có.

Hỏi: Trong kinh nói nhờ tâm hỷ lạc có thể được 4 đế. Sao nói không có hỷ vô lậu?

Đáp: Tâm vô ngã tức là lạc. Hành giả được tâm vô ngã, phá hoại điên đảo, biết chân thật nên tâm được khoái lạc chứ không riêng có hỷ.

Lại kinh này nói rõ không dùng hỷ mà có thể được thật trí, nên mới nói như vậy.

Phẩm 167: TAM THIÊN

Lìa hỷ, tu xả, nhớ nghĩ, an tuệ, thụ thân lạc. Cái lạc này Thánh nhân cũng nói, cũng xả nghĩ nhớ, tu lạc vào đệ tam thiên.

Hỏi: Vì sao lìa hỷ?

Đáp: Hành giả thấy hỷ có thể trôi nổi lên lìa.

Lại hỷ này do tướng phân biệt sinh. Tướng động chuyển của hỷ từ đầu đến giờ khổ thường đeo bám, cho nên lìa.

Lại hành giả được tịch diệt tam thiên nên xả nhị thiên.

Lại từ hỷ sinh lạc thì cạn, mà lìa hỷ sinh lạc thì sâu, như người đối với vợ con v.v... không thể thường hỷ. Vì hỷ từ tướng phân biệt sin, còn lạc không từ tướng phân biệt sinh nên có thể thường có. Hành giả cũng vậy, hỷ mới đến thì lấy làm vui, sau thì chán lìa.

Hỏi: Như người bị nóng bức, thì cho lạnh là vui. Hành giả vì khổ nào đó bức bách, nên lấy tam thiên làm vui?

Đáp: Trong nhị thiên, hỷ là tướng phát động, như gai góc, hành giả bị hỷ này bức bách, nên ở trong định không có hỷ sinh tâm vui.

Hỏi: Tùy có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, nếu được lìa nóng thì lạnh không vui. Hành giả, nếu đã lìa hỷ, vì sao trong tam thiên còn sinh tâm vui?

Đáp: Sinh vui có 2 thứ: Hoặc bởi còn khổ, như có khổ nóng thì lấy lạnh làm vui, hoặc bởi lìa khổ, như lìa người oán ghét. Như Phật lìa Tì-kheo Câu-xá-di nói: Ta an vui. Điều này cũng vậy, được lìa động tướng nên trong tam thiên sinh vui, như lìa 5 dục nên lấy sơ thiên làm vui.

Tu xả là vì lìa hỷ nên tâm được tịch diệt. Hành giả trước kia sâu đắm tâm hỷ, nhiều tán loạn. Nay được lìa nên tâm đó được tịch diệt, cho nên nói tu xả.

Nhớ nghĩ, an tuệ là đối với lỗi trong hỷ, 2 pháp này thường sẵn sàng không cho hỷ đến phá rối.

Lại nhớ nghĩ là nhớ nghĩ hỷ, an tuệ, thấy lỗi trong hỷ.

Thụ thân vui là lia hỷ, tu xả. Xả tức là vui, vì không vọng động tìm cầu. Cái vui này không do tưởng phân biệt sinh, nên gọi là thân thụ vui.

Thánh nhân cũng nói cũng xả, nghĩa là nói là tùy theo người đời, nên nói gọi là vui. Như nói tâm phi tướng phi phi tướng xứ không tham đắm nên xả.

Nghĩ nhớ tu vui, là người này biết xả, nghĩa là thấy lỗi của hỷ mà sinh chán lìa, nên được cái xả vi diệu.

Lại nghĩ nhớ cũng vi diệu, nghĩa là có thể nhớ lỗi của hỷ. Trong đó cũng nên nói an tuệ với nghĩ đồng hành nên không nói riêng.

Lạc, là vui đệ nhất. Cho nên Thánh nhân cũng nói cũng xả.

Hỏi: Trong tam thiên có thụ vui, vì sao nói xả vui?

Đáp: Trong luận này tôi không nói lìa thụ riêng có xả vui. Thụ vui tức là xả vui.

Hỏi: Nếu vậy trong đệ tứ thiên nên nói thụ vui, vì có xả?

Đáp: Tôi nói tứ thiên cũng có thụ vui chỉ vì diệt vui đệ tam thiên nên nói như vậy.

Hỏi: Nếu đều là thụ vui, vì sao sơ thiên nhị thiên gọi hỷ, mà tam thiên gọi lạc?

Đáp: Vì tưởng phân biệt nên gọi hỷ, không tưởng phân biệt nên gọi lạc. Hành giả trong đệ tam thiên tâm chuyển nhiếp nên không có tưởng phân biệt nên gọi là lạc.

Lại vì được tịch diệt tam thiên chuyển sâu nên gọi là lạc. Như nói tâm động tìm cầu Thánh nhân gọi đó là khổ. Động là phân biệt, nói đây là lạc.

Phẩm 168: TỨ THIỀN

Dứt trừ khổ, vui, trước diệt ưu, hỷ, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh vào đệ tứ thiền.

Hỏi: Nếu trước dứt khổ, vì sao ở trong đây mới nói? Nếu quyết muốn nói nên nói trước dứt, như trước diệt ưu hỷ?

Đáp: Tứ thiền gọi là bất động. Vì muốn thành tướng bất động này nên mới nói không 4 thứ thụ. Bởi vì sao? Vì động là phát động. Hành giả bị khổ vui xâm lấn thì tâm động. Tâm động thì sinh tham giận, nên phải dứt khổ vui, khiến tâm không động.

Hỏi: Nếu đệ tứ thiền thụ lợi ích rất lớn, Vì sao không gọi là vui?

Đáp: Thụ này tịch diệt, nên nói không khổ không vui. Tùy tâm niệm biết đây là vui thì gọi là vui. Được đệ tứ thiền là vui tam thiền, nên không cho là vui.

Xả niệm thanh tịnh là trong đây xả thanh tịnh, vì không cầu. Tam thiền có cầu, cho đó là vui.

Lại trong thiền này niệm cũng thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì trong tam thiền đắm vui nên nghĩ nhớ tán loạn. Đến Tứ thiền vì dứt tham vui, nên nghĩ nhớ thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao tứ thiền không nói an tuệ?

Đáp: Nếu nghĩ nhớ thanh tịnh, phải biết là đã nói an tuệ rồi, vì 2 pháp này không lìa nhau.

Lại đây là đạo thiền định, không phải đạo trí tuệ. An tuệ là tuệ, nên không nói. Trong phần sau của đệ tam thiền cũng không nói an tuệ, chỉ nói vui hành xả nghĩ nhớ, mà không nói vui hành xả niệm tuệ.

Lại nghĩ nhớ này có thể thành thiền định, nếu người khi định chưa thành cần phải lấy tướng nghĩ nhớ là có thể thành, vì vậy được nói riêng.

Lại được thượng công đức, xả hạ công đức, không cần suy nghĩ, nên không nói tuệ.

Hỏi: Thụ không khổ không vui là vô minh phần, trong Tứ thiên phần nhiều trái nhau với tuệ, nên không nói tuệ?

Đáp: Nếu vậy, thụ không khổ không vui lẽ ra không phải là vô lậu? Thụ vui là tham phần cho nên cũng không vô lậu.

Hỏi: Trong tam thiên vì lỗi trái với tự địa nên nói an tuệ, vì trái với lỗi tha địa nên nói nghĩ nhớ. Tứ thiên tự địa không lỗi như vậy, nên không nói an tuệ?

Đáp: Tứ thiên cũng có các lỗi tham v.v... nên phải nói an tuệ, trong đó lỗi tham vi tế khó biết, nên ắt cần phải nói. Trong các địa khác cũng nên nói mà không nói. Nên biết phải đáp như tôi.

Hỏi: Vì sao, tứ thiên diệt hơi thở ra vào?

Đáp: Hơi thở nương thân tâm. Làm sao biết được? Tùy khi tâm yếu, hơi thở cũng yếu. Tứ thiên tâm không động, nên hơi thở ra vào diệt.

Lại như người mỏi mệt, nếu gánh gánh nặng lên núi thì thở hơi mạnh, mà khi nghỉ thì hơi thở yếu. Tứ thiên cũng như vậy, vì không tương động, tâm ngừng nghỉ, nên hơi thở ra vào diệt. Có người nói hành giả được tứ thiên, nên bít các lỗ chân lông nơi thân tứ đại, cho nên hơi thở dứt. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì uống ăn mồ hôi chảy khắp cả mình thân, nếu các lỗ chân lông bít lẽ ra không chảy được? Mà thật không phải. Nên biết tâm lực tứ thiên có thể khiến hơi thở diệt.

Hỏi: Trong Tứ thiên không lạc thụ; trong đó làm sao có ái sử? Vì trong kinh nói trong lạc thụ có ái sử?

Đáp: Trong đó có tế lạc thụ, chỉ dứt thô lạc, nên mới nói không khổ không vui, như gió xao ngọn đèn, nếu đèn để trong nhà kín thì không gọi xao động, trong đó chắc có chút gió nhẹ, nhưng gió không

manh nên không động. Tứ thiên cũng vậy. Chắc có chút vui, nhưng vì dứt khổ vui thô bạo nên gọi không khổ không vui.

Phẩm 169: VÔ BIÊN HƯ KHÔNG XÚ

Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tướng hữu đối, không nghĩ tất cả tướng gì khác, vào vô biên hư không xứ.

Sắc tướng: là tướng sắc, hương, vị và xúc. Vì sao hành giả phải vượt qua? Vì trong sắc đó có đối có ngại và các tướng khác như tiếng chuông trống v.v.... Các tướng này là nhiều thứ phiền não, nhiều thứ nghiệp và nhiều thứ khổ nhân. Vì những lẽ đó nên phải vượt qua. Nếu qua tất cả sắc tướng thì tướng hữu đối diệt. Tướng hữu đối diệt thì không có tướng khác. Trong đây lược bớt nên không nói qua đây nên đây diệt.

Lại có người nói: Tất cả sắc tướng tức là tướng chỗ y chỉ của nhãn thức. Tướng hữu đối là tướng chỗ y chỉ của các thức nhĩ-ti-thiệt và thân. Tướng khác là tướng chỗ y chỉ của ý thức. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu nói diệt tướng hữu đối thì đã thu nhiếp sắc rồi, cần gì nói riêng?

Lại lìa sắc tướng, đối tướng thì sẽ không riêng có sắc làm chỗ nương cho ý thức. Cho nên không cần nói riêng diệt tướng, mà nên nói như trước.

Vào vô biên hư không xứ, là hành giả vì sắc tướng bức bách, mỗi một, nên quán hư không vô biên. Bên trong lấy tướng hư không của mắt, mũi, yết hầu v.v... Bên ngoài lấy tướng hư không của giếng, hầm, cửa, bông cây v.v....

Lại quán thân chết bỏ nơi gò mả, lửa cháy tan hết; hoặc chim thú giành ăn, giò trùng từ trong đó lúc nhúc bò ra... Cho nên biết thân này trước đã có hư không.

Hỏi: Định hư không này lấy gì làm cảnh duyên?

Đáp: Trước tiên duyên hư không, thành rồi tự duyên các âm, cũng duyên các âm người khác. Bởi vì sao? Vì lấy bi làm đầu, khởi nghĩ như vậy: Chúng sinh đáng thương, vì bị sắc tướng làm bức bách khổ não.

Hỏi: Định này duyên chúng sinh nào?

Đáp: Duyên tất cả chúng sinh.

Hỏi: Hành giả đó đã lìa sắc tướng, làm sao có thể duyên sắc chúng sinh cõi Dục được?

Đáp: Hành giả này vẫn duyên sắc. Có điều đối với trong sắc, tâm không thông suốt, không vui, không đắm. Như trong kinh nói: Nếu Thánh nhân nghĩ nhớ ngũ dục sâu, trong đó không vui không thông không đắm, vì sợ lui chìm lại như cháy gân lông. Nếu nghĩ Nê-hoàn thì tâm thông suốt. Người này cũng vậy, có thể duyên sắc, nhưng không tham vui.

Lại như hành giả tùy lìa sắc tướng, do hư không có thể duyên tứ thiên, như vô sắc định có thể duyên vô lậu sắc. Trong đó không lỗi vì không phải chỗ phân biệt, nên ngoài ra cũng phải như vậy.

Hỏi: Hư không là sắc nhập tính, làm sao duyên đây có thể vượt qua sắc tướng?

Đáp: Định này duyên hư không vô vi, nên có thể vượt sắc.

Hỏi: Định này không duyên hư không vô vi. Bởi vì sao? Vì trong phương tiện định này nói duyên hư không trong mắt v.v.... Nên biết duyên hư không hữu vi.

Lại trong kinh không nói tướng hư không vô vi chỉ nói tướng hư không hữu vi, như vô sắc xứ là hư không. Cho nên không có hư không vô vi?

Đáp: Sắc tính không gọi hư không. Bởi vì sao? Trong kinh nói: Hư không không sắc không thể thấy, không thể đối.

Hỏi: Lại có kinh khác nói: Nhờ sáng biết hư không. Trừ sắc không có pháp nào nhờ sáng có thể biết?

Đáp: Vô sắc gọi là hư không; các sắc do sáng có thể biết. Cho nên cũng nhờ sáng thì biết không có sắc, không phải có hư không.

Lại trong tối cũng biết hư không, người mù dùng tay cũng biết hư không.

Lại dùng gậy cũng biết đó là hư không. Cho nên biết hư không không phải sắc tính. Sắc không nhờ các nhân duyên này mà biết được.

Lại sắc là hữu đối, hư không là vô đối.

Lại dùng lửa v.v... có thể diệt hết sắc, mà không thể diệt hư không. Nếu hư không diệt lại gọi là pháp gì?

Hỏi: Nếu có sắc sinh thì hư không diệt, như khởi xây tường vách thì trong đó không còn hư không?

Đáp: Sắc sinh trong đó, sắc ấy hoàn toàn không bị diệt. Bởi vì sao? Sắc không gọi là hư không. Pháp không có, không thể lại không có nữa. Cho nên sắc không diệt hư không.

Lại ông nói hư không là sắc. Trong đó không có lý do có thể khiến là sắc.

Hỏi: Hiện thấy hư không trong cửa v.v..., trong việc hiện thấy không cần lý do?

Đáp: Hư không không hiện thấy được. Như trước đã phá rồi, như trong tối cũng có thể biết v.v....

Hỏi: Nếu hư không không phải sắc, vậy là pháp gì?

Đáp: Hư không gọi là vô pháp. Những chỗ không có sắc gọi là hư không.

Hỏi: Trong kinh nói: Do 6 thứ nên chúng sinh thụ thân.

Lại nói hư không là vô sắc vô đối, không thể thấy. Nếu vô pháp, thì không được nói như vậy. Không ai nói sừng thỏ gọi là vô sắc vô đối không thể thấy?

Đáp: Nếu thật có pháp thì đều có chỗ sở y, như danh y vào sắc, sắc lại y vào danh. Hư không không y vào đâu nên biết là vô pháp.

Cái ông là không đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì sắc ngăn ngại sắc, sắc này được, sắc khác mất, nên được tăng thêm. Vì nghĩa này nên Phật nói do 6 thứ chúng sinh thụ thân.

Ông nói hư không vô sắc, vô hình, vô đối. Cũng vì phá các vật, nên mới nói như vậy, chứ không nói có tướng hư không.

Ông nói không có ai nói sừng thỏ là vô sắc, vô đối, không thể thấy. Đó cũng không đúng. Bởi vì sao? Vì đều do hư không được có những việc sở tác khứ lai v.v.... Trong sừng thỏ v.v... không có nghĩa như vậy.

Hỏi: Tâm cũng như vậy. Vô sắc, vô hình, vô đối có thể nói không được chăng?

Đáp: Tâm có tác nghiệp, nghĩa là có thể lấy cảnh duyên, hư không không tác nghiệp, chỉ vì không, nên được có chỗ tác dụng. Cho nên biết vô pháp, vì vậy định này trước tiên duyên hư không.

Hỏi: Định này có thể duyên bậc nào?

Đáp: Định này duyên tất cả bậc, và duyên diệt đạo nữa.

Hỏi: Có người nói các vô sắc định tuy có thể duyên diệt, nhưng chỉ duyên tử trí phần diệt, không duyên hiện trí phần diệt. Việc đó thế nào?

Đáp: Duyên tất cả diệt, dùng hiện pháp trí duyên diệt tự địa hiện tại, dùng tử trí duyên các diệt khác. Đạo cũng như vậy, có thể duyên tất cả pháp.

Hỏi: Chúng sinh cõi Vô sắc có thể khởi tâm các địa không?

Đáp: Có thể khởi tâm các địa và tâm vô lậu.

Hỏi: Nếu vậy làm sao không chìm?

Đáp: Trụ trong nghiệp quả báo nên có thể không chìm, như sức thần thông trong 2 cõi Dục và Sắc. Trụ sắc khác tâm khác mà có thể không chìm. Trong đó cũng vậy.

Hỏi: Vô biên hư không định, cùng hư không xứ nhất thiết xứ có gì khác nhau?

Đáp: Muốn vào hư không định phương tiện đạo gọi là nhất thiết. Vào định thành rồi gọi là hư không định. Trong đây nhân quả của định là bậc và tất cả hữu lậu vô lậu, hoặc định hoặc phi định, hoặc cấu hoặc tịnh đều gọi là vô biên hư không xứ.

Phẩm 170: BA VÔ SẮC ĐỊNH

Qua tất cả Vô biên hư không xứ, mới vào Vô biên thức xứ. Hành giả rất chán sắc, nên cũng bỏ luôn pháp đối trị sắc, như người đã qua sông bỏ luôn cả thuyền mà đi, như được ra khỏi giặc muốn bỏ đi cho xa. Hành giả cũng vậy, tuy nhờ không phá sắc, cũng muốn bỏ không mà đi xa.

Vô biên thức, là hành giả dùng thức có thể duyên hư không vô biên, thì thức cũng vô biên. Cho nên bỏ không duyên thức.

Lại như sắc vì mỗi một nên duyên hư không. Như vậy bị hư không làm mỗi một, muốn ngăn dứt nên mới duyên nơi thức.

Lại người này dùng thức có thể duyên hư không vì cho thức là thắng, nên chỉ duyên thức. Hành giả dùng thức tùy duyên tùy lúc, nên sinh một nhọc, vô cùng chán lia, lại muốn phá thức, nên vào vô sở hữu xứ, nghĩ như vậy: Tùy có thức thì khổ, nếu ta có thức vô biên,

ắt phải có vô biên khổ. Cho nên thu nhiếp tâm duyên thức. Vì tâm vi tế nên cho là vô sở hữu.

Lại nghĩ như vậy: Vô sở hữu tức là tướng. Mà tướng là khổ não, như tật bệnh, như ung nhọt. Nhưng nếu không tướng lại là ngu si nếu ta thấy vô sở hữu tức đó là hữu, nên đối với các tướng chưa được giải thoát. Hành giả thấy tướng là suy nhược, là bệnh hoạn mà vô tướng là ngu si, tịch diệt là vi diệu, đó là phi tướng phi phi tướng xứ. Phạm phu thường e sợ vô tướng, vì cho là ngu si, cho nên rốt cuộc không thể diệt tâm.

Có người nói chúng sinh vô tướng cũng có thể diệt tâm. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì nếu những người trong cõi Sắc có thể diệt tâm, thì trong cõi Vô sắc sao lại không thể?

Hỏi: Cõi Sắc có sắc nên có thể diệt tâm. Trong cõi Vô sắc trước đã diệt sắc nay lại diệt tâm. Nếu thấy sắc tâm đều diệt thì kinh sợ bàng hoàng?

Đáp: Nếu người ở trong kia không thể diệt mà sinh về trong đây thì phải có thể diệt, như diệt tận định.

Hỏi: Quả của diệt tâm là vô tướng, cho nên nếu diệt cả sắc lẫn tâm thì mất hẳn?

Đáp: Diệt tận định cũng có quả hữu tâm. Điều này cũng như vậy.

Lại nếu quả không dứt cũng gọi trụ ở quả, như ở sắc biến hóa. Biến hóa trong tâm lại sinh quả, nên không gọi mất hẳn được. Cho nên trong cõi Sắc không nên nói diệt tâm. Nếu nói thì trong cõi Vô sắc cũng cần phải nói.

Lại trong vô tướng định, tâm không nên diệt. Bởi vì sao? Vì hành giả cần chán lìa tâm, nên có thể diệt tâm. Nếu người chán tâm, còn không sinh trong cõi Vô sắc huống sinh cõi Sắc.

Lại người phạm phu trong tâm sinh ngã tưởng sâu. Như trong kinh nói: Phạm phu từ lâu tham đắm tâm này, cho đó là ngã. Cho nên không thể có chút chán lìa.

Lại trong kinh nói: Ngoại đạo có thể nói dứt diệt 3 thứ thủ mà không thể nói dứt ngã ngữ thủ. Cho nên không thể diệt tâm.

Lại nêu biết đúng đắn pháp nhân duyên, có thể được tâm không. Như trong Kinh Viên Hâu Dụ nói: Phạm phu hoặc có thể lìa thân, mà không thể lìa tâm. Thà quán thân thường, đừng quán tâm thường. Bởi vì sao? Vì mắt thấy thân này, hoặc sống còn 10 tuổi cho đến trăm tuổi, như nói hoặc tâm hoặc ý hoặc thức, niệm niệm sinh diệt biến khác, như vượn khi chuyền cây, buông một nhánh, liền vin một nhánh, không đứng một chỗ. Nếu đệ tử Phật trong đó quán đúng đắn pháp nhân duyên thì có thể biết vô thường.

Lại người biết pháp nhân duyên, vì thụ sai khác nên có thể phân biệt thức. Các ngoại đạo vì không có trí phân biệt nhân duyên, nên không thể diệt tâm.

Lại người phạm phu lìa sắc mà không lìa tâm nên không được giải thoát. Nếu cả 2 đều có thể diệt thì sao không được giải thoát?

Lại người phạm phu e sợ diệt, nên đối với Nê-hoàn rớt cuộc không thể sinh tưởng tịch diệt an ổn. Như trong kinh nói: Không có ngã và không có ngã sở là chỗ phạm phu rất khiếp sợ.

Lại trong vô tướng sinh tâm ngu si. Nếu đối với Nê-hoàn không sinh tâm tưởng tịch diệt an ổn, làm sao có thể diệt tâm.

Lại pháp phạm phu cần nhờ bậc trên, mới có thể xả bậc dưới, cho nên không có nhân duyên có thể diệt tâm, chỉ nhờ sức định suy tưởng tỉ mỉ tâm hiện tiền, không hiểu cho nên tự cho là vô tướng. Nếu khởi thô tướng tức thì thoái lui. Như người thiếu trí gọi là vô trí, như thức ăn ít mặn gọi là không mặn, như mê ngất xỉu mất nhớ, như loại sâu nằm lâu năm trong lòng đất, như loại cá nằm trong băng

giá. Trong đây nói phi tướng phi phi tướng xứ cũng vậy. Tuy thật có tướng, nhưng vì tùy theo thể tục, nên nói là vô tướng.

Phẩm 171: DIỆT TẬN ĐỊNH

Qua tất cả Phi tướng phi phi tướng xứ, thân chứng tướng thụ diệt.

Hỏi: Vì sao trong các thiền không nói qua tất cả? Trong vô sắc định không nói diệt?

Đáp: Tôi nói trong các thiền định đều có các pháp giác quán hỷ lạc, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Vô biên hư không xứ có sắc tâm. Điều này đã rõ, nên trong Vô sắc cũng không nên nói qua tất cả?

Đáp: Như vào trong vô biên hư không định thoát được sắc tâm, mà không thoát được các pháp giác quán.

Lại có người nói: Nếu nói qua, diệt, chìm, đều là nghĩa một mà tên khác.

Lại trong vô sắc định tâm kiên cố. Trong các bậc dưới tâm bị tán loạn làm hoại, cho nên không nói qua tất cả.

Hỏi: Nếu đều nói có gai góc là sắc tướng v.v..., sao lại nói tâm kiên cố?

Đáp: Tuy đều nói gai góc, nhưng cũng gọi đệ tứ thiền là không động. Như vậy trong vô sắc định, định lực lớn nên được kiên cố.

Hỏi: Học nhân không nên được diệt tận định, vì chưa qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ?

Đáp: Học nhân có thể thấy tất cả hành diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng chưa có thể khiến nó không sinh, nên cũng được nói là qua.

Hỏi: Nếu ý trong đây lấy Nê-hoàn cho là diệt, thì trước ông nói trong 9 thứ lớp diệt là tâm và tâm số diệt, trái nhau sao?

Đáp: Diệt định có 2 thứ: một là diệt hết các phiền não, hai là diệt chưa hết. Người hết phiền não ở trong giải thoát. Người phiền não chưa hết ở trong thứ lớp.

Lại một là diệt phiền não nên gọi diệt định, hai là diệt tâm, tâm số, pháp cũng gọi diệt định. Diệt phiền não là giải thoát thứ 8, cũng gọi là quả A-la-hán. Quả A-la-hán là diệt tất cả tướng, không cho sinh lại nữa. Trong đây tuy diệt các tướng, nhưng còn thừa kết sử, nên không thể khiến không tái sinh.

Hỏi: Nếu hành giả dùng 9 thứ lớp định có thể diệt tâm thì Tu-đà-hoàn v.v... làm sao có thể chứng pháp tâm diệt?

Đáp: Trong 9 thứ lớp diệt gọi là đại diệt. Như người khéo tu các thiền định, nhờ sức mạnh đạo tâm nên có thể được diệt này. Nếu không sức đó, thì chỉ được có diệt, không thể được đại lực như vậy, cho nên nói thứ lớp định. Các chỗ khác cũng có tâm diệt, như trong đệ tứ thiên có thể diệt tâm, tâm số pháp, vào trong vô tướng, thì trong Sơ thiên v.v... vì sao không diệt?

Lại chỗ khác cũng phải có nghĩa diệt tâm, như trong kinh nói: Tu-đà-hoàn v.v... đều có thể chứng diệt. Chỉ tâm diệt gọi là diệt, không có pháp nào khác diệt. Cho nên biết là 9 bậc này cũng có tâm diệt.

Hỏi: Nếu diệt tận định có thể diệt tất cả tâm, tâm số pháp, vì sao chỉ nói tướng thụ diệt?

Đáp: Tất cả tâm đều gọi là thụ. Thụ này có 2 thứ: một là tướng thụ, hai là tuệ thụ. Tướng thụ là hữu vi duyên tâm, vì tướng hiện hành trong pháp giả danh. Giả danh có 2 thứ: một là do hòa hợp giả danh, hai là pháp giả danh. Cho nên tất cả hữu vi duyên tâm đều gọi

là tướng. Tuệ thụ là vô vi duyên tâm. Cho nên nếu nói tướng thụ diệt là nói tất cả diệt.

Hỏi: Trong tất cả tâm, tâm số pháp, thụ tướng là hơn cả cho nên nói riêng. Bởi vì sao? Vì phiền não có 2 phần: một là ái phần, hai là kiến phần. Thụ sinh ái phần, tướng sinh kiến phần.

Lại trong cõi Dục, cõi Sắc thụ thắng hơn, trong cõi Vô sắc tướng thắng hơn. Cho nên chỉ có 2 thứ.

Lại trong các thức xứ chỉ nói thụ tướng. Thức xứ từ tâm khởi nên gọi là hành.

Lại nếu nói thụ tướng diệt, thì nói tất cả tâm, tâm số diệt, vì các tâm số không rời nhau?

Đáp: Không phải vậy. Ông nói thắng hơn cho nên nói riêng thì cần phải nói tâm. Bởi vì sao? Vì trong kinh nhiều chỗ nói tâm là chủ mà cũng là chỗ nương của 2 phần phiền não. Và cũng vì tâm sai khác nên gọi là thụ tướng, cho nên phải nói tâm.

Lại nói tâm thì dễ, cho nên lời ông nói không đúng.

Hỏi: Định này vì sao nói thân chúng?

Đáp: Tám giải thoát đều phải nói thân chúng.

Lại diệt pháp này không phải dùng lời nói mà thấu rõ được, nên nói thân chúng, như người chạm vào nước mới biết tướng lạnh, chứ không phải nghe nói mà có thể biết được. Việc này cũng vậy.

Lại đây là pháp vô tâm, cho nên phải dùng thân chúng?

Hỏi: Ông nói diệt định là pháp vô tâm. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào định này là chúng sinh, thế gian không có chúng sinh vô tâm, cho nên không đúng.

Lại trong kinh nói: Mạng sống, hơi nóng, ý thức, 3 pháp này thường không rời nhau, cho nên không diệt tâm.

Lại tất cả chúng sinh đều nhờ 4 lối ăn mới được sống còn. Mà người vào diệt tận định thì không còn các lối ăn này nữa. Bởi vì sao? Vì người này không ăn lối đoàn thực, xúc thức v.v... cũng đều diệt hết, cho nên không ăn.

Lại tâm từ tâm sinh, nếu tâm này diệt, các tâm khác không sinh, vì không thứ lớp duyên thì hậu tâm làm sao sinh nữa được?

Lại tâm chỉ nhập Nê-hoàn vô-dur, khi dứt tương tục mới diệt, không phải ở các chỗ khác mà diệt được. Như trong kinh nói: Lấy sắc vượt qua các dục, lấy vô sắc vượt qua sắc, lấy diệt vượt qua các tác niệm tư duy. Tâm là tác niệm tư duy, cần phải lấy diệt mới có thể vượt qua. Được Nê-hoàn hữu dư thì tâm cấu bản diệt. Được Nê-hoàn vô dư thì tâm không cấu bản diệt. Đó chính là nghĩa Phật pháp.

Lại người vào diệt định không gọi là chết. Tâm diệt gọi là chết. Nếu tâm diệt sinh lại, người chết cũng phải sống lại, vậy thì rốt cuộc không có chết. Nếu tâm diệt sinh lại, thì người vào Nê-hoàn cũng phải sinh lại, vậy thì rốt cuộc không có giải thoát. Mà thật không phải như vậy, cho nên tâm không diệt?

Đáp: Ông nói không có chúng sinh vô tâm. Tuy đồng là vô tâm, mà khác với người chết. Như trong kinh hỏi rằng: Người vào diệt tận định với người chết có khác gì không? Đáp rằng: Người chết thì sinh mạng, hơi nóng, ý thức 3 thứ đều diệt. Người vào diệt tận định chỉ tâm diệt, mạng sống và hơi nóng không rời khỏi thân. Cho nên biết phải có chúng sinh vô tâm.

Lại người này tâm thường còn, vì có sức nên cũng gọi có tâm, không như gỗ đá.

Ông nói 3 việc không rời nhau, đó là chúng sinh cõi Dục cõi Sắc, cho nên nói trong cõi Vô sắc có mạng có thức mà không nóng.

Lại người vào diệt tận định, có mạng có nóng mà không có thức, tức trong kinh này cũng nói thức rời thân. Cho nên, nếu nói 3 việc không rời nhau là tùy có chỗ mà nói.

Ông nói không ăn làm sao sống? Thân này trước dùng ý tư thực nên tồn tại. Hiện tại dùng lạnh v.v... các xúc nên có thể chi trì thân.

Ông nói tâm do tâm sinh, đó là tâm làm nhân cho tâm khác. Làm nhân rồi diệt, cho nên có thể sinh tâm khác.

Hỏi: Tâm diệt làm sao có thể sinh tâm khác? Như mắt đã diệt là không thể sinh thức?

Đáp: Như nghiệp diệt rồi, quả báo mới sinh được. Việc này cũng vậy.

Lại ý với ý thức 2 việc ngại nhau, mà nhãn cùng nhãn thức không phải như vậy. Cho nên không phải nhân.

Ông nói khi dứt tương tục thì tâm diệt. Điều này không đúng. Diệt có 2 thứ là sắc diệt và tâm diệt. Hoặc sắc diệt tâm không diệt, như trong Vô sắc. Hoặc tâm diệt chẳng phải sắc như vào diệt định. Hoặc sắc tâm đều diệt, như khi diệt tương tục.

Ông nói vào diệt tận định không gọi là người chết đó. Người này mạng và nóng không diệt, mà người chết 3 thứ đều diệt. Đó là chỗ khác nhau.

Lại người này nhờ mạng và nóng nên tâm có thể sinh lại, mà người chết thì không phải vậy.

Ông nói nếu diệt tâm lại sinh thì không ai giải thoát. Điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì người vào Nê-hoàn nghiệp trước chịu mạng, nóng, thức đã diệt không đợi sinh lại. người này mạng và nóng không diệt, trước mong tâm sinh, Như trong Phẩm diệt tận định nói: Người vào diệt tận định nhờ 6 nhập này và thân mạng nên được khởi

lại, cho nên tâm có thể sinh lại. Người vào Nê-hoàn tâm không sinh lại, nên biết định này vô tâm.

Hỏi: Vì sao bồ thí người khởi định này có thể được hiện báo?

Đáp: Người từ định này khởi tâm rất tịch diệt. Như trong kinh nói: Người khởi diệt tận định tâm thuận với Nê-hoàn.

Lại người này sức thiền định mạnh, nương định này nên trí tuệ cũng lớn. Trí tuệ lớn, nên có thể làm cho người thí được quả báo vượt trội. Như người cúng dường trăm ngàn Thanh Văn không bằng một Phật, trong đó đều lấy trí tuệ làm vượt trội, không phải ở chỗ dứt các kết. Việc này cũng như vậy.

Lại người vào định này do huân tu nhiều pháp thiện nơi tâm, nên sinh đại quả. Như người làm ruộng giỏi chắc thu hoạch được nhiều.

Lại người thí có thể chán đời nhiều thì được báo lớn. Nói người chẳng phải tâm cấu bản, là người này không đem tâm cấu bản giả danh cho nên cúng dường được quả lớn.

Lại người này thường trụ đệ nhất nghĩa đế, những người khác ở trong thế đế.

Lại người này thường trụ trong pháp không tranh chấp. Bởi vì sao? Vì tâm duyên hữu vi thì có tranh tụng.

Lại như trong kinh nói: Cỗ đại làm hại lúa, tham lam dục vọng hại tâm. Cho nên thí người vô dục được quả báo lớn. Nhân duyên tham dục là tướng giả danh. Người khởi định này vì duyên Nê-hoàn nên lìa tướng giả danh.

Lại trong kinh nói: Nếu người thụ đàn-việt cúng rồi, vào vô lượng định, đàn-việt này nhờ nhân duyên đó được phúc vô lượng. Người khởi diệt định duyên tâm Nê-hoàn nên gọi là vô lượng, diệt định này cũng là vô lượng, nên được vô lượng phúc, nên có thể được hiện báo.

Lại nhờ 8 công đức trang nghiêm phúc điền này. Tâm duyên Nê-hoàn là chân chính kiến, các phúc phần khác tùy từng, cho nên có thể sinh hiện báo.

Hỏi: Có người nói diệt tận định là tâm bất tương ưng hành, cũng gọi thế gian pháp. Việc này thế nào?

Đáp: Như trên đã nói người khởi định này có rất nhiều các công đức tịch diệt v.v... là những công đức mà thế gian không thể có.

Hỏi: Diệt tận định gọi là pháp ngăn, vì nhờ pháp này khiến tâm không sinh. Cho nên phải gọi tâm bất tương ưng hành, như sắt vào lửa thì không còn tướng đen, mà rời lửa lại sinh. Việc này cũng như vậy?

Đáp: Nếu là vậy, Nê-hoàn cũng phải là tâm bất tương ưng hành. Bởi vì sao? Vì bởi Nê-hoàn nên các ấm không sinh. Nếu Nê-hoàn không phải tâm bất tương ưng hành, thì định này cũng không được gọi là bất tương ưng hành. Nhưng các người hành giả thì pháp phải như vậy. Vào trong định này tùy theo sở nguyện nên tâm có thể không sinh. Cho nên không nên gọi là bất tương ưng hành.

Hỏi: Định này thứ lớp như vậy vào, rồi cũng thứ lớp như vậy ra sao?

Đáp: Cũng thứ lớp ra, rồi chậm rãi nhập vào thô tâm.

Hỏi: Trong kinh nói: Người mới khởi diệt tận định chạm vào 3 thứ xúc đó là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vì sao như vậy?

Đáp: Trong vô vi duyên tâm, có các xúc gọi là vô động, vô tướng, vô sở hữu. Vô động tức là trống không. Hữu vi duyên tâm, nhẹ nên có động, như lấy sắc, thụ v.v.... Trong không, không có tướng. Trong vô tướng không có tham v.v... Người vô tâm này mới bắt đầu duyên Nê-hoàn, sau duyên hữu vi, cho nên mới nói khi khởi chạm vào 3 thứ xúc.

Hỏi: Có người nói vào diệt tận định tâm là hữu lậu. khởi định tâm hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải hữu lậu. Hành giả muốn nhập định này phải phá hoại tất cả hữu vi từ trước. Phá xong mới vào được. Khi khởi tâm duyên Nê-hoàn hiện tiền. Cho nên biết đều là vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Hành giả nhập diệt tận định không tự nghĩ là mình nhập, khi khởi cũng không tự nghĩ.

Nếu vậy làm sao có thể nhập?

Đáp: Thường tu tập nên định lực kiên cường, tuy không tự nghĩ mà có thể nhập được.

Lại hành giả này từ khi dứt hữu vi đến nay đã từng vào diệt. Nếu không ngăn nổi tâm, để cho duyên hữu vi thì không gọi là nhập. Cho nên kinh nói: Người vào định này, trước phải tập điều hòa tâm. Cho nên có thể vào được.

Hỏi: Nếu không có cái không khác, có thể được tu vô vi duyên tâm, thì được ích gì?

Đáp: Vì tu tập đã lâu thì định kiên cố, thấy biết rõ ràng như tâm duyên hữu vi thấy niệm niệm diệt, cũng không khác niệm niệm diệt, chỉ tu tập lâu thì tâm kiên cố, Việc này cũng vậy.

Phẩm 172: MU'ÒI NHẮT THIẾT XỨ'

Không phá hỏng duyên trước, tâm lực tự tại, gọi là nhất thiết xứ. Hành giả lấy một ít tướng rồi, nhờ sức tin hiểu khiến nó thêm rộng. Bởi vì sao? Sức nhiếp tâm này nếu vào trong thật, thì đều có thể khiến trống không, mà vào trong tín giải đều có thể khiến tùy theo trước đã lấy tướng.

Hỏi: Thế nào là tính tín giải?

Đáp: Xanh v.v... các màu sắc nhiều vô lượng. Lược nói căn bản có 4 thứ: là địa v.v... 4 đại. Bốn sắc căn bản có thể phá 8 việc này. Đó là hư không. Vì thức có thể biết vô biên không, nên cũng gọi là vô biên. Bởi vì sao? Vì không phải pháp hữu biên có thể lấy vô biên. Đó gọi là 10.

Hỏi: Trong địa thật có thủy v.v..., vì sao hành giả có thể quán chỉ là địa?

Đáp: Tập lâu quán này thường lấy địa tướng, về sau chỉ thấy địa mà không thấy vật gì khác.

Hỏi: Hành giả đã thấy địa tướng thật là địa không?

Đáp: Vì sức tín giải nên thấy là địa, kỳ thật không phải địa.

Hỏi: Nếu do sức biến hóa mà có, thì vật bị biến hoại không phải thật sao?

Đáp: Biến hóa là do sức định mà thành, nên thứ được làm ra đều thật, như ánh sáng, nước, lửa v.v....

Hỏi: Có luận sư nói vào nhất thiết xứ chỉ ở trong đệ tứ thiên. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu ở cõi Dục và trong tam thiên thì có lỗi gì? Hai nhất thiết xứ sau đều ở tự địa. Mười pháp này đều là hữu lậu, vì không phá hoại được cảnh duyên.

Hỏi: Tướng hư không không phá hoại sắc sao?

Đáp: Hành giả cũng nhờ tín giải lấy không tướng trong mắt mũi v.v... làm tướng trống không, chứ không thể trực tiếp phá được thật sắc. Cho nên cũng gọi là tín giải.

Hỏi: Trong kinh nói người vào định nhất thiết địa nghĩ địa tức là ngã, ngã tức là địa. Vì sao khởi nghĩ như vậy?

Đáp: Hành giả nhận thấy tâm đầy khắp nên mới sinh ý nghĩ tất cả là ngã này.

Hỏi: Có người nói định này chỉ duyên địa hệ thuộc cõi Dục. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu duyên tất cả địa hệ thuộc 2 cõi Dục, Sắc v.v... có lỗi gì? Giả sử định này lại duyên các pháp khác lại có lỗi gì?

Lại định này là tín giải quán duyên hư vọng, không có địa không hư v.v....

Hỏi: Đệ tử Phật cũng quán địa v.v... Việc đó thế nào?

Đáp: Học nhân nếu quán đều vì để phá hoại.

Hỏi: Thật không phải tất cả đều là địa v.v.... Làm sao định này không phải điên đảo?

Đáp: Trong quán này có phần si, vì trong quán này khởi ngã kiến. Quán bất tịnh v.v... tuy không phải chân thật, nhưng tùy thuận ly dục. Quán này không như vậy, nên có phần si.

Hỏi: Vì sao không quán thụ v.v... vô biên, mà chỉ quán thức ư?

Đáp: Có thể lấy là địa v.v..., lấy là thức. Cho nên thấy thức, mà không thấy thụ.

Lại như trước đã nói thụ v.v... đều là sai biệt của tâm.

Lại hành giả không thấy thụ v.v... đầy khắp, vì không phải tất cả chỗ thụ khổ vui. Đệ tử Phật nếu tu định này là vì phá hoại cảnh duyên. Bởi vì sao? Vì cảnh duyên đó là chỗ tham đắm của hành giả. Nếu không phá hoại thì đồng với phạm phu.

Phẩm 173: MUỖI TƯỚNG VÔ THƯỜNG TƯỚNG

Mười tướng là vô thường tướng, khô tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, bất tịnh tướng, tử tướng, dứt tướng, ly tướng và diệt tướng.

Vô thường tướng là trong pháp vô thường biết chắc là vô thường.

Hỏi: Vì sao tất cả vô thường?

Đáp: Tất cả pháp đó đều từ nhân duyên sinh. Nhân duyên hoại nên đều quy về vô thường.

Hỏi: Không phải vậy. Có pháp tuy từ duyên sinh, mà không phải vô thường. Như kinh ngoại đạo nói ai lập 3 đền thờ được sinh về nơi thường còn?

Lại thân trời Phạm Thế là thường còn?

Đáp: Thì trong pháp của ông cũng nói Thích Đề Hoàn Nhân có thể làm trăm ngôi đền cũng bị thoái đọa đó sao?.

Lại trong bài kệ nói: Có nhiều các Đế Thích v.v..., tạo lập hơn trăm ngàn ngôi đền, v.v... đều vô thường hết. Trăm ngàn đền thờ còn không tồn tại, cho nên biết 3 đền cũng chẳng thường còn!

Lại Thích Đề Hoàn Nhân và các Thiên Vương, thân phần cũng hết. Cho nên pháp do duyên sinh không gì có thể thường còn được.

Lại trong pháp của ông lấy sách Vi-đà làm quý. Trong Vi-đà nói do trí tuệ nên được phép bất tử. Như nói: Thấy sắc mặt trời đại nhân quá hơn nơi thế tính. Trước tùy thuận ý người này, có thể được đạo bất tử, mà không có đạo nào khác. Tiểu nhân có thần nhỏ, đại nhân có thần lớn thường ở trong thân. Nếu người nào không biết tướng thần đó thì dẫu có đọc tụng kinh Vi-đà v.v... cũng không ích gì. Vì trong pháp của ông nói Phạm Vương cũng thường thờ tự, trì giới, làm các công đức. Nếu biết thân thường, cần chi phải làm phúc?

Lại nghe trong kinh của ông nói các vị Phạm Vương có ác dâm dục. Nếu có dâm dục ắt có sân v.v... tất cả phiền não. Nếu có phiền não ắt có tội nghiệp. Như vậy người tội làm sao có thể được thường giải thoát.

Lại không phải tất cả thần tiên đều thờ trời, cũng không phải tất cả tu hành theo đạo Phạm Thiên. Nếu đó là thường thì tất cả phải đều thờ đều tu theo.

Lại tất cả vạn vật v.v... đều vô thường. Bởi vì sao? Vì nếu khi đại kiếp tận diệt thì đất nước gió lửa trở lại không còn nữa.

Lại thời gian vẫn chuyển như bánh xe, nên biết vô thường.

Lại thành tựu giới định tuệ v.v... vô lượng công đức, các vị Đại Thánh nhân, Phật Định Quang v.v... và Bích-chi-phật, Ma-ha-tam-ma-già v.v..., các vị vương kiếp sơ, v.v... đều vô thường thì đâu có vật gì là thường!

Lại Phật tự nói tất cả sinh pháp đều định tướng vô thường. Như trong Kinh Nguru Phán nói: Phật lấy một ít phân bò cho các Tì-kheo xem mà rằng không có sắc gì thường định không biến đổi. Trong kinh này nói rộng quả báo của các vua Thích, Phạm, Chuyển luân, cũng sẽ hết. Cho nên biết tất cả vô thường.

Lại tất cả tuổi thọ của 3 cõi đều có hạn lượng. Thọ mạng một kiếp trong địa ngục A-tì bằng thọ mạng nửa kiếp trong địa ngục Tăng-già-đà. Ngoài ra hoặc nhiều hoặc ít. Loài rồng v.v... tối đa cũng thọ một kiếp. Nga quý tối đa thọ 7 vạn năm. Phát-vu-đãi thọ 250 năm. Câu-da-ni thọ 500 năm. Uất-đan-việt định thọ ngàn năm. Diêm-phù-đề thọ hoặc vô lượng kiếp, hoặc thọ 10 tuổi. Trời Tứ Thiên Vương thọ 500 năm, cho đến cõi Hữu Đảnh thọ 8 vạn kiếp. Cho nên biết tất cả 3 cõi đều vô thường.

Lại lấy 3 thứ tín tin biết vô thường. Trong hiện thấy không có pháp thường còn. Trong lời Thánh nhân đã nói cũng không có pháp thường còn. Và trong so sánh biết cũng không có thường vì cần phải trước hiện thấy sau mới so sánh biết.

Lại nếu có chỗ thường, có đâu người trí diệt tất cả pháp để cầu giải thoát? Ai không muốn cùng người mình yêu thương ở cùng nhau

chung hưởng khoái lạc? Mà thật người trí đều cầu giải thoát. Cho nên biết sinh pháp không thường còn được.

Lại còn phải nói tất cả sinh pháp đều niệm niệm diệt, còn không tạm ngừng huống chi thường còn được.

Hỏi: Tu tưởng vô thường có thể làm xong việc gì?

Đáp: Có thể phá phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu vô thường tưởng, phá được tất cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm, trạo, mạn, vô minh.

Hỏi: Không phải vậy. Tưởng vô thường này lại càng tăng tham dục, như người biết tuổi trẻ không được bao lâu, nên rất tham đắm dâm dục. Biết hoa đẹp không tươi mãi, thì gấp dùng cho bằng thích. Biết sắc đẹp kia không phải của mình thường có, thì càng mau tăng dâm dục. Như vậy tùy theo biết vô thường, mà sinh tham đắm. Cho nên tưởng vô thường không thể phá được tham dục.

Cũng có người vì biết vô thường nên mới làm việc sát hại v.v.... Và cho đến loài súc sinh đều biết vô thường, mà cũng không thể phá các phiền não. Cho nên tu tưởng vô thường không lợi ích gì cả?

Đáp: Bởi vô thường nên mới sinh khổ ly biệt, khổ vì mất tuổi xuân xanh, sự an vui, tuổi thọ và sự giàu sang. Người trí do đó không sinh tâm vui mừng. Không tâm vui mừng nên không sinh lòng tham. Bởi thụ nên ái. Thụ diệt thì ái cũng diệt theo. Cho nên biết tưởng vô thường có thể dứt tham dục.

Lại nếu pháp vô thường tức là vô ngã thì hành giả có thể quán vô thường vô ngã thì không sinh ngã tâm. Không ngã tâm nên không ngã sở. Ngã và ngã sở không có, thì tham dục cái gì?

Lại người tu tập vô thường tưởng, đối với thân mình thân người, thấy diệt chết trong từng mỗi niệm, làm sao sinh tham?

Lại hành giả sở cầu điều gì đều vô thường bại hoại, tức đã bị lừa gạt cho nên không sinh tham đắm.

Lại chúng sinh không ưa việc không bền chắc, như người không thích đồ vật hư cũ. Cũng như một cô gái biết chàng trai nào đó chỉ sống được không hơn 7 ngày nữa, thì dù là trẻ tuổi, đẹp trai, sang trọng, có thể lực, cũng chẳng ai màng đến. Người này chính nhờ tưởng vô thường nên không sinh tham đắm.

Lại người trí thường tập tưởng ly biệt, nên không ưa hòa hợp. Bởi vì sao? Vì người trí thường lo nghĩ cái khổ thoát lui v.v.... Cho đến dục lạc cõi trời cũng không sinh tham, chỉ cầu giải thoát.

Ông nói vô thường làm tăng thêm tham dục, điều này không đúng. Nếu người chưa dứt ngã mạn, thấy ngoại vật vô thường mới sinh buồn rầu, vì mất chỗ yêu mến tiếc thương nên sinh tham cầu. Người phạm phu này trừ bỏ dục lạc, lại không biết lìa khổ, giống như đứa con nít bị mẹ đánh, trở lại chui vào lòng mẹ. Người trí biết còn nhân khổ, là còn khổ không thể dứt, nên lìa bỏ nhân khổ, như 5 ấm.

Lại hành giả này xé rách nội ấm, được tâm vô ngã, dù mất ngoại vật không sinh buồn rầu. Người đó được vô ngã lại cầu tìm gì nữa. Người tu tưởng vô thường cũng không có gì để cầu.

Lại tưởng vô thường này, nếu chưa có thể sinh tưởng khổ, vô ngã, thì không gọi là đầy đủ có thể phá diệt phiền não. Nên trong kinh nói: Phải nhất tâm chính quán 5 ấm vô thường. Nếu không phá hủy nội ấm, thấy ngoại vật vô thường, vì còn có ngã tâm nên sinh buồn rầu, đó không gọi là chính quán.

Lại người tuy thấy vô thường, mà không sinh chán lìa như kẻ hàng thịt, thợ săn v.v..., tuy biết vô thường mà không gọi là người khéo tu tập.

Lại người tuy có thể chính quán mà không thể thường siêng tu tập thì lòng tham xen lẫn, nên phải nói nhất tâm.

Lại người ít tu vô thường, mà nhiều phiền não thì không thể phá diệt được, như thuốc ít mà bệnh nhiều. Điều này cũng như vậy, cho nên mới nói nhất tâm chính quán vô thường có thể phá phiền não.

Lại biết pháp vô thường, mới gọi là chân trí tuệ, trong chân trí tuệ không có tham v.v... các phiền não. Bởi vì sao? Vì nhân duyên vô minh nên có tham v.v... Phải biết vô thường không phải tăng thêm tham dục.

Lại tướng vô thường có thể diệt tất cả phiền não. Hành giả, nếu biết vật đó vô thường thì không có tham.

Lại biết người này ắt rồi cũng sẽ chết, nổi giận làm gì. Có đâu người đại trí lại giận người sắp chết.

Lại nếu pháp vô thường, lẽ đâu lấy đó mà sinh tâm cao ngạo.

Lại biết các pháp là tính vô thường thì không sinh si. Vì không si nên cũng không nghi v.v.... Cho nên biết vô thường trái với các phiền não.

Phẩm 174: TƯỚNG CỦA KHỔ

Nếu pháp xâm hại đó gọi là khổ thì khổ này có 3 thứ là khổ khổ, hoại khổ, và hành khổ. Hiện tại thật khổ như là dao gậy v.v..., gọi là khổ khổ. Nếu khi tình yêu thương chia lìa sinh khổ như vợ con v.v..., gọi là hoại khổ. Nếu được trí không vô ngã, biết pháp hữu vi đều có thể xâm hại, gọi là hành khổ. Tùy khổ tâm đó gọi là khổ tướng.

Hỏi: Nếu tu khổ tướng được những lợi gì?

Đáp: Khổ tướng này có quả chán lìa. Bởi vì sao? Vì người tu khổ tướng không nương tham hỷ. Vì không có hỷ này nên không có ái.

Lại hành giả nếu biết được pháp đó là khổ thì không thụ các hành. Nếu pháp tuy vô thường vô ngã mà không thể sinh khổ thì quyết không bỏ. Vì khổ nên bỏ, vì bỏ khổ nên với khổ được thoát.

Lại tất cả chúng sinh chỗ rất sợ là khổ. Nếu thiếu, trảng, lão niên, hiền ngu, sang hèn biết tướng khổ này đều sinh chán lìa. Tất cả người tu hành đối với Nê-hoàn có thể sinh tâm yên ổn tịch diệt, đều ở trong sinh tử sinh khổ tướng. Làm sao biết được? Vì nếu chúng sinh bị khổ hệ thuộc cõi Dục làm sao nào hại, thì đối với sơ thiên sinh tướng tịch diệt. Như vậy lần lượt cho đến bị khổ cõi Hữu Đảnh nào hại, thì đối với Nê-hoàn sinh tướng tịch diệt.

Lại trong sinh tử có bao nhiêu tội lỗi đều là khổ. Như trong kinh nói: Lỗi trong các sắc đó là tướng khổ của sắc vô thường bại hoại.

Lại bởi vô minh nên tham đắm khổ này. Vì sao biết được? Vì chúng sinh ở trong thật khổ mà sinh tướng vui. Nếu sinh tướng rất khổ thì sẽ chán lìa. Cho nên Phật nói: Ta giác ngộ được khổ nên mới nói chân lý của sự khổ. Trong đó Phật nhân thế đế mà chỉ dạy nghĩa như vậy. Tùy theo tất cả chỗ mà trời, người, thế gian sinh tướng vui, thì đệ tử ta trong đó sinh tướng khổ. Sinh tướng khổ rồi mới có thể chán lìa.

Lại chỗ rất ngu si là trong khổ mà sinh tướng vui. Vì tướng này nên tất cả chúng sinh qua lại sinh tử, tâm thức nào loạn. Nếu có thể tướng khổ thì được giải thoát.

Lại vì 4 lối ăn nên khiến có thân sau. Dùng tướng khổ này dứt được các cách ăn kia, như ăn thịt con, như ăn bò không da, như ăn đồng lửa, như ăn trăm mũi giáo nhọn. Trong 4 cách ăn như vậy đều là nghĩa khổ. Nhờ tướng khổ này có thể dứt các cách ăn.

Lại người tu tướng khổ, ý không ưa trụ trong 4 thức xứ, vì đều thấy là khổ. Như con bướm si mê lao vào ngọn lửa vì tưởng là sung sướng. Người trí biết lửa có thể thiêu đốt nên tránh xa. Phạm phu cũng như vậy, vì vô minh si mê nên gieo mình thân sau vào lửa. Người trí do tướng khổ nên có thể được giải thoát.

Lại tất cả 3 cõi đều là khổ, là nhân duyên của khổ. Trong đó khổ thụ là khổ, có thể sinh khổ thụ là nhân duyên của khổ. Tuy

không khổ ngay, nhưng lâu sau chắc chắn bị khổ, cho nên phải quán thế gian tất cả đều là khổ, sinh tâm chán lìa, không thụ các pháp, thì được giải thoát.

Phẩm 175: TƯỚNG VÔ NGÃ

Hành giả thấy tất cả pháp đều là tướng phá hoại. Như chấp sắc là ngã, khi sắc đó bại hoại thì biết là tướng bại hoại, vậy thì lìa ngã tâm, thụ v.v... cũng như vậy. Như người bị nước từ trên núi cuốn trôi, chộp nắm được vật gì đều bị gãy vượt trôi đứt mất. Hành giả cũng như vậy, chấp vật làm ngã, thấy vật đó hoại thì biết ngay là vô ngã. Cho nên ở trong vô ngã, tu tướng vô ngã.

Hỏi: Tu tướng vô ngã được những lợi gì?

Đáp: Tu tướng vô ngã mới có thể đủ các tướng về khổ. Phàm phu vì tướng ngã nên ở trong thật khổ mà không thấy được cái khổ. Dùng tướng vô ngã nên ở trong một chút khổ cũng đã biết sự não hại của khổ.

Lại ở trong tướng vô ngã nên có thể tu tâm xả. Bởi vì sao? Vì tướng ngã nên lo sợ mất ngã vĩnh viễn. Nếu có thể thật biết thì chỉ mất khổ, không có ngã có thể mất thì có thể tu xả.

Lại do tướng vô ngã nên có thể được thường lạc. Bởi vì sao? Vì tất cả vô thường, trong đó, nếu sinh tâm ngã và ngã sở, thì bảo là ngã sẽ không có, và ngã sở cũng không có, là thường có khổ. Nếu khởi nghĩ như vậy: Không có ngã và ngã sở, thì khi các pháp bại hoại không sinh đau khổ.

Lại hành giả nhờ tướng vô ngã nên tâm được thanh tịnh. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do ngã kiến sinh. Bởi cho rằng điều này có ích lợi cho ta, nên sinh tham dục, trái lại điều này có tổn hại cho ta, nên sinh giận dữ, vì cho đó là ngã, tức sinh kiêu mạn. Sau khi mạng

ta chết sẽ làm hay không làm? Liền sinh nghi kiến. Những lỗi như vậy đều do ngã nên khởi các phiền não. Chứ dùng tướng vô ngã thì các phiền não kia dứt. Dứt phiền não nên tâm được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, nên mới có thể bình đẳng với vàng đá, chiêm đàn dao búa, ngợi khen mắng nhiếc, tâm lìa ghét thương, yên ổn tịch diệt. Cho nên biết người tướng vô ngã, tâm được thanh tịnh.

Lại trừ tướng vô ngã, không còn con đường nào khác có thể được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người nói có ngã, nếu khi biết không ngã và không ngã sở hữu, thì khi tâm có thể quyết định như vậy, liền được giải thoát.

Hỏi: Không phải vậy. Hoặc bởi tướng vô ngã lại sinh tâm tham, như tham nữ sắc, là vì không phải bà con với ta. Do đó tùy theo bởi không phải ngã, có thể nhóm tội phúc. Bởi vì sao? Vì tự mình làm tổn hại hay ích lợi cho bản thân, đâu có tội phúc?

Đáp: Người có ngã tâm có thể sinh tham dục. Với tự thân sinh tướng nam, với thân người kia sinh tướng nữ, rồi tham đắm.

Lại tham đắm khởi đều do giả danh. Tướng người kia tức là giả danh. Cho nên không phải vô ngã mà sinh tâm tham.

Lại người tâm vô ngã không nhóm các nghiệp. Như A-la-hán dứt ngã tướng nên không nhóm các nghiệp. Tướng vô ngã này có thể dứt tất cả phiền não và nghiệp, cho nên cần phải tu tập.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 14

Phẩm 176: TƯỞNG CHÁN ĂN

Tất cả khổ sinh đều bởi tham ăn. Cũng bởi ăn nên giúp phát sinh dâm dục. Ở trong cõi Dục có bao nhiêu thứ khổ đều bởi ăn uống dâm dục sinh ra. Dứt tham ăn nên phải tu tưởng nhằm chán.

Lại như chúng sinh ở thời kỳ kiếp sơ, từ trên trời đến hóa sinh nơi đây, thân có ánh sáng, bay đi tự tại. Bắt đầu ăn vị đất. Người nào ăn nhiều, liền mất oai lực của ánh sáng. Như vậy dần dần có già đau chết. Đến ngày nay sống chỉ trăm tuổi, nhiều các khổ não. Bởi đều tham ăn nên mất các lợi trên. Cho nên phải quán đúng đắn việc ăn uống.

Lại tham đắm ăn uống nên sinh dâm dục. Do dâm dục sinh các phiền não. Do các phiền não gây các nghiệp bất thiện. Do nghiệp bất thiện có thể tăng thêm 3 nẻo ác, mà giảm bớt chúng trời, người. Cho nên tất cả tổn hại khổ não đều bởi tham ăn.

Lại tưởng già đau chết đều bởi ăn uống.

Lại ăn là chỗ rất tham đắm. Dâm dục tuy nặng nhưng không hay não người, như người vì ăn. Hoặc thiếu tráng, lão niên, tại gia hay xuất gia không ai không vì cái ăn mà bị não hại.

Lại nên ăn cái ăn này mà tâm không đắm, đối với người chưa lìa dục đó là điều rất khó, như bị dao cắt, như uống thuốc độc, như

nuôi rắn độc. Cho nên Phật nói: Phải tu tập, lấy đó mà ăn, đừng để cái khổ tham ăn làm não hại. Có các ngoại đạo tu pháp nhịn ăn, cho nên Phật nói: Việc ăn này không phải nhịn mà lìa được, phải suy nghĩ mà ăn. Nếu chỉ nhịn ăn mà không hết phiền não, thì chết uổng vô ích. Cho nên Phật nói: Đối với việc ăn này nên sinh tưởng chán lìa, thì không các lỗi như trên.

Hỏi: Làm sao đối với việc ăn nên sinh tưởng chán lìa?

Đáp: Thể tính của ăn là bất tịnh. Cho dù ăn thức ăn thượng vị cũng đều là bất tịnh, cho nên phải sinh chán.

Lại như tất cả thức ăn uống thơm ngon tinh khiết, khi thành bất tịnh có thể lợi ích cho thân. Như dùng răng ngậm nhai ngấm nước miếng, trạng giống như đồ nôn mửa, nuốt xuống bao tử có thể lợi ích thân, cho nên biết bất tịnh.

Lại ăn uống này vì không biết nên ưa thích. Nếu người tuy ăn thức ăn ngon, nhưng nhở ra rồi không thể ăn lại được. Phải biết vì không biết nên cho là ngon đó thôi.

Lại vì nhân duyên ăn uống mà chịu bao nhiêu khổ nhọc làm lụng vất vả, chứa để giữ gìn. Do nhân duyên này gây vô lượng tội lỗi.

Lại có bao nhiêu đồ bất tịnh đều do ăn uống mà ra. Nếu không ăn uống thì đâu có da thịt máu xương và phân nhơ v.v... các vật bất tịnh?

Lại có bao nhiêu ác đạo như những loại trùng ở trong nhà xí, đều bởi tham đắm hương vị nên mới sinh vào trong đó. Như trong Phẩm nghiệp đã nói: Chúng sinh chết vì khát thì sinh làm loại trùng sống trong nước, chết nơi ồn ào sinh vào loại chim, chết vì tham đắm dục thì sinh trong bào thai v.v....

Lại nếu lìa ăn này thì được vui lớn như sinh về cõi Sắc và trong Nê-hoàn.

Lại tùy vì ăn nên mới có khổ cày cấy đó. Như vậy quán việc ăn uống là khổ bất tịnh, cho nên cần tu tướng nhằm chán.

Phẩm 177: TƯỚNG TẮT CẢ THẾ GIAN KHÔNG GÌ CÓ THỂ VUI

Hành giả thấy tất cả thế gian đều khổ nên tâm không chút vui.

Lại hành giả này tu định ly hỷ: như vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, thực yếm tướng, tử tướng v.v..., nên tâm không vui tất cả những gì của thế gian.

Lại người này thấy những gì mình yêu thích thì tăng thêm tham dục, thấy những gì mình ghét thì tăng thêm giận dữ, cho nên đều không vui.

Lại thấy người giàu sang thì có cái khổ bảo vệ, thấy những người nghèo cùng có cái khổ thiếu thốn v.v....

Lại thấy người ở chỗ tốt sẽ đọa chỗ xấu, thấy người ở chỗ xấu đang chịu các khổ.

Lại thấy người giàu sang hiện tại biết chắc sẽ đọa lạc, vì đó cũng là chỗ mà các tham sân phiền não tụ hội. Còn những người nghèo cùng hiện biết không có cơ hội có thể ra được. Cho nên không tham vui tất cả thế gian.

Lại ít có chúng sinh được sinh chỗ tốt, phần nhiều đọa ác đạo, như trong kinh nói: Ít sinh chỗ tốt, nhiều sinh chỗ xấu, thấy lỗi đó rồi, chỉ cầu Nê-hoàn.

Lại người này thấy lỗi tham v.v... các phiền não thường đeo bám chúng sinh như người thù oán rình giết người, được cơ hội là hạ thủ ngay. Sống trong giặc thù đó làm sao vui được?

Lại thấy do phiền não sinh nghiệp bất thiện, nghiệp quả bất thiện thường đuổi theo, quyết không thoát được. Như trong kinh nói:

Nếu người tạo ác nghiệp nay tạo, đã tạo và sẽ tạo, thì cho dù bay lên hư không, quyết không thể giải thoát. Cho nên không vui.

Lại nữa, sinh v.v... 8 khổ còn theo người có phúc hưởng là người vô phúc? Như vậy làm sao vui với thế gian.

Lại như hòm rắn độc, 5 tên giặc rút dao, giặc phá tan làng xóm. Các khổ ở bờ bên này thường theo chúng sinh làm sao vui được?

Lại như bị trôi trong sông nước mặn của ái dục. Khổ 5 dục như mũi nhọn tầm độc, vô minh đen tối, và trong hầm lửa, thường bám theo chúng sinh, thì làm sao vui được!

Lại hành giả biết vui yên ổn ít, mà khổ não nhiều. Bởi vì sao? Vì thấy các thế gian ngày tốt, hội vui, cây rừng hoa quả sum sê tươi tốt, đất nước yên vui không được bao lâu, hoan lạc ít, mà chịu khổ thì nhiều. Cho nên không vui được với tất cả thế gian.

Hỏi: Với tướng này, tu tập được những lợi gì?

Đáp: Có thể đối với tất cả tướng thế gian tâm không tham đắm.

Lại nhờ tu tướng này nên mau được giải thoát, không còn ở lâu trong sinh tử nữa.

Lại hành giả này được lợi ích trí tuệ, vì thường học tập tất cả hành tướng tội lỗi.

Lại tâm người này không sinh phiền não, nếu sinh cũng mau diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng. Hành giả do không vui thế gian, nên rất ưa thích tịch diệt. Nếu không chán thế gian thì không thể ưa tịch diệt. Cho nên phải tu tập tướng tất cả thế gian là không có gì đáng vui.

Phẩm 178: TƯỚNG BẤT TỊNH

Hỏi: Tu tướng bất tịnh như thế nào?

Đáp: Hành giả thấy hạt giống của thân là bất tịnh. Nghĩa là từ đường bất tịnh của cha mẹ sinh 2 giọt đỏ và trắng hòa hợp.

Lại thân này do vật bất tịnh mà thành. Đó là thức ăn vừa nát thành chất nhão lỏng.

Lại sinh ở chỗ bất tịnh là trong thai mẹ đầy nhầy bất tịnh.

Lại phân như v.v... các vật bất tịnh hợp lại mà làm thân, 9 lỗ nơi thân thường chảy bất tịnh.

Lại chỗ đặt mình là chỗ không tốt không sạch.

Lại ăn uống áo mặc đắp trên thân người đều thành bất tịnh, bị người nhìn ngắm.

Lại vật dùng cho thân này đều là bất tịnh, như nước tắm gội, hoặc bồn tắm v.v....

Lại từ thân sinh ra móng, tóc, mồ hôi, mũi dãi v.v... đều là bất tịnh.

Lại thấy thân chết thật là bất tịnh, thì thân ta đây khi chết đâu có khác gì? Phải biết xưa nay thường là bất tịnh. Khi sống chỉ vì ngã tâm che lấp, cho đó là tịnh, mà khi chạm thân người chết, cho đó là bất tịnh, mà tóc móng v.v... là các vật thường chết, nhiều loại trùng chết cũng thường ở trong thân. Cho nên biết thân này xưa nay bất tịnh.

Lại loài bất tịnh như rận rệp ruồi muỗi v.v... các loại trùng chết cũng thường chạm đến thân. Cho nên biết bất tịnh.

Lại thân này giống như nhà xí thường đầy bất tịnh, do đó nên trong nhà xí sinh hàng ngàn thứ trùng, thân này cũng như vậy.

Lại thân này như mồ mả. Bởi vì sao? Vì chỗ đặt thân chết nên gọi là mả. Thân này cũng có nhiều trùng chết đang nằm trong đó.

Lại thân này hay tạo ra bất tịnh, như chỗ sạch, hoa tươi, quần áo, chuỗi anh lạc v.v..., do thân này nên đều bị bất tịnh.

Lại các người Bà-la-môn không ăn ở những nhà đang có người chết và người sinh đẻ, vì cho là bất tịnh. Mà ở trong thân này có hàng ngàn vạn thứ trùng thường sinh đẻ thường chết, thì không nên theo nó mà thụ ăn uống. Cho nên biết là bất tịnh.

Lại chỗ bất tịnh trên đời là lao ngục. Thân này là lao ngục nhốt hàng ngàn loại trùng, nên gọi bất tịnh.

Lại thân này thường phải tắm gội, nếu nói là sạch cần gì tắm gội?

Lại dùng hoa đẹp hương thơm, chuỗi anh lạc trang sức cho thân này, phải biết thân này thể tính bất tịnh, nên mới nhờ tịnh vật bên ngoài để trang điểm.

Lại thân người rất là bất tịnh, như da, lông, móng, răng, gân, xương, thịt, nếu có cần dùng, thì thân người không một thứ nào có thể lấy, vì là bất tịnh.

Lại như hoa sen như Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... từ chỗ bất tịnh sinh, nên gọi bất tịnh, thân này không như vậy, không bởi các vật khác khiến nó bất tịnh, mà chính là tính nó bất tịnh.

Lại nếu thân này là sạch, thì cần gì dùng áo quần che đậy? Như người lấy áo che đậy đóng đại tiểu tiện để dối gạt người khác. Nữ nhân cũng như vậy, dùng đồ phục sức che đậy tắm thân để dối gạt nam tử, trái lại nam tử cũng làm như vậy. Phải biết là bất tịnh.

Lại khắp cả thân này thường chảy ra bất tịnh. Đó là 9 lỗ cửa ngõ của bất tịnh và các lỗ chân lông không một chút sạch. Nên biết bất tịnh.

Hỏi: Tu tưởng bất tịnh được những lợi gì?

Đáp: Bởi tưởng rằng nam nữ là sạch nên khởi tham dục, từ tham dục đó mở các cửa tội lỗi. Tu tưởng bất tịnh thì có thể chế phục tham dục. Bởi vì sao? Vì thân này đều là hôi thối bất tịnh, chỉ lớp da mỏng che khuất nên không biết được, tựa như lấy áo che đậy bất tịnh. Ai ưa sạch sẽ thì hãy tránh xa!

Lại người hành giả này, nhờ tướng xanh bầm v.v... mà phá hoại tất cả chấp thân. Vì phá chấp thân này nên không sinh tham dục.

Lại cũng chỉ hiện thấy các sắc xanh bầm.

Hỏi: Như thật chưa xanh, vì sao thấy xanh?

Đáp: Hành giả nhờ sức tín giải lấy tướng xanh này thấy tất cả sắc đều xanh bầm.

Hỏi: Quán như vậy chẳng phải là điên đảo sao?

Đáp: Trong thân này có phần xanh bầm. Như trong kinh nói trong nước có tính sạch.

Lại thường tu tập tướng xanh bầm nên có thể thắng các sắc khác, như ánh sáng viên ngọc xanh có thể làm át sắc trắng. Như vậy tập lâu tướng xanh bầm v.v... thì tướng bất tịnh đầy đủ. Bất tịnh đầy đủ thì không khởi dâm dục. Không khởi dâm dục thì đóng bít các cửa tội lỗi, tùy thuận Nê-hoàn. Tu tướng bất tịnh được lợi như vậy.

Phẩm 179: TƯỚNG VỀ SỰ CHẾT

Hành giả vì tưởng về sự chết thì đối với thọ mạng tâm không quyết định, cho nên phải tu tập.

Lại người này thường rất ưa thích pháp thiện, trừ dứt bất thiện. Bởi vì sao? Vì chúng sinh phần nhiều quên cái chết, nên mới khởi nghiệp bất thiện, nếu nghĩ nhớ cái chết thì có thể trừ dứt.

Lại thường nhớ đến cái chết, nên đối với cha mẹ, anh em, chị em, bà con, láng giềng, bè bạn v.v..., mong bớt sự tham ái.

Lại tu tập tưởng đến cái chết thì được tự lợi. Nghĩa là có thể nhất tâm tu tập các pháp thiện, chúng sinh thế gian nhiều vui lợi tha mà bỏ tự lợi.

Lại người này có thể mau được giải thoát. Bởi vì sao? Vì người thường theo qua lại trong thế gian nên có chết chóc, người này chán sự chết chóc nên cầu giải thoát.

Hỏi: Nên tu tưởng về sự chết như thế nào?

Đáp: Như trước đã nói chung tất cả vô thường. Nay chỉ nói quán thân vô thường. Dứt âm luôn nối nhau gọi là chết. Tưởng thân này vô thường hơn cả sự vật bên ngoài, giống như bình chén không có tướng bền chắc. Hành giả quán thân mong manh hơn các vật kia. Bởi vì sao? Vì bình chén kia, nếu gia tâm giữ gìn hoặc có thể còn lâu dài, còn thân này có lâu lắm cũng không hơn trăm năm. Vì không bền chắc cho nên phải nghĩ nhớ tưởng đến cái chết.

Lại thân này có nhiều pháp làm hại như là dao, gậy, mũi nhọn, giặc thù, hầm hố, ăn uống không tiêu hóa, các chứng bệnh lạnh, nóng, gió. Tóm tắt mà quan sát tất cả chúng sinh và vật phi chúng sinh, đều là pháp trái hại của thân. Cho nên phải tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy thân, trong mỗi niệm thường là tướng hư hoại không bảo đảm được một niệm, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả hiện thấy tuổi trẻ, tuổi già, có bệnh, không bệnh, không ai có thể đuổi cái chết đi được, mới tự nghĩ thân mình rồi cũng sẽ có ngày như vậy. Cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả thấy có nghiệp báo bất định, không phải tất cả nghiệp đều chịu hết trong khoảng tuổi thọ trăm năm. Vì nghiệp bất định nên cái chết cũng đến không nhất định. Cho nên phải nghĩ nhớ sự chết.

Lại trong vô thủy sinh tử có vô lượng nghiệp. Có những nghiệp có thể làm hại các nghiệp khác. Ta cũng có thể có nghiệp chết phi thời, thì làm sao tin chắc được mạng sống này ư?

Lại hành giả thấy cái chết nó có thể lực lớn, không thể dùng lời mềm mỏng dụ dỗ, hay dôi gạt bằng của cải, hoặc theo đuổi tranh tụng mà thoát được, như núi đá lớn từ 4 phía áp đến không chỗ chôn tránh.

Hỏi: Nếu ai có thể khiến vua Diêm Vương hoan hỷ thì được thoát chết?

Đáp: Nói vậy là ngu si. Diêm Vương không có quyền tự do sinh sát, mà chỉ có thể khảo xét việc làm thiện hay ác mà thôi. Nếu thụ báo hết, lại bị nhân duyên hại thân thì chết. Cho nên hành giả thấy thân không chỗ nương nhờ và cầu cứu, ở trong con đường chết, cho nên nghĩ nhớ tưởng về sự chết.

Lại hành giả thường thấy thân này bị già bệnh làm khổ não, tính không bền chắc. Vì không có tính bền chắc, và niệm niệm sinh diệt nối nhau, vì nghiệp thức trôi buộc, cho nên tu tưởng về sự chết.

Lại hành giả này thấy chết là định mệnh, thì bất định ắt thắng, vì bất định nên tu tưởng về sự chết.

Hỏi: Vì sao không nói tưởng về già bệnh v.v... mà chỉ nói tưởng về sự chết?

Đáp: Già bệnh cướp người không thể cướp hết được. Bệnh tật cướp mất sự khỏe mạnh. Già nua cướp tuổi thanh xuân, mà dòng họ láng giềng của cải và thân vẫn còn. Còn cái chết thì cướp đi hết.

Lại già bệnh v.v... là nhân duyên của chết, nên không cần nói riêng.

Lại trong kinh nói chết là một sự tối tăm to lớn, không có ánh sáng và không ai cứu giúp, cũng không bè bạn, không chỗ nương cậy, là chỗ rất đáng sợ. Cho nên phải nghĩ đến cái chết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên chết nên khiếp sợ đời sau.

Lại trong 3 cõi tất cả đều có chết, mà già bệnh thì không như vậy.

Hỏi: Nếu không rời chúng sinh có tướng chết đó, chúng sinh tức là giả danh. Hành giả tu tập tướng này làm gì?

Đáp: Không hoại tướng chúng sinh là khiếp sợ đối với sự chết. Nếu tu tướng về sự chết thì không sinh kinh sợ, cho nên phải tu tập.

Lại tướng vô thường gọi là con đường gần. Còn tướng bất tịnh, tướng chán ăn và tướng về sự chết gọi là đường xa. Người chưa đắc đạo dùng các tướng này nên có thể chế phục được tâm.

Phẩm 180: BA TƯỚNG SAU

Tướng dứt là như trong 4 chính cần có nói: Vì muốn dứt pháp ác bất thiện đã sinh nên siêng năng tinh tiến. Các pháp ác bất thiện này là nhân duyên khổ não của địa ngục v.v..., và cũng là gốc các điều khổ của các tiếng tăm xấu ác và tâm ăn năn v.v.... Cho nên phải dứt.

Hỏi: Phải dứt bằng cách nào?

Đáp: Được pháp không tạo tác, bấy giờ là dứt.

Lại nghĩ nhớ tà là nhân tham dục v.v... các phiền não. Dứt sự nghĩ nhớ tà vậy đó là pháp dứt.

Hỏi: Tu tướng dứt này được những lợi ích gì?

Đáp: Người tu tướng này thường không theo pháp ác, mà làm những việc đáng làm.

Lại đây là lìa 8 nạn, làm thân người lợi, gọi là dứt phiền não.

Lại ưa dứt phiền não là mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, lợi người xuất gia. Nếu ai không như vậy thì luống uổng tự hủ thân.

Lại nếu hành giả ưa tu tướng dứt, thì dùng pháp cúng dường Phật.

Tướng lìa dục, tướng diệt, là nếu dục hết không sinh gọi là lìa dục. Nghĩ lìa dục này gọi là tướng lìa.

Hỏi: Nếu nói tướng dứt tức là tướng lia, sao còn nói lại?

Đáp: Do dứt được lia. Dứt là diệt trừ tham dục. Như trong kinh nói: Vì dứt tham dục nên 5 ấm dứt.

Lại tướng dứt là tướng lia dục. Bởi vì sao? Vì nếu với pháp này không tham gọi là dứt pháp đó. Cho nên nếu được lia dục, thì khổ não diệt. Như trong kinh nói: Người lia dục được giải thoát. Được giải thoát tức là dứt. Nếu vào được vô dư, đó gọi là diệt.

Lại trong kinh nói có 3 tính là tính dứt, tính lia dục và tính diệt. Nếu nói tính dứt, tính lia dục tức là A-la-hán, dứt tất cả phiền não, lia dục 3 cõi, trụ Nê-hoàn hữu dư. Nếu nói tính diệt tức lâm chung xả thọ mạng dứt ấm nối nhau vào Nê-hoàn vô dư.

Lại có 2 thứ giải thoát là tuệ giải thoát và tâm giải thoát. Nếu nói dứt tức là lia vô minh, nên tuệ được giải thoát. Nếu nói lia dục tức là lia tâm ái, được giải thoát. Quả của 2 giải thoát này gọi là diệt.

Lại nếu nói dứt tướng tức là nói dứt lậu vô minh. Nếu nói lia tướng dục tức là nói dứt dục lậu hữu lậu. Nếu nói tướng diệt tức là 2 quả này.

Lại như trong kinh nói: Dứt tất cả các hành nên gọi là dứt, lia tất cả các hành nên gọi là lia, diệt tất cả hành nên gọi là diệt. Vậy thì 3 pháp này nghĩa một mà tên khác nhau. Nếu tu tướng vô thường cho đến tướng diệt thì xong tất cả việc. Diệt các phiền não, dứt ấm kết nối nhau, vào Nê-hoàn vô dư.

Phẩm 181: NĂM ĐỊNH CỤ ĐẦU TRONG CÁC ĐỊNH CỤ

Hỏi: Ông trước nói đạo đế, gọi là định cụ và định. Đã nói định, nay cần phải nói định cụ. Bởi vì sao? Vì nếu có định cụ thì định mới thành, nếu không là không thành?

Đáp: Định cụ có tất cả 11 pháp: 1. Thanh tịnh trì giới. 2. Được thiện tri thức. 3. Giữ gìn căn môn. 4. Ăn uống có độ lượng. 5. Đầu

đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ. 6. Đầy đủ thiện giác. 7. Đầy đủ tín giải. 8. Đủ phân hành giả. 9. Đủ chỗ giải thoát. 10. Không bị chướng ngại. 11. Không chấp trước.

1. Thanh tịnh trì giới: Lìa nghiệp bất thiện gọi là trì giới. Nghiệp bất thiện như là sát, đạo, tà dâm, là 3 thân nghiệp. Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ là 4 khẩu nghiệp. Xa lìa tội này gọi là trì giới.

Lại lễ kính đưa rước, và cúng dường v.v..., tu hành các pháp thiện cũng gọi là giới. Vì giới có thể làm nhân cho định cho nên phải thụ trì. Bởi vì sao? Vì như gia công vàng, trước trừ chỗ thô bản. Như vậy trước lấy trì giới trừ lỗi lớn là phá giới, sau mới lấy định v.v... trừ các lỗi nhỏ. Bởi vì sao? Vì nếu không trì giới thì không có thiền định. Nhờ nhân duyên trì giới thiền định dễ thành. Như trong kinh nói: Giới là gốc đạo và cũng là bậc thang tốt.

Lại nói: Giới là cái xe đầu tiên, nếu không lên xe đầu làm sao lên được xe thứ hai v.v....

Lại nói: Giới là đất bằng; đứng nơi đất bằng này quan sát được 4 đế.

Lại nói: Hai sức là sức nghĩ và sức tu. Sức nghĩ tức là trì giới, sức tu là đạo. Trước suy nghĩ so lường tội lỗi phá giới, lợi ích trì giới nên mới có thể trì giới. Sau khi đắc đạo tự nhiên lìa ác.

Lại nói: Giới là rễ cây Bồ-đề, mà không rễ là không cây. Nên phải có tịnh giới.

Lại pháp là phải như vậy. Nếu không trì giới thì không thiền định, giống như liệu pháp trị bệnh, phải dùng như vậy trị bệnh phiền não, nếu không trì giới thì chỉ liệu pháp thôi không đủ.

Lại nói người trì tịnh giới thì tâm không ăn năn, cho đến lìa dục tâm được giải thoát, các công đức này đều do trì giới, nên gọi định cụ.

Lại có nghiệp chướng, phiền não chướng. Quả 2 thứ chướng này gọi là báo chướng. Nếu trì tịnh giới thì không có 3 chướng này. Nếu tâm không có chướng thì có thể thành định.

Lại người tịnh trì giới không bại hoại, ắt đến Nê-hoàn, như gỗ trôi trong dòng sông Hằng.

Lại tịnh trì giới nên có thể an lập. Trì giới có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi thân miệng. Thiên định có thể ngăn nghiệp bất thiện nơi ý. Ngăn các phiền não như vậy, được trí thật chân trí thì rất ráo dứt trừ.

Lại lâu dài của đạo phẩm lấy giới làm trụ cột. Thành trì của tâm thiên định lấy giới làm tường thành chung quanh. Qua biển sinh tử lấy giới làm cầu. Vào trong đám đông người thiện lấy giới làm dấu tin. Ruộng 8 Thánh đạo lấy giới làm bờ. Nếu ruộng không bờ không giữ nước. Cũng như vậy, nếu không tịnh giới nước định không giữ được.

Hỏi: Sao gọi là tịnh trì giới?

Đáp: Nếu hành giả thâm tâm không ưa làm ác, khiếp sợ đời sau và tiếng xấu, gọi là tịnh trì giới.

Lại hành giả đem tịnh tâm nên trì giới thanh tịnh. Như trong Kinh Thất Dâm Dục nói: Thân tuy không phạm, mà tâm không tịnh nên giới không tịnh.

Lại nhân duyên phá giới là các phiền não, nếu có thể chế phục là trì giới được tịnh.

Lại Thanh Văn trì giới chỉ vì Nê-hoàn; người cầu Phật đạo đem lòng đại bi vì tất cả chúng sinh không chấp giới tướng, có thể khiến giới đó, như tính Bồ-đề. Trì giới như vậy gọi là thanh tịnh.

2. Thiện tri thức: Trong kinh nói do 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là một theo người nghe pháp, hai tự nghĩ nhớ đúng đắn pháp đã được nghe. Đó gọi là thiện tri thức.

Hỏi: Nếu vậy, sao chỉ nói thiện tri thức?

Đáp: Trong kinh nói: A-nan hỏi Phật: Con ngồi yên một nơi, suy nghĩ như vậy: Gặp được thiện tri thức là được nửa phần nhân duyên đắc đạo? Phật bảo đừng nói như vậy. Thiện tri thức là nhân duyên đắc đạo đầy đủ. Bởi vì sao? Vì chúng sinh sinh lão bệnh tử được ta làm thiện tri thức, thì đều được giải thoát sinh lão bệnh tử.

Lại chúng sinh nhờ thiện tri thức, được tăng trưởng giới v.v... 5 pháp. Như cây Sa-la nhờ núi Tuyết-Son được 5 sự tăng trưởng.

Lại Phật hãy còn ưa thích thiện tri thức. Như khi mới đắc đạo nghĩ như vậy: Nếu người không có thầy thì không khiếp sợ, không có tâm cung kính, thường bị ác pháp che khuất, không có hạnh yên ổn. Ta phải lấy ai làm thầy, nương ai mà trụ? Khởi nghĩ như vậy rồi mới khắp xem tất cả không ai hơn mình được, liền sinh ý nghĩ rằng: Pháp ta đã chứng được, nhờ đó mà thành Phật, nay phải trở lại nương pháp đó. Các Phạm thiên cũng khen rằng: Vậy không ai bằng Phật. Tất cả Chư Phật đều lấy pháp làm thầy.

Lại thiện tri thức giống như đèn sáng; có mắt mà không đèn thì không thấy gì được. Như vậy hành giả tuy có lợi căn phúc đức nhân duyên mà không có thiện tri thức thì không được ích gì.

Hỏi: Người như thế nào là thiện tri thức?

Đáp: Tùy theo có thể làm cho người tăng trưởng pháp thiện gọi là thiện tri thức.

Lại tất cả những người thiện an trụ nơi chính pháp, đều là thiện tri thức của trời người thế gian.

3. Giữ gìn căn môn: Là nghĩ nhớ chân chính. Hành giả không nên nhắm mắt không thấy, chỉ nên nhất tâm chính niệm hiện tiền.

Lại gọi là chính tuệ, lấy chính tuệ này có thể phá cảnh duyên hiện tiền. Có thể phá cảnh duyên hiện tiền nên có thể không chấp lấy tướng. Không chấp lấy tướng nên không chạy theo giả danh. Nếu không giữ các căn, để chấp lấy tướng thì các phiền não sinh, lưu xuất ra 5 cửa tức thì phá giới các pháp thiện. Nếu có thể giữ gìn căn môn thì các giới được bền chắc.

4. Ăn uống có độ lượng: Không vì sức mạnh, dâm dục, tham vị mà ăn, ăn chỉ để nuôi thân.

Hỏi: Hành giả nuôi thân để làm gì?

Đáp: Để tu pháp thiện. Nếu bỏ pháp thiện thì không đạo pháp. Không đạo pháp thì làm sao lìa khổ được! Nếu người không vì tu hành mà ăn, là luống uổng nuôi kẻ giặc thù, và cũng phá hoại phúc của thí chủ, tổn hại người cúng dường. Như vậy không nên ăn thức ăn của người.

Hỏi: Lấy gì mà lường sự ăn uống?

Đáp: Tùy lượng đủ có thể giúp nuôi thân, đó gọi là lường.

Hỏi: Nên ăn những thứ gì?

Đáp: Nếu thức ăn không tăng thân bệnh như lạnh nóng v.v..., tâm bệnh tham giận v.v..., là nên ăn. Những thức ăn này cũng phải tùy thời, như biết thức ăn đó đối với lúc này có thể tăng thêm các bệnh lạnh nóng tham giận v.v... thì không nên ăn.

Hỏi: Các ngoại đạo nói: Nếu ăn thứ thanh tịnh thì có thể được phúc thanh tịnh, nghĩa là tùy ý thêm muốn sắc, hương, vị, xúc, nhưng nước phải lọc lượt chú nguyện rồi sau mới ăn dùng. Đó gọi là tịnh. Việc đó thế nào?

Đáp: Đồ ăn uống không có quyết định là tịnh. Bởi vì sao? Vì nếu cho rằng đồ ăn thừa là bất tịnh, thì tất cả đồ ăn uống không thứ nào không phải là thừa. Như sữa là vật thừa của bò con, mật là đồ

thừa của ong, nước là thừa của trùng, hoa là thừa của ong, và trái cây là thừa của chim chóc. Cứ như vậy v.v....

Lại thân này từ bất tịnh sinh ra, thể tính bất tịnh, bất tịnh đây nhầy. Đồ ăn uống trước là bất tịnh, sau vào trong thân không một chút tịnh. Chỉ vì điên đảo mê lầm vọng tưởng đó là tịnh mà thôi.

Hỏi: Nếu đều là bất tịnh, thì cùng hạng người hèn hạ, Chiên-đà-la đầu có khác chi?

Đáp: Lại nhờ không sát hại sinh mạng, không trộm cắp, không nuôi sống bất chính v.v..., đúng như pháp mà có cái ăn. Dem trí tuệ quán tưởng các lỗi do ăn uống, gạn lọc bằng nước trí tuệ xong rồi sau mới ăn. Không phải chỉ có lọc nước mà cho là tịnh.

5. Đầu đêm cuối đêm bớt ngủ nghỉ: Hành giả biết sự nghiệp do tinh tiến siêng năng mà thành đạt nên không ngủ nghỉ.

Lại thấy ngủ nghỉ luông qua không được gì. Nếu ông cho ngủ nghỉ là vui, chút vui hèn đó không đáng nói.

Lại hành giả không ưa chung cùng với phiền não, như người không ưa ở chung với kẻ oán thù. Lẽ đâu có người đang ở trong trận giặc mà ngủ ngon? Cho nên không ngủ nghỉ.

Hỏi: Con buồn ngủ đến làm sao xua đuổi?

Đáp: Người này được mùi vị Phật pháp, tâm rất vui mừng, nên có thể xua đuổi được.

Lại nghĩ tội lỗi già bệnh chết trong sinh tử thì tâm khiếp sợ nên không ngủ nghỉ.

Lại hành giả nhận thấy được làm thân người, các căn đầy đủ, lại may được gặp Phật pháp, có thể phân biệt tốt xấu, phải quấy là việc rất khó, mà nay không cầu độ còn đợi khi nào mới được giải thoát? Cho nên phải siêng năng tinh tiến để diệt trừ ngủ nghỉ.

Phẩm 182: BÁT THIỆN GIÁC

6. Đầy đủ thiện giác: Nếu người tuy không ngủ nghỉ mà khởi các bất thiện giác, như dục giác, sân giác, não giác, hoặc thân lý giác, quốc độ giác, bất tử giác, lợi tha giác, khinh tha giác v.v.... thì thà nên ngủ nghỉ, để đừng khởi những thứ bất thiện giác này.

Cần phải nghĩ nhớ cần, chính, xuất, các thiện giác, như xuất giác, không sân não giác, 8 bậc Đại nhân giác.

Dục giác là nương lòng tham dục mà sinh tri giác, trong 5 dục thấy có lợi lạc, gọi là dục giác.

Làm suy hại chúng sinh, gọi là sân giác, não giác. Hành giả không nên nhớ nghĩ 3 thứ giác này. Bởi vì sao? Vì nghĩ đến 3 giác này thì bị tội nặng.

Lại như trước đã nói tội lỗi tham v.v.... Bởi tội lỗi này không nên nghĩ nhớ.

Hỏi: Sao không nói si giác?

Đáp: Ba ác giác này sinh theo thứ lớp, còn các phiền não khác không phải như vậy. Hành giả nếu nghĩ đến 5 dục nên sinh tham giác, tham mà không được mới sinh giận dữ; thành giận dữ gọi là não. Cho nên không nói si.

Lại kết quả của si là tham giận. Nếu từ tham giận sinh nghiệp bất thiện. Ba giác này là nghiệp nhân bất thiện. Như trong kinh nói: Ví như cục đất, đêm thì khói ra, ngày thì lửa đốt. Khói tức là giác, lửa gọi là nghiệp.

Thân lý giác: Bởi bà con, xóm làng nên khởi nghĩ nhớ muốn làm cho bà con, xóm làng được yên ổn vui vẻ. Nếu nghĩ đến suy hại thì sinh buồn rầu. Nếu nghĩ muốn cùng cộng tác với bà con xóm làng làm việc nọ việc kia gọi là thân lý giác. Hành giả không nên nghĩ nhớ

thứ giác này. Bởi vì sao? Vì bản nguyện khi xuất gia đã xả bỏ bà con xóm làng, mà nay lại khởi giác này là điều không nên.

Lại nếu người xuất gia lại nghĩ đến bà con xóm làng thì luống bỏ gia thuộc, uổng công không thành gì. Vì yêu bà con xóm làng nên sinh tham đắm. Vì tham đắm mới giữ gìn. Vì nhân duyên giữ gìn mà các nghiệp bạo lực thứ tự sinh khởi. Cho nên không nên sinh thân lý giác.

Lại cùng bà con xóm làng hòa hợp thì không thể tăng trưởng pháp thiện.

Lại hành giả nghĩ tất cả chúng sinh trôi lăn trong sinh tử, không một ai là không phải bà con xóm làng thì vì sao chấp đắm thiên lệch.

Lại trong sinh tử vì bà con xóm làng nên buồn thương khóc lóc nước mắt chảy thành biển cả, mà nay lại tham đắm nữa thì khổ không bao giờ hết.

Lại chúng sinh vì nhân duyên lợi ích nên thân ái nhau không có nhất định.

Lại người hay nghĩ bà con là tướng ngu si. Người ngu ở thế gian không có ai chưa lợi mình mà muốn lợi người. Nếu nghĩ bà con xóm làng thì ít tự lợi. Vì những lẽ trên đây nên hành giả không nên khởi thân lý giác.

Quốc độ giác: Hành giả sinh ý nghĩ có cõi nước nào đó giàu vui yên ổn nên đến đó có thể được an vui.

Lại tâm nông nổi muốn dạo xem khắp. Hành giả không nên khởi ý giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả cõi nước đều có lỗi xấu, có nước rất lạnh, có nước rất nóng, có nước nhiều nguy hiểm, có nước nhiều bệnh tật, có nước nhiều giặc trộm. Có nhiều lỗi khác nhau như vậy, nên không nên nghĩ tới.

Lại người nông nổi thì mất thiên định. Tùy theo chỗ ưa vui có thể được tăng thêm pháp thiện thì đó là tốt, chứ cần gì phải xem khắp

các cõi nước? Tất cả các cõi nước chỉ nghe từ xa, đến đó chưa chắc vừa lòng, vì người đời phần nhiều nói quá sự thật.

Lại những người đi qua các nước chịu nhiều sự khổ.

Lại thân là nhân khổ, mà mang nhân khổ này theo thì đi đến đâu cũng đều chịu khổ.

Lại hưởng chịu khổ vui do nghiệp nhân thì dù đi xa đến đâu cũng không ích gì. Cho nên không nên khởi quốc độ giác.

Bất tử giác: Là hành giả khởi nghĩ như vậy: Ta nên từ từ sẽ tu đạo. Trước hết phải đọc tụng Tu-đa-la, Ti-ni, A-ti-đàm, tạp tạng, Bồ-tát tạng, rộng hợp các sách ngoại điển, nuôi nhiều đệ tử, dắt dẫn người thiện, cúng dường 4 tháp, khuyến hóa chúng sinh khiến tu đại bố thí, sau phải tu đạo

gọi là bất giác tử.

Hành giả không nên khởi nghĩ như vậy. Bởi vì sao? Vì giờ khắc chết không định được, không thể dự biết trước được. Nếu trong khi đang kinh doanh các việc, không may mạng tận thì đâu kịp tu đạo được. Đến khi sắp chết lòng dạ ăn năn buồn rầu rằng ta luống dưỡng thân này uống không được gì hết, đồng chết như loài súc sinh nào khác. Như trong kinh nói: Phạm phu nên dùng 20 pháp để chiết phục tâm nghĩa là như vậy: Ta chỉ có hình hài và y phục khác người thế tục mà không được một sở đắc gì hết. Cho đến sẽ như thế này cho đến chết thôi.

Lại người trí không làm những việc không nên làm. Như trong Kinh Pháp Cú nói:

*Không nên làm, không làm,
Nên làm thì thường làm.
Nghĩ nhớ tâm an tuệ,
Thì được hết các lậu.*

Lại trong kinh nói:

*Người chưa được 4 đế,
Phương tiện vì muốn được,
Phải siêng năng tinh tiến,
Hơn cứu lửa cháy đầu.*

Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lại bất tử giác là tập khí ngu si, có đâu người trí biết mạng sống vô thường, như hạt sương trên cành, dễ gì có thể bảo tồn một khắc!

Lại trong kinh nói: Phật hỏi các Tì-kheo: Các ông tu tập tưởng chết như thế nào? Có vị thưa Phật rằng: Con không bảo đảm được 7 năm. Có vị thưa 6 năm. Cứ như vậy giảm bớt cho đến còn trong giây lát. Phật nói: Các ông đều là những người phóng dật mà tu tưởng về sự chết. Khi đó có một Tì-kheo trích vai áo bên hữu thưa Phật rằng: Con thì cho rằng hơi thở ra không chắc đã hít vào, hơi hít vào không chắc sẽ thở ra. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Ông mới là chân thật tu tưởng về sự chết. Cho nên không nên khởi bất tử giác.

Lợi tha giác: Là đối với người không phải trong bà con xóm làng muốn làm cho họ được lợi ích. Nếu khởi ý nghĩ như vậy: Có thể tu bố thí làm cho ai đó giàu sang an vui, còn ai đó thì không.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì không bởi ý nghĩ mà có thể làm cho ai được khổ vui. Chỉ có tự mình vì ý nghĩ đó làm hoại loạn định tâm mà thôi.

Hỏi: Muốn khiến người được lợi không phải tâm từ hay sao?

Đáp: Hành giả cầu đạo nên nghĩ đến lợi đệ nhất nghĩa là vô thường v.v.... Trong đó tuy có ít được phúc nhưng vì có thể hại đạo, lợi ít hại nhiều, vì loạn định tâm. Nếu đem tâm tâm nghĩ lợi người khác thì không thể thấy tội lỗi tham đắm, cho nên không nên nghĩ.

Khinh tha giác: Là hành giả, hoặc nghĩ người này chủng tính, hình sắc, giàu sang, tài năng, tri giới, lợi căn, thiên định, trí tuệ v.v... đều không bằng ta.

Hành giả không nên khởi giác như vậy. Bởi vì sao? Vì tất cả muôn vật đều vô thường, nếu thượng trung hạ đều có sai khác?

Lại tóc lông móng răng của người này đều gọi là bất tịnh như nhau không khác.

Lại già bệnh chết v.v... và suy não cũng vẫn đồng nhau.

Lại tất cả chúng sinh trong ngoài khổ não đều đồng nhau không khác.

Lại phạm phu mà giàu sang là nhân duyên gây tội lỗi.

Lại giàu sang không bao lâu rồi cũng nghèo cùng lại. Cho nên không khởi giác khinh dễ người khác.

Lại kiêu mạn là một phần của vô minh, người trí làm sao khởi giác đó.

Phẩm 183: THIÊN GIÁC

Xuất giác: Là tâm ưa xa lìa, như lìa 5 dục và 2 cõi Sắc, Vô sắc. Ưa vui xa lìa này nên gọi xuất giác. Vì ưa vui xa lìa này là không các khổ mà tùy theo tham đắm mới có khổ, không tham đắm thì vui. Trong các giác, 2 thứ giác vui là vô sân giác và vô não giác. Bởi vì sao? Vì 2 giác này gọi là an ổn giác. Như trong Phẩm Như Lai nói: Như Lai thường có 2 thứ giác hiện tiền là an ổn giác và viễn ly giác. An ổn giác tức thứ giác không sân não. Viễn ly giác tức là xuất giác.

Lại nghĩ 3 giác này thì phúc tăng trưởng, cũng có thể thành định tâm, và tâm được thanh tịnh.

Lại nghĩ 3 giác này có thể ngăn các trói buộc, vì dứt các trói buộc nên mau chúng được dứt diệt.

Lại hành giả vì ưa xa lìa, nhóm họp được nhiều pháp thiện, nên mau được giải thoát.

Tám bậc đại nhân giác: Là trong Phật pháp, nếu người thiếu dục mới có thể được lợi ích, chứ không phải người đa dục, người tri túc, người xa lìa, người tinh tiến, người nghĩ nhớ chân chính, người định tâm, người trí tuệ, người không hý luận có thể được lợi ích, và người phi hý luận gọi là tám.

Thiếu dục mà gọi là hạnh, là vì muốn tu đạo nên phải muốn vật cần dùng, nhưng không nên cầu nhiều vật thừa không dùng, gọi là thiếu dục.

Tri túc là có người hoặc vì nhân duyên, hoặc vì trì giới, hoặc muốn người khiến người khác tâm được thanh tịnh, cho nên lấy ít mà tâm không cho là đủ. Nếu có người lấy ít tâm cho là đủ, đó gọi là tri túc. Có người tuy lấy ít vật mà tìm thứ tốt, đó là thiếu dục mà không phải là tri túc. Nếu lấy vừa được ít vật, gọi là tri túc.

Hỏi: Nếu lấy vật cần dùng gọi là thiếu dục, thì tất cả chúng sinh đều được gọi thiếu dục vì đều lấy vật cần dùng thôi?

Đáp: Hành giả không đem lòng tham đắm mà lấy, chỉ vì dùng mới lấy nên không lấy nhiều, không như người đòi vì trang điểm, tiếng khen, thường lấy mà lấy nhiều.

Hỏi: Hành giả vì sao phải thiếu dục và tri túc?

Đáp: Trong việc giữ gìn thấy có tội lỗi.

Lại chứa để mà không dùng là tướng ngu si.

Lại người xuất gia không nên tích trữ như người thế gian. Vì các lỗi đó nên phải thiếu dục tri túc.

Lại hành giả, nếu không thiếu dục tri túc thì lòng tham tăng dần, rồi vì tài lợi mà tìm cầu những gì không đáng tìm cầu.

Lại tham tài lợi rốt cuộc không yên ổn, vì quá tham đắm.

Lại người xuất gia này ưa tu hạnh xa lìa, mà vì tham lợi nên quên mất điều nên tu.

Lại cũng không thể bỏ các phiền não. Bởi vì sao? Vì ngoại vật còn không bỏ được huống chi nội pháp.

Lại thấy lợi dưỡng là nhân suy não, như mưa đá hại lúa má. Cho nên thường tu tập thiếu dục tri túc.

Lại thấy nhận của tín thí khó đền, như mắc nợ không trả, về sau phải chịu khổ não.

Lại thấy lợi dưỡng là vật bỏ của Phật và người thiện. Như Phật nói: Ta không gần lợi dưỡng, lợi dưỡng đừng gần ta.

Lại hành giả này đầy đủ pháp thiện, nên bỏ lợi dưỡng. Như Phật nói: Chư thiên còn không thể được vui xuất, vui ly, vui tịch diệt và vui chân trí như ta đã được. Cho nên bỏ lợi dưỡng.

Lại như Xá-lợi-phất nói: Ta khéo tu vô tướng, lấy không Tam-muội quán tất cả vạn vật bên ngoài, coi như đờm dãi.

Lại hành giả thấy không có người nào thụ dục mà chán đủ, như uống nước mặn không trừ hết khát được. Cho nên siêng cầu trí tuệ mới là đầy đủ.

Lại thấy người đa dục thường phát nguyện cầu, cầu nhiều mà được ít, nên thường bị khổ.

Lại thấy người cầu xin, bị người khinh tiện không chút kính trọng như người thiếu dục.

Lại người xuất gia mà đa cầu là việc rất không nên làm, mà người ta cho không lấy mới phải. Cho nên cần phải tu hạnh thiếu dục tri túc.

Viễn ly: Là đối với những người tại gia xuất gia tu thân xa lìa, với các phiền não tu tâm xa lìa. Đó gọi là viễn ly.

Hỏi: Hành giả vì sao phải xa lìa?

Đáp: Những người xuất gia tuy chưa đắc đạo lấy xa lìa làm vui. Ở trong các chỗ người thế gian, nơi nữ sắc, chỗ ồn ào quyết không thể an vui được.

Lại nếu xa lìa thì tâm dễ vắng lặng, như nước không khuấy, tự nhiên lắng trong. Cho nên tu xa lìa.

Lại pháp xa lìa này đã được Chư Phật nhiều như cát sông Hằng ngợi khen. Vì sao biết được? Là Phật thấy Tì-kheo ngồi thiền định gần nơi xóm làng thì lòng không vui, mà thấy Tì-kheo nằm ngủ ở chỗ trống vắng thì hoan hỷ. Bởi vì sao? Vì ngồi thiền gần xóm làng bị nhiều nhân duyên làm tán loạn định tâm, khiến cho điều nên được thì không được, pháp phải chứng thì không chứng. Còn nằm ngủ chỗ vắng tuy có chút biếng nhác, nhưng nếu thức dậy cầu vào định thì thâm nhiếp được tâm tán loạn. Nhiếp tâm là có thể được giải thoát.

Lại bởi chấp lấy tướng nên mới khởi tham v.v... các phiền não. Còn chỗ trống vắng không có sắc v.v... các tướng thì phiền não dễ dứt, như lửa không củi, thì tự nhiên tắt mất.

Lại trong kinh nói: Nếu Tì-kheo ưa ở chỗ đông người, ưa nói năng đủ chuyện, không lìa chỗ đông người còn không thể được ái duyên giải thoát, huống là có thể được bất hoại giải thoát. Người tu hạnh xa lìa thì chắc chắn chứng được cả hai.

Lại như đèn lìa gió thì có thể soi sáng. Hành giả cũng như vậy, nhờ tu hạnh xa lìa nên có thể mau được chân trí.

Tinh tiến: Là hành giả, nếu tu chính cần, dứt pháp bất thiện, tu nhóm thiện pháp. Trong đó siêng năng tu nên gọi là tinh tiến. Như

vậy thì có thể được lợi Phật pháp. Bởi vì sao? Vì nhóm hợp pháp thiện ngày ngày tăng trưởng như các loài hoa sen Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma v.v... tùy theo nước mà tăng trưởng dần lên. Còn người hành giả biếng nhác như khúc chày gỗ từ khi được làm thành đến nay, ngày một mòn dần đến hết.

Lại người tinh tiến, vì được lợi ích nên tâm thường hoan hỷ, còn người biếng khác bị ác che tâm hằng ôm khổ não.

Lại người tinh tiến trong từng niệm pháp thiện tăng trưởng, thường xuyên không có tổn giảm.

Lại thâm tu tinh tiến được chỗ vượt trội hơn hết là đạo của chư Phật. Như trong kinh Phật bảo A-nan rằng thâm tu tinh tiến có thể đến Phật đạo.

Lại người tinh tiến dễ được định tâm.

Lại kẻ độn căn mà tinh tiến tuy còn ở trong sinh tử cũng mau được giải thoát; còn người lợi căn mà biếng nhác thì không thể được.

Lại có bao nhiêu lợi ích đời nay, đời sau, thế gian, xuất thế gian đều nhờ tinh tiến. Trái lại tất cả thế gian có bao nhiêu sự suy não đều do biếng nhác. Như vậy thấy lỗi biếng nhác, lợi ích tinh tiến, nên phải nghĩ nhớ tinh tiến.

Nghĩ nhớ chân chính: Là thường đối với thân, thụ, tâm và pháp, tu tập nghĩ nhớ chân chính.

Hỏi: Nghĩ nhớ 4 pháp này được những lợi ích gì?

Đáp: Pháp ác bất thiện không đến nhập vào tâm, như khéo giữ đề phòng thì kẻ ác không xâm nhập được.

Lại như bình đầy thì nước không vào nữa được. Như vậy người này pháp thiện đầy nhầy nên không dung các điều ác.

Lại nếu tu nghĩ nhớ chân chính này thì gồm thâu tất cả pháp thiện nghiệp vào trong phần giải thoát như uống nước biển là uống đủ các nguồn, vì tất cả nguồn đều chảy vào biển cả.

Lại tu nghĩ nhớ chân chính này gọi là an trụ chỗ hành xứ tự tại, ma dân phiền não không thể phá hoại được, như ví dụ chim ưng chim cắt.

Lại người này tâm đã an trụ khó động như động, như chiếc bình tròn đã đặt trên cái đế.

Lại người này không bao lâu sẽ được lợi ích, như trong Kinh Tì-kheo-ni nói: Các Tì-kheo-ni hỏi A-nan rằng: Thưa Đại đức! Bọn chúng tôi khéo tu niệm xứ giác khác hơn trước? A-nan bảo: Khéo tu pháp đó là như vậy.

Định tâm: Là nếu tu tập định tâm được lợi ích vi diệu. Như trong kinh nói: Người tu định tâm có thể biết như thật.

Lại vì người này thân có phép hơn người như là thân mình phun ra nước lửa, bay đi tự do v.v....

Lại người này được cái vui, cho đến chư thiên và Phạm Vương v.v... không thể nào bằng được.

Lại người này là người làm việc đáng làm, không làm điều gì không nên làm.

Lại khéo tu tập định, pháp thiện thường tăng.

Lại người tu tập định, về sau tâm không ăn năn, người này gọi là được quả xuất gia. Cũng gọi là người thuận theo Phật dạy, chứ không như những người luống lãnh của tín thí cúng dường. Người này có thể trả ơn cho người thí phúc, mà người khác không thể trả được.

Lại pháp định tâm này được chư Phật và Hiền thánh đều gìn giữ.

Lại có thể kham thụ tất cả pháp thiện.

Lại nếu định tâm được thành tựu thì chứng Thánh đạo, mà không thành thì sinh về Tịnh thiên là 2 cõi Sắc và Vô sắc. Bởi vì sao? Vì như bố thí v.v... không thể được việc như vậy. Nghĩa là có thể rất ráo không tạo ác. Như trong kinh nói: Nếu đứa trẻ con từ lúc còn nhỏ bé, tu tập lòng từ, có thể khởi tâm ác nghĩ việc ác chăng? Thưa không, Thế Tôn! Đó đều là định lực.

Lại định tâm gọi là nhân chân trí tuệ. Nhân chân trí tuệ mới có thể diệt hết các hành nghiệp. Các hành hết nên các khổ não cũng diệt hết.

Lại hành giả đối với việc tất cả thế gian và xuất thế gian khởi nghĩ tức làm xong không nhọc gia công sức. Còn các người khác còn không thể phát tâm lòng chỗ sở đắc của người kia cho nên nói định tâm có thể được lợi ích.

Trí tuệ: Là người trí trong tâm không sinh phiền não, nếu sinh liền diệt, như một giọt nước rơi trên tấm sắt nóng.

Lại tâm người trí không khởi các tướng, nếu khởi liền diệt, như sương trên cành, gặp ánh nắng liền khô.

Lại nếu có con mắt trí có thể xem Phật pháp, như người có mắt ban ngày dùng được.

Lại người trí gọi là được phần Phật pháp, như chính là con thì được hưởng phần của cải của cha mẹ.

Lại trí tuệ gọi là có mạng sống ngoài ra gọi là chết.

Lại người trí tuệ gọi là người chân đạo nhân, vì có thể biết đạo.

Lại người trí biết mùi vị Phật pháp, như thiết căn không hư có thể phân biệt 5 vị.

Lại người trí tuệ ở trong Phật pháp tâm định không động, như núi đá gió không lay động được.

Lại người trí tuệ gọi là tín, vì tự được 4 pháp tin mà không theo người khác mới có được.

Lại được Thánh tuệ căn gọi là đệ tử Phật, ngoài ra là ngoại phạm phu. Cho nên nói người trí có thể được lợi ích.

Không hý luận: Là như lối nghị luận cho là một, hoặc cho là khác, gọi là hý luận. Như A-nan hỏi Xá-lợi-phất: Nếu 6 xúc nhập, lia dục diệt hết rồi, nếu có còn thừa ư? Xá-lợi-phất nói: Nếu 6 xúc nhập lia dục tận diệt rồi, nếu còn có thừa là không thể luận mà ông luận ư? Nếu không có cũng có, cũng không, không phải có, không phải không, hỏi đáp cũng như vậy.

Hỏi: Việc ấy vì sao không thể luận?

Đáp: Hỏi này là hỏi pháp thật ngã là một hay là khác, cho nên không đáp, vì ngã không quyết định. Chỉ trong 5 âm giả lập danh tự mà nói đó thôi. Nếu lấy có, không mà đáp, tức là sa vào dứ, thường. Nếu đem pháp nhân duyên mà luận nói ngã thì không phải là hý luận.

Lại nếu người thấy chúng sinh trống không, pháp trống không, thì không hý luận. Cho nên nói người không hí luận mới được lợi ích của Phật pháp. Đó gọi là đầy đủ thiện giác.

Phẩm 184: NĂM ĐỊNH CỤ SAU

7. Đầy đủ tín giải tốt: Nghĩa là như người hành giả có thể ưa thích Nê-hoàn mà chán ghét sinh tử gọi là tín giải tốt. Tín giải như vậy chóng được giải thoát.

Lại người ưa thích Nê-hoàn tâm không đắm gì cả.

Lại ưa thích Nê-hoàn thì không khiếp sợ. Bởi vì sao? Vì nếu là phạm phu mà tâm nghĩ Nê-hoàn liền sinh kinh sợ cái ngã sẽ mất hẳn.

Hỏi: Do nhân duyên gì tín giải Nê-hoàn?

Đáp: Hành giả thấy thế gian vô thường, khổ, không, vô ngã thì đối với Nê-hoàn sinh tưởng tịch diệt.

Lại người này bản tính phiền não nhẹ yếu, nghe nói Nê-hoàn thì lòng tin vui ưa thích.

Lại nếu theo vị thầy giỏi, hoặc đọc kinh sách, nghe sinh tử tội lỗi, như Kinh Vô Thủy và các Kinh Ngũ Thiên Sứ v.v... nói, thì chán lia sinh tử tin vui Nê-hoàn.

8. Đủ phần hành giả: Như trong kinh nói có 5 phần của hành giả là: 1. Có tin. 2. Tâm không dua dọc. 3. Ít bệnh. 4. Tinh tiến. 5. Trí tuệ.

Có tin là tâm đối với Tam Bảo và 4 để không nghi hối. Không nghi hối nên mau được thành định.

Lại người có lòng tin nhiều vui vẻ nên chóng được thành định.

Lại người có tin, tâm điều hòa dễ thu nhiếp nên chóng được định.

Hỏi: Nếu do định sinh tuệ, sau có thể dứt nghi. Nay vì sao trước định rồi nói không nghi?

Đáp: Vì nhờ đa văn nên có thể dứt nghi chứ không phải được định.

Lại sinh vào nhà rất có lòng tin, hoặc cùng làm việc với những người có lòng tin, nên thường tu lòng tin, tuy chưa được định, nhưng không sinh nghi v.v....

Không dua dọc: Là đem tâm chất trực, tâm không che giấu, thì dễ độ, như người nói thật và đầy đủ bệnh trạng với thầy thuốc thì dễ cứu chữa.

Ít bệnh: Ít bệnh thì có thể đầu đêm cuối đêm tinh tiến không dứt. Nếu người tật bệnh thì trở ngại sự hành đạo.

Tinh tiến: Là vì cầu đạo nên thường siêng năng tinh tiến, như dùi cây để lấy lửa mà không nghỉ tay thì chóng được lửa.

Trí tuệ: Nhờ có trí tuệ nên được quả 4 việc. Đó là Thánh đạo.

Hỏi: Các pháp niệm xứ ... cũng là phần của hành giả. Vì sao chỉ nói 5 pháp này?

Đáp: Tuy đều là phần, mà pháp này vượt trội hơn, nên hành giả phải cần dùng, cho nên nói riêng. Cũng lia tất cả ác, nhóm tất cả thiện, nên gọi phần của hành giả, như có nói trong Kinh Cù-ni-sa.

9. Đủ chỗ giải thoát: Là 5 giải thoát xứ: 1. Như Phật và Tì-kheo Tôn Thắng vì đó nói pháp, theo chỗ được nghe, riêng có thể tính thông đạt ngôn ngữ nghĩa lý. Nhờ thông đạt đó nên sinh tâm hoan hỷ. Hoan hỷ thì thân khoan khoái, khoan khoái thì thụ vui, thụ vui là tâm được thu nhiếp. Đó là chỗ giải thoát đầu tiên. Hành giả an trụ chỗ giải thoát này nên nhớ nghĩ mạnh mẽ thì tâm nhiếp định, các lậu được diệt hết, chắc chứng được Nê-hoàn. 2. Siêng đọc tụng kinh điển. 3. Vì người khác nói pháp. 4. Ở riêng một chỗ suy nghĩ các pháp. 5. Khéo giữ định tướng, là 9 tướng v.v... như trên đã nói.

Hỏi: Phật và Tì-kheo Tôn Thắng vì sao nói pháp cho hành giả này?

Đáp: Vì có khả năng thụ pháp có thể được lợi ích lớn, cho nên nói cho hành giả này.

Lại Tì-kheo này nhờ Phật xuất gia các căn thuần thực, nên vì nói pháp. Còn Tì-kheo Tôn Thắng vì chỗ đồng nghiệp nên nói cho nhau.

Lại người hành giả này cần phải nghe pháp, cho nên vì nói.

Lại người này có các công đức tịnh giới v.v... đã thành tựu, giống như cái đồ đựng đã làm xong có thể đựng đồ vật, cho nên vì nói pháp. Đó gọi là 3 tuệ. Thông đạt ngôn ngữ là đa văn tuệ, thông đạt nghĩa lý là tư duy tuệ. Do đạt 2 tuệ trên có thể sinh tâm hỷ, cho đến nhiếp tâm sinh như thật trí, đó gọi là tu tuệ. Ba tuệ này có 3 thứ quả là chán, lia, và giải thoát.

Lại nữa, nghe pháp, đọc tụng, vì người nói pháp là đa văn tuệ. Suy nghĩ so lường các pháp là tư duy tuệ, khéo giữ lấy định tướng là tu tuệ.

Hỏi: Tâm giải thoát và hết lậu 2 pháp đó có gì sai khác?

Đáp: Dùng định ngăn phiền não nên nói tâm giải thoát, vĩnh viễn dứt hẳn phiền não mới nói hết lậu.

Hỏi: Như tu pháp trì giới v.v... cũng là chỗ giải thoát, như nói trì giới thì tâm không hôn, tâm không hôn thì hoan hỷ v.v.... Hoặc nhờ thí v.v... cũng được giải thoát. Vì sao chỉ nói 5 pháp này ư?

Đáp: Vì vượt trội nên được nói riêng.

Hỏi: Pháp này có gì vượt trội?

Đáp: Là nguyên nhân gần của giải thoát, giới v.v... vì là nguyên nhân xa nên không nói.

Hỏi: Sao biết được là nguyên nhân gần?

Đáp: Hành giả nghe pháp biết ám, giới, nhập v.v... chỉ các pháp hòa hợp, trong đó không ngã, cho nên tức là đã phá giả danh. Phá giả danh tức là giải thoát, nên gọi đó là nguyên nhân gần.

Lại trong kinh nói: Công đức đa văn là không theo người khác cầu nghe pháp, tâm dễ thâm nhiếp v.v.... Cũng do đó nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Phật pháp có công đức lớn có thể diệt phiền não, đến Nê-hoàn v.v.... Trong pháp tịch diệt này, hoặc nghe hoặc tụng hoặc tự suy nghĩ thì chóng được giải thoát, cho nên gọi là nguyên nhân gần.

Lại thí được đại phú, trì giới được tôn quý, đa văn được trí. Nhờ trí tuệ nên được diệt hết các lậu, chứ không nhờ phú quý cho nên biết là nguyên nhân gần.

Lại Xá-lợi-phất v.v... được tôn xưng là bậc đại trí, đều do đa văn.

Hỏi: Nếu nhờ đa văn tâm dễ nhiếp thì vì sao A-nan đầu hôm, giữa đêm, cuối đêm đều không được giải thoát?

Đáp: Đầu của A-nan chưa kê lên gối đã được giải thoát. Cho nên thường ở trong pháp hiểm có, vì sao không nhanh chóng?

Lại A-nan trong đêm đó có chút lỗi tinh tiến, vì quá mỗi một nên không được giải thoát.

Lại A-nan tự thề rằng: Trong đêm nay ta quyết được hết lậu. Cũng như Bồ-Tát tự thề trong đạo tràng. Thử hỏi ai có sức này? Người như A-nan đều là nhờ sức đa văn.

10. Không bị chướng ngại: Như nói 3 chướng là nghiệp chướng, báo chướng, và phiền não chướng. Nếu ai không có 3 chướng ngại này thì không đọa chỗ nạn. Nếu lìa được các nạn là kham thụ đạo pháp.

Lại người đó gọi là đầy đủ 4 luân là : cõi nước tốt đẹp, y chỉ người thiện, tự phát chính nguyện và phúc đức đời trước.

Lại có thể thành tựu 4 phần Tu-đà-hoàn là: gần gũi người thiện, ưa nghe chính pháp, tự nghĩ nhớ chân chính và có thể thực hành theo chính pháp.

Lại có thể lìa bỏ tham v.v... 3 pháp, như trong kinh nói: Không dứt 3 pháp thì không vượt qua được già, bệnh, chết.

11. Không chấp trước: Là không đắm trước bờ bên này, không đắm trước bờ bên kia, không chìm giữa dòng, không vọt lên đất bằng, không bị người bắt lấy, và phi nhân bắt lấy, không vào trong dòng nước xoáy, không tự mục nát. Bờ bên này là 6 nhập bên trong. Bờ bên kia là 6 nhập bên ngoài. Giữa dòng là tham, hỷ. Đất bằng là ngã mạn. Người bắt là hòa hợp với người tại gia xuất gia. Phi nhân bắt lấy là trì giới để sinh lên trời. Dòng xoáy là phá giới. Mục nát là phá trọng cấm. Nếu người đối với nội nhập chấp ngã, tức đối với

ngoại nhập sinh tâm ngã sở. Từ nội ngoại nhập kia sinh tham hỷ, cho nên mới chìm đắm trong đó. Từ đó sinh ngã mạn. Tại vì sao. Nếu người đắm chấp thân thụ có vui, cho nên người đến khinh chê thì sinh kiêu mạn. Như vậy vì ngã, ngã sở, tham hỷ, ngã mạn làm loạn tâm, nên mới gây thành các việc khác.

Hỏi: Trong dụ này lấy gì làm nước, nếu lấy 8 Thánh đạo làm nước, thì không nên lấy nội ngoại 6 nhập làm bờ sông, tham, hỷ v.v... làm giữa dòng, cũng không nên có dòng xoáy, mục nát. Nếu lấy tham ái làm nước, thì làm sao theo đó được đến Nê-hoàn?

Đáp: Lấy 8 Thánh đạo làm nước. Thí dụ bắt tất khiến cho giống hết nhau hết. Như cây này nếu lia 8 nạn quyết trôi đến biển cả. Tì-kheo cũng vậy, lia các dòng, nạn, thì theo nước 8 Thánh đạo trôi vào Nê-hoàn. Như nói sữa trắng như vỏ sò, chỉ lấy màu sắc của sò mà không lấy cứng mềm, cũng như nói mặt như mặt trăng, mà chỉ lấy cái đầy đặn mà không lấy hình dạng vậy.

Lại hành giả ra khỏi Thánh đạo rồi, lại đắm trước nội ngoại nhập, thì không bằng cây này ở giữa dòng nước, vương mắc bờ bên này bờ bên kia và mục nát v.v....

Lại có luận sư nói: Như nước sông Hằng quyết chảy về biển lớn. Như vậy 8 Thánh đạo chắc đến Nê-hoàn. Cho nên mới lấy làm thí dụ.

Như trên đã lược nói đủ 11 định cụ. Nếu có pháp này tự nhiên được định.

Phẩm 185: HƠI THỞ RA VÀO

A-na-ba-na tức hơi thở, có 16 hạnh tất cả là: Nghĩ nhớ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn. Nghĩ hơi thở khắp thân, trừ các thân hành, giác hỷ, giác lạc, giác tâm hành, trừ tâm hành. Nghĩ hơi thở ra vào, giác tâm, khiến tâm hỷ, khiến tâm nhiếp, khiến tâm giải thoát. Nghĩ

hơi thở ra vào, tùy vô thường, quán tùy dứt, quán ly diệt. Nghĩ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn.

Hỏi: Thở dài ngắn là thế nào?

Đáp: Như người trèo lên núi, hoặc gánh nặng bị mệt lả nên hơi thở ngắn. Hành giả cũng như vậy, còn ở trong thô tâm bấy giờ là ngắn. Thô tâm đó chỗ gọi là tâm vội vã tán loạn. Hơi thở dài là nếu hành giả ở trong trạng thái tế tâm thì hơi thở dài. Bởi vì sao? Vì tâm dịu nên hơi thở cũng tùy theo đó mà dịu dàng dần. Như ngay khi người đó quá mệt nên nghỉ để thở thì cũng tùy mà dịu, bấy giờ thì hơi thở dài.

Khấp thân, là hành giả vì tin và hiểu thân trống không nên thấy tất cả lỗ chân lông có gió ra vào.

Trừ thân hành, là hành giả được sức cảnh giới, tâm yên ổn nên hơi thở thô diệt, bấy giờ hành giả mới nhớ đủ chỗ trong thân.

Giác hỷ, là người đó từ định pháp này tâm sinh đại hoan hỷ, trước kia tuy có hoan hỷ nhưng không bằng, bấy giờ gọi là giác hỷ.

Giác lạc, là từ hỷ sinh lạc. Bởi vì sao? Vì nếu tâm được hoan hỷ thì thân điều hòa thỏa thích, thân điều điều hòa thỏa thích là được an vui khoan khoái. Như trong kinh nói: Tâm hoan hỷ nên thân khoan khoái, thân khoan khoái thì cảm thụ vui.

Giác tâm hành, là hành giả thấy tội lỗi của hỷ là vì có thể sinh tham. Tham là hành vi của tâm, do tâm khởi, cho nên trong thụ sinh tham, cho nên thấy thụ là hành vi của tâm.

Trừ tâm hành, là hành giả thấy lỗi do thụ sinh tham. Trừ diệt thì tâm yên ổn, cũng trừ diệt thô thụ nữa nên nói trừ tâm hành.

Giác tâm, là hành giả trừ mùi vị của cảm thụ nên thấy tâm tịch diệt không chìm không động. Tâm này có khi lặn chìm, bây giờ khiến hỷ. Nếu tâm lại nổi động thì bấy giờ khiến nhiếp giữ. Nếu lia

được 2 pháp này, bấy giờ nên xả, cho nên nói khiến tâm giải thoát. Hành giả như vậy tâm tịch định nên sinh vô thường hành. Nhờ vô thường hành dứt các phiền não, gọi là dứt hành. Dứt phiền não nên tâm chán lìa gọi là ly hành. Vì tâm lìa nên được được tất cả diệt, gọi là diệt hành. Như vậy thứ lớp được giải thoát, nên mới gọi là 16 hạnh nghĩ nhớ hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao nghĩ nhớ thở ra vào gọi là Thánh hạnh, Thiên hạnh, Phạm hạnh, học hạnh, vô học hạnh ư?

Đáp: Gió vận hành trong hư không, tướng hư không có thể mau mở đường cho tướng hoại. Tướng hoại tức là trống không. Không tức là Thánh hạnh, cho nên gọi là Thánh hạnh. Vì muốn sinh về cõi tịnh thiên nên gọi là thiên hạnh. Vì muốn đến tịch diệt, nên gọi Phạm hạnh. Vì muốn học pháp nên gọi là học hạnh. Vì đến bậc vô học, nên gọi là vô học hạnh.

Hỏi: Nếu quán bất tịnh rất chán lìa thân, chóng được giải thoát, cần gì tu 16 pháp hạnh này ư?

Đáp: Tu bất tịnh quán chưa được lìa dục, tự chán ghét thân tâm thì sinh mê muội, như uống thuốc quá liều thì lại gây thêm bệnh. Như vậy bất tịnh ưa sinh chán ghét. Như các Tì-kheo tu quán bất tịnh bên bờ sông Bạt-cầu-mạt, nên rất sinh chán ghét, bởi đó mà gây ra các việc như uống thuốc độc, nhào đầu từ trên cao tự sát v.v.... Hạnh này không như vậy. Có thể được lìa dục mà không sinh chán ghét, nên gọi là thắng.

Lại hạnh này dễ được, duyên tự thân nên bất tịnh dễ mất.

Lại hạnh này vi tế, vì có thể tự hoại thân, bất tịnh hạnh thô kịch, khó hoại tướng xương.

Lại hạnh này có thể phá tất cả phiền não, bất tịnh chỉ phá dâm dục. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do giác sinh, nghĩ nhớ hơi thở ra vào để dứt các giác.

Hỏi: Hơi thở ra vào là thuộc thân hay thuộc tâm?

Đáp: Cũng thuộc thân, cũng thuộc tâm. Bởi vì sao? Vì ở trong thai không có, nên biết do thân, nếu đệ tứ thiên v.v..., và những người vô tâm không có nên biết do tâm.

Hỏi: Thở không có ý khởi, không nên do tâm. Bởi vì sao? Hơi thở này không do ý khởi như tâm nghĩ các việc khác. Hơi thở thường ra vào, như thức ăn vào bụng tự tiêu, như bóng tự di chuyển theo hình, không phải người làm?

Đáp: Thở không do cố ý khởi, không do nghĩ nhớ, chỉ do các duyên hòa hợp mà khởi. Nếu có tâm thì có, mà không tâm là không, cho nên biết do tâm.

Lại tùy theo tâm mà có sai khác. Thô tâm thì ngắn, tế tâm thì dài.

Lại thở ra vào còn do cõi do tâm. Nếu ở tại cõi thở ra vào, cũng có cõi tâm thở ra vào, bấy giờ thì có thở ra vào. Cõi như là cõi Dục và Tam thiên. Nếu ở tại cõi thở ra vào, mà không cõi tâm thở ra vào, và tại vô tâm, bấy giờ thì không có. Nếu tại cõi không thở ra vào, bấy giờ cũng không có.

Hỏi: Khi khởi thở, thở ra trước hay thở vào trước?

Đáp: Khi sinh trước ra, khi chết sau vào. Ra vào đệ tứ thiên cũng như vậy.

Hỏi: Nghĩ nhớ thở ra vào này, sao gọi là đầy đủ?

Đáp: Hành giả nếu được 16 hạnh này, bấy giờ gọi là đầy đủ.

Có luận sư nói: Do 6 nhân duyên nên gọi đầy đủ. Đó là Sở, Tùy, Chỉ, Quán, Chuyển, Duyên, Thanh tịnh.

Sở, là đếm hơi thở ra vào từ 1 đến 10. Có 3 lối đếm: hoặc bằng, hoặc quá hơn, hoặc giảm bớt. Bằng là 10 thì đếm là 10. Quá hơn là 11 đếm cho là 10. Giảm bớt là đếm 9 cho là 10.

Tùy, là tâm hành giả theo dõi hơi thở ra vào.

Quán, là hành giả thấy hơi thở luôn trong thân như sợi chỉ luôn hạt châu.

Chỉ, là khiến tâm trụ theo hơi thở ra vào.

Chuyên, là chuyên thân.

Duyên, là tâm khiến thụ duyên tâm hiện tiền. Tâm pháp cũng như vậy.

Thanh tịnh, là hành giả lia tất cả phiền não và các nạn, tâm được thanh tịnh. Đây không nhất định. Bởi vì sao? Vì trong các hạnh này không nhất thiết phải cần dùng 2 pháp Số, Tùy, hành giả chỉ khiến tâm trụ trong hơi thở để dứt các giác. Nếu có thể tu 16 pháp này gọi là đầy đủ.

Lại tướng đầy đủ này cũng không quyết định, vì chỗ sở hành của người độn căn đối với người lợi căn là không đầy đủ.

Hỏi: Thở ra vào này, vì sao trong kinh nói gọi là ăn?

Đáp: Nếu thở ra vào ngừng v.v..., thân được khoái lạc như được ăn thứ ngon, lợi ích hòa thích cho thân thể nên gọi là ăn.

Hỏi: Trong 16 hành này, đều phải nhớ thở ra vào luôn sao?

Đáp: Người này gọi là xé rách 5 ám phương tiện. Nếu xé rách 5 ám trừ giả danh rồi, đâu còn dùng nghĩ nhớ hơi thở ra vào làm chi nữa? Đó gọi là thân nhớ. Có 4 pháp nhớ thân nên gọi thân nhớ.

Hỏi: Nhớ là duyên về quá khứ, thở là hiện tại, mà sao gọi là nhớ?

Đáp: Đó là trí phá giả danh, vì nhớ nên mới nói. Các tâm số pháp thay nhau mà gọi tên như 10 tướng v.v..., cũng nhớ chỗ sở hành trước sau, nên gọi là nhớ.

Hỏi: Trong thở dài ngắn v.v... không nói Thánh hành, vì sao vô hành lại gọi chỗ nhớ? Trong kinh nói: Nếu hành giả học thở ra vào,

hoặc dài hoặc ngắn, hoặc khắp thân, hoặc trừ thân hành, bấy giờ gọi là chỗ nhớ thân?

Đáp: Đó là phương tiện đạo đầu tiên. Vì muốn tâm thanh tịnh nên về sau gọi là dứt đạo.

Lại trong đây có vô thường v.v... các hạnh. Chỉ kinh đó không nói, các kinh khác có nói. Hành giả ở trong thở ra vào quán thân sinh tướng, diệt tướng, và sinh diệt tướng.

Lại nói quán thân vô thường v.v.... Chỉ trong đệ tứ vô thường v.v... các hành đầy đủ cho nên nói.

Phẩm 186: ĐỊNH NẠN

Định này, nếu lia chương ngại các nạn có thể thành lợi ích lớn. Định nạn, là như thô hỷ. Như trong kinh nói: Ta sinh thô hỷ là pháp tâm nạn. Hành giả không nên sinh thô hỷ đó, vì sẽ có các lỗi tham đắm làm loạn định tâm.

Hỏi: Từ pháp sinh hỷ, làm sao không cho sinh được?

Đáp: Hành giả nghĩ nhớ trống không thì không sinh hỷ. Vì tưởng có chúng sinh nên mới sinh hỷ, chứ 5 ấm trống rỗng không có chúng sinh thì làm sao có hỷ?

Lại hành giả nên khởi nghĩ như vậy: Vì nhân duyên nên có các pháp sinh, nghĩa là ánh sáng v.v..., trong đó có gì đáng vui mừng ư?

Lại hành giả thấy pháp được hỷ đều liền bại hoại, thì thô hỷ diệt.

Lại hành giả lại còn câu việc lớn, không dùng ánh sáng v.v... các pháp làm gì, cho nên không sinh hỷ.

Lại hành giả vì thấy tướng diệt là lợi, nên không cho ánh sáng v.v... các tướng là đáng vui mừng.

Lại hành giả này tu tập tịch diệt để muốn dứt hết phiền não, nên không sinh hỷ. Bởi các duyên này nên có thể diệt được thô hỷ.

Lại có định nạn khiếp sợ. Hành giả thấy duyên đáng sợ nên sinh sợ hãi. Thế gian có bao nhiêu điều đáng sợ hãi hành giả đều thấy hết. Đối với những việc đó đều phải nghĩ kỹ vô thường bại hoại, không nên tùy theo đó. Bởi vì sao? Vì trong pháp tọa thiền có thấy những nhân duyên này là việc có thể sợ, không nên vì đó mà sinh khiếp sợ, vì việc đó đều hư vọng trống không, như ảo thuật có thể gạt người phạm chứ không phải chân thật. Suy nghĩ như vậy là lìa được sợ hãi.

Lại nương không pháp thì không sợ hãi.

Lại khởi ý nghĩ như vậy: Do sức ta tu nên mới cảm hiện tướng lạ này, không nên khiếp sợ.

Lại tự nghĩ thân có các công đức trì giới đa văn đầy đủ, không nhân duyên nào có thể gia hại ta được, nên không khiếp sợ.

Lại hành giả này vì vui đạo sâu sắc, nên không tiếc thân mạng, nào còn sợ gì nữa?

Lại tâm người này thường ở trong chính niệm, cho nên việc khiếp sợ không thể chen vào được.

Lại nghĩ tướng dững cảm nên không sợ hãi. Sợ hãi là tướng khiếp nhược. Dùng các pháp như vậy để diệt trừ sợ hãi.

Lại có định nạn không thích hợp, là hành giả có bệnh nóng lạnh v.v..., hoặc các nhân duyên mệt mỏi mất ngủ khiến thân thể không điều hòa thích hợp, hoặc có các phiền não tham buồn ganh ghét v.v... khiến tâm không điều hòa thích hợp, nên mất thiền định. Cho nên hành giả phải tự lo giữ gìn thân tâm cho được điều hòa thích hợp.

Lại có định nạn dị tướng, là như tướng như bản, và cũng có tướng không không phải như bản nhưng có thể làm loạn thiền định, như tướng bố thí v.v....

Lại có định nạn không bình đẳng, là như tinh tiến, hoặc mau hoặc chậm. Mau thì thân tâm mỗi mệt, chậm thì không lấy được định tướng, đều thoái lui mất định, như bắt chim, gấp thì mỗi mệt, hoãn thì bay mất.

Lại như chỉnh dây đàn, nếu căng hoặc chùng đều không thành tiếng.

Lại tinh tiến nếu mau thì khó rốt ráo. Như Phật bảo A-na-luật rằng: Ông tinh tiến quá sau ắt sẽ trễ nải. Bởi vì sao? Vì nếu quá tinh tiến thì việc không thành trở lại biếng nhác, mà tinh tiến nếu chậm việc cũng không xong. Cho nên không bình thường cũng gọi là định nạn.

Lại có định nạn vô niệm, là không nghĩ pháp thiện, dù có nghĩ pháp thiện lại không phải chỗ sở thụ.

Lại không nghĩ định tướng mà nghĩ ngoại sắc. Đó gọi là không nghĩ nhớ. Hành giả nên nhất tâm tinh tiến nghĩ nhớ pháp đã thụ như tay bưng bát dầu đầy.

Lại có định nạn điên đảo, là người nhiều tâm dục chịu tu pháp tâm từ, người nhiều giận dữ tu tập pháp bất tịnh. Hai hạng người trên quán 12 nhân duyên.

Lại trong tâm chìm mà tu chỉ, trong tâm động mà tu tinh tiến, trong 2 tâm này mà tu xả, đó gọi là điên đảo.

Lại có định nạn nhiều lời, nghĩa là nhiều giác quán. Giác quán là nhân của ngôn ngữ. Lại vì tâm không lạc trụ, bắt buộc ở tại cảnh duyên.

Lại có định nạn không lấy tướng. Có 3 thứ tướng là chỉ tướng, tiến tướng và xả tướng.

Lại có 3 tướng nữa là nhập định tướng, trụ tướng và khởi tướng. Hành giả không rành phân biệt các tướng như vậy, nên mất thiền định.

Lại có mạn định nạn, là như nói ta đây vào định được, mà người kia không vào được, gọi là kiêu mạn. Hoặc nói người kia có thể mà ta không thể, gọi là bất như mạn. Hoặc chưa được định mà tự bảo đã được, là tăng thượng mạn. Đối với định không vi diệu mà sinh tưởng cho là vi diệu, gọi là tà mạn.

Lại pháp tham v.v... cũng gọi định nạn. Như trong kinh nói: Nếu hành giả một pháp thành tựu thì không thể quán mắt vô thường. Đó gọi là tham.

Hỏi: Tất cả những người chưa lìa dục, đều không thể quán mắt vô thường sao?

Đáp: Lời đó có chút lỗi. Phải nói hiện tại khởi tham không thể quán mắt vô thường.

Lại trong thành tựu có sai khác. Có người tham v.v... dày nặng thường đến với tâm, thì hay chướng định, hoặc mỏng mà không thường xuyên, thì không thể làm chướng nạn.

Lại trong kinh nói 13 pháp ác đều gọi là định nạn, 13 bạch pháp đều là thuận định.

Như Phật nói: Nếu không dứt 3 pháp thì độ được già, bệnh, chết. Đó là tham, nhuế, si. Nếu không dứt 3 pháp đó thì không thể dứt tham, nhuế, si là thân kiến, giới thủ, nghi.

Lại có 3 pháp là tà niệm, tà hành, tâm chìm.

Lại có 3 pháp là nhớ quấy, bất an, tuệ loạn tâm.

Lại có 3 pháp là điệu hý, không giữ các căn, phá giới.

Lại có 3 pháp là bất tín, tà giới, biếng nhác.

Lại có 3 pháp là không ưa người thiện, ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người.

Lại có 3 pháp là không cung kính, khó trao đổi giải bày, tập theo ác tri thức. Nếu không dứt 3 pháp thì không dứt được sự không

cung kính, khó trao đổi giải bày, ác tri thức, nghĩa là không hổ, không thẹn, phóng túng. Nếu dứt được sự không hổ, không thẹn, phóng túng thì dứt được sự không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, cho đến dứt được thân kiến, giới thủ, nghi, thì dứt được tham, nhuế, si độ thoát già, bệnh, chết.

Trong đây độ thoát già, bệnh chết là Niết-bàn vô dư. Dứt tham, nhuế, si là quả A-la-hán Nê-hoàn hữu dư. Dứt thân kiến, giới thủ, nghi, là 3 quả Sa-môn. Dứt tà niệm, tà hành, tâm chìm là ở trong noãn v.v... đạt phần thiện căn. Dứt nghĩ nhớ sai quấy, không an tuệ, loạn tâm là tu 4 ức niệm xứ. Dứt điều hý không giữ các căn phá giới, là thụ giới xuất gia. Dứt sự không ưa người thiện, ghét nghe chính pháp, ưa xoi bói lỗi người, không tin tà giới, biếng nhác, không cung kính, khó trao đổi giải bày, quen tập theo ác tri thức, không hổ, không thẹn, phóng túng, là tại gia thanh tịnh.

Bởi vì sao? Vì nếu người ở một mình làm ác mà không biết xấu hổ, gọi là không hổ, người này về sau tâm ác tăng dần, ở giữa chúng mà làm ác cũng không chút liêm sỉ, gọi là không thẹn. Mất gốc pháp thiện của 2 bạch pháp này nên thường đuổi theo pháp ác gọi là phóng túng. Bởi thành tựu 3 ác pháp này nên không chịu vâng lãnh những lời giáo huấn của các bậc sư trưởng tôn quý, gọi là không cung kính. Chống trả lời thầy dạy, gọi là khó trao đổi giải bày. Như vậy xa lìa sư trưởng, gần gũi người ác gọi là tập quen theo ác tri thức.

Trong đây, từ chỗ không hổ sinh không cung kính, từ không thẹn sinh khó trao đổi giải bày, từ phóng túng sinh quen tập theo ác tri thức. Cho nên sinh bất tín mà thụ pháp tà giới, thường biếng nhác, gần gũi người ác, được dạy cho điều bất tín, rằng làm ác không có báo. Hoặc nghe nói làm ác bị quả báo, liền thụ hành giới pháp gà, chó v.v..., mong chóng hết tội. Thụ hành giới pháp này không ngờ có chút lợi lại sinh biếng nhác, vì biếng nhác nên không ưa người thiện, cho rằng không phải người chân thật làm chính hạnh. Cũng ghét nghe

chính pháp, cho rằng tu chính pháp đều như tà pháp không được lợi ích gì. Bởi tâm vẫn đục nên ưa xoi bói lỗi người, cho rằng pháp người kia làm cũng như mình đều không được gì cả. Như vậy không chế ngự được phiền não nên tâm hý diệu. Vì hý diệu nên không nhiếp hộ các căn thì có thể phá giới, vì phá giới nên sinh nghĩ nhớ sai quấy, mà hành không an tuệ tâm chí tán loạn liền sinh tà niệm. Sinh tà niệm nên liền tu tà đạo. Khi tu tà đạo không được lợi ích, nên tâm mê mờ. Tâm không sáng suốt, nên không dứt được 3 kết. Không dứt 3 kết, nên không dứt được tham v.v... các bệnh phiền não ... các suy kém.

Trái với những thứ kể trên thì gọi là bạch pháp tức là pháp thanh tịnh.

Lại có định nạn lo rầu, là hành giả sinh ý nghĩ: Ta đã trải nhiều năm tháng mà không đắc định nên sinh lo rầu.

Lại tham đắm mùi vị hỷ lạc, đó cũng là định nạn.

Lại có định nạn không vui, nghĩa là tuy được chỗ tốt thầy giỏi v.v... duyên tâm cũng không vui.

Lại tham v.v... các thứ ngăn che, cũng đều gọi là định nạn.

Tóm lại, cho đến áo mặc, ăn uống v.v... các pháp làm tổn giảm thiện căn, tăng trưởng bất thiện đều gọi là định nạn, tức những khó khăn trong tu định, cần phải biết rõ, siêng cầu mong lia bỏ.

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 15

Phẩm 187: CHỈ QUÁN

Hỏi: Nhiều chỗ trong kinh Phật thường bảo các Ti-kheo hoặc ở nơi A-lan-nhã, hoặc ở dưới cây, hoặc ở trong nhà trống vắng, nên nghĩ nhớ 2 pháp là Chỉ và Quán.

Nếu tất cả các pháp thiền định đều nên nghĩ nhớ, vì sao chỉ nói Chỉ và Quán?

Đáp: Chỉ là định, Quán là tuệ. Tất cả pháp thiện nào do tu mới sinh thì đều nhiếp thuộc trong 2 pháp đó. Và còn ở tản tâm mà có các tuệ nghe nghĩ cũng nhiếp trong pháp này, vì 2 pháp này có thể thành xong đạo pháp.

Bởi vì sao? Vì Chỉ có thể ngăn kết, Quán có thể dứt diệt. Chỉ như nắm cỏ, Quán như liềm cắt. Chỉ như quét đất, Quán như trừ phân. Chỉ như dọn bẩn, Quán như rửa nước. Chỉ như nước làm thấm, Quán như lửa làm chín. Chỉ như ung nhọt, Quán như dao khoét. Chỉ như khởi mạch, Quán như chích máu. Chỉ là ngăn tâm động, Quán như vục dậy tâm chìm. Chỉ như vẩy nước vàng, Quán như đem lửa nung. Chỉ như dây buộc đất, Quán như dùng dao nạo. Chỉ như lấy nhiếp nhổ gai, Quán như kéo dao cắt tóc. Chỉ như áo giáp, Quán như binh trượng. Chỉ như đứng thẳng, Quán như bắn tên. Chỉ như uống

dầu, Quán như uống thuốc. Chỉ như nhồi đất, Quán như in ấn. Chỉ như gia công vàng, Quán như làm đồ vật.

Lại chúng sinh trong thế gian đều sa vào 2 bên hoặc khổ hoặc vui. Chỉ có thể xả bỏ vui, Quán có thể lia khổ.

Lại trong 7 tịnh, giới tịnh, tâm tịnh là Chỉ, còn 5 pháp kia là Quán.

Trong 8 pháp giác ngộ của bậc Đại nhân, 6 giác là Chỉ, 2 giác là Quán.

Trong 4 ức xứ, 3 ức xứ là Chỉ, ức xứ thứ tư là Quán, 4 như ý túc là Chỉ, 4 chính cần là Quán.

Trong 5 căn, 4 căn là Chỉ; tuệ căn là Quán, 5 lực cũng vậy.

Trong 7 giác phần, 3 giác phần là Chỉ, 3 giác phần là Quán, còn niệm giác phần chung cả hai.

Trong 8 chính đạo phần, 3 phần là giới, 2 phần là Chỉ, 3 phần là Quán. Giới cũng thuộc Chỉ.

Lại Chỉ có thể dứt tham, Quán trừ vô minh. Như trong kinh nói: Tu Chỉ là tu tâm, tu tâm là dứt tham thụ. Tu Quán là tu tuệ, tu tuệ thì vô minh dứt.

Lại vì lia tham nên tâm được giải thoát, vì lia vô minh tuệ được giải thoát. Giải thoát được 2 thứ đó lại không còn việc gì nữa nên chỉ nói 2 pháp đó.

Hỏi: Nếu Chỉ Quán có thể tu tâm tu tuệ vì tu tâm tuệ nên dứt tham và vô minh. Vậy sao định nói Chỉ có thể tu tâm, có thể dứt tham ái, Quán có thể tu tuệ có thể dứt vô minh?

Đáp: Tán tâm là các tâm nối nhau đi trong sắc v.v.... Tâm nối nhau này được pháp Chỉ thì dứt, cho nên nói Chỉ có thể tu tâm. Do dứt tâm sinh trí nên cho nói Quán có thể tu tuệ. Vì sinh Quán rồi sau

mới có tu, nên đều gọi tu tuệ. Sơ tuệ gọi là Quán, sau mới gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tu Chi có thể dứt tham là nói ngăn dứt.

Làm sao biết được? Vì với sắc v.v... ngoại dục sinh tham, nếu được thuốc Chi thì không thể sinh lại. Như trong kinh nói: Hành giả khi được tịnh hỷ, là xả bỏ bất tịnh hỷ. Nếu nói vô minh dứt là dứt rốt ráo. Vì sao biết được? Vì vô minh dứt nên tham v.v... phiền não dứt hẳn không còn. Trong kinh cũng nói lia tham nên tâm được giải thoát gọi là ngăn dứt. Lia vô minh nên tuệ được giải thoát, gọi là rốt ráo dứt.

Có 2 thứ giải thoát: thời gian giải thoát và bất hoại giải thoát. Thời gian giải thoát là ngăn dứt; bất hoại giải thoát là rốt ráo dứt.

Hỏi: Thời gian giải thoát là 5 loại A-la-hán vô lậu giải thoát. Bất hoại giải thoát là bất hoại pháp A-la-hán vô lậu giải thoát, vì sao chỉ nói ngăn dứt ư?

Đáp: Đó không phải vô lậu giải thoát. Bởi vì sao? Vì thời gian giải thoát là chỉ nhờ thượng lực ngăn kết một thời gian ngắn mà chưa có thể dứt vĩnh viễn, về sau phát sinh lại, nên không phải vô lậu.

Lại giải thoát này gọi là thời, là ái giải thoát, chứ lậu tận A-la-hán không còn chỗ khả ái.

Hỏi: Nếu vậy là không có Thánh sở ái giới?

Đáp: Vì các học nhân chưa hết lậu nên ngã tâm thỉnh thoảng phát khởi, cho nên đối với giới sinh ái, chứ không phải A-la-hán ngã tâm đã diệt hẳn mà lại sinh ái.

Hỏi: A-la-hán Cù-đề với thời giải thoát 6 phen thoái lui mất, lo sợ thoái lui lần thứ 7 nên dùng dao tự sát. Nếu mất hữu lậu không nên tự hại. Cho nên biết thời giải thoát không gọi hữu lậu?

Đáp: Người này thoái lui mất sở dụng dứt kết thiền định, ở trong định đó 6 phen lui mất, đến phen thứ 7 lại được định đó lại, bèn muốn tự sát. Bấy giờ liền chứng được đạo A-la-hán. Cho nên ma vương bảo

nhau rằng học nhân chết đi quanh 4 phía thầy để tìm thức nó chạy ra. Rồi đến thưa Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đệ tử của ngài vì sao lậu chưa hết mà chết? Phật nói: Người này đã nhờ gốc ái, được vào Nê-hoàn.

Hỏi: Nếu dứt tham gọi là ngăn dứt thì trong kinh có nói: Từ tham tâm được giải thoát, từ nhuế si tuệ được giải thoát. Lại nói: Từ dục lậu tâm được giải thoát. Như vậy đều nên gọi ngăn chặn là giải thoát, chứ không phải giải thoát thật sự?

Đáp: Trong đó cũng có nói dứt vô minh, nên mới biết là rốt ráo giải thoát. Nếu nói dứt tham thì hoặc ngăn dứt, hoặc rốt ráo dứt. Nếu không sinh chân trí thì đó là ngăn dứt; tùy sinh chân trí thì đó là rốt ráo dứt. Chứ không có dùng pháp Chỉ mà dứt rốt ráo dứt tham được. Nếu như vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham. Nếu vậy ngoại đạo cũng có thể rốt ráo dứt tham, mà thật sự không phải vậy. Cho nên biết chỉ là ngăn dứt.

Hỏi: Trong kinh nói: Dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Dùng Quán tu tâm, nương Chỉ được giải thoát. Việc đó thế nào?

Đáp: Hành giả, nếu nhân thiên định sinh duyên diệt trí, đó là dùng Chỉ tu tâm, nương Quán được giải thoát. Nếu dùng tán tâm phân biệt âm, giới, nhập v.v..., nhờ đó được duyên diệt dứt; đó là dùng Quán tu tâm nương Chỉ được giải thoát. Nếu được niệm xứ v.v... đạt phần nhiếp tâm thì đều tu Chỉ Quán. Lại tất cả hành giả đều nương 2 pháp này được diệt tâm giải thoát.

Phẩm 188: TU ĐỊNH

Hỏi: Ông nói phải tu tập định. Định tâm này là niệm niệm sinh diệt làm sao tu được?

Đáp: Hiện thấy thân nghiệp tuy niệm niệm diệt, nhờ tu tập nên có kỹ năng khác thường, tùy tu tập lâu dần chuyển đổi khác, khẩu

nghiệp cũng vậy. Tùy chỗ tu tập chuyên tăng, điều hòa lợi ích kiên cố dễ nhớ, như đọc tụng v.v... Phải biết ý nghiệp tuy niệm niệm diệt nhưng có thể tu tập, như lửa có thể biến sống thành chín, nước có thể xói mòn đá, gió có thể thổi vật. Như vậy các pháp niệm niệm diệt đều có sức nhóm họp.

Lại tùy tập phiền não thì tùy theo đó mà bùng phát, như người đời đời quen tập dâm dục thì thành đa dục. Nhuế si cũng vậy. Như trong kinh nói: Nếu người tùy nghĩ việc gì, thì tâm hướng theo việc đó, như thường tùy theo dục giác thì tâm hướng theo dục. Hai giác kia cũng vậy. Cho nên biết tâm này tuy niệm niệm diệt mà cũng có thể tu tập.

Lại tu gọi là tăng trưởng. Hiện thấy các pháp đều có tăng trưởng. Như trong kinh nói:: Hành giả bởi tà niệm nên dục v.v... các lậu chưa sinh thì sinh, đã sinh thì tăng trưởng, nghĩa là từ hạ sinh trung, từ trung sinh thượng, như hạt giống, mầm cộng nhánh lá hoa quả. Hiện thấy đều từ nhân dần dần tăng trưởng. Pháp định tuệ v.v... cũng phải như vậy.

Lại hiện thấy ướp mè, mùi hương càng lúc càng tăng. Hương đó và mè niệm niệm không ngừng mà có sức ướp. Cho nên biết pháp niệm niệm diệt cũng có thể tu tập.

Hỏi: Mè là pháp trụ, hoa hương đến xông ướp không có tâm trụ. Đem trí niệm niệm diệt mà đến tu tập, thì làm sao ví dụ được?

Đáp: Không có pháp trụ. Tất cả các pháp đều niệm niệm diệt. Điều này trước đã thành lập nên không còn đem nạn vấn được.

Lại nếu pháp không niệm niệm diệt thì không tu tập được, tức thể thường trụ tu tập ích gì? Nếu pháp niệm niệm sinh diệt do hạ, trung, thượng nên mới có tu tập.

Hỏi: Các hoa đến mè có thể xông ướp. Trí không đến tâm nên không tu tập?

Đáp: Trong ví dụ về nghiệp ở trước đã nói rõ việc này. Như nói nghiệp sau không đến nghiệp trước. Lời nói trước không đợi lời nói sau, mà thân khẩu nghiệp cũng vẫn có tướng tu. Cho nên ông nói không đến không tu, không gọi là nạn vẫn được.

Lại hiện thấy nhiều quả tuy không đồng thời, nhưng cũng được do nhân có quả. Như vậy tâm pháp tuy niệm niệm diệt, mà vẫn có tu tập được.

Lại như giống được nước tuy không đến mầm v.v..., nhưng cũng vẫn khiến mầm tươi tốt. Như vậy tu tập trí tuệ, tâm trước tâm sau tăng trưởng.

Hỏi: Nếu mê niệm niệm diệt thì sinh mê khác. Mê này là do ướp mà sinh hay không ướp sinh? Nếu không ướp sinh, thì hoàn toàn không có sự xông ướp. Nếu xông ướp sinh, thì cần gì xông ướp lâu?

Đáp: Vì nhân xông ướp. Như hạt giống được nước thì mầm thấm nhuần tốt tươi. Như nhân hoa trước hợp lại mà sinh thứ mê khác, vậy là do xông ướp sinh.

Ông nói cần gì ướp lâu, như trong kinh của ông nói: Do lửa hợp với pháp vi trần mà tướng đen diệt tướng đỏ sinh. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp diệt tướng đen đỏ, thì không nên sinh lại tướng đen. Nếu ban đầu lửa hợp với pháp sinh tướng đỏ đỏ, thì cần gì lửa sau phải hợp với pháp nữa? Nếu khi lửa ban đầu hợp, tướng đen sinh, tướng đỏ lẽ ra hoàn toàn không nên sinh. Nếu khi thời gian thứ 2 tướng đỏ sinh, lại cần gì lâu hợp với lửa? Nếu ý ông bảo tướng đỏ sinh dần dần. Tâm cũng như vậy, đâu có lỗi gì ư? Hư hoại v.v... cũng như vậy.

Lại các pháp tuy có nhân duyên nhưng cũng thứ lớp sinh, như thụ thai v.v... dần dần thành thân, như hạt giống, gốc rễ v.v... cũng lần lượt sinh. Cũng như vậy, các pháp định tuệ v.v... tuy niệm niệm diệt, nhưng cũng do pháp hạ trung thượng tuần tự sinh.

Lại tu pháp vi tế dị tâm nối nhau, như hơi nóng vi tế của quả trứng làm cho biến dần thành lông con chim con, như hơi nóng vi tế của da tay làm mòn dần cán búa đến hết.

Tâm cũng như vậy, định tuệ vi diệu nên lần lượt tu tập.

Lại khi tu tập pháp, đến thì mới biết. Như có bài kệ nói:

Một phần theo thầy thụ.

Một phần nhờ bạn được.

Một phần tự tư duy.

Một phần đợi thời đến.

Nếu có người tuy đọc tụng suốt ngày không rõ ràng nghĩa lý được, như chín muối chưa đến, như đem nhiều hoa một lúc xông ướp mè không bằng ít hoa mà xông ướp lâu. Nước thấm vào tường vách dày cũng như vậy. Hiện thấy hạt giống rễ mầm v.v... tăng trưởng rất vi tế còn không thấy được, lớn lên từng ngày chừng bằng đầu sợi lông. Thân trẻ con v.v..., bơ sữa v.v... chín muối cũng như vậy. Cho nên biết pháp tu hành rất vi diệu khó biết được.

Hỏi: Hoặc thấy có pháp nhất thời tụ tập rất gấp. Như có người xưa nay không thấy sắc, mà thấy sắc là đắm nhiễm ngay. Cũng có người chút ít thời gian mà thông đạt nhiều điều. Vì sao chỉ nói lần lượt tu tập?

Đáp: Đó đều là quá khứ từng tu tập nên biết chứa nhóm sự tích tập dần dần điều này đã rõ.

Lại không chỉ phát tâm mà có thể thành xong sự nghiệp. Như trong kinh nói: Nếu đối với pháp thiện không siêng tu tập mà chỉ mong muốn không thụ các pháp, đối với các lậu tâm muốn được giải thoát, thì ý nghĩ người này hoàn toàn không theo ước nguyện được, vì không thể siêng tu pháp thiện. Hành giả, nếu có thể siêng tu pháp thiện dù không phát nguyện, tâm cũng được giải thoát các lậu vì do

từ nhân sinh quả không phải cầu nguyện, như con chim sẽ cần lo ấp trứng, không cần nguyện cầu chim con từ trứng nở ra.

Lại không vì nguyện nên đèn sáng trong treo, mà cần đầy đủ dầu trong, tim sạch, không vật gì xúc động ánh sáng mới trong treo.

Lại không chỉ nguyện mà có thể được lúa tốt, mà quyết phải có ruộng màu mỡ, giống tốt, thời tiết thuận hòa, công sức đầy đủ mới có thu hoạch.

Lại không chỉ nguyện sông mà thân được sức mạnh, mà cần phải có các duyên như uống thuốc tốt, ăn thức ngon bổ v.v... mới được đầy đủ sức lực. Như vậy không phải chỉ nguyện sông mà có thể được hết lậu, phải có chân trí mới được giải thoát. Có đâu người trí biết do nhân sinh quả, mà bỏ nhân để theo đuổi cầu quả ở những gì khác.

Lại tu tập pháp hiện thấy quả báo. Như trong kinh Phật nói: Không cần 7 ngày, ta dạy đệ tử cho đến tu tập pháp thiện trong giây lát sẽ thường được hưởng vui trong nhiều đời.

Lại các Tì-kheo-ni thưa Đại đức A-nan rằng: Chị em chúng tôi khéo tu niệm xứ, nghiệm biết khác hơn lúc ban đầu.

Lại trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Nếu ai tâm không đua dọc, đến đây với ta, ta vì ban mai nói pháp, khiến chiều được lợi, nói pháp ban chiều khiến sáng mai được lợi.

Lại nếu người được đạo A-la-hán, thì không cùng người khác, cũng không cùng phi nhân. Chỉ tu nhân chân chính nên được lợi đó.

Lại vô thượng Phật đạo còn phải tích chứa, tập các pháp thiện mới chứng được, huống là những việc khác! Như trong kinh Phật bảo các Tì-kheo: Ta nương nhờ 2 pháp mà được đạo vô thượng: một là ưa thích điều thiện không chán, hai là tu đạo không biết mỏi. Phật đối với pháp thiện hoàn toàn không có giới hạn.

Lại các BỒ-Tát dù không được định cũng không biếng nhác mỗi một. Bởi vì sao? Vì nếu không làm thiện thì không được gì hết. Làm thiện cũng không mâu thuẫn nhau. Người không làm thiện quyết không yên ổn. Suy nghĩ vậy rồi, thì siêng năng tinh tiến tu tập pháp thiện. Nếu phát tâm tinh tiến hoặc được hoặc mất, còn người không tinh tiến thì mãi mãi không có hy vọng. Cho nên phải siêng năng tu tập, đừng sinh biếng nhác.

Lại người trí cuối cùng phải được giải thoát. Nếu bỏ tu tập không còn phương tiện nào khác. Cho nên người trí phải siêng tu tập đừng sinh biếng nhác.

Lại hành giả nghĩ tu chính hành ắt có quả báo, tuy chưa được liền không lấy làm lo.

Lại hành giả nên nghĩ: Ta đã từng được quả báo tu tập, vì chúng sinh xưa nay đều được tất cả thiên định, nay ta chính tu cũng chắc sẽ được. Nên không biếng nhác.

Lại người chính hành được Phật chứng minh. Ta nay chính hành, nên biết chắc được.

Lại ta được đầy đủ nhân duyên đặc đạo là: được thân người, các căn đầy đủ, rõ biết tội phúc, cũng tin giải thoát, gặp thiện tri thức. Dù các duyên may này, làm sao tu tập không được quả?

Lại chính hành tinh tiến không hề luống bỏ, nên không chán mỏi.

Lại phiền não dứt một cách vi tế âm thầm khó biết, như cán búa mòn dần đến hết. Các phiền não ta cũng phải sẽ dứt, nhưng vì vi tế nên không thể biết hết được. Cho nên biết tu thiện tinh tiến là hơn hết.

Lại kẻ ít trí tuệ còn có thể phá được phiền não, như chút ánh sáng cũng có thể trừ tối. Như vậy chỉ được chút ít trí tuệ thì sẽ xong việc, nên không chán mỏi.

Lại lâu mà khó thành, như đắc định. Nếu đắc định rồi thì các công phu khác sẽ không lâu. Cho nên tuy không mau đắc, quyết không chán mỗi.

Lại hành giả nên nghĩ đắc định là rất khó, như Bồ-tát xưa phúc tuệ sâu dày mà phải tinh cần đến 6 năm mới chứng được! Còn các Tì-kheo đắc định cũng khó, huống là chúng ta phàm phu bạc phúc độn căn mà có thể mau được ư? Nghĩ như vậy rồi không sinh chán mỗi.

Lại điều tất yếu của các hành giả phải là tu định, không còn nghiệp nào khác hơn, nên dù được dù không vẫn cần phải tu tập.

Lại người tu tập dù không được định, nhưng cũng gọi thân được xa lìa. Thân xa lìa rồi thì dễ được định.

Lại nếu siêng tu định thì không phụ ơn Phật. Mà cũng vì tu hạnh xa lìa mới được gọi là hành giả.

Lại tu tập pháp thiện lâu thì được thành tính thiện, cho đến chuyển mang thân khác pháp thiện đó vẫn thường theo, nên được thường gặp gỡ người thiện, đó là lợi lớn.

Lại người thường tu thiện hoặc ngay thân này chắc được hết lậu, hoặc được ngay khi lâm chung, hoặc sau khi mạng chung hóa sinh về chỗ thiện và được hết lậu ở đó, như trong Lợi ích của sự nghe pháp đã nói.

Lại trong tâm hành giả phát khởi tướng dững mãnh nghĩ như vậy: Nếu ta không phá được trận giặc phiền não này quyết chẳng trở về không.

Lại hành giả nương tâm kiêu mạn mà sinh ý nghĩ như vậy: Người khác có tín v.v... các thiện căn nên có thể được định, ta nay cũng có, vì sao không được? Như Bồ-tát xưa theo người tiên A-la-la nghe pháp khởi ý nghĩ như vậy: Người này có tín v.v... các thiện căn, nên có thể được pháp này. Ta nay cũng có, mà vì sao lại không được?

Lại hành giả biết phiền não yếu ớt, sức trí tuệ mạnh mẽ, diệt nó đâu khó gì? Như nói Tì-kheo thành tựu 6 pháp, có thể dùng miệng thổi tan núi Tuyết, huống là thứ vô minh chết.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Do đời trước ta không tu định, nên nay không thể được, nay nếu không siêng tu sau lại sẽ không được, cho nên phải siêng tu tập.

Lại vì thường tu định nên tâm được chỗ trụ như chiếc bình lăn không dừng chắc phải có chỗ trụ.

Lại hành giả sinh ý nghĩ: Nếu ta thường siêng năng tinh tiến, dù được dù không, sau khỏi ăn năn. Cho nên phải nhất tâm siêng năng tu tập các định.

Phẩm 189: TƯỚNG CỦA TRÍ TRONG LUẬN VỀ TRÍ CỦA NHÓM ĐẠO ĐỂ

Chân tuệ gọi là trí. Chân là không, vô ngã. Trong đó trí tuệ gọi là chân trí. Trong giả danh, tuệ là tướng không phải trí. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Như dao có thể cắt. Đệ tử Phật dùng dao trí tuệ có thể cắt đứt tất cả phiền não kết, phược, sử, triền, chứ không nói pháp nào khác. Không dùng thứ không thật mà có thể đứt phiền não được. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Hỏi: Ông chỉ nói tuệ có thể đứt phiền não. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Vì tướng cũng có thể đứt các phiền não. Như trong kinh nói: Khéo tu tướng vô thường có thể phá át cả Dục nhiễm, Sắc nhiễm, và Vô sắc nhiễm, tất cả hý diệu, kiêu mạn, vô minh?

Đáp: Không đúng. Tuệ mới đứt phiền não, lấy tên tướng mà gọi. Phật có 2 lối nói: một là thật ngữ, hai là danh tự ngữ. Như trong kinh nói: Tâm từ đứt giận dữ. Mà thật không phải pháp từ đứt kết, chỉ

trí mới có thể dứt, như nói dao trí dứt các phiền não. Cho nên biết từ có thể dứt giận dữ, đó là danh tự ngữ.

Lại nghĩa trong kinh nói hiểu biết nên gọi tuệ. Có thể hiểu biết việc gì? Là sắc vô thường như thật biết vô thường, thụ tướng hành thức vô thường như thật biết vô thường. Đó là trí tuệ.

Lại nói đệ tử Phật là người tu định nhiếp tâm như thật thấy biết. Cho nên biết duyên đệ nhất nghĩa gọi là trí tuệ.

Lại trong ví dụ trí tuệ gọi trí là con dao tuệ là mũi tên v.v.... Trong dụ này đều chỉ rõ dứt trừ phiền não, chỉ chân trí tuệ mới có thể dứt phiền não. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kệ nói:

*Hành giả thấy thế gian,
Tất cả các trời người,
Vì thoái mất chân trí,
Nên tham đắm danh sắc.*

Thế gian phần đông chấp hư vọng cho là thường, lạc, tịnh v.v... gọi là mất chân trí. Nếu thấy chân thật không, vô ngã v.v... gọi là được chân trí. Cho nên biết trí tuệ là thật.

Lại trong kinh Phật nói: Như người mắt của gọi là mắt tiểu lợi. Nếu mắt trí tuệ gọi là mắt đại lợi.

Lại nói: Trong các lợi, của cải là lợi nhỏ, tuệ là lớn.

Lại nói: Trong các ánh sáng, ánh sáng mặt trời mặt trăng là ánh sáng nhỏ, ánh sáng tuệ là đệ nhất. Nếu tuệ không phải thật, sao Phật phải nói lên như vậy?

Lại trong kinh nói tuệ căn nhiếp thuộc Thánh đế.

Lại nói phải biết trí khổ, tập là chân thật, duyên đệ nhất đế gọi là trí tuệ.

Lại nói, trong các pháp trí tuệ là thượng.

Lại nói, cũng gọi Vô thượng Chính biến tri là tuệ nhãn. Cho nên biết trí tuệ là thật vì duyên đệ nhất nghĩa.

Hỏi: Nếu vậy thì không có thể gian trí tuệ?

Đáp: Thật không có trí tuệ thể gian. Làm sao biết được? Vì tâm thể gian duyên giả danh, tâm xuất thể gian duyên không, vô ngã. Bởi vì sao? Vì thể gian là giả danh, vượt khỏi giả danh gọi là xuất thể gian.

Hỏi: Ông nói không đúng. Bởi vì sao? Vì trong kinh nói: Thức biết chỗ nào? Là biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Như vậy âm, giới, nhập v.v... đều do thức biết. Nay cái biết này đều nên gọi là xuất thể gian. Cho nên ông nói tâm thể gian chỉ duyên giả danh không thể duyên thật. Điều này không đúng.

Lại ý thức cũng có thể duyên thật, vì có thể duyên thụ, tướng, hành v.v...

Lại Phật nói 2 thứ chính kiến là thể gian và xuất thể gian. Thấy có phúc tội v.v... gọi là thể gian. Như đệ tử Phật duyên khổ tập diệt đạo, vô lậu niệm, tương ưng tuệ gọi là xuất thể gian.

Lại trong kệ nói:

*Được chính kiến trên đời,
Dù qua lại sinh tử,
Cho đến trăm ngàn đời,
Thường không đọa ác đạo.*

Lại trong kinh nói: Người tà hành được sinh về chỗ thiện. Người này tội nghiệp chưa thành, mà duyên thiện thành thực trước, hoặc chính khi chết chính kiến tương ưng, thiện tâm hiện tiền, nên được sinh chỗ thiện.

Lại trong 10 thiện đạo cũng có nói chính kiến. Sao ông nói không có thể gian trí?

Lại Phật tự nói có 3 thứ tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Văn tuệ tư tuệ đều là thế gian. Tu tuệ gồm cả 2.

Lại Phật sinh ý nghĩ rằng Tì-kheo La-hầu-la chưa có thể thành tựu được tuệ giải thoát.

Lại nói có 5 pháp có thể khiến tâm chưa thành thực giải thoát được thành thực. Đó đều là trí tuệ thế gian.

Lại trong kinh nói: Có người có thể xuất mà không thể quán. Có người có thể quán mà không thể độ. Được thế gian trí nên gọi là có thể xuất. Chưa thấy 4 đế nên không thể quán. Nếu thấy 4 đế mà chưa được hết lậu nên gọi không thể độ.

Lại Phật tự nói: Pháp trí, tỷ trí, tha tâm trí, thế trí.

Lại nói: Túc mạng trí, sinh tử trí đều là hữu lậu.

Lại nói: Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí v.v... do trong kinh nói có như vậy v.v.... cho nên phải biết có trí hữu lậu?

Đáp: Nếu có trí tuệ hữu lậu, thì nay cần phải nói tướng sai khác của trí hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Nếu pháp sa vào hữu gọi là hữu lậu, khác đi là vô lậu.

Đáp: Pháp nào là sa vào hữu, pháp nào không sa vào hữu? Điều này phải giải đáp. Nếu không đáp được thì không phải tướng hữu lậu và vô lậu.

Ông nói có tâm thế gian duyên phi giả danh, gọi là thức duyên các trần, điều này không đúng.

Bởi vì sao? Vì Phật nói phàm phu thường theo giả danh mà lấy nghĩa. Vì tất cả tâm phàm phu không phá được giả danh, nên thường chạy theo tướng ngã, hoàn toàn không thể lìa bỏ được. Tuy thấy sắc cũng không lìa được tướng cái bình v.v... Cho nên tâm phàm phu không duyên được thật nghĩa. Dù có duyên các pháp thụ tướng v.v...

cũng vẫn thấy là ngã và ngã sở. Cho nên biết tất cả tâm thể gian đều duyên giả danh.

Ông nói có các trí tuệ thể gian là 2 thứ chính kiến v.v.... Nay sẽ giải đáp tâm có 2 thứ là tâm si và tâm trí. Duyên pháp giả danh gọi là tâm si. Nếu chỉ duyên pháp, là không, vô ngã gọi là tâm trí. Như trong Kinh Giải Vô Minh nói: Vô minh là không biết trước, không biết sau, không biết trước sau, không biết nghiệp, không biết báo, không biết nghiệp báo trước sau. Như vậy v.v... chỗ chỗ như thật không biết, không thấy, không hiểu, si vọng đen tối, nên gọi là vô minh.

Như thật không biết, nghĩa là không biết không, vô ngã, vì là tâm phàm phu thường ở trong giả danh và duyên giả danh nên gọi là vô minh, duyên không, gọi là trí. Nay nếu tất cả tâm thể gian đều duyên giả danh, tâm duyên giả danh gọi là vô minh, thì làm sao được nói thể gian có trí tuệ?

Hỏi: Như ông nói tướng trí tuệ duyên giả danh gọi là vô minh thì nay A-la-hán phải có vô minh, vì cũng có tâm duyên cái bình v.v...?

Đáp: A-la-hán không có tâm duyên cái bình v.v.... Bởi vì sao? Vì khi mới đắc đạo đã phá vỡ các tướng giả danh rồi. Nhưng chỉ vì sự dụng nên nói bình v.v... mà không chấp đắm kiêu mạn.

Có 3 thứ ngôn ngữ: một do thấy sinh, hai do kiêu mạn sinh, ba do sự dụng sinh. Phạm phu khi nói cái bình, khi nói con người, những lời đó đều do thấy sinh. Học nhân tuy không ngã kiến, vì mất chính niệm nên trong 5 ám lấy tướng ngã mạn nói là con người, là cái bình, như trong Kinh Sai-ma-già đã nói.

Sự dụng, là A-la-hán như Đại Ca-diếp thấy áo Tăng-già-lê nói: Vật này của ta. Thiên thần sinh nghi. Phật giải thích rằng: Người đó đã vĩnh viễn nhổ gốc mạn, đốt cháy hết nhân duyên làm sao có mạn? Nhưng vì danh tự thể gian nên nói vậy thôi. Cho nên biết A-la-hán không có tâm cái bình v.v....

Hỏi: Nếu thế gian không trí tuệ, mà nói 2 thứ chính kiến v.v..., thì làm sao thông với kinh được?

Đáp: Đó đều là tướng, lấy tên trí mà nói. Phật có thể thông đạt thật tướng các pháp, tùy theo có thể độ chúng sinh mà lập nhiều danh tự, như trí tuệ lấy tên thụ v.v... mà nói, như nói thụ là đối với các pháp được giải thoát. Cũng nói, khéo tu tướng vô thường v.v... có thể phá tất cả phiền não. Cũng nói nghiệp thứ tư không đen không trắng có thể hết các nghiệp, như nói học tu.

Lại nói, lấy ý dứt các tham đắm.

Lại nói, tin có thể qua sông, nhất tâm qua biển, tinh tiến trừ khổ, tuệ có thể thanh tịnh.

Lại nói, mắt muốn thấy sắc, mắt thật không muốn chỉ tâm muốn thấy, mà lấy tên mắt nói.

Hỏi: Nếu trí thế gian thật sự là tướng đó, vì sao gọi là trí? Nếu không nhân duyên gì mà gọi là trí, thì tất cả tướng đều phải gọi trí. Cũng có thể nói có 2 thứ tướng, một duyên thế đế, hai duyên đệ nhất nghĩa đế?

Đáp: Không phải. Tướng có nhiều thứ sai khác, có tướng rất ngu si, đến nỗi không biết thiện ác thế gian. Có tướng si kế tiếp có thể phân biệt thiện ác, có tướng ít si hơn nữa có thể duyên tướng xương v.v.... Không lìa giả danh thì không thể hoại tướng các ám. Tướng này có thể thuận với trí hoại ám tướng, nên Phật gọi là trí. Thế gian có lỗi nói quả trong nhân. Như nói ăn vàng, thí người 5 việc, gái làm bản giới pháp, bờ tốt dòng nước ngon, pháp phục người vui.

Lại trong Kinh Thất Lộ nói: Dụng dứt v.v... lậu nhân gọi là lậu.

Lại nói, lấy cái ăn làm mạng sống, cỏ làm bò dê. Cũng nói, áo com các vật đều là ngoại mạng. Như cướp của người tức là cướp

mạng. Đó đều nói nhân làm quả. Như vậy nhân của trí nói là trí, nên không lỗi.

Hỏi: Các niệm xứ là trong noãn pháp v.v..., tâm có thể duyên thật pháp là vô lậu sao?

Đáp: Tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên tùy tâm có thể phá giả danh, từ đó về sau gọi là vô lậu.

Hỏi: Tâm đến bậc nào có thể phá giả danh?

Đáp: Tùy có thể thấy đầy đủ tướng 5 ấm sinh diệt, bảy giờ được tướng vô thường. Tướng vô thường có thể khiến hành giả đủ tướng vô ngã. Như nói Thánh đệ tử dùng tướng vô thường tu tâm thì có thể trụ tướng vô ngã. Dùng tướng vô ngã tu tâm có thể chóng được giải thoát tham sân si v.v.... Bởi vì sao? Vì nếu dùng tướng vô ngã tu tâm thì có thể trụ tướng khổ, vì tướng ngã nên dù bị khổ vẫn không biết. Cho nên, nếu pháp vô thường, vô ngã, mà cũng khổ thì người trí vẫn có thể rất sinh chán ghét. Nên tướng vô ngã có thể đủ tướng khổ.

Hỏi: Vì sao ông phá thuyết thứ lớp? Trong kinh nói: Nếu vô thường tức là khổ; khổ tức là vô ngã, cho nên tướng vô thường có thể đủ tướng khổ, tướng khổ có thể đủ tướng vô ngã?

Đáp: Trong kinh nói: Tu tướng vô thường, tâm Thánh đệ tử có thể tu tướng vô ngã. Cho nên tướng vô thường có thể đầy đủ tướng vô ngã.

Lại nói như vậy cũng có đạo lý. Bởi vì sao? Vì người nói ngã muốn để thành lập đời sau, nên mới nói ngã là thường. Cho nên, nếu thấy 5 ấm vô thường liền biết vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu người nói mắt là ngã thì không đạo lý. Bởi vì sao? Vì mắt có sinh diệt. Nếu mắt là ngã, ngã tức sinh diệt. Có những lỗi như vậy.

Hỏi: Hai kinh đó nên nói thế nào cho thông?

Đáp: Tướng khổ có 2 thứ: một do tướng vô thường sinh gọi là tướng hoại khổ, hai do tướng vô ngã sinh, gọi là tướng hành khổ. Cho nên 2 kinh đó vẫn không mâu thuẫn nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì niệm xứ trong pháp noãn v.v... có tướng vô thường, nên pháp này đều phải là vô lậu?

Đáp: Trong niệm xứ v.v..., nếu là vô lậu đâu có lỗi chi?

Hỏi: Tâm phàm phu không nên vô lậu được, lại tâm phàm phu còn có vọng niệm xứ v.v... làm sao mà vô lậu được?

Đáp: Người này không phải hoàn toàn là phàm phu. Người đó gọi là đang tu quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Tu quả Tu-đà-hoàn là ở trong kiến đạo đế, pháp niệm xứ v.v... không gọi kiến đế?

Đáp: Tu quả Tu-đà-hoàn có gần có xa. An trụ trong niệm xứ v.v... là xa, hành giả kiến đế là gần. Làm sao biết được? Phật nói trong Kinh Phủ Kha Dự rằng: Hoặc biết hoặc thấy nên được hết lậu. Biết thấy pháp gì? Nghĩa là sắc này v.v... sắc này sinh v.v... sắc này diệt v.v... Nếu không tu đạo thì không hết lậu mà tu thì được, như ví dụ ấp trứng.

Lại hành giả thường tu đạo phẩm phiền não vi trần, tuy không đếm biết được, nhưng hết rồi mới hay, như thí dụ cái cán búa.

Lại hành giả thường tu 37 phẩm trợ đạo thì dục, phược, kết, triền dễ có thể tán hoại như thí dụ tàu biển. Cho nên biết do niệm xứ đến tu tập đạo phẩm đều gọi là người tu hành sơ quả.

Lại nếu trong một niệm hoặc 15 niệm không được tu tập, phải biết đó là người xa tu hành Tu-đà-hoàn.

Hỏi: Ban đầu nói biết sắc này v.v... sắc này sinh v.v...sắc này diệt v.v..., là đạo sơ quả. Ba dụ sau là dụ 3 quả. Cho nên không gọi là người tu hành sơ quả?

Đáp: Nếu trúng không áp thì hư, áp thì thành tựu. Như vậy từ niệm xứ đến mới phát tu tập, nếu không thành không gọi là hành, mà có thể thành thì học nhân này gọi là không hư hoại, có thể kham nhận. Cho nên nếu trong niệm xứ v.v... hư hoại thì gọi phạm phu. Nếu tu tập thành thì gọi là người hành sơ quả. Giống như còn ở trong vỏ trứng, nếu được ra khỏi vỏ gọi là Tu-đà-hoàn. Cho nên biết còn ở trong niệm xứ v.v... gọi là người đi xa.

Lại như Trưởng giả Úc-già cúng dường chúng Tăng, có thiên thần giới thiệu: Đây là A-la-hán, cho đến đây là người hành sơ quả. Nếu còn ở trong kiến đế đạo, làm sao chỉ được như vậy? Phải biết đó là người đi xa.

Lại trong kinh Phật nói: Nếu không có tín v.v... 5 căn thì người này gọi là còn ở trong ngoại phạm phu. Nghĩa này nói có nội phạm phu và ngoại phạm phu. Nếu không được đạt phần thiện căn gọi là ngoại phạm phu, mà được gọi là nội. Nội phạm phu này cũng gọi Thánh nhân, cũng gọi phạm phu. Bởi ngoại phạm phu nên gọi Thánh nhân, nhờ kiến đế đạo nên gọi phạm phu. Như A-nan bảo Xa-nặc rằng: Phạm phu không thể nghĩ sắc không, vô ngã thụ tướng hành thức không, vô ngã, tất cả các hành vô thường; tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Bấy giờ Xa-nặc chưa vào pháp vị, cũng nói phạm phu không thể nghĩ các pháp đó.

Hỏi: Hoặc gần hoặc xa đều gọi là hành giả, có gì sai khác?

Đáp: Nếu thấy diệt đế gọi chân hành giả. Nếu còn ở viển phần thiện căn thấy 5 ấm vô thường, khổ, không, vô ngã mà chưa thấy diệt, gọi là danh tự hành giả. Bởi vì sao? Như trong kinh nói: Chư Tì-kheo hỏi Phật: Thế nào gọi là thấy pháp? Phật nói: Do mắt duyên sắc sinh nhãn thức, tức cùng sinh thụ, tưởng, tư v.v... tất cả pháp này đều vô thường bại hoại không thể tin tưởng bảo đảm được. Nếu pháp vô thường tức là khổ. Pháp khổ này sinh cũng khổ, trụ cũng khổ, thường

xuyên khỏi tướng cũng khổ. Cho đến ý pháp cũng như vậy. Nếu khổ đó diệt, các khổ khác không sinh, không còn nối nhau nữa. Hành giả tâm nghĩ rằng nơi đó là tịch diệt nhiệm màu, nghĩa là xả bỏ tất cả hư vọng, diệt hết tham ái, ly tịch Nê-hoàn.

Nếu trong pháp này tâm vào tín giải, không lay không động không lo không sợ, từ đây trở đi mới gọi là thấy pháp. Cho nên biết hành giả nếu dùng vô thường v.v... tu quán thấy 5 ấm gọi là người đi xa, nếu thấy diệt để gọi là người đi gần. Như Xa-nặc trả lời các Thượng tọa rằng: Con cũng có thể nghĩ sắc v.v... là vô thường, mà với tất cả hành diệt hết ái, tâm Nê-hoàn không thể vào thông đạt tín giải. Nếu biết như vậy không gọi là thấy pháp.

Lại nói, nếu hành giả trong pháp này dùng duyên tuệ tín nhãn gọi là người tín hành. Vượt khỏi địa vị phạm phu vào chính pháp vị, không được sơ quả quyết không chết yếu. Nếu dùng lợi tuệ tín nhãn gọi là người pháp hành. Thấy pháp đó rồi có thể dứt 3 kết, gọi là Tu-đà-hoàn. Rõ ràng không còn sót lọt gì hết gọi là A-la-hán. Cho nên biết thấy diệt gọi là người đi gần.

Hỏi: Vì sao hành giả không đều thấy diệt?

Đáp: Trong kinh nói: Các pháp vô tính, do nhiều nhân duyên sinh. Pháp đó rất sâu xa, hết tất cả ái, tịch diệt Nê-hoàn, nơi đó khó thấy được! Phật quán 12 nhân duyên diệt nên chứng được Vô thượng đạo.

Lại trong Kinh Pháp Ấn nói: Nếu hành giả quán thấy 5 ấm vô thường bại hoại hư vọng không bền chắc, cũng gọi là không, mà gọi là tri kiến chưa tịnh. Kinh này sau nói hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những điều ta thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc và nghĩ, bởi nhân duyên này mà sinh thức, thì nhân duyên thức đó là thường hay vô thường, tức biết là vô thường. Nếu từ nhân duyên vô thường mà sinh thức thì làm sao thường được? Cho nên thấy tất cả 5 ấm vô thường do

nhiều duyên sinh, tận tướng, ly tướng và diệt tướng. Bấy giờ tri kiến hành giả mới thanh tịnh. Bởi nói diệt tận là tri kiến tịnh. Cho nên tri kiến diệt gọi là thấy Thánh đế.

Lại trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn-trí. Cho nên thấy diệt đế, gọi là được Thánh đạo.

Phẩm 190: THẤY MỘT ĐẾ

Hỏi: Ông nói chỉ thấy diệt đế gọi là người hành quả. Việc đó không đúng. Bởi vì sao? Trong kinh Phật nói: Ta và các ông không thể như thật thấy 4 đế, nên ở lâu trong sinh tử. Nay thấy 4 đế này dứt nhân duyên thân, hết tướng sinh tử, không có thụ thân nữa. Phải biết thấy 4 đế nên gọi là người hành quả, không phải chỉ thấy diệt đế.

Lại nữa, Phật nói: Thượng pháp đó là 4 đế. Cho nên hành giả cần phải thấy biết hết.

Lại nói: Nếu người mặc pháp phục hủy bỏ hình hảo, chính tín xuất gia, đều vì mục đích thấy 4 đế. Nếu người muốn được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đều vì thấy 4 đế. Nếu người được Phật đạo A-la-hán, Bích-chi-phật, là đều đã thấy 4 đế. Cho nên biết không những chỉ thấy diệt đế.

Lại Phật tự nói: Bốn đế được theo thứ tự.

Lại trong Kinh Chuyển Pháp Luân nói: Ta quán đây là khổ, đây là nhân khổ, đây là diệt khổ, đây là đạo diệt khổ. Ở trong đó sinh nhãn trí minh giác. Ba phen chuyển như vậy đều nói 4 đế.

Lại trong kinh nói: Tâm vải mới trắng sạch đem ngâm vào trong ao hồ tức thì ăn màu. Người này cũng vậy tức là một khi ngồi là thấy 4 chân đế.

Lại nói: Hành giả tịnh tâm chính quán khổ đế cho đến đạo đế thấy như vậy rồi từ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tâm được giải thoát.

Lại trong các kinh nói Thánh đế xứ v.v... đều nói 4 đế không chỉ nói diệt.

Lại Phật nói 4 trí là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí đều vì 4 đế.

Lại pháp của hành giả phải quán thấy cả 4-đế, giống như thầy thuốc giỏi phải biết bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, biết cách chữa bệnh, và biết thuốc chữa bệnh. Cũng như vậy, hành giả muốn thoát các khổ, cần phải biết khổ, khổ nhân, diệt khổ, và đạo diệt khổ. Nếu không biết khổ thì do đâu biết nhân khổ, biết diệt khổ và đạo diệt khổ. Cho nên biết không chỉ thấy diệt?

Đáp: Có các thuyết nói 4 Thánh đế lợi, đều nói trong âm giới nhập v.v..., nghĩa là biết sắc này v.v..., sắc v.v... sinh diệt cho nên được hết lậu.

Lại Phật tự nói: Ta đối với trong sắc âm v.v... không như thật biết vị, quá, xuất, ly, thì hoàn toàn không tự gọi được đạo Vô thượng. Nếu biết như thật thì tự biết được đạo.

Lại trong Kinh Thành Dụ nói: Nếu ta chưa biết lão tử, lão tử sinh, lão tử diệt, và đạo diệt lão tử, cho đến các hành, các hành sinh, các hành diệt, và đạo diệt các hành, thì không tự nói ta được đạo Vô thượng. Nếu như thật biết, tự nói ta được thành Phật, thấy như vậy v.v..., nếu là được thấy đạo, thì 16 thứ tâm không gọi là được đạo.

Hỏi: Tôi không nói đó gọi là thấy được đạo, mà là lúc suy nghĩ?

Đáp: Trong 4 đế cũng nói như vậy. Cũng có thể nói là lúc suy nghĩ. Nếu không phải như vậy, thì cần phải nói nhân duyên khi thấy 4 đế gọi được đạo khi thấy 5 âm v.v... là suy nghĩ.

Hỏi: Trí dứt phiền não gọi là được đạo. Suy nghĩ 5 âm v.v... không dứt phiền não?

Đáp: Trước tôi đã nói 5 âm v.v... trí cũng dứt phiền não, như nói thấy biết sắc v.v... nên được hết lậu.

Lại nói, thấy thể gian nhóm thì diệt chấp không, thấy thể gian diệt thì diệt chấp có.

Lại Phật tự quán nhân duyên đắc đạo.

Lại trong Kinh Chân-thức-già nói có nhiều thứ nhân duyên đắc đạo. Có người quán 5 âm mà đắc đạo, hoặc quán 12 nhập, 18 giới, 12 nhân duyên v.v... mà đắc đạo. Cho nên biết không phải chỉ nhờ 4 đế mà được đạo. Nếu ý ông bảo tuy có thuyết đó, nhưng không bởi quán này có thể dứt phiền não, thì cũng có thể nói tuy quán 4 đế mà không dứt phiền não.

Lại cần phải nhờ chân đế mới đắc đạo, mà lời giải trong 4 đế nói: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét gặp nhau khổ, yêu thương xa lìa khổ, và cầu không được khổ. Tóm lại 5 âm là khổ.

Lại nói, nhân của khổ là tham ái thường đeo bám theo nơi ưa thích mà thụ thân. Quán như vậy v.v... không thể hết lậu, vì đó đều là thể đế chứ không phải đế nhất nghĩa.

Hỏi: Tuy quán sinh tử v.v... mà không hết lậu. Lược nói 5 âm đều khổ, trong đó người có trí có thể phá phiền não?

Đáp: Còn 3 đế kia thì sao? Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt.

Lại quán 5 âm đều khổ là tâm tán loạn nên không được đạo.

Hỏi: Nếu không dùng 4 đế được đạo thì phải dùng pháp nào được đạo?

Đáp: Dùng Một đế được đạo. Đó là Diệt. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, thật gọi là không điên đảo. Tất cả pháp hữu vi đều hư dối do vọng chấp lấy. Cho nên biết hành giả tùy tâm ở trong pháp hữu vi, đều không phải chân thật. Như trong kinh nói: Các pháp hữu vi hư dối như ảo hóa, như sóng nắng, như chiêm bao, như vay mượn v.v.... Như trong Kinh Pháp Cú nói:

*Hư vọng buộc thể gian.
Giống như có chắc thật.
Thật không, thấy như có.
Chính quán thì đều không.*

Như thật không có pháp nam nữ, chỉ 5 âm hòa hợp miễn cưỡng gọi là nam nữ, phàm phu lầm lẫn cho đó là thật có. Hành giả quán sát 5 âm đó trống rỗng, không ngã, nên tức thì không còn thấy. Như trong Kinh Pháp Ấn nói: Hành giả quán sắc vô thường, là tướng trống, rỗng, lia. Vô thường là thể tính sắc vô thường. Trống, rỗng là như trong bình không nước gọi là bình không. Như vậy trong 5 âm không có thần ngã, nên gọi là không. Quán như vậy cũng gọi là không, cũng gọi tri kiến chưa thanh tịnh, vì chưa thể thấy 5 âm diệt. Về sau mới thấy diệt, như hành giả khởi ý nghĩ như vậy: Những gì ta đã thấy nghe v.v.... nên tri kiến diệt thì hết các phiền não.

Hỏi: Vì sao thấy diệt đế thì hết phiền não mà không phải các đế khác?

Đáp: Lúc bấy giờ hành giả đã quyết định tướng khổ. Nếu chưa chứng tướng diệt, thì đối với pháp hữu vi tâm khổ chưa quyết định, như người chưa được hỷ lạc của sơ thiên, thì trong 5 dục không sinh tướng nhàm chán.

Lại như chưa được định Vô giác quán, đối với định Giác quán không lấy gì làm lo. Hành giả cũng vậy, khi chưa chứng tướng Nê-hoàn tịch diệt, không được hành khổ. Phải biết thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ. Tướng khổ đầy đủ mới dứt được ái v.v... các kết.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế nên tướng khổ đầy đủ thì lẽ ra thấy diệt đế rồi sau mới dứt phiền não. Bởi vì sao? Vì thấy diệt đế rồi tướng khổ mới đủ?

Đáp: Không phải dứt sau. Tùy ở trong diệt, được tướng tịch diệt tức thì tướng khổ đầy đủ, sau sẽ hiện tiền. Như trong kinh nói: Hành

giả đối với tập sinh tướng, pháp trí tận diệt tướng, ngay trong pháp đó được pháp nhãn thanh tịnh.

Lại người đối với các ám thường có ngã tâm. Tuy quán các ám vô thường, khổ v.v..., nhưng chưa được diệt vĩnh viễn. Nếu thấy diệt đế, nhờ vô tướng nên ngã tâm diệt vĩnh viễn.

Hỏi: Nếu thấy diệt đế thì hết ngã tâm. Vì sao Phật quán người đối cơ tâm như duyên v.v... mới vì nói 4 đế mà không chỉ nói diệt?

Đáp: Trong đó có thuận đạo hành. Người nào dùng tướng vô thường, tướng vô ngã đầy đủ nên được khổ quán này là người gần đạo. Cho nên hợp lại mà nói.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo dứt thân kiến, thì sao lại còn nói giới lấy và nghi nữa ư?

Đáp: Hành giả đắc đạo hiện thấy các pháp đều không, vô ngã, tức không còn nghi, không còn nghe, nghĩ, quán v.v... đồng với phàm phu. Nếu thấy đạo đế thì biết chỉ có đó là một sự thật, không còn con đường nào khác. Cho nên nói ba.

Hỏi: Nếu khi đắc đạo thấy đế dứt hết các phiền não, mà vì sao chỉ nói hết 3 kết ư?

Đáp: Tất cả phiền não đều lấy thân kiến làm gốc. Như Phật hỏi Tì-kheo: Con người do việc gì, bởi việc gì, thấy việc gì, sinh kiến chấp như vậy: Chỉ có thân này chết là mất hẳn, có tất cả những kiến chấp như vậy v.v...? Tì-kheo thưa Phật: Phật là Pháp vương, cúi xin giải thích. Phật nói: Con người do sắc, bởi sắc, thấy sắc là ngã, nên mới khởi kiến chấp đó. Cho đến thức cũng như vậy. Phải biết bởi kiến chấp ngã mà khởi các phiền não. Bởi vì sao? Vì nếu có thân kiến thì cho rằng cái ngã này là hoặc thường, hoặc vô thường. Nếu định kiến là thường thì đó là thường kiến, định kiến là vô thường thì đó là đoạn kiến. Nếu ngã là thường thì không nghiệp, không báo, không giải thoát khổ. Nếu ngã

là vô thường cũng không nghiệp, không báo và không giải thoát khổ, không do tu đạo mà được Nê-hoàn. Nếu cho kiến chấp đó là hơn, tức là kiến thủ, và cho là có thể được độ tức là giới thủ. Tự yêu kiến chấp của mình, giận ghét kiến chấp người khác, lấy kiến chấp đó làm tự cao tức là kiêu mạn. Đều bởi không biết như thật, nên mới khởi kết này tức là vô minh. Cho nên dứt thân kiến mới dứt kết của kiến đế.

Hỏi: Nếu dứt thân kiến các thứ khác cũng dứt theo, thì cần gì nói riêng giới lấy và nghi ư?

Đáp: Vì nó hơn. Hành giả hiện thấy pháp tướng thì không có nghi. Nghi này là nghi ngã có hay không. Cũng nghi đạo này có được thanh tịnh chăng. Nay thấy khổ đế thì dứt ngã kiến. Cũng biết chỉ một con đường mà không có con đường nào khác. Cho nên nói dứt thân kiến là chân thật thấy khổ, dứt giới thủ nên gọi là con đường tu hành. Không ngăn ngại đối với pháp tri và sở tri. Dùng chính trí biết pháp sở tri, tức dứt tập, chúng diệt gọi là đủ 4 đế. Cho nên nói 3 pháp này để làm rõ tướng không nghi. Nghi này do ngã đạo sinh, như trong kinh nói: Đầu tiên được tướng đạo. Nghĩa là thấy pháp, được pháp, biết pháp, đạt pháp, vượt quá các lưới nghi, không theo ai chỉ bày, ở trong Phật pháp được sức vô úy an trụ trong chính quả.

Phẩm 191: DUYÊN TẮT CẢ

Hỏi: Trí nào có thể duyên tất cả?

Đáp: Nếu trí hành giới, nhập v.v... gọi là duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói pháp các nhập các giới, sự vật có các duyên các trần có thể nhận biết v.v..., đều gồm hết các pháp, nếu trí có thể duyên gọi là duyên tất cả.

Hỏi: Trí này không biết các pháp tương ưng cộng sinh?

Đáp: Có thể biết, nếu duyên nhập v.v..., đó gọi là trí tổng tướng. Vì trí tổng tướng nên có thể duyên tất cả. Bởi vì sao? Vì như nói 12 nhập thì không còn thừa pháp nào nữa. Cho nên biết trí này cũng duyên tự thể.

Hỏi: Trong kinh nói: Hai nhân duyên sinh thức. Cho nên không có trí tự duyên.

Lại các trí không có nhân duyên, ví dụ để chỉ nghĩa có thể duyên tự thể, như đầu ngón tay không thể tự chạm xúc, con mắt không thể tự thấy được?

Đáp: Ông nói 2 nhân duyên sinh thức. Điều này không nhất định. Cũng có không duyên sinh trí, chứ không phải tất cả đều do 2 nhân duyên sinh.

Lại thức thứ 6 ở trong ấm của chính nó đều không có cảnh duyên, vì không có hiện pháp nên thức này không thể duyên pháp sắc v.v.... Nếu có thể duyên, thì những người mù lòa ra cũng phải thấy sắc? Bảy giờ tâm và tâm số pháp của người này còn ở trong quá khứ, vị lai, mà quá khứ, vị lai là không có pháp thì lấy gì làm cảnh duyên? Chỉ vì ngăn chấp thân ngã nên nói như vậy thôi. Nếu các thức sinh đều do 2 thức này không phải 4 nhân duyên, hoặc có thức sinh không có 2 nhân duyên, như trong kinh nói: Sáu nhập làm nhân duyên xúc, mà thật không có xúc bởi 6 nhập là nhân duyên. Nếu sinh thì không xuất nơi 6 nhập vì ngăn pháp nhập thứ bảy. Như vậy ngăn 4 nhân duyên nên Phật nói hai.

Lại đối với quá khứ, vị lai, hư không, thời gian, phương hướng v.v... sinh biết, mà những pháp đó thật sự không có. Đó tức là không duyên mà biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì do nhân duyên đó, các pháp quá khứ vị lai lẽ ra phải có, vì nếu không, làm sao sinh cái biết? Với những sừng thỏ, lông rùa, chân rắn v.v... hoàn toàn không sinh cái biết?

Đáp: Trong tạo tác sinh cái biết. Như thấy người đi là nhớ khi đi, nghe người nói là nhớ khi nói. Như vậy v.v... trong quá khứ không tạo tác, cho nên không đúng.

Hỏi: Nay đối với quá khứ là nhớ thứ gì?

Đáp: Nhớ pháp vô sở hữu. Ông nói sao không nhớ sừng thỏ v.v.... Nếu pháp sinh rồi mà diệt là có thể nhớ được. Nếu xưa nay không có, thì nhớ cái gì? Như pháp trước kia gọi chúng sinh, nay tuy đã là quá khứ nhưng cũng gọi chúng sinh. Như vậy trước kia, với pháp này sinh nhớ, cho nên nay ngay tâm này nhớ lại, không phải tâm khác.

Lại người này trước lấy tướng pháp đó, pháp đó nay tuy đã diệt mà có thể sinh pháp nhớ tướng phân biệt. Nếu pháp sinh ở tâm đó nơi người này, pháp này diệt mất sau ý thức sinh, có thể biết việc đó gọi là tướng duyên thức.

Lại tướng này có thể làm nhân duyên cho tướng duyên thức sau, chứ biết sừng thỏ v.v... không tướng làm nhân, cho nên không sinh.

Lại cũng nên có biết duyên sừng thỏ v.v..., nếu không làm sao có thể nói ra được.

Hỏi: Sừng thỏ v.v... tính không thể biết. Bởi vì sao? Vì hoàn toàn không sinh các ý nghĩ dài ngắn đen trắng v.v..., cho nên pháp quá khứ cũng như vậy. Bởi vì sao? Vì chúng ta không thể dùng pháp quá khứ khiến được hiện tiền, như Thánh nhân biết việc tương lai nói việc này sẽ như vậy, việc kia sẽ không như vậy?

Đáp: Trí lực Thánh nhân là vậy, pháp tuy chưa có mà có thể dự biết. Như Thánh nhân có thể phá vách đá ra vào không ngại. Điều này cũng vậy, không mà có thể biết.

Lại vì sức nhớ nên biết. Như nhãn thức không thể phân biệt nam nữ. Nếu nhãn thức không có thể, thì lẽ ra ý thức cũng không có thể, mà ý thức thật có thể. Điều này cũng vậy.

Lại như chúng ta với việc trước từng dùng đã diệt rồi mới sinh biết. Thánh nhân cũng vậy, với pháp không có mà có thể sinh biết.

Lại như nói Đề-bà-đạt-đa không có một thức có thể biết 4 chữ, mà cũng có thể biết. Điều này cũng vậy.

Lại như các số lượng sai khác hợp lý đây kia v.v..., trong đó tuy không hiện pháp cũng có thể sinh biết.

Lại như thân người không thể dùng một niệm mà biết khắp, cũng không thể dùng phân tách từng phần mà hiểu biết. Tuy phân tách từng phần không biết, một niệm không biết mà cũng sinh biết người. Điều này cũng vậy.

Ông nói không có nhân duyên thí dụ có thể biết tự thể. Trong đó có nói ý có thể tự biết, nói hành giả tùy tâm quán mà quá khứ vị lai không có tâm. Cho nên biết dùng tâm hiện tại duyên tâm hiện tại. Nếu không vậy thì hoàn toàn không có người có thể biết pháp hiện tại tâm tương ưng.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu có thể đem tuệ quán tất cả pháp vô ngã tức được chán lìa khổ, đạo này là thanh tịnh. Trí tuệ này trừ tự thể và pháp cộng sinh ngoài ra tất cả duyên pháp?

Đáp: Trí này chỉ duyên hữu lậu không phải vô lậu. Bởi vì sao? Vì trong kệ nói: Tức chán lìa khổ. Cho nên biết chỉ duyên khổ đế.

Lại vì phá ngã kiến, tu vô ngã trí. Ngã kiến duyên 5 thứ thụ ấm, phải biết vô ngã cũng là duyên thụ ấm. Năm thụ ấm này vô thường cho nên vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu vô thường tức vô ngã. Nếu vô ngã tức là khổ.

Lại Phật bảo Tì-kheo: Dứt không phải pháp sở hữu của ông. Tì-kheo nói: Được rồi, thưa Thế Tôn! Phật hỏi: Ông được như thế nào? Bạch Thế Tôn! Sắc là phi ngã sở, thụ, tưởng, hành, thức, cũng

đều phi ngã sở. Phật khen: Hay thay! Hay thay! Phải biết chỉ trong thụ ấm sinh tâm vô ngã.

Lại trong kinh nói: Các sở hữu sắc hoặc quá khứ vị lai, nội ngoại thô tế, gần xa lớn nhỏ, đều nên biết phi ngã phi ngã sở. Như vậy lấy chính tuệ mà quán như thật.

Lại nói: Quán sắc vô ngã, thụ, tưởng, hành, thức vô ngã. Quán sắc vô thường, hư vọng, như trò ảo hóa, gạt người không có mắt trí, là oán, là giặc, không ngã, không ngã sở.

Lại Phật nói: Ngồi ở đây, có người ngu si còn ở trong vô minh, bị vô minh làm mù quáng, lìa bỏ Phật pháp mà sinh tà kiến này. Nếu sắc vô ngã, thụ, tưởng, hành, thức đều vô ngã, thì làm sao vô ngã khởi nghiệp mà đem ngã ra chịu? Cho nên biết vô ngã chỉ duyên thụ ấm.

Lại trong kinh không chỗ nào nói trí vô ngã duyên tất cả pháp, mà chỗ chỗ đều nói duyên 5 thứ thụ ấm.

Hỏi: Phật tự nói: Tất cả pháp vô ngã. Cho nên biết hữu vi vô vi trí này đều duyên, chứ không phải chỉ duyên 5 thụ ấm.

Lại nói: Có 10 thứ không, duyên tất cả pháp. Không tức là vô ngã.

Lại nói: Các hành vô thường, khổ, tất cả pháp vô ngã. Nếu trí vô ngã chỉ duyên khổ đế, vì sao không nói các hành vô ngã? Vì nói tất cả pháp vô ngã nên phải biết rằng nếu nói hành là nói hữu vi; nếu nói pháp tức gồm chung tất cả.

Lại nói: Người nào đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như mắt sáng thấy sắc? Chỉ chư Phật Thế Tôn chính trí được giải thoát mới có thể đối với pháp một tướng và pháp khác tướng, trí tuệ hiện tại tiền như người sáng mắt thấy sắc. Vì tướng vô ngã nên các pháp một tướng. Cho nên biết vô ngã duyên tất cả pháp không phải chỉ duyên khổ?

Đáp: Nói tất cả, là có 2 thứ: một là thâm nhiếp tất cả, hai là thâm nhiếp một phần. Thâm nhiếp tất cả là như Phật nói: Ta là người Nhất thiết trí. Nói tất cả, gọi là 12 nhập. Thâm nhiếp một phần là như nói tất cả là vậy, mà vô lậu vô vi không thể được vậy.

Lại trong Phẩm Như Lai nói Như Lai là người bỏ tất cả, là người hơn tất cả. Nói thế nhưng không thể bỏ pháp trì giới v.v..., mà chỉ bỏ pháp ác nên nói bỏ tất cả. Cũng như không thể hơn các Phật khác, mà chỉ hơn các chúng sinh nói hơn tất cả.

Lại nói: Tì-kheo như thế nào gọi là Nhất thiết trí?

Đáp: Nghĩa là như thật biết 6 thứ xúc nhập sinh diệt. Đó gọi là biết tướng chung tất cả pháp, không phải trí tướng riêng. Với Phật chung riêng đều biết hết, nên gọi là bậc Nhất thiết trí. Tì-kheo đó đã biết chung các pháp vô thường v.v... nên gọi Nhất thiết trí. Tên tuy đồng, mà kỳ thật có khác, đó gọi là thâm nhiếp một phần.

Lại Phật nói: Nếu pháp đã hội nhập vào Tu-đa-la, tùy thuận Tì-ni, không trái pháp tướng, thì pháp đó nên lãnh thụ.

Lại nói: Nếu ai nói đây là lời Phật nói, người đó lời đúng mà nghĩa sai. Người trí trong đó phải nói nghĩa đúng. Rồi bảo Tì-kheo này rằng lời đó nên tương xứng với nghĩa nào?

Lại có người nói nghĩa đúng mà lời sai. Là trong nghĩa đúng này nên để riêng lời nói đúng. Những kinh như vậy, Phật đều cho phép.

Lại có kinh liễu nghĩa và không liễu nghĩa. Nghĩa là rất ráo và không rất ráo. Kinh này thuộc nghĩa không rất ráo. Vì sao đối với một việc mà nói tên tất cả? Phải biết ý đó.

Lại người đời trong một việc cũng nói tất cả, như nói vì cúng tất cả, cho ăn tất cả, cũng nói người này tất cả đều ăn. Cho nên biết tuy nói tất cả vô ngã nhưng phải biết chỉ vì 5 thụ ấm mà nói, chứ không phải vì tất cả pháp. Ông nói 10 thứ không, trong đó không được có

Vô vi không. Bởi vì sao? Vì không ai trong vô vi mà sinh tướng ngã. Cho nên dù có còn các không khác đi nữa cũng chẳng hại gì, vì ông cũng dùng khổ trí cùng tương ưng với không. Cho nên không, chẳng phải duyên tất cả pháp.

Hỏi: Thế gian không, duyên tất cả pháp, chẳng phải vô lậu không?

Đáp: Không có thế gian không. Tất cả không đều là vô lậu.

Hỏi: Trong Kinh Pháp Ấn nói không là thế gian không?

Đáp: Đó là xuất thế gian không, chứ chẳng phải thế gian không.

Lại hỏi: Trong đó nói tri kiến chưa tịnh, cho nên biết là thế gian không?

Đáp: Tôi trước đã nói tâm vô lậu có thể phá giả danh. Cho nên từ khi phá giả danh trở đi gọi là tâm vô lậu. Sau thấy diệt đế, lìa tăng thượng mạn, mới gọi là tri kiến tịnh. Cho nên không có thế gian không.

Ông nói tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã. Như vậy phải có hành giả đầy đủ tướng vô ngã. Khi pháp tướng đầy đủ thì đối với vô ngã nói pháp danh tự. Như trong Phẩm kiến đế nói: Nếu ai không thấy khổ, đó tức là thấy ngã. Khổ như thật thấy khổ, tức không còn thấy ngã. Như thật, nghĩa là thấy vô ngã. Cho nên nói tất cả pháp vô ngã, chỉ duyên khổ để nói vô ngã hành.

Ông nói Phật hiện tiền thấy tướng một, tướng khác. Đó cũng nên có, vì lấy giới, nhập, v.v... làm một, cho nên nói một tướng đâu có lỗi gì?

THÀNH THẬT LUẬN

QUYỂN 16

Phẩm 192: THÁNH HÀNH

Có 2 hành là không hành và vô ngã hành. Trong 5 âm không thấy chúng sinh gọi là không hành. Thấy 5 âm cũng không có, là vô ngã hành. Vì sao biết được? Trong kinh nói: Thấy sắc không thể tính, thấy thụ, tưởng, hành, thức là không thể tính.

Lại trong kinh nói: Do vô tính được giải thoát. Cho nên biết tính của sắc không phải chân thật có. Tính của thụ, tưởng, hành, thức cũng không phải chân thật có.

Lại trong kinh nói: Năm âm đều trống không như huyễn, không thể nói huyễn là chân thật. Huyễn, nếu chân thật có, không gọi là huyễn, nhưng cũng không thể nói không, mà chỉ vì không thật, có thể làm dối gạt.

Lại hành giả này quán tất cả trống không, cho nên biết 5 âm không phải chân thật có, như phá một tướng nên không thấy cái vách tường v.v... một pháp, 5 âm cũng vậy, không có một thật pháp.

Hỏi: Nếu sắc v.v... pháp cũng không chân thật, nay nên chỉ có một thể đế?

Đáp: Diệt là đệ nhất nghĩa đế cho nên có. Như trong kinh nói: Vọng là hư dối, đế là như thật. Diệt tức là như thật quyết định, nên gọi đệ nhất nghĩa có.

Lại hành giả sinh chân thật trí, tất cả hữu vi v.v... đều luống không, cho nên biết diệt là đệ nhất nghĩa có.

Hỏi: Ông nói thấy trong 5 âm không có chúng sinh. Do đâu mà 5 âm gọi chúng sinh, là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Cũng hữu lậu mà cũng vô lậu.

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu thấy chúng sinh đều là thấy 5 thụ âm?

Đáp: Pháp vô lậu cũng ở trong số chúng sinh, chứ không phải ở trong số phi chúng sinh như gỗ đá v.v.... Cho nên biết cũng nhân các âm vô lậu gọi là chúng sinh.

Lại nếu Thánh nhân ở tâm vô lậu, bấy giờ cũng gọi hữu tâm chúng sinh. Cho nên tâm vô lậu cũng gọi chúng sinh. Tất cả các âm đều gọi thụ âm, vì đều từ thụ sinh ra.

Hỏi: Làm sao biết từ thụ sinh?

Đáp: Pháp vô lậu đều từ bồ thí, trì giới tu định v.v... trong nghiệp tâm sinh, nếu không thì không sinh. Như kinh nói: Vì bị vô minh che khuất và kết ái trói buộc, nên kẻ ngu được thân này mà người trí cũng như vậy. Thân tức thụ âm.

Hỏi: Nếu tất cả âm đều gọi thụ âm, thì hữu lậu và vô lậu âm đâu có sai khác?

Đáp: Tất cả âm từ thụ mà sinh nên gọi thụ âm. Nhưng không thụ thân đời sau nên gọi là vô lậu, sai khác là ở đó. Âm và thụ âm đều từ thụ sinh, nên gọi thụ âm. Cho nên không mâu thuẫn kinh này. Hai hành này đều duyên vô sở hữu. Nếu sắc v.v... pháp không, và thể tính diệt, đều là vô sở hữu.

Hỏi: Hai hành này đều duyên 5 âm. Trong kinh nói: Thấy sắc trống không vô ngã thấy thụ, tướng, hành, thức trống không vô ngã. Thì sao?

Đáp: Do các âm mới thấy trống không vô ngã. Bởi vì sao? Vì với các nhân duyên sinh mới có thấy chúng sinh không, cũng thấy sắc v.v... pháp diệt.

Hỏi: Đó là đều duyên. Nếu hành giả nghĩ các âm và không, tức là duyên âm và vô sở hữu?

Đáp: Hành giả trong các nhân duyên sinh, không thấy chúng sinh, nên liền sinh không tâm, rồi sau mới thấy trống không.

Lại trong 5 âm diệt, không thấy thể tính của sắc, thể tính của thụ, tưởng, hành, thức, cho nên mới biết 2 hành này đều duyên vô sở hữu.

Phẩm 193: KIẾN TRÍ

Hỏi: Chính kiến chính trí có gì sai khác?

Đáp: Là một thể không có gì sai khác. Chính kiến có 2 thứ, thế gian và xuất thế gian. Thế gian nghĩa là có tội phúc v.v... Xuất thế gian nghĩa là có thể thông suốt khổ v.v... các đế. Chính trí cũng vậy.

Hỏi: Ông nói tướng kiến trí không như vậy. Bởi vì sao? Các nhãn chỉ là kiến không phải trí. Tận trí, vô sinh trí, và 5 thức tương ưng tuệ chỉ là trí không phải kiến?

Đáp: Tại sao các nhãn không phải trí?

Hỏi: Bởi vì chưa biết muốn biết, cho nên gọi là vị trí căn. Nếu khổ pháp nhãn là trí, khổ pháp nhãn biết rồi thì khổ pháp trí phải gọi là trí căn, chứ không gọi là vị trí căn. Cho nên nhãn chẳng phải là trí.

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả đối với các pháp này ít có khả năng dùng tuệ quán nhãn, gọi là chưa xong, xong rồi gọi là trí. Nếu nhãn gọi là quán chưa xong, lại tuệ vô lậu ban đầu mới thấy gọi là nhãn, không nên lấy cái mới thấy làm trí.

Lại khi nhãn không rõ. Khi có trí mới rõ chắc.

Lại khi sinh nhãn, tâm nghi còn bám theo, cho nên nhãn không phải trí.

Đáp: Nhãn tức là trí. Bởi vì sao? Vì đục, lạc, nhãn đều là một nghĩa. Hành giả trước biết khổ rồi, sau nhãn vui. Nếu trước không biết, làm sao nhãn vui được?

Lại trong lời nói thiếu, chỉ nói quán nhãn mà không nói trí. Vậy thì người thụ hành quả phải là vô trí? Nếu ý ông bảo hành giả có trí mà gọi là nhãn, thì đây lẽ ra thụ nhãn cũng là trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả khi biết khi thấy liền được hết lậu.

Lại nói: Biết, thấy, được, là một nghĩa.

Lại Phật nói khổ trí, tập, diệt, đạo trí mà không nói có nhãn. Cho nên biết trí tức là nhãn.

Lại trong giải nghĩa trí, Phật nói: Như thật biết nên gọi là trí. Nhãn cũng như thật biết nên không có khác. Nếu ông cho vị trí căn nên gọi là nhãn, điều này không đúng. Chúng tôi không nói trước nhãn sau trí. Trong một tâm tức gọi nhãn trí. Nghĩa đó không thành, làm sao ông đem cái không thành mà thành lập được?

Ông nói nhãn gọi là chưa xong. Trước tôi đã đáp. Nghĩa là trước biết sau nhãn. Phải biết nhãn tức là xong. Nếu không biết xong làm sao có thể nhãn?

Ông nói khi nhãn chưa quyết định rõ ràng. Trong pháp ông dùng nhãn dứt kết. Nếu nhãn không quyết định rõ ràng sao có thể dứt kết được?

Ông nói khi nhãn nghi ngờ còn bám theo. Nếu vậy thì trong kiến đế đạo đều có nghi bám theo? Trong đó trí sinh lẽ ra đều không phải trí?

Lại không có phân biệt là nhãn là trí. Như người đời quán tùy thuận 4 để cũng gọi là nhãn cũng gọi là trí. Vô lậu nhãn trí cũng phải như vậy.

Hỏi: Tận trí, vô sinh trí, chỉ là trí, chẳng phải kiến?

Đáp: Có nhân duyên gì?

Hỏi: Trong kinh riêng nói chính kiến, chính trí, cho nên trí chẳng phải kiến?

Đáp: Nếu vậy thì chính kiến không gọi là chính trí. Nếu ông bảo chính kiến là chính trí, thì chính trí cũng phải là chính kiến.

Lại 5 phần pháp thân, từ trong Phạm tuệ riêng nói giải thoát tri kiến lẽ nào không phải tuệ? Vậy thì tận trí, vô sinh trí cũng không là tuệ. Nay tức chính kiến, vì tướng khác nên nói là chính trí, nghĩa là hết tất cả phiền não, trong tâm A-la-hán mà sinh nên nói là chính trí.

Hỏi: Nếu chính trí tức là chính kiến thì A-la-hán không gọi thập phần thành tựu?

Đáp: Thể là một mà tên là khác, như pháp trí, khổ trí.

Lại nói A-la-hán là thành tựu 8 công đức phúc điền. Cho nên chính trí tức là chính kiến.

Lại trong 6 pháp hòa kính, hòa kính thứ 6 gọi là đồng kiến. Nếu như ông nói thì tận vô sinh trí không gọi là hòa kính.

Lại chính quán nên gọi chính kiến. Tận vô sinh trí bởi chính quán nên cũng gọi chính kiến.

Hỏi: Năm thức tương ưng, tuệ chỉ là trí chẳng phải kiến?

Đáp: Tại sao chẳng phải kiến?

Hỏi: Năm thức đều không có phân biệt, vì ban đầu tại cảnh duyên nên kiến đó gọi là suy nghĩ quan sát.

Lại 5 thức chỉ duyên hiện tại. Cho nên chẳng phải kiến?

Đáp: Trong đó không giác quán nên không thể phân biệt. Nếu nói ban đầu tại cảnh duyên nên chẳng phải kiến, điều này không đúng. Bởi vì sao? Vì theo pháp của ông, nhãn thức có duyên tương tục như ý thức, cho nên không nên nói ban đầu tại duyên. Nếu vậy ý thức cũng không nên có kiến.

Lại ông nói duyên hiện tại nên chẳng phải kiến. Điều đó cũng không đúng. Vì tha tâm trí cũng duyên hiện tại, thì lẽ ra cũng chẳng phải kiến? Trong 5 thức không chân thật trí, vì không hành cho nên cũng thường theo giả danh, nên kiến trí tuệ v.v... tất cả đều không có, huống chỉ là không có kiến.

Hỏi: Có người nói nhãn căn gọi là kiến. Việc đó thế nào?

Đáp: Nhãn căn không thấy, nhãn thức có thể duyên, tùy theo thể tục nên gọi mắt thấy.

Hỏi: Có người nói 8 thứ kiến là 5 tà kiến, thế gian chính kiến, học kiến và vô học kiến. Trừ 8 kiến đó, ngoài ra bao nhiêu tuệ không gọi là kiến. Điều này thế nào?

Đáp: Nếu kiến, trí, đắc, giải, liễu, thông và chứng đều là một nghĩa, nếu nói đây là kiến đây là chẳng phải kiến đều là tự nhớ tưởng phân biệt mà nói.

Hỏi: Trong kinh nói biết, thấy thì được hết lậu, có gì sai khác?

Đáp: Nếu trí mới phá giả danh gọi là biết, vào pháp vị rồi thì gọi là thấy. Mới quán gọi là biết, thông đạt rồi gọi là thấy. Có những pháp sâu cạn sai khác như vậy.

Phẩm 194: BA TUỆ

Ba tuệ là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Trí tuệ do từ trong 12 bộ Tu-đa-la phát sinh gọi là văn tuệ. Nhờ đó có thể sinh Thánh tuệ vô

lậu nên gọi là tuệ. Như trong kinh nói: Tì-kheo La-hầu-la nay có thể được thành tựu tuệ giải thoát. Tuy nghe Vi-đà v.v... các kinh điển thế tục mà không thể sinh tuệ vô lậu nên không gọi là văn tuệ. Nếu có thể tư duy suy lường nghĩa lý trong các kinh gọi là tư tuệ. Như nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý. Lại nói hành giả nghe pháp tư duy nghĩa lý rồi phải tùy thuận tu hành, nếu có thể được tri kiến hiện tiền gọi là tu tuệ. Như nói hành giả ở trong định tâm thấy 5 ấm sinh diệt. Như trong các kinh nói: Tì-kheo các ông! Tu tập thiền định sẽ được như thật tri kiến hiện tiền.

Lại trong Kinh Thất Chính Trí nói: Nếu Tì-kheo biết pháp gọi là văn tuệ, biết nghĩa gọi là tư tuệ, biết thì giờ v.v... gọi là tu tuệ.

Lại như La-hầu-la đọc tụng bộ Ngũ Thụ Âm v.v... gọi là văn tuệ, riêng một mình suy nghĩ nghĩa lý gọi là tư tuệ, sau khi đắc đạo gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói 3 thứ vũ khí: vũ khí của sự nghe học hỏi, vũ khí của sự lìa bỏ và vũ khí của trí tuệ.

Vũ khí của sự nghe gọi là văn tuệ, vũ khí của sự lìa bỏ gọi là tư tuệ, vũ khí của trí tuệ gọi là tu tuệ.

Lại trong kinh nói nghe pháp có 5 điều lợi: chưa nghe thì nghe, nghe rồi rõ ràng, dứt nghi chính kiến, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu. Chưa nghe thì nghe, nghe rồi rõ ràng gọi là văn tuệ, dứt nghi chính kiến gọi là tư tuệ, dùng tuệ thông suốt nghĩa lý thâm sâu gọi là tu tuệ.

Lại trong Lợi ích của sự nghe pháp có nói: Hành giả đem tai nghe pháp, đem miệng tụng tập gọi là văn tuệ, dùng ý nghĩ tư duy suy lường gọi là tư tuệ, lấy chỗ thấy thông suốt gọi là tu tuệ.

Lại trong 4 phần Tu-đà-hoàn thì nghe chính pháp gọi là văn tuệ, nhớ nghĩa lý đúng đắn gọi là tư tuệ, theo pháp tu hành gọi là tu tuệ.

Lại trong 5 pháp môn giải thoát thì theo người Tôn trưởng nghe pháp là văn tuệ, thông suốt ngữ nghĩa là tư tuệ, sinh hoan hỷ v.v... là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Pháp Phật nói có 3 thời thiện v.v.... Thiện nam tử! Nếu có người lớn hoặc người nhỏ nghe pháp nảy sinh ý nghĩ: Tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng, nếu không xuất gia không thể tịnh tu thiện pháp. Rồi bỏ sở hữu thân thuộc tài vật, xuất gia trì giới giữ hộ các căn, quán sát oai nghi, một mình suy nghĩ, xa lìa 5 thứ ngăn che, chứng được sơ thiên v.v..., cho đến hết lậu. Trong đó người lớn người nhỏ nghe pháp là văn tuệ, suy nghĩ tại gia ồn ào, xuất gia vắng lặng là tư tuệ, xa lìa 5 thứ ngăn che cho đến hết lậu là tu tuệ.

Lại trong kinh nói: Nhờ 2 nhân duyên có thể sinh chính kiến là theo người nghe pháp và tự chính nghĩ nhớ. Theo người nghe pháp là văn tuệ, tự chính nghĩ nhớ là tư tuệ, có thể sinh chính kiến là tu tuệ.

Lại có bài kệ nói:

*Tập gần người thiện,
Nghe thụ chính pháp,
Thích ở một mình,
Điều phục tự tâm.*

Trong đó tập gần người thiện, nghe thụ chính pháp là văn tuệ, thích ở một mình là tư tuệ, điều phục tự tâm là tu tuệ.

Lại Phật dạy các Tỳ-kheo: Các ông! Mỗi khi có nói phải nói 4 đế. Mỗi khi suy nghĩ phải nghĩ 4 đế. Trong đây nếu nói 4 đế là văn tuệ, suy nghĩ 4 đế là tư tuệ, được 4 đế là tu tuệ. Nhiều chỗ trong kinh Phật nói 3 thứ tuệ đó.

Hỏi: Ba tuệ này bao nhiêu ở cõi Dục, bao nhiêu ở cõi Sắc và bao nhiêu ở cõi Vô sắc?

Đáp: Hai cõi Dục, Sắc, có tất cả. Như ông Thủ cư sĩ sinh về cõi trời Vô Nhiệt, nói pháp ở đó. Nếu người nói pháp ắt phải tư duy nghĩa lý. Cho nên biết cõi Sắc cũng có tu tuệ. Trong cõi Vô sắc chỉ có tu tuệ.

Hỏi: Có người nói cõi Dục không có tu tuệ, cõi Sắc không có tu tuệ. Điều này thế nào?

Đáp: Vì nhân duyên gì nói cõi Dục không có tu tuệ?

Hỏi: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các thứ trói buộc cõi Dục không hiện ra trước.

Đáp: Trong Phật pháp không có lời nói này: Vì ở cõi Dục không thể dứt các ngăn che các trói buộc, khiến các trói buộc cõi Dục không hiện ra trước. Mà nói vì ở cõi Dục có thể phá phiền não. Bởi vì sao? Vì cõi Dục có bất tịnh quán v.v.... Như trong kinh nói: Khéo tu bất tịnh quán có thể phá tham dục. Tâm từ v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Quán bất tịnh ở cõi Dục này không thể dứt phiền não vĩnh viễn?

Đáp: Quán bất tịnh v.v... ở cõi Sắc cũng không thể dứt các phiền não rốt ráo.

Hỏi: Dùng thô trọng không điều thích v.v... các hành có thể dứt phiền não, chứ bất tịnh v.v... thì không thể?

Đáp: Không có kinh nào nói thô trọng v.v... có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... thì không thể, mà trong kinh nói dùng quán bất tịnh v.v... có thể dứt phiền não.

Lại thô trọng v.v... có sức mạnh gì có thể dứt phiền não mà bất tịnh v.v... không thể?

Lại nếu cõi Dục có thô trọng v.v... các hành, nên dùng các hành đó để dứt các phiền não. Nếu không, phải nói lý do vì sao có bất tịnh v.v... mà không có thô trọng v.v...? Nếu có mà không dứt phiền não

thì cõi Sắc dầu có cũng không thể dứt, điều đó cũng phải nói lý do vì sao cõi Dục không thể mà cõi Sắc lại có thể?

Hỏi: Cõi Dục tuy có thô trọng v.v... mà không thể dứt các phiền não vì là cõi tán loạn. Người tâm tán loạn không thể dứt như trong kinh nói: Nhiếp tâm là đạo, tán tâm là phi đạo?

Đáp: Phải nói lý do vì sao cõi Dục gọi là cõi tán loạn? Trong đó có bất tịnh quán v.v..., nếu là cõi tán loạn làm sao có thể quán xương cốt v.v... các tướng khác.

Lại cõi Sắc nhiếp tâm có tướng gì khác mà cõi Dục không có?

Hỏi: Vì ở cõi Sắc có thể được lìa dục. Ở trong đây chết sinh về cõi Sắc như dùng cái nêm để tháo cái nêm?

Đáp: Sao gọi là lìa dục?

Hỏi: Dứt phiền não là lìa dục. Vì ở cõi Sắc có thể dứt phiền não chứ không phải cõi Dục.

Đáp: Các ngoại đạo dứt kết rồi, rồi khởi lại sinh về cõi Dục. Cho nên phàm phu không gọi dứt kết. Nếu dứt rồi lại sinh thì dứt kết vô lậu cũng phải sinh lại? Việc đó không thể được.

Lại trong kinh nói dứt 3 kết rồi mới có thể dứt 3 thứ dục. Phàm phu không thể dứt 3 kết nên không được lìa dục.

Lại phàm phu thường có ngã tâm v.v... nên không thể có thể dứt thân kiến v.v.... Nếu phàm phu có thể lìa dục, thì tất cả phiền não lẽ ra đều phải không có. Bởi vì sao? Vì tất cả phiền não đều do nhiều duyên thành, như trong kinh nói do nhiều duyên thành ngã. Nếu phàm phu này đối với 5 ấm cõi Dục không khởi thân kiến mà lại chưa được các ấm cõi trên, vậy thì phải không có thân kiến? Có những lỗi như vậy. Như vậy phiền não phải dứt hết vĩnh viễn thì phàm phu này phải là La-hán, mà thật phiền não không được dứt hết. Như trong kinh nói: Nghe tiếng sấm lớn có 2 hạng người không sợ

là Chuyển Luân Thánh Vương và A-la-hán. Nay phàm phu này cũng phải không sợ?

Lại A-la-hán sống không mừng, chết không sợ, như A-la-hán Ưu-ba-tur-na bị rấn cắn, khi mạng lâm chung các căn không đổi khác, nhan sắc không biến đổi. Người này lẽ ra cũng như vậy?

Lại A-la-hán, 8 pháp của thể gian không thể che tâm. Người này lẽ ra cũng như vậy, vì đã lia đục, mà thật ra phàm phu tuy nói lia đục đều không có các tướng này. Cho nên biết không dứt phiền não.

Hỏi: Phàm phu có thể dứt phiền não, vì mạng chung nơi đây vắng sinh cõi Sắc, nếu không dứt làm sao sinh kia được? Trong kinh cũng nói có ngoại đạo lia đục.

Lại nói A-la-la-ca-la-ma Uất-đầu-lam-phất lia bỏ cõi Dục cõi Sắc sinh về cõi Vô sắc.

Lại nói dùng Sắc lia Dục, dùng Vô sắc lia Dục, dùng diệt lia khởi nghĩ nhớ. Cho nên ông nói phàm phu tuy dứt phiền não mà sinh trở lại nên không gọi là dứt. Việc đó không đúng.

Ông cũng nói phàm phu có dứt bao nhiêu đều thật sự là ngăn, gọi là dứt lia, kỳ thật không dứt mà nói là dứt, thật không lia đục mà nói là lia đục.

Như trong một bài kệ nói:

*Nếu nghĩ ngã, ngã-sở,
Chết đến có thể dứt,
Như trẻ con nghịch đất,
Còn thích còn giữ chơi,
Nếu khi đã phát chán,
Liên phá mà bỏ đi.*

Đó cũng gọi lia đục. Nhưng ngoại đạo dứt cùng chết dứt có khác. Chết dứt không sinh cõi Sắc, Vô sắc. Trẻ con bỏ đất tuy là cứng

dường nhưng không quả báo lớn. Nếu cúng dường lìa dục, ngoại đạo được quả báo lớn. Lời nói tuy đồng mà nghĩa thì khác. Cho nên biết phàm phu thật có dứt lìa?

Đáp: Trong pháp ngăn chặn có sai khác. Nếu có thể ngăn phiền não sâu thì sinh 2 cõi Sắc, Vô sắc.

Lại nếu có thể ngăn thân kiến như trước đã nói lỗi, nếu không thể ngăn thân kiến cõi Dục làm sao có thể sinh cõi Sắc, Vô sắc. Chỉ có thể ngăn tham giận nên sinh cõi Sắc, không phải ngăn thân kiến v.v.... Cho nên biết phàm phu thật không dứt kết. Cõi Dục cũng có pháp thiện có thể ngăn phiền não, cho nên biết cõi Dục cũng có tu tuệ.

Lại trong kinh nói trừ 7 chỗ nương cũng được gọi là đắc đạo. Cho nên biết nương định cõi Dục có thể sinh chân trí.

Hỏi: Người này nương sơ thiên, cận địa được A-la-hán không phải định cõi Dục?

Đáp: Không phải. Nói trừ 7 chỗ nương là trừ cả sơ thiên và cận địa rồi.

Lại trong đó không có nhân duyên có thể nương cận địa mà không phải định cõi Dục. Nếu hành giả đó có thể vào cận địa thì tại sao không thể vào sơ thiên ư? Việc này cũng không có lý do.

Lại trong Kinh Tu-thi-ma nói: Trước là pháp trụ trí, sau là Nê-hoàn trí. Nghĩa này bắt tất trước được thiền định mà sau mới hết lậu, chỉ quyết dùng pháp trụ trí làm đầu, rồi sau hết lậu. Cho nên biết trừ các thiền định. Trừ thiền định nên mới nói Kinh Tu-thi-ma. Nếu thụ cận địa, tức lỗi đồng các thiền.

Lại không có kinh nào nói tên cận địa. Đó là ông tự nhớ tưởng phân biệt mà thôi.

Hỏi: Trước tôi nói thí dụ cái nêm. Cho nên biết dùng địa khác có thể dứt kết địa khác. Như dùng cái nêm nhỏ có thể tháo cái nêm

lớn. Cũng như vậy, dùng pháp ở cõi Sắc có thể dứt pháp ở cõi Dục. Hành giả, nếu trước dứt dục và pháp ác bất thiện, rồi sau có thể vào sơ thiên. Cho nên biết chắc có cận địa, dùng định dứt dục.

Lại nói nhân sắc lia dục. Nếu không cận địa làm sao nhân sắc?

Lại trong kinh nói: Nếu hành giả được vui tịnh thì có thể bỏ vui bất tịnh. Như Nan-đà nhân được thiên nữ yêu mới bỏ được bản dục.

Lại nếu người không được mùi vị sơ thiên tịch diệt thì với 5 dục không thể sinh tâm thô tẻ. Cho nên biết trước được sơ thiên cận địa mới có thể bỏ cõi Dục?

Đáp: Được tịnh thiện cõi Dục có thể dứt bất thiện, như nói 5 thứ xuất tính. Như Thánh đệ tử hoặc nghĩ 5 dục mà không sinh hỷ lạc, tâm không thông hòa như đốt gân lông, nếu nghĩ xuất pháp thì tâm thông suốt.

Lại nói hành giả tùy khi sinh giác quán bất thiện liền dùng giác quán thiện mà diệt. Cho nên ông nói thí dụ tháo cái nệm cũng có thể là cõi Dục.

Ông nói nhân sắc lia dục là việc sau cùng. Hành giả dùng ở cõi Dục dứt các phiền não, tùy theo thứ lớp dứt dần, cho đến có thể được thiện pháp cõi Sắc, bấy giờ mới dứt cõi Dục rất ráo được pháp cõi Sắc.

Ông nói A-la-hán diệt tận định cũng được các định. Đó là chỉ nói quả cuối cùng.

Ông nói được vui tịnh diệu và vị tịch diệt, đều đã đáp chung.

Lại nếu cõi Dục không định, làm sao có thể dùng tâm chứng được thiện cõi Sắc?

Hỏi: Tuệ giải thoát, A-la-hán không định cũng chỉ có tuệ?

Đáp: Trong đó chỉ ngăn thiên định. Chắc phải có thời gian ngăn nhiếp tâm, cho đến một niệm. Như trong kinh Phật nói: Tì-

kheo khi lấy áo có 3 độ, mặc áo rồi thì liền diệt. Không có kinh nào nói trong tâm tán loạn có thể sinh chân trí, mà đều nói nhiếp tâm sinh như thật trí.

Phẩm 195: BỐN TRÍ VÔ NGẠI

Hỏi: Có thể trí cận pháp vị, đó là gì?

Đáp: Đó là trí trong noãn pháp v.v... có thể phá giả danh. Trí này dùng thế tục thấy đế lý, nên gọi thế trí. Gần Thánh đạo nên gọi cận pháp vị.

Hỏi: Trong kiến đế đạo là trí tu vị lai v.v...?

Đáp: Không có trí tu vị lai v.v... Sau sẽ nói. Bởi vì sao? Vì trong pháp pháp tướng không có tâm giả danh, cho nên trong kiến đế đạo không tu thế trí.

Hỏi: Trong kinh nói có 4 trí vô ngại, đó là gì?

Đáp: Như trí vô ngại trong danh tự gọi là pháp vô ngại, trí vô ngại trong ngôn ngữ âm thanh gọi là từ vô ngại nghĩa là khác phương khác tục nên âm thanh ngôn ngữ sai khác. Như trong kinh nói: Hành giả không nên đắm mê ngôn từ của nước khác. Nếu ngôn ngữ âm thanh bất tiện cũng khó hiểu nghĩa. Nếu không có danh tự thì nghĩa không rõ được. Tức nơi ngôn từ này không lưu ngại, không cùng tận, gọi là lạc thuyết vô ngại. Như trong kinh nói: Có 4 lỗi nói pháp: Hoặc nói có nghĩa lý mà không thể vô tận, có thể vô tận mà không có nghĩa lý, có được cả 2, có cả 2 đều không được. Ba thứ trí này gọi là ngôn từ phương tiện. Trí vô ngại biết nghĩa trong danh tự ngôn ngữ gọi là nghĩa vô ngại.

Như nói có 4 lỗi nói pháp: Có nghĩa phương tiện không ngữ phương tiện. Có ngữ phương tiện không nghĩa phương tiện. Có đủ 2 phương tiện. Có cả 2 đều không phương tiện. Nếu ai có được 4 trí

vô ngại đó gọi là đầy đủ phương tiện. Bậc trung thượng nói pháp khó đáp lại khó gạn, lạc thuyết vô tận, cũng có nghĩa lý trí tuệ vô cùng ngôn từ không bị ngăn trệ.

Hỏi: Làm thế nào được trí vô ngại này?

Đáp: Nhờ nghiệp nhân duyên đời trước nên được. Nếu có thể đời đời khéo tu nhân duyên trí tuệ và phương tiện các âm, do sức tu tập nên đời nay tuy không học tập văn tự, đọc tụng kinh điển nhưng cũng có thể biết được như thiên nhãn thông v.v....

Hỏi: Hạng người nào có thể được?

Đáp: Chỉ Thánh nhân có thể được. Có người nói chỉ A-la-hán được, không phải các học nhân. Đây bất tất phải như vậy, học nhân cũng có thể được 8 thứ giải thoát, tại sao không thể được trí này?

Hỏi: Bốn vô ngại này ở trong cõi nào?

Đáp: Hai cõi Dục Sắc có tất cả, trong cõi Vô sắc chỉ có nghĩa vô ngại. Vô ngại có 2 thứ hữu lậu và vô lậu. Học nhân đủ 2 thứ, vô học chỉ có vô lậu. Nếu được thì nhất thời được hết. Nữ nhân cũng được. Như Tì-kheo-ni Đàm-ma-trần-na v.v...

Phẩm 196: Năm trí

Năm trí là Pháp trụ trí, Nê-hoàn trí, Vô tránh trí, Nguyệt trí và Biên tế trí.

Biết các pháp sinh khởi gọi là pháp trụ trí, như sinh duyên lão tử cho đến vô minh duyên hành. Bởi có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ nên gọi là pháp trụ trí. Pháp này diệt gọi Nê-hoàn-trí, như sinh diệt nên lão tử diệt cho đến vô minh diệt nên các hành cũng diệt theo.

Hỏi Nếu vậy là Nê-hoàn trí cũng gọi pháp trụ trí? Bởi vì sao? Vì nếu có Phật hay không Phật, tính này vẫn thường trụ vậy?

Đáp: Các pháp diệt hết gọi là Nê-hoàn. Trong diệt hết đó, còn có pháp gì mà trụ?

Hỏi: Nê-hoàn không phải thật có sao?

Đáp: Ấm diệt không còn nên gọi Nê-hoàn. Trong đó còn có gì nữa?

Hỏi: Làm sao biết được thật có Nê-hoàn? Diệt để gọi là Nê-hoàn. Khổ v.v... các đế thật có, nên Nê-hoàn cũng phải thật có.

Lại trí trong Nê-hoàn gọi là diệt trí. Nếu không có pháp làm sao sinh trí?

Lại trong kinh Phật vì các Tì-kheo nói: Có sinh khởi làm pháp hữu vi, có không sinh khởi làm pháp vô vi.

Lại trong kinh nói: Chỉ có 2 pháp hữu vi và vô vi. Pháp hữu vi pháp có sinh diệt trụ dị. Pháp vô vi không sinh diệt trụ dị.

Lại trong kinh nói: Có bao nhiêu pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi diệt hết, chỉ Nê-hoàn đó là cao thượng.

Lại nói sắc là vô thường, diệt sắc nên Nê-hoàn là thường, cho đến thức cũng vậy.

Lại trong kinh nói: Diệt thì phải chứng. Nếu không pháp chứng cái gì?

Lại Phật nói trong Kinh Đa Tánh: Người trí biết như thật, tính hữu vi và vô vi. Tánh vô vi tức là Nê-hoàn, dùng chân trí mà biết, làm sao nói là không?

Lại trong các kinh không quyết định nói Nê-hoàn là vô pháp. Cho nên biết ông tự nhớ tưởng phân biệt bảo là không có Nê-hoàn?

Đáp: Nếu lia các ấm lại pháp khác gọi Nê-hoàn đó, thì không nên gọi các ấm diệt hết cho là Nê-hoàn. Lại nếu có Nê-hoàn cần nói ra thế nó là thế nào?

Lại định duyên Nê-hoàn gọi là vô tướng, nếu pháp tướng vẫn còn đó sao gọi vô tướng được? Như trong kinh nói: Hành giả thấy sắc tướng dứt, cho đến thấy pháp tướng dứt.

Lại trong kinh nhiều chỗ đều nói: Tất cả hành vô thường, tất cả pháp vô ngã, Nê-hoàn tịch diệt. Ngã trong đó gọi là thể tính các pháp. Nếu không thấy thể tính của các pháp mà gọi là thấy vô ngã, hoặc Nê-hoàn thì pháp đó là không thể tính không thể thấy được, vì pháp này không diệt. Như khi có cái bình thì không có pháp cái bình hoại. Nếu khi cái bình hoại thì mới được nói bình hoại. Chặt cây v.v... cũng như vậy. Như vậy nếu các hành hãy còn bấy giờ không gọi Nê-hoàn, vì các hành diệt mới có tên Nê-hoàn.

Lại khổ diệt không gọi còn có pháp riêng. Như trong kinh nói: Các Tì-kheo! Nếu khổ này diệt các khổ khác không sinh, không còn nối nhau, chỗ đó là đệ nhất tịch diệt an ổn. Như nói lia bỏ tất cả thân tâm, vĩnh viễn lia diệt hết tham ái Nê-hoàn. Trong đó nói dứt khổ này các khổ khác không sinh, đâu còn có pháp gì gọi Nê-hoàn ư?

Lại cũng không riêng còn có tận pháp? Chỉ đã sinh ái, diệt chưa sinh, không sinh, bấy giờ gọi là tận, lại đâu còn có pháp gì gọi là tận ư? Thật không thể nói được!

Lại nữa, có tên khác của pháp này. Không có pháp 5 ấm gọi là Nê-hoàn. Trong đó không có mà gọi là có, đây là điều không thể được, vì diệt hết nên nói là Nê-hoàn. Giống như hết áo, lại không pháp khác, nếu không như vậy cũng phải riêng có pháp hết áo v.v....

Ông nói có diệt trí, cũng không hại gì, như trong việc chặt cây v.v... trí sinh cũng không riêng có pháp chặt.

Lại do các hành nên trí sinh trong đó, nghĩa là tùy các hành không gọi là Nê-hoàn, như tùy không có vật đó biết vật đó không có.

Hỏi: Nay không có Nê-hoàn sao?

Đáp: Chẳng phải không có Nê-hoàn, chỉ là không thật pháp. Nếu không có Nê-hoàn thì thường ở trong sinh tử hẳn không mong ngày giải thoát. Như bình bị vỡ cây bị chặt, chỉ có điều là không phải thật có pháp riêng.

Nói các đế khác v.v... đều đã đáp chung. Bởi vì sao? Vì có khổ diệt nên mới nói có các pháp không sinh, không khởi, không làm, vô vi v.v... đều không hại gì.

Vô tránh trí, là tùy dùng trí nào đó không tranh cãi cùng người khác gọi là vô tránh. Có người nói chính là tâm từ đó. Vì tâm từ nên không nào hại chúng sinh.

Lại có người nói chính là hành. Vì không hành nên không cùng tranh với vật.

Lại có người nói chính là tâm vui Nê-hoàn. Vì vui Nê-hoàn nên không tranh.

Lại có người nói ở trong đệ tứ thiên điều này bất tất như vậy. A-la-hán đó dùng trí này tu tâm nên không tranh cãi.

Nguyện trí, là đối với các pháp trí không chướng ngại gọi là nguyện trí.

Hỏi: Nếu nói như vậy chỉ Phật Thế Tôn có được trí này?

Đáp: Đúng vậy. Chỉ Phật Thế Tôn mới đầy đủ trí này. Còn người khác tùy sức đến đâu mà được không ngăn ngại.

Biên tế trí là tùy hành giả được trí tối thượng, nhờ tất cả thiên định huân tu tăng trưởng; như đối với mạng sống lâu tăng tồn v.v... được sức tự tại gọi là biên tế trí tức trí có giới hạn.

PHẨM 197: TRÍ 6 THÔNG

Có trí 6 thông. Sáu thông là thân thông, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng và lậu tận.

Thần thông là thân hành giả tuôn ra nước lửa, bay bổng lên ảnh hiện, nắm bắt mặt trời mặt trăng, đến cõi Phạm Tụ Tại và làm các thứ biến hóa. Làm các nghiệp như vậy gọi là thần thông.

Hỏi: Việc đó làm sao thành được?

Đáp: Hành giả tu sâu thiền định nên được. Như trong kinh nói sức thiền định là không thể nghĩ bàn.

Có người nói biến hóa là tâm vô ký. Điều này không đúng. Vì nếu hành giả đó vì lợi tha mà hiện các thứ biến hóa thì làm sao gọi vô ký được?

Có người nói dùng tâm cõi Dục làm biến hóa cõi Dục, tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Sắc. Lời đó cũng không đúng. Mắt v.v... cũng phải như vậy, có thể dùng thức cõi Dục thấy cõi Sắc ư? Như vậy v.v... nếu tâm cõi Sắc làm biến hóa cõi Dục đâu có lỗi chi?

Lại có người nói thần thông sơ thiền có thể đến cõi trời Phạm Thế, cho đến thần thông tứ thiền có thể đến cõi Sắc Cứu Cánh. Đó cũng không đúng. Tùy căn lực đến đâu, nếu người lợi căn dùng thần thông sơ thiền có thể đến tứ thiền. Người độn căn lấy thần thông nhị thiền không thể dùng sơ thiền. Như Đại Phạm Vương đến thiên trung gian, trong đó không thần thông, dùng sức sơ thiền có thể đến các cõi Phạm thiên khác, liền dùng sơ thiền không thể biết Phạm Vương ở chỗ nào.

Lại Phật dùng túc mạng nghĩ nhớ cõi Vô sắc, như trong kinh nói: Nếu có chỗ sinh đời trước trong cõi Sắc và Vô sắc Phật đều nhớ biết. Cho nên không nhất định.

Lại có người nói thiên nhãn là tuệ tính. Điều này cũng không phải. Thiên nhãn do ánh sáng mà thành, tuệ không phải như vậy.

Hỏi: Trong kinh nói tu tướng ánh sáng có thể thành tri kiến. Tri kiến tức là thiên nhãn?

Đáp: Không phải. Cũng nói thiên nhĩ không dùng tuệ tính, gọi đó là nhĩ nên không phải tuệ.

Lại thiên nhãn duyên sắc hiện tại, ý thức không vậy.

Lại trong giải thích thiên nhãn nói là biết nghiệp báo chúng sinh. Nhãn thức không có năng lực này. Chỉ trong ý thức khi biết dùng nhãn thức mà sinh, như do thiền định sinh sắc gọi là thiên nhãn.

Hỏi: Hình chổ thiên nhãn lớn hay nhỏ?

Đáp: Chừng bằng con người mắt.

Hỏi: Người mù thế nào?

Đáp: Cũng bằng chổ mắt.

Hỏi: Thiên nhãn là một hay hai?

Đáp: Là hai.

Hỏi: Tùy ngó hướng nào thấy hướng đó sao?

Đáp: Thấy khắp các hướng.

Hỏi: Hóa nhân cũng có sao?

Đáp: Không có. Hóa nhân có luận thiên nhĩ cũng như vậy.

Hành giả nếu biết tâm người khác gọi là tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao không nói biết tâm số người khác?

Đáp: Vì nhân duyên này nên không có tâm số riêng. Biết thụ, tưởng v.v... của người khác cũng gọi là tha tâm trí.

Lại có người nói trí này duyên đồng tính, như dùng hữu lậu biết hữu lậu, vô lậu biết vô lậu. Điều này không đúng. Người này không nói nhân duyên quyết định, do nhân duyên đó biết là duyên đồng tính.

Có người nói chỉ duyên hiện tại. Đó cũng không phải. Hoặc duyên vị lai như người vào định vô giác, biết từ định này khởi, sẽ biết những việc như vậy như vậy.

Có người nói trí này không biết kiến đế đạo. Việc này không đúng. Nếu biết có lỗi gì?

Có thuyết nói: Bích-chi-phật muốn biết kiến đế đạo trong tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 7. Thanh Văn muốn biết tâm thứ 3, tức thấy tâm thứ 16. Đó không gọi là kiến đế đạo ư?

Lại có người nói trí này không biết thượng địa, thượng nhân, thượng căn. Đó cũng không nhất định. Chư thiên cũng biết tâm Phật, như có một hôm Phật rất muốn đuổi chúng Tăng, rồi lại nghĩ cho lại, Phạm Vương đều biết.

Lại có một khi tâm nghĩ muốn làm vua để dùng chính pháp mà giáo hóa cõi đời. Ma vương liền biết đến mà khuyến mời.

Lại chư thiên cũng biết vị này A-la-hán, cho đến vị này đang tu Tu-đà-hoàn.

Lại các Tì-kheo cũng biết tâm Phật như khi sắp vào Nê-hoàn thì A-na-luật thứ lớp biết Phật đã vào các thiền định.

Lại có người nói trí này không biết cõi Vô sắc. Đó cũng không đúng. Phật dùng túc mạng có thể biết Vô sắc; tha tâm trí cũng như vậy, biết nào có lỗi gì?

Hỏi: Làm sao biết tâm người khác?

Đáp: Biết trong cảnh duyên. Như tâm đi trong sắc gọi là tâm duyên sắc v.v...

Hỏi: Nếu vậy thì tha tâm trí duyên tất cả pháp?

Đáp: Như vậy đó. Nếu không biết duyên làm sao biết tâm. Như trong kinh nói: Ta biết tâm ông như vậy. Như vậy tức là

duyên sắc v.v.... Biết tha tâm có 3 thứ: 1. Tướng biết. 2. Báo được. 3. Tu được.

Tướng biết, là như dùng chú Ương-già v.v... nên biết. Báo được, là như quý thần v.v.... Tu được, là sức tu thiền định được tha tâm trí. Trong 6 thông này nói tu được là hoặc nhớ các âm thân trong đời quá khứ gọi là túc mạng trí.

Hỏi: Nhớ âm của ai?

Đáp: Nhớ âm của mình, âm người khác và âm của phi chúng sinh. Tuy không thể nhớ âm của người hơn mình mà có thể nhớ giới v.v... các pháp của người hơn mình.

Làm sao biết được? Như Xá-lợi-phất đáp Thế Tôn rằng: Con tuy không biết tâm Phật quá khứ vị lai mà có thể biết các pháp đó.

Lại trời Tịnh Cư biết tâm Phật nên đến thưa Phật rằng: Như vậy Thế Tôn! Oai nghi chư Phật quá khứ cũng như vậy.

Hỏi: Trong giải nghĩa về túc mạng, vì sao nói cộng tướng cộng tính?

Đáp: Nghĩ nhớ rõ ràng nên nói tướng danh tự như vậy, như tên người v.v....

Lại vì biết việc nên gọi là tướng, họ, tên, dòng tộc, như nói đây là nhà của ông, đây là họ của ông. Tướng tính hợp lại nói, nên thấy biết rõ ràng.

Hỏi: Vì sao nhớ rõ ràng?

Đáp: Pháp quá khứ diệt hết, vô tướng mà có thể biết được, Đó mới là lạ lùng.

Có người dùng tướng tư duy suy lường mà biết không được rõ ràng, rồi cho rằng đệ tử Phật cũng như vậy. Cho nên tính tướng hợp lại mà nói.

Có người dùng túc mạng trí, hoặc dùng hữu đạo tư tuệ mà biết đời quá khứ, như hành duyên thức. Trong 2 thứ này tư tuệ là hơn.

Bởi vì sao? Vì người này tuy biết 8 vạn đại kiếp, mà không có tư tuệ này, nên sinh tà kiến cho rằng từ trước đến nay gọi là sinh tử, quá đây lại không có gì cả. Hữu đạo tư tuệ hoàn toàn không có tà tâm này.

Có người nói trí này thứ lớp nghĩ nhớ quá khứ. Điều này không đúng. Nếu như niệm niệm thứ lớp nhớ việc trong một kiếp hãy còn khó biết hết, huống là vô lượng kiếp.

Hỏi: Vì sao trong kinh lại nói: Ta từ ở trong 91 kiếp đến nay chưa hề thấy bố thí tổn kém mà không quả báo?

Đáp: Phật ở trong đó lấy 7 Phật làm chứng.

Lại cũng có sống lâu trong cõi Tịnh Cư cùng với các Phật kia đồng thấy.

Lại vì Phật được chân trí nên công đức thanh tịnh, nếu người cúng dường được phúc 2 đời, cho nên ngang bằng với thuyết này.

Có người nói trí này không biết thượng địa. Điều này không đúng. Trong thân thông v.v... ở trên đã đáp.

Hỏi: Nếu đó là tính nhớ vì sao gọi trí?

Đáp: Nhớ tùy tướng sinh. Quá khứ không có tướng mà có thể nghĩ nhớ. Phải biết thắng tuệ gọi đó là nhớ. Nhớ túc mạng có 3 thứ: 1. Dùng túc mạng trí. 2. Báo được. 3. Sinh ra liền tự nhớ.

Túc mạng trí là tu được. Báo được là như quý thần v.v.... Sinh ra tự nhớ là trong loài người.

Hỏi: Do nghiệp gì nên sinh ra bèn tự nhớ?

Đáp: Nhờ không nào hại chúng sinh nên được nghiệp này. Bởi vì sao? Vì khi chết khi sinh, khổ rất ép ngặt nên quên mất nghĩ nhớ; trong khi đó khó mà được không quên mất, nên phải nhờ nghiệp thiện.

Lại có người nói quá khứ nhiều lắm là 7 đời. Điều này không nhất định. Có người đời đời thâm tu pháp không hại, nên có thể được nghĩ nhớ lâu xa.

Chứng lậu tận trí thông, chính là Kim cương Tam-muội. Kim-cương Tam-muội là hết lậu, vô ngại đạo tận trí là trí vô học. Dùng Kim cương Tam-muội mới diệt hết các lậu nên gọi là chứng lậu tận trí thông.

Hỏi: Các thần thông khác cũng nên nói nhờ pháp nào mà chứng được?

Đáp: Trước đã nói tu sâu thiền định chứng thần túc thông.

Lại tùy sở dụng chứng và việc sở chứng đều gọi thần thông. Có người nói tất cả Thánh đạo đều là phương tiện để hết lậu. Như trong kinh nói: Nếu Phật ra đời nếu có người thiện, nghe pháp xuất gia, vâng giữ cấm giới, bỏ 5 thứ ngăn che, tu định thấy đế... Những điều đó đều là phương tiện để hết lậu.

Lại có người nói bồ thí v.v... các pháp thiện cũng gọi là nhân duyên hết lậu, như trong kinh nói: Hành giả bồ thí để giúp thành hết lậu, không, vô ngã trí. Đó là thật chứng lậu tận trí thông. Pháp này có tên riêng là Kim cương Tam-muội. Có thể phá các tướng nên gọi kim cương. Các người ngoại đạo chỉ gọi 5 thông, vì đều không được chân trí này.

Hỏi: Dùng vô ngã trí mới phá ngã kiến, vì sao dùng trí này dứt tham giận v.v...?

Đáp: Vô ngã trí có thể diệt các tướng, vì không còn tướng nên các phiền não diệt.

Hỏi: Vì ban đầu dùng vô ngã trí có thể phá các tướng, còn trí thứ 2 v.v... lại dùng để làm gì?

Đáp: Các tướng tuy diệt mà sinh lại, nên phải dùng trí thứ 2 v.v....

Hỏi: Nếu tướng diệt rồi mà sinh lại thì vô cùng không biên giới. Vậy là không có đạo A-la-hán?

Đáp: Có biên giới. Như nay hiện thấy sữa diệt lại có sinh. Có khi sữa diệt bơ sinh. Như vậy là có biên giới. Tướng cũng như vậy. Như đốt sắt tướng đen diệt rồi sinh lại đến tướng đỏ sinh, bây giờ là biên giới. Các thí dụ trạng thái Ca-la-la v.v... cũng như vậy. Tùy đến khi nào các tướng diệt hết không còn tướng sinh bây giờ gọi là được đạo A-la-hán.

Hỏi: A-la-hán đều không có các tướng sao?

Đáp: Nếu còn ở trong tâm bất định, bây giờ cũng có sắc v.v... các tướng, nhưng không sinh lỗi, như người thấy sắc, vì tà tâm, tà phân biệt, khi đó tướng có thể sinh lỗi.

Hỏi: Không vô ngã trí là thế nào?

Đáp: Nếu hành giả trong 5 âm không thấy giả danh chúng sinh, dùng pháp không, nên thấy sắc thể diệt cho đến thức diệt. Đó gọi là không vô ngã trí.

Hỏi: Giả sử các pháp thường còn, ái v.v... các phiền não cũng có thể trừ hết. Như nói vạn vật thường tồn tại, mà người tinh tiến có thể trừ tham ái thì cần gì phải diệt tướng?

Đáp: Trong kinh nói: Có các sinh tướng, đều biết diệt tướng, trong các pháp được pháp nhãn tịnh. Nếu diệt dứt là rốt ráo dứt. Có hành giả lìa các sắc dục, ngăn dứt tham giận, nên Phật nói vì đó mà nói kệ như vậy.

Lại nói các hành tính rỗng không như huyễn, người phàm phu vô trí cho đó là thật có. Người học nhân rõ biết là hư dối như huyễn. Cho nên biết tùy dùng tuệ nào đó mà chứng các pháp diệt. Đó gọi là chứng lậu tận trí thông.

Phẩm 198: TRÍ NHÃN

Hỏi: Trong kinh nói: Nếu hành giả có 7 phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, thì trong pháp đó chóng được hết lậu. Đó là trí nào ư?

Đáp: Bảy phương tiện là văn tuệ, tư tuệ. Bởi vì sao? Vì người tâm chưa định khởi quán như vậy: Đây là sắc, sắc nhóm, sắc diệt, và đạo diệt sắc, sắc đấm vị, tội lỗi xuất ly.

Hỏi: Nếu là văn tuệ tư tuệ, vì sao nói chóng được hết lậu?

Đáp: Tuy là văn tuệ tư tuệ như vậy phân biệt 5 ám, có thể phá được ngã tâm, nên mới nói chóng được hết lậu.

Ba thứ quán trí, là quán pháp hữu vi là vô thường, khổ, vô ngã. Nếu dùng pháp môn âm, giới, nhập mà quán pháp hữu vi thì không nghĩa lợi.

Hỏi: Nếu như vậy, trong lỗi trước đã nói vô thường, khổ, trong xuất ly đã nói vô ngã, thì vì sao còn nói 3 thứ quán này?

Đáp: Học tập 3 thứ quán, trước tiên là văn tuệ tư tuệ, rồi sau tuệ tu. Trước trong văn tuệ tư tuệ nói 7 thứ, sau trong tuệ tu nói 3 thứ.

Bởi vì sao? Nếu vô thường, khổ hoại tướng là hoại vô thường, chứ không phải hành vô thường. Tuy nói trừ dục nhiễm mà không nói trừ bằng cách nào, nên sau mới nói nghĩa 3 thứ quán.

Hỏi: Sao gọi 8 nhãn?

Đáp: Nếu có trí có thể phá giả danh, đó gọi là nhãn. Nhãn này là ở trong pháp noãn, đảnh, nhãn và thế đệ nhất.

Hỏi: Hành giả cũng nhãn trong Phật Pháp Tăng và giới v.v... Vì sao chỉ nói 8?

Đáp: Vì thắng hơn nên nói. Thắng gọi là cận đạo. Tuệ là trí nên gọi nhãn. Như là khổ pháp trí gọi là khổ pháp nhãn, như vậy v.v....

Bởi vì sao? Vì trước dùng tư tuệ thuận đạo, sau được hiện trí, như người chẵn voi trước xem dấu chân voi, dùng trí so sánh biết nó ở trong đó, rồi sau mới hiện thấy. Hành giả cũng như vậy, trước dùng nhãn trí so sánh suy lường Nê-hoàn, rồi sau dùng trí hiện thấy. Cho nên kinh nói người biết, người thấy có thể được hết lậu.

Phẩm 199: CHÍN TRÍ

Hỏi: Có luận sư nói: A-la-hán khi chứng tận trí được 9 thứ trí của thế tục là: buộc cỡi Dục, thiện, vô ký cho đến thiện, vô ký cỡi Phi tướng phi phi tướng xứ. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải tất cả A-la-hán đều được hết các thiện định, làm sao được hết 9 trí?

Hỏi: Tất cả A-la-hán đều được thiện định chứ, có điều là không phải tất cả đều hiện vào được?

Đáp: Nếu không thể hiện vào, làm sao gọi là được? Như người nói tôi biết đọc sách vậy mà không biết một chữ. Điều này cũng vậy.

Hỏi: Nếu người lìa dục mà chưa có thể hiện vào sơ thiên, người đó mạng chung không sinh về đó sao?

Đáp: Trong kinh nói: Trước ở đây vào, sau mới sinh đó. Nay ở đây không vào làm sao mà sinh về đó được?

Hỏi: Như khi lìa dục các thiện quá khứ vị lai đều đã vốn được, mới được nhờ báo đó mà sinh?

Đáp: Nghiệp vị lai không làm, không khởi, nên không có quả báo được. Các thiện quá khứ đã từng sinh nơi tâm, nếu cùng với quả báo thì không hại gì.

Lại không nên được các nghiệp vị lai, nếu có thể được thì tất cả vị lai lẽ ra đều phải được chứ chướng ngại gì mà được không được?

Hỏi: Nếu pháp vị lai không thể được, thì người học nhân không nên thành tựu 8 phần, người vô học không nên thành tựu 10 phần.

Bởi vì sao? Vì nếu nương đệ nhị thiên v.v... vào chính pháp vị, thì người này vị lai mới được chính tư duy.

Lại nếu hành giả tận trí hiện tiền, bây giờ vị lai được thể chính kiến.

Lại có người nương định Vô sắc được quả A-la-hán. Người này vị lai được chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp và chính mạng.

Lại nếu người nương đệ tam thiên v.v... được Thánh đạo được vị lai hỷ. Các pháp như vậy v.v... thì lẽ ra đều không. Cho nên biết có pháp vị lai.

Lại nếu không người tu vị lai, làm sao được quả các thiên định v.v...? Hành giả nếu ở trong đạo tử trí, đều được quả nhiếp trong các trí các định, nếu không như vậy lẽ ra các quả đó thường được.

Bởi vì sao? Các quả đều phải được lúc hiện tiền. Điều này là không thể. Cho nên biết phải có người tu trong vị lai?

Đáp: Ông nói không các phần đó. Điều đó không hại gì. Bởi vì sao? Vì tôi nói giới v.v... các phần do thứ lớp mà được, đâu phải đồng thời được. Cho nên không phải nạn vấn làm gì.

Ông nói được các chủng loại đó. Hành giả khi được khổ trí, các loại trí khác đều gọi là được. Như được nhân chủng nên gọi là được nhân tướng, cũng không nói ở trong từng niệm lần lượt được nhân tướng. Điều này cũng như vậy.

Hỏi: Hành giả có các khổ v.v... các trí tuần tự được đó đều đã rời bỏ, lại đồng thời được quả Tu-đà-hoàn nhiếp được các trí?

Đáp: Các trí vô lậu được thì không mất.

Hỏi: Nếu trước được không mất thì được hành cũng không khác biệt. Bởi vì sao? Vì người được quả tức là hành giả. Có những lỗi này?

Đáp: Nếu không khác biệt, đâu có lỗi gì? Như người thành tựu cũng gọi hành giả. Đó cũng như vậy.

Lại người này còn được thắng pháp nên có sai biệt, cho nên không lỗi. Như người thụ 5 giới, rồi lại được luật nghi xuất gia cũng không mất giới đã thụ.

Lại người đắc quả không vì thấy đạo nên có sai khác. Như người tuy biết việc trước lại vì việc hơn trước nên có sai khác. Điều này cũng vậy, cho nên biết không có được vị lai.

Lại hành giả an trụ trí không vô ngã, bấy giờ làm sao được pháp thế gian? Cho nên biết khi được tận trí không được thế trí.

Hỏi: Các thế trí này cộng chung tận trí, được cùng với A-la-hán mà làm tâm xuất nhập định?

Đáp: Tâm A-la-hán nối nhau mà sinh niệm niệm đều thanh tịnh. Nếu lại được 9 trí thì nhân v.v... đều được nữa. Nếu không như vậy thì không nên chỉ được 9 trí.

Lại nói người tu vị lai đều không nhân duyên.

Bởi vì sao? Vì trong các thuyết kiến đế đạo này chỉ tu tương tự trí.

Trong tư duy đạo cũng tu tương tự và không tương tự.

Trong kiến đế đạo không tu thượng địa.

Trong tư duy đạo thì tu.

Trong đạo tử trí không tu thiện thế tục.

Trong các trí khác thì tu.

Trong vô ngại đạo không tu tha tâm trí.

Khi tín giải thoát chuyển làm kiến đến thì trong tất cả vô ngại giải thoát không tu thế tục đạo.

Khi thời giải thoát chuyên làm bất hoại giải thoát thì trong 9 vô ngại và 8 giải thoát đạo không tu thể tục đạo, mà trong giải thoát đạo thứ 9 thì tu.

Trong vi tế tâm không tu tất cả vô lậu.

Như vậy v.v... đều không nhân duyên. Cho nên ông nay hoặc nói chính nhân, hoặc nên tín thụ, hoặc lấy học tập làm tu, khi còn ở trong noãn pháp v.v..., các thiện căn trên tất cả đều tu, để đều được tăng ích. Như tụng tập kinh sách thì đều sáng tỏ. Cho nên khi còn ở trong noãn pháp v.v..., cho đến tận trí tất cả đều tu. Nếu không phải như vậy thì phải nói chính nhân.

Phẩm 200: MƯỜI TRÍ

Mười trí, là pháp trí, tỉ trí, tha tâm trí, danh tự trí, 4 đế trí, tận trí và vô sinh trí.

Biết pháp hiện tại gọi là pháp trí. Như trong kinh nói: Phật bảo A-nan: Ông đối với pháp này thấy biết như vậy, thông suốt như vậy, quá khứ vị lai cũng biết như vậy. Lẽ ra phải nói hiện tại pháp trí. Nay không nói hiện tại nên chỉ nói pháp trí. Như trong kinh nói: Người quý pháp hiện tại, người trí quý vị lai.

Lại nói các dục hiện tại, các dục vị lai đều là lưới ma, bị ma trói ma buộc. Trong những câu như vậy v.v... đều nên nói tiếng hiện, nhưng vì lược bớt tiếng hiện nên chỉ nói có pháp trí.

Biết các pháp còn tàn dư gọi là tỉ trí. Tàn dư là các pháp quá khứ vị lai. Kế tiếp pháp hiện tại sau mới biết nên gọi tỉ trí.

Bởi vì sao? Vì trước hiện biết rồi rồi sau mới so sánh biết. Pháp trí gọi là hiện trí. Tùy theo pháp trí này mà tư duy suy lường so sánh biết gọi là tỉ trí.

Hỏi: Tỉ trí này là vô lậu trí, vô lậu trí làm sao gọi tỉ trí được?

Đáp: Thế gian cũng có tử trí.

Bởi vì sao? Vì pháp trí, tử trí, tha tâm trí, khổ trí, diệt trí và đạo trí đều có hữu lậu, vô lậu. Các trí này ở trong pháp noãn v.v... là hữu lậu mà vào trong pháp vị mới được gọi vô lậu.

Hỏi: Có người nói biết các hành cõi Dục: các hành tập, các hành diệt, các hành diệt đạo, gọi là pháp trí. Biết các hành 2 cõi Sắc, Vô sắc 4 thứ gọi là tử trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Trong kinh nói Phật bảo A-nan rằng trong đời quá khứ vị lai cũng biết như vậy, chứ không có kinh nói biết các hành trong 2 cõi Sắc và Vô sắc gọi là tử trí.

Lại trong kinh nói: Hành giả nên nghĩ: Ta nay đang bị hiện sắc xâm thực, quá khứ cũng đã từng bị sắc xâm thực, trong vị lai cũng sẽ bị sắc xâm thực.

Lại trong kinh nói: Sinh duyên già chết, trong đời quá khứ, vị lai cũng như vậy. Như Bồ-tát Mã Minh nói kệ:

*Như hiện tại lửa nóng,
Khứ lai lửa cũng nóng.
Hiện tại 5 ấm khổ,
Khứ lai ấm cũng khổ.*

Các khổ như vậy v.v... các Đại luận sư cũng đều nói như vậy.

Lại biết pháp đời quá khứ vị lai gọi là tử trí, cũng có đạo lý.

Bởi vì sao? Vì hành giả đối với khổ quá khứ vị lai hiện tại đều chán lìa. Chán lìa là ở trong pháp đó sinh chân trí tuệ. Như hành khổ hiện tại, thì các hành khứ lai cũng khổ như vậy. Nay dùng trí nào biết pháp quá khứ vị lai? Như pháp trí này, các hành cõi Sắc, Vô sắc cũng có khứ lai, cái biết trong đó cũng phải gọi pháp trí. Vậy thì chỉ là pháp trí không có tử trí. Nếu hành trong khứ lai cõi Sắc Vô sắc riêng có trí đó, thì hành khứ lai trong cõi Dục lẽ ra cũng phải riêng có trí đó?

Vì những nghĩa này nên các luận sư nói: Có được, chưa được nên thứ lớp thấy để. Khổ cõi Dục gọi là được. Khổ cõi Sắc và Vô sắc gọi là chưa được. Cho nên không thể đồng thời đều biết hết. Nếu khổ chưa được, dùng tỉ trí mà biết. Nay trong cõi Dục chỗ chưa được khổ, cũng nên dùng tỉ trí mà biết.

Hỏi: Dùng trí nào để dứt kết đạo?

Đáp: Chỉ nên dùng pháp trí, tỉ trí ở trong phương tiện đạo.

Hỏi: Dùng pháp trí gì?

Đáp: Dùng khổ pháp trí diệt pháp trí.

Bởi vì sao? Vì hành giả khi quán vô thường, khổ thấy không, vô ngã, bấy giờ chứng các hành diệt. Các trí khác đều là phương tiện.

Hỏi: Quán khổ nào diệt?

Đáp: Quán các thụ khổ. Trong đó có thể sinh ngã tâm. Cho nên cũng ở trong đó thấy diệt. Như nói nội giải thoát. Cho nên các ái diệt hết, tự nói được A-la-hán.

Hỏi: Trong kinh không nói tắt cả hành dứt gọi dứt tính ư?

Đáp: Hành giả này vì chứng nội diệt, nên chán lia tắt cả.

Lại hành giả quyết phải chứng nội diệt, ngoài ra không cần phải nhất định.

Hỏi: Ở trong các đế, trí sinh như thế nào?

Đáp: Biết sinh khổ v.v... sinh.

Hỏi: Đó không phải định tâm làm sao sinh trí được?

Đáp: Có phép quán như vậy. Cũng có ám vô thường các lỗi sinh tướng khổ, vô ngã. Như trong kinh nói: Nếu pháp vô thường tức là vô ngã.

Bởi vì sao? Vì mắt v.v... các căn có sinh có diệt. Nếu đó là ngã, ngã tức sinh diệt, nên biết không phải ngã. Khi mắt v.v... sinh không từ đâu đến, vì có sở tác mới gọi là ngã, mà trong kinh nói không có tác giả, cho nên biết nếu pháp vô thường tức là vô ngã. Như vậy hành giả khéo tu vô thường và vô ngã, nên thân tâm được tịch diệt, có sinh bao nhiêu hành đều giác biết cái nào hại của chúng mới sinh tưởng khổ, như bò không da, chạm một chút là biết đau. Hành giả cũng vậy, nhờ tưởng vô ngã nên thành tưởng thượng khổ. Người ngu vì tưởng ngã nên dù bị đại khổ vẫn không biết nó nào hại. Đó gọi là khổ trí.

Thấy các hành sinh gọi là tập trí. Thấy các hành diệt gọi là diệt trí. Niệm đạo thủy chung gọi là đạo trí.

Hỏi: Sao gọi là tận trí?

Đáp: Hết tất cả tướng nên gọi tận trí.

Bởi vì sao? Vì học nhân tướng dứt rồi sinh lại. Còn đây dứt rất ráo nên gọi tận trí. Như trong kinh nói nếu biết tướng vọng chỉ là vọng tướng thì các khổ hết. Tâm trí học nhân chỉ lấy vọng tướng làm ngã, dứt hẳn tâm đó gọi là tận trí. Như trong kinh nói: A-la-hán ở trước Phật tự nhớ lời Thế Tôn nói các kết ta không còn nữa. Ta đối kết đó không còn sinh nghi. Ta thường nhất tâm nhiếp chính niệm chính hành, tham v.v... bất thiện không lọt vào tâm. Trong đó lấy tướng nên sinh các kết, các tướng dứt nên các kết dứt. Học nhân hành nơi tướng vô tướng, nên ngã tâm thỉnh thoảng phát khởi. Như thấy gốc cây tro trụ nghi là người. Cho nên chỉ A-la-hán độc nhất được không nghi, vì tâm thường hành trong vô tướng cho nên hiện chúng sinh không. Trong 5 âm không thấy thần ngã. Sau do pháp không, nên không thấy sắc tính cho đến thức tính. Cho nên biết tất cả tướng gọi là tận trí.

Biết các tướng không sinh gọi là vô sinh trí. Học nhân dứt tướng hết rồi sinh lại. Người vô học tướng hết rồi không sinh nữa.

Nếu có thể khiến các tướng diệt hết không còn sinh lại, bây giờ gọi là vô sinh trí.

Hỏi: Học nhân cũng biết có tận trí vô sinh trí, như ngài: Ta hết 3 kết không còn sinh lại. Vì sao không nói 10 phần thành tựu?

Đáp: Học nhân không dứt tất cả tướng, nên không nói có tận trí vô sinh trí, như người bị trói cột khắp mình, tuy mở được một chỗ nhưng không gọi đã được thoát. Cũng có nghĩa như thế này: Xá-lợi-phất nói họ Cấp Cô Độc 10 phần thành tựu.

Lại A-la-hán được sức tự tại nên tự biết kết hết không còn sinh lại. Học nhân không được như vậy.

Lại A-la-hán khi được vô học đạo có thể tự biết hết tất cả sinh, gọi là tận trí. Người thành tựu Phạm hạnh là xả các học hành. Người việc làm đã làm xong là các việc đáng làm đều đã làm xong, biết thân từ đây không còn nối nhau luôn nữa. Cho nên biết chỉ A-la-hán đối với tất cả việc làm phải được tự tại thành tựu tận trí và vô sinh trí, chứ không phải các người học nhân, ví như người bị bệnh sốt rét tuy lúc không phát nhưng không gọi là người lành bệnh. Như trong kinh nói: Liệt tất cả chỗ hỷ, diệt tất cả chỗ ưu, chứng tất cả pháp diệt, thường tu tâm vô lậu.

Tha tâm trí, là như trong 6 thông nói 5 âm hòa hợp giả danh chúng sinh. Các tên trí trong đây gọi là danh tự trí, vô lậu trí, chân thật trí. Tương tự vô lậu này được gọi là trí, nên gọi danh tự trí.

Hỏi: Có người nói tất cả chúng sinh thành tựu các trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Nếu đệ tử Phật có thể biết các pháp do nhiều duyên sinh, người đó có thể được, chứ đâu phải chúng sinh khác. Nhờ được tên trí nên tất cả chúng sinh chỉ dùng tướng mà biết, nếu được trí này gọi là nội phạm phu.

Phẩm 201: BỐN MƯỜI BỐN TRÍ

Hỏi: Trong kinh nói 44 trí là: lão tử trí, lão tử tập trí, lão tử diệt trí, lão tử diệt đạo trí, sinh, hữu, lấy, ái, thụ, xúc, 6 nhập, danh sắc, thức, hành cũng như vậy. Vì sao nói như vậy?

Đáp: Nê-hoàn là chân pháp quý báu, nên dùng nhiều cửa để vào: Có dùng cửa 5 âm mà vào, hoặc quán giới, nhập, nhân duyên và các đế. Các cửa như vậy đều đến Nê-hoàn.

Làm sao biết được? Như trong kinh nói: Vua ở trong thành, có 2 sứ giả đến do mỗi người vào mỗi cửa. Đến rồi yết kiến nhà vua và tâu bày sự thật; tâu xong lui về. Người vào các cửa khác cũng vậy.

Trong đó vua dụ cho hành giả, các cửa là quán âm giới nhập v.v..., 2 sứ giả là như pháp Chỉ và Quán. Người tâu bày sự thật là thông đạt chân không. Các sứ giả này tuy từ các cửa vào nhưng đều đến một chỗ. Như vậy tuy quán âm giới nhập v.v... các môn phương tiện nhưng đều vào Nê-hoàn. Như La-hầu-la nói: Khi ở một mình chỗ vắng suy nghĩ pháp, biết pháp như vậy đều tùy thuận hướng về và ngợi khen Nê-hoàn.

Lại Phật ca ngợi pháp rằng: Pháp này có thể tắt lửa phiền não nên gọi là diệt có thể khiến hành giả tâm được yên ổn, nên gọi là yên ổn, có thể khiến hành giả đến Chính biến tri nên gọi là đến. Những nghĩa như vậy đều ca ngợi Nê-hoàn.

Lại Phạm hạnh là 8 con đường chính. Trong 8 con đường chính, chính trí là cao hơn, mà quả của chính trí là Nê-hoàn.

Lại Phật nói ra giáo pháp đều vì Nê-hoàn. Cho nên biết các cửa 5 âm v.v... đều đến Nê-hoàn.

Hỏi: Có luận sư nói lão tử trí là khổ trí. Việc đó thế nào?

Đáp: Không phải vậy. Bởi vì sao? Vì trong đó không nói khổ hành, nên không phải khổ trí.

Hỏi: Vậy thì đó là trí nào?

Đáp: Đó gọi là lão tử tính trí.

Hỏi: Cũng nói biết lão tử tập, lão tử diệt, lão tử diệt đạo. Nên biết phải là khổ trí?

Đáp: Đó là nhân duyên môn, không phải chân đế môn. Cho nên trong đó không nên nói khổ hành, mà nên nói tập v.v... vì thuận với nhau hơn.

Hỏi: Trong đó vì sao không nói các trí vị, quá, xuất v.v...?

Đáp: Các nghĩa đó đều có, chỉ vì người kết tập kinh lược bớt nên không nói.

Phẩm 202: BẢY MƯƠI BẢY TRÍ

Hỏi: Trong kinh nói 77 trí là sinh duyên lão tử, không lia sinh mà có lão tử. Trong 2 đời quá khứ vị lai cũng như vậy. Đó là pháp trụ trí, quán vô thường, hữu vi tạo tác khởi do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng, ly tướng, diệt tướng cũng quán như vậy. Cho đến vô minh duyên hành cũng như vậy. Vì sao trong đó không nói lão tử tính và diệt đạo v.v...?

Đáp: Vì người có trí sắc bén nên nói như vậy. Chỉ mở cửa là có thể biết, pháp khác cũng như vậy.

Lại ngoại đạo phần nhiều đối với pháp nhân duyên nói làm rằng vạn vật thế gian là do thế tính v.v..., nên Phật ở đây chỉ nói nhân duyên.

Hỏi: Đã nói sinh duyên lão tử, vì sao lại nói không lia?

Đáp: Là nói quyết định, vì trong các pháp có nhân bất định. Như bố thí là nhân phúc, mà trì giới cũng được phúc, như nói trì giới được sinh lên trời. Hoặc có người sinh ý nghĩ lão tử nhân duyên sinh, hoặc không nhân duyên sinh, nên phải nói quyết định.

Hỏi: Vì sao trong đời quá khứ vị lai lại phải nói quyết định?

Đáp: Hiện tại với quá khứ có tướng khác, nghĩa là chúng sinh đời quá khứ thọ mạng vô lượng, uy thế đồng với chư thiên. Có những điều như vậy, sợ e người nghi rằng thọ mạng v.v... khác với lão tử, nên nhân duyên cũng phải khác, nên phải nói quyết định. Vị lai cũng vậy. Sáu thứ này gọi là pháp trụ trí, ngoài ra gọi Nê-hoàn trí. Có thể khiến lão tử nối nhau luôn, nên gọi vô thường hữu vi tác khởi, do nhiều duyên sinh. Tận tướng, hoại tướng tức là vô thường hành. Ly tướng tức là khổ hành. Diệt tướng tức là không vô ngã hành.

Bởi vì sao? Vì trong đó sắc tính diệt, thụ tướng hành thức tính diệt tức là nghĩa của 3 thứ quán. Như trong kinh nói: Tì-kheo có 7 chỗ phương tiện, 3 thứ quán nghĩa, chóng được hết lậu. Đó đều là Nê-hoàn trí. Như vậy v.v... nhân duyên trí có trăm ngàn vô lượng, nghĩa là nhãn trí v.v..., như trong kinh nói: Mắt duyên nghiệp, nghiệp duyên ái, ái duyên vô minh, vô minh duyên tà niệm, tà niệm duyên nhãn sắc, các lậu duyên tà niệm, các ăn duyên ái, 5 dục duyên ăn đoàn thực v.v..., địa ngục đoản mạng duyên sát sinh v.v.... Nếu trước khổ nay khổ đều duyên vọng tưởng, vọng tưởng duyên thân tâm yêu ghét, yêu ghét duyên tham dục, tham dục duyên tà tư duy. Cứ như vậy v.v... các nhân duyên trí vô lượng vô biên, tự phải biết lấy./.

QUYỂN 16 HẾT, TRỌN BỘ

SỐ 1647
TỨ ĐỂ LUẬN
QUYỂN 1

*Bà-tâu-bạt-ma tạo luận
Thiên Trúc Tam tạng Chân Đế dịch
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: TƯ DUY LỰA CHỌN

*Bát-nhã khắp các pháp,
Đại bi thấu chúng sinh.
Vô tướng nói chính đạo,
Đánh lễ đáng Thế Tôn.
Đại thánh Chiên-diên luận,
Nói lược nghĩa rộng sâu.
Đại đức Phật-đà-mật,
Nói rộng lời và nghĩa.
Có thứ lớp trang nghiêm,
Rộng lược nghĩa tương xứng.
Danh, lý nhiếp lẫn nhau.
Tôi đọc xong 2 luận.
Nay rộng bớt, lược thêm,
Tạo thành luận vừa phải.
Lợi ích cho người học,*

Khiến chính pháp bền lâu.
 Nếu ai rõ 4 đế,
 Tin 4 đế khó động.
 Không lại xem mặt người,
 Hằng lia 4 đường dữ.
 Tám bậc, người trời biết,
 Sau ắt đến khổ tế.
 Nên tạo Tứ Đế Luận,
 Không phải vì ngã mạn.
 Duyên khởi, nghĩa nhiều thứ,
 Câu, nghĩa, theo trước sau.
 Người hỏi và tìm nghĩa,
 Chung riêng lý tương ưng.
 Chứng nghĩa và thí dụ,
 Theo đây nói 4 đế.
 Nguyên chúng sinh biết đây,
 Được thiên đạo Niết-bàn.

Có 4 Thánh đế. Đây nói kinh này là do nhân gì duyên gì Phật Thế Tôn nói kinh như thế này.

Vì sao Thánh đế có 4, không thêm không bớt?

Sao có nghĩa là Thánh, sao có nghĩa là đế?

Nếu Thánh là đế thì 2 cái trước không nên gọi là đế.

Nếu nói đế chính là Thánh thì nghĩa đế bất định.

Lại có kinh nói: Nói đế là chỉ có một, không có đế thứ hai. Vì sao 4 nghĩa mà không bị phá hoại?

Lại có kinh nói: Tất cả pháp hành đều gọi là khổ. Cho nên chỉ có 2 đế. Nói 4 đế là không thành nghĩa.

Lại có thuyết trong đó tăng thêm một, an lập các pháp từ một đến hai cho đến rất nhiều. Tại sao nghĩa của đế không tăng thêm một?

Lại nữa, 4 tướng không đồng, làm sao cùng một lúc mà quán chung được?

Lại nữa 4 tướng Bà-la-môn để với Thánh đế có gì sai khác?

Xem bài kệ sau đây:

*Bốn Thánh đế thế nào?
Phi đế, cảnh bất định.
Chỉ thêm hai cùng quán,
Tịnh, Thánh đế khác chi.*

Sao chư Phật đều đồng một ý đối với 4 đế? Sao chỉ lấy 4 đế làm chính thuyết cao tột của chư Phật? Sao đồng quán 4 đế làm cảnh? Trí tuệ bình đẳng mà quả có sai khác? Sao A-la-hán trong 4 đế, trí viên mãn vô dư không đồng được Nhất thiết trí như chư Phật? Nếu không đồng thì trong 4 đế phải còn có vô minh? Nếu tất cả pháp ở trong 4 đế thì kể cả Kinh Thắng Xa-ba-diệp cũng phải tìm hiểu. Nếu không tìm hiểu thì phải có 5 đế. Nếu không 5 đế thì các pháp khác là phi đế. Nếu khổ v.v... 4 pháp gọi là Thánh đế thì chỉ nói một khổ là đầy đủ Thánh đế.

Các kinh như vậy không cần phải nói. Nếu trí 4 đế gọi là khổ thì nghĩa không phải vậy. Nếu biết một đế cũng biết các đế khác thì nói 3 đế sau vô dụng.

Sao trước nói khổ đế? Nếu chưa nói nhân mà trước nói quả, làm sao không mâu thuẫn với 12 duyên sinh? Sao nói diệt đế rồi sau mới nói đạo đế? Xem bài kệ sau đây:

*Một ý thượng quả đúng,
Nhất thiết trí Diệt-thí.
Bốn sai một vô dụng,
Trước khổ nhân duyên diệt.*

Có 4 Thánh đế.

Vì sao Phật Thế Tôn nói kinh này?

Đáp: Có các đệ tử phải được Thánh đạo, vì trước đã thụ tà pháp của ngoại đạo, như theo Thường hành ngoại đạo, có ngoại đạo không ở một nơi, có Hộ mạng đạo, Tương vi đạo, Lão Thanh Văn đạo, Tu Cù-đàm đạo, đạo mặc áo lông chim, đạo thờ nước, đạo thắt bím tóc, đạo thờ lửa, đạo lỏa thể v.v... Các đạo đó đều ca ngợi đạo pháp của mình cho là chỉ có pháp của mình là chân thật, vô dư, không trái chân lý, là quả bất tử mà các pháp khác không được như vậy.

Nghe những lời này, trí không quyết định các pháp đó pháp nào là chân thật, pháp nào là không chân thật, các đệ tử này đối với đế phi đế khởi vô minh hoặc. Để làm rõ thật đế cho nên Đại Tiên nói kinh này. Ví như có người bị anh lạc giả lừa gạt khiến được thấy anh lạc thật.

Lại nữa có các pháp khác nói nghĩa như thế. Nếu bỏ trang sức thể tục mang hình tướng Sa-môn ở nơi A-lan-nhã tu hạnh Đầu-đà, gặt được bạch pháp giảm bỏ tài vật, gìn giữ hổ thẹn lên xe giới luật, không chế các căn như kềm chế ngựa bắt kham, mài luyện binh khí văn tuệ, mặc áo giáp thiền định. Nhân các tu hành này tự gọi mình là chân thật Sa-môn. Những người như vậy là Sa-môn khởi tăng thượng mạn. Để khiến được thấy chân thật Sa-môn nên Phật Thế Tôn nói kinh này để làm rõ nghĩa này, để làm thông suốt 4 đế, trở thành Sa-môn chân thật trong Thánh pháp mà không phải do các hành khác. Như Kinh Sa-môn nói: Nếu có như vậy thì đầy đủ, như kinh nói thật Sa-môn là do quán 4 đế mà được thành lập, không phải do thể gian tu hành rất ráo cùng được hữu lưu mà gọi là Sa-môn, như bài kệ lỏa hình nói.

Lại nữa đã khởi 9 nạn, trước Phật đã sinh, chán lia nhân pháp, dùng hương thiện căn huân tâm, đã lâu làm tư lương cho Thánh đạo, ý hành đều tịnh, phải thông suốt Thánh đế, làm tâm siêng làm, khiến

uống thuốc Thánh đế trí, cho nên Phật Thế Tôn mới nói kinh này. Nếu như là thuốc có thể trị bệnh thì bỏ thí thuốc.

Lại nữa nghe cái khổ của ác đạo thật khó chịu được mà sinh tâm chán sợ, vì người này làm cho rõ nhân duyên không sa vào ác đạo cho nên nói kinh này.

Bởi vì sao? Chúng sinh thụ sinh vào trong địa ngục, 6 phương lửa cháy bao vây, khắp người tan chảy như sắc vàng, hơi thở ra vào nóng như lửa đốt.

Lại có những người đói ăn viên sắt nóng khát uống nước đồng sôi, hoặc chém hoặc chặt, hoặc chẻ hoặc rút chịu đủ thứ khổ, bị những con chó và chim mổ sắt ăn nuốt. Hoặc sinh làm ngựa quỷ thường bị đói khát ngặt nghèo, cổ họng như lỗ kim, thường muốn ăn uống mà không bao giờ biết no đủ. Do nghiệp đời trước bức bách, khát đi tìm nước đến gần bờ sông thì thấy sông khô, hoặc thấy đầy những máu mù phân như hôi thối, thấy cây cối hoa quả biến thành rừng trơ trụi. Như có bài kệ nói:

*Trăng nóng như trời hè,
Gió thổi như lửa đốt,
Mưa rơi như nước sôi,
Đi trên đất như lửa.*

Cho nên ngựa quỷ chịu khổ rất khắc nghiệt.

Hoặc sinh vào súc sinh thường bị giam nhốt trói cột đánh đập, thường ăn thịt lẫn nhau, nghi sợ lẫn nhau, tâm thường bất an, chịu các khổ như vậy.

Hoặc sinh Tu-la, oán kết, keo kiệt, ngạo mạn, xúc phạm, chịu các khổ như vậy. Phật vì các đệ tử nghe các khổ ở ác đạo như vậy sợ tự đọa nơi kia, muốn làm rõ tri kiến 4 đế không sa vào nhân duyên nên nói kinh này. Như người rơi xuống biển, thí cho thuyền bè khiến

được cứu vớt. Như trong kinh nói: Nếu có chúng sinh trong các khổ như vậy, có thể như thật thấy khổ như vậy, tức được giải thoát 4 thứ ác đạo và tất cả các khổ sinh lão bệnh.

Lại nữa vì muốn làm cho chúng sinh xa lìa 5 thứ lời tà lừa gạt:
 1. Có thể sinh các ác. 2. Chịu làm theo người ác. 3. Người hiền xa lìa.
 4. Có thể phát khởi phiền não. 5. Lừa gạt làm thê, vì muốn người nói 5 phần chính ngữ lợi ích chúng sinh: 1. Tự đức tương ưng. 2. Chịu làm theo người thiện. 3. Sinh trưởng thiện căn. 4. Khiến lìa rừng rú gai góc của phiền não. 5. Khiến đến thật vui lìa lời nói 5 tà, làm theo 5 chính ngữ cho nên nói kinh này.

Ví như khiến bỏ thứ quý báu giả tạo mà lấy của quý báu chân thật. Như trong kinh nói: Chớ nói lời tà ác. Nếu Tăng tụ họp nên làm 2 việc một là Thánh im lặng, hai là nói Thánh chính pháp.

Lại có các phạm phu đều tự chấp trước những cái lý khác nhau của mình, chấp lý của mình là đúng của người là sai. Do chấp này nên tranh cãi nhau, như người mù bầm sinh sờ voi. Để làm rõ vô tử tối thắng, tranh cãi không khởi lại, không điên đảo là trí tuệ Thánh để nên nói kinh này. Vì hiện ý này, chấp trước đoạn thường nói ngã và các người cùng nhau tranh cãi, người thấy 4 đế thì không như vậy, vì hiểu rõ chân không, như Kinh Khru-đa-kha nói.

Lại nữa y vào sự trưởng chân chính, ở nơi vắng vẻ, tu hạnh Đầu-đà, giảm tổn sinh cụ, thủ hộ 6 căn, tiết giảm việc ăn uống. Đầu hôm cuối đêm tỉnh thức vui vẻ nhất tâm nghe, như lý suy nghĩ, tụng niệm, ngồi ngẩn ngẩn, yên lặng nhập định, quán pháp môn đếm hơi thở. Do nhân duyên này liên tục thành thực. Tâm địa yên tĩnh vi tế hoặc tự động nhẹ, vì những người như vậy được thông suốt nên nói kinh này. Như người nhuần nhuyễn lại cho thêm thuốc. Nếu nghĩa chân thật chỉ dùng trí căn gọi là thông suốt. Phải biết căn duyên 4 Thánh đế này là thông suốt kinh trong này phải nói.

Lại nữa, đề phá 4 hoặc, làm rõ 2 phương tiện nên nói kinh này. Như bài kệ nói:

*Sinh khởi diệt lìa ám,
Cùng các thứ tà chấp,
Sáu mươi hai tà kiến,
Trong nhân quả không rõ,
Đề phá mê lầm này,
Hiện thị lý bất động,
Và giải thoát trói buộc,
Nên Phật nói kinh này.*

Lại nữa các Phạm, các thiên tiên, người, Bà-lợi, A-tu-la, long thần, Dược-xoa, Diêm-ma v.v... còn không thấy 4 Thánh đế nên không ra khỏi 3 cõi, như con tằm nằm trong cái kén, xoay vần trong 6 đường như bánh xe quay tròn, chạy quanh trong cõi tối tăm, rơi xuống vực sâu hiểm nghèo, chịu lửa nóng thiêu đốt. Nếu thấy 4 Thánh đế thì phá tối vô minh được trí sáng suốt, thoát khỏi 4 đường dữ không phải ngóng trông các đường khác. Do đó 4 Thánh đế là chân thật, không hai, không điên đảo, không tranh cãi, có thể thành tựu công dụng xuất thế vượt trội của Như Lai. Để làm rõ nghĩa đó nên nói kinh này.

Luận chủ muốn làm rõ nghĩa 4 đế là không có gì so sánh bằng, nên nói Thủ-lô-kha:

*Biết ngoại đế không lìa,
Luật lý hành hơn thua,
Không thể độ sinh già
Chết:Biển lớn buồn lo.
Đây với người Thánh trí,
Tham giận khởi đấu tranh,
Người trí cầu giải thoát,
Không cần biết ngoại đế.*

*Nếu ai thấy Thánh đế,
Thắng pháp khỏi ác đạo.
Lìa lỗi không nhiễm bản,
Thường tu 4 đẳng tâm.
Các khổ đầy khắp cả,
Giải thoát ngục 3 cõi.
Thông tuệ cầu Niết-bàn,
Cần phải thấy Thánh đế.*

Kệ trì tán nói:

*Đệ tử và Sa-môn,
Khỏi nạn sợ ác đạo,
Tội lỗi và tà chấp,
Sư phá chấp hiển lý.*

Vì sao Thánh đế chỉ có 4 thứ không tăng không giảm?

Đáp: Câu hỏi này không thành câu hỏi, vì nếu tất cả gì cũng đều hỏi như vậy thì vô cùng.

Lại nữa, thân kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô sự kiến là chỗ đối trị của 4 pháp này. Cho nên Thánh đế có bốn.

Lại nữa, để đối trị 4 điên đảo nên nói 4 đế, cũng như 4 niệm xứ.

Lại nữa, để lìa 4 tà chấp, vì tất cả chúng sinh đều có 4 thứ tà chấp. Những gì là bốn? Là quả, nhân, giải thoát, phương tiện tà chấp.

1. Quả tà chấp, là nghiệp ngã kiến, nghĩ nhớ ái sinh ra ám giới nhập v.v... Bất tịnh, xú uế như chó chết, lửa 3 khổ theo thiêu đốt, kim cương vô thường phá hoại, ngã ngã sở sai khiến người làm người chịu. Khiến người chịu xa lìa cái chấp tịnh, lạc, thường, ngã trong đây là quả của tà chấp. Để lìa bỏ chấp này nên nói khổ Thánh đế.

2. Nhân tà chấp, là Thế chủ, Phạm vương, Tự tại nhân, song thời tự tính định, tự nhiên phi nhân, túc nghiệp thế được là túc được

địa thủy hỏa phong lân hư không v.v... Những thứ phi nhân, bất bình đẳng nhân này chấp cho là sinh nhân, đó gọi là nhân tà chấp. Để lia bỏ chấp này nên nói tập đế.

3. Giải thoát tà chấp, là quy ngũ nhập Ti-nựu thể cực nhập không, đến 30 tháp trụ vô. Nếu trên riêng tồn tại lia ngã đức, qua 3 định tạm xả, vĩnh viễn xả, các chấp như vậy giải thoát là chẳng phải định, chẳng phải vĩnh viễn, đó là giải thoát chấp. Để phá chấp này nên nói diệt đế.

4. Phương tiện tà chấp, là xa lia 5 trần, ăn uống, y phục, đồ nằm, chỗ ở. Gió nước hoa quả củ rễ nhánh lá gạo mì dầu bã phân bò, những vật như vậy làm thức ăn. Vỏ cây cỏ dây da nai cột bện làm y phục. Hoặc lại bỏ trên đất, nằm trên đồng tro. Hoặc đầu xuống dưới chân chổng lên trên. Hoặc hướng về mặt trời cho nóng đốt thân hình. Thường mặc áo ướt, thường ở dưới nước. Gieo mình từ trên núi, nhảy vào lửa, chìm lặn trong nước. Y vào thời tiết thì nghiệp hết không có nhân. Do làm các hạnh này mà gọi là được Niết-bàn, đó là phương tiện tà chấp. Để lia bỏ chấp này nên nói đạo đế.

Vì 4 việc này nên nói 4 đế cũng như Thánh đạo.

Lại nữa, vì để phân biệt pháp hi hữu nên có 4 Thánh đế.

Bởi vì sao? Vì thủ ám là chỗ chúng sinh nương tựa đấm đuối nên nói khổ, phải biết không nên nương tựa đấm đuối. Do tham ái nên không vắng lặng. Tham ái diệt thì được vắng lặng. Khổ diệt thì ngã mạn tịch diệt, vì đối trị tâm khổ. Do tu đạo nên vô minh tịch diệt, vì đạo có thể đối trị vô minh.

Lại nữa, tất cả những người cầu giải thoát diệt khổ được vui, đó là công dụng thù thắng. Diệt khổ như thế nào? Vì do tập diệt, được vui vì do tu đạo, vì có Thánh đế.

Lại nữa, các sư thuộc Kinh luận bộ nói: Nếu ai quán thấy tội lỗi sinh tử, quán công đức Niết-bàn thì vào Chính định tụ.

Thế nào là tội lỗi sinh tử? Là thức thụ sinh, khởi làm lỗi. Thức này khởi nhân là tham ái.

Thế nào là công đức Niết-bàn? Là thức không khởi vui. Thức này không khởi phương tiện, tức là Thánh đạo nên nói 4 đế.

Lại nữa, phân biệt nhân quả thế xuất thế nên nói 4 đế.

Lại nữa vì thông suốt 4 thứ.

Lại nữa y trụ 4 thứ nên nói 4 đế.

Lại nữa, biệt tướng 4 thứ nên nói 4 đế.

Hỏi: Thế nào là nghĩa của Thánh và nghĩa của đế?

Đáp: Thánh có 8 nghĩa:

1. Tự tại. Nếu ràng buộc vào gì khác thì không tự tại, mà gọi là nô lệ không gọi là Thánh. Chư Phật và đệ tử đối với tâm và pháp đều được tự tại nên gọi là Thánh.

2. Khởi tham ái cái tốt. Như cho phép người tự tại xuất gia.

3. Sinh trong dòng Thánh gọi là Thánh nhân, như sinh trong dòng Bà-la-môn.

4. Sinh nơi Thánh địa. Nói địa là chân thật vô sinh. Ví như sinh nơi vùng đất trung tâm của một nước.

5. Hạnh lìa sinh tử như Bà-la-môn.

6. Không đi trên xe sinh tử, như xả bỏ thì không đắm nhiễm.

7. Không sinh trở lại, như hạt giống cũ.

8. Phải đến cung kính vì có phúc đức, như hoàng đế.

Trì tán kệ nói:

*Tự tại lìa tham lam,
Giống Thánh sinh đất Thánh.*

*Đi lìa không đi xe,
Không sinh, đến cung kính.*

Đế có 7 nghĩa:

1. Không điên đảo là nghĩa của đế. Ví như tướng của lửa.
2. Thật hữu là nghĩa của đế, như trong kinh nói.
3. Không đổi khác là nghĩa của đế.
4. Không 2 hạnh là nghĩa của đế. Ví như hạnh của Thọ-đề-già, Xà-da-đạt-đa.
5. Không khởi trở lại là nghĩa của đế. Từ trí này không khởi trở lại, không đồng với hỏa luân trí.
6. Không mâu thuẫn là nghĩa của đế. Ví như nghiệp và giới của Thánh.
7. Vãn với nghĩa tương xứng là nghĩa của đế. Bởi vì sao? Nói đấm trước khô, chắc chắn khô là nghĩa.

Do 7 nghĩa này nên gọi là đế.

Ông hỏi: Nếu vì Thánh nên gọi là đế thì trước hai không nên gọi là đế. Lại nữa, nếu nói Thánh gia đế cho nên gọi là đế thì nghĩa bất định?

Đáp: Đế là nhân của Thánh vì có thể sinh Thánh. Ví như Phạm trụ, cho nên gọi là Thánh đế như con đường của đạo sư. Như trong kinh nói: Nếu chư Như Lai đã nói chính đáng đều nói 4 đế.

Hỏi: Nếu lấy Thánh nói gọi là Thánh đế thì phàm phu cũng nói nên gọi là phàm đế?

Đáp: Thừa thần lực của Phật mà nói nên thành lập chính giáo của Phật, vì vậy mà không phải phàm đế, như Xá-lợi-phất hành nhân duyên.

Lại nữa vì Thánh nhân nên trước hiểu rõ, ví như thuốc tiên.

Lại nữa Thánh nhân y theo cái thấy chân thật cho nên gọi là Thánh đế, ví như thế đế.

Hỏi: Phàm phu y theo cái thấy nghĩa không chân thật nên chẳng phải Thánh chẳng phải đế?

Đáp: Không có mắt thanh tịnh thì không thể thấy, ví như người mù bẩm sinh, lựa đồ báu giả, như người mắt có vảy màng thấy có nhiều mặt trăng. Phàm phu say cuồng không thấy được. Đây ví như trăm con voi trên đầu ngọn cỏ.

Lại nữa, Trí Tập Luận nói vì thế Thánh nên gọi là Thánh đế. Ví như ô xà xích mẽ.

Lại nữa trong kinh nói vì Thánh tuệ vô thượng chiếu soi nên gọi là Thánh đế.

Ông hỏi: Lại có kinh nói đế là chỉ có một, không có thứ hai, sao 4 nghĩa mà không phá hoại nhau?

Đáp: Vì nghĩa không điên đảo, vì một phẩm loại khác, 4 ví như 4 điên đảo.

Lại nữa do nghĩa của đế cho nên một ví như Thánh đạo mà chỗ dùng khác, bốn ví như đạo phần.

Lại nữa vì pháp tương thông với nhau, cho nên một ví như sắc khác nhau, bốn ví như 4 đại.

Lại nữa vì vô ngã bình đẳng nên một vô ngã thì tất cả bình đẳng, ví như giống nhau khác nhau.

Lại nữa vì không đối khác nên y vào tâm giải thoát nói đế là duy nhất không có cái thứ hai. Bởi vì sao? Khổ Thánh đế v.v... đều có đối khác, như trong kinh nói: Tất cả hữu vi trống rỗng là pháp phá hoại, là một tâm chân thật không hoại giải thoát. Nếu như tương ưng

tương đối khác đều thật không hư dối thì 4 nghĩa cũng vậy, cho nên có 4 Thánh đế.

Ông hỏi: Lại có kinh nói: Tất cả hành pháp đều là khổ cho nên chỉ có 2 đế, 4 nghĩa là không thành?

Đáp: Phân biệt bộ nói ý là tất cả pháp hữu vi là vô thường nên khổ, chứ không do nghĩa đệ nhất đế nên khổ. Đế lìa khổ này, nơi Thế Tôn tu phạm hạnh thanh tịnh, đó gọi là khổ đế. Sau lại nói rộng, cho nên không làm hỏng 4 nghĩa.

Lại nữa có nhiều thuyết nhiều kinh nói 3 khổ. Tất cả hữu vi thâm nhiếp từng phần. Hữu vi khổ là nói đầy đủ các phần. Như y cứ vào khổ khổ thì nói giống khổ, gốc khổ, cảnh giới khổ, khổ thụ v.v... Y cứ hoại khổ hành khổ mà nói cũng như vậy. Y cứ tất cả thụ mà nói đều là khổ, như vô thường là khổ. Cho nên nói tất cả hữu vi hoặc y cứ hành khổ nói sinh khởi là khổ, có sinh là khổ, sắc sinh tức là khổ sinh. Hoặc nói khổ đế này do rất nhiều ý nói khổ cho nên đều không mâu thuẫn.

Lại nữa không đối khác cho nên y vào Niết-bàn nói tất cả hữu vi khổ, do khổ nên tương ưng tương khổ cho nên y nghĩa 4 đế không mất.

Ông hỏi: Lại nữa trong Tăng Nhất nói: An lập các pháp từ một đến hai đến rất nhiều. Sao riêng nghĩa của đế không tăng một?

Đáp: Vì nghĩa chân thật, vì không điên đảo. Phật nói tất cả đều gọi là đế. Tuy 1, 2, 3 gọi là tăng một mà đế không tăng một. Vì phân biệt đế quán nên nói có bốn. Vì an lập trí và tương nên như 4 niệm xứ, như trước nhân duyên thành lập 4 đế. Phải biết nghĩa này là biết Thánh đế nên là bốn. Biết khổ có nhân tức được thấy pháp. Như trong kinh nói: Nếu ai thấy 12 duyên sinh, gọi là thấy pháp, vì thông suốt 16 tướng xuất thế đều do thấy đế. Những gì hệ thuộc nhân duyên là nghĩa vô thường. Ví như tiếng trống, lấy Kinh Nan-đà làm chứng.

Nếu vô thường là khô, khô khô là vô ngã, nếu vô ngã là không, nếu ai biết điều đó tức thấy được pháp, thông suốt 16 tướng, được diệt hoặc lìa khô, vì nghĩa này nên Thánh đế có bốn.

Lại nữa vì là tối thượng phẩm, vì không chung với cảnh giới trí, nên không tăng một. Như hỏi: Lại nữa 4 tướng không đồng, làm sao một lúc đều quán tất cả được?

Đáp: Vì do tướng nên trong kinh nói: Tu tập tướng vô thường, nhỏ bỏ tất cả tham ái. Cảnh giới của tướng này tức là khô đế. Tất cả tham ái tức là tập đế. Nhỏ bỏ tức là diệt đế. Tướng vô thường tức là đạo đế. Vì ý nghĩa đó, tuy 4 bất đồng một lúc được thấy.

Lại nữa, do tư duy lựa chọn cho nên như kinh nói: Do tướng vô thường v.v..., tư duy lựa chọn 5 âm tham ái, chưa sinh không được sinh, đã sinh thì diệt. Trong đây 5 âm tức là khô đế, tham ái tức tập đế, không sinh và diệt tức diệt đế, vô thường v.v... tư duy lựa chọn tức là đạo đế. Vì ý nghĩa này một lúc được thấy 4 đế.

Lại nữa do quán mất cho nên như kinh nói: Quán kết xứ, tội lỗi tham ái liền diệt. Kết xứ tức khô đế. Tham ái tức tập đế. Diệt tức diệt đế. Quán tội lỗi tức đạo đế. Vì ý nghĩa này nên một lúc thấy đế.

Lại nữa một lúc thấy đế ví như lửa. Lửa là thứ có thể thiêu đốt các vật. Một lúc thiêu đốt tỏa nhiệt và chiếu sáng. Quán đế cũng vậy, hại sinh tĩn xuất mỗi mỗi đều tự lìa diệt, tu chứng cùng một lúc.

Lại nữa ví như mặt trời. Mặt trời là thứ có thể làm khô ráo mọi vật. Nghĩa là nước, chỗ tối, hoa mỗi mỗi tướng khác nhau, khô ráo, chín, nở cùng một lúc. Quán đế cũng vậy.

Lại nữa ví như ngọn đèn. Đèn có thể thiêu đốt các vật. Nghĩa là tìm dầu vật tối mỗi mỗi tướng khác nhau nhưng thiêu đốt làm khô ráo phá chiếu đều cùng một lúc. Quán đế cũng vậy.

Lại nữa ví như chiếc thuyền. Thuyền có thể đến những vật không đồng tướng. Nghĩa là hai bờ bên này bên kia, đi đến, lìa, chuyên chở đều cùng một lúc. Quán đế cũng vậy.

Phân biệt bộ nói: Nếu tu khổ tướng, quán thấu tâm sinh diệt chán hữu vi thì tu pháp môn vô nguyện giải thoát. Nếu quán hữu vi chỉ có sinh diệt không thấy các pháp khác thì tu pháp môn vô tướng giải thoát. Trong đó khổ tướng tức là khổ đế. Sinh tướng là phiền não. Nghiệp tức là tập đế. Diệt tướng tức là diệt đế. Pháp đó có thể khiến tâm lìa tướng thấy vô tướng, tức là đạo đế. Nếu thấy pháp vô vi là vắng lặng lìa sinh diệt thì 4 nghĩa cùng thành một lúc. Khác vô vi tịch tĩnh này gọi là khổ đế. Do loại trừ đây nên pháp vô vi tịch tĩnh gọi là tập đế. Pháp vô vi tức là diệt đế. Có thể quán tịch tĩnh này và thấy vô vi, tức là đạo đế. Vì ý nghĩa này nên 4 tướng tuy đặc biệt cùng lúc quán, sau sẽ suy lường trở lại, nên không nói rộng.

Trì tán kệ nói:

*Cùng tư trạch lỗi làm,
Lửa, mặt trời, đèn, thuyền.
Để thoát khỏi tướng khổ
Một lúc quán 4 đế.*

Ông hỏi: Bà-la-môn đế với Thánh đế có gì khác nhau?

Đáp: Thế Tôn chân Thánh chân Bà-la-môn, cho nên đế này không khác nhau. Ví như Đế Thích với vua trời.

Lại nữa, Bà-la-môn đế gồm trong đạo đế. Thánh đế là đạo quả đối trị gồm trong đạo cảnh giới.

Lại nữa, nhất hướng thiện là Bà-la-môn đế, thiện ác vô ký là thánh đế.

Lại nữa chỉ đạo là Bà-la-môn đế, đạo quả gọi là Thánh đế.

Ông hỏi: Vì sao chư Phật trong Thánh đế đồng có một tuệ?

Đáp: Vì thông đạt pháp vô dư, tướng bình đẳng. Ví như tịnh nhãn quán sắc.

Lại nữa vì chứng thấy pháp. Ví như lửa nóng sáng. Việc này thế gian một tuệ cùng chứng.

Lại nữa như phép mài kính. Chư Phật thông đạt pháp giới, biết tất cả 3 đời đều như hiện tại. Ví như nhiều mặt nước gương, ảnh mặt trăng là một. Trì tán kệ nói:

*Hai người một không khác,
Đạo thiện quả nên khác.
Vì vô dư chứng thấy,
Nên kính pháp đồng tuệ.*

Ông hỏi: Sao chỉ lấy 4 để làm chính thuyết thượng phẩm của chư Phật?

Đáp: Vì có thể vượt chúng sinh khỏi biển sinh tử, ví như pháp xuất thế.

Lại nữa là vượt trội trong các đế nên ví như thắng đế.

Lại nữa có thể thâm nhiếp tất cả các pháp chân thật, giống như ví với Thắng-xa-ba-diệp.

Lại nữa các trời Phạm Thích v.v... chưa từng thấy nên ra sức kiên trì dũng mãnh các trời Tì-suru-nụ v.v... trí chưa đạt tới, trí siêng năng đi xa như các ngoại tiên nhân được.

Lại nữa vì là cảnh giới của trí vô phân biệt, nếu có thể

biết tất cả công đức trang nghiêm này như Xá-lợi-phất v.v... và Phật Thế Tôn.

Lại nữa vì nghĩa đầy đủ, do không chung cho nên đây nói công đức vượt trội hơn hết. Vì vậy 4 để gọi là thượng phẩm chính thuyết.

Ông hỏi: Vì sao đồng quán 4 đế làm cảnh, nên trí tuệ bình đẳng mà quả thì có sai khác?

Đáp: Không phải do cảnh đồng mà trí tuệ đồng. Ví như định và tham dục v.v...

Lại nữa do trí tuệ sai khác nên quả có sai khác. Ví như do nghiệp sai khác nên có quả sai khác.

Lại nữa vì tu đạo khác nên được quả không đồng. Ví như hạt giống không đồng quả có sai khác.

Lại nữa quán tội lỗi có thượng trung hạ phẩm nên được quả không đồng.

Ông hỏi: Nếu A-la-hán trong 4 đế trí đồng không khác, như vậy là phải không khác với Nhất thiết trí. Nếu không phải vậy thì trong 4 đế phải có vô minh?

Đáp: A-la-hán không biết ngoài 4 đế cảnh giới chư Phật chẳng phải là vô minh. Bởi vì sao? Chỉ vì có thuyết nói nếu A-la-hán không biết những ngôn thuyết ngoài 4 đế thì chẳng phải là vô minh, như Kinh Thắng-xa-ba-diệp-thí.

Lại nữa Phật Thế Tôn đã phán quyết rằng đối với khổ v.v... các đế mà không biết tức là vô minh. Không biết ngoài 4 đế như 4 Bì-đà v.v... không gọi là vô minh.

Lại nữa chính đối đế trí đối trị phiền não gọi là vô minh, chẳng phải không biết Nhất thiết trí là 4 thứ nói riêng là vô minh.

Bởi vì sao? Tự khổ một phần thức liên tục đều khác. Y vào vô thủy sinh tử, A-la-hán cũng không thể thấy được tâm này. Như vậy đã sinh, do đó duyên duyên tăng thượng v.v... và tư duy v.v... thiện ác vô ký v.v... Như vậy do nhân sinh ra do duyên thâm nhiếp ở trong địa vị đó, tiếp đến tâm thứ hai, tiếp đến tâm sau, theo phương pháp này: Sát-na ban đầu, đến La-bà, Mâu-huru-đa, ngày, đêm, nửa tháng,

một tháng, năm ... sinh, biến đổi và diệt, tự trong liên tục đó A-la-hán cũng không thể thấy, hướng chi là thấy tất cả tất cả chủng tử tự khổ. Nếu tự khổ còn không biết hướng chi là biết tha khổ. Cho nên A-la-hán không thể thấy cảnh giới Nhất thiết trí. Trong 4 đế chung riêng chẳng phải là vô minh.

Lại nữa lia cảnh giới trí mà 4 đế đối trị vô minh ra ngoài lại còn có những pháp khác mà cảnh giới Thanh Văn, A-la-hán cũng không thể thấy. Như Xá-lợi-phất nói: Ta không thấy có người trời có thể thấy biết ta nhập sơ định quán và suy xét ta nay thoát khỏi. Duy chỉ Thế Tôn biết tên tịch định này. Cho đến Mục-liên cũng không thể hiểu Xá-lợi-phất nhập định nào khởi định nào. Cho đến hóa độ Nan-đà, Bà-la-môn Xà-da và người cháu gọi bằng cậu là Ưu-ba-đê-xá, như định trí tuệ biện thuyết tu tập người khác không thể theo kịp. Như Xá-lợi-phất, Ca-diếp-ba cũng vậy. Cho nên lia 4 đế vô minh v.v... đối trị gọi là chẳng phải trí, chẳng phải vô minh.

Ông hỏi: Nếu tất cả pháp gồm thâu trong 4 đế thì phải tìm hiểu Kinh Thắng-xa-ba-diệp-thí. Nếu không tìm hiểu thì phải có 5 đế. Nếu không 5 đế thì các pháp khác còn lại không phải đế?

Đáp: Tự nhiên diệt v.v... thì không ra ngoài cảnh giới thức của đế, cho nên chẳng phải cảnh sở quán. Vì sao chẳng phải sở quán? Nếu biết pháp này không được lưu tận và khổ tận nên không thoát khỏi ngưỡng vọng ngoại đạo, chẳng phải các kiến chấp không thể lay động như cờ Đế Thích. Nếu thông đạt đây không được xưng là thông đạt vi tế. Như bắn vỡ đầu sợi tóc, vì không thể biến hành cho nên không cần phải tu học.

Lại nữa các luận sư khác nói tất cả pháp do tướng cho nên đều gồm thâu vào đế. Tuy nhiên Bi-đà và Bi-đà phân túc truyền thế, Bản lượng phán, Tăng-khư, Du-già quảng luận, Dục trần luận, Tì-thế sư luận, Y phương luận, Tướng luận, Toán số luận, Thời trí luận, Thú

luận, Nha vực luận, Minh luận, Ca vũ trang nghiêm luận, Nhân vũ luận, Thiên vũ luận, Thiên tiên vương truyện các luận, Ngoại đạo luận, Thường hành ngoại đạo luận v.v... cho đến 96 thứ. Lại có sức của thảo dược cây dây mây vỏ rễ tâm hoa quả lá v.v... mùi vị chín v.v... Lại có nghiệp quả báo của 4 đại biến đổi hi hữu không thể nghĩ bàn của thế gian v.v... có luận có thể phân biệt đây. Phật dựa vào luận này nói Thắng-xa-ba-diệp-thí. Những nghĩa như vậy không nói cho ông vì không sinh công đức, vì có thể sinh khởi các lầm lẫn, tăng trưởng hữu vi cho nên không nói. Ví như thuốc độc, thuốc gây thù ghét nhau, chú thuật huyền hóa Bì-đa-la luận v.v... để làm tổn hại người khác cho nên Phật không nói, chứ không phải vì ngoài 4 đế mà không nói.

Ông hỏi: Nếu khổ v.v... 4 thứ gọi là Thánh đế, lại nói là khổ cụ túc Thánh đế, các kinh như vậy thì không nên nói.

Lại nữa nếu ông nói khổ đế gọi là khổ thì không phải nghĩa như vậy?

Đáp: Kinh ấy nói trí là khổ đế. Như cảnh là không phân biệt. Như nói 4 lượng.

Lại nữa do cảnh giới an lập mà trí được thành lập, ví như 6 thức.

Lại nữa do công năng cho nên thể của trí là chỉ có một mà có thể thành 4, như trí 4 chính cần cũng vậy.

Lại nữa 4 Thánh đế trí là chung, cho nên trong quán 4 đế nói trí là vượt trội. Do ý nghĩa này nói trí như cảnh.

Lại nữa muốn làm rõ quyết định xuất ly là công đức của 4 đế, cho nên tùy nói một khổ đế là đầy đủ Thánh đế cùng với nghĩa tương ưng. Nếu nói liễu nghĩa thì khổ v.v... là liễu nghĩa đế.

Bởi vì sao? Phật nói khổ đế là có tướng sinh v.v... vì an lập 4 thứ quán. Nếu không như vậy thì chỉ có 1 quán gọi là tu tập. Nếu đem

kinh này phân biệt các đế thì chỉ có 1 đế là đạo đế, tức nói vô vi là đế. Kinh này không phải chứng minh nghĩa đó, mà dựa vào A-tì-đạt-ma và Luận tạng mà thành lập.

Ông hỏi: Nếu biết 1 đế cũng biết các đế khác, vậy nói 3 đế sau là vô dụng?

Đáp: Tôi không nói thấy khổ đế tức thấy các đế khác. Tôi nói thấy 4 đế cùng một lúc. Đồng thời lìa xa, đồng thời trừ bỏ, đồng thời chứng đắc, đồng thời tu tập thì nói các đế khác không phải là vô dụng. Ví như nói khổ đế lại vì số lượng cảnh giới nên nói số lượng đạo.

Lại nữa trong 4 đế tùy biết một tức đã thông các đế khác. Như biết 1 hạt tức thông các hạt khác. Cho nên 4 đế đều hữu dụng.

Lại nữa vào quán môn cho nên quán thủ âm tức lìa bỏ ái niệm, như biết oan gia. Thủ âm là khổ đế, ái niệm tức tập đế, lìa bỏ tức diệt đế, biết là đạo đế. Dựa vào quán môn khổ thì nghĩa của nó là như vậy.

Biết tham ái rời tức bỏ. Do khổ này không sinh tham ái, tức tập đế. Tham ái tức khổ đế, khổ không sinh tức diệt đế, biết tức đạo đế. Dựa vào quán môn tập đế là như vậy.

Biết hữu vi vắng lặng rồi, nếu ai chứng pháp này vô minh liền diệt, sự tham khát hữu vi liền vắng lặng, hữu vi vắng lặng tức là diệt đế. Pháp lìa bỏ đây tức khổ đế, vô minh tham ái tức tập đế, biết tức đạo đế. Dựa vào quán môn diệt đế là như vậy.

Biết pháp trợ đạo liền sinh tu tập, phiền não chướng cùng những sai trái liền bỏ, do bỏ đó nên hữu sinh trở lại. Trợ đạo là đạo đế, hữu tức khổ đế, nghiệp phiền não tức tập đế, bỏ đó và hữu không sinh tức diệt đế. Dựa vào quán môn của đạo đế là như vậy.

Do quán môn các đế cho nên tuy lại quán một mà nói các đế khác chẳng phải là vô dụng.

Ông hỏi: Vì sao trước tiên nói khổ đế?

Đáp: Vì ngăn dứt khổ tu quán 4 đế, và người xuất gia an trụ Phạm hạnh nên trước nói khổ.

Lại nữa các khổ sinh, già, chết nhiều vô biên vô lượng hằng bức bách từng giây từng phút nên người tu hành quán khổ này tìm nguyên nhân của khổ, ví như sư tử.

Lại nữa ngoại duyên không thể trị vô thủy thời tiết là bệnh căn bản. Người tu hành quán đây tìm nguyên nhân của bệnh, ví như thầy thuốc.

Lại nữa tai hoạn tật bệnh đầy khắp 3 cõi, người tu hành quán đây tìm nguyên nhân của nó, như tìm cây độc.

Lại nữa vì thô nên mất, vì chán ghét nương tựa nên sợ hãi xú sở, cho nên trước nói khổ.

Ông hỏi: Nếu chưa nói nhân mà trước nói quả thì không trái với 12 duyên sinh sao?

Đáp: Sinh tuần tự nên 12 duyên sinh thì trước nhân sau quả. Tư duy lựa chọn tuần tự nên trong 4 đế thì trước quả sau nhân. Cho nên 2 thuyết đều không mâu thuẫn.

Lại nữa trong quả có mê duyên do chấp quả. Như kinh nói: Nếu đây có kia cũng có, bởi đây sinh kia cũng sinh. Nếu trong nhân có mê duyên quả chấp nhân, như kinh nói: Già chết v.v... có pháp gì khiến có. Do ý nghĩa này nên đều có chỗ bị phá, đều không mâu thuẫn vì nói nghịch thuận nên 2 thuyết không đồng. Nghịch nói duyên sinh là 4 đế, cho nên không trái 12 duyên sinh.

Ông hỏi: Vì sao trước nói diệt đế sau nói đạo đế?

Đáp: Có 2 nghĩa: một là thuận hai là nghịch. Như trong kinh nói: Giới thanh tịnh là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là tuệ thanh tịnh.

Cho đến giải thoát tri kiến và minh giải thoát gọi là nói theo chiều thuận. Nói theo chiều nghịch là giải thoát thì lia dục làm duyên, lia dục thì chán ghét làm duyên, chán ghét thì lấy thật kiến làm duyên, cho đến không ưu hối thì lấy giới thanh tịnh làm duyên.

Phẩm 2: LƯỢC NÓI 4 ĐỀ

Hỏi: Thứ tự của 4 đề là thế nào?

Đáp:

Thô, hoành, trọng, kết, thù
Y đạo sợ việc quả.
Bệnh, hỏa, oán y trái,
Nhiệt, độc bức hại cảnh.

Muốn hiển thị cảnh thô đại nên nói khổ đề. Được tướng khổ rồi, pháp này do nguyên nhân gì sinh cho nên nói tập. Pháp này hết, tiếp nói diệt ở đâu? Pháp này nhân đâu được diệt, nên tiếp nói đạo.

Lại nữa hoành vãng từ vô thủy gọi là khổ, hoành căn gọi là tập, vĩnh viễn xa lia hoành căn gọi là diệt, có thể nhổ bỏ gọi là đạo.

Lại nữa cực trọng gọi là khổ, chấp trọng gọi là tập, xả bỏ gọi là diệt, có thể diệt chấp gọi là đạo.

Lại nữa kết xứ gọi là khổ, kết đó gọi là tập, kết hết là diệt, quán sát tội lỗi gọi là đạo.

Lại nữa thủ cũng như vậy.

Lại nữa y xứ gọi là khổ. Người phạm phu thể gian tuy bị thủ ám làm hại mà còn khởi nương tựa đeo bám, như nương tựa oan gia làm cho là bạn thân. Nương nơi an ái gọi là tập. Nhân nơi cho là yên ổn yêu thích mà ở trong ngục 3 cõi không cầu thoát ra, ví như người điên trong nhà tù. Không nương tựa vào ái là diệt, vì không nơi

nương tựa. Như Kinh Cù-đề nói: Có thể diệt sự nương tựa vào ái gọi là đạo, vì quán sự nương tựa tội lỗi như quán nhà cháy.

Lại nữa 6 đường gọi là khổ, vì không có gì vui, như nhà xí như nhóp. Nghiệp phiền não là tập, là nhân của đạo. Là đạo là diệt, vì không có vật giả danh, ví như lửa tắt. Như Kinh Lộc Đầu nói. Có thể dẫn xuất các đạo cho nên gọi là đạo, như Kinh Bà-la-kha Mã Vương nói.

Lại nữa sợ hãi gọi là khổ, ngã ái gọi là tập, chỗ không sợ hãi là diệt, vận chuyển đến nơi thật sự an vui cao tột không còn sợ hãi gọi là đạo.

Lại nữa tác sự gọi là khổ, nguyên nhân của sự việc là tập, nhờ bỏ nguyên nhân của sự việc là diệt, có thể nhờ bỏ là đạo.

Lại nữa tương tự quả là khổ, tương tự chủng tử là tập, tung tự chủng tử hoại là diệt, tương tự nhân hoại chủng tử là đạo.

Lại nữa khổ như bệnh, tập như nguyên nhân của bệnh, diệt như không có bệnh, đạo như thuốc chữa bệnh.

Lại nữa khổ như lửa, tập như củi, diệt như lửa tắt, đạo như nguyên nhân tắt lửa.

Lại nữa tự oán là khổ, kết hận là tập, trừ kết hận là diệt, có thể trừ nhân là đạo.

Lại nữa tự y là khổ, tự trần là tập, trần tịnh là diệt, nhân của tịnh là đạo.

Lại nữa khổ như nợ, tập như nghèo, diệt như hết nghèo, đạo như của cải.

Lại nữa khổ như nòng đốt, tập như nguyên nhân của nóng đốt, diệt như mát mẻ, đạo như công cụ làm mát mẻ.

Lại nữa khổ như độc phát, tập để như độc, diệt như hết độc, đạo như A-già-đà.

Lại nữa khổ như não hại bức bách, tập như khả năng não hại, diệt như lia não hại, đạo như nguyên nhân lia não hại.

Lại nữa khổ như sát hại, tập như người hay giết hại, diệt như lia giết hại, đạo như nguyên nhân lia giết hại.

Lại nữa khổ cần phải biết, tập cần phải trừ, diệt cần phải chứng đắc, vì 3 việc này nên tu Thánh đạo, tuần tự là như vậy.

Thể tướng của 4 đế như thế nào?

Kệ nói:

Tự chân, Phàm Lý tức.

Tướng hữu vi ảnh thức.

Hư vọng tất cả ba.

Bức hữu có mười hai.

Có các pháp sư nói chân tự 2 đế. Sinh là quả của tham ái cho nên gọi là chân khổ. Đạo là quả của nghiệp gọi là tự khổ. Sinh là do tham ái gọi là chân tập. Nghiệp dắt dẫn 6 đường gọi là tự tập. Sinh do hết ái gọi là chân diệt. Nhân 6 đường hết gọi là tự diệt. Chính trí có thể diệt sinh nhân gọi là chân đạo. Giới v.v... các phương tiện là nhân có thể lia gọi là tự đạo.

Lại nữa các luận sư Lý tức nói thức là chân khổ. Các sắc tương ưng với thức này cũng gọi là khổ. Tự ái gọi là chân tập. các nghiệp tương ưng với tự ái này cũng gọi là tập. Tự ái hết là chân diệt. Do đây diệt nên những cái khác cũng gọi là diệt. Chính kiến gọi là chân đạo. Nếu chính kiến này không sinh những cái khác không đến diệt. Do đây sinh cho nên những cái khác cũng gọi là đạo.

Lại nữa Giả danh bộ nói đế có 3 thứ: một là khổ phàm, hai là phàm đế, ba là Thánh đế.

Khổ phàm là 5 thủ ám khổ. Phàm đế là bức não tức là tướng của khổ. Thánh đế là khổ một vị. Tập phàm là tham ái tập. Phàm đế thì

năng sinh là tướng. Tập Thánh đế là tập một vị. Diệt phẩm là Sa-môn quả. Diệt phẩm đế thì vắng lặng là tướng. Diệt Thánh đế thì một vị là tướng. Đạo phẩm là 8 phần Thánh đạo. Đạo đế thì trực ly là tướng. Đạo Thánh đế thì một vị là tướng.

Lại nữa Phân biệt bộ nói tất cả hữu vi đều khổ vì vô thường, chẳng phải đế đầu tiên cho nên khổ. Vì để xa lìa khổ này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là khổ Thánh đế.

Tất cả nhân đều gọi là tập, vì nhân là năng sinh, chứ không phải đế thứ hai nên là tập. Để đoạn tập này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là tập Thánh đế.

Tất cả hữu vi vắng lặng xa lìa gọi là diệt, là vì do vắng lặng, chứ không phải đế thứ ba nên là diệt. Để chứng diệt này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là diệt Thánh đế.

Tất cả thiện pháp đều là đạo, vì có thể xuất ly, chứ không phải đế thứ tư nên là đạo. Để tu tập đạo này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó gọi là Thánh đế.

Lại nói tướng chấp là phiền não. Phiền não với phiền não khởi nghiệp gọi là tập. Nếu từ đó có hữu gọi là tập Thánh đế, có sinh gọi là khổ Thánh đế. Như thế từ đế thứ hai sinh đế thứ nhất. Nếu tâm lìa bỏ tướng chấp, đạt tới cảnh giới vô tướng, do nhân này nên phiền não, phiền não khởi nghiệp dứt, do dứt này nên không có nhân duyên trở lại, hữu không sinh trở lại. Sự dứt không sinh trở lại gọi là diệt Thánh đế. Pháp này có thể khiến tâm lìa bỏ chấp tướng, chứng cảnh giới vô tướng. Các chính kiến này gọi là diệt đạo Thánh đế. Giống như chấp tướng, các ảnh khác tương tự hư vọng phân biệt v.v... cũng như vậy.

Lại trong Phân biệt luận nói Thế Tôn không dựa vào nhất thiết khổ mà giả nói khổ đế. Nếu vậy hiển thị quả vô ký để làm gì? Vì chấp thủ ám tính thể tướng nên giả nói khổ đế, giả nói pháp khổ nhân. Để từ biệt cái này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là chân khổ đế.

Không dựa vào tất cả nhân, giả nói tập đế. Để hiển thị năng sinh, giả có nhân tính thể tướng nên giả nói tập đế, giả nói pháp tập nhân. Để dứt đây nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là chân tập đế.

Không vào tất cả diệt, giả nói diệt đế. Để hiển thị đạo luân chuyển, dứt tính thể tướng nên giả nói diệt đế, giả nói pháp diệt nhân. Để chứng đắc nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là chân diệt đế.

Không dựa vào tất cả đạo, giả nói đạo đế. Để hiển thị có thể trừ hoặc đạo tính thể tướng nên giả nói pháp đạo đế nhân. Để tu pháp này nên tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn, đó là chân đạo đế.

Lại Tạng luận nói: Sơ lược nói khổ có 2 thứ: 1. Với người ghét là gặp gỡ. 2. Với người yêu là chia lìa. Hai thứ này có 2 chỗ: một là thân, hai là tâm. Do 3 thứ ái nên thành 3 thứ khổ. Tập đế có ba là ái, kiến và nghiệp. Ái, kiến 2 hoặc gọi là hậu tập. Do đây đã có nghiệp. Thọ diệu tập diệt đế có ba là: 1. Kiến 1 xứ hoặc diệt, 2. Dục 1 xứ hoặc diệt, 3. Hữu 1 xứ hoặc diệt. Đạo đế có ba là: 1. Kiến đạo. 2. Tu đạo. 3. Thành thủ đạo. Ba đây tức 3 căn.

Lại nói khổ là tướng bức ép, tập là tướng sinh, diệt là tướng vắng lặng, đạo là tướng xuất ly.

Lại nói khổ là tướng hữu, tập là tướng năng hữu, diệt là tướng ly, đạo là tướng năng ly.

Phẩm 3: PHÂN BIỆT KHỔ ĐẾ 1

Khổ đế là gì? Nói sơ lược là như vậy. Còn phân biệt rộng là thế nào? Trong nhóm khổ tụ, sao trước tiên nói sinh? Sao gọi là sinh? Sao gọi là tướng sinh? Sao gọi là việc sinh? Sao gọi là sinh duyên sinh? Sao gọi là khổ? Nếu sinh là khổ thì nghĩa của 3 thứ sinh lạc không thành. Sinh với khởi vì sao là khác? A-la-hán 5 ám chưa diệt

sao nói sinh đã hết? Thế nào là lão? Thế nào là tướng già? Thế nào là sự già? Thế nào là duyên già? Thế nào là già khổ? Tướng răng rụng v.v...không phải đều có khắp, khổ chẳng phải không khắp?

Sao nói già là khổ Thánh đế? Vì hữu vi diệt trong từng mỗi niệm, không dừng trụ.

Vì sao có già?

Trì tán kệ nói:

*Phân biệt sơ 4 sinh,
Khổ 3 và sai biệt,
Hết 4 già và khổ,
Răng rụng với niệm diệt.*

Thế nào là bệnh? Thế nào là tướng của bệnh? Thế nào là việc bệnh? Thế nào là bệnh duyên? Thế nào là bệnh khổ? Nếu do bệnh nên thân thường khổ thì sao không trái với kệ này:

*Không bệnh là lợi nhất,
Biết đủ, của dồi dào,
Không nghi là rất thân,
Niết-bàn vui khôn sánh.*

Nếu cõi trời không có bệnh, tất cả chúng sinh lấy bệnh làm pháp thì câu nói này phải xét chính đạo. Luận nói bệnh là nghiệp quả, nghiệp quả khổ này không phải khổ Thánh đế. Phật nói khổ gọi là bệnh.

Lại kệ nói đối là bệnh thứ nhất. Như vậy 2 thuyết này khác nhau thế nào?

Thế nào là chết? Thế nào là tướng chết? Thế nào là việc chết? Thế nào là duyên chết? Thế nào là khổ chết? Phóng dật chết, phá giới chết, duyên sinh chết, 3 thứ này khác nhau thế nào?

Lại nữa có giác không giác chết, có hồi không hồi chết, có phòng dật không phóng dật chết, có chấp đắm không chấp đắm chết, có điều phục không điều phục chết, điều phục một phần ít chết, nghĩa ấy như thế nào?

Năm ám tự diệt trong từng mỗi niệm, người khác hại chết làm sao được? Thế nào là oán ghét gặp gỡ? Thế nào là tướng oán ghét gặp gỡ? Thế nào là việc oán ghét gặp gỡ? Thế nào là duyên oán ghét gặp gỡ? Thế nào là oán ghét gặp gỡ khổ? Nếu các loại oán ghét có tụ hội thì vĩnh viễn không rời nhau, phải có nghĩa này.

Thế nào là thân yêu chia lìa? Thế nào là tướng của thân yêu chia lìa? Thế nào là việc thân yêu chia lìa? Thế nào là duyên thân yêu chia lìa? Thế nào là thân yêu chia lìa khổ?

Già v.v... tụ hội tức oán ghét gặp gỡ. Thiếu niên tráng niên v.v... chia lìa tức thân yêu chia lìa. Lại nói oán gặp yêu lìa chẳng phải nói trùng lặp sao?

Thế nào là tìm cầu không được? Thế nào là tướng tìm cầu không được? Thế nào là việc tìm cầu không được? Thế nào là duyên tìm cầu không được? Thế nào là tìm cầu không được khổ? Dục trần tức khổ, cho đến được cũng khổ thì cầu không được sao là khổ?

Vì nhân duyên gì tìm cầu không được? Sao lược nói 5 thủ ám là lược nói nghĩa của khổ?

Thế nào là các ám, tướng như thế nào, ám có nghĩa như thế nào? Là sắc thức v.v... đồng là tướng hữu vi. Vì sao nói 5 ám với thủ ám khác? Vì sao nói thủ ám là khổ ám? Không gọi khổ ám là nghĩa gì? Tùy theo chính kiến 1 khổ đã tức thông đạt khổ đế, cần gì nói rộng tướng các khổ ư? Trong kinh cũng nói sắc lạc cũng ở nơi lạc xứ. Nếu thủ ám là khổ tức mâu thuẫn với kinh, vì sao kinh này riêng nói sơ lược? Các kinh nói sắc khổ cho đến thức khổ. Thủ ám lại nhân duyên gì khổ, tổng lược nghĩa như thế nào?

Ông hỏi: Những gì là khổ đế? Sơ lược đã nói như vậy. Còn phân biệt rộng là thế nào?

Đáp: Có các đệ tử ưa lược nghe chính giáo, như Xá-lợi-phất v.v... khai trí thụ hóa cho nên lược nói. Có các đệ tử ưa nghe nói rộng, như Nan-đà và Phát-ca-bà v.v... rộng phân biệt trí nên vì đó mà nói rộng.

Lại có các đệ tử có sức nhân rất mạnh như Đại Ca-diếp đã tăng trưởng thiện căn cho nên vì đó lược nói. Người có sức duyên yếu như Sa-đề v.v... chưa tăng trưởng thiện căn cho nên vì đó nói rộng.

Lại nữa người lợi căn như Ương-quật-ma-la v.v... cho nên vì đó lược nói. Người độn căn thụ hóa như Xà-nô v.v... cho nên vì đó nói rộng.

Lại nữa đệ tử đa văn như A-nan v.v... có thể gìn giữ văn tạng cho nên lược nói. Đệ tử ít nghe như Chu-la-ban-đà v.v... vì trí tuệ yếu chậm cho nên rộng phân biệt nói.

Lại nữa dôi dào Thánh ngôn thắng đức như Li-bà-đa v.v... thường tập nội quán cho nên vì đó lược nói. Người chưa có Thánh ngôn và thắng đức như Xiển-na v.v... chưa tập nội quán thì vì đó rộng phân biệt nói.

Ông hỏi: Trong nhóm khổ, vì sao đầu tiên nói sinh?

Đáp: Khổ bắt đầu cho nên các khổ già bệnh chết v.v... sinh là trước tiên. Ví như không hồi v.v..., pháp thế xuất thế lấy giới làm đầu. Như già bệnh chết v.v... sinh là đủ, cho nên nói sinh làm đầu vì không tách rời nhau.

Lại nữa do sinh năng nên nếu sinh rồi có già bệnh chết v.v... Năng hại hỏa, nếu hỏa rồi thành thì có thiêu đốt chiếu soi v.v... chẳng phải không có hỏa sinh cũng như thế cho nên nói trước.

Lại nữa vì không tách rời nhau nên giả sử chúng sinh được lìa già bệnh, quyết chắc không lìa sinh. Bởi hành khổ cho nên thụ quả, đạo đối trị cho nên trước nói sinh.

Lại nữa bình đẳng lỗi lầm cho nên tất cả chúng sinh đều bị sinh hại ví như sát quý vô thường.

Lại nữa theo đuổi tất cả hữu phần, cho nên sinh là biến khắp vô minh v.v... 12 hữu phần, ví như sữa có độc.

Lại nữa biến khắp 3 cõi nên sinh là biến khắp 3 cõi, như bò giống khác, cho nên trước nói sinh.

Lại nữa khổ căn cho nên sinh là gốc rễ của khổ, già bệnh chết nhánh lá của khổ. Như trong kinh nói: Tất cả các khổ lấy sinh làm gốc, bởi sinh là nhân như kinh có nói rộng, cho nên trước nói sinh.

Trì tán kệ nói:

*Khổ trước năng không lìa,
Bình đẳng theo hữu phần,
Khắp 3 cõi khổ căn,
Cho nên trước nói sinh.*

Thế nào là sinh?

Kệ đáp:

*Sinh, 5 kinh đều nói,
Được ám trước nổi tâm,
Sinh phần cùng các bạn,
Thai vị với 5 thứ.*

Giải thích: Như Kinh A-tì-đạt-ma Tạng Luận, 12 duyên sinh v.v..., trong Tâm Tư Trạch Luận nói rộng về sinh, cần phải biết.

Lại nữa trong Phạm Nghiệp tăng trưởng nói tùy miên là bạn dẫn tiếp sinh pháp nhân duyên, tụ tập được các sinh xứ, được ám nhập giới v.v..., đó gọi là sinh.

Lại nữa khi sắp tiếp tục sinh thì sơ thức thụ sinh, đó gọi là sinh. Như kinh nói do thức nhập vào cho nên danh sắc hòa hợp. Nếu nói sinh tuần tự thì thức mới khởi gọi là sinh.

Lại nữa các luận sư khác nói sinh phần thì sơ thức cùng đồng bạn đều khởi, đó gọi là sinh.

Lại nữa sinh có nhiều thứ, nghĩa là như Kha-la v.v... các thai vị sai khác cho đến khi xuất thai, như Kinh Thụ Sinh nói.

Lại nữa sinh có 5 thứ. Như kệ nói:

*Được Thánh pháp là sinh,
Thai vị dòng họ thành,
Nhóm giống khác và hữu,
Chỉ có tên là sinh.*

Giải thích: Được Thánh pháp là sinh như trong kinh nói: Đã khởi thân phận nô tì, từ mệnh ta sinh.

Lại nữa đã sinh trong luật Thánh pháp như Kinh Ương-quật-ma-la nói.

Lại nữa vị trí trụ thai gọi là sinh, nghĩa là như Kha-la-la, Át-phù-đà, Già-ha-na v.v..., ví như hạt giống, mầm, chồi, nhánh v.v...

Lại nữa thành dòng họ gọi là sinh, như sinh vàng báu v.v..., Sát-lợi v.v...

Lại nữa nhóm đồng loại khác loại gọi là sinh, hình tướng có khác, nghĩa là như người, voi, ngựa v.v..., ví như cây Bà-la, Đa-la v.v...

Lại nữa hữu gọi là sinh, nghĩa là âm, nhập, giới v.v... các hữu, gọi là sinh như nói có hoa quả, có con cái v.v...

Luận này chỉ nói hữu là sinh. Bởi vì sao? Vì vốn là quả của tham ái cho nên nói chỉ có hữu gọi là sinh.

Thế nào là tướng sinh? Thế nào là việc sinh? Thế nào là duyên sinh?

Đáp: Hiện thị hữu là tướng của sinh. Các thứ khổ là nghiệp, hữu vi là duyên sinh.

Thế nào là khổ?

Đáp: Vì bị 3 thứ lửa khổ thiêu đốt là nơi thụ sinh không phải là nơi yêu thích, chẳng phải quả của phúc hành, bị nhóm đồng loại khác loại các khổ thiêu đốt. Nơi thụ sinh là nơi yêu thích, là quả của phúc hành, bị nhóm đồng loại khác loại hoại khổ thiêu đốt. Nơi thụ sinh là quả của bất động hành, bị nhóm đồng loại khác loại hành khổ thiêu đốt, ví như lửa rừng rẫy thiêu đốt cây cối cho nên nói là sinh khổ.

Lại nữa là chỗ nương tựa của các khổ, cho nên nếu có sinh thì thân tâm là chỗ tụ tập nương tựa của các khổ, chẳng phải lúc không sinh, ví như Lộc uyển là nơi nương tựa của chư tiên.

Lại nữa ám nhập giới các hữu hiện thị gọi là sinh xứ. Xứ sinh rồi thì chặt phá, đâm, bẻ, mổ xẻ, chia lìa, roi rút v.v... các khổ bình đẳng theo đó mà sinh, vì vô thường oán không thể ngăn được, như Vương tử cảnh và đồ nặn bằng đất, cho nên nói sinh khổ.

Lại nữa sinh là nơi chứa giữ các khổ, lo buồn sầu não chẳng phải căn bản của sự tốt lành. Già chết nhân duyên, các bệnh phát khởi, đau nhập mắt loại, các ác nương tựa, ngại hoại dẫm chân, cực nhọc cửa thành, oán đầy kho phủ, phiền não tiếp tục. Sinh này tối tăm, không đèn soi sáng, hầm sâu khó thoát, không lửa đốt thiêu, là oán khó biết, thật uổng không nghi, là đau không thuốc, là trời chẳng dây, rừng gai không lối, không có lửa sáng, trẻ con khen ngợi, người trí chê bai, lạc hữu sở ái, chư Phật Bồ-tát dẫn nhân đại bi, hữu học bỏ lìa, vô học trừ hết. Chư Phật tự giác, đặt tên là khổ. Cho nên nói sinh là khổ.

Lại nữa thai vị là khổ, cho nên khi sắp thụ sinh đồ trắng hòa hợp, có thức ghé đến chịu các khổ ô uế. Tiếp đến là các vị Kha-la-la, Át-phù-đà, Già-na, Ti-thi v.v... chịu khổ chuyển thực khổ như ung nhọt đến lúc muối.

Đã cứng cáp rồi khi sinh thân phần, chịu các khổ lớn như khổ đại gia. Khi nằm trong thai 2 tạng trùng ép, ví như tội nhân khốn khổ bởi dưới chưng trên ép. Do mẹ ăn uống, oai nghi không đúng cách, như chạy, nhảy, lội nước, làm việc lao động co duỗi, bị đánh đau đớn. Ăn uống không thích hợp, do oai nghi không đúng cách, ăn uống không thích hợp, khiến chi tiết trong thân như cắt xé, chịu các thứ khổ giống như phạm phép vua bị tra khảo khổ sở. Cho nên sinh là khổ.

Khi sắp xuất thai thân thể mềm như ruột cây chuối. Cửa mình ép bức như xe ép dầu, chịu sức ép rất khổ sở. Khi mới xuất thai, thân thể như mọt nhọt mới nảy, tay chạm phải nước hay áo như chạm nước tro nóng, như dao cắt đau đớn không chịu được, cho nên nói sinh khổ.

Nếu sinh là khổ vậy nghĩa của 3 thứ lạc sinh là không thành sao?

Đáp: Vì để phân biệt nghiệp báo khác nhau, để an lập 3 cõi sai biệt, để làm rõ có 3 thụ cho nên do đó phải biết 3 an lạc sinh là thân nhiệt trong hành khổ, là khổ đế, là khổ bức bách, là nhiều khổ, cho nên sinh là khổ.

Lại nữa vì có quả phúc hành nên có 3 lạc sinh. Như kệ nói:

*Quả báo phúc đức vui,
Tùy ý được thành tựu,
Mau được vắng lặng nhất,
Như nguyện Bát-niết-bàn.*

Vì vô thường ác độc xen lẫn nên khổ như thức ăn có lẫn chất độc. Tuy có trăm vị sắc hương ngon ngọt nhưng ăn vào ắt phải chết.

Tất cả việc sinh tử cũng như vậy, xen lẫn chất độc vô thường nên nói là khổ.

Lại nữa vì khi sinh thì vui, khi trụ thì vui cho nên nói lạc sinh. Nhưng khi sự an lạc sinh này hoại thì khổ, cho nên Thánh nhân chán cái hoại khổ này như ghét phân nhơ nên nói là sinh khổ.

Sinh với khởi khác nhau thế nào?

Đáp: Hóa sinh còn gọi là khởi, còn lại 3 gọi là sinh.

Lại nữa nhập thai gọi là sinh, xuất thai gọi là khởi.

Lại nữa hữu phần tuần tự sinh gọi là sinh, đồng thời sinh đủ gọi là khởi. Trong Tạng Luận nói: Sinh thuộc về thức, vì là chủng tử đầu vào thai. Khởi là thuộc về nghiệp, vì có khả năng phân tán đặt thức vào trong các đạo.

A-la-hán 5 âm chưa diệt, sao nói là sinh đã hết?

Đáp: Có trường hợp đã diệt cho nên nói sinh đã hết.

Lại nữa vì nhân duyên diệt cho nên đời này không có pháp sinh đời sau. Ví như do tham ái diệt cho nên nói khổ để diệt.

Lại nữa vì nhổ bỏ gốc rễ của sinh nên nói đã hết. Ví như có cây đã đứt rễ cho nên dù có nhiều hoa lá cũng gọi là đã diệt. Sinh hết cũng như vậy.

Lại nữa về sau sẽ hết nên nói sinh hết. Ví như trên đỉnh núi ném một vật bằng đất xuống tuy chưa tới đất đã nói nó vỡ. Sinh hết cũng như vậy, cho nên nói La-hán sinh hết.

Thế nào là già?

Đáp: Sắc trai trẻ diệt mất, cứ theo tuần tự, 4 đại suy tổn, các hành đổi khác, thân chậm khớp sưa, hình sắc thô xấu, các căn suy yếu, niệm thức trí hành, chẳng làm được gì, hướng về cửa chết, đó gọi là già.

Lại nữa vi tế qua căn khắp nhập vào trong vật sau mới rõ giảm tồn biến đổi, pháp này gọi là già. Bởi vì sao? Nếu già nhập vào răng thì hiện tướng răng rụng, nhập vào da thì da nhăn đen xám, nếu nhập vào tóc thì hiện tướng bạc rụng, nếu nhập vào 4 đại thì các đại suy yếu, nếu nhập vào căn môn thì căn trở thành bất lực, nếu nhập vào thân hình thì thân hình run rẩy cử động không ổn, nếu nhập vào trong tâm thì mất trí nhớ lơ đãng hay quên, nếu nhập vào xương sống lưng thì lưng còng, nếu nhập vào chi khớp thì chi khớp sai trật, sự linh hoạt thời trai trẻ đều mất hiện tướng hư cũ.

Lại nữa già có 2 loại một là nương tựa giảm mất, hai là khả năng nương tựa giảm mất. Nương tựa giảm mất là các đại máu thịt mỡ xương tùy v.v... hơi giảm mất, do sự giảm mất này có quả tương tự, nghĩa là chạy nhảy duỗi co đi lại gánh vác v.v... đều tồn thất. Khả năng nương tựa giảm mất là như các căn mất tai v.v... khả năng tác dụng đều không rõ ràng, do không rõ ràng nên có quả tương tự. Niệm trí ý giảm sức hoạt động, sức chịu đựng của tâm đều tồn thất, như kinh và luận tạng, luận 12 duyên sinh có nói rộng, đó gọi là già.

Thế nào là tướng già, thế nào là sự già, thế nào là duyên già?

Đáp: Giảm, biến đổi, chín muồi, hư hoại v.v... là tướng già. Tồn thất sự trai trẻ, mất đi sự linh hoạt, hay chán ghét là sự già. Âm giới nhập sinh, gọi là duyên già. Cái già này lại là chỗ của lo buồn v.v...

Thế nào là già khô?

Đáp: Đây là có khả năng sinh tướng chán ghét của chúng sinh, đã đoạt mất sắc khả ái, sức làm việc, trí nhớ dẫn đến cái chết, như người phạm phép vua chờ đưa đến chỗ hành hình xẻo mũi chặt tay. Già cũng như vậy, cho nên nói già khô.

Lại nữa chúng sinh nguỵ biện rằng thân lực căn có thể giữ gìn tư lương, vất bỏ thức và trí lực không gián đoạn không một chớp mắt. Ngày già bức bách cướp đoạt như mặt trời lúc nóng giải thoát 5 thứ

che mờ, ánh sáng mạnh mẽ chiếu khắp, các hăm nhỏ nước cạn đều khô kiệt. Cái già cũng như vậy, cho nên nói già khổ.

Lại nữa già là làm cho hình sắc xấu xí, mất đức tính được yêu thích, trừ diệt tuổi trai trẻ và cái vui không bệnh, sức làm việc và niệm trí nhẫn, tư duy ý thức đều bị tổn mất, các căn yếu đuối không còn sức dùng được, như quý cái La-sát hút tinh khí người cho đến chết, cho nên nói già khổ.

Lại nữa thân trẻ, thân đẹp, tâm yêu thích hình sắc đoan chính, đẹp mắt đẹp lòng người, bị tiếng sấm sét của cái già làm đổi khác, cuốn rút phá hoại, tự tâm không vui, người khác chán ghét, nên nói là già khổ.

Lại nữa cái già có thể phá hoại thân căn niệm trí, nên nói là già khổ. Do thân hoại nên đi đứng ngồi nằm co duỗi chuyển động đều không tự tại. Do căn hoại nên thấy nghe ngửi nếm chạm xúc v.v... đều không phân biệt rõ ràng.

Lại nói tôi nghe không rõ tựa như con nít. Do niệm hoại nên việc gì cũng không nhớ, không hiểu người nói, thấy rồi không biết là gì, cho nên nói là già, giống như hành tướng.

Lại Bát-tu-phát bộ có nói các pháp hữu vi thật có tam trụ. Trụ này có khác, đó là tướng hữu vi gọi là già. Như trong kinh nói thân này trụ được trăm năm, hoặc nói có 4 thức trụ. Vì ý nghĩa này gọi là già.

Nếu pháp hữu vi thật sự mỗi niệm mỗi niệm diệt thì không thành tuổi trai trẻ, cũng không có mạng căn, sao gọi là bệnh?

Đáp: Thân giới sinh trưởng không bình đẳng. Khi sinh trưởng không bình đẳng có trái nghịch thì gọi là thân bệnh. Nếu khi bình đẳng thì gọi là không bệnh. Như Phật Thế Tôn nhân Kỳ-bà nói thân giới của Như Lai đến nay bình đẳng.

Lại nữa tự tính lại trái nghịch nhau không biết nuôi dưỡng, như rắn độc trong thân giới trái nghịch nhau gọi là bệnh.

Lại nữa bệnh có 2 thứ, một là thân hai là tâm. Thân bệnh lại có 2 thứ: một là do giới trái nghịch nhau gọi là khởi duyên bên trong, hai là do cái khác bức xúc gọi là khởi duyên từ bên ngoài. Thân bệnh này do tên bệnh, nguyên nhân bệnh, nơi bệnh có sai khác nên phẩm loại có nhiều thứ.

Tên bệnh sai khác như là lậu, hủi, ung thư, phù thũng, ăn không tiêu, sốt rét, điên cuồng v.v... Nguyên nhân sai khác là như do đàm, phong, túi mật và các phần đều bệnh, hoặc chỉ một, hoặc hai hoặc ba hoặc bốn. Như vậy đàm v.v... có 62 là nguyên nhân của bệnh. Nơi sai khác của nơi bệnh như là đầu, mắt, tai, yết hầu, tim, bụng v.v..., gọi là thân bệnh. Nói nếu rộng có đến bốn trăm lẻ bốn.

Tâm bệnh là do tà vọng khởi, nghĩa là lo phiền v.v... Bệnh này cũng có 2 loại: một là cảnh duyên bên trong gọi là nội môn hoặc, hai là cảnh do duyên bên ngoài gọi là ngoại môn hoặc.

Do tên bệnh, nguyên nhân bệnh nơi bệnh có khác nhau nên có nhiều phẩm loại khác nhau.

Tên bệnh sai khác, là tham sân mạn si kiến nghi siểm khúc khi cuồng v.v... Nguyên nhân bệnh sai khác, là tịnh tướng, thất tướng, các tướng hữu vô v.v... là nguyên nhân của tâm bệnh. Nơi bệnh sai khác, là sắc v.v... 6 trần, như kinh nói sắc ái cho đến pháp ái, trong đây có nói rõ. Có điều là chỉ luận về thân bệnh không nói đến tâm bệnh.

Thế nào là bệnh tướng, thế nào là bệnh sự, thế nào là bệnh duyên?

Đáp: Đối với bệnh thì bức não thân là tướng, khổ sở ưu phiền là sự, bản giới không bình đẳng là duyên.

Thế nào là bệnh khổ?

Đáp: Người thông minh trên thế gian, tùy theo khả năng của mình muốn làm việc nọ việc kia, nhưng do tật bệnh không đạt được, trái với mong ước của mình nên khổ. Cho nên tật bệnh có thể làm nguyên nhân khổ. Như lửa là nguyên nhân của sự cháy, mặt trời là nguyên nhân của ánh sáng. Già, chết cũng vậy, là nguyên nhân của khổ cho nên khổ.

Lại nữa có khả năng làm gốc hại cho nên nói bệnh khổ. Ví như chuỗi tre lau lách.

Lại nữa vì làm cho thụ khổ có thể hại mạng cho đến chết. Như lửa, thuốc độc nên nói bệnh khổ.

Lại nữa khổ trong khổ nên sinh và trong sự tiếp nối, chúng sinh không thể chịu nổi. Như con voi con lạc vào khu rừng cháy, cho nên bệnh khổ.

Lại nữa không được tự tại, nên nếu người mắc bệnh thì mọi oai nghi cử động và tâm tưởng đều không tự tại. Thân hình gập lại không thể cử động co duỗi v.v... như người gồ.

Lại nữa có thể làm bỏ mạng sống. Như người mắc bệnh không thể chịu đựng đau đớn tìm đến lửa hoặc thuốc độc để tự kết thúc mạng sống của mình. Như La-hán Đà-ni-kha.

Lại nữa tất cả mọi phương tiện đều không thể chữa trị lành bệnh, đưa đến mạng chung, nên nói bệnh khổ. Như người tiên Át-đê cắt đứt việc uống thuốc chữa bệnh ly.

Lại nữa vì chán ghét nên bức hại làm tính khởi vô minh dài lâu, trí tuệ khùng chùng khôn khổ làm thể, chỗ nương tựa không an nên quên vô học. Do trí tuệ bị hoại nên không biết lựa chọn lấy bỏ, không biết việc phải việc quấy, giống như người ngu. Do ý nghĩa này nên nói già khổ. Như Đại đức Phật-đà-mật nói: Chư Phật Thế Tôn vô lượng số kiếp sinh trưởng thiện căn, đầy đủ 10 lực, có 10 tự tại,

phá thắng 4 ma, được 4 vô úy, có thể quán bình đẳng tất cả phương tiện, như trăng tròn trong bầu trời trong của mùa thu khả ái. Thân Na-la-diên sức lực kiên cố hình tướng da dẻ v.v... bị cái già làm suy tổn nên nói già khổ.

Nghĩa này khi Phật ở nước A-la-tì, Tì-kheo Ưu-đà-di dựa theo Phật nói kệ sau:

*Cái già người xấu xí,
Xâm ô sắc đáng yêu.
Thân này vui lòng người,
Do người mà biến đổi.*

HẾT QUYỂN 1

TỨ ĐẾ LUẬN

QUYỀN 2

Phẩm 3: PHÂN BIỆT KHỔ ĐẾ 2

Tướng rãng rụng v.v... không phổ biến khắp, còn khổ chẳng phải không biến khắp. Sao nói già là khổ Thánh đế?

Đáp: Phổ biến khắp 3 cõi, các hành biến đổi, nói là già là khổ Thánh đế, như thọ mạng diệt. Kinh nói: Tất cả chúng sinh lấy già làm pháp.

Lại nữa chư thiên thân hình đẹp đẽ, có tổn hại biến đổi chút ít, vì trước sau khác nên không phải không có già. Vì vi tế nên khó biết, giống như thân hình của chư thiên vậy.

Lại nữa trụ trước sau khác là tướng hữu vi, biến khắp các hành gọi là già. Như con bò có giống nhau khác nhau, vì hữu vi không trụ mà diệt trong từng mỗi niệm.

Vì sao có già?

Đáp: Tất cả pháp hữu vi diệt trong từng sát-na thật sự không có trụ lại. Dựa vào sự trụ liên tục nên nói là tướng già, như con sông, ngọn đèn, cơn mưa. Nước sông chảy, không dừng trụ một niệm, ta thấy nó liên tục không dứt, người đời nói con sông này chảy nhanh, hoặc nói sông dài. Ngọn đèn, cơn mưa cũng vậy.

Lại nữa khoảng giữa của sinh và tử gọi là già. Bởi vì sao? Đầu tiên 5 âm khởi lên gọi là sinh. Sau cùng âm hoại gọi là chết. Khoảng giữa 2 cái sinh và tử, các âm biến đổi khác. Tử sinh kiềm kẹp nên nói bệnh là khổ.

Nếu do bệnh nên thân hằng khổ, thì sao không trái kệ này nói: Không bệnh là lợi nhất?

Đáp: Lạnh nóng v.v... bệnh đến bức bách cho nên nói thân hằng bị bệnh. Khởi bị hủy, lậu các tật bệnh nặng, được tự do vui chơi, có sức, có năng lực đọc tụng, tư duy, tu tập, cho nên dựa vào thân này mà nói không bệnh là lợi nhất.

Lại nữa lửa hành khổ đốt cháy nên nói thân hằng bị bệnh. Tạm thời lìa khổ nên nói không bệnh là lợi nhất.

Lại nữa hằng chữa trị trợ giúp nên nói thường bị bệnh. Thân giới tạm thời điều hòa nên nói không bệnh là lợi nhất.

Nếu cõi trời không có bệnh, thì câu nói tất cả chúng sinh lầy bệnh làm pháp cần phải cứu xét lại?

Đáp: Âm sinh là khổ biến khắp 3 cõi, đó là bệnh của cõi trời. Như trong kinh nói: Sắc sinh là khổ sinh, vì là nơi nương tựa của các bệnh. Giống như sắc, các âm khác cũng vậy.

Lại kinh nói: Tì-kheo nếu nói bệnh tức là nói tên khác của 5 âm, cho đến ung thư hay bị đâm bằng vật nhọn v.v...

Lại các sư khác nói trời khi sắp đến thời kỳ suy thoái thì thân tâm thô động, đó là bệnh của trời. Luận Chính Đạo nói: Bệnh là nghiệp quả. Đó là nghiệp quả của khổ Thánh đế hay phi khổ Thánh đế?

Đáp: Là quả báo của nghiệp không lìa quả của ái. Cho nên nói quả báo của nghiệp tức nói quả của ái. Tham ái không lìa khỏi nghiệp như ngọn đèn với ánh sáng. Quả của nghiệp ái, ngã kiến, thức, tính

của chúng là khổ nên gồm thâu trong khổ đế, nên không trái với nghĩa Phật nói khổ gọi là bệnh.

Lại kệ nói: Đói là bệnh thứ nhất. Như 2 thuyết này có gì khác nhau?

Đáp: Nếu nói bệnh khổ thì trong bệnh nặng đều có bao gồm bệnh nhẹ, còn đói thì không như vậy, cho nên 2 thuyết có khác nhau.

Lại nữa vì không thể chữa trị nên nói đói là bệnh thứ nhất. Bởi vì sao? Khổ của cái đói khó chữa vì chữa không bao giờ hết. Nếu như bệnh sốt cách nhật, bệnh đau mắt v.v... thì không như vậy.

Lại nữa vì không có giới hạn nào thời kỳ nào chấm dứt, bệnh đói này từ khi sinh cho đến chết không khi nào chấm dứt. Các bệnh khác không như vậy.

Lại nữa bệnh đói cứ phải chữa luôn luôn, giống như căn nhà mục nát, như kẻ oán giả làm người thân, phổ biến khắp tất cả cho nên tất cả chúng sinh sống bằng sự ăn nuốt đều có bệnh đói khổ này, như trong Phẩm Địa ngục nói. Cho nên bệnh đói là thứ nhất.

Thế nào là chết?

Đáp: Mạng căn chấm dứt gọi là chết. Phổ biến khắp tất cả chúng sinh do có hỏa đại có thể tiêu hóa các thức ăn uống. Thân giới độc xà trái chống nhau nên tính ấy diệt hết do đây diệt. Các căn không ăn theo hỏa mà diệt. Tâm và tâm pháp thì căn làm thượng duyên, bởi căn diệt nên tâm pháp tùy theo đó mà diệt. Hơi ấm mạng sống và thức lìa bỏ thân căn, bấy giờ gọi là chết. Như kệ nói:

*Hơi ấm, mạng, ý thức
Nếu lìa bỏ thân này,
Phơi thây ở trên đất,
Như cây khô vô tri.*

Lại nữa đồng nhóm sở đắc, sự liên tục của âm giới nhập v.v... đoạn dứt, đó gọi là chết.

Chết có 2 thứ, một là chết tự tính, hai là chết bất thành linh. Chết tự tính lại có 2 thứ, một là do nghiệp hết, hai là do mạng hết. Chết bất thành linh cũng có 2 thứ, một là tự mình, hai là do người khác làm.

Lại nữa chết có 3 thứ, một là chết theo từng sát-na, hai là chết bất thành linh, ba là chết do nhân hết. Chết theo từng sát-na là từ khi ghé vào thai đến giờ, cho đến Kha-la-la v.v... 11 vị, sát-na tàn tạ không chớp mắt không dừng lại. Như kệ nói:

*Chúng sinh từ đê mê đầu,
Ái ghé trụ vào thai,
Tự nhiên đi không ngại,
Một đi không trở lại.*

Lại như kinh nói: Tì-kheo các ông sinh, già và chết theo từng sát-na từng sát-na, đó gọi chết từng sát-na. Chết bất thành linh, là thuốc độc, lửa, dao gậy v.v... tự mình làm hoặc người khác làm, do đó mạng căn bị dứt, gọi là chết thành linh. Chết do nhân hết, là cảm nghiệp sống lâu diệt hết không còn sót. Đó là cái chết đúng thật, chỉ La-hán mới có mà thôi, giống như ngọn đèn hết dầu, đó là chết do nhân hết.

Thế nào là tướng chết, sự chết, duyên chết?

Đáp: Mạng căn đoạn dứt là tướng chết, lia bỏ đường gốc là sự chết, sinh là duyên chết.

Thế nào là chết khổ?

Đáp: Sợ hãi khổ cho nên người này khi lâm chung bị Tử kim cương phá hoại phải qua phương khác sắp lia bạn thân. Khi hơi ấm ngã ái hộ thân nguội lạnh băng hoại, vĩnh viễn xa lia sở tác lại sinh sợ hãi thêm, cho nên nói chết khổ.

Lại nữa vì lửa nóng thiêu đốt nên nếu người từng trải làm điều ác không ưa làm điều thiện, khi mạng gần chung do phá giới nên thấy tướng sẽ sinh đường ác hiện lên, khởi tâm lo âu sâu não, như Kinh Tử Pháp nói, cho nên gọi là chết khổ.

Lại nữa khổ vì những gian nan khi ở trong thai thường chịu nhiều nỗi khổ, hoặc do sự ăn uống của mẹ không phù hợp, hoặc làm lụng mệt nhọc, hoặc bị người bức ép tuy chịu nhiều khổ lớn mà không mất mạng. Nếu chết khổ đến đoạt mất cái khổ trước thì mạng căn liền diệt. Khi xuất thai cũng vậy, tuy chịu nhiều khổ lớn nhưng cũng không mất mạng. Nếu chết khổ đến đoạt mất sinh khổ này thì mạng căn liền diệt.

Lại nữa khi thời trai trẻ thụ dụng 6 trần không biết chán đủ, cùng những người thân yêu chung sống chẳng bao lâu, do tuổi trẻ có sức lực không bệnh tiền bạc dồi dào thường say sưa ngạo mạn. Những lúc như vậy mà chết thì cái khổ ấy không gì sánh bằng. Nếu người quá tuổi trai trẻ, của cải giàu có đời sống không thiếu thứ gì, nếu bị vua phạt tội nặng, hoặc bị bệnh nguy khốn liền nghĩ rằng nay ta phải chết. Trong lòng đã quyết như vậy, mắt ứa đầy lệ nóng, cổ họng nghẹn ngào, mắt nhìn không rời người thân, thần chết lôi đi còn khổ nào hơn. Cái chết đã đến như núi lớn dòn lại, dùng đủ 4 phương tiện cũng không ngăn được. Như sức oán lớn không thể đè bẹp, ăn nuốt tất cả như miệng ngựa, lửa mạnh thiêu đốt tất cả như ngày tận thế. Tất cả chúng sinh không ai có thể vượt qua, như nước biển động không thể vào bờ, như mưa đá kim cương phá nát núi 5 âm, như gió mạnh cuồng phong nhỏ trốc cây cối, như Già-lâu-la nuốt chửng rồng 5 âm, như quỷ rình sự sơ hở của người, như giặc thù lớn thường cướp của giết người, như người bị tội nặng tâm không yên ổn, như vua ác phạt nặng không tha, như thời tiết xuân chắc chắn phải có. Vì ý nghĩa đó nói chết là khổ.

Phóng túng chết, phá giới chết, sinh duyên chết, 3 cái chết này khác nhau thế nào?

Đáp: Tuệ mạng dứt nên gọi là người phóng túng chết. Giới thanh tịnh mạng bị phá hoại mất gọi là người phá giới chết. Mạng căn tuổi thọ dứt nên gọi là sinh duyên chết.

Lại nữa thoái đọa chính pháp gọi là phóng túng chết, mất tính Trì-kheo gọi là phá giới chết, thoái tụ đồng phần gọi là sinh duyên chết.

Lại chết có giác không giác, chết có hồi không hồi, chết có phóng dật không phóng dật, chết có đấm trước không đấm trước, chết có điều phục không điều phục, chết có một phần ít điều phục, những tướng đó như thế nào?

Đáp: Phạm phu hành thiện, thánh và Bồ-tát chính khởi ức niệm xả thọ mạng gọi là chết có giác, trái lại là chết không giác. Người phá giới chết gọi là chết có hồi. Người giữ giới chết gọi là chết không hồi. Do say sưa 5 dục, không cung kính tu hành các học xứ pháp luật gọi là chết phóng dật, trái lại là chết không phóng dật. Đối với cha mẹ vợ con khởi tâm ái trước mà chết gọi là chết có đấm trước, trái lại là chết không đấm trước. A-la-hán v.v... trong 6 hàng trụ, điều phục 6 căn, xả bỏ mạng căn gọi là chết điều phục. Phạm phu làm ác, tán tâm ngạo mạn chết, gọi là chết không điều phục. Hữu học Thánh nhân xả bỏ thọ mạng gọi là chết có điều phục một phần ít.

Năm ám mỗi niệm mỗi niệm tự diệt, người khác hại v.v... làm sao được?

Đáp: Các ám thật diệt trong mỗi niệm hằng liên tục, chính vì dựa vào sự liên tục đó mà người khác hại được. Giống như do tính liên tục đó mà nói đèn tắt.

Lại nữa các căn không còn năng lực vào việc gì, ví như cái bình vỡ.

Lại nữa thọ mạng căn hư hoại cho nên có người nói rằng thọ mạng căn chẳng phải sát-na sát-na diệt. Bởi vì sao? Nếu niệm niệm diệt thì thọ mạng cũng không. Vậy chết đúng thời, chết không đúng

thời, chết do người khác hại v.v... đều bất thành, 3 thứ bệnh cũng không thành. Cho nên mạng căn chẳng phải niệm niệm diệt.

Sao gọi là oán ghét gặp gỡ?

Đáp: Oán ghét, thân yêu là bất định. Nếu trần là bị ghét, oán là tụ hội, cũng là bị ghét như người đối với đồ ăn của heo.

Ngoại đạo nói: Nếu vậy khổ để không thành vì bất định?

Đáp: Không vì oán thân, trần bất định cho nên oán ghét gặp gỡ sinh khổ bất định như cảnh giới bất định. Sinh thiện thì định. Ác cũng như vậy, oán ghét gặp gỡ khổ cũng như vậy.

Lại nữa ác nghiệp đời trước tương tự quả tụ tập gọi là oán ghét gặp gỡ đặt tên là khổ.

Lại nữa oán ghét gặp gỡ khổ, là ước theo khổ thụ và tư lương mà nói. Bởi vì sao? Tất cả chúng sinh yêu thì vui ghét thì khổ cho nên gặp gỡ này gọi là oán ghét gặp gỡ.

Lại nữa bạn ác cùng tụ hội thì nhiều lỗi lầm nên gọi là oán ghét gặp gỡ khổ. Như kệ có nói:

*Cùng bạn ác tụ hội,
Chẳng tụ nhiều lỗi lầm,
Là công đức rất lớn.
Lìa: không lo không hối.
Cùng bạn lành tụ hội,
Ta nghĩ khó phán quyết,
Khi chia lìa là khổ,
Tụ hội là vô giá.*

Lại nữa người tu tịnh giới quán sát lỗi nhỏ sợ phạm thụ ác giới. Sự oán ghét này sinh hồi nhiệt nên khởi ác giác quán. Là người tu hành, oán ghét có thể làm khô diệt thiện pháp nên phiền não đốt cháy. Là Thánh nhân, oán có thể làm nghịch tâm tĩnh lặng. Cho nên trong

đây nói pháp ác nghiệp tương ưng với quả phiền não, đó gọi là oán ghét gặp gỡ.

Thế nào là tướng của oán ghét gặp gỡ? Thế nào là sự oán ghét gặp gỡ? Thế nào là duyên của oán ghét gặp gỡ?

Đáp: Sở ái tụ là tướng. Tâm lo âu là sự. Nghiệp phiền não là duyên.

Thế nào là oán ghét gặp gỡ khổ?

Đáp: Bức não là thể, nên xóm láng diềm xấu là nhân khổ, như thú vật gặp chó sói. Bức hại thân tâm như thuốc độc, như giáo nhọn đâm tại thể, vì duyên giận dữ như gặp kẻ oán cũ do không an, như truyện vua Vô Ưu.

Lại nữa tương ưng với nhiều phẩm loại khổ nặng có thể làm hại tự thân, như truyện đời trước của A-nan. Chẳng phải ái tương ưng, nhiều đời cầu dục, nhân duyên cầu dục sinh các thứ khổ, như kệ nói ái khổ người cầu.

Lại nữa do bạn ác nên sinh sợ hãi lớn, như nai gặp thợ săn, như người ngồi nằm áo trời phủ, giường báu nung đỏ, kim sắt chích vào thân, thân tâm rung động vô cùng khôn khổ. Cho nên gọi là oán ghét gặp gỡ khổ.

Nếu những loại oán ghét tụ hội thì mãi không lìa nhau, nghĩa này là thấu đáo?

Đáp: Nhất thời cảnh giới, tính dụng liên tục, cùng liên quan biết các pháp hằng cùng tụ hội. Oán ghét gặp gỡ khác với ý nghĩa này nên khó, không thành được.

Lại nữa khổ tụ gọi là oán ghét. Tụ này không lìa tâm, nghĩa như vậy là thuận?

Đáp: Như trong kinh nói, như gồm có nhiều thứ nghĩa của tụ hội, như trì tán kệ nói:

*Một phần, đủ phần tâm,
Đạo dụng loại tương ưng,
Loại xứ và tự tính,
Kinh nói là pháp nhiếp.*

Như gồm có nhiều thứ tụ hội cũng như vậy. Nghĩa là một cảnh không tương ly, tương đối, tương trước v.v... cho nên đây khó trái thuận đều được.

Thế nào là thân yêu chia lìa?

Đáp: Là thân yêu trần, hoặc gọi chúng sinh, hoặc gọi phi chúng sinh, chia lìa chúng gọi là thân yêu chia lìa.

Lại nữa thời trai trẻ không bệnh tật, tuổi thọ, hình sắc, sự giàu sang, tự do tự tại, bạn thân... chia lìa nhau cũng gọi là ái biệt ly.

Lại nữa quả báo thiện nghiệp gồm thân trong 6 nhập xúc là thoái mất gọi là ái biệt ly, như thoái thiên đạo.

Lại nữa lạc thụ phá hoại gọi là ái biệt ly. Bởi vì sao? Lạc thụ này là chỗ ái trước. Do ái trước này đối với sắc v.v... các cảnh cũng sinh ái trước, là bạn của lạc thụ, nghĩa là tướng hành thức v.v... cũng ái trước. Nếu luận thật nghĩa thì chỉ có lạc thụ hoại mới gọi là ái biệt ly.

Thế nào là tướng của thân yêu chia lìa? Thế nào là sự thân yêu chia lìa? Thế nào là duyên thân yêu chia lìa?

Đáp: Lìa ái loại là tướng, tâm lo sầu là sự, gặp thất bại là duyên.

Thế nào là thân yêu chia lìa khổ?

Đáp: Do ái biệt ly là các chúng sinh bị sự lo buồn nung đốt bên trong, giống như cây rỗng ruột bị lửa rừng đốt cháy. Như kinh nói: Nếu trời thoái đọa cái khổ ái biệt ly còn gay gắt hơn ở địa ngục, như chuyện đời trước của Mục-liên.

Lại nữa nếu chúng sinh nghi nghe thấy nghĩ nhớ thân ái biệt ly sinh lo buồn cho nên gọi là ái biệt ly khổ.

Lại nữa do cha mẹ vợ con những người thân thuộc yêu thương biệt ly nên khổ đau bức bách như mất cửa, áo não không còn biết gì, như mắc phải quỷ điên cuồng nói nhảm kêu khóc ngắt xiú run rẩy, như người sắp chết, như mất ngôi vua, như không ý thức, không tri giác, si loạn làm lì, như thuyền bè vỡ chìm trong biển lo buồn. Cho nên gọi là ái biệt ly khổ.

Cái già tụ hội tức oán ghét gặp gỡ. Tuổi trẻ v.v... lia bỏ tức tức thân ái lia.

Lại nói oán gặp yêu lia, chẳng phải là nói lặp sao?

Đáp: Cái già tụ lại, tuổi trẻ già từ, 2 khổ này La-hán cũng có, chỉ không có oán ghét gặp mà thôi. Như kệ nói:

*Nếu tất cả hằng không,
Oán ghét và thân ái,
Không lo, không đắm nhiễm,
Là người được Niết-bàn.*

Vì ý nghĩa này nên là không nói trùng lặp.

Lại nữa do già bệnh khổ không phân biệt chung với La-hán, như bài kệ trước nói: Già xấu người đáng ghét v.v... Oán ghét gặp gỡ khổ và ái biệt ly do phân biệt khởi đều là khổ thuộc về tâm, người chưa lia dục thì có khổ này.

Lại nữa do già bệnh gọi là khổ ở bên trong, oán gặp yêu lia là khổ từ bên ngoài, cho nên không phải nói trùng lặp.

Tìm cầu không được là sao?

Đáp: Xa lia khổ với không gặp khổ thì được vui thích. Với thứ không rời nhau, tìm cầu thứ này không được gọi là cầu không được khổ.

Lại nữa trong cuộc sống, các khổ già bệnh chết cầu cho không gặp mà không thể được, đó là pháp chắc chắn trong cuộc sống cho nên gọi là cầu không được khổ.

Lại nữa cầu cho oán ghét không gặp, thân yêu không chia lìa mà không thể được nên gọi là cầu không được khổ.

Ngoài bốn khổ này ở trước, 2 khổ đã hiển hiện, cần gì nói trùng lặp?

Đáp: Chẳng phải những gì không yêu thích tụ họp gọi là oán ghét gặp, những gì yêu thích chia lìa gọi là ái biệt ly. Nay cầu không gặp kẻ oán, cầu không lìa người thân. Ngược lại 2 thứ trước gọi đó là khổ cho nên không phải nói trùng lặp.

Lại nữa đã được chưa bỏ, với các trần chán ghét tụ hội gọi là oán ghét gặp gỡ. Đã được chưa bỏ, với các trần yêu thích không được tụ hội gọi là ái biệt ly. Chưa được chưa bỏ, là các trần yêu thích cầu mà không được, gọi là cầu không được khổ. Do 3 đời an lập cho nên không phải nói trùng lặp.

Thế nào là tướng cầu không được? Thế nào là sự cầu không được? Thế nào là duyên cầu không được?

Đáp: Cầu không được, thì trái nghịch ý muốn là tướng, lo âu khao khát là sự, hiện không có công dụng do đời trước không làm thiện là duyên.

Thế nào là cầu không được khổ? Là giống như cái bình Như ý đã bị vỡ, không cầu được ngôi vua v.v...

Lại nữa vì nhân duyên khổ nên cầu dục 5 trần này do không được mà bị lửa dục đốt cháy, như Thuật-ba-già v.v... đốt cháy thành tro, nên gọi là cầu không được khổ.

Lại nữa trong 3 thời có thể sinh khổ nên cầu lợi này cho mình không được, nay không được, đã không được, do đó sinh khổ lo buồn, cho nên gọi là cầu không được khổ.

Mạng trần tức khổ, đến được cũng khổ, vậy cầu không được sao lại khổ?

Đáp: Vì là bất định cho nên cái được vị tất đều là khổ. Bởi vì sao? Nếu được tín căn không gọi là khổ.

Lại nữa vì là y chỉ của chán lo nên cầu không được thì có thể sinh, cầu thì tâm chán ghét lo sầu được lợi 5 trần thì không như vậy vì là lạc tướng.

Lại nữa như thân trai trẻ thì sau là già, cho nên nói là khổ. Như vậy được lợi 5 trần, sau là bại gọi là khổ. Như thủ ấm là khổ, y chỉ nói là khổ. Được lợi 5 trần nói là khổ, nghĩa cũng như vậy.

Vì nhân duyên gì cầu mà không được?

Đáp: Vì không đủ nhân duyên. Ví như hạt giống nếu không có duyên thì không nảy mầm. Do đời trước keo kiệt tất đồ tà kiến sân giận nên làm hư hoại mất nhân đại gia, nay cầu không được, như chuyện đời trước của Ti-kheo Uất-đa-la v.v...

Do ác pháp nên không thể cầu được lia khổ thụ vui, ví như chúng sinh ở địa ngục A-tì. Cầu không được nói chung có 3 nhân: 1. Không có thiện nghiệp đời trước. 2. Tự không công dụng. 3. Người khác không kính yêu.

Sao lược nói 5 ấm là khổ?

Đáp: Vì bao gồm khổ ban đầu giữa và sau. Sinh là khổ ban đầu. Chết là khổ sau. Già, lo buồn v.v... là khổ giữa.

Lại nữa vì bao gồm khổ hữu gián, nghĩa là khổ có xen hở như già bệnh chết v.v... Khổ vô gián là khổ liên miên hằng tùy theo tất cả hữu phần.

Lại nữa vì bao gồm mỗi mỗi tự tướng vô biên các khổ, cho nên nói 5 thủ ấm gọi là tướng chung của khổ. Bởi vì sao? Vì các loại khổ nhiều vô biên, giả sử Như Lai rộng nói tướng khổ trong vô lượng kiếp cũng không hết.

Lại nữa sinh v.v... các khổ như lửa, 5 thủ ấm như củi, như Kinh Thiêu Nhiên nói.

Lại nữa 5 thủ ấm là ruộng sinh các khổ. Bởi vì sao? Thủ ấm sinh khổ gọi là sinh thủ ấm. Biến đổi khổ gọi là lão thủ ấm. Bức nảo khổ gọi là bệnh thủ ấm. Phá hoại khổ gọi là tử thủ ấm. Phi ái tụ khổ gọi là oán tắng hội thủ ấm. Thân ly tán khổ gọi là ái biệt ly thủ ấm. Những gì cần không được toại ý gọi là cầu không được.

Sơ lược nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Có 3 loại: một là nhiều, hai là khác, ba là một chỗ. Nghĩa là chủng loại phân tán 3 đời không đồng nhau thâm nhiếp vào một chỗ cho nên gọi là lược.

Lại nữa nói sơ lược có 2 thứ. Một là sơ lược về nghĩa, tức dùng một nghĩa gồm thâm nhiều nghĩa. Ví như nói chân bảo. Hai là sơ lược về tên gọi, câu, kệ có sơ lược thể thâm nhiếp các nghĩa, như nói đồ chân bảo. Cũng như vậy, khổ có nhiều nghĩa nhiều tên gọi, chỉ dùng một nghĩa một tên gọi để bao gồm đều gọi tất cả là lược.

Hỏi: Các ấm tương như thế nào? Thế nào là nghĩa của ấm? Các ấm đồng một hành tướng, sao không lập một ấm? Thế nào là 2 thứ ấm và thủ ấm?

Đáp: Các câu hỏi ấy trong Phẩm Tư trạch, luận về 5 ấm đã phân biệt rộng.

Hỏi: Sao nói thủ ấm gọi là khổ mà không nói thẳng là ấm khổ?

Đáp: Vì muốn phân biệt để có 4 tướng nên nói thủ ấm là khổ. Nếu nói thẳng ấm là khổ thì không thành 2 đế. Bởi vì sao? Vì nói rõ ấm, giới, định v.v... 5 ấm đều thành khổ đế.

Hỏi: Thủ ấm có nghĩa gì?

Đáp: Ái dục là nghĩa của thủ. Ấm này có khả năng sinh thủ. Vì thủ sinh rồi cùng thủ tương ưng, thủ theo đuổi cho nên mới có thủ, vì vậy gọi là thủ ấm.

Hỏi: Tùy theo quán 1 khổ là thông suốt khổ đế, cần gì rộng phân biệt tướng các khổ ư?

Đáp: Người tu hành phải quán rộng rãi các khổ, sinh tâm chán lìa. Sinh tâm chán lìa rồi mới có thể quán thông cái khổ, được vào chính quán. Vì công dụng này nên phải nói rộng.

Lại nữa vì phân biệt các khổ sinh, già v.v... nên sinh trí tư trạch. Được trí này rồi quán 1 nghĩa khổ quyết không có trí phân biệt, do đó được sinh trí này. Lấy bình đẳng làm cảnh không nhọc sức dụng công tự nhiên lưu xuất không có giác quán gọi là trí thứ tám, dựa vào pháp cảnh sinh, ví như con voi báu.

Hỏi: Như trong kinh nói gọi là vui, tức y chỉ vui, sao lại nói thủ ám là khổ?

Đáp: Như kệ nói:

*Chấp đối trị nên vui,
Dục điên đảo nên vui.
Kinh nói là khổ nên
Chính kiến là không vui.*

Nghĩa này như luận 5 ám có nói rộng. Trong khổ nhẹ và đối trị khổ khởi tướng vui mà thật ra chỉ là khổ.

Hỏi: Vì sao kinh này lược nói trong khi các kinh khác biện luận rộng sắc là khổ?

Đáp: Vì đối với người có tuệ đa văn nên lược nói thủ ám là khổ. Nếu với người không có văn tuệ thì nói rộng sắc thủ v.v... là khổ. Cũng như vậy, vì người thấy ánh sáng và chưa thấy ánh sáng mà nói rộng hay sơ lược.

Hỏi: Sao nói thủ ám là khổ?

Đáp: Vì khổ thịnh bức bách. Như người sống trong lâu đài 7 báu, trang hoàng 5 trần khả ái làm đẹp lòng vô cùng hoan lạc, thì một

mũi kim nhỏ chích liền sinh khổ thụ như vị mặn chua mà quên những hoan lạc trước.

Lại nữa khổ rất nhiều, như già, bệnh, chết, thương yêu chia lìa, oán ghét gặp gỡ, cầu mà không được, lo buồn khổ não, tìm giữ cái gì đã mất khổ, bức não khổ v.v... rất nhiều trong thủ ám mà vui thì ít, dối giả như nước giếng hoang.

Hỏi: Lược nói 8 khổ, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Các khổ nương tựa cho nên sinh là khổ. Có thể làm biến đổi hư hoại cho nên già là khổ. Có thể bức bách khốn khổ thân cho nên bệnh là khổ. Có thể diệt mất các căn cho nên chết là khổ. Chẳng phải yêu thương cùng tụ hội cho nên oán ghét gặp nhau là khổ. Thương yêu xa nhau cho nên ái biệt ly là khổ. Hy vọng không toại nguyện cho nên cầu không được là khổ. Vì các tướng khổ ấy cho nên thủ ám là khổ, ví như trường bắn.

Lại nữa hữu, là chân thật khổ, hữu tức là sinh. Sinh là pháp gì? Nghĩa là danh và sắc. Sắc thì bị già bệnh chết làm hại. Danh thì bị ái biệt ly, oán ghét gặp, cầu không được làm hại. Thủ uẩn thì bị các khổ làm hại.

Lại nữa già bệnh chết là thân khổ vì không phân biệt. Ái biệt ly v.v... 3 thứ là tâm khổ vì do tâm phân biệt khởi. Sinh và thủ ám là thân tâm 2 khổ.

Lại nữa do sinh nên nói hành khổ, do chết nên nói hoại khổ. Ngoài ra 5 câu gọi là khổ khổ. Ba khổ này lấy thủ ám làm nhân.

Lại nữa thủ ám hữu khởi gọi là sinh, vì xuất sinh nơi 6 đường. Thân biến đổi chín muồi là già, vì tiêu tụy héo hon. Trong thân không bình đẳng và tăng trưởng là bệnh, vì khiến trái nghịch nhau. Mạng sống kết thúc, ám hoại diệt là chết, vì lìa đường cũ. Chẳng phải thân yêu mà thụ nhân tụ hội là oán ghét gặp gỡ vì tương ưng với sự trái ý. Yêu thương mà thụ nhân xa nhau là ái biệt ly, vì không cùng chung với yêu thương. Không toại điều mong muốn là cầu

không được, vì như nguyện ước không thành. Là thừa ruộng chính gieo trồng tất cả khổ nên gọi thủ âm là khổ, vì các khổ tự nảy sinh không phải dụng công.

Xong Phẩm Phân biệt khổ đế của Pháp sư Bà-tâu-bạt-ma.

PHẨM 4: TƯ DUY VỀ TẬP ĐẾ

Đã nói xong khổ đế. Thế nào là tuần tự nói về tập đế? Tập là nghĩa gì? Vì sao tự hỏi và đáp? Khát ái này là gì? Tướng của khát ái là gì? Sự là gì, duyên là gì? Khát ái này là nói thẳng nghĩa, sao khát ái tức là tập? Đây nói thế là tự đủ, nói khát ái rồi cần gì lại nói có thể cảm hậu hữu? Có thể cảm hậu hữu, nghĩa ấy là thế nào? Có thể cảm hậu hữu quyết định tướng hỷ dục tùy theo chỗ chỗ ái trước. Sao tạo ra nhiều thứ nói hỷ dục? Nghĩa gì tùy nghĩa? Sao nói trùng lặp chỗ chỗ ái trước? Sao có các hoặc riêng có thể tạo ra tướng của tập? Sao chỉ nói khát ái là tập? Vì nhân duyên gì riêng nói khát ái là tập mà không nói các nghiệp? Nếu tham ái v.v... cũng là nghiệp phiền não tập, sao chỉ nói khổ tập? Vô minh duyên, quán vị duyên, 3 thụ duyên khác nhau thế nào? Đã nói 4 đại xúc danh sắc đều làm nhân các ái, lại nói khát ái là nhân, 2 thuyết này không mâu thuẫn sao? Khát ái, vô minh, ngã mạn, nghiệp thực đều là nhân khổ, những thứ này tướng khác nhau thế nào? Ý dục và dục nghĩa như thế nào? Rừng dây leo v.v... là tên khác của tham, nghĩa đó như thế nào?

Ông hỏi: Nói khổ đế rồi, sao tuần tự nói về tập?

Đáp: Đã quyết tâm tin quả, chưa biết tin nhân. Để khiến biết tin nhân nên tiếp theo nói tập là làm rõ khổ đế tùy thuộc vào nhân duyên.

Lại nữa vì người thụ hóa mê 12 duyên sinh cho nên nói khổ đế dựa vào nhân duyên sinh.

Lại nữa khổ đế giống như cơ quan, vì tùy thuộc nhân duyên, tự tính gây yếu và không có ngã tướng.

Lại nữa thế gian tham ái trói buộc kiềm tỏa không thể xuất ly ngục tù sinh tử nên làm rõ thế nào là bị trói buộc và cái gì có thể ràng buộc.

Lại nữa có các chúng sinh chấp như thế này: Khổ đế này không có bắt đầu không có kết thúc, khó có thể trừ diệt. Do chấp đó nên không tu chính cần. Cho nên Phật nói khổ tuy vô thủy, do nhân duyên sinh nên có thể trừ diệt. Ví như hạt giống, cho nên phải tu chính cần.

Ông hỏi: Tập là nghĩa gì?

Đáp: Bình đẳng tự sinh gọi là tập. Là 3 nghĩa này thì không thành nhân.

Lại nữa khiến khởi gốc hữu suối nguồn có thể thành có thể hiện ngăn nhân duyên là nghĩa của tập.

Ông hỏi: Vì sao tự hỏi và đáp?

Đáp: Vì có các đệ tử không hiểu rõ sợ sệt, định tâm hộ 3 việc này nên Phật tự hỏi đáp để phá nạn tà nhân lập rõ chính nhân. Có các chấp khác nhau về Phạm vương Tự Tại và trời, người, thời, tính, 4 đại, không, lân hư v.v... cho là chính nhân. Để phá tà chấp muốn làm rõ chính nhân cho nên Phật tự hỏi đáp.

Lại nữa trong 12 duyên sinh v.v..., các kinh đã nói nhiều thứ tập. Có các đệ tử chưa biết kinh này định dùng pháp gì làm khổ tập, cho nên Phật tự hỏi đáp vì muốn khiến được trí lực quyết định.

Lại nữa vì trí che khuất, thụ hóa không thông suốt nghĩa sơ lược trong giáo pháp nên để làm cho khai giác mà Phật tự hỏi đáp.

Lại nữa vì thắng trí thụ hóa giác quán nhiều nên không chấp tri thì khiến cho trí kiên cố nên Phật tự hỏi đáp.

Lại nữa vì đệ tử có trí phân biệt khiến được hiểu rõ ràng, giống như thấp đèn nên Phật tự hỏi đáp.

Ông hỏi: Khát ái là gì? Thế nào là tướng, là sự, là duyên của khát ái?

Đáp: Là chúng sinh hằng quán công đức pháp hữu vi, tâm hằng nương tựa vào các hành trang tư lương hữu dụng không chán đủ, nên gọi là ái trước một cách khao khát, như người uống nước mặn, như người ở giữa nắng trời mùa hạ thiêu đốt bị khát nước bức bách đi quanh tìm nước đến uống nước biển mặn, dù uống cạn nước biển cơn khát này cũng không hết. Cũng như vậy, phàm phu ở thế gian thường vì ái dục, thứ hành trang sinh tử thiêu đốt trong tâm, tà vọng phân biệt khiến sinh khao khát nóng nảy, cứ một mực chuyên tìm cầu khoái lạc 5 dục. Mắt tai thân thức và tâm nghĩ nhớ ôm giữ vật thụ dụng, dù đã được hay chưa được hằng không chán đủ, cho nên nói pháp này gọi tên là khát ái.

Lại nữa không biết chán đủ gọi là khát ái. Như lửa thì cỏ, củi, bơ, dầu là vật có thể đốt cháy. Đối với các vật đó lửa chẳng biết chán đủ là gì.. Phàm phu thế gian tham ái đốt tâm, 5 trần thượng diệu của nhân thiên, mỗi niệm mỗi niệm thụ dụng không biết chán đủ, như Đỉnh sinh vương.

Lại nữa khát ái thì loại, kiến, tính khác nhau nên mỗi thứ có 2 loại là loại khác và kiến khác.

Loại khác là trong thủ ám khởi ngã chấp, ngã ái, đó gọi là loại tham duyên bên trong. Đối với chẳng phải thủ loại khởi chấp ngã sở là ái chấp hành trang tư lương, đó là loại tham duyên bên ngoài.

Kiến khác, là y do có kiến nguyện có thắng sinh, đó là y nơi có ái. Không có kiến nguyện muốn đoạn dứt ngã, gọi là không có ái.

Tính khác, là tham ái điên đảo khởi che khuất là sự, giống như mây che, nên gọi là thượng tâm. Tham ái tùy miên đuổi theo là sự, giống như dấm phải độc gọi là ly tâm ái.

Lại nữa khát ái do dựa vào duyên nghiệp khác biệt nên mỗi mỗi có 3 thứ là nhân khác, nương tựa khác, duyên khác.

Nhân khác, là nguyện muốn trần chưa từng được, ái này là tìm cầu nhân khổ. Đối với trần đã được, tâm sinh tham đắm, ái này gọi là gìn giữ nhân khổ. Đối với trần đã mất, tâm sinh áo não, ái này gọi là lo buồn bên trong làm chín muồi nhân khổ.

Chỗ nương khác, là chỗ nương chúng sinh, chỗ nương xứ sở, chỗ nương thụ cụ. Chúng sinh, là muốn được ấm vị lai cầu muốn sinh, nên gọi là nương chúng sinh. Ái xứ sở, là thích đường 3 hữu thường cầu nơi đây, gọi là nương xứ sở ái. Muốn thanh, xúc, sắc, vị, hương các cảnh giới trần tốt, muốn cầu thụ dụng, gọi là nương thụ cụ ái.

Duyên khác, là tham ái có thể tạo nghiệp phiền não duyên khổ và duyên 3 đây khởi nghiệp khác. Nghĩa là bình đẳng, bất bình đẳng, và liên tục khát ái. Bình đẳng ái là y vào đạo lý tìm cầu thụ dụng, gọi là bình đẳng ái. Ngược lại đây gọi là bất bình đẳng ái. Liên tục ái là tùy miên tham ái. Từ vô thủy đỗi theo nhau gọi là liên tục ái.

Lại nữa khát ái thủ, đạo đối trị, tư lương khác biệt cho nên đều có 4 loại.

Thủ khác, là ở trong cõi Dục dục hỷ mê muội khát ái tham đắm gọi là dục thủ. Trong ngã ngôn kiến giới v.v... khát ái đắm trước cũng vậy.

Đạo đối trị khác, là 4 Thánh tính đối trị.

Tư lương khác, là ăn, mặc, đồ nằm, thuốc thang.

Lại nữa khát ái y vào 3 thụ khác biệt nên có 5 thứ. Trong lạc thụ sinh 2 thứ ái, là tụ tập ái và không lìa nhau ái. Trong khổ thụ cũng sinh 2 thứ, là không tụ hội ái và lìa nhau ái. Trong xả thụ khởi vô minh ái.

Lại nữa do sự khác nhau nên lìa có 5 thứ. Nghĩa là chưa được cầu được lấy nguyện làm sự. Hai là sinh nguyện lạc rồi tìm cầu làm sự. Ba là cầu tìm được rồi, tăng trưởng làm sự. Bốn là tăng trưởng rồi gìn giữ là sự. Năm là đã gìn giữ rồi sau hoại mất lo buồn làm sự.

Lại nữa khát ái y 5 ám nên 5, y 6 căn nên 6. Y 6 căn đều có 3 thụ nên thành 18.

Lại nữa dựa vào kết và lia kết nên 36. Như vậy tất cả là rễ tùy miên của cây tham ái, ngã ái, tư lương, thụ là thân cây, tham ái 3 cội là chiều cao của cây, 6 ái tụ là nhánh, ái hành là lá sum sê, 108 ái là hoa, sinh v.v... là ác quả. Khát ái như thế là nhân của khổ tập, là nhân của khổ sinh, gọi là khát ái. Trong đây phải biết tướng của khát ái là tâm vui mừng là tướng. Sự là không chán đủ v.v... 11 thứ là sự. Duyên là, quán công đức hữu vi là duyên.

Ông hỏi: Khát ái này là nói thẳng nghĩa, sao khát ái tức là tập? Câu nói này là tự đủ?

Đáp: Khát ái có nhiều thứ. Nếu có thể cảm đòi sau mới là định tập, ngoài ra thì không thủ. Nếu không như vậy thì nghe chính pháp v.v... cũng phải là tập.

Lại nữa khát ái này có thể cảm hữu vi lai. Nếu không thể cảm thì không phải sở thủ.

Lại nữa khát ái này nếu đi theo cùng hỷ dục thì gọi là tập. Nếu không như vậy thì không phải sở thủ.

Lại nữa dục giản trừ tương tự pháp tập để nên nói là khát ái.

Lại nữa giữ là làm rõ chứng lượng. Như hiện đời khổ do khát ái sinh chứng lượng sở đắc. Phải biết bỏ khổ sinh không lia khát ái, như có nói trong Kinh Trưởng Giả Úc-già.

Ông hỏi: Đã nói khát ái rồi cần gì phải nói khả năng cảm hậu hữu?

Đáp: Khát ái, câu nói này chưa xong nên nói có thể cảm hậu hữu là làm rõ định chắc là khát ái. Nếu chỉ nói khát ái là tập thì A-la-hán khát ái thủy v.v... cũng phải là tập. Nếu có khát ái có thể làm diệt khát ái y chỉ cũng phải thành tập.

Ông hỏi: Có thể cảm hậu hữu, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Có thể khiến thức ám v.v... đấm trước hậu hữu. Bởi vì sao? Ngã và ngã sở là chỗ chấp. Như vậy ngã ái có thể khiến thức v.v... chấp trước chỗ này như bụi bám áo ướt, hạt giống bám dính ruộng ướt.

Lại nữa có thể sinh hữu đời vị lai, như mẹ sinh con.

Lại nữa có thể làm sinh thực cho vị lai, như thức thực, xúc thực.

Lại nữa có thể dẫn có thể ái, cho nên nói có thể cảm hậu hữu.

Lại có các sự kỳ cựu xưa kia giải thích lời Phật nói khát ái có 4 nhân duyên có thể cảm hậu hữu:

1. Có thể khiến duyên nhau, như kinh nói: Tùy miên tham ái chưa nhỏ bỏ hết thì khổ hằng sinh, hằng nối tiếp như ao rồng.

2. Có thể thâm nhiếp các đạo, như kinh nói: Tì-kheo nếu đối với sắc v.v... các cảnh giới khởi tham dục ái trước thì thức theo đó nương tựa trụ nơi sắc. Thụ tướng hành thức cũng như vậy.

3. Có thể kết có thể nối, như kinh nói: Có thể kết, có thể may khâu, không bỏ cảnh cho nên khiến đời vị lai 3 hữu được sinh.

4. Có thể khiến thụ sinh, như kinh nói: Đối với 4 thứ ăn này nếu có ái dục thì danh sắc liền sinh.

Ông hỏi: Có thể cảm hậu hữu, quyết định tương hỷ dục, tùy xứ xứ ái trước, sao tạo ra nhiều thuyết như vậy?

Đáp: Ba câu này đều là tên khác của khát ái. Ví như tay người gọi là Át-tát-đa cũng gọi Kha-la, cũng gọi Ba-nê.

Lại nữa cảnh giới quả bạn khác, cho nên nhiều nói năng thí, quả vị lai nên nói thí vị lai, quả nên nói cảm hậu hữu, ý dục là bạn nên nói ý dục đi theo nhau, chấp thủ các thứ cảnh nên nói xứ xứ ái trước.

Lại nữa có pháp chỉ cảm hậu hữu mà không cùng đi theo với hỷ dục như tham ái tùy miên. Có pháp chỉ cùng đi theo với hỷ dục mà

không thể sinh hữu, như không theo cảnh giới tham. Cho nên phải nói đủ nhiều tên.

Ông hỏi: Hỷ dục nghĩa thế nào?

Đáp: Hỷ là đối với hành trang tư lương tâm sinh an lạc, gọi là hỷ lạc. Trong đó sinh dục gọi là hỷ dục. Ví như sắc dục.

Lại nữa hỷ chủng loại dục gọi là hỷ dục, ví như bảo bình.

Lại nữa cái lạc này có nhiễm gọi là hỷ, tâm đắm trước gọi là dục. Hợp 2 thứ này gọi là hỷ dục, ví như danh sắc.

Lại nữa hỷ và dục sinh khởi cho nhau nên gọi là hỷ dục, như quả yêm-la v.v...

Ông hỏi: Tương tùy là nghĩa thế nào?

Đáp: Có nghĩa chung gọi là tùy. Tùy miên này làm bạn với thượng tâm có thể sinh hậu hữu.

Lại nữa cùng đi với ái bên ngoài cho nên nói ái bên trong đi chung với hỷ, ví như ái thủ.

Lại nữa tùy, là nghĩa đặc địa.

Lại nữa Phân biệt bộ nói: Tương tùy có 4 thứ: 1. Cảnh giới tương tùy. 2. Tương ưng tương tùy. 3. Xen tạp tương tùy. 4. Duyên khởi tương tùy.

Cảnh giới tương tùy, là như kinh nói: Nếu người khởi giác quán, phân biệt với sắc tương tùy. Tương ưng tương tùy, là như kinh nói: Tâm này tương tùy với từ. Xen tạp tương tùy, là như kinh nói: Người này tu tập tín căn tương tùy với từ.

Lại nữa có kinh nói: Nhiễm trước ghét giận tương tùy, tư duy tương tùy, duyên khởi tương tùy. Như kinh nói: Tu tập chính kiến tương tùy với không phóng dật. Luận này nói rõ hỷ dục tức là xen tạp tương tùy.

Ông hỏi: Sao nói trùng lặp xú xú ái trước?

Đáp: Trong 3 hữu, ái trước có rất nhiều các cảnh giới khác nhau. Trong các cảnh giới, có nhiều nơi ái trước sinh. Trong các nơi ái trước sinh có nhiều loại chúng sinh quy tụ. Trong các chúng sinh quy tụ ái trước nhiều các căn. Trong các căn, ái trước nhiều thứ các trần. Trong các trần ái trước nhiều thứ các nghiệp.

Lại nữa tâm như con khỉ nhảy nhót trong các cảnh bất định, hằng thích thủ trần, đuổi theo khát ái các hữu và hữu tư lương, do đó theo giữ ái trước các nơi.

Lại nữa quán trước cầu xú hành bất định cho nên như bò ăn trộm lúa.

Lại nữa bỏ thủ các trần khác cũng không lia dục, ví như mẹ của 5 người tù, cho nên nói xú xú ái trước.

Ông hỏi: Có các hoặc khác có thể tạo ra tướng của tập, sao chỉ nói khát ái là tập?

Đáp: Vì vượt trội hơn cả. Nếu vua khát ái đi đến chỗ nào thì tất cả các hoặc đều quy tụ.

Lại nữa do khát ái bao gồm nên nếu khát ái không khiến các hoặc nếm vị thì các hoặc sẽ diệt. Nếu các hoặc không khởi, tham ái cũng không khởi. Bởi vì sao? Vì y vô phân biệt.

Lại nữa giả sử không có các hoặc khác, chỉ có tham ái, sinh tử cũng khởi, như tay bốc cát ướt.

Lại nữa vì khó phân biệt nên do khát ái này cũng vào thiện pháp. Chỉ quán khẩu nên như nội oan gia.

Lại nữa đến cửa không vào cho nên như A-na-hàm đến cửa Niết-bàn, do tham ái nên không được vào thành người thượng lưu.

Hỏi: Vô minh cũng vượt trội vì sao không lập?

Đáp: Không phải vậy. Người mù vô minh do khát ái nên sa xuống hầm khổ của ám, ví như con voi mù. Muốn cầu hậu sinh nên thụ báo vị lai không do vô minh, ví như người mù bẩm sinh đi vào các cửa. Vì ý nghĩa này nên nói khát ái là tập.

Ông hỏi: Vì lý do gì chỉ nói độc một khát ái là tập, mà không nói các nghiệp?

Đáp: Vì phiền não thắng hơn. Bởi vì sao? Tham ái v.v... là thật sinh nhân. Nghiệp không như vậy. Làm sao biết? Nghiệp tuy còn đủ mà vì tham ái hết cho nên các A-la-hán không có hậu sinh nữa. Từ trước đã nói có chân tập và tự tập. Tham ái v.v... có thể làm nhân của hữu cho nên là thật tập đế. Nghiệp là nhân của dẫn hữu cho nên nói là tướng tự tập.

Lại nữa tham v.v... do đạo diệt. Nghiệp thì không như vậy. Bởi vì sao? Chư Phật cứu cánh tu đạo rồi, còn nghe có tàn nghiệp.

Lại nữa nghiệp không đọa vào cảnh giới nên không gọi là chân tập.

Ông hỏi: Nếu tham ái v.v... cũng là nghiệp phiền não tập, sao chỉ nói là khổ tập?

Đáp: Có nghĩa như vậy. Trong đây vì lập 4 đế nên nói là khổ tập. Bởi vì sao? Vì trong Thánh đế đó là nhân lựa chọn chân thật, cho nên nói khát ái v.v... là khổ đế tập.

Lại nữa khát ái hữu và sinh ám là tập, đó là khát ái đối trong đời hiện tại với sinh v.v... các duyên chung lại tạo thành phiền não nghiệp tập, không như khát ái độc một mình là khổ tập. Cho nên chỉ nói khát ái là khổ đế tập.

Lại nữa định lấy tùy miên khát ái làm khổ đế tập. Để làm rõ nghĩa này, Phật nói kệ rằng:

*Như cây chưa nhổ gốc,
Tuy chặt vẫn còn sống.*

*Tùy miên ái chưa trừ,
Thể khổ hằng tiếp nối.*

Khát ái duyên bên trong gọi là duyên ái khởi thủ. Khát ái duyên bên ngoài gọi là duyên thủ khởi tìm cầu nghiệp.

Ông hỏi: Vô minh duyên quán vị, duyên 3 thụ, duyên nghiệp ái, nghĩa khác nhau thế nào?

Đáp: Kinh nói vô minh là ái. Duyên ái này làm duyên khởi phiền não. Kinh nói quán vị thấy cảnh khởi, thường là cảnh tà, nhân đó khởi ái, ái đó là nghiệp duyên khởi. Kinh nói do tham ái nên được 3 thứ thụ. Ái này là thụ duyên khởi.

Lại nữa tất cả phiền não vô minh là duyên. Tham ái này duyên vô minh khởi nên nói duyên vô minh ái. Tất cả các kiến là các nghiệp duyên. Duyên các kiến này khởi tham ái. Ái này gọi là nghiệp duyên ái. Tất cả các khổ, 3 thụ là thể. Duyên đây khởi ái gọi là khổ duyên ái.

Lại nữa không tin hiểu là nhân gọi là duyên vô minh ái. Quán pháp hữu vi là lạc thường, tà trí làm nhân gọi là duyên quán vị ái. Các loại khác làm nhân gọi là duyên thụ ái. Ái này làm duyên khởi, và cõi có 3 do cảnh giới có 6.

Ông hỏi: Đã nói 4 đại xúc gọi là sắc, là nhân các ấm, lại nói khát ái làm nhân. Hai thuyết này không mâu thuẫn nhau sao?

Đáp: Để làm rõ nhân hữu nên nói khát ái là hữu rồi. Để làm rõ nhân đẳng phần nên nói 4 đại. Để làm rõ nhiều thứ nhân nên nói với xúc thì xúc không phải một nên thụ có 3. Để làm vững chắc nhân của tín nên nói danh sắc. Như Kinh Đại Duyên Sinh nói: A-nan! Nếu biết không thác thai mẹ thì Ca-la-la được kết thật chăng? Thưa Thế Tôn! Không được. A-nan! Nếu không Ca-la-la, thức này có thể thác thai chăng? Thưa Thế Tôn! Không thể. Do đó 2 pháp gìn giữ lẫn nhau nên được trụ vững.

Lại nữa nhân thời vô thủy gọi là nhân một kỳ khát ái. Nghĩa là nhân sát-na của 4 đại. Là đủ 2 nhân của xúc và danh sắc. Là nhân đời trước và nhân của công dụng hiện tại.

Lại nữa nhân đời trước của 5 ấm, nghĩa là khát ái trong khi thụ sinh, 4 đại là nhân đầu tiên, như Ca-la-la là nhân của Át-phù-đà v.v... Nhân cùng đều khởi gọi là xúc. Nhân trước tiên và đều khởi là sắc.

Ông hỏi: Khát ái, vô minh, ngã mạn, nghiệp, ăn, đều là nhân khổ. Tướng khác nhau của những thứ này thế nào?

Đáp: Khát ái là nhân không khác biệt. Nghiệp là nhân khác biệt. Ăn là duy trì dẫn dắt nhân khổ. Vô minh và ngã mạn làm nhân cho tất cả.

Lại nữa khát ái có thể làm nhân cho hữu. Nghiệp là nhân của đạo. Ăn là nhân bình đẳng. Vô minh và ngã mạn làm nhân lẫn nhau.

Lại nữa khát ái là nhân chân chính của khổ, là căn bản của khổ, cho nên ngoài ra các nhân khác chỉ là hành trang tư lương vì gom góp hỗ trợ cho tham ái.

Ông hỏi: Hỷ dục và dục dục nghĩa như thế nào?

Đáp: Trần đến rồi nên tâm sinh hoan hỷ. Do hỷ sinh ái nên gọi là hỷ dục. Cầu chưa được trần gọi là dục. Nhân đây sinh ái gọi là dục dục.

Ông hỏi: Rừng dây leo v.v... là biệt danh của tham, nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Dục trần là cảnh giới có thể nhiễm tâm cho nên nói dục nhiễm, tham trước, 4 định và quả là danh sắc dục. Tham trước, Tam-ma-bạt-đề và quả là hữu dục. Có thể chướng ngại hạnh Niết-bàn gọi là đâm chích. Có thể thiêu đốt trong tâm gọi là lửa dục. Có thể làm nhiễm bản tâm gọi là dục trần. Có thể làm tâm ô uế gọi là dục cấu. Có thể trói buộc tâm gọi là sợi dây dục. Không suy nghĩ tính toán nên

gọi là dục trôi buộc. Khiến si mê nên gọi là dục mê muội. Tâm chìm gọi là dục đắm trước. Đi theo các hữu nên gọi là theo dòng. Thường mong ước nên gọi là không chán. Được không no đủ nên gọi là tham. Chướng ngại sự xuất ly nên gọi là che lấp. Có thể chứa giấu nên gọi là phiền não. Khiến không lìa các hữu nên gọi là kết. Không tư duy đúng đắn bị xúc não nên gọi là dùi khoét. Có thể bó cột trôi ràng nên gọi là dây mây. Càng tăng thêm hơn lên gọi là đại. Dục khắp giáp cả các cõi các đạo rừng rú căn trần thẳng lạc nên gọi là biển khắp. Đắm trước các thứ trần, khởi các thứ đắm trước nên gọi là ái trước. Đối với hành trang tư lương của sinh tử chưa được, được thì tâm sinh vui mừng nên gọi là hỷ dục không chán. Tích tụ các lợi dưỡng của dục trần gọi là khát ái. Những phương tiện luân hồi như vậy tổng đi hay kéo vào đều không lìa sinh tử nên gọi là dục tướng. Đạo chơi trong nước phiền não kết ái làm dây, gọi là lưới dục. Từ thượng lưu đến hạ lưu chảy vào biển sinh tử gọi là dòng sông ái. Ví như bị khát bức bách vào trong biển trần, do đó không no đủ nên gọi là khát, như biển cả nuốt các dòng sông, như lửa đốt củi v.v... Những mê hoặc này không bao giờ đầy nên nói không ngừng nghỉ. Có thể liên kết không gián đoạn trước sau sinh tử, cho nên gọi là khâu vá. Khát ái này còn là còn khiến sinh tử tiếp nối không dứt. Hoặc do tự mình hoặc do người khác mà phải chịu sinh tử trong 6 đường. Cho nên trong bao nhiêu mê hoặc đều gọi là tập, đầy đủ như trong Phẩm Đại hữu có nói rộng. Phẩm này giải thích 11 thứ tham ái cần phải biết. Đó là: 1. Danh. 2. Nghĩa. 3. Thê. 4. Dụng. 5. Nhân. 6. Đối trị. 7. Tịnh. 8. Bất tịnh. 9. Sinh lần lượt. 10. Đặt câu hỏi. 11. Tìm nghĩa.

Nếu người tu hành biết khởi quán này, tự mình thực hành, dạy người thức hành thì không mê muội đạo lý cho nên nói nghĩa này.

Xong Phẩm Tư duy về tập đế.

HẾT QUYỂN 2

TỨ ĐỀ LUẬN

QUYỂN 3

Phẩm 5: PHÂN BIỆT DIỆT ĐẾ

Vì sao kinh nói khổ diệt? Nhân gì khởi? Pháp gì diệt? Tướng gì, sự gì, duyên gì? Tên diệt có nghĩa gì? Vô dư diệt, lìa diệt dứt xả bỏ. Bảy nghĩa này có gì khác nhau? Sao hết vô dư gọi là diệt đế mà không nói niệm niệm diệt? Nếu khát ái diệt gọi là diệt đế thì vô dư Niết-bàn chẳng phải diệt đế? Khát ái hết phải gọi là tập diệt, sao nói là khổ diệt? Nếu do khát ái hết nên khổ diệt thì người không khát ái phải không có khổ, thế mà hiện thấy có khổ, lẽ đó thế nào? Trong 10 kết hoặc chỉ nói khát ái diệt là diệt đế, thì làm sao an lập được 4 quả? Trong 12 duyên sinh nói diệt có 12 thứ, sao chỉ nói khát ái hết là diệt? Kệ trì tán nói:

*Tiết nào và nghĩa trước,
Bảy nghĩa với niệm diệt,
Giới địa diệt La-hán,
Mười kết mười hai diệt.*

Ông hỏi: Vì sao kinh nói khổ diệt? Nhân gì khởi?

Đáp: Do pháp đó sinh nên pháp đó có, pháp đó diệt nên pháp đó không có, ví như ngọn đèn.

Lại nữa đã nói khổ đế khát ái là nhân, nay nói do khát ái hết nên rõ khổ diệt. Ví như bệnh duyên diệt nên tật bệnh không khởi.

Lại nữa khát ái này lưu biến khắp 3 hữu, thời vô thủy khởi dục đối trị hữu, cho nên A-la-hán không có khát ái diệt. Để phá tà chấp này của ngoại đạo nên nói khổ diệt.

Ông hỏi: Pháp gì diệt? Tướng gì, sự gì, duyên gì?

Đáp: Diệt có nhiều thứ: 1. Trung gian diệt. 2. Niệm niệm diệt. 3. Mâu thuẫn nhau diệt. 4. Không sinh diệt v.v... Trung gian diệt, là như thí, giới, định, Tam-ma-bạt-đề có thể diệt 3 hữu. Do đó thí v.v... tùy được miễn lìa pháp sở đối trị, nghĩa là tham, sân v.v... tạm thời không khởi gọi là trung gian diệt. Niệm niệm diệt, là tất cả hữu vi tàn tạ tùy theo từng sát-na, gọi là niệm niệm diệt. Mâu thuẫn nhau diệt, là mâu thuẫn với pháp hữu vi này là do tính của nó trái nghịch nhau liên tục diệt nên gọi là mâu thuẫn diệt. Ba pháp này gọi là tương tự diệt. Không sinh diệt, là nhân của hữu diệt hết nên 5 âm phải sinh không sinh lại được. Đay gọi là chân thật diệt.

Lại các sư khác nói nhân và nhân của hữu khát ái hậu hữu không sinh, gọi là diệt.

Lại nữa cùng với khát cùng trừ nghiệp ái phiền não, khổ không sinh gọi là diệt.

Lại nữa là dụng chân thật, trái vô sở hữu lìa hữu lìa vô, Bát-niết-bàn này gọi là diệt để, như Cù-đàm truyện nói.

Lại nữa diệt có 2 thứ: 1. Phi trạch diệt. 2. Trạch diệt. Phi trạch diệt, là các pháp hữu vi tự tính phá hoại gọi là phi trạch diệt, như đá rơi trên không. Trạch diệt, là do lửa trí nên đốt cháy củi mê lầm gọi là trạch diệt. Như do lửa mà củi hết.

Lại nữa diệt có 3 thứ: 1. Chưa có diệt. 2. Phục lìa diệt. 3. Vĩnh viễn lìa diệt. Nếu hoặc nghiệp chưa sinh, chưa được duyên gọi là chưa có diệt. Nếu hoặc nghiệp đã sinh đã được duyên, nhưng do thể xuất thế đạo hiện nên không khởi gọi là phục lìa diệt. Nếu hoặc đã phục lìa diệt, do diệt vô dư nên vị lai quyết định không sinh, đó gọi

là vĩnh viễn lìa diệt, như kinh nói. Dục chưa sinh, muốn vị lai vĩnh viễn không sinh trở lại cũng biết diệt này.

Lại Phân biệt thuyết bộ nói diệt có 3 thứ: 1. Niệm niệm diệt. 2. Tương vi diệt. 3. Vô dư diệt. Ví như đèn tắt.

Lại các sư khác nói diệt có 4 thứ: 1. Tự tính diệt. 2. Không sinh diệt. 3. Trung gian diệt. 4. Vĩnh ly diệt. Không do nhân diệt gọi là tự tính diệt. Như kệ nói:

*Các hành đều vô thường,
Sinh diệt đó là pháp.
Nếu có sinh rồi diệt,
Tịch diệt này là vui.*

Lại kinh nói: Nếu pháp có sinh thì pháp đó ắt phải diệt mà không do dụng công, như vật nhẹ nặng tự nhiên nổi chìm, gọi là tự tính diệt. Do nhân không có nên quả không sinh, gọi là không sinh diệt. Như kinh nói: Do vô minh diệt nên 3 hành không khởi, như gieo giống trong 7 lưu. Do làm hỏng quả thì không sinh, gọi là không sinh diệt. Do định lực, gọi là trung gian diệt. Như kinh nói: Phục lìa thương tâm hoặc, gọi là hữu thời tâm giải thoát. Chín thứ tuần tự diệt, như Tì-kheo Nan-đề-kha duyên sự làm chứng gọi là trung gian diệt. Do 8 Thánh đạo diệt gọi là vĩnh viễn lìa diệt. Như kinh nói: Nếu người tu tướng vô thường có thể diệt tất cả kết và tùy miên hoặc. Vì minh sinh cho nên vô minh vĩnh diệt, gọi là vĩnh ly diệt. Giống như đồ vật úp và cây đuốc bị cháy. Luận này chính là nói về vĩnh ly diệt.

Tướng gì, sự gì, duyên gì, là vô sở hữu là tướng của diệt, tâm không đốt nóng là sự, thông suốt thật tế là duyên. Đại đức nói tịch tĩnh là tướng. Tâm an dừng trụ là sự. Tột giải thoát tri kiến là duyên.

Ông hỏi: Tên diệt là nghĩa thế nào?

Đáp: Diệt này tên là Ni-lô-đà. Ni là vô, lô-đà là ngăn chướng. Các pháp khát ái v.v... có thể chướng, trong đây vĩnh viễn không

có nên gọi là Ni-lô-đà. Pháp trái nghịch nhau sinh khởi nên dòng khát ái vĩnh viễn không sinh trở lại. Như nung nóng đồ đất nặn sinh ra màu đỏ nên màu xanh gốc của nó vĩnh viễn không sinh trở lại.

Ông hỏi: Vô dư diệt ly diệt xả đoạn khí, 7 nghĩa này có gì khác nhau?

Đáp: Đều là tên khác của Niết-bàn. Bảy tên này là y vào khí cụ mà nói. Như Niết-bàn có 66 tên khác nhau.

Lại nữa thượng tâm và tùy miên đều hết, như cây nhỏ gốc gọi là vô dư diệt. Lần lượt diệt hết, như ví dụ cái cán búa nên gọi là diệt. Xưa chỗ bị trói buộc, nay nhờ đạo lực không còn trói buộc. Như người giàu sang không còn bần hàn, đó gọi là lìa. Khác hơn xưa thoái, như Thánh nhân lìa hết ác nên gọi là diệt. Lại như nghĩa trước gọi Ni-lô-đà gọi là diệt. Nếu pháp với hoặc lìa nhau, ví như bỏ một vật gì gọi là xả, hiện đời với vị lai vĩnh viễn không tiếp nối, ví như nội căn, đó gọi là đoạn diệt không lấy trở lại như đồ đựng nước úp lại gọi là vớt bỏ.

Lại nữa tất cả phẩm loại khát ái đều sạch hết nên gọi là vô dư. Hoại dần dần là gọi diệt. Do quán quá khứ không khởi tâm đắm trước, gọi là đi xa. Đoạn hết kết, duyên khởi cũng không, nên gọi là diệt. Giải thoát phiền não, đó là xả. Trí duyên và hoặc ban đầu vĩnh viễn diệt, đó gọi là dứt. Trước thủ ngã chấp, nay thì xả nên gọi là vớt bỏ.

Ông hỏi: Sao gọi tận vô dư là diệt đế mà không nói niệm niệm diệt?

Đáp: Do vô dư diệt nên khổ vị lai không sinh trở lại chứ không do niệm niệm diệt nên nói vô dư là khổ diệt. Không nói niệm niệm diệt v.v... Nếu quán tướng vô dư diệt vắng lặng v.v... có thể diệt các hoặc. Niệm niệm diệt thì không như vậy.

Lại nữa tùy thuộc theo đạo cho nên hơn các pháp khác, nên chân thật thiện, nên không cùng được, nên phiền não không thể phá hoại, nên không nói sai, nên an tâm duyên. Cho nên nói vô dư gọi là khổ diệt mà không nói niệm niệm diệt.

Ông hỏi: Nếu khát ái diệt gọi là diệt đế thì vô dư Niết-bàn chẳng phải diệt đế sao?

Đáp: Các luận sư khác nói vì là quả của Phạm hạnh thanh tịnh nên phiền não diệt gọi là diệt đế. Tất cả giả danh diệt là vô dư Niết-bàn. Luận này nói cảnh giới vô dư Niết-bàn là chân diệt đế. Bởi vì sao? Vì được diệt này nên tu tịnh Phạm hạnh. Như trong Kinh Phú-lâu-na Thất Xa Thí nói: Các A-la-hán hết các hoặc vô dư mà còn chưa khỏi các khổ trôi buộc bách hại như già bệnh chết nóng lạnh đói khát. Cho nên cảnh giới Niết-bàn vô dư là chân diệt đế. Chân diệt đế này do nhân hết mà được, cho nên nói khát ái hết là chân diệt đế. Ưu-ba-cập-đa Đạo Lý Túc Luận nói: Vì có thể khiến đến cảnh giới Niết-bàn vô dư cho nên tham ái hết được gọi là diệt đế. Tuy nhiên 2 cảnh giới Niết-bàn hữu dư và vô dư đều gọi là diệt đế. Bởi vì sao? Nhân diệt gọi là hữu dư. Quả diệt gọi là vô dư. Do nhân diệt nên có diệt nhân, như đèn hết thì ánh sáng hết. Cho nên 2 diệt đều gọi là diệt đế.

Ông hỏi: Khát ái hết thì phải gọi là tập diệt, sao nói là khổ diệt?

Đáp: Lửa khổ lấy khát ái làm củi. Nếu không khát ái thì củi khổ lửa khổ liền diệt, như củi hết thì lửa tắt.

Lại nữa khổ đế do ái thực được trụ. Do ái thực dứt nên khổ đế liền hết, cho nên nói khổ diệt.

Lại nữa các sư kỳ cựu nói: Không vì lìa khổ quá khứ và hiện tại mà tu tịnh Phạm hạnh nơi Thế Tôn. Bởi vì sao? Tự tính quá khứ đã diệt với hiện tại quyết phải lìa nhau. Vị lai có khổ vì khiến không sinh mà tịnh tu Phạm hạnh nơi Thế Tôn. Khổ này không sinh vì do hết khát ái. Nói chung là khổ đời sau hết mà nói ái đoạn thì khổ diệt.

Ông hỏi: Nếu do khát ái hết cho nên khổ diệt thì người không khát ái tức không có khổ, mà hiện thấy có khổ. Lẽ ấy như thế nào?

Đáp: Vì cái khổ của lo buồn hồi hận nóng nảy đã tĩnh lặng, như Kinh Thủ Trường Giả nói.

Lại nữa vì vĩnh viễn lìa tâm bệnh, như đã nhỏ mũi nhọn đâm vào tim.

Lại nữa muốn cầu dứt khổ, như giàu đủ 6 trần do khát ái diệt. Các A-la-hán vĩnh viễn lìa tâm khổ nên không trái lý.

Lại nữa chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại khổ gọi là khổ đế, cũng chẳng phải Thánh đạo phá trừ. Bởi vì sao? Quá khứ đã hết, vị lai chưa có, với hiện đời chắc chắn phải lìa nhau cho nên chỉ do thông suốt thật tế nên khát ái diệt hết. Do lìa khát ái nên để khổ đời sau không sinh mà tu 8 Thánh đạo. Vì ý nghĩa này nói A-la-hán không có khổ, như thí dụ bệnh khát.

Ông hỏi: Trong 10 kết hoặc chỉ nói khát ái diệt là diệt đế thì làm sao thành lập 4 quả được?

Đáp: Tham ái có 4 thứ. Quả Tu-đà-hoàn đạo v.v... phá, do đây diệt cho nên các kết khác cùng khởi nhất thời đều hết, gọi là diệt đế. Cho nên an lập 4 quả là không mất lý lẽ.

Lại nữa đồng một tướng một vị cho nên nếu nói khát ái hết là nói tất cả kết hết. Như nói 8 Thánh đạo tức nói tất cả đạo phẩm bởi vì đồng tướng cộng thành một sự.

Lại nữa có các hoặc khác cũng có thể lập tướng của tập đế mà khát ái chính có thể tiếp nối sinh đời vị lai, có thể khiến có hậu hữu. Vì ý nghĩa này nói riêng khát ái gọi là tập đế. Như vậy tất cả hoặc hết đều nhập vào tướng của diệt đế. Có điều là hữu nhân diệt hết là khát ái diệt, gọi là diệt đế.

Ông hỏi: Trong 12 duyên sinh nói diệt có 12 thứ, sao chỉ nói khát ái hết là diệt?

Đáp: Như câu hỏi trước, câu hỏi này tự khiến trừ.

Lại nữa như đạo đoạn, ái tận, dục diệt, Niết-bàn, 5 danh nghĩa này, 1 có thể hiển thị cho nhau. Cho nên do nói khát ái hết tức nói 12 đạo đoạn.

Lại nữa khát ái hết là diệt chung, 12 đạo diệt là diệt riêng biệt.

Hỏi: Tên riêng của Niết-bàn có 66 câu, nghĩa đó như thế nào?

Đáp: Vô vi v.v... tắt cả câu, tướng mạo, tán thán, nhân lập, đối trị, vi phản v.v... cần phải giải thích rộng. Nhân đâu như vậy? Niết-bàn là không sinh, không lớn lên, không diệt, không phải do duyên tạo thành, trái ngược với hữu vi nên nói là vô vi.

1. Cao khỏi 3 cõi, lia mọi thứ thấp không gì sánh bằng, nên nói vô hạ, tức không dưới một thứ gì.

2. Hằng lia các dòng, không sinh trong các dòng, không dấu vết các dòng, nên nói vô lưu, tức không có các dòng.

3. Phi hư vọng, phi điên đảo, phi tương vi, nên nói là chân đế.

4. Không nghi các cõi độc xà, bồ úy, cùng tận 3 hữu, bỏ chỗ dụng công, vượt biển sinh tử, nên nói là bờ kia.

5. Cùng tột trí hiểu biết, nên nói thánh tế.

6. Như hoa Ưu-đàm thể gian ít gặp, nên nói là khó thấy.

7. Không già, không phá vỡ, nên nói là không hoại.

8. Không động, vốn có, nên nói hằng tồn tại, không tranh giành.

9. Đối trị trừ pháp thể không kém nên nói không mất.

10. Quá cảnh giới của mắt, không pháp nào sánh bằng, nên nói không ví.

11. Không có tham ái các kiến mạn chấp nên không hý luận.
12. Lửa hoặc diệt hết nên nói tĩnh lặng.
13. Quá cảnh giới của tử vương nên nói cam lồ.
14. Là cùng cực mỹ vị tĩnh lặng khả ái nên nói cực diệu.
15. Tĩnh lặng không khổ nên nói là ngừng.
16. Chân thật thiện pháp nên nói là an.
17. Không có khao khát thiêu đốt nên nói ái hết.
18. Làm cho người khác ngạc nhiên thán phục gọi là hi hữu.
19. Ở trong sinh tử chưa đến được cái đức này cho nên nói chưa từng được.
20. Già v.v... các điều không may không thể làm hại, nên nói không sai trái.
21. Trong không thiếu, ngoài không xấu ác chướng ngại, nên nói là không tai nạn.
22. Không có sinh khổ của hậu hữu, cứu cánh an vui, nên nói là Niết-bàn.
23. Khác tướng hữu vô nên nói là khó tư duy.
24. Vui tương ứng với lìa lỗi lầm của sinh nên nói không sinh.
25. Bốn ma không đến nên nói không dấu tích.
26. Không do nhân thành nên nói chẳng phải tạo tác.
27. Chẳng phải nơi tâm bi đi đến nên nói không lo âu.
28. Một khi được rồi là không thoái lui nên gọi là trụ.
29. Không có một pháp nào tương tự nên gọi là không sánh bằng.
30. Vĩnh viễn lìa thủ dục nên nói là không cầu.
31. Không có biên giới trước sau nên nói vô biên.

32. Khó có thể thông đạt nên nói là vi tế.
33. Không có gì bức hại được nên nói là không tổn.
34. Không có hoặc nhiễm bám dính nên nói là lia dục.
35. Không các lỗi làm nên nói là tịnh.
36. Trói buộc đều dứt nên gọi là giải thoát.
37. Lia y chỉ nên nói là phi trụ.
38. Không có 2 pháp nên nói là phi đối.
39. Vô đẳng đẳng nên nói là đẳng.
40. Nơi chìm các nhập nên nói là vô hại.
41. Người ngoài không được nên nói rất sâu.
42. Lia chính giáo của Phật không thể hiểu biết nên nói là khó hiểu.
43. Quán công đức này khiến đến bị ngạn nên nói có thể độ.
44. Định thượng của thượng pháp nên nói là vô thượng.
45. Gom tìm biên pháp được pháp chân thật, là bậc Thượng nhân được nên nói là hơn.
46. Vạn hạnh đạt được vô giá tối thượng nên nói là quả Thánh.
47. Nhân lia khủng bố nên nói là vô úy.
48. Thánh ái kiên cố nên nói bất xả.
49. Phạm Thánh đều có như nhau nên nói là biến mãn.
50. Công đức khó lường nên nói vô lượng.
51. Không thuộc 6 đường cho nên nói vô số.
52. Thể cực kỳ kiên cố nên nói không phá vỡ.
53. Các pháp không có pháp nào đứng đầu nên nói là tôn.
54. Có thể khen vô cùng sạch sẽ nên nói phải tán thán.

55. Các Thánh trú ngụ nên nói là nhà.
56. Có thể cứu các khổ nên nói quy y.
57. Lặng im sự chiến đấu nên nói không tranh giành.
58. Vốn có chẳng phải do tạo tác nên nói không giả.
59. Lìa dục, sân, si nên nói không như.
60. Trừ tội vô minh nên nói là đèn.
61. Vắng lặng các thụ nên nói là vui.
62. Khỏi sắc v.v... trụy lạc nên nói là không đọa.
63. Bốn dòng không chìm nên nói là châu.
64. Tán tâm không chứng nên nói là không động.
65. Trừ sạch 10 tướng nên nói là vô sở hữu.
66. Không có chỗ nương dựa nên nói là không bám dính.

Kinh bộ hỏi: Pháp gì gọi là tư trạch diệt?

Đáp: Kết lìa gọi là tư trạch diệt..

Hỏi: Kết lìa pháp gì?

Đáp: Là tư trạch diệt.

Nếu vậy 2 pháp này giải thích cho nhau, hoàn toàn không thể làm rõ thể tướng của 2 pháp. Cho nên phải dùng phương tiện khác nói thể tướng của chúng. Chứng trí vô phân biệt của Thánh nhân biết. Như vậy thể tướng này có thể nói là khá khác với các vật khác, hoặc nói là kết lìa, hoặc nói là tư trạch diệt.

Các sư Kinh bộ nói tất cả pháp vô vi chẳng phải là vật có. Bởi vì sao? Không như sắc thụ có, ở nơi vật khác vật gì chỉ lấy sự không chạm xúc gọi là hư không. Như kinh nói trong tối không ngăn ngại không che gọi là hư không. Do sức của Bát-nhã với tùy miên hoặc

hiện tại thể tính trái nhau, ngoài ra sau không sinh, gọi là tư trạch diệt. Lìa trạch diệt này, nhân duyên không đủ thì những pháp khác không sinh được, đó gọi là phi tư trạch diệt. Ví như trong một kỳ, giữ chừng chết đột ngột quả còn lại không tiếp tục.

Các sư bộ khác nói: Tùy miên phiền não sau không sinh được là sức của tư trạch, cho nên gọi là tư trạch diệt. Do duyên không đủ khổ sau không sinh, trong đó không có sức của tư trạch cho nên nói phi tư trạch diệt.

Luận nói: Nghĩa đó không đúng. Vì nếu lìa tư trạch thì diệt này không thành, cho nên biết thuộc tư trạch diệt.

Lại các bộ nói: Nếu pháp đã sinh, sinh sau tự diệt, vì tự tính diệt cho nên gọi là phi tư trạch diệt. Nếu như vậy chấp là phi tư trạch diệt thì phải là vô thường. Bởi vì sao? Vì khi pháp chưa hoại thì chưa có diệt.

Hỏi: Nếu vậy tư trạch diệt cũng phải là vô thường. Bởi vì sao? Vì tư trạch ở trước sau được diệt.

Đáp: Diệt này không lấy tư trạch làm trước. Bởi vì sao? Pháp chưa sinh không sinh. Ở sau tư trạch không có nghĩa này. Sở dĩ vì sao? Khi chưa tư trạch pháp chưa sinh không sinh bản lai đã có, pháp ấy phải sinh. Chính sau khi tư trạch không được sinh là do sức tư trạch. Hoặc này xưa nay chưa có sinh chướng, nay đoạn dứt sinh sức tư trạch.

Ngoại nói: Nếu chắc chắn lấy không sinh làm Niết-bàn, thì làm sao giải thích chung Kinh Quốc Thỉ? Kinh nói: Tu tập nhiều hạnh tín v.v... 5 căn có thể diệt. Quá khứ hiện tại vị lai khổ diệt, gọi là Niết-bàn không sinh chỉ thuộc vị lai chẳng phải hiện tại quá khứ?

Đáp: Có kinh như đây nghĩa không như vậy. Bởi vì sao? Có thể duyên 3 đời, khổ hoặc diệt cho nên nói khổ diệt. Như các kinh khác

nói: Các ông nên xả sắc ái dục này. Do ái dục diệt, sắc ấm các ông tức diệt lia, cho đến thức ấm cũng vậy. Chính vì nghĩa này nên diệt khổ 3 đời cũng nghĩa như vậy.

Ngoại nói: Nếu nói khổ diệt, nghĩa đó cũng được vậy. Lại Kinh Quốc Thí nói: Tu tập 5 căn có thể diệt hoặc đời quá khứ hiện tại vị lai thì sao không mâu thuẫn với kinh này?

Đáp: Giải thích như trước. Lại có giải thích khác là hoặc quá khứ thân nhiếp trong đời trước, hoặc hiện tại thân nhiếp trong đời này. Hoặc của 2 đời này, trong liên tục đã thành chủng tử có thể sinh mầm hoặc vị lai. Do chủng tử này diệt cho nên nói hoặc 3 đời diệt. Như quả báo hết, nói là nghiệp nhân hết. Khổ và hoặc vị lai này do không có chủng tử nên vĩnh viễn không sinh lại, cho nên trong kinh nói hoặc 3 đời diệt. Nếu không như vậy thì quá khứ hiện tại có gì mà diệt? Bởi vì sao? Với pháp đã diệt và pháp sẽ diệt thực thi công dụng gì?

Ngoại nói: Kinh Thượng Thắng nói: Trong tất cả pháp hữu vi vô vi, nhân của pháp lia dục này là không có. Vì sao cái không có này lại hơn những cái không có khác?

Đáp: Tôi không nói vô vi quyết định là không có, như tôi đã nói ở trước, như vậy cho nên có. Như người đời nói âm thanh có trước không, âm thanh có sau không. Không phải do nói có này mà khiến không vật thành ra có. Phải biết nghĩa của vô vi này cũng vậy. Tuy đồng là không mà có. Cái không, có thể ca ngợi là hơn những cái khác. Không, như tất cả tai họa rất ráo không sinh. Cái không này là hơn tất cả những gì có thể khen ngợi, là cái mà người thụ giáo hóa khởi tâm nguyện cầu. Cho nên Phật ca ngợi.

Ngoại nói: Nếu vô chỉ là vô pháp thì diệt này tức thành Thánh đế? Bởi vì sao? Vì vô sở hữu.

Đáp: Nếu vậy, để có nghĩa gì?

Ngoại nói: Không điên đảo là nghĩa của đế?

Đáp: Cả 2 pháp này Thánh nhân quán sát đều là khổ không điên đảo. Như tướng khổ tướng không như không tướng. Chính vì nghĩa đó nên nào có trái Thánh đế?

Ngoại nói: Vì sao không vật là đế thứ 3?

Đáp: Việc thành lập Thánh đế như trước đã nói. Dựa vào thứ 2, tiếp theo sau nói là thứ 3.

Ngoại nói: Nếu không, chỉ là không pháp trí duyên, thì hư không cùng với Niết-bàn là không có cảnh giới?

Đáp: Tôi không nói nhất thiết trí lấy pháp có làm cảnh. Nếu duyên có, là không phải đời quá khứ vị lai, thì có vật là cảnh. Nếu duyên các pháp khác thì pháp không làm cảnh.

Ngoại nói: Nếu ông nói không, là có vật, vậy là có cái gì?

Đáp: Nếu tôi chấp nhận cái không, là có vật thì sao?

Ngoại nói: Nếu ông chấp nhận thì nghĩa của tôi được bảo thủ.

Đáp: Chư thiên nên bảo thủ. Nếu chấp nhận có thể bảo thủ thì cái chấp của ông không thật. Bởi vì sao? Cái không này là pháp không giống như sắc thụ, tính của nó có thể chứng minh, không như con mắt v.v... là sự có thể thấy. Vật này là diệt, làm sao có thể tách riêng cái không là với cái có, không liên quan nhau? Bởi vì sao? Vì chẳng là nhân quả của nhau. Chỉ trái ngược khát ái đó là đạo lý. Như nói cái hoặc này vốn không, gọi là vô vi.

Ngoại nói: Nếu lập vô vi là có thì do cái hoặc này đi đến có thể dứt được, cho nên có thể nói cái diệt này là cái hoặc này diệt. Nếu nói vô vi là vô pháp thì vô vi này do gì có thể chắc đến được?

Đáp: Do đối trị khởi mà được liên tục. Với hoặc sinh sau hoàn toàn mâu thuẫn cho nên nói đến được hiện pháp Niết-bàn.

Lại các Kinh A-hàm nói: Chỉ lấy vô pháp gọi là Niết-bàn. Kinh nói: Khổ này diệt vô dư, xả bỏ cùng tận và lia dục, khổ không đến tiếp nối không sinh, đó là tĩnh lặng, là vi diệu.

Thế nào là xả? Là tất cả những gì thủ lấy và khát ái đều hết và Bát-niết-bàn.

Ngoại nói: Vì sao không chấp nhận trong đó có những vật khác không sinh và nói cái không sinh này là Niết-bàn?

Đáp: Tôi thấy cái chấp này chẳng có gì đặc sắc. Ông bảo rằng trong đó các vật khác không sinh đó là có, cho nên các vật khác không sinh hay là do được cho nên các vật khác không sinh? Nếu là có, cho nên các vật khác không sinh thì Niết-bàn hằng có 3 hữu phải vĩnh viễn không sinh. Nếu do được cho nên các vật khác không sinh thì các A-la-hán chứng được, lúc bấy giờ âm liền phải diệt. Nếu theo ông chấp thì có lỗi này. Cho nên biết chỉ vô sở hữu gọi là Niết-bàn. Như kệ nói ví dụ là chính đạo lý. Kệ nói:

*Vi như sáng đèn diệt,
Tâm giải thoát cũng vậy.*

Như ánh sáng đèn tắt chẳng phải là có vật. Tâm Phật giải thoát cũng như vậy.

Xong Phẩm Phân biệt diệt đế.

HẾT QUYỂN 3

TỨ ĐẾ LUẬN

QUYỂN 4

Phẩm 6: PHÂN BIỆT ĐẠO ĐẾ

Kinh nói đạo đế. Vì sao? Do đâu khởi? Nếu đạo có thể diệt khát ái thì không nên nói đi đến hết khổ. Nếu không như vậy thì lời nói này là mâu thuẫn. Nếu đều diệt tập khổ thì sao trong kinh không nói đủ? Nếu đạo có thể làm hết khổ, người tu đạo phải không có phẩm khổ? Nếu không như vậy thì không nên nói đi đến hết khổ. Nếu pháp hữu vi không có đi đến trong vô vi thì sao nói là nghĩa chính hành đi đến hết khổ? Nói chính hành là 8 Thánh đạo, là quyết nói sao dùng tên là Thánh, có nghĩa gì? Vì sao chỉ nói đạo là Thánh mà không nói các trợ đạo khác? Nếu đạo khác phần phải nói tướng của chúng. Nếu nói đạo chỉ là phần thì toàn phần với phần không có khác biệt. Đạo là nghĩa gì? Vì sao kinh này nói về toàn phần mà các kinh khác không toàn phần. Nếu đạo là hữu vi thì sao Phật nói vốn xưa đã có? Nếu là vô vi sao nói là hữu vi? Nếu đạo là một thì khi một người tu, bao nhiêu người khác phải chứng đắc, ví như áo v.v... Nếu không như vậy thì không nên nói do một đạo này. Nếu các Thánh nhân đồng chứng đắc một đạo thì sao trí tuệ không đồng? Nếu trí tuệ không đồng sao giải thoát lại bình đẳng? Nếu đạo chẳng phải tâm thì những vật vô tình v.v... cũng phải có đạo. Nếu tâm chẳng phải tâm thì pháp tu sẽ không đủ. Nếu là tâm pháp thì các pháp trái ngược nhau làm sao cùng hiện hữu trong một tâm? Nếu đạo đến trừ hoặc thì pháp trái

ngịch nhau đều hiện hữu trong một tâm. Nếu không đến thì với các liên tục khác vì sao không trừ? Nếu phân đều khởi thì có nhiều tác ý. Nếu tuần tự theo thứ lớp khởi thì chỉ có một phần. Vì sao chỉ lập 8 phần không tăng không giảm? Vì sao không lấy dục v.v... các pháp khác? Vì sao 1 pháp làm 3 thứ nói trung đạo có thể diệt phúc ác hành đến hết khổ, sao nói chính kiến làm đầu?

Sao nói trước hành chính kiến là có nghĩa gì? Kiến đã không thành thực năng kiến. Chính kiến với chính kiến trong 10 thiện, 2 pháp khác nhau thế nào? Nếu do chính kiến nhất thời thấy đế thì phải có nhiều cảnh. Nếu không vậy thì chẳng phải niệm niệm diệt. Nếu chính kiến đã rõ các đế thì các phần khác còn dùng làm gì? Chính giác nghĩa là gì? Thế nào là 3 pháp thành 1? Nếu dựa vào 2 định chứng đắc hết các lưu thì chính giác không đủ, đạo phần có khuyết, nghĩa này cần phải cứu xét? Chính là nói nghĩa gì? Nếu có nói năng thì đạo tu không định. Bởi vì sao? Phật nói định bị âm thanh tác động. Nếu không, không thành đạo phần.

Chính nghiệp là gì? Tất cả phần đều là chính nghiệp, sao nói 1 gọi là chính nghiệp? Nếu lia gọi là chính nghiệp thì lia là chẳng phải tạo tác làm sao thành nghiệp? Lia nghiệp đánh đập v.v... sao không nói là đạo phần? Chính nghiệp chính mạng với chính nghiệp chính mạng của 10 thiện, 2 cái khác nhau thế nào?

Chính mạng nghĩa gì? Nếu chính mạng gồm trong thân khẩu nghiệp thì sao lại lập riêng?

Chính tinh tiến là gì? Tướng, dụng, duyên, nghĩa như thế nào? Nếu chỉ diệt ác là thiện thì không có 2 tinh tiến. Nếu chẳng phải thiện thì diệt đế là chẳng phải thiện. Nếu nhất tâm tu chính cần là đầy đủ thì không có 4 chính cần. Nếu tuần tự thứ lớp tu thì trợ đạo tu không đủ.

Chính niệm là gì? Tướng, dụng, duyên, nghĩa như thế nào? Các pháp hữu vi sát-na không dừng trụ làm sao thành niệm? Bởi vì sao?

Vì thấy khác nghĩ nhớ khác không phải nghĩa này. Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ, niệm căn tức là niệm xứ thì nghĩa không phù hợp. Nếu niệm tự không thể giữ một pháp thì sao kinh nói có niệm một khi giữ có khi có thể nhớ có khi không nhớ?

Tam-ma-đề là gì? Tướng, dụng, duyên, nghĩa như thế nào? Chính định nếu là định thì người Tu-đà-hoàn phải không dục sân. Nếu không vậy tức trái đạo lý.

Ông hỏi: Kinh nói đạo đế. Vì sao nói vậy? Do nhân gì khởi?

Đáp: Câu hỏi này không vì mở trí cho người mà nói. Bởi vì sao? Vì do nghe tên là đã rõ nghĩa rồi. Từ Đại bi khởi biện biệt đạo Niết-bàn, hiển lộ nghĩa ẩn giấu, muốn rộng nói ngôn chúng vì đệ tử phân biệt trí nên Phật tự hỏi. Bởi vì sao? Do trước hỏi sau giải thích có nhiều lợi ích, rộng biện biệt duyên khởi như trước đã nói.

Lại nữa đệ tử thụ hóa hỏi các ngoại đạo nhiều thứ đạo mà chưa quyết chắc đạo đó là chính hay tà. Để trừ các tâm vô minh nghi hoặc điên đảo, nên Phật tự hỏi tự đáp.

Đạo là gì? Là 8 Thánh đạo dắt dẫn người không biết đường đi đúng đường.

Ông hỏi: Nếu đạo có thể diệt khát ái thì không nên nói đi đến hết khổ. Nếu không vậy là nói mâu thuẫn?

Đáp: Thánh nhân từ sơ phát tâm tu hành là vì muốn trừ diệt khổ. Vì đây mà khai mở con đường cho nên nói đi đến hết khổ. Khổ này hết là do nhân diệt mà thành, cho nên trừ nhân. Ví như sư tử.

Lại nữa chư Phật quán tất cả chúng sinh đọa trong khổ nạn, phát tâm tu đạo vì trừ khổ cho người, đó là công dụng của tu hành như Kinh Quốc Thỉ nói.

Lại các kinh khác nói: Khổ hết là công dụng của xuất gia tu hành Phạm hạnh, như Kinh Thất Xa Thỉ.

Lại nữa Như Lai ra đời vì 3 việc. Khiến người hết khổ là thứ nhất, cho nên nói đi đến hết khổ.

Lại nữa tất cả hữu vi vô thường nên khổ. Là pháp hữu vi nên nói khổ hết. Như Kinh Phiệt Dụ nói: Pháp còn xả bỏ hướng chi phi pháp.

Lại nữa do 8 Thánh đạo có thể trừ thủ ám, cho nên nói chung 2 diệt không mâu thuẫn.

Ông hỏi: Nếu đều diệt tập khổ, sao trong kinh không nói đầy đủ?

Đáp: Là khát ái diệt do khổ hết được hiển lộ.

Lại nữa nhân hết chẳng phải là chính dụng, bởi khổ hết mới là chính.

Lại nữa Thánh đạo có thể diệt hữu vi cùng với thủ ám, cho nên nói khổ hết thông với khát ái diệt.

Ông hỏi: Nếu đạo có thể hết khổ thì người tu đạo phải không có khổ phẩm. Nếu không như vậy thì không nên nói đi đến hết khổ?

Đáp: Dựa vào nhân duyên hết nên nói khổ hết. Như nói lửa tắt gọi là than hết, cũng như gốc rễ diệt nói là cây chết.

Lại nữa Thánh đạo có thể diệt khổ của tà phân biệt mà không trừ khổ của nghiệp báo đời trước và khổ của cõi đất. Ví như hơi thở ra, Chiên-đà-la và Ưu-ba-tư-na v.v...

Lại nữa Thánh đạo đối với hữu dư Niết bàn có thể diệt tâm khổ, đối với vô dư Niết-bàn có thể diệt thân khổ.

Lại nữa Thánh đạo có thể diệt hậu hữu ám khổ, có điều là hành nghiệp đã tạo đời trước còn theo đuổi chưa dứt, như bánh xe quay như mũi tên bắn.

Ông hỏi: Nếu pháp hữu vi không có đi đến trong vô vi, sao nói là đi đến hết khổ?

Đáp: Niết-bàn không đi, đạo cũng không đi. Tuy đều không đi nhưng do quy hướng Niết-bàn khiến được Niết-bàn, cho nên nói đi đến hết khổ, ví như quốc lộ.

Lại nữa đó là phương tiện nói. Như nói các dòng chảy đi, nước chảy đi hết. Dòng nước và nước hết mà không có đi, nhưng người đời nói có đi. Đi đến hết khổ cũng như vậy.

Ông hỏi: Chính hành là nghĩa thế nào?

Đáp: Do đây hiểu biết thật nghĩa cho nên nói là chính hành. Lại vì tiến tới là đi. Như nói con đường đi đến mọi nơi. Lại có thể đi đến nơi an ổn, nên nói là chính hành.

Lại nữa chính nghĩa là không trái. Hành nghĩa là quy hướng. Do đây không trái với sự quy hướng Niết-bàn nên gọi là chính hành.

Ông hỏi: Chính hành là 8 Thánh đạo. Nói quyết đoán như thế để làm gì?

Đáp: Là để ngược lại các đường khác, là thành lập con đường mọi nơi đi đến, là làm rõ không đi đến các nơi khác.

Lại nữa có thể tận cùng tất cả đường khổ, có thể ngăn chặn tất cả nghiệp báo phiền não thiêu đốt, có thể trừ cho mình cho người nỗi sợ ác mạ ly, phạt nặng đường ác và sự chết v.v..., có thể trừ xương chất đồng như núi Tì-phú-la, có thể làm khô nguồn huyết lệ. Vì công dụng như thế cho nên nói quả quyết.

Ông hỏi: Thánh là nghĩa thế nào?

Đáp: Do thể vô lưu, chúng sinh nhất vị giải thoát, dựa vào tính liên tục này được gọi là Thánh nhân. Ví như thiện pháp, như trong kinh nói là Thánh chính kiến.

Lại nữa Thánh nhân thực hành nên gọi là Thánh. Ví như đường vua đi.

Lại nữa, do Thánh nhân nói nên gọi là Thánh. Ví như con đường thầy đi.

Lại nữa vì Thánh chúng phụng sự nên gọi là Thánh. Ví như đường bò đi.

Lại nữa khiến đến cực Thánh nên gọi là Thánh. Ví như quốc lộ. Như kinh nói Thánh chính giải thoát.

Ông hỏi: Vì sao chỉ có đạo được gọi là Thánh mà không nói các trợ đạo khác?

Đáp: Vì đồng một tướng đều gọi là Thánh. Ví như tính lửa.

Lại nữa vì đồng một mùi vị giải thoát. Ví như nước biển đồng một vị mặn.

Lại nữa 8 đạo là trên hết cả, có thể bao gồm các trợ đạo khác, như Kinh Tượng Tích Thí nói.

Ông hỏi: Nếu đạo khác phần thì phải nói tướng của nó. Nếu nói đạo chỉ là phần thì toàn phần với một phần không sai khác?

Đáp: Là tướng sai khác của toàn phần với một phần cũng có thể thấy có thể nói. Ví như 5 phần Tam-muội, cũng như 5 phần Tì-kheo trụ 5 phần xứ, đạo cũng như vậy với phần có khác, phần đó bình đẳng mà nói gọi là đạo. Bởi vì sao? Là 8 phần này nếu đến địa vị bình đẳng có thể trừ phiền não, còn nếu hoặc chìm hoặc nổi thì không trừ hoặc. Giống như điều chỉnh dây đàn.

Lại nữa phần này viên mãn gọi là đạo, vì có thể làm xong việc, ví như cái xe. Tuy nhiên nếu nghĩa chân thật trong phần nói toàn phần, ví như 5 phần âm nhạc và 5 phần định thì đạo cũng như vậy.

Nay sẽ luận về chỉ có phần là đạo. Chỉ có phần là đạo do 6 nghĩa chứng thành:

1. Nói là đạo. Kinh nói 5 căn là đạo, con đường đi đến Niết-bàn. Năm căn này tức là đạo phần. Cho nên biết chỉ có phần là đạo.

2. Vì kinh nói 3 thân bao gồm đạo. Ba thân chỉ là phần.

3. Do diệt. Kinh nói chính kiến hành nơi diệt ly, đạo không diệt.

4. Do trừ. Kinh nói nếu tu tập chính kiến có thể trừ dục v.v... nếu lìa đạo thì không thể trừ.

5. Do xuất ly. Kinh nói chính kiến v.v... các phần có thể lìa khỏi đây. Nếu chẳng phải là đạo không thể xuất ly.

6. Do thanh tịnh đạo. Kinh nói: Bát-nhã là đạo, vì được thanh tịnh. Bát-nhã tức chính kiến. Cho nên biết phần là đạo.

Ông hỏi: Đạo là nghĩa thế nào?

Đáp: Đạo nghĩa là tìm cầu. Bởi vì sao? Vì do đó có thể được nghĩa chân thật. Cũng lấy nghĩa là đi. Cũng lấy nghĩa là đi, nghĩa là như thế gian nói nói con đường này đi đến nước Xá-vệ v.v... Đạo cũng như vậy là con đường đi đến Niết-bàn.

Lại nữa lý chân thật nghĩa môn, phương tiện hành sinh v.v... đều là nghĩa của đạo.

Ông hỏi: Vì sao kinh này nói toàn phần, các kinh khác không đủ?

Đáp: Pháp Tạng Luận nói có 2 thứ giả danh: một là tự tại giả danh, hai là y tha giả danh. Nói tên tự thể các phần là tự tại giả danh, như chính kiến v.v... các đạo phần. Y tha giả danh là như niệm v.v... các môn và các phần trợ đạo. Bởi vì sao? Vì tu đạo phẩm này chẳng phải tản tu.

Lại nữa, vì thắng bức cho nên trong niệm xứ v.v... tùy một pháp thắng bức, trong niệm xứ v.v... tùy một pháp thắng hơn các pháp đồng một tên. Ví như các vị mặn chua v.v..., có các vị tùy theo vị trội hơn mà có tên. Lại như các cõi tùy một trội hơn nên các cái khác theo đó được tên.

Lại nữa trong cõi Dục nói đạo toàn phần, cõi Sắc, Vô sắc hoặc 5 hoặc 4. Vì diệt tự thể 4 đối trị cho nên ngoài ra hoặc tăng giảm tùy cõi và địa vị. Vì nghĩa đó nên có đủ và không đủ.

Ông hỏi: Nếu đạo là hữu vi, vì sao Phật nói là đạo vô vi? Nếu là vô vi sao lại nói là pháp hữu vi?

Đáp: Đây là do xưa nói đạo là hữu vi. Bởi vì sao? Pháp hữu vi có mới có cũ. Ví như thóc lúa v.v... Nếu là vô vi thì không nên nói lời này. Ví như hư không với Niết-bàn. Như nói thân là nghiệp xưa, chẳng phải vô vi. Như nói giống Thánh và pháp các sư, cho nên do đó nói đạo chẳng phải vô vi. Nay luận nói đạo là hữu vi.

Làm sao biết? Vì do phân biệt rộng, như Kinh Đế Tương Ứng và đáp Đạt-ma-trần-na hỏi. Do tướng hữu vi cho nên kinh nói: Căn cứ nơi chính tư duy, nếu đạo chưa sinh được sinh, đã sinh được tăng trưởng, vì có sinh trưởng cho nên biết là hữu vi, vì do xả bỏ. Như kinh nói: Pháp còn nên bỏ hưởng chi phi pháp. Diệt là vô vi thì không thể bỏ, vì duyên bên trong khởi. Như kinh nói: Đạo này y vào bên trong khởi. Đây quy y khó được. Nếu là vô vi không y vào bên trong khởi vì do tên nghiệp. Như kinh nói: Đạo này không phải nghiệp đen trắng có thể diệt các nghiệp. Nếu là nghiệp thì chẳng phải pháp vô vi, do có ăn cho nên như kinh nói: Bảy Bồ-đề phần lấy ăn làm nhân. Nếu là vô vi thì không cần nhân ăn. Vì nghĩa này nên đạo là hữu vi.

Ông hỏi: Nếu đạo là một, thì khi một người tu các người khác phải chứng đắc, ví như cái áo v.v... Nếu không vậy thì không nên nói do một đạo này?

Đáp: Nhiều đạo, chẳng phải một. Bởi vì sao? Vì quả không đồng. Vì đạo khác nên quả có khác. Như con đường khác nên chỗ đi khác.

Lại nữa thể khác nên đạo khác. Nghĩa là kiến đạo, tu đạo v.v..., cũng như 4 khổ, vui, chậm, mau.

Lại nữa căn khác nên đạo khác. Nghĩa là 9 bậc học, 9 vô học, Bích-chi-phật, Phật, do căn sai khác nên có khác. Căn cứ vào chủng tính nên nói do 1 đạo. Như người đời nói 1 thóc lúa. Như kinh nói: Ba đời chư Phật nếu quán nếu nói là 4 đế này mà khổ v.v... 3 đế thể thật không thường. Do 1 đạo nói thì cũng như vậy.

Ông hỏi: Nếu các Thánh nhân đồng được 1 đạo thì sao trí tuệ không đồng? Mà nếu trí tuệ không đồng thì sao giải thoát bình đẳng?

Đáp: Quán tất cả, tất cả thứ cảnh giới được thành chính giác. Cho nên nói Phật đạo không đồng với nhị thừa. Như kinh nói: Giải thoát 5 âm với giải thoát không khác. Như các thứ lửa đều đốt củi cháy hết không khác. Do lửa không đồng nhau nên sức nóng và ánh sáng có khác. Cũng như vậy, trí tuệ sai khác nhưng công dụng diệt hoặc giải thoát là đồng nhau. Định trí oai đức và ân của Phật do đạo sai khác khó có thể tư duy suy lường như Kinh Đại Luân nói.

Ông hỏi: Nếu đạo chẳng phải tâm pháp thì các vật vô tình cũng phải có đạo? Nếu tâm chẳng phải tâm pháp thì tu hành không đủ. Nếu là tâm pháp thì các pháp trái nhau làm sao 1 tâm đều có?

Đáp: Tâm là sinh tử phần, là thể gian pháp. Đạo là xuất thế pháp. Hai thứ không tương ưng, như pháp và phi pháp, cho nên nói đạo chẳng phải tâm pháp. Dựa vào cảnh gọi là tâm, tìm cầu có thể gọi là đạo. Hai thứ nếu là 1 thể thì tự tính tự biết khỏi bị lỗi này, nên nói đạo chẳng phải tâm pháp. Ví như thọ mạng và định vô tướng vô tâm v.v... tuy chẳng phải tâm pháp mà trong các ví dụ là vô đạo cũng như vậy. Đạo tuy có hữu tâm, phi tâm, thấu suốt thì đều có, cho nên không gì không tu đủ.

Lại nữa tu có 3 loại. Nghĩa là giữ gìn, tu tập và nghiên cứu, cho nên không gì không đầy đủ. Nhưng đạo cũng có thể nói là tâm pháp. Bởi vì sao? Vì cùng với chính tư duy cùng sinh diệt, ví như nhất tâm. Như kinh nói: Dùng tâm làm tăng thượng cho nên được nhất tâm, gọi

là tâm định, tức là đạo phần. Đồng một xuất ly, đồng thành một việc, cho nên cùng chung một tâm mà chẳng trái nhau.

Ông hỏi: Nếu đạo đến trừ hoặc thì pháp trái nhau đều có trong một tâm. Nếu không đến thì đối với sự liên tục của người khác sao không trừ?

Đáp: Đạo không đến hoặc, mà có thể trừ hoặc. Như đạo không đến phá giới mà có thể trừ tự phá giới, nhưng không trừ phá giới của người khác. Về trừ hoặc, cũng vậy, đối với tự tha liên tục tuy đều không đến, mà chỉ trừ tự hoặc không thể trừ hoặc cho người khác.

Phân biệt bộ nói: Chẳng phải đến, chẳng phải không đến, bấy giờ trừ hoặc vì lấy không sinh làm diệt ví như chữa bệnh, khổ thụ đã đến thuốc thang không thể chữa được. Bởi vì sao? Vì không thể chuyển đổi khổ làm vui. Khổ thụ chưa đến thuốc thang cũng không chữa. Bởi vì sao? Vì vô sở hữu. Nếu vậy cái gì chữa trị? Chỉ tạo nghịch duyên khiến cái khổ chưa sinh vĩnh viễn không được khởi. Đạo có thể trừ hoặc cũng như vậy.

Ông hỏi: Nếu các phần đều khởi thì có nhiều tác ý. Nếu lần lượt khởi thì chỉ có 1 phần?

Đáp: Do thành 1 việc cho nên cùng khởi được. Vì duyên cảnh riêng biệt cho nên không có nhiều ý xen tạp cùng khởi. Do công năng cho nên có thể thấy sai khác, ví như dục.

Ông hỏi: Vì sao chỉ lập 8 phần không thêm không giảm?

Đáp: Câu hỏi này không bao giờ cùng tận, cho nên không đáp.

Lại nữa đối trị 8 tà phần cho nên nói 8 phần.

Lại nữa vì bao gồm 3 thân.

Lại nữa vì đối trị 3 thích, 3 kết, 3 hỏa, 3 độc nên nói 8 phần.

Lại nữa trong Tạng Luận nói có thể thành tựu tâm 8 công đức nên nói 8 phần. Do được chính kiến nên tâm thanh tịnh. Do được

chính giác nên tâm sáng sạch. Do được chính ngôn nên tâm bình thản. Do được chính nghiệp nên tâm không hối. Do được chính mạng nên tâm linh hoạt nhuần nhuyễn. Do được chính tinh tiến nên tâm thuận theo giáo pháp. Do được chính niệm nên tâm an trụ. Do được chính định nên tâm không động.

Ông hỏi: Vì sao không lấy dục v.v... các pháp khác?

Đáp: Chỉ lấy thắng pháp hoặc lấy công dụng mạnh mẽ, hoặc lấy năng lực gánh vác trách nhiệm nặng, hoặc đều gồm hết chính ngôn, chính nghiệp, chính mạng là vì tín gồm cả 3 của Tu-đà-hoàn phần, nên đủ 4 trí tín của Tu-đà-hoàn. Dục tức là tín này.

Lại nữa tín này cũng gồm trong chính kiến. Người Tu-đà-hoàn được trí tín nên hỷ, ý, xả gồm trong chính định. Cho nên 8 phần bao gồm hết các phần.

Ông hỏi: Vì sao 1 pháp làm ra 3 thuyết, hoặc nói trung đạo có thể diệt phúc ác đi đến hết khổ?

Đáp: Vì do 3 việc vượt trội. Ví như mặt trời có thể phá tối tăm gọi là sáng, có thể phân biệt ngày đêm gọi là ngày, có thể phân biệt sát-na nên gọi là thời. Thánh đạo này cũng vậy, có thể lìa nhị biên nên gọi là trung đạo, có thể trừ 2 nghiệp đen trắng nên gọi là diệt phúc ác, nhờ bỏ thân tâm khổ nên nói đi đến hết khổ, hoặc trừ đạo 3 đời cho nên nói đi đến hết khổ.

Ông hỏi: Vì sao nói chính kiến trước tiên?

Đáp: Vì là pháp đứng đầu cho nên ví như vua. Như kinh nói: Trong tất cả pháp hữu vi, Bát-nhã là vượt trội hơn hết.

Lại nữa có thể làm công đức vượt trội cho nên nếu trí tuệ thắng hơn thì các công đức đều thắng hơn. Như Xá-lợi-phất do chính kiến cho nên không quán các mặt khác. Như trưởng giả Thủ-la do chính kiến nên tâm khó động. Như vua A-du-ca do chính kiến này mà những gì khác không thể lôi kéo. Như trưởng giả Chát-đa-la có thể

nhỏ bỏ gốc tai họa. Như kinh nói: Do mình khởi lên nên vô minh diệt hết. Cho nên chính kiến là đứng đầu.

Ông hỏi: Vì sao nói đi trước?

Đáp: Do được chính kiến, các phần khác được xuất thế, được vô lưu, được bất cộng. Hoặc nói do sức chính kiến, dư phần được tên giải thoát đạo. Như kinh nói: Tì-kheo là người chính kiến, vì thân khẩu ý nghiệp được quả vượt trội tốt đẹp khả ái. Như kinh nói rộng cho nên lấy chính kiến là đi trước.

Ông hỏi: Chính kiến có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa là chúng chiếu không điên đảo là kiến, tự y chỉ chùng loại chân thật, không điên đảo chúng chiếu.

Lại nữa chân như chính quán gọi là kiến. Như thật quán Thánh đế nên gọi là chính kiến.

Lại nữa chính nghĩa là có thể ngợi khen, kiến có nghĩa là quang minh. Sáng suốt đáng ngợi khen nên gọi là chính kiến. Như kinh nói: Trong các sáng suốt, sáng suốt này vượt trội hơn cả gọi là chính kiến.

Lại nữa thắng đức cảnh trí hành gọi là chính kiến. Bởi vì sao? Là chính định vị này gọi là chính kiến, như Kinh Chủng Tử Thí nói.

Lại nữa Lý Túc Luận nói: Do cảnh chính nên trí chính chứ không do trí chính nên cảnh chính. Vì tương ưng tương hữu vi hữu lưu nên tất cả chỉ có khổ. Biết đây một cách chắc chắn, đó là chính kiến, như Phật vì Đại Ca-chiên-diên nói.

Lại Tạng Luận nói: Đối trị vô trí, nghi trí, đảo trí có thể vượt qua các khổ. Chân thật trí này gọi là chính kiến.

Ông hỏi: Kiến đã không, ai là người năng kiến?

Đáp: Các duyên tụ tập chung thành kiến này, không một vật nào riêng khác là kiến giả, ví như hoa quả. Lại như kệ nói:

*Có kiến, không năng kiến,
 Pháp gì là kiến giả?
 Theo duyên hòa hợp sinh,
 Kiến sắc là hư nguy.
 Khi pháp hợp là kiến,
 Khi tan không năng kiến.
 Chỉ nhân duyên tạo thành,
 Như lệ nhân không rõ.*

Pháp từ duyên sinh, không thể nói thuộc về một cái gì. Như Phật vì phá Câu-na nói: Ta không nói thức là năng thức. Bởi vì sao? Đây gọi là toàn phần giả danh tạo tác.

Ông hỏi: Chính kiến với chính kiến của Thập thiện khác nhau thế nào?

Đáp: Tục trí tại Thập thiện. Chân trí tại Bát chính. Có thể cảm đòi sau lấy khổ làm quả, quán nghiệp làm cảnh, chính kiến như vậy là nơi pháp Thập thiện. Có thể diệt tam hữu, Niết-bàn làm quả, duyên để làm cảnh, chính kiến như vậy là nơi Bát Thánh đạo.

Ông hỏi: Nếu do chính kiến nhất thời kiến đế thì phải có nhiều cảnh. Nếu không vậy thì chẳng phải niệm niệm diệt?

Đáp: Nhất thời có thể thành 4 việc, cho nên nói là nhất thời, không vì cảnh khác. Lý Túc Luận nói: Người tu quán hành dùng Thánh trí tuệ thông suốt lỗ chân lông có thể dứt các hoặc.

Lại các kinh khác nói nếu quán chung 3 thụ, các việc đã xong không còn làm lại. Do thông tướng pháp đế vô ngã tướng, cho nên nhất thời thông quán 4 đế. Như lần lượt quán trung, duyên vô thường khổ vô ngã nhất thời thông khổ đế.

Ông hỏi: Nếu chính kiến đã rõ các đế thì các phần khác dùng làm gì?

Đáp: Tất cả các phần có thể diệt tự đối trị, mỗi mỗi đều hữu dụng, như nhỏ xuống dưới.

Lại nữa tất cả các phần, ở trong việc của mình đều vì thượng thủ cộng thành một việc. Ví như các phần của cái xe và cái xe. Các phần của cái xe đều có việc của mình, chung lại thành việc chuyên chở. Đạo phần và đạo cũng như vậy.

Ông hỏi: Chính giác là nghĩa thế nào?

Đáp: Pháp chưa từng có, ngày nay như sinh, gọi là chính giác.

Lại nữa pháp bình đẳng này do tướng hành duyên khởi.

Lại nữa quả của cảnh giới thể tướng cùng phù hợp nhau nên gọi chính giác.

Lại nữa như kiến, tùy, trạch không bỏ gọi là chính giác.

Lại nữa khéo nghe pháp bình đẳng, ví như định phần.

Lại nữa duyên Niết-bàn làm cảnh, như định Vô tướng, cho nên 3 thành 1.

Ông hỏi: Nếu dựa vào 2 định chứng được lưu hết, chính giác không đủ, đạo phần có thiếu. Nghĩa này cần phải cứu xét?

Đáp: Nếu dựa vào 2 định tu 8 chính đạo, chỉ không có giác quán phần của sơ định, chứ không phải không có giác trong đạo phần. Ví như sơ định và Tam-ma-đề không có giác quán.

Lại nữa do sự thành, cho nên nói có chính giác, không phải do nơi thể, cho nên như có giác 5 căn.

Lại nữa có thể nhỏ bỏ đối trị nên nói có chính giác, ví như chính ngôn.

Ông hỏi: Chính ngôn là nghĩa thế nào?

Đáp: Thụ vĩnh viễn thể không phá bỏ gọi là chính ngôn, như truyện Cù-sư-la.

Lại nữa ngôn ngữ này thanh tịnh do trừ cấu uế của nguyên thủ.

Lại nữa vĩnh viễn khéo thực hành pháp sở đắc, như vậy gọi là chính ngôn. Có 2 thứ giới chính ngôn: Một là không cho biết, như kinh nói: Người này lia vọng ngữ v.v... Hai là cho biết, như kinh nói: Người này thời ngữ, thật ngữ v.v...

Ông hỏi: Nếu có nói năng thì tu không có định. Bởi vì sao? Như Phật nói định thì âm thanh là sự châm chích. Mà nếu không âm thanh thì không thành đạo phần?

Đáp: Vì đạo phần nên chẳng phải châm chích. Ví như chính giác phần, hỷ giác phần v.v...

Lại nữa âm thanh châm chích là bất định. Như trông thấy người nữ. Kinh nói: Thường trông thấy người nữ, đó là sự châm chích đối với người tu Phạm hạnh. Nhưng chẳng là châm chích đối với A-la-hán, vì A-la-hán đã trừ hết mọi châm chích.

Lại kinh nói: Đại Tượng nói ở trong định đi đứng v.v... cũng đều tĩnh lặng. Nếu quán hành nhân chính tư thuyết pháp, tức là tâm có định, chứ không phải do có nói năng nên không có định.

Các sư Kinh bộ nói: Chỉ là 4 lỗi nói tức là chính ngôn. Như thế gian nói đã lia như chính tác, như nói con ngựa này chạy hay, người này khéo giác ngộ.

Ông hỏi: Chính nghiệp là nghĩa thế nào?

Đáp: Kinh nói lia nghiệp ác của thân gọi là chính nghiệp.

Lại kinh nói thân nghiệp này không ngược dòng, không xuôi dòng, không ban cho, tự tại không lấy, có thể sinh tịch tĩnh. Đó là chính nghiệp.

Lại nữa do quán lỗi lầm, xa lia sát sinh, không tạo tác, không hành động, ngăn cản, không ưa thích. Đó là chính nghiệp.

Ông hỏi: Tất cả phần đều là chính nghiệp, sao nói 1 phần là chính nghiệp?

Đáp: Nếu lia tên này, tên khác không rõ. Như pháp giới, pháp nhập v.v... vì không phải sở duyên của nhãn thức cho nên không khiến người biết là chính nghiệp. Vì đó là chỗ y chỉ của tất cả các nghiệp., ví như nền móng của nghiệp.

Ông hỏi: Nếu nói lia tạo tác là chính nghiệp thì lia tức chẳng phải tạo tác, làm sao có thể thành nghiệp được?

Đáp: Không tạo tác nên khởi ác nghiệp thì giữ gìn hộ thiện, phải biết đó là nghiệp. Như kinh nói: Ta nói tạo tác, ta nói không tạo tác.

Lại nữa có thể trừ 2 nghiệp đen trắng nên nói không tạo tác. Có thể làm đối trị nghiệp nên nói là tạo tác.

Lại nữa chính nghiệp cũng gọi là chính nghiệp trừ. Do tên này nên nghĩa tạo tác không tạo tác mới thành tên. Ví như do mắt nói thấy, cũng do mắt nói không thấy.

Nếu không tạo tác làm sao biết có nghiệp này?

Đáp: Có nhiều nhân duyên có thể biết nghiệp này. Do kinh nói sắc có 3 thứ là có thấy có ngăn ngại, hai là không thấy có ngăn ngại, ba là không thấy không ngăn ngại.

Lại nói có vô lưu sắc.

Lại nói do 7 phúc đức lợi.

Lại nói do dạy người khác cũng có 10 nghiệp đạo.

Lại nói Tì-kheo có pháp chẳng bao gồm 11 nhập, nghĩa là không thấy không ngăn ngại không nói là không sắc.

Lại nữa nếu không có nghiệp đây thì 8 phần Thánh đạo không đầy đủ. Bởi vì sao? Vì chính khi nhập quán không hành 3 nghiệp.

Hỏi: Nghĩa đó không đúng. Bởi vì sao? Vì ở trong phương tiện đã tu 3 nghiệp. Như kinh nói người này thấy như vậy, biết như vậy là chính

kiến, được tu viên mãn và chính giác tinh tiến chính niệm chính định. Lúc trước chính ngôn chính nghiệp chính mạng trước đã thanh tịnh?

Đáp: Dựa theo thể gian đạo giới lìa dục nên nói câu này.

Lại nữa Ba-la-đề-mộc-xoa giới cũng không nên có. Bởi vì sao? Có lúc đương thụ, sau ở tâm khác không nên nói là Tì-kheo, Tì-kheo-ni.

Lại kinh nói nghiệp này gọi là bờ đê vì có khả năng ngăn chặn sự phá giới. Nếu không, không thể ngăn chặn cái ác.

Các sư Kinh bộ nói chứng này đặc biệt rất nhiều, rất hi hữu, nghĩa không như vậy. Bởi vì sao? Ông nói: Do nói 3 sắc nên biết có vô tác, nghĩa đó không đúng. Các sư quán hạnh như Mục-liên, A-ni-lâu-đà v.v... nói có sắc trong cảnh định là do định lực có được. Sắc này chẳng phải cảnh giới của nhãn căn cho nên nói không thấy, không ngăn chặn chỗ nào, nên nói không ngăn ngại.

Nếu ông nói như vậy sao gọi là sắc? Đây với vô tác như nhau, cho nên trở lại hỏi nghĩa của ông.

Ông nói: Do nói vô lưu sắc mà biết có vô tác. Nghĩa đó không đúng. Sắc này cũng là định lực sinh. Do định vô lưu nên sắc cũng vô lưu.

Lại các sư giải thích sắc A-la-hán cũng là vô lưu, chẳng phải lưu y chỉ.

Nạn vẫn rằng: Nghĩa đó không đúng. Như kinh nói: Cái gì là pháp hữu lưu? Nghĩa là tất cả nhãn tất cả sắc v.v... Sắc này chẳng phải đối trị lưu nên nói là hữu lưu. Nếu vậy sắc này hoặc hữu lưu hoặc vô lưu?

Đáp: Nếu vậy thì có gì?

Nạn vẫn rằng: Vì các tướng xen tạp nhau?

Đáp: Như tướng hữu lưu tướng vô lưu chẳng hay có tướng gì xen tạp?

Lại nữa nếu sắc nhập hoàn toàn là hữu lưu thì sao trong kinh chỉ lựa chọn nói riêng mà không nói chung? Kinh nói hữu lưu sắc là có thủ tâm kiên cố, che lấp sở y cho nên gọi là hữu lưu sắc.

Ông nói: Do 7 phúc đức lợi cho nên biết có vô tác. Nghĩa này không đúng. Các sư Kinh bộ nói: Như ông thụ dụng vật bố thí của thí chủ, do công đức của người thụ bị lợi ích, cho nên tuy thí chủ có tâm khác, do tác ý bố thí trước huân tu liên tục lần lượt chuyển mạnh hơn. Do sức mạnh hơn này nên có thể sinh tùy theo báo nhiều ít thời vị lai. Dựa theo sự liên tục này nói công đức của thí chủ sinh trưởng. Nếu ông nói do sự liên tục kia hơn hay thua và tùy dụng, nếu có tâm khác thì sự liên tục chuyển thành mạnh hơn thì làm sao thành được? Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì đồng với vô tác cho nên ông chấp vô tác. Do kia liên tục hơn thua và tùy dụng. Do kia liên tục thì làm sao thành được?

Hỏi: Không tăng trưởng phúc đức, trong chủng loại không giáo luyện làm sao hằng sinh?

Đáp: Do thường tập, tác ý duyên giới định, cho đến theo đuổi tăng trưởng trong giấc ngủ.

Hỏi: Nếu vậy nghĩa trong Kinh Úc-già Trưởng Giả là thế nào? Kinh nói: Nếu Ti-kheo trì giới hành thiện, thụ dụng y thực của thí chủ v.v... đã tu định Vô lượng tâm, thân chứng định này vào ở trong rừng. Do thụ dụng này phúc đức thiện lạc của thí chủ tăng lưu vô lượng, cần phải tin biết trong đây có tác ý gì? Cho nên biết liên tục chuyển thành hơn là đạo lý đúng đắn.

Ông nói: Nếu không có tạo tác, không có giáo luyện, như người dạy người khác tác nghiệp, nghiệp đạo làm sao thành được?

Các sư Kinh bộ cũng nói như vậy. Do sự giáo luyện này nên người khác hoặc lia hoặc thụ cái khổ sát hại v.v... Cho nên có thể giáo luyện thì đối với sự liên tục vi tế mà thiện ác tăng mạnh hơn. Do

sự chuyển mạnh hơn này có thể sinh tùy theo báo nhiều ít thời vị lai. Nếu người tự tác khi tùy sự thành thì liên tục chuyển mạnh hơn, gọi là nghiệp đạo. Nghĩa đó phải biết. Quả mượn tên của nhân cho nên quả của thân khẩu sự này mượn danh nghĩa của thân khẩu cũng như vậy. Như ý thân khẩu không giáo luyện, có Đại đức nói dựa vào thủ ấn của chúng sinh, do 3 thời tác ý bị tội sát sinh, nghĩa là sẽ vì ta sát, chính sát, sát rồi. Cách giải thích này cũng không đúng. Tuy có 3 ý, nghiệp đạo chưa chắc được thành. Bởi vì sao? Vì chưa đoạn mạng căn của mẹ v.v... người khởi 3 ý không có nghịch tội. Nếu người tự hại mạng người khác, do 3 ý này là đáng bị tội.

Nạn vấn: Bằng nhau là không thể thấy. Tại sao ganh ghét phi báng không có giáo luyện mà tin thụ liên tục chuyển mạnh hơn?

Đáp: Không có ganh ghét này, chỉ do tâm vận thân mà thành nghiệp đạo. Nếu bảo hành giả có pháp khác tâm khác, ta không hài lòng, đó là do tâm gia hành nên việc ấy thành. Việc này thành nên liên tục chuyển thắng. Nghĩa đó có thể được. Bởi vì sao? Vì do tâm liên tục mà quả được thành.

Ông nói: Pháp nhập Phật không nói vô sắc thì biết có sự không giáo luyện, nghĩa này đã giải đáp, như cảnh giới sắc trong định.

Ông nói: Nếu không nghiệp này thì 8 đạo không thành cho nên biết có sự không giáo luyện, nghĩa này cần làm rõ bằng hữu, ông nên vì nói người nhập để quán chính ngôn chính nghiệp chính mạng làm sao được có? Người này nơi quán là có ngôn thuyết tác nghiệp, cầu tìm 4 việc cho nên có 3 này có đúng không?

Đáp: Không phải vậy. Cái gì khi ở nơi quán được 3 thứ không giáo luyện này? Do đây được nên nếu sau khi xuất quán không ở trong tà ngôn v.v... chỉ trụ trong chính ngôn v.v... Cho nên trong nhân giả được tên quả. Cho nên nói không giáo luyện gọi là chính ngôn v.v... Luận chủ đáp trong đó sao không chấp như thế? Nếu chính trong quán

liạ nơi không giáo luyện được nơi ý như vậy, được y chỉ như vậy, do được đây cho nên sau khi xuất quán không ở trong tà ngôn, chỉ trụ chính ngôn v.v... Cho nên trong nhân giả được tên quả. Cho nên nói liên tục chuyển thắng gọi là chính ngôn. Vì ý nghĩa này đạo có 8 phần.

Lại Thượng tọa bộ nói chỉ không làm ác gọi là 3 phần. Bởi vì sao? Do pháp Thánh đạo lược quyết định không làm, y chỉ vô lưu đạo nên gọi là vô lưu, vị tất nhất thiết xứ bị số pháp đều chân thật có như 8 thể pháp là được, không được, danh, vô danh, khen, chê, vui, khổ, trong đó không được có pháp khác.

Lại các sư khác nói Ba-la-đề-mộc-xoa giới là 3 đạo phần. Dựa theo phương pháp trước tác tín thụ ý. Do tác ý này có thể phòng ngừa thân khẩu ngăn chặn việc làm ác, gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Nếu ông nói người ở nơi tâm khác thì không có giữ gìn. Nghĩa này không đúng, vì do thường tập cho nên duyên phạm giới đến, tác ý liền đến. Nói tác ý này gọi là bờ đê. Bởi vì sao? Do nhớ trước thế không làm ác, vì có tác dụng này nên phải thụ giới.

Lại nữa nếu như ông lập có sự không giáo luyện riêng có thể ngăn chặn phá giới thì không nên có chuyện mất niệm phạm giới, không cần phải biện luận rộng, là vậy hay không phải vậy quyết định phải biết.

Trong 8 chính đạo, giới có 3 phần vì là nền tảng của đạo, ví như đất đai, vì đi trước nên ví như vua, có thể vượt qua rừng rậm gai góc cho nên ví như chân, có mùi hương khả ái nên như lá đàn hương trên trời, thanh tịnh truyền truyền có thể đến Niết-bàn ví như 7 xe.

Lại các sư khác nói dẫn kinh làm chứng là vì đạo quả này, vì nhân duyên cung kính lợi dưỡng, vì chẳng phải bảo vệ đối trị, vì khiến biết sở đắc cho nên biết có giới này.

Lại các sư khác nói vì sao sự không giáo luyện là sắc mà không phải thân thụ?

Đáp: Không giáo luyện thuộc thân khẩu nghiệp, là gồm trong sắc. Thân thụ thì tương ứng với tâm là gồm trong danh.

Lại nữa không giáo luyện là thân nghiệp nên thuộc thân. Thụ là tâm pháp nên thuộc tâm.

Lại nữa không giáo luyện cũng giới, cũng sắc, gồm trong sắc ấm. Thân thụ tâm pháp gồm trong thụ ấm. Nay luận về pháp tâm này là chỗ dựa của nghiệp cho nên do thân khẩu thành tựu giả được tên đó. Pháp này và thụ có gì khác?

Đáp: Thụ ấm bao gồm, pháp này thông khắp các ấm. Bởi vì sao? Vì dựa vào sự liên tục.

Ông hỏi: Lìa sự đánh đập v.v... sao không nói là đạo phần?

Đáp: Thánh nhân hữu học vì chưa tịch tĩnh cho nên ví như chế tội, vì không biến khắp nên như phi Phạm hạnh, vì bất định nên như Bồ-sơ-đà phần, vì tư lương nên ví như thí v.v... Nay luận làm rõ phân minh 8 giới, trong đây nói là 3 Thánh đạo phần.

Ông hỏi: Chính nghiệp chính mạng với chính nghiệp chính mạng của 10 thiện khác nhau thế nào?

Đáp: Có thể hoại trừ và không thể hoại trừ. Từ xuất thế chính kiến khởi, vô lưu cam lộ là quả. Từ thế chính kiến khởi, hữu lưu thủ ấm là quả. Hay sinh phúc đức gọi là nghiệp đạo. Hay lìa phúc đức gọi là đạo phần.

Ông hỏi: Chính mạng là nghĩa thế nào?

Đáp: Chính mạng có 2 thứ. Một là người tại gia lìa 5 thứ buôn bán. Hai là người xuất gia xuất ly 5 thứ tà mạng.

Lại nữa dựa theo đạo lý tìm cầu thụ dụng y thực v.v... 4 duyên.

Lại nữa biết đủ, không mất giống Thánh và giữ gìn thân khẩu.

Lại nữa trước nhân trí tuệ xa lìa thân tâm tà kiến gọi là chính mạng.

Ông hỏi: Chính mạng nếu gồm trong thân khẩu nghiệp sao còn lập riêng?

Đáp: Gồm chung cả hai. Do nghĩa khác nên lập riêng là điều có thể biết được. Ví như các ẩm đều gồm trong hành. Do nghĩa khác nên lập riêng 4 ẩm.

Lại nữa thể có hai nên ví như thân quán. Kinh nói nơi thân quán thân trụ.

Lại nữa chính mạng khác 2 phần trước, ví như hoặc số.

Ông hỏi: Sao gọi là tinh tiến?

Đáp: Hành ở nơi nơi tùy theo địa sai khác, để được các thứ thiện pháp, sách tiến thân tâm không bỏ gánh nặng.

Lại nữa để diệt ác pháp chúng thiện pháp, thường hành dũng mãnh gọi là tinh tiến.

Lại nữa tu hành nơi đây cố gắng thân tâm không điên đảo gọi là tinh tiến.

Ông hỏi: Tướng gì, dụng gì, duyên gì, nghĩa gì?

Đáp: Sách tiến thân tâm là tướng. Không thoái đọa là dụng. Khởi loại tinh tiến là duyên.

Trong Tạng Luận nói: Tinh tiến thì dũng mãnh là tướng. Không chìm đắm là dụng. Bốn chính cần là duyên. Thắng lợi hành là nghĩa. Nếu người biếng nhác thì hành không thắng lợi.

Lại nữa vì sức khó thắng nên nếu người có tinh tiến thì chiến đấu với phiền não có sức mạnh khó thắng. Nếu người biếng nhác thì không có chuyện này.

Lại nữa hành này có thể tàn phá trừ bỏ là nghĩa của tinh tiến.

Ông hỏi: Nếu diệt ác là thiện thì không có 2 tinh tiến. Nếu chẳng phải là thiện thì diệt để là phi thiện?

Đáp: Diệt ác thì chi là không có vật, thiện thì không phải vậy, cho nên tinh tiến có hai.

Lại nữa diệt ác gọi là chân thật thiện. Ngoài ra tức 3 thiện. Bởi vì sao? Vì có 4 thiện. Là sự phá giới thói tha là diệt ác. Giới hương phát khởi gọi là sinh thiện. Ví như cái nóng lặn rồi khác với cái lạnh phát sinh.

Ông hỏi: Nếu nhất tâm tu chính cần tức là đầy đủ, thì không có 4 chính cần. Nếu lần lượt tu thì trợ đạo tu không đủ?

Đáp: Nhất tâm tu được 4 chính cần. Ví như nhất tâm quán chung 4 đề. Bởi vì sao? Vì do tu đây nên các ác chưa sinh không sinh được, các ác đã sinh không trụ được, thiện pháp chưa sinh được sinh, đã sinh được trụ vững. Cho nên tinh tiến do thể nên là một mà do dụng nên là bốn.

Lại Phân biệt bộ nói: Nếu người trì giới quán hành, để trừ định đối trị tu 4 chính cần, cái ác đã sinh có thể chướng định, do tinh tiến nên diệt, phá giới chưa sinh sau không sinh được, định chưa sinh được sinh, tịnh giới đã có được trụ vững. Vì ý nghĩa này nên tinh tiến chỉ một sự mà dụng có bốn.

Lại nữa có thuyết nói 4 chính cần lần lượt khởi ví như được định. Bởi vì sao? Có chính cần chỉ có thể phá thượng tâm hoặc, có chính cần khác có thể nhỏ bỏ tùy miên hoặc. Lại có chính cần có thể sinh căn chưa sinh. Lại có chính cần có thể khiến đã sinh bền vững. Cho nên tu đạo phẩm chẳng phải là tản tu vì có chính cần.

Ông hỏi: Chính niệm là gì?

Đáp: Không quên mất cảnh sở tri trước gọi là chính niệm, giống như thực thủ tướng. Như kinh nói: Tâm giác tâm hệ v.v... gọi là niệm.

Ông hỏi: Tướng thế nào, dụng thế nào, duyên thế nào, nghĩa thế nào?

Đáp: Cảnh giới sau nhớ lại là tướng. Tâm cảnh không lia là dụng. Sáu niệm là duyên. Tự nhớ lại khiến nhớ lại là nghĩa của niệm. Ví như Bồ-đề tự giác khiến giác.

Lại nữa Tạng Luận nói: Tâm lắng sạch là tướng không quên mất, nếu mất thì hiện trở lại.

Lại nữa năng thủ cảnh giới là trí y chỉ cho nên gọi là niệm.

Lại nữa niệm có 4 thứ: 1. Tùy chấp danh cú vị. 2. Có thể tùy nghĩa sở chấp. 3. Có thể tùy nghĩa sở tư. 4. Có thể tùy thông đạt nghĩa sở tư. Nay luận nói chính là làm rõ cái thứ tư.

Ông hỏi: Các pháp hữu vi sát-na không trụ, niệm làm sao thành? Bởi vì sao? Vì người khác thấy người khác, nhớ không có nghĩa này?

Đáp: Nếu người biết có niệm khác thì không thành. Như ông Trương thấy mà ông Vương nhớ. Nếu trí liên tục niệm khác cũng không thành. Như thấy con bò thì không nhớ con ngựa v.v... Nếu trí 1 niệm cũng không thành, vì không có trí sau. Cho nên trái lại 3 nghĩa này thì gọi là niệm.

Lại giải thích nếu không tương quan thì người khác thấy người khác không được nhớ. Như người này thấy, người kia không nhớ. Nếu nhân duyên có tương quan thì người khác thấy, người khác được nhớ. Ví như trẻ con, thiếu niên, trai tráng, già yếu trí niệm được theo nhau sinh.

Lại nữa ví như hạt giống, vì không liên quan nhau nên giống lúa mì không nảy mầm lúa gạo. Nếu nhân quả liên quan nhau mà có khác là hạt giống lúa gạo này mầm cộng nhánh lá được theo nhau sinh. Nếu 1 niệm cũng không thành là vì nhân quả không thành lập. Như hạt giống luôn luôn 1 mầm thì không sinh. Do tương quan không khác, không một, nên niệm được thành.

Ông hỏi: Nếu tất cả các pháp đều là niệm xứ, mà niệm căn tức là niệm xứ thì nghĩa không phù hợp?

Đáp: Nay luận nói rõ niệm căn tức 4 niệm xứ, có điều là không lấy cảnh giới phân biệt căn. Ví như trí căn trí lượng.

Lại nữa có 3 thứ niệm xứ: Một là tự tính niệm xứ chỉ sinh ức niệm, ví như vua. Hai là tạp niệm xứ, như pháp có thể trợ giúp niệm cũng gọi là niệm, như vua tôi phụ tá cũng được gọi là của vua. Ba là cảnh giới niệm xứ, do niệm duyên đây khởi cũng được gọi là niệm, như nơi ở của vua. Cho nên niệm căn tức là niệm xứ, nghĩa không trái nhau.

Ông hỏi: Nếu niệm chỉ riêng một mình không thể thủ giữ 1 pháp thì sao kinh nói có niệm nhất thủ?

Đáp: Niệm là tăng thượng duyên thứ nhất trong các thủ hộ, cho nên nói nhất thủ. Ví như vua là thắng hơn. Như kinh nói: Tất cả các pháp, niệm là duyên tăng thượng, là thủ hộ.

Lại nữa 1 niệm có thể hộ tất cả hành, cho nên nói là nhất thủ. Như kinh nói niệm này hành nhất thiết xứ.

Lại nữa tất cả niệm có thể thủ giữ 6 căn như người giữ cửa.

Lại nữa niệm này có thể duyên nhất tâm. Như tay người nắm lấy miệng ống âm dương.

Lại nữa có thể giữ 1 tướng liên tục nên gọi là nhất thủ. Như giữ gìn bảo hộ một đứa con.

Lại nữa 6 căn bị trói buộc, trong 1 niệm trụ không tản trụ tự cảnh, như 6 chúng sinh cùng trói nơi 1 cây cột. Cho nên kinh nói có niệm nhất thủ.

Ông hỏi: Vì sao có khi có thể nhớ có khi không nhớ?

Đáp: Có 3 nhân duyên có thể sinh niệm: 1. Thường tập. Do thường xuyên tập thân khẩu ý, như thấy trong mộng. 2. Tướng. Do tướng thuận nghịch, nhớ cảnh giống và không giống. 3. Trong trẻo. Do tâm lắng sạch, niệm liền được khởi. như đồ đựng nước sạch thấy được hình bóng của gương mặt. Nếu trái lại 3 đây thì không nhớ được.

Lại khi gần chết với lúc mới sinh bị nhiều khổ bức bách quên mất bản niệm nên không nhớ đời trước.

Lại nữa có 6 nhân duyên có thể sinh niệm.

Như kệ nói:

*Thuận nghịch và thường tập,
Hội tụ cùng một nơi,
Định lực và nhân lực,
Sáu đây là niệm nhân.*

Thuận là như thấy kia tương tự đưa trẻ liền nhớ con mình. Nghịch là do chạm xúc cái nóng mà nhớ cái lạnh xưa kia. Thường tập là như việc làm xuyên suốt tự nhiên nhớ. Hội tụ một nơi là như người trông thấy cây xoài mà nhớ vị chua của trái xoài. Định lực là như người được 3 minh nhớ việc đời trước. Nhân lực là như Thánh nhân và đại hạnh thiện nhân nhớ đời quá khứ.

Ông hỏi: Thế nào là Tam-ma-đề?

Đáp: Kinh nói tâm định trụ tĩnh là Tam-ma-đề.

Lại A-tì-đạt-ma Tạng nói có thể nhiếp giữ pháp không tán loạn là Tam-ma-đề.

Lại nữa tâm liên tục, gió dữ phiền não không thể lay động, như ngọn đèn trong nhà kín.

Lại nữa có 2 thứ Tam-ma-đề là thế gian và xuất thế gian. Thế gian là có thể sinh quả báo thế gian, cách ly với giác phần, có thể phục thượng tâm hoặc. Xuất thế gian là có thể khiến vượt lìa thế gian, tương ưng với giác phần, có thể nhỏ bỏ tùy miên hoặc. Nay luận này nói là xuất thế định.

Ông hỏi: Tướng như thế nào, dụng như thế nào, duyên như thế nào, nghĩa như thế nào?

Đáp: Tâm định trụ là tướng. Phục đối trị là dụng. Y nơi tâm học là duyên.

Lại nữa Tạng Luận nói: Nhất tâm là tướng. Không tán loạn là dụng. Bốn định là duyên. An tâm khiến ngay thẳng là nghĩa. Như người thợ bắn tên điều chỉnh mũi tên. Thế gian nói là mũi tên Tam-ma-đề. Đây nói là điều chỉnh thẳng mũi tên. Cũng vậy, điều chỉnh thẳng tâm liên tục gọi là Tam-ma-đề. Như kệ nói:

*Tâm nháy vọt tán động,
Khó giữ cũng khó ngăn.
Người trị điều chỉnh thẳng,
Như điều chỉnh mũi tên.*

Lại nữa có thể an tâm bình đẳng, ví như đánh xe khiến đi đường bằng phẳng tránh đường hiểm quanh co. Người tu quán hạnh cũng như vậy có thể đặt tâm nơi an ổn bình đẳng có thể ngăn các ác bất bình đẳng nên gọi là Tam-ma-đề.

Lại nữa tiêu trừ 5 thứ bệnh ngăn che, như người không có bệnh, gọi là Tam-ma-đề.

Ông hỏi: Nếu chính định là định thì người Tu-đà-hoàn phải không có dục sân. Nếu không vậy thì trái đạo lý?

Đáp: Sở đối trị định tại do đắc quả cho nên nghiệm ra là đắc định, ví như 5 căn.

Lại nữa vì chuyên tâm hướng định, ví như con ong tuy trói buộc chỗ ô uế nhưng tâm thích hoa sen, cho nên thường ở nơi có hoa. Thánh nhân cũng vậy, tuy ở dục trần tâm thích vắng lặng, cho nên biết thường tại định.

Lại nữa như người Tu-đà-hoàn tuy vô minh còn mà minh không mất.

Lại nữa như Phật Bà-già-bà tuy có giác quán không xuất tán tâm, vì thường tại định. Người Tu-đà-hoàn định cũng như vậy cho nên không trái đạo lý.

Hỏi: Tám phần Thánh đạo tuần tự như thế nào?

Đáp: Do có thể y vào lý quán Thánh để nên trước lập chính kiến. Đối với pháp sở quán chấp thị không bỏ. Tiếp đến lập chính giác. Từ đó tiếp theo lập chính ngôn, chính nghiệp, chính mạng. Nơi pháp sở quán là ly, là đắc. Tiếp theo lập tinh tiến. Đối với sở ly được vĩnh viễn không quên mất. Tiếp lập chính niệm, do niệm không mất. Đối với cảnh sở kiến tâm không tán động. Tiếp lập chính định.

Lại nữa nếu 8 pháp cùng khởi thì không thứ lớp, mà thứ lớp nói chẳng không có đạo lý. Nếu người muốn khởi Niết-bàn phải trước cầu chính kiến. Như người muốn đi ắt phải có mắt. Như chỗ kiến lý chấp thị lựa chọn. Tiếp lập chính giác. Như chỗ lựa chọn nói tiếp lập chính ngôn. Bởi vì sao? Nếu có ngôn ngữ, vì y nơi giác quán nên như nói mà làm. Tiếp lập chính nghiệp. Hai đây thanh tịnh. Tiếp lập chính mạng, người này trụ giới. Nếu khởi cần sách tiếp lập tinh tiến. Vì có tinh tiến thì niệm không mất, tiếp lập chính niệm. Do có niệm nên tâm không tán loạn, tiếp lập chính định.

Lại nữa A-tì-đạt-ma Tạng nói: Hành này lấy trí tuệ làm căn bản. Bởi vì sao? Bốn đế cảnh sâu, chẳng phải trí không thể hiểu rõ, cho nên trước lập chính kiến tâm xúc cảnh này. Tiếp lập chính giác. Do 2 phần này, trong 4 đế đối tự khiến biết. Tiếp lập chính ngôn. Do 2 phần trước như nói phát khởi hành. Tiếp lập chính nghiệp. Do 2 phần trước, miệng nói thân làm, thụ dụng 4 đế. Tiếp lập chính mạng. Thân tâm cần sách là tiến đế lý. Tiếp lập tinh tiến. Do tinh tiến này đối với cảnh 4 đế tâm dụng trong sạch. Tiếp lập chính niệm. Do chính niệm này, đối với cảnh 4 đế tâm và các pháp vĩnh viễn không tán động. Tiếp lập chính định. Lại nữa do chính kiến nên người quán hạnh này không sa vào trong tầng thượng mạn, có thể như thật phân biệt tự sở

đắc. Do chính giác phát khởi chính ngôn, tự sở đắc này có thể truyền đến người khác. Do chính ngôn này có thể lập, có thể phá, có thể quyết, khiến người khác tin có trí tuệ. Do có chính nghiệp nên thà bỏ mạng sống không phạm phi pháp. Cho nên khiến người khác tin có giới Thánh yêu thích. Y pháp như lượng cầu dùng 4 duyên. Do chính mạng khiến người khác tin có Thánh chủng tri túc.

Lại nữa do chính kiến chính giác và nhân chính ngôn có thể rỗng tiếng rỗng sự tử. Do chính nghiệp chính mạng có thể làm rõ nghĩa đã nói. Do chính tinh tiến chưa được khiến được, chưa diệt khiến diệt. Do có chính niệm khi chìm, khởi, bình thường, không quên 3 tướng, cho nên định không chướng ngại. Do có chính định diệt trừ định chướng, có thể dẫn 6 thông các đức cho nên sau đều giải thoát.

Lại nữa A-tì-đạt-ma Tạng nói: Do chính kiến nên nói tín căn, tín lực và dục. Bởi vì sao? Vì do có trí tuệ nên tín dục thành. Do tinh tiến nên có thể thâm nhiếp chính căn và tinh tiến căn lực giác phần. Do chính định nên nhiếp tâm như ý túc và định căn, định lực, hỷ, ý, xả định giác phần v.v... Vì ý nghĩa đó nên phải biết 37 phẩm là thâm nhiếp trong 8 đạo.

Lại nữa chính kiến và chính niệm là Tì-bà-xá-na phần. Do đây diệt vô minh cho nên tuệ giải thoát là quả. Các đạo phần khác thuộc Xa-ma-tha phần. Do đây lia dục nên tâm giải thoát là quả. Cho nên lược nói đạo có 2 phần: một là Tì-bà-xá-na, hai là Xa-ma-tha.

Lại nữa Tạng Luận nói: Chính ngôn, chính nghiệp, chính mạng 3 thứ là nhóm giới. Do có giới này nhờ bỏ gốc rễ sân ác. Chính giác, chính tinh tiến, chính định 3 thứ là nhóm định. Do đây nhờ bỏ gốc ác tham dục. Chính kiến, chính niệm 2 thứ là nhóm tuệ. Do đây nhờ bỏ gốc ác vô minh. Vì ý nghĩa này mà đạo có 3 phần.

Lại nữa đạo có 4: 1. Phương tiện đạo. Là do đây vô ngại đạo sinh. Vô ngại đạo trước đều gọi là phương tiện. 2. Vô ngại đạo. Là chính vì có thể trừ chướng ngại đối trị, vì hoặc không ngăn ngại nên

gọi là vô ngại. 3. Giải thoát đạo. Là giải thoát vô ngại đạo phá trừ các hoặc mới khởi gọi là giải thoát. 4. Thắng đạo. Là từ giải thoát đạo, còn lại các đạo sau đều gọi là thắng đạo.

Hỏi: Bốn thứ đây sao gọi là đạo?

Đáp: Do đây tiến đến Niết-bàn nên gọi là đạo.

Nếu vậy giải thoát và thắng sao gọi là đạo?

Đáp: Vì chủng loại của đạo, vì chuyên thắng khiến trước đến sau có thể đến vô dư Niết-bàn nên gọi là đạo.

Lại nữa có 4 thứ đạo: 1. Khổ đạo trí chậm. 2. Khổ đạo trí nhanh. 3. Lạc đạo trí chậm. 4. Lạc đạo trí nhanh. Lạc đạo, nghĩa là vì y chỉ 4 định đầy đủ các phần, vì định tuệ bình đẳng, vì hành vô công dụng. Vì ý nghĩa đó nên gọi là lạc đạo. Lại đây đều gọi là khổ đạo, nghĩa là y chỉ vị lai định, trung gian định, 3 không định v.v... Vì không đầy đủ các phần, định tuệ không đồng đẳng, hành có công dụng. Vị lai định là có tuệ mà ít định. Ba không là có định mà ít tuệ. Trung gian định là các phần không đầy đủ. Nên định tuệ đều ít. Vì ý nghĩa đó nên gọi là khổ đạo. Hai đạo này nếu người có tín căn gọi là hành chậm. Nếu người có trí căn được gọi là hành nhanh. Tám phần Thánh đạo này, về định và về căn nên có 4 hành.

Lại nữa Thánh đạo, hoặc cũng nói là 37 trợ giác.

Pháp gì gọi là giác? Tận trí, vô sinh trí gọi là giác. Do 3 loại người thành 3 phẩm giác. Nghĩa là Thanh Văn Bò-đề, Bích-chi Bò-đề và Vô thượng Bò-đề. Vì có thể diệt vô minh khiến không còn tàn dư cho nên là việc mình đã làm xong không còn làm nữa. Vì như thật giác nên gọi là giác.

Trợ, là 37 pháp đi theo trợ giúp cho tận trí, vô sinh trí nên gọi là trợ. Do tên gọi nên nói 37 chứ không do nơi thể. Nay luận này nói thể chỉ có 10 là tín, tinh tiến, niệm, định, tuệ, hỷ, khinh an, xả, giới và giác.

Các sư A-tì-đạt-ma nói thể có 11, tức khai giới là 2 đó là thân và khẩu.

Lại có sư A-tì-đạt-ma nói thể có 13, đó là đủ dục và tâm. Các pháp sở đắc đều là trợ giác. Có điều là 10 thứ đây thắng hơn nên đặc biệt nêu lên.

Nói 37 là 4 niệm xứ, 4 chính cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 8 Thánh đạo và 7 giác phần.

Hỏi: Bảy khoa trợ giác này an lập ở đâu?

Đáp: Có tất cả 4 vị là: 1. Sơ phát hành vị. 2. Thông đạt vị. 3. Kiến vị. 4. Tu vị.

Hỏi: Thứ lớp như thế nào?

Đáp: Người tu quán đã trụ nơi giới đã có thể hiểu rõ tội lỗi sinh tử và công đức Niết-bàn. Là quán 4 để sẽ không có phương tiện nào khác có thể hiểu biết tội lỗi và công đức này. Vì gồm nhiều cảnh tán loạn tâm nên khiến trụ một chỗ. Vì sinh đối trị đê bẹp 4 điên đảo nên khiến tâm như lý nhập quán 4 để. Vì vậy cho nên trước quán 4 niệm xứ.

Do đã quán 4 niệm xứ rồi các pháp khác có thể thủ xả. Vì thủ thiện xả ác cho nên tiếp tu hành chính cần được thành.

Do quán chính cần, các hoặc chướng đã sạch, trợ pháp đã lập, tâm tùy ý trụ cho nên tiếp lập 4 như ý túc.

Do định lực này, đối với cảnh không nghi, tâm có tăng thượng.

Do sức tin này nên đối với sự biếng trễ tâm có tăng thượng.

Do sức tinh tiến này mà được thiện tâm, có sự trợ giúp không chướng ngại, đối với cảnh không quên tâm có tăng thượng.

Do sức niệm này gồm tại một cảnh, trong cảnh không tán loạn tâm có tăng thượng.

Do sức định này như thật quán cảnh tâm có tăng thượng.

Do ngay nơi thể tăng thượng nên tiếp lập 5 căn. Năm căn này tăng trưởng đến tối thượng thượng phẩm nên các hoặc dưới không thể phá, các pháp thế gian khác không thể thắng, tâm vô lưu lần lượt duyên nên không thoái lui Thánh vị.

Vì ý nghĩa này tiếp lập 5 lực đã thấy kia đây được mắt, đã được con đường chân chính, đã được quyết tâm, đã được nhãn, đã được túc.

Do 5 lực nên được xuất thế hành, cho nên tiếp lập 8 Thánh đạo.

Do 8 Thánh đạo phá kiến đế hoặc rồi, được gần tận trí, vô sinh trí cho nên chuyển đạo này gọi là 7 giác phần. Cho nên lần lượt lập 37.

Bốn niệm xứ quán là sơ phát hành vị, tức giải thoát phần.

Bốn chính cần là nhẫn vị.

Bốn như ý túc là danh vị.

Năm căn là tướng vị.

Năm lực là đệ nhất pháp vị.

Cả 4 trên gọi là quyết liễu vị.

Tám Thánh đạo là kiến vị.

Bảy giác phần là tu vị.

Tận trí, vô sinh trí là cứu cánh vị.

Vì là quả không phải nhân cho nên không lập là đạo.

Lại nữa đạo này hoặc cũng nói là Phạm luân. Phạm luân là bánh xe Phạm do Phật Thế Tôn và đệ tử chuyển. Cho nên Thánh đạo này có 6 nghĩa vì đó như bánh xe:

1. Đi nhanh chóng. Nghĩa là hoặc 1 tâm, hoặc 12 tâm, hoặc 15 tâm, đi khắp 4 đế trong 3 cõi nên gọi là nhanh chóng.

2. Bỏ đây đến kia. Nghĩa là bỏ thể gian đến xuất thể gian.

3. Đi lên xuống. Nghĩa là hoặc ở pháp nhãn, hoặc ở loại nhãn v.v...

4. Từ đây đến kia. Nghĩa là từ thầy liên tục hiểu đến đệ tử liên tục hiểu.

5. Tương tự trục cãm vành bánh xe. Giới có 3 phần là trục xe. Chính kiến, chính giác, chính tinh tiến, chính niệm là cãm xe. Chính định là vành bánh xe.

6. Như Thánh luân vương. Chưa hàng phục thì có thể làm cho hàng phục. đã hàng phục rồi thì có thể bảo hộ. Do vô ngại đạo có thể làm hàng phục, giải thoát đạo có thể giữ gìn. Vì ý nghĩa này nên gọi là Phạm luân.

Lại nữa 8 Thánh này chính kiến có 5 phần, giới có 6 thứ là 3 nghiệp giáo vô giáo, tinh tiến có 9 phần, chính niệm có 8 phần, chính định cũng 8 phần. Thánh đạo này nếu nói rộng thì có 37 phần. Nếu nói trung bình thì có 8 phần. Nếu nói sơ lược thì hoặc 3 phần hoặc 2 phần.

Kệ nói:

*Nếu ai cầu Niết-bàn,
Diệt, ngừng và lìa thoát,
Phải thường hành tinh tiến,
Nghe, nghĩ, tu 4 để./.*

QUYỂN 4 HẾT, TRỌN BỘ

SỐ 1648
LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO
(Con đường giải thoát)

QUYỂN 1

*A-la-hán Ưu-ba-đề-sa tạo luận
 Tam tạng Tăng-già-bà-la dịch
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

Phẩm 1: NHÂN DUYÊN

Kính lễ Thế Tôn Ứng cúng Chính biến tri.

*Giới định trí tuệ,
 Vô thượng giải thoát.
 Tùy giác pháp này,
 Xứng danh Cô-đàm..*

Nếu ai muốn thoát khỏi các khổ nạn, lìa bỏ chấp trước, thành tựu thắng phần, tâm sợ sinh già chết, ưa điều thiện, ưa giải thoát đến cái vui Niết-bàn, thì đâu chưa đến bờ kia cũng có thể được đầy đủ. Rộng học Tu-đa-la, Tì-đàm và Tì-ni đó là con đường giải thoát tôi sắp nói. Xin hãy lắng nghe.

Hỏi: Sao gọi là giới?

Đáp: Giới nghĩa là oai nghi. Định là không loạn. Tuệ là tri giác. Giải thoát là lìa thoát ràng buộc. Vô thượng là vô lậu. Tùy giác là biết

được nghĩa. Pháp này là 4 Thánh pháp. Cồ-đàm là họ của Phật. Xứng danh là xứng đáng danh nghĩa Thế Tôn. Vì giới định tuệ là công đức giải thoát vượt trội, có thể đưa đến giải thoát cao tột nên gọi là vô lượng.

Sao gọi là con đường giải thoát?

Con đường giải thoát gồm có 5 thứ:

1. Phục giải thoát.
2. Bỉ phần giải thoát.
3. Đoạn giải thoát.
4. Khinh an giải thoát.
5. Ly giải thoát.

Sao gọi là phục giải thoát?

Là hiện tu hành dùng Sơ thiền đè bẹp các thứ ngăn che, gọi là phục giải thoát.

Bỉ phần giải thoát là hiện tu đạt được một phần định, giải thoát các kiến chấp.

Đoạn giải thoát là tu theo con đường xuất thế gian, diệt trừ các kết sử.

Khinh an giải thoát là như tâm an vui khi chứng được đạo quả.

Ly giải thoát là chứng đắc Vô dư Niết-bàn.

Con đường này đưa đến sự giải thoát hoàn toàn, là con đường đầy đủ dựa trên cơ sở tu tập giới, định, tuệ, nên được gọi là giải thoát đạo, tức con đường giải thoát.

Giờ đây, tôi sẽ nói về giải thoát đạo.

Hỏi: Nói giải thoát đạo để làm gì?

Đáp: Có người thiện muốn được giải thoát, nhưng vì không được nghe nói về giải thoát, không hiểu được phục giải thoát, không

hiểu phục giải thoát một cách đúng đắn, người ấy như một người mù không ai dẫn đường, một mình nơi đất nước xa lạ, chỉ gặp khổ sở không giải thoát, muốn được giải thoát mà chẳng do đâu.

Bởi vì sao? Giải thoát là nhân. Như Phật có nói: Như có chúng sinh trần lao vi tế, mà không được nghe pháp, nên rốt cuộc phải thoái chuyển.

Lại như Phật nói: Các Tì-kheo, có 2 nhân, 2 duyên, khiến sinh chính kiến.

Những gì là hai? Một là nghe người khác nói. Hai là tự mình lý giải bằng chính niệm. Cho nên nói giải thoát.

Không được phục giải thoát, là để sinh chán lìa cho nên nói giải thoát. Không được phục giải thoát một cách đúng đắn, là để trừ được con đường bất chính, mà chứng đắc con đường thiên định giải thoát, cho nên nói giải thoát. Như người đi xa được gặp người khéo dẫn đường.

Người được phục giải thoát đạo này thành tựu đầy đủ 3 ấm.

Những gì là ba?

Là giới ấm, định ấm, và tuệ ấm.

Sao gọi là giới ấm?

Là chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng và các chủng loại trong đó. Hoặc các thứ công đức của giới trong giới ấm.

Sao gọi là định ấm?

Là chính tinh tiến, chính niệm, chính định và các chủng loại trong định ấm. Hoặc các thứ công đức ở trong định.

Sao gọi là tuệ ấm?

Là chính kiến, chính tư duy và các chủng loại trong đó. Hoặc các thứ công đức trong tuệ.

Đó gọi là thành tựu đầy đủ 3 âm.

Con đường phục giải thoát cần phải học 3 môn học. Đó là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Có giới là có tăng thượng giới học. Có định là có tăng thượng tâm học. Có tuệ là có tăng thượng tuệ học.

Lại nữa có giới giới học là có giới tăng thượng giới học. Có định tâm học là có định học tăng thượng tâm học. Có tuệ tuệ học là có tuệ tăng thượng tuệ học.

Hỏi: Sao gọi là giới học?

Đáp: Là có giới tướng gọi là giới học. Đạt phần giới gọi là tăng thượng giới học.

Lại nữa phạm phu giới là giới học, Thánh giới là tăng thượng giới học.

Hỏi: Sao gọi là tâm học?

Đáp: Là định cõi Dục.

Hỏi: Sao gọi là tăng thượng tâm học?

Đáp: Định cõi Sắc và định cõi Vô sắc là tăng thượng tâm học.

Lại nữa có định tướng tâm học, đạt phần định và đạo định là tăng thượng tâm học.

Sao gọi là tuệ học?

Thế gian trí là tuệ học. Tứ đế, tương tự trí và đạo trí là tăng thượng tuệ học.

Như Thế Tôn vì người độn căn nói tăng thượng giới học, vì người trung căn nói tăng thượng tâm học, vì người lợi căn nói tăng thượng tuệ học.

Hỏi: Học là nghĩa thế nào?

Đáp: Học cái phải học, học cái tăng thượng học, học đến không còn chỗ để học mới gọi là học. Học 3 cái học như vậy gọi là phục giải thoát đạo.

Do 3 thứ học này thành tựu thanh tịnh nên gọi là giới thanh tịnh, tâm thanh tịnh và tri kiến thanh tịnh. Do đó giới là giới thanh tịnh, định là tâm thanh tịnh, tuệ là tri kiến thanh tịnh.

Giới thì tẩy sạch cấu bẩn của sự phạm giới, định thì tẩy sạch cấu bẩn của phiền não trói buộc. Đó là tâm thanh tịnh. Tuệ thì trừ cấu bẩn của vô tri. Đó gọi là tri kiến thanh tịnh.

Lại nữa giới trừ cấu bẩn của ác nghiệp, định trừ cấu bẩn của triền, tuệ trừ cấu bẩn của sử. Ba thanh tịnh như vậy là phục giải thoát đạo.

Lại nữa lấy 3 thứ thiện phục đạo là sơ thiện trung thiện và hậu thiện, lấy giới làm sơ thiện, lấy định làm trung thiện, lấy tuệ làm hậu thiện.

Vì sao giới là sơ thiện?

Người có tinh tiến thì thành tựu không thoái lui. Do không thoái lui nên vui mừng, do vui mừng nên phấn khởi, phấn khởi nên thân khoan khoái, do thân khoan khoái nên vui, do vui nên tâm định. Đó gọi là sơ thiện. Định là trung thiện là vì định thì tri kiến như thật. Tuệ là hậu thiện là vì đã tri kiến như thật nên nhàm chán, do nhàm chán nên lià dục, do lià dục nên giải thoát, do giải thoát nên được tri kiến tự nhiên.

Như vậy thành tựu 3 thiện đạo, đã được phục giải thoát đạo, được 3 thứ vui là cái vui không tội lỗi, cái vui tĩnh lặng và cái vui chính giác.

Do giới được cái vui không tội lỗi, do định được cái vui tĩnh lặng, do tuệ được cái vui chính giác. Thành tựu 3 cái vui như vậy là phục giải thoát đạo, xa lià nhị biên đầy đủ trung đạo.

Do giới này trừ các dục bám dính, vui trong cái vui không tội lỗi.

Do định trừ được sự bực nhược của thân, tăng thêm sự hỷ lạc trong cái vui tịch diệt.

Do tuệ phân biệt 4 đế, đầy đủ trung đạo, ái lạc sâu sắc trong cái vui chính giác. Xa lìa nhị biên được đầy đủ trung đạo là phục giải thoát đạo.

Do giới trừ các nẻo ác. Do định trừ cõi Dục. Do tuệ trừ tất cả các hữu.

Với giới tu nhiều, với định, tuệ tu ít thì thành Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm.

Với giới định tu nhiều, với tuệ tu ít thì thành A-na-hàm.

Tu đầy đủ 3 thứ thì thành A-la-hán giải thoát cao tột.

Phẩm 2: PHÂN BIỆT GIỚI

Hỏi: Sao gọi là giới? Tướng của giới như thế nào? Mùi vị của giới như thế nào? Giới khởi như thế nào? Thế nào là đủ giới? Giới có công đức gì? Giới nghĩa, giới hạnh như thế nào? Có gì khác biệt? Có bao nhiêu giới? Giới khởi từ đâu? Giới trước tiên, giữa và sau như thế nào? Có bao nhiêu pháp chương ngại giới? Có bao nhiêu nguyên nhân của giới? Có bao nhiêu thứ giới? Làm sao cho giới được thanh tịnh? Có bao nhiêu nhân duyên khiến giới an trụ?

Đáp: Sao gọi là giới? Là tứ giới, oai nghi giới, và hộ giới.

Thế nào là tứ giới?

Là tư duy suy nghĩ rằng ta không làm ác, làm thì tự mình chịu.

Thế nào là oai nghi giới?

Là lìa những trường hợp phạm tội.

Thế nào là hộ giới?

Là nếu người có giữ giới thì thân miệng không tội lỗi.

Lại nữa có nghĩa là đoạn, có oai nghi với tất cả thiện pháp đều là giới. Như A-tì-đàm nói: Dùng pháp xuất ly đoạn trừ các dục là giới có thể lìa ác.

Tư giới, hộ giới, oai nghi giới là lấy sự không sân giận đoạn diệt sân giận.

Lấy tướng sáng suốt đoạn trừ sự ham ngủ.

Lấy sự không tán loạn đoạn trừ sự kích động vui chơi.

Lấy sự thấy pháp đoạn trừ nghi hối.

Lấy trí đoạn vô minh.

Lấy niềm vui đoạn trừ cái không vui.

Lấy Sơ thiền trừ 5 thứ ngăn che.

Lấy Nhị thiền trừ giác quán.

Lấy Tam thiền trừ hỷ. Lấy Tứ thiền trừ lạc.

Lấy không nhập định trừ tưởng về sắc, cho đến sân giận và các thứ tưởng.

Lấy thức nhập định trừ hư không.

Lấy định vô sở hữu trừ tưởng thức nhập.

Lấy định phi tướng phi phi tướng trừ vô sở hữu.

Lấy cái thấy vô thường trừ tưởng về thường.

Lấy cái thấy khổ trừ tưởng cho là vui.

Lấy cái thấy vô ngã trừ tưởng có ngã.

Lấy cái thấy bất tịnh trừ tưởng cho là tịnh.

Lấy cái thấy tội lỗi mà trừ tưởng ái dục.

Lấy cái thấy không nhiễm trừ tưởng tham dục.

Lấy cái thấy tịch diệt trừ tập.

Lấy cái thấy tiêu diệt trừ tướng sâu dày.

Lấy cái thấy phân chia trừ tướng đoàn tụ.

Lấy cái thấy sinh diệt trừ tướng thường còn.

Lấy cái thấy vô tướng trừ tướng có tướng.

Lấy cái thấy vô tác trừ tướng tạo tác.

Lấy cái thấy không trừ tướng nhập.

Lấy cái thấy tăng thượng tuệ trừ chấp trước.

Lấy cái tri kiến như thật trừ chấp vô minh.

Lấy cái thấy tội lỗi mà trừ chấp nơi ở.

Lấy cái thấy quán tướng kia trừ chẳng quán kia.

Lấy cái thấy chuyển tán trừ chấp hòa hợp.

Lấy Tu-đà-hoàn đạo trừ kiến nhất xứ phiền não.

Lấy tư-đà-hàm đạo trừ thô phiền não.

Lấy A-na-hàm đạo trừ phiền não vi tế.

Lấy A-la-hán đạo trừ tất cả phiền não.

Đó gọi là hộ giới, tư giới, oai nghi giới. Tất cả nói chung là giới.

Giới tướng là gì?

Là lấy oai nghi phá trừ phi oai nghi.

Hỏi: Thế nào là phi oai nghi?

Đáp: Phi oai nghi là phá pháp.

Có 3 thứ phá pháp:

1. Phá pháp Ba-la-đề-mộc-xoa

2. Phá duyên pháp.

3. Phá căn pháp.

Sao gọi là phá pháp Ba-la-đề-mộc-xoa?

Là không hổ không thẹn, lia bỏ lòng tin nơi Như Lai.

Sao gọi là phá duyên pháp?

Là quá đáp ứng cho sự trau chuốt thân hình mà không biết đủ.

Sao gọi là phá căn pháp?

Là không đóng cửa 6 căn, xa lia chính niệm và tuệ. Do 3 thứ này che lấp là phi oai nghi, gọi là giới tướng.

Thế nào là vị, là khởi, là túc xứ?

Niềm vui không tội lỗi là vị, không lo buồn là khởi, 3 thiện hành là túc xứ.

Lại nữa niềm vui vượt trội là vị, không hối tiếc là khởi, che các căn là túc xứ.

Thế nào là công đức của giới?

Không hối là công đức của giới. Như Thế Tôn bảo A-nan: Không hối giới thiện là nghĩa của công đức.

Lại nữa gọi giới là niềm vui không tội lỗi, là chủng tính thượng đẳng, là của cải làm cho giàu sang, đất của người trì giới ở là đất Phật, ở đất Phật thì tắm không dùng nước, là hương khắp xông, là bóng theo hình, là dù lọng có thể che, là dòng giống Thánh, là học vô thượng, là con đường đưa đến nẻo thiện.

Nếu ai có giới thì vì có giới nên được không lo sợ, làm vinh hiển thân thuộc bạn bè, được hàng Thánh giả thương yêu, là chỗ dựa của thân thuộc bạn bè, là khéo trang nghiêm, là thống lãnh các hạnh, là nơi công đức, là nơi cúng dường, là nơi đồng học quý trọng. Trong

các thiện pháp không có gì sợ hãi, không thoái lui, thành tựu tất cả ý nguyện thanh tịnh, dầu chết cũng không quên, làm phương tiện đưa đến cái vui phục giải thoát. Công đức của giới vô biên như vậy.

Thế nào là nghĩa của giới?

Là nghĩa lạnh, là nghĩa tăng thượng, là nghĩa hành, là nghĩa tự tính, là nghĩa tính khổ vui tương ưng.

Lại có nghĩa là đầu, là lạnh, là an.

Sao gọi đầu là nghĩa của giới?

Là như người không có đầu thì tất cả các căn không thể thu nhận trần, bấy giờ gọi là chết. Cũng như vậy, Trì-kheo lấy giới làm đầu. Nếu đầu đã đứt là mất hết các thiện pháp. Phật pháp gọi đó là chết. Giới gọi là đầu với nghĩa như vậy.

Sao gọi lạnh là nghĩa của giới?

Là như chà xát gỗ chiên đàn lạnh tốt, trừ được thân nhiệt sinh dễ chịu. Cũng như vậy, giới là gỗ chiên đàn lạnh tốt có thể tiêu diệt tâm nóng nảy lo sợ của sự phạm giới, thành tựu hoan hỷ. Đó là nghĩa lạnh của giới.

Sao gọi an là nghĩa của giới?

Là người có giới đức thì tác phong oai nghi nghiêm túc không sinh sợ hãi. Đó là nghĩa an của giới.

Có gì sai khác với hạnh?

Hạnh là tu hành tinh tiến, thụ trì pháp Đầu-đà. Đó là hạnh không phải là giới, mà giới thì cũng là hạnh. Giới là thụ oai nghi, cũng gọi là hạnh.

Giới có mấy thứ?

Có 3 thứ giới: giới thiện, giới bất thiện và giới vô ký.

Sao gọi là giới thiện? Là thân nghiệp khẩu nghiệp thiện và chính mạng, không tội lỗi nhờ đó được quả báo tốt.

Sao gọi là giới bất thiện?

Là thân nghiệp khẩu nghiệp ác và sống tà mạng có tội lỗi nên quả báo không khả ái.

Sao gọi là giới vô ký?

Là thân khẩu nghiệp vô lậu và sống thanh tịnh, không có tội lỗi cũng không quả báo.

Sao gọi là khởi giới?

Là tâm thiện sinh khởi là giới thiện, tâm bất thiện sinh khởi là giới bất thiện, tâm vô ký sinh khởi là giới vô ký.

Giới ban đầu khoảng giữa và sau là thế nào?

Ban đầu là thụ giới, khoảng giữa là không phạm không lỗi và sau là hoan hỷ.

Có bao nhiêu pháp làm chướng ngại giới? Có bao nhiêu pháp làm nhân cho giới?

Có 34 pháp làm chướng ngại đạo 34 pháp là nhân cho giới. Đó là tức giận, sầu não, che giấu, nóng nảy, bủn xỉn, ganh ghét, giả dối, gièm siểm, uất hận, tranh giành, kiêu ngạo, cao ngạo, ngạo mạn, phóng túng, lười biếng, tham dục, không biết đủ, không theo trí, không chính niệm, ác khẩu, bậy xấu, trí hiểu biết xấu, kiến giải xấu, bất nhẫn, không tin, không hổ, không thẹn, nuông chiều thân miệng, lân la thế tục, gần gũi đàn bà, không kính trọng thầy học, không kèm chế các căn, không tiết giảm ăn uống, đầu hôm nửa đêm cuối đêm lười biếng không ngồi thiền tụng kinh. Ba mươi bốn pháp này làm chướng ngại đạo. Nếu mỗi mỗi làm chướng ngại thì giới hạnh không thành tựu viên mãn. Nếu giới hạnh không thành tựu đầy đủ thì ắt bị thoái lui mất.

Nếu đối trị lại 34 pháp này thì đó là nhân của giới.

Có bao nhiêu thứ giới?

Có 2 thứ, 3 thứ, 4 thứ.

Hai thứ là gì?

Là tính giới và chế giới.

Thân miệng làm những điều mà Phật cấm không cho làm, đó thuộc về tính giới.

Thân miệng có thể làm những điều mà Phật không cho làm, đó thuộc về chế giới.

Tính giới thì lấy tín, tinh tiến, có thể làm cho đầy đủ. Chế giới thì lấy tín, niệm, trì, có thể khiến đầy đủ.

Lại nữa giới có 2 thứ là thoái giới và đắc giới.

Sao gọi là thoái? Là có thể diệt mất giới thành phi giới.

Sao gọi là đắc giới? Là được các thiện pháp, trừ các pháp phi giới như trừ bóng tối. Do đoạn trừ phi giới lia các nẻo ác. Do được chính giới có thể đến các nẻo thiện. Do đoạn trừ phi giới được thành tựu trụ phần.

Lại nữa giới có 2 thứ là thế giới và xuất thế giới.

Sao gọi là xuất thế giới? Là như giới đạt được quả của Thánh đạo là giới xuất thế gian, ngoài ra là giới thế gian. Do giới thế gian thành tựu nên có đầy đủ. Do giới xuất thế gian thành tựu mới có thể giải thoát.

Lại nữa giới có 2 thứ là có hạn lượng và không có hạn lượng. Giới không đầy đủ là giới có hạn lượng. Nếu giới đầy đủ như Phật đã chế là giới không có hạn lượng.

Lại nữa giới có 2 thứ là có biên giới và không biên giới.

Sao gọi là có biên giới? Là như có người vì lợi thế gian là hơn, vì bạn bè thân thích, vì thân mình, vì mạng sống, vì muốn vượt quá chỗ nương cậy mà thụ giới. Giới đó lấy lợi dưỡng làm biên giới, tiếng khen là biên giới, thân làm biên giới, mạng làm biên giới.

Sao gọi là không biên giới? Là Ti-kheo vì lợi ích xuất thế gian, vì làm hơn, vì thân, vì mạng, đúng như pháp thụ giới không khởi tâm vi phạm hướng chỉ là cố ý phạm giới. Đây gọi là giới không có biên giới.

Lại nữa giới có 2 thứ là có chỗ dựa và không có chỗ dựa.

Sao gọi là có chỗ dựa? Là có tương ưng giới dựa vào ái, giới trộm tương ưng giới dựa vào kiến chấp, khen mình chê người khác tương ưng giới dựa vào mạn mà khởi.

Những giới có chỗ dựa này nếu thành tựu giải thoát mà thụ dụng là giới không có chỗ dựa. Nếu là giới có chỗ dựa thì đó chẳng phải là thứ mà người trí tuệ ưa thích. Nếu là giới không chỗ dựa mới là chỗ ưa thích của người trí tuệ.

Lại nữa giới có 2 thứ là giới của hàng mới học Phạm hạnh và giới vi tế.

Sao gọi là mới bắt đầu Phạm hạnh? Là giới bao gồm chính nghiệp, chính ngữ, chính mạng. Đó gọi là bắt đầu của Phạm hạnh.

Có bao nhiêu học giới khác gọi là khinh giới.

Lại nữa giới có 2 thứ là hữu tâm tương ưng và vô tâm tương ưng.

Sao gọi là hữu tâm? Là mới học Phạm hạnh.

Sao gọi là vô tâm? Là các khinh giới khác.

Thanh Văn mới bắt đầu Phạm hạnh kiên trì các giới trên, do đó đối với các khinh giới này có thể phạm có thể khởi. Bởi vì sao? Vì Phật đã không nói điều này chương ngại giải thoát.

Lại nữa có 2 thứ giới là giới không phạm và giới thanh tịnh.

Sao gọi là không phạm? Đó là giới Thanh Văn.

Sao gọi là giới thanh tịnh? Đó là giới của Phật và Duyên Giác.

Lại nữa giới có 2 thứ là thời phần giới và tận hình giới. Thụ một thời gian ngắn không trọn đời gọi là thời phần giới. Bắt đầu theo thầy phát nguyện thụ cho đến suốt đời gọi là tận hình giới. Thời phần giới thì quả báo có thời hạn. Tận hình giới thì quả báo không thời hạn.

Ba thứ là gì? Là chận đứng các ác không phạm, thụ rồi không phạm, đoạn dứt không phạm.

Thế nào là chận đứng các ác không phạm? Là tuy chưa thụ, hoặc không thuộc phạm vi hành trì của giới đã thụ nhưng không sinh tâm vi phạm. Đó gọi là chận đứng các ác không phạm.

Thế nào là thụ rồi không phạm? Là từ khi thụ giới rồi không phạm trở lại. Đó gọi là thụ rồi không phạm.

Thế nào là đoạn dứt không phạm? Là Thánh nhân dùng Thánh đạo đoạn các nhân ác. Đó là đoạn dứt không phạm.

Lại nữa giới có 3 thứ là xúc giới, bất xúc giới và ý giới.

Thế nào là xúc? Là vừa mới thấy tướng hữu vi liền sinh ái là xúc. Là giới thiện của phạm phu dùng để vào đạo gọi là vô xúc giới.

Thế nào là ý giới? Là giới A-la-hán.

Lại nữa có 3 thứ là giới nương vào thế gian, giới nương vào bản thân, giới nương vào chính pháp.

Thế nào là giới nương vào thế gian? Là nếu người vì lo sợ nương theo ý thế gian để trừ các pháp ác, đó là nương vào thế gian.

Thế nào là giới nương vào bản thân? Là nếu người vì sợ sệt mà nương vào thân mạng để trừ các pháp ác, đó là nương vào bản thân.

Thế nào là nương vào chính pháp? Là nếu người sợ hãi mà nương nhờ chính pháp trừ các bất thiện, đó gọi là nương nhờ chính pháp.

Lại nữa giới có 3 thứ là sở nguyện không đồng, sở nguyện đồng đều và không có sở nguyện.

Thế nào là sở nguyện không đồng? Là thụ giới mà gây khổ não cho người khác, đó là sở nguyện không đồng.

Thế nào là sở nguyện đồng đều? Là thụ giới vì được niềm vui hiện tại và giải thoát về sau, đó là sở nguyện đồng đều.

Thế nào là không có sở nguyện? Là thụ giới mà không ăn năn vì đã làm lợi ích cho người khác, đó là không có sở nguyện.

Lại nữa giới có 3 thứ là giới thanh tịnh, giới không thanh tịnh và giới có nghi ngờ.

Thế nào là giới thanh tịnh? Có 2 nhân duyên khiến giới thành thanh tịnh: một là không phạm, hai là phạm rồi có thể sám hối. Đó là giới thanh tịnh.

Thế nào là giới không thanh tịnh? Có 2 nhân duyên khiến giới không thanh tịnh: một là tự cố ý phạm, hai phạm rồi không sám hối. Đó là giới không thanh tịnh.

Thế nào là giới có nghi ngờ? Có 3 nguyên nhân khiến có nghi ngờ: một là không phân biệt nơi chốn, hai là không phân biệt sự vi phạm, ba là không phân biệt chính hạnh. Đó là giới có nghi ngờ.

Nếu người tu thiền, biết giới không thanh tịnh mà hổ thẹn sâu sắc thì được niềm vui thanh tịnh. Lại như có nghi ngờ mà hiện biết tội lỗi thì được an lạc.

Lại nữa giới có 3 thứ là: học, vô học và phi học phi vô học.

Thế nào là học? Là giới của 7 người học.

Thế nào là vô học? Là giới của A-la-hán.

Thế nào là phi học phi vô học? Là giới của phàm phu.

Lại nữa giới có 3 thứ là giới sợ, giới lo và giới si.

Thế nào là sợ? Là có người sợ tội không dám làm ác, đó là giới sợ,

Thế nào là lo? Là như người lo nghĩ nhớ đến người thân mà sinh sầu khổ, vì sầu khổ nên không khởi việc làm ác, đó là giới lo.

Thế nào là giới si? Là có người thụ giới bò, giới chó, đó là giới si. Nếu thành tựu giới si thì thành bò thành chó, nếu không thành thì đọa địa ngục.

Lại nữa giới có 3 thứ là hạ, trung và thượng.

Thế nào là hạ? Là khi tiếp xúc thượng phiền não, thượng thượng phiền não, đại phiền não không biết đủ chỗ nhiễm, đó là giới hạ.

Thế nào là trung? Là khi tiếp xúc phiền não vi tế biết đủ chỗ nhiễm, đó là giới trung.

Thế nào là thượng? Là không tiếp xúc vẫn biết đủ chỗ nhiễm, đó là thượng giới.

Thành tựu viên mãn giới hạ thì đầy đủ làm người. Thành tựu viên mãn giới trung thì đầy đủ làm trời. Thành tựu viên mãn giới thượng thì được giải thoát.

Lại nữa giới có 4 thứ là thoái phần, trụ phần, thắng phần và đạt phần.

Thế nào là thoái phần? Là không loại trừ các chương ngại của đạo, xa lìa người tinh tiến, biết mà cố phạm, phạm rồi che giấu, đó gọi là thoái phần.

Thế nào là giới trụ phần? Là với giới thành tựu không khởi phóng túng, không sinh kiến tịch diệt là thành tựu trụ phần.

Với giới định thành tựu viên mãn không khởi phóng túng, không sinh kiến tịch diệt là thành tựu thắng phần.

Với giới định thành tựu viên mãn không khởi tâm phóng túng sinh khởi kiến tịch diệt, là thành tựu đạt phần.

Lại nữa giới có 4 thứ là giới Tỳ-kheo, giới Tỳ-kheo-ni, giới không cụ túc và giới tại gia.

Thế nào là giới Tỳ-kheo? Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi là giới Tỳ-kheo.

Thế nào là giới Tỳ-kheo-ni? Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi là giới Tỳ-kheo-ni.

Sa-di, Sa-di-ni 10 giới và giới Thức-xoa-ma-ni là giới không cụ túc.

Năm giới của Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, và 8 giới là giới tại gia.

Lại nữa giới có 4 thứ là tính giới, hành giới, pháp chí giới và sơ nhân giới.

Thế nào là tính giới? Giới của Uất-đan-việt là tính giới. Đó là giới tự nhiên.

Thế nào là hành giới? Các pháp của ngoại đạo, quốc gia, chủng tộc chế định là hành giới.

Thế nào là pháp chí giới? Giới của Bồ-tát nhập thai gọi là pháp chí giới.

Thế nào là sơ nhân giới? Giới của Bồ-tát và Ma-ha Ca-diếp gọi là sơ nhân giới.

Lại nữa giới có 4 thứ là giới giới, tập giới, diệt giới và diệt đạo cụ túc giới.

Thế nào là giới giới? Có 2 thứ giới là giới thiện và giới bất thiện, đó gọi chung là giới giới.

Thế nào là tập giới? Là thiện tâm tập hợp giới thiện, tâm bất thiện tập hợp giới bất thiện, gọi chung là tập giới.

Thế nào là diệt giới? Là được giới thiện diệt giới bất thiện, được A-la-hán diệt giới thiện. Đó là diệt giới.

Thế nào là diệt đạo cụ túc giới? Là 4 chính cần. Đó gọi là diệt đạo cụ túc giới. Như vậy nếu chỉ phân biệt hiểu rõ thụ trì 4 pháp đó là tinh tiến không phải chân thật trì giới mà chỉ gọi là chính cần.

Lại nữa giới có 4 thứ là Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi giới, mạng thanh tịnh giới, căn oai nghi giới và duyên tu giới.

Thế nào là Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi giới? Là Tì-kheo thụ trì Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi giới, thụ giới này rồi bất luận ở, đi, đi đến nơi đâu đều được cụ túc, lo sợ đến tội nhỏ, học tập tất cả giới luật phải học. Khi đó Tì-kheo này được gọi là sư pháp Tì-kheo. Sư pháp Tì-kheo đồng thụ trì giới phạm phu thiện như nhau.

Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi giới còn bao gồm giới hữu học, giới vô học và giới bất động pháp. Nói Ba-la-đề-mộc-xoa tức là giới khởi, là bắt đầu, là thực hành, là giữ gìn, là oai nghi, là thoát, là không trói buộc v.v... là tất cả pháp, do đó cũng gọi là chính thụ thiện pháp.

Nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa là hộ trì thân khẩu nghiệp, là hộ trì oai nghi, là thành tựu trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi. Trụ là nhiếp hộ 4 oai nghi. Các hạnh đầy đủ là Ba-la-đề-mộc-xoa còn bao gồm hành và phi hành.

Thế nào là phi hành?

Là nếu có Tì-kheo đối với ai đó hoặc cho gậy tre, hoặc cho lá cây, hoa, quả, hoặc cho tắm xĩa răng, nước tắm, hoặc mua bán tốt xấu, hoặc đùa cợt vui chơi, hoặc đua nịnh để tiến thân, hoặc ngược xuôi chiêu tập hội hè. Những hành vi như thế Phật ngăn cấm. Đó là sống tà mạng đều là hành vi phi pháp.

Lại nữa có 2 thứ hành vi phi pháp là hành vi phi pháp do thân làm và hành vi phi pháp do miệng nói.

Thế nào là hành vi phi pháp do thân làm?

Là như có Tì-kheo có tâm khinh mạn, trong chúng Tăng không kính trọng các bậc Đại đức, không xem ai ra gì, đi trước ngôi trên, mặc áo đi giày da, cử chỉ thô tháo, vỗ vai nói cười bỡn cợt, quấy rối làm phiền mọi người, đảo lộn trật tự lớn nhỏ, hoặc đốt củi đun nấu trong nhà tắm, đóng cửa mở cửa không lên tiếng hỏi han, hoặc xuống sông thì xuống nước trước, uốn éo mình mẩy một cách thô bỉ, hoặc vào nhà người thì buông tuồng từ nhà trước ra nhà sau, đứng ngôi không ngôi thứ, hoặc ở chỗ vắng đùa bỡn với phụ nữ, rờ rẫm xoa đầu gái trẻ. Đó là những lỗi của hành vi phi pháp.

Thế nào là hành vi phi pháp do miệng làm?

Là như có Tì-kheo tâm chẳng kính sợ, chẳng hỏi ý bậc tôn túc mà tự tiện thuyết pháp, hoặc giảng Ba-la-đề-mộc-xoa, hoặc vừa vỗ vai người khác vừa nói, hoặc vào nhà lạ mà hỏi nữ chủ nhân tên họ là chi, có cái gì ăn không, ta đang muốn ăn v.v... ngôn ngữ như vậy là hành vi phi pháp thuộc về miệng làm. Tất cả mọi sự phạm giới đều là hành vi phi pháp.

Thế nào là hành?

Hành là trái với phi hành.

Lại nữa Tỳ-kheo có tâm cung kính, biết hổ thẹn, thành tựu oai nghi không chỗ nào thiếu sót, giữ gìn các căn, ăn uống tiết độ, đầu hôm cuối đêm chẳng thường ngủ nghỉ, có trí tuệ, có trí túc, không chạy theo thế tục, phát tâm mạnh mẽ, kính trọng bạn đồng học. Đó gọi là hành.

Hành xứ là gì? Là nơi lui tới. Có 2 loại hành xứ là nơi không nên lui tới và nơi có thể lui tới.

Nơi không nên lui tới là gì?

Là nếu Tỳ-kheo vào nhà gái giang hồ, nhà đàn bà góa, nhà gái trinh, nhà ái nam, tinh xá Tỳ-kheo-ni, và các quán rượu, thân cận

quốc vương, đại thần, Sa-môn ngoại đạo, bạn bè phi pháp những kẻ chẳng có tín tâm, chẳng làm lợi ích cho dân chúng và bị dân chúng hết sức oán ghét. Đó là những nơi chẳng nên lui tới. Như Phật có nói, Tỳ-kheo chẳng nên lui tới nơi phi Phạm hạnh.

Thế nào là nơi phi Phạm hạnh? Có thể biết là nơi buôn bán bán hương.

Lại nữa có 3 thứ hành xứ là: hành xứ nương tựa, hành xứ giữ gìn và hành xứ ràng buộc.

Thế nào là hành xứ nương tựa? Là người bạn lành có đầy đủ 10 công đức, nương tựa nơi công đức này mà được nghe điều chưa nghe, nghe rồi hiểu thêm rộng, đoạn trừ nghi ngờ hối tiếc, chính kiến trong trắng, có thể theo pháp học, tín tâm sâu sắc mạnh mẽ, tăng trưởng thêm giới hạnh và trí tuệ, niệm niệm tăng trưởng. Đó là nơi hành xứ đáng nương tựa.

Thế nào là hành xứ giữ gìn? Là nếu có Tỳ-kheo phải vào nhà ai, hay đi vào làng xóm thì mắt nhìn xuống đất phía trước chẳng quá một tâm, dung nghi chỉnh tề, mọi người thấy đều kính nể, không nhìn voi, ngựa, xe cộ cùng trai gái đi dự hội, không ngắm trông cung điện, ngõ hẻm đường sá, không ngẩng đầu nhìn 4 phía, đó là biết giữ gìn khi đi lại. Đó gọi là hành xứ giữ gìn.

Thế nào là hành xứ ràng buộc? Như Phật nói, nếu Tỳ-kheo lưu trú nơi gia cảnh của mình, đó là hành xứ ràng buộc.

Đó gọi là hành. Hành xứ này thành tựu gọi là hành xứ đầy đủ.

Nói lo sợ đến cả tội nhỏ có nghĩa là ta lo sợ cả đến những lỗi nhỏ nhất sợ phạm phải trong khi tu học. Đó là lo sợ cả tội nhỏ.

Lại nữa có thuyết cho rằng, nếu khởi tâm bất thiện, đó là lỗi nhỏ. Đối với lỗi nhỏ đó, thấy tai họa do lỗi gây ra nên sinh tâm lìa xa tội. Đó là biết thấy lo sợ cả về tội nhỏ.

Nói thụ học những điều phải học, vậy phải học là những gì? Đó là 7 nhóm oai nghi, tức là cần phải tu học tất cả những điều phải học. Đó gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa oai nghi giới.

Hỏi: Sao gọi là thanh tịnh giới?

Đáp: Là không phạm tà mạng.

Thế nào là tà mạng?

Là có tướng biếng nhác, dua nịnh, hiện tướng giận dữ mắng nhiếc để thí mà mong được thí trở lại.

Thế nào là biếng nhác? Biếng nhác có 3 trạng thái là nghĩ kế muốn được, muốn được 4 việc cúng dường, và giả hiện oai nghi tự khoe khoang.

Nếu có Tỳ-kheo ôm tâm xấu ác, tham lợi tiền bạc, nhường áo quần tốt đẹp cầu lấy thứ thô xấu làm như không muốn có thứ tốt, hay giả ra vẻ vì thương xót người mà nhận tứ sự cúng dường của người ấy. Đó là nghĩ kế gạt gẫm về sự hoá duyên.

Nếu có Tỳ-kheo ôm tâm xấu ác, tham lợi, giả hiện oai nghi, rằng ta nhập thiền định cần được cúng thí để đọc tụng kinh điển. Đó là biếng nhác về oai nghi.

Nếu có Tỳ-kheo tham dục dối gạt nói với kẻ khác rằng ta chứng đắc Thánh pháp, an trú trong tĩnh lặng, hoặc được nhập sâu thiền định hiện bày tướng hơn người, vì tham lợi mà quá tự đề cao. Đó là biếng nhác.

Như tâm niệm giả dối nêu điều lành để tán dương, mua bàn chải đũa tốt xấu diều cợt khôi hài để đem lợi về mình, đó là dua nịnh.

Thế nào là hiện tướng? Là dựa vào sự lợi lộc mà nói pháp để mong cầu lợi cho mình chứ không khấp vì mọi người. Đó gọi là hiện tướng.

Hiện tượng giận dữ mắng nhiếc là lớn tiếng la mắng làm cho người sợ, hoặc tự dung bịa chuyện thị phi hủy báng người, cho đến dùng bạo lực bắt chẹt người để cầu lợi. Đó gọi là hiện tượng giận dữ mắng nhiếc.

Thế nào là lấy thí để mong được thí? Là đem cho chút ít để mong được đáp lại hậu hĩ. Đó là lấy bố thí mà cầu bố thí. Các hành vi ác này gọi là tà mạng.

Lại nữa, về tà mạng còn có: hoặc cho một khúc tre, hoặc tặng hoa lá trái cây, hoặc cây tăm xỉa răng, bột tắm, hoặc xem tướng đoán mộng, hoặc xem các vì sao, hoặc nghe tiếng cầm thú mà đoán nghĩa, hoặc nhìn tướng đi đứng mà nói điều xấu tốt, ác ngôn ly tán, đốt hoa thờ lửa, mở tiệm buôn bán, thống lĩnh quân đội, tàng trữ vũ khí. Các hoạt động đó đều gọi là tà mạng. Nếu không vi phạm những điều đó gọi là thanh tịnh giới.

Hỏi: Thế nào là giữ gìn căn oai nghi giới?

Đáp: Là thụ trì không phạm các phiền não nhiễm trước như thấy, nghe, hay, biết, màu sắc, âm thanh, mùi hương, vị giác, dự chạm xúc và các pháp v.v... Đó gọi là gìn giữ căn oai nghi giới.

Gìn giữ căn oai nghi giới do thành tựu viên mãn 9 hạnh là do tướng ác đoạn các căn, đối trị mà không tác ý, như cứu lửa cháy đầu không tạm bỏ ngơ, như thấy oai nghi của Nan-đà, đê bẹp tâm ác, tâm tự tại ở trong định, xa lìa người không gìn giữ các căn, hòa hợp với người biết giữ gìn các căn.

Hỏi: Thế nào là tu hành 4 việc giới?

Đáp: Dùng 8 hành động sau đây để quán chiếu sự tu hành khát thực:

1. Không vì hành động hung hiểm, không tự cao.
2. Không vì trau chuốt thân thể đẹp đẽ.

3. Để nuôi thân và giữ gìn thân.
4. Để trừ đói khát.
5. Để thụ trì Phạm hạnh.
6. Thường tự nghĩ ăn uống là để trừ bệnh cũ không gây bệnh mới.
7. Thường lấy ít mà được tự yên ổn.
8. Thường an trú không lỗi lầm.

Hỏi: Thế nào là chẳng vì hành động hung hiểm, chẳng vì tự cao?

Đáp: Ta vì tham ăn mà sức mạnh mẽ, hâm mộ các hành động hung bạo và nguy hiểm, đua chạy tranh hơn, đó là các hành động hung hiểm. Tự cao, kiêu mạn, tự tôn mình lên chẳng biết chán đủ, như kẻ giận đang đánh người.

Không vì trau chuốt thân thể đẹp đẽ là người cứ lo cho thân thể đầy đà, mặt mày béo tốt, khiến người ham thích thú vui không biết chán, thành người đầy dục vọng.

Để nuôi thân và giữ gìn thân, là vì nhờ thực phẩm đó mà thân được an ổn, tựa như trục xe được bôi dầu mỡ.

Để trừ đói khát là thường nghĩ ăn ít. Tu hành như vậy giống như bôi thuốc cho mụn nhọt .

Để thụ trì Phạm hạnh là nhờ ít ăn mà vui trên đường Thánh đạo. Tu hành như vậy xem sự ăn uống như ăn thịt con. Vì ăn uống là để trừ bệnh cũ và không gây bệnh mới, không ít không nhiều. Tu tập như vậy là xem sự ăn uống như đang uống thuốc.

Thường lấy ít mà được tự an, là nhờ ít công đức mà tự an thân, thường tập cái hạnh như săn sóc người bệnh.

Không lỗi lầm, là nhờ lấy ít mà tự an. Tu hành như vậy không khiến người có trí tuệ phiền trách, nên được an trụ trong chỗ không lỗi lầm.

Nếu việc ăn uống được thích hợp, thường không lười biếng, đầu hôm, nửa đêm cuối đêm cũng không mê ngủ thì được thành tựu an ổn. Như vậy nên dùng 8 pháp quán này để tu hạnh khát thực.

Lại nữa 8 hạnh này được tóm lại trong 4 pháp quán. Đó là :

1. Quán có thể đoạn trừ.
2. Quán về sự.
3. Quán lấy ít để tự an.
4. Quán chút ít công đức.

Hỏi: Thế nào là quán có thể đoạn trừ?

Đáp: Là không hành động hung hiểm, không vì tự cao, chẳng vì trước tiên lo trau chuốt thân thể được đẹp đẽ. Đó gọi là quán có thể đoạn trừ.

Vì để nuôi sống và giữ gìn thân mạng, để trừ đói khát và thụ trì Phạm hạnh, đó là quán về sự.

Ta sẽ trừ bệnh cũ và không gây bệnh mới, đó là quán lấy ít để tự an.

Ta sẽ bằng lòng với số ít mà sống an vui không tội lỗi, đó là quán chút ít công đức.

Bốn pháp quán này được tóm tắt thành 3 pháp, đó là: đoạn nhị biên, được trung đạo và được cụ túc. Dùng quán đoạn trừ dứt bỏ sự tham đắm dục lạc, nghĩa là trừ đói khát, trừ bệnh cũ và không sinh bệnh mới.

Lại nữa dùng pháp quán này chống sự mệt mỏi của thân xác. Ngoài ra quán trung đạo và quán cụ túc cũng cần phải tu hành.

Lại nữa quán y phục để ngăn trừ gió, lạnh, nóng, muối, mòng, kiến, để che đậy thân thể cho kín đáo không sinh hổ thẹn. Với pháp quán cụ túc là tu hành đầy đủ như vậy.

Lại nữa cũng quán về việc uống thuốc men cho đến các tật bệnh.

Nếu quán như nói trên, thì quán vào lúc nào?

Về ăn uống và thuốc men, phải quán khi bắt đầu dùng. Về áo quần, đồ nằm, thì quán khi vừa mới nhận.

Lại nữa, hằng ngày hằng giờ đều quán mạng sống của ta là nhờ vào người khác, nên lúc nào cũng quán như vậy.

Các sư tiền bối có nói 4 thứ thụ dụng là:

1. Thụ dụng như kẻ trộm.
2. Thụ dụng như người mắc nợ.
3. Thụ dụng như người được hưởng gia tài.
4. Thụ dụng như người chủ.

Thế nào là thụ dụng như kẻ trộm? Đó là sự thụ dụng của người phạm giới.

Thế nào là thụ dụng như người thiếu nợ? Đó là sự thụ dụng của người không biết hổ thẹn, người sống tà mạng.

Thế nào là thụ dụng như người được hưởng gia tài? Đó là sự thụ dụng của người tinh tiến tu hành.

Thế nào là thụ dụng như người chủ? Đó là sự thụ dụng của bậc Thánh nhân.

Lại nữa, có 2 thứ thụ dụng là:

1. Thụ dụng như bản.
2. Thụ dụng trong sạch.

Thế nào là thụ dụng như bản? Đó là sự thụ dụng của người tuy biết hổ thẹn nhưng không thể quán.

Thế nào là sự thụ dụng trong sạch? Đó là sự thụ dụng của người biết hổ thẹn, biết tự tiết và chán ghét. Nên phải biết sự trong sạch đó và thường xuyên tu tập.

Đó gọi là tu hành 4 việc về giới.

Như vậy đối với giới luật nghi thì lấy thâm tín mà làm cho thành tựu viên mãn.

Với mạng thanh tịnh giới thì dùng thâm tinh tiến mà cho thành tựu viên mãn.

Với căn oai nghi giới thì lấy thâm tín mà làm cho thành tựu viên mãn.

Với tu hành 4 việc về giới thì dùng thâm tuệ mà làm cho thành tựu viên mãn.

Như vậy mạng thanh tịnh giới là tùy thuộc vào luật nghi giới.

Vì sao vậy? Vì muốn đoạn diệt tất cả mọi sự thì không phải thân mạng có thể làm được mà phải trì giới thanh tịnh tâm an mới làm được. Oai nghi thân nghiệp và khẩu nghiệp 2 thứ giới này đều phụ thuộc vào căn oai nghi.

Vì sao vậy? Vì khéo giữ tâm, khéo giữ gìn thân nghiệp khẩu nghiệp, nên tu hành 4 việc về giới chính là căn oai nghi giới.

Vì sao vậy? Vì đã biết chỗ y chỉ của tướng của tập mà sinh ra chán lìa, thì an trú trong chính niệm và chính định. Như Thế tôn đã nói nếu có Tỳ-kheo hiểu được đoàn thực và hiểu được 5 dục lạc là đầy đủ luật nghi và mạng thanh tịnh này.

Như vậy, luật nghi và mạng thanh tịnh thuộc về giới ấm. Căn luật nghi giới thuộc về định ấm. Tu hành 4 việc về giới thuộc tuệ ấm.

Những gì khiến việc thụ giới được thanh tịnh?

Nếu Tỳ-kheo vừa mới thụ pháp thiện, nơi thất tự quán thấy tự thân mình phạm giới Ba-la-di là bị dứt mất pháp Tỳ-kheo sống trong tình trạng giới không đầy đủ. Nếu sống trong giới đầy đủ thì sẽ được thắng pháp. Đức Bản Sư đã nói như vậy.

Nếu thấy mình phạm giới Tăng-già-bà-thi-sa thì có thể đem sự việc ra sám hối trước Tăng chúng.

Nếu ngoài ra thấy mình phạm các tội khác thì chỉ cần đến với một người xin sám hối.

Nếu thấy mình phạm tà mạng, thì tùy theo tương đương với chỗ phạm mà sám hối. Sám hối xong, tự hứa tội sẽ không tái phạm. Thấy như vậy rồi, như vậy mà thụ trì căn oai nghi giới và tu hành 4 việc và cũng hứa ta sẽ không tái phạm.

Nếu thụ trì được như vậy thì tương lai sẽ được oai nghi cao thượng vượt trội.

Người ấy theo giới thanh tịnh như vậy là đang tạo tác những điều mà thân nghiệp khẩu nghiệp đáng phải làm.

Người ấy phải quán làm việc thiện trừ việc ác, phải quán ngày đêm sống trong thanh tịnh giới.

Nếu được như vậy là làm cho giới được thanh tịnh.

Tướng của giới thanh tịnh là gì?

Là giới tương ứng với các phiền não, không khởi thoái chuyển và hối hận, được định thành tựu viên mãn. Đó là tướng của giới thanh tịnh.

Có bao nhiêu nhân duyên làm cho giới an trú trong thanh tịnh?

Có 2 nguyên nhân:

1. Cân nhắc tai họa của phạm giới.
2. Cân nhắc công đức của giữ giới.

Cần nhắc tai họa của phạm giới như thế nào?

Người nếu vi phạm giới thì không còn công đức, sa vào chốn ác, sợ hãi trước 4 chúng, nghi ngờ người trí. Người giữ giới xa lánh không thể dạy thiên, chư thiên khinh bỉ là đồ nhơ bẩn, mọi người ghét bỏ. Nghĩ đến việc phạm giới của mình, khi nghe ai khen ngợi công đức trì giới, thì lòng hối tiếc nhưng lại chẳng tin. Thường hay nổi giận và gây gổ với 4 chúng. Đối với các thân hữu, thường khởi hiềm khích oán hờn. Quay lưng với người giữ giới mà đi kết bè đảng với kẻ ác. Lại không kham được pháp thiên định thù thắng. Tuy nguyện trang giả hiện oai nghi nhưng chẳng dấu nổi chỗ xấu ác, tựa như đồ đại tiểu tiện ai cũng nhòm góm, chẳng chút mô phạm, như vũng bùn lầy, hiện tại vị lai không được ích lợi gì cả. Thường sinh sống sốt lo âu nhớ đến tội đã phạm mà xấu hổ hối hận không yên, như kẻ trộm bị giam trong ngục, tâm có vui gì đạo Thánh, như kẻ Chiên-đà-la chẳng dám mơ đến ngôi vua. Cho dầu có học rộng hiểu biết, nhưng cũng chẳng ai quý kính, như lừa phân bò. Sống chẳng tìm được nơi như ý, chết thì thần thức hôn mê, lạc vào nẻo dữ.

Các tội lỗi như trên có thể cần nhắc suy xét mà biết được.

Nếu ai biến cải các điều ác đó thành công đức của giới cũng có thể cần nhắc. Cần nhắc như thế này: Kẻ phạm giới thì tâm ý buồn chán, chí khí thoái lui tan mất. Còn người giữ giới thì tinh tiến siêng năng tin kính gấp bội. Thành người tinh tiến, thành người tin kính thì một lòng giữ giới như con kiến ôm giữ cái trứng, như con ly ngư yêu thích cái đuôi, như bảo hộ đứa con một, như người chốt giữ gìn con mắt còn lại, như người đồng bóng giữ thân mình, như kẻ nghèo giữ gìn của báu, như thuyền trưởng bảo vệ chiếc thuyền. Người trì giới kính tin và giữ gìn giới mình đã thụ còn hơn những sự giữ gìn đó. Thụ trì như vậy thì tâm được bảo vệ, an trú trong thiên định, khiến cho giới được thủ hộ.

QUYỀN 1 HẾT

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

(*Con đường giải thoát*)

QUYỂN 2

Phẩm 3: ĐÀU-ĐÀ

Hỏi: Bấy giờ người tịnh giới ngồi thiền, tâm muốn thành tựu công đức thiện thù thắng, lại muốn được công đức của hạnh Đầu-đà, thì phải suy xét như vậy: Vì sao thụ công đức Đầu-đà?

Đáp: Vì tính của người ngồi thiền không như nhau, người thì vì thiếu dục mà tu hạnh Đầu-đà, người thì vì tri túc, người thì vì không nghi hoặc, người thì vì đoạn diệt ái dục, người thì vì muốn tăng trưởng tinh tiến dũng mãnh, người thì vì thụ dụng ít nên không nhận của bố thí, người thì vì muốn tâm an trụ, người thì vì đoạn diệt các chấp trước để khéo giữ giới hạnh Đầu-đà. Đây đủ tất cả định pháp có thể đạt được chúng tử Thánh đầu tiên. Đó là quán công đức thù thắng của hạnh Đầu-đà.

Hạnh Đầu-đà là gì?

Có tất cả 13 pháp:

Hai pháp về y phục là áo phần tảo và 3 y.

Năm pháp về sự khát thực là:

1. Khát thực.

2. Khất thực theo thứ lớp.
3. Chỉ một lần ngồi ăn.
4. Khéo lường bữa ăn.
5. Quá giờ không ăn.

Năm pháp về nằm, ngồi là:

1. Ngồi nơi nhân tịnh.
2. Ngồi dưới bóng cây.
3. Ngồi ở chỗ trống thoáng.
4. Ngồi ở nơi gò mả.
5. Ngồi tùy chỗ gặp được.

Một pháp về tinh tiến dững mãnh là thường ngồi không nằm.

Tính chất của áo phấn tảo là gì?

Tính chất của áo phấn tảo là giúp cho việc thụ trì. Ngoài ra cũng như vậy.

Ý nghĩa của thụ trì áo phấn tảo là gì?

Là để khỏi nhận của cải do cư sĩ bố thí.

Thụ trì 3 y có ý nghĩa gì?

Là để diệt bỏ sự ham muốn tích trữ y phục.

Ý nghĩa của khất thực là gì?

Là để dứt trừ sự thỉnh mời của kẻ khác.

Ý nghĩa của việc khất thực theo thứ lớp là gì?

Là để tránh sự vượt bỏ nhà này qua nhà khác khi đi khất thực.

Ý nghĩa của việc chỉ một lần ngồi ăn là gì?

Là để tránh ngồi lại ăn thêm.

Ý nghĩa của việc khéo lượng bữa ăn là gì?

Là để diệt bỏ sự ăn quá độ lượng.

Ý nghĩa của việc không ăn quá giờ là gì?

Là để dứt bỏ ý sau còn muốn ăn thêm nữa.

Ý nghĩa của việc ngồi nơi nhàn tịnh là gì?

Là để tránh việc vào ở trong xóm làng.

Ý nghĩa của việc ngồi dưới bóng cây là gì?

Là để bỏ việc vào ở trong nhà.

Ý nghĩa của việc ở chỗ trống thoáng là gì?

Là để lia bỏ các nơi có che chắn.

Ý nghĩa của việc ngồi ở nơi gò mả là gì?

Là để lia bỏ việc chọn chỗ tốt.

Ý nghĩa của việc ở tùy chỗ gặp được là gì?

Là để diệt bỏ sự ham muốn chỗ tốt.

Ý nghĩa của việc thường ngồi chằng nằm là gì?

Là để lia xa giường ngủ.

Vì sao thụ trì áo phấn tảo?

Vì thấy lỗi lầm trong việc cầu xin và thấy công đức của việc mặc áo bá nạp. Ta thấy như vậy nên không nhận áo cư sĩ thí cúng, mà thụ trì việc mặc áo nạp.

Công đức của việc mặc áo nạp như thế nào?

Cũng giống như được áo của cư sĩ thí, chẳng thiếu thốn gì, cũng không do người khác mới có, nếu mất cũng không lo, tâm không tham nhiễm, trộm cướp cũng chẳng lấy, đủ cho sự cần dùng hằng

ngày, ít mong cầu. Người thiện tu tập hạnh này thì không nghi ngờ, được an lạc trú trong pháp thiện thù thắng, được người hâm mộ khiến được chính thụ. Đó là công đức của việc thụ trì áo nạp, được Phật khen ngợi.

Hỏi: Có mấy loại áo nạp? Ai là người thụ trì? Do nhân gì mất pháp thụ trì?

Đáp: Có hai loại áo nạp: một là không có chủ, hai là người ta vất bỏ. Hoặc nơi gò mả, hoặc nơi đổ rác, hoặc ở chợ búa, hoặc ngoài đường sá, nhặt lấy đem đun, giặt nhuộm, cắt may thành áo mặc. Đó là loại áo nạp vô chủ. Hoặc vải rêu, chỗ vải bị bò dẫm nát, chuột gặm rách, hoặc bị cháy sém, cho đến vải bọc thi thể người chết, hay y phục của kẻ ngoại đạo người ta vứt đi. Đó là loại áo nạp do người đòi vất bỏ.

Thế nào là thụ trì áo phần tảo?

Nếu Tỳ-kheo không nhận áo do cư sĩ cúng thí, đó là thụ phần tảo y.

Khi nào gọi là mất pháp thụ trì?

Khi Tỳ-kheo thụ nhận của cư sĩ thì mất pháp thụ trì áo nạp.

Thế nào là thụ trì 3 y?

Là khi có dư thừa y áo, thì phải tịnh thí cho người khác thụ trì đắp mặc. Biết lỗi của sự dư thừa và thấy được công đức của việc giữ 3 y nên tự nguyện rằng: Kể từ hôm nay, ta xả bỏ sự dư thừa y áo mà thụ trì giữ đúng 3 y.

Thế nào là công đức thụ trì 3 y?

Người thiện tu hạnh lìa bỏ sự chứa đê dư thừa, ít lo toan mong cầu cho thân, kiệm ước tri túc, như chim bay trên không, chẳng chút gì luyến tiếc. Người thiện tu tập pháp này không nghi ngờ.

Hỏi: Ba y là những gì? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Đáp: Ba y là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng và An-đà-hội . Đó là 3 y.

Thế nào là thụ trì 3 y?

Nếu Tỳ-kheo không cất chứa y dư thừa, đó là thụ trì 3 y. Nếu cất giữ y thứ tư, tức là mất pháp thụ trì.

Thế nào là thụ trì pháp khát thực?

Nếu nhận lời mời của kẻ khác, thì có phương hại đến nghiệp của mình, không vì làm vui lòng người, không ngồi chung với những Tỳ-kheo phi pháp. Biết lỗi đó và thấy công đức của pháp đi khát thực, nên tự nguyện từ nay ta từ chối việc người khác mời và thụ trì pháp đi khát thực.

Thế nào là công đức của pháp đi khát thực?

Theo tâm nguyện, đi đứng tự do, không lo lắng mong cầu việc bếp núc, dẹp bỏ lười biếng, dứt trừ kiêu mạn, không tham vị ngon, làm lợi ích chúng sinh, thường ở 4 phương tâm không hạn ngại. Người thiện tu hành nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Mời thỉnh có mấy loại? Thế nào là thụ trì khát thực? Thế nào là mất pháp thụ trì khát thực?

Đáp: Mời có ba loại: mời riêng; mời chung, mời nhiều lần. Không nhận ba loại mời đó là thụ trì pháp đi khát thực. Nếu nhận lời mời tức mất pháp đi khát thực.

Thế nào là khát thực theo thứ lớp?

Nếu khát thực theo thứ lớp, thì không thường đến nơi có nhiều thức ăn ngon. Nếu hay đến đó, thì chỉ là khát thực bình thường thôi. Nếu có chỗ đáng ngờ thì phải lìa xa. Biết các lỗi đó và thấy công đức

của pháp khát thực theo thứ lớp, nên tự nguyện kể từ hôm nay, ta bỏ lỗi khát thực chẳng theo thứ lớp và thụ trì việc khát thực theo thứ lớp.

Thế nào là công đức của pháp khát thực theo thứ lớp?

Là đem tâm bình đẳng làm lợi ích cho tất cả, trừ tính ganh ghét xấu ác, trừ lỗi lân la thân cận, không thích được mời mọc, không thích nhiều lời, tránh đến nhà người, bỏ cách đi lật đật, như vàng trắng tròn ít khi hiện lên, nên được người nhìn ngắm. Người thiện tu hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Thế nào là khát thực theo thứ lớp? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất thụ trì?

Đáp: Tỳ-kheo bắt đầu ra đi khát thực, vào trong xóm làng lần lượt đi từng nhà cuối cùng tới cho đến hết, đó là khát thực theo thứ lớp.

Thế nào là mất pháp theo thứ lớp?

Là nếu bỏ qua nhà kế tiếp, đó là mất pháp theo thứ lớp.

Thế nào là thụ trì việc chỉ một lần ngồi ăn?

Là ngồi ăn hai nơi, ngồi nhiều lần, ăn nhiều lần, rửa bát nhiều lần, trái với những hành động đó gọi là chỉ một lần ngồi ăn. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ. Biết các lỗi lầm như vậy và thấy công đức của pháp chỉ một lần ngồi ăn, nên tự nguyện kể từ nay, ta bỏ việc ngồi ăn hai nơi, thụ trì pháp chỉ một lần ngồi ăn.

Thế nào là công đức của việc chỉ một lần ngồi ăn?

Là không nhiều không ít, không tham của bố thí không được trong sạch, không các bệnh tật phiền não, đi ở không trở ngại, an vui công việc của mình. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Thế nào là chỉ một lần ngồi ăn? Có những hạn chế nào? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Đáp: Có 3 hạn chế: hạn chế nơi chỗ ngồi, hạn chế về dùng nước và hạn chế về việc ăn.

Thế nào là hạn chế nơi chỗ ngồi?

Là ăn rồi không được còn ngồi nán. Dùng nước, rửa chén xong không được ăn nữa là hạn chế về việc sau khi dùng nước.

Thế nào là hạn chế về việc ăn?

Là khi ăn nghĩ rằng đây là miếng ăn cuối cùng, nuốt xong thì không ăn nữa. Đó là hạn chế về ăn.

Nếu đã ngồi 2 lần để ăn tức mất pháp thụ trì chỉ một lần ngồi ăn. Trừ khi uống nước và dùng thuốc thang chư Phật đều chấp nhận. Đó là hạn chế về ăn.

Thế nào là thụ trì việc ăn uống tiết độ?

Là nếu ăn uống quá độ thì thân thể nặng nề, hay buồn ngủ, thường sinh thèm ăn không biết chán. Đã biết lỗi lầm đó, lại thấy công đức của việc ăn uống tiết độ nên tự nguyện kể từ nay ta dẹp bỏ tham ăn và thụ trì việc ăn uống có tiết độ.

Thế nào là công đức của việc ăn uống có tiết độ?

Là trừ liệu đo lường bữa ăn, không tha hồ theo cái bụng, ăn nhiều sinh yếu mệt nên không thích, trừ tham, diệt bệnh, dứt bỏ các lười biếng. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Thế nào là thụ trì việc ăn uống có tiết độ? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Là khi ăn uống, nên suy xét sức mình kham được nhiều ít mà lấy đó làm chừng mực, không dùng quá, khéo trừ lượng, dẹp sự vô độ. Đó gọi là ăn uống có tiết độ. Nếu không như vậy, tức mất pháp thụ trì.

Thế nào là thụ trì pháp quá giờ không ăn?

Là đoạn trừ vọng tưởng, bỏ việc ăn vật. Biết lỗi lầm đó thì thấy công đức của việc quá giờ không ăn, nên tự nguyện kể từ nay ta bỏ việc ăn vật, thụ trì pháp quá giờ không ăn.

Thế nào là công đức của việc quá giờ không ăn?

Là dứt trừ được sự ham thích ăn, giữ gìn thân thể, bỏ việc ăn đêm, chấm dứt việc loay hoay tìm kiếm cái ăn, không hỏi xin ai, không chiều theo lòng ham muốn. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Quá giờ có mấy thứ? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Đáp: Có hai thứ quá giờ: sự không tiết độ và sự thụ trì.

Thế nào là sự không tiết độ?

Là nếu nhận ăn thêm khi được mời riêng, đó là tội không nên ăn nữa.

Thế nào là sự thụ trì?

Là đã ăn đến miếng ăn thứ 21 rồi thì không nên ăn thêm. Thụ trì pháp quá giờ không ăn thì phải dứt bỏ không ăn thêm. Nếu ăn thêm tức mất pháp thụ trì quá giờ không ăn.

Thế nào là thụ trì việc ngồi nơi nhàn tịnh?

Là trong thành thị làng mạc huyên náo, thức xúc 5 trần tâm sinh ô nhiễm. Nếu ở nơi ồn ào, nhiều người qua lại, tâm sinh loạn động. Biết các lỗi đó và thấy công đức ở nơi nhàn tịnh, nên tự nguyện kể từ nay ta không ở trong thành thị làng mạc mà thụ trì pháp ở nơi nhàn tịnh.

Thế nào là công đức của pháp ở nơi nhàn tịnh?

Là nơi thành thị làng mạc huyên náo, là những nơi thức xúc 5 trần, khiến tâm nhiễm theo lạc thú. Nếu ở nơi ồn ào, nhiều người qua lại, tâm sinh loạn động. Biết được 10 câu nói về

công đức tối thắng khả ái mà trời người đều khen ngợi, không thích theo cái vui thế tục, được niềm vui tĩnh lặng, ít nói năng, tùy tâm ngồi thiền. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Thế nào là nơi nhàn tịnh gần nhất? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Đáp: Là lìa nơi thành thị, ra ở ngoại ô, tránh nơi xa xôi hẻo lánh, giữ trong khoảng cách chừng 500 cung, mỗi cung bằng 4 khuỷu tay, đó là nơi nhàn tịnh gần nhất. Trừ ở trong thành thị làng mạc, đó gọi là nơi nhàn tịnh. Nếu ở trong thành thị làng mạc, tức mất pháp thụ trì ở nơi nhàn tịnh.

Thế nào là thụ trì việc ngồi dưới bóng cây?

Lìa bỏ các nơi có che phủ bên trên, nơi không chứa để đồ vật, để đối trị sự tham ái mong cầu. Biết đó là lỗi, và thấy được công đức ngồi dưới bóng cây, nên tự nguyện kể từ ngày nay ta lìa bỏ những nơi được che phủ bên trên, thụ trì pháp ngồi dưới bóng cây.

Thế nào là công đức của việc ngồi dưới bóng cây?

Nương nơi cây mình thích, không giao thiệp với đời, ưa rời bỏ mọi việc kinh doanh tạo tác, cùng ở với trời dưới gốc cây, dứt bỏ sự ganh tị về nơi cư trú, lìa bỏ sự yêu thích đấm trước. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Hỏi: Cây nào có thể trú được? Cây nào nên lìa bỏ? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp?

Đáp: Cây nào ban ngày có bóng cây đổ xuống, và có lá rơi khi không có gió, đó là những nơi có thể trú, trừ những cây hủ mục nguy hiểm, cây to có bông, cây có quỷ thần ở.

Lìa những nơi có che phủ bên trên là thụ trì pháp ngồi dưới cây. Nếu đến ở những nơi được lợp che, tức mất pháp thụ trì .

Thế nào là thụ trì pháp ở chỗ trống không che?

Là không thích ở những nơi có lợp che bên trên và dưới các cây cối có chứa để tàng trữ đồ vật. Biết được các lỗi đó và thấy công đức của việc ở chỗ trống không che, nên tự nguyện kể từ nay, ta lìa bỏ sự vui thích được ở những nơi có che phủ bên trên.

Thế nào là công đức của pháp ngồi ở chỗ trống không che?

Là không đến các nơi mà mình không nghĩ đến, dứt trừ sự lười biếng và buồn ngủ. Như con nai rừng mặc ý đi đâu, nào có gì luyến nhớ. Người thiện tu theo hạnh nguyện này không nghi ngờ.

Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp?

Là lìa bỏ các nơi có che phủ bên trên và nơi dưới bóng cây, đó là ngồi ở chỗ trống không che. Nếu trú tại nơi có che lợp và dưới lùm cây, tức mất pháp thụ trì ngồi ở chỗ trống không che.

Thế nào là ở nơi mồ mả?

Nếu ở tại các nơi khác thì dễ sinh phóng túng và không biết lo sợ điều ác. Biết các lỗi đó và thấy công đức của việc ở nơi mồ mả, nên tự nguyện kể từ hôm nay ta lìa bỏ các nơi khác, để thụ trì việc ở nơi mồ mả.

Thế nào là công đức của việc ở nơi mồ mả?

Được chính niệm khi chết, thấy được tướng bất tịnh, được phi nhân kính trọng, không khởi phóng túng, dè bẹp được các dục nhiễm, nhiều nhàm chán, không có gì đáng sợ, quán thân trống vắng, đoạn trừ ý tưởng về thường còn. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này được không nghi ngờ.

Hỏi: Thế nào là công đức của việc ở nơi mồ mả? Nơi nào ở được, đi đến đó được? Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Đáp: Nếu nơi dự định đến ở mà thường có người khóc than, hoặc đốt khói lửa thì nên quan sát trước tìm chỗ yên tĩnh. Khi đến ở nơi mồ mả, Tỳ-kheo không nên che phòng, kê giường, không ngồi xuôi gió không đứng ngược gió, khi nằm không ngủ say, không ăn cá, không uống bơ sữa, không ăn mè, không động đến thịt thú vật, không ở trong nhà, không dùng chén bát. Lúc ra đi phải mang theo nệm ngồi, áo quần, đến khi tới ở nơi mồ mả, thì coi như đã vất bỏ tất cả vật sở hữu của mình. Bình minh vừa ló dạng, liền thu thập gói áo trở về chùa, không ghé nơi nào khác. Nếu đi đến chỗ khác nữa sẽ mất pháp thụ trì.

Thế nào là thụ trì việc ở tùy chỗ gặp được?

Là không thích ở chỗ mà mọi người ham muốn được ở, không làm rầy khiến người khác phải tránh đi. Biết chỗ lỗi và thấy công đức của việc cứ ở tùy chỗ gặp được nên tự nguyện kể từ hôm nay ta bỏ sự tham muốn được ở chỗ tốt, và thụ trì việc ở tùy chỗ gặp được.

Thế nào là công đức của việc ở tùy chỗ gặp được?

Là tìm nơi biết là đủ, thích thanh vắng, dứt bỏ mọi ưa thích, được người đời kính trọng, hoàn toàn an trú trong tâm từ bi. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Là dứt trừ sự tham muốn về nơi chốn an nghỉ, đó là tùy theo chỗ gặp được. Nếu đến nơi nào khác thích hơn là mất pháp thụ trì

Thế nào là thụ trì việc thường ngồi không nằm?

Nơi chỗ cư trú, thường hay ngủ nghỉ, lười biếng. Biết lỗi đó và thấy được công đức của việc thường ngồi không nằm nên tự nguyện kể từ hôm nay ta dứt bỏ việc nằm ngủ mê, thụ trì pháp thường ngồi không nằm.

Thế nào là công đức của việc thường ngồi không nằm?

Là dứt trừ sự lười biếng khiến thân dễ bệnh tật, lia bỏ các thú vui ô nhiễm, bớt ngủ li bì, thường trầm lặng, tu tốt thiền pháp. Người thiện tu theo hạnh nghiệp này không nghi ngờ.

Thế nào là thụ trì? Thế nào là mất pháp thụ trì?

Là cắt đứt việc dài người nằm ngủ. Nếu lăn ra ngủ say là mất pháp thụ trì.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc thụ trì áo phần tảo?

Là nếu được cư sĩ cúng thí áo sô, áo gai, áo vải, áo nỉ các loại v.v... thì phương tiện tùy nghi nhận mà không mất pháp thụ trì áo phần tảo.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc thụ trì 3 y?

Là giữ áo dư lại quá 10 ngày, hoặc có nguyệt vọng y, công đức y, dùng y dư thừa làm khăn trải giường, băng bó ung nhọt, làm khăn tay, khăn tắm, không thụ trì của thí bất tịnh. Nếu vì phương tiện tùy nghi thì không mất pháp thụ trì 3 y.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc thụ trì khát thực?

Là nhận thực phẩm hiến chung cho Tăng đoàn, thực phẩm thường trụ, thực phẩm cấp theo phiếu, thực phẩm cấp mỗi nửa tháng, thực phẩm vào dịp Bố-tát, thực phẩm chung cho đại chúng, thực phẩm hiến cho chùa, thì có thể phương tiện tùy nghi nhận mà không mất pháp khát thực. Nếu nhận thấy có lỗi gì trong việc nhận thực phẩm, thì không nhận.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc khát thực theo thứ lớp?

Là thấy ngoài cửa có voi ngựa đang đấu nhau, hay cảnh tượng xấu xa thì nên tránh đi, hoặc thấy Chiên-đà-la che bát, học gia ngoại đạo, hoặc Tỳ-kheo theo Hoà thượng hay A-xà-lê thì cũng phương tiện tùy nghi vượt qua mà không mất pháp khát thực theo thứ lớp.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc chỉ một lần ngồi ăn?

Là nếu đang ăn đúng giờ mà thấy có voi, ngựa, rắn, hoặc có Hoà thượng, A-xà-lê, khách Tỳ-kheo đến, thì có thể phương tiện tùy nghi đứng lên, xong ngồi ăn tiếp, cũng không mất pháp chỉ một lần ngồi ăn.

Về hai việc là ăn uống độ lượng và quá giờ không ăn, thì không thể phương tiện tùy nghi châm chước được.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc ngồi nơi nhàn tịnh?

Là nếu vì đi dự các lễ thụ giới, sám hối, giảng pháp, Bố-tát, tụng kinh, khám bệnh, đi thăm người bệnh, giải đáp thắc mắc trong kinh v.v... mà phải đi vào làng xóm thì không mất pháp thụ trì ngồi nơi nhàn tịnh.

Thế nào là phương tiện tùy nghi đối với việc ngồi dưới bóng cây?

Là nếu gặp mưa vào trú nơi có che lợp, trời tạnh trở ra thì không mất pháp thụ trì ngồi dưới bóng cây.

Về các việc như ở dưới cây, chỗ trống không che, ở nơi mồ mả, ở tùy chỗ gặp được v.v... cũng có thể phương tiện tùy nghi như vậy.

Về việc thường ngồi không nằm thì không có sự phương tiện tùy nghi nào cả. Nhưng cũng có thuyết nói khi nhỏ thuốc vào lỗ mũi, thì có thể phương tiện tùy nghi nằm mà không mất pháp thụ trì thường ngồi không nằm.

Dùng 13 hạnh Đầu-dà này thành tựu 8 pháp. Như trong Tỳ-đàm có nói đến 8 pháp đó là pháp quá giờ không ăn bao gồm cả pháp khéo ăn uống độ lượng và pháp chỉ một lần ngồi ăn. Thụ trì như vậy thành chung một loại. Còn pháp ngồi nơi nhàn tịnh thì gồm cả 3 pháp là ngồi dưới bóng cây, ở chỗ không che và ở nơi mồ mả.

Vì sao ngồi nơi nhàn tịnh?

Vì nếu ham thích xây cất nhà cửa, làm công việc tích tụ chứa đê, tham đắm chỗ ở, chẳng phải là điều tâm ưa thích, nên có ý nghĩ đến ngồi dưới bóng cây, ở nơi mờ mả, ở chỗ lộ thiên là nơi trú ngụ nhàn tịnh. Do đấy mà thành 8 pháp.

Tám hạnh Đầu-đà lại qui về 3 pháp. Đó là ở nơi nhàn tịnh, mặc áo phấn tảo và đi khát thực. Nếu 3 pháp này được thanh tịnh, thì hạnh Đầu-đà thành tựu viên mãn. Cho nên Phật đã vì Nan-đà nói: Đến khi nào mới thấy ông thụ trì thành tựu việc ngồi nơi nhàn tịnh, mặc áo phấn tảo, quá giờ không ăn, trong khi ông vẫn còn lo chăm sóc thân mạng và không nhận thấy ra chỗ tham dục?

Hỏi: Thế nào là Đầu-đà phân? Đầu-đà có mấy loại pháp? Ba hạng người nào có thể tu hạnh Đầu-đà? Có bao nhiêu pháp Đầu-đà liên quán đến thời tiết? Ai thụ pháp Đầu-đà và dạy pháp Đầu-đà?

Đáp: Có 13 hạnh Đầu-đà do Phật thuyết. Đó là những giới luật do Phật chế và được gọi là Đầu-đà phân.

Trong 3 hạng người thiện, bất thiện và vô ký, không nên giảng hạnh Đầu-đà. Bởi vì sao? Vì người bất thiện đồng với ác dục, không trừ ác dục cùng khởi phi pháp tham vui lợi dưỡng cho nên bất thiện.

Đầu-đà có mấy loại pháp? Có 2 pháp: không tham và không si. Như Phật có nói: Nếu Tỳ-kheo thụ trì áo phấn tảo, thì nương vào thiếu dục tri túc được an lạc tịch tĩnh không nghi ngờ, được nương vào giải thoát, nên được gọi là thụ trì áo phấn tảo. Các hạnh Đầu-đà khác cũng như vậy, đều không tham không si. Do không tham đó, trong thụ trì 13 hạnh Đầu-đà trừ được tham dục. Do không si đó, trong thụ trì 13 hạnh Đầu-đà trừ được vô minh.

Lại nữa, do không tham đó, như Phật khen ngợi, có thể sinh sự nhàm chán, tương tự như sự không nghi ngờ, trừ được dục nhiễm và sự lừa dối. Do không si đó, cũng tương tự như vậy, trừ được sự gây

yếu của thân thể, và sự lừa dối. Hai pháp Đầu-đà đó là không tham và không si.

Thế nào là 3 hạng người tu hạnh Đầu-đà? Đó là người tham lam, người giận dữ và người si mê. Người giận dữ không thể tu hạnh Đầu-đà. Vì sao vậy? Hạng người tham, si có thể tu được. Như người tham vì quá luyến ái mà thành không phóng túng. Nếu không phóng túng thì có thể đề bẹp tâm tham cũng như si, không nghi ngờ. Nương theo hạnh Đầu-đà mà thụ thì không phóng túng. Nếu không phóng túng thì có thể đề bẹp được sự si mê. Vì sao người tham và người si tu được hạnh Đầu-đà? Vì người sân giận mà chịu khổ thì lại làm tăng thêm điều ác. Như người bị bệnh đàm nếu dùng thang thuốc nóng chỉ làm bệnh tăng thêm. Vì lẽ đó, người hay giận dữ không nên tu theo hạnh Đầu-đà.

Lại có thuyết cho rằng, người hay giận dữ cũng có thể thụ trì được 2 hạnh là ngồi nơi nhàn tịnh và hạnh ngồi dưới bóng cây. Vì lẽ khi ở tại 2 nơi này, thì ít thấy những nỗi khổ của thế gian.

Có bao nhiêu hạnh Đầu-đà liên quan đến thời tiết?

Có 3 hạnh có thể tu tập trong 8 tháng là ngồi dưới bóng cây, ở chỗ trống không che và ở nơi mồ mả. Và mùa An cư, Phật cho phép ở trong những nơi có che lợp.

Hỏi: Thế nào là Đầu-đà thuyết giảng về hạnh Đầu-đà?

Đáp: Có Đầu-đà thuyết giảng Đầu-đà, có Đầu-đà không thuyết giảng Đầu-đà, có Phi Đầu-đà thuyết giảng Đầu-đà, có Phi Đầu-đà không thuyết giảng Đầu-đà.

Thế nào là có Đầu-đà thuyết giảng Đầu-đà?

Đó là các A-la-hán đã thành tựu hạnh Đầu-đà.

Thế nào là có Đầu-đà không thuyết giảng Đầu-đà?

Đó là các A-la-hán không thành tựu việc thụ hạnh Đầu-đà.

Thế nào là có Phi Đầu-đà thuyết giảng Đầu-đà?

Đó là các học nhân và phàm phu đã thành tựu việc thụ hạnh Đầu-đà.

Thế nào là có Phi Đầu-đà không thuyết giảng Đầu-đà?

Đó là các học nhân và phàm phu không thành tựu việc thụ hạnh Đầu-đà.

Hỏi: Đầu-đà có tướng như thế nào, vị như thế nào, khởi như thế nào?

Đáp: Thiếu dục là tướng. Tri túc là vị. Không nghi ngờ là khởi.

Lại nữa, không đắm trước là tướng. Không tội lỗi là vị. Không thoái lui là khởi.

Sao gọi là giai đoạn đầu, giai đoạn giữa và giai đoạn sau?

Lúc mới thụ là giai đoạn đầu, trong lúc tu hành là giai đoạn giữa, và đạt được niềm hoan hỷ là giai đoạn sau.

Phẩm 4: PHÂN BIỆT VỀ ĐỊNH

Hỏi: Người trì tịnh giới, ngồi thiền, đã thụ Đầu-đà thành tựu đến chỗ thắng thiện, bây giờ cần phải làm gì?

Đáp: Cần phải làm cho định sinh khởi.

Hỏi: Định là gì? Tướng như thế nào? Vị như thế nào? Khởi ra sao? Ở đâu? Người thế nào là thụ định? Thiền, giải thoát, định, chính thụ khác nhau thế nào? Có bao nhiêu nhân có thể thấy định khởi? Có bao nhiêu pháp làm trở ngại định? Định có bao nhiêu công đức? Cần những điều kiện gì cho định khởi? Có mấy loại định? Thế nào là định khởi?

Đáp: Định là có tâm thanh tịnh, một mực tinh tiến với công đức vắng lặng, an trú trong chân chính, không loạn động, đó là định.

Lại nữa, gió mạnh phiền não không làm tâm khuynh đảo, như ngọn đèn trong đèn không xao động. Như A-tỳ-đàm nói: Nếu tâm chính trụ, không phan duyên, cũng không loạn động, tĩnh lặng không bám trước, chính định định căn, định lực, đó gọi là định.

Tướng như thế nào? Vị như thế nào? Khởi ra sao? Ở đâu?

Tâm trụ là tướng. Đè bẹp các oán là vị. Tịch tĩnh là khởi. Với ô nhiễm không bám dính, tâm được giải thoát đó là nơi khởi.

Người thế nào là thụ định?

Là người thụ tâm số v.v..., và phương tiện định v.v..., đều bình đẳng như tay cầm cân khiến tâm tâm số bình đẳng, như dầu đựng trong bát, chính niệm và tinh tiến đồng hành như nhau là định, như bốn con ngựa sức mạnh ngang nhau cùng kéo một cỗ xe tư duy bình đẳng là định, như người thợ làm mũi tên chú tâm vót mũi tên cho thật thẳng, định là để trừ oán, như liều thuốc giải độc.

Như Tỳ-đàm nói: Thân nhiếp là nghĩa của định. Theo định nghĩa này thì đầy đủ là nghĩa của định.

Thiền là chỉ cho 4 thiền: Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền.

Giải thoát là chỉ cho 8 giải thoát, tức có sắc tướng bên trong, quán sắc bên ngoài v.v...

Định là 3 định, đó là có giác có quán v.v...

Chính thụ là 9 thứ tự của chính thụ.

Thiền là gì?

Là tư duy về sự, tư duy về oán, tâm được sự mừng vui, lìa chướng, giải thoát, khiến tâm bình đẳng, có phương tiện phát sinh định, được tự tại, không dùng 2 nghĩa mà vẫn an trụ vào chính thụ, để được an lạc khởi định mà quá trình giải thoát là chính thụ.

Có bao nhiêu công đức khiến được định?

Thấy 4 công đức khiến định được khởi.

Những gì là bốn?

Đó là hiện thấy an trụ trong nguồn vui của pháp, nhờ quán tưởng sự an lạc, hiện chứng thần thông, và đủ khắp các cõi.

Thế nào là hiện thấy an trú trong nguồn vui của pháp?

Là người được định có thể sinh vô lậu, tâm khởi sáng khoái được niềm vui xuất thế, hiện thấy được an trụ trong nguồn vui của chính pháp. Cho nên Thế Tôn nói: Người ấy thân này từ trong sự tĩnh lặng sinh hoan hỷ được sự mát mẻ khiến từ từ được thành tựu viên mãn đầy đủ.

Như Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: Trước ta tập hạnh Ni-càn 7 ngày 7 đêm thân không lay động, miệng không mở lời, im lặng ngồi ngay ngắn hoàn toàn thụ hưởng niềm an lạc. Đó là hiện thấy pháp lạc và an trụ trong nguồn vui của Thánh pháp.

Thế nào là nhờ quán tưởng sự an lạc?

Là người ngồi thiền được định tâm không bị các ngăn che ràng buộc, điều thuận nhu hòa có thể thụ trì, quán thấy các âm giới nhập v.v... tự tính an lạc. Cho nên Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo phải tu hành như vậy, tất cả đều dùng định tâm y vào cái biết như thật.

Thế nào là hiện chứng thần thông?

Là người đã được định tâm chứng được 5 thần thông là như ý thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, và thiên nhãn thông. Cho nên Thế Tôn nói: Tâm đã được định, thì tùy nghi chuyển biến mọi sự đều theo ý mình muốn.

Thế nào là đủ khắp các cõi?

Người đã được định tâm, dầu chưa đến bậc vô học nhưng cuối cùng cũng được không thoái lui. Nhờ định được báo sinh vào cõi

Sắc, cõi Vô sắc đủ khắp. Như Phật có nói: Người tu chút ít về Sơ thiên cũng được sinh làm quyến thuộc của Phạm Thiên, những loại như vậy đều sinh về cõi kia.

Tất cả 4 công đức trên đây có thể sinh nơi người được định kia, mỗi mỗi sẽ khởi.

Có mấy thứ làm chướng ngại định tâm?

Có 8 pháp: dục dục, giận dữ, lừa dối, mê ngủ, đùa bỡn, nghi ngờ, vô minh, không hỷ lạc. Tất cả các pháp ác đều là pháp chướng ngại định tâm.

Có mấy nhân khởi định?

Có 8 nhân khiến tâm định: xuất ly, không giận, tương sáng, không loạn động, tất cả các pháp thiện, khiến tâm hoan hỷ, có thể sinh pháp trí.

Các điều kiện nào giúp định khởi?

Có 7 loại: giới, tri túc, che đậy các căn, ăn uống có tiết độ, đầu hôm nửa đêm và gần sáng không mê ngủ, thường niệm trí tuệ, ở nơi vắng lặng.

Định có mấy loại?

Định có 2 loại: thế gian định và xuất thế gian định. Được các Thánh quả thuộc xuất thế gian định. Ngoài ra đều thuộc thế gian định. Các thứ thế gian định này còn hữu lậu, còn kết sử, còn trói buộc, là nước trôi, là tai ách, là che khuất, là cướp giới cướp chính kiến, là chấp thủ, là phiền não. Đó gọi là thế gian định. Trái ngược lại đó gọi là xuất thế định.

Lại nữa, định có 2 loại là tà định và chính định.

Thế nào là tà định?

Nhất tâm bất thiện là tà định. Nhất tâm thiện là chính định. Tà định cần phải đoạn trừ. Chính định cần phải tu tập.

Lại nữa, định có 2 loại là ngoại định và an định. Phần định mới khởi đầu gọi là ngoại định. Tự nhiên, trừ được sự gián đoạn ngăn cách gọi là an định.

Lại nữa, định có 3 loại là:

1. Định có giác có quán.
2. Định không giác ít quán.
3. Định không giác không quán.

Thể nào là định có giác có quán?

Đó là Sơ thiên có giác có quán. Nhị thiên không giác mà còn chút ít quán. Ngoài ra các thiên còn lại thì không giác không quán.

Lại nữa, định có 3 loại là:

1. Cọng hỷ sinh định.
2. Cọng lạc sinh định.
3. Cọng xả sinh định.

Sơ thiên và Nhị thiên là cọng hỷ sinh. Tam thiên là cọng lạc sinh. Tứ thiên là cọng xả sinh.

Lại nữa, định có 3 loại là:

1. Thiện định.
2. Báo định.
3. Sự định.

Thể nào là thiện định?

Người tu học Thánh đạo, và phạm phu tu Sắc định và Vô sắc định, gọi là thiện định. Còn người tu học Thánh quả và phạm phu sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc, gọi là báo định. Bậc vô học thụ Sắc định và Vô sắc định, gọi là sự định.

Lại nữa, định có 4 loại là:

1. Dục định.
2. Sắc định.
3. Vô sắc định
4. Vô sở thụ định.

Tất cả các thực hành theo chính thụ, đó là Dục định. Bốn bậc thiên là Sắc định. Bốn bậc Vô sắc định và nghiệp báo thiên là Vô sắc định. Bốn đạo quả là vô sở thụ định.

Lại nữa, định có 4 cách tu hành là:

1. Độn trí khổ tu.
2. Lợi trí khổ tu.
3. Độn trí lạc tu.
4. Lợi trí lạc tu.

Bốn hạng người này thứ nhất là có nhiều phiền não sâu dày, thứ 2 phiền não thưa thớt, thứ 3 căn trí lanh lợi, thứ tư căn trí chậm lụt.

Với người độn căn nhiều phiền não sâu dày cần khổ tu hành thì độn trí mới được định. Với người lợi căn mà phiền não còn sâu dày, cần khổ tu thì lợi trí mới được định.

Với người độn căn mà phiền não thưa thớt, thì lạc tu hành độn trí cũng được định. Với người lợi căn mà phiền não thưa thớt, thì lạc tu hành lợi trí sẽ được định.

Như thế, người phiền não sâu dày, vì còn phiền não sâu dày cần phải dùng khổ chiết phục phiền não, do đó phải cần khổ nhọc tu hành. Người độn căn, vì căn khí chậm chạp, cần hành thiền lâu dài tích lũy mới đánh thức trí ám độn, do đó độn căn cũng gọi đó là độn trí. Dùng phương tiện đó để phân biệt tất cả.

Lại nữa, định có 4 loại:

1. Định nhỏ việc nhỏ.
2. Định nhỏ việc vô lượng.
3. Định vô lượng việc nhỏ.
4. Định vô lượng việc vô lượng.

Thế nào là định nhỏ việc nhỏ?

Là định không tùy theo tâm mà được, vì định ít tinh tiến, đó gọi là định nhỏ việc nhỏ.

Thế nào là định nhỏ việc vô lượng?

Là định không tùy theo tâm mà được, việc ấy nhiều tinh tiến, đó gọi là định nhỏ việc vô lượng.

Thế nào là định vô lượng việc nhỏ?

Là định tùy theo tâm được, việc ấy nhỏ ít tinh tiến, đó gọi là định vô lượng mà việc nhỏ.

Thế nào là định vô lượng việc vô lượng?

Là định đã tùy theo tâm được, định ấy vận dụng với nhiều tinh tiến, đó gọi là định vô lượng việc vô lượng.

Lại nữa, định có 4 loại:

1. Dục định.
2. Tinh tiến định.
3. Tâm định.
4. Tuệ định.

Dục định là y theo ý muốn mà tu thì được định, gọi là dục định.

Dựa theo tinh tiến mà tu được định gọi là tinh tiến định.

Dựa theo tâm mà tu được định gọi là tâm định.

Dựa theo trí tuệ mà tu được định gọi là tuệ định.

Lại nữa, định có 4 loại:

1. Có định Phật được Thanh văn không được.
2. Có định Thanh văn được mà không phải chỗ Phật được.
3. Có định Phật được Thanh văn cũng được.
4. Có định không phải chỗ được của Phật cũng không phải chỗ được của Thanh văn.

Định đại bi, định song biến là chỗ được của riêng Phật, Thanh văn không đạt được.

Định về quả vị của hữu học là chỗ được của hàng Thanh văn, không phải của Phật.

Định 9 thứ lớp và định về quả vị của vô học là chỗ được của Phật và Thanh văn.

Định vô tướng không phải là chỗ được của Phật và Thanh văn.

Lại nữa, định có 4 loại:

1. Có định là nhân khởi không là nhân diệt.
2. Có định là nhân diệt không là nhân khởi.
3. Có định là nhân khởi cũng là nhân diệt.
4. Có định không là nhân khởi cũng không là nhân diệt.

Hỏi: Thế nào là nhân khởi không là nhân diệt?

Đáp: Định thiện và định bất thiện ở cõi Dục là định nhân khởi không là nhân diệt.

Định của 4 Thánh đạo là định nhân diệt không là nhân khởi.

Định thiện của hàng hữu học và của phạm phu ở cõi Sắc và cõi Vô sắc là định vừa là nhân khởi cũng là nhân diệt.

Tất cả quả định và sự định đều là định không là nhân khởi cũng không là nhân diệt.

Lại nữa, định có 4 loại:

1. Sơ thiền.
2. Nhị thiền.
3. Tam thiền.
4. Tứ thiền.

Lìa 5 triền cái, thành tựu giác, quán, hỷ, lạc, nhất tâm, đó là Sơ thiền.

Trong Sơ thiền lìa giác, quán, thành tựu 3 thiền chi, là Nhị thiền.

Trong Nhị thiền lìa thêm hỷ, thành tựu 2 thiền chi, là Tam thiền.

Trong Tam thiền lìa lạc, thành tựu xả và nhất tâm là được Tứ thiền.

Lại nữa, định có 5 loại:

1. Sơ thiền.
2. Nhị thiền.
3. Tam thiền.
4. Tứ thiền.
5. Ngũ thiền.

Ngũ thiền tức là 5 thiền chi là giác, quán, hỷ, lạc, và nhất tâm.

Lìa được 5 triền cái, thành tựu được 5 thiền chi, đó gọi là Sơ thiền.

Trong Sơ thiền lìa giác, thành tựu 4 thiền chi, đó gọi là Nhị thiền.

Trong Nhị thiền lìa quán, thành tựu 2 thiền chi, đó gọi là Tam thiền.

Trong Tam thiền lìa hỷ, thành tựu 2 chi còn lại, đó là Tứ thiền

Trong Tứ thiền lìa lạc, thành tựu xả và nhất tâm, thì được Ngũ thiền.

Hỏi: Tại sao nói Tứ thiền với Ngũ thiền?

Đáp: Vì tùy theo 2 hạng người chấp khác nhau mà Nhị thiền phân biệt có 2 loại: loại không giác không quán, và loại không giác mà còn chút ít quán.

Hỏi: Bằng cách nào người ngồi thiền từ Sơ thiền tự tại khởi Nhị thiền?

Đáp: Nơi thô giác quán, người ngồi thiền nhiếp niệm tư duy, thấy các bất lợi của giác quán, liền khởi vô giác quán của Nhị thiền. Bằng cách đó, người ấy tuần tự tu tiếp cho đến Tứ thiền.

Lại có người khác cũng từ Sơ thiền chuyển khởi sang Nhị thiền. Người ấy từ thô giác nhiếp niệm tư duy, nhận chỗ bất lợi của giác, thấy vô giác mà còn chút ít quán, nên khởi nhập Nhị thiền. Theo đó, người này tuần tự tu cho đến Ngũ thiền. Vì vậy nói đến Ngũ thiền.

Lại nữa, có 5 loại định được gọi là 5 phần chính thụ. Đó là:

1. Hỷ mãn chính thụ.
2. Lạc mãn chính thụ.
3. Tâm mãn chính thụ.
4. Quang mãn chính thụ.
5. Quán tưởng chính thụ.

Nơi Sơ thiền và Nhị thiền, tràn đầy hoan hỷ.

Nơi Tam thiền, tràn đầy an lạc. Biết được tâm của kẻ khác là tâm mãn. Được thiên nhãn thông là quang mãn. Theo các định khởi trí quán sát, đó là quán tưởng.

Lại nữa, định có 5 loại gọi là 5 trí chính định:

1. Định đó do quả báo an lạc trong hiện tại và vị lai, dựa vào thân trí khởi định này.

2. Định đó được bậc Thánh thực hành, không còn phiền não.

3. Định đó được người trí tuệ tu tập.

4. Định đó yên vắng, khoái lạc, khinh an nhưng vẫn còn chưa khuất phục được việc sinh tử.

5. Định đó niệm nhập niệm khởi dựa vào thân trí khởi.

Lại nữa, đã phân biệt phạm vi của định, sự tu hành với các giai đoạn đầu, giữa và cuối, biết định có nhiều loại như vậy, nên có thể biết tất cả định đều qui về 4 định.

Phẩm 5: TÌM THIỆN TRI THỨC

Hỏi: Bây giờ làm sao khởi định?

Đáp: Người mới tập ngồi thiền, nếu muốn khởi thiền định phải tìm gặp thiện tri thức giỏi. Bởi vì sao? Vì người mới tập thiền muốn sinh thiền được định vượt trội mà xa lìa thiện tri thức thì không được trụ phần. Như trong kinh nói: Có Tỳ-kheo tên Vân kia gặp phải thoái phần, như người lữ khách đơn độc trên một đất xứ xa lạ, không bạn bè chỉ dẫn, như con voi không có cây móc câu kèm thúc. Nếu người tu hành ngồi thiền gặp được thiện tri thức thuyết giáo dạy khiến thụ trì tránh được lỗi lầm, khiến được thiện pháp, theo đó tinh cần khổ hạnh sẽ được định vượt trội nhất, như người chủ buôn giàu có được mọi người kính trọng, như một người thân thiện, như cha mẹ mình. Người thiện tri thức như dây buộc voi không cho động đậy, như người đánh xe muốn xe chạy hay ngừng tùy ý, như kẻ lái thuyền cho đi đúng đường, như thầy thuốc trị bệnh làm tiêu khổ sở, như trận mưa tưới nhuần muôn vật, như mẹ nuôi con, như cha dạy con, như người thân không tai nạn, như bạn bè giúp ích, như thầy dạy bảo. Tất cả pháp lành theo đó được thành tựu viên mãn.

Cho nên Thế Tôn bảo Nan-đà rằng: Tất cả Phạm hạnh đều do thiện tri thức. Vì vậy phải tìm được người thắng thiện mà kết tình bằng hữu.

Thế nào là người tri thức thắng thiện?

Đó là hạng người thành tựu sự thông hiểu thấu đáo Kinh Tạng, Luận Tạng và Luật Tạng. Đó gọi là thành tựu chỗ sở đắc. Lại hiểu rõ nghiệp chủng, được thần thông, thấu suốt 4 đế. Hai hạng người này đã thành tựu công đức cần phải tìm gặp.

Nếu không gặp được người thành tựu công đức như trên, thì nên tìm gặp những người có 7 phần thành tựu.

Bảy phần là những gì?

Đó là: đáng kính ái, đáng trọng, đáng quý, có khả năng giảng thuyết, nhẫn nhục, nói lời sâu xa, không ở nơi không phải chỗ.

Thế nào là đáng kính ái?

Là như 2 người tu hành dùng thiện tâm ở chung, cùng nhau lý giải Phật pháp không gây khó khăn. Đó là đáng kính ái.

Đáng trọng là giới hạnh thanh tịnh, thành tựu chính niệm, không ham nói nhiều. Đó là đáng trọng.

Đáng quý là thành tựu công đức văn tuệ, biết trọng việc ngồi thiền. Đó là đáng quý.

Có khả năng giảng thuyết là lời nói ra khả ái, đáng trọng, đáng quý, có hiệu quả, suy nghĩ đem lợi ích cho người, lại tôn trọng Phật pháp, không làm điều ác, nhiếp thụ chính tín không bao giờ bỏ. Đó là có khả năng giảng thuyết.

Nhẫn nhục là như bậc hiền thánh hiểu rõ ngay, không chút ngập ngừng, các lời nói nịnh hót, lời nói chung chung.

Nói lời sâu xa là thông đạt nghiệp xứ, phân biệt rõ tướng niệm, tác ý, chấp trước đều do sự chấp tướng mà ra, khéo giảng các điều đúng pháp, còn điều không đúng pháp, phiền não, chấp tướng, thì có thể khiến diệt bỏ. Đó là nói lời sâu xa.

Không ở nơi không phải chỗ là nơi quê cha đất tổ, nơi hành nghề mà nếu có đây nhiệm trước thì không nên ở cần phải lánh đi nơi khác, còn nơi nơi vô sự, ít có các việc trên, có thể được an ổn thì nên ở. Đó gọi là không ở những nơi không nên ở.

Người nào đã hội đủ 7 đức tính tốt vừa nói, là bậc thiện tri thức phải cần tìm gặp.

Hỏi: Tìm gặp thiện tri thức bằng cách nào?

Đáp: Nếu biết nơi trụ xứ nào thành tựu các công đức đáng trọng, nếu có thiện sư thì nên qua đó. Nếu mình không biết được mà các bạn đồng học ở nơi khác biết được, thì nên đến đó hỏi han. Gặp lúc hợp thời, theo đúng pháp, còn chưa nói thẳng ra ý định của mình, nên đến đấy, sau khi cung kính thăm hỏi, mới mở lời thưa: Ở xứ nào, ở vùng nào, có trụ xứ nào có tăng chúng ở, có tăng tọa thiền, tu hành công đức gì được mọi người quý mến? Nên thưa hỏi như thế. Đồng học đáp: Ở vùng đó, ở trụ xứ đó có tăng chúng ở, có thiện sư đó, được mọi người kính ái.

Nghe được như vậy, tâm rất hoan hỷ nghĩ phải đến gần gũi thụ học đó, liền lên đường đi đến nơi đã chỉ, để được gần gũi bên thiện sư mà tu hành. Rồi y phục chỉnh tề, đến Hoà thượng thân giáo sư, tự nói lên ý nguyện của mình: Bạch Hoà thượng, xin Hoà thượng cho phép con, con nay phải đến nơi thiện sư kia tham học. Hoà thượng bằng lòng đáp: Hay thay! Ta cũng tùy hỷ. Đây là việc làm của người thiện, cùng sống cùng tu hành theo chính pháp. Nếu nghe thấy như vậy là đã được lợi ích lớn, hướng hồ là được cùng ở chung. Ông nên đến đấy, đã đến đấy rồi, hãy cẩn thận chớ nên phóng túng. Nếu là người thiện có thể siêng năng tu học, không những trong nhất thời mà luôn luôn ở mọi thời, gia tăng lòng kính tín nơi bậc thầy của mình, lấy những lời dạy bảo mà giữ gìn nghiệp thân miệng, hiểu rõ tu hành sẽ được thành tựu. Mọi việc đều nương đúng theo thầy, không sinh

khinh lờn, vâng làm như cô dâu mới về phụng sự mẹ chồng, phải sinh lòng hổ thẹn khi nghe dạy bảo.

Nếu thấy có người đệ tử nào không đủ y phục, thuốc thang, nên theo đúng như pháp mà chăm sóc. Khi nghe thuyết pháp, cho đến việc giữ gìn tư thế đi, ngồi cho đúng thiện pháp, người ngồi thiền phải y phục tề chỉnh, cung kính đi nhiều và lễ lạy dưới chân thầy. Nếu đi nửa đường, bên ngoài vườn, thấy có nước muốn tắm thì đặt y bát, dép, đồ múc nước, các thiền cụ vào nơi cao không gần nước, rồi xuống tắm, không gây tiếng động. Tắm xong, y phục chỉnh tề, mặc áo Uất-đa-la-tăng, còn y bát, thiền cụ thì mang trên vai phải, áo Tăng-già-lê cuộn lại để lên vai.

Khi đi vào chùa, hạ cây dù xuống, đi nhiều quanh tháp. Nếu gặp Tỳ-kheo đến thì thưa hỏi: Nơi đây có người ngồi thiền chăng, có Tỳ-kheo mặc áo phấn tảo chăng, có người khát thực chăng, có luật sư chăng? Nếu không có thì các vị ấy hiện trụ ở đâu? Nên theo đường nào có thể đến được? Nếu có thì phải đến. Nếu không có các vị đó, mà có luật sư thì tôi muốn đến đó. Nếu không có luật sư, thì ai là vị Thượng tọa ở đây, tôi cũng muốn đến gặp.

Nếu gặp Thượng tọa đại tăng, nên cầm giữ y bát không trao, nếu gặp các vị khác còn trẻ mới trao y bát, còn nếu không có ai, thì đặt y bát vào một nơi nào đó. Khi gặp Thượng tọa, phải lễ lạy dưới chân, và đứng một bên. Một Tỳ-kheo cũ trong chùa theo đúng như pháp, cung cấp cho nước, chỉ nơi tắm rửa, chỗ cất y bát, nhà vệ sinh, cùng các chỉ dẫn khác. Cứ theo thông lệ, vị khách tăng đi xem vòng quanh bên trong chùa, trước khi mặt trời lặn.

Nếu được tiếp chuyện với luật sư, thì thưa hỏi về các tội còn nghi ngờ và các tội chưa phạm. Nếu gặp được luận sư A-tì-đàm nên thưa hỏi về việc tu tuệ, nên hỏi về nghiệp các âm, giới, nhập. Nếu gặp một sư Đầu-đà, nên thưa hỏi về công đức của Đầu-đà liên quan đến tu tuệ.

Nếu lưu lại tại chùa, thì mỗi ngày nên đi tham vấn mọi nơi. Khi muốn từ biệt ra đi, nên thu xếp ngọa cụ, đến lễ lạy dưới chân Đại tăng, bạch rõ lý do ra đi.

Đây là những pháp tắc ứng dụng cho khách Tỳ-kheo.

Nếu có thiền sư từ ngoài đến, dầu là người nhỏ tuổi, cũng phải đỡ lấy và cầm y bát cho người. Thiền sư có dạy những pháp môn tu hành, thì dù có thực hành được hay không thể thực hành, đều không thể buông bỏ hết. Đó là những điều người trước đã làm, mình phải thực hành tu tập.

Nếu muốn dạy cho người khác, trước mình phải học những hành pháp người ngồi thiền đã làm. Quan sát nơi trú xứ, tìm chỗ đặt y bát. Một lúc sau, khi biết đã đúng thời thì đến gần gửi thiền sư, cung kính lễ bái, xong ngồi yên trong giây lát. Nếu thiền sư có hỏi thì thưa trình chỗ mình mong muốn. Nếu không hỏi, thì không thưa trình.

Kể từ lúc ấy về sau, từ cây tắm cho đến nước tắm giặt, tất cả đều y theo chỉ thị của thầy mà thi hành. Đến giờ đi khát thực, nên thưa hỏi Xà-lê rồi làm theo đúng pháp. Đến giờ thụ thực, thì rửa chân cho Xà-lê, sửa soạn chỗ ngồi thụ bát. Tự mình dùng nhiều ít cũng phải thỉnh thị A-xà-lê trước. Khi A-xà-lê đem phần của mình chia sót cho đệ tử thì dùng bát tiếp nhận đúng như pháp không có gì khó khăn.

Khi ăn xong, đem bát của Xà-lê rửa và đặt đúng chỗ cũ. Biết đã đúng thời có thể thân cận bên thầy thì cung kính lễ bái, yên lặng ngồi một bên trong giây lát. Nếu Xà-lê hỏi thì tùy lời mà thưa chỗ mình mong muốn. Nếu được cho phép tùy ý hỏi thì lễ bái Xà-lê và thưa trình. Nếu không hỏi, thì lễ bái A-xà-lê. Khi thấy đúng thời thì xin được nói nguyên do mình đã đến đây. Nếu Xà-lê cho phép thì bạch rõ tất cả điều mong muốn. Xà-lê đáp: Tốt lắm! Tốt lắm! Cứ y như pháp đã dạy, hãy tiếp nhận thực hành.

Do đó, Thế Tôn có nói kệ rằng:

Đúng thời mà gần gũi,
 Khiến tâm không kiêu mạn,
 Phạm hạnh hộ chính pháp,
 Như cây không gió động.
 Niệm chính pháp tu hành,
 Là vui trong pháp lạc.
 Pháp trụ, pháp phân biệt,
 Giảng nói pháp như thật.
 Không nên hủy báng pháp.
 Lời thêu dệt buồn vui,
 Giận dữ, chớ lười biếng,
 Phẫn, hận, tham, kiêu, nghi,
 Luyện ái, cùng bạo ác,
 Tu hành ắt trừ được.
 Giữ nghĩa không tự cao,
 Biết thiện, lời thành thật,
 Vì định, nghe biết thật.
 Nếu ai sống phóng túng,
 Trí tuệ không tăng trưởng.
 Nếu ai biết chính pháp,
 Trời, người đều kính trọng.
 Cung kính thành tín tâm,
 Nghe nhiều, giữ gìn pháp,
 Khiến được nghe điều vui.
 Các công đức như vậy,
 Tùy pháp tu hành được.
 Được hiểu biết thù thắng,
 Thành tựu người trí tuệ.
 Gặp được thầy như thế,
 Phải tu, không phóng túng.

QUYỂN 2 HẾT

MỤC LỤC

SỐ 1644: LUẬN LẬP THỂ A TÌ ĐÀM

(Phật nói Luận A-tì-đàm về sự thành lập thế giới) 5

Quyển 7.....	5
Phẩm 21: Thụ Sinh.....	5
Phẩm 22: Thọ Lượng.....	23
Quyển 8.....	28
Phẩm 23: Địa Ngục.....	28
Quyển 9.....	65
Phẩm 24: Tiểu Tam Tai.....	65
Quyển 10.....	88
Phẩm 25: Đại Tam Tai.....	88

SỐ 1645: LUẬN CHƯƠNG SỞ TRI..... 107

Quyển Thượng.....	107
Phẩm 1: Khí Thế Giới.....	107
Phẩm 2: Tình Thế Giới.....	114
Quyển Hạ.....	128
Phẩm 3: Đạo Pháp.....	137
Phẩm 4: Quả Pháp.....	139
Phẩm 5: Vô Vi Pháp.....	146

SỐ 1646: THÀNH THẬT LUẬN..... 149

Quyển 1.....	149
Phẩm 1: Nhóm Mở Đầu Luận Phật Bảo, Trước Tiên Là Đức Tính Đầy Đủ ..	149
Phẩm 2: Mười Năng Lực.....	155
Phẩm 3: Bốn Vô Úy.....	158
Phẩm 4: Mười Danh Hiệu.....	163
Phẩm 5: Ba Không Hộ.....	166
Phẩm 6: Luận Pháp Bảo, Trước Tiên Là 3 Thiện.....	169
Phẩm 7: Các Giáo Pháp.....	171
Phẩm 8: Mười Hai Bộ Kinh.....	175
Phẩm 9: Luận Tăng Bảo, Trước Tiên Là Thanh Tịnh.....	178
Phẩm 10: Phân Biệt Hiền Thánh.....	179
Phẩm 11: Ruộng Phúc.....	184
Phẩm 12: Cát Tường.....	186

Quyển 2.....	187
Phẩm 13: Lập Luận.....	187
Phẩm 14: Các Môn Luận.....	189
Phẩm 15: Khen Ngợi.....	194
Phẩm 16: Bốn Pháp.....	198
Phẩm 17: Bốn Đế.....	201
Phẩm 18: Các Nhóm Pháp.....	206
Phẩm 19: Mười Luận: Trước Tiên Là Tướng Có.....	212
Phẩm 20: Tướng Không.....	217
Phẩm 21: Có 2 Đòi.....	219
Phẩm 22: Không Có 2 Đòi.....	221
Phẩm 23: Tất Cả Có Không.....	223
Quyển 3.....	224
Phẩm 24: Có Trung Âm.....	224
Phẩm 25: Không Có Trung Âm.....	225
Phẩm 26: Thứ Tự.....	227
Phẩm 27: Cùng Một Lúc.....	228
Phẩm 28: Thoái Lui.....	229
Phẩm 29: Không Thoái Lui.....	230
Phẩm 30: Tâm Tính.....	233
Phẩm 31: Tương Ứng Và Không Tương Ứng.....	234
Phẩm 32: Nghiệp Quá Khứ.....	235
Phẩm 33: Nói Về 2 Ngôi Báu.....	235
Phẩm 34: Vô Ngã.....	236
Phẩm 35: Có Ngã, Không Có Ngã.....	239
Phẩm 36: Sắc Tướng Trong Luận Về Sắc Của Nhóm Khổ Đế.....	244
Phẩm 37: Sắc Danh.....	245
Phẩm 38: Bốn Đại Giả Danh.....	246
Phẩm 39: Bốn Đại Thật Có.....	248
Phẩm 40: Không Phải Kia Cứng.....	250
Phẩm 41: Làm Sáng Tổ Bản Tông.....	256
Phẩm 42: Không Có Tướng Cứng.....	257
Phẩm 43: Có Tướng Cứng.....	258
Phẩm 44: Tướng Của 4 Đại.....	259
Quyển 4.....	265
Phẩm 45: Căn Giả Danh.....	265
Phẩm 46: Phân Biệt Căn.....	267
Phẩm 47: Căn Và Đại Đồng Nhau.....	269
Phẩm 48: Căn Vô Tri.....	272
Phẩm 49: Căn Trần Hợp Nhau Lia Nhau.....	277
Phẩm 50: Thanh Văn.....	285
Phẩm 51: Nghe Mùi.....	289

Phẩm 52: Biết Xúc	293
Phẩm 53: Ý	294
Quyển 5	297
Phẩm 54: Căn Không Quyết Định	297
Phẩm 55: Tướng Của Sắc Nhập.....	302
Phẩm 56: Tướng Của Tiếng	303
Phẩm 57: Tướng Của Hương	305
Phẩm 58: Tướng Của Vị	307
Phẩm 59: Tướng Của Xúc.....	307
Phẩm 60: Trong Thức Luận Của Nhóm Khổ Đế, Lập Không Số	309
Phẩm 61: Lập Có Số	310
Phẩm 62: Chẳng Phải Không Số.....	312
Phẩm 63: Chẳng Phải Có Số.....	313
Phẩm 64: Thuyết Minh Không Số	314
Phẩm 65: Không Tương Ứng.....	316
Phẩm 66: Có Tương Ứng.....	320
Phẩm 67: Chẳng Phải Tương Ứng	321
Phẩm 68: Nhiều Tâm	324
Phẩm 69: Một Tâm	326
Phẩm 70: Chẳng Phải Nhiều Tâm.....	327
Phẩm 71: Chẳng Phải Một Tâm.....	328
Phẩm 72: Thuyết Minh Nhiều Tâm	330
Phẩm 73: Thức Tạm Trụ	331
Phẩm 74: Thức Không Trụ.....	332
Phẩm 75: Thức Cùng Sinh	334
Phẩm 76: Thức Không Đồng Thời Cùng Sinh.....	334
Quyển 6	337
Phẩm 77: Tướng Ấm Trong Nhóm Khổ Đế.....	337
Phẩm 78: Tướng Của Thọ Trong Luận Về Thọ Của Nhóm Khổ Đế.....	340
Phẩm 79: Hành Khổ.....	342
Phẩm 80: Hoại Khổ.....	345
Phẩm 81: Luận Về 3 Thọ	347
Phẩm 82: Hỏi Về Thọ	352
Phẩm 83: Năm Thọ Căn	356
Phẩm 84: Luận Về Tư Trong Hành Ấm Của Nhóm Khổ Đế.....	359
Phẩm 85: Xúc.....	362
Phẩm 86: Niệm	364
Phẩm 87: Dục.....	366
Phẩm 88: Hỷ	367
Phẩm 89: Tin	367
Phẩm 90: Cần.....	368
Phẩm 91: Hồi Ưc	368

Phẩm 92: Giác Quán	369
Phẩm 93: Các Tâm Số.....	370
Quyển 7.....	372
Phẩm 94: Bất Tương Ứng Hành	372
Phẩm 95: Tướng Của Nghiệp Trong Luận Về Nghiệp Của Nhóm Tập Đế.....	375
Phẩm 96: Không Tạo Tác	376
Phẩm 97: Cố Ý Và Không Cố Ý.....	379
Phẩm 98: Tội Nhẹ Nặng	381
Phẩm 99: Nghiệp Lợi Lớn Nhỏ	383
Phẩm 100: Ba Nghiệp.....	385
Phẩm 101: Tà Hành	401
Phẩm 102: Chính Hành.....	403
Phẩm 103: Nghiệp Buộc	405
Quyển 8.....	410
Phẩm 104: Ba Nghiệp Báo.....	410
Phẩm 105: Ba Thứ Nghiệp Thụ Báo.....	413
Phẩm 106: Ba Chương	416
Phẩm 107: Bốn Nghiệp.....	419
Phẩm 108: Ngũ Nghịch.....	422
Phẩm 109: Năm Giới	423
Phẩm 110: Sáu Nghiệp.....	424
Phẩm 111: Bảy Bất Thiện Luật Nghi	433
Phẩm 112: Bảy Thiện Luật Nghi	435
Phẩm 113: Tám Giới Trai.....	438
Phẩm 114: Tám Thứ Lời Nói.....	440
Phẩm 115: Nghiệp.....	440
Phẩm 116: Mười Con Đường Bất Thiện.....	442
Quyển 9.....	451
Phẩm 117: Mười Thiện Đạo.....	451
Phẩm 118: Tội Lỗi	452
Phẩm 119: Ba Nghiệp Nhẹ Nặng	454
Phẩm 120: Nói Rõ Nghiệp Nhân	459
Phẩm 121: Tướng Của Phiền Não, Trong Luận Về Phiền Não Của Nhóm Tập Đế	462
Phẩm 122: Tướng Của Tham	464
Phẩm 123: Nhân Của Tham	466
Phẩm 124: Lỗi Của Tham	468
Phẩm 125: Dứt Trừ Tham	473
Phẩm 126: Sân Nhuế.....	474
Phẩm 127: Vô Minh.....	480
Quyển 10.....	487
Phẩm 128: Kiêu Mạn	487

Phẩm 129: Nghi	490
Phẩm 130: Thân Kiến	493
Phẩm 131: Kiến Chấp Một Bên	499
Phẩm 132: Tà Kiến	501
Phẩm 133: Hai Thủ	508
Phẩm 134: Tỳ Phiền Nảo	510
Phẩm 135: Bất Thiện Căn	510
Phẩm 136: Tạp Phiền Nảo	513
Phẩm 137: Chín Thứ Kết	523
Quyển 11	526
Phẩm 138: Các Câu Hỏi Khác	526
Phẩm 139: Dứt Lỗi	531
Phẩm 140: Thuyết Minh Về Nhân	534
Phẩm 141: Trong Nhóm Diệt Đế, Trước Tiên Lập Giả Danh	543
Phẩm 142: Tướng Của Giả Danh	547
Phẩm 143: Phá Chấp Cho Là Một	551
Phẩm 144: Phá Chấp Cho Là Khác	553
Phẩm 145: Phá Chấp Cho Là Bất Khả Thuyết	556
Phẩm 146: Phá Chấp Không	557
Phẩm 147: Thành Lập Không	558
Phẩm 148: Phá Chấp Về Âm Thanh	561
Phẩm 149: Phá Chấp Về Hương Vị Xúc	562
Phẩm 150: Phá Chấp Về Ý Thức	562
Phẩm 151: Phá Chấp Về Nhân Quả	563
Phẩm 152: Thế Đế	565
Quyển 12	567
Phẩm 153: Diệt Pháp Tâm	567
Phẩm 154: Diệt Tận	572
Phẩm 155: Định Nhân Trong Luận Về Định Của Nhóm Đạo Đế	574
Phẩm 156: Tướng Của Định	575
Phẩm 157: Ba Tam-Muội	578
Phẩm 158: Bốn Tu Định	581
Phẩm 159: Bốn Vô Lượng Định	583
Phẩm 160: Năm Nhánh Thánh Tam-Muội	590
Phẩm 161: Sáu Tam-Muội	591
Phẩm 162: Bảy Tam-Muội	594
Phẩm 163: Tám Giải Thoát	595
Phẩm 164: Tám Thắng Xứ	599
Phẩm 165: Sơ Thiền	600
Quyển 13	604
Phẩm 166: Nhị Thiền	604
Phẩm 167: Tam Thiền	608

Phẩm 168: Tứ Thiên.....	610
Phẩm 169: Vô Biên Hư Không Xứ.....	612
Phẩm 170: Ba Vô Sắc Định.....	616
Phẩm 171: Diệt Tận Định.....	619
Phẩm 172: Mười Nhất Thiết Xứ.....	626
Phẩm 173: Mười Tướng Vô Thường Tướng.....	628
Phẩm 174: Tướng Của Khổ.....	633
Phẩm 175: Tướng Vô Ngã.....	635
Quyển 14.....	637
Phẩm 176: Tướng Chán Ăn.....	637
Phẩm 177: Tướng Tất Cả Thế Gian Không Gì Có Thể Vui.....	639
Phẩm 178: Tướng Bất Tịnh.....	640
Phẩm 179: Tướng Về Sự Chết.....	643
Phẩm 180: Ba Tướng Sau.....	646
Phẩm 181: Năm Định Cụ Đầu Trong Các Định Cụ.....	647
Phẩm 182: Bất Thiện Giác.....	653
Phẩm 183: Thiện Giác.....	657
Phẩm 184: Năm Định Cụ Sau.....	664
Phẩm 185: Hơi Thở Ra Vào.....	669
Phẩm 186: Định Nạn.....	674
Quyển 15.....	680
Phẩm 187: Chỉ Quán.....	680
Phẩm 188: Tu Định.....	683
Phẩm 189: Tướng Của Trí Trong Luận Về Trí Của Nhóm Đạo Đế.....	690
Phẩm 190: Thấy Một Đế.....	700
Phẩm 191: Duyên Tất Cả.....	705
Quyển 16.....	712
Phẩm 192: Thánh Hành.....	712
Phẩm 193: Kiến Trí.....	714
Phẩm 194: Ba Tuệ.....	717
Phẩm 195: Bốn Trí Vô Ngại.....	725
Phẩm 196: Năm Trí.....	726
Phẩm 197: Trí 6 Thông.....	729
Phẩm 198: Trí Nhẫn.....	737
Phẩm 199: Chín Trí.....	738
Phẩm 200: Mười Trí.....	741
Phẩm 201: Bốn Mười Bốn Trí.....	746
Phẩm 202: Bảy Mười Bảy Trí.....	747
SỐ 1647: TỨ ĐỀ LUẬN.....	749
Quyển 1.....	749
Phẩm 1: Tư Duy Lựa Chọn.....	749
Phẩm 2: Lược Nói 4 Đề.....	770

Phẩm 3: Phân Biệt Khổ Đé 1	774
Quyển 2.....	788
Phẩm 3: Phân Biệt Khổ Đé 2	788
Phẩm 4: Tư Duy Về Tập Đé	803
Quyển 3.....	815
Phẩm 5: Phân Biệt Diệt Đé	815
Quyển 4.....	829
Phẩm 6: Phân Biệt Đạo Đé	829
SỐ 1648: LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (Con đường giải thoát)	862
Quyển 1.....	862
Phẩm 1: Nhân Duyên	862
Phẩm 2: Phân Biệt Giới	867
Quyển 2.....	890
Phẩm 3: Đâu-Đà.....	890
Phẩm 4: Phân Biệt Về Định	905
Phẩm 5: Tìm Thiện Tri Thức	915